

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1997

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TIỀN BIÊN

Tứ Nguồn gốc
tên năm 1427

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ

Ấn hành năm 1954
Tập 1

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư là một bộ sử kí của Việt Nam, viết bằng tiếng Việt, bắt đầu từ thời Hán, kết thúc vào cuối triều Nguyễn. Tác giả là Lê Văn Duyệt, với mục đích ghi lại lịch sử và văn hóa của đất nước Việt Nam.

Tổ chức công trình:

DUƠNG THỊ THẾ

Dịch và chú thích:

LÊ VĂN BÁY - NGUYỄN THỊ THẢO
DUƠNG THỊ THẾ - PHẠM THỊ THOA

Hiệu đính:

LE DUY CHUỐNG

Bạn đọc muốn có nguyên văn các bài trong Tạp chí TRI TÂN, xin liên hệ với:
TRUNG TÂM UNESCO THÔNG TIN TƯ LIỆU LỊCH SỬ - VĂN HÓA VIỆT NAM
Địa chỉ: 19E1, KHXH, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: 8 326 322

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHẠN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TIỀN BIÊN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1997

PHOTOGRAPH BY JONATHAN H. COHEN
PRINTED BY KODAK

DÀI VĨT SỰ KÝ TIẾN BIẾN

PHOTOGRAPH BY JONATHAN H. COHEN

LỜI GIỚI THIỆU

Cùng với *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Việt sử ký tiền biên* (DVSKTB) là một trong ba bộ quốc sử lớn của nước ta còn lại đến ngày nay.

Sau *Đại Việt sử ký toàn thư* khắc in và công bố vào năm Dinh Sửu niên hiệu Chính Hoa thứ 18, triều Lê Hy Tông (1697), DVSKTB là bộ quốc sử thứ hai được khắc in trong ba năm Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, hoàn thành vào năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Thành thứ 8 (1800) triều Tây Sơn.

Bộ sử 17 tập này được Sứ quán triều Tây Sơn cho khắc in trên cơ sở công trình biên soạn của sứ gia Ngô Thị Sí, được con ông là Ngô Thị Nhậm tu định, thực sự là một thành tựu quan trọng về sử học của vương triều tiến bộ nhưng quá ngắn ngủi ấy.

Tác giả Ngô Thị Sí (1726-1780) là một nhà thơ, nhà văn, nhà sử học, nhà văn hóa lớn của nước ta ở thế kỷ XVIII, mà các tác phẩm cũng như công trình biên khảo đều toát lên một tinh thần yêu nước nồng nàn, đồng thời cũng thể hiện một trình độ học vấn uyên bác, một thái độ trị học nghiêm túc, giàu tinh thần phê phán. Trên phương diện sử học, DVSKTB cũng như *Việt sử tiêu án* của ông đều là những công trình như vậy.

Con ông, Ngô Thị Nhậm (1746-1803) - người biên tập và tu định văn bản - là một trí thức lớn, sống suốt và nhạy bén, đã sớm tham gia phong trào Tây Sơn, cộng tác dâng lực và trung thành với Quang Trung Nguyễn Huệ, đồng thời đã cống hiến cho văn hóa nước nhà nhiều công trình sáng giá : *Hàn các anh hào*, *Hy Doan thi văn tập*, *Bang giao hảo thoại*, *Xuân Thu quán kiến*, *Trúc Lâm tông chí nguyên thanh...*

DVSKTB, về phương tiện sử liệu, căn bản dựa theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng giá trị chủ yếu là ở những bình luận sắc sảo và những vấn đề tác giả nêu lên để định chính hoặc đánh giá lại.

Tu cách xếp Triệu Đà thành "Kỳ ngoại thuộc Triệu Vũ Đế", đến việc không đặt Sí Nhiếp thành một kỳ riêng, không gọi Sí Nhiếp là Sí Vương v.v..., tác giả đều tỏ rõ quan điểm độc lập của mình.

Tinh chất sử luận đậm nét trong ngót năm trăm "lời bàn" của các sứ gia nổi tiếng đời trước như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Tung, Ngô Sí Liên và của chính tác giả, ở đó toát lên lòng tư hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc.

Ngày nay đọc lại, chẳng hạn, đoạn bình luận về Hai Bà Trưng, lập luận chất chẽ mà sắc bén, văn phong súc tích giàu chất trữ tình còn khiến ta xúc động và cảm phục

"Không gì khó thu phục bằng nhân tâm, không gì khó nắm vững hơn thế nước. Nhưng điều khó hơn nữa là dàn bà mà tập hợp được cả dàn chúng trai tráng làm đồng chí. Nước ta bị nội thuộc đã lâu, sự phục tòng pháp chế của ta đã quen, người Trung Hoa cho là yên, rất coi thường cách cai trị của các quan tướng họ. Những điều oán hận chất thành gò, họ gạt đi cho là tâm địa trẻ con, thường khi nghe đến chuyên nổi dậy thì họ cho là Phương Nam không phải dát dung võ mà người thì nhút nhát. Lại chính lúc nhà Hán vừa trung hưng, đồng bào người chí Dũng, ai dám đưa chút thâm hèn mọn chạm vào con tức giận của hùm bao.

Thế mà Bà Trưng là dàn bà goá bùi cao mỏ tóc, trai tráng trong nước đều cùi đầu nghe bà chỉ huy, những người lớn ở năm nươi mấy thành cũng phải nín hơi không dám trái lệnh. Lưu Văn từng diệt được quân hùng, chống nổi đại dịch, lại được quyền họp binh sai tướng, cấp dù xe thuyền lương thực, thế mà phải ăn trưa ngủ muộn, đốc cả vào việc cơ mưu. Mã Phục Ba từng làm cò nước Tiên Linh, phá tan đất Tam Lang một cách dễ dàng, thế mà khi sang đóng dồn ở Lang Bạc phải náu quân gò ngựa di chèm, giấu xe dưới chèm, bụng lõ rǎu ngay ngáy, miệng nói nằng dề dat. Tiếng tăm của hai bà chấn động cả Di Hạ ; cơ nghiệp của hai bà dọc ngang khắp trời đất Ói, anh hùng quá !..."

Tóm tai. DVSKTB là một bộ quốc sử có giá trị về nhiều mặt. Các nghiên cứu viên Dương Thị Thé, Lê Văn Bay, Nguyễn Thị Thảo, Phạm Thị Thoa ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã dành nhiều năm lao động học thuật cần cù và bền bỉ để hoàn thành việc biên dịch và khảo chú. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của Nhà xuất bản Khoa học xã hội, bộ sách được xuất bản kèm theo nguyên tác chữ Hán để tiện kiểm tra đối chiếu.

Tôi trân trọng giới thiệu bản dịch DVSKTB này với độc giả trong và ngoài nước. Các dịch giả đã cố gắng hết sức, song sai sót là điều khó tránh khỏi, mong được độc giả vui lòng chỉ giáo. Ý kiến xin gửi về Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 99B Đặng Tiến Đông - Đông Da - Hà Nội.

Xuân Ất Hợi 1995

PHAN VĂN CÁC

Viện trưởng Viện nghiên cứu Hán Nôm

DẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

TÌNH TRẠNG VĂN BẢN - ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG - GIÁ TRỊ TÁC PHẨM

Dại Việt sử ký tiền biên (DVSXKB) của danh gia Ngô Thì Sĩ được con là Ngô Thì Nhậm sửa sang dâng vua cho in năm Canh Thân (1800), niên hiệu Cảnh Thịnh đời vua Quang Toàn vương triều Tây Sơn còn lại đến ngày nay là 1 trong 3 bộ quốc sử lớn của nước ta (*Dại Việt sử ký toàn thư*, *Dại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*).

I. TÌNH TRẠNG VĂN BẢN.

1. Văn dãy dì bản:

Sơ bộ điều tra, DVSXKB hiện còn 13 bản lưu giữ ở các nơi sau:

- (1) Pari Pháp 3 bản, trong đó có 1 bản viết.⁽¹⁾
- (2) Thư viện Viện Sử học Hà Nội 2 bản in.
- (3) Thư viện Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội 1 bản in.
- (4) Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm Hà Nội 7 bản in.

Trong số 13 bản trên chỉ có 1 bản ký hiệu A2/1 - 7, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm là đủ 17 quyển. Các bản khác đều thiếu ở các mức độ khác nhau. So sánh đối chiếu các bản in không thấy có sự khác nhau về khuôn khổ, khuôn chữ, nội dung. Song có đôi chút sửa đổi ở tờ mặt. Cần cứ vào sự sửa đổi đó chúng tôi chia làm 3 loại:

a) Loại còn đầy đủ các chi tiết trên tờ mặt của lần in đầu tiên có khung trang trí 2 rồng chầu mặt trời, xung quanh có hoa văn, giữa có 6 chữ lớn 大越史記前編 (Đại Việt sử ký tiền biên), bên phải là 6 chữ nhỏ hơn 越史記前編 (Sử quán khâm phụng biên định); bên trái có 6 chữ 化成堂藏板 (Bắc thành học đường tàng bản). Cuối bài dề từ là dòng niên đại 皇朝景盛萬葉之物仲秋廿四日 (Hoàng triều Cảnh Thịnh vạn vật chi bát trọng thu nguyệt vọng nhật). Loại này hiện nay chưa tìm thấy.

b) Loại tờ mặt chưa sửa nhưng dòng niên đại ở cuối bài dề từ bị đục 2 chữ "Cánh Thịnh". Loại này chắc chắn được in lần thứ 2 vào thời đầu đời Gia Long, người có nhiều thù hận với Tây Sơn. Loại này hiện nay còn có đủ 1 bản đủ 17 quyển ký hiệu A2/1 - 7 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

1. Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đê yếu, Tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội-1993, tr 525.

c) Loại tờ mat có sửa chữa, không trang trí hình rồng, hoa văn, 6 chữ "Sử quan khám phung biên định" và 2 chữ "Bắc Thành" đã bị đục bỏ. Hai chữ "Cánh Thịnh" của dòng niên đại sau bài đẽ cũng bị đục bỏ. Loại này chắc được in lần thứ 3 vào đời Minh Mệnh khi Bắc Thành đã được đổi thành Hà Nội. Loại này hiện còn 4 bản thiếu ở mức độ khác nhau, lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm 2 bản, Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội 1 bản, Viện Sử học 1 bản.

Những bản khác đều mất tờ mat và cũng thiếu ở các mức độ khác nhau. Như vậy ĐVS KTB không còn dì bản. Trong số 13 bản trên chúng tôi chọn bản in lần thứ 2 đầy đủ nhất (17 quyển), ký hiệu A2/1 - 7 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm để biên dịch và chú thích.

2) Tác giả và niên đại biên soạn tác phẩm:

Sách có bài đẽ từ song không ghi tên tác giả, có dòng niên đại sau bài đẽ từ lại bị đục niên hiệu. Bởi thế vẫn để niên đại và tác giả của tác phẩm cần phải nghiên cứu xác định. Trước hết ta hãy xét bài đẽ từ của chính tác phẩm và bài Kim tiên của họ Ngô.

a) Bài đẽ (từ):

"Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1798), vua ta lên ngôi ban chiếu cho quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tú thư và các sử để ban hành trong thiên hạ. Trong đó, bản in kinh truyền cù qua thu thập điểm lại còn được sáu phần mươi. Trong đó có bản in mục nát một an phải gia công bổ khuyết. Duy có nguyên bản *Dai Việt sử ký* đều đã thất lạc. Nhận các sách còn lại của các quan viết sử dời trước chia lại biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển. Mùa thu năm Canh Thân (1800), san định xong sắp xếp cẩn thận thành từng tập kinh dâng vua xem. Vâng mệnh cho phép lưu giữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra lưu hành để tiên cho người học."

Về quốc sử từ ngoại kỷ An Dương Vương năm Nhâm Tuất trở xuống đến bản kỷ thuộc Minh năm Dinh Mùi trở lên gồm 4354 năm. Theo sách *Xuân Thu nguyên mệnh bao thi* năm Hoàng Đế thứ 8 Giáp Tuất là Giáp Tý thứ nhất; giữa thời Hùng Vương đến thời thuộc Minh năm Dinh Mùi, Tuyên Tông, Tuyên Đức, thứ 2 là Giáp Tý thứ 69. Vâng mệnh lấy tên là *Dai Việt sử ký tiền biên* và liệt kê mục lục niên biểu thế thứ các dời cùng với các nhà làm quan viết sử thời trước theo thứ tự trên đầu sách để đợi người tra xét và chứng minh.

Ngày rằm tháng giữa thu niên hiệu [Cánh Thịnh] thứ 8 Hoàng triều muôn năm.

b) Tờ Kim tiên trong Ngô gia văn phái.⁽¹⁾

"Vâng mệnh cha tôi truyền bảo làm thay tờ Kim tiên nói về bộ Quốc sử đã khắc xong, dâng cúng tiên tổ Ngô Phong công Nay buổi giao thời, vận đương hanh thái, nghiệp to lớn vững tưa [Thái Sơn]. Kính nghe Hoàng thượng ta nay để lòng đến cổ điển, đặc

⁽¹⁾ Bài Kim tiên này trích trong *Ngô gia văn phái* tập *Dương Chuyết* thi văn của Tịnh Trai công. Tịnh Trai công là tên hiệu của Ngô Thị Diển, con trai Ngô Thị Nhâm, cháu đích tôn Ngô Thị Sĩ vâng lời cha viết tờ Kim tiên, lá thư dâng cúng tổ tiên cáo việc bộ Quốc sử đã làm xong

承嚴命，國史刻成。代擬上先祖午峰公金箋。

茲者，泰開文運，盤蕪鴻圖，欽奉今
上，留情古典，特詔重鑄國史。兒預列裁
筆，謹以家藏趙史一部，送上國館。謹旨
校定，付工銅梓。閱戊午己未庚申三秋
鑄完，退覽，欽奉宸旌凝注，溫旨優復，仰
手澤之遺文，庶思繼志，造仙山之誕節。
只告慶成，謹奉金箋稱賀者。

伏審文垂降世，經天緯地之心恩。
學海統宗，內聖外王之彝訓，元音發秘。
弘潤流光，恭惟。

先親（官），蘊藉六經，含藏八哲，禮
樂詩書存講貫。正學恢賢聖之淵源。文章儼
事業啟繩承。崇基拓侯王之門戶。譽集
儒林標標準。文義思七七以史衡。精神之所
暨世遠征，阮楊雄略迄。丁幕太史，丁
賦子實用。示諸生，立斷例。董明泰于獎
勵，斷例立。達良善，雍刑學。皇聲傳
於山，大泗水之闢。洋對顯容，有眼。
仰瞻無衍，疆之根基。仰
之根基。

吳家文藻，養拙詩文。



Tờ mặt bản in lần thứ 2, chưa sửa chữa



Tờ mặt bản in lần thứ 3, có sửa chữa

chiếu cho khắc in lại bộ Quốc sử. Con cũng đưa vào hàng sửa chép Kinh để bô sù của nhà ta chưa riêng, dê lên Quốc sử quan, tuân chỉ sửa định lai, giao cho thợ khắc in. Trải qua ba năm: Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân (1798 - 1800) khắc xong dâng lên ngự lâm Kinh được hoàng thương coi đọc, ha chỉ ngợi khen. Áng văn chương để lại của tổ tiên, những mong nối chí, nơi tiên sơn vừa ngày sinh nhật, kinh cáo thành công. Kinh vẫn dâng Kim tiên chúc mừng

Cứu nghĩ: Sao Khuê giáng xuống trần thế, lòng nghĩ toàn đọc đất ngang trời; biển học tóm vè chính thông, huân thường là ngoài vương trong thánh. Tiếng nói ban đâu phát hiện huyền bí, đức sáng để lai kháp nơi thám nhuần.

Kinh nghĩ: Tiên phu [quan tuoc] học uẩn súc sáu kinh, đa bao hàm tâm cõi. Lẽ nhạc thi thư vẫn còn giảng đọc, chính học mà rông nguồn gốc của thành hiền thuở xưa. Văn chương chính sự mà lôi noi theo, nên cao mà mang nhà cửa của vương hau bao kề. Danh dư thay cho rừng nho mầu mực; văn nghĩa nghị Sử quán phẩm bình Biên niên hợp cả Lê Phan và Dương, Nguyễn các nhà, mười bảy quyển ngũ tâm thuật tinh thần vào trong đó, các đời Hung Lạc đến Dinh, Lê trở xuống bốn ngàn năm có điển chương văn vật dù làm bang Chép thẳng tay nêu tiếng Thái sử, Đồng Hồ⁽¹⁾ nêu nghĩa lớn khác đâu Từ Dương, Tư Mã⁽²⁾. Bon tặc tú loạn thân đã giết chết, lệ phản đoán rõ như hình thư ở sông Tứ⁽³⁾ ngày xưa, lấy dai thực dung bào học trò, các điển yếu dung nên sử học như Thái sơn vững chae. Pho sách quý khắc in vừa doan, chôn cửa vàng⁽⁴⁾ sửa soạn dâng lên Gương chính tri rõ ràng, sách uyên thâm xứng với lời vua khen ngợi. Tiếng truyền tung cảng nhiều, sách trong vách⁽⁵⁾ dùng làm khuôn mẫu cho nhân tài. Kinh hoà trên đối với chân dung Thám tuy kinh nêu làm bào huân

Cứu mong: Tinh linh xét đến mãi mãi, ngưỡng vọng rất là tín thành. Điển thường trung chính được phát huy, mến mache của dai phương dài mãi, công dụng phù trì nhờ giúp đỡ, cản cơ lưu truyền mãi không cùng.⁽⁶⁾

Qua nội dung bài đê từ, bài Kim tiên và sách hiên còn, ta rút ra những điểm sau:

1) Tên sách: Bài đê từ viết: "Vàng mènh lây tên là Đại Việt sử ký tiền biên". Tên sách in còn lai mang tên *Dai Viet su ky tien bien*

2) Nội dung, số lượng quyển: Bài đê từ nói "...biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân là Ngoại kỷ; từ Dinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển". Bài Kim tiên viết: "Mười bảy quyển ngũ tâm thuật tinh thần vào trong đó. Các thời Hung Lạc đến Dinh Lê trở xuống, bốn ngàn năm có điển chương văn vật dù làm bang". Sách hiên còn cũng gồm 17 quyển

1. Tên quán chép sử nước Tân thời Xuân Thu có tiếng là chép sử thẳng thắn

2. Nhị Chu Hỷ dạy học làm sử nên người ta dùng để gọi thay cho Chu Hỷ. Tư Mã Tuc Tư Mã Thiên, Tư Mã Quang là nhà viết sử

3. Nỗi Không Tú giảng bài và làm kinh Xuân Thu.

4. Chỉ điện nhà vua.

5. Sách him được trong vách nhà họ Không y nơi sách Xuân Thu

6. Xem Trần Văn Giáp - *Tóm lược khái quát Hán Nôm*, Tập I, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1984, tr. 88.

皇朝

嘗

萬萬年之及仲秋月望日

Hai chữ "景、盛" đã bị đục bỏ

戊午春我
皇上龍張二年

詔欲北搬宮刊刻五經四書言諸史欲行天
下內經傳印本經奉搜檢見存者十
之六間有朽蠹再加督工補缺惟大越
史記原本並亡失落仍編輯前代史官
諸家遺書類編自鴻臚氏至吳使君爲

外紀自丁生空至屬明紀爲本紀該拾
宋卷庚申秋刊完聚潢成帙奉

上進

御覽奉准畱時各本在北坡學堂印行以便
學者其國史自外紀涇陽王壬戌年以
下至本紀屬明丁未年以上凡四千三
百五十四年奉接春秋元命苞起革甯
六年甲戌爲第一甲子當雄主之中葉

乙酉丙戌丁亥戊子己丑庚寅辛卯壬辰癸巳

甲子奉願爲大越史記前緣並臚列歷

代世次年表目錄與前代史互詣家姓

氏編次於端駕等者證

3) Thời gian san định đưa khác in Bài đê từ có đoạn viết: Mua xuân nam Mậu Ngọ (1798), vua ta lén ngói ban chiếu cho quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tú thư và các sử để ban hành trong thiên hạ... Mùa thu nam Canh Thân (1800), san định xong sắp xếp cẩn thận thành từng tập kinh dâng vua xem Vàng mènh cho phép lưu giữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra lưu hành để tiện cho người học".

Bài Kim tiên viết: "Trải qua 3 năm Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân (1798 - 1800) khắc xong dâng lên ngự lâm".

Cả 2 bài đều đưa ra thời gian san định khác in là 3 năm.

4) Về tác giả: Bài Kim tiên có đoạn: "Vàng mènh cha tôi truyền báu làm thay tờ Kim tiên nói về bộ Quốc sử đã khắc xong, dâng lên cung tiên tổ Ngô Phong công.. Áng văn chương dể lại của tổ tiên , những mong nối chí noi tiên sơn vừa ngày sinh nhật kinh cáo thành công. Kính cẩn dâng Kim tiên chúc mừng".

Như trên đã trình bày, rõ ràng giữa bài Kim tiên, bài đê từ và tác phẩm có sự trùng hợp về tên sách, tác giả, thời gian san định cũng như nội dung.

Vậy là vẫn đề đã sáng tỏ: Tác giả của bộ Quốc sử *Đại Việt sử ký tiền biên* này in thời Tây Sơn là của Ngô Thủ Sĩ Ngô Phong công, một sứ thần triều Lê Cảnh Hưng. Còn Ngô Thủ Nhâm con trai Ông chỉ góp công sửa chữa dính chính dâng vua cho in

Ngô Thủ Sĩ (1726 - 1780), là người làng Tà Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam nay là tỉnh Hà Tây. Ông đỗ Hoàng giáp khoa Bình Tuất (1766), niên hiệu Cảnh Hưng. Ông làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử, làm đốc trấn Lang Sơn kiêm Quốc sử hiệu chinh. Hiệu là Ngô Phong cư sĩ . Ông soạn sách *Việt sử tiêu án*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và nhiều tập thơ, văn để lại cho đời.

II. NỘI DUNG TÁC PHẨM ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

Gồm 17 quyển đóng thành 7 sách, khổ 29 x 18cm, 1372 trang, tác giả Ngô Thủ Sĩ, in năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800) ván in gỗ. Bắc Thành học đường tàng bản. Tờ mặt chạm hình rồng cháu mặt trời và hoa văn xung quanh, giữa có 6 chữ to "Đại Việt sử ký tiền biên" bên trái có 6 chữ nhỏ hơn "Sử quán khám phụng biên định"; bên phải là 6 chữ "Bắc Thành học đường tàng bản". Tiếp theo là "Đại Việt sử ký tiền biên mục lục đê từ". Cuối bài là dòng niêm đại "Hoàng triều [Cảnh Thịnh] vạn van niên chi bát trọng thu nguyệt vọng nhật".

Tiếp theo là sơ đồ quốc thông khi chia khí hợp qua các đời và sơ đồ các vua truyền kế. Tiếp là mục lục sách, họ tên, quê quán, quan chức của các sứ thần Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên (thời Trần), Ngô Sĩ Liên, Lê Tung, Nguyễn Nghiêm và Ngô Thủ Sĩ. Kết thúc phần này là bài tổng luận của Lê Tung

Phân chính sử gồm 17 quyển. Trong đó 7 quyển đầu là Ngoại kỷ; 10 quyển sau là Bản kỷ. Phần Ngoại kỷ chép từ họ Hồng Bàng năm Nhâm Tuất (2879 tr. C.N) đến Bản kỷ thuộc Minh năm Dinh Mùi (rồi lên gồm 4354 năm

Ngoại kỷ 7 quyển:

Quyển 1: Kỷ Hồng Bàng thi, Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương bắt

đầu từ năm Nhâm Tuất đến năm Quý Mão, tổng cộng là 2622 năm. An Dương Vương bắt đầu năm Giáp Thìn, kết thúc năm Quý Ty gồm 50 năm.

Quyển II: Kỳ Ngoại thuộc Triệu bắt đầu từ năm Giáp Tý kết thúc là năm Canh Ngọ gồm 97 năm.

Quyển III: Kỳ Nội thuộc Tây Hán bắt đầu là năm Tân Mùi kết thúc là năm Kỷ Hợi gồm 149 năm. Kỳ Trưng Nữ Vương bắt đầu là năm Canh Tý, kết thúc là năm Nhâm Dần gồm 3 năm. Kỳ Nội thuộc Đông Hán từ năm Quý Mão kết thúc năm Kỷ Sửu gồm 167 năm.

Quyển IV: Kỳ Nội thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương bắt đầu là năm Canh Dần, kết thúc là năm Canh Thân gồm 323 năm.

Quyển V: Kỳ Tiền Lý 3 vua, bắt đầu là năm Tân Dậu, kết thúc là năm Nhâm Tuất gồm 62 năm.

Quyển VI: Kỳ Nội thuộc Tùy, Đường bắt đầu là năm Quý Hợi, kết thúc là năm Bính Dần gồm 304 năm.

Quyển VII: Kỳ Nam Bắc phân tranh bắt đầu là năm Dinh Mão, kết thúc năm Mậu Tuất gồm 32 năm. Kỳ họ Ngô 3 vua và Dương Tam Kha chiếm vị bắt đầu là năm Kỷ Hợi, kết thúc là năm Dinh Mão gồm 29 năm.

Bản kỷ 10 quyển:

Quyển I: Kỳ nhà Dinh 2 vua, bắt đầu là năm Mậu Thìn, kết thúc là năm Canh Thìn gồm 13 năm. Kỳ nhà Lê 3 vua, bắt đầu là năm Tân Tỵ, kết thúc là năm Kỷ Dậu gồm 29 năm.

Quyển II III IV: Kỳ nhà Lý 9 vua, bắt đầu năm Canh Tuất, kết thúc là năm Ất Dậu gồm 216 năm.

Quyển V, VI, VII, VIII, IX, X: Kỳ nhà Trần 12 vua, phu kỳ Hồ Quý Ly, nhà Hậu Trần 2 vua và kỳ Nội thuộc Minh, bắt đầu là năm Bính Tuất, kết thúc là năm Dinh Mùi gồm 202 năm.

Theo biểu đồ ở phần đầu sách, sau phần Nội thuộc Minh còn có *Lê kỷ tục biên*. Chính sử không thấy chép. Không hiểu phần này tác giả đã chép xong chưa? in chưa? hay in thành sách riêng? bài dề từ đầu sách không thấy nhắc tới? Hay *Lê kỷ tục biên* là phần thứ 2 của *Đại Việt sử ký tiền biên*... Văn đê này chưa được sáng tỏ.

III. ĐẶC ĐIỂM VÀ GIÁ TRỊ CỦA ĐVS KTB

1) ĐVS KTB là bộ Quốc sử mang tính sử luận đậm nét. Tác giả đã tập hợp được nhiều lời bàn của các sử gia nổi tiếng như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Tung, Ngô Sĩ Liên và của chính tác giả về các sự kiện, nhân vật, về thời cuộc và vận nước. Tất cả có tới 512 lời bàn. Các lời bàn thể hiện quan điểm tình cảm, lòng trung quân ái quốc, tình thân tự hào dân tộc, biết phân biệt cái đúng cái sai đồng thời cũng thể hiện những han chế của tác giả. Sau mỗi triều đại lại có một bài thông luân, tóm tắt những sự kiện lớn của đương triều, có phê phán, đánh giá những sự kiện, việc làm của những người có

chức có quyền. Xem các bài thông luân ta có thể biết triều đại đó tốt hay xấu, có vua giỏi tài hiền hay không. Các lời bàn, rất xác đáng, khen, chê rõ ràng Tác giả rất khâm phục các anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng: "Tiếng tăm của Hai Bà chấn động cả Man Dí Hoa Hạ, cơ nghiệp mở mang của Bà khuấy động cả đất trời. Ôi! thật anh hùng!" (NKQ III tr. 7b).

Với Ngô Quyền tác giả viết: "Vua diệt giặc trong nước để trả thù cho chủ, đuổi giặc ngoại xâm để cứu nan cho nước, xây dựng quốc gia, khôi phục quốc thống công nghiệp thật là vĩ đại" (NKQ VI tr. 6a). Với triều Lý tác giả rất khen, nhưng có những việc vẫn bị chê: "Những việc xây dựng cung điện không khởi làm cho dân cùng khổ, lại còn nhiều lén làm hại đến nông nghiệp trong khi thu hoạch. Cho nên ghi lại những việc ấy [việc xây dựng quá nhiều chùa chiền cung điện] và chép ra để chê trách" v.v...

▲ Quan điểm viết sử của các tác giả có nhiều điểm khác:

a) Xếp Triệu Đà ở thời ngoại thuộc và gọi là "Kỳ ngoại thuộc Triệu Vũ Đế" Tác giả trình bày: "Từ khi An Dương mất, nền quốc thống bị gián đoạn, người làm sử thấy việc Triệu Đà thôn tính được Giao Chỉ làm vua Nam Việt xưng hiệu "đế" bèn ghi ký tiếp theo chép chữ to chữ đặc biệt tựa hồ muôn khoe sự hưng thịnh bắt đầu dựng nghiệp đế của nước ta. Người đời sau noi theo không ai biết cái sai đó. Xét nước Việt của Nam Hải, Quế Lâm không phải đất Việt của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên đóng đô ở Phiên Ngung chỉ muốn mở rộng bờ cõi bến thôn tính nước ta làm quận phụ thuộc đặt chức chủ trì việc giám sát để ràng buộc mà thôi. Thực ra là chưa từng làm vua ở nước ta. Nếu cứ thấy người xưng vương ở đất Việt mà coi là vua thì sau đây có Lâm Sí Hoàng nổi lên ở Bàn Dương và Lưu Nham nổi lên ở Quảng Châu đều xưng là Nam Việt Vương, sau đó lại tiếm xưng đế hiệu, cũng cho là một kỷ tiếp với trang quốc thống của ta hay sao?

Hoặc nói rằng Triệu Đà là người Hán, An Dương là người Thục cũng như nhau thôi. Đà diệt An Dương cũng như An Dương diệt Hùng Vương. Thế mà khen chê lai khác nhau là thế nào? An Dương đóng đô ở Cố Loa, tiếp đến Hùng Lạc làm chủ ở Giao Nam. Đà ở Phiên Ngung, ta ở Giao Nam. Sao chỉ theo cái lệ chép về An Dương mà chép cho Đà còn họ nổi lên từ đất nào thì không kể. Đà thôn tính Giao Châu cũng như Ngụy thôn tính Thục, Tần lấy nước Ngụy. Hai họ Tôn, Lưu mất thì quốc thống hết. Nếu sử nước ta có thể lấy sử nước Ngụy tiếp vào Lưu Thiện, sử nước Ngụy có thể lấy kỷ nhà Tần tiếp vào Tôn Hạo được thì sử nước ta mới có thể lấy kỷ nhà Triệu tiếp vào An Dương. Nước ta gọi là nước Văn Hiển, sử của một nước chẳng nhẽ lai lấy sử của một nước khác chép làm của mình? Tôi mạnh dạn cái chính bỏ kỷ Triệu Đà. Bởi vì quốc thống quy về Triệu Đà là không đúng phép làm sử. Đà đối địch với nhà Hán mà Giao Châu vẫn chưa thống với Trung Quốc cho nên tôi đặt ra lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc (NKQ II tr. 1a) "Không nhận Đà là vua nước ta là để nước ta tư thành một nước riêng独立" (NKQ II tr. 23)

b) Không xếp Sí Nhiếp riêng một kỷ, không gọi Sí Nhiếp là Sí Vương, tác giả viết: "Xét sử cũ chép Sí Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ, người trong nước yêu mến đều gọi ông là Sí Vương", bèn lấy Sí Vương xếp vào kỷ biên niên, xếp theo lệ chính thống, đây có lẽ

là án hận hàng trăm năm không có chính thống. Thái thú Phương Bắc tham tàn không kể đến nỗi khôn khổ, một sớm có chỗ dựa, người trong nước yên ổn tới 40 năm cho nên nhân dân mà tôn là Vương làm cho láng sưa cảm phẫn của một nước đây thôi! Không nghĩ rằng Sĩ Nhiếp tuy hiền tài nhưng là người Phương Bắc sai sang làm Thái thú, cũng là người Phương Bắc đến giữ nước này, huống chế độ nhà Hán lấy chúa linh quân? Hiển Đế đã sai Trương Tân làm Thủ sứ; Tôn Quyền lại sai Bộ Chất làm Thủ sứ. Nhiếp tuy có tiếng là coi giữ 7 quận nhưng thực chưa từng được tự chuyên. Một Thái thú Giao Chỉ làm vua mà không biết rằng Cửu Chân, Nhật Nam thuộc vào đâu? Nếu bảo "Nhiếp tuy làm Thái thú nhưng bảo toàn được 1 quận, uy thế được tôn hàng vạn dặm" thì như Viên Huy đã từng nói "còn chưa được như Đào Hoàng 4 đời, Dỗ Viện 3 đời làm Thủ sứ ở châu Á. đời đời trăm họ được hoà thuận riêng chuyên một chế độ". Hai họ Đào, Dỗ không được chép lớn là kỳ hay sao? Nếu bảo "nước ta thông thi thư, quen lê nhạc, là nước văn hiến bát đầu từ Sĩ Vương" như sử thần Ngô Sĩ Liên nói thì Sĩ Nhiếp vốn có học vấn, biết kinh Xuân Thu, thông kinh Thượng thư là điều tự đắc mà chưa từng dạy cho người trong nước. Văn chưa được như Tích Quang lấy lẽ nghĩa dạy dán Giao Chỉ, Nhâm Diên lấy lẽ hôn nhân dạy quân Cửu Chân, làm cho mọi người biết có luân lý vợ chồng, thiên tính cha con, đã từng trước đây xướng lên văn phong ở Linh Nam rồi. Hai ông Tích Quang, Nhâm Diên cũng còn chưa được chép lớn là kỳ, huống là Sĩ Nhiếp? Cho nên tôi đã tước bỏ đi cho vào trong kỷ nội thuộc, theo vào lệ quan Thú mục" (NKQ III tr. 14a).

c) Quan niệm về kỷ chính thống, tác giả đổi lại phụ chép Triệu Việt Vương, còn Đào Lang Vương được đưa lên. Tác giả nêu: Xét sử cũ, Tiên Lý Nam Đế mất năm Mậu Thìn [548] Triệu Việt Vương bắt đầu năm Kỷ Ty [549], trong thời gian từ năm Kỷ Ty đến năm Canh Dần là hết đời Triệu Việt Vương, tất cả là 24 năm. Sử cũ lấy Triệu Việt Vương kế tiếp Tiên Lý Nam Đế làm chính thống, mà chép Đào Lang Vương làm phụ. Thế nhưng Triệu Việt Vương là bệ tôte của Lý Nam Đế, Đào Lang Vương lại là anh của Nam Đế, nỗi nghiệp giữ nước, về danh nghĩa là đúng, mặc dù ông chỉ ở xứ Đào Giang mà chưa có được thành Long Biên nhưng nước vẫn là nước của ông. Cứ theo cách chép sử của Từ Dương thì phải chép bằng chữ to kỷ Đào Lang Vương kế tiếp vào kỷ Tiên Nam Đế mà chép Triệu Việt Vương làm phụ. Chép Hậu Nam Đế lại kế tiếp vào kỷ Đào Lang Vương. đến năm Nhâm Tuất thì hết, may chăng kỷ chính thống mới không bị lẫn lộn, mà phương pháp viết sử mới mấu mực (NKQ III tr. 6a)

d) Quan niệm về những truyền thuyết: Ở phần Ngoại kỷ tác giả viết: "Hỡi ôi! Ngoại chuyện sao mà nhiều chuyện cản rõ thế! con rùa biết nói thì có lý hay không?... ma mà đập đổ được thành thì có tin được không? ràng phàm vật gì trái lê thường thì gọi là yêu; yêu khí mạnh tất phải có cai gì dựa vào nhưng dựa vào con gà và người con gái mà đập đổ thành thì rõ ràng là muôn phân không có lý đấy.

Việc rút móng thì như thế nào? thưa rằng rùa nếu biết nói thì khó gì trong việc truôt móng của nó? Đã giúp vua An Dương xây thành thì tiếc gì một cái móng mà không cho. Chỉ sợ rằng không có con rùa đó mà thôi!... Cho nên nói chuyện ở Ngoại kỷ phản nhiều là cản rõ v.v... (NKQ I tr. 12).

3) DVSKTB bổ sung, cải chính nhiều sự kiện, đưa ra nhiều điều khác với sử cũ.

+) Về tháng lợi của Hai Bà Trưng tác giả nêu "Tổng cộng là 56 thành, sử cũ theo sử nhà Hán làm là 65 thành cho nên cái chính" (NKQ I tr.12b).

+) Về cái chết của Lý Nam Đế tác giả nói: "Vua Lý Nam Đế ở trong động Khuất Liêu bị người trong động giết chết cát tai dâng nhà Lương là nói láo đayı" (NKQ V tr.4b)

+) Với sự kiện Mai Hắc Đế tác giả phê phán sử cũ: Dương lúc Nội thuộc, Mai Hắc Đế ở Nam Đường khởi binh chiếm giữ châu, không chịu sự trói buộc của quan lại bạo ngược, cũng là tay lỗi lạc trong bậc thổi hào. Thành công thì có Lý Bôn, Triệu Quang Phục; không thành công thì có Phùng Hưng, Mai Thúc Loan. Họ đáng được nêu ra mà biểu dương. Nhưng sử cũ lại chép là "tướng giặc là sai lầm. Cho nên tôi sửa lời văn mà chép chữ 'dân chau'". (NKQ VI tr. 6b).

+) Về sự kiện Thứ sử Dương Thanh thời Nội thuộc Đường tác giả nói: "Sử cũ chép rằng Dương Thanh khoảng năm Khai Nguyên (713 - 742) nhà Đường làm Thứ sử Châu Hoan". Thế thì từ năm Khai Nguyên đến năm Nguyên Hoà, qua 5 triều vua gần 100 năm mà Dương Thanh vẫn làm Thứ sử, cho đến đầu niên hiệu Thái Hòa đời Văn Tông vẫn hay còn? Trong đó có nhiều chỗ lầm lẫn... điều nữa là người thay Trọng Vũ là Hành Lập, người thay Hành Lập là Nguyên Tố [thế mà trong sử cũ] này ra một ông Đô hộ Nguyên Gia cùng thời với Trọng Vũ. Đây có lẽ là khảo cứu không được rõ, cho nên nhất thiết phải cải chính (NKQ VI tr.12).

+) Về quê quán của Lê Đại Hành tác giả nêu: "Xét thấy Lê Đại Hành là người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm chứ không phải người Châu Ái. Sử cũ chép nhầm" (BKQ I tr.19).

+) Về việc cống nạp tác giả cũng nêu lên sự nhầm lẫn "Đầu đời Hưng Thống (989 - 994), vua thường bảo sứ nhà Tống là Cao Tông rằng: "Ngày sau có quốc thư nên đưa đến chỗ đầu địa giới giao nhận chờ phiến sứ quân phải đến đây để nhận việc bổ thuế tiền công phiến phúc mà đồ tiếng ác cho nhà Tống. Tống Chân Tông không muôn sứ Tống mang tiếng yêu sách cũng như việc năm Ứng Thiên thứ 6 (999), quân Nội thị của nhà Tống là Bùi Dũ có việc sang nước ta bảo nước ta dùng nhị hoa long nhỡn là của hiếm có sung vào lẽ cống, vua ta làm theo. Vua Tống giận truất Dũ dẫy ra Chu Nhai và ban chiếu cho nước ta miễn cộng thứ ấy. Cái ý từ đấy về sau, không cho sứ sang có lẽ là vì việc ấy. Sử cũ chép nhầm, nay cải chính (BKQ I tr.30).

+) Về quan chức của em Khương Công Phu tác giả viết: "Em ông là Công Phúc cũng đã tiến sĩ làm đến chức Tỷ bộ lang trung. Chữ "tỷ" sử cũ chép thành chữ "bác" là làm (NKQ VI tr.8a).

+) Tác giả chú được nhiều sự thay đổi về địa danh: "... nhưng sự thay đổi từ thời Hán thời Tấn trở về sau cũng nên biết rõ. Thời Hán quản Giao Chỉ có 10 huyện (Hán chí chép thêm huyện Phong Khê, Vọng Hải là 12 huyện); Nhật Nam có 5 huyện Cửu Chân có 7 huyện... chưa hẳn đã là đất An Nam, có lẽ vì đất dai ấy liền sát với Nam Giao cho nên đem lệ vào đô hộ đó thôi" (NKQ VI tr 4b).

IV. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA TÁC GIẢ THỂ HIỆN QUA TÁC PHẨM

DVSHTB là bộ sử có giá trị lớn về nhiều mặt song cũng còn những hạn chế nhất

dịnh, dù là những han chế mang tính lịch sử của nó.

1) Quan niệm Nho giáo trọng nam khinh nữ

Với cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng tác giả khen hết lời và cũng rất đề cao "Vương là con gái, hờ một tiếng mà đuổi được bọn Thái thú Phương Bắc như là đuổi bọn nô lệ. Bình được đất Ngũ Linh, dựng nước xưng vương, thực là bậc hào kiệt trong nữ giới đấy!" hoặc "Trung Trác là người đàn bà goá trong Bộ Giao Châu không có một tấc đất, một người dân. Chỉ vì mối thù của chồng mà dấy binh phạt cờ mà 6 bộ theo như hình theo bóng. Chiếm được đất dai 56 thành dễ như người phùi bụi trên rương, trên hòm, khiến cho các quan thú quan uý cai trị đã 150 năm nay cũng phải bó tay chẳng làm gì được..." Nhưng cuối cùng tác giả lại kết luận "Ôi! khí anh linh của trời đất không chung đúc vào bắc nam tử, mà lại chung đúc vào người đàn bà như thế!" (NKQ II tr.5).

2) Tin vào mệnh trời.

Với Lý Bôn tác giả viết: "... Vua chán ghét loạn lạc thời Nội thuộc, dấy binh đánh đuổi Tiêu Tư phá tan Lâm Ấp, dựng nước đổi niên hiệu, đúng là bậc hào kiệt một thời. Nhưng vận trời không thuận, bị Trần Bá Tiên đánh bại, ốm chết, không làm được việc lớn, thực tiếc thay!" (NKQ V tr.1a).

Vua Lý Anh Tông là vị vua tài giỏi được tác giả viết: "không phân biệt được kẻ gian tà không sáng suốt trong việc hình phạt cho nên trời sinh tai biến để răn đe, giặc cướp nổi lên, rường mồi rối loạn không kể xiết" (BKQ IV tr.1a). v.v...

Tóm lại *Dại Việt sử ký tiền biên* là bộ Quốc sử lớn, mang tính sử luận phong phú, cung cấp được nhiều sử liệu có giá trị, thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc rõ nét, thể hiện quan điểm tư tưởng mới, đáng được trân trọng và đánh giá cao, đích thực là một di sản quý hiếm của cha ông để lại, một di sản đặc biệt của nền văn hiến nước ta. Đây là công trình biên dịch tập thể, những người dịch mặc dù đã cố gắng hết sức, nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được sự chỉ giáo chân tình của bạn đọc gần xa.

Trong khi biên dịch, chúng tôi đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan Viện Sử học. Thư viện khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học xã hội và sự chỉ bảo ân cần của Giáo sư Phan Huy Lê, Phan Văn Các. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 1994

DƯƠNG THI THE

KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

<1a> Tờ 1 mặt a theo bản Đại Việt sử ký tiền biên.

[...] Đổi ra năm dương lịch hoặc nội dung của người dịch thêm vào.

(...) Chú thích của nguyên bản chữ Hán.

(1) Số thứ tự chú thích của người dịch.

DVS KTT: Đại Việt sử ký toàn thư.

CM: Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

VLS: Việt sử lược.

CMCB3: Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Chính biên 3.

CMTB3: Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tiền biên 3.

DVS KTB: Đại Việt sử ký tiền biên.

NKQ I tr. 2: Đại Việt sử ký tiền biên, Ngoại kí quyển I trang 2.

BKQ I tr. 4: Đại Việt sử ký tiền biên, Bản kí quyển I trang 4.

THE THERAPEUTIC

and the best and most effective treatment for the disease. The physician's skill and knowledge of the disease, the patient's condition, and the time of day all factor into the choice of treatment. For example, if a patient has a cold or flu, the physician may prescribe a medication such as Tamiflu or Zanamivir. If the patient has a bacterial infection, the physician may prescribe an antibiotic such as Amoxicillin or Ciprofloxacin.

The physician's role is also to provide emotional support and guidance to the patient. This can be done through active listening, providing information about the disease and its treatment options, and offering reassurance and encouragement. The physician's goal is to help the patient feel better and to prevent further complications. The physician's role is also to provide emotional support and guidance to the patient. This can be done through active listening, providing information about the disease and its treatment options, and offering reassurance and encouragement. The physician's goal is to help the patient feel better and to prevent further complications.

The physician's role is also to provide emotional support and guidance to the patient. This can be done through active listening, providing information about the disease and its treatment options, and offering reassurance and encouragement. The physician's goal is to help the patient feel better and to prevent further complications.

The physician's role is also to provide emotional support and guidance to the patient. This can be done through active listening, providing information about the disease and its treatment options, and offering reassurance and encouragement. The physician's goal is to help the patient feel better and to prevent further complications.

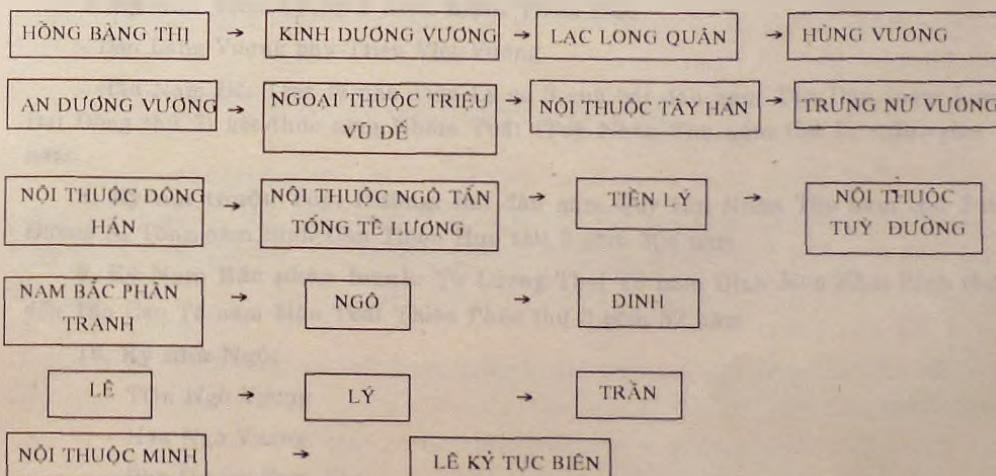
ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

MỤC LỤC VÀ LỜI NÓI ĐẦU SÁCH ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

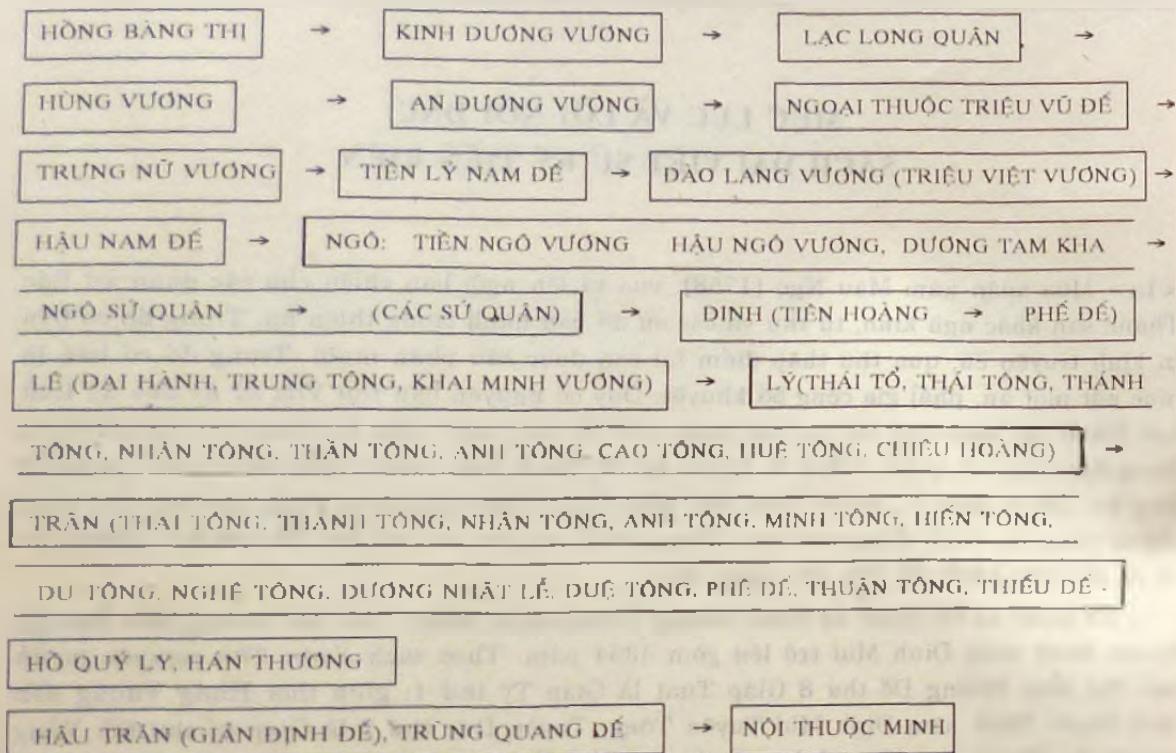
<1a> Mùa xuân năm Mậu Ngọ [1758], vua ta lên ngôi ban chiếu cho các quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tứ thư và các sử để ban hành trong thiên hạ. Trong đó có bản in kinh truyện cũ, qua thu thập điểm lại còn được sáu phần mươi. Trong đó có bản in mục nát một ăn, phải gia công bồi khuyết. Duy có nguyên bản *Đại Việt sử ký* đều đã thất lạc. Nhận các sách còn lại của các quan viết sử đời trước, chia loại biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân <1b> là Ngoại kỷ, từ Đinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển. Mùa thu năm Canh Thân, san định xong, sắp xếp cẩn thận thành từng tập kính dâng vua xem. Vâng mệnh cho lưu trữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra cho lưu hành để tiện cho người học.

Về Quốc sử từ Ngoại kỷ Kinh Dương Vương năm Nhâm Tuất trở xuống, đến Bản kỷ thuộc Minh năm Dinh Mùi trở lên gồm 4354 năm. Theo sách *Xuân Thu nguyên mènh bao* thì năm Hoàng Đế thứ 8 Giáp Tuất là Giáp Tý thứ 1; giữa thời Hùng Vương đến thời thuộc Minh năm Dinh Mùi Tuyên Tông, Tuyên Đức thứ 2 là Giáp tý thứ 69. Vâng mệnh lấy tên là *Đại Việt sử ký tiền biên* và liệt kê mục lục, niên biểu, thế thứ các đời cùng với các nhà làm quan viết sử đời trước chép theo thứ tự trên đầu sách, để đợi người tra xét và chứng minh.

SƠ ĐỒ QUỐC THỐNG CÁC ĐỜI THUỘC TIỀN BIÊN KHI CHIA KHI HỢP



SƠ ĐỒ DẾ VƯƠNG CÁC ĐỜI TRUYỀN KẾ THUỘC TIỀN BIÊN



<4a>

MỤC LỤC TIỀN BIÊN**I. NIÊN BIỂU, THIẾ THỨ CÁC DỜI****1. Kỷ họ Hồng Bàng**

Kinh Dương Vương

Lạc Long Quân

Hùng Vương: Bắt đầu từ Hồng Bàng thị đến Hùng Vương từ năm Nhâm Tuất (ngang thời Đế Minh) kết thúc năm Quý Mão (thời Chu Noãn Vương) gồm 2622 năm.

An Dương Vương: Bắt đầu từ An Dương Vương từ năm Giáp Thìn (thời Chu Noãn Vương năm thứ 58) đến năm Quý Mão (Tần Nhị Thế năm thứ 2) gồm 50 năm <4b>.

2. Kỷ Ngoại thuộc Triệu: Bắt đầu là Triệu Vũ Đế năm Giáp Ngọ, (Tần Nhị Thế năm thứ 3) đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ (thời Hán Nguyên Định năm thứ 6) gồm 97 năm.

3. Kỷ Nội thuộc Tây Hán: Bắt đầu từ Hán Vũ Đế năm Tân Mùi niên hiệu Nguyên Phong thứ 1 đến Hán Quang Vũ năm Kỷ Hợi Kiến Vũ thứ 15 gồm 149 năm

4. Kỷ Trưng Nữ Vương.

Trưng Vương: Trưng nữ Vương bắt đầu từ năm Canh Tý (Hán Kiến Vũ năm thứ 16), kết thúc năm Nhâm Dần (năm Kiến Vũ thứ 19) gồm 3 năm.

5. Kỷ nội thuộc Đông Hán: Bắt đầu năm Quý Mão, Quang Vũ Đế hiệu Kiến Vũ năm thứ 19 <5a> đến Hiến Đế năm Kỷ Sửu hiệu Kiến An năm thứ 14 gồm 167 năm.

6. Kỷ nội thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương: Bắt đầu từ Ngô Tôn Quyền năm Canh Dần niên hiệu Hoàng Vũ năm thứ nhất kết thúc năm Canh Thân thời Vương Vũ Đế năm Đại Đồng thứ 6 gồm 323 năm.

7. Kỷ nhà Tiền Lý có 1 niên hiệu: Thiên Đức

- Đào Lang Vương phụ Triệu Việt Vương

- Hậu Nam Đế: Trên là nhà Tiền Lý có 3 vua bát đầu năm Tân Dậu (năm Lương Đại Đồng thứ 7) kết thúc năm Nhâm Tuất (Tuỳ Nhân Thọ năm thứ 2) <5b> gồm 62 năm.

8. Kỷ nội thuộc Tùy, Đường: Bắt đầu năm Quý Hợi Nhân Thọ năm thứ 2 đến Đường Ai Tông năm Bính Dần Thiên Hựu thứ 3 gồm 304 năm.

9. Kỷ Nam Bắc phân tranh: Từ Lương Thái Tổ năm Đinh Mão Khai Bình thứ 1 đến Tấn Cao Tổ năm Mậu Tuất Thiên Phúc thứ 3 gồm 32 năm.

10. Kỷ nhà Ngô:

- Tiền Ngô Vương
- Hậu Ngô Vương
- Phụ Dương Tam Kha

Ngô sứ quân

<6a> Phụ các sứ quân

Trên là nhà Ngô có ba vua và Dương Tam Kha cướp ngôi bát đầu năm Kỷ Hợi (Tân Thiến Phúc năm thứ 4) kết thúc năm Dinh Mão (Tổng Kiến Đức năm thứ 5) gồm 29 năm.

11. Kỳ nhà Dinh: Tiên Hoàng đế có một niên hiệu Thái Bình.

Phế Đế vẫn lấy niên hiệu Thái Bình.

Trên là nhà Dinh có 2 vua bát đầu từ năm Mậu Thìn (Tổng Khai Bảo năm thứ 1) kết thúc năm Canh Thìn (ngang với Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 5) gồm 13 năm.

12. Kỳ nhà Lê (Tiền Lê)

<6b> Đại Hành Hoàng đế có 3 niên hiệu Thiên Phúc, Hưng Thông, Ứng Thiên.

Trung Tông Hoàng đế vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên.

Khai Minh Vương, một niên hiệu là Cảnh Thụy. Nhà Lê có 3 vua, bát đầu từ năm Tân Ty (Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6), kết thúc năm Kỷ Dậu (Tổng Thái Trung Tường Phù năm thứ 2) gồm 29 năm.

13. Kỳ nhà Lý:

- Thái Tổ Hoàng đế có 1 niên hiệu: Thuận Thiên.

<7a> Thái Tông Hoàng đế có 6 niên hiệu: Thiên Thành, Thông Thụy, Càn Phù Hữu Đạo, Minh Đạo, Thiên Cầm Thánh Vũ, Sùng Hưng Đại Bảo.

- Thánh Tông Hoàng đế có 5 niên hiệu: Long Thụy Thái Bình, Chương Thánh Gia Khánh, Long Chương Thiên Tư, Thiên Huống Bảo Tượng, Thần Vũ.

- Nhân Tông Hoàng đế có 8 niên hiệu: <7b> Thái Ninh, Anh Vũ, Chiêu Tháng, Quảng Hữu, Hội Phù, Long Phù, Hội Tường Đại Khánh, Thiên Phù Duệ Vũ, Thiên Phù Khanh Tho.

- Thần Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiên Thuận, Thiên Chương Bảo Tư.

- Anh Tông Hoàng đế có 4 niên hiệu: Thiệu Minh, Đại Định, Chính Long Bảo Ứng, Thiên Cầm Chí Bảo.

- Cao Tông Hoàng đế có 4 niên hiệu: <8a> Trinh Phù, Thiên Tư Gia Thụy, Thiên Gia Bảo Hựu, Trí Bình Long Ứng.

- Huệ Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Kiến Gia, Thiên Chương Hữu Đạo.

Trên đây là nhà Lý, có 9 vua, bát đầu từ Thái Tổ năm Canh Tuất (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 3), kết thúc là Chiêu Hoàng năm Ất Dậu (Tổng Khánh Bảo năm thứ 1) gồm 260 năm.

14. Kỳ nhà Trần:

- Thái Tông Hoàng đế có 3 niên hiệu: <8b> Kiến Trung, Thiên Ứng Chính Bình, Nguyên Phong

- Thánh Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Long, Bảo Phù.

- Nhân Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Bảo, Trung Hưng

- Anh Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Hưng Long.
- Minh Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Đại Khánh, Khai Thái.

<9a> - Hiển Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Khai Hữu.

- Dụ Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Phong, Thái Trị.
- Nghệ Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Thiệu Khánh.
- Phụ Hỗn Đức Công Dương Nhật Lễ 1 năm, có 1 niên hiệu: Đại Định.
- Duệ Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Long khánh.

<9b> - Phế Đế có 1 niên hiệu: Xương Phù.

- Thuận Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Quang Thái.
- Thiếu Đế có 1 niên hiệu: Kiến Tân.

Trên là nhà Trần có 12 vua, bắt đầu là vua Thái Tông năm Bính Tuất (Tống Bảo Khanh năm thứ 3) kết thúc là vua Thiếu Đế năm Kỷ Mão (ngang với Minh Kiến Văn năm thứ 1) gồm 174 năm.

- Phụ Hồ Quý Ly có 1 niên hiệu: Thánh Nguyên.

<10a> - Hán Thương có 2 niên hiệu: Thiệu Thành, Khai Đại.

Trên là thời Nhuận Hồ từ năm Canh Thìn (Minh Kiến Văn năm thứ 2) đến năm Bính Tuất (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4) gồm 7 năm.

15. Kỷ nhà Hậu Trần:

- Giản Định Đế có 1 niên hiệu: Hưng Khanh.
- Trùng Quang Đế có 1 niên hiệu: Trùng Quang.

Trên là Hậu Trần có 2 vua, từ năm Đinh Mão (Minh <10b> Vĩnh Lạc năm thứ 11) gồm 7 năm.

16. Kỷ thuộc Minh: Bắt đầu từ năm Giáp Ngọ tức vua Thành Tổ niên hiệu Vĩnh Lac năm thứ 12, kết thúc năm Dinh Mùi tức là vua Tuyên Tông niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 2, gồm 14 năm. Thống kê từ ngoại thuộc Triệu Đà năm Giáp Ngọ đến khi người Minh rút hết là năm Dinh Mùi, gồm 1634 năm và Ngoại kỷ 2672 năm. Tổng cộng là 4354 năm⁽¹⁾.

II. HỌ TÊN SỬ THẦN CÁC TRIỀU ĐẠI

1. Triều nhà Trần:

a) Lê Văn Hưu: Người xã Phù Lý, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, đỗ Bảng nhãn khoa Dinh Mùi, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình, lần lần làm quan đến chức Bình bộ Thư thư, tước Nhân Uyên hầu hảm Hàn lâm học sĩ, giám tu quốc sử, làm sách *Đại Việt sử ký* <11a> 30 quyển.

b) Phan Phu Tiên: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Sơn Tây, đỗ Thái học sinh khoa Bính Tý năm Quang Thái, lại trúng khoa Minh kinh năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận

1. Tổng cộng 4306 năm.

Thiên triều Lê, lần lần làm đến chức Tri quốc sử vien, làm sách Quốc sử biên lục.

2. Triều Lê:

a) Ngô Sĩ Liên: Người xã Chúc Lý, huyện Chương Đức, trấn Sơn Nam, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo, lần lần làm quan đến chức Lê bộ Tả thị lang, kiêm Sủ quán tu soạn.

<11b> b) Lê Tung: Võn họ Dương, tên là Bang Bàn, người xã An Cư, huyện Thanh Liêm, trấn Sơn Nam, đỗ Hoàng giáp khoa Giáp Thìn năm Hồng Đức, được cho theo họ vua, đổi tên là Lê Tung. Lần lần làm đến Lê bộ Thương thư, Thái bảo kiêm Đông các Đại học sĩ, Tri kinh diên tước Đôn Hòa bá, biên tu Quốc sử, làm bài Việt sử tổng luân.

c) Nguyễn Nghiêm: Người làng Tiên Diên, huyện Nghi Xuân, Nghê An, đỗ Hoàng giáp khoa Tân Hợi năm Vĩnh Khánh, lần lần làm đến chức Nhập thị Tham tụng, Hô bộ Thương thư, Đại tư đồ, tước Xuân quận công, kiêm Quốc sử tổng tài, làm sách Việt sử bì lâm, hiêu Tư Phú.

d) Ngô Thị Sỉ: Người làng Tà Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Trấn Sơn Nam, đỗ Hoàng giáp khoa Bình Tuất năm Cảnh Hưng, **<12a>** làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử, ra làm Đốc trấn trấn Lạng Sơn kiêm Quốc sử hiệu chính, làm sách Việt sử tiêu án, hiêu là Ngô Phong cự sĩ.

TỔNG LUẬN

Tổng luận của sử thần Lê Tung: Thần nghe: Sách *Chu Dịch*⁽¹⁾ nói rằng: "Có trời đất rồi mới có muôn vật; có muôn vật rồi mới có vợ chồng; có vợ chồng rồi mới có cha con; có cha con rồi mới có vua tôi. Đạo cương thường do đó mà sáng tỏ".

Dai Hoc⁽²⁾ nói: Tâm đúng đắn thì lòng mình mới nghiêm túc, mình nghiêm túc thì sau nhà mới tề được, nhà có tề được thì sau nước mới ổn định, nước ổn định thì sau thiên hạ mới thái bình. Đây là nguyên do khiến cho đạo trị nước bình thiên hạ được thi hành dãy. Thế thì đạo trời đất không thể lập cách ngoài cương thường, mà đặt ra dao cao nhất, dao để vương lại có thể ngoài cương thường mà yên chính sự được sao? Kể từ khi Kinh Dương Vương họ Hồng Bàng nối dòng dõi vua Thần Nông, lấy con gái vua Động Đình làm sáng rõ đạo vợ chồng, làm đúng đắn nguồn gốc phong hoá. Vua thì lấy đức cảm hoá dân, chỉ rủ áo chấp tay⁽³⁾; dân thì cày ruộng đào giếng, sớm làm tối nghỉ, đây là phong hoá thái cổ thời Viêm Đế dãy chằng? Lạc Long Quân kế tiếp họ Hồng Bàng <13a> lấy con gái họ Âu Lac có diêm lành sinh ra trăm con trai, tổ của Bách Việt thực sự bắt đầu từ đấy, hướng nước rất lâu dài, giàu có sống lâu và nhiều con trai, từ xưa tới nay chưa từng có vậy.

Hùng Vương nối nghiệp vua Lạc Long châm ban đức ban ơn vỗ về dân chúng, chuyên nghề làm ruộng nuôi tằm không lo tới việc binh đao chinh chiến. Con cháu nối truyền đều lấy hiệu là Hùng Vương. Giữ cơ nghiệp gồm 18 đời, trải hơn 2000 năm, làm chính sự theo lối thắt nút dây, dân không gian đổi. Có thể thấy được phong tục thuận hậu quê mùa. Vị vua sau đạo đức suy đổi, lười làm chính sự, bỏ việc vỗ bị mà không sửa sang, ham mê tửu sắc cho là vui, một khi quân Thục đến thì quốc thống liền mất.

An Dương Vương dời sang Ba Thục ở phía tây, diệt vua Hùng Vương ở phía nam, đóng đô ở Loa Thành, giữ nước Âu Lạc, được nỏ móng rùa đánh tan quân Tần. Quen mùi chiến thắng, yên vui sinh kiêu căng, quân Triệu tiến đến đánh, bờ cõi <14a> không giữ được.

Triệu Vũ Đế nhân lúc loạn nhà Tần, chiếm đất Linh Biểu, đóng đô ở Phiên Ngung, cùng Hán Cao Tổ đều xưng đế một phương, có lòng nhân thương dân, có mưu trí giữ nước. Võ công khiến Tàm Tùng⁽⁴⁾ phải khiếp sợ, văn hóa khiến Tượng quận được chấn hưng. Lấy thi thư mà giáo hoá tục nước, lấy nhân nghĩa mà cố kết lòng người. Dạy dân

1. *Chu Dịch*: Tên sách của Trung Quốc do Văn Vương, Chu Công, Khong Tử làm ra

2. *Dai Hoc*: Một trong bốn sách (*Dai hoc*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*) của Trung Quốc

3. Rủ áo chấp tay: Dịch từ "Thùy y cung thủ" ý nói vua không phải làm gì mà nước vẫn yên ổn

4. Tàm Tùng: Tên vua ở đất Thục thời xưa.

cây trồng, nước giàu binh mạnh cho đến một việc cho sứ sang [nhà Hán], lời lẽ cũng khiêm tốn. Nam Bắc kết giao, thiên hạ vô sự, hưởng nước hơn 100 năm, thực là vị vua anh hùng tài lược. Văn Vương là cháu đích tôn của Võ Vương, nối giữ nghiệp cũ Phàm chế đồ diễn chương, tất cả đều theo phép của đời vua trước. Lấy điều nghĩa mà cảm hoá nước láng giềng, đánh giặc để giữ yên bờ cõi, cũng là bậc vua nổi được cơ nghiệp. Minh Vương buổi đầu nổi cơ nghiệp, yên bờ phong túng. Cù Hậu được yêu, Việt Cơ bị bỏ, trong nước không hoà thuận, kỷ cương rối loạn. Ai Vương tuổi còn thơ ấu không biết phép <14b> trị nước, mẫu hậu kiêu dâm, quyền thần giữ chính sự, cơ nghiệp họ Triệu rút cục bị lun bại. Thuật Dương Vương là anh Ai Vương được lập lên từ tay quyền thần, trí lực kém cỏi, quân giặc xâm lăng, cơ đô nhà Triệu từ đấy sụp đổ. Xét tai họa của Ai Vương tuy là ở Lũ Gia, nhưng thực tế lại do Minh Vương yêu Cù Hậu. Sắc đẹp của đàn bà làm nghiêng nước người ta như thế rát nên lấy đó làm rắn.

Còn như Trung Vương là con cháu Hùng Vương, chị em đều nổi tiếng là dũng cảm mưu lược, cảm hồn chính sách hà khắc của Tô Định, xương xuất các bộ, nổi quân hùng mạnh, lừng lẫy tiếng tam, quân huyện hưởng ứng cho nên đã bình định được 65 thành ở Linh Ngoại, thu lại đất đai cũ của Nam Việt. Cũng là bậc hào kiệt trong nữ giới đấy. Nhưng trời không giúp họ Lạc, quân nhà Hán đến xâm lược, già sử lúc đó có vua anh hung tài lược thì quân nhà Hán há dám dòm ngó đất Mai Lĩnh! <15a> Sĩ Vương tập phong hoà nước Lỗ, học văn rộng rãi, khiêm tốn với kẻ sĩ, dùng thi thư mà giáo hóa phong tục, dung le nhac mà tôi luyện lòng người, trị nước hơn 40 năm, trong nước vô sự nhưng vì con là Huy nhẹ dạ tin lời Sĩ Khuông, không đặt binh bị nên bị Lữ Đại giết hại.

Triệu Âu là con gái quân Cửu Chân, tụ tập quân trong núi, đánh phá thành áp, các bộ theo như bóng theo hình, dễ như trở bàn tay. Tuy chưa chiếm được Linh Biểu như việc của Trung Vương nhưng cũng là bậc hùng tài trong nữ giới đấy.

Tiên Lý Nam Đế thông minh, dù tài văn võ, Dánh đuổi Tiêu Tư ở phía Bắc, dẹp yên Lâm Ấp ở phía Nam. Dựng quốc hiệu chính ngôi tôn, đặt trâm quan, định niên hiệu, có đại lược quy hoạch của bậc đế vương. Nhưng quân Triết Hồ⁽¹⁾ đã tan mà giặc Bá Tiên đang mạnh, thì có lẽ có chữ trên lưng nghè trắng⁽²⁾ là do số trời đẩy. Đào Lang Vương là anh Nam Đế, thu nhặt quân còn lại, đánh một trận đã bị thua ngay <15b> rút quân về giữ động Đà Nẵng, có lẽ vì uy lực không đầy đủ đấy.

Triệu Việt Vương kế tiếp Tiên Nam Đế, giữ đất Chu Diên. Lúc đầu cùng với Đào Lang Vương nhân thời mà xưng vương, cuối cùng lai cùng Hậu Lý Nam Đế chia nước cùng tri may được cái móng rồng là diêm tốt, phá tan được toàn bộ quân Lương. Vì sao mà Loa Thành đập dap chưa khô, quân biển Nha liền bị chết đuối, cái tai họa lồng ngóng là lỗi tại ai?

Hậu Nam Đế nổi cơ nghiệp của hai anh. Trị vì hơn 4 kỷ⁽³⁾, nhưng bội nghĩa mà diệt họ Triệu, nghe phong thanh đã hàng nhà Tuỳ, đến nỗi bị nhục đưa sang Phương Bắc, là

1. Quân Triết Hồ. Tức quân ở hồ Diên Triết bị quân Lương đánh tan.

2. Theo truyền thuyết báy giờ có con trâu đen đẻ con nghe trắng, trên lưng có 4 chữ "nhất phu mộc lai" ghép lại là chữ "Trần" ứng với việc Trần Bá Tiên đem quân sang đánh.

3. Kỷ 12 năm gọi là 1 kỷ. Hậu Nam Đế trị vì 32 năm mà sách ghi hơn 4 kỷ có lẽ là lầm.

do mình chuốc lấy dãy. Than ôi! mệnh trời không thường, lòng người khó tin. Trước kia An Dương Vương cây cỏ diêm tốt móng rùa, một khi sinh lòng biếng nhác thì nước liền bị diệt, về sau Triệu Việt Vương cây cỏ diêm tốt cỏ móng rồng một khi sinh lòng kiêu căng thì nước liền bị mất. Việc diêm lành có ích gì đâu! Triệu Vũ Đế sai Trọng Thuỷ già cầu hôn với con gái An Dương Vương <16a> rồi lấy cắp móng rùa để đánh An Dương Vương mà cướp lấy nước. Kế của Triệu Vũ Đế là nham hiểm dãy nhưng họ Triệu liền bị nhà Hán tiêu diệt. Hậu Nam Đế sai Nhã Lang già lấy con gái Triệu Việt Vương, rồi lấy cắp móng rồng để đánh Triệu Việt Vương và giành lấy ngôi thi thuật của Hậu Nam Đế là sâu dãy! Nhưng rồi nhà Lý cũng bị mất vào nhà Tùy.

Ôi! Diệt nước người ta, người ta diệt nước mình, đạo trời rõ ràng dù là bài học.

Mai Hắc Đế dãy quân từ Hoan Châu, cấm giãn chính sách bao ngược của Sở Khách, đem quân tiến đánh. Phía nam giữ đất Hải Linh, phía bắc chống lại nhà Đường Dáng được gọi là vị vua hào kiệt. Tiếc rằng không có tài chống giặc, lòng người ít theo giúp, nên không ngăn được cuộc loạn của Dương Tư Húc. Phùng Bố Cái là bậc anh hào ở Đường Lâm, ghét chính sách ngược đai hà khác của Chính Bình, anh em thừa thời nổi dậy cứu dân dẹp loạn, ban đức lập công. Có thể gọi là vị vua nhân hậu <16b> chỉ tiếc con ông là An không biết nỗi giữ cơ nghiệp được lập nên do Phá Lặc⁽¹⁾, rồi đầu hàng Triệu Xương, dù có Đỗ Anh Hân là bê tôi lo việc nước cũng không cứu nổi sự diệt vong của họ Phùng.

Khúc Tiên chủ đời đời là hào tộc, mạnh bạo, sáng suốt, thông minh, mưu lược, nhân khi nhà Đường mất, lòng người yêu mến suy tôn làm chúa, đóng đô ở La Thành, dân yên nước trị, công đức dài lâu. Hướng thụ chảng được bao lâu, Khúc Trung Chủ⁽²⁾ nối cơ nghiệp trước, phảng phát giống ông, tính mưu quyết thắng vượt qua ý nghĩ của mọi người. Chông chọi với các nước Bắc Triều, là vua hiền của nước Việt ta. Đạt chức Quận giáp, mới lập chế độ giữa chừng thì mất, đến đời Hậu Chủ hay gây việc can qua, thuê khoá sai dịch năng nề, trăm họ ta oán liền bị nhà Nam Hán tiêu diệt.

Dương Chính Công⁽³⁾ nghỉ về đất dai nước Việt từ lâu bị quân Nam Hán thôn tính, bèn thu dùng bậc hào kiệt, mộ quân khởi nghĩa lớn, hai lần đánh bại tướng giặc thu lại cả cơ đồ. Nhưng không phòng tai họa <17a> rồi bị con nuôi giết chết.

Ngô Tiên Chủ giết được đưa nghịch thần là Công Tiên, phá được tên giặc mạnh là Hoàng Thao, đặt ra cấp bậc cho trăm quan văn võ, định chế độ, luật lệnh, y phục. Thật là bậc tài giỏi giúp đời. Nhưng ký thác không được người tốt, để tai họa cho con. Dương Tam Kha là thân thích họ ngoại, nhận lời ký thác đưa con cõi, rồi bỏ chúa mà tự làm vua, tránh sao cái tội cướp ngôi bị giết. Ngô Hậu Chủ khôi phục cơ nghiệp của tổ tông, giữ yên dân trong bờ cõi, dù là bậc vua thừa hưởng thái bình. Nhưng làm chính sự câu an ngại khó, quá ham võ công, tự chuốc tai họa vào thân.

Thiên Sách Vương⁽⁴⁾ là con đích của tiên chúa, ban đầu bị gian thần cướp ngôi mà

1. Phá Lặc: Túc Bồ Phá Lặc võ tướng của Phùng Hưng.

2. Khúc Trung Chủ: Khúc Thủ Hảo.

3. Dương Chính Công: Dương Định Nghê.

4. Thiên Sách Vương: Ngô Xương Ngập.

không trị tội; sau bị Nam Tần Vương cưỡng bức mà không biết nhường công, chuyên quyền làm oai làm phúc, mất tình anh em, đều là báu vua tam thường. Than ôi! Từ khi có trời đất là có cương thường. Cha làm rường cột cho con, vua làm rường cột cho bě tôi, muôn đời dứt khoát <17b> không thể rối loạn được. Kiêu Công Tiên là con nuôi của Dương Chính Công quên công nuôi dưỡng, đem bě đảng mà giết Chính Công. Như vậy là con giết cha, rốt cuộc bị Tiên chúa giết chết. Tam Kha là bě tôi cũ của Ngô Xương Ngập, phản bội lời ký thác, đuổi vua đi mà tự làm vua. Như vậy là bě tôi mà phản vua, lại bị Hậu chúa giết chết⁽¹⁾. Bon loạn tặc khi còn sống thì trời đất chẳng dung, sau khi chết cũng không tránh được lời chê trách của kinh Xuân Thu. Cho nên quan chép sử chép vào sách thông giám đã để ý ký vào chỗ ấy.

Nhà Ngô mất, 12 sứ quân thừa cơ nổi lên như ong Ngô Nhật Khanh chiếm Đường Lâm, Lãng Công chiếm Siêu Loai, Kiêu Thuận chiếm Hồi Hồ, Ngô Nam Đế chiếm Da Trach, Nguyễn Siêu chiếm Phù Liệt⁽²⁾, Phạm Phòng Át chiếm Đà Nẵng Châu, Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều; Kiêu Công Hân chiếm Phong Châu, Nguyễn Thái <18a> chiếm Tam Đái, Đỗ Cảnh Thạc chiếm Đỗ Động, Nguyễn Thủ Tiệp chiếm Tiên Du,⁽³⁾ đều giữ bờ cõi, chẳng ai thôn tính được nhau. Đạo đức trên đời đến như vậy, thì phong tục kiêu bạc hết mức đấy. Sao lại như vậy? 12 sứ quân đều là bě tôi cũ của Ngô Vương, sao đương khi Hậu chúa phải di đánh hai thôn Đường, Nguyễn, bị trúng tên thuốc độc chết, kẻ làm tôi lè ra phải di đánh trả thù rửa nhục cho Hậu chúa bàn lập vua nối ngôi để kế tiếp quốc thống của vua đời trước mới phải. Thế mà nhà vua bị hại, mà bě tôi lai yên lòng, tư xung hùng trưởng với nhau, tiếm ngôi rồi ren, đặt nguy hiệu lung tung, chẳng những chỉ có tội với đương thời, mà còn để tiếng chê cho đời sau. Rốt cuộc bị Dinh Tiên Hoàng dẹp đi là đáng lâm. Cho nên quan chép sử xếp 12 sứ quân trở về trước là Ngoại kỳ, để phân biệt nội ngoại. Từ Dinh Tiên Hoàng trở về sau là Chính kỳ, để tỏ danh phận vua tôi. Cái cơ đạo đức trên đời khi lên khi xuống đến đây có thể thấy được <18b>.

Dinh Tiên Hoàng nhân lúc nước Ngô rối loạn, dẹp 12 sứ quân. Trời cho, người theo, thông nhât đất nước, dùng các bậc Dinh Diên, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trịnh Tú làm người phò tá, đặt ra nghi lễ triều đình, lập ra quân đội. Vua chính thống của nước Việt ta là bắt đầu từ đây. Bàn về công đánh dẹp quân giặc thì vĩ đại đấy. Nhưng nhà tông miếu chưa lập, trường học chưa xây, đặt vạc, nuôi hổ để làm công cụ hình ngục; biểu tê nạp voi, chỉ vất và vê việc cống hiến. Lễ nhạc hành chính không sửa sang, mấy lần cửa canh phòng không cẩn thận, cuối cùng chính mình bị giết, nước bị nguy, tai họa đến cả đời con. Đó là không biết mưu tính để phòng từ lúc việc còn nhỏ bé đấy. Thiếu Dế tuối còn thơ ấu, nối giữ cơ nghiệp lớn lao lúc khó khăn, dắt nước nhiều tai họa, xâ tác lâm nguy, lai thêm giặc Chiêm Thành quấy nhiễu ở phía nam, quân Tống xâm lược ở phía bắc. Bọn quyền thần nhiếp chính, lòng dân trong nước lìa tan. Nhà Dinh thôi không chép nữa là vì không có mưu kế giữ <19a> nước cai trị dân đấy. Cố lẽ khi nhà Dinh dấy lên tuy là

1. ĐVSKTU lại chép là Dương Tam Kha bị giáng làm Chương Dương công, cho dắt Chương Dương làm thực úp chứ không bị Hậu chúa giết chết.

2. ĐVSKTU chép là Nguyễn Siêu chiếm Tây Phù Liệt.

3. ĐVSKTU Trần Minh Công chiếm Bồ Chinh Hải Khẩu.

do tự số trót, còn lúc suy là do đạo "tam cương" không đúng đắn dấy. Tiên Hoàng bỏ con đích lập con nhỏ, ân tình cha con sai trái. Lập 5 hoàng hậu, tình nghĩa vợ chồng rối loạn. Yêu quý Đỗ Thích để sinh họa chém giết cướp ngôi vua, mất hết đạo vua tôi. Thế thi họ Đinh dấy lên là do Tiên Hoàng, họ Đinh mất nước cũng là do Tiên Hoàng, chẳng phải trời không giúp mà mưu của người không ra gì dấy.

Lê Đại Hành cầm quyền 10 đạo, giữ chức nhiếp chính. Vua còn nhỏ, nước lâm nguy nhân thời cơ nhận mệnh trời. Giết chúa Chiêm Thành, rửa nhục cho việc sứ thần bị bắt, đánh bại quân Triệu Tống, để làm gãy cái mưu quyết thắng của nó. Dùng bọn Hồng Hiến, Cự Lang, Từ Mục, Từ An làm người giúp đỡ. Cày ruộng tịch diền ở Long Đài, mở đường bộ ở châu O, châu Lý, tuyển dụng người hiền tài, sáng lập trường học, có mưu lược lớn của bậc đế vương. Nhưng rồi làm nhiều việc thô mộc <19b>, lấy vàng ngọc mà trang sức cung điện, luôn gây việc can qua, coi dân như cỏ rác thì làm sao không suy được. Trung Tông vắng đi chiếu của Đại Hành vào nối ngôi vua, tha cho em cùng mẹ tôi cướp ngôi, giết vua thì chính sự sai lầm vì nhu nhược. Ngoa Triều không xứng ngôi vua, giết anh, ngược dãi dân chúng, dùng hình phạt bằng lửa đốt, dao cưa, làm ngực ở ngon cây, hầm nước. Ham mê tâu sá, trái với tính người, làm hại sinh mệnh, dù muốn không mất nào có được đâu. Có lẽ Đại Hành dấy lên tuy là bởi tự lòng dân, đến khi mất cũng vì "tam cương" không đúng đắn dấy. Đại Hành phế bỏ con Đinh Hoàng mà giáng làm Vệ Vương thì không còn nghĩa vua tôi. Sinh 9 con trai mà không sớm lập Thái tử, thế là không có ân cha con. Lập 5 hoàng hậu mà lại gian dâm với bồ trên là hoàng hậu nhà Đinh, thế là không có đạo nghĩa vợ chồng, chỉ biết có dục vọng mà không biết có nghĩa, chỉ biết có mưu mà không biết đến con, hay chém giết <20a> mà không tiếc sinh mệnh, thích hình phạt mà không thích đạo đức. Thân đã mất, nước cũng mất theo, là do chưa nhiều điều bất nhân dấy.

Lý Thái Tổ nhân khi Ngoa Triều thất đức, kết hợp việc diềm lành sét đánh thành chữ, hợp ý trời vừa lòng người, thừa thời mở vận; có đức độ rộng lớn nhân từ, có quy mô vừa xa vừa rộng; rời đô định dinh, kính trời yêu dân; tô ruộng được tha, có chế độ nộp thuế sai dịch; Bắc Nam thông hiểu, thiên hạ bình yên. Nhưng không nghe đạo thánh học, chưa chấn hưng phong hoá đạo Nho. Sư sãi chiếm nửa số dân, chùa chiền dựng khắp thiên hạ, không phải là đạo mồ nghiệp rủ mối. Thái Tông dung trí kiêm toàn, đánh thắng 4 phương; có đức hiếu hữu, học tập văn hoá lễ nhạc, đánh giặc, dẹp rợ nhung, khuyến khích việc làm ruộng, cày ruộng tịch diền, có chuồng kêu oan, có luật xử việc hình, là bậc vua giỏi giữ nề nếp vây. Nhưng say cảnh thiền, làm thơ đọc kệ ở chùa Tiên Du, mê khúc nhạc diêu hát Tây Thiên, không phải là đạo kinh lý việc nước, coi dân như con. Thánh Tông quý dân, trọng người làm ruộng <20b> vỗ người ở xa, yêu mến kẻ ở gần, đặt khoa Bắc học, trọng lệnh dưỡng liêm, đặt quan bí các, đặt chế độ minh luân, sửa sang việc văn, chuẩn bị việc võ, trọng nước được yên. Là vị vua hiền nổi dỗi. Nhưng dùng sức dân quá nhiều để dựng tháp Báo Thiên, hao phí tiền của dân để làm cung Dâm Dâm. Đây là chố kém. Nhân Tông thiên tư nhân hiếu, có tiếng là đức tốt, trọng việc tuyển chọn danh thần. Đặt khoa Tiến sĩ, có quan hầu Kinh diên, ban chiếu mở đường cho người được nói. Cầu người hiền, nhận lời oan, giảm nhẹ thuế khoá phu dịch, cho nên tự mình làm nên thái bình, dân được giàu có. Dáng là vua tốt, thừa hưởng thái bình. Nhưng mở

yến ở Lãm Sơn mà để mẹ vua rong chơi, đúc chuông Quy Điền để bọn tặc ni mê hoặc. Đó là chỗ kém. Thần Tông mờ mang chính sự, sử dụng hiền năng, đặt khoa Hoành tú, đặt lệnh binh nông, chính sự rất siêng năng. Nhưng quá thích diền lành, tôn chuộng đạo Phật, đánh giặc <21a> cũng quy công cho Phật; dâng hưu cũng cho làm chức quan. Sao mà ngu thế! Anh Tông đặt trường dạy võ để cho võ bị được nghiêm; sửa miếu Khổng Tử để văn phong được chỉnh; cày ruộng tích diền, đặt phép tiền tệ, trị nước thế là kỹ lưỡng đầy. Nhưng không phân biệt được kẻ gian tà, thường phạt bất minh, yêu quý gian thần mà mờ đường tương cước, sùng tín Phật, Lão mà đặt khoa thi Đăng đao. Sao mà tôi tám đến thế! Cao Tông lúc ban đầu chỉ tin dùng các hiền thần là Tô Hiến Thành, Lý Kính Tu cùng lo việc chính trị, giáo hoá, ban lệnh cứu giúp người nghèo, xuống chiếu cầu bắc hiền tài cho nên từ năm Thiên Tư Gia Thụy về trước chính sự còn coi được. Đến năm Thiên Gia Bảo Hưu về sau việc thủ mộc mọc lên nhu nấm, giặc già nổi lên như ong. Diêm mít nước bắt đầu từ đây. Huệ Tông say đắm hoang dâm, giao chính sự cho bọn quyền thần là Trần Trung Tự, Trần Tư Khánh⁽¹⁾. Vua yếu tôi mạnh, trời oán dân cấm, chính sách bạo ngược, hình pháp phiền phức, dân cùng cực, trộm cướp nổi lên. <21b> Diêm mít nước quyết định từ đây; lại thêm Chiêu Hoàng là vua con gái, gánh vác không nổi Họ Trần nhân đó mà di chuyển ngôi vua nhà Lý. Thật đáng tiếc thay.

Và lại bàn rằng: triều nhà Lý qua 8 đời vua, truyền ngôi hơn 200 năm. Những bậc đáng khen như: Thái Tổ có độ lượng của bậc đế vương; Thái Tông có tư chất thông minh dũng cảm; Thánh Tông có lòng nhân đức thương dân; Nhân Tông có đức tính ban ơn cho dân. Nhưng Thái Tổ lập 3 hoàng hậu, tình vương viu mà đạo nhà không đúng đắn. Thái Tông làm 5 ngọn núi. Đang lúc có tang mà lại vui chơi, là kém về đạo hiếu. Thánh Tông di theo vết xe của Thái Tổ mà lập hoàng hậu quá chế độ. Nhân Tông nghe lời mẹ đẻ mà giam giết mẹ đích. Việc cấm các quan gà chồng cho con gái là do Thần Tông ham mê sắc đẹp, yêu chuông kẻ bè tôi dâm loạn đều là cái lỗi Anh Tông yêu dùng kẻ gian tà đầy. Cao Tông lấy hoang dâm làm thích; Huệ Tông <22a> lấy tửu sắc làm vui; đạo tu, tề, tri, bình của bậc đế vương quả như thế đó sao? Bè tôi trong triều, có Lý Dao Thành là người được ký thác con cái, Tô Hiến Thành giúp chính sự, cũng gần như lòng trung ái của Y Doãn, Chu Công. Cố nhiên là đáng khen đầy. Còn các bậc như Đào Cam Mộc, Đào Thạc Phụ, Lương Nhận Văn, Đào Xử Trung, Lý Đạo Kỳ, Liêu Gia Trinh, Kim Anh Kiệt, Tào Lương Hàn, Dương Cảnh Thông, Nguy Trung Hoảng, Lưu Vũ Nhị, Lý Công Bình, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Kính Tu không biết giúp vua để trở thành phong tục tốt đẹp, cho nên nên thịnh trị không bằng đời xưa là phải. Còn như Đỗ Anh Vũ kiêu dâm, Đàm Dí Mông ngang ngược có kẻ làm gì.

Trần Thái Tông chịu mệnh trời, nhận ngôi của Lý Chiêu Hoàng, có đức nhân hậu, có nét gián dà trang trọng, đánh giặc bảo vệ dân, đặt khoa thi chọn hiền tài. Tể tướng thì chọn người tôn thất tài năng; triều diển thì định ra lẽ nghi hình luật. Chế độ <22b> nhà Trần từ đây thịnh hưng. Nhưng đức xấu chốn buồng the là noi theo thói dâm hồn của Đường Thái Tông. Thánh Tông có lòng nhân thứ, có đức hiếu đế, yêu quý hoà thuận

1. Trần Tư Khánh: DVSKTII chép là Trần Khánh Du.

với họ hàng, tôn người hiền, trong đạo đức. Chon người tài giỏi để hầu Kinh diên, tuyển người đức hạnh để phò thái tử. Cơ nghiệp nhà Trần do đó mà vững chắc. Nhưng say mê đạo Phật, trở thành tệ như Lương Vũ Đế. Nhân Tông được tinh hoa của bắc thánh hiền, có tướng mạo của thần tiên, thể chất hồn hậu vẹn toàn, nhân từ hoà nhã bình dị, ban chiếu cứu trợ người nghèo do đó lòng người càng cố kết. Chọn tướng chống giặc, dẹp yên được giặc Nguyên, sự nghiệp trùng hưng rực rỡ thiên cổ, dù gọi là bắc vua hiền của nhà Trần. Nhưng, lưu tâm vào đạo Phật mà dựng am Thiên Kiên, nuôi dưỡng tăng ni mà đúc đình Phổ Minh, chẳng phải là đạo của bậc đế vương. Anh Tông định ra cấp bậc quan văn, võ ở triều đình, đặt ra chế độ khoa cử cho học trò. Khi đại hạn thì soát ngực tha tù; năm đói to thì cho vay phát chẩn <23a> Đạo tri nước thì lấy việc nuôi dân làm gốc; về chính sự thì dùng phong hóa, phép tắc làm đầu. Văn vật chế độ đổi mới. Cũng dù là bậc vua hiền của nhà Trần. Nhưng theo bọn sa môn ở núi Yên Tử, làm nhoc sức dân, xây gác Ánh Vân, không phải là độ lương của bậc đế vương.

Minh Tông nỗi ngôi giữ cơ nghiệp, chăm việc chính sự, xét kỹ việc làm. Cầm cha con tố giác nhau cho đạo đức của dân được tôn trọng; cắp hộ khẩu cho quan văn võ để nuôi dưỡng tính liêm khiết của bè tôi. Sai tế thần khi thu hoạch ruộng tịch diên, là coi trọng việc nông trước đấy. Dụng nhà Thái học để cho thi học trò là chăm lo chọn học trò đấy. Khoảng năm Dai Khánh, Khai Thái việc lớn việc nhỏ đều được tiến hành, trong ngoài đều yên ổn, dù gọi là đời vua thái bình thịnh trị. Nhưng tuổi tác đã cao, ngôi thái tử chưa định, nghe lời gian thần là Trần Khắc Chung để đến nỗi Quốc Chẩn phải chết. Há chẳng phải làm thương tổn cho sự thông minh nhân nghĩa đó sao? Hiến Tông nhỏ tuổi nối ngôi, trên có Minh Tông nắm quyền, dưới có hiền thần phò chính, trên dưới cùng sửa sang, hành động không bị làm lỗi, nếu trời cho tuổi thọ thì đạo đức <23b> của vua, chính sự của nước cũng có thể coi được, nhưng hưởng lộc nước không được lâu, tiếc thay!

Dụ Tông tính thông minh nhanh nhẹn, học vấn cao minh, giỏi võ hay văn, từ Di đều phục. Thời Thiệu Phong Đại Trí chính sự đều được ban hành, dường như có phần đáng khen đấy. Nhưng khi tuổi già, tin dùng Trâu Canh làm diều loạn luân⁽¹⁾ mở sòng đánh bạc, giong chơi không chừng mực, đối kém xảy ra luôn. Cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đấy. Nghệ Tông dẹp yên tai nạn bên trong, khôi phục ngôi cũ, thực lòng kính tròn thương dân, có quy mô giữ nước mưu trí, có khoa thi lấy học trò ở Tiên Du, làm tập *Dư hà* ở cung Bảo Hoà, định chế độ lễ nghi trong triều đình, bỏ lệnh cắt lấy đất bãi. Quy mô công trạng rõ rệt trời. Nhưng đức cung kiệm có thừa, mà tài quyết đoán không đủ. Ngoài thi giặc Chiêm Thành xâm lấn kinh kỳ, trong thi giặc Hồ ngập nghé ngôi báu. Cơ nghiệp nhà Trần do đấy mà mất <24a>. Duệ Tông lúc mới lên ngôi, lưu tâm tính việc trị nước, tuyển tướng luyện binh, đặt khoa thi lấy học trò có bài để chấm, có sách *Hoàng huán*, dường như có thể làm khá được, nhưng tin dùng người họ ngoại, mở ra mưu kế của kẻ gian thần tiếm ngôi, gạt từ sổ can ngăn trung thực của Lê Tích, nghe lời tâu gian trá

1. Điều luận Java, Chỉ việc Dụ Tông không đậm với chí xuất là Thuần Niên.

của Tử Bình, thân chinh đánh Chiêm Thành, khinh thường vào động Ỷ Mang, vội vã dùng binh chuốc lấy tai và, rốt cuộc bờ mình. Giản Hoàng càng như lòng dạ trẻ con, giữ đức tính không thường, chuyển của quý dấu ở núi Thiên Kiện, ban cờ kiếm hâu đai cho Quý Ly, chống giặc không có mưu, uy lệnh không chấn chỉnh. Cuối cùng khiến cho người mặc áo Bồ Hoàng⁽¹⁾ dắc chí, mà mình phải cầm tù ở chùa Tư Phúc.

Thuận Tông nghe theo mệnh lệnh của đưa quyền thần, ngồi giữ ngôi không. Công việc ở Kim Âu chưa xong, tiệc yến ở Thạch Thành dang nồng thì các công hầu người bị giết, người thì về núi Chí Linh ở ẩn⁽²⁾ rốt cuộc để cho Xích Chuỷ⁽³⁾ hoành hành rồi bị bức giết ở quán Ngọc Thanh⁽⁴⁾. Thiếu Đế đương tuổi trẻ thơ, quyền bờ vua lập vua đều từ miệng Hồ Quý Ly đưa ra và cơ <24b> nghiệp nhà Trần bị mất.

Và lại bàn rằng: Nhà Trần trải qua 12 đời vua, hưởng nước hơn 170 năm. Các vua đáng khen như: Thái Tông có độ lượng của bậc đế vương, Thánh Tông có đức nhân hậu, Nhân Tông có công lấy lại cơ đồ, Anh Tông có lòng đại hiếu, Minh Tông có tài văn trị, Nghệ Tông có công khôi phục, nhưng Huệ Tông bị giết, mất đạo vua tôi. Người nhân không làm như vậy. Lấy Linh Từ làm vợ là trái đạo vợ chồng, người nghĩa không làm như vậy. Đường đường là thiên tử mà làm sư ở Trúc Lâm, người trí không làm như vậy. Là con gái nhà vua nghiêm chỉnh mà gả cho Chiêm thành, lẽ không làm như vậy. Đích thân di đón vợ của con là loạn luân đấy, yêu mến quyền thần họ ngoại là chính sự mục nát đấy. Đạo tu, tề, trị, bình <25a> của bậc đế vương quả là như thế chăng? Bề tôi ở triều đình, có Trần Nhật Duật lập công ở cửa ai Hàm Tử, Trần Quốc Tuấn dâng tích chiến thắng ở sông Bạch Đằng, cũng ngang với danh dự Quách Phàn Dương và Khấu Lai Công, tất nhiên là cũng đáng khen. Còn các bậc hiền tài như Trần Quang Khải, Phùng Tá Chu, Trần Nguyên Dán, Phạm Ngũ Lão, Đoàn Nhữ Hài, Trương Hán Siêu, Đinh Cửng Viên, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Bá Quát đều không ngăn cản được lầm lỗi của vua thì sự thịnh trị không bằng đời xưa. Còn gian tà như Trần Khắc Chung, tham bẩn như Trần Khánh Dư, thi bàn làm gì? Đại để sự suy vong của triều Lý, triều Trần tuy là do cương thường rối loạn, mà cũng còn do mê tín dị đoan, phát tiền kho để làm tượng Phật, phát kho đồng để đúc chuông to, phát kho giấy để viết kinh Phật. Triều nhà Lý thờ Phật cẩn thận đấy, nhưng giết con cháu nhà họ Lý lai là Trần Thủ Độ, con người gian hiểm. Là thiên tử mà làm đại si; <25b> là phi tần mà làm sãi vai; là vương chúa mà làm tăng chúng, nhà Trần thờ Phật kính cẩn đấy, nhưng giết các tôn thất nhà Trần đều do sự gian giảo của Hồ Quý Ly. Khi mất nước mà Phật cũng không che chở được. Vậy việc thờ Phật, nào có ích lợi gì đâu.

Còn như Hồ Quý Ly dựa vào người thân ở nội đình, quen thói ác của kẻ gian thần, tàn bạo với dân, lừa vua để cướp ngôi báu, tội chất nặng, dân oán hờn, giặc Minh vào đánh, thân bị tù, nước bị mất, chết làm vua quê người cuối cùng bị thiêu hạ chè cười. Hồ

1. Áo Bồ Hoàng: Chỉ Hồ Quý Ly.

2. Chỉ Trần Nguyên Hân.

3. Chỉ Hồ Quý Ly.

4. Quán Ngọc Thanh: Thuận Tông bị bức chết ở quán Ngọc Thanh sau khi đã nhường ngôi.

Hán Thương kế thừa ngôi cướp được, thi hành chính sách tàn bạo với dân. Người Minh sang xâm lược nước Nam thì non sông bị mất, xã tắc thành gò hoang, lưỡi trai lồng lộng, thua mà không lọt. Than ôi, lẽ không gì lớn bằng phận, phận không gì lớn bằng danh. Danh phận là đề phòng của nhà nước, không thể không cẩn thận. Danh phận chính thì cương thường vững. Long Đĩnh là em mà giết anh <26a> để cướp nước, là tên loạn tặc hang nặng, thế mà sử thần lại chép là "hoàng đế" thì là danh không chính đáng. Quý Ly là bồ tát giết vua để cướp ngôi, tức là đầu sỏ bọn gian thần, thế mà sử thần lại chép là "thiên chúa", thế là danh phận không rõ ràng đấy. Nếu theo phép Kinh Xuân Thu, định khen chê công bằng, cố nhiên phải tước bằng hiệu giả của Ngao Triều để trừ kẻ nghịch tặc, bỏ hiệu lấn cướp của Quý Ly để trùng trị kẻ gian thần. Như vậy mới chính được danh phận ở đương thời, giữ gìn cương thường cho muôn đời, mà sự sai lầm của sử thần mới rửa hết được. Còn như bồ tát trung nghĩa của nhà Trần như Chu Cư Kính, Trần Bình Trọng, Nguyễn Hân, Trần Tích, Nguyễn Cán, Đào Khiết, Trần Thực, Lê Giác, Trần Thiệu, Phạm Huyền Linh, Lê Á Phu, Nguyễn Sứ⁽¹⁾, Nguyễn Văn Nghê, Nguyễn Kha, Lê Lặc, Lưu Thường, Nguyễn Kháng, Hà Đức Lân, Trần Khát Chân, Lê Nguyên Bưu, chính khí vẫn còn, tiếng thơm không mất và lời khen tiếc nghĩa không thể thiên lệch được. Vì nhà Trần muốn báo thù thì lòng của Bùi Bá Kỳ cũng như lòng của Bao Tu, Dự Nhuượng⁽²⁾ đấy. Xin lập con cháu nhà Trần làm vua thì lòng của Lê Cảnh cũng như lòng của Cửu Phạm, Nhân Kiệt đấy. Tờ thư Vạn ngôn, lòng trung thành thấu tối mặt trời mặt trăng, há chẳng phải do sức của đạo Nho đó sao? Tờ sớ thất trám, nghĩa khí cảm động quỷ thần, há chẳng phải công của đạo Nho đó sao? Tiếc rằng vua thời đó tối tâm không biết nghe theo để đến nỗi diệt vong, không đáng cho là lạ.

Đến khi Giản Định Đế đòi Hậu Trần lên ngôi trong lúc phiêu dạt, có các ông Đặng Tất, Cảnh Chân hiệp mưu giúp đỡ, hăng hái cầm quân đi đánh giặc Minh. Trận đánh ở Bô Cô, khôi phục được ngôi vua nhà Trần tức là đạo quân nhân nghĩa đấy. Sao lại nhẹ dạ nghe lời gièm pha vội giết tướng giỏi, nhanh chóng chuốc lấy sự thất bại. Trùng Quang đế lên ngôi trong lúc loạn li, có các bậc như Dặng Dung, Nguyễn Súy cùng nhau giúp sức, mưu tính cơ nghiệp nhà vua <27a>. Trận đánh thắng ở Thái Đà, thanh thế quân lùng lẫy, đáng gọi là trận đánh phục thù. Rồi sao tướng suý lại bất hoà, bỏ lỡ cơ hội, dẫn

1. DVSKTT chép là Nguyễn Quyết.

2. Bao Tu, Dự Nhuượng: Bao Tu là quan đại phu nước Sở thời Xuân Thu và là bạn thân của Ngũ Viên. Ngũ Viên bị vua Sở giết và cả gia đình phải ra nước ngoài. Khi đi trốn gặp Bao Tu, Ngũ Viên nói: "Tôi quyết diệt nước Sở". Bao Tu nói: "Tôi quyết giữ nước Sở". Ngũ Viên mượn quân nước Ngũ về đánh nước Sở, đào mìn vua Sở đánh vào thây. Bao Tu mượn quân Tần, vua Tần không cho, Bao Tu đứng ngoài sân vua Tần khóc 7 ngày, vua Tần cảm động phái cho quân sang đuổi quân Ngũ về nước.

Dự Nhuượng là người nước Tần thời Chiến Quốc. Lúc đầu thờ Trung Hàng, sau bò Phạm Trung Hàng thờ Tri Bá rất được Tri Bá tôn trọng, sau Tri Bá bị Triệu Tương Tử giết chết. Ông đã bồi sơn vào mình già làm hùi, nuối than già cầm đũa lừa giết Triệu Tương Tử nhưng bị bắt. Khi bị bắt Triệu Tương Tử hỏi: "Sau đã thờ Phạm Trung Hàng lại thờ Tri Bá?". Dự Nhuượng nói: "Phạm Trung Hàng dâng tôi như một người thường thì tôi cũng đổi xử như một người thường. Tri Bá dâng tôi như một bậc quốc sĩ (người được cả nước tôn trọng) nên tôi cũng lấy tu cách một bậc quốc sĩ đáp lại".

đến chỗ mất nước. Than ôi! Đặng Tất, Cảnh Chân vì lời gièm bị giết, rồi người Minh vào cướp nước. Xem như Đàm Đạo Tế⁽¹⁾ bị giết thì người Ngụy đến xâm lăng, Nhạc Vũ Mục⁽²⁾ bị giết thì người Kim vào đánh chiếm. Kẻ gian nịnh gièm pha làm đổ nước người ta, trước sau cùng một lối. Khi nhà vua dùng người bỏ người không thể không cẩn thận.

Nhà Nhuân Hồ bị bắt, Hầu Trần cũng mất theo. Đất nước bị chia sẻ, như bể quả dưa, như xé mảnh vải hơn cả cuối thời Chu. Quan lai hình phạt thảm khốc hơn ngày nhà Tần khi mất nước. Do đấy người Minh thà sức tàn bạo, dân chúng làm than chưa bao giờ như lúc này.

May nhờ đạo trời trở lại, lòng người hợp thuận, quốc triều Thái Tổ Cao Hoàng Đế có tư chất trí dũng nhu Thành Thang nhà Ân, dấy quân nhân nghĩa như Vũ Vương nhà Chu, thu dũng bậc hào kiệt quét sạch yêu ma. Tuy tướng nhà Minh dữ tợn <27b> như bon Liêu Thắng, Lương Minh cũng phải thua trận mà chôn xác về. Xảo quyết như lũ Thôi Tu, Hoàng Phúc cũng phải hết kẽ và tự trói tay đầu hàng. Hơn 20 năm loạn lạc, một sớm đep yên. Non sông nhờ thế mà đổi mới, đất nước nhờ thế mà bình yên. Do nhà vua có đức tính trí dũng, khoan nhân, vua tôi đồng tâm hiệp lực mới được như vậy.

HẾT PHẦN TỔNG LUẬN

1. Đàm Đạo Tế: Người nước Tống. Dành Tần diệt Ngụy có công nhưng bị triều đình ngờ vực giết chết.

2. Nhạc Vũ Mục tức Nhạc Phi người thời Tống đánh thắng quân Kim, sau vì Tần Cối gièm pha mà ông bị giết

DAI VIỆT SỬ KÝ TIEN BIÉN

NGOẠI KÝ

QUYỀN I

<1a> Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Theo thiên Vũ Cống⁽¹⁾ thi nước Việt ở phía nam Dương Châu. Theo sách Thiên quan từ sao Đầu 11 độ qua sao Khiên Ngưu đến Tu Nú 7 độ là Tinh Kỳ. Nói về sao là ở ngôi sưu cùng phân dã với nước Ngô. Vua Nghiêng sai Hy Thị ở Nam Giao, tức là đất An Nam ta ngày nay. Tương truyền cõi phía nam là của đất Việt, có rất nhiều xứ như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt. Cho nên gọi là Bách Việt. Và miền này ở phía nam Dương Châu nên lại gọi là Nam Việt. Từ thời Hán trở về trước thì Ngũ Linh về phía nam thuộc đất Nam Việt; An Nam là địa giới phía nam đất Việt bèn đặt làm quốc hiệu chung.

KÝ HỌ HỒNG BÀNG

<1b> Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Xét từ sau khi hội dân sinh ra loài người, loài người dã nhiều, tất phải có người trội hơn làm vua. Bắt đầu từ Nhân Hoàng cho đến Thần Nông có lẽ là kỷ thứ 9 trong 10 kỷ gọi là Thiên Thông dây. Từ Thiên Thông trở về trước mấy vạn năm há đều là mờ mịt cả sao? cõi Nam dãng đặc, có núi sông tất có loài người. Thế mà mãi đến cháu 4 đời của vua Thần Nông là kỷ Sơ hốt, bắt đầu của 10 kỷ, rồi sau mới có vị đế vương hay sao? Huống hồ sù thời Thần Nông chép rằng: "Phía nam vỗ về đất Giao Chỉ", thì vốn dã tư thành một nước, không lẽ không thống thuộc vào đâu. Không dù sách vở và bắc hiền tài, không được nghe truyện ký. Trước thời Hồng Bàng, cho rằng không có vua chăng? Hay là có vua chăng? Sẽ khảo cứu vào đâu? Truyền dặt ra trước, sử thuật lại sau, nhân đây chép lên đầu Ngoại kỷ.

<2a>

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Tổ tiên nước Việt ta tương truyền vua đầu tiên gọi là Kinh Dương, là dòng dõi vua Viêm Dế, họ Thần Nông, trước kia cháu 3 đời của họ Thần Nông là Dế Minh, đi tuần thú đến Hải Nam, gặp con gái Vụ Tiên lấy làm vợ, sinh con là Lộc Tục. Lộc Tục tinh thần doan chính, có đức tính của thánh nhân. Dế Minh yêu quý lạ thường, muốn lập làm thừa kế. Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Dế Minh bèn phong cho đất Nam Việt. Đó là Kinh Dương Vương; Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình sinh ra Lạc Long Quân (sú).

¹ Vũ Cống: Tên sách cổ của Trung Quốc.

chép năm Nhâm Tuất thứ 1, Kinh Dương Vương đặt quốc hiệu là Xích Quỷ, nay bỏ đi)

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Nước Nam gây dựng, tuy sau đời vua Hy và Hiệt mà chữ nghĩa chưa lưu hành, ghi chép thiếu sót thứ tu đời trước đời sau, năm tháng gần hay xa, trong vòng cha con vợ chồng, chính trị, vua tôi, nhân vật phong tục, truyền dung hay sai, tất cả đều không có chứng cứ. Khổng Tử nói rằng: "Ta vẫn thấy <2b> chép sù có chữ phải bỏ thiếu dấu". Chu Khảo Dinh nói rằng: "Đọc sách không nên để quan làm sù lừa dối." Cho nên chữ Quách Công, Hạ Ngũ trong Kinh Xuân Thu còn tồn nghi. Mạnh Tử đối với Thiên Vũ thành chí lấy hai, ba đoạn mà thôi. Nếu sưu tầm rộng rãi chỉ dùng lời mà không xét đến lẽ, tác giả dối ta, ta tin rồi lại dối người khác. Bậc quân tử đối với điều mình không biết há lại bừa bãi thế sao? Nay xét phần Ngoại kỳ chép: Năm Nhâm Tuất thì bắt đầu Giáp Tý là năm nào? Ghi chép tên huý Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân sao riêng lược bỏ vua Hung Vương? Thời Ngũ Đế trả về trước chưa từng gọi là vương. Xích Quỷ là tên nào, mà để làm tên nước. Một loạt hoang đường càn rô đều là đáng bỏ đi. Cái lỗi ấy lại tai ké hiểu sự thấy trong Liễu Nghị truyền thư. Trong truyện nói con gái vua Đặng Dinh gả cho con thứ của Kinh Xuyên Vương, tướng càn Kinh Xuyên là Kinh Dương. Đá có vợ chồng thì có cha con, vua tôi nhân đó mà thêu dệt thành văn, cốt cho dù số đời vua, nhà làm sù theo dây mà chọn <3a> dùng, và cho là sự thực. Phan những chuyện lấy từ [Lĩnh Nam] chích quái, [Việt điện] u linh, cũng như Bác sù lấy ở kinh Nam Hoa⁽¹⁾ và thiên Hồng Liệt dây⁽²⁾. Như vậy là có dắt thì có vua, sù vát tất phải có lúc ban đầu. Nếu cho tất cả đã sù là không dù tin thì cần cù vào dây để chuẩn bị cho những tác phẩm lớn? Cái gì gần với lẽ phải thì giữ lại, những loi thô bỉ, không căn cứ thì tước bỏ đi là được dây. Sù chép: Đế Minh lấy con gái Vũ Tiên sinh được Kinh Dương Vương và sù Nguyễn Nguy chép lời ngan ngứu rằng: Cụ Phan Hoàng để không có vợ, việc đó cũng tương tự. Bậc đế vương nổi lên chung đực diêm lành khac với người thường có thể có lý. Còn như việc Kinh Dương Vương lấy con gái vua Đặng Dinh, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, dưới nước trên can kết hôn với nhau, người với thần ở lẩn với nhau, lời nói như không hợp lẽ thường. Tôi trộm nghĩ, trời đất từ khi mờ mang đến nay, nước ta ở nơi hoang phuc xa xôi, vẫn hoà so với Trung Châu là chậm nhất, nước lụt thời vua Nghiêu chưa rút hết, vac thời vua Vũ chưa dúc, mènh mang biển quế⁽³⁾ <3b> vẫn là một cái đám của rồng rắn ma quỷ. Những chuyện quỷ quái chỗ nào mà chẳng có. Nước rái rồng sinh ra người con gái⁽⁴⁾ chuyện xưa còn có, huống hồ thời Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân. Việc như là lạ mà không phải là lạ, cũng không nên tự coi mình nhỏ bé như con sâu mùa hè vậy.

1. Nam Hoa: Tên sách kinh của Trung Quốc.

2. Hồng Liệt: Tên sách, tên gọi tắt của Hồng Liệt huân.

3. Biển Quế: Dịch chữ "Quế hải". Phương Nam có nhiều quế nên gọi là Quế Hải.

4. Rái con rồng mà sinh ra người con gái: Chỉ việc vua nhà Hạ sai bắc rái con rồng cái vào rương; qua nhà Hạ nhà Án đến thời Lê Vương nhà Chu mới mở ra xem, rái con rồng chảy ra hoà thành con dài chạy vào hâu cung đưa con thứ 7 của vua 8 tuổi giẫm phải rồi co thai. Đến năm 15 tuổi đẻ ra một người con gái, chính là Ban Tu.

LẠC LONG QUÂN

Con Kinh Dương Vương là Sùng Lâm lên ngôi, gọi là Lạc Long Quân. Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra 100 con trai (tục truyền Âu Cơ sinh ra 1 bọc có 100 trứng nở thành 100 người con trai), một hôm, bảo Âu Cơ rằng: ta là Rồng, Âu Cơ là Tiên, nước lửa xung khắc, khó sống với nhau. Thê là chia nhau, 50 người con theo cha về biển, 50 người con theo mẹ lên núi, suy tôn người con cả làm vua nối ngôi hiệu là Hùng Vương.

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: Theo truyện chép thì Lạc Long Quân thường về động dưới nước, <4a> dân có việc gì thì hô to rằng: "Bố ở đâu? lai đây giúp ta". Long Quân lai ngay. Lúc đó Đè Lai con của Đè Nghi, đi tuần dến Phương Nam, đi chơi khắp núi sông xem phong cảnh. Người vua yêu là nàng Âu Cơ một mình ở lai hành cung. Người trong nước khổ về vua Phương Bắc quá nhiều, lai gọi Long Quân ra. Long Quân thấy Cơ thì thích đưa về biển. Đè Lai đến hành cung không thấy Cơ đâu buồn bã quay về Bắc. Nhà viết sử tránh việc ấy, mà nói là lấy con Đè Lai, vì cho việc con gái theo trai như con chim Thuần và nói chuyện đức hạnh như con chim là xấu hổ, đều không nên nói, chỉ bằng bô di. Truyện lại chép: Lạc Long Quân ở dưới nước lâu, mẹ con Âu Cơ muốn về Bắc nhưng không được, kêu gọi Long Quân, Long Quân bèn chia đôi số con, mỗi bên một nửa, theo mẹ lên núi và theo cha xuống nước, có việc gì thì cho nhau biết. Khi đã từ biệt nhau, Âu Cơ dát 50 người con lên ở Phong Sơn, suy tôn người con trưởng làm vua gọi là Hùng Vương. Người làm sứ <4b> muốn lấy việc theo cha là chính thống do đó đã thay đổi lời văn là 50 người con theo cha ở phía Nam, mà chép nói chữ "Hùng Vương" xuống dưới, làm cho sự thực lẩn lẩn, độc giả không thể không nghi ngờ. Giả sử Long Quân không phải là giống của Động Đình thì không bàn làm gì; Long Quân mà quả là giống của Động Đình, thi giống ở dưới nước không thể lên cạn được; những người con theo mẹ ai mà không thuộc vào Long Quân, sao lại cứ người theo cha mới làm vua còn người theo mẹ là man di? Xét sử cũ, sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Thời Hùng Vương đặt chư hầu làm phên giậu chia nước ra làm 15 bộ. Ngoài 15 bộ ra, các nơi đều có trưởng tá, còn các con thú đều theo thú tự chia nhau mà trị. Lời nói rõ ràng cần mẫn, hoàn tất, hình như không phải là quy mô thời xa xưa. Lại ngoài 15 bộ còn có đất nào có thể chia được? Lại bảo 15 người con theo mẹ về núi, mẹ làm quan trưởng <5a> các con đều làm chủ một phương, rồi lấy man từ. Ngày nay có tên gọi là "nam phu dao", "nữ phu dao" làm chứng. Không biết rằng cái thuyết ấy có cơ sở hay không? Có người hỏi rằng: Cái bọc trăm trứng có hay không? Trả lời rằng: Con rồng sinh ra tức là phi thường, việc đẻ ra trứng có gì là lạ, cũng là thuyết vớ vẩn.

HÙNG VƯƠNG (CON CỦA LẠC LONG QUÂN)

Hùng Vương đã lên làm vua, đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (theo sử cũ thì nước phía đông giáp biển, phía tây đến Ba Thục, phía bắc đến hồ Đông Đình, phía nam giáp nước Hồ Tôn tức Chiêm Thành ngày nay), chia nước làm 15 bộ, gọi là Giao Chỉ, Chu Djên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyễn, Luc

Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng và Cửu Đức. Nơi vua ở gọi là Văn Lang, con trai vua gọi là Quang Lang, con gái vua gọi là Mỹ Nương, tướng vẫn gọi là Lạc hầu, tướng vũ gọi là Lạc tướng, các quan gọi là Bồ chính. Đời đời cha truyền cho con gọi là Phụ đạo. <5b> Tương truyền là đã truyền cho nhau 18 đời đều gọi là Hùng Vương.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Xét bờ cõi đất đai nước Việt ta, từ thời Hán đã chia làm 7 quận, 56 huyện gọi là bộ Giao Châu, bắt đầu có chỗ để khảo chứng. Đến thời Tân, thời Tuỳ về sau có cả sự theo cũ, đổi mới. Đến thời Đường đặt ra dạo Linh Nam, lấy An Nam riêng làm phủ đô hộ, gồm 12 quận, 59 huyện tức là 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam trong số 7 quận của thời Hán. Trong đó có những nơi theo cũ, nơi đổi mới, tách chỗ này ra thuộc vào chỗ kia và cương giới nước An Nam ta đến đây mới ổn định. Nay lấy tên bộ do Hùng Vương đặt ra mà tìm địa chí các đời. Ở Đường thư gọi là Giao Chỉ, gọi là Chu Diện thuộc quận Giao Chỉ; gọi là Cửu Chân thì thuộc quận Ái Châu; gọi là Cửu Đức gọi là Việt Thường thì thuộc quận Hoan Châu; gọi là Phúc Lộc thì thuộc quận Đường Lâm; gọi là Thang Tuyên thì thuộc quận Thang Tuyên (sử cũ nói Đường Tuyên là nhầm); gọi là Ninh Hải <6a> thì thuộc quận Lục Châu; gọi là Hoài Hoan thì thuộc quận Diển Châu; Vũ Định trước thuộc quận Giao Chỉ thời Tuy đổi thành Long Bình. Lại theo Đường thư có 3 huyện thuộc châu Vũ Định gọi là Nhu Viễn, Phúc Lộc, Đường Lâm. Có thể lúc đó lấy Nhu Viễn hoặc Đường Lâm làm Vũ Định cùng với Phúc Lộc đều làm bộ. Vũ Ninh ở thời Tân là huyện thuộc Giao Chỉ; Tân Hưng ở Phong Châu Giao Chỉ thời Ngô mới chia đặt làm quận. Riêng Lục Hải, Bình Văn về sự thay đổi thì không rõ, tướng cũng là quận huyện thuộc địa giới phủ đô hộ mà người thời Đường thay tên mới không thể tra cứu được dáy thôi. Nếu nói nước Văn Lang phía bắc đến Đông Dinh, tức là thời Hùng Vương đã có đất 7 quận của nhà Hán. Xét ra Nam Hải, Quế Lâm và nửa Tượng Quận, từ thời Tân chưa đặt ra, trở về trước đều là nòi giống bộ lạc moi ro, như Đông Giao, Linh Bật đều xung vuông xung trưởng với nhau. Hùng Vương làm sao mà co được. Lại Hùng Vương ở thời Nghiêu Thuấn, miên hiếm <6b> Đông Dinh là nơi hiếm trú dương bị tam Miếu ngăn trở thì sao dia giới phía bắc nước ấy lại có thể đến đó được. Có lẽ từ khi Tân hàng phục được Bách Việt, Lưỡng Quảng mới làm quận huyện, Triệu Vũ nhờ mệnh lệnh của nhà Tân nhận khi loan moi chiếm cứ được. Từ Nam Hải, Phiên Ngung trở vào phía nam, từ Khánh Viễn, Tư Ân, Thái Bình trở ra phía bắc, nơi gọi là Nan Việt thì Giao Châu không ở trong đó. An Dương kỳ có chép là Nhâm Hiêu, Uý Đà dem quận đến xâm lấn; lại trong Đông Hán dia chí thì Giao Chỉ là nước của An Dương Vương cách phía nam Lạc Dương một vạn mốt nghìn dặm, há chẳng phải rõ ràng là nước của An Dương Vương trở về trước là bờ cõi của đất An Nam ngày nay đó sao? Thiên Nghiêu diễn nói: Ở đất Nam Giao. Sứ nhà Chu nói: Phía nam đất Giao Chỉ. Vậy từ thời Nghiêu đến thời Chu nước ta đã có giới hạn rõ ràng. Cái gọi là phía tây đến đất Ba Thục! Xét thấy nay miên Tân cùng đất Hung Hoá thông đến đất Văn Nam là đất Thục xưa. Cho nên An Dương Vương từ Ba Thục mà thôn tính Văn Lang. Như thế là chứng nghiêm được dáy <7a>. Theo Hoàng Giản lục ghi chép đất của nước ta: Phía đông đến biển, phía tây đến Văn Nam, phía nam đến Chiêm Thành, phía bắc đến Quảng

Tây, phía đông bắc đến Quảng Đông, phía tây nam đến Lào Qua cùng với sú cũ ghi chép cũng như nhau. Nhưng cho Hồ Tôn là Chiêm Thành là không có cứu dãy. Người xưa làm địa chỉ 1 châu 1 huyện cũng phải nói rõ về 8 cõi, hướng hồ là một nước? Cho nên không thể không biện luận!

Lúc bấy giờ dân ở rìa núi thấy vùng nước như các sông ngòi có cái lợi tôm cá, kéo nhau đi bắt để ăn, thường bị các loài rắn cắn hại, bèn tới vua nói rõ việc ấy. Vua nói: Giống man ở núi thật khác với loài ở dưới nước, nó yêu loài giống nhau, ghét loài khác nhau cho nên như thế, bèn sai moi người lấy mực vẽ loài quỷ quái vào mình. Từ đó các loài rắn trông thấy không cắn hại nữa. Tục vẽ mình của người Bách Việt có lẽ bắt đầu từ đó.

Nước Việt ta bắt đầu thăm hỏi nhà Chu, tự xưng là Việt Thường thi <7b> dâng con bạch trĩ, 9 lần phiên dịch mới tới được Chu Công uý lạo cho vẽ, ban cho 5 cỗ biển xa làm phép hướng về phương nam, cho sứ giả chở về.

Lập đền thờ thần ở hương Phù Đổng (sử cũ chép thời Hùng Vương, hương Phù Đổng, bộ Vũ Ninh có một người nhà giàu, sinh ra đứa con 3 tuổi ăn uống béo tốt mà không biết nói cười. Gặp khi trong nước có giặc, nhà vua sai người tìm người đánh giặc bỗng em bé bảo với mẹ mời sứ giả đến rồi nói: "Ta được một thanh kiếm, một con ngựa thì nhà vua không phải lo". Nhà vua ban cho kiếm và ngựa, em bé lập tức nhảy lên ngựa, vung kiếm lao về phía trước, quan quân chạy theo sau đánh nhau với giặc ở núi Vũ Ninh. Bọn giặc trả giáo đánh nhau, chết rất nhiều. Bọn còn lại lạy hô là tướng của trời, liền đầu hàng cả. Em bé nhảy lên ngựa bay lên không trung, rồi biến mất. Nhà vua sai mở mang vườn nhà ở và lập đền thờ cúng. Sau Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần Vương. Đền thờ tại hương Phù Đổng bên cạnh chùa Kiến Sơ).

Vua nhà Thục sai sứ sang cầu hôn, Hùng Vương khước từ (sử cũ chép rằng: Cuối thời Hùng Vương, vua có con gái gọi là My Nương. Vua Thục nghe nói sai sứ sang cầu hôn. Vua muốn gả cho, nhưng Lạc hầu ngăn và nói rằng: "Họ mưu tính chiếm nước ta, lấy danh nghĩa là cầu hôn đây thôi". Vua liền thôi. Vua muốn tìm người có thể gả con gái được, bỗng thấy 2 người từ ngoài đến yết kiến đều muốn xin lấy con gái vua. Vua lấy làm lạ hỏi. Một người xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thuỷ Tinh. Vua nói: "Ta có một con gái làm sao lấy được cả hai chàng. Hẹn nếu ai đem lễ vật đến trước, sẽ gả. Hôm sau Sơn Tinh đến trước sắm đủ lễ vật, chàu báu, vàng bạc, chim thú rừng không gì không có. Vua y lời hẹn gả cho. Sơn Tinh dồn về Tân Viên ở trên núi cao. Thuỷ Tinh đến muộn hận là không kịp, bèn <8a> dâng nước tràn lên, dấn các loài thủy tộc đuổi theo. Nhà vua cùng với Sơn Tinh chăng lưới sắt ngang thượng lưu huyện Từ Liêm chán lại. Thuỷ Tinh theo đường sông khác từ Lý Nhân vào chân núi Quảng Oai di men bờ lên cửa sông Hát, ra sông Cái vào sông Đà, đánh núi Tân Viên. Di đến đâu cũng tạo thành đầm vực, tích nước để đánh Sơn Tinh. Sơn Tinh biết phép biến hoá thần thông, sai người Man dan tre thành phên ngăn nước, dùng nỏ bắn ra, các loài cổ vảy bị trúng tên chạy trốn. Cuối cùng không đánh được).

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Sử cũ chép việc Phù Đổng Thiên Vương xin kiêm đánh giặc và việc Sơn Tinh, Thuỷ Tinh tranh giành một My Nương, đều do truyện Linh Nam chích quái tô vẽ lời văn. Truyện Phù Đổng không nói tới quân nhà Án, không nói tới việc đúc ngựa sắt, không nói hát hơi thành minh dài cao, cũng đã

nghi là quái dán ròn. Còn dến hai chàng Sơn Tinh, Thuỷ Tinh tranh vợ có lẽ do kẻ hiếu sú cho việc nước dâng ngập núi non đó là núi sông thù nhau, bèn viết ra một chuyện để chứng thực. Người đời sau lại tin theo biến thành thực lục trong sách vở rườm rà mà không chán. Truyện thoát móng rùa ở dời trước, thoát móng rồng ở dời sau, truyện con rết ăn cáp móng, trước sau phù hợp, thậm chí tho chiêm bao, lời ma quỷ không gì không chép. Thuật đầu thai, ca dao chữa thuốc cũng lấy làm kí. Kế việc mà không xét lý, tin chuyện mà quái mà trở thành nói càn. Có lẽ nào dem bộ sử tin cậy của một nước mà làm thành bộ chép chuyện kí quái được. Riêng có núi Tân Viễn là núi tổ của nước ta, linh ứng rất rõ ràng quan hệ đến mệnh mạch của nước. Xung Thiên Vương cũng vốn là vị thần nổi tiếng của nước, cho nên nhân sú cũ ghi chép mà ghi chú việc ấy để giữ lại chuyện cũ dấy thời. Ngoài ra cũng theo như thế.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn : *Truyện Sơn Tinh Thuỷ Tinh cũng thật là quái dán. Tin sách chẳng bằng không có sách, hãy xin thuật lại chuyện cũ để truyền nghi.*

Trên đây là Hùng Bàng thị từ Kinh Dương Vương đồng thời với Dế Nghi (sử cũ chép: Khởi đầu năm Nhâm Tuất thụ phong), đến Hùng Vương (sử cũ chép đến năm Quý Mão là hết, lúc đó là Chu Noãn Vương năm thứ 57). Càng 2622 năm <9a> (tham khảo Thông giám ngoại kí thấy ghi 2590 năm).

Thông luận của sử thần Ngô Thị Sí: Thường đọc sách Ngoại kí từ Lạc Long Quân đến đầu thời Hùng Vương, ước chừng vào thời Hiên, Hiệu, Tân, Dương bên Trung Quốc. Những chỗ lắn l好人 thì đã có thứ tự, người non trẻ dần dần biết được mấy mốc còn nước ta thì ngo ngo, ngác ngác không nghĩ gì, không làm gì, giống như thế giới Sào, Toại (1) về trước. Có người nói giữa thời Hùng Vương về sau, vú tru thời Nghiêu, Thuấn dã chuyển sang Hạ, Thương, Chu rồi. Núi sông tuy xa cách, phong hoá dần dần được nô nang, kể đê chém tóc⁽²⁾ xưa kia sẽ dần dần có sự ham muốn sao có thể ngăn chặn được sự dồn ngó, sao có thể cản chi sự soán đoạt, cha truyền con nối, đời đời làm vua kiêm cả sự nghiệp hoàng đế vương bá lâu dài như thế được chăng? Nói rằng: Lấy phong tục 3 miền khe động ngày nay để chứng nghiệm thì Đại đồng Tiêu khang đều tùy từng vận hội. Vận hội chưa mở, <9b> thì dân còn chất phác, vận hội đã mở rồi thì dân kiêu bạc, khí của trời đất đến thì khí của muôn loài cũng đến. Chi khác nhau là đến trước đến sau thôi. Phong khí nước ta riêng ở sau miền trung thổ, nên mồ nang chậm chạp là lẽ đương nhiên. Trung thổ từ Đường Ngu cho đến Thương Chu, phong khí đã mở, nhân văn rất rạng rỡ, nên thê đạo thay đổi, đã có hậu bạc, thịnh suy. Nước ta khi ở thời Lạc Long, Hùng Vương, vua với dân cùng cày, cha với con cùng tắm, không phải đê phòng, không phân biệt cấp bậc, rào gai là có thể ở được, người vật ở chung, ruộng hoang cũng có thể cày, tùy theo nước triều lên xuống. Dân sống với nhau trong đấy, chơi đùa với nhau trong khu vực không lạnh không nóng. Người già chết đi, trẻ con lớn lên,

1. Sao Toại: Túc Hữu Sao và Toại Nhàn Thị đều là vua thời cổ Trung Quốc.

2. Đê chém tóc: Chỉ các dân tộc ở vùng biên giới phía nam

không biết đến binh dao, qua lại ở nhau. Có thể gọi là đời rất có đạo đức, nước rất vui vẻ đây. Bác quân trưởng thì cũng cầm hoà ngồi yên lặng, thuần hoà, dân vê minh, uống nước bằng mũi, không có sự phiền nhiễu về sự dốc thúc, không có sự phiền hà về thuế khoá, không <10a> có sự quấy nhiễu sai phái, không bô buộc cẩn mật, không bị thay đổi vì ăn vì đói. Vua với dân thân nhau, đến vài nghìn năm không có điều gì khác. Tuy vậy, đây mới chỉ bàn về phong khí đó thôi. Thời Tam Đại trớ về trước, Nam Việt còn chưa thông với Trung Quốc, huống hồ An Nam lại ở phía ngoài Nam Việt. Từ thời Tần, mở đặt quận huyện, chia đặt chức Thủ uý. Họ Triệu mới nổi lên ở Nam Hải. Về sau sù Biên niên của nước ta mới có Bác sứ để tham khảo kêu cứu. Như Kinh Dương đến An Dương trên dưới hơn 2600 năm, mấy triều mấy đại, mấy đời mấy năm, Giáp Tý nào dây lên, Giáp Tý nào thì thôi, há có người giật bút dừng chỗ đầu con ly mà ghi chép hàng ngày khi dậy khi nghỉ. Rõ ràng thời Hồng Bàng bắt đầu là năm Nhâm Tuất kết thúc là năm Quý Mão và Hùng Vương mất, An Dương Vương dây lên chính xác thuộc về năm 57, 58 đời Chu Noãn Vương. Lai làm một con tinh, từ Kinh Dương Vương đến Hùng Vương gồm 20 đời, cộng 2622 <10b> năm, nhiều ít chia đều thì mỗi đời vua là 130 năm. Người chử đầu phải vàng đá mà hết thảy sống lâu được như Tiền Khanh ⁽¹⁾, là điều lai càng không thể tin được. Sù và truyện khổ vì nỗi vẫn hiến không dãy dù dây. Lấy khởi đầu là Kinh Dương Vương thì tất phải có vua cuối cùng, nhưng hãy lấy cái năm hưởng quốc đồng thời với Đế Nghi, tính xuôi đi, cho đến vua nào đó thời Chu năm thứ mấy, tổng cộng là mấy nghìn mấy trăm năm, rồi lại lấy số năm An Dương Vương trị nước tính ngược lại từ khi Tần Thuỷ Hoàng đặt quận huyện trớ về trước đến năm thứ mấy đời vua nào của nhà Chu cộng mấy chục năm, rồi lấy số năm thừa của An Dương Vương trớ về trước thì quy cho Hùng Vương, về sau thì quy cho An Dương Vương cho dù 2 kỷ, còn như Hùng Vương truyền cho vua nào về danh hiệu, số đời đều không biết, cho nên bắt đắc dĩ đều gọi là Hùng Vương rồi ước chừng 18 đời thì kết thúc. Ôi! tác giả cũng khổ tâm lắm đây. Độc giả cũng không thể <11a>xét rõ.

AN DƯƠNG VƯƠNG

(huý Phán, người Ba Thục ở ngôi 50 năm.
Sử cũ chép là họ Thục. Không đúng)

Giáp Thìn, năm thứ 1 [257 tr. CN] (Chu Noãn Vương năm thứ 58), vua dây binh đánh diệt nước Văn Lang. Lúc đầu vua thường đánh Hùng Vương nhưng Hùng Vương quân khoẻ tướng mạnh, nhiều lần vua bị thua. Hùng Vương bảo: Ta có sức mạnh của thần, nước Thục không sợ ư? Rồi bỏ việc quân, không phòng bị, ngày ngày chỉ ăn chơi hưởng lạc. Quân nước Thục kéo đến nơi, vẫn còn say mèm chúa tinh, rồi thở huyết nhảy xuống giếng chết. Quân còn lại đều quay giáo xin hàng. Thục Vương đã thôn tính được nước ấy, mới đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (Sử cũ nói rằng: Tổ tiên vua Thục kết hôn với con gái Hùng Vương là My Nương không được, lấy làm cảm gián, di

1. Tiền Khanh: Túc Banh Tò người thời thương cổ ở Trung Quốc, tương truyền ông sống tới 800 năm.

chúc cho con cháu đời sau phải diệt nước Văn Lang. Đến đây vua có dù dũng cảm mưu lược bén thônh tính. Phong Khê nay là thành Cổ Loa).

XÂY LOA THÀNH

(Sử cũ chép rằng: Vua xây thành ở đất Việt Thường rộng 1000 trượng, xoáy quanh như hình con ốc, gọi là Loa Thành còn gọi là thành Tư Long. Người Đường gọi là thành Côn Lôn, bảo là thành này rất cao) <11b>. Bính Ngọ năm thứ 3 [255 tr. CN] (Chu, Đông Chu Quân năm thứ 1), Loa Thành xây xong (Sử cũ chép: "Mới đầu vua xây Loa Thành, xây đến đâu lại bị đổ đến đó. Vua rất lo, bèn ăn chay cầu khấn rồi lại xây. Đến khi ấy có vị thần hiện lên ở cửa thành. Vua mời vào hỏi, thần rằng: đợi Thanh Giang sứ đến. Nói rồi từ biệt. Sáng sớm hôm sau vua dậy, ra thành thấy con rùa vàng bơi từ phía đông sông tới xung là Thanh Giang sứ, biết nói tiếng người, nói việc tương lai. Vua vui mừng đặt vào mâm vàng rồi hỏi nguyên do thành bị đổ. Rùa vàng rằng: Tinh hoa của núi sông bị con vua trước nhập vào. Để báo thù cho nước, đã ẩn vào núi Thất Diệu. Núi có ma, đó là hồn phách của người con hát đài trước hoá ra. Cạnh đó có cái quán, chủ quán là Ngộ Không, có một người con gái, nhà nuôi một con gà trắng, yêu tinh ấy nhập vào, thường hay hại người đi đường. Yêu khí ngày càng mạnh, cho nên có thể đập đổ thành. Nếu giết chết được con gà đó thì thành sẽ tự đứng vững. Vua bèn dẫn rùa vàng tới quán, ngủ lại ở đó. Đêm có ma đến gõ cửa. Rùa vàng quát mắng, ma không dám vào. Đến gà già đều bỏ đi. Rùa vàng bảo vua đuổi theo. Đến núi Thất Diệu thì không thấy gì nữa. Khi về quán chủ quán sơ lâm bèn hỏi vua dùng phép gì mà trừ được ma. Vua nói: giết con gà của người mà tế có thể trừ được mối lo. Con gà bị giết, người con gái cũng chết, rồi cho đào núi, được nhạc khí cổ và nấm xương tàn dem dốt rồi tung lên, ma ấy sê hết, thành chỉ xây trong nửa tháng là xong, rùa vàng từ biệt ra về. Vua cảm tạ và xin cho kế chống ngoại xâm. Rùa vàng tuốt móng trao cho và nói: "Quốc gia yên nguy tự có sô trời, người cũng phải đề phòng, khi giặc đến dùng cái móng đó làm lẫy nỏ bắn vào quân giặc thì không lo gì nữa. Vua sai bě tôi là Cao Lỗ làm nỏ thần, lấy móng ấy làm lẫy nỏ và gọi là nỏ thần Linh Quang móng vàng (truyện chép ở *Lĩnh Nam chí chích quái*). Lai chép: Cao Biền thời Đường diệt quân Nam Chiếu, khi về qua châu Vũ Ninh, đêm nằm mơ thấy người lạ tên là Cao Lỗ, tự nói rằng: Xưa kia giúp An Dương Vương, <12a> có công dẹp giặc, bị lạc hầu gièm pha, Thiên Đế thương là không có lỗi, cho một dải núi sông quản linh. Đô thống tướng quân lúc đi đánh giặc, lúc việc cấy trồng đều làm chủ. Nay xin theo ông để đánh giặc, xong rồi lại trả về Bộ của tôi. Nói đoạn xin cảm tạ rồi về. Cao Biền tinh dậy nói chuyện với bọn nha lại. Có thơ rằng:

Dẹp thay đất Giao Châu,
Đảng đặc dã từ lâu.
Người xưa nay được thấy,
Thực chẳng phu lòng dân.

(Truyện chép ở *Việt điện u linh*) Núi Thất Diệu ở xã Yên Khang, huyện Yên Phong. Cái quán tương truyền là quán Ma Lôi, nay ở xã Xuân Lôi. Loa Thành nay ở xã Cổ Loa, huyện Đông Ngàn)

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Hồi ôi! Ngoại kỳ truyền lại sao mà nhiều chuyện cẩn rõ thế. Con rùa nói thì có lý hay không? Răng Bồ Kiến thời Tân được con rùa lớn 2 thước 6 tấc, nuôi 16 năm thì chết, lấy xương nó để hỏi việc lành hay dữ, gọi là rùa khách. Rùa nói: Tướng của ta về Giang Nam không gặp chết ở Tân, có lẽ là lời nói của người bói rùa, cũng còn có lý. Ma mà đập đổ được thành thì có tin được không? Răng phàm vật gì trái với thường thì gọi là yêu, yêu khi mạnh tát phải có cái gì để dựa vào, nhưng dựa vào con gà và người con gái mà đập đổ được thành <12b> thì rõ ràng là không có lý.

Việc rùa rút móng thì như thế nào? thưa rằng: Rùa nếu biết nói thì khó gì trong việc rút móng của nó? Đã giúp vua An Dương Vương xây xong thành thì tiếc gì một cái móng mà không cho. Chỉ sợ rằng không có con rùa đó mà thôi!

Dương Hùng làm bàn kỷ Thục Vương nói rằng: Trương Nghi xây thành, theo đúng vết chân rùa đi để xây. Hoặc có thể An Dương Vương xây thành, ngẫu nhiên thấy con rùa lớn, nhân đó cho là thần, người dời sau do dấy nói ngoa lên cho là việc la. Nếu không như vậy người làm truyện có thể nghe thuyết dựa vào dấu rùa đi mà xây thành, cho nên nhân nước Thục nọ ra nước Thục kia, mà diễn ra một pho truyện la, bất tất là có việc đó. Lại sách Bác Vật chí: An Dương Vương có người tên là Cao Thông làm nô cho An Dương Vương, bắn một phát giết được 200 người, thì việc làm nô là thần chứ không phải là người. Biết đâu, người làm truyện không lấy ở chuyện này mà có ý làm cho hơi khác đi, cho cái móng của rùa trượt ra là thần, để doa dời <13a> sau chăng? Cho nên nói: Truyền ở Ngoại ký phần nhiều là cẩn rờ.

Nhâm Tý năm thứ 9 [249 tr.CN] (Chu, Đông Chu Quân năm thứ 7. Lúc này có 7 nước: Tân, Sở, Yên, Ngụy, Hàn, Tề), năm ấy nhà Chu mất.

Canh Thìn, năm thứ 37 (Tân Thuỷ Hoàng, Lã Chính năm thứ 26), Tân đã thôn tính được 6 nước đổi gọi là Hoàng đế, đó là Thuỷ Hoàng. Người nước ta là Lý Ông Trọng làm quan với nhà Tân (sử cũ chép Lý Ông Trọng là người Từ Liêm, cao 2 trượng 3 thước. Lúc ít tuổi phục dịch hương ấp bị Trưởng quan đánh bằng roi bèn vào làm quan cho nhà Tân đến chức Tư lệ Hiệu úy, Thuỷ Hoàng sai đem quân đi đánh Lâm Thao, tiếng tam chấn động Hung Nô, lúc già về quê thì chết. Thuỷ Hoàng cho là lạ, sai đúc tượng đồng, đặt ở cửa Tư Mã thành Hàm Dương Trong bụng tượng chưa được vài chục người, ngầm cho chuyển động Hung Nô cho là Hiệu úy còn sống không dám xâm phạm Về sau đến Triệu Xương thời Đường làm Đô hộ, thường nằm mơ thấy cùng Ông Trọng giảng sách Xuân Thu Tả thi truyện, nhân hỏi mới biết nhà cũ của ông ở đấy, bèn lập đền thờ. Đến khi Cao Biền đánh quân Nam Chiếu thường hiến linh phù trợ. Biền sửa lại đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là Lý Hiệu úy. Nay đền ở làng Thuy Hương, huyễn Từ Liêm.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Sử cũ chép Lý Ông Trọng thân hình cao cùng với việc từ đầu đến cuối ông làm quan với nhà Tân, e rằng chưa chắc đã là sự thật. Theo Thập thất quốc sử: Thời Tân Thuỷ Hoàng <13b> có người cao tới 5 trượng hiện ra ở Dâng Cù. Sử gia thời Tân là Hồ Mẫu Kính nói: 500 năm đất này tất có người la, là người lớn lâm. Lúc ấy người nước ta làm quan với nhà Tân, có thể có người thân thế to lớn, người lúc đó gọi tên là Ông Trọng. Ngoại sử kết hợp với Thập

thật sự chép về người cao thời Tân, để cho việc ấy là có thực. Cho đến việc lập công ở khu vực khác, nhà Tân dúc tương đồng để doạ Hung Nô, chưa chắc đã có. Từ Tân Hán tới nay, cung khuyết phần nhiều đặt người bằng đồng, ngựa bằng đồng để trấn giữ. Tân Thuỷ Hoàng dúc 12 người vàng, cũng không đặt tên. Vua Ngụy là Duệ cũng nêuon chuyển những người bằng đồng ở Trường An về đất Nghiệp, nhưng nặng quá không chuyển được, bèn phát nhiều đồng dúc 2 người gọi là Ông Trọng, đặt ở ngoài cửa Tu Mã. Lại theo Thuỷ Kinh chú, ở đồng phía đông bắc dàn miếu đinh Thiên Thu, ở Hạo Nam có 2 tượng đá đối diện nhau liền gọi là Ông Trọng. Như vậy cái tên Ông Trọng cũng dai loại như tên Phi Liêm⁽¹⁾. Người đời sau <14a> thấy Ông Trọng linh thiêng, nhân đó phụ thêm để thần thánh hóa chuyện lên mà thôi. Xem như trong truyện kể đoạn Ông Trọng già chết, Tân Thuỷ Hoàng sai sứ khám bệnh càng là hù lậu què mùa, vì thế càng biết được truyền thuyết ấy là sai dấy.

Dinh Hợi, năm thứ 44 [214 tr. CN] (Tân Thuỷ Hoàng năm thứ 33), lúc đó nhà Tân thấy mồi lợi ở đất Việt nhiều chau báu, muốn lấy đất ấy đặt thành quận huyện, phái những người trốn tránh, người ở rể, người di buôn ra làm lính, sai Hiệu úy là Đô Thư ra làm tướng, sai Sứ Lộc đào ngòi chở lương, vào sâu đất Linh Nam, giết vua Tây Âu là Dịch Hu Tống, đánh chiếm đất Lục Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận. Người Việt vào hết trong rừng rú không ai chịu người Tân, rồi ngầm đặt Kiết Tuấn làm tướng, đêm ra đánh giặc Tân, giết chết Hiệu úy Đô Thư. Nhà Tân phải đưa 50 vạn người bị tội đỗ, cho Nhâm Hiêu làm Nam Hải úy, Triệu Đà làm Long Châu lệnh, sang đóng ở Ngũ Linh. Hiêu, Đà có mưu chiếm cứ thôn tính nước ta <14b> (sử chép Lộc đào ngòi ở Quế Lâm, huyện Lý Định dài hơn 40 dặm, gọi là ngòi Linh, đưa nước sông Ly vào để vận chuyển lương thực. Đất Lục Lương ở Giang Nam, Như Thuần nói: Là người Linh Nam, phần nhiều ở núi rừng vùng can, tính tình mạnh bao táo tợn cho nên gọi là Lục Lương. Gọi là Quế Lâm, xưa là đất Bách Việt, nhà Hán đổi là Nam Hải, Uất Lâm thời Xuân Thu là đất Nam Việt, thời Ngô trở về sau là đất Quảng Châu. Tương quận xưa là đất Nam Việt, Long Châu là thuộc huyện của Nam Hải).

Tân Mão, năm thứ 48 [210 tr. CN] (Tân Thuỷ Hoàng năm thứ 37), mùa đông, tháng 10, Tân Thuỷ Hoàng mất ở Sa Khâu. Con là Hồ Hợi lên, dấy là Nhị Thế Hoàng đế, vua đời thứ 2 thời Tân. Nam Hải úy Nhâm Hiêu và Long Châu lệnh Triệu Đà đem quân sang xâm lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên Du, Bác Giang. Nhà vua đem quân đến đánh. Đà thua chạy. Bấy giờ Hiêu đem thuỷ quân đóng ở Tiểu Giang (sử cũ chép là Đô hộ phủ, sau làm là bến Đông Hồ) bị ốm rút về, đem quân cho thuộc vào Đà (sách cũ ghi Hiêu nói với Đà rằng nhà Tân mất rồi, dùng kế đánh Thục Phán, có thể lập được nước. Dấy là vẫn trong sứ tông khéo léo. Nam Hải có thể dung nước, sao phải đến lúc kiêm tính Thục Phán. Có lẽ phòng theo lời nói của Hiêu bảo Đà ở đoạn dưới mà thêm lên như vậy. Cho nên xin sửa lại). Đà biết vua có phòng bị nên rút về núi Vũ Ninh, sai sứ đến xin hoà. Vua mừng bèn chia từ Bình Giang về phía bắc thuộc về Đà (Bình Giang sử cũ chép là Đông Ngàn <15a> sông Thiên Đức) về phía nam, thuộc về vua ngự trị. Đà liền cho con là

I. Phi Liêm: Là người thời vua Tru ở Trung Quốc, to lớn khoẻ mạnh lạ thường

Trọng Thuỷ làm con tin, nhân đó cầu hôn, vua liền gả con gái là My Châu cho (sử cũ chép Đà đến xâm lược, đóng quân ở Bắc Giang, đánh nhau với vua, vua lấy nô thần bán, Đà thua chạy. Đà biết vua có nô thần, không thể địch nổi, mới mưu thông hiếu. Lúc ấy vua đem con gái là My Châu gả cho con của Đà là Trọng Thuỷ. Trọng Thuỷ du dã My Châu lấy trộm nô thần cho xem, rồi ngầm ngầm làm hỏng lẫy mà đổi đi, rồi nói thắc là về Bắc thăm cha. Khi tạm biệt My Châu, nói rằng: Ngày khác ta lại đến, vạn nhất hai nước có sự bất hoà thì lúc ấy làm thế nào để nhận được nhau? My Châu nói: Thiếp có chiếc đệm gấm bằng lông ngỗng, thường khoác trên mình khi đến đường chẽ sê rác lông ngỗng làm dấu, nhận dấu ấy sẽ biết nơi thiếp ở, Trọng Thuỷ về nói với Đà).

Sứ thần Ngô sĩ Liên bàn: *Thuyết rùa vàng có đáng tin không? Thần nước Hữu Sản giáng xuống thì đã biết nói, cũng có lẽ thần dựa vào người mà hành động, nhờ vào vật mà nói dối. Khi nước sắp hung thịnh thì thần minh giáng xuống để xét đạo đức, khi nước sắp mất thì thần cũng giáng xuống để xem điều ác. Cho nên có khi thần giáng mà hung thịnh, cũng có khi thần giáng mà mất nước. Việc An Dương Vương khởi công xây thành cũng có thể không để sức dân, cho nên thần thắc vào rùa vàng để bảo. Thế chẳng phải đồng lòng oán hận của dân mà <15b> như vậy ư? Cũng giống như vậy, đến khi lo hoạn nạn mới cầu xin với thần, thì là ý riêng này ra đây. Một khi ý riêng đã này ra thì lẽ trời cũng theo đó mà mất, sao thần lại không giáng tai họa! Về việc truất móng thiêng trao cho, bảo rằng dù để đánh được địch, là mầm họa này sinh đá chăng. Cũng như việc thần cho nước Quốc ruộng đất, rồi nước Quốc theo đó mà mất. Về sau quả như vậy. Như thế chẳng phải không việc gì là thần không dựa vào người mà hành động đó sao. Nếu không có lời cầu xin cứ theo lẽ trời mà làm, thì biết đâu nước lại chẳng được dài lâu? Còn việc My Châu rái lông ngỗng chỉ đường, chưa chắc đã là có. Nếu như là có, thì chỉ thấy một lần là còn được, sau con gái Triệu Việt Vương cũng bắt chước như vậy là có làm sao? Có lẽ người chép sử do việc nhà Thục mất nước về tay họ Triệu đều từ việc ở ré, cho nên nhân một việc mà nói hai lần chăng? Thế thì việc mà làm đổ thành cũng đáng tin chăng? Thưa rằng cũng như loại Bá Hữu làm quỷ dữ dãy <16a> Sau lập con cháu của Hữu, Hữu có nơi về bèn thôi. Thế là trừ được tai họa. Ma quỷ không nương tựa vào đâu được thì cũng thôi. Còn như sử chép: An Dương Vương bị bại vong là vì nó thần bị đổi lẩy; Triệu Việt Vương bị bại vong là do mủ đầu máu bị mổ rong ròng, thế là mượn lời để thần thánh hóa vật ấy dãy. Còn như giữ nước chống giặc tự có lý của nó. Dùng lý thì nhiều người giúp mà nước hung thịnh; trái lý thì được ít người giúp mà nước bị mất, chứ chẳng phải vì những cái đó.*

Sứ thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Cái lý trong thiên hạ chỉ có đúng mà thôi. Lý đúng thì việc có hay không có, điều đáng tin hay không đáng tin, dù qua ngàn đời cũng có thể biết được dấy. Có lẽ từ họ Hồng Bàng gây ra cơ sở, xứ Âu Lạc mò ra bò cõi, khỉ non trẻ, bắt đầu mò mang, sách vở còn thiếu. Nay những phần ghi chép ở phần Ngoại ký đều là được nghe từ những truyền thuyết, trong đó thánh thần kể tiếp sinh ra. Đời không ít chuyện thần kỳ. Một bọc mà mở ra bò cõi xứ Bách Việt; 3 tuổi mà có sức địch muôn người, có lẽ là những báu trai hơn cả nòi giống. có điều khác với người thường, không đáng cho là la. Đến như gióng Rồng gióng Tiên cũng*

là hoang đường. Sơn Tinh, Thuỷ Tinh cũng là huyền áo; chuyện ma quái ở núi Thất Diệu, việc Tiên bay ở đầm Nhất Đá đều là quái dán không hợp đạo thường, chẳng thể tin được. Ôi! Điều tin thì truyền cho người ta tin, điều ngờ thì truyền cho người ta ngờ. Các nhà nho có đạo chủ yếu là suy cho cùng lý. Không Tử nói: "Được nghe nhiều thi ít ngờ vực". Mạnh Tử nói: "Tin cá vào sách chẳng bằng không có sách". Người đọc sử phải lấy lý mà suy, lấy tâm mà hiểu, bỏ cái quái dán mà giữ cái bình thường, không bị sự lưu truyền mê hoặc là được đấy.

Quý Ty, năm thứ 50 [208 tr. CN] (Tần Nhị Thế năm thứ 2), Hành Nam Hải úy của nhà Tần là Triệu Đà lại đến xâm lược. Nam quân tan vỡ. Vua chạy ra biển. Thục mất (theo sử cũ, Đà đem quân đánh vua. Vua không biết lấy nò thắn đã mất, ngồi đánh cờ cưỡi mà rằng: Đà <17a> không sợ ta có nò thân hay sao? Quân của Đà kéo sát tới nơi, dàn trận, vua giương nò, lấy nò gãy, quân tan vỡ. Vua liền cùng My Châu lén ngựa chạy về phía nam. Trong Thuỷ nhận ra lòng ngông duỗi theo. Vua đến bờ biển hết đường, vội vàng gọi: "Thanh Giang sứ ở đâu? "Rùa vàng hiện lên mặt nước nói: "Người ngồi phía sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi". Vua rút gươm toan giết My Châu, My Châu khấn rằng: "Tôi một lòng trung tín bị người ta lừa dối, xin hóa thành ngọc trai để rửa mối thù này". Khấn xong vua chém chết, máu chảy xuống nước, con trai ngâm lấy hóa thành ngọc trai. Vua cảm vân tê 7 tắc nhảy xuống biển chết. Trọng Thuỷ tới nơi thấy My Châu chết, khóc rất thảm thương, ôm xác My Châu về chôn ở Loa Thành, đến chỗ My Châu thường tắm gội, thương tiếc quá, bèn nhảy xuống giếng chết. Người dời sau bắt được hạt ngọc minh châu ở Biển Đông, lấy nước giếng này rửa thi ngọc càng sáng. Lại xét, mẹ Trọng Thuỷ là Trịnh Thị người làng Đường Thâm quận Giao Chỉ đổi là Đà, nay làng Đường Thâm, huyện Chân Định có miếu thờ Triệu Đà, Trịnh Thị được thờ phụ).

Sử thân Ngô Thi Sí bàn: Nhà Tần mò mang đất Dương Việt, cho Nhâm Hiêu làm tướng, là kẻ khai thác đất nơi xa, mà sau lại làm noi cho Triệu Đà chiếm cứ. Đà nươn sức của Hiêu, theo lời dạy của Hiêu, cuối cùng từ một chức huyền lệnh mà dung được nước, chông nhau với nhà Hán. Còn việc xu thời, lợi dụng cơ hội thì không ngoài sự tính toán hàng ngày của Nhâm Hiêu. Ôi! Hiêu có thể gọi là vị hào kiệt của một đời đấy. Giả sử Nhâm Hiêu không chết, Triệu Đà đương ở trong vòng không chế, trời buộc Hiêu chết, cho Đà lên <17b>, thế thì trong vòng người với trời có lẽ nói đâu.

Lại xét sử cũ chép: Đà cho con là Trọng Thuỷ vào làm con tin với An Dương Vương. Xét ra, Đà có toàn lực của Quế Quảng, đang hàng việc kiêm tính, có sợi gì mà phải cho con làm tin? Hoặc giả có ý dẫu hàng khuất phục, để cho An Dương Vương kiêu căng, rồi không cần đánh mà lấy được chẳng? Còn như việc Trọng Thuỷ ăn trộm móng rùa, My Châu rách lồng ngông đều là sự nói bịa không cần phải biện luận nhiều. Cả đến việc nước giếng rửa hạt châu sú chép là việc thắn dì để mê hoặc đời sau. Nay miếu ở Loa Thành các đời theo nhau thờ phụng được ghi trong sách Việt Điện u linh, nếu muốn trả lại dao thường mà không có sự tà quái thì hãy gạt hết những ngoại truyện của sử cũ là được đấy.

Trên đây là sử An Dương Vương bắt đầu từ năm Giáp Thìn, kết thúc là năm Quý Ty, gồm 50 năm.

Thông luận của sứ thần Ngô Thị Sí: An Dương Vương dấy lên từ đất Ba Thục, <18b> bờ cõi khác với nước Việt. Nhấn lúc Hùng Lạc suy yếu, một lần khởi binh mà lây được một nước 2 ngàn năm, dẽ như trộn bàn tay, sao mà mạnh thế! Ý là con cháu nhà Thục dựa vào nền của cha ông, mưu báo thù sâu sắc. Công cu đánh nhau như nhà chép sử truyền lại thì cũng chưa thể biết được. Còn việc dung nước đóng đô xây thành, dắt chỗ hiểm, tri kè địch, chống kè khinh nhơn giặc, lo phòng hoạn nạn khiến cho hơn 40 năm không phải lo việc canh phòng giặc, trong nước vô sự, có thể nói là bậc có mưu lược dụng nước và giữ nước dãy.

Nhưng xét về hình tích tháng bại khi lây nó còn thì quán xâm lược Phượng Bắc phải tan; lây nó gây thi hết đường, chạy về phía nam. Ngoài cái móng rùa thì việc người đều không dự đến. Giả sử nó mà không có móng rùa thì chưa chắc đã chống lại được Hiếu. Nước địch ở bên cạnh, dâng ra phải có quy mô luyện binh tuyển tướng, phải có kế hoạch dẹp loạn mưu sự sinh tồn, sao lại dám yên lặng vui chơi, dấn cùu thù vào nơi cung khuyết, đặt mưu kế giữ biên giới vào cuộc an nhàn? <18b> Chỉ vì nó có móng rùa. Vì trận tháng nhỏ mà lòng kiêu căng lớn lên, dể đến nỗi lừa dối thành thù địch, nước non Âu Lạc như dãy bàn cờ ra là hết. My Châu chết uống, không cứu được sự diệt vong. Đó chẳng phải là móng rùa làm ma ám ánh dó sao? Truyền rằng: Nước sắp mất thì nghe cặn thần, dó là nói về An Dương Vương dãy.

Than ôi! Rùa vàng đến lần thứ nhất thì tặng cho An Dương Vương cái mầm tai hoa, rùa vàng đến lần thứ hai thì đưa An Dương Vương tới con đường chết. Loài vật có mai kia đối với nhà Thục có ích gì? Vua Thục có tình đưa dòn cầu xin, kêu khẩn đến chết mà cũng không hối, thật là quá ngu dãy! Hoặc có người nói: An Dương Vương bị mất nước là không giữ được cái móng thiêng dó thôi, chứ rùa đâu có phu. Đáp rằng: An Dương Vương chỉ cậy sức mạnh của thần, không sang sửa chính sự có đạo đức, biên giới không dễ phòng, quân giặc vào sát cõi mà chưa từng sai một quan tướng, ra một đạo quân. Doi đến lúc giặc vào tới quốc đô, vẫn còn muốn gitii quyết cơ mưu trong chốc lát, khác nào lửa cháy đến mái nhà vẫn cùi ngói yên. Mê muội đến thế! Giả sử có thiên tướng thần binh <19a> cũng chẳng thể nào đuổi giúp được giặc, huống chi một chiếc móng rùa?

An Dương Vương và Đà thể lực không tương đương, hình tháng bại như núi Thái Sơn dè lên quả trúng. Triệu Đà được móng rùa cổ nhiên là không dùng lam già, mang uống cái tiếng phụ lời thề, khiến cho Trong Thuỷ vì phu lòng mà then chết đáy thôi. An Dương Vương ban đầu vì chú ý đến một cái thành mà dẫn đến một con Rùa vàng khiến cho thành còn mà nước mất. Đến nay thành vẫn còn nguy nga ngàn dời. Nên vì An Dương Vương mà viếng thăm cảm khái để răn những kè hay bàn chuyện linh dị trong đời. Còn việc có hay không có thi sứ thần Ngô Sí Liên dãy bàn rồi.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYỀN II

KÝ NGOẠI THUỘC TRIỆU

<1a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Từ khi An Dương mất, nền quốc thống⁽¹⁾ bị gián đoạn, người làm sứ thấy việc Triệu Đà thôn tính được Giao Chỉ làm vua Nam Việt, xung hiệu để bèn ghi ký tiếp theo, chép chữ to chữ đặc biệt tựa hồ muốn khoe sự hưng thịnh bát đầu dựng nghiệp để của nước ta. Người đời sau noi theo, không ai biết cái sai đó. Xét ra nước Việt của Nam Hải, Quế Lâm không phải nước Việt của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên⁽²⁾, đóng đô ở Phiên Ngung⁽³⁾, chỉ muốn mở rộng bờ cõi bèn thôn tính nước ta làm quận phụ thuộc, đặt chức chủ trì việc giám sát để ràng buộc mà thôi. Thực ra là chưa từng làm vua ở nước ta. Nếu cứ thấy người xung vuông ở đất Việt, mà coi là vua thì sau đây có Lâm Si Hoàng⁽⁴⁾ nổi lên ở Bàn Dương và Lưu Nham⁽⁵⁾. <1b> nổi lên ở Quảng Châu, đều xung là Nam Việt Vương sau đó lại tiếm xung đế hiệu, cũng cho là một kỳ tiếp với trang quốc thống ta ư? Hoặc nói rằng Triệu Đà là người Hán, An Dương là người Thục cũng như nhau thôi. Đà diệt An Dương cũng như An Dương diệt Hùng Vương. Thế mà khen chê lại khác nhau là thế nào? An Dương đóng đô ở Cố Loa, tiếp đến Hùng Lạc làm chủ ở Giao Nam. Đà ở Phiên Ngung, ta ở Giao Nam, sao chỉ theo cãi lệ chép ve An Dương mà chép cho Đà, còn họ nổi lên từ đất nào thì không kể. Đà thôn tính Giao Châu cũng như Ngụy thôn tính Thục, Tấn lấy nước Ngụy. Hai họ Tôn [Quyền], Lưu [Bị] mất thì quốc thống hết. Nếu sử nước ta có thể lấy sứ nước Ngụy tiếp vào Lưu Thiện⁽⁶⁾, sứ nước Ngụy có thể lấy kỵ nhà Tấn tiếp

1. Quốc thống : Sứ nói tiếp chủ quyền trong một nước. Dưới chế độ phong kiến, chỉ sự nối tiếp các triều đại.

2. Long Xuyên : Tên huyện thuộc Trung Quốc.

3. Phiên Ngung : Tên huyện thuộc Trung Quốc.

4. Lâm Si Hoàng : Người Bàn Dương thời Dương, cuối thời Tùy theo người lang la Thao Su Hát xung là Ngụy Võng Hùng Vương khởi nghĩa, sau khi Su Hát chết, Si Hoàng chiếm giữ Kiền Châu xung đế, đặt niên hiệu là Thái Bình, Hào kiệt trong vùng nhiều người theo.

5. Lưu Nham : Con co tên là Nghiêm, em ruột Lưu Âm thời Nam Hán. Âm chết, Nham lên thừa kế có nghiệp. Đến năm Trinh Minh [915 - 919] thời Lương, tự xưng để lấy quốc hiệu là Hán, ở ngôi 32 năm thì mất.

6. Lưu Thiện : Túc Thục hậu chúa, con Lưu Bị khi mới lên ngôi dùng Gia Cát Lượng làm phụ chính, nước được yên. Sau khi Lương chết, nước Ngụy sai Đặng Ngải đến đánh. Thiện chưa đánh đã ra hàng, được vua Ngụy phong cho tước An Lạc Công.

vào Tôn Hao⁽¹⁾ được, thì sứ nước ta mới có thể lấy kỳ nhà Triệu tiếp vào An Dương. Nước ta gọi là nước vân hiền, sứ của một nước chẳng nhẽ lại lấy sứ của một nước khác chép làm của mình? [Tôi] bèn mạnh dạn cài chính, bỏ kỳ Triệu Đà <2a>. Bởi vì lấy quốc thống quy về Triệu Đà là không đúng phép làm sứ. Đà đối địch với Hán mà Giao Châu lúc ấy chưa thông với Trung Quốc. Cho nên tôi đặt mờ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc.

Giáp Ngọ [207 tr. CN] (Tần Nhị Thế năm thứ 3, Triệu Vũ Đế Đà năm thứ 1), Triệu Đà tự lập làm Nam Việt Vương. Đà người huyện Chân Định. Trước đây viên úy Nam Hải nhà Tần là Nhâm Hiêu lâm bệnh sấp chết bảo Đà rằng: "Nhà Tần vô đạo, thiên hạ khổ vì Tần. Nghe tin bọn Trần Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết theo ai. Đất này héo lánh xa xôi, ta e rằng bọn giặc cướp xâm lấn nên muốn dấy binh cắt đường sạn đạo⁽²⁾ để tự phòng thủ đợi sự biến động của chư hầu. Vả lại đất Phiên Ngung dựa núi cách sông, đông và tây mỗi bên vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ, có thể lập được nước. Bọn trưởng lại trong quận không có ai đáng cùng mưu sự. Cho nên mời riêng ông đến mà bảo cho biết". Viết thư cho Đà túc là làm công việc của quan úy Nam Hải. Hiêu chết Đà bèn truyền hịch cho các cửa ái Hoành Bồ⁽³⁾, Dương Sơn⁽⁴⁾, Hoàng Khê⁽⁵⁾, rằng: "Quân cướp sáp đến phải gấp rút cắt đường tư thủ". Hịch chuyển đến các châu quận <2b> mọi nơi đều hưởng ứng.

Nhân đây Đà dần dần tìm cách giết bọn trưởng lại của nhà Tần, lấy người thân thuộc bè đảng của mình làm chức giá thú⁽⁶⁾ thôn tính đất Quế Lâm. Tượng quận, đánh diệt An Dương Vương rồi tự lập làm vua nước Nam Việt. Vũ Vương sai hai viên thư lai trọng cai 2 quận Giao Chỉ, Cửu Chân (theo Lục Cháu ký của án sát họ Diên. An Nam ta thuộc về Triệu).

Ất Mùi [206 tr. CN] (Hán vương Lưu Bang năm thứ 1, Tây sở Hạng Tích năm thứ 1, Triệu Vũ Đế năm thứ 2), năm ấy nhà Tần mất.

Kỷ Hợi [202 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 5, Triệu Vũ Đế năm thứ 6). Mùa xuân tháng giêng, Hán Vương Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, tức Cao Đế. Năm ấy Tây Sở mất.

Ất Ty [196 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 11, Triệu Vũ Đế năm thứ 12), nhà Hán đã bình định thiên hạ, nghe tin Đà cũng xưng vương ở đất Việt bèn sai Lục Già⁽⁷⁾ sang

1. Tôn Hao : Châu nội Ngô Tôn Quyền, sau khi Ngô chưa là Hữu mãt, được triều đình rước lên ngôi. Năm 279 bị quân nhà Tần tiến công. Hao đầu hàng, nhà Ngô mất.

2. Sạn đạo : Đường do dùng thân cây ghép thành ở những chỗ núi non hiểm trở, theo chung lối loại cầu treo bằng dây của các dân tộc miền núi cũng là một hình thức của sạn đạo.

3. Hoành Bồ : Cửa quan ở lối bắc, huyện Nam Hành, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

4. Dương Sơn : Cửa quan ở tây bắc, huyện Dương Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

5. Hoàng Khê : Cửa quan ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

6. Giá thú : Chức thái thú tạm thời.

7. Lục Già : Người đất Sở, theo Hán Cao Tổ thống nhái thiên hạ làm đến chức Đại Trại đại phu, hai lần đi sứ sang Nam Việt.

ban ân cho Đà lập làm Nam Việt Vương, trao phù tin¹ thông sứ giả, bảo Đà hoà hợp ở Bách Việt chờ gây hại ở biên giới phía nam. Giả đến, Đà búi tóc ngồi xóm tiếp kiến Giả. Giả nói: <3b> "Vương vôn là người Hán, họ hàng phân mảnh đều ở Chân Định nay lai trái tính bỗn dại mâu hòng trỗi dậy ở đất này, làm nước đối địch chống nhau với nhà Hán, chẳng đã làm lẩn đố sao? Và lại nhà Tân chính sự sai trái, hào kiệt đều nổi dậy, chỉ có Hán Đế vào Quan Trung trước tiên chiếm giữ Hàm Dương nổi lên ở Ba Thục, cuối cùng diệt được họ Hang trong vòng 5 năm, bình định được thiên hạ. Đó không phải là sức người làm nổi mà là trời gây dựng nên đây. Thiên tử nhà Hán nghe vương xưng vương ở đất này toan đưa quân xuống phía nam, chỉ vì trăm họ khổ nhọc vừa xong nên sai sứ trao ân cho vương. Dáng nhẽ vương nên ra đón bái yết ngoài thành quay mặt về hướng bắc mà nhân làm bê tôi, thế mà vương lại muôn cậy có nước Việt chưa yên mà khinh nhường sứ giả của thiên tử. Nhà Hán nếu nghe biết chuyện này phát binh đến đất Việt thì Vương làm thế nào?". Đà đứng dậy nói: "Tôi ở đây lâu ngày quên mất cả lẽ nghĩa". Nhân đây hỏi Giả rằng: "Tôi với Tiêu Hà, Tào Tham, Hàn Tin ai hơn?" Giả đáp: "Có lẽ vương hơn". Đà lại hỏi: "Tôi với Hoàng đế, ai hơn?" Giả đáp: "Hoàng đế <3b> nổi nghiệp Ngũ Đế Tam Vương thông trị Trung Quốc, người Trung Quốc có tới hàng ức vạn, đất rộng muôn dặm, của lâm dân giàu, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi có trời đất đến nay chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của vương chẳng qua được vài chục vạn ở lẩn vào giữa khoảng núi và biển, chỉ như một quận của nhà Hán, sao mà so với Hán được". Đà cười nói: "Tôi ân hận không dãy lên ở Trung Quốc nên làm vua ở đây, sao vôi cho tôi không bằng nhà Hán", rồi giữ Giả ở lại vài tháng. Đà còn nói: "Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện nay tiên sinh đến đây, hàng ngày tôi được nghe những điều chưa được nghe". Lại còn hẹn cho Giả cháu báu trong túi đáng giá ngàn vàng. Đến lúc Giả về lại cho thêm ngàn vàng.

Bình Ngọ [195 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 12, Triệu Vũ Đế năm thứ 13), mùa ha tháng 4, vua Hán băng, miếu hiệu là Thái Tổ, con là Doanh lên ngôi tức là Hiếu Huệ Đế

Quý Sửu [188 tr. CN] (Hán Hiếu Huệ năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 20), mùa thu tháng 8, vua Hán mất, mẹ là Lã Thái Hậu tên là Trì <4a> nắm quyền thiên tử đặt là Cao Hậu

Mâu Ngọ [183 tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 5, Triệu Vũ Đế năm thứ 25), nhà Hán cầm nước Nam Việt mua bán đồ sát ở cửa quan. Nam Việt Vương Đà nghe tin ấy nói: "Khi Cao Đế lên ngôi, ta cùng trao đổi sứ thần và phẩm vật. Nay Cao Hậu nghe bê tôi gièm pha, phân biệt Hán với Việt, ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Việc này át là mưu kế của Trường Sa Vương muốn dựa uy thế của nhà Hán mưu lấy nước ta mà làm vua cá, để lập công cho mình đó thôi". Đà bèn tự xưng là Nam Việt Vũ Đế, sai quân sang đánh những ấp biên giới của Trường Sa, đánh bại vài huyện rồi trở về.

1. Nguyên văn là chữ "Phản phủ" (vật tin bê làm dối) chỉ vật chế bằng ngọc hoặc kim loại, hay bằng tre gỗ, trên mặt có khắc chữ, bê ra làm dối. Triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ nửa. Khi có việc cần trao đổi, sai người đến, phải mang nửa này để ráp với nửa kia làm tin.

Canh Thân [181, tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 27), nhà Hán sai Lâm Lư hầu là Chu Táo đánh Việt để báo thù việc đánh Trường Sa. Gặp mùa nắng nóng ẩm thấp, bị nạn dịch lớn không thể vượt qua được Ngũ Linh, bèn phải bái binh. Nhân dịp ấy Đà lấy binh lực và của cải chiêu dụ dân Việt và Tây Âu Lac lệ thuộc vào mình, đông tây hơn vạn dặm, ngôi xe mui vàng dùng cờ tà đạo xưng là Thiên tử ngang hàng với nhà Hán. (Theo Hoàn Vũ ký, Vĩnh Gia là Đông Au, Uất Lâm là Tây Âu. *Dư địa chí* <4b> chép: Giao Chi thời Chu là Lạc Việt, thời Tần là Tây Âu, sách ẩn⁽¹⁾ nói: Nay Chu Nhai, Dạm Nhĩ gọi họ là người Âu (tức Âu Việt).

Tân Dậu [179 tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 8, Triệu Vũ Đế năm thứ 28), mùa thu tháng 7, Cao Hậu băng, các đại thần nhà Hán rước con thứ của Cao Đế là Dai vương Hàng lập làm vua tức Văn Đế.

Nhâm Tuất [180 tr. CN] (Hán Văn Đế năm thứ 1, Triệu Vũ Đế năm thứ 29), vua Hán đặt người trông nom phần mộ tổ tiên của Nam Việt Vương Đà ở Chân Định trông coi ấp hàng năm theo mùa thìn cung. Vời anh em của Đà cho làm quan to, ban cho rất hậu.

Hán Văn Đế hỏi tướng Trần Bình cử ai sang sứ nước Việt được? Bình nói: "Lục Giả thời tiền đế đã từng sang sứ nước Việt". Vua Hán bèn vời Giả cho làm Thái Trung đại phu⁽²⁾ và một viên yết giá⁽³⁾ làm phó sứ, sang đưa thư cho Đà nói rằng: "Kính tham Nam Việt Vương rất lao tâm khổ tú. Trẫm là con vẹ lè của Hoàng đế bị ruồng bỏ ra ngoài làm phiền vương đất Đại, đường sá xa xôi, lại quê kinh đốt nát nên chưa từng gửi thư cho vương. Cao Hoàng Đế lìa bỏ bồ tì. Hiếu Huệ Đế qua đời, Cao Thận tư ý lên nắm chính sự <5a> không may lâm bệnh, bọn họ Lữ làm loạn, nhờ anh linh của tông miếu, công sức của công thần đã giết được hết. Trẫm vì lẽ vương hầu và quan lại không tha cho, nên không thể không lên ngôi. Mới rồi nghe nói vương gửi thư cho Long Lư hầu, muốn tìm anh em thân và xin bái chức 2 tướng quân ở Trường Sa. Trẫm vì thư của vương đã bái bổ tướng quân Bạc Dương hầu rồi. Còn anh em thân thích của vương hiện ở Chân Định, trẫm đã sai người thăm hỏi và đáp sửa phần mộ tổ tiên của vương. Ngày trước nghe tin vương đem quân cướp phá liên miên ở ấp biên giới, dân Trường Sa khổ vì việc đó mà Nam Quận⁽⁴⁾ là khốn nhất. Như thế nước của vương phòng có được lợi riêng gì? át sẽ giết nhiều quân lính, hại lâm tướng tài, làm cho vợ người ta phải goá bụa, con người ta phải cõi cút, cha mẹ người ta phải cô đơn được một mất mười. Trẫm đây không nỡ làm thế. Trẫm muốn định lại chỗ địa giới lồi lõm, cài nhau như răng lược mới đem việc đó để hỏi các quan thì họ nói: Cao Hoàng Đế sở dĩ đã lấy Trường Sa làm giới hạn vì đây là đất của vương nên không tự tiện thay đổi. Nay dù lấy được đất của vương cũng không lớn thêm được và lấy được của cải của vương <5b> cũng không giàu thêm. Từ Ngũ Linh trở về nam, vương cứ tự cai trị. Dẫu vậy, nhưng vương xưng là đế, hai vị hoàng đế cùng ở ngôi mà không biết nhường thì người nhân không làm thế. Trẫm nguyện cùng vương

1. Sách ẩn : Phân chú thích sách Sử ký do Tư Mã Trinh thời Đường biên soạn.

2. Thái Trung đại phu : Chức quan nắm giữ việc ban bạc thảo luận công việc trong triều đình, có từ thời Tần.

3. Yết giá : Chức quan giữ công việc tần khách yến tiệc, đặt ra từ thời Hán, như quan lẽ tần.

4. Nam Quận : Quận do nhà Tần đặt ở phía nam tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

đều bỏ hiềm oán cũ, từ nay về sau lại thông hiểu như xưa. Vậy sai Lục Già sang đưa tờ dụ để tỏ ý với vương về bản ý của trẫm. Vương hãy nên nghe theo chớ gây sự tai ương cướp phá nữa. Nhân gửi biểu vương 50 chiếc áo thượng già, 30 chiếc áo trung già, 20 chiếc áo hạ già. Mong rằng vương hãy nghe âm nhạc, quên nỗi lo buồn mà thăm hỏi đến nước láng giềng".

Già đến, Đà cảm ta nói: "Tôi kính vâng chiếu chỉ xin làm phiên thần giữ mãi lê công". Thế rồi hạ lệnh cho trong nước biết rằng: Ta nghe nói hai anh hùng không cùng đứng với nhau được, hai hiền tài không cùng sống trong một thời được. Hoàng đế nhà Hán là bậc thiên tử giỏi, vậy từ nay ta bờ để chế, thôi dùng xe mui vàng, cờ tá đạo". Nhân đây viết thư rằng: "Đà tôi kẽ dại trường lão phu ở Man di, mạo muội cam tội chết, vai hai vái dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu vốn là lai cũ ở đất Việt <6a>, Cao Đế ban cho ấn tín, phong làm Nam Việt Vương. Hiếu Huệ Hoàng đế lên ngôi, giữ ân nghĩa không nỡ dứt bỏ, đã ban cho lão phu rất hậu. Cao Hậu nắm giữ việc nước, phân biệt Hoa với Di, ra lệnh không cho Nam Việt đỗ dùng bằng sắt để làm ruộng. Ngựa, trâu, dê, cừu cho thì cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở nơi hẻo lánh, ngựa, trâu, dê đã già cả, tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai Nội sử là Phan, Trung úy ⁽²⁾ là Cao và Ngự sử ⁽³⁾ là Bình gồm ba bọn sang dâng thư tạ tội, đều không thấy trả về. Lai nghe phong thanh là mồ mả cha mẹ của lão phu bị san phá, anh em họ hàng bị giết chết. Cho nên các quan lại bàn nhau rằng: Bây giờ, trong thi không được động đến nhà Hán, ngoài thi không có gì làm cho mình lạ lẫm khác người. Cho nên đổi hiệu là đế, chỉ là tự xưng đế ở nước mình, không dám có ý hại đến thiên hạ. Cao Hầu nghe tin cà giàn, xoá sổ Nam Việt, khiến sứ giả không qua lại được. Lão phu trộm ngờ là Trường Sa Vương gièm pha nên đem quân đến đánh biên giới phía ấy. Hơn nữa, Phương Nam là nơi ẩm thấp, trong đám Nam Di như Đông Môn, Tây Âu <6b> đều xung vương cả. Lão thần xung đế cũng tạm để tự vui thoi, đâu dám để tiếng lọt đến tai thiên tử. Lão phu ở đất Việt đã 49 năm nay, đã có cháu rồi, thế nhưng khuya nầm sớm dậy, ngủ chẳng yên ăn chẳng ngon, mắt không dám nhìn sắc đẹp, tai không dám nghe chuông trống, chỉ vì không được thờ nhà Hán. Nay được bê hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, sứ giả thông hiểu như trước. Lão phu này dù chết, xương cũng không mục. Vậy xin đổi hiệu không dám xung đế nữa. Nhân có sứ giả đến, kính dâng đôi ngọc bích trắng, một ngàn chiếc lồng cánh chà, 10 chiếc sừng tê, nầm trâm tử bối ⁽⁴⁾, một hộp tổ sâu quế, bốn mươi đôi chim trà sống, hai đôi chim công. Mạo muội liều chết lạy hai lạy dâng lên Hoàng đế bệ hạ" (Sách Lục thị Việt ký chép: Sâu quế ở vùng Quế Lâm, ngọt hơn mật ong, vị cay thơm lạ thường).

Sử than Ngô Thi Sĩ bàn: Xét thấy bức thư của Hán Văn Đế gửi cho Việt Vương các bậc tiên nho đã từng khen <7a> riêng có bức thư đáp lại của Nam Việt

1. Nội sử : Chức quan ở nước chủ hầu. Thời Hán về sau các nước chủ hầu đều đặt quan nội sử để cai trị trong nước giang chức quản thủ.

2. Trung úy : Chức quan tuần xét ở Kinh sư, đặt từ thời Chiến Quốc.

3. Ngự sử : Chức quan nắm giữ việc soạn thảo sắc dụ chiếu biểu luật lệnh, là quan thân cận của vua.

4. Tứ bối : Một thứ vò sò biển có vân tai ong ánh, người xưa dùng làm tiền để mua bán.

Vương, đầu thu xưng là "Lão phu ở nơi Man Di" mà không e ngại gì, cùng với thư của vua Hán không kiêng nói: "Trăm là con voi lê", hai câu đó chiếu ứng với nhau. Trong thư không hề giấu giếm việc xung đế, phát binh. Một bên thì quy lỗi về Lữ Hậu, một bên thì buộc tội cho Trường Sa. Ngày trước xung đế thì thắc là đế tự vui, về sau đổi hiệu thì nói là mừng được thờ Hán. Lời lẽ uyển chuyển mà không tự ti, thẳng thắn mà không gay gắt, ý tú chu đáo, từ ngữ cứng cỏi, có bút pháp của Tà truyện, Quốc ngũ. Có thể tưởng tượng thấy được văn tự thời Tiền Hán chủ không thể cho rằng đời sau không thể sánh kịp. Những người phò tá của Đà, nhân tài cũng nhiều vì thế mà Đà trở nên hùng bá được.

Giáp Thân [157 tr.CN] (Hán Văn Đế năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 51), mùa hạ tháng 6, vua Hán băng, con là Khải lên ngôi, tức Hiếu Cảnh Đế.

Đinh Dậu [144 tr.CN] (Hán Cảnh Đế năm thứ 6, Triệu Vũ Đế năm thứ 64), bấy giờ đều xưng vương. Mới lần sai sứ sang Hán <7b>, lễ triều yết theo nhu các nước chư hầu. Còn đổi với trong nước thì vẫn hiệu đế như cũ.

Canh Tý [141 tr.CN] (Hán Cảnh Đế năm Hậu Nguyên thứ 3, Triệu Vũ Đế năm thứ 67), mùa xuân tháng giêng, vua Hán băng. Con là Triệu lên ngôi tức Hiếu Vũ Đế.

Sử thần Ngô Thi Sĩ bàn: Xét thấy một thời đại ngoại thuộc họ Triệu, sử cũ chép từ Vũ Đế đến Thuật Dương Vương đều phỏng theo sử nhà Hán mà biên chép thành sách. Ở thời Vũ Đế chép về nhật thực có 18 lần (Đinh Dậu năm thứ 4, mùa đông tháng 10, ngày 30 nhật thực; tháng 11 ngày 30 nhật thực; Quý Sửu năm thứ 20 [188 tr.CN], mùa xuân tháng giêng ngày mồng 1 nhật thực; mùa hạ tháng 5 nhật thực mặt trời bị che hết; Ất Mão năm thứ 22 [186 tr.CN], mùa hạ tháng 6 ngày 30 nhật thực; Quý Hợi năm thứ 30 [178 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Giáp Tý năm thứ 31 [177 tr. CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; tháng 11 ngày 30 nhật thực; Tân Tuất năm thứ 48 [160 tr. CN], mùa hạ tháng 4 ngày 30 nhật thực; Đinh Hợi năm thứ 54 [154 tr. CN], mùa xuân tháng giêng ngày 30 nhật thực; Mậu Tý năm thứ 55 [143 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Quý Tỵ năm thứ 60 [148 tr.CN], mùa thu tháng 9 ngày 30 nhật thực; Ất Mùi năm thứ 62 [146 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Đinh Dậu năm thứ 64 [144 tr.CN], mùa thu tháng 7 ngày 30 nhật thực; Mậu Tuất năm thứ 65 [143 tr.CN], mùa thu, tháng 7 ngày 30 nhật thực <8a>; Nhâm Dần năm thứ 69 [139 tr.CN], mùa xuân tháng giêng ngày 30 nhật thực; Quý Mão năm thứ 70 [138 tr CN] tháng 9 ngày 30, nhật thực). Các sao biến di có 9 lần: Mậu Tuất năm thứ 5 [203 tr. CN], mùa thu, tháng 7 có sao Chổi mọc ở vùng sao Đại Giác; Giáp Thân năm thứ 51 [157 tr. CN] tháng 9, có sao Chổi mọc ở phương tây; Bình Tuất năm thứ 53 [155 tr.CN], mùa đông tháng 11, có sao Chổi mọc ở phương tây; Đinh Hợi năm thứ 54 [154 tr.CN], mùa xuân, tháng giêng, có sao Chổi đuôi dài mọc ở phương tây; Quý Tỵ năm thứ 60 [148 tr.CN], mùa hạ tháng 4, có sao Chổi mọc ở tây bắc; Giáp Ngọ năm thứ 61 [147 tr. CN], mùa thu tháng 9, có sao Chổi mọc ở tây bắc; Canh Tý năm thứ 67 [141 tr. CN], tháng 12, Mặt Trời đỏ tía, 5 sao di ngược chiều giữ lấy sao Thái Vi. Mặt Trăng di thiến vào trong thiến đình. Nhâm Dần năm thứ 69 [139 tr. CN], mùa hạ tháng 4, có vì sao như mặt trời mọc ban đêm; Quý Mão năm thứ

70 [138 tr.CN], mùa thu tháng 7, có sao Chổi mọc ở tây bắc. Đại khái phần nhiều đưa theo sù nhà Hán mà ghi chép, riêng có năm Quý Mão thứ 10 [208 tr. CN], mùa hạ, tháng 6, ngày 30, nhật thực bờ sót không ghi; năm Canh Thân thứ 27 [181 tr. CN], mùa xuân, tháng giêng, năm ấy có nhật thực nhưng Cao Hậu ghét chuyện đó nói rằng: "Đây là điểm ứng vào ta đó" cho nên sù nước Việt không chép.

Xét ra thì nhật thực, nguyệt thực muôn nước đều chung dộ số, khi nó tròn trở lại cũng cùng nhìn thấy ánh sáng, ghi chép việc đó về lý tựa hồ không hại gì lầm, nhưng ở thiên văn thì cho rằng nhật thực ở dó nào, sao nào, trong 28 vì sao thì thuộc về việc nào <8b>. Vì như ở khu vực sao Tất là việc binh đao; ở khu vực sao Vĩ là việc kho tàng, dó nào thì thuộc về dia phận của nước nào, ví như 11 dộ sao Đầu thì thuộc về nước Ngô, 5 dộ sao Giác thì thuộc về nước Trịnh. Kẻ suy xét tinh thi chưa việc gì không nhận biết được. Chuyện sao biến dị cũng như vậy.

Nhân sù có duyên do, phân dâ có chỗ hệ thuộc, ánh sáng có lúc nhiều lúc ít, ưng nghiệm có khi chậm khi nhanh. Giả sù các triều đại ở nước mình có lịch hàng ngày, có quan xem sao, thấy việc gì không ứng với nước mình thì không ghi cung dung thôi. Hơn nữa Đà đang thuộc Hán, Giao Nam ta lại thuộc Đà, nên những hiện tượng biến dị của trời ứng với Đà cũng đã không đáng ghi rồi, huống chi nhà Hán thống trị Trung Quốc, sù nhà Hán chép sự biến dị của Mặt Trời và sao là để giúp cho việc chiếm nghiêm chủ liên quan gì đến Đà. Nay đã nhầm mà đưa Đà hệ thuộc vào quốc thống lai theo dây mà bắt chước sự ghi chép của sù Hán cốt cho dây dù, không xem có đúng hay không. Như thế thì đáng gọi là "dâ" chứ không phải là "sù". Cho nên nhất thiết phải bỏ đi. Từ đây về sau cứ theo như thế. Còn việc nhà Hán dung nhà Nguyễn miêu⁽¹⁾ <9a> ban chiếu để tang ngắn ngày, hạ lệnh cho các quận các nước dung miêu Thái Tông⁽²⁾ đều là việc đặt lễ nghi của Trung Quốc, làm sao mà phải ghi cả vào. Nếu nước ta thời thuộc Hán còn không đáng ghi, huống chi thuộc Đà. Cho nên chỉ ghi việc của Đà thôi. Còn việc của Hán thì chỉ nên ghi việc vua mất hoặc lên ngôi để biết được thứ tự các đời của Trung Quốc là được rồi há phải ghi chép nhầm như thế. Cho nên theo lệ trước bỏ đi.

Giáp Thìn [137 tr.CN] (Hán Vũ Đế năm Kiến Nguyên thứ 4, Triệu Vũ Đế păm thứ 71). Triệu Vũ Đế Đà mất, cháu là Hồ lên ngôi, tức Văn Vương (Hồ là con Trọng Thuỷ. Triệu nhà Trần truy phong là Hoàng đế, sù cũ chép nay bỏ đi).

Sử thân Lê Văn Hưu bàn: *Dát Liêu Đông không có Cơ Tử*⁽³⁾ thì không thể co phong tục mặc áo dội mũ; *dát Ngô Cối không có Thái Bá*⁽⁴⁾ thì không thể cường

1. Nguyễn miêu: Miêu thờ thuỷ tổ.

2. Miêu Thái Tông là miêu thờ Hán Văn Đế

3. Cơ Tử: Tên là Tử Dư, làm quan thái sứ được phong tước Tử và được nước Ðà đất Cơ nên gọi là Cơ Tử. Vua Tru vô đạo, Cơ Tử can ngăn vua không nghe con bò từ ông. Vũ Vương diệt Tru, Cơ Tử đưa 5000 người tránh sang Cho Ly và làm vua Ðà.

4. Thái Bá: Con cả của Chu Thái Vương, em thứ hai là Trọng Ung, em út là Quý Lzech. Quý Lzech hiền tài lại có đứa con là Xương cung giỏi. Bởi thế Thái Vương muốn lập Quý Lzech để về sau sẽ truyền ngôi cho Xương. Bấy giờ Thái Bá, Trọng Ung trách Quý Lzech đến Ðà đất Kinh Man tự xưng hiệu là Câu Ngô. Dân Ðà Kinh Man cảm cát nghĩa của ông theo về hơn 1000 nhà, lập ông làm Ngô Thái Bá.

thinh thành nghiệp vương nghiệp bá. Đại Thuần là người Đông Đô mà là bậc vua giỏi trong ngũ đế, Văn Vương là người Tây Đô là bậc vua hiền trong tam vương. Thế mới biết người giỏi trị nước thì không cứ gi rộng hay hẹp, người Hoa hay người Di, chỉ trong vào đạo đức mà thôi <9b>. Triệu Vũ Đế khai thác đất Việt ta tu xung đế trong nước, chống chọi với nhà Hán, là người mà đầu cơ nghiệp để vương cho nước ta. Công ấy có thể nói là lớn dấy! Người làm vua nước Việt sau này, nếu biết bắt chước Triệu Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, đặt quan cai trị nước, có đường lối để giao thiệp với láng giềng, lấy nhân nghĩa mà giữ ngôi báu thì, giữ được bờ cõi lâu dài, người Phương Bắc không thể trùng mắt với ta được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Truyền có câu: "Người có đức lớn át có địa vị, có danh vọng, được sống lâu". Vũ Đế tu dưỡng thế nào mà được như thế? Cũng chỉ ở chỗ có đạo đức dấy thôi. Xem câu trả lời của Đà với Lục Già thì uy thế Anh Vũ⁽¹⁾ chẳng kém gì Hán Cao Đế. Đến khi nghe Văn Đế đặt thủ ấp để trong coi phản mìn tổ tiên của vua, hàng năm cũng tế và ban thường rất hậu cho anh em thì lại khuất phục nhà Hán. Do đó mà tông miếu được cung thờ, con cháu được bảo tồn, chẳng phải là vì đạo đức dó sao? <10a> Kinh Dịch nói: "Biết khiêm tốn thì ở ngôi cao đức sẽ càng sáng, ở ngôi thấp cũng không ai dám vượt qua"⁽²⁾. Triệu Đà là hợp với câu ấy dấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Triệu Đà cuối thời Tân chỉ là một quan lệnh mà thôi, nhán nhà Tân loạn, chiếm cứ đất Lưỡng Quảng, đang gianh địa vị ở Trung Nguyên, chưa dể mất đến đất Linh Nam. Sau khi việc nhà Hán đã ổn định, Cao Tổ cũng thấy ghét binh dao chán công trạng. Văn Đế nỗi lòng lại càng ngai dùng vũ lực. Cho nên lần trước ban cho phù tiết, lần sau sai sứ đưa thư. Lục Già hai lần sang nước Việt. Đà nhân dấy buộc Mân Việt, Tây Âu phải lệ thuộc vào mình, ngồi xe mui vàng xưng là hoàng đế để cao minh cho khác biệt. Song tự biết sức không thể địch nổi nhà Hán bèn nhán Văn Đế vồ vè, từ đây dùng lè nhún nhường bô hiệu để, tự xưng là bě tài dāng lē cōng để làm vừa lòng nhà Hán. Đây lại càng thấy rõ chỗ quý quyết của Đà. Nếu không phải là người hiếu thấu được cái lè nên cứng nén mềm, khi co khi giãn, thì không thể làm thế được. Đà mà được nước rộng muôn dặm, truyền ngôi hàng trăm năm, thay tục bùi tóc thành tục dôi mũ dai, xếp bó can qua mà dùng ngọc lụa⁽³⁾ bồng cháu làm vui, tuổi cao mà vẫn còn mạnh khoẻ <10b>. Buổi đầu thời Hán, trong thi chư hầu, ngoài thi nhiều nước không ai sánh kịp sự lâu dài ấy. Người bình luận đời sau khen là bậc vua nổi tiếng, chẳng phải là anh hùng một thời dó sao? Song có nhà làm sử như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên vi Đà như Cơ Tử, Thái Bá và lấy công mà nghiệp để mà quy cho Đà; thậm chí cho Đà là người có đức tú ứng⁽⁴⁾ ngang với Thuần, hết sức tán dương đức khiêm tốn của Đà thì là sai dấy. Sao lại nói thế? Vì rằng với Thuần thi Đà vốn không thể

1. Anh Vũ : Tức Đỗ Anh Vũ, quan đại thần thời Lý.

2. Câu này ở soán từ của quẻ Khiêm (Kinh Dịch).

3. Ngọc lụa: Thủ quý báu, thời xưa dùng để làm lê công nạp.

4. Người có đức "tú ứng" là người được bão ứng 4 điều : địa vị, phuc lộc, danh tiếng, sống lâu.

sánh kịp rồi. Còn như Cao Tú đến Triều Tiên đặt ra lệnh cấm, biến đổi phong tục cho dân, nền giáo hóa nhân đức hiền từ ấy đến nay vẫn còn. Thái Bá ba lần nhường thiên hạ⁽¹⁾ đức lớn ấy không thể tài nổi chứ không phải giáo hóa của ông chỉ ở Kinh Man mà thôi. Đát Giao Nam từ dời Hoàng đế Chuyên Húc cho đến nhà Chu chỉ sai sứ tiến công từ thành một nước riêng. Ngay mạnh như nhà Tân, uy lực của Thuỷ Hoàng trong ngoài 9 châu, đánh đâu mà không được, gọi ai mà không đến, nhưng dắc hết binh lực của Vương Tiên⁽²⁾ cũng chỉ mở đến Bách Việt thôi chứ không đến được Giao Chỉ. <11a> Đà chiếm Ngũ Linh, chỉ khổ vì lòng tham không biết thế nào cho dù, lại tiêu diệt An Dương mà thôn tính, truyền được vài đời thì mất. Bàn đồ số sách thuộc nước cũ của An Dương phải nhập về nhà Hán. Do đó nước ta trở thành nguồn lợi cho Trung Quốc. Châu ngọc chúa đầy kho, quát vài dặt thành chức quan (Hán Vũ Đế đánh Nam Việt, dựng cung Phù Lệ trong vườn Thượng uyển để trồng các thứ cây lấy được như nhăn, vải, xương bồ, mồi thú hơn trăm gốc. Vài xứ Giao Chỉ dời đến trồng ở trong sân, không sống được một cây nào. Tại Giao Chỉ có chức Quát quan dặt một người trưởng quan, phẩm trật hưởng 300 thạch, chủ yếu coi việc cống quát cho vua hàng năm). Giả sử Đà không gây nên mối binh đao thì cho dù Hán Vũ Đế có tham mở đất, thích lập công, chẳng qua cũng chỉ diệt họ Triều để lấy lại quận huyện của nhà Tân xưa mà thôi, chứ cũng không đến được Giao Chỉ. Nước ta ngoại thuộc vào Triều nên nội thuộc vào Hán cho mãi đến thời Đường, quốc thống bị đoạn tuyệt, suy nguồn gốc, người đầu tiên gây nên tai vạ không phải Đà thì còn ai? Hơn nữa Đà dặt nước ta làm quận huyện, chỉ biết tịch thu đất dai, vơ vét thuế má, chỉ cốt lấy đầy ngọc bích cho triều đình nhà Hán, chắt túi Lục Giả có dù nghìn vàng. Còn như giáo hóa phong tục không may mắn để ý đến. Nghè cày cấy là cội gốc để nuôi dân <11b>, việc cày xin là việc lớn của con người, thì bấy giờ dân ta vẫn tối tăm không biết gì hết. Trải qua hàng trăm năm đất nước chỉ là lẻ thuộc. Công đức của Cao Tú, Thái Bá nào lại như thế ư? Còn như suy rộng công của Đà cho là người mở đầu cơ nghiệp để vương, thì tôi đã bàn rồi. Lê Văn Hưu dặt phép chép sù dò, lập lối nghị luận dò, Ngô Sĩ Liên theo lối hiếu nông cạn dò mà không sửa đổi, cho đến bài Tổng luận của Lê Tung, thơ vịnh sử của Đặng Minh Khiêm⁽³⁾, cùng nhau ca tụng, cho Đà là bậc vua giỏi của nước mình, đến nay đã trải hàng nghìn năm không ai cải chính, bởi vậy tôi phải luận thật sâu.

Bính Ngọ [135 tr.CN] (Hán Kiến Nguyên năm thứ 6, Triều Văn Vương - Hồ năm thứ 2), mùa thu tháng 8, Mân Việt Vương Sinh xâm lấn áp biên giới. Nam Việt Vương - Hồ giữ lời ước với nhà Hán, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư báo việc đó với nhà Hán, nhà Hán khen Hồ khéo giữ chức phận, hẹn sẽ vì Hồ dấy binh. Thế rồi sai Vương

1. Thái Bá ba lần nhường thiên hạ: không lên ngôi, bỏ trốn đến đất Ngũ Cối, cắt tóc vẽ mình thay đổi tập tục để không giống người Trung Quốc nữa.

2. Vương Liên: Người Tần Dương thời Tần theo Tần Thuỷ Hoàng làm tướng quân, từng đánh được các đất Triều, Yên, Tô.

3. Đặng Minh Khiêm: Tự là Trinh Dư, hiệu là Thoát Hiên, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh, sau ra ở huyện Sơn Vi, tinh phủ Thanh. Ông đậu Hoàng giáp năm Hồng Đức thứ 18 [1487], làm quan Hán lâm thị thư sau chạy theo Lê Chiêu Tông rồi mất ở Châu Hoá. Ông soạn sách Việt giám vịnh sử thi tập

Khôi Dư Chương, Hán An Quốc <12a> đem quân ra Cối Kê đánh Mân Việt. Hoài Nam Vương là An dâng thư can, vua Hán không nghe.

Bấy giờ, quân Hán chưa vượt qua Ngũ Linh, em Mân Việt Vương là Du Thiên cùng với người trong họ bàn mưu giết Sinh để đầu hàng. Vương Khôi thấy thuận lợi, bèn bái binh. Vua Hán sai Trang Trợ sang ngỏ ý chiêu du. Hồ giáp đầu nói: "Thiên tử vì quá nhân mà dãy quân diệt Mân Việt, quá nhân dù phải chết cũng không đủ để báo đáp ân đức ấy", rồi sai thái tử là Anh Tề sang làm con tin. Nhân dãy bảo với Trợ rằng: "Nước mới bị cướp phá xin sứ giả về trước đi, quá nhân đang ngày đêm sám sửa hành trang để vào yết kiến thiên tử đấy". Trợ về, các đại thần đến can rằng: "Quân nhà Hán giết Sinh có ý muốn làm cho nước ta kinh sợ, và lại tiên đế đã nói thà Hán cốt để khỏi thất lẽ, chớ nên nghe lời ngon ngọt của họ mà vào triều kiến, vào rồi không về được là thế mất nước đấy". Hồ bèn nói thác là bị bệnh không vào triều kiến nữa.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Hai nước Việt đánh nhau không phải là việc của nước mình. Hơn nữa <12b> Hoài Nam can việc đánh Mân Việt mà người Hán không nghe, việc đó cũng không phải là bức thiết. Bức thư can gián của Hoài Nam mà sử cũ chép đã thấy trong sử nhà Hán rồi cho nên bỏ đi. Còn như em Mân Việt Vương Sinh là Du Thiên giết Sinh để đầu hàng nhà Hán, thì dao trời, lòng người đến thế là đáng buồn.

Xét ra, Sinh xâm lấn Hồ, lỗi là ở chỗ thích dùng binh thô thiển, chứ thực ra không có tội gì với nước ấy, thế mà em và người trong họ quá quyết giết để đầu hàng nơi cửa quân. Quân Hán đến Mân Việt, không đánh cũng đã tan vỡ, có quý hóa gì Du Thiên là đưa giết vua, giết anh mà nhân cho đầu hàng. Vũ Đế như thế là làm sai hình phạt đấy. Tuy nhiên bọn loạn thân tặc tử, ban đầu thì kết bè đảng làm điều hung ác, ăn gan ném mặt thè bồi, nhưng gặp lúc nguy cấp thì kè dâng công để lấy thương lại thường từ trong bọn chúng mà ra. Ké như Du Thiên thì nhiều lắm. Ghi lấy việc này để cho người làm vua thiên hạ dời sau không thể không lo lắng khi việc mồi chom ná.

<13a> Ất Mão [126 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 3 Triệu Văn Vương năm thứ 11), Triệu Vương là Hồ ấm nặng, Thái tử Anh Tề từ Hán về (sử nhà Hán chép: "Anh Tề thương lạc" nghĩa là Anh Tề chuộng hưởng lạc).

Bính Thìn [125 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 4, Triệu Văn Vương năm thứ 12), Triệu Văn Vương Hồ băng, Thái tử Anh Tề lên ngôi tức là Minh Vương

Dinh Ty [124 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 5, Triệu Minh Vương - Anh Tề năm thứ 1), nhà Triệu dùng Lữ Gia làm thái phó.

Mậu Thìn [123 tr.CN] (Hán Nguyên Dinh năm thứ 4, Triệu Minh Vương năm thứ 12, Ai Vương Hưng năm thứ nhất), trước kia, Triệu Vương Anh Tề làm thế tử, sang làm con tin với nhà Hán ở Trường An, lấy con gái ở Hàm Đan là Cù thị, sinh con là Hưng Đến khi lên ngôi lấy ấn của tiên vương dâng thư cho nhà Hán, xin lập Cù thị làm hoàng hậu. Hưng làm thế tử. Nhà Hán nhiều lần sai sứ giả sang khuyên Anh Tề vào chầu. Anh Tề sợ vào yết kiến phải theo luật nhà Hán, bị liệt vào hàng chư hầu, bên trong, cố ý cáo ốm không đi, bèn sai con là Thứ Công vào làm con tin. Năm ấy Anh Tề băng <13b>,

con thứ là Hưng lên ngôi tức là Ai Vương

Hưng lên ngôi, tôn mẹ là Cù thị làm thái hậu. Trước kia khi Cù Hậu chưa lấy Anh Tề từng dâng dâm với An Quốc Thiếu Quý người Bá Làng. Bấy giờ nhà Hán sai Thiếu Quý sang du Hưng và Cù thị vào chầu, lại sai biện sĩ⁽¹⁾ gián nghị dai phu⁽²⁾ là Chung Quân tuyên lời du, dung sĩ là bọn nguy thần giúp việc giải quyết, vệ úy⁽³⁾ là Lô Bác Đức đưa quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả. Bấy giờ vua còn ít tuổi, Cù Hậu là người nhà Hán, Thiếu Quý đến lại tư thông với Cù Hậu, người trong nước biết chuyện đó, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ sẽ sinh loạn, muốn dựa vào uy của nhà Hán thường khuyên vương và quần thần xin phụ thuộc vào nhà Hán, liền nhân có sứ giả nhà Hán, nhờ dâng thư xin theo như chư hầu ở Trung Quốc, 3 năm một lần vào chầu, bỏ quan ái ở biên giới. Vua Hán bàng lòng, ban cho vương và thừa tướng là Lữ Gia ăn bằng bạc và các ăn nội sử trung úy, thái phó, ngoài ra các chức khác được tự đặt lấy. Bố hình phạt-cũ như thích vào mặt, cắt mũi mà dùng pháp luật nhà Hán như các chư hầu ở Trung Quốc. Sứ giả ở lại để trấn giữ vỗ về dân <14a> (Cù thị thấy trong sách đã sử của Nguyễn Đăng Binh nói người đương thời gọi là Câu La Ma).

Kỳ Ty [112 tr.CN] (Hán Nguyên Đinh năm thứ 5, Ai Vương Hưng năm thứ 2), Triệu Vương Hưng và Cù Thái hậu sửa soạn hành trang đem nhiều lê vật quý trong để vào chầu. Bấy giờ Tể tướng là Lữ Gia tuổi đã cao, làm tướng qua 3 triều, ho hàng làm quan to đến hơn 70 người, con trai đều lấy công chúa, con gái đều gả cho con em hàng tôn thất của nhà vua và thông gia⁽⁴⁾ với Tân Vương ở Thương Ngõ⁽⁵⁾. Trong nước rất trọng, mọi người xin theo, nhiều kẻ làm tai mắt cho ông. Được lòng dân hơn cả vua là Hưng Gia nhiều lần can Hưng đừng vội phu, nhưng Hưng không nghe, nhân thế có lòng muốn phản, thường cáo ốm không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Sứ giả nhà Hán đều chú ý đến Gia, nhưng thế chưa thể giết được. Hưng và Thái hậu rất sợ bọn Gia khởi sự trước, nên đặt tiệc rượu mời sứ giả giúp, bàn mưu giết bọn Gia. Sứ giả uống rượu, các đại thần đều ngồi hâm. Sứ giả ngồi hướng đông. Thái hậu ngồi hướng nam <14b>, Triệu Vương Hưng ngồi hướng bắc, Tể tướng Lữ Gia và các đại thần đều ngồi hướng tây. Em Gia là tướng võ, đem quân đóng ở ngoài cung. Khi uống rượu, Thái hậu nói với Lữ Gia: Nam Việt nội thuộc vào Hán là có lợi cho nước, mà tướng quân lại cho là bất tiện là có làm sao? Cốt để chọc tức sứ giả. Sứ giả hờ nghi, giữ miếng nhau (chữ trượng "𠙴" nghĩa là giữ miếng) không ai dám hành động. Gia thấy tai mắt họ có vẻ khác, liền đứng dậy đi ra ngoài. Thái hậu tức giận muốn lấy mâu đâm Lữ Gia, Hưng ngăn lại, Gia bèn đi ra, chia lấy quân của em về nhà cáo ốm không chịu gặp sứ giả và vương, rồi ngâm cùng các đại thần mưu nổi loạn. Hưng vốn không có ý giết Gia, Gia cũng biết điều đó, vì thế đến mấy tháng không hành động gì. Riêng Thái hậu muốn giết Gia, nhưng sức không thể giết nổi. Vua Hán

1. Biện sĩ : Người có tài ứng đối, hung hên, thường dùng vào việc di sứ, thuyết khách.

2. Gián nghị dai phu : Chức quan ngũ sử, can ngăn vua, đặt từ thời Hán, thường gọi tắt là gián nghị.

3. Vệ úy : Chức quan chỉ quản lính canh trong cung đình, có từ thời Tân. Sang thời Tuỳ giữ chức nắm các việc binh khí, nghi trượng, trường mạc.

4. Thông gia : Dịch id chữ "lén"

5. Thương Ngõ ở trong nước Việt, vương tự xưng là Tân Vương.

nghe tin Gia không nghe theo mệnh, Triệu Vương Hưng và Thái hậu lè loi yếu đuối không chế ngự được, sứ giả nhút nhát không quyết đoán, lại cho rằng mẹ con Triệu Vương đã nội phụ, riêng Lữ Gia làm loạn, không đáng dấy quân, muốn sai Trang Sâm đem 2000 người sang sứ. Trang Sâm nói: "Vì sự hoà hiếu mà sang <15a> thì vài người là đủ rồi, lấy vũ lực mà sang thì 2000 người cũng không làm được gì". Sâm từ chối không nhận, vua Hán bèn bãi chức Trang Sâm. Tướng Tế Bác cũ là Hàn Thiên Thu háng hái nói: "Một nước Việt cồn cồn, lại có vương và Thái hậu làm nỗi ứng, một mình Thừa tướng Lữ Gia làm loạn xin cho tôi 300 dung sĩ, nhất định sẽ chém được Gia để báo tin về". Thế rồi nhà Hán sai Thiên Thu và em Thái hậu là Cù Lạc đem 2000 quân tiến vào đất Việt. Lữ Gia bèn hạ lệnh cho trong nước rằng: "Vua tuổi còn nhỏ, Thái hậu vốn là người nhà Hán lại dám loạn với sứ giả nhà Hán chuyên muôn nội phụ Trung Quốc, đưa hết những đồ châu báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để nịnh bợ, đem nhiều người đi theo đến Tràng An bán di làm dãy tớ để kiếm món lợi nhất thời cho mình, không đoái gì đến xả tặc họ Triệu và chàng có ý lo gì đến mưu kế cho muôn đời", thế rồi cùng em đưa quân đánh Hưng, giết Hưng và Cù Hậu, giết hết sứ giả nhà Hán. Hưng chết đặt tên thuy là Ai Vương. Gia sai người báo với Tân Vương ở Thương Ngô <15b> cùng các quận ấp lập con cả của Anh Tê là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm vua tức là Thuật Dương Vương. Kiến Đức đã lập lên rồi, quân của tướng nhà Hán là Hàn Thiên Thu kéo vào bờ cõi, đánh phá mấy ấp nhỏ. Lữ Gia bèn mở con đường thẳng để cung cấp lương. Quân Hán vào cách Phiên Ngung chưa đến 40 dặm, thì Gia cho quân đánh, giết được bọn Thiên Thu, sai người gói cờ tiết sứ giả của nhà Hán đặt ở biên giới (sử cũ chép là ở đèo Đại Dũ), khéo dùng những lời già dối để tạ tội rồi cho quân giữ nơi hiểm yếu (bấy giờ là mùa đông tháng 11). Vua Hán nghe tin sai Phục ba tướng quân⁽¹⁾ là Lộ Bác Đức đem quân từ Quế Dương đi xuống Ung Thuỷ, Lâu thuyền tướng quân⁽²⁾ là Dương Bộc đem quân từ Dự Chương đi xuống Hoành Phố. Hai người ở đất Quy Nghĩa, Việt Hầu xưa, Nghiêm là Qua thuyền tướng quân⁽³⁾ và Giáp là Hạ lại tướng quân⁽⁴⁾ (cả hai người đều không chép họ) ra Linh Lăng, đi xuống Ly Thuỷ, đến Thương Ngô, Tri Nghĩa hầu là Quý đem quân Da Lang⁽⁵⁾ đến sông Tường Kha⁽⁶⁾ đều hồi ở Phiên Ngung. Bấy giờ Tri Nghĩa hầu cầm quân Man đi xuống Phương Nam, vua Thà Lan⁽⁷⁾ sợ di xa nước bên cạnh, bọn tôi mọi toàn người già yếu <16a> bèn cùng với quân lính làm phản giết sứ nhà Hán. Nhà Hán bèn đưa bọn tù người Ba Thục từng đánh Nam Việt, gồm 8 hiệu úy di đánh Thà Lan.

Sử thần Ngô Sí Lién bàn: Tai vạ của-Ai Vương dù là do Lữ Gia nhưng thực lai là Cù Hậu. Xét ra nũ sắc làm đổ nước người ta có nhiều mối, nhưng cái triệu

1. Phục ba tướng quân : Danh hiệu đặt cho những tướng được phái đi đánh ở miền biển Phương Nam (phục ba nghĩa là dẹp sóng).

2. Lâu thuyền tướng quân : Danh hiệu đặt cho những tướng chỉ huy thuyền, đi thuyền lán cõi lâu ở trên

3. Qua thuyền tướng quân : Danh hiệu của những tướng chỉ huy các đội thuyền có cầm ngọn giáo ở đầu thuyền.

4. Hạ lại tướng quân : Danh hiệu đặt cho những tướng chỉ huy các đội thuyền thao việc xuôi thác ghềnh

5. Da Lang : Một nước cổ, bị nhà Hán tiêu diệt và đặt làm huyện. Nay là địa danh ở Trung Quốc.

6. Tường Kha : Nay gọi là sông Bắc Bàn của Trung Quốc.

7. Thà Lan : Một nước thời cổ bị Hán Vũ Đế tiêu diệt và đặt làm quận. Nay là địa danh ở Trung Quốc.

chứng này sinh thì không thể thấy trước được. Cho nên các tiên vương phải đặt ra lề dài hôn¹, cẩn thận chỗ quan hệ vợ chồng, phân biệt chỗ hiềm nghi, làm rõ việc mới mạnh mún, làm đúng dân ngõi thú trong ngoài, phải ngăn ngừa việc vào ra, day dù đạo Tam tòng. Như thế tai vạ về sau mới không sinh ra được. Ai Vương ít tuổi không ngăn cấm được mẹ. Lữ Gia dám đương việc nước, công việc trong ngoài há lại không ngăn cấm được sao? Khách nước lớn đến, tiếp đón có lẽ nghị, chỗ ở có thư bắc, có sổ mục cung cấp, có người thù tiệp thì làm sao mà thông dâm với mẫu hậu được? Mẫu hậu ở sâu trong cung, không dự việc bên ngoài, <16b> có việc ra ngoài thì di xe bọc da cá, cảm cờ lồng đuôi tri, cung tần theo hầu, thì sao thông dâm với khách đi sứ được? Bạn Gia toan dập ngọn lửa trong lúc đang cháy khắp đồng, sao bằng ngăn chặn cái cơ hoạ loạn từ khi chưa nở có hơn không? Cho nên có câu: "Làm vua mà không biết nghĩa của Kinh Xuân Thu, tất phải chịu cái tiếng dứng đầu tội ác; làm bệ tôi mà không biết nghĩa của Kinh Xuân Thu tất mắc vào tội giết vua". Minh Vương, Ai Vương, Lữ Gia là những người như thế đấy.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Người xưa có câu: "Nước loạn mong có vị tướng giỏi", lại nói: "nhà suy đều bởi tư đàn bà" Trách nhiệm của quan tể tướng, quan hệ của bậc phi tần là rất hệ trọng. Cù Hậu chỉ là gái giang hoa ở Hầm Đan, tình cờ gặp được con tin là Anh Tề lên làm hoàng hậu của một nước Dao đức làm vơ, nghĩa thước làm mẹ, ân nghĩa của chồng, kế hoạch cho con, chẳng lẽ tôi tám không biết gì hay sao? Lại còn thêm rõ rai dứa trê ranh, cam tâm làm tì thiếp cho Hán lật đổ nước người ta, tai hoạ đến thân. Ké cuồng dâm <17a> như thế không đáng để xia nữa rồi. Sử thần của Trung Quốc chẳng lẽ không còn một người nào có thể sai được, mà phải dùng đến người đã từng "trên Bộc trong dâu"⁽²⁾ với Cù Hậu lúc tuổi trê. Rõ ràng là dứa mõ đến miệng mèo mà không phiền đến can qua, không cần gì vẫn cáo. Thế là khinh rẻ người trong nước, làm nhục đến quốc thể, còn gì tệ hơn nữa. Lữ Gia nắm quốc chính, nắm binh quyền, trong ngoài cung phủ không dâu là không do Chủng Tế⁽³⁾ cai quản. Nếu sáng suốt một chút thì phải nghiêm mật phòng ngừa, đặt người dò xét. Lại nói nơi sứ quán không được lọt vào cung cấm, cung tần thì nữ không được ra ngoài cung. Lấy lê hầu mà tiệp dài sú thân, lấy lời khiêm tốn mà tâu lại với thiên triều. Bên ngoài thì tỏ lồng thò nước lớn, bên trong thì chuẩn bị chống xâm lăng. Họ biết nước mình có người giỏi, dù có mưu đồ thôn tính cũng phải thay đổi, nạn binh dao sẽ được ngăn chặn từ đó. Nhưng lại để cho Cù Hậu

1. Lề dài hôn : Là lề cuối của cái bậc để vương.

2. Chủ Hán là "Tang trung kỵ thương" (trên kỵ trong dâu) câu này trong thi "Tang trung" ở Võ phong (Kinh Thị). Sông Kỳ còn có tên là Sông Bộc, nên còn nói "làng gian hộc thương" (trên hộc trong dâu). Người xưa thường dung câu này để nói quan hệ trai gái bất chính. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có câu :

"Những phuòng trên Bộc trong dâu,

Thì con người ấy ai cầu làm chi".

3. Chủng Tế. Chức quan đặt từ thời Chu, là chức đứng đầu trong lục khanh. Về sau là chức Thượng thư bộ (2).

gặp Thiếu Quý, công nhiên dâm loạn ở nước mình, cùng nhau bàn mưu di sang Hán. Ngày tháng dần dần, thư từ qua lại <17b>, đợi đến khi hành trang đã sắm xong, mới dâng thư can. Tiệc rượu không hay, bèn mưu khởi loạn, đến với quân Hán vào nước, không nghĩ ra được kế gì bèn giết vua, giết sứ giả để chóng diệt vong. Lẽ nào mưu tính việc nước như thế mà muốn thanh công được? Cho nên trông vào việc Cù Hậu cưỡng dâm và Lữ Gia ngu xuẩn thì biết được sự diệt vong của họ Triệu đã này mầm từ khi Anh Tề lập phi và dùng tướng rồi. Bác làm vua đối với việc hén vợ há không thận trọng được sao?

Canh Ngo [111 tr.CN] (Hán Nguyên Đinh năm thứ 6, Triệu Thuật Dương Vương năm thứ 1), mùa đông, Dương Bộc nhà Hán đưa 9 nghìn tinh binh, trước tiên đánh hầm Trần Hiệp, phá Thạch Môn (Lữ Gia chất đá ở sông gọi là Thạch Môn), bắt được thuyền chở lương của Việt, nhân buộc thuyền lại, lấy vài vạn người đợi Bác Đức dẫn tội nhân đi đường xa, sau kỳ hẹn mới đến hội với Lâu thuyền tướng quân được hơn nghìn người cùng tiến.

Bác Đức dẫn tội nhân xuất phát từ Thục, đường xa cho nên đến sau kỳ hội quân. Tội nhân chỉ có hơn nghìn người làm lính <18a>. (Sử cũ chép: Bác Đức nói: "Vì đường xa nên đến sau kỳ hẹn" là sai ý của chính văn). Dương Bộc di trước đến Phiên Ngung, trước Kiến Đức và Lữ Gia đều giữ thành. Bộc tự chọn chỗ tiên lợi đóng ở mặt Đông nam, Bác Đức đóng ở mặt Tây bắc. Vừa chập tối Bộc tấn công đánh bại quân Việt rồi châm lửa đốt thành. Trong thành vốn đã nghe tiếng Bác Đức. Vì trời tối nên không biết quân trong thành nhiều hay ít, Bác Đức bèn đóng doanh trại, sai sứ chiêu dụ những người đầu hàng, cho ăn tin, lại tha cho về để chiêu dụ lẫn nhau. Bộc cố sức đánh đuổi vào trong doanh trại của Bác Đức. Đến tảng sáng trong thành đều hàng. Kiến Đức và Lữ Gia cùng vài trăm người đang đêm bỏ chạy ra biển, lấy thuyền đi về hướng tây. Bác Đức lại dò hỏi những người đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người đuổi theo. Hiệu úy Tư mã cũ là Lưu Hoằng bắt được Kiến Đức, Lữ Gia. Bấy giờ quân của Hạ lại tướng quân, Qua thuyền tướng quân và quân Dạ Lang của Tri Nghĩa hầu chưa đến mà quân Việt đã bị Bác Đức dẹp yên. (Bấy giờ 3 sứ giả trong nước Việt đất 300 con bò, mang 1000 vò rượu, cầm sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam <18b> đến xin hàng. Lộ Bác Đức nhận đây phong cho 3 sứ giả làm Thái thú 3 quận để cai trị dân như cũ. Xét ra thì Tri Nghĩa chỉ huy quân Dạ Lang, Dạ Lang không chịu theo mà những tội nhân do Bác Đức dẫn di là những người lấy từ Ba Thục còn Tri Nghĩa đang bị Thà Lan đánh làm sao đến Việt được. Có lẽ đây là Hạ lại tướng quân, Qua thuyền tướng quân chưa đến kịp, mà sử chép luôn cả là quân Tri Nghĩa hầu chưa đến. Bởi vì theo sự ghi chép cũ của sử nhà Hán mà chưa khảo kỹ đầy thô). Rồi lấy đất Việt đặt làm 9 quận: Nam Hải (quận cũ của nhà Tần nay là Quảng Đông), Thương Ngô, Uất Lâm (thời Tần là Quế Lâm, Hán Vũ Đế đổi tên), Hợp Phố (thời Tần là Tượng Quận hay là Liên Châu) và Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (là Tượng Quận thời Tần), Chu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở giữa biển, nay là Quỳnh Châu, Đam Châu). Nhà Hán mỗi quận đều đặt quan thứ sử, thái thú để cai trị (Xét thấy Hán Kiến Nguyên năm thứ 6, [135 tr CN], Thái Thành Vương là Khôi đánh phá Đông Việt nhân uy thế của quân lính sai phiên Dương lệnh là Đường Mông đến ngó ý hiểu dù

Nam Việt. Việt Vương lấy cầu tượng⁽¹⁾ của nước Thục dãi Mông, Mông hỏi: "Thứ này ở đâu đưa đến?" Vương trả lời: "ở quận Tường Kha⁽²⁾ phía tây bắc đạo, sông Tường Kha rộng vài dặm chảy ra phía dưới thành Phiên Ngung". Mông về hỏi người di buôn nước Thục. Người di buôn nói là chỉ nước Thục có cầu tượng, phần nhiều đem ra bán trộm cho Da Lang, Da Lang ở sát sông Tường Kha, Nam Việt lấy của cải mua chuộc Da Lang, đến đất Đồng Sư ở phía tây nhưng cũng không thàn phục được. Mông bèn dâng thư tâu với vua Hán rằng: "Nam Việt Vương đi xe mui vàng cám cờ tă đạo, đất dai đông tây rộng hàng vạn dặm, tiếng là ngoại thần nhưng làm chúa một châu. Thần trộm nghe Da Lang có thể có được hơn 10 vạn tinh binh, thả thuyền trên sông Tường Kha để "xuất kỳ bất ý", đây là một kế kỳ diệu để trị nước Việt đấy". Vua Hán cho phép. Thế là sự binh đao ở nước Việt khởi ra từ cầu tượng. Nhà Hán đánh Việt có lệnh phát binh từ Da Lang <19a> kéo xuống Tường Kha, thực là vì lời nói của Đường Mông đấy". Nay chép cả lại.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Lữ Gia can ngăn Ai Vương và Cù Thái Hậu chờ xin làm chư hầu nhà Hán, dùng bỏ cửa quan ở biên giới, có thể gọi là biêt trọng nước Việt đấy! Song can không nghe thì về nghĩa là nên đưa hết các bè tôi đến triều đình, trước mặt vua trình bày lợi hại về việc làm tôi nhà Hán xung đế dắt Việt (sử cũ chep "đế Hán" [làm vua nước Hán] có lẽ lầm, chư "thần Hán" [làm tôi nhà Hán] mới phải) thì Ai Vương và Thái Hậu cũng nghe ra mà tinh ngộ. Nếu vẫn không nghe theo thì nên tự nhận lỗi mà nén lánh bỏ ngoài của mình. Không thế thì làm như việc cũ của họ Y họ Hoắc⁽⁴⁾ là chọn một người con của Minh Vương mà thay ngôi, đế cho Ai Vương được như Thái Giáp và Xương Áp, giữ toàn được tính mệnh mà không mất dương tiến thoái. Nay lại giết vua đế hả lòng oán riêng, không cố chết giữ lấy nước khiến cho nước Việt bị chia xẻ, lại vào làm tôi nhà Hán. Tôi của Lữ Gia giết chết cũng chưa dâng.

<19b> **Sử thần Ngô Sí Liên bàn:** Ngũ Linh ở nước Việt là hiếm trớ, là cửa ngõ của nước, cũng như Hồ Lao⁽⁵⁾ của nước Trịnh, Hạ Dương⁽⁶⁾ của nước Quắc. Đây là làm vua ở nước Việt tất phải canh phòng nơi hiểm trớ, để giữ nước không thể đế cho mất được. Họ Triệu một khi đế mất Ngũ Linh thì nước bị mất, quốc thống bị dứt đoạn, bờ cõi bị cầu xé. Nước Việt ta lại thành cái thế bị cầu xé rồi. Sau này có bắc đế vương nào nổi dậy mà noi đất hiểm dã bị mất rồi thì khôi phục lại tất nhiên là khó. Cho nên Trung Nữ Vương tuy bình định được đất Linh Nam, nhưng

1. Cầu tượng: Một loại cây mộc ở đất Thục, thân như cây dâu, quả dài đến 2, 3 tấc, vị chua. Quả dùng làm lương ăn rất ngọt.

2. Nguyên hán thiếu chữ "Tường Kha", chúng tôi đã đổi chiếu truyền Tây Nam dì trong Sử ký mà thêm.

3. Họ Y: Túc Y Doãn, công thần của vua Thang nhà Thương. Thái Giáp con vua Thang vô đạo, không nghe lời can của Y Doãn. Doãn dâng Thái Giáp ra đất Đồng, sau Giáp hồi cài. Doãn lại dòn về cho làm vua.

4. Họ Hoắc: Túc Hoắc Quang thời Hán, nhận di chiếu của Hán Vũ Đế cho phụ chính giúp Chiêu Đế. Chiêu Đế chết, Quang rước lập Xương Áp Vương, nhưng Xương Áp Vương dâm loạn, Quang lại phế đi mà lập Tuyên Đế.

5. Hồ Lao: Địa danh thuộc Trung Quốc.

6. Hạ Dương: Kinh đô của nước Bắc Quắc thời Xuân Thu, nay là địa danh của Trung Quốc.

không giữ được đất hiểm Ngũ Linh nên cũng mất nước. Sĩ Vương tuy được toàn thịnh nhưng còn là chư hầu của thời ấy, chưa chính vị hiệu, sau khi chết lại bị mất hết. Các triều Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có từ đất Giao Châu trở về nam, không thu phục được đất cũ của Triệu Vũ Đế là thế phải buộc nhu vậy thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Xét theo sách Việt chí thì phía tây huyện Hưng Yên tỉnh Quảng Tây 40 dặm <20a>, có các thành tương truyền do Tân Thuỷ Hoàng đắp để ngăn cách nước Việt. Phía bắc thành nhà Tân 20 dặm có cửa Nghiêm Quan⁽¹⁾ có hai ngọn núi đứng dựa vào nhau, ở giữa chỉ di lợt một con ngựa. Tuyệt miên rợ Hồ đến đó thì hết. Tuyệt lớn có thể xuống đến Quế Lâm chứ cũng không thể xuống đến phía nam được nữa. Xét ra việc đắp thành nhà Tân có lẽ vào lúc Thuỷ Hoàng chưa mở đất Dương Việt, mà khi trời hình đất đá có nam bắc nhất định. Đến khi nhà Tân đặt đất ấy làm quận huyện, Ngũ Linh liền trở thành đất của Trung Quốc. Họ Triệu chiếm cứ của Tân, nhà Hán diệt Triệu mà thu về. Giao Nam ta ở ngoài Ngũ Linh, ban đầu thuộc về Triệu vì Triệu mất, sau gộp vào nhà Hán. Thế là Ngũ Linh vốn dĩ không phải là địa giới của Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam. Già sù Triệu mà giữ được thì 3 quận ấy cũng chẳng qua là lệ thuộc vào Triệu mà thôi. Về sau các triều Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có đất Giao Châu trở về nam, <20b> không thu phục đất cũ của Triệu Vũ đế không phải là do họ Triệu để mất đất hiểm mà đến nỗi nhu vậy. Nói nhà Triệu đặt 3 sứ giả ở trong nước Việt, tức là đất 3 quận ngày nay. Sao lại nhận Ngũ Linh là đất hiểm trả của 3 quận mà tiếc cho triều Đinh, Lê, Lý, Trần không thu lại đất cũ ? Nhưng khi trời thế đất đá sắp đặt rồi, thi Giao Nam ta cũng phải có thánh hiền hào kiệt ứng vận trời mà sinh ra. Thành Thang có 70 dặm, Văn Vương có 100 dặm mà cũng đều làm cho chư hầu phải thần phục và có được thiên hạ. Nếu sao Dầu, sao Ngưu gặp thời, ứng với vận trời lại không đáng vượt quá Ngũ Linh lấy cả Trung Nguyên, lại chỉ bo bo ở trong Ngũ Linh mà thôi sao ? Tóm lại Lữ Gia là bè tôi lâu của nhà Triệu, đang lúc vua bé nhỏ, nước gian nguy, thò nước lớn thì vô lê, muu giữ bờ cõi thì trái sách, bên trong thì đe Cù Hậu thành được muu gian, bên ngoài thì gây cho vua Hán động lòng tức giận, không biết lượng sức mình tu chuốc lấy sự diệt vong. Phiên Ngung không giữ nổi như đất lở không cách gì cứu được, bèn để mất cả nước cũ của An Dương Vương <21a>, khiến cho vùng đất Hoà Trọng⁽²⁾ chọn ở phải làm tội tá cho người Phương Bắc. Từ thời Hán cho đến thời Đường năm sáu trăm năm, xét tội người đầu tiên gây ra tai họa thì Lữ Gia không thể tránh được. Nhưng cái đó đều là việc đã qua. Riêng mình Gia không cho việc được nhận án nhà Hán là vinh dự, dùt khoát giữ vững lập trường cho nội phụ là không lỗi, thì không thể bảo là không phải người trí; giết Thiếu Quý, diệt Thiên Thu, đóng gói cờ tiết sứ giả, chiếm giữ nơi trọng yếu, làm hả cơn giận của vua trước ở nơi chín suối, thì không thể bảo là không phải

1. Nghiêm Quan : Cửa ải hiểm trở, ở cách huyện Hưng Yên, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc 17 dặm về phía nam.

2. Kinh thư thiên Nghiêu điển chép : Vua Nghiêu sai Hỷ Thúc đánh ở Nam Giao, sai Hoà Trọng đến ở đất phía tây. Nhưng ở đây tác giả cho rằng nước ta là nơi Hoà Trọng chọn ở. Như vậy có lẽ là nhầm chăng?

người dũng. Phé bỏ một vua lập một vua, chỉ biết có con cháu Vũ Đế và xá tắc họ Triệu, sống chết vì dối, không nghĩ gì khác thì không thể bảo là người không trung được. Người quản từ bàn về người, nên bàn ở khí tiết. Còn như để mất đất hiểm mà mất nước thì có nhiên là có tội với họ Triệu, mà từ họ Triệu cho đến ngày nay chưa thể thu hồi được toàn bộ Ngũ Linh để nhìn thẳng vào Trung Nguyên mà tranh giành thì còn phải chờ thời kỳ thánh hiền hào kiệt sinh ra chứ cũng không thể lấy cái đó mà quy tội cho Lữ Gia được.

<21b> Trên đây kỷ Ngoại thuộc Triệu bắt đầu từ Vũ Đế năm Giáp Ngọ [207 tr.CN] đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ [111 tr.CN], gồm 97 năm.

Thông luân của sử thần Ngô Thì Sĩ: Xét từ sau khi Hán Vũ Đế diệt họ Triệu, đặt đất ấy làm 9 quận trù khu Chu, Dam ở giữa biển còn Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam cùng với Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố đều liệt vào bộ Giao Châu, chưa từng có sự phân biệt. Đến Ngô Tôn Quyền mới bắt đầu chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường bắt đầu đặt An Nam Đô hộ, trị sở ở Giao Chi thì quận Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam mới gọi là Giao Châu. Còn An Nam là bắt đầu từ thời Ngô và thời Đường. Thời Hán trả về trước, 9 quận đều thuộc vào nước Việt. Triệu Đà chuyên chế đất ấy. Riêng 3 quận Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam thì dùng 3 quan Diển sứ quản lính. Khi nhà Triệu đã bị nhà Hán thôn tính, 3 quan sứ đưa sổ hộ của 3 quận xin hàng <22a>, nhà Hán nhân dấy đặt chức thủ úy và gọi chung đất Việt là Giao Châu. Có lẽ trong 9 quận ấy thì 3 quận thuộc Giao Châu, 6 quận thuộc Quảng Châu. Lực bấy giờ Giao Châu trước thuộc về Triệu, sau thuộc về Hán mà Hán thì mạnh hơn Triệu. Về sau bị Thủ úy úc hiếp, lý và thế phải như vậy. Dương thời nhà Triệu phải cam tâm chịu sự úc chế của quan Diển sứ, đến khi họ Triệu mất, trong khoảng hơn 90 năm, không một người nào xướng lên tiếng nói chính nghĩa để khôi phục lại đất đai bờ cõi của An Dương Vương là vì sao?. Thưa rằng Triệu Vũ là một quan lệnh dấy lên, trí khôn dù để nhân lúc nhà Tần loạn mà chiếm cứ, về mưu lược thì khuất phục được nhà Hán để tự cường, về sức mạnh dù sai khiến được Mân Việt, Tây Âu mà ngự trị hàng muôn dặm. Về việc đánh Thục An Dương không mất một mũi tên hòn đạn, lấy được nước và giữ được hơn 50 năm để như phù bụi. Uy danh vang dội, mưu lược bao quát vốn dà không ai dám làm gì. Diển sứ nhận mệnh của Triệu đến cai trị châu ấy <22b>, người trong nước coi họ cũng như An Dương từ nước Thục đến làm chủ nước ta. Diển sứ ở kè bên Đà không dám tự xưng vương như An Dương nhưng vận mệnh của Đà nhờ uy của Đà về khi thế mạnh mê không khác gì An Dương. Vận hội nước ta chưa mò mang, sau thời Hùng Lạc, dân ta còn chất phác quê mùa cho nên cùi dẫu để cho Diển sứ cai trị, cũng như ngày trước cùi dẫu với An Dương mà thôi. An Dương quy hoạch Giao Châu làm nước, mà Đà thực kiểm giữ cả Giao Châu và Quảng Châu, thì thế lực của Đà còn gấp 5 lần An Dương. Người Phương Bắc thống trị nước ta là vận trời xui nên như thế, chưa có bậc tài đức hơn người sinh ra thời ấy cho nên phải chịu sự thống trị của Triệu, cho đến Hán Đường. Đây không phải là sức người làm được. Song mạch đất Giao Châu ta thực là từ núi Côn Lôn ẩn

xuống. Về sau Hai Bà Trưng còn biết đem thân con gái mà chống trả với nhà Hán thì đó là một chứng nghiệm: "Đất linh thiêng sinh người hào kiệt" <23a>. Biết đâu lại không có kẻ chờ thời thế để dắc chí hoành hành ở Trung Quốc cho thoả sự căm phẫn bị người Phương Bắc thống trị chúng ta. Cho nên tôi lấy ngoại thuở, đặt vào họ Triệu, không nhận Đà là vua nước ta là để nước ta tự thành một nước riêng đây. Đông Di sinh ra Thuấn, Tây Di sinh ra Văn Vương. Thuấn và Văn Vương đều phải ăn định là phải ở đất Trung Quốc mới sinh ra đâu. Khi đến đâu thì lý đến đấy, khi lý đến thì đúng như lời Khổng Tử đã nói: "Việc sau trăm đời có thể biết trước được" là như thế đấy.

HẾT QUYỀN II, NGOẠI KỲ ĐẠI VIỆT SỬ KỲ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYỀN III

<1a>

KÝ NỘI THUỘC TÂY HÁN

Tân Mùi [110 tr.CN] (Hán, Nguyên Phong năm thứ 1), Hán đã diệt được nhà Triệu, nước Nam ta lại thuộc về Hán. Nhà Hán cho Thạch Đái làm thủ sứ (chế độ nhà Hán lấy chúa lãnh quân, trừ Chu Nhai và Đạm Nhì đều ở phía biển, còn 7 quận thuộc Giao Châu, Đái làm thủ sứ của chúa). Lý sở của chúa thời Tây Hán ở Long Biên, thời Đông Hán ở Mê Linh⁽²⁾. Sách *Giao Quảng Xuân Thu* của Vương Phạm gọi là Giao Châu, trị sở ở huyện Luy Lâu⁽³⁾ năm Nguyên Phong thứ 5, chuyển trị sở về huyện Quảng Tín quân Thương Ngô⁽⁴⁾; năm Kiến An thứ 15, trị sở ở Phiên Ngung. Theo chiếu thư, vì chúa ở nơi biên giới kinh sai sứ cầm phù tiết, gộp cả 7 quận, đều giao cho kèn trống để thêm uy thế.

Ất Mùi (Hán Chiêu Đế, Thuỷ Nguyên năm thứ 1), nhà Hán cho Chu Chương làm thái thú Giao Châu (Thạch Đái mất cho nên Chu Chương thay. Sau các quan thú nhiệm không rõ).

Vương Mãng cướp ngôi. Lúc ấy Giao Châu mục là Đặng Nhượng cùng các quận đóng giữ bờ cõi. Về sau tân thất nhà Hán là Lưu Tú dấy binh tức là Quang Vũ, tướng là Sầm Bành, vốn thân với Nhượng <1b> bày tỏ uy đức của nhà Hán, do đó xướng xuất cho thái thú Giao Chỉ là bọn Tích Quang cống hiến nhà Hán. Nhà Hán đều phong là liệt hầu. Lúc ấy năm Kỷ Sửu, Kiến An thứ 5.

Tích Quang là người Hán Trung, thời vua Bình Đế là Thái thú Giao Chỉ. Ở chúa ông

1. Về trị Sở của Giao Châu mà sử chép là "Thời Tây Hán ở Long Biên, thời Đông Hán ở Mê Linh, có lẽ đều sai. Đến cuối thời Đông Hán sau khi Sĩ Nhiếp kiêm nhiệm 7 quận thì trị sở mới rời đến Long Biên. CMTB quyển 2 chép: khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lý sở ở Biên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5, đổi sang huyện Quảng Tín, quân Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15, đóng trị sở ở huyện Phiên Ngung, nhà Ngô lại đổi lý sở sang Long Biên còn lý sở cũ đặt làm Quảng Châu, như thế thì về thời Tây Hán chưa hề đóng trị sở ở Long Biên ; thời Đông Hán chưa hề đóng lý sở ở Mê Linh. Việc này sử cũ chép nhầm".

Còn địa điểm Long Biên, thời xưa cho là thành Thắng Long tức Hà nội ngày nay. Gần đây nhiều nhà nghiên cứu lịch sử cho là vùng Thị Cầu Hà Bắc. Tới nay cũng chưa khẳng định.

2. Mê Linh : Trước là bộ lạc Mê Linh, tương đương với miền Sơn Tây, Phúc Thọ. Thành Mê Linh ở làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

3. Luy Lâu : Tên huyện, đặt từ thời Hán. Nay ở xã Lũng Khê, huyện Thuận Thành tỉnh Hà Bắc, còn có dấu vết cũ của thành.

4. Quảng Tín : Sau đổi làm huyện Thương Ngô, nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

dây dân biết lẽ nghĩa. Lại có Nhâm Diên người đất Uyển, làm Thái thú Cửu Chân. Tục của người Cửu Chân là đánh cá săn bắn, không biết trồng cây. Diên bèn sai sám khi cù làm ruộng, dạy dân khai khẩn, hàng năm trồng trọt, nhân dân sống đầy đủ. Lại vì dân không biết lễ phép, lấy vợ lấy chồng, không biết thiên tình cha con, đạo nghĩa vợ chồng, bèn dậy dân trong bô theo lứa tuổi mà lấy nhau. Người nghèo không có lễ cưới thì sai từ quan trưởng sử trả xuống bót bồng lộc để giúp đỡ. Cũng một thời kỳ có tới 2000 người lấy vợ lấy chồng. Những đứa trẻ đẻ ra mới biết họ, biết dòng giống. Mọi người nói: Ta có đứa con này là nhờ có ông Nhâm Diên đấy. Nhiều người còn lấy tên ông để đặt tên cho con, ông làm việc 4 năm thì có chiếu đài về. Người Cửu Chân lập đền thờ sống, văn hoá Lĩnh Nam <2a> bắt đầu có là từ hai thái thú này.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét dã sử thì Hán Vũ Đế năm Bình Tý Nguyên Phong năm thứ 6, cho Thạch Đức làm thái thú, nhậm chức được 19 năm. Thiếu Đế năm Ất Mùi, Thuỷ Nguyên năm thứ 1, cho Chu Chương làm thái thú, nhậm chức 13 năm. Tuyên Đế năm Mậu Thân là năm Bán Thuỷ thứ 1, cho Nguy Lãng làm thái thú, nhậm chức được 25 năm. Nguyên Đế năm Quý Dậu là năm Sơ Nguyên thứ 1, cho Tích Quang làm thái thú, nhậm chức được 16 năm. Thành Đế năm Kỷ Sửu là năm Kiến Thuỷ thứ 1, cho Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, nhậm chức được 26 năm. Ai Đế năm Kỷ Mão là năm Kiến Bình thứ 1, cho Đặng Nhuông làm Thái thú Giao Chỉ, lãnh chức châub mục trước sau 30 năm. Ghi chép thế thứ khár rõ. Lại xét sử nhà Hán thời vua Vũ Đế trong năm Chính Hoà, cho Lã Hoàng làm Thủ sứ Giao Chỉ. Thời vua Bình Đế năm Nguyên Thuỷ cho <2b> Hà Xưởng làm Thủ sứ Giao Chỉ. Sử cũ không chép.

Nhân chép ra để phòng khi tham khảo.

Giáp Ngọ [34] (Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ thứ 10), nhà Hán cho Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ

Đinh Dậu [37] (Hán Kiến Vũ năm thứ 13) quận Nhật Nam dâng tri tráng và thỏ tráng cho nhà Hán. Kỷ Hợi [39] (Hán Kiến Vũ năm thứ 15), Thái thú Giao Chỉ là Tô Định làm chính sự tham tàn bạo ngược. Trung Trác ở Phong Châu nổi binh đánh lại.

Trên đây là thời kỳ thuộc Tây Hán, từ năm Tân Mùi Nguyên Phong năm thứ 1 đến năm Kỷ Hợi Kiến Vũ thứ 15 gồm 149 năm.

Sử thần Ngô Thị Sí thông luận: Từ Triệu Đà làm vua nước Việt chiếm cứ Nam Hải, rồi kiêm tính Giao Châu, hưởng sự tôn quý cưỡi xe hoàng ốc, dựng cờ tâ đạo⁽²⁾ hưởng sự giàu có bằng văn tế từ bối uy danh chế ngự muôn dặm, sai khuyển cả các Man Di. Vua nhà Hán nghe tin ấy vốn thường nghĩ tới Vương Tiễn⁽¹⁾ oán giận Nhâm <3a> Hiếu, từ Ngũ Linh trở về phía Nam dâu có cam tâm để cho họ khác cai trị, chỉ vì vị tướng lão hàng trăm tuổi không có sờ hở nào có thể thừa cơ, cho nên sứ giả và con tin qua lại thông đồng mấy đời, vài quận của Giao Chỉ vẫn

1. Xem Hậu Hán thư quyển 76 Nhâm Diên truyện ; quyển 86, Nam Man truyện.

2. Cưỡi xe hoàng ốc dựng cờ tâ đạo: Ý nói được giữ ngôi báu hưng giàu sang.

3. Vương Tiễn : Là một tướng tài giỏi nổi tiếng của Trung Quốc thời Tân Thuỷ Hoàng.

là bày tôi của họ Triệu, cho đến khi bà Hoàng hậu da dâm động lòng nhớ tới quê hương, quên mưu mô trị nước, dân thì mang dù già cõm bầu nước, quân sĩ thì mang theo áo giáp mũ trù, nên sau Phục ba mới nhân có nhuệ khi mà dồn quân. Tuy nói là công việc của người nhưng cũng là thời vận của trời. Ngũ Linh không giữ được mà 3 quận cũng mất. Cho nên ban đầu thì ngoại thuộc vào nhà Triệu, nhà Triệu mất thì cuối cùng lại nội thuộc vào nhà Hán. Có lẽ là vận hội đến lúc như vậy đâu phải là người nghỉ đến được. Từ năm Nguyên Phong thời Tây Hán đến năm Kiến Vũ thời Đông Hán khoảng 150 năm, người đến giữ nước ấy chỉ có Tích Quang, Nhâm Diên là chính sự tốt khá rõ rệt. Đầu phải là sử sách ghi chép thiêus, hay là khó có người quan lai lương thiện, mà trong 150 năm không hề có sự phản trác nếu không phải cái khổ bị xâm lăng không thậm tệ như quan lại ở Chu Nhai <3b> Đam Nhi, tức là phong tục chát phác quê mùa cũng dễ trị hơn dân ở Chu Nhai, Đam Nhi. Cho nên người Hán không cưỡng ép hai quận nội thuộc. Hán Nguyên Đế năm Sơ Nguyên thứ 1, mùa xuân, người Hán bãi bỏ quận Chu Nhai. Quận Chu Nhai, Đam Nhì ở bãi giữa biển. Quan quân của Chu Nhai đều là người Hán phản lớn là xâm lăng. Dân ở đó vội mươi năm một lần phản lại, giết quan lại, người Hán liền cho quân đánh dẹp đến bấy giờ các huyện chống lại, nhà Hán liền mấy năm không bình định được. Vua Hán bàn với quần thần dùng kế sách của Giả Quyền Chi⁽¹⁾ bãi bỏ đi. Có ai muốn nội thuộc thì cho ô, không muốn thì không ép thế mà Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam lại không chịu bỏ. Có lẽ lúc đó không có người hào kiệt nổi lên, cho nên phải cam tâm làm tôi tá cho người Phương Bắc. Thật là một điều đáng than thở cho cái đạo ở dải đất, chỉ vì nước ta ở xa ngoài biển, vần vặt thời Hán, thời Chu thăm thia hơi chậm. Có Tích Quang thì giáo hoá vẽ lề nghĩa sáng sủa, có Nhâm Diên thì luân lý vợ chồng được dung dàn. Bắt đầu từ giáo hoá của một thời, dần dần thành phong hoá đẹp hàng trăm dặm, khiến cho nước nổi tiếng văn hiến, được Bắc triều tôn trọng, các nước phải kính nể, suy nguyên từ đầu thì công của hai thái thú là lớn lầm dầy. Còn như Triệu Đà bắt nước ta lệ thuộc mà không có <4a> công đức gì đến đời sau thì há chẳng phải là người có tội với hai thái thú đó sao?

<4a>

KỶ TRUNG NỮ VƯƠNG

Trung Vương (Họ Trung huý Trác, người huyện Mê Linh thuộc Phong Châu là con gái quan Lạc tướng và là vợ Thi Sách người huyện Chu Diên⁽²⁾). Dãy binh được 3 năm

1. Giả Quyền Chi : Người thời Hán, tự là Quân Phòng, thời Nguyên Đế dâng sớ tâu việc thắng bại, được mời vào làm chức dài chiếu. Chu Nhai làm phản. Triều đình bàn đưa quân đi đánh. Giả Quyền Chi cho rằng không nên do đó bãi bỏ quận Chu Nhai.

2. Chu Diên : Huyện Chu Diên, trước là bộ lạc Chu Diên tương đương với đất tỉnh Hà Tây và tỉnh Hà Nam ngày nay

thì mất. Đong đõ ở Mê Linh. Vương là người con gái, hô một tiếng mà đuổi được bọn thái thú Phương Bắc như là đuổi bọn nô lệ, bình định đất Ngũ Linh, dựng nước xưng vương, thực là bậc hào kiệt trong giới nữ đấy. Nhưng vì tài yếu diệu, lại là lúc ván nước đương den tối nên không thể giữ trọn được công lao. Dáng tiếc thay!)

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét thấy sau thời Hùng Lạc, quốc thống bị mất từ lâu. Đến bây giờ Trung Vương tự lập. Sử cũ với cho là chính thống nhưng xét ho Trung dung nước, trước sau mới 3 năm, bỗng chốc dấy lên, bỗng chốc bị diệt. Có lẽ chưa thành một nước, cho nên xử chí theo chế đô các nước mà chia dòng ghi chú số năm vào giữa triều nhà Hán.

Canh Tý [40] (Trung Nữ Vương năm thứ 1, Hán Kiến Vũ năm thứ 16), tháng 2. mùa xuân, Trung Trác, người con gái <4b> huyện Mê Linh thuộc Phong Châu, nổi binh đánh đuổi Thái thú là Tô Định. Trước kia, chồng Trung Trác bị Định giết chết, Trác căm thù, lại khổ vì bị Tô Định lấy pháp luật gò bó, bèn cùng em gái là Trung Nhi khởi binh, đánh hâm lỵ sở của châu, Tô Định bỏ chạy về. Trung Trác thực là hùng dũng, đến đâu đều như có gió cuốn, muồng mán ở Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hướng ứng. Bình định được hơn 50 thành ¹ ở Linh Nam, tự lập làm vua. Thủ sứ và các thái thú chỉ tư giữ được nơi mình ở (theo dã sử, lúc vua xuất quân, tang chồng chưa hết, bà trang điểm rất đẹp, các tướng hỏi, bà nói: Việc binh không để ảnh hưởng. Nếu giữ lễ mà làm xấu dung nhan thì nhuê khí tự nhiên suy kém. Cho nên ta mặc đẹp để mạnh thêm màu sắc của quân, và khiến cho bọn giặc trông thấy động lòng, lợi là chí tranh đấu, thi dễ giành phần thắng. Mọi người tạ từ, cho mình không theo kịp ²).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét từ khi Vũ Đế đẹp được Nam Việt, đặt 7 quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam gọi tắt là Giao Châu quận. Thuộc về Nam Hải gồm 7 thành là Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương, Tảng Thành; thuộc về Thương Ngô, gồm 11 thành là Quảng Tín, Tà Mộc, Cao Yên, Phong Dương, Lâm Hạ, Doan Khê, Phùng Thủa, Phú Xuyên, Lê Phố, Manh Lăng, Chương Bình. Thuộc về Uất Lâm gồm 11 thành là Bố Sơn, An Quảng, A Lâm, <5a> Quảng Châu, Uất Lâm, Trung Truy, Quế Lâm, Hòn Trung, còn 3 thành khuyết danh; thuộc về Hợp Phố gồm 5 thành là Hợp Phố, Tứ Văn, Cao Lương, Lâm Nguyên, Chu Nhai; thuộc về Giao Chỉ gồm 12 thành là Long Biên, Luy Lâu, Yên Định, Câu Lâu, Mê Linh, Khúc Dương, Bắc Dới, Kê Tù, Tây Vu, Chu Diên, Phong Khê, Vọng Hải; thuộc về Cửu Chân gồm 5 thành là Tê Phố, Cù Phong, Hàm Hoan, Võ Công, Võ Biên; thuộc về Nhật Nam gồm 5 thành là Tây Quyền, Chu Ngô, Lư Dung, Tượng Lâm, Tỷ Can. Tổng cộng là 56 thành. Mới đặt hai thành là Phong Khê và Vọng Hải thôi. Sử cũ theo sai lầm của sử nhà Hán chép là 65 thành cho nên cải chính lại. Xét ra Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là đất Thục, không giữ được mà rơi vào nhà Triệu. Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố là đất của nhà Triệu không giữ được mà bị nhà Hán thôn

1. Các sách khác đều chép 65 thành.

2. Sử tích về Hai Bà Trưng, ngoài các bộ sử chép ra còn thấy chép trong *Lĩnh Nam Trích quái Việt điện U linh* và các thần tích, phả lực, bì ký.

tinh. Trung Trác là người dàn bà goá trong bộ Giao Châu, không có một tấc đất, 1 người dân. Chỉ vì mối thù của chồng đã nỗi binh phết một ngọn cờ mà 6 bộ theo như hình theo bóng. Chiếm được đất dai 56 thành dễ như người phùi bụi trên rương trên hòm, khiến cho các quan thú, quan úy cai tri đã 150 năm nay cũng <5b> phải bó tay chẳng làm gì được. Ôi! Khi anh linh của trời đất không chung dúc vào bắc nam từ mà lại chung dúc vào người dàn bà như thế. Giả sử lòng trời ban phúc cho đất Lạc Việt thì cả trong vùng đất Kinh Dương cũng có thể có được chứ đâu phải chỉ đất Ngũ Linh mà thôi. Cho nên người tiếc đất Ngũ Linh thì nên tiếc vào sau khi Bà Trung mất chứ không đáng tiếc vào trước khi nhả Triệu mất.

Tân Sử [41] (Trung Nữ Vương năm thứ 2, Hán Kiến Vũ năm thứ 17), nhà Hán vì thấy Bà Trưng xưng vương, đem quân sang đánh hâm thành ấp, các quận biên giới bị khô sờ, bèn hạ lệnh cho Trường San, Hợp Phố, và Giao Châu chuẩn bị xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông khe suối, tích lương thực, cho Mã Viện làm Phục ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó. Viện đem Lâu thuyền tướng quân là bọn Đoan Chí sang xâm lấn.

Nhâm Dần [42] (Trung Nữ Vương năm thứ 3, Hán Kiến Vũ năm thứ 18), mùa xuân, tháng giêng, Mã Viện men theo đường biển mà tiến, san núi làm đường hơn một ngàn dặm đến hồ Làng Bạc (con đường phía tây của La Thành tức Hồ Tây ngày nay), đánh nhau với Trung Vương. Trung Vương <6a> thấy quân Hán mạnh, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, lui quân về giữ đất Cẩm Khê⁽¹⁾ (sử cũ chép là Kim Khê), quân cũng cho rằng vua là dàn bà không địch nổi quân Hán, bèn chạy tán tác. Quốc thống lại mất.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: Trung Trác, Trung Nhị là dàn bà, hô một tiếng mà cả Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và 56 thành ở Linh Ngoại đều hướng ứng. Bà dựng nước, xưng vương dễ như trò bàn tay. Như thế dù thấy hình thế đất Việt ta có thể dụng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng người tiếp sau họ Triệu đến trước thời Ngô, trong khoảng hơn một ngàn năm, dàn ông chỉ cui dâu, bó tay làm tôi tú cho người Phương Bắc, không biết xấu hổ với hai chị em họ Trung là dàn bà, ôi có thể gọi là tự bỏ mình đấy!

Sứ thần Nguyễn Nghiêm bàn: Từ khi Cù Thi gây nạn, vua Nguyên Đinh⁽²⁾ dùng hết sức quân, 7 quận Linh Nam bị người ta sai khiến, những người có trách nhiệm chán đất dân, ngoài 2 thái thú Tích Quang, Nhâm Diên ra, thì Thach Dái <6b> Chu Chương không có chính sự gì đặc biệt mà còn tham lam hè khắc, dân không chịu nổi. Còn như Tô Định lại có thể nào dung thứ cho chúng một ngày làm càn được sao! Trung Vương là dòng dõi bức thần minh, nhân lòng dân oán hận, nổi giận, khích lệ người cùng chung mối thù. Nghĩa binh di đến dâu gần xa đều hướng ứng, 65 thành ngoài miền Ngũ Linh một buổi sớm đều được thu phục, người dân chui khổ sở từ lâu, không khác gì dâng ra khỏi vực thẳm được thấy mặt trời. Bà quả là bậc anh hùng khí khái hơn người. Tuy rằng quân mới tập hợp, bị tan rã khi

1. Địa điểm Bà Trung lui quân về giữ có hai ý kiến. Một cho là vùng huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phúc, ý kiến nữa cho rằng chũ Cẩm Khê gần với chũ Kim Khê mà Kim Khê là dịch từ tên khe vàng ở Hà Tây.

2. Vua Nguyên Đinh : Túc Hán Quang Vũ.

dã thành công, cũng làm hả được lòng căm phẫn của thần dân một chút. Lại cầm nghĩ rằng cơ nghiệp giàu mạnh của họ Triệu, rút cuộc bị một mụ dàn bà ở Hầm Đan cướp đoạt. Khi dắt nước bị chìm dám, thì lại hầu như được khôi phục do một nū chúa ở Mè Linh. Lúc đó bắc con trai mày râu phải cúi đầu ngoan ngoãn tuân theo không dám làm gì, chẳng đáng khen lắm sao? <7a>.

Trên đây Trung Nữ Vương bắt đầu từ năm Canh Tý [40] (Hán Kiến Vũ năm thứ 16) kết thúc năm Nhâm Dần [42] (năm Kiến Vũ thứ 18) gồm 3 năm.

Sử thần Ngõ Thị Sí thông luận: Không gì khó thu phục bằng lòng người, không gì khó tập hợp bằng thế nước, càng không gì khó bằng một phụ nữ mà tập hợp được nhiều nam giới làm người cùng chí hướng với mình. Nước An Nam nói thuộc dã lâu, phục tùng pháp chế cho là nên, chịu bọn tướng lai thống trị cho là thường, người căm phẫn thì cày trên mò dã vừa người ôm, kè sinh sau lòng vẫn bình thản, người muốn hăng hái lên cũng không có dát dụng vô, mà người Phương Nam phải khiếp sợ. Viêm Chính trung hưng, bắc tri dũng tập hợp lại, ai dám vì thấy người phụ nữ mềm yếu trối dậy, mà chống với lòng phẫn nộ của con hổ đưa vào vách núi được sao? Bà Trung, một dàn bà goá vẫn tóc lên, con trai trong cả nước đều cúi đầu chịu sự chỉ huy. Quan chức ở hơn 50 thành cũng phải nín hơi không dám kháng cự. Lưu Văn Thúc⁽¹⁾ là người <7b> diệt được quân hưng, chống được đại dịch mà khi tập hợp quân, điều khiển tướng cùng dụng cu xe thuyền lương thực đến nỗi mất ăn mất ngủ vì lo việc ngoài biển. Mã Phục ba⁽²⁾ làm cỏ nước Tiên Linh⁽³⁾, đánh tan nước Tham Lang⁽⁴⁾ một cách an nhàn, thế mà khi đóng quân ở Lạng Bạc, khi nghỉ đến được ngồi xe hạ trach, cưỡi ngựa khoan đoạn⁽⁵⁾ mà bây giờ phải đau đớn buồn về lời nói của Thiếu Du⁽⁶⁾ muốn làm mà không được.

Tiếng tăm của Bà chấn động cả Man Di, Hoa Hạ, cơ nghiệp mỏ mang của bà khuấy động cả đất trời. Ôi thật anh hùng thay! Còn việc thắng bại của nhà binh là không thường số năm dài ngắn là có số, người quân tử không kể đến. Theo Bắc sử, thời Hán thời Đường cũng có vua dàn bà. Lã Tri⁽⁷⁾, Võ Chiếu⁽⁸⁾ đều dựa vào sự tôn quý của mẫu hậu, nước là nhà, vua là con nắm quyền sinh sát định đoạt, để dể

1. Lưu Văn Thúc : Tên của Hán Quang Vũ.

2 Mã Phục ba : Tức Mã Viên.

3. Nước Tiên Linh : Một trong những tộc Khương ở phía Tây thời Hán, bao gồm miền đất từ huyện Dao Hà tỉnh Cam Túc đến vùng Thành Hải, Trung Quốc.

4. Tham Lang : Một bộ tộc ở Tây Thành, Trung Quốc.

5. Xe hạ trach : Là loại xe trục ngắn có thể đi qua chèm nước được; Ngựa khoan đoạn : Ngựa đi thông thả. Câu này ý nói khi Mã Viên đi đánh Tiên Linh và Tham Lang thì thông dong, mà đến đây thì phải lo sợ vết vẩy.

6. Hậu Hán thư, Mã Viên truyện chép : Viên nói với liêu thuộc rằng: "Em họ ta là Thiếu Du, thường thường khen ta là người khảng khái, có nhiều chí lớn, nhưng lại nói với ta rằng: "Người sĩ phu sống ở đời chỉ cốt làm sao cho dù ăn dù mặc cuối con ngựa đi thẳng thẳng, ngồi cỗ xe lăn khoan thai, làm cái chức chuyen lại để giữ mồ mà cha ông, làng xóm khen là được rồi muốn cầu cho thừa thãi chỉ khổ đến thân mà thôi".

7. Lã Tri : Tức Lã Hầu vợ Hán Cao Tổ.

8. Võ Chiếu : Tức Võ Tắc Thiên vợ Đường Cao Tông.

bè lung lạc bốn bề, cổ vũ hào kiệt. Còn như Bà Trưng chỉ là một dàn bà bình thường thì thực là khó dấy. Trong Nam sứ, thời nội thuộc nhà Lương nhà Trần có Lý Nam Đé và Triệu Việt Vương, hoặc là nhà hào phú hoặc nhà đời đời làm tướng, hoặc là trong dòng họ, lòng người <8a> vốn dã phục, thế nước ổn định. Còn Bà Trưng là dàn bà con gái thì lại khó dấy. Tuy thế cũng chưa phải là lạ lăm. Chỉ vì chẳng mà cảm phản, em vì chí cố gắng, tiết phu nghĩa nỗ cả trong một nhà, đó mới là lạ. Những vua mất nước thì hoặc bị bắt hoặc đầu hàng, con gái trong cảnh nhà tan hoặc bỏ đi hoặc chịu nhục. Bà Trưng chỉ chết vì xả tặc 3 năm, Bà Trưng em cũng tuẫn tiết. Sợi dây buộc cổ của Tử Anh không dùng vào đâu, cung của hai cô họ Kiều⁽¹⁾ xây dựng uổng. Vua tôi Văn Thúc không được mát dạ vẫn thoả lòng. Tuy bại mà vẫn vè vang, tuy chết mà tiếng bất hủ, thế mới càng lạ. Ôi son phai phấn nhạt, xưa nay chôn vùi biết bao nhiêu khách má hồng! Từ khi bà Nữ Ôa luyện đá và trời ⁽²⁾ về sau chỉ còn chị em nhà họ Trung mà thôi. Còn tệp nhẹp như Triệu Âu, Trần Thạc Trinh thì kể làm gì (dời Đường Cao Tông, con gái cháu mục là Trần Thạc Trinh làm phản, tự xưng là Văn Giai Hoàng đế).

KÝ NỘI THUỘC ĐÔNG HÁN

<8b> Quý Mão [43] (Hán Kiến Vũ năm thứ 19, năm ấy họ Trưng mất), mùa xuân, tháng giêng, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đánh nhau với quân nhà Hán, bị thua chỉ còn lại bọn Đô Dương vě tụ tập ở Cửu Chân. Viện lại truy kích đến huyện Cư Phong⁽⁴⁾ thì đầu hàng. Kiều Nam bị bình định hết, [Mã Viên] bèn dựng cột đồng ở Kiều Nam biên giới cuối cùng của nhà Hán, nêu rõ pháp chế cũ để cai quản, từ đây về sau xứ Lạc Việt phải làm theo công việc cũ của Mã tướng quân. Nước Việt ta lại thuộc vào nhà Hán (theo sách *Thuỷ Kinh* chú, nói Mã Văn Uyên⁽⁵⁾) dựng kim tiêu làm địa giới cuối cùng ở phía Nam Kim tiêu tức cột đồng dãy. Theo sách Thông giám, Kỳ nhà Tuỳ thì Lưu Phương qua sông Đồ Lê đánh tan quân Lâm Ấp. Duối quá phía nam cột đồng của Mã Viên, 8 ngày đến thủ đô của nước ấy, Đồ Hữu nói phía nam Lâm Ấp di hơn 2 nghìn dặm có 2

1. Triều Cao giết Nhị Thê lập Tử Anh lên, bỏ đế hiệu, xưng vương. Khi quân Bác Công đến Bác Thương, Tử Anh dì xe trắng ngựa trắng, quần sợi dây vào cõi đến tận nơi dâng ấn hàng. Ở đây ý nói Hai Bà không đầu hàng giặc.

2. Hai người con gái của Kiều Huyền đều là người xinh đẹp nổi tiếng trong nước. Cô chị già cho Tân Sách, cô em già cho Chu Du. Tao Tháo xây cung Đông Tước trên sông Chương Hà, định đánh Đông Ngô bắt hai chị em cô Kiều về sống ở cung để vui thú tuổi già. Thế nhưng sau trận Xích Bích, quân Tao Tháo bị đại bại, Tháo chạy thoát thân, rời cung cung Đông Tước vẫn bỏ không.

3. Theo thần thoại, xưa kia trời thiếu gốc cây bắc, Nữ Ôa luyện đá ngũ sắc để vò, từ đây trời mới đầy đủ tròn ven.

4. Cư Phong : Tên huyện Cửu Chân tương đương với miền đất huyện Thủ Xuân và huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hoá.

5. Mã Văn Uyên Mã Viên.

cột đồng của Mã Viện chôn ở Tây Đô Di đó là chỗ nêu địa giới đấy. Núi Đồng trụ chu vi 10 dặm, hình như cái lọng. Phía tây vượt qua mấy tầng đồi núi, phía đông đến biển lớn Tống Bạch nói: Mã Viện đánh Giao Chi. Từ Nhật Nam đi hơn 400 dặm đến Lâm Ấp. Lại đi về phía nam hơn hai nghìn dặm có nước Tây Đô Di. Viện tới nước ấy, đúc 3 cột đồng ở biên giới Tượng Lâm để chia bờ cõi với Tây Đô Di, từ Giao Chi đến cột đồng 5 nghìn dặm. Theo thuyết họ Tống, họ Đỗ thì cột đồng ở phía nam Lâm Ấp. Theo sử nhà Tùy chép: Lưu Phương đánh Lâm Ấp, đuổi quá cột đồng Mã Viện 8 ngày đến thủ đô của nước ấy. Vậy thì Lâm Ấp lại ở phía nam cột đồng. Hoặc là Lâm Ấp sau này càng lớn kiêm tính Tây Đô Di làm thành một nước <9a> cũng chưa biết được. Theo sách *Minh thống chí* thì cột đồng ở trên động cổ xâm⁽¹⁾, Mã Viện có lời thề rằng: "Cột đồng gãy thì Giao Chi bị diệt". Người Việt ta mỗi lần đi qua, thường lấy đá đập vào, bèn thành gò cao vì sợ cột gãy đấy. Khâm Châu ở phía tây châu Hải Đông⁽²⁾ của nước ta, cách 300 dặm có núi Phân Mao⁽³⁾, ở giữa núi có cột đồng lớn hơn 2 thước. Trong năm Nguyên Hoà nhà Đường, Đô hộ là Mã Tống lại dựng cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán. Chỗ ấy có thể là của Tống dựng để nêu rõ là con cháu Mã Viện), Mã Viện vì thấy huyện Tây Vu có 3 vạn 3 nghìn hộ, nhân đó xin chia làm 2 huyện Phong Khê và Vọng Hải, vua Hán nghe theo. Viện lại đắp thành Kiến Giang⁽⁴⁾ ở Phong Khê. Thành tròn như cái kén cho nên lấy nó làm tên. Sau 3 năm, Viện về, người ở đó thương mến Trung Vương lập đền thờ Bà (đền ở sông Hát Giang, huyện Phúc Lộc. Theo *Biệt Lục* chép, quân của Hai Bà thua, lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu. Đền thờ Bà Trung hương án đồ thờ toàn sơn den, tuyệt nhiên không có màu đỏ. Dân ở địa phương không dám mặc áo đỏ. Những người đến yết cáo thăm hỏi mặc áo đỏ đều phải cởi ra không ai dám phạm đến lệ cấm. Tục truyền rằng: Trung Vương chết vì việc binh đao, nên kiêng màu đỏ vì đó là màu máu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Bà Trung căm phẫn nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà quốc thống nước ta gần như được khôi phục. Khi khai anh hùng đâu có phải chỉ riêng lúc sống <9b> dung nước xưng vương mà sau khi mất đi vẫn có thể chống được tai họa. Phàm gấp phải nạn han lụt, cầu khẩn đều có linh ứng, Bà Trung em cũng như vậy, có lẽ người con gái có đức hạnh của kè sỉ, khi hùng dũng ở trong trời đất không vì bản thân mất đi mà sút kém đấy. Bác đại trượng phu há lại không nuôi dưỡng chí khí cường trực chính đại hay sao?

Giáp Tuất [74] (Hán Minh Đế, Vĩnh Bình thứ 17), Đam Nhĩ đến cống nhà Hán, (người Đam Nhĩ sinh ra thường xâm ở mặt xuống đến tai làm vài giòng thành hình như lòng gà loăn quăn rủ xuống đến vai).

Giáp Thân [84] (Hán Chương Đế, Nguyên Hoà năm thứ 1), Nhật Nam dâng tê sống và trĩ trắng cho nhà Hán.

1. Cổ Xâm: Tên động ở phía nam Châu Khâm gần biên giới nước ta.

2. Hải Đông này là tỉnh Quảng Ninh.

3. Núi Phân Mao: Theo *Dai Thanh nhai thong chí* thì núi Phân Mao ở động Cổ Xâm, cách Châu Khâm 3 dặm về phía tây. Tục truyền trên đỉnh núi có tranh mục san sát, ngọn cỏ tự nhiên rẽ ra hai hướng bắc và nam cho nên gọi là núi Phân Mao.

4. Thành Kiến Giang : Mã Viện xây ở Phong Khê, có lẽ là nhau địa điểm thành Cố Loa cũ mà xây lên

Canh Tý [100] (Hán Hoà Đế, Vĩnh Nguyên năm thứ 12), mùa hè, tháng 4, Man Di ở Nhật Nam, Tượng Lâm làm phản, quân của quận đến đánh dẹp được.

Tân Sửu [101] (Hán Vĩnh Nguyên năm thứ 13) vua nhà Hán ban chiếu phát chẩn và cho người nghèo vay ở Nhật Nam. Lại ban chiếu <10a> cho dân ở Tượng Lâm ai làm ruộng và trồng dâu thì cấp cho thóc giống và cho người quá nghèo thóc ăn.

Nhâm Dần [102] (Hán Vĩnh Nguyên năm thứ 14), Hán bắt đầu đặt chức quan tướng binh trưởng sứ (Tướng binh trưởng sứ ở quận Nhật Nam còn gọi Tướng binh tư mã). Tháng 7, nhà Hán ban chiếu miễn cho huyện Tượng Lâm thuế canh tô ruộng và cỏ khô 2 năm.

Giáp Dần [114] (Hán An Đế, Nguyên Sơ năm thứ 1), tháng 3 năm Kỷ Mão, đất Nhật Nam bị rạn tách 182 dặm (theo sử cũ, nước Việt ta nội thuộc từ năm Hán Kiến Vũ trãi đến Minh, Chương, Hoà, Thương, An đế gồm 5 đời cộng 82 năm. Riêng thời Minh đế người Nam Dương là Lý Thiệu làm thái thú Nhật Nam thi hành chính sách ban ơn, đưa tục lợ đến, đổi thái thú Cửu Chân. Quan lại có năng lực là như vậy, bởi vậy chép lại tất cả để tham khảo cho đầy đủ).

Bính Tý [136] (Hán Thuân Đế, Vĩnh Hoà năm thứ 1), thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng cho rằng Giao Châu ở ngoài 9 châu, ngoài đất Bách Việt, bèn dâng biểu xin đặt chức quan Phương bá⁽¹⁾. Nhà vua cho Xưởng làm thứ sử đô giám quận huyện. <10b>

Dinh Sửu [137] (Hán Vĩnh Hoà năm thứ 3), người Man ở Tượng Lâm, Nhật Nam, là bon Khu Liên đánh quận huyện, giết trưởng lại. Thứ sử Giao Châu là Phàn Diên đem quân ở châu và ở quận Cửu Chân hơn 1 vạn người đến cứu, quân sĩ sợ đi xa. Mùa thu, tháng 7, quân ở 32 quận làm phản, đánh phủ tri. Diên tuy đánh tan kẻ làm phản, nhưng thế của Man lại mạnh lên (theo Hán sử, huyện Tượng Lâm quận Nhật Nam xưa kia là địa giới Việt Thường tức là Lâm Ấp. Từ khi Mã Viện mở rộng cảnh thổ phía nam của nhà Hán, đặt ra huyện này. Đất ở huyện này bề rộng tới 600 dặm, cách biên giới Nhật Nam hơn 400 dặm, phía bắc sát với Cửu Đức, cho nên nó đến xâm lược bất thường. Cuối thời Hán đại loạn, con của Công Tào⁽²⁾ là Khu Liên giết huyện lệnh tự lập làm vua. Có bản chép là Khu Đạt (駁達) bản này chú là Khu Lạn (駁讐) có lẽ là đồng âm mà đọc sai đây).

Mậu Dần [138] (Hán Vĩnh Hoà năm thứ 3)⁽³⁾ Mùa hè, tháng 5, thi ngự sử là Giả Xương cùng với châu quận đánh bon Khu Liên không được, bị quân Khu Liên vây đánh. Hơn một năm quân lương không tiếp tục chuyển được, vua Hán triệu tập công khanh trăm quan, và các thuộc lại 4 phủ để hỏi phương lược, mọi người đều bàn nên sai tướng đưa 4 vạn người ở 4 châu Kinh, Dương, Duyên, Dự tới đó. Lý Cà bác đi nói rằng: "Kinh Dương giặc già tụ tập. Trường Sa <11a>". Quê Dương đã nhiều lần bị diêu động, nếu nay lại huy động thì tất sinh hoạ. Người Châu Duyên, Châu Dự phải di xa hàng vạn dặm, chiếu thư thúc giục tất họ sẽ chạy trốn làm phản. Phía nam châu ẩm thấp nóng nực lại thêm chuồng khí, cơ bị bại vong 10 phần chắc đến 4, 5. Di xa hàng vạn dặm, quân lính mỏi mệt, khí giới Lĩnh Nam không thể chiến đấu được, quân đi mỗi ngày được 30 dặm

1. Phương Bá : Chức đứng đầu chư hầu một phương

2. Công Tào : Chức quan ở quận giữ việc xét chọn người có công lao.

3. DVSKTT chép là Hán Hoàn Đế Nguyên Gia năm thứ 2

mà Châu Duyên, Châu Dự cách Nhật Nam, hơn chín nghìn dặm, đi 300 ngày mới tới. Tính ra mỗi người lương ăn mỗi ngày phải 5 tháng, gạo phải dùng tới 60 vạn hộc, chưa kể đến lương thực của tướng lại ngựa lừa. Đóng quân ở đó bị chết át nhiều. Đã không đủ sức chống giặc, lại còn phải bắt thêm. Như vậy là cát lòng ruột để vá chân tay. Cửu Chân, Nhật Nam cách nhau nghìn dặm, đến lại dân nơi ấy họ còn không chịu, huống chi lại làm khổ quân ở 4 châu để cứu nạn cách hàng vạn dặm. Trước kia trung lang tướng là Doan Tựu đánh họ Khương làm phản ở Ích Châu. Người Ích Châu có câu rằng: "Giặc đến còn khá, họ Doan đến thì ta chết". Sau đến vời về, đem quân giao cho <11b> thủ sứ là Trương Kiều. Kiều sẵn tướng lại ấy, chỉ trong 10 hôm diệt được hết bọn cướp. Như vậy kết quả là sai tướng đi cũng vô ích, và kinh nghiệm về châu quận có thể dùng được đấy. Vì thế lại chọn những người dũng lược nhân huê, có thể làm tướng suý được cho làm thái sứ, thái thú. Di chuyển những lại dân ở Nhật Nam về phía bắc dựa vào Giao Chỉ. Lại môt người Man Di khiến họ đánh lẫn nhau, chuyên chở vàng lúa cho làm của riêng, kẻ nào làm kế phản gián gọi đến, đầu hàng thì hứa cát đất trước kia phong cho. Thủ sứ Tỉnh Châu là Chúc Lương, tính dũng cảm cương quyết; Trương Kiều trước kia ở Ích Châu có công đánh giặc, đều nên bổ dụng. Bốn phủ đều theo lời bàn của Lý Cố. Cho Lương làm thái thú Cửu Chân, Kiều làm thủ sứ Giao Châu. Kiều đến với lòng thành thực an cư, dụ dỗ mọi người đều hàng phục. Lương một mình đi xe đến Cửu Chân nói rõ uy tín, người ra hàng có tới hàng vạn, rồi xây dựng phủ trị cho Lương. Linh Ngoại lại được dẹp yên.

Giáp Thân [144] (Hán Kiến Khang năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, vua Hán mất. Mùa đông, tháng 10, Nhật Nam lại đánh phá <12a> đốt quận ấp. Thái thú Cửu Chân là Hạ Phương gọi người đầu hàng mà vỗ về yên ủi, liền chuyển làm Thái thú Quế Dương, lấy Lưu Tảo thay chức của Phương.

Dinh Dậu [157] (Hán Hoàn đế Vĩnh Thọ năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, quân Cửu Chân nổi lên bị người Hán đánh tan.

Canh Tý [160] (Hán Diên Hy năm thứ 3), mùa đông, tháng 11, người quận Cửu Chân lại đóng đồn chiếm cứ quận Nhật Nam, chúng trở thành mạnh mẽ. Lúc đó Hạ Phương đã đổi làm Thái thú Quế Dương, nhân lại cho làm Thủ sứ Nhật Nam, uy thế ơnhuệ của Phương vốn nổi tiếng, khi đến quận, chúng lại tụ họp hơn vạn người đem nhau đến đầu hàng Phương.

Ất Ty [165] (Hán Diên Hy năm thứ 8), bọn giặc Quế Dương chạy sang Thương Ngô, bị thủ sứ Giao Chỉ là Trương Bàn đánh tan.

Mậu Ngô [168] (Hán Linh Đế Quang Hoà năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, người Giao Châu và Ô Hủ Man ở Hợp Phố làm phản (xét theo Đường sứ Ô Man ở đất cũ của Tây Di, chia làm 7 bộ lạc. Kết hôn với người Nam Chiếu, có lẽ là Tây Di đấy. Nam Di có hai loại Di, một loại là Đông Di Ô Man, <12b> một loại là Tây Di Bạch Man).

Tân Dậu [181] (Hán Quang Hoà năm thứ 4), mùa hạ, người Ô Man làm loạn đă lâu. Quan thú mục là Chu Ngung không chống cự được. Người ở châu là Lương Long nhân đó dấy binh đánh phá quận huyện, có tới vài vạn quân: Vua Hán cho Chu Tuấn làm thủ sứ Giao Châu đánh dẹp. Tuấn là người Thương Ngô Cối Kê. Đi đường qua quê nhà, mộ

quân nhà và quân được điều là 5 nghìn người đi theo 2 đường vào. Trước hết sai người đến xem hư thực, tuyên dương uy đức để dao động lòng người, rồi 2 cánh quân tiến sát giết được Lương Long, có tới vài vạn người ra hàng.

Giáp Tý [184] (Hán Trung Bình năm thứ 1), lại dân Giao Chỉ giết thủ sứ là Chu Ngung, sai người đến cửa khuyết vạch tội Ngung. Vua Hán nghe được, ban chiếu chọn kỹ các quan lại tài năng. Quan Tam Phù tiến cử Già Tông ¹ người Liêu Thành, Đông Quận làm thứ sứ. Châu có nhiều cùa báu, các thủ sứ trước sau đều không có đức hạnh trong sạch, <13a> lấy cùa đây dù rồi lại xin đổi, cho nên lại dân đều làm phản. Tông đến tra hỏi về tình trạng làm phản, họ đều nói là dân trãm họ khổ vì chính sách hà khắc của quan trước, nhưng kinh sư xa xôi không tố cáo vào đâu được. Cho nên phải họp nhau lại trốn đi cho được sống, thực không phải là làm phản. Tông bèn sai người đưa thư dụ dỗ, yên ủi khiến họ yên tâm làm ăn, kêu gọi vỗ về những nơi hoang tàn tan tác, tha cho việc sai dịch, giết những tên đầu sỏ gây loạn, kén chọn quan lại lương thiện giữ các quận huyện, khoảng một năm thì ổn định, trãm họ được yên nghiệp. Các xóm ngõ đặt câu hát rằng: "Già phu lai vẫn, sứ ngã tiên phán, kim kiến thanh bình, bất cảm phục phản" (Ông Già đến muôn. khiến ta làm phản trước, nay thấy thanh bình, không dám làm phản nữa). Tông làm việc 3 năm, được triều về làm chức Nghị lang, sai Lý Tiến sang thay (Lý Tiến người Giao Châu).

Sử thân Ngô Thi Sí bàn: Xét trong Hán thư, có ông Mạnh Thường người ở Thương Ngô Cối Kê. Cuối đời Hán làm thái thú Hợp Phố. Quận không sản xuất thóc lúa, nhưng biển có nhiều châu báu, sát địa giới với Giao Chỉ buôn bán mua lương thực với Giao Chỉ <13b>. Trước kia quan thái thú áp tề nhiều kẻ tham tàn, cưỡng bức người đi tìm kiếm không có chừng mực. Hạt châu dần dần chuyển sang địa giới quận Giao Chỉ. Thường đến làm quan, bỏ tệ nạn trước. Chưa đầy một năm, châu báu bỏ đi lại trở về. Dân lại trở về làm ăn như cũ, gọi ông là thần minh. Than ôi! Trong vài quận nếu quan thú mục đều được như Mạnh Thường thì dân ta làm gì đến nỗi khổ mà phải làm phản.

Dinh Mão [188] (Hán Trung Bình năm thứ 4), vua Hán cho Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ. Nhiếp tự là Ngạn Uy, người Quảng Tin quận Thương Ngô. Tiên tổ người Văn Dương nước Lỗ. Tránh loạn Vương Mãng dời sang ở đất Việt đã 6 đời. Cha là Tứ làm thái thú ở Nhật Nam thời Hoàn Đế. Lúc nhỏ Nhiếp theo Lưu Tử Kỳ người Dinh Xuyên chuyên học Tà thị Xuân Thu, đỗ hiếu liêm ⁽³⁾ bổ làm thượng thư lang. Vì việc công mà bị bãi quan. Hết tang cha lại đỗ mậu tài ² bổ chức huyện lệnh đất Vu, rồi chuyển sang chức này. Lúc ấy thủ sứ là Chu Phù bị giặc <14a> Di giết chết, châu quận bị rối loạn. Nhiếp tiến cử em là Nhất lãnh chức Thái thú Hợp Phố, Thứ VI làm Thái thú Cửu Chân, Thứ Nhì lĩnh chức Thái thú Nam Hải. Nhiếp là người rộng rãi nhân hậu, khiêm tốn tôn

1. Xem Hán Hán thư quyển 71, Chu Tuần truyện.

2. CM chép là Giả Mạnh Kiên.

3. Hầu Vũ Đế lệnh cho các quan cù những người có học thức tài năng, mỗi quận được cử một người gọi là hiếu liêm.

4. Những người có học thức tài năng do chúa cù lên hàng năm gọi là tu tài, về sau vì kiêng tên Hán Quang Vũ đổi là mậu tài.

trong kẻ sĩ, ham xem Kinh Xuân Thu làm lời chú giải. Kẻ sĩ người Trung Quốc di lánh nạn sang nhờ cậy ông có tới hàng trăm (Ví, sử nhà Ngõ chép là Vi).

Sử thần Ngõ Thi Sí bàn: Xét sù cũ chép: "Sí Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ, người trong nước quý mến đều gọi ông là Sí Vương", bèn lấy Sí Vương xếp vào kỷ biên niên, xếp theo lệ chính thống, đây có lẽ là vì án hạn hàng trăm năm không có chính thống, thái thú Phương Bắc tham tàn không kể nổi khốn khổ. Một sốm có chỗ dựa, người trong nước yên ổn tới 40 năm cho nên nhân dân mà tôn là vương, làm cho lăng sự cảm phản của một nước dãy thôi! Không nghĩ rằng Sí Nhiếp tuy hiền tài nhưng là người Phương Bắc sai đến làm thái thú, cũng là người Phương Bắc đến giữ nước này, huống chế dỗ nhà Hán lấy châu linh quận? Hiển Dế dã sai Trương Tân làm thái thú sứ. Tôn Quyền <14b> lại sai Bộ Chất làm thái thú sứ. Nhiếp tuy có tiếng là coi giữ 7 quận nhưng thực chưa từng được tự chuyên. Một thái thú Giao Chỉ, làm vua mà không biết rằng Cửu Chân, Nhật Nam thuộc vào đâu? Nếu bảo là Nhiếp tuy làm thái thú nhưng bảo toàn được một quận, uy thế được tôn hàng yan đậm thì như Viên Huy đã từng nói "còn chưa được như Đào Hoàng 4 đời ⁽¹⁾ Đỗ Viễn 3 đời⁽²⁾ làm thái sứ ở châu Áy, đời đời trăm họ được hoa thuận, riêng chuyên một chế độ". Hai họ Đào, Đỗ riêng không được chép lớn là kỳ hay sao? Nếu bảo "nước ta thông thi thư, quen lễ nhạc, là nước văn hiến, bắt đầu từ Sí Vương" như sử thần Ngõ Sí Liên đã nói, thi Sí Nhiếp vốn có học vấn, biết Kinh Xuân Thu, thông Kinh Thượng thư là điều tu đặc mà chưa từng dạy cho người trong nước. Văn chưa được như Tích Quang, lấy lẽ nghĩa dạy dân Giao Chỉ, Nhâm Diên lấy lẽ hôn nhân dạy quận Cửu Chân <15a> làm cho mọi người biết luân lý vợ chồng, thiên tính cha con, đã từng trước dãy xuống lên văn phong ở Linh Nam rồi. Hai ông Tích Quang, Nhâm Diên cũng còn chưa được chép lớn là kỳ, huống là Sí Nhiếp? Cho nên tôi đã tước bỏ đi, cho vào trong kỳ nội thuộc, theo vào lệ quan thứ mục.

Canh Thìn [200] (Hán Hiển Dế Kiến An năm thứ 5), đầu thời nhà Hán tuyển dụng những người nước ta thi đỗ mâu tài, hiếu liêm làm huyện lệnh, mỗi loại 1 người. Trước đây Lý Tiến làm thái tử sứ tâu với vua nhà Hán rằng: "Khắp cả mặt đất không ai không phải là bê tôi của vua, nay người làm quan trong triều đình đều là sĩ phu miền Trung Châu, chưa từng khuyến khích người xa". Từ ý tha thiết, đưa nhiều dẫn chứng. Vua Hán ban chiếu cho châu ta người nào đỗ hiếu liêm, mậu tài thì cho được bổ làm trưởng lai của châu, không được nhậm chức ở Trung Châu. Tiến lại dâng sớ rằng: Người được cử hiếu liêm xin cùng với bác sĩ 12 châu lấy tư cách là bậc nhân tài mà đối đáp. Nhưng quan lai sợ người phương xa cản rờ, phi báng Trung Quốc nên không cho. Lúc đó người nước ta là Lý Cầm làm túc vệ <15b> ở lâu, rủ bọn Bốc Long 5, 6 người đúng đến ngày triều hội tết Chính nguyên, phủ phục tại sân điện nói rằng: "Vua ban ơn không đều". Quan hữu ty hỏi duyên cớ. Cầm nói: "Nam Việt ở xa, không được trời che đất chờ, cho nên mưa ngọt không thấm, gió mát không về". Lời nói rất khẩn khoản đau sot, vua liền ban chiếu yên ủi và lấy một người nhân tài nước ta làm hạ dương lệnh, một người hiếu

1. Thời thuộc Tấn có Đào Hoàng, Đào My, Dao Thực, Dao Tuy kế tiếp nhau làm thái tử ở nước ta.

2. Cũng trong thời Tấn có Đỗ Viễn, Đỗ Tuệ Độ, Đỗ Hoành Văn nối đời làm thái tử ở nước ta.

liêm làm lục bợp lệnh. Sau Lý Cầm làm quan đến tư lệ hiệu uý. Nhân tài nước Việt ta cũng được tuyển với người Hán thi Cầm, Tiến là người mở đầu dấy. (Cầm là người Giao Châu. Thời Tân Minh Đế, người Nhật Nam là Trương Trọng làm quan đến thái thú Kim Thành. Minh Đế hỏi: "Ở Nhật Nam hướng về bắc để nhìn mặt trời chăng?" Trọng trả lời rằng: "Nay tên quận có nơi gọi là quận Vân Trung chưa chắc đã là có thực. Còn như phong khí ám áp bóng mặt trời ở ngay trên đầu thì là có dấy").

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Về lời nói thì bậc quân tử không thể không có được. Ngày xưa Tông Miệt⁽¹⁾ nếu như không nhờ có lời nói thì cuối cùng cũng mục nát như loài cỏ cây mà thôi. Lý Cầm nếu không nhờ có lời nói thì làm sao có thể <16a> được dùng ở đời. Mà những người tài đặc biệt ở nước ta, người Phương Bắc sao mà biết được. Không thể không có lời nói là như thế đấy. Tuy vậy cũng chỉ là bàn về nhân tài mà thôi, còn như Nhan Hồi, Mẫn Tử thì không nói như thế được.

Dinh Hơi [207] (Hán Kiến An năm thứ 12), khi ấy Viện Huy người nước Trần trú ngụ ở Giao Châu gửi thư cho thượng thư lệnh là Tuân Húc. Thư viết: "Sí phủ quân ở Giao Châu, học văn dã rộng lại giỏi về chính sự, ở vào lúc đại loạn, mà giữ toàn vẹn được một quận hơn 20 năm, biên cương vô sự, dân không thất nghiệp. Những khách trú ngụ đều được đội ơn. Dù Dậu Dung⁽²⁾ giữ Hà Tây cũng không hơn được. Lúc việc quan nhàn hạ liên đoc thư truyện, Xuân Thu Tả thị truyện, những chỗ sắp xếp lựa chọn tinh vi, những chỗ ngờ trong truyện, tôi hỏi đều có sự giảng giải của một bậc thầy, ý tứ rất cẩn mực, lại kiêm thông Kinh Thượng thư, nghĩa lớn hiểu rõ ràng đầy đủ. Anh em đều làm quan ở quân, là bậc hùng trưởng ở một châu, ở xa muôn dặm <16b> uy thế không ai hơn, khi ra kinh vào nội chuồng nổi khánh uy nghi đầy đủ, đánh trống thổi kèn, xe ngựa đầy đường, người Hò dốt hương đi kèm bên xe thường có tới hàng vài chục. Vợ cả, vợ hầu di kiệu xe dành riêng cho phụ nữ, con em theo quân cưỡi ngựa. Dương thời được quý trọng, trấn phục được các Man Di, Uy Đà cũng không thể vượt qua được. Em Nhiếp là Vũ bị ôm chết. Vua Hán sai Trương Tân người Nam Dương làm thủ sứ. Tân thích việc quỳ thần, thường đội khăn dò gáy dàn tháp hương đoc sách đạo, nói rằng có thể giúp việc giáo hoá. Sau bị tướng của mình là Khu Cảnh giết chết. Đến khi kinh châu mục là Lưu Biểu sai Linh Lãng lệnh là Lại Cung thay Tân, thì Thái thú Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Biểu lại sai Ngô Cụ đến thay, cùng đến với Cung. Vua Hán nghe tin Tân chết bèn ban chiếu thư cho Nhiếp rằng: Giao Châu là cõi rất xa, phía nam là sông biển, on bờ trên không tới, nghĩa ké dưới bị che lấp, biết được tên nghịch tặc là Lưu Biểu lai sai Lai Cung sang dòm ngó đất phía nam. Nay cho khanh làm Tuy nam trung lang tướng trông nom 7 quâa <17a> linh chức thái thú Giao Chỉ như cũ. Nhiếp sai Trương Mân sang cống nhà Hán. Lúc đó thiên hạ rối loạn, đường sá bị tắc nghẽn, Nhiếp vẫn không bỏ chức trách

1. Tông Miệt : Người nước Trịnh thời Xuân Thu. Khi Thúc Huống sang nước Trịnh, Miệt cầm vũ khí đứng ở dưới sàn, vì có tai đổi đáp nên Thúc Huống cầm tay mới lên trên. Sau được Từ Sản tin dùng.

2. Dậu Dung : Người Bình Lãng, thời Hán được tiến cử làm thái thu quan Cự Lộc. Dung thấy phương đông còn nổi loạn mà cha ông mải đói ở Hà Tây hiết được phong tục của địa phương, bèn từ chối Cự Lộc mà xin đến Hà Tây. Đến nơi, Ông tu tập được các anh hùng, đẹp tan được rõ Khương, nhân dân vui vẻ theo yề, sau làm đến chức đại tư không

tiến công. Vua Hán lại ban chiếu cho làm An viễn tướng quân, phong tước Long Độ Định hầu. Về sau Ngô Cự mâu thuẫn với Cung dem quân đi đánh Cung, Cung chạy về Linh Lăng.

Trên đây là thời thuộc Đông Hán từ năm Quý Mão (Hán Kiến Vũ năm thứ 19) đến năm Kỷ Sửu (Kiến An năm thứ 14) gồm 167 năm.

Sứ thần Ngô Thì Sĩ thông luận: Từ khi ta mất nơi hiềm trọ ở Kim Khê theo cột đồng chia bờ cõi, người Hán đổi dãi bằng cách ràng buộc. Dân Man ngoài biên cho việc rối loạn là có lợi. Nhật Nam, Cửu Chân đánh cướp lẫn nhau. Bọn Ô Hù, Tương Lâm thường thả sức dòm ngó. Quan lại ít kẻ hiền lành, dân không có nơi tố cáo. Cơ Già Tông như bối, tôn Sĩ Nhiếp là Vương trong một trăm năm mươi, sáu mươi năm nhao nhao chỉ muốn theo về <17b> quan thú mục tốt. Những người hơi trội hơn như Lương Long chẳng qua cũng là dứa dào tường ăn trộm mà thôi, chưa có trận đánh, ngọn cờ đường đường chính chính có thể cho người trong nước trông vào vận dời den tối, nhân tài thiểu thốn, há không vì đó mà than thở được sao! Do đó không chiêu nạp Trương Kiều, Chúc, Lương thì Khu Liên xâm lược không khi nào thôi; không có sự vỗ về đánh dẹp như Hạ Phương, Chu Tuấn thì bọn Hoan, Thoan tụ họp không năm nào yên. Do đó có sự trùng trị bon tham nhũng, vỗ về dân chúng cho dân yên ổn làm ăn, khiêm tốn làm chính sự cho giữ ngôi được lâu để thoát nạn can qua thì há không vỗ tay ca hát, dốt hương để dón hay sao? Tuy thế chỉ là cái may của kè tiêu nhân mà cũng là cái xấu của người quân tử đấy. Còn như là người nước ta làm quan với Trung Châu mà nêu được bực hiền tài khiến họ giao chính quyền tri dân, để biểu dương với thương quốc để tiếng khen cho đời sau, nổi lên từ chức huyện lệnh nhỏ bé, kể dấy mà có chức châu thú, lại kể dấy mà có chức tể tướng, cho đến nay họ sơ như sợ hổ báo, đến cái rau trong núi cũng không dám hái. Tôi có ý khen Lý Tiển, Lý Cầm đấy!

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYẾN IV

<1a> KÝ NỘI THUỘC NGÔ, TÂN, TỔNG, TÈ, LƯƠNG

Canh Dần [210] (Hán Kiến An năm thứ 15, Ngô Tôn Quyền Hoàng Vũ năm thứ 1), Ngô Tôn Quyền sai Bộ Chất sang làm Thủ sứ Giao Châu. Bộ Chất mang theo 1 nghìn quan Vũ xạ⁽¹⁾ từ Phiên Dương thẳng đường tới nơi làm quan.

Tân Mão [211] (Hán Kiến An năm thứ 16, Ngô Hoàng Vũ năm thứ 2), Ngô Tôn Quyền phong cho Bộ Chất làm Chinh nam trung lang tướng. Lúc đó Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự ngầm ở hai lòng. Chất giả ý dụ dỗ xin mời gặp nhau rồi nhân đó giết chết bêu đầu. Anh em Sĩ Nhiếp cùng nhau tuân mệnh thù phung Tiết độ sứ. Quyền thăng Nhiếp làm Tả tướng quân. Nhiếp cho con là Ngãm vào làm con tin ở nước Ngô, Tôn Quyền cho làm Thái thú Vũ Xương. Các con Sĩ Nhiếp, Sĩ Nhất ở Phương nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ dỗ bọn Hào trưởng ở Ích Châu là Ung Khải đem dân trong quận từ xa quy phục về Đông Ngô, Tôn Quyền lại cũng khen ngợi thăng làm <1b> Vệ tướng quân tước Long Biên hầu. Sĩ Nhiếp thường sai sứ sang Ngô đưa biếu các loại hương, vải thiều kể tới hàng nghìn. Các vật lạ như ngọc trai, xà cừ, lưu ly, lông chim trà, đài mồi, sừng tê, ngà voi, các quả quý như chuối, dừa, nhãn không năm nào không tiến. Sĩ Nhất thường cống ngựa hàng mấy trăm con. Quyền thường gửi thư sang và ban cho rất hậu để an úi lại.

Sử thần Lê Văn Hữu bàn: Sí Vương biết lấy lòng khoan hậu khiêm tốn, tôn trọng kẻ sĩ, được mọi người mến và làm nên một thời thịnh vượng. Ông lại rõ nghĩa lý, biết thời thế. Tuy tài dung không bằng Triệu Vũ Đế, nhưng hạ mình thờ nước lớn, để bảo toàn bờ cõi. Có thể gọi là bậc tri. Chỉ tiếc là con nối rồi không gánh vác được cơ nghiệp của tổ tiên, khiến cho nước Việt đã toàn vẹn cường thịnh mà lại bị chia cắt. Thật đáng buồn thay!

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Từ sau khi nước nhà nội thuộc <2a> các quan thủ mục của Trung Quốc sai sang thường thay đổi luôn, nhưng chưa có ai ở lâu được như Sí Phủ quân [Sĩ Nhiếp]. Xem như sử chép thì đối với nhà Hán, sự tiến công không dứt; với nước Ngô thì sự tiến công cũng chẳng ngừng. Vật quý giá như châu báu phải đóng sot tiến hằng năm; vật nhỏ nhen như hoa quả cũng chạy tramped hàng

1. Vũ xạ : Chức nhỏ trong đội quân bắn cung

ngàn dặm. Tuy có tiếng là được cai trị 7 quận, nhưng cơm ăn áo mặc chỉ trông vào thuế của một Giao Châu mà thôi. Về phát lương cho tướng lại, việc cung cấp cho vua con, sự chi tiêu trong 40 năm kể cũng lớn. Công sức của một châu lấy gì mà chịu nổi. Nhưng sở dĩ không bị nhân dân oán ghét là do ông biết tự khiêm tốn khéo vồ về. Ông nói đất dai màu mỡ sự tiến công không thể thiếu được. Ngoài việc cống tiến ra, không dám bóc lột dân để vui trong xa xỉ. Người trong chầu từ lâu tin tưởng ông, do đó dã không có lòng phản trắc, cũng không có lời kêu ca về sự tham tàn. Lại phàm việc gì cũng chu đáo thận trọng. Người Hán nương nhờ thì vui được có chôn, sú <2b> Ngô thường đến cũng mừng vì được thù phung tôn thờ. Cho nên trong thi được lòng hoà thuận của người Việt, ngoài thi được lòng yêu mến của vua Ngô. Giữ gìn danh vị được đến trọn đời, không thể không gọi là bậc tri dược. Văn Huu khen là "biết hạ mình thờ nước lớn để bảo toàn bờ cõi". Xét ra việc gửi con tin để thờ người thì nói gì là nước lớn nước nhỏ. Bề tôi giữ đất cho vua thì làm gì có một thước mảnh đất riêng nào!

Bính Ngô [226] (Hán Hậu chủ Thiền Kiến Hưng năm thứ 4, Ngô Vũ Hoàng năm thứ 5), Sĩ Nhiếp quận Thái thú Long Biên hưu mất. (Nhiếp ốm, chết được 3 ngày, người tiên là Đổng Phung, lấy một viên thuốc cho ngâm với nước, nâng đầu lên lắc lắc, một lát sau mở mắt được, tay động đầy, sắc mặt dần dần bình thường. Nửa ngày sau thì ngồi được, 4 ngày sau nói được và dần dần trở lại bình thường đến khi mất là năm ông 90 tuổi, làm việc ở chầu 40 năm).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Nước ta thông thi thư, quen lễ nhạc, là một nước văn hiến, bắt đầu từ Sí Vương. Công đức ấy chẳng những thấy ở đương thời, mà còn truyền mãi đến đời sau. Há chẳng tốt đẹp làm sao! Con mà không được như cha là tội của con thôi <3a>. Dời còn truyền sau khi Sí Vương chết, chôn cất tinh đến thời Tấn là hơn 160 năm¹ người Lâm Ấp vào cướp phá dào mọ ông lên (mộ ở xã Tam Á² huyện Gia Định), thấy thi thể vẫn như còn sống, sợ quá họ bèn lấp lại. Người địa phương cho là thần, lập miếu thờ gọi là Sí Vương tiên. Vì là khí anh linh không bị huỷ diệt cho nên được làm thần vậy.

Dinh Mùi [227] (Hán Kiến Hưng năm thứ 5, Ngô Hoàn Vũ năm thứ 6), vua nước Ngô là Tôn Quyền nghe tin Sĩ Nhiếp mất cho là Giao Châu xa xôi, bèn chia từ Hợp Phố về phía bắc làm Quảng Châu do Lữ Đại làm Thủ sứ, từ Giao Chỉ xuống phía nam làm Giao Châu do Đái Lương làm thủ sứ, sai Hiệu úy Trần Thị làm thái thú thay Sĩ Nhiếp. Đại ở lại Nam Hải. Lương và Thị đi trước. Đến Hợp Phố thì con Sĩ Nhiếp là Sí Huy đã tư làm Thái thú Giao Chỉ, bèn đem tông binh chống lại (cuối thời Hán anh em trong họ đánh lẩn nhau. Người Phương Nam tụ tập trong họ làm quân để tự vệ nên gọi là tông binh). Lương ở lại Hợp Phố, lại viên cũ của Nhiếp là Hoàn Lan rập đầu can Huy nên dồn tiếp Lương. Huy nổi giận <3b> lấy roi đánh chết Lan. Anh Lan là Trị, con là Phát lại tập hợp tông binh đánh Huy. Huy đóng cửa thành để cố thủ. Bọn Trị đánh thành vài tháng không hạ được, bèn giảng hòa rồi cùng bãi binh. Lữ Đại vắng chiếu của vua Ngô

1. CM chép là 600 năm.

2. Tam Á: Nay thuộc xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

giết Huy. Đại đem quân từ Quảng Châu ngày đêm đi gấp qua Hợp Phố cùng tiến với Lương. Con của Nhất là Khuông, làm Trung lang tướng, là bạn cũ của Đại. Đại coi Khuông là Sư hữu⁽¹⁾ đưa theo làm việc, đưa giấy trước cho quận Giao Chỉ, nói rõ hoạ phúc rồi sai Khuông gặp Huy, bảo Huy nên phục tội dù có mất chức Quận thứ nhưng bảo đảm không có điều lo lắng khác. Đại liền theo Khuông đến sau. Bọn anh Huy là Chi, em Huy là Cán, Tụng 6 người mình trấn dồn tiếp Đại. Đại cảm ơn cho mặc áo (sử cũ chép Đại mặc áo giả làm người thường là nhầm) rồi đến quận. Sớm hôm sau rủ mìn trưởng mời anh em Huy lừa lượt vào. Tân khách ngồi đông đủ, Đại đứng dậy cầm cờ tiết đọc chiếu kề tội Huy, tả hữu nhân đó dỗ tới bê quạt tay anh em Huy rồi chém tất, đem đầu về Vũ Xương.

<4a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Từ xưa những vua giết bě tôi canh minh chưa từng không bị diệt vong. Nước Trần giết Tiết Dã⁽²⁾, nước Tề giết Cô Huyền. Việc nước Trần, nước Tề thực đáng làm gương cho người đời, thế mà vẫn có việc giết bě tôi canh minh như Sí Huy. Nỗi nghiệp chưa kịp quay gót đã bị giết. Thực đáng làm!

Lại bàn: Sí Huy, cha mất chưa xin mệnh trên, đã dám tự lập lại, còn đem quân chống mènh. Về nghĩa thì có nhiên là đáng đánh, nhưng Lữ Đại cho hàng mà còn giết đi thì trái lầm. Ôi chū tín là điều quý giá của một nước. Huy dã ra hàng, đáng lẽ chỉ trói lại đưa về Vũ Xương để quyền sinh sát cho bě trên, để uy tín của mình được tới kẽ dưới há chẳng phải là tốt đẹp làm ru? Tôn Thinh⁽³⁾ nói: "Võ vẹt người phương xa, yêu mến kẻ ở gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại giết kẻ đầu hàng để cầu công, người quân tử chê trách lầm. Như vậy dù biết họ Lữ không thể ben lâu được là đúng lầm.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Sí Nhiếp làm Thái thú Giao Châu. Khi mất, Quyền lấy Huy làm Thái thú Cửu Chân, mà Giao Châu lại thay bằng Trần Thị là không muốn cho Huy tiếp tục giữ đất của cha. Nếu <4b> Huy chịu nghe mệnh của Quyền cũng còn lo chưa chắc giữ được, huống hồ lại tự mình nhậm chức, rồi lại đem quân chống lại. Sự diệt vong ấy là do mình chuốc lấy.

Nhất, Vĩ và Khuông ra sau, vua Ngũ tha tội. Còn Ngẩm con Nhiếp đi làm con tin đều bị cách chức làm dân thường. Được vài năm Nhất và Vĩ can tội bị giết. Chỉ riêng Khuông là bị bệnh chết trước. Ngẩm chết không có con. Tướng của Huy là Cam Lẽ và Hoàn Trị đem lại dân cùng tiến công Đại. Đại đánh tan được. Từ đó bỏ Quảng Châu lại đặt Giao Châu như cũ. Đại tấn công Cửu Chân chém hàng vạn người.

Tân Hợi [231] (Hán Kiến Hưng năm thứ 9, Ngũ Hoàng Long năm thứ 3), Ngũ cho Lữ Đại làm Trần Nam tướng quân. Người Man ở Ngũ Khê, Vũ Lăng làm phản. Vua Ngũ

1. Sư hữu : Chức quan đặt từ thời Tần, chuyên việc dạy dỗ các con cái vua chúa.

2. Tiết Dã : Người nước Trần. Khi Trần Linh Công cùng Khổng Ninh và Hành Phủ thông dâm với Hạ Cơ, Tiết Dã can Linh Công rằng : "Công khanh mà dâm loạn một cách công khai như thế, thì dân chúng còn học tập được cái gì nữa". Linh Công nói với hai người kia, bọn chúng xin cho giết Tiết Dã. Linh Công không ngăn cấm. Thế là Tiết Dã bị giết.

3. Tôn Thinh : Người nước Tần, học rộng biết nhiều hay có những câu danh ngôn.

cho là đất phía nam đã yên tĩnh, triệu Thủ sứ Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Tông⁽¹⁾ sợ kẻ thay Đại không được tốt nên dâng sớ rằng: "Xưa kia <5a> vua Thuấn di tuấn Phương Nam rồi mất ở Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, thế thì 4 quận ấy nội thuộc đã lâu rồi. Triệu Đà nổi lên ở Phiên Ngung thần phục được vua Bách Việt tức là phía nam quận Chu Nhai ⁽²⁾ vậy".

Hiếu Vũ giết Lữ Gia mở 9 quận, đặt thủ sứ Giao Chỉ để cai trị. Dựa những tội phạm của Trung Quốc ở lấn trong đó, cho học qua sách vở tạm biết nói năng, để các sứ dịch, đi lại thấy được lễ nghĩa, giáo hoá. Đến khi Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân thì dạy cho họ cày bừa, dạy cho đội mỗ đi giày, đặt quan làm mối để cho biết lấy chồng, lấy vợ. Xây dựng trường học dạy cho biết nghĩa kinh. Từ đó về sau hơn 400 năm, dân đã hơi giống. Nhưng vì đất rộng, người đông [địa thế] hiểm trở, [khí hậu] đêc hại, dễ sinh loạn, bổ nhặt bậc trưởng lại nếu chọn không tinh, pháp luật nhà Hán lại rộng rãi, dễ sinh bừa bãi. Việc bả Chu Nhai cũng là ở trưởng lại. Cứ xem việc ho thích cắt tóc để làm độn và việc Hoàng Cái người Nam Hải làm Thái thú Nhất Nam vừa đến nhận việc, vì sự cung ứng không hâu, đã đánh chết <5b> chủ bạ, thế là bị đuổi. Thái thú Cửu Chân là Đam Manh thay bố vợ là Chu Kinh làm chủ [bữa tiệc] có các quan to, khi rượu say mua vui, Công tao là Phiên Hâm đứng dậy múa, mắt nhắm vào Chu Kinh, Kinh không chịu đứng dậy, Hâm muốn cưỡng bách, Manh giận giết Hâm. Em Hâm đem quân đánh Manh chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp đem quân đến đánh cũng không thắng nổi. Rồi lại việc Thủ sứ cũ là Chu Phù phần nhiều lấy người làng là bọn Ngu Bạo và Lưu Ngan chia nhau làm trưởng lại, tàn bạo với dân chúng, cưỡng bức thu thuế của dân. Một con cá vàng thu một hộc lúa. Dân chúng oán giận. Lũ giàc núi kéo ra đánh chau, phá quân. Phù phải chạy ra biển. Còn Trương Tân uy vũ không đủ, Lại Cung thì không hiểu thời sự, Ngô Cự thì vũ phu ngỗ ngược, đuổi Cung để cầu cạnh Bộ Chất. Lúc bấy giờ tướng cũ của Trương Tân là bọn Di Liêu, Tiên Bác vẫn còn nhiều, bị Chất lần lượt trừ bỏ. Kỷ cương được ổn định thì cũng là lúc bị gọi về. Lữ Đại đến dẹp loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại làm sáng <6a> tỏ kỷ cương, uy danh khắp muôn dặm, lớn nhỏ đều theo phong hoá. Xem đây thì thấy việc giữ yên được nơi biên giới, vỗ về được nơi xa xôi là do từng người, trách nhiệm mục bá⁽³⁾ phải chọn người thanh bạch. Ngoài miền hoang phục hoạ phúc càng dữ. Nay Giao Châu tam ổn nhưng còn có bọn giặc ở Cao Lương. Bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Chu Nhai chưa yên, vẫn tụ tập làm trộm cướp. Nếu như Lữ Đại không trở lại Phương Nam thì chọn thủ sứ mới, phải thật cẩn thận để được người trông nom 8 quận là người có phương pháp, mưu lược, tài trí mới có thể tri được bọn giặc Cao Lương. Nhà vua ban cho uy quyền và sự yêu quý để đòi họ phải làm việc thành công thì may ra mới có thể yên được. Còn như những người trung bình giữ phương pháp bình thường, không có mưu hay thuật là thì bọn gian ác ngày càng nhiều, lâu dần thành cờ bạc. Cho nên sự yên nguy trong nước là ở việc dùng người, vì thế không thể không xét kỹ được. Vua Ngô bèn phong cho Đại làm Trấn nam tướng quân, phong tước Phiên Ngung hầu.

1. CM chép là Tiết Kinh Văn.

2. DVSKTΓ và CM chép là "Châu Quan" có lẽ đúng hơn vì quận Hợp Phố cũ, nhà Ngô đổi làm quận Châu Quan.

3. Chức quan đứng đầu một chau.

Mậu Thìn [428] (Hán Diên Hy năm thứ 11, Ngô Xích Ô năm thứ 11), người Cửu Chân lại đánh hâm thành ấp, chầu quận <6b> náo động. Vua Ngô cho Đốc quân Đô úy Hán¹ Dương là Lục Dân làm Thủ sứ kiêm Hiệu úy. Dân vừa vào đến biên giới bèn dụ dỗ bằng ân tin, có tới hơn 3 vạn nhà ra hàng. Châu trở lại thanh bình. Sau đó người con gái tên là Triệu Âu ở huyện Ninh Hoá⁽¹⁾ quận Cửu Chân tụ tập nhiều người đánh phá quận huyện. Dân dẹp yên (Giao Chỉ chí chép: Trong núi Cửu Chân có người con gái là em gái họ Triệu, vú dài 3 thước, không lấy chồng, kết đảng đánh phá quận huyện, thường mặc áo giáp vàng đi guốc cỏ răng, cưỡi đầu voi đánh trận. Chết làm thần có ghi ở thiên trung ký).

Quý Mùi [263] (Hán Viêm Hưng năm thứ 1, Ngô Chủ Tôn Hữu Vĩnh An năm thứ 6), mùa hạ, tháng 4, Quận lại Giao Chỉ là Lữ Hưng giết thái thú. Tôn Tư đem quận hàng nước Ngụy. Lúc đầu Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ, tính tham lam bạo ngược. Thu hơn 100000 thửa đất công của quận về Kiến Nghiệp. Dân chúng khổ vì việc đó. Gặp Sát chiến Đăng Tuân đến quận (Sát chiến là tên một quan chức do vua Ngô sai sang), lại tự tiện bắt dân phải nộp 3 nghìn con chim công đưa sang Mat Lăng, dân sợ sai dịch xa đều lầm le mưu làm loạn, Hưng nhán đó nổi loạn, giết Tư và Tuân rồi đem quận hàng nước Ngụy. Cửu Chân, Nhật Nam đều hưởng ứng, năm ấy nhà Hán mất.

Giáp Thân [264] (Nguy Tào Hoán Hàm Hy năm thứ 1, Ngô, Tôn Hạo Nguyên Hưng năm thứ 1), mùa thu, tháng 7 vua Ngô chia Giao Châu, Quảng Châu. Năm ấy Ngụy bắt đầu đạt Thái thú quận Giao Chỉ. Cho An Nam tướng quân Lữ Hưng làm Thái thú Giao Chỉ. Dùng Giám quân Hoác Giặc giao lĩnh chức Thủ sứ Giao Châu được tuỳ tiện chọn dùng trưởng lại. Giặc dâng biểu xin cho Thoán Cốc làm thái thú đôn đốc bọn nha môn tướng là Đổng Nguyên, Vương Tổ đem quân giúp Hưng. Chưa đến thì Hưng đã bị Công tặc là Lý Thống giết và Cốc cũng bị chết.

Ất Dậu [265] (Nguy Hàm Hy năm thứ 2, tháng 12 trở về sau là Tân Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thuỷ năm thứ 1, Ngô Cam Lộ năm thứ 1), tháng 12, Tư Mã Viêm nhà Tân bắt đầu nhân sự nhường ngôi của nước Ngụy. Vua Tân sai Mã Dung người Ba Tây thay Thoán Cốc làm Thái thú Giao Chỉ. Dung bị bệnh chết; giặc lại sai Dương Tặc người Kiến Vi thay (Sử Tân nói là thay làm thứ sứ, sử cũ chép là thay làm thái thú).

<7b> Mậu Tý [268] (Tân Thái Thuỷ năm thứ 4, Ngô Bảo Định năm thứ 3), Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sứ. Tuấn cùng với Tiên bộ đốc Tu Tắc (sử cũ chép là Tắc (禡)) là làm). Tướng quân Cố Dung trước sau 3 lần đánh Giao Châu, Dương Tắc đều chống được. Quận Uất Lâm, Cửu Chân đều theo về Tắc. Tắc cùng với tướng quân là Mao Cảnh⁽²⁾, Thái thú Cửu Chân là Đổng Nguyên và bọn nha môn là Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tung, Vương Nghiệp⁽³⁾ Thoán Năng từ Thực sang Giao Chỉ đánh tan quân Ngô ở Cố Thành⁽⁴⁾ chém Tu Tắc và Lưu Tuấn, quân còn lại tàn về Hợp Phố. Dương Tắc dâng sớ xin Cảnh làm Thái thú Uất Lâm.

1. Nay ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá còn đèo thò và lăng Bà Triệu.

2. DVS KTT chép là Mao Linh.

3. CM chép là Vương Tổ.

4. Cố thành : Tức quân lỵ Hợp Phố.

Kỳ Sửu [269] (Tấn Thái Thuỷ năm thứ 5, Ngô Kiến Thành năm thứ 1), mùa đông, tháng 10, vua Ngô sai Giám quân là Ngu Ty¹, Uy nam tướng quân là Tiết Hủ, Thái thú Thương Ngô là Dào Hoàng theo đường Kinh Châu, Giám quân là Lý Húc, Đốc quân là Từ Tồn theo đường bể Kiến An, gặp nhau ở Hợp Phố để đánh Tắc. Húc cho là đi đường Kiến An không lợi nên đã giết tướng dẫn đường là Phùng Phi rồi đem quân về. Vua Ngô cho là Húc giết oan Phi, tự tiện rút quân về nên bắt chịu tội chết <8a> cùng Từ Tồn.

Tân Mão [271] (Tấn Thái Thuỷ năm thứ 7, Ngô Kiến Hành năm thứ 3), mùa hạ tháng 4, Dào Hoàng nước Ngô đánh bọn Dương Tắc nước Ngụy ở thành Giao Châu, bắt được Tắc. Lúc đầu Hoàng và Ngu Ty, Tiết Hủ chống nhau với Tắc ở Phàn Thuỷ². Hoàng thua rút về giữ Hợp Phố, chết mất 2 tướng. Hủ nổi giận bảo Hoàng: "Nếu như tự dâng biểu xin đánh giặc mà mất 2 tướng thì trách nhiệm ở đâu?" Hoàng nói: "Bè dưới không được làm theo ý muốn, các quân không nghe nhau cho nên đi đến thất bại". Hủ nổi giận muốn dẫn quân về. Dêm Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đổng Nguyên, thu được báu vật dùng thuyền chở về. Hủ bèn tạ lỗi, rồi cho Hoàng lãnh chức Tiền bộ đốc Giao Châu. Hoàng lại theo đường biển bất thỉnh linh đến thăng Giao Châu liền bị Nguyên chống lại. Các tướng muốn đánh, Hoàng nghĩ là chẽ tường đổ có quân mai phục bèn dàn quân cắm giáo ở đằng sau. Quân mới gặp nhau, Nguyên vờ rút, Hoàng đuổi theo quả nhiên quân mai phục xông ra. Quân cắm giáo đón đánh tan được bọn Nguyên rồi đem những thứ khi trước lấy được như <8b> thuyền, hàng hoá và gấm quý hàng mấy nghìn tấm cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ. Kỳ đem hơn 1 vạn quân giúp Hoàng. Lúc ấy Tắc đem tướng của mình là Vương Tố thay Nguyên. Nguyên có dung túng là Giải Hệ cùng ở trong thành. Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ, rồi sai Tượng di xe của Hoàng có người đánh trống thổi kèn theo hầu dẫn đường. Bọn Nguyên nói: "Tượng còn như thế, Hệ tất có lòng bỏ mình mà đi", bèn giết Hệ. Hủ, Hoàng liền vây hãm châu, bắt bọn Dương Tắc, Mao Cảnh. Bọn Cảnh lập mưu đánh úp Hoàng, việc bị lộ, Hoàng liền giết Cảnh rồi bắt đưa bọn Tắc về Ngô, Tắc đi đến Hợp Phố thì bị ốm chết. Bọn Mạnh Cán, Thoán Năng, Lý Tùng đi đến Kiến Nghiệp. Cán trốn về nước Tấn. Vua Tấn dùng làm Thái thú Nhật Nam. Tùng và Năng đều bị vua Ngô là Hạo giết. Vua Tấn tặng cho Tắc làm Thủ sứ Giao Châu. Cảnh và con Tùng, con Năng đều được phong tước Quan Nội hầu. Công tào quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ lấy quận theo vào nước Tấn. Hoàng sai tướng đi đánh nhưng không được. Cậu của Tộ là Lê Hoảng <9a> đi theo quân khuyễn Tộ ra hàng Tộ trả lời rằng: Cậu tự làm tướng nước Ngô, Tộ tự làm tôi nước Tấn chỉ trông vào sức mạnh mà thôi. Một lúc sau thì thành bị hạ. Năm ấy Ngô đặt Giao Chỉ làm quận Tân Xương.

Trước kia Hoác Giặc sai Dương Tắc, Mao Cảnh đóng thủ thề với nhau rằng: Nếu như giặc vây thành chưa được 100 ngày mà hàng thì gia thuộc bị giết, nếu quá 100 ngày mà thành bị mất thì Thủ sứ phải chịu tội. Đến khi Hoàng vây thành, bọn Tắc chưa đủ ngày hẹn đã hết lương, bèn xin hàng. Hoàng không nghe mà cấp lương để giữ. Người Ngô đều can. Hoàng nói: "Hoác Giặc đã chết, không thể đến được, có thể đợi đến lúc

1. Ngu Ty : DVSKTT và CM chép là "Ngu phiếm".

2. Phàn Thuỷ : Sông ở huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

lương hết rồi sau đó mới nhận, khiến họ đến sê vô tội, mà ta lấy là có nghĩa. Như thế, trong thì dạy được dân ta, ngoài thì nước láng giềng mến phục, chẳng được sao?" Tắc, Cảnh hết lương thực, quân cứu viện không đến, bèn nhận cho hàng.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: *Bè tôi giữ đất mà giữ được cả lòng mình như Lý Tộ thì có thể gọi là trung với người mình thò vạy.*

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Theo Kinh Dịch, sau quẻ Càn là quẻ Khôn qua 6 quẻ Khảm mới đến quẻ Thái. Nước ta trong thời ấy chính là lúc 6 quẻ Khảm dậy. Người Phương Bắc đến cai trị nước ta, chia đất làm quận huyện, bắt dân làm tôi tớ. Nhưng dải mà không dám thù hận, mệt nhọc mà không dám oán giận. Lời ví dụ "nước chở thuyền, nước lại làm dâm thuyền" sao mà không nghiêm⁽¹⁾. Thiên hạ chỉ có lý và thế mà thôi, kẻ mạnh nhờ thế mà thắng, kẻ yếu nhờ lý mà thắng, nhưng đều phải tuỳ vận hội. Không ai mạnh như rồng Hổ mà cũng phải gõ cửa quan xin phục nhà Hán, sám nũ dai vào chầu nhà Đường. Đến khi vận thế thắng thì Liêu, Kim, Nguyên nổi dậy làm vua Trung Quốc. Không ai yếu như đất Việt, mà vua Nguyên nhà Tấn, Cao Tông nhà Tống cũng không thể vùng lên được. Đến khi vận lý thắng thì vua Thái Tổ nhà Minh nổi lên ở đất Cú Dung mà có Trung Nguyên. Nước Nam Việt ta lại ở phía nam Châu Dương, phong khí vừa đến <10a> vận hội hơi chậm, cho nên sau vua Hùng Lạc hơn 1 nghìn năm chịu sự chế ngự của Phương Bắc. Đến đời Đinh, Lê tới nay mới tự làm vua được nước của mình và thanh danh vân vật thực cũng không kém Trung Hoa. Xét ra nếu như vận hội thắng thì từ nay về sau cũng sẽ có những bậc thánh hiền hào kiệt ứng vận sinh ra. Vận hội từ Khảm đến Thái sao mà có thể lường được? Đọc sử đến đây tôi chưa từng khống gấp sách lại mà thò dài. Bởi vì chỉ biết những cái có thể biết được, mà không biết những cái chưa thể biết. Bậc nhỏ thì không gì hơn là suy cho cùng lý, nên lấy lý mà suy là được.

Vua Ngô dùng Đào Hoàng làm thứ sứ, Tri tiết Đô đốc Giao Châu chư quân sự tiền tướng quân Giao Châu mục. Hoàng có mưu lược hay chu cấp người nghèo, thích bố thí, được lòng người, mọi người thích được ông sử dụng. Cho nên di đến đâu ông cũng thành công. Ông đã đánh được bọn Tắc, dẹp yên được Giao Châu. Vua Ngô nhân đó dùng làm thứ sứ <10b>. Lúc đó Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương đất đai hiểm trở, di liêu hung hán mấy dời không chầu phục, Hoàng đều đánh dẹp bình định được. Mở đặt 3 quận và lấy 30 huyện của quận Cửu Chân cho thuộc vào nước Ngô. Vua Ngô triệu Hoàng cho làm Đô đốc Vũ Xương. Lấy Thái thú Hợp Phố là Tu Doãn thay chức cũ của Hoàng. Doãn liền chuyển về Quế Lâm. Bộ hạ của Doãn là Quách Mā làm phản, hàng nghìn dân bản xứ xin giữ Hoàng lại. Vua Ngô dành cho Hoàng về giữ chức cũ. Nhân sai Hoàng đem quân do mình quản lĩnh và quân ở các quận Hợp Phố, Uất Lâm cùng với quân phía đông, phía tây thuộc Đà Nẵng, Đà Nẵng cùng đánh Mā. Đến khi vua Ngô hàng nhà Tấn và ban sắc cho Hoàng phải về theo. Hoàng nhở lệ mấy ngày rồi sai sứ đem ấn tín đến Lạc Dương. Vua Tấn ban chiếu cho trả lại chức cũ. Phong tước Uyển Làng hau, đổi làm Quán quân tướng quân. Ngô đã dẹp được, vua Tấn ban chiếu giảm binh ở châu quận. Hoàng tâu lên

1 Sách Gia Ngữ chép : Vua là thuyền, thủ dân là nước. Nước có thể chở thuyền cũng có thể lật thuyền.

rằng: "Giao Châu xa thẳm tro troi ở một phương, cách Lâm Ấp chỉ 700 dặm, Phạm Hùng đổi đổi làm giặc cướp lần tránh và liên kết với quân Phù Nam, bè đảng dựa nhau. Chúng <11a> cậy thế hiểm trở không thuần phục. Trước kia khi còn phụ thuộc nước Ngô, cướp bóc lương dân, giết hại quan lại. Thần trước kia được nước cũ chọn dùng đóng thú Phương Nam hơn 10 năm tuy đã chém giết những bọn đầu xò, nhưng vì trong hang sâu núi thẳm còn kẻ ẩn nấp. Lúc đầu quân lính do thần thống lĩnh vốn hơn 7 nghìn người. Đến Phương Nam ẩm ướt nhiều khí độc, nhiều năm di đánh dẹp, bị chết chóc hao tổn nhiều. Hiện nay chỉ còn 2420 người. Nay bốn bề một nhà, không đâu là không phục. Đáng ra phải nên cuốn giáp gươm, chăm việc lễ nhạc. Nhưng người của châu này thích gây loạn, hơn nữa miền nam Quảng Châu quanh co hơn 6 nghìn dặm, kẻ không chầu phục có tới hơn 5 vạn hộ. Quế Lâm cũng tới hàng vạn hộ không chịu sự ràng buộc. Chỉ được hơn 5 nghìn chịu phục tùng. Quan lại hai châu như mồi với rồng, chỉ dựa vào quân lực để trấn thủ. Lại vùng Ninh Châu, Hưng Cố, tiếp giữ miến thương lưu, cách quận Giao Chỉ 1600 dặm, đường thuỷ đường bộ đều thông, che chở lẫn nhau, quân của châu chưa nên giám bớt để lộ ra sự cõi đơn trống rỗng. Xét ra sự đổi thay đổi <11b> không bình thường. Thần, một kẻ sống thừa của một nước bị mất, lời bàn không đáng dùng. Những điều trải qua, trông thấy xin mạo muội trình tâu". Vua Tân nghe theo. Hoàng ở châu 30 năm, có uy danh có ơn huê, được dân khác phong tục ở phương xa yêu mến. Khi mất, cả châu kêu khóc như mất cha mất mẹ.

Vua Tân dùng Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Ngạn làm đô đốc thứ sử. Lúc đầu khi Hoàng mất, lính thú ở Cửu Chân nổi loạn đuổi Thái thú. Tướng giặc là Triệu Chi bao vây quận, Ngạn dẹp yên. Ở chức được 25 năm, uy ân rõ rệt, dân trong châu được yên ổn, ông tự dâng biểu xin thay. Vua Tân cho Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Cố Bí sang thay. Bí là người ôn hoà nhã nhặn, cả châu yêu mến. Chẳng được bao lâu Bí chết, người trong châu ép con là Tham làm việc ở châu. Không được bao lâu Tham lại chết. Em của Tham là Thọ lãnh việc châu, người trong châu không nghe, Thọ cố xin được. Thọ giết Trường lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân dưới trưởng là Lương Thạc, Thạc chạy thoát <12a> khỏi binh đánh lại, bắt được Thọ và mẹ, y phải uống thuốc độc chết. Thạc nắm quyền, sợ dân tình không thuận, Thạc bèn đưa con của Hoàng là Uy, Thái thú Thương Ngô lãnh chức thứ sử. Uy làm việc rất được lòng dân, được 30 năm thì mất. Em Uy là Thực, con là Tuy kế tiếp nhau làm thứ sử.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn : Xét các chức Thái thú, Thủ sứ của châu ta, từ sau khi phụ thuộc Tây Hán trải qua các triều đều chủ trong việc tuyển lựa, chưa bao giờ có kẻ xấu làm nhân, cũng chưa từng cho được tư chuyên. Thế mà từ anh em Cố Thoan cho đến những người như Lương Thạc, Đào Uy đều ở ngoài cõi tự nhận chức không bám với triều đình mà cũng không thấy ai nhắc tới chuyện đó. Có lẽ lúc ấy nhà Tân nhiều việc, cho nên việc quan thú mục bên ngoài tốt hay xấu, mệnh lệnh triều đình có hay không chắc cũng chẳng có thì giờ mà hỏi đến? Việc ấy cũng không thể tra cứu được. Lại sau khi Tân Vũ Đế dẹp được nước Ngô bèn giám quản của châu quân. Quản của Giao Châu cũng trong lệ phải giám. Lúc đó Hoàng làm thủ sứ <12b> đã nói rõ việc không nên giám binh. Sử cũ chú nhầm là nhà Tân lấy quân ở Giao Châu cho nên Hoàng nói vậy. Nay chép toàn bản só của Hoàng thì thấy

được địa thế và tình hình dịch lúc ấy cùng sự lợi hại của việc gián quân. Lời nói của Hoàng có thể nói là biết điều và mâu chốt đấy.

Mậu Dần [318] (Đông Tấn Nguyên Đế, Tư Mã Duệ, Đại Hưng năm thứ 1), mùa đông tháng 10, vua Tấn ban chiếu thăng Thủ sứ Quảng Châu là Dào Khản⁽¹⁾ làm Đô đốc Giao Châu chư quân sự. Lúc ấy người Trường Sa là Vương Cơ, cha là Nghị làm Thủ sứ Quảng Châu rất được lòng người Nam Việt. Sau đó người Quảng Châu đón Cơ về làm Thủ sứ gấp lúc dư đảng nước Thục là Đỗ Hoàng đưa vàng cho Cơ và xin đánh bọn giặc Quế Lâm để tự lập công, Cơ bèn tâu lên triều đình. Vương Đôn cho Cơ là kẻ khó chế ngự, nhưng vì có công, hàng phục được Đỗ Hoàng, lại muôn nhờ Cơ đánh Lương Thạc, bèn chuyển làm Thủ sứ Giao Châu. Thạc nói "Anh họ Vương đã làm <13a> nát Quảng Châu sao lại còn trở lại phá Giao Châu?" Bèn cấm người ở châu đón.

Quan Tư mã ở phủ là Đỗ Tán vì thấy Thạc không đón Cơ, đem quân đánh Thạc, bị Thạc đánh thua. Thạc tự lãnh chức Thái thú Giao Chỉ. Cơ bị Thạc chống lại bèn ở Uất Lâm Đến khi Đỗ Hoàng đánh tan giặc Quế Lâm, trở về gặp Cơ ở đường, Cơ khuyên Hoàng nên lấy Giao Châu, rồi cùng Hoàng và tú tài Giao Châu là bọn Lưu Trầm làm phản. Khản cho quân đánh tan, bắt sống Lưu Trầm, chém chết Cơ. Khản vì có công nên được nhận mệnh làm thủ sứ.

Nhâm Ngọ [322] (Tấn Vĩnh Xương năm thứ 1), Vương Đôn nhà Tấn dùng Vương Lương làm thủ sứ, sai đi đánh Lương Thạc. Thạc đem quân bao vây Lương ở Long Biên (xét thời nội thuộc những viên thái thú, thủ sứ mà người Phương Bắc đưa đến cai trị, họ đều đưa bậc thố hão hoặc giỏi chính sự, hoặc có chiến công, hoặc vì làm phản hay vì có náo dò bị bỏ, hoặc có sự thay đổi, hoặc bị chết ở nơi làm quan thì vẫn theo những diều sách cũ chép, chỗ nào thiếu thì bổ sung như thời Tống Nguyên Gia năm thứ 14, Từ Sâm Chi năm thứ 23, tức thời Tiêu Cảnh Hiến, lúc ấy Hoà Chi còn làm thủ sứ, hoặc cho nhận chức phương xa và các loại như Viên Văn, Đàm Đức trong niên hiệu Đại Minh <13b> Lưu Mục đầu năm Cảnh Hoà, vua Phế Đế và Trần Bá Thiệu trong năm Thái Thuỷ, Thân Hy Tổ trong năm Xương Long, vua Tề Phế Đế, Vương Dịch trong năm Đại Thông Lương Vũ Đế, đều làm thủ sứ. Người có việc đáng chép thì chép. Có người không được chép vào là vì không ghi xuể, trước sau đều theo như vậy).

Quý Mùi [323] (Tấn Minh Đế, Thiệu, Thái Ninh năm thứ 1), tháng 5, mùa hạ, Bình nam tướng quân nhà Tấn là Dào Khản sai tham quân là Cao Bảo đánh tan Lương Thạc ở Long Biên, Giao Châu được yên ổn. Ban đầu Vương Lương bị vây, Khản sai quân cứu viện, chưa kịp đến, Thạc liền đánh Long Biên, cướp cờ tiết của Lương, Lương không cho. Thạc chặt đứt cánh tay trái của Lương. Lương nói: "Chết còn không thèm tránh, chặt cánh tay là gì?", hơn 10 ngày sau thì Lương chết.

Thạc chiếm giữ châu, tính hung hăn, mất lòng mọi người. Khản sai Cao Bảo chém chết Thạc. Vua Tấn cho Khản làm Thủ sứ Giao Châu. Chẳng bao lâu Lại bộ lang Nguyễn Phóng xin làm thủ sứ, vua Tấn ưng thuận, bổ chức Giao Châu Giám quân sự. Phóng đến Ninh Phố gặp Bảo từ châu trở về bèn làm cố mời Bảo rồi sai quân mai phục giết Bảo.

1. Xem Tấn thư quyển 66, Dào Khản truyện.

Quân của Bảo đánh lai Phóng. Phóng chạy thoát đến châu một lát bỗng khát nước dữ dội, rồi thấy Bảo làm ma hiện đến bắt chết.

<14a> Kỷ Sửu [329] (Tấn Thành Đế, Hàm Hoà năm thứ 4), Thủ sứ Giao Châu là Trương Liên chiếm cứ Thuỷ Hưng, tiến đánh Quảng Châu. Vua Tấn sai bọn Tăng Hiệp đánh tan.

Quý Sửu [353] (Tấn Mục Đế, San, Vinh Hoà năm thứ 9), mùa xuân, tháng 3, Thủ sứ Giao Châu nhà Tấn là Nguyễn Phu đánh Phạm Phật người Lâm Ấp ở Nhật Nam, phá hơn 50 lũy (xét Lâm Ấp vốn là đất huyện Lâm Ấp thuộc Tượng quận thời Tần, thời Hán đổi là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Phía đông sát bể, phía tây đến Qua Oa, phía nam thông đến Chân Lạp, phía bắc sát với cõi đất Châu Hoan của An Nam. Đất dai phía nam gọi là châu Thi Bi, phía tây là châu Thượng Nguyên, phía bắc là châu Ô Lý thống thuộc tất cả 38 châu lớn nhỏ. Cuối thời Hán loạn lớn, viên Công tào là Khu Đạt (có sách chép Khu Liên) giết huyện lệnh tự lập làm vua, truyền được vài đời, sau lập cháu gọi bằng cậu là Phạm Hùng. Hùng chết, con là Dật lên thay. Tấn Thành Đế, Hàm Khang năm thứ 3 [335], Dật chết. Phạm Văn cướp ngôi tự lập. Văn là người hầu của Phạm Trí cầm đầu bọn di huyện Tây Quyển, đem quân tiêu diệt các nước láng giềng. Quân có tới bốn năm vạn người. Lúc đó Thủ sứ Giao Chi là Khương Trang (có sách chép là Tráng) sai người thân là Hán Chấp lãnh chức Thái thú Nhật Nam. Lúc đầu các nước ngoài thường chở vật quý từ đường biển đến buôn bán, nhưng Thủ sứ Giao Châu và Thái thú Nhật Nam phần nhiều tham lợi cướp đoạt. Mười phần hao tới hai ba. Đến khi Chấp lãnh chức thú thì đã hao đến quá nửa. Lại khám thuyền sách nhiễu, các nước khổ về chuyện đó. Hơn nữa Lâm Ấp ít ruộng, tham đất Nhật Nam mâu mâu thường muốn cướp đất ấy. Chấp chết, tiếp đó là Ta Trac (có sách chép là Trí) cũng vẫn cướp đoạt như trước. Mục Đế, Vinh Hoà năm thứ 3, Dật khiên là Hạ Hầu Lâm làm thái thú. Lâm đến quận lại hay rượu, chính sự giáo hoá càng rối loạn. Nhân lúc dân oán ghét, Văn bèn đem quân đánh úp Nhật Nam, giết Lâm, san bằng thành huyện Tây Quyển. Văn ở Nhật Nam 3 năm thì về.

Mùa thu, tháng 7, Thủ sứ Giao Châu là Chu Phiên lại sai Lưu Hùng đóng thủ ở Nhật Nam, (Lưu Hùng có sách chép là Lưu Hùng Nguy) bị Văn giết.

Vinh Hoà năm thứ 4, mùa hạ, tháng 4, Văn tiến đến xâm lược Cửu Đức (còn chép là Cửu Chân), tàn hại dân, mười phân mét tới tám chín. Lại sai sứ báo với Phiên xin lấy Hoàn Sơn ở phía bắc Nhật Nam làm địa giới. Phiên không cho và sai bọn đô hộ là Đào Hoán sang đánh. Văn trở về Lâm Ấp, đóng đồn ở Nhật Nam. Vinh Hoà năm thứ 5, Hoàn Ôn nước Tấn sai Chinh tây đốc hộ là Đặng Tuấn và Thái thú Cửu Chân là Quán Toại đem quân Giao [Châu] Quảng [Châu] đánh Văn ở Lư Dung¹ bị Văn đánh thua phải rút về đóng ở Cửu Chân. Năm ấy Văn chết, con là Phật lên thay.

Năm thứ 7, Thủ sứ Giao Chi là Dương Bình đánh Phật. Phật bỏ chạy rồi xin hàng. Sau trận ấy Người Man dần dần biết sợ, nhưng con cháu của Phật vẫn tàn bạo như cũ. Đến hết thời Tấn mà cũng chưa cản được khí thế đội quân ấy. Thuyết khác nói rằng: Quán Toại đánh Phật, tiến đến Lâm Ấp (bấy giờ là tháng 5, dựng cột đồng hồ. Mặt trời

1. Lư Dung : Nay thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

ở phía bắc cột, bóng ở phía nam cột 8 tấc 1 phân kể từ phía nam của bóng phía bắc, cho nên mở cửa phương bắc để hướng về mặt trời).⁽¹⁾

Kỳ Mùi [359] (Tấn Tháng Bình năm thứ 3), tháng 12, Thủ sứ Giao Châu là Ôn Phóng Chi đem quân đánh Lâm Ấp, Lâm Ấp đầu hàng.

<15a> Canh Thìn [380] (Tấn Võ Đế, Xương Minh, Thái Nguyên năm thứ 5), mùa đông, tháng 10, Thái thú Cửu Chân là Lý Tốn chiếm châu làm phản. Cha con Tốn dũng cảm, khoẻ mạnh lai có quyền lực, uy danh chấn động cả đất Nam. Nghe nói Thủ sứ Đằng Dôn Chi sẽ đến, liền sai hai cha con chia ra chặn nơi hiểm yếu của đường thuỷ đường bộ để chống lại.

Tân Ty [381] (Tấn Thái Nguyên năm thứ 6), mùa thu, tháng 7, Thái thú Giao Chỉ là Đỗ Viện chém được Lý Tốn, châu lại được yên. Vua thăng cho Viện làm Thủ sứ Giao Châu (Viện là người Chu Diên nước ta, vốn thuộc đất Kinh Triệu, ông tổ bốn đời làm Thái thú Ninh Phố nên ở lại đất Giao Chỉ).

Kỳ Hợi [399] (Tấn An Đế, Đức Tông, Long An năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đánh hạ thành Nhật Nam bắt Thái thú Cảnh Nguyên, lại xâm lược Cửu Chân, bắt Thái thú Tào Bính rồi đem quân xâm lược Giao Châu. Đỗ Viện <15b> sai Đốc hộ Đặng Dật đánh tan.

Đinh Mùi [407] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 3), vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt xâm lược Nhật Nam giết quan Trưởng sứ Đỗ Viện sai Hải La, Đốc hộ là Nguyễn Phí đánh, giết được rất nhiều (Hồ Đạt là con của Phật, có bản chép là cháu của Phật).

Tân Hợi [411] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 7), mùa hạ, tháng 6, Thủ sứ Giao Châu là Đỗ Tuệ Đô đánh tan Lô Tuần ở Long Biên. Trước đây Thủ sứ Quảng Châu nhà Tấn là Lô Tuần làm phản bi tướng của Lưu Dụ là Lưu Phiên đánh bại, chạy về Giao Châu. Khi ấy là tháng 6. Thủ sứ trước là Đỗ Viện chết, vua Tấn cho con của Viện là Tuệ Đô thay làm thủ sứ, chiếu thư chưa đến, Tuần đã đánh Hợp Phố đi thẳng tới Giao Châu. Tuệ Đô đem vạn vòi 6 nghìn người đánh tan quân Tuần ở Thach Kỳ. Quân của Tuần vẫn còn 2 nghìn. Con cháu Lý Tốn là bọn Lý Dịch, Lý Di, Lý Thoát cấu kết với dân Lái Lão thành đồi ngũ. Tuần sai sứ vời, bọn Dịch nhận mệnh lệnh của Tuần, họ đem quân tiếp ứng với Tuần. Tháng 6, Tuần đến bến Long Biên. Tuệ Đô bỏ hết gia tài chia thưởng quân sĩ, đánh nhau với Tuần. Ném đuốc đuôi trĩ đốt thuyền của Tuần rồi lấy bộ binh từ hai bờ bắn lai. Thuyền của Tuần <16a> bốc cháy hết. Tuần bị trúng tên nhảy xuống nước chết. [Tuệ Đô] chém xác Tuần và cha Tuần là Dã cùng hai con là Hưng, Thoát đem đầu về Kiến Khang.

Quý Sửu [413] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 9), mùa xuân, tháng 2, Phạm Hồ Đạt nước Lâm Ấp vào cướp Cửu Chân. Tuệ Đô đánh tan được, chém bọn Túc Giao Long, Vương Nhân Tri và tướng của Đạt là Phạm Kiện. Bắt sống con của Đạt là Túc Na Năng và hơn 100 người (Hồ Đạt có bản chép là Tu Đạt. Sử cũ chép là năm ấy Tu Đạt cướp Cửu Chân. Tuệ Đô chém được. Kẻ bị chém là con của Tu Đạt chứ không phải Tu Đạt. Sử nước Tấn chưa biết rõ. Sử cũ vẫn theo. Nay cải chính).

¹ Xem Tấn thư quyển 10 Nam Man truyện.

Át Mão [415] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 11), mùa đông, tháng 12, Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu bị tướng của Giao Châu đánh tan.

Canh Thân [420] (Tấn Cung Đế Đức Văn, Nguyên Hy năm thứ 2, năm ấy nhà Tấn mất, Tống Vũ Đế Vĩnh Sơ năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, Tuệ Độ đánh tan Lâm Ấp, giết chết quá nửa. Lâm Ấp xin hàng, Độ cho. Những người bị bắt đều sai vể, ai nộp voi lớn vàng bạc, dồi mồi cổ thì được tha. Lệnh cho Trưởng sử Giang Du <16b> dâng biểu mừng tin chiến thắng. Tuệ Độ ở châu mặc áo vải ăn cơm rau, cẩm thờ nhảm, sửa trường học. Năm đó kén lấy lộc riêng để chẩn cấp cho dân. Làm việc chu đáo, công cúng như tu. Dân sợ nhưng yêu mến ông. Cửa thành đêm vẫn mở, ngoài đường không một ai nhặt của rơi. Đến lúc chết được phong tặng là Tà tướng quân, cho con trưởng là Hoàng Văn làm thủ sử. Trước kia Tống Vũ Đế di đánh Phương Bắc, Tuệ Độ tiến cử Hoàng Văn làm Thái thú Cửu Chân. Nay Văn lại kế nhậm chức của cha, cũng hoà nhã rộng rãi, được lòng dân chúng, được nối tước Long Biên hầu. (Xét thấy vua Lâm Ấp, là Phạm Tu Đạt chết, con là Dịch Chân nối ngôi. Dịch Chân bỏ nước sang nước Thiên Trúc. Em là Dịch Khải lên thay. đại thần nước ấy là Phạm Chu Nông tự lập làm vua. Chu Nông chết, con là Dương Mại lên thay. Lâm Ấp bị đánh năm ấy chưa rõ là năm nào, cho nên chép cả).

Dinh Mão [427] (Tống Văn Đế Nghĩa Long, Nguyên Gia năm thứ 4), mùa hạ, tháng 4, vua Tống cho Hoàng Văn làm đình uý, cho Vương Huy làm thủ sứ. Lúc đó Hoàng Văn bị ốm tự ngồi xe đi. Có người khuyên là đợi khỏi bệnh, Hoàng Văn nói: "Ta cầm cờ tiết đã 3 đời, hàng muôn dem thân lạy trước sân nhà vua, huống chi nay lại được vời vè". Nói xong quyết đi <17a> và bị mất ở Quảng Châu.

Tân Mùi [431] (Tống Nguyên Gia năm thứ 8), Lâm Ấp vào xâm chiếm. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại đem hơn 100 lâu thuyền đến đánh Cửu Chân. Vào cửa sông Tú Hội (tên huyện thuộc Quảng Châu). Thủ sứ Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Tướng Đạo Sinh đem quân đi đánh. Dánh vào thành Khu Túc⁽¹⁾ không được, lại đem quân về. Trước kia, từ sau khi Thủ sứ châu là Đỗ Viện mất, Lâm Ấp không năm nào là không tới cướp phá các quận Nhật Nam, Cửu Đức giết hại nhiều người. Giao Châu bị suy yếu. Đầu năm Nguyên Gia [424], Dương Mại xâm lấn càng dữ, Đỗ Hoàng Văn, Kiến Nha định đi đánh nhưng nghe tin có người sang thay nên lại thôi. Đến khi ấy lại đem quân cả nước sang cướp phá. Hai biên giới lại sinh chuyện. (Sử cũ chép: "Dương Mại cướp phá Cửu Chân, quân ở châu đánh đuổi được" là sai với sự thực. Xét ra vua Lâm Ấp là Dương Mại chết trong năm Vĩnh Sơ [420] thời Tống, con là Đốt cướp ngôi của cha lại xưng là Dương Mại. Năm ấy kẻ đến cướp phá là Dương Mại con chứ không phải là Dương Mại cha. Cho nên chép đủ để thấy được từng đời của bọn chúa Di. Trước kia khi mẹ mới sinh Dương Mại cha, bà mơ thấy có người đặt vàng lên chiếu cạnh đứa con. Người Di thường gọi vàng là Dương Mại. Cho nên lấy chữ đó để đặt tên).

<17b> Quý Dậu [433] (Tống Nguyên Gia năm thứ 10), mùa hạ, tháng 5, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống ban chiếu trả lời là vì đường xa không cho. Năm ấy vua Tống cho Hữu tham quân Lý Tú Chi làm Thủ sứ Giao Châu.

1. Thành Khu Túc: Đầu vết thành cũ này còn ở làng Cao Lao Hạ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: *Dù như Bôn, Dục* ⁽¹⁾, *lúc non trẻ cũng không chống nổi người gầy còm dã trướng thành. Lâm Ấp thừa lúc nước ta không có vua bèn cướp phá Nhật Nam, Cửu Chân mà xin thống lính. Há phải lúc đó nước ta không chống được với Lâm Ấp đâu. Chỉ vì không có người đứng ra thống lính mà thôi. Thời không suy mãi mà phải có lúc thịnh; thế không khuất mãi mà phải có khi vươn.*

<18a> Giáp Tuất [434] (Tống Nguyên Gia năm thứ 11), vua Tống cho Thái thú Giao Chỉ là Lý Cảnh Chi làm Thủ sứ Giao Châu.

Ất Hợi [435] (Tống Nguyên Gia năm thứ 12), vua Tống cho Hữu quân hành tham quân Tuần Dao Phúc làm Thủ sứ Giao Châu.

Bính Tý [436] (Tống Nguyên Gia năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, vua Tống cho Đàm Hoà Chi làm Thủ sứ Giao Châu, đánh thắng nước Lâm Ấp. Đầu năm Nguyên Gia, vua Lâm Ấp là Dương Mai tuy có công chút ít, nhưng vẫn không ngừng cướp bóc. Hơn nữa đồ công tiến cũng đơn bạc. Vua Tống cũng bức về sự ngạo nghẽ của nó, bèn sai Hoà Chi sang đánh. Lúc đó người Nam Dương là Tông Xác, mẩy dời theo Nho học. Riêng Xác rất thích việc võ, ông thường nói: "Tôi chỉ muốn cưỡi lường gió to mà phá tan muôn dặm sóng". Đến khi ấy hàng hái xin tòng quân, được bổ chức Chấn vũ tướng quân, làm Quận phó cho An Tây Tham quân Tiêu Cảnh Hiến. Hoà Chi sai Xác làm quân tiền phong. Dương Mai nghe tin xuất quân, bèn sai sứ dâng biểu xin trả lại những người dân Nhật Nam bị bắt trước và nộp 1 vạn cân vàng, 10 vạn cân bạc <18b>. Vua Tống ban chiếu cho Hoà Chi "Nếu Dương Mai thực có lòng thành thi cho quy thuận". Song vì Dương Mai mê hoặc lời can của đại thần là Độc Tăng Đạt nên lại thôi. Hoà Chi đến đồn thú Chu Phẫu (chữ Phẫu (黝) có bản chép là chữ ngô (吳)). Huyện Chu Phẫu từ thời Hán tới nay thuộc quận Nhật Nam. Lúc ấy đóng đồn thú ở đây. Giao Châu ký chép: "Dân nơi ấy dựa vào vùng biển không ăn gạo, chỉ nhờ vào cá", sai bọn Hộ tào tham quân thuộc phủ là Khương Trọng Cơ (phủ là phủ thứ sử Giao Châu) đến đọc ân chỉ của vua. Dương Mai bất rồi sai đại sứ là Phạm Phù Long đưa lên đóng quân ở biên giới phía bắc. Hoà Chi giận, bon Cảnh Hiến bèn tiến quân bao vây Phù Long ở thành Khu Túc. Dương Mai sai tướng của hắn là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu. Hoà Chi cho đạo quân nhỏ ra chống lại, bị giặc đánh thua, bèn sai Xác ngầm đem quân đón đánh tan quân Sa Đạt. Tháng 5, bọn Hoà Chi hạ được thành Khu Túc, chém Phù Long, thừa thắng kéo vào Tượng Phố. Dương Mai dốc lực lượng cả nước ra đánh, trang bị đầy đủ cho voi, ủn ủn kéo đến. Xác nói: "Ta nghe nói nước ngoài có sư tử uy phục được trăm thú dữ", bèn chế hình sư tử để chống <19a> với voi. Quả nhiên voi sợ bỏ chạy. Quân Lâm Ấp đại bại. Hoà Chi lấy được Lâm Ấp. Dương Mai và con chạy thoát. Hoà Chi thu được nhiều của quý lạ chưa từng có, lại phá người vắng lấy được mẩy chục cân. Tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiền ⁽²⁾ đúc tượng người

1. Bôn, Dục : Bôn là Mạnh Bôn một lực sĩ nhà Tân thời Chiến Quốc. Dục là Hạ Dục là lực sĩ của thời Chu

2. Ni Kiền . Phái tu hành từ cổ xưa ở Ấn Độ, phái này không mặc quần áo, họ cho rằng mặc quần áo là bị ràng buộc.

bằng vàng bạc, to đến 10 ôm. Xác không lấy một thứ gì. Ngày về nhà áo quần khán lược nhẹ tênh. Hoà Chi vì có công được phong tước Văn Xã Huyện tử (năm Hiếu Kiến thứ 3, Hòa Chi chuyển làm Thủ sứ Châu Duyên, can tội say rượu, lạm dụng của cải bị bãi quan. Lúc ốm, ông thấy mình bị thần rợ Hô về hành hạ, rồi chết).

Sử thần Ngõ Sí Liên bàn: Người có tài hữu dụng thì không thể không đem ra thi thoả, há phải cầu nệ ở thói dời sao? Chỉ có cách lập chí khác nhau thôi! Kẻ lập chí về đức thì công danh không dù để động lòng họ. Kẻ lập chí về công danh thì giàu sang không dù để động tâm họ. Chí của Tống Xác là chí về công danh dó chăng? Ngày về nhà, của cải một chút cũng không hề lấy. Đó thực là giàu sang không dù để động lòng vạy. So với người lập chí về đạo đức <19b> có nhiên là không thể kịp. Nhưng so với kẻ lập chí về giàu sang thì hạng này là kém dấy.

Dinh Sửu [437] (Tống Nguyên Gia năm thứ 14), vua Tống cho Thượng thư Kim bộ lang là Từ Kim Chi làm Thủ sứ Giao Châu (sử cũ chú năm ấy Dàn Hoà Chi bỏ quan về là không đúng sự thực nay bỏ đi).

Bính Tuất [446] (Tống Nguyên Gia năm thứ 23), vua Tống cho Long Nhương tư mã là Tiêu Cảnh Hiển làm Thủ sứ Giao Châu.

Bính Thân [457] (Tống Hiếu Vũ Đế, Hiếu Kiến năm thứ 3) vua Tống cho Bắc Quân trung lang là Phí Yêm làm Thủ sứ Giao Châu.

Ất Ty [465] (Tống Phế Đế Cảnh Hoà năm thứ 1), vua Tống cho Hậu quân tư mã là Lưu Mục làm Thủ sứ Giao Châu.

Mậu Thân [468] (Tống Minh Đế, Lưu Úc Thái Thuỷ năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, Thủ sứ Lưu Mục ốm chết. Người ở châu là Lý Trường Nhân giết bộ thuộc của châu mục đưa từ Phương Bắc sang, chiếm châu làm phản tự xưng thủ sứ.

Mùa thu, tháng 8, vua Tống cho tướng ở Nam Khang là Lưu Bột sang làm thủ sứ. Bột sang bị Trường Nhân <20a> chống lại, chẳng bao lâu Bột chết. Tháng 11 Trường Nhân sai sứ sang xin hàng, tư biếm làm hành châu sự ¹¹, vua chấp thuận.

Kỷ Mùi [479] (Tống Thuận Đế Tiêu Dao Thắng Minh năm thứ 3, Tè Cao Đế, Chuẩn Thành Kiến Nguyên năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, vua Tè cho Lý Thúc Hiển làm Thủ sứ Giao Châu. Thúc Hiển là em họ Trường Nhân. Khi Trường Nhân mới chết, Thúc Hiển tạm làm thái thú ở quận Vũ Bình thay lãnh việc ở châu, không chịu thi hành lệnh, sai sứ xin vua Tống cho làm thủ sứ. Vua Tống cho Trần Hoán, Thái thú Nam Hải làm thủ sứ; Thúc Hiển làm Tư mã quận Ninh Viễn và Thái thú hai quận Vũ Bình, Tân Xương. Thúc Hiển đã nhận mệnh, thu phục được lòng người bèn đưa quân giữ nơi hiểm yếu không nạp cho Hoán. Hoán ở Uất Lâm rồi chết. Thúc Hiển lên làm thủ sứ, phủ dụ đất An Nam. Năm này nhà Tống mất.

Ất Sửu [485] (Tè Vĩnh Minh năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, vua Tè cho Đại tư nông Lưu Khải làm thủ sứ <20b> cho quân ở Nam Khang, Lư Lăng, Thuỷ Hưng đi đánh

11. Hành châu sứ : Người làm việc ở châu

Lý Thúc Hiến. Lúc đầu Thúc Hiến đã nhận mệnh nhưng lại cát việc công nạp vì thê nên bị đánh. Thúc Hiến sai sứ sang xin bãi binh. Thúc Hiến dâng 20 bộ đầu mâu bằng bạc và lông chim công (lông chim công dùng để trang sức), vua Tề không nhận. Thúc Hiến sợ Khải đánh úp bèn di tản từ Tương Châu vào châu Khải vào trấn.

Sử thần Ngô Sí bàn: Người Tề thế là mạt hình luật rồi! Thúc Hiến với tinh thần nơi xa xôi được nhậm chức ở châu. Không chịu thi hành mệnh lệnh, xin làm thủ sứ ở Trung Quốc, được vào châu lại quay sang đánh thủ sứ cũ ở Uất Lâm. Vua Tề phải chống lại, đã được trao chức thủ sứ thất sự, quyền chức được tăng lại cát dứt công nạp. Đến khi Lưu Khải nhận lệnh đánh, vua biết Hiến di dường tắt vào châu, thê mà không thấy có hình phạt chính đốn. Sự tích Đặng Chi cũng y như vậy. Như thế thi làm sao thu phục được lòng người, soi sáng được quốc thể?

<21a> Mâu Thìn [488] (Tề Vĩnh Minh năm thứ 6), vua Tề cho Thái thú Thuỷ Hưng là Phòng Pháp Thừa làm Thủ sứ Giao Châu.

Canh Ngọ [490] (Tề Vĩnh Minh năm thứ 8), mùa đông, tháng 10, Trưởng lại ở châu là Phục Dang Chi bắt Thủ sứ Phòng Pháp Thừa, vua Tề cho Dang Chi làm thủ sứ. Pháp Thừa chuyên thích đọc sách, ốm đau không làm việc, do đó Trưởng lại Kiến Vũ là Phục Dang Chi chuyên quyền, thay đổi tướng lại cũng không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Tẩu Văn bẩm trình, Pháp Thừa cả giận bắt Dang Chi giam vào ngục. Được hơn chục ngày, Dang Chi hối lộ em rể Pháp Thừa là Thôi Cảnh Thúc nên lại được tha. Nhận đó lại tập hợp bộ hạ ở châu bắt Pháp Thừa và nói: "Ông ốm yếu không nên làm việc cho mệt", rồi giam Pháp Thừa ở một nhà khác. Pháp Thừa không biết làm gì lại đến xin Dang Chi cho đọc sách. Dang Chi nói: "Ông tĩnh dưỡng một nơi còn sợ ốm, làm sao mà đọc sách được" rồi không cho và còn tâu lên là Pháp Thừa <21b> bệnh tâm không thể làm việc được. Tháng 11, vua Tề cho Dang Chi làm thủ sứ. Pháp Thừa về đến Ngũ Linh thì chết.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Phòng Pháp Thừa ham đọc sách bỏ việc, đến nói để trưởng lại chuyên quyền, thay đổi tướng lại là tai lối nghiên sách đấy. Đến lúc bắt giam ngục để trả tội là đã sửa sai rồi. Đến khi nghe theo lời van nài mà bỏ mặc không hỏi dến nữa thi lại phạm tội to quá, bị phản lại là đáng lý, may mà không chết đấy. Cho nên đại phàm làm việc không giữ ở mức trung, chưa bao giờ lại không tai hại.

Nhâm Ngọ [502] (Lương Vũ Đế Tiêu Diển, Thiên Giám năm thứ 1), năm này nhà Tề mất Nhà Lương cho Lý Nguyên Khải làm Thủ sứ Giao Châu.

Ất Dậu [505] (Lương Thiên Giám năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, Thủ sứ Giao Châu là Lý Nguyên Khải chiếm giữ châu làm phản. Trưởng lại Lý Tắc <22a> dẹp được, vua vẫn phải tha tội Giao Châu. Lúc đầu Khải thay Dang Chi làm thủ sứ, tướng ràng nhà Lương nhân ngôi của Tề, án uy chưa có, nên nhân đó giữ châu làm phản. Đến đây Tắc đem tống binh đánh, giết được Chi. Nhà Lương cho Tắc làm thủ sứ.

Bính Thân [516] (Lương Thiên Giám năm thứ 15), mùa đông, tháng 11, chém Nguyễn Tông Hiếu làm phản, hôi đâu về Kiến Khang Châu lại bình yên. Nhà Lương tha tội cho Giao Châu.

Quý Mão [523] (Lương Phổ Thông năm thứ 4), nhà Lương chia Giao Châu đặt Ái Châu (xét ra từ thời Hán tới nay, lấy châu lanh quận, lục triều vẫn theo như thế. Đại khái gọi là Giao Châu là để nhậm chức thứ sử. Các quận thú thống lĩnh 7 quận không được gọi là châu. Sách vở cũ không nghiên cứu vấn đề này cho nên Thái thú Giao Chỉ đại khái chép là Giao Châu. Vì thế phải cải chính. Như thế may ra mới còn lại được chế độ chia châu đặt quận).

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Đọc sứ đến đây thát đáng cảm khái sâu sắc. Ôi! Đạo ở đời một lần biến cung đãi đáng than thở rồi. Đạo trời một lần biến lớn thế sao? Có lẽ tự trời đã định vị <22b> nam bắc khác nhau, chứ đâu phải chỉ do ngôn ngữ không thông, ham muốn không giống nhau, núi sông ngăn cách, phong khí trở ngại. Những điều không hợp được mà cố hợp lai làm thành thể thống nhất tất phải chống lại lẽ thường; hợp lại một cách cưỡng ép, tất sinh biến. Cũng như thời Nhị Đế Tam Vương, đạo đức giáo hóa hợp. Nisi nào muốn được cùng thanh giáo thì đến, nơi nào không muốn thi không ép. Thời Tần, Hán đạo đức suy kiệt, bên trong trống rỗng, ngoài thi tham lam, làm việc ở 9 quận lục được lúc mất, quân lính mệt mỏi, kho thằng trống rỗng. Như thế có thôn tính cũng vô ích, điều này rất nghiệm. Đến cuối đời, Đông Hán đang bị Tam Quốc cát cứ; Lương Tần bị Ngũ Triệu quấy nhiễu; Ngũ Đại đã hàng, tội tớ tan rã, bản thân không tranh chấp nhưng lại mưu tính cho người. Quận huyện được đặt ra, thủ mục được sắp xếp, những thứ cần thu như vỏ sò, hạt minh châu, lông chim công, chim trả, sừng tê ngà voi đều là những vật vô ích <23a>, trút đầy túi bọn quan lại. Khi có việc khẩn cần cần đến tướng sĩ chạy hàng vạn dặm gian nan vất vả, đem vàng lụa lấp nơi hải ngoại, để quân lính phải mệt nhọc chờ của đường xa. Đạo trời quay tròn, đánh nước người ta tất người ta sẽ đánh nước mình. Vài đời như vậy có ích lợi gì? Ngạn ngữ có câu: "Đất rộng lăm tát bỏ hoang, đức rộng sê mạnh". Những người cầm đầu thiên hạ, cầm đầu quốc gia, phải biết giới hạn địa phận của mình, phải cho có đức. Những gì mình không muốn, đừng bắt người khác phải làm. Như thế dân Nam Bắc mới yên ổn vô sự với nhau, không bị sai lầm mà hám điều to lớn, như vậy mới tốt đẹp được.*

Trên là kỷ thuộc Ngô, Tấn, Tông, Tế, Lương bát đầu năm Canh Dần [210] (Hán Kiến An năm thứ 15, Ngô Hoàng Vũ năm thứ nhất), kết thúc năm Canh Thân [540] (Lương Đại Đồng năm thứ 6), tổng cộng là 330 năm⁽¹⁾.

<23b> Thông luận của sứ thần Ngô Thị Sū: *Nước An Nam ta ở vùng biển, vàng bạc, châu báu, ngọc ngà, lông chim, da thú quý, không gì không có, đất đai màu mỡ, tục dân rất nhu mì, chậm chạp. Người Phương Bắc cho đất này là nơi chướng khí, dân ở đây là những người ngu, người đáng ngờ, xảo trá. Thực ra chỉ là những lời nói thêm lên chứ không phải là việc đáng bàn. Ý của họ là lợi cho việc làm giàu, cái may cho họ là ta yếu. Lúc bấy giờ chưa có anh hùng nổi lên, cho nên từ Triệu Vũ kiềm tinh được đất đai, các đời sau theo đó mà chia thành quận huyện. Giả sử cần cõi như đất Nguy, bướng binh hung hàn như tục Tần thi*

1. Nguyễn bàn chép là 323 năm.

kẻ chiếm được cũng khó mà cày chǎn nuôi, kẻ trông thấy cũng chẳng dám dòm ngó. Từng thấy Sĩ Nhiếp theo lệnh nhà Ngô đến lâm thái thú, dân dân giữ biên giới, để có chỗ tin; Tôn Quyền cho thủ sứ chế ngự, mà không lo bị chuyên quyền ư? Nhiếp chết, Huy chuyên quyền rồi cuối cùng vẫn bị diệt vong. Huy sang cầu cứu nhà Ngô nhưng về thế cũng không thể đánh úp Long Biên <24a> mà đòi đòi phải giữ ở bang. Từ đó về sau quan thú mục phải thay đổi luôn. Làm điều cần rõ, bùa bài, sai dịch nhiều, dân không chịu nổi. Bên trong nước Ngô nước Ngụy tranh giành, bên ngoài thì Đạt, Mai cướp phá; từ trường đất Quảng và giặc Thục không ngày nào không gây sự; Nhật Nam, Quảng Đức, chǎng năm nào không lấy quǎn. Dân ta khôn khổ vì nghèo túng, tiêu tuỵ vì chiến tranh, chưa bao giờ thâm tệ đến như vậy! Mặc dù cũng có lúc làm phản rồi lập tức lại bị diệt, người Phương Bắc vui vì thấy ta dễ trị, rốt cuộc không chịu buông tha. Đọc sách thấy ghi: Tháng tứ năm Thái Thuỷ thứ 5, Tấn Vũ Đế tha hình phạt 5 năm cho Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Đến thời Lương Vũ Đế chỉ có hai lần xá cho Giao Châu mà thôi. Ngoài án xá này ra không thấy nói nữa. Có lẽ vì khinh dân ta là Man Di, thực ý không coi ta là bên trong, chỉ để tâm vào mồi lợi. Chẳng phải là đất không ở được, dân không sai khiến được mà liệt vào làm huyện <24b>. Khô đến như vậy. Kinh Dịch có cái lý hội thông là tất nhiên. Do đó có câu thần ngôn: "Non sông nước Nam vua nước Nam ở" không sai, đao trời không trái. Người năm quyền hành trong nước phải biết cẩn thận từ cây cối, cây dâu thi lụa vải sẽ đầy nhà. Làm vua của nước coi dân như con, vận không hết được, hưng thịnh lâu phải điều to lớn. Người Minh có câu: "Giữ khoảng trời non xanh nước biếc, tất phải có vị áo vàng xung "trầm". Trời sinh ra các nước, há chǎng phải do Thượng Hoàng sắp đặt? Làm gì phải giàn dữ việc đã rồi, mà không cố gắng tự cường?

HỆT QUYỀN IV NGOẠI KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYẾN V

<1a>

KÝ TIỀN LÝ

LÝ NAM ĐẾ

(Vua họ Lý, huý là Bôn, người Long Hưng, Thái Bình⁽¹⁾. Tổ tiên là người Phương Bắc. Cuối thời Tây Hán cực khổ vì chiến tranh, lánh nạn sang ở đất Nam. Đến đời thứ 7 thành người Phương Nam. Vua đuổi được thái thú Phương Bắc, dẹp xong Lâm Ấp bèn xưng là Nam Đế, ở ngôi được 8 năm, mất ở động Khuất Liêu⁽²⁾ không rõ tuổi tho. Vua chán ghét loạn lạc, thời nội thuộc, dấy nghĩa binh đánh đuổi Tiêu Tư phá tan Lâm Ấp, dựng nước đổi niên hiệu, đúng là bắc hào kiệt một thời. Nhưng ván trời không thuận, bị Trần Bá Tiên đánh bại, ốm mà chết, không làm nên việc lớn, thật tiếc thay).

Tân Dậu năm thứ 1 [541] (Lương Đại Đồng năm thứ 7), vua khởi binh, thủ sứ Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư trốn về nước. Vua là con nhà hào tộc, có tài văn võ, làm quan với nhà Lương, bất đắc chí bỏ về Thái Bình. Lúc đó thủ sứ Giao Châu là Tiêu Tư, vì hả khắc tàn bạo nên mất lòng dân. Vua mưu khởi binh đánh đuổi. [Bấy giờ] có Tinh Thiều là người giỏi văn chương, sang nhà Lương ứng tuyển, xin làm quan. Thương thư bộ Lại nhà Lương là Sái Tôn cho rằng Tinh Thiều <1b> không phải là dòng dõi quan lại, nên chỉ cho làm chức Quản dương môn lang. Thiều lấy làm nhục, bỏ về làng, theo vua khởi nghĩa.

Vua lúc bấy giờ làm chức Giảng Quán ở châu Cửu Đức⁽³⁾, nhân đó liên kết với mấy châu ở gần. Những bắc hào kiệt đều hưởng ứng. Có người tù trưởng ở Chu Diên là Triệu Túc, phục tài đức của vua, đem quân theo vua đầu tiên. Tiêu Tư biết được tin đem của cải nộp cho vua, rồi chạy về Quảng Châu (có bản chép là Việt Châu). Vua ra giữ thành của châu (tức thành Long Biên).

1. Long Hưng: Trước là hương Da Cương. Mộ tổ nhà Trần táng ở do nên đổi là Long Hưng, nay là địa phận Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Bình.

2. Dời truyền rằng động Khuất Liêu, chỗ Lý Bôn rút lui, là chỗ làng Dao Xá, huyện Tam Nông, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện ở đây còn có đền thờ Lý Bôn.

3. Cửu Đức: Tên đất, Nhà Ngô đặt làm quận thống lĩnh 8 huyện. Thời Trần, Tống, Tề vẫn theo như cũ. Nhà Lương đổi làm huyện Cửu Đức thuộc vào quận Nhật Nam. Nhà Đường đổi thuộc Hoan Châu.

Nhâm Tuất, năm thứ 2 [542] (Lương Đại Đồng năm thứ 8), mùa đông, tháng 12, vua nhà Lương sai Lô Tử Hùng và Tôn Quýnh sang xâm lấn Bấy giờ là mùa xuân, khí độc đang bốc lên. Tử Hùng xin đợi đến mùa thu sẽ di đánh. Thủ sứ Quảng Châu là Tân Du hầu Tiêu Ánh không cho. Vũ Lâm hầu là Tư, lại thúc giục. Tử Hùng bất đắc dĩ đành phải đi. Đến Hợp Phố, mươi phân chết tới sáu bảy, quân tan vỡ phải quay về. Tư tâu với vua Lương rằng: "Tử Hùng và Quýnh thông đồng với xứ ngoài, dùng dằng không chịu tiến quân". Vua Lương bắt họ đều phải tự tử ở Quảng Châu.

<2a> Quý Hợi, năm thứ 3 [543] (Lương Đại Đồng năm thứ 9), mùa hạ, tháng 4, vua Lâm Ấp cướp phá quân Nhật Nam (có bản chép là Đức Châu). Vua sai tướng là Phạm Tu pha tan giặc ở Cửu Đức. Vua Lâm Ấp thua chạy (nhà Lương đổi Nhật Nam làm Đức Châu). Xét các đời vua nước Lâm Ấp thì thấy từ thời Tống Nguyên Đế năm Nguyên Gia trở về sau là Dương Mai; thời Hiếu Vũ Đế, trong những năm Kiến Nguyên, Dai Minh là Phạm Thành Thành; thời Tê năm Vĩnh Minh là Phạm Văn Tân; thời Lương năm Thiên Giam là Thiên Khải, được ít lâu Thiên Khải mất, con là Bật Nhuế Bạt Ma lén ngôi; năm Phổ Thông thứ 7 [527], vua là Cao Tuất Tháng Khải Trung, năm Đại Thông, quyền vua Lâm Ấp là Cao Tuất Luật Thi La Bạt Ma; đến thời Tùy vua là Phạm Phàn Chí; thời Đường nam Trinh Quan vua là Đầu Lê. Từ nhà Lương đến nhà Tùy đổi mấy đời vua, sau đó mới có Phạm Phàn Chí. Năm Lâm Ấp vào cướp phá Nhật Nam, cũng chưa rõ là vua nào. Ngõ Si Liên cho là Phàn Chí là không đúng).

Giáp Tý Thiên Đức năm thứ 1 [544] (Lương Đại Đồng năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, vua nhân đánh thắng địch bèn tự xưng là Nam Việt Đế. Vua lên ngôi, đổi niên hiệu, đặt ra trạm quan. Đặt quốc hiệu Van Xuân là mong muốn xâ tác truyền được đến muôn đời vậy. Vua xây điện Van Tho¹ để làm nơi triều hội, lấy Triệu Túc làm Thái phó. Các ông Tịnh Thiệu, Phạm Tu đều được bổ làm tướng văn tướng võ. Vua nhà Lương sai Tả vệ tướng quân di đánh dep. **<2b>** qua được Ngũ Linh thì ốm chết.

Ất Sửu năm thứ 2 [545] (Lương Đại Đồng năm thứ 11), mùa hạ, tháng 6, nhà Lương cho Dương Phiếu làm Thủ sứ Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, sai đem quân sang xâm lấn. Lại sai Thủ sứ Giao Châu (có bản chép là Quảng Châu) là Tiêu Bột hội với Phiếu ở Giang Tây. Bột biết là quân sĩ sợ di đánh xa, vì thế nói dối, để giữ Phiếu ở lại. Phiếu tập họp các tướng lai để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói: "Giao Châu làm phản, tội là do người trong tôn thất để cho [giặc cướp] gây biến loạn ở mảnh châu mà trốn tránh tội chết hàng mẩy nam nay, [Thủ sứ] Giao Châu thì chỉ muốn tạm yên trước mắt, không nghĩ đến kế lớn. Dã nhận mệnh di đánh kẻ có tội, sống chết cũng vì việc đó, há lại có thể dùng dằng không tiến, để đợi giặc mạnh lên cản trở quân ta hay sao?". Thế rồi Bá Tiên dẫn quân di trước. Phiếu lấy Bá Tiên làm quân tiên phong. Khi đến Giao Châu vua đem 3 vạn quân chống lại, bị thua ở Chu Diên, quân về đến sông Tô Lịch lại thua to. Vua chạy về thành Gia Ninh (Gia Ninh xưa thuộc quận Giao Chỉ, thời Đường Vũ Đức năm thứ 4 [622] mới thuộc Phong Châu), quân nhà Lương đuổi theo bao vây.

1. CM chép vậy điện Van Xuân, có lẽ dung hơn. Trong Thiên Bình hoan vũ ký của Nhạc sử có chép rằng huyền Long Biển có dài Van Xuân. Đại nay do Lý Bôn ở Giao Chỉ xây năm Đại Đồng nhà Lương, ở Thành Trì Hà nội có hồ Van Xuân.

<3a> Bính Dần năm thứ 3 [546] (Lương Trung Đại Đồng năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, bọn Dương Phiếu đánh hạ thành Gia Ninh. Vua chạy vào đất người Liêu ở Tân Xương (tên huyện thuộc Phong Châu). Quân Lương đóng ở cửa sông Gia Ninh. Mùa thu, tháng 8, vua lại đem 2 vạn người từ trong vùng dân tộc Liêu ra đóng ở hồ Diết Triết⁽¹⁾, đóng rất nhiều thuyền, đậu chật cả trong hồ. Quân Lương sợ, dừng lại ở cửa hồ không dám tiến. Bá Tiên nói với các tướng rằng: "Quân ta ở lâu không có quân tiếp viện, đi sâu vào đất người, nếu như một trận mà không thắng thì còn mong gì sống. Nay nhâm lục dịch thua chạy, lòng người chưa cố kết, chính là lúc cần phải bỏ hết sức ra liều chết mà giành lấy, không thể vì có gì đó mà ngừng lại, thời cơ sẽ qua mất". Các tướng không ai hưởng ứng. Dêm hôm ấy, nước sông lên to tới 7 thước, chảy như trút vào trong hồ. Bá Tiên đem bộ thuộc của mình theo dòng nước tiến lên trước. Quân Lương đánh trống reo hò tiến theo. Vua vốn không chuẩn bị do đó bị tan vỡ, lui giữ động Khuất Liêu để sửa soạn lực lượng đánh lại. Vua giao cho đại tướng là Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều quân đánh Bá Tiên.

<3b> Dinh Mão, năm thứ 4 [547] (Lương Thái Thanh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một nhật thực. Triệu Quang Phục cầm cự với Trần Bá Tiên chưa phân thắng bại, quân của Bá Tiên rất đông. Quang Phục liệu thế không chống nổi, bèn rút về giữ đầm Dạ Trạch. Đầm này ở Chu Diên, chu vi không biết bao nhiêu dặm, cỏ cây um tùm bụi rậm che kín, bên trong có nền đất có thể ở được. Bốn bờ bùn lầy, sâu trùng, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhỏ, chống sào lướt trên cỏ nước thì mới đến được, nếu không quen lối thì sẽ bị lạc, không biết nơi nào mà lẩn, nhô ra rơi xuống nước thì bị rán rết cán chết.

Quang Phục có 2 vạn quân đóng ở trong đầm, ban ngày mất hút không một vết khói, một bóng người, ban đêm thì cho quân ra đánh bất ngờ vào doanh trại giết được rất nhiều quân Lương, rồi dùng lương thực thu được để làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên lén đánh, cuối cùng cũng không thắng được. Người trong nước gọi ông là Dạ Trach Vương. (Người đời truyền rằng, thời Hùng Vương, con gái vua là Tiên Dung Mị Nương ra chơi cửa biển, thuyền về đến bãi làng nhà họ Chủ, nàng đi bộ trên bãi, gặp Chủ Đồng Tử cởi trần truồng nấp sẵn trong bụi lau. Nàng tự cho là có nhân duyên từ kiếp trước <4a> bèn kết làm vợ chồng. Vua vẫn hỏi, nàng sợ phải tội, bèn trốn lên ở bên bờ. Chỗ nàng ở tự nhiên biến thành nơi đô hội. Vua giận bèn cho quân đến đánh. Đồng Tử và Tiên Dung sợ hãi chờ tội. Bỗng nửa đêm, mưa to gió lớn kéo đến, bốc cát nhà cửa, người, gà, chó bay lên trời, chỉ còn tro lại nền đất không. Từ đó người ta gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, đầm ấy là đầm Nhất Dạ⁽²⁾. Nay vẫn giữ tên cũ. Theo Linh Nam chích quái).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét thời Nam Dé, Nam Bắc đánh nhau nhiều năm không ngót. Nam Dé tiếng là dựng nước, nhưng nhà Lương vẫn sai Thủ sứ đến cai trị châu ấy. Viên Đàm Hoàn bí mật gửi vàng về trả nợ và cho con trai bốn năm tràn lạng. Âu Dương Thịnh lấy nhiều trống đồng, súc vật dồi dội công hiến quý lạ, tích lai

1. Hồ Diết Triết ở huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay

2. Đầm Nhất Dạ: Còn gọi là đầm Dạ Trach. Đầm này là bãi Tự Nhiên (Mản Trù Châú), nay thuộc Chủ Xá huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

rất nhiều. Bon quan lại tham tàn di lại luôn luôn. Dân lúc bấy giờ hoặc phải chịu phục dịch nhà Lương, hoặc lê thuộc vào nhà Lý, thuế khoá nặng nề, bắt bớ phiên nhiễu. Quan thú mục dục khoét bóc lột, nạn binh lửa giày xéo đau thương. Khổ sở nhiều bể mà chẳng biết kêu ai. Người dân <4b> dồn hận sao không may mà gặp phải ván hói này!

Mâu Thìn, năm thứ 5 [548] (Tháng 4 trở về sau là Triệu Việt Vương, Quang Phục năm thứ 1; Lương Thái Thanh năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, Nam Đế mất ở động Khuất Liêu. (Sử cũ chép Nam Đế ở trong động Khuất Liêu lâu ngày nhiễm phai khí độc, bị bệnh rồi mất. Sử nhà Lương chép là vua ở trong động Khuất Liêu bị người trong động giết, cát tai dâng cho nhà Lương là nói khoác đấy).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Sách Bình pháp nói rằng 3 vạn quân đồng lòng chung sức thì thiên hạ không ai có thể địch nổi. Nay Lý Bon có 5 vạn quân mà không thể giữ được nước, vậy thì Lý Bon kém tài làm tướng chàng? Hay là vì quân mới tập hợp nên không thể chiến đấu được? Bon cũng là tướng bắc thường, khi gặp địch nghỉ mưu đánh thắng cũng không phải là không làm được. Thế mà cuối cùng bị 2 lần thất bại rồi mất, có lẽ vì không may gặp phải Trần Bá Tiên là tay giặc dùng binh chàng?

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Tiền Nam Đế khởi binh trừ kẻ霸道 ngược, dùng là thuận với lê trời <5a> nhưng cuối cùng đến nỗi bại vong, có lẽ trời chưa muốn cho nước ta được thái bình chàng? Than ôi! [Nam Đế] không những chỉ gặp phải Bá Tiên giỏi dụng binh mà còn gặp lúc nước sông dột ngọt dâng lên to để giúp cho thế giặc, chàng phải là tự trời đó sao?

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Tài dụng binh của Bá Tiên thì Lý Nam Đế cố nhiên không địch nổi. Thế nhưng do cái thế chủ khách khác nhau, thế quân vất và nhàn rồi khác nhau, và lại xưa quân sĩ Giang Nam lặn lội ở đất lam sơn chướng khí [nên đến nỗi như vậy]. Hãy xem việc Bá Tiên nhún nhường Hồ Dinh, khiến cho hắn theo phục dịch, dài ngộ rất hậu cho Bảo Đô, để khiến hắn tòng quân. Người trí si, kẻ dũng phu đều được dài ngộ. Buổi đầu xâm lược nước Nam, đem theo cả vợ con, đến khi ở lâu mà chưa hạ được, đến nỗi phải gửi vợ con theo tham quan của Tiêu Ánh là Thẩm Khác về quê, lúc nào cũng đau đớn lo sợ không thể thắng được. Lý Bon tuy kém về tài làm tướng, nhưng chàng lê đến nỗi phải bó tay chịu sự chế ngự, để 2 lần thất bại mà mất nước hay sao? Ý trời không giúp, cơ sự biến đổi <5b> không thường. Cứ xem câu sấm "nhật phụ mộc lai" thi dù 5 vạn người đều có sức như hum beo và trong hồ không có nước dâng lên dột ngọt, thi cuối cùng cũng thất bại thôi. (Đá sù chép rằng: Thời ấy, có con trâu đen sinh ra con nghé trắng [trên lưng] có mày chẽ "nhật phụ mộc lai" có lẽ là chẽ Trần đáy. Về sau Trần Bá Tiên sang xâm lấn cõi Nam, lời sấm ấy quả là đúng).

Tháng 5, vua Lương xá tội cho Giao Châu và Ái Châu. Anh Nam Đế là Lý Thiên Bảo đánh úp Ái Châu, bị Trần Bá Tiên nhà Lương đánh bại. Trước kia Thiên Bảo theo Nam Đế lánh ở động Khuất Liêu, đến bấy giờ ông cùng với tướng trong họ là Lý Phật Tử thu thập quân còn lại, được 3 vạn người, tiến vào Cửu Chân, rồi bao vây Ái Châu. Bá

Tiên đem quân đánh tan được. Vua Lương ban chiếu cho Bá Tiên làm Đốc hó Giang Tây, binh chức Thái thú Cao Yêu, trông việc quân của 7 quận.

ĐÀO LANG VƯƠNG

(Vua huý là Thiên Bảo, anh Nam Đế, dựng nước ở đông Dã Nẵng, mọi người suy tôn làm vua, ở ngôi 7 năm không rõ tuổi thọ).

Phụ: TRIỆU VIỆT VƯƠNG

(Vua họ Triệu, huý là Quang Phục, người Chu Diên, con Triệu Túc. Vua là người oai hùng dũng mãnh theo Nam Đế đánh dẹp có công được phong chức Tà <6a> tướng quân Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở Long Biên, giữ nước được 24 năm)

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: Xét sử cũ Tiên Lý Nam Đế mất năm Mậu Thìn [548], Triệu Việt Vương bắt đầu từ năm Kỷ Ty [549], trong thời gian từ năm Kỷ Ty đến năm Canh Dần là hết đời Triệu Việt Vương, tất cả là 24 năm. Sử lẩy Triệu Việt Vương kế tiếp Tiên Lý Nam Đế làm chính thống, mà chép Đào Lang Vương làm phụ. Thế nhưng Triệu Việt Vương là bệ tôte của Nam Đế, Đào Lang Vương là anh của Nam Đế, nỗi nghiệp giữ nước, về danh nghĩa là đúng, mặc dù ông chỉ ở xứ Đào Giang, mà chưa có được thành Long Biên, nhưng nước vẫn là nước của ông. Cứ theo cách chép sử của Tử Dương ⁽¹⁾ thì phải chép bằng chữ to kỷ Đào Lang Vương kế tiếp vào kỷ chính thống mà chép Triệu Việt Vương làm phụ. Chép Hậu Nam Đế lại kế tiếp vào kỷ Đào Lang Vương, đến năm Nhâm Tuất thì hết, may chăng kỷ chính thống mới không bị lấn lông, mà phương pháp viết sử mới mầu mực.

<6b> Kỷ Ty năm thứ 1 [549] (Triệu Việt Vương, Quang Phục năm thứ 2; Lương Thái Thanh năm thứ 3), Lý Thiên Bảo giữ đông Dã Nẵng tự xưng là Đào Lang Vương. Trước kia Thiên Bảo bị quân nhà Lương đánh bại, thu nhặt được 1 vạn quân còn lại, chạy sang Di Liêu ở đất Ai Lao, thấy động Dã Nẵng ở đâu nguồn sông Đào Giang, đất rộng màu mỡ, có thể ở được, ông bèn đáp thành ở đó, nhân đấy lấy tên đặt mà đặt quốc hiệu là Dã Nẵng. Bấy giờ mọi người suy tôn làm vua, xưng là Đào Lang Vương.

Triệu Việt Vương ở trong đầm Da Trạch, vì quân nhà Lương không chịu rút lui, bèn thấp hương cầu trời, được diêm tut, lấy móng rồng làm mũ đầu màu đanh giặc. Từ đấy thanh thế quân sì lừng lẫy, đến đâu cũng không ai địch nổi. (Tục truyền vua ở trong đầm Da Trạch, Chủ Đông Tử cuối rồng vàng từ trên trời xuống, nhổ móng rồng trao cho, bảo vua đinh trên mũ đầu màu mà đi đánh giặc. Chép theo sách Linh Nam chích quái).

1. Tử Dương : Tử Chu Huy, một danh nhâ thời Tống. Ông trước tác khá nhiều, trong đó có bộ sử Thông Giám chương mục được người đời cho là mầu mực.

Canh Ngọ, năm thứ 2 [549] (Triệu Việt Vương năm thứ 3, Lương Giản Văn Đế - Cương, Thai Bảo nam (thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, nhà Lương trao cho Trần Bá Tiên chức Uy Minh tướng quân, linh Thủ sứ Giao Châu. Bá Tiên nhận thấy Triệu Việt Vương giữ nơi hiểm trở là muôn tính kế cầm cự lâu dài. <7a> bèn cắt đứt đường chuyển vận lương và đưa quân tiếp viện để cho quân của Việt Vương rã rời mới đánh. Gặp lúc nhà Lương có loạn Hầu Cảnh⁽¹⁾ gọi Bá Tiên về. Khi Bá Tiên qua Ngũ Linh thì bị bọn giặc cướp ngần trót. Giang Châu Giám quân là Hoàng Pháp Câu giúp đánh dẹp bè đảng của Cảnh ở đất Khánh có công, Lương Nguyên Đế năm Thùa Thánh, trao cho Câu chức Siêu mảnh tướng quân, linh Thủ sứ Giao Châu.

Bá Tiên đã đem quân về để lại tỳ tướng là Dương Sàn đánh nhau với Triệu Việt Vương. Việt Vương tung quân ra đánh Sàn chống cự bị thua rồi chết. Quân nhà Lương tan vỡ bỏ về Bắc. Triệu Việt Vương vào ở thành Long Biên.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Xét từ khi Triệu Việt Vương giữ dãm Da Trạch chống quân Phương Bắc, đến khi vào thành giữ nước, là vào khoảng cuối thời Lương, chỉ có Lương Nguyên Đế năm Thùa Thánh [552 - 554] trao cho hai người là Pháp Câu và Lý Cảnh Thinh làm Thủ sứ Giao Châu mà thôi. Từ đó đến hết thời Trần, Thủ sứ Quảng Châu có khuyết thi bổ sung ngay, còn chức Đô đốc Giao Quảng quân sự cũng có khi có <7b>, nhưng ở Giao Châu thì thời Văn Đế, năm Thiên Gia thứ 1 [560], lấy Nguyễn Trác làm Chiêu úy sứ, còn chức Thủ sứ thi bỏ trống, không đạt lại nữa. Thế là Việt Vương lúc ấy đã chuyên chế được một vùng hơn 20 năm, cũng có thể gọi là anh hùng dãy. Xét ra Giao Châu, Quảng Châu đều là trấn quan trọng của Linh Nam. Thời nhà Lương nhà Trần tuy nhiều sự cố, nhưng Quảng Châu có biến loạn thì lập tức sai tướng trao chức Đốc quân, thay đặt trưởng lại hoặc vỗ về hoặc đánh dẹp cho bằng yên mới thôi, thế mà Giao Châu lại giao cho một mình Dương Sàn, sau Dương Sàn không có quân sang Phương Nam nữa, có phải vì Giao Châu hiểm trở xa xôi, Quang Phục khó trị cho nên phải vất bỏ chăng? Không phải thế, mà vì Quảng Châu là cửa ngõ nước Ngô, mà Giao Châu lại là phên dậu của Quảng Châu. Quảng Châu không giữ được, thế tất [bọn giặc ở đấy] phải thôn tính cả Giao Châu để mở rộng, thế là cửa ngõ không thông. Dù Giao Châu không phụ thuộc, thì [bọn giặc] cũng không thể vượt qua Quảng Châu mà gây trở ngại được, thế thi phên dậu không có hại gì. Vì thế họ coi trọng Quảng Châu coi thường Giao Châu chăng? <8a> Hơn nữa khi Bá Tiên từ Giao Châu về là lúc cha con Tiêu Bột đang làm phản ở Quảng Châu. Bột giết cha con Âu Dương, Ngỗi Hột, có được đất Việt. Bột lại đem quân chống mệnh. Những người được lấn lướt sang như Hầu An Đô, Chu Văn Dực, Trương Chiêu Đạt đều là những danh tướng một thời, đánh mãi mãi dẹp yên được. Sau đó Mã Tinh, Phương Khánh kế tiếp nhau gây rối. Quảng Châu không ngày nào là không có chuyện, cho nên không có thì giờ để ý đến Giao Châu. Việt Vương được chuyên chế đất Phương Nam không phải lo phòng quân Phương Bắc, cũng là cái may của trời cho đấy. Duy nước ta từ khi thuộc Hán đến

⁽¹⁾ Hầu Cảnh - Thời Hầu Cảnh làm Thủ sứ Định Châu sau theo nhà Lương được phong Hào Nam Vương, rồi am phản, đánh kinh đô Kiến Khang, vây Đại Thành vây hầm Lương Vũ Đế đến chết doi, lại giết Giản Văn Đế để lập xưng là Hán Đế. Nhà Lương phải triệu Bá Tiên về để di đánh Hầu Cảnh.

nay, một chức quan thủ, một re man từ, dù vừa nổi lên đã bị dập tắt ngay mà cũng không người nào là không chép. Riêng Hậu Lý và Việt Vương năm bình giữ nước nhiều năm, những sự tích cũng không phải là nhỏ lăm, mà 2 kỳ nhà Lương nhà Trần đều không chép. Có lẽ là sự thiếu sót của sử Bắc vậy.

Ất Hợi năm thứ 7 [555] (Triệu Việt Vương năm thứ 8; Lương Kinh Đế Phương Trí, Thiệu Thái năm thứ 1), Dào Lang Vương mất ở nước Dã Năng <10b> không có con, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thống lĩnh ba quân.

HẬU NAM ĐẾ

(Vua huý là Phật Tử, làm tướng cùng họ với Tiên Nam Đế, đánh Triệu Việt Vương lấy lại nước. Ở ngôi 47 nam, về sau hàng nhà Tuỳ, không rõ tuổi thọ. Vua biết ẩn náu để chờ thời, lấy lại được nước cũ, nhưng lừa dối để lấy nước, trông thấy kẻ địch đã hàng trước, bất nghĩa vô dung, đầy la diêu dáng khinh).

Dinh Sửu, năm thứ 2 [557] (Triệu Việt Vương năm thứ 10; Lương Thái Bình năm thứ 2, Trần Vũ Đế Bá Tiên, Vĩnh Định năm thứ 1), Hậu Nam Đế đem quân xuống phía Đông, đánh nhau với Triệu Việt Vương ở huyện Thái Bình, nam lân giao chiến không phân thắng bại. Quân của Hậu Nam Đế tạm lui, Hậu Nam Đế nghi là Triệu Việt Vương có thuật lạ, bèn giáng hoà xin hội thề. Triệu Việt Vương vì thấy Hậu Nam Đế là họ với Tiên Nam Đế, không nỡ cự tuyệt, bèn chia địa giới ở bắc Quận Thản (nay là 2 xã Hạ Cát và Thương Cát huyện Từ Liêm). Triệu Việt Vương ở phía tây nam nước ta [Hậu Nam Đế] rời về thành Ô Diên⁽¹⁾, Con Hậu Nam Đế là Nhã Lang cầu hôn với con gái vua là Cảo Nương được vua bằng lòng trở thành thông gia. Vua yêu quý Cảo Nương cho Nhã Lang ở rể. (Nay xã Hạ Mỗ huyện Từ Liêm còn có đền thờ Bát Lang, có lẽ là đền thờ Nhã Lang).

<9a> Canh Dần, năm thứ 15 [570] (Triệu Việt Vương, năm thứ 23; Trần Tuyên Đế - Húc, Đại Kiến năm thứ 2), Nhã Lang về Ô Diên (Nhã Lang ngầm ý khác, bảo với vợ rằng: "Trước kia hai vua cha thù địch nhau, nay làm thông gia chẳng phải là tốt đẹp đố sao? Nhưng Nhạc gia trước kia đánh lui được quân, chắc phải có thuật gì". Cảo Nương bí mật lấy mủ đầu mâu có móng rồng ra cho xem, Nhã Lang ngầm mưu đổi móng ây, đoạn xin về thăm cha, rồi cùng cha lập mưu đánh úp Triệu Việt Vương, lấy được nước).

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Con gái lấy chồng gọi là vê, vây nhà chồng chính là nhà mình. Con gái vua lấy Nhã Lang thì sao không cho vê nhà chồng mà lại theo tục ở rể của nhà Doanh Tân⁽²⁾ để đến nổi bại vong!

Tân Mão, năm thứ 16 [571] (Triệu Việt Vương, năm thứ 24, năm này nhà Triệu mất; Trần, Đại Kiến năm thứ 3), Hậu Nam Đế đem quân tiêu diệt Triệu Việt Vương.

1. Thành Ô Diên là đất huyện Ô Diên, năm Vũ Đức thứ 4 (621), nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là 3 huyện đều thuộc Giao Chỉ (CMTB 4).

2. Vua sáng nghĩ ép nhà Tân là họ Doanh nên gọi là Doanh Tân.

Quân Nam Đế đến, Triệu Việt Vương bất ngờ, vội vàng đem quân đội mưu đầu mâu đứng đợi. Quân Nam Đế càng tiến mạnh, Triệu Việt Vương tư biết thế kém, không chống đỡ được <9b>, bèn dắt con gai chạy về phía nam, muốn tìm nơi hiem dể ẩn náu. Nhưng đi đến đâu cũng bị quân của Nam Đế đuổi theo. Triệu Việt Vương thíc ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha⁽¹⁾ bị nước chấn lại bèn than rằng: "Ta hết đường rồi!", liền nhảy xuống biển. Nam Đế đuổi đến nơi, không biết Việt Vương đi đường nào, bèn quay về. Nhà Triệu mất (người đời sau thấy thiêng bèn lập đền ở cửa biển Đại Nha để thờ cúng. Đại Nha này là cửa biển Đại Ác, huyện Đại An⁽²⁾. Theo Linh Nam chích quái).

Sư than Ngô Si Liên bàn: Xét về thuật bá thi Hậu Nam Đế đánh Triệu Việt Vương là đặc sách, nhưng lấy đạo vương mà xét, thì lại không bằng loài chó lợn. Sao thế? Nam Đế ở trong động Khuất Liêu đem việc quân giao cho Triệu Việt Vương, Việt Vương thu nhất tan quân giữ dãm Dã Trạch bùn lầy, đương đầu với Bá Tiên là kè mạnh mốt thời cuối cùng bắt được tướng của Bá Tiên là Dương Sàn, người Phương Bắc, vì thê phải lui quan. Lúc ấy vua lẩn trốn trong vùng mơi rơ, chỉ mong thoát khỏi miệng hổ mà thôi. May mà Bá Tiên trở về Bắc, sau đó Thiên Bảo cũng mất. [Phật Tử] liền đem quân đánh Việt Vương <10a>, dùng kế quyết xin hoà, ước hẹn làm thông gia. Việt Vương lấy lòng thành đối đãi, cát dắt cho ổ. Tất cả việc làm đều xuất phát từ sự dung dán. Nếu [Hậu Nam Đế] biết giao hảo phải đạo, triều sinh phải thời, chẳng phải là cách trị yên lâu dài dãy sao! Thế mà lại dùng mưu gian của Nhã Lang làm trái với chính đạo của loài người, chỉ vội tham công trực lợi, làm mất hết nhân nghĩa. Tuy rằng đánh lấy được nước nhưng Nhã Lang thì chết trước, bản thân cũng không khỏi bị bắt làm tù binh thì có lợi gì đâu!

Sư than Nguyễn Nghiêm bàn: Triệu Việt Vương cho Nhã Lang ở ré làm thông gia mà dẫn giác cướp đến. Tuy nhiên việc đó đâu phải khôn ngoan mà có thể nghĩ tới được?

Tiền Nam Đế vất vả trăm trận, tạm yên được một thời. Việt Vương và Phật Tử vi là công thần thuộc của nhà vua mà vui buồn cùng có nhau, một hôm nước hồ Diên Triệt dâng lên làm cho quân tan vỡ, vua mất ở động Khuất Liêu. Việt Vương, bản thân phải gánh trách nhiệm giữ nước, náu mình trong dãm Dã Trạch, rồi lấy lại được Long Biên, đánh tan quân giặc, bêu đầu tướng nhà Lương. Không những <10b> làm hà được lòng tức giận của tiên đế mà Phật Tử còn được xưng hùng ở động Dã Nẵng, di xe hoàng ốc cầm cờ tà đạo, xung vua dung nước, nếu không nhờ có sự đóng góp của Triệu Việt Vương thì sao được như thế. Thế rồi giao chiến 5 trận ở Thái Bình, do sức đuổi mà xin giảng hòa. Lại vì nghĩa họ hàng của vua cũ mà [Việt Vương] không nỡ cự tuyệt, cát dắt kết hội thề, chia nhau cai trị ở phía đông và phía tây. Nhã Lang xin ở ré, [Việt Vương] cũng cả nể mà bằng lòng. Buổi đầu co phải [Việt Vương] dãm đuổi trong lanh riêng mà quên sự phòng bị đâu. Chỉ vì Bá Tiên chăm chú rinh mò ở sự thịnh suy của nước [mà vua thì] không tập hợp được những người cùng chung một chí hướng với mình, nên không thể chống lại kè

1. Cửa hẻ Đại Nha : Còn gọi là Đại An may thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà.

2. Nay ở huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà có nhiều đền thờ Triệu Quang Phục.

xâm lược bên ngoài. Chỉ chăm chú lo toan cho quốc gia của một dòng họ, còn người ta nói dối, không giữ lòng tin thì không kịp dự đoán được. Võ Nhã Lang là con gái yêu của vua, nhò vào cái móng thiêng của người mà cha con hi hứng cho là đặc kẽ, chẳng được bao lâu lại trở thành tù binh của Lưu Phương. Âm mưu quỷ kế có ích gì đâu.

Người đời ai bội nghĩa cẩu lại, phản người thân để theo kẻ thù, hãy nên lây đó làm gương.

<11a> Sứ thần Ngô Sĩ bàn: Triệu Việt Vương nổi lên từ một gia đình đời đời làm tướng, được vua Tiền Lý giao cho binh quyền, giữ vùng Kim Ngưu hiểm trở, được diễm tốt rồng vang, lại may gặp khi Giang Tả có nhiều biến cố, quân Lương phải về Bắc, vua có cả kinh thành đất nước, nghiêm nhiên lên ngôi tôn quý. Thế mà vua cũ mất, không chút may mắn thương tiếc.

Thiên Bảo vất vả ở trong vùng di lieu, há không phải là hương hoả nhà thờ cà nhà Lý trong cây vào đây sao? Việt Vương đã không biết giúp đỡ đẽ lập lên, đang mong giữ lấy quốc thống trong lúc bị diệt vong, cũng không chút qua lại thăm hỏi. Nghỉ lại công lao khó nhọc tôn phò của cha mình và trọng trách của vua trước uy thác cho, chẳng lẽ không tự thẹn với lòng mình sao? Còn như việc Nhã Lang lấy trộm móng rồng, cũng giống chuyện Trọng Thuỷ, có lẽ là sự trước truyền lại sai ngoại. Nếu quả thực là có, thì cũng do nhẹ dạ cả tin ó kẻ thù mà sơ suất việc nội trị và cũng là vì trời mở ra mầm móng khôi phục nhà Lý đấy. Họ Triệu may nhờ họ Lý gặp loạn mà lấy được nước. Họ Lý cũng nhân họ Triệu <NKV 11b> ngu muội mà đánh lại. Minh gây ra thi minh phải chịu, không có gì là lạ.

Đối với Phật Tử, cái mưu gian dối để cầu may, cố nhiên là đáng xâu hổ, nhưng cái chí khôi phục thì lại đáng thương. Sí Liên còn mang là con chó con lợn cũng là quá đáng.

Có người nói: Triệu Việt Vương lấy quân yếu mà địch với giặc mạnh. [Lúc ấy] Thiên Bảo và Phật Tử im hơi lặng tiếng ăn náu ở nơi xó xỉnh không chịu làm thế ý dốc với Việt Vương. Thế thì Việt Vương lẽ nào có thể để cho nước một ngày không có vua mà phải đến tận Cửu Chân, Ai Lao tìm [Thiên Bảo, Phật Tử], để làm cái hình thức chấp tay nhường ngôi hay sao? Đối với việc cân nhắc sự nặng nhẹ của việc nước thi bậc quân tử cũng nên tha thứ. Xin trả lời rằng: Lấy nghĩa chuông dao chính mà xét, thi Triệu Việt Vương tuy đối chơi được với người Phương Bắc, nhưng nay vua gặp tai nạn mà chiếm cứ lấy nước là lỗi đạo làm tội đấy.

Vua đã diệt được Triệu, vẫn xưng hiệu là Nam Đế, đóng đô ở Ô Diên, rồi đổi về Phong Châu (鷺府) còn có tên là Ô Diên (鷺城). Thời Đường năm Vũ Đức thứ 4 [621], theo tên cũ đặt 3 huyện Từ Liêm, Ô Diên, Vũ Lập làm Từ Châu. Năm Trinh Quán thứ 1 [627] đổi đặt làm Giao Chỉ.

<12a> Canh Tuất, năm thứ 35 [591] (Tuỳ Văn Đế, Vương Kiên Khai Hoàng năm thứ 10), nhà Tuỳ sai Dương Tố sang xâm lược. (Xét sử nhà Tuỳ, tháng 11 năm ấy, Lý Xuân ở Giao Chỉ tự xưng là Đại đô đốc, đánh hâm châu huyện, [Vua Tuỳ] sai Việt quốc công là Dương Tố đánh dẹp được. Lý Xuân có lẽ là Lý Vạn Xuân, "Vạn Xuân" là quốc

hiệu của Tiền Nam Đế, Hậu Lý nòi ngôi vẫn lấy quốc hiệu ấy. Đến lúc này là hai chục năm, mới sai Dương Tố đến đánh, không thắng phải quay về. Sử Bắc né tránh việc đó, sử Nam lại không chép. Rồi 12 năm sau mới sai Lưu Phương đến đánh dẹp, đến đây sử Bắc mới ghi sự thực đó.

Nhàm Tuất, năm thứ 47 [602] (Tuỳ Nhân Thọ năm thứ 2), Nam Đế sai con của anh mình là Dai Quyền giữ thành Long Biên, biệt suý là Lý Phổ Dinh giữ thành Ô Diên.

Vua Tuy sai Lưu Phương đến xâm lấn, vua đầu hàng ở trước quân. Người nhà Tùy đem vua về Bắc. Nhà Lý mất.

[Trước kia] vua Tùy hỏi Dương Tố để chọn người làm tướng, Tố tiến cử Thủ sứ Qua Châu là Lưu Phương, người ở Trường An có tài làm tướng. Vua Tùy ban chiếu cho làm Giao Châu do Hành quân tổng quản, thống lĩnh 27 doanh đến xâm lược. Quân lệnh của Phương rất nghiêm, ai phạm tội là bị chém. Nhưng tính ông nhân ái, quân lính ai bị ốm đau, ông thân chinh đến an ủi chăm sóc. Do đó người ta sợ <12b> nhưng lại mến ông. Quân đi đến núi Dô Long gặp toán giặc cỏ đánh tan được, rồi tiến quân đến doanh trại của vua, trước tiên bão rô hoạ phúc, vua sợ xin hàng, về Bắc thì mất. Người đời sau lập đền thờ ở cửa Tiểu Nha đối diện với đền thờ Triệu Việt Vương).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nam, Bắc khi mạnh khi yếu đều có từng lúc, lúc Phương Bắc yếu thì ta mạnh, nhưng lúc Phương Bắc mạnh thì ta cũng vì đó mà trở thành yếu. Thiên hạ, đại thế là như thế. Làm vua một nước phải sửa sang giáp binh, chỉnh đốn xe cộ quân lính, có sự chuẩn bị thì vô lo, phòng chố hiềm để giữ nước, theo điều lẻ để chờ nước lớn, lấy điều nhàn mà vỗ về nước nhỏ. Lúc nhàn rỗi thì dạy điều hiếu, dẽ, trung, tin, khiến cho người trong nước biết nghĩa mà thân với người trên, liều chết để bảo vệ cho bậc trưởng. Hoặc khi thấy đất nước bị xâm lăng thi lấy lời van cao mà điều đình, đem lúa ngọc làm lễ tiến công; nếu vậy còn không tranh được thi dù khổn khổ cũng phải giữ thành, rồi đánh một trận, thề sống còn cung xà tắc <13a> thi sau mới không hổ thẹn. Chứ tại sao khi giặc mới đến bờ cõi chưa chạm mũi giáo đã sợ mà xin hàng? Vua dã hèn nhát mà tướng vẫn tướng vô lực ấy cũng không một ai nói gì. Như vậy thi có thể bảo là nước không còn người nữa.*

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Từ khi nước Việt ta thuộc vào Đông Hán, trải qua khoảng mày trăm năm mà chưa từng có kẻ dắc chi. Tiền Nam Đế trỗi dậy nai đất khách, hang hái mưu khôi phục đất nước, vẫn thương thi đà có Tình Thiêu bày mưu kế; vô dung thi đà có Triệu Túc ra chiến trường, vì thế mà đuổi được Triệu Túc về Phương Bắc, dẹp được Lâm Ấp ở Phương Nam, dựng đô, đặt quốc hiệu, khôi phục bờ cõi nước ta. Nếu không phải là người vẫn vô toàn tài, mưu lược, thi chưa dẽ dà làm được. Tiếc là đại quân mới tập hợp, thê nước chưa vững vàng mà kẻ chống chọi lại không phải là địch thủ. Nhà viết sử cho rằng: chũ [trên lưng] nghe trống eo lè là có số trời, cũng eo thể dung như vậy đây.*

Triệu Việt Vương đương lục xe vua phải lánh nạn <13b>, được giao phó việc

1 Cửa biển Tiểu Nha: Tức là cửa Sông Cầu ở phía nam của Đại An; còn gọi là Tiểu Khang, nay thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà.

nước nồng nê cầm quân ở Da Trạch, xuất quỷ nhập thần, dù Bá Tiên có vận dung nưu thần, cũng không thể làm gì được. Rút cục đợi thời mà hành động, đánh tan được quân Lương, lấy lại được thành Long Biên, nói lại được cơ nghiệp trước. Lại vi lẽ là người họ hàng với Tiền Nam Đế nên mới cùng Hậu Nam Đế chia nước cung cai trị. Anh hùng nghĩa khí dẽ có mấy ai được như thế. Hậu Nam Đế nên coi đó là diệu ân đức chứ không nên coi đó là diệu oán thù, thế mà lại muốn cài tiếng thông gia dẽ làm việc trộm cắp. [Triệu Việt Vương] ở cửa Đại Nha không trả vé, mà quân [Lưu Phương] ở deo Đô Long kéo đến. [Hậu Nam Đế] dành đầu hàng chịu tội để kéo dài sinh mệnh thêm giây lát. Làm như thế há có được lợi riêng gì? Than ôi! Gió nam không mạnh, muôn họ cùng thù, một khi đã vươn lên sau bao nhiêu lâu bị khuất phục, lại không biết đồng tâm giúp sức bảo vệ nhân dân, quay giáo đánh nhau dẽ làm mồi cho quân giặc. Vận thế suy đới <14a> lòng người chìm dầm, cũng đáng than thở làm thay!

Trên đây là thời Tiền Lý, có 3 vua, bắt đầu từ năm Tân Dâu [540] (Lương Đại Đông năm thứ 7) kết thúc năm Nhâm Tuất [602] (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2) cộng là 62 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thị Sí: Tiền Nam Đế là một nhà hào tộc khởi binh, có Tinh Thiêu giúp việc nưu mô, có Triều Tục chủ việc quân ngũ. Châu quân hướng ứng, hào kiệt đồng tâm, trực xuất được Tiêu Tư, đánh đuổi được Tử Hùng, lại phá được quân Lâm Ấp ở Cửu Đức. Uy binh vang dội, thế mạnh dần lên, rồi lên ngôi vua, đặt niên hiệu, đặt tên nước là Vạn Xuân, hiệu vua xưng là Nam Việt. Có nơi triều hội, có tướng vô tướng vẫn, quy mô đứng nước hoàn chỉnh có thể coi được. Cho nên sứ Phương Bắc đối với việc xưng đế đặt niên hiệu, việc sai tướng đánh tan quân địch đều không bò mất sự thực, mà có ghi chép. Không thể ví như những kẻ vô danh, vùng lên trộm giữ. Từ sau khi hai Bà Trưng mất <14b> tới đây là 490 năm nội thuộc làm châu phụ biên, một khi vùng lên chống chọi với binh hùng tướng mạnh của Tam Ngũ, khiến cho người trong nước có chỗ nương nhờ, quốc thống có nơi hé thuộc. Ở vào thế rất khó khăn, mà lập được công rất kỳ diệu. Bọn giặc Man do đó hết cơ hội quấy rối, quân Phương Bắc vì thế cũng nhụt chí xâm lăng. Cho nên Triệu Việt Vương, Hậu Lý cũng được nhờ để dựng nước, quân Lâm Ấp cũng không dám nhòm ngó ngoài biên. Hơn 60 năm, công lao của ông không thể mai một được, xứng đáng vào hàng người như Đinh Tiên Hoàng. Còn như ra quân lần thứ nhất thua ở Chu Diên, lần thứ hai tan vỡ ở hồ Diên Triết, phải nương nau ở đồng Khuất Liêu rồi đến mất nước, cũng chẳng phải là vua không có tài, quân không mạnh, bế tắc không có sức, mà bởi vì vận nước khôi phục chỉ có số năm như vậy. Nam Đế làm vua được 8 năm, kế đó lại có hai vua. Cơ thang bại, vận van dài ăn khớp với nhau. Dù cho có giỏi như Y Dán cũng không thể lo toan được; dù khỏe như Bôn Đức cũng không thể cứu vãn được. Vậy không nên vì đó mà chê bai bậc anh hùng. Chẳng thể mà khi Nam Đế mất, Triệu Việt Vương lên ngôi mới cách có 1 năm Kỷ Ty [549], tức là trước năm Mậu Thìn [548], quân Lương vẫn sang tấn công mạnh, khiến vua phải khôn dón về việc chống đỡ. Thế mà đến sau năm Canh Ngọ [550], Hậu Cảnh quấy nhiễu nhà Lương, khiến cho nhà Lương không có thì giờ

mà dể ý tới Phương Nam. Như vậy chẳng phải rõ ràng là việc thành hay bại là ý của trời sao? Riêng về Tinh Thiều thì giỏi bày mưu kế, Triệu Túc, Phạm Tu thi giỏi ra chiến trường mà đều bị mai một tung tích, có lẽ là thiêu sót của nhà viết sử đây.

Dào Lang Vương là anh ruột của Nam Đế giữ nghĩa cứu giúp khi hoan nạn, tập hợp người cùng chí hướng, theo đuổi trong buổi gian nan. Đến khi vua mất, không kịp nhất tề vùng lân. Tuy ở Ái Châu không lập được công, chưa địch được với Bá Tiên, nhưng đã giữ được những chỗ hiểm dựng thành một nước, mưu sự bảo tồn trong khi diệt vong. Trong 8 năm, dòng họ Lý mõng manh như sợi chỉ, không bị tuyệt hán, thì không thể gọi là không có chí được. Nhưng gặp phải Triệu Quang Phục là một tay cường bạo có lòng lây nước làm lợi riêng <15b> không có ý lập lại chính thống, chỉ giữ được mình rồi ôm hận mà mất, đáng thương thay!

Hậu Nam Đế là bậc tông phiền ⁽¹⁾ nổi lên nối giữ nghiệp cũ của Dào Lang Vương, thu thập nám quân tàn của nước Đà Nẵng, đánh 5 trận ở Thái Bình, chia bờ cõi với Triệu [Việt Vương], rồi từ Dào Giang dời nước về Ô Diên, tiêu diệt nhà Triệu mà lên thay, để kế tục chính thống nhà Lý, rửa được cái nhục trước đây ở đông Khuất Liêu, rang rỡ áp mới ở Phong Châu, dựng lại cơ nghiệp, có điều đáng khen dãy. Chỉ tiếc rằng buổi đầu dãy binh, vừa ra khỏi vùng di liêu là đến đồng bằng, lúc ấy đã có được thế mạnh vùng lén không thể ai chống được. Già sử cầm cự đã lâu chưa phân thắng bại thì cũng nên dân dã nghĩ cách đánh giữ, không cần phải cắt đất, làm thông gia. Đến lúc đã hoà hảo với nhau mà lui bội ước. Còn việc binh thắng, hay bại, vận nước thịnh hay suy, cứ xem việc làm của người là biết được vận trời. Một cái mũ có móng rồng thì có nặng nhẹ gì cho lực lượng hai bên? Rồi nghe lời dõi trả của con tré, tự bội tín trước Việc ăn trộm móng rồng thì cũng giống như chuyện Triệu Đà Trọng Thuỷ <16a> chắc hẳn là chuyện hoang đường của kẻ hiếu sự đạt ra. Già sử có chuyện đó thì Lý Phật Tử ngu dại quá lام!

Còn như quân nhà Tuỳ kéo đến, chưa bắn mũi tên nào đã tự cam chịu cái nhục đầu hàng. Thực là quái lạ!

Xét ra đương khi quân nhà Lương đánh úp, tìm trăm phương nghìn kế để tiêu trừ, vua lặn lội gian khổ, trải ném bao cay đắng ở nơi lam sơn chướng khí đến 16 năm trời, sau mới xuất quân. Việc chôn giữ khi gian nguy, lo tính xa xôi không gì là không làm được; lây nhiều dùng rộng không gì là không tham dự. Đánh úp nhà Triệu, lây được nước, lén ngôi vua trị dân cả một nước, kéo dài được 32 năm. Thế nhưng đã biết che giấu nanh vuốt để tránh mũi nhọn của Bá Tiên mà không biết tuỳ cơ ứng biến rút lui để giữ, đợi cho quân Lưu Phương mệt mỏi rồi mưu tính dãy quân về sau.

Đánh 5 trận rồi ăn thè, khuất phục được lực lượng của Triệu Việt Vương mà sao không thể giữ thành liều đánh, cố chết với xã tắc họ Lý, mà mới nhận được một lá thư đã vội hàng trước? Sao trước thì khôn mà sau lại ngu, trước thì mạnh mà sau lại

1. Tông phiền - Người được vua cho cung hộ, được giao trách nhiệm nắm giữ vùng ngoại biển và làm phản giặc cho vua.

hèn thế? <19b> Nhu vậy là chí mạnh với Phương Nam mà sợ Phương Bắc chăng? Hay là tinh nhanh lúc trẻ khoẻ mà mê muội lúc tuổi già chăng? Xét về sử từ năm Tân Mão [571] mới dựng nước đến năm Nhâm Tuất [602] mất nước, chỉ thấy có một việc sai tướng giữ thành, ngoài ra không thấy kiến thiết được gì. Thực là không có chính sự.

Sau khi Nam Đế bị bắt về Bắc, cũng im áng không có người nhen nhóm tập hợp để phục thù cho nước. Đúng là không có nhân tài. Dã không có chính sự để đề phòng lại không có nhân tài để gìn giữ. Như thế hỏi rằng không mất nước sao được!

Tuy vậy, nhưng đúng là lúc vận trời làm mất nhà Lý, đất về với nhà Đường. Già sử có tài như vua Cao, vua Quang ⁽¹⁾, mạnh như họ Hán, họ Bành mưu lược như họ Khấu họ Đặng ⁽²⁾ cũng không làm gì được, huống hồ vua tôi nhà Hậu Lý. Còn đáng trách gì!

HẾT QUYỀN V NGOẠI KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

1. Túc Hán Cao Tổ và Hán Quang Vũ, vua sáng nghiệp và trung hưng thời nhà Hán.

2. Túc Khấu Tuân và Đặng Vũ người Đông Hán đều là bậc có tài mưu lược nổi tiếng thời bấy giờ.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYỀN VI

KÝ NỘI THUỘC TUỲ ĐƯỜNG

<1a> Quý Hợi [603] (Tuỳ Nhân Thọ năm thứ 3), Lưu Phương nhà Tuỳ bắt được tướng cũ của Hậu Nam Đế là Mục Hy, Kiệt Hiệt đem chém cả.

Át Sửu [605] (Tuỳ Dạng Đế Quảng, Đại Nghiệp năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, Lưu Phương mới bình định được nước ta. Bọn bề tôi nhà Tuỳ có người nói Lâm Ấp nhiều của báu lì, vua Tuỳ bèn giao cho Phương làm Hoan Châu đạo Hành quân tổng quản đi đánh Lâm Ấp.

Phương sai thứ sử Khâm Châu là bọn Nịnh Trường Chân, đem hơn một vạn bộ binh và kỵ binh kéo đến Việt Thường⁽¹⁾. Phương tự đem đại tướng là bọn Trương Tốn cùng thuỷ quân kéo ra đường Tỷ Ánh⁽²⁾ (Tỷ Ánh do nhà Hán đặt, thuộc quận Nhật Nam, sù cũ viết chữ "cảnh" 境 là sai). Tháng ấy, quân đến cửa biển. Tháng 3, vua Lâm Ấp là Phan Chí sai quân giữ nơi hiểm trở, Lưu Phương đánh đuổi được. Quân Lưu Phương qua sông Dồ Lê, quân Lâm Ấp cưỡi voi lớn từ bốn phía đến, <1b> Phương đánh không được, bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên rồi đem quân khiêu chiến, đang đánh nhau Phương vờ thua chạy, quân Lâm Ấp đuổi theo, phần lớn voi bị sa xuống hố ngã què, sợ hãi, quân rối loạn. Phương lấy nò bắn, voi chạy lùi, giẫm vào trận địa. Nhập đó Phương đem quân tinh nhuệ đuổi theo, quân Lâm Ấp bị thua to, vừa bị bắt sống, vừa bị chém chết kể tới hàng vạn. Phương thúc quân đuổi theo, mấy lần đánh đều thắng. Vuột qua cột đồng Mã Viện về phía nam đi 8 ngày thì tới kinh đô nước Lâm Ấp⁽³⁾.

Mùa hạ, tháng 4, Phan Chí bỏ thành chạy ra cửa biển, Phương vào thành lấy được 18 thần chủ thờ ở miếu (nước có 18 đời vua) đều đúc bằng vàng. Sau đó Phương khắc đá ghi công và kéo về. Quân lính chấn bị phù thủng, mười phần chết tới bốn, năm. Phương cũng bị bệnh chết ở dọc đường.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Nước Lâm Ấp tự chuốc lấy bại vong là có duyên

1. Việt Thường : Vùng huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

2. Tỷ Ánh : Thời Hán ở vào khoảng phía bắc Dោ Ngang. Quận Tỷ Ánh của nhà Tuỳ cũng ở miền ấy, tức khoảng huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

3. Theo như mô tả trong sách *Thuỷ Kinh* chủ kinh đô Lâm Ấp thời Phạm Dương Mai là ở vào khoảng xã Tra Kiều, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam-Dà Nẵng, về sau nước ấy mới lún lụt dời đô đến miền Phan Rang cuối cùng đóng đô ở Phật Thê tức là thành Dồ Bàn trong tỉnh Bình Định.

(399,007) 571.6

do. Từ khi Phạm Hô Đạt chiếm giữ Cửu Chân, Nhật Nam, cướp Giao Châu đã bị Đỗ Viên đánh tan mà không biết chừa <2a>. Năm nay cướp Cửu Chân sang năm cướp Giao Châu, bị Đỗ Tué Độ đánh tan, giết chết quá nửa. Dương Mại lại cướp Cửu Đức, ôi! Dan Hoà Chi đánh buộc phải phục tội, mặc dù có sai sứ sang tiến cống nhưng vẫn cướp phá như trước. Tông Sắc, Hoà Chi phải đuổi vào sâu mới tháng được Lâm Ấp. Dương Mại may mà thoát khỏi miệng hổ, bỏ chạy vãng mạng. Từ đấy, biển êm sóng lặng, tướng chừng cũng rãnh ngừa được lâu. Phạn Chí nói lên cướp Nhật Nam bị Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức. Suốt thời Hậu Nam Đế, Lâm Ấp không dám dòm ngó phương bắc, mà vẫn giàu có. Đến đây nhà Tuỳ tham của báu của nước ấy, đem quân đi đánh, dày xéo kinh đô, làm nho bẩn cung điện. Tuỳ nói là quân tham bạo, nhưng Man di quấy rối Hoa hạ, cũng nên lấy đấy làm rãnh. (Xét thấy Hoà Chi đánh Lâm Ấp, lấy Tông Sắc làm quân tiền phong chỉ là một việc, vây mà Ngô Sĩ Liên chia làm hai và nói rằng Phạn Chí bị Phạm Tu đánh tan là sai).

<2b> Mậu Dần [618] (Đường Cao Tổ, Lý Uyên, Vũ Đức năm thứ 1), trước đó, cuối năm Đại Nghiệp, Hải Nam khổ về bon quan lại xâm chiếm, thường nổi dậy làm phản. Tuỳ Dạng Đế thấy Khâu Hoà làm thứ sử ở đâu cũng được khen là người tốt, hơn nữa Bùi Củ cũng tiến cử ông, bèn phong ông làm thái thú Giao Châu ⁽¹⁾. Ông tận tình vỗ về yên ủi, cõi hoang phục cùng được yên cho đến khi Dạng Đế bị giết mà Hoà vẫn chưa biết. Lúc đó thứ sử Trường Châu là Nịnh Trường Chân, dời dời làm tướng ở Nam Bình, đem đất Uất Lâm mới được yên theo về Tiêu Tiên ⁽²⁾, thái thú Hán Dương là Phùng Áng đem đất Thương Ngô, Cao Yêu, Chu Nhai, Phiên Ngung phu theo Lâm Sí Hoằng. (Sí Hoằng người Phiên Dương, năm Đại Nghiệp thứ 12, chiếm Kiền Châu, hiệu là Nam Việt Vương, rồi tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là Sở, niên hiệu là Thái Bình). Tiên và Sí Hoằng đều sai người chiêu dụ Hoà, Hoà không theo. Các nước Lâm Ấp nhiều lần biếu Hoà hat minh châu, sừng tê vân, vàng và báu, cho nên Hoà giàu ngang bọn vua chúa. Tiên nghe biết, cho là mối lợi, sai Trường Chân đem quân Man Lý ở Nam Việt di đường biển sang đánh Hoà. Hoà muôn ra tiếp đón, Trường sứ Cao Sí Liêm nói với Hoà rằng: "Số quân Trường Chân tuy nhiều nhưng từ nơi xa đến <3a> lương ít, không thể cầm cự được lâu, quân giỏi trong thành cũng dù địch nổi, tại sao mới nghe tiếng mà đã chịu để người ta áp chế". Hoà nghe theo, cho Sí Liêm làm hành quân tư mã, đem các quân thuỷ bộ đón đánh tan quân địch. Trường Chân chỉ chạy thoát được thân, quân sĩ bị bắt hết. [Dân] ở quận dựng bia đá ghi công. Hoà bèn đắp thành ở Giao Châu, chu vi 800 bước để phòng giữ. Gặp lúc Kiêu Quả nhà Tuỳ từ Giang Dô đến, Hoà biết nhà Tuỳ đã mất, lập tức quay về thắn phục nhà Đường. Miền Lĩnh Kiêu ⁽³⁾ bị bẽ tắc, tạm theo vào Tiên. Đến khi Lý Tĩnh đánh Tiên, Hoà cùng Sí Liêm và tư mã là Đỗ Tùng Chi đến hàng Tĩnh. Vua Đường ban chiếu cho Lý Đạo Du, giao cho Hoà chức Đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm

1. CM chép là Giao Chỉ có lẻ dung, vì chức thái thú là chức ở quận, còn châu là chức thủ sứ.

2. Tiêu Tiên : Châu 4 dời của Tuyên Đế nhà Lương. Năm Đại Nghiệp thứ 13, dời Dạng Đế nhà Tùy. Tiêu Tiên khởi binh tự xưng là Lương Vương. Đến dời Cung Đế năm Nghĩa Ninh thứ 2, tự xưng là đế, về sau đầu hàng nhà Đường.

3. Lĩnh Kiêu : Tức Lĩnh Nam, còn gọi là Kiêu Nam, đều chỉ miền nam Ngũ Lĩnh.

quốc công. Hoà sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu. [Vua] ban chiếu cho con của Hoà là Sư Ly đi đón ⁽¹⁾. Năm ấy nhà Tuỳ mất.

(Sử cũ chép: "Hoà sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu [vua] sai ban chiếu cho quân ra đón" có lẽ là làm chữ "Sư ly" (師利) (Sử cũ chép thiếu chữ Ly. Thực tế là "cho Sư Ly ra đón" chứ không phải "cho quân ra đón". Lại xét Hoà cuối năm Đại Nghiệp làm ở Giao Châu, đầu năm Vũ Đức theo về Đường, năm Trinh Quán thứ 11 [637] mất. Sữ cũ cho rằng ở chầu hơn 60 năm là không đúng. Lại chép: Nhà Đường lấy Giao Châu đặt làm An Nam đô hộ phủ là việc ở năm Diều Lộ thứ 1 [679] <3b> mà sử cũ cho là năm Vũ Đức thứ 5 [622] cũng không phải, cho nên ghi cả ra đây).

Nhâm Ngọ [622] (Đường Vũ Đức năm thứ 5), nhà Đường lấy hai huyện Văn Cốc, Kim Ninh ⁽²⁾ của quận Nhật Nam đặt làm Trí Châu. Năm ấy nhà Đường cho Vương Chi Viễn làm Đô đốc Giao Châu.

Mậu Tý [628] (Đường Thái Tông Trinh Quán năm thứ 2), trước kia người tôn thất nhà Đường là Lý Thọ làm Đô đốc Giao Châu, tham lam bị tội. Vua Đường muốn lấy Thủ sứ Doanh Châu là Lư Tổ Thương thay. Tổ Thương lấy cớ ốm từ chối, [vua] sai chém ngay tại triều đường.

Ất Mùi [635] (Đường Trinh Quán năm thứ 9), vua Đường lấy Lý Đạo Hưng làm Đô đốc Giao Châu, ít lâu bị chết, [vua] lại lấy Lý Đạo Ngạn thay (Đạo Hưng là em Đạo Tông, vì thấy Phương Nam là nơi chướng khí, dịch bệnh lo lắng rồi chết ở nơi làm quan. Đạo Ngạn là con Thần Thông).

Quý Mão [634] (Đường Trinh Quán năm thứ 17), vua Đường biếm Đỗ Chính Luân làm Đô đốc Giao Châu. Sau vài năm thì được triệu về, đưa Liêu Sở Hiền sang thay.

<4a> Cảnh Tuất [650] (Đường Cao Tông Vĩnh Huy năm thứ 1), nhà Đường lấy Giao Châu đặt làm An Nam đô hộ phủ. (Đô hộ phủ vốn là lý sở quận Giao Chỉ; đổi Giao Chỉ là Giao Châu, thống lĩnh 8 huyện là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đao, Vũ Bình, phải công thổ sản là chuối, trâu, cau, da cá sấu, mật trân, lông chim trà. Lục Châu có 3 huyện lệ thuộc là Ô Lôi, Thanh Hoa, Ninh Hải, phải công thổ sản là bạc, đồi mồi, da tê tê, lông chim trà, hương tốt. Phong Châu có 5 huyện lệ thuộc là Gia Ninh, Thừa Hoá, Tân Xương, Cao Sơn, (Cao Sơn có bản chép là Tung). Chu Lục phải công thổ sản là bạc, đồ dùng bằng mây, mật trân, đậu khấu. Ái Châu có 6 huyện lệ thuộc là Cửu Chân, An Thuận, Sùng Ninh, Quận Ninh, Nhật Nam. Trường Lâm (có bản chép là Vô Biên), phải công thổ sản là vải, the, lông đuôi chim công. Hoan Châu có 4 huyện lệ thuộc là Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường, Hoài Hoan, phải công thổ sản là vàng, bạc, bột vàng, ngà voi, sừng tê, trầm hương, trúc đốm. Trường Châu có 4 huyện lệ thuộc là Văn Dương, Đông Sái, Trường Sơn, Tư Thường, phải công thổ sản là vàng, bạc. Châu Phúc Lộc có 3 huyện lệ thuộc là Nhu Viễn, Đường Lâm, Phúc Lộc, phải công thổ sản là sáp trắng, cánh kiến. Thang Châu có 3 quận lệ thuộc là Thang

1. Xem Cảnh Đường thư, quyển 59, Khâu Hoà truyện.

2. Văn Cốc, Kim Ninh là 2 huyện đặt từ thời Lương, đến thời Đường năm Trinh Quán nhập vào huyện Việt Thường.

Tuyên, Lục Thuỷ, La Thiếu, phải cống thổ sản là vàng. Chi Châu có 7 huyện lệ thuộc là Hán Thành, Phú Châu, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diệm, Đa Văn, Tư Long. Châu Vũ Nga có 7 huyện lệ thuộc là Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Dị, Vũ Duyên, Vũ Lao, Lương Sơn, thổ sản cống của châu trên không rõ. Diên Châu có 6 huyện lệ thuộc là Trung Nghĩa, Long Tri, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung, Vũ Kim, phải cống thổ sản là vàng. Châu Vũ An thống lĩnh 2 huyện là Vũ An, Lâm Giang, phải cống thổ sản là vàng, vải Triều Hà. Lại trong năm Khai Nguyên [713 - 742] có Bàng Châu thuộc An Nam thống lĩnh, phải cống thổ sản là lông đuôi chim công, cánh kiến. Lại có châu Nam Đăng, sau đều bỏ bớt. Các châu kể trên là nơi uy đức giáo hoá được ban tới, cho nên được ghi chép vào sổ sách triều đình, do quân đỗ đốc thống lĩnh. Còn những châu gọi là ràng buộc thì thủ lĩnh của họ cho làm đỗ đốc hay thủ sứ đều theo cha truyền con nối <4b> sổ sách tiền cổng thuế khoá không phải đưa lên bộ Hộ. Gọi là châu Đức Hoá, Lang Mang, Long Vũ, Quy Hoá, Châu Lạng, Châu Lục, Tân An, Châu Long... gồm hơn 40 châu đều lệ thuộc vào An Nam phủ đỗ đốc. Ý chừng đều là những miền biên giới cực xa của Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn ngày nay. Lúc đó, hoặc chiêu dụ họ phụ thuộc vào, hoặc đặt riêng các châu huyện đều lấy từ trường địa phương là người đứng đầu, diễn chế hấy còn só lược cho nên gọi là châu "ràng buộc". Một bản khác chép là đặt đỗ hộ vào ngày Tân Mão, tháng 8, Khai Diệu năm thứ 1 [682] đời Đường Cao Tông. Chưa rõ bản nào đúng).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, là đất cũ của An Nam ta.* Từ thời Hán trở về sau, khi thi đặt lại, khi thi bỏ bớt, dần dần mất hẳn dấu tích cũ. Đến nhà Đường mới đặt ra An Nam đô hộ, lấy bao nhiêu châu, bao nhiêu huyện cho phụ thuộc vào, cũng chưa hẳn là đất cũ của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Trong đó có nhiều đất của Tượng Quận thời Tân. Riêng mấy châu huyện thuộc Giao Châu cai quản này tuy ngày nay có tên châu huyện không thể tra cứu được, nhưng sự thay đổi từ thời Hán, thời Tân trở về sau cũng nên biết rõ. Thời Hán quận Giao Chỉ có 10 huyện (Hán chí có thêm huyện Phong Khê, Vọng Hải là 12 huyện). Nhật Nam có 5 huyện, Cửu Chân có 7 huyện (Theo Quận quốc chí thời Hán thì Cửu Chân có 5 huyện, không có 2 huyện Đô Bàng và Dư Phát). Thời Tân quận Giao Chỉ có <5a> 14 huyện (không có huyện Phong Khê, Vọng Hải thời Hán mà thêm huyện Giao Hưng, Vũ Ninh, Nam Định, Hải Bình là 14 huyện). Nhật Nam vẫn như thời Hán có 5 huyện. Cửu Chân vẫn có 7 huyện. Thêm quận Cửu Đức có 8 huyện (Cửu Đức, Hàm Hoan, Nam Lăng, Dương Toại, Phù Lệnh, Khúc Tư, Phố Dương, Đô Giao). Thời Tuỳ, Giao Chỉ có 9 huyện (Tống Bình, Long Biên, Chu Diên, Long Bình, Giao chỉ, Gia Ninh, Tân Dương, An Nhâm, Bình Đạo). Cửu Chân có 7 huyện (Cửu Chân, Di Phong, Tư Phố, Long An, Quận An, Thuận An). Nhật Nam có 8 huyện (Cửu Đức, Hàm Hoan, Phố Dương, Việt Thường, Kim Ninh, Giao Cốc, An Viễn, Quang An). Thêm quận Lâm Ấp có 4 huyện (Tương Phố, Kim Sơn, Giao Giang, Nam Cự. Quận Lâm Ấp thời Hán là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam). Quận Tỷ Ánh có 4 huyện (Tỷ Ánh, Chu Ngô, Thọ Linh, Tây Quyển, huyện Thọ Linh là huyện thuộc quận Giao Chỉ thời Hán. Tỷ Ánh, Chu Ngô, Tây Quyển là thuộc huyện Nhật Nam thời Hán). Thời Đường đổi làm An Nam đô hộ phủ. Nay

xem nơi gọi là An Nam tức dát Lạc Việt xưa, thời Hán là địa giới hai quận Giao Chỉ, Nhật Nam; Hậu Hán theo đó gộp lại dát làm Giao Châu. Thời Tấn, Tống, Tề vẫn theo như thế, thời Tống dát thêm quận Quảng Bình. Gọi là Ái Châu thì thời Tấn là dát Tượng Quận, Hán Vũ Đế đặt ra, quận Nguyên Chân. Thời Đông Hán cũng thế. Thời Tấn, Tùy về sau, có khi thuộc Giao Châu, có khi thuộc Cửu Chân. Gọi là Châu Phúc Lộc thì cũng là dát Tượng Quận. Tống Chương năm thứ 2 [670] thời Đường, Thủ sứ Trí Châu là Tạ Pháp Thành chiêu tập đưa đến dấy hơn 7000 thôn của các châu Sinh Liêu, Côn Minh, Bắc Châu, lấy đất châu Đường Lâm cũ để dát. Gọi là quận Phúc Lộc, gọi là Hoan Châu tức nước Việt thương cổ [mà sứ nhà Hán chép là] 9 lần dịch tiếng [khi đến hiện chinh trị], thời Tần thuộc Tượng Quận, hai thời Tây Hán và Đông Hán thuộc Cửu Chân, thời Ngô chia dát làm quận Cửu Đức, thời Tấn, Tống, Tề theo như cũ, thời Tùy đặt làm Hoan Châu, sau gọi là Nhật Nam thời Đường dặt lại làm Hoan Châu hoặc gọi là quận Nhật Nam. Gọi là Phong Châu thì xưa là nước Văn Lang, có sông Văn Lang, lại cũng là dát Lục Lương; thời Tần thuộc Tượng Quận, hai thời Đông Hán và Tây Hán thuộc Giao Chỉ, thời Ngô chia dát làm quận Tân Hưng, thời Tần đổi làm quận Tân Xương, thời Tống Tề cũng theo như thế, thời Tần dặt làm Hưng Châu, thời Tùy dặt lại làm Phong Châu, Dạng Đế nhập vào quận Giao Chỉ. Năm Vũ Đức thứ 4 [621] thời Đường, lấy huyện Gia Ninh của quận Giao Chỉ dặt làm Phong Châu. Gọi là Lục Châu thì thời Tần là dát Tượng Quận, thời Hán về sau thuộc quận Giao Chỉ, thời Lương chia dát làm quận Hoàng Châu và quận Ninh Hải, thời Tùy đổi làm Ngọc Châu, thời Đường vẫn theo như thế; trong niên hiệu Thượng Nguyên [674 - 676] lại đổi là Lục Châu. Gọi là Điện Châu thì dát dài cũng như Hoan Châu; thời Đường Vũ Đức năm thứ 5 [622] lập ra Hoan Châu, Trinh Quán năm thứ 5 [631], đổi làm Điện Châu và tách riêng Hoan Châu; Hoan Châu vốn là quận Trung Nghĩa, còn gọi là quận Long Trì, lại gọi là quận Điện Thuỷ. Gọi là Trường Châu thì địa lý cũng giống châu Phúc Lộc.

Các châu kể trên đều thuộc địa giới nước ta ngày nay, còn như các châu thuộc đô hộ như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga Châu, Vũ An Châu v.v... chưa hẳn dắt là dất An Nam, có lẽ vì dát dài ấy liền sát với Nam Giao cho nên đem lệ vào đô hộ dấy thôi.

Lại còn nơi gọi là <6a> châu Nhật Sơn thì địa lý cũng đồng với Hoan Châu, nhưng sứ cũ nhà Đường không ghi chép là nơi thuộc đô hộ. Gọi là Lâm Châu thì có 3 huyện lệ thuộc là Lâm Ấp, Kim Long, Hải Giới, thời Tần là dát Tượng Quận, thời Hán là dát Nhật Nam, thời Tống, Tần về sau bi Lâm Ấp chiếm cứ, thời Tùy, dẹp được Lâm Ấp dặt làm quận Lâm Ấp, đầu thời Đường dặt làm Lâm Châu, Trinh Quán năm thứ 9 [635], vỗ về Lâm Ấp dặt nhờ quận lỵ ở dắt phía nam Hoan Châu. Gọi là Ánh Châu thì có 3 huyện lệ thuộc là Tỷ Ánh, Do Văn, Chu Ngô, địa lý cũng giống Lâm Châu, thời Tùy bình định nước Lâm Ấp dặt quận Tỷ Ánh, thời Đường Trinh Quán năm thứ 2 [629], vỗ về Lâm Ấp ma dặt nhờ quận lỵ ở phía nam Hoan Châu. Hai châu này thời Đường lại mất về Lâm Ấp, cho nên Địa lý chí không chép. Thuận Hoá, Quảng Nam ngày nay tức là dắt đó.

Dinh Hợi [687] (Đường Trung Tông, Tự Thánh năm thứ 4), mùa thu, tháng 7, Lý

Tự Tiên (chữ "Tiên" (仙) có bản chép là (仙) Tiên) ở An Nam làm phản. Các hộ người Lý ở Linh Nam theo lệ cũ nộp một nửa kỵ thuế. Đô hộ là Lưu Diên Hựu bắt phải nộp cả. Dân Lý oán giận mới mưu làm loạn. Lý Tự Tiên là chủ mưu bị Diên Hựu giết chết. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến tập hợp quân vây phủ thành. Trong thành quân ít không chống nổi, bèn đóng cửa thành, đợi quân tiếp viện. Hào tộc ở Quảng Châu là <6b> Phùng Tử Du, mong để lập công, giữ quân lại không đi cứu. Kiến giết Diên Hựu. Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tinh giết Kiến⁽¹⁾.

Nhâm Tuất [722] (Đường Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ 10), bấy giờ người Hoan Châu là Mai Thúc Loan chiếm cứ Hoan Châu tư xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, quân số có tới 30 vạn⁽²⁾. Quân nhà Đường sai nội thị Tả đô hộ là Nguyên Sở Khách dẹp yên được⁽³⁾ (Thúc Loan người Hương Lãm, huyện Nam Đường, nay có đền thờ ở thôn chợ Sa Nam tức là nhà ông. Tư Húc tính tàn nhẫn, bắt được tù binh hoặc lột da mặt, hoặc bóc da đầu, moi người đều khiếp sợ).

Theo *Đường thư*, có người là Tống Chi Đẽ tức là em Chi Văn từng làm quan tiết độ sứ ở Kiếm Nam bị lôi phải dậy di Chu Diên, gấp lúc quân Man đánh hãm Hoan Châu. Chi Đẽ được giao chức tổng quản di đánh. Ông mộ được 8 người tráng sĩ, mặc 2 lần áo giáp đến sát thành mà hô lớn rằng: "Bạn Liêu chúng mày hễ động dậy là chết ngay tức khắc". Giặc có tới 700 người đều nằm im, không dám đứng dậy, thế là dẹp được.

Xét về thời gian của việc ghi chép ở trên thì ngang với thời bọn Tư Húc, còn di đánh bọn Man Liêu tất phải là bọn Chiêm Thành, Chân Lạp mà Thúc Loan liên kết đấy. Còn việc ra mệnh lệnh cho làm tổng quản và công bình định Hoan Châu không thấy ghi ở sử, có lẽ người làm sử lược bỏ đi đấy thôi.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Đường lúc nôi thuộc, Mai Hắc Đế ở Nam Đường khai binh chiếm giữ châu <7a> không chịu sự trói buộc của bọn quan lại bao ngược, cũng là tay lỗi lạc trong bậc thố hào. Thành công thì có Lý Bôn, Triệu Quang Phục, không thành công thì có Phùng Hưng, Mai Thúc Loan. Họ đáng được nêu ra mà biểu dương. Nhưng sử cũ lại chép là "tướng giặc" là sai lầm. Cho nên [tôi] sửa lời văn mà chép cho chữ "dân châu").*

Mậu Tuất [758] (Đường Túc Tông, Chí Đức năm thứ 3), nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ là Trần Nam đô hộ phủ.

Bính Ngọ [766] (Đường Đại Tông, Vĩnh Thái năm thứ 2, năm ấy đổi là Đại Lịch năm thứ 1), lúc đó Lâm Đồ Phù Sinh Nam ở An Nam đem bộ lạc theo nhà Đường. Nhà Đường đặt 4 huyện này ràng buộc vào đô hộ phủ là Đức Hoá, Quy Nghĩa, Lang Mang, Cổ Dũng.

1. Xem *Tân Đường thư*, quyển 201, *Diên Hựu truyện*.

2. CM chép 40 vạn.

3. *Tân Đường thư* quyển 207, *Đường Tư Húc truyện* chép rằng: "Đầu đời Khai Nguyên thủ lĩnh Man ở An Nam là Mai Thúc Loan tự hiệu là Hắc Đế nồi binh 32 châu làm phản, bên ngoài câu kết với Lâm Ấp, Chân Lạp, Kim Lân giữ miền biển Phương Nam, quân đông đến 40 vạn người. Đường Tư Húc mờ con em các thủ lĩnh đến 10 vạn người cùng với Đại đô hộ An Nam là Nguyên Sở Khách đi theo đường của Ma Viễn, xuất kỵ bất ý, giặc sơ hãi, không kịp mưu tính bị thua to".

Dinh Mùi [767] (Đường Đại Lịch năm thứ 2), người các nước Côn Lôn, Đồ Bà đến vây hãm châu thành. Kinh lược sứ là Trương Bá Nghi cầu cứu đô úy Vũ Định là Cao Chính Bình. Quân cứu viện đến, đánh tan được quân Côn Lôn và Đồ Bà¹⁾ ở Chu Diên. Bá Nghi lai dáp La Thành để phòng bị. (Xét thấy Bá Nghi từng làm tướng ở Kinh Nam, nhiều lần bị giặc làm cho cùng quẫn, nhà Đường phải cho Lý Phúc đến giúp đỡ, nay ở An Nam lai phải có Chính Bình cứu viện mới dẹp yên được nạn quân Đồ Bà, thế là tài lược kém đây. Man Dề Bồ là Chu <7b> Ba thời xưa, tự xưng hiệu là Đột La Chu. Phía đông Đồ Bà là Lục Chân Lạp, phía Tây sát với động Thiên Trúc, phía Nam thuộc 298 bộ lạc. Nam Chiếu ở Bắc Hải, lại có nước tiểu Côn Lôn, vua là Mang Tất Việt. Nước Đại Côn Lôn vua gọi là Tư Lợi Bạc. Lại có nước Đồ Bà ở trong Nam Hải. Nước ấy phía đông đi một tháng đến bể, phía nam đi 3 ngày đến bể, phía bắc đi 4 ngày đến bể, phía tây bắc đi đường bể 15 ngày đến Bột Nê, đi 10 ngày đến Tam Phật Tề, đi 7 ngày đến nước Cổ La, đi 7 ngày nữa đến nước Tử Phi Định giáp với Giao Chỉ. Nước ấy có 3 vạn lính giỏi).

Lúc ấy An Nam có Dào Tề Lượng họp bè đảng đánh cướp thành ấp. Mẹ Lượng là Kim thi, thường lấy trung nghĩa dạy bảo Lượng, Lượng ngoan cố không chịu nghe, bà liền đoạn tuyệt với Lượng, tự làm ruộng để nuôi mình, tư dệt vải để mặc. Vua Đường ban chiếu cho 2 người đến hầu hạ nuôi dưỡng. Sứ giả ở đạo ấy quanh năm phải đi lại thăm hỏi đến hết đời bà²⁾.

Mậu Thân [768] (Đường Đại Lịch năm thứ 3), nhà Đường lại đổi Trần Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Canh Thân [780] (Đường Đức Tông, Kiến Trung năm thứ 1), nhà Đường lấy Phụ Lương Giao làm An Nam đô hộ.

Nhâm Tuất [782] (Đường Kiến Trung năm thứ 3), mùa thu, tháng 8, tư mã Diên Châu là Lý Mạnh Thu, thứ sử Phong Châu là <8a> Bì Kỳ làm phản đều chịu tội chết.

Giáp Tý [784] (Đường Hưng Nguyên năm thứ 1), lúc ấy người ở quận Cửu Chân nước ta là Khương Công Phụ làm quan với nhà Đường. Công Phụ có tài cao, đỗ tiến sĩ làm bài văn sách hơn người, được bổ làm hiệu thư lang, rồi sang chức húu thập di kiêm chức kinh triệu hô tào tham quân, lại được vời làm hàn lâm học sĩ. Mỗi lần yết kiến, ông tâu bày rõ ràng, rành mạch, vua Đường rất trọng ông, dần dần ông làm đến giàn nghị đại phu, tiến đến chức trung thư môn hạ bình chương sự. Vì ông can ngăn thẳng thắn, trái ý vua nên bị biếm quan. Em ông là Công Phúc cũng đỗ tiến sĩ, làm đến chức tả bộ lang trung (chữ "tỷ", sử cũ chép chữ "bác" là làm).

(Công Phụ là người Sơn Ôi, huyện Yên Định, cha là Định. Công Phụ làm quan với nhà Đường, lần lần đến chức hàn lâm. Ông từng đi theo vua trong những lúc hiểm nghèo, dâng kế hay, can việc dở, phần nhiều là có ích. Khi vua đến Phụng Thiên, ông xin cho bắt Chu Thủ đi theo và khuyên vua đưa hết các đạo binh vào trong thành. Những việc

1. Côn Lôn : Chỉ các đảo ở miền Nam Hải; Đồ Bà còn gọi là Chà Va tức là Java ở quần đảo Nam Đường.

2. Xem Tân Đường thư quyển 205, liệt Nữ truyện Kim tiết phụ.

xảy ra hết thảy đều như dự đoán của ông ⁽¹⁾. Đức Tông khen ông có tài năng, cất nhắc lên làm tể tướng. Sau vì can việc chôn cất con gái cả của vua là Đường An công chúa quá hậu, trái ý vua bị giáng chức tá thứ tử, lại bị biếm làm Tuyên Châu biệt giá.

Đường Thuận Tông lên ngôi, cho ông làm thứ sử Cát Châu, chưa nhậm chức thì mất, được tặng Lễ bộ thượng thư ⁽²⁾. Công Phụ giỏi văn chương có làm bài phú "Bạch văn chiếu xuân hái" (Mây trắng trên biển xuân). Lời văn như sau:

"Mây trắng ùn ùn, kéo lùa dài trên mặt biển xuân; khoảng không sạch bách; tăng hán trại giáng. Bóng sấp so le bao bọc xung quanh cõi nhât; vẻ lồng chồng chập, rẽ chia cách nèo <8b> cung trắng".

Lúc ban đầu:

Cửa trời mở; yên quang chúa.

Bèn phai phoi mà theo rồng; rồi nhẹ nhàng mà phát dá

Ra hang cùng mà cao bay; vượt sông ngang mà xa bùa

Cho nên:

Biển in mây mà thêm xuân; mây soi biển mà sinh trắng.

Khi hây hây mà sáng ngời; lúc trầm trầm mà biếc hàn.

Bầu không mới nổi, đồng vẻ đẹp mà đều trôi, khi biển vừa thâu với áng trong mà chiếu bắn.

Mây vốn vô tâm mà giăng cuốn; biển há có ý gì mà dầy voi.

Bên thì chúa chan tràn đất; bên thì buông thả dày trời.

Bóng rợn nước mà rung động; hình theo gió mà đổi dời.

Soi bóng hồng mà cùng rạng; ngang nước lục mà đều tươi.

Khi bấy giờ:

Trên đảo giá tan, bên bờ tuyết sạch.

Cung đèn vẽ cảnh băng lai; hoa cỏ ngỡ gương thuỷ mặc.

Cây Quỳnh bóng gác thêm xinh; dài diêu (ngọc) mây che càng rực.

Chim cùng bay cao thấp tăng không; cá duза lội thành thoi dưới vực.

Thay đều:

Thích ý muôn loài; phi tình mỗi vật.

Treo lén đâu ghênh trông mây trông bế.

1.DVSKTT chép : Công Phụ từng xin giết Chu Thủ, vua Đường không nghe, hổng kinh sư có loạn, vua Đường tử của vườn di ra, Công Phụ giữ vua lại can rằng : "Chu Thủ đã làm tướng ở đất Kinh đất Nguyên được lòng quân lính, vì Chu Thủ làm phản nên bị cách chức, thường ngày vẫn phản uất, xin bắt ngay đi theo chở để bọn hung ác đón đưa". Lại chép "Vua Đường đi Phùng Thiên, có người nói Thủ làm phản xin phòng giữ. Vua Đường nghe lời Lư Ký chiếu cho quân các đạo đóng cách xa thành 1 xa, muối đói Thủ đến đón". Công Phụ can rằng : "Nay cầm binh dã út mà quân lính và ngựa đều ở ngoại, thần thấy nguy cho bệ hạ lắm". Vua Đường khen là phải, cho gọi hối vào trong thành.

2. Xem Đường Thư quyền 138, Khương Công Phụ truyện.

Mây thì khoe gấm phơi màu; bể thì vân khôi rạng vẻ,
 Sắc chi băng sắc trắng tinh; mùa nào băng mùa xuân trẻ.
 Dẹp thay sắc xuân rực rõ biệt bao,
 Xinh thay mây trắng trong ngàn xiết kẽ.
 Đến dòng xanh ngày đêm ấy, ngâm cảnh lạ lúc bấy giờ
 Kia ai tốt dẹp, mắt ngó sững sờ
 Buồng chèo quế; phát buồm hoa
 Lòng voi voi nơi đầu bờ; mắt voi voi bên cùng bờ
 Hồi mây người ngọc thiết tha”⁽¹⁾

Thời nhà Đường suy tàn cho là kiệt tác).

Tân Mùi [791] (Đường Chinh Nguyên năm thứ 7), mùa hạ, tháng 4, An Nam kinh lược sứ là Cao Chính Bình làm chính sự [bát dân] đóng thuế nặng. Người Đường Lâm thuộc Giao Châu là Phùng Hưng khởi binh đánh lại, chiếm giữ thành. Phùng Hưng là nhà hào phú <9a> có sức khoẻ có thể vác trâu bắt hổ. Trong năm Đai Lịch nhà Đường, nhân Giao Châu có loạn ⁽²⁾, em Hưng là Hải, hàng phục được các ấp lân cận. Hưng xưng là Đô Công, Hải xưng là Đô Bảo đánh nhau với Chính Bình rất lâu mà không thắng được. Đến khi ấy dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn đem quân vây phủ, Chính Bình lo sợ phản uất sinh ung thư ở lưng rồi chết. Hưng vào ở trong phủ ly cho Hải làm thái úy, chàng bao lâu thì Hưng mất. Mọi người muốn lập Hải thay. Trong tướng tá của Hưng có Bồ Phá Lặc, có sức bạt núi, không chịu nghe theo. Mọi người bèn lập con Hưng là An làm Đô phủ quân. Hải lánh Bồ Phá Lặc, vào ở động Chu Nham. An đã được lập liên tôn cha là Hưng làm Bố Cái Đại Vương. (Tục gọi cha là bố, mẹ là cái cho nên lấy chữ “bố cái” làm hiêu). Người địa phương thấy sự linh ứng bèn lập đền thờ ở phía tây Đô phủ ⁽³⁾. (Đền thờ này ở phường Thịnh Quang. Dân phường Đông Tây gọi ông là Tây Hưng Vương. Xét thấy sách *Dã sử biệt lục* chép: “Khi Phùng Hưng đánh đô hộ phủ, có Đỗ Luân đem kỳ binh ⁽⁴⁾ đến hội chiến, khói lửa thâu đêm, chiêng trống vang trời. Chính Bình kinh sợ mà chết. Lại theo sử nhà Đường chép: Năm Trinh Nguyên thứ 7 [792] tháng 4 thủ lĩnh An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản phải chịu tội chết, chứ không dè cập đến việc Phùng Hưng <9b>. Truyền Phùng Hưng là theo sách *Cử Trang lục* thuật lại. Còn đầu đuôi việc Anh Hàn cũng không ghi rõ. Lại chép từ sau Trương Bá Nghi thì Cao Chính Bình thay ⁽⁵⁾ làm kinh lược, Trương Ứng Kế lại thay Chính Bình làm kinh lược, Ứng Kế mất, bọn liêu ta là Lữ Nguyên Khánh, Hồ Hoài Nghĩa nhân dấy dựa vào quân lính mà bức hiếp châu huyễn, thà sức làm càn Nhà Đường cho người tôn thất là Lý Phúc làm Linh Nam tiết

1. Chúng tôi sử dụng bản dịch của Sảng Định in trong sách *Lịch sử văn học Việt Nam* của Nguyễn Đông Chí xuất bản năm 1942.

2. Văn bản là chữ “ky” (基), phải là chữ “loạn” (亂) mới đúng.

3. Nay ở xã Cam Lâm, huyện Phục Thổ, tỉnh Hà Tây, con co dến thờ Phùng Hưng.

4. Văn bản là chữ “ngõ” (埶), phải là chữ “binh” (兵) mới có nghĩa.

5. Nguyên bản là chữ “thi” (斯), phải là chữ “đại” (代) mới có nghĩa.

dộ. Lý Phúc ⁽¹⁾ đến nơi, dụ Hoài Nghĩa đến đánh chết, bắt Nguyên Khanh đi dày; cõi Nam được yên ổn. Phúc còn dậy dân dúc ngồi. Người Phương Nam biết lợp nhà ngồi là bắt đầu từ Phúc. Ứng Xứng chủ rằng Đường Lâm ở huyện Phúc Lộc và cho là Phúc Lộc ngày nay. Xét theo Đường địa chí thì chau Phúc Lộc có 3 huyện là Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc. Từ Hoan Châu di về phía đông 2 ngày đến chau Đường Lâm. Huyện An Viễn tức huyện Nhu Viễn, di về phía nam qua sông Cổ La 2 ngày thì đến sông Đàm Động nước Hoàn Vương. Xét về địa lý thì rất gần với Nhật Nam, hẳn không phải là đất Sơn Tây ngày nay. Một bản khác chép là huyện Phúc Lộc ngày nay có xã Đường Lâm, ý là Phùng Hưng người xã đó. Xét trong sử, Ngô sứ quân là Nhật Khanh chiếm cứ Đường Lâm, mà Đường Lâm và An Viễn nối tiếp nhau ⁽²⁾. An Viễn nay là Gia Viễn. Đỗ Động, Đường Lâm núi sông liền một dải, thế thì Đường Lâm là ở khoảng giữa Hoài An⁽³⁾ và Mỹ Lương⁽⁴⁾. Đỗ Động nay là phủ Ứng Thiên⁽⁵⁾. Thay đổi qua nhiều đời nay ghi cả lại.

Tháng 5, nhà Đường đặt quận Nhu Viễn ở phủ trị. Tháng 7, lấy Triệu Xương làm đô hộ. Xương đến nơi, lòng dân mới yên. Xương sai sứ dụ [Phùng] An, Phùng An đem quân ra hàng. Xương bồi đắp La Thành cho thêm vững chắc. Ông ở chau 17 năm, sau vì đau chân xin về, vua Đường cho phép và lấy Lang trung bộ Binh <10a> là Bùi Thái thay làm kinh lược sứ ⁽⁶⁾.

Quý Mùi [803] (Đường Trinh Nguyên năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Bùi Thái sai san đất bờ ngòi trong thành, nhập lại làm một thành (đất bờ ngòi, có bản chép là ngòi ao). Tướng ở chau (chữ "chau" có bản chép là chữ "nha") là Vương Quý Nguyên đánh đuổi Thái. Thái chạy về Chu Diên (nay là huyện Yên Lãng). Bình mã sứ là Triệu Quân giết Nguyên và đồng đảng, rồi đón Thái về khôi phục chức cũ. Vua Đường cho gọi Triệu Xương đến hỏi tình hình. Xương đã ngoài 70 tuổi mà tâu bày vẫn rõ ràng rành mạch. Vua Đường rất lấy làm lạ, phong làm đô hộ. Xương đến nơi, người trong chau đều mừng, loạn lại yên. Năm ấy nhà Đường đặt phủ đô đốc ở 2 chau Phong và Hoan (Phong Chau thống lĩnh 18 chau ràng buộc thuộc Man Thực Thoan).

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: *Diên Hựu ngược đãi các hộ dân Lý, gây nên cuộc nổi loạn của Định Kiến. Chính Bình đánh thuế ở chau nặng đã thúc đẩy Anh Hán phái khởi binh. Triệu Xương đến lần thứ nhất thì dân được yên, đến lần thứ hai thì loạn cũng hết. Những quan lại ở biên giới tốt hay xấu hệ trọng đến như vậy đây. Đai để người Phương <10b> Bắc khinh suất, cho Giao Chau là nơi xa xôi hoang vắng, nên coi nhẹ việc tuyên lựa quan lại. Trong thời ấy, dân ta bị rơi vào cảnh lâm than, không kêu ai được. Nước ta tuy có người nổi loạn, nhưng chưa có người dẹp loạn ra đời. Đọc sử đến đây thật đáng ngậm ngùi than thở cho thời bấy giờ.*

1. Nguyên bản là "Hoài Phúc" sửa lại "Lý Phúc".

2. Văn bản là chữ "án" (安) phải là chữ "tiếp" (接) mới đúng.

3. Hoài An: Nay là huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

4. Mỹ Lương: Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

5. Phủ Ứng Thiên: Nay thuộc địa phận tỉnh Hà Tây.

6. Xem Tân Đường thư, quyển 170 (Triệu Xương truyện).

Mậu Tý [808] (Đường Hiến Tông, Nguyên Hoà năm thứ 3) Trương Chu làm An Nam đô hộ, đắp thêm thành Đại La, đóng 300 thuyền chiến, mỗi thuyền chứa 25 người lính chiến, 38 người phu chèo, thuyền xuôi ngược nhanh như bay. Lúc bấy giờ nước Hoàn Vương không triều công nhà Đường. Chu sai quân đến đánh, bắt được Đô thống Châu Hoan, Châu Ái của Nguy, chém 3 vạn đầu, bắt sống 50 người con của vua nước ấy, thu được voi chiến, áo giáp, khí giới rất nhiều. Lại thấy 2 thành của Châu Hoan, Châu Ái bị Hoàn Vương phá huỷ, sai dắp lại toàn ven (xét thấy Hoàn Vương ở Lâm Ấp còn gọi là Chiêm Bát Lao, cũng gọi là Chiêm Bà. Chỗ vua ở gọi là Chiêm Thành, nơi ở riêng gọi là Tề Quốc, lại gọi là Bồng Bì Thế. Trước kia trong năm Nhâm Thọ nhà Tuỳ [601 - 605], vua Lâm Ấp là Phạn Chí, bị Lưu Phương đánh bại, tháo chạy vắng mạng, thế rồi tập hợp tàn quân dựng nước riêng. Trong năm Trinh Quán [627 - 650], vua nước ấy là Đâu Lê. Đâu Lê mất <11a> con là Chấn Long lên ngôi, năm Trinh Quán thứ 19 [646], Chấn Long bị giết và tru di cả họ. Họ Phạn tuyệt nòi. Người trong nước lập con rể Đâu Lê là Bà La môn làm vua, nhưng các quan đại thần phế bỏ, thay lập con gái Đâu Lê cũng không ổn định được đất nước. Các quan đại thần lại dồn người con cô của Đâu Lê là Gia Cát Địa lập làm vua. Sau niên hiệu Chí Đức [756 - 758], đổi hiệu là Hoàn Vương. Đầu niên hiệu Nguyên Hoà [806 - 821], vì không chịu triều công, cho nên Trương Chu sang đô hộ. Chu làm An Nam kinh lược tuần quan, dần dần thăng lên phó đô hộ, ít lâu thăng đô hộ. Lại được sung chức An Nam bảo quản kinh lược Chiêu thảo sứ, xử trí sứ... Lại theo bài chí ở mộ ông đô hộ họ Trương của Liễu Tông Nguyên lược chép như sau: Ông từ khi làm lại, quen thuộc các nước vùng biển, đến khi nhận mệnh chuyên di chinh phạt, được trình bày mưu hay, thể sê nhổ hết gốc tai hoạ. [Khi ông đến] cất chứa quân lương, đắp xây thành luỹ. Hoàn Vương cậy sức bội nghĩa, ông lại cất quân đánh lần thứ hai, tiêu diệt được đồ đảng của chúng, mờ mang them được mấy khu đất. Ô Man cậy thế hiểm trở, khinh thường đạo đức. [Ông] vừa ra tay đã bắt hết bọn cầm đầu, chúng phải hàng phục, thu được 20 châu. Ông lo việc vượt bể có thể qua được, cũng có thể bị đắm, bèn san núi Liên Ô mở thành đường băng, lấp hẹp biển cả biến thành mương rãnh, bặt núi chọc trời phá làm bờ cao, mà dời dời được hưởng lợi. Ông lo ở biên giới có thể khi thế này, khi thế khác bên dung lại cột đồng để làm quy định chính thức. Khi cột đồng đã dựng lên thì sự an ninh ở nơi biên giới cũng được củng cố. Nơi bình thường ông cung phòng thủ như nơi gò đống hiểm trở, cho nên muôn dời không có nỗi lo lắng gì⁽¹⁾. Đây là khi Trương Chu ở An Nam. Cái lợi đào cảng của ông hơn cả Cao Biền, tác dụng cột đồng biên giới của ông hơn hẳn Mã Viện. Công lao ấy của ông có thể nói là vĩ đại đấy).

Kỷ Hợi [819] (Đường Nguyên Hoà năm thứ 14), mùa đông, tháng 10, thứ sú Hoan Châu là Dương Thanh đánh úp phủ thành. Đô hộ là Lý Tượng Cổ bị giết. Tượng Cổ từ thứ sử Hành Châu được nhắc lên làm An Nam đô hộ. Tượng Cổ người tham lam, bừa bãi không tuân theo pháp luật. <11b> Dương Thanh dời dời làm tù trưởng xứ Man, Tượng ghen ghét với sự giàu có của Thanh bèn gọi Thanh đến cho lầm nha môn tướng. Thanh ám ức muốn làm loạn. Gặp lúc sai đi đánh bọn Man Hoàng Động, Tượng Cổ trao cho 3 nghìn quân giúp Thanh đi đánh. Thanh và con là Chí Liệt quay về đánh úp và chiếm được phủ thành, giết Tượng Cổ và cả gia đình. Vua Đường lấy

1. Nguyên văn cả bài khá dài, nhưng ở đây tác giả chỉ trích lược một số đoạn, cho nên ý trong bài bị rời rạc.

thứ sử Đường Châu là Quế Trọng Vũ thay làm đô hộ di đánh Thanh. Trọng Vũ chán chữ không dám tiến. Thanh vào trong xứ Man làm loạn, rồi dẫn người Man Hoàng Động kết hợp với người của Hoàn Vương vào cướp phá (Tượng Cổ là cháu Tào Phục Minh, con Lý Cao thời Đường). Xét thấy người Man Hoàng Động ở phía nam Quảng Châu, Dung Châu, phía tây Ung Châu, Quế Châu, họ là Hoàng, ở động Hoàng Đăng bị lệ thuộc vào họ Nịnh. Đầu dai phía tây giáp Nam Chiếu, đầu năm Thiên Bảo [742 - 756], họ Hoàng mạnh lên liên kết với các tộc Man nổi loạn, đánh 18 châu của Quế Quản, đến đầu cũng đốt phá cướp bóc. Trải qua các năm Trinh Nguyên [795 - 805], Nguyên Hoà [806 - 821], lúc nổi loạn lúc hàng phục rất thất thường. Biên giới phía nam khổ vĩ chuyen đổi. Đến khi quân An Nam nổi loạn giết đô hộ là Lý Tượng Cổ, nhà Đường sai Trọng Vũ đánh Dương Thanh, không thắng nổi, lại lấy quan sát sứ của Quế Quản là Bùi Hành Lập sang thay. Ít lâu sau bị gọi về rồi chết. Đầu năm Trường Khánh [821 - 825], lấy Nghiêm Công Tố làm kinh lược sứ, Thôi Kết làm phó sứ. Giặc Hoàng lại nổi lên. Năm Trường Khánh Bảo Lịch [825 - 827], nhiều lần vào cướp phá lại thành mồi lo cho An Nam.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Xét Tông tử liệt truyện trong Đường thư: Dương Thanh chiếm An Nam, giết <12a> Tượng Cổ, vua Đường tha tội cho Thanh, đổi đi làm thứ sử Quỳnh Châu, lấy Trọng Vũ làm đô hộ. Thanh chống lại mệnh lệnh, Quế Trọng Vũ chia nhau dụ dỗ bọn tù trưởng đầu sỏ, quân lính đều theo, phá thành chém Thanh, tru diệt cả họ. Lại theo bản của Thiệu Kinh Bang: Tháng 6 năm ấy, tướng sĩ An Nam mở cửa thành, cho Quế Trọng Vũ vào, bắt Thanh chém chết. [Vua Đường] vẫn dùng Trọng Vũ làm đô hộ. Như vậy thì rất khác với sử [của ta chép].

Sử cũ chép rằng: Dương Thanh, khoảng năm Khai Nguyên [713 - 742] nhà Đường, làm thứ sử Châu Hoan. Thế thi từ năm Khai Nguyên [713 - 742] đến năm Nguyên Hoà [806 - 821] qua 5 triều vua gần 100 năm mà Dương Thanh vẫn làm thứ sử, cho đến đầu niên hiệu Thái Hoà [827 - 836] đời Văn Tông vẫn hãy còn? Trong đó có nhiều chỗ lầm lẫn, có lẽ tổ tiên của Thanh, năm Khai Nguyên làm thứ sử Hoan Châu thì phải hơn. Điều nữa là người thay Trọng Vũ là Hành Lập, người thay Hành Lập là Nguyên Tố [thế mà trong sử cũ] tự dùng này ra một ông đô hộ Nguyên Gia cùng thời với Trọng Vũ. Đây có lẽ là khảo cứu không được kỹ. Cho nên nhất thiết phải cải chính <12b>.

Quý mão [823] (Đường Mục Tông, Trường Khánh năm thứ 3), mùa đông, tháng 10, người Man Hoàng Động vào cướp phá.

Giáp Thìn [824] (Trường Khánh năm thứ 4), mùa đông, tháng 11, Đô hộ Lý Nguyên Tố⁽¹⁾ dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan. Nguyên Tố vì thấy cửa thành có dòng nước chảy ngược, sợ người trong thành sinh ý làm phản, nhân đó dời phủ lỵ (nay phía ngoài thành Đông Quan gọi là La Thành. Lúc đó Nguyên Tố dời phủ lỵ về mạn sông Tô Lịch).

1. ĐVS KTT và CM đều chép là Lý Nguyên Gia.

Khi đang dập thành nhỏ, có người xem dia lý nói: "Sức nhà ngươi không đủ để xây thành lớn, năm mươi năm sau sẽ có người ho Cao dinh đô xây phủ ở đây". Đến năm Hàm Thông (860 - 874), Cao Biền xây La Thành, đúng như lời người ấy nói.

Bính Ngọ [826] (Đường Kinh Tông, Bảo Lịch năm thứ 2), người Man Hoàng Động hợp binh với Hoàn Vương, lại vào cướp phá Lục Châu, giết thủ sứ Cát Duy (xét thấy trong sử nhà Đường chép việc ấy do An Nam đô hộ là Lý Nguyên Tố tâu lên. Vậy thì Nguyên Tố làm đô hộ có lẽ là ở thời ấy, mà sứ cũ chép Nguyên Gia là lầm).

Dinh Mùi [827] (Đường Bảo Linh năm thứ 3), nhà Đường dời phủ lỵ đô hộ sang huyện Tông Bình (Tông Bình là tên huyện đặt năm Vũ Đức thứ 4 [622], năm thứ 5 [625] đặt làm 2 huyện Giao Chỉ, Hoài Đức thuộc vào Giao Châu).

<13a> Mâu Thân [828] (Đường Văn Tông, Thái Hoà⁽²⁾ năm thứ 2), mùa hạ, tháng 6, thủ sứ Phong Châu là Vương Thắng Chiêu làm phản, bị Đô hộ Hàn Uớc giết. Tháng 9, quân ở phủ nổi loạn. Uớc bị Dương Thanh đánh đuổi, chạy về Quảng Châu. (Xét thấy đoạn này vẫn dựa theo sử cũ và có tham khảo sử nhà Đường. Duy chỉ có một việc Dương Thanh, theo *Tôn thất truyện* trong *Đường thư* thì đã bị Trọng Vũ giết, theo *Đường thế kỷ* thì năm ấy Thanh còn đuổi Hàn Uớc. Vậy thì Dương Thanh sống hay chết, mất hay còn, không khảo cứu vào đâu được. Hãy để tồn nghi).

Tân Dậu [814] (Đường Vũ Tông Hội Xương năm thứ 11), nhà Đường lấy Vũ Hồn thay Hàn Uớc làm kinh lược sứ.

Quý Hợi [842] (Đường Hồi Xương năm thứ 2), mùa đông, tháng 11, kinh lược sứ là Vũ Hồn sai tướng sĩ giữ phủ thành. Quân ở phủ nổi loạn, đốt lầu ở thành, cướp kho trong phủ. Hồn chạy sang Quảng Châu. Giám quân là Đàm Sĩ Tác vồ về quân làm loạn, chầu lai được yên.

Bính Dần [846] (tháng 3 trờ về trước là Đường Vũ Tông Hội Xương năm thứ 6, tháng 4 về sau là Tuyên Tông, Đại trung năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, Nam Chiếu vào cướp phá. Kinh lược sứ nhà Đường là Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo dẹp yên được (xét theo sử nhà Đường chép Nam Chiếu là Man <13b> Văn Nam. Sử cũ chép theo đó nhưng bò sót chữ "Văn" (文) mà chỉ chép là Nam Man vào cướp. Lại chữ Nguyên Dụ, sử cũ chép là Nguyên Hựu là lầm).

Dinh Sửu [857] (Đường Đại Trung năm thứ 11), mùa hạ, tháng 4, nhà Đường lấy Hữu Can Ngưu Vê đại tướng quân là Chu Nhai làm An Nam kinh lược sứ.

Mâu Dần [858] (Đường Đại Trung năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, nhà Đường dùng Vương Thức làm An Nam đô hộ. Thức là người có tài lược, đến phủ ông cho trồng cây lau làm hàng rào (chữ 篱 am là "diêu" nghĩa là cây lau, rậm rạp như loài sậy, trồng xen với cây gỗ để làm hàng rào). Bên ngoài đào hào sâu để tiêu nước ở trong thành; ngoài hào trồng tre gai, giắc cướp không thể xông vào được. Ông kén chọn day bảo quản linh rất tinh nhuệ, chẳng bao lâu quân Man Văn Nam kéo đến rất nhiều, đóng lại ở bến Cẩm Diền cách châu nửa ngày đường. Thức bình tĩnh sai người phiến dịch đến dụ dỗ, nói

1. Sự kiện này CM chép lui lại ở năm Bảo Lịch thứ 1 [825]

2. Văn bản là chữ "tông" (宗), may sửa lại là chữ "hoa" (華) cho dung với miêu hiệu.

đúng điều lợi hại, chỉ một đêm là người Man kéo đi và sai người đến ta lối nói: "Chung tôi chỉ đến bát bòn Liêu làm phản thôi chứ không phải đến cướp phá". Lại có Đô Hiệu (còn gọi là Đô Hiệu tướng) là La Hành Cung chuyên chính ở phủ dã lầu, quân tinh nhuệ dưới quyền chỉ huy đến 2 nghìn người, mà quản trong phủ đô hộ <14a> chỉ có vài trăm người gầy còm. Thức đến, dùng gậy đánh vào lưng Hành Cung rồi truất ra ngoài biên giới.

Trước kia kinh lược sứ An Nam là Lý Trác, hà khắc tham lam tự tư tự lợi, cưỡng mua của người Man một con bò chỉ trả họ một đầu muối, lại giết tù trưởng Man là Đô Tồn Thành. Người Man oán giận, dẫn đường cho người Nam Chiếu đến cướp biên giới. Vua Nam Chiếu là Phong Hữu sai tướng là Đoàn Tù Thiên vây hãm An Nam đô hộ phủ Họ tự xưng là "Bạch y một mệnh quân"¹. Nam Chiếu lại đưa ra 3 nghìn quân Chu Mỗ khu thư (linh thân cận nhà vua gọi là Chu Mỗ khu thư. Chữ "thư" nghĩa là dai bàng vỏ sậy) để trợ thủ. Người Dao Lâm, Phong Châu, An Nam ở đông Thất Quan (có bản chép là "Quán" (监)) Lâm Tây Nguyên, do thủ lĩnh là Lý Do Độc làm chủ, hàng năm vẫn đóng trú 3 biên giới gọi là phòng thủ binh, lại thường giúp Trác nộp tờ thuế. Viên tri châu Phong nói với Trác hãy xin bãi quân đóng trú, chuyên uỷ cho Do Độc phòng giữ. Trác tâu xin bãi 6 nghìn người ở phòng thu binh và bảo: Do Độc có thể tương đương một đội, ngàn được quân rợ Man xâm nhập. Thế là Do Độc thế cô không tư lập được. Quan Thác đóng tiết độ <14b> (Thác đóng là nơi sẽ khai thác biên giới phía đông). Giao Chi ở phía đông Nam Chiếu cho nên đặt chức ấy) của Nam Chiếu viết thư mời Do Độc, rồi đem con gái già cho con trai Độc, bổ làm Thác đóng Thác nha. Do Độc bèn đem quân phụ thuộc vào Man. Từ đó An Nam bắt đầu có mối lo về người Man. Tháng 5 năm ấy, người Man đến cướp phá bị Thức đánh lui. Mùa thu, tháng 7, có bọn gian ác nhiều lần nổi loạn, phao tin nói là nghe tin Kinh lược sứ Chu Nhai (Chu Nhai ở Quảng Châu) sai quân dưới trướng là quân Hoàng đầu (quân đội mũ màu vàng nên gọi là quân Hoàng đầu) vượt biển sang đánh úp ta. Bọn họ đêm đến vây thành, đánh trống reo hò: "Xin đuổi Thức về Bắc để chúng tôi đóng ở thành này chống giữ quân Hoàng đầu Phương Bắc". Lúc ấy Thức đang ăn, có người khuyên Thức nên lánh đi. Thức nói: "Ta rời một chút thì thành này vỡ ngay", rồi lại ngồi ăn thong thả đến xong bữa. Đoạn mặc áo giáp đưa tà hữu lên thành, dựng cờ đại tướng, ngồi quát mắng, bọn làm loạn bỏ chạy, hôm sau bắt được giết hết. Lúc bấy giờ Giao Châu luôn đói kém và loạn lạc, 6 năm không nộp thương cung (thương cung là tiền lụa nộp sang kinh sư để cung cấp cho vua dùng) trong quân không có khao thưởng. Thức bắt đầu sửa sang việc tiến công, khao thưởng quân sĩ <15a>. Chiêm Thành, Chân Lạp lại cho sứ qua lại².

Canh Thìn [860] (Đường ý Tông, Hàm Thông năm thứ 1), mùa xuân, giặc ở Chiết Đông là Cửu Phủ làm loạn. Nhà Đường với Vương Thức về phong làm Quan sát Chiết Đông, sai đi đánh dẹp. Lấy Lý Hộ thay làm đô hộ.

Tháng 11, người Thổ Man dồn quân Nam Chiếu, công hơn vạn người, nhân khi sơ hở đánh chiếm phủ thành. Đô hộ Lý Hộ và Giám quân đóng ở Vũ Châu bị quân Man

1. Bạch y một mệnh quân : Là "quân áo trắng liều mạng".

2. Xem Tân Đường Thư, quyển 167, Vương Bá truyện, phu Vương Thức truyện

danh, phải bỏ châu chạy. Lúc ấy Phong Hưu ở Nam Chiếu đã chết, con là Tù Long lên thay, tiêm xưng đế, đổi niên hiệu gọi là nước Đại Lễ. Long thích chém giết, luôn luôn xuất quân đánh, không năm nào yên. Con trai 15 tuổi trở lên đều bị bắt ra trận.

Tân Ty [861] (Đường Hàm Thông năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, vua Đường ban chiếu phát quân ở Ung Quán và đạo lân cận để cứu Lý Hộ đánh Nam Di.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Đường cho phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan làm An Nam đô hộ, kiêm các chức Kinh lược sứ, Xứ tri sứ. Lúc ấy Lý Hộ từ Vũ Châu thu thập <15b> quân sĩ bắn xù đánh bọn người Man lấy lại được Châu Thành. Vua Đường trách về tội bỗn mực Châu Thành, biếm làm tư hộ Dam Châu. Lại bị tội tự tiện giết Man tù là Đô Thủ Đăng kích động người Man khởi biến, bị đầy đi Chu Nhai. Mùa đông, tháng 10, nhà Đường sai Thăn sách tướng quân là Khang Thừa Huân đem quân cấm binh và quân ở Giang Tây, Hồ Nam đến An Nam. Quân Man phải rút đi.

Nhâm Ngọ [862] (Đường Hàm Thông năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, người Nam Chiếu lại vào cướp phá. Vương Khoan nhiều lần sai sứ sang cáo cấp. Vua Đường lấy quan sát sứ Hồ Nam trước là Sái Tập sang thay và đem đạo binh các châu Hứa, Hoạt, Từ, Biên, Kinh, Tương, Dâm, Ngạc, cộng 3 vạn người giao cho Tập để chống cự. Thé quân đã mạnh, quân Nam Chiếu sợ không dám ra. Đến đây có chiếu cho Tả thú tử là Sái Kinh di cai quản miền Linh Nam. Trước kia Linh Nam chia làm 5 quản. Giao Châu, Quảng Châu, Quế Châu, Ung Châu đều thuộc vào Linh Nam. Sái Kinh tâu xin chia làm 2 đạo và tự làm tiết độ sứ 2 đạo Linh Nam. Kinh vì thấy Sái Tập đem quân của các <16a> đạo đi chống cự người Man, sợ Tập lập được công, có ý ghen ghét, vì thế tâu rằng: "An Nam không đáng lo, kẻ thù phu cầu công, tụ tập nhiều quân, hao tổn lương thực, xin bãi bỏ lính thú. Tập cho là do tiếc của cải, nên vẫn xin lưu lại 5 nghìn quân. Tập nhiều lần dâng biểu, nhưng không được trả lời, do đó lại trình bày rằng Nam Chiếu rình mò sơ hở của ta từ lâu, tất sẽ lại đến. Lúc bấy giờ quân và lương đều thiếu, trí lực đều cùng kiệt, mới làm tờ trang nêu 10 điều nguy ngập trình với quan Trung thư. Lúc đó Tể tướng tin lời Sái Kinh, rút cục vẫn không xét đến tờ trang⁽¹⁾.

Mùa thu, tháng 7, vua Đường biếm Sái Kinh làm tư hộ Chu Nhai, rồi lệnh bắt phải tu tử. Lấy quan sát Quế Quản là Trịnh Ngu làm tiết độ (xét thấy Sái Kinh tuy cai quản công việc ở Linh Nam, nhưng lãnh trấn ở Châu Ung, Sái Kinh đặt ra những hình pháp hà khác với kẻ dưới như nướng, hun, róc, chém, bị người Châu Ung đuổi đi chứ không phải người Giao Châu đuổi).

Mùa đông, tháng 10, Nam Chiếu đánh Giao Châu, tiến vào xâm lược An Nam, quân sĩ có tới 5 vạn người. Tập sai sứ cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường ban chiếu phát 3 nghìn quân ở hai đạo Kinh [Nam], Hồ [Nam], 3 nghìn con em nghĩa chính (vì họ ứng mồ tòng quản, cho nên gọi thế) ở Quế Quản đóng ở Ung Châu. Vì Trụ ở Linh Nam tâu rằng quản Nam Chiếu tất đánh úp Ung Quản, trước hết hãy nên phòng bị nơi gần, chưa nên mưu tính ở đâu xa <16b>. Vua bèn ban chiếu cho Tập cấm quân ở trấn Hải Môn, sai Trịnh Ngu chia quân phòng ngự. Tháng 12, Tập lại xin thêm quân. Vua ban sắc cho Sơn Nam đóng đạo phát 1 nghìn tay nỏ đến. Tù tướng của Nam Chiếu là Dương Tư Tân, Ma

1. Xem Đường thư, quyển 222 thương, Nam Man truyện.

Quang Cao đem 6 nghìn quân đánh sát thành. Quân cứu viện không đến được. Tập chi đóng cửa thành cố giữ mà thôi.

Quý Mùi [863] (Đường Hàm Thông năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, Nam Chiếu đánh chiếm phủ thành đô hộ. Lúc đó Nam Chiếu đánh thành đang mạnh, quân ta hữu của Tập đều hết nhẫn, Tập di bộ cố sức đánh, trên mình trúng 10 mũi tên, muốn xuống thuyền của giám quân thì thuyền đã ra xa bờ bèn nhảy xuống biển chết, tất cả nhà 70 người đều bị giết. Liêu tá dưới trường là Phàn Xước, đem án phù của Tập qua sông trước nén thoát được. Tướng sĩ Kinh Nam hơn 4 vạn người⁽¹⁾ chạy đến bờ sông phía đông thành. Bọn Ngu hầu Nguyễn Duy Đức nói với mọi người rằng: "Chúng ta không có thuyền, xuống nước át sẽ chết, chỉ bằng quay về thành đánh nhau với người Man, lấy một người mình đổi lấy hai người Man thì <17a> cũng có lợi". Bèn quay về thành vào cửa Đông La (Đông La là thành của An Nam), người Man không phòng bị, bọn Duy Đức xua quân giết được hơn 2 nghìn người Man. Đến đêm tướng quân Man là Dương Tư Tấn mới từ thành con (thành nhỏ trong thành) ra cứu. Bọn Duy Đức đều bị chết. Quân Nam Chiếu hai lần vây hãm An Nam, giết và bắt sống gần 15 vạn người, để lại 2 vạn quân, sai Tư Tấn giữ thành An Nam. Người Di Liêu ở khe động không cứ xa gần, đều ra hàng. [Vua] Nam Chiếu cho thuộc hạ của mình là Đoàn Tù Thiên lãnh chức Tiết độ sứ ở phủ. Vua Đường ban chiếu gọi viện binh các đạo về, chia giữ đạo phía tây Linh Nam⁽²⁾.

Từ khi phủ thành bị chiếm, các tướng lại nhà Đường sai sang phần nhiều tạm nấp ở khe động. Vua Đường ban chiếu cho quân sở tại gọi về cứu giúp miễn thuế cho An Nam 2 năm.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Đường bô An Nam đô hộ phủ, đặt chức Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn ^⑩ cho Hữu Giám môn tướng quân là Tống Nhụng làm thủ sú Hành Giao Châu.

Trịnh Ngu tự trình bày là không có tài làm tướng suy, xin thay chọn người khác. Gặp khi <17a> Khang Thừa Huấn từ Nghĩa Thành đến châu, bèn bổ làm Linh Nam Tây Đạo tiết độ sứ, phát 1 vạn quân ở các châu Kinh, Tương, Hồng, Ngạc đi theo. Tháng 7, lại đặt An Nam đô hộ phủ ở Hành Giao Châu, lấy Tống Nhụng làm kinh lược sứ, bỏ chức tiết đô của Thừa Huấn, lấy Kinh lược sứ ở Dung Quận là Trương Nhân sang thay, thêm chức Câu dương Giao Châu sứ, thêm quân ở trấn Hải Môn cho dù 2 vạn 5 nghìn người, sai người di kinh lược An Nam để hòng tiến vào lấy phủ thành. Nhân chần chờ không dám tiến (xét thấy sứ cũ chép các đạo quân nhà Đường đến cứu viện, đóng ở Linh Nam không tiến, làm uổng phí công vận chuyển lương thực. Người ở Nhuận Châu là Trần Bàn Thạch dâng tấu xin cho đóng thuyền lớn nghìn hộc, từ Phúc Kiến chở gạo vượt biển đến Quảng Châu, quân lại dù lương ăn. Nhưng quan giữ việc mượn tiếng là thuê rồi cướp thuyền của thương nhân, vứt bừa bãi hàng hoá lên bờ. Thuyền ra biển có khi gặp sóng gió bị đắm, lại bắt họ phải đền gạo, mọi người rất khổ về việc đó. Đoạn này là chép theo

1. DVSKTT chép là 400 người.

2. Xem Đường thư, quyển 222 thương.

3. Trấn Hải Môn : Địa danh Trung Quốc.

sứ nhà Đường, còn như việc dụng binh của đô hộ phủ, không có quan hệ gì, không phải kỳ của nước ta cho nên theo đoạn văn đã lược đi mà chia đôi dòng chú, giữ lại sự ghi chép cũ.

Giáp Thân [864] (Đường Hầm Thông năm thứ 5), lúc đó quân sĩ tinh nhuệ Lưỡng Hà⁽¹⁾ đóng lâu ở An Nam bị khí độc, mười phần chết tới bảy <18a> Hạ Hầu Khảo cho rằng Trương Nhân nhu nhược không đủ sức làm việc bèn tiến cử Kiêu Vệ tướng quân là Cao Biền thay làm đô hộ, kiêm Tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ. Quân do Nhân nắm giữ đều trao hết cho Biền (Biền tên tự là Thiên Lý, cháu Cao Sùng Văn, đời đời coi giữ cầm binh, rất chịu khó học tập, thích bàn luận việc xưa nay, người trong hai quân⁽²⁾ đều khen ngợi. Lúc còn nhỏ theo hầu Chu Thục Minh. [Một hôm] có hai con chim cát cùng bay, [Biền] đương cung và khán rằng: "Nếu ta lợn lén được quý hiến thì hãy bắn trúng". Khán xong bắn một phát trúng luôn hai con chim, mọi người rất kinh ngạc. Vì thế đặt hiệu là Lạc Diêu Thị Ngự (Quan Thị ngự bắn rơi chim cát), lần lần được thăng đến Tá thàn sách đô Ngu hầu. Bọn Dảng Hạng⁽³⁾ làm phản, Biền đem hơn 1 vạn cấm quân đóng thú ở Trường Vũ, nhiều lần lập công, đổi làm chức phòng ngự ở Tân Châu, đến lúc này được tiến cử thay Nhân.

Ất Dậu [865] (Đường Hầm Thông năm thứ 6), mùa thu, tháng 7, Biền luyện quân ở trấn Hải Môn, chưa tiến. Giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn đẩy Biền đi, nhiều lần giục Biền tiến quân. Biền đem hơn 5 nghìn quân qua sông, hẹn Duy Chu đem quân ứng viện. Biền đi rồi, Duy Chu đưa quân còn lại đóng ở trấn Hải Môn không cho đi. Tháng 9, Biền đến Nam Định⁽⁴⁾ (Nam Định là tên nhà Đường đặt năm Vũ Đức thứ 4 [621] thuộc Giao Châu, có bắn không có chữ Nam Định). Người Man ở Phong Châu đông gần 5 vạn đang gặt ở ruộng, Biền áp lại đánh tan, thu số lúa đã gặt dùng nuôi <18b> quân.

Bính Tuất [866] (Đường Hầm Thông năm thứ 7), mùa hạ, tháng 4, Nam Chiếu bổ Đoàn Tù Thiên làm Di tập Thiện xiển tiết đô sứ, sai Dương Trấp Tư (sử cũ chép là Trương Trấp là lâm) giúp Tù Thiên cùng giữ An Nam. Lấy Phạm Ni Ta làm phủ đô thông, Triệu Nặc làm đô thống ở Phù Da (Phù Da chưa rõ ở đâu). Giám trận nhà Đường sai Vi Trọng Tế đem 7 nghìn quân đến Phong Châu.

Biền được thêm quân. Tháng 6, Biền đến Giao Châu, tiến đánh Nam Chiếu, nhiều lần đánh tan được. Tin tháng trận tâu về đến trấn Hải Môn. Duy Chu đều giàu đi. May tháng không có tin tức, vua Đường lấy làm lạ, xuống chiếu hỏi tình hình. Duy Chu tâu rằng: "Biền đóng quân ở Phong Châu nhàn nhã không chịu tiến". Vua Đường tức giận lấy Hữu vũ vệ tướng quân là Vương Yến Quyền thay Biền và gọi Biền về kinh đô, định

1. Cố lẽ Lưỡng Quảng hay Lưỡng Hồ thì đúng hơn

2. Vệ binh và cầm binh.

3. Dảng Hạng : Một dân tộc thiểu số của Trung Quốc.

4. Nam Định : Theo Đường thư địa lý chí thì huyện Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 thuộc Giao Châu. Theo Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sủ thời Tống thì ở huyện Nam Định có núi Đông Cửu. Theo Thành nhất thống chí thì núi Đông Cửu ở châu Gia Lâm. Hiện nay núi Đông Cửu ở huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc. Huyện Nam Định có thể ở địa giới huyện Gia Lương ngày nay.

phạt nặng. Tháng ấy, Biền đánh tan Nam Chiếu, chém tướng Nam Chiếu là Trương Thuyên, Lý Tra, Long Man, đưa về hàng vạn quân đầu hàng và nhổ được 3 luỹ ở Ba Phong. <19a> Nam Chiếu dẫn tàn quân vào thành cố giữ. Mùa đông, tháng 10, Biền vây thành hơn 10 ngày, người Man rất khốn đốn. Thành sập bị hạ, gấp lúc nhận được thông điệp của Vương Yên Quyền nói là đã cùng Duy Chu đem đại quân xuất phát từ Hải Môn đến, Biền lập tức trao việc quân cho Trọng Tể, rồi cùng bộ hạ hơn một trăm người về Bắc⁽¹⁾.

Trước đây, Trọng Tể sai Tiêu sứ là Vương Tuê thay, Biền sai Tiêu hiệu là Tảng Cổn cùng mang thư báo tin thắng trận về Đường. Đến giữa biển ngóng thấy cờ xí từ phía đông tới, hỏi những thuyền qua lại, biết đó là quan Kinh lược sứ mới và quan giám quân sang, hai người bàn với nhau rằng Duy Chu nhất định sẽ cướp lấy tờ biểu này và bắt giữ ta lại, bèn trốn vào trong hải đảo để Duy Chu đi qua sẽ lập tức phóng về kinh sư. Vua Đường nhận được tờ tấu mừng lắm, liền phong cho Biền làm chức Kiểm hiệu Công bộ thượng thư, sai Biền trở lại đánh quân Man. Biền đến trấn Hải Môn thì trở về. Yên Quyền dốt nát, lười nhác, động một tí là phải bẩm xin mệnh lệnh của Duy Chu. Duy Chu thì hung ác tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên bỏ lỏng vòng vây, người Man trốn đi quá nửa. Biền đến <19b> lại đốc thúc tướng sĩ đánh thành, tướng Man là Tráp Tư bị thương phải chạy về, quân của Biền nhân đó băng qua tường hạ được thành, chém Tù Thiên, Ni Ta, Nặc Mi và bọn Thổ Man, Chu Cổ Dao, kẻ dẫn đường cho Nam Chiếu hơn 3 vạn đầu. Quân Nam Chiếu bỏ trốn, Biền lại đánh phá 2 động Thổ Man theo Nam Chiếu, giết tù trưởng của chúng. Người Thổ Man kéo theo quy phục tới 1 vạn 7 nghìn người.

Tháng 11, vua Đường ban chiếu cho quân các bộ Giao Châu, Ung Châu, Tây Xuyên, đều phải giữ bờ cõi, không được tiến đánh nữa. Đặt Tỉnh Hải quân ở Giao Châu, trao cho Biền chức tiết độ, kiêm chức hành dinh chiêu thảo sứ các đạo (từ đó đến đời Tống, An Nam là Tỉnh Hải quân tiết trấn). Do Lý Trác tham bạo, người Man gây tai họa tới gần 10 năm, đến đây mới yên. Biền ở phủ trị đắp thành Đại La⁽²⁾ (Thành chu vi 1982 trượng 5 thước, thân thành cao 2 trượng 6 thước, chân rộng 2 trượng 5 thước, tường nhô trên bốn mặt 5 thước 5 tấc, có 55 chòi gác, 6 cửa tờ vò, 3 mương nước, 34 lối leo lên thành. Lại đắp con đê nhỏ vòng quanh thành dài 2112 trượng 8 thước, <20a> cao 1 trượng 5 thước, rộng 2 trượng và dựng hơn 40 vạn gian nhà. Biền đến đâu cũng thích xây thành Thành xây bằng đá gạch vững chắc. Khi xây La Thành ở đất Thục gấp gò đống đều phải san phẳng. Việc đắp thành ở nước ta làm tàn hại đến hình thế đất và chấn dứt long mạch át là nhiều. Đến nay nền thành vẫn còn, ở dưới móng đều xây bằng đá xanh, phu dịch rất nặng nề. Lại xét Nam Chiếu vốn là một giống Ô Man khác dòng dõi của Di Ai Lao. Tiếng Di gọi vua là chiếu. Người cầm đầu của họ trước kia có 6 vị, tự xưng là 6 chiếu, đó là Mông Xá, Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đặng Thiểm, Thi Lãng. Mông Xá chiếu ở phía nam các bộ cho nên gọi là Nam Chiếu. So với 5 chiếu kia thì nó là mạnh

1. Xem Tân Đường thư, quyển 224 hạ, Cao Biền truyện.

2. Thành Đại La do Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 [761] thời Đường ; năm 791, Triệu Xương đắp thêm ; năm 808, Trương Chu lại đắp thêm. Đến khi Cao Biền sang lại cho đắp thành ngoài bao quanh gọi là La Thành. Dấu tích thành cũ nay vẫn còn.

nhất ở vào khoảng giữa Vinh Xương và Châu Diên, phía đông giáp với Thoán phía đông nam thuộc Giao Chỉ, phía bắc đến Ích Châu, phía tây bắc giáp Thổ Phồn, phía tây là Nam Phiêu. Kinh đô của vua ở thành Dương Thư Mỹ, kinh đô khác nữa là Thiên Xiển (Từ châu Long Vũ An Nam di 1353 dặm thì đến thành Mông Xá, lại từ Mông Xá di 110 dặm đến thành Dương Thư Dương).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Một tên Lý Trác tham bạo mà đến nỗi dãm hoa giặc Man vài chục năm, huống lại có kẻ tàn ngược hơn Lý Trác nữa thì sao? Một mình Cao Biền dốc xuất thuộc tướng mà dã manh đến mức chém được vài chục vạn quân giặc, huống còn có người giỏi hơn Cao Biền thì sao? Cho nên Trác không thể tự giữ mình được, còn Biền lại chiếm được thành mà xưng vương. Người giỏi trị nước phải nên chọn người cho cẩn thận.

<20b> Dinh Hợi [867] (Đường Hàm Thông năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng,

Cao Biền đào cảng Dung Châu (1) (Biền di tuần đến đồn phía bắc Dung Châu, thấy đường vận chuyển trên sông nguy hiểm, có nhiều đá ngầm lớn, thuyền vấp phải sẽ bị dám, bèn ra lệnh cho Trưởng sứ là Lâm Phùng, tướng quân Hồ Nam là Dư Tồn Cổ đem quân bắn bộ và thuỷ thủ hơn 1 nghìn người đi khai thông nơi ấy. Biền dụ họ rằng: "Đạo trời giúp người nhu thuận, công thần giúp kè ngay thẳng, nay khai dòng nước biển để giúp sinh dân, nếu không vì lợi riêng thì có khó khăn gì. Đô hộ trước kia khao quân không chu đáo, giữ phép không kiên quyết, phu lời hẹn, mưu lợi riêng, vì vậy mọi người đều lười biếng. Nay ta không như vậy, mà chỉ cần giúp được việc cho nhà vua thôi". Bon Phùng lãnh mệnh đi. Mùa hạ, ngày 5 tháng 4, mộ thợ san đào, qua 1 tháng gần như thông được, chỉ có 2 nơi ở quang giữa đá to dựng đứng cao đến vài trượng, dùng búa, dao cũng không thể phá được, công việc tưởng chừng phải bỏ dở, thì ngày 26, tháng 5, ban ngày bỗng nhiên trời tối sầm lại, gió bão nổi lên, rồi sét đánh vài trăm tiếng ở nơi đá to ấy, phút chốc trời lại sáng sủa, đá đã bị nát vụn. Biền lại thấy sứ giả hàng năm phải qua lại nên lại muốn đục đá làm 5 con đường, đặt quân hộ tống. Các con đường đó đều là đá xanh. Có người truyền là Mã Viện đã không thể đục nổi. Mọi người thợ đều cho là khó. Ngày 21, tháng 6, lại có sét lớn như trước, đá to đều nát vụn, đường được thông. Vì vậy mới gọi là cảng "Thiên uy". Cảng này ở phía tây nam cách huyện Bác Bạch thuộc Bạch Châu 100 dặm (2).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Việc Cao Biền đào cảng sao mà lạ vậy. Có lẽ việc làm hợp lẽ phải cho nên được trời giúp. Trời tức là lẽ phải mà thôi. Trái đất có chỗ hiểm, chỗ bằng <21a> đây là lẽ thường. Sức người có thể vượt được chỗ hiểm cũng là lẽ thường. Nếu chỗ hiểm mà không vượt được, thì trời còn nhờ gì ở người nữa? Vua Vũ trị thuỷ, nếu không hợp với lẽ phải thì làm sao mà trời giúp cho hoàn thành được? Việc đưa đến một con rùa ở sông Lạc (3) để báo diêm lành há chẳng phải là trời giúp đó sao? Xem Biền nói rằng: "Nay khai dòng nước biển để giúp sinh dân".

1. Cảng Dung Châu, Thiên Hy thuộc Trung Quốc.

2. Xem Tân Đường thư, quyển 224 hạ, Cao Biền truyện.

3. Vua Vũ di trị thuỷ, có một con rùa to nồi lên ở sông Lạc dâng một cuốn sách. Vua Vũ bắt chước mà trình bày thành thiên hõng nhạm.

Lòng thành thê hiện ra ở lời nói thì niềm tin cảm thấu đến cả đá vàng huống là trời sao? Trời đá giúp tức là thuận. Kinh dịch nói rằng: "Vững lòng tin mà suy nghĩ điều thuận thì từ trời sẽ giúp cho đều tốt, không có việc gì là không lợi"⁽¹⁾. Vậy thì sét đánh tan đá để giúp có gì là lạ.

Sử thần Ngô Sĩ bàn: Cao Biền ở đất Giao Nam ta, đánh tan quân Nam Chiếu, cứu vớt nhân dân một thời xây đắp La Thành làm vững đô áp mài mãi, công áy thực là lớn lầm. Còn như khai thông đường vận chuyển, đặt nhà trạm sứ, tất cả những việc áy đều là theo phép công mà làm, không có một chút lợi riêng. <21a> Tinh thần chí khí khi áy có thể cảm cách được quý thần trở thành linh ứng. Sét đánh tan đá thực là trời giúp để biểu dương sự siêng năng của ông. Thời Ngũ Đại, Vương Thẩm Tri⁽²⁾ ở đất Mân, người buôn bán của Man Di qua lại trên biển bị ngăn trở ở Hoàng Kỳ⁽³⁾, một đêm sét đánh mở ra thành cảng. Người Mân quy cho là nhờ đức độ của Thẩm Tri cảm thấu đến trời, nên mới gọi là cảng Cam Đường. Việc của Biền thực giống việc này. Còn như việc tri thuỷ của vua Vũ, công để lại muôn đời, làm sao việc của Biền có thể giống được? Ngô Sĩ Liên lấy Vũ để so sánh với Biền là so sánh không đúng đắn. Đào cảng không nằm trong địa phận nước ta dâng ra là bò di. Thế nhưng cứ ghi lại để khảo cứu cho nên chia đôi dòng chú việc áy.

Mậu Tý [868] (Đường Hàm Thông năm thứ 9), mùa thu, tháng 7, Cao Biền vì có công đục đá thông đường vận chuyển nên được thăng chức kiểm hiệu thượng thư hữu bộ cự xạ. Trước kia khi Biền ra trấn, cháu họ của Biền là Cao Tâm đã từng làm tiên phong, xông pha mũi tên hòn đạn, làm gương cho <22a> quân sĩ. Khi Biền dời sang Thiền Bình, tiến cử Tâm sang thay mình, được chiếu phong cho Tâm làm tiết độ sứ ở Giao Châu. Hy Tông lên ngôi, vì Nam Chiếu cướp phá Thành Đô, đổi Biền làm tiết độ sứ Kiếm Nam, Tây Xuyên (Biền ở trấn từ niên hiệu Hàm Thông năm Quý Mùi [863] đến năm Mậu Tý [868]). Tâm từ niên hiệu Càn Phù năm Ất Mùi [875] đến năm Mậu Tuất [878].

Canh Tý [880] (Đường Hy Tông, Quang Minh năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, Tù trưởng Nam Chiếu là Pháp (Long đã chết, con là Pháp lên thay) vào cướp phá. Lúc ấy Cao Biền chuyển sang Trấn Hải, Thôi An Tiêm làm tiết độ Tây Xuyên. Nam Chiếu biết Thục mạnh, nên lại đánh úp An Nam và phá được thành. Đô hộ là Tăng Cổn (bản khác chép là Duệ) chạy sang Ung Phủ. Quân đóng trú cũng tan vỡ (sử cũ chép là quân nổi loạn là vì không rõ đấy). Cổn trước kia là tiểu tướng của Biền, đến khi thay Biền, nổi tiếng là khéo võ vè. Mọi người gọi là Tăng Thương thư, đã từng soan thiên Giào Châu ký. Vua Đường vì thấy Nam Chiếu đã lâu ngày ngang ngạnh, nên dùng kế kết thân, đem con gái tôn thất là công chúa An Hoá嫁 cho tù trưởng Pháp. Pháp sai tể tướng là bọn Triệu Lồng Mị, Dương Kỳ Hỗn, Đoàn Nghĩa Tông đi dón công chúa. Lúc đó Biền ở Dương Châu, tâu rằng ba người ấy đều là kẻ tâm phúc <22b> của Nam Chiếu, xin đánh thuốc

1. Câu này ở quẻ "Lý" trong Kinh Dịch.

2. Vương Thẩm Tri : Người thời Ngũ Đại, theo Vương Tụ, sau khi Vương Tụ bị giết, được dùng làm phó sứ, sau lại làm Vũ uy quân tiết độ sứ được phong Mân Vương.

3. Hoàng Kỳ : Địa danh Trung Quốc.

độc giết đi thì đất Man có thể lấy được, vua Đường nghe theo. Ba người ấy đều bị chết. Nam Chiếu hết mưu thầm, bị suy thoái. Từ đó không dám dòm ngó nước ta nữa. (Xét thấy Cao Biền ở đô hộ, công trang cũng có cái dáng thuật lai. Từ khi Cao Biền dời đến trấn ở Xuyên Thục, lại chuyển về Hoài Nam, đáp xong thành, mở dù quân người đương thời đều dựa vào Biền và rất kính trọng. Thế nhưng Biền lại giữ lòng dạ lùng khùng để mắng cho Hoàng Sào đánh hạ hai kinh. Người nhà Đường vẫn mong Biền lập công, vẫn yêu mến nhờ cây như cũ, lần lần thăng đến chức Bột Hải quận vương. May lúc trong nước loạn lạc Biền âm mưu cát cứ. Một khi bị thất thế, uy danh mất hết bèn chú ý vào phép tiên. Biền đem việc quân giao hết cho Lữ Dụng Chi. Dụng Chi là kẻ gian tà tiểu nhân, dùng lời phù phiếm dối trá đùa dồn Biền như con trẻ. Dụng Chi từng tiến người điện là Gia Cát Ân làm thay tướng và nói dối rằng: Thương để cho người thân để làm vây cánh. Biền vui mừng một cách la thường. Chi lại sai đồng đảng của nó đem dâng Biền một con dao găm bằng đồng và nói dối rằng vua Phương Bắc đã từng deo nó. Biền lấy làm quý và giữ kín, khi đứng khi ngồi cũng mang theo bên mình. Biền làm lâu cao 80 thước gọi là lâu nghênh tiên, tẩm gội ăn chay ở trên đó, mong được tiếp xúc với tiên. Biền lại làm con chim hộc già để giữa sân, rồi đặt máy ở trong đó, hễ người chạm đến là nó bay. Dụng Chi lại dạy Biền phái cát đút vợ lẽ con hầu, từ giã tướng lại để đề phòng kẻ phát hiện sự gian dối của mình. Biền bị Dụng Chi mê hoặc, cuối cùng Dụng Chi bắt Biền bỏ tù cho đến chết.

Sau Dương Hành bí mật đào đất, được tượng người bằng đồng, cao 3 thước, thân bị đóng gông và đóng đinh vào mõm, khắc tên Biền vào lưng. Có lẽ là Dụng Chi yểm Biền dày. Sự ngu muội của Biền một sớm mà đến nỗi như thế. So với mưu lược đánh phá quân Man, trí khôn xay dát La Thành, việc đào cảng thầu đến uy trời trước kia, thì như chia ra hai loại người khác hẳn là tại làm sao vậy? Nay người nước ta truyền rằng Biền rác hạt đậu xuống đất, đọc câu thần chú, hạt đậu biến thành quân, nhưng vì đào lên trước kỳ hạn nên non yếu không đứng lên được. Lại truyền rằng Biền cưỡi con <23a> diều bằng giấy để tìm huyết đất trong cõi nước ta. Có lẽ cũng vì nghe được việc Biền học phép tiên và chuyện Biền cưỡi con chim hộc mà nói ngoa ra. Cho nên nhân dân viết phụ truyện Cao Biền vào để xoá bỏ sự mê hoặc của người đời. Lại còn bản Địa lý di cảo⁽¹⁾ ở nước ta, người ta cứ đua nhau suy tôn và bàn tán về môn địa lý [phong thuỷ] của Cao Vương, nhưng khi Biền ở nước ta, đang lúc Đường Lý rối ren, Nam Chiếu dòm ngó, phải lo việc quân còn chưa rõ, việc chiến trường mới tạm yên, lại phải dời về Tây Xuyên, đâu còn có công phu nhàn rỗi mà cấp địa bàn di hàng vài nghìn dặm để xem long mạch đất cát sông ngòi làm ra sách Kiêm ký, để chọn đất sẵn cho người đời sau được? Di cảo ấy có lẽ là thời Trần có một nhà địa lý giả tên Cao Biền để làm cho thần kỳ cái thuật của mình đầy thôi. Sách của Hoàng Phúc cũng vậy)⁽²⁾.

Át Sứu [905] (Đường Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Chu Toàn Trung nhà Đường cho rằng Tiết độ sứ Giao Châu là Chu Toàn Dục, ngu xuẩn không có

1. Hiện nay trong kho sách Hán Nôm thuộc Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn bản Địa lý di cảo ký hiệu A. 536. Sách nói về các kiệu đất của tỉnh Sơn Tây cũ.

2. Hoàng Phúc là tướng nhà Minh, tướng truyền là người giỏi về phong thuỷ, có viết sách Kiêm ký. Nay còn có sách Địa lý Hoàng Phúc cảo.

tài, tự xin với vua Đường bái bô Toàn Dục (Toàn Dục là anh Toàn Trung, chỉ ở xa lánh chức chứ không phải thực sự đến trấn lính).

Bính Dần [906] (Đường Thiên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, tháng cho Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Hựu, chức đồng bình chương sự. Trước đây Giao Châu loạn, Tiết độ là Tảng Cổn bỏ thành chạy về Bắc Thừa Hựu vốn là thố hào, tự xưng là tiết độ rồi xin mệnh với nhà Đường, vua Đường nhân đó trao cho chức ấy.

Trên đây là kỷ Nội thuộc Tuỳ Đường từ năm Quý Hợi [601] (Tuỳ Nhân Thọ năm thứ 2) đến năm Bính Dần [905] (Đường Thiên Hựu năm thứ 3), tổng cộng là 304 năm.

<23b> Thông luận của sứ thần Ngô Thị Sí: Xét thấy từ đầu thời Đường, chia thiên hạ làm 15 đạo, lấy đất 9 quận của nhà Hán làm đạo Linh Nam, trong đó các quận Thiều, Quảng, Khang, Doan, Phong, Bội, Đăng, La, Lôi, Nhai về phía đông thuộc phận dã tinh kỳ; các quận Quế Liêu, Uất Lâm, Phúc Chiêu, Cung Mông, Tú Dung, Bạch La về phía Tây, và An Nam đều thuộc phận dã Thuần Vĩ. Trong 5 quận thì Quế, Quảng, Ung, Dung, đặt đô đốc phủ, riêng An Nam đặt đô hộ phủ và đều thống thuộc vào Linh Nam. Năm Vũ Đức thứ 5 [622] (gọi là Giao Châu, lúc đó còn đặt đô đốc, phần nhiều dùng người tôn thất làm chức đó. Sau đổi đặt là đô hộ, thỉnh thoảng dùng đến cả bề tôi có tài năng, không phải chỉ chuyên dùng người tôn thất¹). Quận thuộc đô hộ đều đặt chức thủ sứ. Riêng Hoan Châu, Phong Châu lại có đô đốc. Chức gọi là tiết độ thì năm tổng quát các chức mà thôi, cùng với chức thái phòng sứ đều đặt trụ sở ở Quảng Châu. Còn gọi là kinh lược thì lúc cần <24a> mới đặt ra, không phải là chức quan chính. Từ năm Diêu Lộ [679] về sau, không gọi là Giao Châu mà gọi là An Nam. An Nam ta từ Triệu Vũ Đế Đà về sau, hơn một nghìn năm lệ thuộc vào Phương Bắc, dù các nước nhỏ như Lâm Ấp, Phú Nam, Chân Lạp, Ai Lao họ cũng đều có vua riêng, chứ không có nước nào quá đổi như nước ta, tại sao vậy? Các nước ấy ở nơi chân trời góc bể, nhân dân của cải đều không đủ làm lợi cho Trung Quốc, họ làm phản thì bị đánh, phục tùng thì tha có triều cống hay không cũng không đáng trách. An Nam ở phương nam là một nơi đô hội lớn, ruộng ưa trồng lúa, đất ưa trồng dâu, núi thì sản sinh vàng bạc, bể thì sản có ngọc châu. Kẻ buôn bán đến đây phần nhiều giàu có. Họ lấy làm thèm thường muốn đặt nước ta làm quận huyện, bắt dân ta phải làm tôi túi lâu. Khi chưa được thì muốn cho được, đã được rồi thì há chịu buông tha. Đường đường một nước đâu phải là không có anh hào, sao lại phải cúi đầu cúi mặt mà vui lòng chịu sự sai khiến của <24b> đô đốc, thủ sứ?

Nước nội thuộc dã từ lâu, bị chia quận đặt quan lại, như bày bàn cờ trên đất ta, quyền ra oai làm phúc ở trong tay thì ai mà không kính cẩn tuân theo. Một thố hào nổi lên thì quận thủ dập tắt; một quận thủ nổi lên thì thủ sứ tập hợp lại mà đánh; thủ sứ nổi lên thì Trung Quốc đốc toàn lực mà trị ngay. Lý Tồn, Lương Thạc thời Tân; Dương Thành, Lý Mạnh Thu, Bì Ngạn, Mai Thúc Loan, Vương Thắng Triệu v.v.. thời Đường đều như vậy.

1. Văn bản là chữ "thanh" (城) theo chung tôi ở đây phải là chữ "thái" (泰) mới đúng.

Hai vua Lý và vua Triệu có lẽ vì dương lúc nhà Lương nhà Trần chỉ yên ổn được một vùng, miền Giang Tả nhiều việc, không để ý lâm đến Giao Châu cho nên mới giữ được đất dai mà đặt quốc hiệu đến năm sáu mươi năm. Nếu ở vào thời Hán Đường toàn thịnh, thì họ há lại chịu bù mất đất dai đã chiếm được, bù sự cống hiến đã có được để cho mình tự làm một nước lớn ngoài miền Ngũ Linh hay sao? Vì thế mà nói lên rồi bị dập tắt, cứ kế tiếp nhau. Rút cuộc cũng chỉ là chuyện nổi loạn. Lúc cui mệt lúc ngang đầu, hàng nghìn năm làm quen huyện nội thuộc. Ôi cũng là cái thế xui nén như vậy. Hơn nữa ý trời chưa muộn <25a> ta được bình tri mà cứ đổ cho việc tại người thì có được chăng? Còn như nước Chiêm Hoàn từ khi bị Lưu Phương quét cho một trận thua đau, qua vài đời, sau khi tụ tập được, lại dòm ngó biên giới phía nam. Nam Chiêm tuy lớn mạnh, chà dập lên đất Quảng đất Thục, đi đến đâu như quét tối đó. Dâng ra là tạm thoả mãn mới phải, thế mà hàng năm vẫn cướp phía nam không thôi. Quân Man ấy chẳng phải là tham nước ta giàu có cho nên không sợ sóng gió, vượt hiểm trở, mong tranh chấp của cài với người Đường để dùng về việc quản, việc nước dấy sao?

Trương Chu đánh nước Chiêm Hoàn xây thành ở Hoan Châu, Ái Châu, Cao Biền nhiều lần đánh bại Nam Chiêm, bảo toàn An Nam, họ đều có công với đất nước ta mà Biền lại nhảm chức lâu hơn Chu. Nay trong nước, đàn bà trẻ con đều biết nói rằng các quan thủ mục tướng suý trước sau đều không bằng Cao Biền.

Công danh của Biền là khá han đáy.

HẾT QUYỀN VI NGOAI KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KÝ

QUYẾN VII

<1a>

KỶ NAM BẮC PHÂN TRANH

Dinh Mão [907] (Đường Thiên Hựu năm thứ 4, Lương Thái Tổ, Chu Toàn Trung đổi tên là Hoảng, Khai Bình năm thứ 1. Năm này nhà Đường mất), nhà Lương cho Tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ân kiêm Tỉnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ, ít lâu sau phong Nam Bình Vương, lúc đó Ân chiếm giữ Phiên Ngung; người Giao Châu là Khúc Hạo giữ tri sở châu, xưng tiết độ sứ. Họ chỉ muốn thôn tính nhau.

Tân Mùi [911] (Lương Càn Hoá ⁽¹⁾ năm thứ 1), nhà Lương tiến phong Lưu Ân làm Nam Hải vương. Năm ấy Ân mất, em là Nghiêm nối ngôi.

Dinh Sửu [917] (Lương Mat Đế, Hữu Trinh đổi tên là Húc, Trinh Minh năm thứ 3), Nam Hải vương là Lưu Nghiêm lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đổi niên hiệu là Càn Hanh năm thứ 1, rồi lại đổi quốc hiệu là Hán (tức Nam Hán). Khúc Hạo <1b> sai con là Thừa Mỹ làm hoan hảo sứ đến Quảng Châu dò xét hư thực. Hạo mất, Thừa Mỹ lên nối ngôi.

Kỷ Mão [919] (Lương Trinh Minh năm thứ 5), Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin tiết việt ⁽²⁾ nhà Lương trao cho, rồi cho cai quản 12 châu. Vua Hán nghe tin giận lắm.

Quý Mùi [923] (Lương Long Đức năm thứ 3; Đường Trang Tông Lý Tồn Húc, Đồng Quang năm thứ 1), năm ấy nhà Lương mất. Mùa thu, tháng 7, vua Hán là Nghiêm sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính (có bản chép là Lý Thủ Dung, Lương Khắc Trinh, cũng có bản chép là Lý Hoà Thuận) lĩnh quân đánh Giao Châu, bắt tiết độ sứ là Thừa Mỹ đem về, cho tướng là Lý Tiến thay. Khắc Chính ở lại giữ châu, bị tướng của Khúc Hạo là Dương Đình Nghê, người Ái Châu đánh đuổi. Vua Hán trao tước vị cho Đình Nghê, lấy Lý Tiến làm thứ sứ Giao Châu, cùng Lý Khắc Chính giữ thành ấy. Vua Hán nói với ta hữu rằng: "Dân Giao Chỉ thích làm loạn, chỉ nên ràng buộc mà thôi". (Thừa Mỹ đến Nam Hải, vua Hán là Nghiêm lên lầu Nghi Phượng nhận tù binh và bảo rằng <2a>: "Người đang cho ta là triều đình nguy, nay lại bị trói đưa về đây là tại sao vậy?"). Thừa Mỹ cúi

1. Văn bản là năm "Càn Nguyên" nhưng tra trong niên hiệu thì thời Lương chỉ có niên hiệu Càn Hoá [911 - 913] nên sửa lại.

2. "Tiết" là cờ mạo, "Việt" là búa cắp dài. Khi xưa, vua phong ai làm đại tướng thì trao cho 2 thứ ấy để làm vật tượng trưng cho sự được thay quyền vua.

đầu nhận tội, bèn tha).

Xét thấy dã sử chép họ Khúc là người Hồng Châu (1), đời đời là dòng họ lớn, ông nội là Thừa Dụ tính khoan hoà, yêu quý người, được mọi người suy tôn mến phục. Tăng Cổn thời Đường bỏ phủ thành chạy, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ, xin mệnh triều đình. Vua Đường nhận đó trao cho chức ấy. Hạo dựa vào cơ nghiệp cũ, giữ La Thành xưng là tiết độ, chia đặt các xứ, lô, phủ, châu, xã; đặt chức lệnh trưởng chánh và tá, chia thuế ruộng, trừ bỏ việc phu phen, lại làm sổ hộ, ghi họ tên quê quán do giáp trưởng đốc suất làm việc ấy. Chính sự rộng rãi giản dị, dân được yên ổn.

Họ Khúc truyền ba đời, bắt đầu từ năm Canh Tý [820] đến hết năm Canh Dần [930] tổng cộng là 51 năm (2).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Lưu Nghiêm đương lúc Bắc triều rối loạn, kế tục nghiệp cũ của anh, xây dựng nước, đặt niên hiệu, tranh nghiệp bá với Khúc Hạo, cuối cùng bắt được Thừa Mỵ, lấy được Giao Châu, hùng cứ một phương. Cũng gần ngang với các nước tiếm ngôi ở Bắc triều, cho nên Tiền Ngô vương trỗi dậy, tuy có giết được con của họ, diệt được quân của họ nhưng cũng không giữ được đất. Quốc thống họ Lưu kéo dài mãi mãi, đến khi Tống nổi lên thì đất da mới thuộc về nhà Tống.*

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Xét gia thế nhà Nam Hán thì ông của Nghiêm là An Nhân, là một nhà buôn ở Nam Hải <2b>. Cha của Nghiêm là Khiêm, anh Nghiêm là Ân. Gặp thời có nhiều biến cố, nhiều lần có công với Linh Nam. Thế rồi đánh úp Nam Hải và chiếm giữ được. Khi Nghiêm lên ngôi, các anh hùng ở Linh Nam chia nhau chiếm cứ cai quản. Nghiêm đã lấy được đất Dung, đất Ung, lại bắt được Thừa Mỵ ở Giao Châu. Nghiêm tinh hay khoác lác, thường tự nói nhà mình vốn ở Hầm Tân (1), lấy làm xấu hổ vì phải làm vua Man Di; gọi thiên tử nhà Đường là thú sú Lạc Châu. Đường Trang Tông cũng không thể đưa quân đi đánh được. Cuối cùng truyền cho con là Bán Thành, cháu là Xưởng. Từ khi tiếm hiệu đến khi mất nước là 55 năm.*

Những tay bá chủ trong các trấn cuối thời Đường thì Lưu Nghiêm là kè ghe góm hơn cả, thế mà khi xâm lấn Phương Nam mới bắt được Thừa Mỵ. Đến trận thứ hai thì bị bại, lại tự dốc chiến mà chết mất đứa con, cuối cùng không thể dòm ngó được Giao Nam nữa. Ý chừng trời cũng chán sự phán tranh, muốn mở ra sự nghiệp thống nhất, cho nên Nghiêm dù cường bạo cũng không bùa bãi được, nên mới như thế chăng?

Tân Mão [931] (Đường Trang Tông (1) Tự Nguyên, Trường Hưng năm thứ 2), mùa đông, tháng 12, Dương Đình Nghệ đem quân đánh Giao Châu <3a>. Thủ sứ là Lý Tiến

1. Hồng Châu : Xưa là 2 phủ Thương Hồng và Hà Hồng, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

2. Nói 51 năm là gồm những năm ở ngôi của Khúc Thừa Dụ, Khúc Thừa Hạo, Khúc Thừa Mỵ ở từng thời chứ không phải 3 ông truyền nối nhau ở ngôi liên tục 51 năm.

3. Hầm Tân : Tức Hầm Dương. Vì nhà Tân thống nhất thiên hạ đóng đô ở Hầm Dương nên gọi là Hầm Tân.

4. Nguyên bản là "Trang Tông", nhưng tra trong Ngũ Đại sử thì Lý Tự Nguyên là Đường Minh Tông chứ không phải Đường Trang Tông.

bỏ thành chạy trốn. Vua Hán là Nghiêm sai Thùa chỉ là Trần Bảo (chữ Trần có bản chép là Trinh) ⁽¹⁾ đến đánh, lại bị Định Nghệ đánh bại. Lúc ấy Định Nghệ nuôi 3 nghìn người làm con nuôi mưu đồ khôi phục. Tiến ở châu biết được chuyện đó, chạy đến báo với Nghiêm. Định Nghệ vây Tiến. Nghiêm sai Bảo đem quân đến cứu. Bảo chưa đến thì thành đã bị hạ. Tiến phải trốn về, Bảo đến vây thành, Định Nghệ ra đánh, Bảo bị thua rồi chết. Bấy giờ Định Nghệ tự xưng là tiết độ sứ, lãnh việc ở châu (trước kia Định Nghệ muốn trả mối thù của Khúc Hạo, bèn đặt ra trường thi vật. Ông chiêu tập người hào kiệt trong châu lại, lấy nghĩa lớn mà kích động, ho đồng tình nổi lên đánh bại tướng nhà Hán là Lý Khắc Chính).

Bính Thân [936] (Đường Phế Đế, Tòng Kha, Thanh Thái năm thứ 3, Tấn Cao Tổ, Thạch, Kinh Đường, năm Thiên Phúc thứ nhất), năm ấy nhà Đường mất.

Đinh Dậu [937] (Tấn, Thiên Phúc năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, nha tướng của Định Nghệ là Kiều Công Tiễn (sách Cương mục ⁽²⁾ chép là Hao (郝)) giết Định Nghệ và lên thay.

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Cuối thời Hán, Đường, nhiều người nuôi con nuôi <3b>. Có lẽ đương lúc trí lực chơi nhau, hoặc hoạn nan liên tiếp, trong hoàn cảnh gấp gáp được người có sức mạnh thì nhân làm con nuôi để hòng làm tám phúc cho mình, biết đâu rằng sái con khó dạy, cất của hờ hênh là xui người lấy trộm. Tính trời không thể mượn được. Thế mà Định Nghệ lại nuôi con nuôi tới 3 nghìn người, bị nạn còn hối sao được.

Mậu Tuất [938] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3), mùa đông, tháng 12, nha tướng của Định Nghệ là Ngô Quyền khởi binh từ Ái Châu, đánh Kiều Công Tiễn. Tiễn sai sứ hồi lô để sang cầu cứu nhà Hán. Vua Hán là Nghiêm muốn nhân cuộc loạn này mà lấy nước Nam, bèn cho con là Vạn Vương Hoàng Thao (Hoàng có bản chép là Hồng (洪)) làm Tỉnh Hải quân tiết độ, đổi phong là Giao Vương, đem quân cứu Công Tiễn, còn Nghiêm tự đóng quân ở Hải Môn ⁽³⁾ để giúp thêm thanh thế. Vua lại hỏi kế sách ở Sùng văn sứ là Tiêu Ích Ích nói: " Nay mưa dầm mấy tuần, đường bể nguy hiểm xa xôi, Ngô Quyền là người kiệt hiệt, không thể khinh thường được, đại quân đi phải nên cân nhắc thận trọng dùng nhiều người đưa đường rồi hãy tiến quân", <4a> Nghiêm không nghe, sai Hoàng Thao đem thuỷ quân theo sông Bạch Đằng tiến vào. Lúc ấy Quyền đã giết được Công Tiễn, nghe tin Hoàng Thao sắp đến, liền nói với tướng tá rằng: " Hoàng Thao là một đứa nhai con ngu dại, mang quân từ xa đến, quân lính mệt mỏi, lại nghe tin Công Tiễn chết, không có nội gián, cũng đã mất vía trước rồi. Quân ta đang nhàn rỗi mà đánh kẻ mệt mỏi thì tất nhiên sẽ phá tan được. Nhưng lợi khí của chúng là có thuyền chiến, nếu không phòng bị trước thì tình hình thắng bại cũng không thể biết được. Nếu ta sai người đến đóng cọc ngầm ở cửa biển trước, vật nhọn mũi và bọc sắt ở đầu, khi nước thuỷ triều lên, thuyền của chúng vào trong khu vực cọc coc, sau đó ta sẽ dễ bẽ chế ngự. Không còn kế gì hơn kế này". Rồi bèn cho đóng cọc ở hai bên cửa sông. Nước triều dâng lên,

1. Cung tử Hoang Thái hậu vợ Lê Thái Tổ tên là Trần nên thời Lê viết là "Trần" (陳) ra chữ "Trinh" (壬辰)

2. Sách Cương mục này là sách của Trung Quốc do Chu Uly soạn.

3. Hải Môn : Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Quyền cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy. Hoằng Thao quả nhiên đem toàn bộ quân đuổi theo. Thuyền quân Hán nhân lúc nước triều dâng to, tiến cả vào. Quyền mới đem quân dồn đánh, nước triều rút rất nhanh, thuyền giặc đều vướng phải cọc mà đắm, cuồng quít tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng tiến lên bắt sống Hoằng Thao và giết chết <4a>. Nghiêm khóc rống lên rồi thu tàn quân về.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Lưu Nghiêm tham đất đai của người, muốn chiếm cứ bờ cõi nước ta, chưa được thi đã hai đến đưa con của mình và lây cả đến dân. Tức như lời Manh Tử nói: "Vì cái mình thích mà để hai lây đến cái mình không muốn đây chăng?".

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: Lưu Nghiêm dòm ngó Giao Châu, nhưng lúc Đinh Nghệ mất, cây có nội ứng của Công Tiên, đốc quân cá nước sang cướp đế phong [tước vương] cho đứa con yêu, tự mình đóng đại binh [ở Hải Môn]. Hắn tưởng là một trận có thể đánh tan được Ngô Quyền, rồi nhân đó giết Công Tiên mà lấy nước Nam, vơ vét số sách báu vật ở kho nước ngoài gói ghém đem về Bắc, sau đấy bắt dân ta phải phụ thuộc mà làm dân Hán. Lần ấy giả sử Ngô Quyền không đánh cho một trận thật đau đớn tan nhuệ khí, bể gãy mũi nhọn thì bọn chúng sớm muộn sẽ đắc chí. Cái thế ngoại thuộc lại dần dần hình thành. Cho nên chiến thắng Bạch Đằng <5a> là cơ sở của việc phục hồi quốc thống. Về sau đến thời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào dư âm lâm liệt của trận ấy. Võ công lớn ấy còn vĩ đại đến nghìn năm, chứ có phải chỉ rang rỡ một thời mà thôi đâu!

Trên đây là kỷ thời Nam Bắc phản tranh từ năm Đinh Mão [906] (Lương Khai Bình năm thứ nhất) đến năm Mậu Tuất [938] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3) gồm 32 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thị Sĩ: Chu Ôn¹ cướp ngôi vua Đường, ở riêng một xó Biện Lương, nên các quân trấn sở tại chia nhau đất đai. Quảng Châu bị Lưu Ân chiếm giữ, còn Giao Châu thì vất bỏ. Từ thời Lương đến thời Chu, một con ngựa, một chiếc thuyền của Trung Quốc cũng không đến cõi Giao Châu nữa. Nghiêm lúc mới bắt được Thừa Mỹ còn có chí hăng hái thon tính [Giao Châu], nhưng đến khi thua Đinh Nghệ một trận, tiếp đến lại thua Ngô Quyền một trận nữa, thế là ý chí cai trị phương Nam cũng nguội lạnh như tro tàn. Từ đó về sau, khi lớn khi nhỏ, khi mạnh khi yếu cũng có 5 lần dậy lên rồi lảng xuống, đều là do các bậc hào kiệt trong nước làm cả. Họ Ngô lay được nước, truyền cho con, đặt ra quy mô giữ nước, quốc thống có chỗ hộ thuộc, lòng người biết nơi nương tựa, đời sau kế tiếp, cùng với triều đình Phương Bắc mỗi bên làm vua một phương. Nên móng thực bắt đầu từ đó. Có lẽ vì lòng trời chán ghét loạn lạc, mới sinh ra bậc hào kiệt để giao cho. Cũng là bắt đầu một cuộc thịnh trị đấy.

Khúc Thừa Mỹ nhận mệnh nhà Lương dựng cờ tiết là biết kế tục cơ nghiệp của cha ông, nhưng lại bị ở triều đình giặc bắt. Dương Đinh Nghệ đuổi tướng Hán để lãnh chúa, là rửa được cái nhục của vua cũ, mà lại bị nhà tướng giết hại. Truyền có câu rằng: "Không có kẻ bị phế bỏ thì vua làm sao dậy lên được" là nói việc này đây chăng?

1. Chu Ôn: Túc Chu Toàn Trung, vua nhà Hậu Lương thời Ngũ Đại.

Nam Hán có 3 phần 5 đất Linh Nam, đất rộng quân mạnh, Giao Nam khó có thể địch nổi. Thê mà không biết giữ lòng tin, hoà thuận với nước láng giềng, lấy điều nhân vỗ về nước nhỏ, dòm ngó nước người ta, có thể gọi là trái với ý trời, trái với lòng người, không biết lường biết liệu thời kỳ thất bại há chẳng đáng lắm sao?

<6a>

KÝ NHÀ NGÔ

TIỀN NGÔ VƯƠNG

(Vua họ Ngô, huý là Quyền, người Đường Lâm¹⁾ ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi. Vua diệt giặc trong nước để trả thù cho chúa, đuổi giặc ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, khôi phục quốc thống, công nghiệp thực là vĩ đại).

Vua đời đời là quý tộc ở Đường Lâm, cha là Mân làm quan mục ở châu đó. Khi vua mới sinh ra có một luồng ánh sáng lạ tỏa khắp nhà. Vua hình dạng khác thường, sau lưng có 3 nốt ruồi, người xem tướng cho là khác thường, bảo rằng người này có thể làm chúa một phương, bèn đặt tên là Quyền. Khi lớn lên, vẻ khôi ngô, mắt sáng như tia chớp, di thong thả như dáng cọp, có chí Dũng, sức có thể gơ nổi vạc, làm nha tướng cho Đình Nghệ, Nghệ gả con gái cho, Quyền cai quản Ái Châu. Đến khi ấy giết Công Tiên, tự lên ngôi làm vua, đóng đô ở Loa Thành.

Kỷ Hợi năm thứ nhất [939] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 4), mùa xuân, vua bắt đầu xưng vương, lập Dương thị làm hoàng hậu, đặt trăm quan <6b>, định ra triều nghi phẩm phục.

Giáp Thìn năm thứ 6 [944] (Tấn, Tề Vương, Trọng Quý Khai Vận năm thứ 1) vua mất.

Sử thần Lê Văn Hữu bàn: *Tiền Ngô vương biết dùng quân mới tập hợp được của nước Việt ta mà đánh tan hàng trăm vạn quân của Lưu Hoàng Thảo, mở đất xưng vương, khiến cho quân Phương Bắc không dám trở lại, có thể nói là một cơn giận mà yên được dân, giỏi mưu tài đánh. Tuy chưa xưng đế và đặt niên hiệu nhưng chính thống của nước ta hầu như đã được nối lại.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tiền Ngô Vương nỗi lên, không nhữ иг có công chiến thắng, lại đặt ra trăm quan, chế định triều nghi, đặt ra phẩm ph ict, quy mô đế vương cũng đã thấy được. Nhưng vua hưởng lộc nước không được lâu dài, chưa thấy được hiệu quả của việc trị nước. Đáng tiếc thay!*

Hậu Ngô Vương (Vua huý là Xương Văn, con thứ của Tiền Ngô Vương, Tam Kha cướp ngôi đưa về làm con nuôi, 3 năm sau truất bỏ Tam Kha, trở lại ngôi vua, ở ngôi 15

1. Đường Lâm: Tên xã, sau là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Tho tỉnh Sơn Tây. Nay thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

năm <7a>). Vua làm ngay ngắn được kỳ cương dựng lại cơ nghiệp cũ, nhưng gây việc binh dao trong nước, lại bị thiệt mạng. Đáng tiếc thay!

Vợ Dương Tam Kha (Người Dương Xá⁽¹⁾ Đông Sơn, anh Dương Hậu, là gia thần của Tiền Ngô Vương, tiếm xưng là Bình Vương, cướp ngôi 6 năm, bị Hậu Ngô Vương truất bỏ).

Sử thần Ngô Sĩ bàn: Xét thấy sứ cũ chép năm ấy lấy Tam Kha đứng đầu kỷ, ý chừng vì Ngô Vương đã mất, Xương Văn chưa lập, trong nước không có thống thuộc mà Tam Kha đã xưng vua cho đó là ngôi nhuân, chứ không biết rằng ngôi nhuân cũng xếp vào niên hiệu. Chỉ vì truyền không được lâu nên mới gọi là nhuân, như thời Tần thời Tuỳ chẳng hạn. Lúc ấy Xương Văn tuy chưa chính thức ở ngôi, nhưng Ngô Vương đã truyền lại mệnh lệnh cho Tam Kha giúp ráp. Ngô Vương mất ngôi vua thi vẫn là ngôi của Xương Văn. Xương Văn chưa xưng vương vì Tam Kha cướp ngôi đấy thôi. Xương Văn vẫn còn thì quốc thống vẫn hệ thuộc vào. Tam Kha có thể gọi là cướp ngôi chứ không thể gọi là ở ngôi nhuân được <7b> cho nên theo cách chép của sứ thời Hán về Nhu Tử Anh⁽²⁾ thì phải chép lớn là "Hậu Ngô Vương", mà lấy Dương Tam Kha chép phụ vào để tỏ rằng thống thuộc nhà Ngô chưa từng bị dứt và ngôi vua của Xương Văn không đợi đến sau khi đánh Tam Kha mới định.

At Ty [945] (Năm đầu Dương Kha cướp ngôi, Tấn Khai Vận năm thứ 2), trước kia Ngô Vương bị bệnh nặng có để lại mệnh cho anh⁽³⁾ Dương hậu là Dương Tam Kha giúp đỡ con mình. Vua mất, Tam Kha cướp ngôi xưng là Bình Vương. Con trai trưởng của Ngô Vương là Xương Ngập sợ chạy về trú ở nhà Phạm Lệnh Công miền Trà Hương (nay đổi là huyện Kim Thành) sông Nam Sách (chữ "Nam Sách" (南溪) đổi thành chữ "Nam Sách" (南溪) này). Tam Kha lấy con thứ hai của Ngô Vương là Xương Văn làm con mình. Con thứ của Ngô Vương là Nam Hưng, Càn Hưng còn nhỏ, đều theo Dương quốc mẫu. Ít lâu sau Tam Kha sai chi huy sứ là Dương Tất Lợi, Đỗ Cảnh Thạc 3 lần đem quân đến nhà Lệnh Công tìm Xương Ngập đều không bắt được. Lệnh Công sợ bèn giấu Xương Ngập vào trong núi. Tam Kha biết lại sai tìm như trước, vẫn không tìm được.

<8a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Dụng tâm của Phạm Lệnh Công thực là trung nghĩa lắm thay! Tam Kha là bậc gia thần lại đuổi con đích của vua mà cướp ngôi, lấy Xương Văn làm con mình là giả dối đấy thôi, ai mà biết được! Hơn nữa lúc ấy người trong nước đều đã coi Tam Kha là vua, thế mà Lệnh Công dám giấu Xương Ngập là muốn khôi mất dòng dõi họ Ngô đấy. Việc của Trịnh Anh,

1. Dương Xá: Tên xã ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2. Nhu Tử Anh: Vua nho ruồi ở ngôi thời Tây Hán năm Nguyên Thuỷ thứ 5, Vương Mãng cho Bình uống rượu say rồi giết chết, chôn chất của Tuyên Đế lên ngôi. Tử Anh mới 2 tuổi được chọn làm Thái tử, Vương Mãng nhiếp chính, được 2 năm thì Vương Mãng cướp ngôi.

3. Văn bản là chữ "đê" (弟) là em; nhưng ở đoạn trên đã nói " " là "anh" và các sách khác cũng chép là anh. Như vậy ở đây phải là chữ "huynh".

Chú Cửu⁽¹⁾ lại xuất hiện ở đây. Ai bảo là trong nước không có kẻ trung thần nghĩa sĩ?

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Phạm Lệnh Công là người trung, nhưng thành được đạo trung áy mà không phải là báu đại trí đại dũng thì cũng không như vậy được. Ngô Tiên chủ đem đứa con côi nhỏ giao phó vào tay Tam Kha, tin là người bê tôi tâm phúc, người bà con ruột thịt, nên nghĩ rằng có thể gửi gắm xā tắc vào đây được. Nhưng Tam Kha một khi nắm địa vị trọng yếu rồi thi cướp lấy ngôi. Đứa trẻ phải chạy trốn <8b> may mà thoát được miệng hổ, về với Lệnh Công, tiếng tăm trung tín tiết nghĩa của ông được người ta biết đến là đáng lâm. Còn việc Tam Kha biết mà đi tìm rút cuộc vẫn không thấy, và cũng không làm gì được, nếu bán thân [Lệnh Công] không phải là báu trí mưu, tiết nghĩa hơn hẳn mọi người thì sao được như thế? Tiếc thay tên của Lệnh Công không được lưu truyền ở đời, nhưng tấm lòng của Lệnh Công thì sau nghìn năm vẫn còn tướng thấy được. Hơn nữa tôi lại cảm thấy rằng: Công Tiễn giết cha nuôi, rồi lên thay trở thành kẻ thù, Ngô Tiên chủ diệt được, Tam Kha đuổi con vua để cướp ngôi mà Phạm Lệnh Công bảo toàn được con nhỏ, so sánh mấy việc thì về thiên ác cũng như vua Nghiêu và vua Kiệt, về thuận nghịch cũng như Cơ Đán và Vương Mãng. Tiếng khen thi tối đẹp như được tăng áo cổn hoa, lời chê thì xấu hổ như bi đánh ở giữa chợ. Người đời sau cũng nên biết mà lấy đó làm gương.*

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: *Tam Kha là người thân ruột thịt, nhận sự ký thác phúc tâm <9a> [thế mà] lừa con côi, dối bà goá, tự mình làm giặc, cướp ngôi họ Ngô, lại lấy Xương Văn làm con là tai sao? Xương Văn do Dương Hậu sinh ra, chính sự trong nước tuy Dương Hậu không tự chủ được, nhưng đã che chở được cho đứa con mình. Tam Kha vì cớ là cậu cháu mà bao lấy nhân nuôi, còn Xương Ngáp là anh khác mẹ của Xương Văn, cho nên mới truy gấp hòng giết đi. Ho ngoai làm hại nước người ta đến như thế! Ngô Quyền tuy là anh hùng hào kiệt một thời mà không biết được việc xưa nay, đem chính sự giao cho mẫu hậu, phó thác đứa con côi cho họ ngoại, khiến cho ngôi báu đổi đời, con côi không nơi nương tựa. Xương Văn kéo dài hơi thở trong tay loạn thần, Xương Ngáp giữ được cuộc sống do người nghĩa sĩ, đều là do ở trời vây.*

Ngô Quyền biết lấy điều nghĩa báo đáp Đinh Nghệ, cho nên Lệnh Công lại lấy điều nghĩa báo đáp Ngô Quyền. Điều báo đáp trung nghĩa có lí là trời không sai.

Lệnh Công kia là người như thế nào? Một lòng giữ đứa con côi, long dong nguy hiểm mà không nhụt ý chí. Tam Kha lấy quyền lực cả một ước <9b>, tìm Xương Ngáp không được đành bó tay không làm gì được. Ý chừng Lệnh Công mưu kế cũng sâu, tài lực cũng giỏi, họ hàng cũng mạnh, dù để khuất phục được Tam Kha. Thế mà không rõ được lý lịch của ông là đáng tiếc thay!

1. Trình Anh, Chú Cửu: Theo sử ký của Tư Mã Thiên về đời Cảnh Tông năm thứ 3, Đà Ngạn Già giết con Triệu Sóc và tru di cả họ. Trình Anh, Chú Cửu là bạn của Triệu Sóc cùng nhau liêu chét đem đầu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để báo tồn dòng dõi họ Triệu.

Dinh Mùi [947] (Dương Tam Kha cướp ngôi năm thứ 3, Hậu Hán Cao Tổ Lưu Chi Nguyễn lên ngôi vẫn xưng là Tân, Thiên Phúc năm thứ 12), năm ấy nhà Tân mất.

Canh Tuất [950] (Dương Tam Kha cướp ngôi năm thứ 6, Hán Ân Đế, Thừa Hựu vẫn xưng Càn Hựu năm thứ 3, năm ấy nhà Tân mất. Con thứ của Ngô vương là Xương Văn đánh Tam Kha, phế bỏ ngôi vua), Tam Kha sai Xương Văn và hai sứ Dương, Đỗ⁽¹⁾ đem quân đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình⁽²⁾. Khi đi đến Từ Liêm, Xương Văn ung dung nói với hai sứ rằng: "Đức của Tiên vương ta thầm khắp lòng dân, phàm những lệnh ban ra không ai là không vui vẻ nghe theo, không may phải xa bỏ quân thân. Bình Vương tự làm điều bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, tội không gì lớn bằng. Nay lại sai ta di đánh một áp vô tội, may mà thắng thì thôi, nếu như họ không khuất phục <10a> thì làm thế nào?". Hai sứ trả lời: "Tuỳ ngài ra lệnh". Xương Văn nói: "Ta muôn đem quân quay lại đánh úp Bình Vương, để khôi phục cơ nghiệp của Tiên vương thì có nên chăng?". Hai sứ nói: "Phải đấy". Bên quay về đánh úp Tam Kha. Mọi người muôn giết Tam Kha, Xương Văn nói: "Bình Vương có ơn với ta, sao lại nỡ trị tội". Bên giáng làm Chương Dương Công, cho đất Chương Dương để làm thực ấp (nay là bến Chương Dương⁽³⁾).

Sử thần Lê văn Hưu bàn: *Đuối con vua mà tự lập là tội về công việc. Nuôi con của vua, làm con của mình mà cho thực ấp là ơn riêng. Hậu Ngô Vương không xử đúng đắn cái tội cướp ngôi phản nghịch mà lại vì ơn riêng nuôi nấng không nỡ gia hình, còn cho thực ấp chẳng phải là sai lầm lớn đó sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thân hâu⁽⁴⁾ đời Chu giết U Vương lập Bình Vương, Bình Vương cảm ơn lập mình mà quên mối thù giết cha. Sai quân đóng thủ đất Thân là lấy quân đánh giặc trả thù <10b> làm việc đền ơn báo nghĩa. Nay Xương Văn đối với Tam Kha không ctriệt phạt tội cướp ngôi phản nghịch mà lấy sự nuôi dưỡng làm ơn. Nhà vua không tra tội mà lại yêu quý cho phong tước thi cũng giống như Bình Vương đối với Thân hâu?*

Tân Hợi [951] năm thứ nhất (Chu Thái Tổ, Quách Uy, Quảng Thuận năm thứ 1), vua truất bỏ Tam Kha, lên ngôi xưng là Nam Tân, sai sứ dón anh là Xương Ngập về kinh sư cùng lo việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nam Tân dồn Xương Ngập về để cùng nắm chính quyền có thể gọi là rất biết kính anh, muốn cho anh cùng hưởng phú quý. Nếu Xương Ngập biết mình không có công mà nhường Xương Văn để cùng hưởng phúc lộc đức ấy chẳng phải là sáng tỏ ư? Nhưng lại, câu nệ vào danh phân là con địch rồi xưng vương, trông nom chính sự, chuyên quyền làm oai làm phúc, đến nỗi làm cho Nam Tân vương không được dự chính sự, rất sai với nghĩa hoà thuận anh em. Chí khí thực là nhỏ nhen thấp kém đấy.*

1. Tức Dương Cát Lợi và Đô Cảnh Thạc.

2. ... Địa lý chí trong Đường thư chép "huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói "Phong Khê thuộc Phong Châu". Các sách chép không rõ nên chưa xác định được. Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình có lẽ cũng là ở đây. Còn bão dãy là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải (CMTb4).

3. Bên Chương Dương: Nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

4. Thân Hậu: Sóng ơ thời U Vương nhà Chu. Còn ghi: Thân Hậu là vợ U Vương, sinh thái tử Tuyên Cữu, U Vương yêu Bao Tú, phế bỏ Thân Hậu và Thái tử. Thân hau giàn, bèn cùng với Tây Di, Khuyển Nhung đánh U Vương, lập Thái tử Tuyên Cữu tức Bình Vương.

Lúc ấy người động hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh, cây núi khe hiềm trở kiên cối, không giữ chức phận làm tôi, hai vua định đem quân đi đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin, để ngăn việc khởi binh. Liễn đến, hai vua trách là không đến chầu, rồi bắt giữ Liễn và đem quân đi đánh, hơn một tháng vẫn không thắng được bèn đem treo Liễn lên trên cây sào, cho người bảo Bộ Lĩnh rằng: "Không hàng thì giết Liễn". Bộ Lĩnh giận và nói rằng: "Bậc trượng phu quyết lập công danh, há lại bắt chước đàn bà mà thương tiếc con ư?". Bèn sai hơn 10 tay nỏ nhảm Liễn bắn. Hai vua kinh ngạc và nói: "Ta treo con hán lên, là muốn rằng buộc tâm địa hán, nay hán tàn nhẫn đến như vậy giết cũng vô ích" liền rút quân và đem Liễn về.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Việc Đinh Tiên Hoàng nhảm vào con mà bắn cũng như việc Hán Cao Tổ xin [Hang Vũ] chia canh. Kẻ anh hùng hào kiệt thì ý chí giống nhau. Nói chung đều là kẻ vũ phu không có học, cho nên thường lấy cha con là chỗ tình thân trời sinh, đem ra thử, coi như cuộc đánh bạc, thật là không có đạo đức. Nhưng Hán Cao Tổ biết rằng Hạng Vũ không dám giết Thái Công cho nên mới dám nói như thế. Còn Đinh Tiên Hoàng thì không cần đến sự Ngô Vương không nỡ giết Liễn, bởi vì trong lòng ông coi như không có Liễn từ lâu rồi, cho nên sau khi được nước dâ bò Liễn mà lập con út là Hạng Lang. Tính ác như vậy thì muốn không nhanh mất nước sao được?

Giáp Dần [954] năm thứ 4 (Chu Thế Tông, Sài Vinh, Hiển Đức năm thứ 1), lúc ấy Thiện Sách chuyên làm uy làm phúc, vua [Xương Văn] không dự chính sự nữa. Hai vua sinh ra hiềm khích với nhau. Đến lúc này Thiện Sách Vương mất. Vua [Xương Văn] lai lên ngôi, sai sứ sang xin mệnh lệnh với vua Hán là Lưu Thạnh (sử cũ chép là Xương, chưa rõ thế thứ). Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ tiết trao cho vua làm Tỉnh Hải tiết độ sứ kiêm đô hộ. Dù đến Bạch Châu, vua lại sai người ngăn lại nói rằng: "Giặc bể làm loạn, đường xá không thông" thành ra Dư không sang nữa.

<12a> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Nam Tấn đã xin mệnh lệnh nhà Hán, lại ngăn sứ sang phong là tại làm sao? Ý là nước mới khôi phục, so người Hán mưu báo thù, cho nên tỏ ra khuất phục để thử xem. Đến khi thấy rằng vừa xin đã trao ngay thì biết là cũng dễ dàng thôi, rồi mới ngăn sứ giả là để phòng sự đòn ngó mà giữ uy tín đấy chăng?

Canh Thân, năm thứ 10 [960] (Chu Cung Đế, Tông Điều⁽²⁾ năm thứ 1, Tống Thái Tổ, Kiến Long năm thứ 1), năm ấy nhà Chu mất.

At Sửu, năm thứ 15 [965] (Tống Càn Đức năm thứ 3), Ngô Vương đem quân đi đánh 2 thôn Đường và Nguyễn ở Thái Bình, quân vào đến cõi, đỗ thuyền lại, lén bờ đánh nhau, bị nỏ của quân phục kích bắn chết. Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư (lúc này người quân Thao Giang là Chu Thái quật cường không khuất phục. Vua tự đi đánh

1. Hang Vũ bắt được Thái Công là bố Lưu Bang doa sẽ giết nấu canh, để chiếu hàng Lưu Bang. Lưu Bang đáp rằng: "Bố ta cũng như bố người nếu giết thi hận hạnh được xin người bắt canh "cuối cùng Thái Công không bị giết.

2. Nguyên bản viết là "Tông Điều nguyên niên" (宗調元年) DVSKTT chép "Tông Huấn" (宗訓)

bắt Chu Thái giết chết. Cây chiến thắng sinh kiêu căng, cho nên đến trân đánh 2 thôn mới bị nạn.

Xét thập quốc thế gia Ngô Xương Văn mất ở Giao Châu, tướng tá của ông là Lã Xứ Bình và thủ sứ Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên thay. Giao Chỉ đại loạn. Dinh Liễn ở Giao Châu đánh tan hai người ấy, Xương giao cho Liễn làm tiết độ Giao Châu. Theo như sách chép thì, lúc đó Nam Tấn mới mất, trong nước rối ren, Dinh Liễn có công dẹp loạn, lại được phong tước, chứ chẳng như những con tin tầm thường nhân lúc loạn mà trốn về. Lại chép <12b> trong 12 sứ quân có Trần Minh Công là người mà Đinh Bộ Lĩnh và Dinh Liễn đến nương tựa. Liễn đã lập được công uy quyền danh vọng ngày càng lớn, chẳng lẽ đến nỗi phải dựa vào người rồi sau mới tự lập được sao? Hoặc giả nhún nhường đánh dòn tinh cảm cũng là một thuật dùng binh dãy chàng? Nói là Dinh Liễn về Hoa Lư thì có thể do nhà viết sử không biết rõ đấy thôi. Lại việc Xứ Bình và Tri Hựu tranh nhau lên thay, cũng không thấy ở sử, có lẽ là chủ thiếu đấy).

Sử thần Lê Văn Hữu bàn: *Ngô Nam Tán trước bị già thần là Tam Kha giam giữ, sau bị anh là Xương Ngập chèn ép, một khi đặc chí, không biết tự thận trọng, ngày ở ngói ngán ngủi, chính sự không có gì nổi tiếng, đáng tiếc thay! Cứ xem việc tha tội cho Bình Vương há chàng phải là nhân ư? Bao dung cho Xương Ngập kiêu ngạo, há chàng phải là kinh ư? Lòng nhân và kinh ấy thì tư cách làm người của Ngô Vương cũng có thể thấy được.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ngô Nam Tán giữ nghĩa trù kè tàn bạo khôi phục cơ nghiệp cũ, dù yên ủi được vong linh tổ tiên, hà được lòng căm phẫn của thần dân. Đổi với chính trị dương được đổi mới, <13a> nhưng vì nhân đức nhu nhã cầu thả không trùng triết dung dân tội cướp ngôi của Tam Kha, gây việc binh đao, lại cát quân xàng bậy ở thôn Đường thôn Nguyễn, rốt cuộc lại tự hại mình. Đáng tiếc thay!*

NGÔ SÚ QUÂN

(Vua huý là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương di lánh nạn lấy con gái ở sông Nam Sách, sinh ra vua là cháu con chủ của Nam Tấn Vương, ở ngôi được 2 năm).

Phụ: CÁC SỨ QUÂN

Bính Dần năm thứ 16 [967] (Tổng Càn Đức, năm thứ 4), nhà Nam Tấn mất. Bọn quan tham mưu của Ngô Vương là Ngô Xứ Bình (một bản chép là Ứng Bình) thủ sứ Phong Châu là Kiều Tri Hựu, thủ sứ châu Vũ Ninh là Dương Huy, nhà tướng là Đỗ Cảnh Thạc, tranh nhau lên ngôi. Trong nước khắp nơi nổi loạn, ai nấy đều chiếm cứ huyện ấp.

mưu thôn tính lẫn nhau. Ngô Xương Xí chiếm cứ Bình Kiều ⁽¹⁾, Kiều Công Hân xưng là Kiều Tam Chế, chiếm cứ Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc) ⁽²⁾. Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình, chiếm cứ Tam Dái ⁽³⁾ và Nguyễn Gia Loan, Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lâm Công, chiếm cứ Đường Lâm ⁽⁴⁾ (có bản chép là Giao Thuỷ), Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công chiếm cứ Đỗ Đông Giang ⁽⁵⁾ (nay ở làng Bảo Trach, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, tỉnh Hà Tây, vẫn còn nền thành cũ), Lý Khuê xưng là Lý Lăng Công <13b> chiếm cứ Siêu Loại ⁽⁶⁾, Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lệnh Công chiếm cứ Tiên Du ⁽⁷⁾ (nay ở xã Xung Dũng, huyện Tiên Du, có đền thờ), Lã Đường xưng là Lã Tá Công chiếm cứ Tế Giang (nay là Văn Giang) ⁽⁸⁾, Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn Hữu Công chiếm cứ Tây Phù Liệt ⁽⁹⁾, Kiều Thuận xưng là Kiều Lệnh Công chiếm cứ Hội Hồ (nay xã Trần Xá, huyện Hoa Khê còn có nền thành cũ); Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át chiếm cứ Châu Đằng ⁽¹⁰⁾ (nay là huyện Kim Động), Trần Lâm xưng là Trần Minh Công chiếm cứ cửa biển Bố Chính ⁽¹²⁾. Tất cả là 12 sứ quân.

Dinh Mão, năm thứ 17 [967] (Tống Càn Đức, năm thứ 5), khi ấy trong nước không có chủ, 12 sứ quân tranh nhau làm quân trưởng, không ai thống lĩnh được. Đinh Bộ Lĩnh nghe nói Trần Minh Công nhân đức mà không có con, bèn cung con là Liễn đến nương tựa. Minh Công thấy Bộ Lĩnh có tướng lạ, lại có tình cũ với cha [Bộ Linh] là Công Trứ bèn nuôi làm con. Minh Công thấy Bộ Lĩnh tài khí phi thường, dâng ngày càng hậu, giao quân sai đi đánh bọn hùng trưởng đều thắng được. Phạm Phòng Át đem quân đến hàng (triều Đinh [Phòng Át] làm thân vệ tướng quân). Đến khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh số quân ấy, vừa lúc hơn 500 con em của Ngô Tiên chủ từ Đỗ Đông <14a> Giang đem nhau đến đánh, mới đến Ô Man đã bị người làng là Ngô phó sứ đánh bại phải trở về. Bộ Lĩnh nghe tin bèn đem quân đến đánh ở Giang và Động ⁽¹¹⁾. Những bộ lạc ông

1. Bình Kiều : Còn dấu thành xưa là ở làng Gi Linh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2. Nay còn dấu thành xưa ở làng Phù Lâm, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Tam Dái : Thời Trần gồm miền xung quanh ngã ba Bạch Hạc, nay còn dấu thành cũ ở xã Vĩnh Mụ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Đường Lâm : Miền Phù Tho, tỉnh Sơn Tây cũ. Xưa là có huyện Đường Lâm thuộc châu Phúc Lộc, Hà Tĩnh. Theo chúng tôi có lẽ là miền Phúc Tho - Sơn Tây ngày nay.

5. Sông Đỗ Đông : Theo C.M. sông Đỗ Đông bắt nguồn từ xã Dân Viên (Thanh Oai) chảy qua Sình Quà, Úc Lý rồi chảy đến xã Thường Cung (Thường Tin) thì hợp với Sông Nhuệ. Sông ấy đã cạn. Hiện nay ở Bình Đà còn vết thành cũ của sứ quân.

6. Siêu Loại : Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

7. Tiên Du . Nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

8. Nay ở Phùng Công, huyện Văn Lâm, tỉnh Hải Dương còn có đền thờ.

9. Hiện nay ở thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội còn có miếu thờ Nguyễn Siêu.

10. Hội Hồ : Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

11. Ở xã Xích Đằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên còn miếu thờ sứ quân.

12. Các sách DVSKTT, CM, VSL đều chép là Bố Hải Khẩu. Nhưng riêng sách này chep là Bố Chính Hải Khẩu. Có lẽ Bố Hải Khẩu thì đúng hơn. Theo sách CM chủ thi huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương là nơi trước kia sứ quân Trần Lâm tụ lập quân đóng giữ. Bây giờ chỗ ấy còn là cửa biển nên gọi là Bố Hải Khẩu .

13. DVSKTT và CM chép là đánh Đỗ Đông Giang.

đau không đau là không hăng phue. Do đó lại, dân ở kinh ở phủ đều hướng về Ông. (Xét thấy *Thập quốc chí* chép: Dinh Bộ Lĩnh và con là Liên đánh bại bọn Xứ Bình, bọn giặc tan vỡ, trong cõi yên ổn, dân bộ yêu mến suy tôn Ông làm Giao Châu suý. Ở đây chép là đánh Ngô phổ ám. Ất là Xứ Bình không cùn nghĩ ngã gì nữa, mà Tiên Hoàng dẹp được 12 sứ quân, trận này là trận cơ bản. Sử không chép rõ đây thôi).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bùn: Vận hội của trời đất "bi" tất có lúc "thát", Bắc Nam cũng cùng một lề áy. Thái Ngũ Đại ở Bắc triều rối loạn, thi Tống Thái Tổ nổi lên, 12 sứ quân ở Nam Triệu giành nhau thì Dinh Tiên Hoàng trỗi dậy, chẳng phải ngẫu nhiên đâu mà do trời đây.

Tren đây là 3 vua họ Ngô và Dương Tam Kha cướp ngôi, bắt đầu từ năm Kỷ Hợi [939] đến năm Dinh Mao [967] cộng là 29 năm.

<14b> Thông luận của Sử thần Ngô Thủ Sĩ: Ngô Tiên chủ nổi lên từ bậc danh gia, làm rể nhà Tương suý, phong tư dược cả nước yêu mến, uy danh khiến các tướng phue tung, lại giết Công Tiên trả thù cho Dinh Nghệ, thoát dược sự cầm phán của thần dân, tinh thần chiến đấu của tướng sĩ đều hăng.

Chiến thắng Bạch Đằng đánh bại bọn cường Hán, thế nước từ đây mạnh lên. Tuy chưa đạt quốc hiệu, nhưng đã ở ngôi vua tôn quý, có cả muôn dân, dặt trăm quan, định ra triều nghi, chế ra phue sắc, làm cho quy mô đổi mới, giữ yên nước Nam, hét lo quân Bắc. Công nghiệp của họ Triệu họ Lý chưa thể hơn được. Nhưng không có người giỏi phò thae, ngôi báu suýt bị đổi thay. Gây dựng thì dễ, giữ gìn thì khó, đây là điều ôn hận của xưa nay.

Tam Kha ở địa vị họ ngoại, dựa vào xá tắc làm càn, bắt chước bọn Vương Mãng, Tao Thảo, đầu tên cho Quý Ly, Dạng Dung. Tội ác của nó không ghi xuể được.

Hậu Ngô Vương vì tư chất còn non trẻ, được nuôi dưỡng trong thăm cung, sớm tội ở chung, mà bọn gian thần không nghi kỵ, đi đánh giữa đường lại quay về lấy nước mà các tướng không dám trái lời. Tên đại gian 6 năm cướp ngôi chuyên quyền, một mai bị truất bỏ mà im lặng tan hơi, dã như đổi quân cờ. Ông quả là thông minh và khéo che đậy. Oai vú dù dã khuất phục được người, tinh trâm lặng quả quyết sáu sắc kín đáo, tư chất cao siêu, vốn không phải là người tầm thường có thể theo kịp. Ông trả về kinh đô, không để mất cơ nghiệp cũ, phía bắc thì khước từ sác mệnh của triều Ngụy, phía nam thì dẹp nạn binh đảo, ở ngôi giữ nước qua 15 năm, dặng là một vị vua hiếu giữ nghiệp cũ. Sinh con như thế. Ngô Quyền có thể được coi là người sống mãi không mất. Còn như Thiên Sách chuyên quyền mà không được duy chính sự. Tam Kha cướp ngôi mà không nô gia hình, người bình luận thường thường chỉ trích [Xuong Văn] là nhu nhược cùi thá. Tôi trọng cho là Nam Tân truất bỏ Tam Kha có lẽ vì đau đớn cho cơ nghiệp của tiên vương, không nô dẽ rơi vào họ khac cho nên tức giận mà nỗi lên, chỉ là mưu cho cơ nghiệp của tổ tông, còn lòng mình thì thò o chia tùng <15b> ham thích về ngôi báu. Vì thế giữ nét hinh ảnh dẽ trọng dòng con trưởng, dẽ cựu sống cho mẹ được vui lòng. Nếu anh không hoà thuận, thi em cũng không dam không kính; nếu cậu có tội mà giết đi thi hai đều ôn tình, trong lòng cũng không nô. Nếu [Xuong Văn] không phải là

người bình thản rộng rãi, không thiên vị ai thì dù không hại Xương Ngập như "cùi dậu nấu đậu trong chõ"⁽¹⁾ há lại chịu làm việc "dưa dê non"⁽²⁾ mà mời Tam Kha hay sao? Còn như Tán Vương, nếu lấy dạo Trung dung mà xét thì không phải thế, mà thực là có phong thái nhu Hứa Do⁽³⁾, Quý Trát⁽⁴⁾, đến nay tưởng tượng tư cách làm người của ông thì từ thời Tam Đại về sau chưa dẽ mấy ai được như vậy. Thế nhưng dùng nòi nghìn cân để bắn con chuột nhắt, rồi đến nỗi mắc phải cái hoa "mũi tên hòn đạn" thì phải nói là cái khí anh hùng của tuổi trẻ chưa trù bò được. Đó là điều đáng tiếc đấy! Ngô sứ quân là con thứ của dòng họ lớn nổi cơ nghiệp dã suy của cha chú, ngôi báu dã mất, lòng người chia lìa, hào kiệt trong nước thừa cơ mà nổi dậy, chia cắt huyện ấp, cắn xé lẫn nhau <16a> thế mà [Xương Xí] dã lấy chút đèn tàn ở xứ Bình Kiều mà dụ vào hàng ngũ sứ quân.

Sau khi quân ô hợp tan rã, phải gian nan vất vả ở chốn thôn quê để mưu đồ gìn giữ cơ nghiệp sấp mặt. Chí của ông thực cũng đáng khen, nhưng không có tài tri lược, ít người giúp đỡ chống kè thù chung. Buổi sớm thối cõm, buổi chiều dập luỹ, giữ bên đông thì lệch bên tây, tài đức lực lượng dã không vượt nhau, lấy ít địch nhiều thì khó nổi, sức kiệt thế cùng được một năm là mất. Thực đáng thương thay!

Xét họ Ngô nổi lên, từ bậc thế gia quý tộc, cha làm quan mục ở Đường Lâm, con thì cai quản Ái Châu, công đức thầm đến nhân dân, tích luỹ mấy đời, gốc rễ không phải là không bền vững. Dẹp thù trong đánh giặc ngoài, vô công lừng lẫy, ngoài biên thuỳ không còn tin cắp bão, uy chiến thắng thực dã có tiếng vang. Thế nước không phải là không hùng cường. Tiền Ngô Vương lấy điều trung nghĩa mà lập cơ nghiệp, Hậu Ngô Vương lấy điều hiếu hữu mà giữ nước nhà, đời cha xây móng đời con dựng nhả, bề tôi tin tưởng, nhân dân được phúc. Gặp khi biến cố mà bề tôi cũ không ở hai lòng, anh em bất hòa mà bọn ngoại xâm không dám dòm ngó. Lòng người không phải là không phục tùng. Nhưng <16b> Nam Tán vừa mất thì đất dai bi quẫn hùng chia cắt. Xã tắc chỉ giữ lại được một năm, như tấm vải bị xé ra không thể liền lại, như đám tro sáp lạnh không thể nhen lên, sao mà sự bai vong lại nhanh chóng thế?

Có người nói: Vẫn số trời đất khi chia khi hợp, khi trị khi loạn, khi lâu khi chống, thường kế tiếp nhau, sắp có người thu thập ắt có kẻ dọn đường. Từ xưa đến nay, chiêm nghiệm không phải là một lần như thế. Nước ta trải qua mấy đời nội thuộc, rồi kể đến kẻ tranh giành, người trỗi dậy. Trời sáp thu thập về cho họ Dinh

1. Tào Phi. Tào Thực đều là con Tào Tháo. Tào Phi muốn giết Tào Thực, gọi Tào Thực đến ra lệnh đi 7 bước phải làm xong bài thơ, không làm được sẽ bị giết. Tào Thực ứng khẩu đọc ngay bài thơ "Chủ đậu nhiên đậu cõi, Đậu tại phủ trung khấp Bản thị đồng cản sinh, Tương tiêu hà thái cắp" (Nấu đậu dồi cùi đậu, Đậu khóc ở trong chõ, Võn sinh cùng mít gốc, Nấu nhau sao quá gấp).

2. Thiên Phai mộc trong Kinh Thi có câu: "Ký hữu phi chư dĩ iốc chư phụ" (Đã có con dê mới các câu). Đoạn này ý nói: nếu Tán Vương không phải là người tốt thì dù không giết Xương Ngập cũng không nên hâu dãi Tam Kha.

3. Hứa Do: Người giỏi ở thời cổ của Trung Quốc, ăn dát ở Báu Trạch, vua Nghiêu nhưng ngồi không nhàn trốn đến cày ruộng ở Trang Nhạc. Vua Nghiêu lại muốn gọi về làm quan trưởng Cửu Chân, Do không muốn nghe, rủi tai ở bên Dinh Thuỷ. Chết, hiệu là Cơ Sơn công thần.

4. Quý Trát là con út Thờ Mông vua Ngô thời Xuân Thu.

cho nên những kẻ đòn đường cho họ Đinh nhiều thì được vài mươi năm, hoặc vài bốn năm, ít thì cũng đượcสาม ba năm hoặc chỉ dört mình. Kẻ có cơ dấn đến bao vong thi tối tâm trong lòng, người không có nguyên nhân sinh loạn thì trời sẽ giúp, tạo hóa có vận số nhất định mà người ta noi theo trong đó. Nào nói là cứu vãn, nào nói là xoay chuyển, nhưng xét cho đến cùng thì cũng không lọt ra ngoài sự điều khiển của trời. Đó là điều có thể biện bạch cho Nam Tân Vương đấy. Nếu bảo rằng bỏ việc người mà bàn sổ trời thì không phải là lời bàn thấu chốt <17a> những việc trị dời, lý và số thường liên quan với nhau. Có cái số hoặc là nhu thế, cũng có cái lý tất phải nhu thế. Lành dù lâu chóng vốn là do trời xui nên, nhưng không có cái gì là không phải do người làm nên. Nói do người làm là ở chỗ lúc ban đầu xây nền đáp móng, kẻ nói ngồi, hưởng phúc, dùng dấn, phép tắc rõ ràng, thì chưa từng không được cai trị nước lâu dài; kẻ làm trái thì chưa từng không chóng sinh ra loạn. Ngô Tiên chủ không lập con trưởng mà gửi con nhỏ cho Tam Kha, thế là trong lòng ông ta đã mê hoặc về sự riêng tư. Quyền binh trong triều, mệnh lệnh trong nước liền bị tên đại gian làm thương tổn. Tuy Hậu Ngô Vương có tài dẹp loạn, dưng lại ngồi vua, nhưng gốc rễ đã bị lung lay, cành lá cũng theo mà tàn tạ. Ôi! đó cũng là cái lý tất nhiên.

Người làm vua đối với đạo chính tâm, tu thân, tề gia, không được có chút lơ là, cái gốc thịnh trị lâu dài là ở đây.

HỆT QUYẾN VII NGOẠI KÝ DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYỀN I

KÝ NHÀ ĐINH

<1a>

DINH TIỀN HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Dinh, tên huý là Bộ Linh, người động Hoa lư⁽¹⁾ chúa Đại Hoàng⁽²⁾, là con Dinh Công Trứ, thứ sử Hoan Châu. Vua dẹp loạn 12 sứ quân, tự lập làm vua, ở ngôi 12 năm, bị người trong cung là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi, táng ở Sơn Lăng⁽³⁾ Trường An⁽⁴⁾. Vua dũng lược hơn đài, quét sạch bọn hùng trưởng, mở rộng bờ cõi, nối tiếp quốc thống họ Ngô⁽⁵⁾. Nhưng lập con nối ngôi không rõ ràng, phòng ngừa không cẩn mật, để cung đình xảy ra biến loạn, vận mệnh của nước cũng theo đó mà mất).

Trước đây, cha vua là Dinh Công Trứ, làm nha tướng của Dương Đình Nghệ⁽⁶⁾, được Dương Đình Nghệ trao quyền nhiếp⁽⁷⁾ chức thứ sử Hoan Châu kiêm chức ngự phiền đô đốc, sau theo về Ngô Vương, được làm chức cũ. Mẹ vua là Đàm Thị, từng chiêm bao thấy một bậc trưởng phu⁽⁸⁾ tay cầm ấn xin gửi thân làm con, tỉnh ra liền có thai, rồi sinh ra vua. Vua phong tư dẹp đẽ lạ thường. Cha vua rất mừng, nhưng thấy việc đài ngày càng sai trái, bèn bỏ quan về, chẳng được bao lâu thì mất.

Vua khi ấy còn nhỏ, mẹ con dắt díu dòi vào ở bên cạnh đèn thờ thẫn núi trong động, chăn trâu với trẻ cùng thôn. Bọn <1b> trẻ đều suy tôn vua cầm đầu. Khi chơi đùa, chúng bắt chéo tay nhau công khen vua, làm kiệu vua ngồi, lai lấy hoa lau rước dẫn hai bên làm như nghi vệ của thiên tử. Ngày rồi sang đánh trẻ con thôn khác, đi đến đâu bọn trẻ cũng đều sợ phục, cùng nhau hàng ngày nộp cùi phục dịch. Mẹ mừng rỡ, bèn mổ lợn nhà

1. Động Hoa Lư : Thuộc địa phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

2. Chúa Đại Hoàng : Thuộc tỉnh Ninh Bình.

3. Sơn Lăng : Nơi chôn cất các vua.

4. Trường Yên : Thuộc chúa Đại Hoàng. Xem chú thích 2.

5. Họ Ngô : Tức Ngô Quyền.

6. Dương Đình Nghệ : CM chép là Dương Diên Nghệ.

7. Trưởng phu : Con trai đã đứng tuổi.

khao chung ăn, bắc phu lão ở các sách⁽¹⁾ phân nhiêu dem con em đến xin theo. Vua cùng mọi người dời đến ở sách Đào Áo. Chủ cùm vua giữ sách Rồng chống nhau với vua. Vua nhỏ không chống cự nổi, vì thế bỏ chạy, qua vùng Đàm Gia Nương⁽²⁾ cầu gãy bị rơi xuống. Người chủ đuổi theo đâm, thấy hai con rồng vàng kèm che hai bên, chủ sợ phải rút lui. Vua thu thập quân còn lại đánh tiếp. Người chủ đầu hàng. Từ đấy mọi người sợ phục, mỗi lần đánh đều thắng, nên gọi là Van Thắng Vương.

Bấy giờ, 12 sứ quân tự xưng hùng xưng trưởng với nhau cát giữ đất đai. Ngô Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều⁽³⁾, Ngô Nhật Khanh chiếm giữ Đường Lâm⁽⁴⁾, Kiều Tam Chế chiếm giữ Châu Phong⁽⁵⁾. <2a> Nguyễn Thái Bình chiếm giữ Nguyễn Gia Loan,⁽⁶⁾ Đỗ Cảnh Thạc chiếm giữ Đỗ Đông Giang⁽⁷⁾, Nguyễn Lệnh Công chiếm giữ Tây Phù Liệt⁽⁸⁾, Lữ Tà Đường chiếm giữ Tả Giang⁽⁹⁾, Nguyễn Thủ Tiệp chiếm giữ Tiên Du⁽¹⁰⁾, Lý Lăng Công chiếm giữ Siêu Loại⁽¹¹⁾, Kiều Lệnh Công chiếm giữ Hồi Hồ⁽¹²⁾, Phạm Phòng Át chiếm giữ Dảng Châu⁽¹³⁾, Trần Minh Công chiếm giữ Bố Hải⁽¹⁴⁾.

Mình Tông mất, nhân có quân sĩ dờ vua bèn nổi lên dẹp được các sứ quân mạnh, tự lập làm vua

(Xet thấy ngoại truyện chép: Dinh Tiên Hoàng lúc còn bé, chơi đùa với bọn trẻ chăn trâu, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng mừng, nhảy lúe mèo đi vắng, dẫn bọn trẻ chăn trâu bắt trộm lợn nhà làm thịt khao chung ăn. Mẹ về, sợ tai vạ đến thân, liền đem chuyện nói với người chủ là Dinh Dự. Dự nỗi giận cầm dao tìm khắp cảnh đồng. Tiên Hoàng đang cùng bọn trẻ bày đại ăn uống, bọn [Dinh] Diền, [Nguyễn] Bắc ra chống cự với Dự để cho Tiên Hoàng thunu cơ chạy trốn. Dự đuổi theo đến sông, thấy rồng vàng vắt qua sông làm cầu phao cho Tiên Hoàng chạy qua. Dự sợ, vứt dao trở về. Tiên Hoàng bèn sang huyện Giao Thủy theo nhà thuyền chài đi đánh cá bắt được viên ngọc khuê. Việc kia Ay là thế. Việc sử cũ chép là mẹ vua mổ lợn cho bọn trẻ chăn trâu ăn và Tiên Hoàng cùng người chủ, mỗi người chiếm cứ một sách chống nhau. Lấy lý mà suy thì theo ngoại truyện là đúng. Vậy xin chép cả vào đây).

1. Sach: Một đơn vị hành chính ở miền núi, tương đương với bản ngày nay.

2. Đàm Gia Nương: Tên thôn thuộc xã Diền Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

3. Bình Kiều: Xem chủ phần ngoại ký Q. VII

4. Đường Lâm: Xem chủ thích phần ngoại ký Q. 7.

5. Châu Phong: Nay là huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Nguyễn Gia Loan: Đầu thành xưa, nay vẫn còn ở xã Vĩnh Mụ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Đỗ Đông Giang: Xem chủ thích phần ngoại ký Q. VII.

8. Tây Phù Liệt: ở huyện Thành Trì, tỉnh Hà Đông nay là ngoại thành Hà Nội.

9. Tả Giang: Xem chủ thích phần Ngoại ký Q. VII.

10. Tiên Du: Nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chân núi Bát Van Sơn thuộc vùng này có thành cũ.

11. Siêu Loại: Xem chủ thích phần Ngoại ký Q. VII.

12. Hồi Hồ: Ngày nay ở xã Trần Xá, huyện Hoa Khê còn nền thành cũ.

13. Dảng Châu: Xem chủ thích phần Ngoại ký Q. VII

14. Bố Hải: Sau là xã Kỳ Ba, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình

Mậu Thìn, năm thứ 1 [968] (Tổng Khai Bảo năm thứ 1) vua buổi đầu lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư <2b>. Trước kia vua muốn đóng đô ở thôn Đàm, nhưng cho là nơi ấy thế đất chật hẹp, lại không có lợi thế, nên dời sang đông Hoa Lư, đặt kinh đô mới, dập thành đào hào, dựng cung điện, đặt triều nghi, các bệ tội dâng tôn hiệu là Đại Thánh Minh Hoàng đế. Nhà vua muốn lấy uy để tri thiên hạ, bèn đặt vạc lớn giữa sân, nuôi hổ dữ trong cũi, ha lệnh: Người nào trái phép sẽ phải chịu tội bỏ vào vạc nấu, hoặc cho hổ ăn thịt. Mọi người đều sợ phục, không ai dám can phạm.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: *Dinh Tiên Hoàng nhờ tài năng sáng suốt hơn người, dùng lược hòn dời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, lũ hung trưởng cát cứ, một lần nổi lên mà 12 sứ quân phải hàng phục. Đến việc mở nước đóng đô, xưng Hoàng đế, định trâm quan, đặt 6 quận chế độ tạm dù, có lẽ ý trời sinh ra cho nước Việt ta, bậc thánh nhân sáng suốt để nối tiếp quốc thống đầy chang?*

<3a> Kỷ Ty, năm thứ 2 [969] (Tổng Khai Bảo năm thứ 2), tháng 5 nhuận, phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt Vương.

Canh Ngọ, Thái Bình năm thứ 1 [970] (Tổng Khai Bảo năm thứ 3), vua sai sứ giả sang nước Tống. Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng là Phan Uy đánh dẹp Lĩnh Nam, nên mới có lệnh ấy (xét thấy niên hiệu thì đã có từ thời Vũ Đế nhà Hán. Ở nước ta vua Lý Nam Đế đã từng đặt niên hiệu là Thiên Đức. Cho nên, việc đặt niên hiệu ở đây không phải là điều gì mới sáng tạo, mà sử cũ vào năm này chép to chữ "đặt niên hiệu" là không đúng, xin bỏ).

Lập năm hoàng hậu là: Đan Gia, Trinh Minh, Kiểu Quốc, Cồ Việt, Ca Ông.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: *Trời dắt cùng che chở, mặt tráng mặt trời cùng soi sáng, nên mới sinh ra muôn vật, nuôi dưỡng moi loại, cũng như hoàng hậu sánh với nhà vua, nên mới đứng đầu làm tiêu biểu trong cung, giáo hoá cho thiên hạ. Từ xưa chỉ lập một hoàng hậu, để làm chủ việc cai quản trong cung mà thôi, chưa hề nghe thấy có 5 hoàng hậu. Tiên Hoàng không kế cứu cổ học, các bệ tội lúc bấy giờ lại không ai biết lấy nghĩa để giúp vua làm đúng, khiến vua đám dưới trong tình ái riêng mà lập 5 hoàng hậu. Về sau, đến <3b> hai triều Lê và Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, đều bởi Tiên Hoàng khai ra mối loạn ấy.*

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: *Một âm một dương gọi là đạo, cho nên quan hệ vợ chồng là dấu mối luân thường của con người, là nền tảng giáo hoá của nhà vua. Thời ấy lên nhà Hạ nhà Chu cũng chưa nghe có hai [hoàng hậu]. Chỉ từ Thiên Nguyên nhà Bắc Chu⁽¹⁾ hoang dãm cồng bao, tự cho mình là trời. Cho nên, trong chốn cung đình danh hiêu hoàng hậu không phải là một. Hoàng hậu có bốn bà, mỗi bà cho thêm chữ "thiên" [ở đầu tên hiệu]; lại đặt một bà Thiên Trung Đại hoàng hậu chuyên chủ việc thối xôi thờ cúng, công là năm hoàng hậu. Bài văn sách phong hoàng hậu có câu: "Khôn nghi tí đức, Thổ số duy ngũ" [nghĩa là: đức sánh với khôn mà khôn thì tượng thố, độ số của thố là 5]. Vin vào kinh nghĩa mà tó vê để che lấp cái lối của mình. Còn Tiên Hoàng thì không biết sách vở, xướng xuất càn những việc nhảm cá lê nghĩa, loạn phép luân thường. Kẻ sinh vào đời trước, người sinh ở*

1. Bắc Chu : Tên một triều đại của Trung Quốc.

dài sau, kè ở đất Nam, người ở đất Bắc, mà cùng một duoc. Hoàng hậu nhà Chu thi di tu, hoàng hậu nhà Đinh di lấy chồng khác, đều bị dài sau chê cười. Triều Lý, triều Lê đều noi theo việc trước <4a> không biết cái sai của nó. Nhà Đinh có nhiên là dâu têu của hai dài sau rồi, nhưng gương xấu ở ngay nhà Đinh mà nhà Lê nhà Lý vẫn diêm nhiên làm theo không hề biết sợ! (huống hồ đối với Đinh Tiên Hoàng thi trách làm gì!)

Tân Mùi, năm thứ 2 [971] (Tổng Khai Bảo năm thứ 4), bắt đầu định thứ bậc phẩm trật cho các quan văn võ và tăng đao. Cho Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lưu Cơ làm đô hộ phủ sứ ⁽¹⁾, Lê Hoàn làm thập đạo tướng quân ⁽²⁾ Tăng Thông ⁽³⁾ là Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sứ, Trương Mã Ni làm tăng lục ⁽⁴⁾ dao sứ. Đặng Huyền Quang được trao chức sùng chân uy nghi ⁽⁵⁾.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Dinh Tiên Hoàng dây lên từ đất Hoa Lư. Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Dinh Diên, Trịnh Tú đều là cùng làng cùng lửa tuổi với vua, lúc nhỏ tôn Tiên Hoàng làm chúa, bọn Bặc thường ở bên cạnh làm như quan thị vệ tôn quý thân cận. Khi Tiên Hoàng bị chủ đuổi đánh, trú ngụ không yên, thì bốn người ấy đã lần lượt ngầm đem com nước cho. Đến sau Tiên Hoàng lánh nạn sang Giao Thuỷ, <4b> họ không thể song theo, khi được biết vua về cùng Trần Minh Công thì mới đưa nhau đến theo. Phàm Tiên Hoàng muu tính đánh trận nào, tất cùng bốn người đó bàn bạc. Họ đều là những người có công dẫu giúp đỡ mệnh vua, đến bây giờ xét công ban thưởng, chẳng lẽ lại bỏ quên riêng Dinh Diên, Trịnh Tú sao? Có lẽ do sứ chép sót mà thôi. Còn như cái gọi là tăng đao là cái thứ gì? Lấy bàn pháp của họ mà nói, thì họ chỉ là hạng thanh hú tích diệt, mà cũng được tôn sùng phong cho phẩm trật, ngang hàng với quan văn quan võ! Khiên cho bọn đội mũ vàng măr áo nâu ⁽⁶⁾ dàn dàn lũ lũ xếp hàng với các bậc án vàng dây tia, án bạc dây xanh ⁽⁷⁾, làm xấu hổ cả triều đình, mà nhục quốc thể. Chẳng thàm tệ lắm sao!*

Gà công chún Minh Châu cho Trần Thắng, phong Thắng làm phò mã đô úy ⁽⁸⁾ (Thắng là em trai Trần Minh Công).

Nhâm Thân, năm thứ 3 [972] (Tổng Khai Bảo năm thứ 5), sai Nam Việt Vương là Định Liễn sang thăm hỏi nhà Tống.

Quý Dậu, năm thứ tư [973] (Tổng Khai Bảo năm thứ 6), Nam Việt Vương Liễn từ nước Tống về. Vua Tống sai sứ sang sách phong, lại trao cho Liễn chức Kiểm hiệu thái

1. Đô hộ phủ sứ : Chức quan coi việc hình án ở đô hộ.

2. Thập đạo tướng quân : Chức quan đứng đầu quân đội thời bấy giờ

3. Tăng Thông : Chức quan đứng đầu các sư sãi.

4. Tăng lục : Chức quan thứ 2 sau chức tăng thông.

5. Sùng chân uy nghi : Chức quan coi riêng về tôn giáo.

6. Đội mũ vàng măr áo nâu : Chỉ các dan sỹ, sứ sãi.

7. Án vàng dây tia, án bạc dây xanh : Thời Tân Hán, quan thun tướng dùng án hàng vàng, dây deo màu tia ; quan đại phu dùng án hàng bạc, dây deo màu xanh. Ở đây ý nói cho sự sặc ngang hàng với các quan chức của triều đình.

8. Phò mã đô úy : Một tước của người được lấy công chúa.

sư, Tinh Hài quân tiết độ sứ An Nam đô hộ <5a>. Những ai tiến cử đều được làm quan (nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quận vương, lời chế đai lược nói rằng: Họ Dinh đời đời là dòng họ lớn, giữ được phương xa, lòng chuông phong hoá Trung Hoa, luôn muốn nội phụ (1). Nay chín châu đã thống nhất ngoài Ngũ Linh đã quét sạch đã sai sứ trèo non vượt biển sang dâng đồ cống. Khen cái ý người con tốt biết giữ phân phiền thản, ban cho cha người theo lối cát đất phong tước, ban tước trật được năm bình quyền⁽²⁾, hưởng tô thuế theo chế độ tinh diền⁽³⁾ là để khen người già có đức, chứ không hạn chế ở điển chương thường lệ).

Giáp Tuất, năm thứ 5 [974] (Tống Khai Bảo năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2 quy định 10 đạo quân, 1 đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ, mỗi ngũ có 10 người. Tất cả đều đội mũ vuông chớp bàng (mũ ấy làm bằng da, bốn bề khâu lại liền nhau, trên hạp dưới rộng, gọi là mũ chớp bàng)

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét về quy chế các quan lữ này, tính từ mệnh ngũ 10 người cho đến một đạo 10 quân, thì số của mỗi quận lên đến một vạn người, hợp cả số quân 10 đạo thì lên đến trăm vạn người. Để có dù quần áo lương thực cung cấp cho trăm vạn người ấy, phải phiền đến sự cung đốn của vài ức vạn người. Thế thì sức dân của một nước làm sao dương nổi. Chắc là lúc bấy giờ binh và nông chưa <5b> phân biệt, còn tình trạng hễ có việc là gọi ra, xong việc thì giải tán về đồng ruộng. Hoặc giả cũng như cách kén lính ở bốn trấn ngày nay, chỉ cần ghi tên theo ngạch ở sổ lính mà thôi. Sách vở vốn đã ít, thời dài lại cách xa, khiến người đọc sử không hiểu được đầu đuôi cách đặt phép tắc của các đời như thường họp trên đây là rất nhiều.

Sinh Hoàng thứ tử Toàn.

Ất Hợi, năm thứ 6 [975] (Tống Khai Bảo năm thứ 8), mùa xuân, quy định áo mũ cho các quan văn võ.

Vua sai sứ sang nước Tống, vua Tống phong Liễn làm Giao Chỉ quận vương. Lúc đó vua sai Trịnh Tú đem voi dã thuần dưỡng và vàng lụa sang biếu nhà Tống. Nhà Tống sai Hồng lô tự khanh là Cao Bảo dẫn Lương Ngan Phù mang chế sách sang gia phong cho Nam Việt. Vương Liễn làm khai phủ nghi đồng tam ti, kiêm hiệu thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đó về sau sai sứ sang Tống, đều do Liễn làm chủ.

<6a> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Tiên Hoàng dấy lên từ một người áo vải, một lần nối lên dẹp được 12 sứ quân. Rồi dung nước, dung kinh đô, đổi niên hiệu, chính ngôi vua. Võ công vang khắp, văn hóa đều đổi mới. Trị vì ba năm, mới bắt đầu thông hiểu với nhà Tống, diễn chương nhà vua, tước trật của quân đội, rất mức dâng khen. Con là Liễn lại được trao tước quận vương: Sự nghiệp mở mang, có thể nói là rất lớn! Tiên Hoàng lúc đó tuổi quá năm mươi, năm giữ ván nước khi thái bình, được khen là có đức lớn, tự nhìn thấy con minh được nhận mệnh của vua thiên tử, dùng chủ tên trong biểu chương của nước, cha con nhu thế, còn có gì đáng

1. Nội phụ : Theo về Trung Quốc

2. Ban tước trật, được năm bình quyền : Dịch theo nghĩa là từ hảo "cửu thi" què "sư" Kinh Dịch

3. Chế độ tinh diền : Phép chia ruộng theo hình chữ "tình" (地) , nghĩa là 1 khoảnh ruộng hình vuông, chia làm 9 ô ; 8 ô xung quanh chia làm 8 hộ. Con 1 ô ở giữa do 8 hộ cùng làm để thu hoạch cho vua.

buôn! Nếu vua biết nhường ngôi cho con rồi lên làm thượng hoàng, dư vào chính sự lớn của nước, giữ gìn bờ cõi, ngăn sự nhòm ngó của người khác, là kế ngàn vạn năm vững bền, thì loạn từ đâu mà sinh ra được? Vua không nghĩ ra điều đó, mà tham giữ ngôi báu, chìm đắm trong cảnh yên vui, bỏ con trưởng, lập con thứ, mambil tài ac làm ngàn trò dã giết Hạng Lang mà không lập Đinh Liễn, danh phận không ổn định <6b> gốc rễ trước dã lung lay, khiến cho tai biến xảy ra ngay trong nhà mình, tàn khốc như con bệnh thú cắn con ngựa tham⁽¹⁾ gian nan như người phải nuốt đất khiên cho khi thế bậc anh hùng bỗng ch襻 phải tiêu vong: Đến khi vua vương cầu phong, người Tống kiên quyết từ chối, đến nỗi ban dụ đòi mẹ con vua phải sang châu, yêu dến thế! Dẫu bảo do số trời, nhưng há chẳng phải là do Tiên Hoàng tu cát gốc rễ của mình nên chóng dến ch襻 diệt vong đầy sao.

Bính Tý, năm thứ 7 [976] (Tống Khai Bảo năm thứ 9), từ tháng 10 về sau thuộc Tống Thái Tông, Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 1).

Vua sai Trần Nguyên Thái sang đáp lê nước Tống, (xét sử cũ chép): "Năm ấy có thuyền buôn các nước ngoài đến dâng các sản vật địa phương. Việc khách đường biển dâng các sản vật, cũng như việc hỏi xét ở cửa quan bến càng, không liên quan gì đến thế nước, nên bỏ không chép, thời Lý, thời Trần về sau cũng chép phòng theo như thế).

Mùa đông, tháng 10. Vua Tống mất, miếu hiệu là Thái Tổ. Em là Quang Nghia lên ngôi, tức là Thái Tông.

Đinh Sửu, năm thứ 8 [977] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 2), vua sai sứ sang nước Tống, mừng vua Tống lên ngôi. <7a> Mậu Dần, năm thứ 9 [978] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, động đất.

Vua lập con là Hạng Lang làm hoàng thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ Vương.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Đinh Tiên Hoàng như thế là không có phép nhà dung dân dãy. Điều lệnh cấm của nhà vua họp ở Quỳ Khâu⁽²⁾ thì điều dâu tiên nói rằng: "Không được thay đổi con trưởng, không được đưa vợ lẽ làm vợ cả". Thanh nhân sở dĩ dung hai điều ấy là vì con thứ không thể lấn hàng con trưởng, vợ lẽ không thể lấn át vợ cả. Trong cương thường của nước, hai điều đó thật là hệ trọng. Vợ lẽ ngang với vợ cả, đều làm hoàng hậu, là nguyên do gây lên mối loạn dãy Tiên Hoàng yêu con nhỏ nên lập Hạng Lang làm thái tử, nhiều vợ yêu mà lập năm hoàng hậu, dâm duối theo tình riêng mà gây nên mầm hại họa. Phép nhà không dung dân, thì làm sao mà trị nước được? Rút cuộc dã gây nên sự chia rẽ trong gia đình, tai biến này ra trong kẽ nách, hoạ đến thân, mà hại lấy cả con cháu đời sau, cũng do phép nhà không dung dân mà gây nên dãy.*

<7b> **Sử thần Ngô Thị Sí** bàn: *Từ xưa những ông vua mê muội, bỏ con trưởng, lập con thứ cùng dãy. Nhưng chưa ai ngu muội vô đạo như việc làm của nhà Đinh trước, nên hậu quả đến thế là đáng lâm!*

1. Con bệnh thu cắn con ngựa tham : Vua Văn Hộ nhà Chu giết Hiển Mẫn Đế ; sau Vũ Đế giết Hộ rồi ban chiếu rằng : "con ngựa thu cắn con ngựa tham, lũ cù điêu xum xít trên điện". Đó là lời tố cáo bon giết vua.

2. Điều lệnh của vua họp ở Quỳ Khâu : Cố lệnh cấm không được thay đổi con trưởng, không được đưa vợ lẽ làm vợ cả.

Tháng 2, mưa đá.

Mùa hạ, tháng 6, trời hạn.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Xét việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, thi trước đó xảy ra động đất; sau đó xảy ra mưa đá và hạn, trời rán báo cho người dâ rõ ràng đấy, thế mà bỏ qua không mưu tính đến, lúc tinh ra thì đá muộn rồi, để tai vạ cho con cháu đời sau đáng nói là thảm hại đấy.

Kỷ Mão, năm thứ 10 [1979] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 4), mùa xuân, Nam Việt Vương là Liễn giết thái tử Hạng Lang, Liễn là con trưởng của vua, từng trái gian khổ, khi vua lấy được nước, phong làm Nam Việt Vương, lại từng xin mệnh nhận sắc phong của nhà Tống. Về sau sinh Hạng Lang, vua yêu quý lắm, bèn lập làm thái tử <8a>. Liễn thấy thế không bằng lòng, sai người ngầm giết Hạng Lang

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Dùng con địch nổi ngôi là đạo thông thường của muôn đời. Nam Việt Vương Liễn là con trưởng, lại có công, chưa có lỗi gì thế mà, Tiên Hoàng lại yêu con nhỏ mà quên con địch, vua cho là sẽ thoát được mối tình yêu quý, mà không biết là làm hại con đấy, Liễn thì nhẫn tâm đến nỗi giết em, mất cả dao trời, tai họa đến phải bỏ mình đây đến cả cha, há chẳng phải là khốc liệt lắm sao?

Mùa đông, tháng 10, Chi hậu nội nhân là Đỗ Thích giết vua và Nam Việt Vương Liễn. Bon Đinh quốc công là Nguyễn Bặc giết Đỗ Thích, trước kia Thích làm quan ở Đồng Quan, đêm nằm trên cầu, bỗng thấy sao rơi vào mồm, cho là điềm tốt, bèn ngâm ngầm ôm ấp mưu đồ khác. Đến bấy giờ, nhân nhà vua ăn yến ban đêm nằm trong sân cung, Thích bèn giết vua và Nam Việt Vương Liễn. Lúc ấy, việc lùng bắt hung thủ rất ngặt. Thích nấp trên máng nước trong cung <8b> hơn 3 ngày, khát quá gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống, cung nữ nhìn thấy, liền báo với Bặc, Bặc sai người bắt Thích đem về xử chém, rồi đập vụn xương vằm nát thịt, người trong nước ai cũng giành nhai thịt nó (trước kia, lúc vua còn hàn vi, thường đánh cá ở sông Giao Thuỷ, kéo lưới và bắt được viên ngọc khuê to, va vào mũi thuyền, sứt mất một góc. Đêm ấy vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thuỷ, giấu ngọc khuê ở đáy giò cá. Đến đêm khuya ngủ say, trong giò bỗng phát ra ánh sáng khác thường, nhà sư dậy hỏi nguyên cớ, vua lấy ngọc khuê đưa cho sư xem, nhà sư thở dài nói: "Anh sau này quý hiển không thể nói hết, chỉ tiếc cho phúc chẳng được bền". Lại vào năm Thái Bình thứ 5 [974], vua nghe được lời sấm rằng:

Đỗ Thích thí Đinh Đinh,
 Lê gia xuất thánh minh.
 Cảnh đầu da hoành nhi,
 Dao lộ tuyệt nhân hành.
 Tháp nhị xung đại vương.
 Tháp ác vô nhất thiện.
 Tháp bát tử đang tiên,
 Ké đỗ tháp nhị thiên.
 (Đỗ Thích giết hai Đinh
 Nhà Lê sinh thánh minh

Tranh nhau nhiều kẻ ngược,
 Đường xá người vắng tanh.
 Mười hai tên xưng vương,
 Toàn ác không một thiện.
 Thập bát tử lén tiên,
 Kẻ hai chục ngày liền)
 Ai cũng cho là số trời đã định rồi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Loạn thần tặc tử*⁽¹⁾ không dài nào không có. Nhưng mưu đồ trái với danh phận của họ thì bao giờ cũng bắt đầu từ sự tự lừa dối ở điểm quái gở hoặc tốt lành. Xưa Linh Bảo⁽²⁾ cướp ngôi nhà Tần, Lộc Sơn phản bội vua Đường⁽³⁾ cũng đều thế cả (mẹ của Huyền là người họ Mã, thấy nuốt sao sa vào mồm, bèn có thai Huyền; Khi sinh An Lộc Sơn có ánh sáng tỏa ra khắp nhà, chim muông đều khiếp sợ) song bọn ấy còn trong tay nắm quân mạnh, ở địa vị trọng yếu, mà không biết tự liệu sức, và cuối cùng phải chuốc lấy sự diệt vong <9a>. Còn như Đỗ Thích chỉ là một viên lại ở Đại Đế Thiên Bản⁽⁴⁾ chỉ vì một cái điểm sao sa quái gở, mà mưu đồ cướp ngôi một cách cuồng loạn, làm hư hỏng việc nước, chuốc tai vạ vào thân. Xưa kia thời các bậc tiên vương, những người hầu hạ không ai không ngay thẳng. Chu Công lập ra chính sự thì chăm chút de răn về việc ít quan tâm chăm sóc đến người hầu hạ bên màn trường của vua. Cho nên chọn quân túc vệ ở bên cạnh vua không thể không thận trọng được. Vua Vũ Đế nhà Hán dùng Hán An Quốc để giữ ống nhổ; vua Tuyên Đế dùng Ngụy Tường làm cấp sự trung, lúc bình thường trong cung cấm, vua vẫn cùng các quan sĩ dai phu quanh quần bên nhau là nắm được ý của người xưa. Đài sau, vua tối ngày càng xa cách, thời gian vua ở cung cấm nhiều hơn, nên mới đến nỗi xảy ra chuyện trao ngược lưỡi kiếm Thái A,⁽⁵⁾ ngôi vua ngầm bị xâm phạm, liên tiếp theo vết xe đổ, mà không biết tinh ngô. Đọc đến đoạn này thật đáng ngảm ngùi!

PHẾ ĐẾ

(Vua tên huý là Toàn, con thứ của Dinh Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng, Lê Hoàn cướp ngôi, giáng làm Vệ Vương, thọ 18 tuổi. Vua còn thơ ấu, nỗi nghiệp lớn lúc gian nan, cưỡng thần nhiếp chính, không được tự chủ, bèn để mất ngôi báu, thật đáng buồn thay) <9b>.

1. Loạn thần tặc tử . Kẻ bè tội lam loạn nước, đưa con hư làm hại nhà.

2. Linh Bảo : Tên tự của Hoàn Huyền thời Tần. Vì cướp ngôi vua của Tần An Đế bị bọn Lưu Nghị, Lưu Dụ giết chết.

3. Lộc Sơn phản bội vua Đường : An Lộc Sơn là người rợ Hồ ở Liêu Thành, làm quan với Đường Huyền Tông, sau cướp ngôi vua Đường và bị Khánh Tự và Lý Chu Nhi giết chết.

4. Thiên Bản . Thuộc tỉnh Nam Định ngày nay.

5. Trao ngược lưỡi kiếm Thái A : Ý nói trao quyền cho người khác.

Các ông Định quốc công Nguyễn Bặc, ngoại giáp là Dinh Diên, cùng với Thập đạo tướng quân là Lê Hoàn, rước vương lên ngôi hoàng đế; truy tôn huy hiệu Tiên hoàng đế, đưa về tang ở Sơn Lăng, Trường An, tôn mẹ đích Dương thị làm hoàng thái hậu.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Việc các bậc đế vương nối dây không bao giờ là không do ở trời. Song bậc thánh nhân không ý vào mệnh trời, mà càng dõi hỏi ở mình làm hết phận sự, khi sự việc đã thành rồi càng phải lo hoạn nạn mà dự phòng; tu sửa lỗ nhục hành chính để ngăn ngừa lòng người, đặt nhiều lỗ cửa canh gác để giữ trộm cướp. Vì lòng ham muốn của con người là vô cùng, việc biến cố trong đời là không bờ bến, nên không thể không phòng trước được, sự lo lắng thật là xa xôi. Tiên Hoàng không được chết yên lành là do việc người làm không chu đáo, chứ không phải mệnh trời không giúp, vì không dự phòng tốt, để cho thuyết đồ sám trở nên thảng thê <10a> người đời sau không thể không ngờ vui.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Định Tiên Hoàng dây lên từ nơi hang động, những người giúp vua lúc ấy như Định Diên, Nguyễn Bặc đều là hàng vú phu cung nhác không biết phương pháp trị dân giữ nước, không biết nghiên cứu văn chương nghị lễ dời xưa, khiến cho vua của họ chết không chính đáng, không có miếu hiệu dẹp. Tiên Hoàng nhà Định, Thuỷ Hoàng nhà Tần đều là xàng bậy. Có lẽ là cái tệ vô học dây. Người không được thám nhuần bởi những [kinh nghiệm] xưa nay, thì ít có kẻ làm việc đời mà không lầm lỗi. Không can ngăn việc bỏ con trưởng, lập con thứ, không biết mưu tính lo trước phòng xa. Khi cái loạn đã thành thì bẽ tối cường quyền cướp ngôi, là có nguyên nhân sâu xa từ trước dây. Lúc mới này nǎm thì không nhỏ [sau lớn rồi] thì rìu búa cũng chẳng làm gì được! Cho nên sức làm thì rất châm, mà công hiệu thì mờ mit. Song biết giữ nghĩa dẹp giặc cho đến khi chết có thể nói là biết giữ tiết lớn mà không đoạt được chí. Vậy hai người này há có thể coi thường như bọn Phàn Khoái được sao?

<10b> Lê Hoàn nhiếp chính xưng là phó vương. Định quốc công là Nguyễn Bặc, Ngoại giáp là Dinh Diên, Phạm Hạp, dây binh đánh Hoàn, không được, đều bị chết.

Bấy giờ vua lên nối ngôi mới 6 tuổi, bọn Dinh Diên đều làm đại thần giúp việc chính sự. Riêng Hoàn một mình nǎm giữ quân đội được ra vào nơi cung cấm. Thái hậu thấy liền yêu mến rồi tư tình với Lê Hoàn, cho ở ngôi nhiếp chính làm công việc như Chu Công¹⁾. Hoàn nǎm việc quân việc nước, lại cậy có thái hậu yêu, lảng nhục người cùng hàng với mình, không kiêng sợ ai. Định Diên, Phạm Hạp vốn không bằng lòng bàn với nhau rằng: Thái hậu làm loạn bên trong, Hoàn sẽ bất lợi cho vua nhỏ, chúng ta chịu ơn dây của nước, nếu không sớm quét sạch giặc bên vua, để chật đứt nguồn gốc gây loạn, thì mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng? Liền cùng nhau dấy quân, chia ra hai đạo thuỷ bộ, hướng về kinh đô định giết Hoàn. Thái hậu nghe tin sợ hãi, bảo với Hoàn rằng: "Bạn Bặc nổi loạn làm chấn động nước nhà, vua còn thơ ấu, chưa cáng đáng nối nhiều hoạn nạn, ông hãy mưu toan di thôi!" Hoàn thưa: "Tôi làm phó vương nhiếp chính,

1. Ở ngôi nhiếp chính làm việc như Chu Công: Chu Công người thời Chu ở Trung Quốc, là em Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương mất, con Vũ Vương là Thành Vương lên ngôi còn nhỏ, được Chu Công nhiếp chính, thiên hạ thái bình thịnh trị.

đu súng chém họa hoan cũng xin gánh lấy trách nhiệm <11a>. Hoàn bèn chấn chỉnh quân ngũ đánh nhau với Nguyễn Bạc, Dinh Diên ở Tây Đô¹¹. Bon Bạc thua chạy, sau lại đưa quân thuỷ tiên đánh Hoàn nhân chiêu gió to châm lửa dốt thuyền chiến. Dinh Diên chết tại trận. Nguyễn Bạc bị bắt đóng cùi đưa về Kinh đô. Hoàn kể tội rằng: "Tiền đế mắng nản thân vn người con đang cảm giận, người là bê tôi lai nhân lúc tang tóc rồi ren tự mình cảm đau bọn giặc, nghĩa tôi con mà như thế sao? rồi chém Nguyễn Bạc. Nguyễn Bạc, Dinh Diên đã chết, quân của Phạm Hap nhặt hết khí chí, tan vỡ chạy đến làng Cát Lợi ở Bắc Giang. Hoàn đưa quân đuổi bắt được đem về Kinh đô. (Theo *Dát sử*: Hoàn lúc mới nghiệp chính, bọn Nguyễn Bạc biết Hoàn tất sẽ cướp ngôi, bèn đưa con em dồn Hoàn ở ngang đường, lấy đại nghĩa mà trách Hoàn, rồi định đưa thân liêu chết, Hoàn nói rằng: "Các ông làm rõi, ta há phải là kẻ làm phản?" Thế rồi an ủi nhau giải tán ra về, nhưng mỗi người đều có chí nhầm sơ hở để loại trừ nhau. Đến khi Hoàn đưa quân vào trong cung nhân nhường ngôi. Bon Bạc không chịu khuất phục đều bỏ trốn. Hoàn cũng không hỏi đến).

Đoạn này khác xa với chính sử, hãy chép để tôn nghi).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Chu Công là người tốn thất rất thân, giúp vua nhỏ tuổi con không khỏi có lời gièm pha phao lên. Lê Hoàn là đại thần khác họ, tay nắm binh quyền, lại làm việc như việc của Chu Công <11b> kè thường tình con ngo, hướng chỉ là Nguyễn Bạc ở chức chủ tướng. Vũ Dinh Diên là đại thần cùng họ. Cuộc khởi binh ấy không phải là làm loạn. Một lòng với nhau là vì Dinh dấy binh đánh Hoàn không được rồi chết, cái chết ấy là đúng chỗ đấy, nay xem lời Đại Hành kể tội của Bạc như là tu kê tội mình. Khi Bạc chết, hắn có nói một lời để tỏ lòng nghĩa khí của mình mà sự không thấy chép là sai lầm đấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Thời xưa binh quyền không để riêng một người nắm. Phủ binh của thời Đường có lẽ còn giữ được ý xưa. Việc nước, việc cung cấm nơi khinh nơi trọng chế ngự lẫn nhau. Họ Dinh đặt binh chế chỉ có 10 đạo, trao cả cho Đại Hành. Ngoài 10 đạo ấy ra, hình như không còn toán quân nào nữa. Các ngươi như Diên, Bạc làm đại thần, mà không dự binh quyền, dẫu ôm ấp chí trung thành cũng không sao ngăn được xu hướng của thế làn ấy. Nhưng vẫn còn tập hợp những người cung chi hướng, định đưa quân ô họp <12a> chống với quân của thần Dao, có lẽ cũng là để tỏ cái nghĩa khí của mình mà thôi. Lê nào không biết việc ấy khó thành mà chỉ thử một lần để cầu may sao? Hơn nữa tôi nghe rằng: danh nghĩa không đúng đắn, thì lời nói không xuôi, lời nói không xuôi thì việc không thành. Nay giờ Hoàn có y cướp ngôi vua nhưng hình tích thì chưa rõ, Dương Hậu tuy ngâm cầu kết với Hoàn nhưng tội chưa rõ ràng. Vua nhỏ còn ở ngôi trên, Hoàn đương làm nghiệp chính, bọn Diên, Bạc, Hap thế lực không địch nổi Hoàn. Tuy lạy tiếng là giết giặc bên cạnh vua, nhưng chưa nêu rõ được tội cướp ngôi vua,

11. Tây Đô : Lê Hoàn là người Ai Châu (tức Thành Hoá ngày nay), Kinh đô lại ở Hoa Lư cho nên sử gọi Ai Châu là Tây Đô

2. Phủ binh : Là chế độ chia dân làm 6 hàng : Khi việc nông nhâm rồi thi đày cho tập quân sự, hợp tất cả làm 100 phủ, chia thuận 24 quân, mỗi khai phủ đều lĩnh 1 quân, mỗi tướng quân thống lĩnh 2 khai phủ.

tư thông với thái hậu, cho nên Hoàn được nhờ vào mệnh lệnh của mẫu hậu và vua nhô để gán cho các người đối lập cái tội phản nghịch. Lòng người không cung với ho thu oán Hoàn, rót cuộc vui vội vàng dây quan, bị cô lập mà chuộc lấy thất bại. Nếu không có sứ cũ nêu ra, thi cũng chẳng khác gì bon Viên Thiệu, Hoàn Huyền¹⁾ thất dâng buôn thay!

Ngô Nhật Khánh đưa quân Chiêm Thành vào cướp phá. Nhật Khánh là dòng dõi của Tiên chúa Ngô Quyền. Trước kia xưng là <12b> An Vương, cùng với 12 sứ quân chiếm giữ đất ấy. Tiên Hoàng đánh dẹp được, lấy mẹ Nhật Khánh làm hoàng hậu, cưới em gái Nhật Khánh làm vợ cho Nam Việt Vương Liễn. Vấn sự Nhật Khánh thù oán sinh biến, nên lại gả công chúa cho Nhật Khánh, Nhật Khánh trong lòng bất bình, bèn đem vợ chạy sang Chiêm Thành, đến cửa biển phía nam bờ cõi, lấy con dao đeo bên mình rạch vào má công chúa mà kể tội rằng: "Cha mày lừa gạt ức hiếp mẹ con ta. Ta đây đâu phải vì mày mà quên mất mối thù? Cho mày về, ta đi dâng khác để tìm người có thể giúp ta". Nói xong liền bỏ đi. Đến bấy giờ nghe tin Tiên Hoàng mất, dẫn quân Chiêm Thành vào cướp phá. Chúa của Chiêm Thành là Ba Mỹ Thuê Dương Bố Án Trà, lợi dụng khi nước ta có sơ hở, bèn dẫn thuyền quân hơn nghìn chiếc theo đường biển mà tiến, định đánh thành Hoa Lư, qua cửa bể Đại Nha và cửa bể Tiểu Khang hơn một đêm, gặp cơn gió bão nổi lên, thuyền bị lật dám, Nhật Khánh và quân Chiêm Thành đều chết đuối. Riêng thuyền của vua Chiêm Thành thoát được, bèn thu nhặt quân còn lại rút về.

<13a> Canh Thìn năm thứ 11 [980] (Phế Đế vẫn dùng niên hiệu Thái Bình, từ tháng 7 về sau là Lê Đại Hành năm Thiên Phúc thứ 1, Tống Thái Bình năm Hưng Quốc thứ 5), mùa thu, tháng 7, nhà Tống sai bọn Hầu Nhân Bảo tập hợp quân sang xâm lược. Trước đây, mùa hạ, tháng 6, viên quan chỉ huy Châu của nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói với vua Tống rằng: "Cha con Giao Chỉ quân vương đều bị giết, nước ấy đã gần mất, có thể nhân lúc này đem một toán quân đánh lấy, nếu bò qua, không mưu tính thì sợ bị lõi mất cơ hội, xin đến cửa khuyết để trình bày tình hình có thể đánh lấy được. Vua Tống vui mừng sai người chạy trampeduân Nhân Bảo đến, Lư Da Tốn cho là Giao Châu nổi loạn, dãy là lúc trời làm mất, triều đình bắt thính lính đem quân đến đánh úp, thi quá như lời "sét đánh không kịp bit tai". Nếu gọi Nhân Bảo về trước, thì mưu tất sẽ lộ. Ké kia nhân dãy phòng bị trước, thì thế được thua chưa thể biết được, chi bằng trao cho Nhân Bảo trách nhiệm vận chuyển lương thực, sai lo liệu việc ấy, rồi chọn tướng đưa 3 vạn quân ở Kinh Hồ một mạch tiến sang, thế tất vẹn toàn, không phí mệt mõi mũi tên <13b>. Vua Tống cho là phải. Đến bấy giờ, cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thu lục chuyển vận sứ; Lan Láng đoàn luyên sứ là Tôn Toàn Hưng. Tất cả sứ là Hách Thủ Tuần, Yên bí khố sứ là Trần Khâm Tộ, Tả giám môn tướng quân là Thôi Lượng làm cung châu lô binh mã đô bộ thư; Ninh Châu thủ sứ là Lưu Trừng; Phó sứ kho quân khí là Giá Thực, Cung phụng quan các môn chỉ huy là Vương Soạn làm Quảng Châu lô binh mã đô bộ thư (Quảng Châu có sách chép là Liêm Châu). Vua Tống lại ban chiếu cho Toàn Hưng,

1) Viên Thiệu, Hoàn Huyền.

- Viên Thiệu, người thời Hán, đánh Tào Tháo bị Tào Tháo đánh bại.

- Hoàn Huyền, người thời Tần, cướp ngôi vua của Tần An Đế bị Lưu Nghi, Lưu Du giết chết.

Trương Tuân, Thôi Lượng đưa bộ binh theo đường Ung Châu tiến vào; bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soan đem thuỷ quân theo đường Quảng Châu tiến vào, hẹn ngày cùng sang xâm lược. Thái hậu sai Lê Hoàn đánh quân Tống. Hoàn tự lên ngôi hoàng đế, phế vua làm Vệ Vương. Bấy giờ ở Lang Châu nghe tin quân Tống sáp đến, lo sợ, tâu lên. Thái hậu sai Lê Hoàn tuyển lựa người có dũng khí ra chống cự; cho Phạm Cự Lang người sách Nam Giang làm đại tướng quân. Khi đương bàn kế hoạch xuất quân thì Cự Lang cùng với <14a> các tướng đều mặc quân phục đi thẳng vào trong phủ bảo mọi người rằng: "Thường kẻ có công, giết kẻ không theo mệnh lệnh là phép hành binh. Nay chúa thượng còn thở áu, chúng ta dốc sức liêu chết chống kẻ địch bên ngoài, dù có lập được chút công thì ai biết cho? Chi bằng trước hây tôn Thập đạo tướng quân làm thiên tử, rồi sau sẽ ra quân. Quân sĩ đều hô "Vạn tuế", Thái hậu nghe nói vậy, sai hữu ty đem đủ nghi trượng rước Hoàn vào cung, lấy áo rồng khoác lên mình Hoàn, khuyên Hoàn lên ngôi. Hoàn bèn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, giáng vua làm Vệ Vương.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Xét sự thế lúc bấy giờ thì Thập đạo tướng quân lại là một quan Diêm kiềm⁽¹⁾ mà trong phủ lại là một thế trấn Trần Kiều⁽²⁾; Phạm Cự Lang lại là một Thạch Thủ Tín⁽³⁾. Tôi cướp ngôi đã rõ, chẳng phải đợi người bàn tán rầm rà. Lại xét Cự Lang là người Chí Linh, ông là người Chiêm theo Ngô Vương làm Đồng giáp tướng quân, cha là Man, làm quan với Nam Tấn, giữ chức Tham chính đô đốc, anh em là Hợp thời Định Tiên <14b> Hoàng làm vê uý, cùng với Nguyễn Bá, Định Diền bàn mưu khói nghĩa hoặc là người ấy dấy chang? Nay lại bởi nghĩa hám lợi, mà mịt tối tâm, so với anh thì ra thế nào? Tạp truyền chép: Cự Lang sau khi mất, thương để bố làm chủ xét lại vụ án ngờ ở Nam dài⁽⁴⁾. Đến nay trăm quan các sảnh đều thờ làm ngục chủ, gọi là Hồng Thánh đại vương vì sao lại được hưởng báo như vậy?

Truy phong cha làm Trương Hưng Vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng thái hậu.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xưa Hoàn Huyền thay nhà Tấn, chỉ truy phong cha là Ôn mà không đề cập đến ông. Người quân tử qua dãy biết được phúc đức của Sở Vương⁽⁵⁾ không được dài. Nay Đại Hành xứng đế mà phong cho cha là vương, còn từ ông trở lên không phong, chẳng khác gì Hoàn Huyền, sao có thể mong cho tông miếu được hưởng phúc đời đời? Hơn nữa, phong cha làm vương mà lại phong mẹ làm hoàng thái hậu thì thật là diên dảo <15a> sai lầm quá lầm. Vua tôi vô học, hành động đều không thể coi được.

Tháng 8, vua Tống ban chiếu đem quân sang xâm lược, sai Lư Da Tốn mang thư sang cáo du, (Lời thư rằng: "Kể ra Trung Ha⁽⁶⁾ đối với Man mach, cũng như thân người có chân tay, việc cử động co duỗi tùy theo lòng người. Cho nên nói lòng người là chủ,

1. Diêm kiềm: Chức quan thời Hậu Chu.

2. Trần Kiều: Nơi các tướng sĩ suy tôn Triệu Khuông Dẫn lên ngôi hoàng đế.

3. Thạch Thủ Tín: Công thần của nhà Tống, có công phò lập Tống Thái Tổ.

4. Nam dài: Nơi các quan ngự sử ở.

5. Sở Vương: Trước khi Hoàn Huyền cướp ngôi nhà Tấn tự phong là Sở Vương.

6. Trung Ha: Tục Trung Ha.

Nếu có một chân một tay, huyết mạch bị ngưng trệ, gân cốt không yên, thì dùng thuốc men để điều trị, nếu chưa thấy công hiệu, thì lại châm chích cho thấu đến chỗ đau, không phải không biết. Thuốc men thì cay đắng, mà châm chích thì chọc nát thịt da, nhưng vì tổn ít mà ích nhiều, người làm vua thiên hạ cũng như thế chăng? Cho nên Thái Tổ hoàng đế ta nhận ngôi của nhà Chu nhường đổi quốc hiệu là Tông, văn minh trong sáng, một lần thay đổi mà sánh kịp thời xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn thấy Man Mạch có bệnh, cho nên năm thứ nhất, thứ hai thì thuốc thang cho Kinh, Thục, Tương, Đàm; năm thứ ba thứ tư thì châm chích cho Quảng, Việt, Ngô, Sở, gân cốt và mạch máu khoan khoái khoẻ lên, nếu không phải là thần cơ trí tuệ của bậc vương già thì ai có thể làm được như thế? Đến khi ta nối giữ cơ nghiệp lớn, tự mình trông nom chính sự, cho rằng: đất Phân, đất Tịnh là bệnh ở trong lòng trong dạ. Nếu chưa chữa khỏi bệnh ở trong lòng trong dạ thì sao chữa khỏi bệnh ở tứ chi? Do đây mới luyện thuốc thang bằng nhân nghĩa, sám châm chích bằng đạo đức, đem chữa cho đất Phân, đất Tịnh một lần là khỏi. Nay chín châu bốn biển đã khoẻ mạnh và yên ổn, duy còn Giao Châu của ngươi ở xa nơi cuối trời, thực ra là ở ngoài năm cõi, mà là đâu cuối của tứ chi, vì như một ngón tay trên thân thể mà thôi. Một ngón tay bị đau, lẽ nào thánh nhân lai không nghĩ đến sao? Vì thế cẩn mò mang sự ngu tối của ngươi, để được thẩm nhuần nền giáo hoá của ta, ngươi có theo không? Hèn chi mà ngày xưa về thời Thành Chu [nước ngươi] đã đem dâng chim tri tráng, đến thời Viêm Hán dựng mốc cột đồng, đến thời Lý Đường, từng dâng là đất của Trung Quốc <15b>. Cuối thời Đường lâm hoạn nạn, chưa kịp khuân xủ, nay thành triều ta, lòng nhân bao trùm muôn nước, cơ nghiệp thái bình cũng dâng tốt đấy, điển lễ phản phong dâng sáp sửa làm, đợi ngươi đến chầu cho ta được vui khoẻ, ngươi chớ úp mặt vào góc nhà, làm ta thêm đau đớn, khiến ta phải dùng đến kẽ chát xác bầm xương, làm cỏ nước ngươi, thì hối sao kịp! Cho dù biển của ngươi có ngọc châu, ta cũng ném xuống suối, núi của ngươi có vàng, ta cũng quẳng vào bụi, không phải ta tham của báu của ngươi. Dân của ngươi nhảy như bay thì ta có xe ngựa; dân của ngươi uống bằng mũi, thì ta có rượu cơm, dùng để đổi phong tục của nước ngươi; dân của ngươi cắt tóc, thì ta có áo mũ; dân của ngươi nói tiếng như chim thì ta có thi thư sẽ dạy cho ngươi biết lễ nghĩa đấy. Cõi nam nóng hừng hực, khói mây nung nấu thì ta thả mây của vua Nghiêng, tưới làm mưa ngọt, khí biển nóng hầm hập, mây đốt dã cháy, ta gảy đàn của vua Thuấn, quạt làm cơn gió mát. Các vị sao trên trời nước ngươi, ai cũng bảo là không biết, ta quay ngôi tú vi cho cho ngươi chầu về; đất ngươi có ma quỷ ai cũng sợ là quái gở, ta đúc cái đình to, khiến nó không làm hại ta, đưa ngươi ra ngoài di đảo, ngươi muốn xem nhà Minh đường⁽¹⁾, nhà Bích ung⁽²⁾ chăng? Ta trút bỏ áo cỏ của ngươi, ngươi muôn mặc áo hoa cồn thêu núi thêu rồng chăng? Người sang chầu chăng? Chớ rước lấy tội lỗi. Ta đương chấn chỉnh xe ngựa quân sĩ chuẩn bị chiêng trống, nên quy phục thì ta tha cho; nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự ngươi nghĩ lấy" Bài này là lời của Vương Vũ Xứng⁽³⁾.

1. Minh đường : Nơi các chư hầu đến chầu, nơi làm rõ chính giáo của thời đại.

2. Bích ung : Nhà dạy học.

3. Vương Vũ Xứng : Người thời Tống Trung Quốc, đồ tiến sĩ thời Tống Thái Tông, làm quan đến chức hàn lâm học sĩ.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Xét ra thư này do Vương Vũ Xứng nhà Tống làm ra, lời rất kiêu căng ngạo mạn, sai với thể văn cáo nhiều lầm. Xem bức thư của [Hán] Văn Đέ, nhún nhường khiêm tốn biết nhường nào, mà hai bên bỏ binh dao thông hoà hiếu, không hao tổn sức lực. Còn bức thư của Vũ Xứng thi khoa trương khuếch đại hao quan <16a> tổn tướng, rót cuộc không thành công. Văn thư đưa ra nước người ta quan hệ há phải là nhó dâu!

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Đầu thời Tống, văn học xem ra cũng khá, nhưng lời lẽ ý tứ phản nhiều khoa trương khuếch đại, rút cuộc đến chỗ hao quan tổn tướng, tự làm nhòn mặt uy thế của mình. Chẳng bao lâu thì thư khen sắc phong lại ban, nhìn lại ngôn ngữ của thư ấy, thực không xứng đáng, cho nên chép đầy đủ cả lại, để thấy lời nói rườm rà là vô ích như thế.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang Tống. Vua sắp ra quân chống Tống, trước tiên sai Nha hiệu là Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ mang thư sang Tống, giả làm thư của Toàn xin nỗi ngôi cha, xin ban cho sắc mệnh, muốn để hoàn quân nhà Tống, vua Tống không cho (Lời thư đại lược như sau: Cha và anh tôi đều đội ơn nước, tạm được chia giữ nơi khốn ngoai, kính giữ bờ cõi, đâu giám có sự sai trái, chưa có công lao đánh dẹp đã bị đoàn mệnh đau thương. Tôi cơ đô sắp đổ nát, áo tang chưa cởi bỏ; quân dân tướng lai và kỳ lão trong hat <16b> cùng đến nơi chiếu rơm gối đất, xin tôi tạm coi việc quân, việc nước. Tôi kẩn thiết chối từ ba bốn lần, nhưng lời thỉnh cầu càng kiên quyết, tôi định đợi tâu bày, song lại sợ chậm trễ thì cái tục hung giữ của người rừng núi, các dân giáo hoạt ở nơi khe dông, nếu không chiều lòng họ, sợ xảy ra biến loạn bất thần, nên tôi đã kính cẩn quyền nhiếp chức tiết độ hành quân tư mã, tạm lĩnh việc quân của châu, cúi mong ban cho chiếu mệnh chân chính cho tôi được liệt vào hàng phén giậu ủi yên tẩm lòng tận trung của tôi và làm sáng tỏ lệ ban thưởng của đời vua thành).

Nhà Tống sai Trương Tông Quyền đưa thư trả lời. Lúc ấy nhà Tống đang trách vua về việc xưng đế đổi niên hiệu, lại có ý muốn lấy nước ta, mới sai Trương Tống Quyền đưa Thư trả lời. Lời thư đại lược như sau: Họ Đinh truyền ngôi ba đời, trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh làm phó. Nếu Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khỉ trẻ con, thì nên sai mẹ con và thân thuộc sang quy thuận. Dợi khi vào châu, tất cho được thấy sự ưu đãi, sẽ trao cờ tiết cho khanh. Có hai đường ấy khanh nên xét chọn lấy một. Vua đều không nghe. (Xét Nam sử: Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 8 [984], khi ấy vua đã đánh bại quân Tống, tự xưng quyền Giao Châu, 3 lần sai sứ sang sau lại sai nha tướng vào cống rồi tự trở về, vua Tống ban chiếu thư đến 10 lần, vẫn du cho Đinh Toàn và thân thuộc đưa hết cả nhà sang quy phục, sẽ trao cho khanh cờ tiết. Khi ấy vua đã chuyên giữ đất ta, không nghe mệnh lệnh Trung Quốc. Việc đó chính là việc thuộc năm Thiên Phúc thứ 4 [983], có khác với bản này, chưa biết bản nào đúng, hãy để tồn nghi).

<17a> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Nhà Tống thật không làm nên trò trống gì, đương khi họ Đinh mới lấy được nước, sứ thần thông báo vừa đến, thì sắc phong sang ngay, ban tước cao, phong sắc quý. Nhưng ve ban sắc mệnh của họ đâu phải là thật long khen con tốt mà sách phong cho cha dâu. Tiếng tăm của Vạn Thắng Vương vang xa, thế quan [nhà Tống] càng yêu. Việc ở biên giới Lưỡng Quảng thường lo ngay ngay, dành phải ban tước sắc khen ngợi vượt mức là để đề phòng mỗi lo

ngoài ý nghĩ dây thoi. Không may họ Đinh gặp sự biến, cương thân nám quyền, vua be nói ngôi không biết gì, đứng ra lúc ấy nhà Tống phái làm sang tố nghĩa lòn, thương nước có tang, bảo tồn vua cõi cút, làm rõ lè thường nói tước vị, giữ gìn nghiêm ngặt những bắc bối phó, khiến cho người dâ chét hầm ơn, kè cõi sông dời nghĩa thi lòng nhân nuôi dưỡng nước nhà, đạo nghĩa vỗ về phương xa lè nào không sáng rõ ở bốn phương? Đã không làm được như thế, lại theo dây mà nhòm tõ phà nhà, ban tõ vẫn cáo không xuôi tai, dây cuộc binh dao, không danh nghĩa, một trán thất bại <17b> phải rút quân về, lại thông hoà hiếu với Đại Hành trong khoảng 10 năm, ban sắc mệnh đến 6 lần, kè dáp lẽ dâ mệt, mà người ban án mệnh vẫn chưa chán, ra oai với vàng vồ vồ như thế, thì nước láng giềng còn coi ra gì. Thế mới biết đánh hay hoà vốn không định cuộc, chỉ "niên nân rán buông" mà thôi. Nhà Tống yêu duối không trối dây được thường bị di dịch coi khinh là đáng làm thay!

Trên đây hai vua triều Đinh khởi đầu từ năm Mậu Thìn [968] gồm 13 năm.

Thông luận của Sử thần Ngô Thì Sĩ: Từ khi vua Thiên Sách không giữ được kỳ cương, các sứ quân xoay quanh đinh báu ¹, trời gây nên buổi tối tăm. Đinh Tiên Hoàng nổi lên mà diệt trừ, sức mạnh của 12 sứ quân mệt mai thành gio bụi, đánh dẹp bốn phương làm rạng vỗ công, nêu tướng anh hùng là Vạn Thắng Vương, tập hợp được cơ đồ chúa thống nhất và quốc thống lâu ngày bị phân chia. Nếu không phải là bậc có tài lược hơn người thì sao được như thế. Thế rồi làm cho đổi mới tai mắt, sáp đặt quy mô, Bắc Nam thống hảo, không cần phải gõ cửa phong, cha con làng vua <18a> không cần phải xin cho nối tước. Thời Ngô, thời Lý trờ vè trước đều chẳng ai bằng. Thế mà sự nghiệp thái bình 20 năm của nước Cồ Việt bỗng nhiên bị mất là tại làm sao? Có người cho là đất Hoa Lư thấp trũng hép, không phải là nơi địa hình tốt đẹp, thế nước không vững, lòng người dễ dao động, lại nan mưa đá, động đất luôn xảy ra, 3 thủ thiên thời, địa lợi, nhân hoà không được lấy một mà muôn xây dựng kế hoạch lâu dài thì sao làm được? Xin trả lời rằng có nhiên là thế, nhưng cũng tại người làm không đúng dây thoi. Tiên Hoàng vũ lược có thừa mà học vấn không dù, không chính được tâm, không sửa được mình, lại muốn đưa cái thuật trị quân ra mà trị nước; lập 5 hoàng hậu là trái lẽ, bỏ con dêch lập con thứ là trái phép, định chức quan cho nhà sư; đặt vạc dâu làm hình phạt là sai chính sự, gần gũi bọn tiểu nhân, say đắm vui chơi yên tiệc, không biết ngàn ngừa như khi dâm lên sương thì biết nước sẽ đóng băng. Cho nên ở trong thi con trưởng ngã lòng, vợ dẹp đổi da, ngoài thi thành quách không có quân Phòng vè, trong kẽ nách là những kẻ thù, nguyên do vè sự bại vong thì <18b> kè giết Tiên Hoàng là Hạng Lang chứ không phải là Đô Thích, người dân Chiêm Thành vào cướp phá là Ngô Hậu chứ không phải Nhật Khánh; người cướp ngôi của Võ Vương là Dương Hậu chứ không phải Thập đạo [tương quân]. Cột gốc dâ dò thi canh la tàn lui, những điểm khác còn bàn làm gì? Võ Vương Toàn không gấp thời, mâu hậu cài giá, nước không còn ra nước, đem thân theo người, nhà Đinh ít đức, không có gì để phù trì cho con cháu vè sau, thật đáng thương thay!

1. Đinh hâu : Chỉ một triều đại hoặc chỉ về ngôi vua.

KÝ NHÀ LÊ

ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Lê, tên huý là Hoàn, người Ái Châu, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

Nhà vua nhân trong triều xẩy tai nạn mà lấy được nước, đánh đuổi giặc ngoại xâm mà vỗ yên nhân dân, trong nước yên ổn, Bắc Nam được vô sự, song đao tam cương⁽¹⁾ không đúng dân, quan hệ giữa vợ chồng, cha con, vua tôi đều chẳng ra gì, cho nên con cháu lục đục với nhau đến nỗi mất nước, đâu phải là chuyện không may.

Xét thấy "Đại Hành" là chữ thường dùng để chỉ vua khi mới mất. Lê Đại Hành chưa đặt thụy hiệu, theo phép chép sử đáng phải chép là Thiên Phúc Hoàng đế. Nhưng sử cũ đã theo nhau ghi như thế từ lâu, nay cũng theo vậy).

<19a> Cha vua là Mịch, mẹ là Đăng thị, khi mới có thai, chiêm bao thấy trong bụng sinh hoa sen, phút chốc kết thành hạt lẩy chia cho mọi người ăn. riêng mình thì không ăn. Khi tinh dậy lấy làm lạ, đến ngày 15 tháng 7 mùa thu năm Tân Sửu [941] là năm Thiên Phúc thứ 6, thời Hậu Tấn sinh ra vua. Đăng thị thấy phong thái của vua khác thường, bảo mọi người rằng: "Thằng bé này lớn lên hẳn được tôn quý, sợ ta không kịp hưởng lộc của nó". Được vài năm thì mẹ chết, cha ít lâu sau cũng chết. Có viên quan sát họ Lê ở Ái Châu trông thấy vua cho là người khác thường, vì là người cùng họ nhận nuôi làm con. Cố hôm gặp mùa đông giá rét, vua nằm úp lên gối đệm có ánh sáng lấp lánh khắp nhà, viên quan sát họ Lê ngầm đến xem thì thấy một con rồng vàng ấp lên mình vua, càng lấy làm lạ. Khi vua lớn lên, theo Nam Việt Vương Đinh Liễn, tỏ ra người phóng khoáng có chí lớn. Đinh Tiên Hoàng khen vua là người có chí dũng, giao cho trông coi 1 ngàn quân tháng dần đến chức Thập đạo tướng quân điện tiên đô chỉ huy sứ. Khi Phế Đế lên ngôi vua nghiệp chính. Quân Tống sang xâm lược, vua đem quân ra chống cự, xưng là <19b> để về triều, cuối cùng thay nhà Đinh tri nước. Vẫn đóng đô ở Hoa Lư. (Xét thấy Lê Đại Hành là người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm chứ không phải người Ái Châu. Sử cũ chép nhầm).

Tân Ty [981] năm Thiên Phúc thứ 2 (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6), bọn Hầu Nhân Bảo nước Tống chia đường sang xâm lược nước ta, vua tự đem quân đánh tan, lúc bấy giờ quân của Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàn Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trùng đến sông Bạch Đằng. Vua tự làm tướng ra chống giặc. Nhân Bảo đem quân tiến lên trước. Hoàn Hưng dừng quân không đi. Vua sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông. Quân Tống rút lui. Lại tiến đến sông Chi Lăng, vua sai người giả hàng dụ bắt được Nhân Bảo đem chém. Bọn Trần Khâm Tộ nghe tin thuỷ quân thua, bèn đưa quân

1. Tam cương là đao vua tôi, cha con, vợ chồng.

về. Vua dẫn các tướng đuổi theo đánh, quân Trần Khâm Tộ thua to, chết đến quá nửa, thay chết đây đồng bát được đại tướng của nó là Quách Quân Biện, Triệu Phung Huân, giải về Hoa Lư. Nhờ thế, đất nước được yên, bê tôi dâng tôn hiệu là: Minh càn ứng vân. <20a> Thân vú thắng bình, Chí nhän quàng hiếu hoàng dẽ xét thấy dã sữ chép năm Thiên Phúc thứ 1 [980], quân Tống sang xâm lược, quân ta bị thua. Mùa xuân nam thứ 2, quân ta lại thua ở sông Bạch Dòng, chết hơn nghìn người, mất hai trăm chiến thuyền, mū trận áo giáp tinh hàng vạn. Hầu Nhân Bảo đem quân tiến lên, bọn Tôn Hoàn Hưng đóng quân lại ở Hoa Bộ 70 ngày, bọn Lưu Trừng, Nhân Bảo nhiều lần thòi thúc. Đến khi họp quân được, theo đường thuỷ tiến đến thôn Da La, nhà vua già hàng dụ bắt Nhân Bảo giết đi. Trận đánh ấy quân ta và quân Tống đều có được có thua. Nhưng bọn họ thì khoe dai tháng, ta thì che dấu các trận thua nhỏ, đều là sự ghi chép không thật. Nay ghi theo cả hai bên).

Sử thần Lê Văn Hữu bàn: Lê Đại Hành giết Đinh Diễn, bắt Nguyễn Bặc, bắt sống quân Biện, Phụng Huân như xưa trẻ con, như sai dãy tó, chưa đầy vài năm, mà bồ cõi đã yên. Cái công đánh thì thắng lấy thì được đó, dù nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi: Lê Đại Hành với Lý Thái Tổ thì ai hơn? Trả lời: "Đứng về mặt đẹp loan bên trong, đánh giặc bên ngoài làm cho nước Việt ta mạnh lên người Tống phải sợ mà nói thì công của Lý Thái Tổ không khó khăn bằng Lê Đại Hành. Nhưng về mặt vốn nổi tiếng là có ăn có uy, lòng người vui vẻ suy tôn, làm cho lộc nước lâu dài <20b>, truyền cho con cháu thì Lê Đại Hành không biết lo xa bằng Lý Thái Tổ. Vậy thì Thái Tổ hơn ư? Trả lời, hơn thì không biết, nhưng phúc đức nhà Lý hậu hơn phúc nhà Lê, thì nên theo nhà Lý.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Dao tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày rối loạn. Đại Hành khi nghiệp chính, dù Vệ Vương còn nhỏ cũng vẫn là vua, mà lại xưng phó vương là làm diệu bất lợi, làm tội không được rắp tâm làm loạn, rắp tâm làm loạn tất phải giết, phép của Kinh Xuân Thu ai ai cũng phải thi hành, Nguyễn Bặc, Đinh Diễn sao lại thân nhiên đứng nhìn được? Thế rồi họ lui về khai binh, kẻ tội mà đánh, để mưu giữ đất nước thực là người bê tội trung nghĩa dấy. Việc không thành mà chết thì gọi là người bê tội chết vì tiết nghĩa. Lời bàn của Lê Văn Hữu lại xếp ho vào giặc nổi loạn, khiến cho dao luân thường đời sau không sáng rõ. Sẽ gây ra mâu móng cướp ngôi, <21a> những kẻ có quyền lực tranh nhau bắt chước, thì cương thường bị hỏng hết mất, bởi thế không thể không bàn.

Nhà Tống ban chiếu bãi binh: Quân Tống đã thua, lai gặp mùa nóng nực, quân sĩ chết nhiều. Giang Nam chuyển vận sứ là Hứa Trọng Tuyên đem việc Nhân Bảo bài trận tàu lên, vua Tống liền ban chiếu rút quân về. Sai sứ đến hỏi tội bọn Lưu Trừng, Già Thực, Vương Soạn. Lưu Trừng ôm chết, Thực và Soạn đều chịu tội bị giết ở chợ Ung Châu. Tôn Hoàn Hưng cũng bị giao xuống cho nhà lại xử tội chết. Nhân Bảo được tàng chức Công bộ thị lang.

Nhâm Ngọ năm thứ 3 [982] (Tông Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7), lập hoàng thái hậu cũ của nhà Đinh là Dương thị làm hoàng hậu. Dương thi trước lây Đinh Tiên Hoàng sinh ra Vệ Vương Toàn, khi vua lây được nước, đem vào cung, đến bảy giờ lập làm Đại Tháng Minh hoàng hậu, cùng với Phụng Càn Chí Lý hoàng hậu, Thuần Thánh Minh Dao

hoàng hậu, Trịnh Quốc hoàng hậu, Phạm hoàng hậu làm năm hoàng hậu. Dương hậu sau khi mất, dân lập đền thờ, đắp hai tượng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành cùng ngồi với Dương hậu. Đến đời Lê Thái Tổ, dân niên hiệu Thuần Thiên. An phủ sứ là Lê Thúc Hiển mới bỏ đền.

<21b> Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Phu phu là điều đầu tiên của dạo nhân luân là dấu mồi giáo hoá của vương triều. Tập Ha Kinh Dịch xếp quẻ Hám, quẻ Hàng lên đầu là để tỏ ý rằng việc lấy vợ phải chọn người chính đáng. Đại Hành thông cảm với vợ vua, đến nỗi nghiêm nhiên lập làm hoàng hậu, không thấy xấu hổ! Truyền lại quốc thống bằng lối đó thì con minh lại bất chước, vì dân dật mà chước lấy sự mất nước, há chẳng phải là [Lê Đại Hành] gây ra dấu mồi hoạ loạn đây ư?*

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Lê Đại Hành là một ông vua mở ra ca nghiệp mà làm việc ấy xấu như cầm thú moi rơ. Hơn nữa miếu hiệu Đinh Tiên Hoàng là Đại Thắng Minh hoàng đế, thế mà Lê Đại Hành lại công nhiên lấy hiệu vua cũ đặt tên cho vợ mình là không biết kiêng né quá mức. Chép vào sử sách để cho nghìn thu chè cười.*

Sai sứ sang nhà Tông, công sản vật địa phương và dâng biểu tạ ơn.

Vua sai cầm quân đánh thắng Chiêm Thành. Trước đó, vua sai Tự Mục và Ngô Tử Canh đi sứ Chiêm Thành, bị họ bắt giữ. Vua nổi giận, liền <22a> đóng thuyền chiến, sắm giáp binh, tự làm tướng đi đánh, chém được tướng Chiêm Thành là Bề Mi Thuế. Chiêm Thành đại bại, bắt được quân sĩ nhiều không kể xiết. Vua Chiêm Thành là Xá Ly Đà Bàn Ngô Nhật Hoan bỏ thành chạy, vua bắt được một trăm kỵ nữ trong cung và một vi sư người Thiên Trúc, lấy đưa đi những vật quý, và thu được vàng bạc của quý tinh đèn hàng vạn, san bằng thành trì, phá tôn miếu, tròn một tháng thì trở về kinh đô.

Nan dõi

Quy Mùi, năm thứ 4 [983] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 8), mùa xuân, sai sứ sang nhà Tông thông hiếu và báo tin đánh thắng Chiêm Thành. (Ta nói rằng: Người Chiêm dùng hàng mây vạn quân thuỷ, quân bộ, voi ngựa sang cướp phá. Vua đem quân bắn bộ danh đuổi đi).

Dào xong kênh mới trên đường biển, khi vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cố, đến sông Bà Hoá¹, đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa đều mệt mỏi, đường biển song to, khó đi lại, vua sai người đào kênh mới, đến bấy giờ thì xong, việc công việc tư đều thuận lợi (kênh mới không rõ ở xứ nào? Còn núi Đồng Cố thì ở Ái Châu, nay thuộc xã Dan Nê Thượng, huyện Yên Định).

<22b> Giáp Thìn năm thứ 5 [984] (Tống Ung Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đuc tiên Thiên Phúc.

Xây dựng nhiều cung điện: dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Văn² cột điện được trang sức bằng vàng bạc, làm nơi coi chầu. Phía đông gọi là điện Phong Lưu, phía

1. Sông Bà Hoá - Nay là Đồng Hoá thuộc tỉnh Thanh Hoá.

2. Đại Văn - Nay là núi ở xã Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

tay gọi là điện Tứ Hoa, bên tả gọi là điện Bông Lai, bên hữu gọi là điện Cúc Lạc, tiếp đó lại dựng lầu Dai Văn, liền dấy lại dựng điện Trường Xuân. Bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc.

Ất Dậu, năm thứ 6 [985] (Tống Ung Hy năm thứ 2), mùa thu, tháng 7, làm núi già, xem đua thuyền. Ngày rằm tháng ấy là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền đặt giữa sông, lấy tre làm núi già ở trên thuyền, gọi là núi Nam Sơn, rồi đặt trò chơi đua thuyền, sau thành lệ thường (triều nhà Lý đến ngày sinh nhật vua làm núi bằng tre, có lẽ tục ấy bắt đầu từ đây).

Vua sai sứ sang nước Tống xin cho chính thức lĩnh chức tiết trấn (sử cũ chép là nhà Tống sai sứ sang là nhầm, nay bỏ đi)

Bính Tuất, năm thứ 7 [986] (Tống Ung Hy năm thứ 3), mùa thu, tháng 8, điểm dân định làm lính, chọn những người khoẻ mạnh <23a> bổ vào quân túc vệ, gọi là thân quân, đều thích vào trán ba chữ: "Thiên quân tử" (Cấm quân thời Lý, Trán cũng thích vào trán, vào ngực, vào đùi là bắt đầu từ đây).

Sai sứ sang nhà Tống.

Mùa đông, tháng 10, nhà Tống sai sứ sang sách phong. Nhà Tống sai Tà bổ quyết là Lý Nhuược Chuyết, Quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác mang chế sách sang phong vua làm Kiểm hiệu Thái bảo, sứ trì tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự. An Nam đô hộ Tinh Hải quân tiết độ sứ, Giao Châu quản nội quan sát sứ. Tước Kinh Triệu Quận hâu, ban thực ấp và danh hiệu công thần. Vua nhận chế hết sức cung kính, thiết lễ rất hào, lai trả bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân về, và nói với Lý Nhuược Chuyết và Lý Giác rằng " Nước chúng tôi nhỏ bé, núi sông xa xôi, cách thiên triều muôn dặm, ở một nơi xú đất hẻo lánh, các sứ thần quan lại, trèo non lội suối không vất và sao?"

Giác trả lời: "Triều đình ta phong cho chư hầu rộng hàng muôn dặm đặt quận có đến bốn trăm, đất có chỗ bằng phẳng, có chỗ hiểm trở, vùng này lấy gì làm xa". (Lời chế sách phong của nhà Tống đại lược như sau: "Bắc vương giả dung đạo Hoàng cực ⁽¹⁾ yêu mến phiên bang. <23b> dụng phù đệ ở kinh đô là để trong lễ hội đồng ⁽²⁾ cho giữ đất đai một phương là để nêu quyền tiết chế. Huống nay Chu Diên, Giao Chỉ kinh dâng lễ cống, lông chim lên đổi tướng kịp thời thì phong hâu mới lợi, chẳng quên cung kính khi ban mệnh lệnh. Cử hành điện lễ đến đáp công lao. Nay quyền chi tam ty lưu hâu là Lê Hoàn tư chất kiêm nghĩa Dũng; bản tính vốn trung thuận, được lòng dân, giữ tiết phiên trấn. Vừa rồi Định Toàn tuổi còn thơ ấu chưa biết võ vè. Người là kẻ phúc tâm, nám việc quân ngũ, tự ra hiệu lệnh; kiêm ca ân uy. Họ Định tự bỏ quyền ba đời cầm sứ tiết, chiêu theo ý mọi người, xa tò lòng thành xin lịnh cờ tiết. Sĩ Nhiếp kiên cường cảm hoá nước Việt được tốt. Uý Đà kính thuận chiêu theo nhà Hán, nên xưng danh hiệu đứng đầu du bặc chư hầu quý hiền, hãy võ yên bộ lạc, mà ca ngợi ơn vua".

Cho Từ Mục làm chức tổng quản tri quân dân ban tước hâu; Phạm Cự Lang làm thái úy.

1. Đạo Hoàng cực : Đạo lớn lao do thiên tử đặt ra cho muôn dân

2. Lễ hội đồng : Lễ họp các chư hầu.

Sai Ngô Quốc Ân sang nước Tông dập lẽ (sử cũ) ở dưới chũ dập lẽ còn chép: "Người Chiêm Thành là Bồ La Át được đem bộ tộc của mình xin quy phục". Có lẽ lúc bấy giờ vua ta mới bình định được Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ còn bị xâm lấn nên mới đưa hơn trăm người ho hàng phu thuộc vào nhà Tống. Đàm Châu nhân dãy đem việc ấy tâu lên. Nhà soan sứ cóp nhất ở Bác sứ, nhận làm là việc đó sứ nước mình tâu bày sang Tông, nên bỏ đi".

Dinh Hợi, năm thứ 8 [987] (Tông Uy Hy năm thứ 4), mùa xuân, cày ruộng tịch diên. Trước đây vua cày ruộng tịch diên ở Đồi Sơn⁽¹⁾ được một hù vàng, lại cày ở núi Bàn Hải⁽²⁾ được một hù bạc, nhân đó đặt tên là ruộng kim ngân.

<24a> Nhà Tông lại sai Lý Giác sang (Giác đến chùa Sách Giang, vua sai vị sứ tên là Thuận, già làm giang lệnh ra đón. Giác hay nói vận chương, gặp khi có đôi ngỗng nổi, trên mặt sông, Giác ứng khẩu ngâm rằng:

"*Nga nga luồng nga nga,
Ngưỡng diện hương thiên nha.*"
(Ngỗng, ngỗng hai con ngỗng
Ngừa mặt nhìn chân trời)

Sư Thuận đang cầm chèo đọc tiếp hai câu rằng:

"*Bach mao phô lục thuỷ,
Hồng trao bái thanh ba.*"
(Nước lục long trắng vồ.
Sóng xanh chèo hồng bơi)

Giác càng lấy làm lạ, khi về đến quán, Giác lại tăng rằng:

"*Hạnh ngộ minh thi tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.
Đông Đô luồng biệt tâm lưu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã dẹp yên vận xuyên láng thạch,
Xa từ thanh chương phiến trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiêu,
Khê đàm ba tinh kiến thiên thu.*"

Dịch nghĩa:

(May gặp thời thịnh trị giúp mưu mô tốt đẹp,
Một mình hai lượt đi sứ Giao Châu.
Hai lần biệt Đông Đô lòng càng lưu luyến,
Nam Việt xa ngàn trùng trông ngóng chưa thôi.

1. Đồi Sơn : Tức núi Đồi, con eo tên là núi Long Đài ở xã Đồi Sơn, huyện Duy Tiên nay thuộc tỉnh Nam Định.

2. Núi Bàn Hải : Chưa rõ ở địa phận nào.

Ngựa đạp khói mây xuyên sóng dá.
 Xe từ ngàn núi xanh bơi theo dòng sông dài,
 Ngoài trời có trời nên soi đến cõi xa.
 Khe đầm sóng lặng thấy rõ vàng trắng thu).

Thuận đem thơ dâng lên vua xem, vua vời sứ Khuông Việt cho xem. Khuông Việt nói bài thơ này tôn trọng bệ hạ không khác gì vua của họ. Vua khen là có hậu ý cho về. Giác từ biệt ra về, vua bảo Khuông Việt làm bài ca khúc để tiễn biệt, bài ca rằng:

*Tường quang phong hảo cảm phàm trường
 Dao vọng thần tiên phục dế hương
 Vạn trùng sơn thuỷ thiệp thương lương,
 Cứu thiên quy lộ trường,
 Tình thảm thiết
 Đôi ly trường
 Phan luyến sứ tinh lang
 Nguyên tương thâm ý vi biên cương,
 Phản minh tấu ngã hoàng.
 (Mây lành gió tốt buồm gầm giường
 Trông vị thần tiên về dê hương.
 Muôn lần non nước vượt trùng dương,
 Đường về bao dặm trường,
 Tình thảm thiết,
 Chén đưa đường,
 Quyến luyến sứ tinh lang.
 Xin lưu ý đến việc biên cương,
 Tâu rõ lên thánh hoàng).*

Giác lạy tạ rồi ra về.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Xét sử chép trong một dời Lê Đại Hành, việc tuân hành đánh dẹp đã chiếm đến một nửa, không thấy nói gì đến chính sách trường học thi cử. Thế mà trong văn kiện bang giao lúc bấy giờ, như bức thư xin nối ngôi của Vệ Vương Toàn thấy được bút pháp uyển chuyển khúc chiết, dùng thể cách <24b> cho đến câu thơ nối văn thơ thiên nha, khúc ca tiền sú giả, tình tứ sắc bén đầy đủ, dù văn nhân từ khách ngày nay cũng không hơn được. Chẳng biết trai dời thảm thia được từ đâu, há phải là sau thời nội thuộc tiếp thu được uy thanh giao hóa của Trung Quốc ⁽¹⁾ mà được thế ch่าง? Huống chi anh tài nước ta dời nào cũng có, thường không thiếu người, dù không thấy được cụ thể nuôi dạy thành tài.

1. Trung Quốc : Chỉ nước Trung Hoa. Vì xưa họ tự cho mình là nước trung tâm còn các nước khác ở xung quanh là tú di

không chep việc soan thảo của các ván thân, nhưng Hồng Hiển do học rộng mà làm đến chức Tam sứ¹¹. Sư Thuần, sư Châu Lưu là cao tăng mà cũng đảm đương được trách nhiệm đối đáp. Lại nou; Lý Giác sang nước ta hoặc để ban sắc mệnh, hoặc để bàn việc biên giới, chẳng phải chơi phiếm không có việc gì. Chắc sứ cũ chep sót đây thôi.

Dược mùa to

Mâu Tý, năm thứ 9 [938] (Tổng Đoan Cung năm thứ 1), Thái sư là Hồng Hiển mất. Hồng Hiển là người Phương Bắc, thông hiểu kinh sử, thường <25a> theo vua đi đánh dẹp, làm quân sự, khuyên vua lên ngôi, ra sức bàn việc nước, có công to. Vua tin dùng như người ruột thịt, đến bấy giờ mất.

Tông sai sứ sang sách phong; Lúc ấy nhà Tông mới đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hô là Ngụy Tường và Trực Sứ quán là Lý Độ mang chế sách sang gia phong cho vua làm Kiếm hiệu Thái úy (Xét sứ cũ chép: Năm ấy vua nước Chiêm Thành là Bàng Vương La Duê ở Phát Thành¹² tự đặt hiệu là "Câu Thi Ly Ha Thân Bài Ma La. Có lẽ lúc bấy giờ nước Chiêm Thành suy yếu, vua nhiều lần cất quân đến đánh. Năm Thiên Phúc thứ 6 [985], vua Chiêm Thành là Ngô Nhật Hoan sang tố cáo với nhà Tông là bị vua ta xâm lược. Nhật Hoan chết, Lưu Kê Tông lên ngôi. Kế Tông chết, Dương Đà Bài lên ngôi. Vua ta lại đến đánh. Đà Bài lại tố cáo với Tông. Vua Tông ban chiếu bảo nước nào giữ lấy bờ cõi nước đó. Năm Ứng Thiên thứ 7 [1001], vua nước đó là Dương Phổ Câu Tỳ Trà Xá Li tránh quân ta chạy về thành Phật Thê cách xa kinh đô cũ đến 700 dặm, nhà làm sứ khảo cứu ghi chép không rõ ràng nên đã chép nhầm vào năm này và cách viết cũng không đúng, nay bỏ đi).

Kỷ Sửu, Hưng Thông năm thứ 1 [989] (Tổng Đoan Cung năm thứ 2), mùa xuân tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá tội phạm.

Phong cho con là Thủ làm Kinh Thiên Đại Vương, Ngân Bích làm Đông Thành Vương, Việt làm Nam Phong Vương (Thủ là con cả của vua, Ngân Bích là con thứ hai, Việt là con thứ ba).

<25b> **Sử thân Ngô Thị Sí bàn:** Các hoàng tử thời Lý thời Trần đều phong tước vương. Người nào có công đức trội hơn thì thêm chữ "dại". Có lẽ là phỏng theo lê này.

Dương Tiến Lộc làm phản, chịu tội giết. Tiến Lộc làm quân giáp, được lệnh thu thuế theo hai châu Hoan, Ái. Tiến Lộc dùng người hai châu ấy làm phản, theo về Chiêm Thành, nhưng Chiêm Thành không nhận. Vua nghe tin tự đem quân đuổi bắt Tiến Lộc và chém đi; người hai châu bị giết không biết bao nhiêu mà kể.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Người làm phản chỉ là Tiến Lộc thôi, nhân dân có tội gì? Bác quân từ có thể nhìn thấy án đức dài hay ngắn là ở chỗ đấy.

Canh Dần, năm thứ 2 [990] (Tổng Thuần Hoá năm thứ 1), nhà Tống sai sứ sang sách phong; theo chế đó nhà Tống; các nước triều công đều có sứ sang sách phong. Ban

1 Lam sứ = Túc Thủ sứ, Thủ bảo, Thủ phó.

2 Phát Thành = Tộc thành Phát Thê, nay thuộc tỉnh Bình Định

đâu thì phong đô đốc hoặc thứ sử, hoặc già tiết, hoặc sứ trì tiết, tam kiêm hiêu rôi đến thái sư, được ghi cho chữ công thân và với số hô thực áp bối năm lần <26a> rồi mới phong châm vương. Đến bấy giờ sai Tà Chinh ngôn là Tống Cảo, Hữu Chinh ngôn là Vương Thế Tác mang chế sách sang phong cho vua hai chữ "Đắc tiến". Vua sai Nha nội Đô chỉ huy sứ là Đinh Thủa Chính đưa thuyền quân đến Thái Bình quân¹ để đón tiếp, theo cửa biển vào, nửa tháng đến sông Bach Dàng, tắt qua ngã ba vào biển, lướt ngọn triều mà đi. Tháng 9, khi đến trạm Nại Chính thuộc Trường Châu, sứ phong cũng đến, ý vua hơi coi thường, cố ý làm vẻ giản đơn ngạo mạn, cung cấp sứ quán không đầy đủ l้า, sắp đến thành mới thấy làm cái nhà tranh, trên đê chữ "Mao kinh dịch" (nhà trạm tranh) đến khi đón tiếp ngoài địa giới thì phô trương quân đội, cờ xí cắm đầy núi hang. Vua cùng bọn Cảo ghim cương ngựa cùng đi. Đến cửa Minh Đức vua nảng chế.

Thư đặt lên điện, không lạy, nói thác là năm gân dây đánh nhau với giặc Man, bị ngã ngựa đau chân, bọn Cảo cung tin. Hôm sau đặt yến thết đãi. Lai dẫn sứ giả ra ngã ba cửa biển làm trò mua vui cho khách (vua mở tiệc thết đãi sứ nhà Tống, nhân đó cầm sào xuống nước xiên cá làm trò vui cho khách. Lai sai người đưa biểu con rắn dài và hai con hổ để xem chơi) Vua bảo <26b> Cảo rằng: "Dường sá xa xôi, núi sông cách trở, sau này có quốc thư nên giao nhận ngay đầu địa giới, khỏi phiền sứ thần đến đây" Cảo về nước tâu lên, vua Tống bàng lòng. (Cảo đi sứ về, tâu hết việc vua ngạo mạn Lại nói vua [ta] tư chất thô lậu, mặt trợn trao, có thể là lời phi báng)

Tân Mão, năm thứ 3 [991] (Tống Thuần Hoá năm thứ 2), mùa xuân tháng 2, sai Dao Cẩn sang đáp lễ nhà Tống.

Phong con là Đính làm Ngự Man Vương, cho ở Phong Châu; con là Cân làm Ngự Bác Vương cho ở trại Phù Lan² (Đính là con thứ 4, Cân là con thứ 6).

Nhâm Thìn, năm thứ 4 [992] (Tống Thuần Hoá năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, vua ngự điện Càn Nguyên xem đèn.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Phàm sứ chép 'xem' là chè dây, mà xem den là càng đáng chè, bấy giờ Đại Hành đã quá tuổi trì thiền mệnh³. Trước đây trong cung lợp ngói bạc, trên thuyền két núi tre. Lửa ham muôn bùng lên mà xương tuy dân đã kiệt. Đến bấy giờ cũng có thể tạm đẹp di được rồi. Thế mà không tự xét đức hạnh <27a> còn có tính trẻ con, mở cửa dốt đèn, đưa dân làm vui cho là cơ chè cho trăm quan thấy rõ và khoe khoang với đương thời, mà không biết rằng đó không phải là cái để làm sáng tỏ thánh đức được mà chỉ cùng một lối với ngự lâu thời Khai Nguyên nhà Đường và điện Càn Nguyên thời Chi Đạo nhà Tống dây. Nếu như ra khỏi vết xe ấy mà thẳng bút chép ra thi sẽ tư thấy được ý nghĩa.

1. Thái Bình quân : Quân là đơn vị hành chính Nhà Tống đặt chia toàn quốc làm 18 lộ ; Thuộc lộ có phủ châu, quận giám. Thái Bình là 1 trong 39 quân lục bảy giờ.

2. Phù Lan : Nay thuộc Mỹ Văn, tỉnh Lai Châu.

3. Tuổi trì thiền mệnh là tuổi 50.

Phong cho con là Định làm Khai Minh Vương cho ở Dang Châu⁽¹⁾ (Định là con trai thứ 5 xét thấy sử cũ chép: năm đó Trần tiên sinh (tức Trần Đoàn) ở núi Tuyên Hoa đến cửa khuyết, Quán Văn Đài ở Hoà Sơn là nơi cư sĩ Trần Đoàn ở. Sử cũ trích ở Bắc sử chép nhầm vào việc nước ta, nay bỏ đi).

Quý Ty, năm thứ 5 [993] (Tống Thuần Hoá năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một Kỷ Mùi, nhật thực

Phong cho con là Kiên làm Định Phiên Vương cho ở thành Ty Doanh thuộc Ngũ Huyện Giang⁽²⁾, Tương làm phó vương cho ở Đô Đông Giang Kinh làm Trung Quốc Vương cho ở huyện Mạt Liên⁽³⁾ thuộc Bàn Đà (Kiên là con thứ 7, Tương là con thứ 8, Kinh là con thứ 9), nhà Tống sai sứ sang sách phong. Bấy giờ nhà Tống gồm sáu bát trận của Tôn Hoàn Hưng, hơn nữa thấy vua nhiều lần <27b> sai sứ tiến cống và dâng biểu xin nhường ngôi của Định Toàn, bèn sai Vương Thế Tác, Lý Cư Giản mang sách thư phong vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáp Ngo, Ứng Thiên năm thứ 1 [994] (Tống Thuần Hoá năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, đỗi niên hiệu

Phong con là Mang làm Nam Quốc Vương, cho ở Châu Vũ Lũng⁽⁴⁾ (Mang là con thứ 10), sai Nha Hiệu là Phi Sùng Đức sang đáp lễ nhà Tống.

Chau vua Chiêm Thành là Chế Cai vào châu. Trước đó, sứ nước Chiêm Thành sang dâng sản vật địa phương, vua trách là trái lề không nhận. Vua Chiêm Thành sợ sai Chế Cai vào châu.

Ất Mui, nam thứ 2, [995] (Tống Chí Đạo năm thứ 1. Phong con là Đề làm Hành Quận Vương cho ở Châu Cố Lâm⁽⁵⁾ thuộc Bắc Ngạn. Phong con nuôi (khuyết danh) làm Phu Đái Vương cho ở làng Phù Đái⁽⁶⁾ (Đề là con thứ 11 tức là Minh Đề).

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: *Vua bấy giờ con cái đã đồng đức rồi lại còn có hang gọi là con nuôi, đó chẳng qua là muôn thoả lòng yêu quý đối với người ấy dấy thời. Có lẽ là trời muốn mở ra cái mầm mống cướp <28a> ngôi dấy chăng? Ngoài triều cũng làm theo lối cũ, sao mà cần rõ thế?*

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: *Sự hoạn nạn trong thiên hạ thường xảy ra từ chỗ không ngờ, cố hết sức để phòng thi sự tai biến phần nhiều lại xảy ra ngoài ý nghĩ. Về đường lối giữ gìn cho được lâu dài tất phải dùng "trung, tín, nhân, nghĩa" để vun đắp nguồn gốc cho rường cột được vững bền. Nếu không thể thi chỉ dắt phép ướng ma thời. Tây Hải tránh cái tệ nhà Tân bị mất, phong rất nhiều người họ hàng.*

1. Dang Châu : Nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.

2. Ngũ Huyện Giang : Con sông chảy qua 5 huyện là Yên Lãng, Kim Anh, Đông Ngạn, Yên Phong và Tiên Du tỉnh Hà Bắc.

3. Sông Đô Đông : Tức sông Nhuệ.

4. Huyện Mạt Liên : Nay là huyện Tiên Lữ, tỉnh Hải Hưng.

5. Châu Vũ Lũng : Thuộc tỉnh Thanh Hoá.

6. Châu Cố Lâm : Nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

7. Làng Phù Đái : Nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Dòng Hán đau xót cái nát Vương Mãng phải kìm hãm ngoại thích Nhưng hai nhà Hán lại mất, đều xảy ra ở sự không ngờ.

Lê Đại Hành tránh cái loạn của nhà Đinh phong kháp cho con gồm 13 tước vương chia nhau ở các châu quận. Có lẽ là theo lối phong thừa xưa. Muốn nói lớn nhỏ ràng buộc lẫn nhau, lúc nguy cấp thi cùu nhau, chống ké khinh rẻ mà giữ vững sự bền lâu, không để cho thừa cơ nhòm ngó, như mình đối với nhà Đinh, lo <28b> nghĩ cũng chu đáo dấy, phương pháp cũng chất chẽ dấy, nhưng chưa được bao lâu thi Long Việt tu lập. Long Đinh giết Việt mà cướp ngôi. Người trong nhà ngày càng gày việc can qua như Trung Quốc chống Man Di, kẻ thi chết kẻ thi phải đầu hàng, người bốn xung quanh chỉ tánh lung xem thành bại mà không tự biết. Đến khi Long Đinh mất, trong lúc biến cố, xã tác là trong, mà các người hiện còn như Minh Đế Minh Xương vì không bể được người nổi ngôi bé nhỏ cho bách quan châu, cũng nên hoà thuận nhường nhau quyền nhiếp trong cung phủ trấn áp bọn nổi loạn khiến cho tôn miếu có người nương tựa, mà lại tranh nhau lên ngôi, trong nhà đấu đá lẫn nhau, người khác họ theo dây mà cắm giáo xông vào. Cội gốc bị mất, cành lá bị diệt trừ. Họ Lý dấy lên không thể ngăn chặn được. Ôi làm mười điều ác không có một điều thiện, đâu có phải là cờ sở tích điều thiện và phương pháp dạy con, trong dây nhiều điều không thể dỗ cho ai được.

Sai Đỗ Hạnh di sứ, sang nhà Tống. Nhà Tống sai Trần Sỉ Long sang dò xét nước ta. Bấy giờ vua ngại việc <29a> đi đánh dẹp. Vua ta cậy có núi sông hiểm trở thường dung túng cho dân du đảng sang cướp bóc bên Tống. Mùa xuân năm đó, Quảng Tây chuyển vận sứ của nhà Tống là Trương Quan, Khâm Châu binh mã là Vệ Chiêu Mỹ đều tâu nói về tình trạng hơn 100 chiến thuyền của ta xâm phạm trấn Nhu Hồng cướp bóc dân cư. Mùa hạ năm đó, châu Tô Mậu ⁽¹⁾ nước ta lại dùng 5 nghìn hương binh sang xâm phạm Ung Châu nhà Tống. Bi Đỗ Tuấn kiêm là Dương Văn Kiết đánh phái rút quân về, ý vua Tống muốn vô yên, không muốn dùng binh, nên đều gác lại không hỏi đến. Trương Quan lại nói dối là vua ta bị họ Đinh đuổi, đem số quân còn lại ra ở hải đảo, cướp bóc kiềm án, nay đã chết, nhân đó dâng biếu mừng. Vua Tống bèn sai Thái Thường chung là Trần Sỉ Long làm Thái Phòng sứ để dò xét hư thực.

Bính Thân, năm thứ 3 [996] (Tống Chí Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, vua ta đi đánh lấy được bốn động: Đại, Phát, Dan, Ba ở Ma Hoàng.

Nhà Tống sai sứ sang ban sắc mệnh. Vua Tống vì bọn Trương Quan lúc đó ở Quảng Tây <29b> nói tình hình biên giới không thực, đến khi Sỉ Long về, Trương Quan đã chết, bèn sai chém Vệ Chiêu Mỹ tại trấn Nhu Hồng, và cho Trần Nghiêu Tầu sung chức Quảng Tây chuyển vận sứ, sai Khải Khang úy là Lý Kiên Trung mang chiếu sang phong, trước đó bọn Văn Dũng, người Triều Dương ⁽²⁾ nước ta làm loạn trốn sang trấn Nhu Tích thuộc Khâu Châu nước Tống, tướng của trấn là Hoàng Lệnh Đức dẫu di, vua ta sai tướng trấn là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt, Lệnh Đức không chịu trả. Nghiêu Tầu đến Nhu Tích tra hỏi ra việc ấy, liền đem hết hơn 100 người cả già trẻ trai gái bị dẫu trao trả cho

1. Châu Tô Mậu : Nay thuộc tỉnh Lang Sơn.

2. Triều Dương : Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Thành Nhâ Vua ta khai là hợp nghĩa, sai sứ sang nhà Tông ta ơn và nói ta đã bắt được 27 tên giặc biến đưa trả sang chuyển vận sứ và ngăn cản dân ở khe động không được quay trở nữa. Nhà Tông lại sai Lý Nhược Chuyết mang chiếu thư và dai ngọc sang ban Khi Nhược Chuyết đến, vua ra đón ở ngoài ô, khinh man không làm lễ, bảo Nhược Chuyết rằng "Việc cướp trấn Như Hồng là bon giặc biến ở ngoài cõi, hoàng đế của người có biết đó không phải là quân Giao Châu không? Nếu Giao Châu chống lại mệnh vua thì <30a> đầu tiên phải đánh Phiên Ngung, tiếp đó đánh Mân Việt, chứ đâu chỉ đánh trấn Như Hồng mà thôi?"

Dinh Dâu, năm thứ 4 [997] (Tống Chí Đạo năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua Tống băng, Thái tử Hang lên ngôi là Tống Chân Tông.

Mùa hạ, tháng 4, nhà Tống sai sứ sang sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương kiêm Thị trung)

Vua sai sứ sang nhà Tống đáp lễ. Vua Tống ban chiếu yên ủi khen ngợi. Trước đó, sứ nhà Tống sang, vua liền ra lệnh cho trong nước mượn tiếng đánh thuế để tiến công rồi nhân đây bắt có sự đóng góp một chút ý là muốn dỗ tiếng ác cho nhà Tống. Vua Tống nghe được chuyện đó, về sau chỉ sai quan ở lại ngoài biên giới, mời đến nhận chiếu mệnh, và không sai sứ sang nữa. (Xét sử cũ thấy Mã Doan Lâm chép: "Sứ nhà Tống đến, vua liền đặt lời là bối thuế để tiến công rồi nhân đây bắt đóng góp, cho là việc đó không hay. Nhân đây đổi lời chép rằng: "Sứ nhà Tống đến thường mượn tiếng cống nước mắm, nhân đó bắt đóng góp để dỗ tôi cho nhà Tống". Xét ra, lệ cống tiến đã có nghi thức thông thường, sứ giả dẫu dam mỗi lần đến đòi hỏi thuế tiến cống? Hơn nữa, việc sứ giả vố sách thì cũng có, nhưng sao có thể thu thuế ở nước người ta được? Lúc đó, Lê Đại Hành dựng nước đã lâu, không cần phải dựa vào nhà Tống, không muốn sứ nhà Tống sang luôn. Đầu thời Hưng Thông [989 - 994], vua thường bảo sứ nhà Tống là Tống Cao rằng "Ngày sau có quốc thư, nên đưa đến chỗ dâu địa giới giao nhận, chờ phiên sứ quán phải đến đây" để nhân việc bối thuế tiến cống phiên phức mà dỗ tiếng ác cho nhà Tống. Tống Chân Tông không muốn sứ Tống mang tiếng yêu sách <30b> cũng như việc năm Ứng Thiên thứ 6 [999], quân Nội thi của nhà Tống là Bùi Dũ có việc sang nước ta, bảo nước ta dùng nhuy hoa long nhỡn là của hiềm có, sung vào lẽ cống, vua ta làm theo. Vua Tống giận liền truất Dũ dâu ra Nhai Châu và ban chiếu cho nước ta miễn cống thứ ấy. Cái ý từ đây về sau, không cho sứ sang có lẽ là vì việc ấy. Sử cũ chép nhầm, nay cải chính).

Mùa thu, tháng 7, vua tự đi đánh giặc ở Đô Động Giang, bắt được bốn giặc ấy đem về

Chiêm Thành đem quân đâm biên giới nước ta rồi về.

Lut to

Mùa Tuất, năm thứ 5 [998] (Tống Hâm Bình năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, đón đất 3 ngày

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực. Tháng ấy, không mưa, đến tháng 6 dân bị bệnh ho, trâu bò ngựa chết nhiều

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một là ngày Bình Tuất, nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 [999] (Tống Hâm Bình năm thứ 2), vua tự đi đánh phá được 49

đông thuộc vùng Hà Đông ⁽¹⁾ và các xứ thuộc dòng Nhất Tắc, châu Định Biên ⁽²⁾. Từ đó các châu, dòng đều quy phục.

Canh Tý, năm thứ 7 [1000] (Tổng Hàm Bình năm thứ 3), đánh giặc ở Phong Châu là bọn Trịnh Hàng, Trần Lệ Dan.

<31a> Bọn Hàng chạy vào núi Tân Viên.

Đại Tháng Minh hoàng hậu là Dương Thị chết (xét sử cũ chép chữ "vong" là không đúng cách. Vì Dương thị được tiếng của chồng trước làm hoàng hậu của chồng sau, chẳng khác gì loài cầm thú di địch, cho nên chép bằng chữ "tử").

Kinh Thiên Đại vương Hoằng (mất).

Sai tướng đi tuần noi biên giới. Thống tướng là Từ Mục đi tuần cõi Hải Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi bắc, để dò xét tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 [1001] (Tổng Hàm Bình năm thứ 4), vua tự đi đánh bộ lạc Cử Long ⁽³⁾. Vua cũ là Vệ Vương Toàn chết trận. Giặc thấy vua liền giương cung lấp tên, nhưng sắp bắn thì tên bị rơi, lại giương cung thì dây cung bị đứt, giặc sợ phải rút lui. Vua đi thuyền vào Cửng Giang đuổi theo. Giặc dàn trận ra hai bên bờ chống lại. Quân nhà vua bị vây hãm ở sông. Vệ Vương Toàn trúng tên chết tại trận. Vua tự đốc quân đánh, giặc mới thua.

Nhâm Dần, năm thứ 9 [1002] (Tổng Hàm Bình năm thứ 5), mùa xuân, tháng 3, định luật lệnh, tuyển quân ngũ, chia tướng hiệu làm hai ban, đổi mười đạo làm lô, phủ, châu. Ban chiếu làm mấy ngàn mū đầu mâu ⁽⁴⁾ ban cho <31b> sáu quân.

Quý Mão, năm thứ 10 [1003] (Tổng Hàm Bình năm thứ 6), vua đến Hoan Châu, vét kênh Da Cái ⁽⁵⁾ (nay là Hoa Cái), thằng đến Trường Tư Cửng thuộc Âm Châu ⁽⁶⁾. Người Da Cái làm phản. Vua sai chém đầu dem bêu Nhân dân thành Nhật Hiệu và đầu mục là bọn Hoàng Khánh Tập dem gia quyến hơn 4 trăm người trốn sang Khâm Châu nhà Tống. Nhà Tống an ủi khuyên họ trở về. Bọn Hoàng Khánh Tập sợ tội không dám về, bèn ở lại bờ biển.

Mùa thu, tháng 8, vua ốm sang tháng thứ 9 thì khỏi.

Giáp Thìn, năm thứ 11 [1004] (Tổng Cảnh Đức năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, lập Nam Phong Vương là Long Việt làm Hoàng thái tử. Trước đó, Kinh Thiên Đại vương là Thâu mất. Long Định xin làm thái tử, vua cũng muốn cho, nhưng triều thần bàn là không lập con trưởng mà lập con thứ là trái lẽ, bèn thôi. Đến bấy giờ lập Long Việt làm thái tử, mà gia phong cho Long Định, Long Tích tước đại vương.

Sai Hành Quân Vương là Minh Đề mang lẽ sang thăm nước Tống, xưng là nhiếp thứ

1. Hà Đông : Tức dòng Hà Man thuộc đất Mường, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

2. Dòng Nhất Tắc châu Định Biên : Tức vùng thượng lưu Sông Mã, tỉnh Thanh Hoá.

3. Cử Long : Thuộc đất Mường, thuộc huyện Cầm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

4. Mū đầu mâu : Tên một thú mū đối khi ra trận.

5. Kênh Da Cái : Ở phía Tây Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

6. Âm Châu : Không rõ là vùng nào.

sứ Hoan Châu. Minh Đế đến Biên Kinh⁽¹⁾ khấn khoản xin ân mệnh, vỗ về con cháu, vua Tống bàng lòng, triều vào điện riêng thám hỏi, thường cho rất hậu. Trao cho chức Kim tử vinh lộc dai phu kiêm hiệu thái úy, thứ sứ Hoan Châu.

Sứ thần Ngò Thị Sí bàn: Xưa kia Dinh Liễn phò giúp Dinh Tiên Hoàng dẹp loạn, mở nước, uy danh lừng lẫy, di sứ nhà Tống về, thì mệnh lệnh phong chức thái sư dờ hộ cũng về theo. Thế rồi thực sự trao cho tước quận vương. Có lẽ người Tống coi Dinh Liễn là người đích đáng trị được nước này. Minh Đế là người thấp kém không tiếng tăm, phân là con thứ, làm sao bằng một phân mươi Dinh Liễn được. Đế vắng lệnh di sứ, khấn khoản xin một chức quan, mà chức thứ sứ Hoan Châu kia thực chẳng khác gì nhiếp vu! Minh Đế được chức ấy để làm gì? Ý của Đế là muốn mượn cái đó để lán át anh em, cầu may cho cái mưu đồ không cần cù đầy thời, lư lạc ở Quảng Châu, một mai được sống về nước, gặp lúc nước có biến cố còn hy vọng <32b> kịp giành nhau với Minh Xuồng, nhưng rõt cuộc cung đấu bị họ Lý giết. Thế là con cái Lê Đại Hành bị chết hết. Sinh con ra như thế, thực như đàn chó lợn!

Vua xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua huý là Long Việt, là con thứ ba Lê Đại Hành. Năm Ứng Thiên thứ 11, được lập làm thái tử. Sau khi Đại Hành mất, 8 tháng mới lên ngôi, được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Định giết, thọ 23 tuổi.

Vua không biết phòng xa để xảy ra hoạn nạn, tuy có đức tính nhân hậu, mà không được làm vua đáng tiếc thay!)

Át Ty, Ứng Thiên năm thứ 12 [1105] (Tổng Cảnh Đức năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, vua [Đại Hành] mất ở điện Trường Xuân, táng ở Sơn Láng, Trường Yên, gọi là Đại Hành Hoàng đế, nhân dân làm miếu hiêu. Vua [Đại Hành] anh minh quả quyết, nhiều mưu trí, giỏi dụng binh phá giặc như thần, cho nên điều khiển được anh hào, vang động cả Di Hán, vua Tống nhiều lần ban sắc mệnh cho được thuận hoà, trong nước cường thịnh. Song tính nghiêm khắc tàn nhẫn, ưa người <33a> nịnh hót, người khéo chiêu thi cát nhác cho được gân gùi, người có lỗi nhỏ thì giết, hoặc đánh vào lưng đến một hai trăm roi. Sai khiến cho quan hơi không vừa ý liền đánh thật đau, rồi truất xuống làm người gác cửa, khi người giận lại triệu về chửi cũ. Quần áo phần nhiều chuộng lụa hồng, mũ thì trang sức bằng chén châu, cung điện vua ở cốt cho xa hoa tráng lệ. Nhưng cảnh thư của các quan, doanh trại của sáu quân lai chật hẹp, mộc mạc. Sử Tống mỗi lần sang ta thường chê cười về điều đó.

Mùa đông, tháng 10, Thái tử là Long Việt lên ngôi. Sau khi vua Đại Hành băng, Đông Thành Vương là Ngan Tich, Trung Quốc Vương là Kinh, và Khai Minh Vương là Long Định đều nổi loạn, nên Thái tử vẫn chưa được lên ngôi, giằng co nhau đến 8 tháng,

(1) Biên Kinh - Kinh đô nhà Bắc Tống, Trung Quốc.

trong nước vô chủ, đến bấy giờ mới lên ngôi. Đông Thành Vương thua chạy vào đất Cù Long, vua đuổi bắt, lai chạy sang Chiêm Thành. Long Đinh giết vua ở trong cung và tự lên ngôi (Sử cũ chép Đinh truy đặt tên thụy cho Ngoa Triệu là Trung Tông Hoàng đế. Nhưng lấy việc Lý Thái Tổ truy đặt tên thụy cho Ngoa Triệu mà suy, thì có lẽ là triều Lý truy đặt tên thụy cho Trung Tông mới đúng sự thật).

Vua lên ngôi được 3 ngày, em cùng mẹ là Khai <33b> Minh Vương Long Đinh, sai bọn kề cướp trèo tường vào trong cung giết chết. Các bè tôi đều chạy trốn, chỉ có quan Diện tiên Lý Công Uẩn ôm xác vua mà khóc. Long Đinh lên ngôi, cho Công Uẩn làm tử sương quân phó chỉ huy sứ, tự đặt tôn hiệu là Khai thiên ứng vận Thánh vân Thần vũ tác thiên sùng đạo Đại thắng Minh Quang Hiếu hoàng đế.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Ngoa Triệu giết anh mà tự làm vua, bao ngược với mọi người dể thoả lòng hung ác, dân đến mất nước mất ngôi, không phải là ho Lé không may, mà lỗi ở Đại Hành không sớm đặt ngôi thái tử và Trung Tông không biết phòng xa, dể đến nỗi thế.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xét dã sử chép: Trung Tông nối ngôi, Long Đinh nổi loạn, Trung Tông cho là em cùng mẹ nên không nỡ giết. Cuối cùng bị Long Đinh giết chết. Trung Tông đối với <34a> tình anh em tuy là hậu dày, nhưng về việc thờ cúng ở nhà tôn miếu thì xá tắc là trọng, tinh anh em là khinh, huống dây lai lai dứa em bất đẽ! Lúc bấy giờ lê ra Trung Tông phải lấy việc xử tội bọn Quận Thúc⁽¹⁾, Thúc Nha⁽²⁾ xưa mà trị cho đúng tội mới phải. Nếu không thể thì giam kín vào nhà riêng cho hết đời cũng được, thế mà lại tha hán ra thì tai họa không đến mình sao được. Rút cuộc bị tuyệt diệt tông tự là do Trung Tông gây ra đó, có đáng trách gì Ngoa Triệu! Cho nên người làm vua phải ở cho đúng đắn và chú trọng xét cho hết lẽ.*

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Xét việc Trung Tông lên ngôi mới được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu đã bị giết, trước 3 ngày đó thuộc Đại Hành, sau 3 ngày đó thuộc Ngoa Triệu. Niên hiệu hình như không hề thuộc vào đâu, nhưng Trung Tông chính ngôi thái tử, Lê Đại Hành mất. [Trung Tông] vâng theo di chiếu nối ngôi, tức là thái tử lên nối ngôi báu đã thành vua rồi <34b>. Năm đó tuy Ngoa Triệu đã cướp ngôi, nhưng cũng chưa có niên hiệu, đối với phép chép sử biên niên không có vướng mắc gì. Xét như Bắc sử, khi vua Minh Thành Tông mất, Thái tử là Hy Tông lên nối ngôi, chưa kịp đổi niên hiệu nhưng sử vẫn chép to chữ "Hy Tông" cho rõ chính thống mà niên hiệu thì viết to chữ "Vạn Lịch năm thứ 40 vua [Đại Hành] mất". Như vậy kỷ Lê Trung Tông nên chép theo phép chép ấy là đúng, cho nên chép theo như thế.*

Long Đinh truy tôn mẹ dể là Chi Hậu diêu nữ làm Hưng quốc Quảng thánh Hoàng thái hậu.

1. Quận Thúc là em Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương mất, con là Thành Vương nối ngôi. Quận Thúc nổi loạn bị Chu Công giết chết.

2. Thúc Nha là em của Trung Công. Khi Lê Quang Công mất, nổi loạn liền bị Quý Hữu bắt uống thuốc độc chết.

Lập 4 hoàng hậu.

Bấy giờ Ngự Bắc Vương cùng Trung Quốc Vương đều chiếm giữ Phù Lan, Long Định tự đi đánh, đến Đằng Châu quân giáp là Đỗ Thị tâu việc người anh họ là Lê Hấp Ni làm phản. Long Định sai bắt tra hỏi, Hấp Ni cùng đồng bọn là 12 người đều bị giết, đến trại Phù Lan, người trong trại đáp tường chắc cố thủ, không hạ được thành, bị bao vây suốt mấy tháng <35a>, trong trại hết lương, Ngự Bắc Vương, biết thế cùng quân, mới bắt Trung Quốc Vương đem dâng nộp. Vua chém Trung Quốc Vương tha tội cho Ngự Bắc Vương. Nhân đó, kéo quân đánh Ngự Nam Vương ở Phong Châu, buộc phải hàng. Quân trở về đến Đằng Châu, đổi chau đó làm phủ Thái Bình, bèn tự đi đánh Cử Long. Bấy giờ quân nhà vua ở trạm Phù Lan, tên giặc Cử Long vào cướp phủ, đã đi đến cửa biển Thần Đầu ¹¹. Quân kéo về đến Sông Tham bèn đi Ái Châu để đánh giặc Cử Long).

KHAI MINH VƯƠNG

(Vua tên huý là Long Định, lại có tên là Chí Trung, là con thứ 5 của Lê Đại Hành và là em cùng mẹ với Trung Tông. Trước được phong làm Khai Minh Đại vương, Trung Tông lên ngôi được 3 ngày, vua giết Trung Tông mà cướp ngôi, vua có bệnh trĩ, phải nằm mà coi chau, ở ngôi được 4 năm thì chết, thọ 24 tuổi. Giết vua, cướp nước thoả tính hoang dâm bạo ngược, tự đưa đến chỗ diệt vong).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Xét việc Long Định cướp ngôi, cố nhiên không đáng được thụy hiệu đẹp, mà cái tên "Ngoại Triều" cũng không đúng. Có lẽ Lý Thái Tổ muốn dùng thụy hiệu xấu để gán cho, mà không biết rằng từ xưa những đế vương nào không đáng là vua thì hoặc gọi là phế đế, mất đế <35b> hoặc lấy cái tên khi bị phế mà chép. Còn như cái hiệu "Ngoại Triều" thì thô bỉ không cẩn tú, hơn nữa Long Định cướp ngôi của anh mà được nước, thì nên theo cách chép của Cương mục về Tề vương-Trọng Quý, chỉ tước bỏ hiệu đế, vẫn chép là Khai Minh Vương, không cho được tu xưng là "đế".

Bính Ngọ năm thứ 13 [1006] (vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Khai Minh Vương Long Định phong con trưởng là Sa làm Khai Phong Vương; con nuôi Thiệu Lý làm Sở Vương, Thiệu Huân làm Hán Vương.

Đổi lại quan chế, triều phục, phẩm cấp cho các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống.

Mùa hè, tháng 6, nhà Tống sai Thiệu Việp đưa thư sang du. Trước đó, khi vua Lê Đại Hành mất, các vương tử giành nhau lên ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu Quảng Châu là Lăng Sách và Duyên Biên an phủ sứ là Thiệu Việp xem xét công việc mà tâu lên. Lăng Sách dâng thư tâu rằng: "Cứ theo như lời bạn Hoàng

1. Thần Đầu : Nay thuộc địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Khánh Tập và hơn nghìn người Giao Chi từ Liêm Châu đưa lên, thì các con của Nam Bình Vương mỗi người đều phân tán đặt trại sách <36a> quan thuộc chia lla, nhân dân lo sợ, xin đem quân sang đánh dẹp. Khánh Tập nguyện làm tiên phong, hẹn ngày có thể lây được. Xin cho lấy lính đồn ở các châu Quảng Nam và cho thêm 5 nghìn quân tinh nhuệ ở Kinh Hồ đường bộ đường thuỷ cùng tiến, có thể lập tức bình định được". Vua Tống nghĩ họ Lê lâu nay vẫn giữ lễ cống, không nỡ đánh trong lúc có tang. Ban chiếu cho bọn Sách vỗ về như trước, cốt cho được yên ổn, đồng thời sai Việp đưa thư nói rõ về uy đức của triều đình, bảo anh em đừng giết hai lắn nhau, nếu để lâu không định ngôi thứ, khi đó quân thiên triều hỏi tội, thì hối sao kịp. Khai Minh Vương là Long Đinh sợ xin được sai em sang cống.

Sứ thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Long Đinh hung hán, cướp ngôi, anh em tàn hại lắn nhau, khắp thiên hạ đều căm ghét. Tống Chân Tông nếu vì có họ Lê vẫn giữ chức phận tiền cống đáng mất thì xô đổ đi, đáng còn thì giữ lấy có lẽ cũng là để nói rõ nghĩa lớn làm cho sáng tỏ tội cướp ngôi, rồi chọn một người tốt trong <36b> các vương mà lập lên, thì cái nghĩa cứu tai nạn, thương láng giềng, cả hai bè không ai chê được, mà dòng dõi của Lê Đại Hành quyết không mất ở đời Ngoạ Triệu và việc làm của Thiên tử không ai chê được. Nhưng [Tống Chân Tông] lại điềm nhiên nhìn như người nước Việt chẳng để ý đến sự béo gầy của người nước Tần, mà ban chiếu chiêu an, sai sứ hiếu du. Thế là làm cho [Long Đinh] làm được việc cướp ngôi, cương thường bị mất hết, lại ban ăn túc vuong, đặt tên là Chi Trung, sao mà xứng bệ quá thế!*

Hành Quân Vương Minh Đề từ Tống về nước. Cuối niên hiệu Ứng Thiên, Đề vâng mệnh sang thăm nước Tống, rồi vì nước loạn không về được, ở lại Quảng Châu. Đến bấy giờ, vua Tống ban chiếu cho Thiệu Việp khuyên dụ Đề về hay ở cho được tự chọn. Nếu muốn về thì cấp cho người, thuyền và quán khoán mà về. Minh Đề về nước, Việp muốn nhân dịp này mưu cướp nước ta, bèn dâng vua Tống bản đồ vẽ đường thuỷ, đường bộ từ Ung Châu đến Giao Châu, vua Tống đưa cho các thần xem và <37a> nói: "Giao Châu khí độc, dịch bệnh, nếu cất quân di đánh tất phải thương tổn nhiều, chỉ nên lo giữ cẩn thận cõi đất của tổ tông thôi". Việc cướp nước ta đành thôi.

Mùa đông, tháng 10, ngày Bính Ngọ, Khai Minh Vương Long Đinh nhân ngày sinh nhật làm núi trúc, ban yến cho quần thần.

Châu Vị Long dâng con ngựa trắng, 4 vó đều có cựa (châu Vị Long nay là châu Đại Man).

Dinh Mùi, năm thứ 14 [1007] (vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên, Tống Cảnh Đức năm thứ 4), mùa xuân, Khai Minh Vương Long Đinh sai em là Minh Xướng và trưởng thư ký là Hoàng Thành Nhã dâng con tê trắng cho nhà Tống xin kinh Đại Tang.

Mùa thu, tháng 8, nhà Tống sai sứ sang ban sắc mệnh, phong Khai Minh Vương là

1. Quảng Nam : Tức Quảng Đông, Quảng Tây thuộc Linh Nam.

2. Kinh Hồ : Tức miền Hồ Bắc Hồ Nam Trung Quốc.

3. Quán khoán : Tờ khoán ở sứ quán để ghi rõ họ tên chức vụ, quyền hạn, cư trú v.v... Cũng gần như giấy phép di đường của ta hiện nay.

Long Đinh tước Giao Chỉ quận vương, linh Tinh Hải quân tiết độ sứ, ban tên là Chi Trung, ban tước mệnh cho Minh Xưởng và Thành Nhã. Vua Tống đúc áo "Giao Chỉ quận Vương" ban cho chuyển vận sứ Quảng Tây.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Dẫu đời Lê Đại Hành, sự tiến công thăm hỏi đến luôn. Qua 3 lần ban sắc <37b> mệnh rồi mới phong vương. Nay cái tội của Long Đinh đã không bị giết, mà sứ thăm hỏi mới sang đã liền có sắc mệnh phong là "Chân Vương" và ban cho tên đẹp. Đó là khuyến khích cho người ác, quá lạm thay! Chưa bao lâu thì Long Đinh lại xin áo giáp mũ tru và xin trao đổi buôn-bán. Vì vinh như trẻ con, há không phải là yêu bùa bái mà sinh nhὸn sao!*

Mâu Thân [1008] (Cảnh Thuy năm thứ 1, Tống Đại Trung, Tường Phù năm thứ 1), Khai Minh Vương Long Đinh mới đổi niên hiệu.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Xét Long Đinh, cướp ngôi từ tháng 10 năm Ất Ty niên hiệu Ứng thiên thứ 4 [1005], trải qua năm Bính Ngọ, Đinh Mùi gồm 3 năm vẫn chép niên hiệu của Đại Hành. Đến bấy giờ mới đổi niên hiệu, có phải là đợi 3 năm hết tang cho hợp với cái nghĩa "3 năm không thay đổi đạo cha" đấy chăng? Việc làm trái với lẽ thường ấy phần lớn là hành động của kẻ mất nước, chẳng phải bẩn nhiều. Riêng tội bội nghĩa giết vua là mọi người cùng được phép trùng phạt, giết anh cướp ngôi không nối quốc thống của ai nên theo nói chép biến lệ: <38a> chia chủ niên hiệu thành hai hàng, hàng chép chữ to thì vẫn để niên hiệu được phong cũ, phần chép việc thì chép là "vương" như các vua bị phế truất. Chữ "bằng" thì chép lại là "tô" (chết). Chép như vậy là để nêu tội cướp ngôi, để răn cho muôn nghìn đời sau. Đây là bát chước cái ý chép Kinh Xuân Thu, không chép việc Hoàn Công lên ngôi. Không phải là cố ý thay đổi vẫn cũ thích làm những điều lặp đi... Bài tổng luận của Lê Tung cho Long Đinh là dứa bất trung bất hiếu, mà sứ thần lại chép "Hoàng đế" thì danh nghĩa không đúng đắn đấy. Nếu theo phép chép Kinh Xuân Thu, định lời khen chép công bằng thì nên tước bỏ nguy hiếu của Ngoạ Triều để trùng phạt kẻ phản nghịch, sau mới gột rửa được cái sai làm của sứ thần. Đó là lời bàn đích đáng không thể thay đổi được.*

Khai Minh Vương Long Đinh phong con nuôi của Cảm Thành hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên Vương.

<38b> Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Hoàng hậu cũng có con nuôi, thậm chí phong cho đất ăn lộc, hỗn loạn đến thế, không mất nước thì còn đợi gì nữa.*

Khai Minh Vương Long Đinh tự làm tướng đi đánh Đông Man, bắt được nhiều người nhiều của rồi về. Long Đinh lại đi đánh hai châu Đô Lương ⁽¹⁾ và Long Vị ⁽²⁾ bắt được người Man và vài trăm con ngựa. Đánh Án Đông bắt được người Man rồi sai người lấy gậy đánh. Người Man đau quá gào thét, nhiều lần xúc phạm đến tên huý của Lê Đại Hành, Long Đinh lấy làm thích lám. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu và châu Thiên Liểu, bắt được người, làm chuồng nhốt vào rồi đốt.

1. Đô Lương : Tức huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

2. Long Vị : Tức huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Kỳ Dâu [1009] (Cánh Thuỷ năm thứ 2, Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 3). Khai Minh Vương Long Đinh sai sứ sang biểu vua Tống con tê ngưu đã được thuần dưỡng. Vua Tống thấy con tê ngưu từ xa đưa đến muôn trả lại nhưng sợ phát ý Long Đinh, nên sai người đợi cho sứ về thì thả ra bờ biển. Long Đinh lai xin áo giáp, mũ trù và các đồ trang sức bằng vàng, vua Tống cũng cho <39a> Long Đinh lai xin thông thương với Ung Châu. Vua Tống chỉ cho thông thương với Châu Liêm và trại Như Hồng, vì Ung Châu là nơi khống chế ở biên giới, nên không cho.

Khai Minh Vương Long Đinh sai quân dân Ái Châu đào kênh, đắp đường dựng ụ bia từ cửa Văn Long⁽¹⁾ qua Đinh Sơn⁽²⁾ đến sông Vũ Lũng⁽³⁾ là theo lời xin của Đô đốc Kiều Hành Hiến (sử cũ chép: trên chữ "Đô đốc" có chữ "ngô" là sai, nay bỏ).

Khai Minh Vương Long Đinh tuần hành Ái Châu, đến sông Vũ Lũng, nghe đồn dưới sông có thuỷ quái, người không dám lội qua, Long Đinh liền ra lệnh đóng thuyền săn ở sông để chờ người qua lại.

Mùa thu, tháng 7, Khai Minh Vương Long Đinh tự làm tướng, đi đánh các châu Hoan Đường⁽⁴⁾, Thạch Hà⁽⁵⁾, quân đến Hoàng Giang, [Long Đinh] sai Phòng át sứ là Hồ Thủ Ích dẫn hơn 5 nghìn quân châu Hoan Đường sửa chữa đoạn đường từ sông Châu Giáp đến cửa biển Nam Giới để tiện việc hành quân. Thuyền rồng ra ngoài khơi Hoàn Hải, bỗng nổi mây mưa mù mịt, sóng gió dữ dội, bèn quay thuyền về vì thấy đường biển nguy hiểm, nên lén đường bộ về <39b> kinh sư.

Mùa đông, tháng 10, Khai Minh Vương Long Đinh băng. Trước đây Long Đinh xin làm thái tử, Lê Đại Hành vì công luận bức bách mà không cho. Long Đinh giận, mưu làm phản, dần dần lộ ra, Lê Đại Hành biết nhưng không nỡ giết, lại dung thứ cho. Long Đinh cũng không yên tâm. Khi đã cướp ngôi mới tha hồ làm điều ác, thích giết người, khi hành hình người thì hoặc lấy cỏ tranh quấn vào người rồi châm lửa đốt, hoặc sai tên hề người Tống là Liêu Thủ Tâm cầm dao cùn mà xéo thịt người ấy đau đớn kêu la thì Liêu Thủ Tâm lai nói dưa rằng: "Tên này chịu chết không quen". Long Đinh cười ầm lên. Đã đánh dẹp bát được tù binh thì giải đến bờ sông chờ lúc nước triều xuống, sai người làm chuồng dưới nước xua tù binh vào đó, khi nước triều dâng tù binh sặc xoa mà chết. Hoặc sai người trèo lên ngọn cây rồi chặt cây ấy, người trên ngọn cây rơi xuống chết thì reo cười lấy làm vui. Những súc vật định mổ thịt thì Long Đinh cầm dao đâm trước. [Long Đinh] thường dốc mía trên đầu sư Quách Ngang, già vò nhở tay cho lưỡi dao trượt xuống đầu sư chảy máu, cười làm trò dưa. Mỗi buổi coi chầu, phải sai bọn hề hầu ở bên cạnh, <40a> có ai nói gì thì chúng nhao nhao nhai theo mà cười ồ, làm rối loạn lời tâu của các quan, Long Đinh hoang dâm, rượu, gái, lâu dần thành bệnh trĩ, phải nặm mà coi chầu. Đến bấy giờ chết, vì thế gọi là Ngoa Triều (nặm mà coi chầu).

1. Văn Long : DVSKTF chép là Chi Long.

2, 3. Đinh Sơn, Vũ Lũng : Đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

4. Châu Hoan Đường : Thuộc đất Hoan Châu. Lê gọi là châu Hoan Dương, thuộc Minh đổi là Thạch Đường. Hậu Lê đổi là huyện Nam Dương, là Phù Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (CMcb 2).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Vua Kiệt nhà Hạ thích giết người, đến nỗi có hình "bào lạc"⁽¹⁾. Vua Trụ nhà Thương thích giết người, đến nỗi chặt chân người già lội nước⁽²⁾, dù tốt như Long Bàng⁽³⁾, Tỷ Can⁽⁴⁾ trung thành hết sức can ngăn cũng bị giết nên mất nước rất nhanh. Nhưng vua thích giết người đời sau như Tôn Hạo⁽⁵⁾ nước Ngô cũng nhiều, đều bị diệt vong nhanh chóng. Ngoại Triều không những thích giết người, lại còn oán vua cha không lập mình làm thái tử, đánh dâu người Man để họ kêu gào, nhiều lần phạm đến tên huý của cha mà lấy làm thích như thế lại còn tệ hơn. Chóng mất nước há phải là không có nguyên nhân. Lại xét Trung Tông và Ngoại Triều đều không chép chôn ở đâu. Đó là lỗi của nhà làm sử, há dám coi vua mình như mọi rợ mà không chép nơi chôn sao?

<40b> **Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn:** Thời xưa những vua thích giết người thì Kiệt Trụ đã là quá rồi, Ngoại Triều ban hình phạt, thích giết người nhưng sao lại tệ quá đến như thế! Nay qua những việc nhà làm sử đã ghi chép như: róc mía trên đầu sú, quấn cỏ tranh vào lung tú, ngày ngày lấy sự chém giết làm vui. Những hình phạt râu nhốt người dưới nước, bắt người leo cây! Coi mang người không bằng cỏ rác. Tính người ai chẳng có, riêng Ngoại Triều lại không có hay sao? Thậm chí oán vua cha không lập mình làm thái tử đến nỗi đánh người Man dâu để chúng chửi rửa tên cha mình. Đó là điều cả đến Kiệt Trụ cũng không nỡ làm. Ôi cũng một duoc với bọn loạn tặc thì không thể không mất nước.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Từ xưa, những vua vô đạo, ở thời Tam Đại và cuối thời Hán Đường mà hoang dãm bạo ngược thì có nhiều. Riêng đạo cha con là bắt gốc từ bẩm tính trời sinh. Con hổ, con sói dù dữ tợn nhưng cũng chung một đạo ấy. Thế mà Long Dinh chưa chất thù giận cha, coi cha như người di đường! Khác nào Đông Hậu hầu⁽⁶⁾ <41a> thấy Minh Đế ôm nồng, liền viết một chữ "hỉ" thật to và viết xung quanh 36 chữ "hỉ" nhỏ; Chu Thiên Nguyên⁽⁷⁾ oán Cao Tổ không lập mình làm vua, đến khi Cao Tổ mất thì nói với mọi người rằng: "Chết muộn quá đây!" Khai Minh Vương xin làm thái tử không được, bèn nhẫn dãy mang lòng oán giận đánh dâu người Man, khiến chúng gào chửi tên cha thì lấy làm hả dạ. Xét chủ tâm của Khai Minh Vương thì cũng một loài cú cáo như bọn Lưu Thiệu⁽⁸⁾, Dương

1. Bao Lạc: Là một hình phạt thời vua Trụ. Vua Trụ cho bôi mỡ lên cột đồng trên lò than hồng, bắt tội nhân leo lên cột rồi vì trốn bị roi xuồng lò than chết.

2. Chặt chân người già lội nước: Thuỷ Kinh chú chép rằng có người già sắp phải lội qua dòng nước cũ chôn chũ không dám lội qua ; vua Trụ thấy vậy hỏi vì sao, các quan ta hữu lâu rằng "Ông già tuỳ yếu sợ lạnh", vua Trụ bèn sai chặt chân ông già để xem tuỳ.

3. Long Bàng: Người bê tôi hiền thời Hạ. Cuối cùng bị Kiệt giết chết vì hay can những điều bạo ngược của Kiệt.

4. Tỷ Can: Người bê tôi hiền đời nhà Thương, bị Trụ moi tim chết vì tội khuyên Trụ làm điều phai.

5. Tôn Hạo: Tên bạo chúa của nước Ngô thời Tam Quốc, sau phải hàng nhà Tống.

6. Đông Hầu hầu: Con vua Minh Đế thời Nam Tề tính rất tàn bạo, ngồi ngôi 3 năm thì bị giết chết.

7. Chu Thiên Nguyên: Túc Chu Thuyên Đế thời Bắc Chu.

8. Lưu Thiệu: Con vua Văn Đế thời Nam Tống, giết cha để làm vua, cuối cùng bị chết.

Quảng⁽¹⁾ và Chu Bạt Văn⁽²⁾ cả thôi, làm gì đáng chép bằng chữ "tổ" và nói chôn được? Sù trước không chép nơi chôn là phải. Ngô Sĩ Liên lại coi ngang với Trung Tông và cho là không dám coi vua như man mọi là không đúng. Có người hỏi Khai Minh Vương hung hăn bạo ngược, Lý Thái Tổ dia vị danh vọng ngày một cao, trong ngoài đều dâng tẩm phúc, Lý Thái Tổ lại rất căm phẫn về tội ác giết anh cướp ngôi của Khai Minh [vương] nhân lúc Khai Minh Vương bệnh tật, sai người vào dẫu độc giết di rồi dẫu kín việc đó, nên dù không được chép, nếu quả như vậy, cũng là dạo trời hay báo, cho nên chép phu vào dây để làm răn.

<41b> Ngày Quý Sửu, Tà thân vê điện tiền chỉ huy sứ là Lý Công Uẩn tự lập làm vua. Trước đó, ở làng Diên Uẩn, chúa Cổ Pháp có sét đánh vào cây gạo. Người trong làng nhận ra vết sét đánh có chữ rằng:

*Thụ căn diệu diệu
Mộc biểu thanh thanh
Hoà dao mộc lạc
Thập bát tử thành
Đông A nhập địa
Mộc di tái sinh
Chân cung xuất⁽³⁾ nhật
Doài cung ản tinh
Lục thất niên gian
Thiên hạ thái bình
(Gốc cây thâm thảm
Ngọn cây xanh xanh
Hạt hòa đào rụng
Mười tám hạt thành
Đông A vào đất
Cây khác lại sinh
Đông mặt trời mọc
Tây sao náu hình
Khoảng sáu bảy năm
Thiên hạ thái bình).*

Sư Van Hạnh bảo riêng với Lý Công Uẩn rằng: "Gắn dây cứ suy lời sấm thì họ Lý

1. Dương Quảng : Túc Tuỳ Đặng Dế cũng phạm tội giết cha để làm vua, cuối cùng cũng bị giết.

2. Chu Bạt Văn : Cố lẽ là Chu Bạt Khuê thì đúng hơn. Vì Chu Bạt Khuê đã giết cha và em là Chu Bạt Văn để lên ngôi. Cuối cùng phải tự sát.

3. DVSKTT chép là "kiến". Nguyên bản này là chữ "xuất". Nhưng chữ "xuất" là chữ mới thay. Vì ở trang <41a> là chữ "kiến".

đang nổi lên. Nay họ Lý trong nước có ai khoan từ nhân thứ rất được lòng người như Thân vương, bình quyền trong tay, làm chủ muôn hòn, nếu bỏ Thân vương thì còn ai đương nổi. Công Uẩn sợ lời ấy tiết lộ ra, sai người anh giấu sứ Vạn Hạnh ở Tiên Sơn. Vì thế cũng nhân đây mà tư phu, bát đầu có ý ngáp nghé ngồi vua và cũng có nhiều người theo. Khai Minh Vương từng an quâ khê, được hat mân ở trong, liên tin lời sám, ngâm tìm người họ Lý để giết đi, mà Công Uẩn hàng ngày hầu ở bên cạnh vẫn không hay biết. Đến khi <42a> Khai Minh Vương chết, con nối dòng còn bé, Công Uẩn cùng Hirus Vệ chỉ huy sứ Nguyễn Đề mỗi người được đưa 500 quân tuý long vào cung bảo vệ. Chỉ hau Đào Cam Mộc đoán biết Công Uẩn có ý muốn nhân sự nhưng ngồi, nhân lúc vắng nói khích Công Uẩn rằng: "Chưa thương ngu tôi bao ngược, trời chán ghét đức lính ấy, con nối dòng còn bé nhỏ, chưa cảng đáng nỗi nhiêu hoan nan. Mọi việc phiền nhiễu bách thân không ưa, dân chúng xôn xao muôn tìm chúa chán chính sao Thân vương không nhân lúc này nghỉ ra mưu hay, quyết đoán sáng suốt, xin thì noi dấu cũ của Thang Vũ⁽¹⁾, gần thì xem việc làm của Đinh, Lê⁽²⁾ trên thuần lòng trời, dưới theo lòng dân, mà cứ khu khu giữ đức hành nhủ làm gì" Công Uẩn trong lòng vui thích về lời nói ấy nhưng còn ngờ Cam Mộc có mưu đồ gì khác, giờ vờ tránh mang rằng: "Sao, ông lại nói như thế? Tôi phải bắt ông nộp quan". Cam Mộc nói: "Tôi thấy vân trời, việc người như thế, nên mới dám nói ra, nay ông lại cao gáe với quan, tôi thực không tránh nổi cái chết". Công Uẩn nói: "Tôi dâu nỗi cao gáe ông, chỉ sợ lời nói tiết lộ ra thì bị giết cả nhà, nên rắn ông đó thôi" <42b>. Hôm sau Cam Mộc lại bàn với Công Uẩn rằng: "Người trong nước đều biết họ Lý đang nổi lên, lời sám đã hiện ra, do là cai hòn không thể che giấu nổi, chuyển hoạ thành phúc chí một sòn một chiêu. Đây là lục trời trao mệnh và người hưởng ứng theo. Thân vương còn ngửi gì nữa". Công Uẩn nói: "Tôi biết rõ ý ông không khác ý Vạn Hạnh. Nếu dùng như lời ấy, thì nên tính kế thế nào?" Cam Mộc nói: "Thân vương là người công bằng nhân hậu, lòng người rất phúc. Hiện nay trăm họ khôn khổ, dân không chịu nổi, Thân vương nhân đó lấy An đà mà vô vã, thì họ tất đổ xô theo ông như nước chảy xuống chỗ trũng, ai ngăn được?" Cam Mộc sợ việc gấp sinh biến, bèn đem việc đó nói với khanh sl, các quan, không ai dám có ý gì khác. Ngày hôm ấy, họp nhau ở triều đường bàn với nhau rằng: "Nay (đối với nhà Lê) ức triệu người đã khae lòng, thần dân đều lia ý, mọi người chán ghét sự hè khake bao ngược của tiên đế, không muốn theo vua vua nổi đồng và đều có ý suy tôn Thân vương. Nếu không nhân dịp này cũng suy tôn Thân vương làm Thiên tử, phút chốc xảy ra tai biến, thi liệu chúng ta có giữ được lâu không?" <43a> Bèn đem việc ấy tấp lên Thái hau, Thái hau với Công Uẩn vào khuyên lên ngôi, quân thần cùng phò Công Uẩn lên điện ngọc, lên ngôi hoàng đế, trăm quan quây quần lạy dưới sân hò "vạn tuế" vang dậy trong ngoài. Đại xá cho thiên hạ, lạy năm sau làm năm đầu niên hiệu Thuận Thiên, đổi lưỡi đì san, bài viếng kiên tung, ban chiêu cho từ nay ai có việc gì kiên tung, thì đến triều đường tau bày, vua sẽ xét xử. Các bộ tài dâng tôn hiệu là Phung thiên chí lý Ứng vân tự tại Thành minh long hiên Duệ vạn anh vũ Sùng nhân quang hiếu, thiên hạ thái bình, khâm minh quang trach chương minh vạn bang, hiến ưng phù cảm, uy chấn phiền nam, duệ mưu thắn tro, thanh trị Tắc thiên đao chính Hoàng đế.

1. Thang là vua nhà Thương. Vũ là vua nhà Chu (Trung Quốc).

2. Đinh, Lê: Ý nói việc vua Lê Đại Hành làm việc thay nhà Đinh.

(Xét bài văn ở vết sét đánh cây gạo, sư Vạn Hạnh bình riêng rằng: "Thu căn diệu diệu" thì chữ "căn" (根) nghĩa là gốc, chữ "diệu" (妙) đồng âm với chữ "yếu" nên coi là chữ "yếu", "Mộc biểu thanh thanh" thì chữ "biểu" (表) nghĩa là ngon (好), ngon vì bê tôi. "thanh" (青) gân âm với chữ "thanh" (青) chữ thanh (靑) phải coi là chữ thanh (青), thanh là thịnh vượng. "Hoà" (和) "dao" (刀) "mộc" (木) là chữ Lê (黎), "thập" (十) "bát" (八) "tứ" (四) là chữ "Lý" (黎), "đông" (東) "a" (阿) là chữ Trần (陳) "vào đất" (入地) là người phương Bắc vào cướp phá. mộc dì tài sinh" (木并而生) là họ Lê lai xuất hiện. "Chấn cung hiện nhật" (震宮見日) chấn (震) là phương đông, hiện (現) là xuất hiện "nhật" là vua, "Doài cung ẩn tinh" (兌宮隱星) "doài" (兌) là phương tây, "ẩn" (隱) là mất đi <43b> "tinh" (星) là sao, ví như dân chúng. Bài ấy nói rằng: "Vua yếu, tôi mạnh, nhà Lê đổ, họ Lý thành, phương đông vua xuất hiện, phương tây dân chúng mất, qua sáu bảy năm thì thiên hạ được thái bình".

Ôi! trời có nói gì đâu! Một tiếng sét thành ra chữ, chỉ bốn mươi chữ, mà việc hưng phế của dòng họ các đời trong khoảng trăm nghìn năm đều khái quát vào đấy cả. Có lẽ sứ Vạn Hạnh giỏi về suy đoán, nhân sét đánh cây gạo, già thắc bài chữ sét đánh để tỏ sự thần dị. Ngoại sử chép: Sư Vạn Hạnh thông hiểu đầy đủ Tam học ⁽¹⁾ phát ra lời là thành sấm. Vua Lý Nhân Tông tặng bài thơ rằng:

Vạn Hạnh dung tam tế,
Chân phù cổ sấm kỳ.
Hương quan danh Cổ Pháp,
Tru tích trấn vương kỳ.

(Vạn Hạnh thông ba kiếp,
Phục hợp cổ sấm thi.
Quê hương làng Cổ Pháp.
Cảm gãy trấn kinh kỳ)

Xem lời ông bình thì từ câu "Mộc dì tài sinh" trở lên thì sự phân tích tinh thông ẩn tự không sai. Từ câu "chấn cung" trở xuống thì còn hàm hồ, có lẽ có ý gì tinh vi thần diệu khác chưa lộ ra hết. Gần đây có một loại người hiểu sự việc theo ý riêng của mình suy diễn để mê hoặc người nghe, khiến cho bọn gian phu mưu làm bậy trái với chúc phận mình, dẫn đến chết chóc liên miên, binh đao không ngót, tác hại của lời sấm thát ghê gớm thay! Từ Trương ⁽²⁾ hỏi: Việc mười đời sau có thể biết được không? Khổng Tử liền đem việc nhà Ân phải theo lề nhà Hạ, nhà Chu phải theo lề nhà Ân mà trả lời, nào có suy diễn linh tinh gì đâu. Một đoạn bình riêng của sư Vạn Hạnh đang lè bò đi, nhưng để khỏi mất sự thực cho nên chú bằng chữ nhỏ.

Sử thần Ngõ Si Liên bàn: Kinh Thư tôn xưng vua Nghiêu là Phóng Huân, vua Thuần là Trùng Hoa, những bê tôi đời sau theo đức hạnh có thực mà tôn xưng vua đến hơn chục chữ, đã là nhiều rồi. Nay giờ bê tôi đang tôn hiệu cho [Lý Thái

1. Tam học là học thuyết Nho, Dao và Lão.

2. Từ Trương : Học trò Khổng Tử, thông minh nhưng không được ban miễn vì không ưa điều nhân nghĩa.

Tổ đến năm mươi chín, thế là không hé cửa học vấn đời xưa, chỉ cốt <44a> ninh vua. Thái Tổ nhận mà không từ chối, đó là muốn khoe khoang để cho đời sau không ai hơn được đều là sai cả. Về sau dâng tôn hiệu Thái Tông cũng đến gần năm mươi chín, có lẽ cũng bắt chước cái sai lầm ở đây.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Nghiêu Thuấn là vua tốt trong đời Ngũ Đế. Các nhà làm sử tán dương công đức của Nghiêu Thuấn đến tận bắc, không ngoài vài chín chảng hè thêm một chín nào. Thực là một lời dã dу bao trùm được cả. Lý Thái Tổ nhân khi Ngoại Triều tối tăm dân loạn, hợp với lòng người vui vẻ suy tôn, một mai được như thế, không khỏi không hổ thẹn phụ trời đất. Nếu quả có đạo đức cao hơn Hiên Hiệu¹ vượt hẳn cả Diêu Đường² cũng không nên có những lời quá khen như thế. Thời bấy giờ các bе tôi đều tham phú quý, hết lời tán dương. Mấy chū tôn xung "chí lý" "tự tại", thực vô nghĩa lý, mà mấy chū "thánh minh long hiện tại, sao mà quê mùa quá thế? Ké ra một ông vua tài đức trung bình mà bе dưới già tăng túc đep để tôn xung, thì vua ấy sẽ phát lòng và biết là họ nịnh minh chứ <44b> dằng này Lý Thái Tổ cù yên lặng mà nhận, không hề từ chối, nghĩa là làm sao? Nếu muốn tự tôn trọng, tự khuếch đại mình mà không biết thế nào là đúng thì chỉ tự làm cho mình hẹp hòi và bị khinh rẻ thôi.

Truy tôn cha là Hiến Khánh Vương, mẹ Phạm Thị là Minh Đức thái hậu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Nhà Chu dấy nghiệp vương, thì truy phong là Đại Vương, Vương Quý. Nhà Tống xung đế thì truy phong là Hy Tổ, Dực Tổ, có lẽ là phỏng theo cái nghĩa "cha vì con mà được tôn quý". Lý Thái Tổ dã xung đế mà lại truy phong cha là Hiến Khánh Vương. Quan bộ Lê bấy giờ không biết dính chính lại là tự ti dấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét theo sử chép: Phạm thái hậu di chèo ở Tiêu Sơn giao hợp với thần, rồi có thai mà sinh ra vua. Năm lên 3 tuổi, Lý Khánh Văn nuôi làm con nên đúng họ Lý. Theo bài Tiêu Sơn tự ký thì Thái hậu cảm thụ tình khi con khi bach mà sinh ra vua ở chùa này, <45a> sự Vạn Hạnh đưa về nuôi. Theo Ngoại truyện thi: mẹ vua năm hai mươi tuổi, do nghèo túng lam lũ không có chồng, nương tự vào vị sa môn già ở chùa Ứng Thiên cho làm việc nấu bếp, đêm đêm dậy dỗ xôi. [Một hôm bà] ngủ quên, lửa tắt, sa môn vô tình chạm phải, giật mình tỉnh dậy thấy lòng xáo trộn rồi có thai, bị sa môn đuổi đi, bà vào chùa khác, dù tháng thì sinh ra vua. Có cái diêm Phật Tam Thế Tôn tán thuốc cho, các sư tăng đều kinh ngạc. Thế rồi mẹ con dắt nhau xin ăn ở nhà chùa, đến nhà thiền sư Lý Khánh Văn, Khánh Văn trước đã thấy chiêm bao lạ, nhân đó xin làm con nuôi. Thế là cha vua thực chưa rõ là ai.

Xem ở năm Thuận Thiên thứ 9 [1018], vua truy phong tiên tổ tì làm hậu và đặt tên thụy mà không nói đến tiên tổ khảo. Như vậy thì tiên tổ tì là mẹ của Thái hậu mới thực là bà tổ sinh ra họ Lý. Nhưng mẫu hậu là người không thể đúng chủ

1 Hiên Hiệu: Hiên là Hiên Viên tức vua Hoàng đế. Hiệu là vua Phúc Hy.

2 Diêu, Đường: Diêu là họ vua Thuấn. Đường là họ vua Nghiêu, ở đây chỉ hai vua Nghiêu, Thuấn thời cổ của Trung Quốc.

tôn miếu được. Châm chước, cân nhắc thì Lý Thái Tổ phải là ông tổ vinh viễn cho tôn miếu họ Lý, mà tôn thờ thái hậu <45b> riêng một miếu khác là hợp lý hơn, còn như cha nuôi Lý Khánh Văn và bà ngoại họ Phạm thì nên ưu ái dâng bằng cách phong tước vị, cho lập miếu thờ. Tiếc rằng các bè tôi lúc bấy giờ không ai biết tâu bày với vua những điều ấy, đến khi truy tôn cha làm vương, mẹ làm hậu mà không nói rõ là cha đẻ hay cha nuôi. Nếu coi Hiển Khánh là hu vị thì là thất lễ và tuối minh, nếu Hiển Khánh là Khánh Văn thì là thất lễ và nhảm nhí. Hai việc làm trái lẽ đó át phạm phải một điều, có đáng bàn luận gì về sự tự ti mà còn đem so sánh với nhà Chu nhà Tống?

Lập 6 hoàng hậu, riêng bà vợ cả thì gọi là Lập Giáo Hoàng hậu, chế độ xe cộ áo quần khác hẳn với các bà hậu khác.

Sách phong con trưởng là Phật Mã làm hoàng thái tử, còn các con khác đều phong tước hầu, 13 người con gái đều gọi là công chúa.

Phong quan tước cho người thân và người có công. Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa Tín hầu và gà con gái đầu là An Quốc công chúa; phong anh vua làm Vũ Uy Vương; phong chú làm Vũ Đại Vương; phong con của Vũ Uy Vương là Trung Hiển làm Thái úy; con của Đức Thánh Vương là Phó làm tổng quản; Trần Cảo làm tướng công. Ngô Định làm Khu mật sứ, Đào Thạc phụ làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Phí Xa Lỗi làm Tà kim ngô, Vệ Trúc làm Hữu kim ngô, Đàm Thần làm Tà vệ, Đỗ Giản làm Hữu vệ, còn các người khác đều để như cũ.

Ban quần áo cho các tăng đạo

Ở trên, triều nhà Lê gồm 3 đời vua, bắt đầu từ năm Tân Ty [981] đến năm Kỷ Dậu [1009] cộng 29 năm.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Lê Đại Hành ứng giắc mộng hoa sen kết hạt, hợp với diêm lành rồng vàng ép trên cái cối. Trời phú cho cái tính công bằng và ban phúc cho từ khi cô đơn cực khổ nối nghiệp nhà từ chức thập đạo tướng quân. Người hiểu biết vốn đã phục, cuối cùng nhân được dân ca tung mà thay nhà Đinh trị nước. <46b> Khi đã lên ngôi vua, đánh tan quân Tống ở phương bắc, bắt được tướng giặc; đẹp yên giắc Chiêm ở phương nam, phá huỷ thành trì Trung Hoa, vang dội tiếng anh hùng, các phiên bang sợ oai thần võ. Thế rồi được thượng quốc thông hảo, ban sách vân khen ngợi, sánh với Triệu Đà, bày lẵn được sách phong. Sứ thần Trung Quốc phải tôn sùng, từ trưởng sơn động hết chuyện làm phản, thành Hoa Lư phồn thịnh hơn cả nhà Đinh, và còn lưu ý đến công sức của dân, quan tâm đến chính sự của nước, chú trọng nghề làm ruộng, nghiêm mật việc biên phòng, quy định pháp lệnh, tuyển lựa quân ngũ, đổi lại các châu phủ, chia đặt các giáp phén. Có thể nói là "hết sức siêng năng, hết lòng lo tinh dầy. Duy có điều là [Đại Hành] đời đời làm tội với nhà Đinh, thì nước còn hay mất, yên hay nguy không có gì phải là trách nhiệm của mình. Thế mà mình thì đội ơn nhà Đinh, bạn đồng sự cũng báo ơn nhà Đinh, lại nhẫn tâm hại họ, mà trả mặt làm việc phu ơn nhà Đinh, buộc moi người vui vẻ suy tôn mà theo về với mình. Áo vàng được khoác lên mình, nhân dân cười luôn hoàng hậu vua trước làm vợ mình. Nhân luân đã hỏng <47a> thì các điều

tốt khác còn coi ra gì! Hơn nữa, chỉ thấy có việc lợp cung điện bằng ngói bạc, làm nui trọc già để ngâm chơi, mà không nghe có ăn huê gì giúp ích cho người có quá nghèo khó. Sai dich ở Yên Tử huy động đến 3 vạn người là làm khổ dân dãy; đánh dẹp Tiên Lộc giết đến cả người của 3 châu là lạm dụng sức quân dãy; dung túng cho dân biên giới xâm lấn đất Tống, không phải là nghĩa chịu mệnh trời, và tri khôn giữ nước. Trong khoảng 24 năm, những việc gọi là Lê, Nhạc, giáo hoá, những thứ để duy trì phép tắc chế độ cùng những lời dạy bảo truyền lại đời sau, không thấy ghi chép lại chút gì trong sách vở. Vậy cho nên vô công tuy giỏi nhưng nguyên khi đã ngầm hao; dòng dõi tuy đông, nhưng niềm hoạ đã gây sẵn. Cảnh nhà như Tân Hiển Tông ⁽¹⁾, nỗi mình giống Tề Hoàn Công ⁽²⁾ mà mang sự nghiệp rõ ràng, mà đến khi chết không được đặt thụy hiệu đẹp, đó chẳng phải do đức mỏng mà đến nỗi thế chăng? Trung Tông thân làm thái tử, tuổi chẳng phải ấu thơ, nhận sự phó thác của vua cha, thì nước là nước của mình, thế mà không ổn định được nước có biến cố trong lúc nguy nan, để cho sự tai nghe mắt thấy của thần dân được dùng dán; làm cho <47b> dân em giành nhau lên ngôi, giằng co nhau hàng 8 tháng, con người [Trung Tông] thực khó làm nên việc. May mà Long Tích chết, Long Kinh bỏ chạy mới lên được ngôi vua. Nhưng lại là tiểu nhân như Mộc Di ⁽³⁾ dung túng đưa phu nghĩa như Thúc Đoan ⁽⁴⁾ tai hoạ nỗi lén từ trong nhà, không phải là sự không may đâu!

Khai Minh Vương là đứa con hư của Đại Hành, là đứa em ngỗ nghịch của Trung Tông. Ở ngôi nhuận như nhà Tân, nhà Tuỳ, là kiếp sau của vua Kiệt, vua Tru, nhốt tù nhân dưới nước, đặt hình phạt ngọn cây, trác táng vì rượu gái, nhiều điều tối tăm hỗn loạn. Không thể nào hình dung được? Thế mà nhờ vào cơ nghiệp cường thịnh của cha, lại gặp lúc vua Trung Quốc nhu nhược, giặc ở chầu man ồ đồng, hế đánh là hàng phục, xin thông thương, xin áo giáp đều thoả yêu cầu, không thấy vua sang hỏi bồ tát, mà sứ sang ban thường quá nhảm. Nếu cái ngôi không xứng đáng ấy còn kéo dài nhiều năm, thì những việc làm hung ác càng cùi, nhân dân chịu làm sao nổi? Mới được 4 năm thì chết, có lẽ là trời tính kế cho muôn dân dãy. Xet việc dãy lên của nhà Đinh, nhà Lê, tuy có sự tranh ngôi, nhường ngôi khác nhau, nhưng khi mất nước thì cũng theo một lối <48a> Long Đinh giết Long Việt thì cũng như Dinh Liên giết Hạng Lang. Bọn Phạm Cự Lang tôn Lê Đại Hành cũng như bọn Dao Cam Mộc phò Lý Thái Tổ; vợ Đinh Tiên Hoàng khoác áo long cốn cho Lê Đại Hành, thì vợ Lê Ngoạn Triều cũng khuyên Lý Thái Tổ lên ngôi. Quả báo của kẻ làm nhiều điều ác như xoay theo vòng tròn. Chuyện thấy hạt mận trong quả khê

1. Tân Hiển Công : Người thời Xuân Thu ở Trung Quốc vì mè sắc đẹp, nghe lời xúi giục làm cho cảnh nhà tan rã.

2. Tề Hoàn Công . Người thời Xuân Thu ở Trung Quốc. Đã trở thành nghiệp hả sau vì tin dùng bọn ninh thần, lấy nhiều vũ sinh luôn biếng, lúc sắp chết con cái tranh giành nhau ngôi vị cơ nghiệp suy đồi.

3. Mộc Di . Anh vua Tương Công nước Tống, không nhận ngôi vua, để Hoàn Công làm vua cuối cùng nước Tống phải hàng nước Sở.

4. Thúc Đoan là em vua Trịnh Trang Công. Được Trang Công phong cho ấp ở Kinh cùng với mẹ. Sau cung mẹ là Vũ Khương toàn khởi binh đánh úp nước Trịnh, bị Trịnh Trang Công đánh敗 chạy ra Ấp Cung.

mà người mà màng còn chưa tinh ngó, há chẳng phải là tấm gương [đạo trời] hay dâ trả lại sao? Còn như bè tôi trong một triều đại như Phan Cú Lang là nanh vuốt, Hồng Hiên là phúc tâm, sư Khuông Việt giữ việc vân chương, Thành Nhã lo việc trấn thủ, vâng lệnh di sứ thì có 3 viên nha hiệu, thân trụ biển giới thì có hai viên thông quân cũng đều theo việc lập công, hướng ứng chờ đón chí vua. Nhưng, thấy vua xa xỉ, hiếu chiến thi nuôi dưỡng thêm lối lầm, thấy hà khóc hoang dân thi không ngăn chặn sự sai trái. Đến lúc nhường ngôi thì cúi đầu thờ kè thù, chẳng một người nào dám xướng lên lời trung nghĩa và giữ tiết lớn. Họ thực xấu hổ đối với các bè tôi triều đình nhiều lắm! Tuy nhiên Minh Đế, Minh Xương đều là thân vương, nhưng người thì nhận việc di sứ mà xin báo ân, chỉ cắn lợi cho mình, <48b> người thì di cầu kinh mà quyền rũ gái đẹp đưa vua vào chỗ tối tăm, nước mắt nhà tan sống chết đều không quan hệ! 12 người xung vương mà chẳng thấy một người nào có công trạng, hướng hờ bợn nhô mọn thì đang kể làm gì!

HẾT QUYỀN I BẢN KÝ DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÉN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYỂN II

KÝ NHÀ LÝ

<1a>

THÁI TỔ HOÀNG ĐẾ

(Vua ho Lý, tên huý là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp ⁽¹⁾, Bắc Giang, từng làm quan các đời Lê Trung Tông và Ngoa Triệu, được thăng dần đến chức chỉ huy sứ. Khi Ngoa Triệu chết, tự lập làm vua, đóng đô ở Thăng Long, làm vua 18 năm ⁽²⁾ thọ 56 tuổi ⁽³⁾, táng ở Tho Lãng ⁽⁴⁾. Vua là người khoan từ nhân thứ, cẩn thận ôn nhã, có độ lương bát đế vương, nhân thời cơ được nước và lấy lòng nhân hậu để giữ nước, truyễn ngôi lâu dài, có thể gọi là thời thịnh trị. Song chưa làm rõ được chính học, ham thích dí đoán ⁽⁵⁾, đời sau không khôi cố sự chê trách. Cha vua không rõ là ai, mẹ là người họ Phạm, có thai rồi sinh vua ở chùa Tiêu Sơn ⁽⁶⁾. Năm vua 3 tuổi, mẹ bế đến nhà Lý Khánh Văn ở chùa Cổ Pháp, Khánh Van nuôi làm con. (Đã sù chép: Mẹ vua trao vua cho Khánh Văn làm con, rồi từ biệt ra đi, quanh quẩn ở khoảnh rừng rậm vùng Cổ Pháp, bị ốm đột ngột, chết kiền vùi thành mộ cao bảy tám thước. Đây là nơi đất tốt vùng Cổ Pháp chung đúc nén).

Vua lúc bé dã thông minh, vè người tuấn tú khác thường, khi 7 tuổi, ^(1b) Khánh Van gửi nhờ sư Vạn Hạnh ở chùa Lục Tổ ⁽⁷⁾ dạy cho học sư Vạn Hạnh trông thấy khen rằng: "Cậu bé này không phải là người thường sau này lớn lên chắc sẽ giải quyết được nhiều việc khó, làm bậc vua sáng suốt trong thiên hạ". Đến khi lớn lên, không chú ý đến sản nghiệp, chỉ học qua loa về kinh sử, khảng khái có chí lớn. Trong thời Ung Thiên triều Lê xuất thân thờ Lê Trung Tông, được bổ nhiệm làm cẩm quân. Trung Tông mất, vua

1. Cổ Pháp: Vốn là châu Cổ Lãm. Lê Hoàn đổi làm Cổ Pháp sau là huyện Đông Ngàn, nay là đất Tiên Sơn tỉnh Hà Bắc.

2. 18 năm: CM chép là 19 năm.

3. 56 tuổi: DVSKTT và CM chép là 55 tuổi.

4. Tho Lãng là vùng đất cẩm để chôn cất các vua triều Lý, nằm trong châu Cổ Pháp.

5. Chính học, dí đoán: Theo quan niệm phong kiến thì học đạo Nho cho là chính học, còn tất cả các đạo khác là dí đoán.

6. Chùa Tiêu Sơn, ở xã Tiêu Sơn nay thuộc xã Đông Tho, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

7. Lục Tổ: Tức chùa Trường Liêu ở địa phận huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc

ôm xác Trung Tông mà khóc. Ngoa Triệu khen là người trung thành tháng dàn lén chức tá thán vệ điện tiền chỉ huy sứ. Đến khi Ngoa Triệu mất, vua lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuận Thiên.

Trước đây, ở viện Oản Tuyền, chùa Thiên Tâm châu Cổ Pháp, có con chó đẻ con sáu tráng cổ đậm đen, hình hai chữ "thiên tử", người hiểu biết cho là diêm người sinh vào năm "Tuất" làm thiên tử. Vua sinh năm Giáp Tuất [974] niên hiệu Thái Bình thứ 5, thời nhà Đinh, sau làm thiên tử quả là nghiệm.

<2a> Canh Tuất [1010] Thuận Thiên năm thứ 1 (Tống đai Trung Tường Phù năm thứ 2)⁽¹⁾.

Mùa xuân, tháng 2, vua về chầu Cổ Pháp bái yết lăng Thái hậu, cho các bộ lão trong lăng tiền và lụa theo thứ bậc khác nhau (vua bái yết lăng, nhìn quanh cây cối xum xuê các bầy chim muông liệng quanh rồi đậu xuống, trong lòng cảm thấy thương xót, nghẹn ngào không tả xiết. Lòng thương xót cảm động đến cả người xung quanh. Vua liền sai hữu tư đến đó do lấy vài chục dặm cạnh lăng để làm nơi đặt cẩm của Sơn Lăng, các triều vua sau đưa về táng ở xứ ấy, đều gọi là Tho Lăng).

Sai viên ngoại lang là Lương Nhậm Văn và Lê Tài Nghiêm sang nước Tống xin sắc phong. Các quan nhà Tống có người bàn thế này thế khác. Vua Tống nói: "Nhà Lê thay nhà Đinh, nhà Lý bát chược việc đó, nhà Lê hay nhà Lý có khác gì nhau", bèn nhận lễ sinh.

Vua ban chiếu dời đô, vua thấy thành Hoa Lư ẩm thấp, chật hẹp, không đáng làm chỗ ở của Đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu rằng: "Ngày xưa, nhà Thương đến Bàn Canh dời đô 5 lần, nhà Chu đến Thành vương 3 lần dời đô, phải dâu các vua dời Tam Đại⁽²⁾ ấy theo ý riêng mình mà tự tiện dời đô! Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm để mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn dời cho con cháu mai sau. Trên kính mệnh trời, dưới thể theo lòng dân, nếu có chỗ tiện lợi thì dời đổi. Bởi thế vân nước được dài lâu, nhân dân được phồn thịnh. Thế mà, nhà Đinh, nhà Lê <2b> lại theo ý riêng mình, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, ở yên nơi ấp đó, đến nỗi triều đại không được lâu bền, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật tiêu diêu. Trâm rất đau xót, không thể không dời đi nơi khác. Huống chi thành Đại La kinh đô cũ của Cao Vương⁽³⁾ ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế "rồng lượn hổ chầu". Đã đúng ngôi nam bắc tây đông, lại tiện hướng nhìn sông tựa núi, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoáng mát, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất phồn thịnh. Xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi tốt hơn cả. Thực là nơi tụ hội của 4 phương, là nơi kinh sư tốt nhất của muôn dời. Trâm muốn nhân nơi tiện lợi ấy mà định nơi ở, các khanh xem được hay chẳng, hãy cho Trâm rõ". Bấy giờ đều tâu: "Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu, để trên cho cơ nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của nhiều người, việc lợi như thế, ai dám không theo". Vua rất mừng.

1. Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 2: DVSKTU chep là năm thứ 3.

2. Tam Đại là thời đại nhà Hán, nhà Thương, nhà Chu.

3. Cao Vương là Cao Biền.

<3a> Sứ thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dất Long Đô là nơi Cao Biên đóng ở đây, núi Tân Viễn chống vững một cõi, sông Phú Lương như hào trời sinh ra, ngàn dặm băng phảng tràm họ giàu có; phía tây thông với Sơn Tây, Tuyên Hưng; phía bắc thâu đến Ninh Sóc Kinh Bắc. Miền đông nam thì vận chuyển bằng thuyền, miền Cản Xương thì liên lạc bằng trạm, là nơi trung tâm của nước 4 phương chầu vè, núi là vạt áo che, sông là dài dai thắt, sau lưng là sông, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiềm, rộng mà dài, có thể làm cho nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền. Hình thế nước Việt thật không nơi nào hơn được nơi này. Cho nên trước kia nhà Đinh, nhà Lê bỏ đất đó mà ở Hoa Lư, sau đó hai nhà Hồ cũng bỏ đất đó mà ở An Tôn thì đời làm vua ngắn ngủi, thắn bị bắt, nước bị mất, là vì không được "địa lợi" đây! Lý Thái Tổ lên ngôi, chưa vội làm việc khác, mà trước tiên mưu tính việc định đô đặt đinh, xét về sự quyết đoán sáng suốt, mưu kế anh hùng, thực những vua tầm thường không thể theo kịp <3b>. Cho nên, truyền ngôi hơn 200 năm, đánh giặc Tống, dẹp giặc Chiêm, nước mạnh, dân giàu, có thể gọi là dài rất thịnh trị. Các vua đời sau noi theo đều giữ gìn được ngôi vua, chống chọi với Trung Quốc. Lý Thái Tổ có thể nói là một bậc vua biết mưu tính việc lớn dầy!*

Mùa thu, tháng 7, dời đô ra Thăng Long. Vua từ thành Hoa Lư sám sửa xe rồng đi ra thành Đại La đóng đô. Thuyền tạm dỗ dưới chân thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền vua, vì thế đổi tên thành là thành Thăng Long [nghĩa là rồng bay]. Trong thành xây dựng cung điện chùa chiền (hai bên tả hữu dựng điện Tập Hiền, Giáng Võ, lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phương thông với cửa Uy Vũ¹, chính hướng nam là điện Cao Minh, đều gọi là thềm rồng; trong thềm rồng có hàng hiên mái cong bao quanh 4 mặt. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long Thuy làm nơi nghỉ ngơi, các điện Nhật Quang, Nguyệt Minh ở hai bên tả hữu, phía sau dựng hai cung Thuý Hoa và Long Thuy làm chỗ ở cho hậu phi cung tần. Dung kho tàng, đắp thành, đào hào, bốn mặt thành mở 4 cửa, phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía bắc gọi là cửa Diêu Đức, phía nam gọi là cửa Đại Hưng. Trong thành làm chùa Hưng Thiên là lầu Ngũ Phương. Ngoài thành về phía nam dựng chùa Tháng Nghiêm). Dời chau Cố Pháp làm phủ Thiên Đức, sông Bác Giang gọi là sông Thiên Đức⁽²⁾ thành Hoa Lư làm <4a> phủ Trường An; ban chiếu phát 2 vạn quan tiền kho thuế làm 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức và đều có dựng bia ghi công.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, dàn xá, dàn tác⁽³⁾ chưa lập, mà trước tiên đã dựng 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức, lại sửa chữa chùa quán ở các lô và cấp độ diệp⁽⁴⁾ cho nghìn người ở

1. Uy Vũ. DVSKTT chép là "Uy Viễn".

2. Sông Thiên Đức. Nay là Sông Dương

3. Xá lắc: Phòi phong kiền, nhà vua lập ra dàn xá, dàn tác, dàn xá để vua tế thần Đất (Thổ thần), dàn tác để vua tế thần Lúa (Cốc thần).

4. Độ diệp: Văn bằng cấp cho người xuất gia đị tu.

kinh sư làm sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực của dân về việc thợ mộc biết bao nhiêu mà kệ! Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm ra, dấy chưởng phải là vết máu mù của dân sao? Vết máu mù của dân lại có thể gọi là việc làm phúc chăng? Bậc vua gây dựng cơ nghiệp, tự mình cẩn kiệm còn lo con cháu ngày sau xa xí lười biếng, mà Thái Tổ để lại phép tắc cho con cháu như thế, cho nên đời sau mới xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa bằng đá dẽo (Thái Tông từng mong thấy đức Phật Quan Âm dẫn vua lên đài Liên Hoa (hoa sen). Vua bèn thuật lại chuyện đó cho các bầy tôi nghe, có người cho đó là điểm không lành, nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua xây dựng chùa, dựng cột đá giữa ao và <4b> dựng chùa lên đáy, đúng như vua thấy trong niêng, đặt tên là chùa Diên Hồ⁽¹⁾ cung Phát lồng lẩy hơn cung điện nhà vua, thế rồi kè dưới đều bắt chước người trên, đến nỗi có kè huỷ hoại thân thể, đổi lối ăn mặc, bỏ cả nghề nghiệp, trốn cả cha mẹ, dân chúng quá nửa làm sư, trong nước chỗ nào cũng có chùa, nguồn gốc há chưởng phải tự dò sao?

Sử thần Ngõ Thị Sí bàn: Lý Thái Tổ lớn lên ở Cửa Phật. Khánh Vân nuôi nắng, Vạn Hạnh dạy dỗ, hai người đó đều là sư cả. Từ nhỏ vua đã là học trò của sư Vạn Hạnh, cái thuyết "báo ứng" "nhân quả" của nhà Phật thường được nghe luôn. Phàm những điều như sống chết, mất còn, thịnh suy, thành bại đều phó thác vào số mệnh viễn vông! Vạn Hạnh khéo về nghề bói toán, lại đặt ra chuyện sét đánh vào cây gạo cho thêm vẻ thần dị. Vì thế, vua càng tin theo, niềm tin đó bát rể vào lòng, không thể lay chuyển được. Cho nên, ngay từ khi mới dựng nước, đã thuê thợ xây dựng chùa chiền một cách gấp rút như thế đấy, nhưng vua là bậc dựng nước, để lại quốc thống cho đời sau, bốn phương trông vào, con cháu noi theo, những cái vua thích <5a>, những điều vua chuộng đều ánh hưởng ngay, nếu vua làm sai thì tệ hại sẽ lan ra, sẽ như nước vỡ bờ không gì ngăn nổi. Cơ sự như thế nên không thể không cẩn thận được. Lý Thái Tổ ở châu Cố Pháp, ở thành Thăng Long, đều có xây chùa, và chùa quán các lò cũng đều sửa chữa, làm cho kinh Hưng Nghiêm, Pháp Hoa xuất hiện hàng loạt, đưa thế giới thành nước Tiêu Lương⁽²⁾, biến cả người hiền người ngu thành thiện nam tín nữ⁽³⁾, lấy của dân sức dân có hạn để đáp ứng ý muốn vô cùng. Như thế mà không làm cho dân duỗi lòng người, bại hoại thế道教 thì hầu như ít có. Xét sử chép: Từ đó qua 18 năm, vua đã làm lễ chứng nhận cho người trong kinh dô cát tóc làm sư (ở năm thứ 7 có hơn nghìn người); lại làm lễ chứng nhận cho dân chúng trong thiên hạ cát tóc làm sư (ở năm thứ 10). Đức chuông thì át dùng vàng bạc (năm thứ 1, phát 1680 lạng bạc) kho để đúc chuông lớn đặt ở chùa Đại Giao. Năm thứ 5 tháng 9, ban chiếu phát 310 lạng vàng kho đúc chuông

1. Chùa Diên Hồ tức chùa Một Cột.

2. Nước Tiêu Lương: Tức nước Lương thời Nam Triều, vua Lương Vũ Đế tên là Tiêu Diển, ham mê đao Phật, tu ở chùa Đồng Thái, bị Hầu Cảnh làm phản, vây đánh Đại Thành, vua bị chết đói.

3. Thiện nam tín nữ: Dịch từ chữ 'đi tặc' từ nhà Phật.

lòn đặt ở chùa Hưng Thiên. Tháng 10 ban chiếu phát 900 lạng bạc kho, đúc hai chuông đặt ở chùa Tịnh Niết.

<5b> Dựng Kinh Tàng⁽¹⁾ (năm thứ 12 vua sai các ông Nguyễn Khoan Biểu và Nguyễn Thư Bát sang nước Tống tạ ơn việc cho kinh, dựng bát giác Kinh Tàng).

Dựng Giới Trường⁽²⁾ (năm thứ 5 nhà sư giữ chức Hữu Nhai Tăng thống Trần Văn Uyển tâu xin xây dựng Giới Trường ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thụ giới. Vua ban chiếu đồng ý các điều tâu trên).

Xây chùa tô tượng (năm thứ 1 vua sai xây dựng lại các chùa quán đã hư hỏng trong các hương ấp; năm thứ 2, trong thành dựng cung Đại Thanh, lại dựng chùa Vạn Tuế, ngoài thành xây chùa Từ Đại Thiên Vương và chùa Cẩm Y Long Hưng Thánh Thọ; năm thứ 7, dựng hai chùa Thiện Quang, Thiện Đức và tô 4 tượng Thiên Đế; năm thứ 15, xây chùa Chân Giáo ở trong thành để tiện việc vua đến xem tụng kinh).

Xin kinh và rước kinh (năm thứ 9, sai quan viên Ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc sang nước Tống xin kinh Tam Tạng⁽³⁾, năm thứ 12, sứ xin được kinh trở về, vua ban chiếu sai Tăng Thông là Phí Trí đến Quảng Châu rước; năm thứ 14, vua lại ban chiếu cho viết kinh Tam Tạng để ở kho Đại Hưng). Công việc bẽ bộn, không thể kể một điều mà dù được, suốt đời nhà Lý lấy việc thờ Phật làm phép thường của người trị nước, một lần khởi công xây dựng đến 350 ngôi chùa. (Năm thứ 4 Canh Tuất đời Thái Tông vua ban chiếu phát tiền thuê thợ xây chùa quán ở các hương ấp gồm 150 nơi. Đúc một quả chuông đồng nặng đến 12.000 cân (năm Kiền Phù Hữu Đạo thứ 3 đời Thái Tông đã phát 7560 cân đồng đúc Phật Di Lặc, hai vị Bồ Tát là Hải Thanh, Công Đức và chuông đặt ở viện Thiên Phúc. Sau đó, Thánh Tông cho xây chùa Sùng Khánh Bảo Thiên và phát 12000 cân đồng đúc chuông lớn, vua tự làm bài minh) **<6a>**. Dựng tấm bia đá có một chữ cao đến một trượng sáu thước (Thánh Tông viết một chữ "Phật" lên bia cao 1 trượng 6 thước đặt ở chùa Tiên Du). Ngày mở hội khánh thành, tha các tội nhân (Thái Tông từng ra lệnh thuê thợ tô hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm hơn vạn cây cờ phướn, khi khánh thành mở hội La Hán ở thêm rồng, đại xá tội nhân, miễn tội cho người bị dày, sửa lại phép cho người bị tội khổ sai và giảm một nửa tiền thuê cho thiền hạ. Nhân Tông mở hội khánh thành tháp Thất Bảo, dẫn sứ nước Chân Lạp đến xem. Lại mở hội khánh thành chùa Tịnh Lữ và mở hội đèn Quang Chiếu 7 ngày đêm. Tha tội nhân ở phủ Đô Hộ. Lại có hội gọi là hội Nhân vương và lễ mừng Ngũ kinh. Thành Tông mở hội khánh thành 87000 bảo tháp quây quần ở gác Thiên Phù, lại mở hội khánh thành chùa Linh Cảm, tha cho tội nhân trong nước. Đại Định năm thứ 10, đời Anh Tông, mở hội Nhân vương ở thêm rồng, đại xá tội nhân. Ngoài ra những hội khánh thành khác thì không thể ghi hết). Làm tan nát của cải trong nước và mê hoặc lòng

1. Kinh Tàng Kho chứa kinh Phật.

2. Giới Trường: Nơi thu giới cho người cắt tóc đi tu

3. Kinh Tam Tạng: Tứ Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

người, đến nỗi nhà sư tự thiêu mà cũng đổi niên hiệu (ở đời Thái Tông), tướng đánh giặc mà cùng ta ơn Phật (ở đời Thần Tông). Cột chùa chưa hẳn đã nghiêng mà từ dối mình là cột đứng trở lại (Thái Tông thường đến chùa Cố Tùng Sơn ở châu Vũ Ninh, thấy vầng vẻ tiêu diệu nên móng tro troi, trong đó có cột đá nghiêng lèch muôn dỗ, vua than thở có ý định sửa chữa lại nhưng chưa kịp nói ra mà cột đá bỗng dựng ngay ngắn lại, vua cho là la, liền sai quan văn làm phủ ghi lại sự việc đó). <6b> Cờ phướn ở chùa bay là có duyên có mà lại cho là không có gió để tỏ vẻ thần kỳ (năm đầu niên hiệu Thiên Thuận, đời Thần Tông, cờ phướn ở hai chùa Thiên Long và Thiên Sùng không có gió mà tự nhiên bay như múa, vua đến hai chùa đó lạy tạ). Ánh sáng phát ra ở chùa Pháp Vân (Năm Thiên Thành thứ 7, đời Thái Tông, có nhà sư tên là Hưu ở chùa Pháp Vân, châu Cố Pháp, dâng lời tâu nói rằng trong chùa phát ra mấy luồng ánh sáng, lần theo ánh sáng đào lên thì được một hòm bằng đá, trong hòm bằng đá có hòm bằng bạc, trong hòm bằng bạc có hòm bằng vàng, trong hòm bằng vàng có bình ngọc lưu ly, trong bình lưu ly có xa ly¹¹). Vua rước vào trong cung, xem xong lại trả về). Phật hiện lên ở chùa Ô Lộ (Năm Thông Thụy thứ 3, đời Thái Tông, ở chùa Ô Lộ có pho tượng Phật cổ nhảy vọt lên) tự đổi mình để đối người khác, trên dưới như điện như dại, khiến cho áo thuật của sư Đại Diện dám hoành hành trong cung vua, tà thai Nguyễn Bống xuýt nữa đầu thai vào làm vua nối dõi, cuối cùng vua Huệ Tông đến nỗi bỏ nước cho con gái nhỏ mà xuất gia theo Phật. Do sư mà dây lên cũng lại do sư mà mất nước. Một bát nước công đức¹² theo cơ duyên mà hoá thế gian. Thế nhưng phật cũng chưa hề cứu giúp được nhà Lý chẳng phải là cái lối của Thái Tổ sùng Phật mà đến nỗi như thế ư? Sử cũ ghi chép [sự việc] trong khoảng hơn hai trăm năm, nhà Lý dựng chùa xây tháp, hết thảy các việc thờ Phật đều chép to, chép đặc cách, người biên soạn không biết đó là rườm rà, người hiệu đính cũng theo lối hù lậu dở thật không đúng với phép làm sử <7a>. Cho nên, trong kỷ các vua, chỉ để lại một hai sự việc đại khái ngoài ra đều tước bỏ hết. Nhân đó kèm thêm một đoạn bình luận này, dễ thấy được cái ham chuộng của một thời đại.

Mùa đông, tháng 12, làm lễ khánh thành cung Thùy Hoa, đai xa các thuế khoa 3 năm cho thiên hạ. Những người mồ côi, già yếu, số thuế thiếu đã lâu, đều miễn cho cá. Những người Man trước bị Ngao Triệu bắt làm tù binh, đều cấp quần áo, lương thực thuốc men cho về quê cũ:

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Lý Thái Tổ vừa mới lên ngôi, liền ban chiếu tha tù, có ý nuôi dân như thế, có thể nói là một bậc vua biêt được việc nên làm trước đây. Chính sách nhân hậu, truyền cho con cháu, cậy nhờ giúp đỡ, đời đời giữ được mạnh khoẻ yên vui, đâu phải là sự ngẫu nhiên!

1 Xã lý: Thời xưa sự lịch, đem hoả táng, kết lại thành một cục, đao Phật gìn để xá ly.

2 Một bát nước công đức. Nguyễn văn cầu "Nhất bát công đức thuy, tuy duyên hóa thế gian, Quang quang vung chiếu tác, một ánh nhất dảng san". Tục truyền đây là một câu thơ của của một vị thần để ở cột chùa Lang Phu Đông nghĩa là một bát nước công đức theo cơ duyên mà hoá thế gian. Vầng vắc hai lần soi doi, hệt hóng khi mặt trời gác núi. Ở đây ý nói nhà Lý tôn thờ đạo Phật như vậy mà cuối cùng Phật cũng chẳng giúp gì cho

Lại bàn thêm rằng: Năm đó đã đặt xá các loại thuế 3 năm cho thiên hạ; năm thứ 7 lại thuế tờ 3 năm cho thiên hạ; năm thứ 8 lại thuế tờ ruộng cho thiên hạ; năm thứ 9 lại thuế một mùa tờ ruộng cho thiên hạ. <7b> thế mà những việc xây dựng, đánh dẹp thì không năm nào không có, không biết sự chi dung tại sao vẫn thường dù được mà chính sách nhân hậu thuế bù nò vẫn được thi hành? Đại đế chính sách của nhà Lý, lấy việc châm ngòi nông làm giàu cho nước là việc đầu tiên. Vua từ cày cấy và xem xét việc cày cấy làm phép thương cho đời, của cải được tạo ra là gốm tròn nồi, trai hến dưới biển, thuế khoát nhà buôn và thuế sản tiện công, trong 6 thuế thuế chỉ lấy 4 phần thuế 2 phần, vẫn đủ cho việc quản việc nước và việc đón đốc nghề làm ruộng trồng đậu có phong hóa của thời Van Cảnh¹⁾.

Nhà Tống sai sứ sang sách phong cho vua nước ta. Từ thời Dinh Lê tới nay, nhà Tống sai sứ sang ban sắc mệnh, đầu tiên phong cho chức kiểm hiệu thái sư và tiết độ sứ, cùng các tư hiệu công thần, đền chúa quân vương, lên đến chúa nam binh là thời. Đến bấy giờ nhà Tống phong cho vua là Giao Chỉ quân vương, lĩnh chúa Tỉnh Hải quân tiết độ sứ. Ngoài ra đều theo như cũ, về sau noi theo lâm lệ thường.

Đời 10 đao làm 24 lô, đổi Hoàn Châu <8a> Ái Châu làm trại.

Tân Hợi, năm thứ 2 [1011] (Tống Tường Phù năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, đặt quân "tả túc xá" và "hữu túc xá", [mỗi túc] 500 người.

Tháng 2, vua tự đi dẹp giặc Cử Long; Cử Long là giặc Man ở Ái Châu, dựa vào đất hiểm trở, hung hăng tàn bạo. Thời Dinh và thời Lê danh không được, đến bấy giờ càng hung hán hơn, vua tự đem sáu quân đi đánh, đặt bộ lạc và bắt kẻ đầu sỏ đem về, thế là giặc tan.

Mùa hè, tháng 4, sai viên ngoại lang là Lý Nhân Mỵ²⁾ và Đào Khánh Văn sang nước Tống đập lô Khanh Văn nhân đây trốn ở lại nước Tống. Người Tống bắt trả cho nước ta, ta lấy gãy đánh chết.

Năm Ty, năm thứ 3 [1012] (Tống Tường Phù năm thứ 5), sách phong hoàng thái tử là Phật Mã làm Khai Thiên Vương, dựng cung Long Đức ở ngoài thành cho ô, là muốn cho Phật Mã biết mọi việc của dân chúng.

Sứ thần Ngũ Thủ Sí bàn: Đã sách lập làm thái tử, lại phong tước vương, cũng như các bậc vương khác. <8b> không phải là cách trọng cẩn báu của nước và thông nhất quốc thể. Muốn cho biết việc của dân thì nên đặt các bậc sứ phó³⁾ tốt, trình bày sự cày cấy khó khăn, bàn cãi lợi hại nơi thôn xóm, thường xét quan lai ở ngoài, và hỏi rộng tình hình dân chúng, hà tất phải dung cung ở ngoài thành.

1) Văn Cảnh - Túc Văn Đế và Cảnh Đế hai vua thời nhà Hán

2) Lý Nhân Mỵ: DASKEI chép là Lý Nhân Nghĩa

3) Sứ phó: Chức quan day thái tử

như lập nhà phiền dề⁽¹⁾ làm gì? Đến khi vua mất, thái tử còn ở cung ngoại nên bợn trê con Đồng Chinh, Đức Thánh mới nối lên cái long gian tà dòm ngó ngôi vua mà gây nên cuộc đại biến, anh em đánh dấu lán nhau. Nếu không có những vị quan trung dung nhân nghĩa như Phụng Hiếu⁽²⁾ để làm dừng dân dòng họ lớn thuộc về vua Thái Tông lúc ban đầu thì có nghiệp nhà Lý sẽ nguy ngập như treo đầu sợi tóc.

Người làm vua trị nước, nên biết sớm đặt ngôi thái tử, để tập trung sự trông ngóng của dân trong sự luôn luôn theo lời dạy bảo về "sớm viếng khuya hẫu", và định sẵn danh phân giữ quyền cầm quân trị nước, nên một khi có việc cần kíp thì du chiếc áo cứu⁽³⁾ vẫn không rối loạn, chỉ có một tờ giấy⁽⁴⁾ cũng chẳng ai dám làm gì. Đó là đạo giữ nước được lâu đời đấy.

<9a> Mùa thu, tháng 7, vua ngự điện Hàm Nguyên⁽⁵⁾ xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái bảo Đào Thạc Phụ và Viên ngoại lang Ngô Nhuưỡng sang nước Tống để kết hoà hiếu.

Nước Chân Lạp đến cổng (nước Chân Lạp ở phía nam nước Chiêm Thành, cách quận Nhật Nam đi bằng thuyền 60 ngày mới đến. Cách đặt huyện, trấn và phong tục của nước Chân Lạp cũng giống như nước Chiêm Thành. Tục của nước đó hướng đông là trên, tay phải là tay sach⁽⁶⁾. Sau đời Thần Nghiêу nhà Đường chia làm hai, nửa nước phía bắc nhiều núi đồi gọi là Lục Chân Lạp, nửa nước phía nam sát biển nhiều đầm hồ gọi là Thuỷ Chân Lạp. Đất của Thuỷ Chân Lạp là 800 dặm. Vua ở thành Bà La Đề Bat. Đất của Lục Chân Lạp là 700 dặm, quốc hiệu là Ha Khuất).

Vua tự đi đánh Diên Châu, khi về đến Vũng Biên⁽⁷⁾ gặp lúc trời đất tối sầm, gió mưa dữ dội. Vua dốt hương khấn trời rằng: "Tôi là kẻ ít đức, lạm ở trên nhân dân, nơm nớp lo sợ, như sáp sa xuống vực sâu, không dám cậy quân mạnh mà đi đánh dẹp cản bầy, chỉ vì người Diên Châu⁽⁸⁾ không tuân theo giáo hoá, làm bùa bái những điều ngu tối bạo ngược, tàn hại nhân dân, tội ác chồng chất, không thể không đánh. Còn như trong khi giao tranh, hoặc có kẻ trung hiếu bi giết oan, hoặc có người hiền lương bị giết nhầm, đến

1. Phiền dề: Nhà riêng của các con vua nhưng không phải là thái tử.

2. Phụng Hiếu: Người làng Bằng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Ông là người có sức khoẻ, được Lý Thái Tổ vời ra làm tướng.

3. Chỉ chờ chiếc áo cứu: Khi vua chết chưa có con trai mà vợ đang chửa thì tạm đặt chiếc áo cứu của vua lên ngực vú cho các quan chầu.

4. Tức tờ di chúc.

5. Điện Hàm Nguyên: DVS KTT chép là Hàm Quang.

6. Tay Phải là tay sach: Trước kia người ta quan niệm tay phải bẩn vì tiếp xúc với nhiều vật. Do đó khi lấy số, tính can chi v.v... đều xem ở tay trái. Tục của người Chân Lạp thì ngược lại.

7. Vũng Biên: Tục Cửa Biên ở địa phận huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

8. Diên Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

nỗi trời phài nỗi giận. <9b> để néu tội lỗi, dù gặp tổn hại cũng không ân hận gì, còn về sau quân thù tội còn có thể tha thứ, xin lòng trời soi xét". Vua vừa khán xong thì gió sấm đều yên lặng.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Vua Thang gặp hạn hán, lấy 6 việc ⁽¹⁾ tu trách mình thì mưa xuống ngay. Nay vua gặp tai biến động tố, lấy việc đánh dẹp tu trách mình, thì gió lặng ngay. Cái cơ cảm ứng giữa trời và người, ánh hưởng rất chóng, ai bảo là trong vùng thâm thảm không hàng ngày giám sát ta mà dám dội trời sao!*

Quý Sửu, năm thứ 4 [1013] (Tổng Tường Phù năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, định lệ các thuế khoá trong thiên ha:

1. Đàm ao ruộng đất.
2. Tiền và thóc về bai dâu.
3. Sản vật các núi non, đồng bằng và phiên trấn.
4. Các quan ái xét hỏi về mắm muối.
5. Các loại sừng tê, ngà voi và hương liệu của người Man Liêu.
6. Các thứ gỗ và hoa quả ở đầu nguồn.

Bấy giờ trong tầu ngựa có con ngựa bạch, khi xe vua sắp đi thì nó hí lên trước, vua sai đặt tên là Bạch Long thần mã.

<10a> Mùa hạ, tháng 6, phong Hoàng tử Đam ⁽²⁾ là Khai Quốc Vương, ở phủ Trường An.

Mùa đông, tháng 10, vua đi đánh châu Vị Long ⁽³⁾. Trước đó người Man đi qua Cột Đông đến bến Kim Hoa ⁽⁴⁾ và châu Vị Long để buôn bán, vua sai người bắt được hơn vạn con ngựa, đến bấy giờ châu Vị Long làm phản theo người Man. Vua tự đi đánh, tên cầm đầu là Hà Trác Tuấn trốn mất.

Vua cho các vương hầu công chúa các thứ thuế nơi cai quản theo thứ bậc khác nhau.

1. Sáu việc nhà Thành Thang nêu ra để xét mình là:

- Chính sự không có chừng mức chăng?
- Dân chung không có nghề nghiệp làm ăn chăng?
- Cung thái độ quá chăng?
- Say đắm sắc đẹp quá nhiều chăng?
- Cơ tệ hối lộ và dân bị oan nhiều chăng?
- Hay nghe lời nịnh hót làm mất hết công bằng chăng?

2. Hoàng tử Đam: DVS KTT và CM chép là Hoàng tử Bồ

3. Vị Long: Tên châu, nay là đất châu Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang.

4. Bến Kim Hoa: Theo DVS KTT thi có lẽ là ở khoảng Nước Hai hay Mục Mã tỉnh Cao Bằng.

Giáp Dần, năm thứ 5 (Tống Tường Phù năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, tướng Man là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chi đem 20 vạn người Man vào cướp phá, đóng đồn ở bến Kim Hoa, bố trí quân doanh gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm⁽¹⁾ là Hoàng Tư Vinh đem việc ấy tâu lên. Vua sai Đức Thành Vương đưa quân đi đánh, chém đầu giặc kể hàng vạn, bắt sống được quân lính và ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Vua ban chiếu cho viên ngoại lang là Phùng Chân và Lý Thac sang nước Tống báo tin thắng trận, và đem biểu một trăm con ngựa man. Vua Tống ban chiếu cho nơi sở tại đưa sứ nước ta đến <10b> cửa khuyết, cung cấp đầy đủ. Khi đến nơi, vua Tống cho vời các ông Phùng Chân vào yết kiến ở điện Sùng Đức, ban cho mũ dai lụa và theo thứ bậc khác nhau (Xét thấy giặc Man lúc đó, nghỉ là Man Nam Chiếu, Nam Chiếu từ khi bị Cao Biền đánh thua, không quay nhiều nước ta nữa. Đến bây giờ lại bị nhà Lý đánh bại, không còn dám ho he gì nữa.)

Mùa hạ, tháng 4, Hoan Châu⁽²⁾ dâng kỳ lân⁽³⁾.

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: *Phượng hoàng, kỳ lân vì người ta không thường thấy, nên cho là diêm lành. Xét ra, người ta đã không thường thấy thì con chim có màu sắc, con thú có sừng kỳ dị, há không thể gọi là con phượng con lân được sao? Nhà Lý thường đưa con thú lạ biếu nước Tống và nói là con "lân" bị Tư Mã Quang khước từ thì con thú mà Châu Hoan đem dâng lúc đó, biết đâu không phải là con vật ấy? Lê Văn Hưu rất tin diêm lành, thấy sự việc ghi trong lịch ngày của thời doi trước là ghi chép vào, như việc sư chùa Thái Bình hiến hòn dựng xá lì cũng ghi chép vào sử sách. Thế mà điện chương pháp độ <11a> của một thời đại thì lại không ghi rõ ràng là không dung phép viết sử. Cho nên, từ đó về sau, phần sử cũ chép là "dâng kỳ lân" hoặc "con thú lạ", đều bỏ không ghi chép.*

Mùa đông, tháng 10, dập thành đất 4 mặt ở kinh đô Thang Long. Đổi phủ Ứng Thiên⁽⁴⁾ làm Nam Kinh.

Ất Mão, năm thứ 6 [1015] (Tống Tường Phù năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, cho Trịnh Van Tú làm thiếu sư.

Dào Cam Mộc mất, tặng Thái sư Á Vương. Ban chiếu cho Đức Thành Vương và Vũ Đức Vương đi đánh các châu Đô Kim⁽⁵⁾, Vị Long, Thường Tân⁽⁶⁾, Bình Nguyên⁽⁷⁾ bắt được thủ lĩnh là Hà Trắc Tuấn đem về kinh sư, bêu đầu ở chợ Đông.

1. Châu Bình Lâm: Nay thuộc huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.

2. Hoan Châu: Nay là Nghè An, Hà Tĩnh.

3. Kỳ lân là loài vật truyền thuyết.

4. Ứng Thiên: Tên phủ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

5. Đô Kim: Nay là đất thuộc huyện Ham Yên, tỉnh Tuyên Quang.

6. Thường Tân: Chưa khảo được.

7. Bình Nguyên: Nay là huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Bình Thìn, năm thứ 7 [1016] (Tống Tường Phù năm thứ 9), mùa xuân, tháng 3, lại lập 3 hoàng hậu (gọi là Tá Quốc Hoàng hậu, Lập Nguyên Hoàng hậu, Lập Giáo Hoàng hậu).

Sứ thần Ngô Thị Sí hàn: Lý Thái Tổ năm mới lên ngôi đã lập 6 hoàng hậu, đến khi ấy lại lập 3 hoàng hậu <11b>, tất cả là 9 hoàng hậu, nếu không phải thế thì bỏ các hoàng hậu trước mà lại lập các hoàng hậu này, tự ý làm càn, không theo diển lệ, so với nhà Đinh nhà Lê, sự lạm lỗi lại càng quá lạm, người gây dựng kỵ cương mà cát đặt như vậy, thì con cháu còn bắt chước vào đâu!

Dòng đất.

Làm lễ tế vong các núi có tiếng (vua nhân đi xem xét núi sông, đến bến đò Cổ Pháp⁽¹⁾, thấy nước sông trong suối, tâm thần cảm động, mới lấy rượu rót xuống đất mà khấn rằng: "Trẫm xem địa phương này núi là sông đẹp, nếu có bậc nhân kiệt hiển linh thì nhận lấy lễ này". Đêm vua chiêm bao thấy có người kỳ dị tự xưng là người làng này, họ Lý tên là Phục Man, làm tướng giúp Nam Đế, nổi tiếng là trung liệt, nên được giao cho trông coi 2 dải sông núi Đỗ Động và Đường Lâm, bọn Di Lão không dám xâm phạm biên giới, một phương yên ổn. Đến khi mất, thượng đế khen là người trung, ban sắc cho giữ chức như cũ, phàm giặc Man di đến cướp phá đều có sự che chở". Người đó lại ung dung nói tiếp: "Thiên hạ gặp lúc tối tăm, trung thân dấu họ tên. Giữa trời gươm nhát nguyệt ai chẳng thấy hình dung". Khi vua thức dậy, đêm việc đó nói với Ngự sử đại phu Lương Nhâm Văn rằng: " Đó là ý thần muôn tạc tượng". Vua sai bói xin quẻ âm dương được quẻ tốt. Bèn sai người trong chầu lập đèn đáp tượng thờ cúng. Khoảng năm Nguyên Phong nhà Trần, người Thát Dát⁽²⁾ vào cướp phá, đến cõi chầu ấy ngựa khuya chân xuống không đi được, người thôn ấy đem nhau chống cự, bọn giặc tan, sau đến năm Trùng Hưng người Thát Dát lại vào cướp phá, đến đâu cũng đốt phá, duy ấp ấy như có người chống đỡ, bọn giặc không dám xâm phạm, đúng như lời thần nói).

Nhà Tống cho sứ sang sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương).

Năm ấy được mùa to <12a>, 30 lượm lúa trị giá 70 đồng tiền.

Bò tó thuế 3 năm cho thiên hạ.

Dinh Ty năm thứ 8 [1017] (Tống Thiên Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, cho Trần Văn Tú làm thái phó Ban chiếu tha tô ruộng cho thiên hạ.

Điện Càn Nguyên bị sét đánh, vua coi chầu ở điện phía đông.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 [1018] (Tống Thiên Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, mới phong bà nội là hậu và đặt Thụy hiệu.

1. Cổ Pháp DVS KTT chép là Cổ Sở

2. Thát Dát: Tức người Mông Cổ.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Vua đến bấy giờ mới truy phong bà nội, là lỗi và chậm trễ đây.

Mùa đông, tháng 10, phong Hoàng tử Lực làm Đông Chinh Vương.

Tha một nửa tó ruộng cho thiên hạ.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 [1019] (Tống Thiên Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2,⁽¹⁾ bắt đầu dựng lăng Thiên Đức⁽²⁾ và Thái miếu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Lý Thái Tổ lên ngôi đến bấy giờ đã 10 năm, mới lập nhà thờ tổ tiên <12b> ở quê hương, còn nơi thái miếu ở kinh thành sủ không thấy chép. Đại để cái ý thờ tổ tiên để báo đáp cội nguồn chưa tránh khỏi cái lỗi thờ chậm trễ. Cho nên theo sủ mà chép rõ là bắt đầu dựng lăng Thiên Đức và thái miếu để thấy được nghĩa ấy, và cũng giống cách chép: "Mậu Ngọ, năm thứ 9, truy tôn bà nội".

Canh Thìn, năm thứ 11 [1020] (Tống Thiên Hy năm thứ 4), mùa đông, tháng 10⁽³⁾ sai Khai Thiên Vương và Đào Thạc Phụ cầm quân đi đánh Chiêm Thành, quan quân đánh nhau với người Chiêm ở trại Bố Chính đuổi đến núi Long Ty⁽⁴⁾, tướng Chiêm Thành là Bố Linh thua trận bị chém, người Chiêm Thành chết quá nửa.

Năm ấy, điện phía đông bị sét đánh, vua coi châu ở điện phía tây⁽⁵⁾. Khởi công dựng ba điện: điện đằng trước để coi châu, hai điện đằng sau để nghe chính sự.

Tân Dậu, năm thứ 12 [1021] (Tống Thiên Hy năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thành (lấy <13a> tre kết làm một ngọn núi Vạn Tho Nam Sơn ở ngoài cửa Quảng Phúc⁽⁶⁾, trên núi làm nhiều hình chim bay thú chạy muôn vẻ kỳ quái; lại sai người bắt chước tiếng cầm thú để múa vui, ban yến tiệc cho các bè tôi).

Nhâm Tuất [1022] năm thứ 13 (Tống Càn Hưng năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, bỏ trò chơi kết tre làm núi; vua thấy tiết Thiên Thành làm núi giả khó nhạc cho dân, nên bãi bỏ, chỉ đặt yến lễ mà thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Trò chơi lấy tre làm núi là cách vui chơi gì? Có lẽ lấy cái ý chúc thọ như Nam Sơn, cho nên làm vào ngày sinh nhật của vua. Xét ra chúc thọ thì có thể được nhưng hà tất phải làm núi giả ấy, mà lại làm ra cho nhạc súc dân? Lê Đại Hành làm thửa trước, các triều làm theo sau đến bấy giờ trở thành

1. Tháng 2: DVSKTT chép là tháng 1.

2. Lăng Thiên Đức có thể là lăng Ly Bát Đế ở làng Định Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh chăng?

3. DVSKTT chép là mùa đông tháng 12.

4. Núi Long Ty: Ở xã Thuần Chất huyện Bình Chánh, nay là huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Điện phía tây: Tức điện Giảng Võ.

6. Cửa Quảng Phúc: Cửa phía tây thành Thăng Long.

lệ thường. Vua Lý Thái Tổ một khi biết là khổ dân vô ích, liền bỏ việc ấy! Nên chép vào sử để ngợi khen, về sau Lý Thái Tông nối ngôi. Ngày sinh nhật lại làm nút giả như cũ. Chẳng lẽ cho việc làm đó của Lý Thái Tổ không đáng bắt chước hay sao? Thê thi nổi ngoài giữ nghiệp ở chỗ nào?

<13b> Ban chiếu cho Dực Thánh Vương đi đánh bộ lạc ở Đại Nguyên Lịch. Quân ta di sâu vào trại Như Hồng đất Tông đốt kho vừa rồi về (xét thấy châu Như Hồng nước Tông giáp với trấn Triệu Dương nước ta. Đại Nguyên Lịch có lẽ là loại người Di ở vào giữa hai dãy ấy. Về sau, Nùng Trí Cao làm phản, chiếm cứ châu Dảng Do⁽¹⁾ gọi là nước Đại Lịch ngờ là chỗ dãy ấy).

Quý Hợi năm thứ 14 [1023] (Tống Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, đổi trấn Triệu Dương làm châu Vinh Yên.

Giáp Ty năm thứ 15 [1024] (Tống Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ 2), mùa xuân, ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh Phong Châu. Khai Quốc Vương đi đánh châu Do Kim

Sửa sang kinh thành Thành Long.

Mùa thu, tháng 7, xây dựng chùa Chân Giáo ở trong thành để tiên việc vua đến xem tung kinh.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Từ năm Thuận Thiên thứ 2 trở về sau, việc xây dựng chùa đều không chép vào sử <14a>, lần này làm sao lại chép vào sử? Thái Tổ xây dựng chùa này để tiện tụng kinh. Huệ Tông nhân có chùa này để tiện đi tu. Thái Tổ tung kinh ở đó là nơi cúng Phật sáng sủa; Huệ Tông đi tu ở đây là một thế giới phồn náo. Truyền có câu rằng: nhà vua khi bắt đầu làm việc ở đây thì khi mất nước cũng ở chỗ ấy cho nên chép ra để làm rõ.

Ất Sửu năm thứ 16 [1025] (Tống Thiên Thánh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, ban chiếu lập trại Dinh Phiên ở phía nam Hoan Châu, cho quân giáp là Lý Thai Giai làm chủ trại

Mùa thu, tháng 8, quy định lính theo từng giáp, mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quân giáp. Lại định các hạng quân giáp, lại đổi chức hoả đầu⁽²⁾ làm chính thủ; chỉ con hát mới gọi là quân giáp (khi ấy có con hát là người họ Đào, giỏi nghề hát nổi tiếng thường được ban thưởng, người bấy giờ hâm mộ tiếng tăm của người họ Đào ấy, cho nên phàm con hát đều gọi là cô Đào).

Sư Vạn Hanh chết (sư Vạn Hanh là người hay làm thơ, thường có bài đọc cho đệ tử rằng:

*Thân như diện ảnh hữu hoàn vô,
Van mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhâm vận thịnh suy vô bố uý,
Thịnh suy như lợ thảo dẫu phô.*

1. Châu Dảng Do: C梅b 2 chép là Thành Do.

2. Hoả đầu là chức đội trưởng thời Lê.

(Thân như ánh chớp có như không,
Muôn cây xuân tốt thu héo khô.
Mặc vạn thịnh suy không sợ hãi,
Vạn thịnh suy cũng như hạt sương trên ngọn cỏ).

Sư không ốm mà chết, người bấy giờ gọi là hoá thân. <14b> vua nghe tin cáo phó, thân hành đến chùa Lục Tổ viếng và an ủi, lập đàn siêu độ⁽¹⁾ cấp dân hộ làm người coi chùa, mỗi năm hai người).

Sứ thần Ngộ Sí Liên bàn: Sư Vạn Hạnh mới trông thấy Lý Thái Tổ, biết là người phi thường; đến khi thấy dấu chữ sét đánh thi biết sự chuyển biến của thời vận, thế là trí thức hơn người thường. Nhưng quyết tinh mènh, bỏ nhân luân, chán trần tục, nương đạo Phật để cho trong sạch một mình, người quân tử không khen những điều ấy.

Sứ thần Ngộ Thủ Sí bàn: Sư Vạn Hạnh có chí khi hon dời, ôm tài lược phò tá nghiệp vương; kiến thức hon hàn moi người, tính toán, biết trước sự việc, cũng là tay lôi lạc trong giới thiền, nhưng hay tìm điều bí ẩn để làm việc quái đản, chí tu ve pháp thuật mà không tu ve dao đức. Khi thò vua Lê Đại Hành thường dùng phép bói để đoán việc hành quân, thắng hay bại, nói nhiều điều rất đúng, đến khi biết nhà Lý sắp dây lên, đặt ra câu sấm, giả làm chữ sét đánh để thần kỳ hoá cái thuật của mình. Dù lời nói có ngẫu nhiên phù hợp với du đoán hoặc <15a> có điều trùng thi không phải là điều người tu đạo cho là quý. Và cũng không phải là điều người tri dời ưa chuông; thuyết đó lưu truyền, bọn bất mãn, nhân đó phụ họa thêm, xướng lên những thuyết mê tín hoặc để gieo tai họa cho thiên hạ và dời sau cai dâu mối của ác nghiệp. Nhà Phật nói là: "Hết thảy đều do tâm người ta tạo nên". Vạn Hạnh phạm vào điều ấy dầu tiên dây. Sứ cũ chép "chết" là đáng làm.

Bính Dần năm thứ 17 [1026] (Tống Thiên Thánh năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu làm ngọc diệp⁽²⁾

Mùa đông, tháng 10⁽³⁾, ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh giặc ở Diễn Châu

Dinh Mão năm thứ 18 [1027] (Tống Thiên Thánh năm thứ 5), mùa hè, tháng 6, han

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh châu Thất Nguyên⁽⁴⁾ Đông Chinh Vương đi đánh Văn Châu⁽⁵⁾.

Mậu Thìn, năm thứ 19 [1028] (Từ tháng 3 về sau là Thái Tông Thiên Thánh năm thứ 1; Tống Thiên Thánh năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2 vua không khoé. Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực, ngày hôm sau vua mất ở điện Long An Hoàng thái tử Phật Mã lên ngôi <15b> trước linh cữu, đại xá. Trước đây, vua bệnh rất nguy, bèn tай đến

1. Lập đàn siêu độ: Tức lập đàn cầu cho vong linh thoát khỏi nỗi khổ.

2. Ngọc diệp: Tức phà hè của nhà vua.

3. Tháng 10: DVSKTT chép là tháng 11.

4. Châu Thất Nguyên: Nay là miến đất Trảng Định tỉnh Lang Sơn.

5. Châu Văn: Nay thuộc tỉnh Lang Sơn.

cung Long Đức xin thái tử tuân chiêu lên ngôi. Ba Vương là Đông Chinh, Dực Thánh, Vũ Đức nghe tin, đều đem quân vào cấm thành, chia ra phục ở trong Long Thành và cửa Quảng Phúc, đợi thái tử đến thi đánh úp. Được một lúc, thái tử từ cửa Tường Phù đi vào, đến điện Càn Nguyên, biết có sự biến, sai quan hoan đóng các cửa điện và sai các vệ sĩ trong cung phòng giữ, nhẫn đố nói với người xung quanh rằng: "Ta đối với anh em không phu bắc chút nào, nay ba vương làm việc bất nghĩa, quên di mệnh của tiên đế, muôn chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào? Nói thì là Lý Nhân Nghĩa nói: "Anh em với nhau thì bên trong có thể cùng nhau bàn bạc, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản thì là anh em hay là thù địch? Xin cho bọn tôi đánh một trận để quyết được thua". Thái tử nói: "Ta xấu hổ là tiên đế mất chưa quản, mà máu mủ tần hai lẫn nhau, để cho muôn đời chê cười". Nhân Nghĩa nói: "Tôi nghe <16a> rằng: mưu việc lớn thì bỏ công nhỏ, giữ dao công thì đứt tình riêng. Vì thế mà Đường Thái Tông, Chu Công Dán phải làm những việc bất đắc dĩ¹. Nay Điện hạ cho Đường Thái, Chu Công là mưu việc xa, giữ đạo công chẳng? Hay là tham công nhỏ, đánh tình riêng chẳng? Điện hạ biết theo việc cũ của Đường Thái, Chu Công thì người đời sau ca tụng công đức còn chưa rõ, còn rõ đâu mà chê cười!" Nhân Nghĩa lại nói: "Tiên đế cho Điện hạ là người về đức có thể nói được chí, về tài có thể làm nổi việc, cho nên lấy thiên hạ phó thác cho Điện hạ, nay giặc đến sát cửa cung mà im lặng nhẫn耐 như thế, vậy thì đối với sự phó thác của tiên đế ra sao?" Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và các quan trong cung là Dương Bình, Quách Thịnh, Lý Huyền Sư, Lê Phụng Hiểu rằng: "Ta chẳng lẽ lại không biết Đường Thái, Chu Công làm như thế sao? Vì ta muốn che dấu tội ác của họ cho tự ý rút quân, để được trọn tình nghĩa máu mủ của ta là hơn thôi".

Khi ấy phủ binh của ba vương đánh càng gấp, Thái tử liệu không thể ngăn được, nói rằng: "Thế đã đến như vậy, thì ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương nữa, ta chỉ biết làm lễ thành phục đến hầu Tiên Đế, ngoài ra đều ủy thác cho các khanh cả". Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy nói: "Chết về hoạn nạn của nhà vua là chức phận của bọn tôi, nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa". Bên sai vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông vào nơi hoạn nạn, đều cố sức một người đánh trảm người. Khi đã tiếp chiến, hai bên còn cầm cự. Phụng Hiểu tức giận rút kiếm chạy thẳng đến cửa Quảng Phúc thét to lên rằng: "Bọn Vũ Đức Vương nhòm ngó ngôi báu, khinh miệt vua nối ngôi, trên thi quen ơn Tiên đế, dưới thi trái nghĩa tôi con, về việc này Phụng Hiểu tôi chỉ dùng gươm thôi". Nói đoạn xông thẳng vào ngựa Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa tránh, ngựa quy xuong, bị Phụng Hiểu bắt giết. Quân của ba vương thua chạy, quan quân đuổi chém không sót người nào, chỉ còn hai vương Đông Chinh và Dực Thánh thoát được. Phụng Hiểu trở về báo tin thắng trận trước linh cữu Thái Tổ, rồi đến điện Càn Nguyên báo cho Thái tử <17a> biết. Thái tử cầm tay Phụng Hiểu mà yên ủi rằng: "Ta sở dĩ được gánh vác cơ nghiệp to lớn của tiên đế, toàn vẹn được thân thể của cha mẹ để lại, là nhờ sức của các khanh. Ta thường xem sử nhà Đường có Uất Trì, Kính Đức cứu nan nhà vua² tự nghĩ người bê tôi đời sau không ai sánh kịp. Ngày nay gặp biến, mới biết Phụng Hiểu

¹ Tức việc Chu Công Dán và Đường Thái Tông giết em.

² Kính Đức phi ngựa đâm chết Hùng Tin khi Hùng Tin định đâm vua Đường Thái Tông.

trung dung hơn Kinh Đức nhiều". Phung Hiểu lạy ta hai lạy rồi nói: "Đức của Điện hạ cảm động cả trời đất, kẻ nào dám manh tâm mưu toan gì khác, thì trời đất thần linh đều làm hết chức phận của mình mà giết đi, bọn tôi có công gì đâu!". Ngày hôm đó, hai vương là Đông Chinh, Đức Thánh đến cửa khuyết chịu tội. Vua ban chiếu tha tội và cho giữ tước cũ. (Phung Hiểu người làng Bằng Sơn, thuộc Ái Châu, lúc trẻ tuổi khoẻ mạnh, hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, đem khi giới đánh nhau. Phung Hiểu bảo người thôn Cổ Bi rằng: "Một mình tôi có thể đánh được bọn họ". Các vị phụ lão mừng lắm, làm cơm rượu thết đãi. Phung Hiểu ăn một bữa vài đấu gạo uống rượu cũng quá mức, thế rồi đến khiêu chiến với thôn Đàm Xá. Ông rướn mình nhổ cây lên đánh, làm bị thương nhiều người. Thôn Đàm Xá sợ quá phải trả lại ruộng đất cho thôn Cổ Bi. Thái Tổ nghe tiếng ông, bèn dùng làm tướng, thăng làm Vũ vệ tướng quân. Đến khi có công dẹp nạn, cho làm Đô thống thương tướng quân, phong tước hâu. Trong năm Thiên Càn Thánh Vũ, theo Thái Tông đi đánh Phương Nam, làm tiên phong, phá tan quân giặc, uy danh chấn động nước láng giềng, khi thắng trận về, định công <17b> Phung Hiểu nói: "Tôi không thích thường tước, chỉ xin đứng trên núi Bằng Sơn mà ném con đại dao thật xa, xem cây dao rơi xuống chỗ nào, thì ban chỗ đó cho tôi làm sản nghiệp". Vua nghe theo, Phung Hiểu lên núi cầm dao ném một cái, xa hơn mười dặm, dao rơi xuống làng Da Mi, vua lấy đất ấy ban cho và tha thóc thuế cho ruộng ném dao ấy. Vì vậy ở Ái Châu thường công thường gọi là ném dao. Bằng Sơn nay là xã Dương Sơn huyện Hoàng Hoá).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Nhà Lý phong cho con đích đều là vương, con thứ đều là hoàng tử, mà không đặt ngôi hoàng thái tử. Đến khi nào vua ốm nặng, mới chọn một người trong các con để nối nghiệp lớn, lưu truyền thành tục, không biết là ý thế nào. Có người nói: Nhà Lý không đặt thái tử trước, là vì muốn cho các con đều chăm làm điều thiện. Nếu ngôi thái tử đã định thì phận vua tôi đã sẵn rồi dù có người con nào tốt như Vị Tử⁽¹⁾ thì sẽ xử trí ra sao? Xin trả lời rằng: cần bàn thiên hạ đã định rồi, mà còn có cái hoạ như Dương Quang⁽²⁾ giả dối để cướp ngôi con đích, huống chi ngôi thái tử không lập trước, đến khi với vàng mới muốn chọn lập, không may có việc như ba phu nhân nài ép xin lập vua nối ngôi, Từ Văn Thông múa bút làm tờ di chiếu, thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa. <18a> Người làm vua nên lấy dó làm rắn.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Cùng lòng cùng đức, thì sự nghiệp tất phải thành; có vua có tôi, thì gian nan đều vượt được. Thái Tông đang lúc đau xót, biến loạn sinh ngay kẽ nách, mà vua tôi xử trí, gãy gọn phải lê, vượt được gian hiểm tôn miếu nhờ đó được yên lành, nếu không phải vua tôi gặp nhau cùng lòng cùng đức mà được như thế ư? Xem sử chép thì lòng xúc cảm chân thành của Thái Tông nói ra câu: "Ruột thịt máu mủ đánh giết nhau" lòng nhân nghĩa trung thành phản uất tố rõ ở chỗ dẫn ra việc Đường Thái, Chu Công; lòng nghĩa dung hàng hái của Phung

1. Vị Tử: Em của vua Trụ thời nhà Thương, Trung Quốc.

2. Dương Quang: Con thứ của Tuỳ Văn Đế, rất già dối, lây lồng cha, để được làm vua; khi thấy cha có ý hỏi về việc truyền ngôi cho mình thì giết cha để lên ngôi.

Hiệu tò rõ ra ở lục nhảy ngựa dâng gươm. Đến khi xong việc, vua tôi không có một chút gì là kiêu ngạo khoang, cố nhiên là không có gì dâng chê được. Còn như việc chưa qua nam dâng đổi niên hiệu thì không thể không bàn đến. Theo phép Kinh Xuân thi thi vua cũ mất, vua mới lên ngôi ngay khi bắt đầu phát tang, qua năm ấy rồi mới đổi niên hiệu. <18b> Chép việc lên ngôi là theo nghĩa chung thuỷ, một năm không thể co hai vua được, là theo lòng thắn dân, không thể để một năm không có vua, thế là đúng lẽ. Thái Tông lại mạo nhận năm của vua trước mà đặt niên hiệu là nghĩa thế nào? Phàm năm này qua năm khác là sự chuyển vận của trời, người làm vua theo phép trời, theo sự vận hành của Can Chi mà chép năm ở ngôi dài hay ngắn, từ xưa đã thế rồi. Thái Tông tinh thông về lẽ, nhạc thư số không khảo sát điểm ấy lại làm rối lên để cho đời sau noi theo việc cũ, nỗi gót mà làm, lời đó rất lớn.

Sử thân Ngô Thì Sĩ bàn: Lý Thái Tổ ở vào cuối đời hỗn loạn, giữ quân cấm về nhân văn nước mà thay đổi mệnh trời, chỉ chốc lát thì việc được ổn định, bần thần tung trời sự đời, rát cảnh giác bèn giao quyền đưa quân đội di đánh dẹp cho con em. Tuy dâng lấp thái tử, nhưng vẫn gọi là vương và cũng cầm quân di đánh giặc như các con khác; nước xa như Chiêm Thành, giặc nhỏ như giặc Man ở Thất Nguyên <19a> đều sai thái tử điêu khiển quân mã, tự đến nai chiến trận. Có lẽ vua không muốn để các tướng được giữ bình quyền, các vương riêng lập chiến công, làm cho uy lệnh của thái tử tự mình tạo ra, các tướng sĩ tin tưởng, công lao sự nghiệp rõ ràng trước tai mắt mọi người, để ngăn ngừa sự trong ngóng khác của thắn dân. Thái Tông được thán trao cho ý tinh vi, noi mà làm theo, nên tuy bọn hung dồ Đông Chinh, Đức Thánh cầm dao đâm quàng cũng không hối hận. Khi lệnh ra cho các vương làm đồ thống nguyên soái, riêng thái tử cho thêm chữ "Đại" [đại đồ thống đại nguyên soái]. Những việc lớn thì át sai thái tử xét đoán; vua di đánh dẹp thì thường ủy quyền cho thái tử ở lại giữ nước. Vậy thì các vương khác làm sao mà sanh ngang hàng được, thế là ngôi thái tử dâng định, há phải đợi đến khi gấp rút rồi mới chọn người lập thái tử dâu. Riêng việc dâng là thái tử mà lại phong vương là việc không học theo đời xưa. Chính sự mà không làm cho dung dân danh nghĩa, lời đó không thể che dấu được, đó là khuôn phép gia truyền của Thái Tổ, Thái Tông. Các triều vè sau đều vì thái tử còn nhỏ tuổi, nên những mệnh lệnh sai di đánh dẹp và xử kiện thì im lặng không hề nghe thấy, còn như trong khi bệnh vua trầm trọng mà có âm mưu bô người này lập người khác, là do Thần Tông ngu tối nên bọn thiếp nuông chiều và bê tai gian nịnh mới đạt được âm mưu của họ đấy. Lê Văn Hưu cho là Nhã ý không đặt ngôi thái tử, đến khi nào vua ốm nặng mới chọn một người trong các con lên nối nghiệp lớn dâng là sai lầm, thế mà lại lấy ý riêng của mình để phòng đoán, nói muốn để các con có gắng làm điều thiện, sao mà ý nghĩ lại nóng can đến thế? Hoặc có người nói rằng: Thái Tông dâng với Phụng Càn hình như có ý đó. Xin trả lời rằng: Phụng Càn là ngẫu nhiên được ủy thác ở lại giữ nước mà thôi, dâu có ý khác. Hướng hổ Thái Tông đã trải qua cảnh đó, lẽ nào lại khơi ra cái dâu mới cướp ngôi con địch hay sao?

Tôn mẹ là Lê thi làm Linh Hiến thái hậu. Các bầy tôi dâng tôn hiệu vua là Khai

thiên thông vận tôn đạo quý đức thánh vân quang vũ sùng nhân thương thiên chinh lý dân an thần phù long hiên thể nguyên ngự cực ức tuế công cao, ứng chân bão lịch, thông huyên chí áo hưng long <20a> đai định thông minh từ hiếu Hoàng đế. Ban chiếu lấy lúa ở kho lớn để ban cho thiên hạ. Ban chiếu lập miếu thờ thần núi Đồng Cố ở trong kinh thành. Trước đây trước một ngày các vương Đông Chinh, Đức Thánh nổi loạn, vua chiêm bao thấy người thần tự xưng là thần núi Đồng Cố nói với vua rằng: "Các vương Đông Chinh, Đức Thánh sắp nổi loạn đấy, nên nhanh chóng diêu quân đánh dẹp". Rút cục, do có sự phỏng bị nên dẹp yên được loạn. Đến bấy giờ vua phong cho thần tước vương, sai hữu ty dựng miếu sau chùa Thánh Thọ bên phải thành Đại La, làm lễ ăn thê lập đàn ở trong miếu và đọc lời thề trước thần rằng: "Ai làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung thì xin thần giết chết". Các quan từ cửa đông đi vào cùng nhau uống máu ăn thê. Bắt đầu ngày 25 tháng ấy về sau, đặt làm lệ thường hàng năm.

Mùa hạ, tháng 4, vua tư di đánh phủ Trường An¹. Trước đây Khai Quốc Vương được phong ở Trường An, cây núi sông hiểm trở kiên cố bền tụ tập những kẻ vong mang làm giặc cướp bóc. Dân mọn bị khổ sở, người xung quanh không ai dám nói gì. Lý Thái Tổ không hề biết, nên chúng càng cảng tha hồ hung ác. <20b> Khi Lý Thái Tổ mất, Vũ Đức Vương bị giết, [Khai Quốc Vương] ý càng bất bình, bèn đem quân trong phủ mình làm phản, vua tự cầm quân đi đánh, giao cho quan Thị nội Lý Nhán Nghĩa ở lại giữ kinh đô. Ngày Nhâm Thân, đến Trường An. Ngày ấy Khai Quốc Vương hàng, vua hạ lệnh rằng: kẻ nào dám cướp bóc tiền của dân thì chém. Quân sĩ đều nghiêm túc, không dám xâm phạm mảy may. Đại quân tiến vào thành Trường An, dân trong thành đứng dâng trâu rượu đầy đường. Vua sai sứ đọc dụ chỉ yên ủi, cả thành đều rất thoả lòng. Ban chiếu đưa Khai Quốc Vương và các liêu thuộc về kinh đô Thăng Long. Vua từ Trường An về, ban chiếu tha tội cho Khai Quốc Vương và khôi phục lại tước vương.

Các bệ tôi tâu lên rằng: "Thái tử là gốc của thiên hạ, gốc vững thì thiên hạ yên, xin bệ hạ sớm chọn lập người con hiền tài chính vị hiệu thái tử để yên lòng mong mỏi của thần dân. Vua nghe theo, phong cho Hoàng tử là Nhật Tông làm thái tử, ở Đông Cung.

Tháng 11, phong cho cha của Hoàng hậu trước là Hồ làm An quốc thương tướng; cha của Vương Hoàng hậu là Đỗ làm Phụ quốc thương tướng, cha của Đinh Hoàng hậu là Ngô Thượng <21a> là Khương quốc thương tướng.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Thần thích của hoàng hậu được quý hiến, dai trước đã từng có, tuy là vì thân thích, nhưng cũng vì là có tài dãy. Bon Hồ quả là người có tài chàng? thì không cứ là cha hoàng hậu mà dùng cũng được; nếu không có tài chàng? ban cho lộc hậu thi được còn phong tước thi không được. Có người nói: "Đây chỉ là cho hưởng thu về tước, chứ không phải cho được nắm giữ về quyền". Trả lời rằng: "Tước đã cao rồi, làm gì có chuyện danh hiệu an quốc, phu quốc, không quốc thương tướng quân, mà lại cho lạm đến kẻ không có công lao gì!"*

Cho Lương Nhậm Văn làm thái sư, Đinh Ngô Thượng làm thái phó, Dào Xứ Trung

1. Trường An: Tên phủ, nay là huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

là thái bảo, Lý Đạo Kỳ làm tá khu mật, Lý Triệt làm thiếu sư, Xung Tân làm hữu khu mật, Lý Mật làm tá tham tri chính sự, Kiểu Bồng làm hữu tham tri chính sự, Liêu Gia Trinh làm trung thư thị lang, Hà Viễn làm tá gián nghị đại phu, Đỗ Sấm làm hữu gián nghị đại phu. <12b> Nguyễn Quang Lợi làm thái úy, Đàm Toái Trang làm đô thống, Vũ Ba Tư làm uy vệ thương tướng, Nguyễn Khánh làm định tháng đại tướng, Đào Văn Lôi làm tá phúc tâm, Lý Nhân Nghĩa làm hữu phúc tâm, Phan Đường Liệt làm nội thi.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét về quan chế thời Lý thì phẩm cấp tư đồ không thể tra cứu được, đại lược thì có chức tam công, tam thiếu là chức quan thêm vào chứ không làm việc. Quan làm việc thì có nội chức và ngoại chức khác nhau. Quan tri dân là nội chức. Gọi là phụ quốc hay thái úy cũng như tể tướng; gọi là trung thư thị lang; gọi là bộ thị lang (không cần đặt dù) tá hữu thị lang, tư không, tá hữu lang tướng, tá hữu gián nghị, nội thị viên ngoại lang, đều là quan tri dân; quan tri binh là ngoại chức thái úy (không ghi hàm phụ quốc), khu mật sứ, đô thống, thương tướng quân, đại tướng quân, <22a> kim ngô, đô lãnh binh sứ, đều là quan tri quân. Lại có chức gọi là thông phán và đô hộ phủ, đều là những quan tạp chức. Những châu ở vùng biên giới rất xa đều có đặt quan mục, như chức phụ đạo ngày nay, đều lấy bọn thổ hào làm chức ấy. Con đường làm quan chỉ có tuyển cử là quan trọng, thứ hai là bổ nhiệm và thứ ba nữa là bổ nhiệm cho người nộp tiền, con cháu của những người thợ, con hát và nô tỳ đều không được tham dự vào việc bổ bán đó. Loại nộp tiền lần đầu được bổ chức lai, nộp tiền lần thứ hai thì bổ chức thừa tin lang, nếu được xứng chức thì làm tri châu ngoài biên giới. Lại có cái gọi là thân vương ban, đại lieu ban và các loại như minh tri, thương chế đều là tước trật đặt thêm. Còn như thông tư chức phúc tâm ngày nay cũng đặt tên là tá hữu quan thì thực là hủ lâu quê mùa quá, không còn kê cứu được.

- Đặt ra phẩm bậc tăng dạo.

- Đặt 10 điện tiền cẩm quân: một là quảng thánh, hai là quảng vũ, ba là ngự long, bốn là bồng nhật, năm là trùng hải. Mỗi vệ đều chia làm tá, hữu trực ở nhà xung quanh để bảo vệ trong cẩm thành, gọi tóm tắt là 10 vệ.

Tháng 6, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thánh, làm núi Vạn Tuế Nam Sơn bằng tre ở thềm rông, làm kiều 5 ngọn núi, trên đỉnh ngọn núi ở giữa dựng núi trường thọ; trên đỉnh bốn ngọn núi xung quanh đều đặt núi hạc trắng (bach hac son;) trên núi làm hình dạng các giống chim bay thú chạy, lưng chừng núi lại có rồng thằn lằn quanh, cầm các loại cờ, treo lẵng vàng ngọc, sai con hát thổi sáo thổi kèn trong hang núi, múa hát làm vui. Cho các quan ăn yến, lè làm núi 5 ngọn bát đầu từ đấy.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Mừng ngày sinh nhật là lễ lớn, bè tôi chúc mừng vua, vua ban yến cho bè tôi. Vua tôi hoa hợp, đê thông tình trên dưới, lễ vốn nên như thế. Song vua đang đê tang mà vui chơi thoả lòng thoả mắt, không từng nghĩ đến việc Tiên đê chưa chôn cất hay sao? Cái lòng thương xót đau đớn có lẽ không còn nữa!

<23a> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Kinh Thi có câu: Ai ai phụ mẫu, sinh ngã

cù lao¹ con sinh ra 3 năm, mới khôi su ôm ấp trong lòng cha mẹ, cho nên sự đẻ tang cha mẹ, từ thiên tử đến nhân dân, thánh nhân định ra hạn ba năm là để ngăn sự thái quá mà theo mức trung bình, chứ lòng thương miến thì vô cùng. Từ khi Hán Văn Đế xướng lên cái phép đẻ tang ngắn ngày do dấy những kẻ bất hiếu trong đời mới mượn cái thuyết [đẻ tang thời gian dài] thì "bỏ mất lẽ nhạc" để thoát lòng mặc dẹp ăn ngon, lấy tháng thay bằng ngày, trở thành lề thường của đời sau. Than ôi, thật là tệ quá. Còn như vua cha mới mất chưa chôn cất mà vui chơi quên cả xót thương, dương khi đau khổ, mặc áo tang mà nỡ lòng với cha mẹ thế sao! Cà vua tôi trong một thời, cùng nhau say khuốt, cam làm cái tục mọi rõ mà không ai nói lên được cái sai đó. Không Tử bào Tế Dư rằng: "Mày có yên tâm không? Yên tâm thi mày cứ làm". Nói như thế, cũng là bất đắc dĩ đó thôi.

<23b> Mùa đông tháng 10, táng ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức, đặt thụy là Thành Vũ Hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Lý Thái Tổ dấy lên, từ trời mở diêm lành, hiện ra ở vết cây sét đánh có đức được ngôi báu, bởi vì lòng mọi người vui theo, lại dùng vào sau khi Ngao Triều hoang dâm bạo ngược, mà Thái Tổ vốn nổi tiếng là rộng rãi nhân từ. Trời tìm người làm chủ dân, dân theo người có đức, trừ vua thì còn theo ai? Xét ra vua mưu mỏ kín đáo, đời dỗ định nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm động đến trời, cùng là đánh dẹp kẻ phản loạn. Nam Bắc thông hiếu, thiên hạ yên lành, truyền ngợi lâu dài, có thể thấy là có mưu lược của bậc đế vương. Chỉ có một việc ham đạo Phật là làm cho kém phần tốt dẹp thôi.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Ngày xưa thiên tử mất, đẻ 7 tháng thì chôn cất, nơi chôn cất gọi là Sơn Lăng. Lăng đều có tên, như các vua thời Hán, đều chôn ở Trường An. Đầu tiên <24a> gọi là Trường An Lăng, sau lại lấy tên của huyện xã gần để gọi, đại loại như ở làng Mậu thì gọi là Mậu Lăng, đều lấy một chữ làm tên; cũng có nơi không đặt theo tên đất. Từ thời Ngụy, thời Tấn về sau, thì lấy tên đất làm tên lăng như lăng ở Cao Bình thì gọi là lăng Cao. Đó là tên lăng một chữ. Từ lăng Tuấn Dương trở xuống, đều lấy tên ấp mà gọi. Đó là tên lăng hai chữ. Các thời Nguyên, Ngụy, Tuỳ, Đường, lại lấy một chữ đặt tên lăng, phần nhiều đặt chữ dẹp mà đặt. Nhà Tống bắt đầu đặt tên lăng là Vĩnh Xương, sau đó các tên lăng đều thêm chữ "Vĩnh". Đó là tên lăng của đế vương xưa nay, hoặc do tên đất tên ấp, hoặc chọn nghĩa chữ. Chôn cất nơi khác thì đặt tên lăng khác như Hán Quang Đế, đầu tiên đặt là Thọ Lăng, là lấy cái nghĩa được lâu dài. Về sau lại đặt tên là Nguyên Lăng. Chưa có đời nào các vua nối nhau lại đều gọi là Thọ Lăng như thời nhà Lý.

Lê Văn Hưu cho là vua bấy giờ không có học, mà các nho thần cũng không biết sửa chữa hoặc không có sức kê cứu đời xưa là đúng thế.

1. Câu trong Kinh Thi thiên Tiểu nhâ bài "Lục nga" nghĩa là thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc.

2. Đây là câu trả lời Tế Dư của Không Tử. Tế Dư hỏi Không Tử rằng: "Đẻ tang 3 năm thi lâu quá, chỉ đẻ 1 năm là đủ?" Không Tử trả lời: "Thế là chưa hết 3 năm mà ăn thức ăn ngon, mặc áo gấm dẹp, mày co yên tâm không?" Yên tâm thi mày cứ làm" (Sách Luân ngữ).

<24b>

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huý là Phật Mã, lại đổi là Đức Chính, là con trưởng của Thái Tổ, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi. Vua là người trâm mặc cơ mưu, biết trước mọi việc, đánh dẹp bốn phương chỗ nào cũng thắng. Nhưng làm việc không theo lê, khoe khoang tự mãn, người quân tử thường lấy điều đó mà đòi hỏi về đạo đức tốt đẹp).

Vua sinh ra có tướng lạ (sau gày vua có 7 nốt ruồi, giống như 7 ngôi sao ⁽¹⁾ lại có nhiều điểm lạ, vua sinh vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý [1000] Lê Ứng Thiên năm thứ 7, ở phủ Trường An. Lúc đó có con trâu nhà dân tự nhiên thay sừng khác, có người giỏi bói toán nói rằng: "Đó là điểm đổi mới". Sau làm thái tử, làm nguyên soái đi đánh quân Chiêm Thành. Đại quân vượt biển, đến núi Long Ty có rồng vàng hiện lên ở thuyền vua, vua riêng tư phụ, khi đến nơi đánh tan quân địch. Vua lại lấy áo thường mặc ban cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở Nam Dế Quán. Dêm ấy có ánh sáng khắp trong quán. Tuệ Long kinh ngạc, dậy xem, thì thấy rồng vàng hiện ở áo mạc. Người hiểu biết cho là việc do là điểm được nhận mệnh trời).

Khi còn nhỏ vua cùng trẻ con chơi đùa, tự biết dàn xếp xử trí, bắt chúng đi dàn hẫu trước sau và hai bên, như nghi vệ của các quan theo hầu vua. Thái Tổ thấy thế, vui vẻ, nhân nói đùa rằng: "Con nhà tướng thì nên bắt chước việc binh lính, chứ dùng nghi vệ theo hầu vua làm gì? <25a> Vua trả lời ngay rằng: "Nghi vệ theo hầu vua có cách biệt gì với con nhà tướng? Nếu cách biệt thì sao ngôi vua không ở họ Đinh mãi mà lại sang họ Lã? Do ở mệnh trời thôi. Thái Tổ cho là lạ, khi Thái Tổ đã nhận nhường ngôi, lập vua làm Đông Cung thái tử. Vua vốn có tính nhân từ, trí tuệ thông minh, thông hiểu những nét lớn về văn võ còn như các môn: Lễ, nhạc, xa, ngự, thư, số ⁽²⁾ không môn nào không am hiểu tường tận.

Kỷ Tỵ ⁽³⁾ [1029] (niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2, Tống Thiên Thành năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, khánh thành miếu Thái Tổ.

Mùa xuân, tháng 3, đem công chúa Bình Dương gả cho cháu muc Châu Lạng ⁽⁴⁾ là Thân Thiệu Thái

Sử thân Ngõ Si bàn: Xet thấy từ thời Lê Lý trở về trước, bọn tù trưởng ở miền thương du có nhiều đứa ngoan cố ngang ngạnh không tuân theo pháp luật, hè không vừa ý là chung kéo nhau trốn sang Phương Bắc như bọn Hoàng Khanh Tập, Trần Công Vinh... đem cả gia thuộc bộ lạc hàng vài bốn trăm người theo nước Tống. Quản lại ở quan ái cũng không ai dám làm gì, thậm chí như cha con bọn Nung Tồn Phúc, Nùng Trí Cao chiếm đất lập nước, làm hại cho Trung Quốc. <25b> nước ta hết sức vô về đánh dẹp mới được tạm yên. Những nơi ấy từ trước đến nay

1. Bảy ngôi sao là chòm sao Bắc Đẩu tượng trưng ngôi vua.

2. Lễ, nhạc, xa, ngự, thư, số tức là lễ, nhạc, bắn, đánh xe, viết, toán học; là 6 môn học của kè sĩ ngày xưa.

3. Kỷ Tỵ Nguyên hán chép là Ất Tỵ Theo chung tôi Kỷ Tỵ là đúng

4. Châu Lạng: Tức Lạng Sơn.

không đặt chức tiết trấn⁽¹⁾ cho nên như thế, quân dân một châu do chúa mục thâu tóm, không có chức giám suý để kiểm chế. Một khi có sự biến loạn, thiên tử tự đem sáu quân⁽²⁾ lân lội nơi hiểm trở xa xôi so thăng bại với bon man từ, không phải cái đạo "thủ tại tú di"⁽³⁾. Thái Tông là bậc vua anh kiết, há không có phép gì khác để chế ngự mà đến nỗi phải đặt quan hệ đầu gia để ràng buộc hay sao? Suốt thời nhà Lý lấy việc đó làm thường, con gái nhà vua mà lại hạ mình lấy phiền man (làm nhục thể thống nhà nước, làm thấp uy thế triều đình còn gì hơn thế nữa! Kế hoạch làm yên biên giới của nhà Lý là theo cái ngọn dãy. Từ đây về sau, phàm những việc gả công chúa cho chúa mục đều bỏ di không ghi chép.

Giáp Dần Nái ở Châu Ái nổi loạn. Mùa hạ, ngày mồng 1 tháng 4, vua tự đi đánh, cho Đông Cung Thái tử trông coi việc nước, khi đến nơi đánh được giặc, vua sai trung sứ⁽⁴⁾ đôn đốc dân nơi ấy đào kênh Dần Nái.

Tháng 6 <26a>, rồng hiện ở nền cũ điện Càn Nguyên. Vua bảo các quan xung quanh rằng: Nên điện đã phá rồi, mà rồng thần còn hiện, hay là nơi ấy là nơi đất tốt đức lớn dãy nghiệp, ở chính giữa trời đất chăng? "Vậy sai quan hưu tư sửa chữa lại, nhân dãy đặt là điện Thiên An (bên phải bên trái điện dựng 2 điện Tuyên Đức và Diên Phúc; thêm trước điện gọi là thềm rồng, phía đông và phía tây thềm rồng đặt 2 điện Văn Minh và Quảng Vũ; bên trái, bên phải dựng lầu chuông đối mặt nhau để nhân dân ai có việc gì kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốn xung quanh thêm rồng đều dựng hành lang Giải Vũ để làm nơi các quan và lục quân túc vệ hội họp. Phía trước làm điện Phụng Thiên⁽⁵⁾, trên điện dựng lầu Chính Dương, làm nơi giữ giờ khắc. Phía trong làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ, làm nơi ăn uống nghỉ ngơi. Bên ngoài đắp một lán thành bao quanh gọi là Long Thành).

Nhà Tống sai Đồng Dĩnh sang viếng tế. Lại sai sứ sang sách phong vua làm Quận vương.

Canh Ngọ [1030] năm thứ 3 (Tống Thiên Thánh năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, làm điện Thiên Khánh ở trước điện Trường Xuân để làm nơi nghe chính sự (kiểu điện làm 8 góc trước sau điện đều bắc cầu Phụng Hoàng).

Mùa hạ, tháng 4, sai Đại lieu ban⁽⁶⁾ là Lê Óc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Việt Thân sang nước Tống để đáp lễ. Quy định kiểu mũ áo của công hầu và quan văn quan võ <26b>.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Vua ra xem gặt ở ruộng xứ Ô Lộ⁽⁷⁾, nhân đó đổi tên ruộng ấy là Vĩnh Hưng, cùng ngày ấy vua trở về cung.

1. Tiết Trấn: Chức quan đứng đầu mọi trấn.

2. Sáu quân: Quân chế thời thường cũ. Mỗi một quân có khoảng 12.500 người.

3. Thủ tại tú di là thành ngũ cù, ý nói làm vua phải làm cho các miền yên ổn làm họ phải thuận phục.

4. Trung sứ: Sứ nhà vua phải về địa phương.

5. Điện Phụng Thiên: CM chép là Phụng Tiên.

6. Đại lieu ban: Một tước vua ban.

7. Ô Lộ Vĩnh Hưng: Chưa rõ dịch xác là nơi nào.

Tân Mùi, nam thứ 4 (Tông Thiên Thánh năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, người Châu Hoan nổi loạn.

Ngày mồng 1 tháng 2, vua tự đi đánh Châu Hoan, cho Đông Cung Thái tử trông coi việc nước. Xuất phát từ kinh sư đến đóng ở Châu Hoan. Người chau ấy đầu hàng, ban chiếu tha tội cho quan mục thủ, sai trung sứ vỗ về bão ban dân.

Tháng 3, vua từ Châu Hoan về đến kinh. Ban chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa chiền ở các làng ấp gồm 150 chỗ⁽¹⁾.

Sử thần Ngô Thì Sí bàn: *Những việc như xây chùa, đúc chuông; viết kinh, mở hội đều không chép vào sử, nhưng ở đây sao lại chép vào sử? Vì một lần thuê thợ làm đến 150 ngôi chùa, thì những lần khác biết là bao nhiêu, cũng như một lần mở hội mà đến tha tội đồ, giảm tiền thuế, thì các lần mở hội khác cũng có thể biết được thế nào. Cho nên việc này cùng với việc mở hội La Hán vào năm thứ 2 niên hiệu Thiên Phù Hữu Đạo đều ghi chép mà không bỏ, là để suy sang các hội khác.*

<27a> Mùa đông, mồng 1 tháng 10, đạo sĩ là Trịnh Trí Không tâu xin cho đạo sĩ nhậm chức ký lục ở cung Thái Thanh. Vua ban chế chấp thuận.

Sử thần Ngô Thì Sí bàn: *Lý Thái Tông có thể nói là một ông vua có nhiều ham muốn, việc này giống như việc Hán Vũ Đế được thần bằng vàng ở đất Hung Nô, xây dựng cung Cam Tuyền để thờ. Sau đó lại cầm cái mộng bà "Tây Vương Mẫu" ở Dao Trì dựng bàn người tiên hùng nước mưa ngọt⁽²⁾. Bàn thân làm đế vương, lại còn muốn làm tiên làm Phật, chí hướng lăng nhăng như thế. Nên vẫn ghi việc đó để chép.*

Nhâm Thân, năm thứ 5 [1032] (Tống Minh Đạo năm thứ 1), mùa hạ, ngày mồng 1 tháng 4, vua đến Làng Tín ở sông Đồ Động cày ruộng tịch diên; nông dân dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Vua ban chiếu đổi tên ruộng ấy là ruộng Ứng Thiên, Ngày ấy vua trở về cung <27b>.

Sử thần Ngô Thì Sí bàn: *Suốt đời nhà Lý rất trọng nghề nông, không năm nào là vua không tự đi cày ruộng tịch diên. Xem xét việc cày cấy thu hoạch của nhân dân cũng dù thấy được đại thể trị nước của nhà Lý. Cho nên dù chỉ là việc thường, cũng ghi chép, đó là để trọng việc cẩn bón.*

Mùa thu, tháng 9, vua đi Châu Lạng xem bắt voi.

Quý Dậu, năm thứ 6 [1033] (Tống Minh Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống (cả đời vua, Chân Lạp đến cống 2 lần).

Tháng 2, chau Định Nguyên⁽³⁾ nổi loạn, vua tự đi đánh, giao cho Thái Tổ trông coi việc nước. Ngày mồng 8, xuất phát từ kinh đô, đóng lại ở chau Chân Dâng⁽⁴⁾, có Đào

1. DVSKTT và CM chép 950 chỗ. DVSKTT bàn Chính Hoà chép là 150 chỗ.

2. Ban người tiên hùng nước mưa ngọt: Ban này do Hán Vũ Đế dựng, cao 20 trường, rộng 7 người ôm, trên có ban tay tiên nữ hùng nước mưa ngọt.

3. Châu Định Nguyên: Có lẽ là miền đất Yên Bái. Chưa khảo được.

4. Châu Chân Dâng: Một miền thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Dai Di ⁽¹⁾ đem dâng con gái, vua nhận cho làm phi. Ngày 17, đep được chầu Định Nguyên vua đem quân về.

Sứ thần Ngô Sĩ bàn: *Dem quân di, đem con gái về, binh uy vũ lực do dãy trờ thành nhảm nhí!*

<28a> Mùa thu, tháng 7, chầu mục chầu Vĩnh Yên ⁽²⁾ là sứ Dụng Hoà tâu rằng: chầu Áo Lục có vực ngọc trai. Vua sai sứ đến tìm, quả nhiên tìm được.

Mùa đông, tháng 10 ⁽³⁾, sách phong Đông Cung Thái tử làm Khai Hoàng Vương ⁽⁴⁾ ở cung Long Đức, vua ban chiếu đúc quả chuông nặng vạn cân, đặt ở lầu chuông trong thăm rồng.

Tháng 9, người chầu Trệ Nguyên ⁽⁵⁾ nổi loạn. Mùa đông, tháng 10, vua tự đi đánh chầu Trệ Nguyên, giao cho Khai Hoàng Vương trông coi việc nước. Dẹp yên chầu Trệ Nguyên, ngày mồng 1 tháng 12 vua đem quân về.

Giáp Tuất, Thông Thuy năm thứ 1 [1034] (Tổng Cảnh Hựu năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cho các quan tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là "triều đình".

Lúc ấy có nhà sư là Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm tự thiêu, cháy hết biến thành "thất bảo" ⁽⁶⁾. Vua ban chiếu đem thất bảo ấy để ở chùa Trường Thánh thờ cúng đèn hương. Vua cho là việc lạ bèn đổi niên hiệu.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: *Thiên tử tự xung là "trẫm", là "Dư nhất nhân", đó là cách vua tự xung từ xưa đến nay không thay đổi,* <28b> *Thái Tông bắt bẽ tôi gọi mình là "triều đình", về sau Lý Thánh Tông tu xung là "Vạn Thăng"* ⁽⁷⁾ *Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không căn cứ vào đâu cả, mà chỉ là thích khoe khoang thôi. Không Từ nói: "Danh nghĩa không đúng đắn, thì lời nói không thuận tai là như thế đấy!"*

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thuyết nhà Phật có cái gọi là xá ly, tức là khi tự thiêu mình, tinh khí ngưng tụ lại kết thành một thứ lửa mà lửa đốt không cháy được cho nên gọi là cửa báu. Tương truyền là người nào học thành Phật, thì thân mình hóa ra thứ ấy. Vì rằng người di tu đoạn tuyệt tình dục cho nên tinh khí kết tụ lại thành thứ ấy đấy, người đời vì không thường thấy nên cho là lạ. Vua bị mê hoặc nên nhân đó mà đổi niên hiệu. Về sau những người hiếu danh, cao đầu làm sự nhẫn耐 chịu chết như loại Trí Thông, cũng nhiều lắm đấy.*

Tháng 6, Chầu Hoan dâng con thú một sừng, vua sai Viên ngoại lang là Trần Ứng Cơ và Vương Văn Khánh đem lễ biếu nhà Tống. <29a> Vua sai Viên ngoại lang là Hà Thụ, Đồ Khoan, sang nước Tống để biếu 2 con voi dã thuần, nhà Tống biếu

1. Dào Dai Di: CM chép là Dào thị.

2. Vĩnh Yên: Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

3. DVSKTT và CM chép là tháng 8.

4. Khai Hoàng Vương lúc Thái tử Nhât Tôn.

5. Chầu Trệ Nguyên: thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn (cũ).

6. Thất bảo: 7 cửa quý như vàng, bạc

7. Vạn thăng: Chủ "thăng" là cổ xe. Vua dùng chữ vạn thăng để tự xưng; ý nói mình có hàng vạn cổ xe.

kinh Dai Tang để đáp lại.

Kỷ Hợi ⁽¹⁾ năm thứ 2 [1035] (Tổng Cảnh Hưu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, vua ban chiếu làm mũ "kim bát giác tiêu đao" (cách làm mũ bát giác tiêu đao không tra cứu được).

Mùa thu, tháng 7, lập nàng hầu yêu (không chép tên) làm Thiên Cầm Hoàng hậu; phong Hoàng tử Nhật làm Phụng Càn Vương; các hoàng tử khác đều phong tước hầu. Vua ban chiếu bác cầu Thái Hoà ở sông Tô Lịch. Tháng 9, cầu bác xong, vua đến xem, sai các quan hầu làm thơ.

Mùa đông, tháng 10, vua tư di đánh Châu Ái, giao cho Phụng Càn Vương làm lưu thủ kinh sư, vua đến Châu Ái, ngự ở hành doanh, làm yến tiệc đài quan hầu và tướng soái. Vua ngambia Định Tháng đại tướng là Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần rằng: "Khánh thế nào cũng làm phản". Các phi tần đều xin vua cho biết duyên cớ. Vua nói: "Khánh có lòng bất bình, trông thấy trẫm có vẻ hổ thẹn, đi đứng mất điệu độ lời nói việc làm như khi bình thường, lấy những việc đó mà xem dù biết là nó có mưu đồ khác; <29b> hiện tượng làm phản rõ ràng rồi đấy! Vua đánh được Châu Ái, định tội chúa mục châu Ái, sai sứ vồ về dân châu ấy. Phụng Càn Vương báo tin rằng bọn nhà Hồ và em nuôi của Nguyễn Khánh là Đô Thống, Đàm Toái, em vua là Tháng Càn và Đại Phúc mưu làm phản. Các phi tần đều lạy hai lạy nói: "Bạn thiếp nghe nói bậc thánh nhân biết trước khi việc chưa xảy ra, nay được chính mắt trông thấy bậc thánh nhân ấy".

Vua ban chiếu bắt bọn Khánh nhốt vào cũi đem về Kinh sư.

Mồng 1, tháng 11, vua từ Châu Ái về, đặt tiệc khao tướng sĩ có công dẹp giặc. Vua ngự điện Thiên An ⁽²⁾ xét án bọn sứ Hồ, Nguyễn Khánh, chúng đều phải xéo thịt băm xương ở chợ Tây, còn những người khác thì theo tội nặng nhẹ mà trị theo từng bậc.

Vua ban chiếu phạt 6.000 cân đồng để đúc chuông đặt ở chùa Trung Quang⁽³⁾ (chuông đúc xong, vua sai người kéo đi, nhưng chuông đó không đợi sức người, tự di chuyển đến chùa trong chốc lát).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Phàm vật hình vuông thì đứng, hình tròn thì di chuyển; chuông có thể di chuyển được là vì hình nó tròn <30a> có thể kéo lăn di được không nhọc đến sức người, như là có sức thần giúp. Nay ta hãy xem, như cây gỗ lớn, mười người khiêng di thì nặng không di nổi, một người đẩy ngang thì cứ lăn tròn mà di. Chuông cũng thế. Sư chùa muốn làm cho tôn giáo ra vẻ thần diệu, mới nói phao lén thế để lừa dối mà thôi. Còn về: dấu vết người thần (sử cũ chép năm Thiên Thành thứ 1, có dấu vết người thần hiện lên ở chùa Vạn Tuế; năm Thiên Thành thứ 2 cũng có dấu vết người thần hiện ra ở chùa Tháng Nghiêm; năm thứ 5 dấu người thần hiện ra ở chùa Đại Thắng, không thấy ghi. Ánh sáng xá ly (bó không ghi, ghi chú xem phản Thái Tổ dựng chùa Tháng Nghiêm). Cây ưu đàm nở hoa (sử cũ chép năm Thiên Thành thứ 5, ở chùa Thích Ca trước quán Lội Công có

1. Kỷ Hợi: DVS KTT chép là Ất Hợi.

2. Điện Thiên An: DVS KTT chép điện Thiên Khánh.

3. Chùa Trung Quang ở tỉnh Hà Bắc.

cây ưu đàm có hoa). Tượng Phật cổ vọt lên (xem chú ở trước) đều do bon nhà chùa nói ra cả. Người chép sử khi ấy, không lấy lý mà suy xét, cứ theo thể mà ghi vào sử sách).

Bính Tý năm thứ 3 [1036] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, đắt hành doanh ở Châu Hoan đổi tên châu ấy là châu Nghệ An.

Mùa đông, tháng 10, giáp đông ở đạo Lâm Tây⁽¹⁾ và các châu huyện: Lạng Châu, Tô Mậu, Quảng Nguyên⁽²⁾ <30b> Đan Ba, Bình Nguyên⁽³⁾, Dô Kim⁽⁴⁾, Thường Tân cùng khởi binh làm phản, xâm lấn 3 châu là Tư Lãng, Tây Bình, Thạch Tây và các đồng thuộc Châu Ung của nước Tống, cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa rồi về. Người nước Tống bắt nước ta phải đánh dẹp, vua ta bèn xuất quân đi đánh.

Dinh Sửu, năm thứ 4 [1037] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 4), mùa xuân, ngày mồng 1 tháng 2, vua tự đi đánh dao Lâm Tây cho Khai Hoàng Vương làm nguyên soái đánh các châu Dô Kim, Tân Thường, Bình Nguyên cho Phung Cản Vương lưu thủ Kinh sư. Quân xuất phát từ Kinh sư đến đạo Lâm Tây dẹp yên được. Tháng 3, vua về Kinh.

Vua ban chiếu cho châu Nghệ An dựng các kho Tư Thành, Lợi Nhân, Vĩnh Phong cả thảy 50 sđ.

Mùa thu, tháng 7, vua đến điện Hàm Quang xem đua thuyền (tháng 8 năm sau cũng thế, trò đua thuyền hàng năm làm thường lệ, khiến đời sau bất chước, làm say đắm vào cuộc giông chơi. Nước to.

Lập đèn thờ Hoàng Thánh Đại vương (lúc đó, vua thấy ở phủ Dô Hộ có nhiều án nghi ngờ, quan sĩ không xét đoán được, muốn sao có được sự linh thiêng xét rõ để ngăn chặn hết đường gian trá, mới đốt hương khấn trời. Dấy ấy, vua chiêm bao thấy sứ giả mặc áo dò vâng sắc chỉ của trời cho Cự Lạng làm chức Dô Hộ phủ ngực tụng minh chủ Vua hỏi sứ trời rằng: <31a> Người ấy là người nào? Giữ chức vu gì của ta?". Sứ giả nói: "Người ấy làm Thái úy, triều Lê Đại Hành". Vua tỉnh dậy, gọi các quan vào hỏi, xét việc làm của Cự Lạng, phong cho tước vương, sai quan hữu từ dựng đèn ở phía tây cửa nam thành để hàng năm cúng tế).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Trong lòng không lo nghĩ gì mà tự nhiên thấy mộng, mới là chính mộng. Thái Tông suy nghĩ về việc xử kiện sao cho công bằng, nhờ vào thần linh, nên trong lúc hoảng hốt bèn nhìn thấy. Như thế trong Chu Lễ gọi là vì nghỉ mà có mộng chứ không phải là chính mộng đấy. Xét ra thần thì phải là chính mộng. Thần thì phải thông minh chính trực chí một lòng, còn Cự Lang lại hai lòng trong khi triều đình thay đổi vua. Nếu ở nơi ám ti mà bị Đinh Diên, Nguyễn Bặc tố cáo, thì tự mình không thể trả lời nổi cho mình, còn xét việc ám nghỉ của nhân dân được sao? Thái Tông quả là bậc đại nhân trung chính, thì người

1. Đạo Lâm Tây: Thời Nguyễn là phủ Gia Hưng, tương đương với đất một số huyện tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Sơn La.

2. Châu Quảng Nguyên là châu Quảng Hoá, tỉnh Cao Bằng.

3. Bình Nguyên là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

4. Châu Dô Kim là huyện Lâng Yên, tỉnh Tuyên Quang.

không trung chính, không thể xử kiện được, mà lại muốn nhào vào thân để ngăn lấp dương gian tra, ha không phải là vu và lầm sao? Thờ chúa ngục, đầu tiên chỉ có một đèn ở nhà ngục phủ Đô Hộ thái, thế mà dân dân đến nay, các ty ở đâu cũng thờ <31b> phung như thé, mà việc kiện tụng vẫn rối bời, người ngay kè gian lận lộn, chủ ngục chưa hề giết được một kẻ gian tham xảo nào và cũng chưa xử được một vụ oan ức nào; Ôi! Sắc của thượng đế và vị sứ áo đỏ, có chẳng? Người đó đúng là Cụ Lang hay không phải Cụ Lang? Mộng của Thái Tông không đáng tin, người đời sau vẫn tin mà thờ cúng, thật là mè hoặc lầm đấy.

Mùa Dần, năm thứ 5 [1038] (Tống Bảo Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, vua đến cửa Bồ Hải cày ruộng tịch diên. Sai quan hữu ty dọn đất dập dần, Vua tự tề Thần Nông rồi cầm cày toan làm lẽ tự cày, các quan xung quanh có người can rằng: "Đó là việc của nhà nông, bệ hạ cần gì làm thế?" Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy gì mà làm xôi cúng, lấy gì làm mầu cho thiên hạ?" Thế rồi dấy cày ba lần rồi thôi.

Tháng 3, vua về kinh sư.

<32a> **Sử thân Ngô Sí Liên bàn:** Thái Tông làm lại lẽ xưa, tu di cày ruộng tịch diên, xướng xuất cho thiên hạ, trên để kính thờ tôn miếu, dưới để làm gương cho muôn dân, công hiệu trị nước, khiêm cho dân được giàu có đồng đức là đáng lâm thay!

Mùa đông, tháng 10, dựng kho ngự.

Tháng 12, Nùng Tôn Phúc ở châu Quảng Yên nổi loạn. Nhà Tống, sai sứ sang nước ta để sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương); Đông Chinh Vương Lực mất.

Sử thân Ngô Thì Sĩ bàn: Lực có tội như Luân Đinh nước Tấn, thế mà Thái Tông không giận. Sau khi tha tội, cũng không hề nghi kỵ gì, khiêm giữ được toàn vẹn thân thể. Đến khi chết mới ghi chép vào sử, khá khen ông vua giữ được lòng nhân hậu dày.

Kỷ Mão, năm thứ 6 [1039] (tháng 6 về sau là Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 1, Tống Bảo Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, thủ lĩnh Tây Nông⁽¹⁾ là Hà Văn Trịnh tâu việc Tôn Phúc nổi loạn. Trước đây Tôn Phúc làm thủ lĩnh châu Tháng Do, em là Tôn Lộc <32b> làm thủ lĩnh châu Van Nhai⁽²⁾. Tôn Phúc yêu cầu cho em A Nùng⁽³⁾ là Dương Dao làm thủ lĩnh châu Vũ Lạc⁽⁴⁾ đều thuộc châu Quảng Nguyên, hàng năm tiến công thổ sản. Sau Tôn Phúc giết Tôn Lộc và Dương Dao thôn tính các đất ấy, tấu⁽⁵⁾ xưng là Chiêu Thánh Hoàng đế, lập A Nùng làm Minh Đức Hoàng hậu, phong con là Trí Thông làm Nam Nha Vương, đổi châu ấy làm nước Trường Sinh sám sửa binh giáp, đáp thành kiến cố để tu giữ, không nộp cống không xung là tội nữa (Quảng Nguyên ở về phía tây nam Châu Ung, đất vàng vé mà hiếm trác, sản xuất vàng, dan sa. Tuy nói là bị các quan

1. Tây Nông: Tức huyện Tây Nông Tỉnh Bắc Thái.

2. Châu Van Nhai: Tức huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn.

3. A Nùng: Vợ Tôn Phúc.

4. Châu Vũ Lạc: Cố là đất tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn.

5. Tấu: ĐVSCKT1 chép là "Tiết", có nghĩa hơn.

Châu Ung ràng buộc, thực tế là lè thuộc nước ta).

Tháng 6⁽¹⁾, vua từ cầm quân đi đánh Tôn Phúc, cho Khai Quốc Vương trông coi việc nước. Quân xuất phát từ kinh sư, qua bến Lãnh Kinh⁽²⁾ có con cá tráng nhảy vào thuyền. Đến châu Quảng Nguyên, Tôn Phúc nghe tin đại quân đến, đem cả bộ lạc, dắt cả vợ con trốn nấp ở nơi núi khé. Vua cho quân đuổi theo bắt được bọn Tôn Phúc và Trí Thông tất cả 5 người, duy có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát. Sai đóng cùi nhốt bọn Tôn Phúc đem về kinh sư, sai quân sĩ san bằng thành hào, chiêu dụ võ về bọn bè đảng của nó rồi đem quân về.

<33a> Tháng 3, vua từ Quảng Nguyên về đến kinh sư, ban chiếu rằng: "Trẫm từ khi làm vua đến giờ, tướng ván tướng võ cùng các bê tôi, không ai là không giữ tiết lõn, phuơng xa cõi khác không đâu là không thuần phục, mà bọn họ Nùng cũng đời đời giữ bờ cõi, thường nạp thổ cống. Nay Tôn Phúc cản rỡ tự tôn, tiếm vi hiệu, ra mệnh lệnh, tụ họp loại quân rắn rết, độc hại dân nơi biên thùy, trẫm vì thế phụng mệnh trời di đánh (Doạn kết của bài chiếu, sử cũ bỏ sót), chém bọn Tôn Phúc 5 người ở chợ.

Mùa hạ, tháng 5, động Vũ Kiến (thuộc châu Quảng Nguyên) dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng. Huyện Liên, châu Lộng Thạch, châu Định Biên⁽³⁾ tâu rằng trong gò núi có khí phun ra.

Tháng 6, bầy tôi xin đổi niên hiệu là Càn Phù Hữu Đạo và dâng tôn hiệu là: "Kim dung sinh ngân, Nùng bình phiền phục"⁽⁴⁾. Vua nói thời Đường Ngu, chỉ vẽ ra tượng hình phạt mà người không dám phạm, không đánh mà khuất phục được quân của người, rủ áo khoanh tay mà thiên hạ thịnh trị, cho nên các vì sao không di trái, sấm mưa không mê loạn, chim nuông nhảy múa <33b> phượng hoàng đến châu, 4 phương đều thần phục, tràm Man theo giáo hoá, không biết làm sao mà được như thế! Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, sớm dậy khuya nầm, lúc nào cũng lo sợ như lội vực sâu, chưa biết lấy đạo gì để thấu đến trời đất, lấy đức gì để ngang được Nghiêng Thuấn. Vừa rồi, giặc Nùng dẹp yên, Chiêm Thành quy phục, ở đông thì sinh ra vàng, ở đất thì sôi ra bạc, ý chừng có điều gì mà được thế chăng? Hay là có điều gì mà trời đe rắn chăng? Trẫm rất lấy làm lo sợ, sao đáng để tôn danh hiệu tốt đẹp, lời bàn của các khanh nên bỏ đi thôi". Bầy tôi cố xin, vua mới bằng lòng.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Các vua Nghiêng, Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm hiệu, chưa từng thấy có thêm tôn hiệu bao giờ. Các đế vương đời sau thích sự khoe khoang, mới có tôn hiệu đến hơn vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy những chữ công đức mà xưng, chưa bao giờ lấy những chữ về sản vật và man di mà chấp nổi vào tôn hiệu cả. Thái Tông lại nhận <34a> tám chữ của bầy tôi dâng làm tôn hiệu, thì trong cái khoe khoang lại còn sa vào thô lô dãy. Thái Tông không có học không biết, mà bọn nho thòn dâng những chữ ấy để xiêm nịnh vua

1. Tháng 8: DVSKTT chép là tháng 2.

2. Lãnh Kinh: Có lẽ là đất vùng Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh.

3. Châu Định Biên: Thuộc tỉnh Cao Bằng.

4. Kim Lung sinh ngân, Nùng bình phiền phục: Nghĩa là vàng sồi lên, bạc sinh ra, họ Nùng bị dẹp yên, các phiền bang phục tùng.

không thể nói là không có tội!

Mùa thu, tháng 8, sai Đại liêu ban là sứ Dụng Hoà và Thân Vương ban là Đỗ Hưng sang nước Tống tiếp tục việc thông hiếu cũ (Đại liêu ban, Thân vương ban đều là tên tước, sứ Dung Hoà làm quan mục ở châu Vĩnh An mới nhận tước ấy).

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu sửa lại miếu Thái Tổ Vũ Hoàng đế.

Canh Thìn, Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 2, [1040] (Tống Khang Định năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 Dinh Hợi có nhật thực.

Tháng 3, vua ban chiếu phát hết gấm vóc lụa chứa trong kho cho các quan. Trước đây, vua day cho các cung nữ dệt gấm lụa, đến bấy giờ dệt xong, bèn ban chiếu xuất hết gấm vóc Tầu may áo cho các quan từ Tứ phẩm trở lên, Cửu phẩm trở xuống, có từng bậc khác nhau (Ngũ phẩm trở lên thì áo bào gấm, Cửu phẩm trở xuống đều áo bào bằng mộc). <34b> để tỏ ra ràng vua không dùng gấm vóc nữa.

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: *Lam việc này, vua đã tốt, lại tốt hơn, không quý của la, là tỏ ra giữ đức kiệm ước; ban cho các quan, là tỏ ra hậu đãi kè dưới.*

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Kinh Xuân Thu nói: "Làm ra phẩm phục để mồ triều hội" tức là lấy 5 sắc làm 12 vẻ để làm chính nghi thức áo xiêm, phân biệt thứ bậc trên dưới, chứ không phải là đồ chơi đẹp để khéo léo đâu! Dài sau, cái vân vè hơn lên, làm mất cái chất, nên cái khéo léo xa xỉ sinh ra. Nghề dệt của Trung Quốc rất tinh, các nước khác không đuổi kịp được, thuyền buôn hàng năm đến nước ta, các nhà giàu có tranh nhau mua, không chỉ để dùng vào việc may mặc, mà đến xe tang cũng dán bằng gấm vóc, làm phi phạm của trời, hao tổn sức người, chưa có lúc nào tệ hơn like này. <35a> Gần đây, một cái ấm, một cái chén lại càng chuộng hàng Tầu, thậm chí có người lấy vài bốn mươi nén bạc để đổi, người trên đã ham chuộng, kè ở dưới tất ham chuộng hơn. Khoảng đời Hồng Đức [1470 - 1497], những đồ dùng như chậu, áu, bát của nước ta đều thuê người làm ra để cung cấp cho vua dùng, chưa từng thấy coi hàng Tầu là trọng. Tôi trộm nghĩ: gấm vóc đồ dùng của nước ta, nghề thợ không kém Trung Quốc. Nghề thợ là một trong bốn nghề của dân. Nghề thợ, nếu được dạy bảo, đưa cho kiểu mẫu, dạy cho cách làm, những người thợ thuộc vào ty vào cục, thi cho hưởng lương cao, những người thợ ở phường ở chợ thi được đánh thuế nhẹ, như thế thì lo gì các nghề thợ không tinh, lo gì không hợp với người dùng! Còn như quân áo của công và tư, đồ dùng của quan và dân, cần phân biệt màu sắc vân vè, hạn chế cho nghiêm ngặt, để ngăn ngừa sự xa xỉ, tiếc vượt, và phân biệt đẳng cấp, đó là một đường lối, bỏ xa xỉ, bỏ lãng phí, làm cho dân giàu nước mạnh dậy. Người làm vua, nếu biết nhìn xa thấy rộng thì <35b> Lý Thái Tông làm gương, gần thì lấy dời Hồng Đức làm chuẩn, đến thẫn tương vua Nghiêu vua Vũ cũng đến thế mà thôi.

Mùa hè, ngày 1 tháng 4, vua ban chiếu rằng: Từ nay về sau phàm nhân dân trong nước ai có việc kiện tung gi, đều giao cho Khai Hoàng Vương xét xử rồi tâu lên, và cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: *Chức vụ của thái tử, ngoài việc thăm hỏi hẫu canh ra, khi ở lại giữ nước thi gọi là giám quốc, khi đem quân đi thi gọi là phủ quân,*

chi thể mà thôi, chưa từng nghe thấy ai sai hỏi kiện bao giờ. Xét ra phần hỏi kiện là việc của quan có trách nhiệm. Thái Tông sai Khai Hoàng Vương làm việc ấy là không đúng chức phận, lấy diện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện cũng là không đúng chỗ.

Mùa thu, tháng 8, người giữ trại Bố Chính của nước Chiêm Thành là Bố Linh. Bố Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuỷt hơm trám người sang theo ta.

Mùa đông, tháng 10, mở hôi La Hán ở thêm rộng, đại xá thiên hạ <36a>. Trước đây, vua ra lệnh thuê thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm hơn vạn cây cờ phướn, đến khi ấy làm xong, mở hội khánh thành, đại xá thiên hạ, tha người bị tội lưu ⁽¹⁾ bỏ phép xử tội đày ⁽²⁾ và tha một nửa tiền thuế cho thiên hạ.

Tân Ty, năm thứ 3 [1041] (Tống Khánh Lịch năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4 ⁽³⁾, đặt phẩm cấp các cung nữ, hoàng hậu và phi tần 13 người, ngự nữ ⁽⁴⁾ 18 người, nhạc kỹ hơn 100 người. Tháng 6, Diện tiên chỉ huy sứ là Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, vua ban chiếu bắt Lộc, Luật và bè đảng giao cho quan tri tôi. Khai Hoàng Vương xử và quyết định bọn Lộc, Luật đều chịu tội chết.

Mùa đông, tháng 11, vua ban chiếu cho Uy Minh hâu là Nhật Quang làm tri châu Nghê An, Nùng Tri Cao cùng mẹ là A Nùng từ động Lôi Hoà lai về chiếm cứ châu Thàng Do, đổi châu ấy làm nước Dai Lich. Vua sai tướng di đánh, bắt sống được Tri Cao đem về kinh sư. Vua thương tình vì cha và anh nó đều bị giết, tha tội cho, cho giữ chức châu Quảng Nguyên <36b> như cũ, các động Lôi Hoà, Bình An (có bản chép chữ An là Tân) Bà Tú và châu Tu Lang ⁽⁵⁾ (có bản chép chữ Lang là Lāng) phụ thêm vào.

Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (tháng 10 trở về sau là Minh Đạo năm thứ 1. Tống Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua đến cửa biển Đa Lâm để cày ruộng tịch điền, tháng ấy vua trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 5, vua ban chiếu: Thân quân của các quan chức bỏ trốn thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ và chịu tội khổ sai, quân sĩ trốn vào rừng, núi cướp của cải của người thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 30 chữ; Người giữ trấn giữ trại mà bỏ trốn, cũng xử như vậy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Việc binh là phải nghiêm, cho nên người lính dáo ngũ, lăn dẫu thì xử tội khổ sai, lần thứ hai thì xử tội di dày những người chưa chấp dung túng và không phát giác thì cũng có tội, còn những người đóng thú ở trấn bỏ trốn, nhẹ thì xử tội khổ sai, nặng thì xử tử hình đều ghi rõ ràng trong cẩm lệnh, không ai được thay đổi, lẽ nào người lính dáo ngũ lại di cướp bóc của người <37a> và giữ trấn giữ trại bỏ trốn, và người khi vua di mà không theo xe vua, mà chỉ xử tội phạt gậy mà thôi. Lại đối với kẻ trộm cướp không kể tội cướp của cải công

1. Tội lưu: Tội đầy di xa.

2. Tội đày: Tội khổ sai.

3. DVSKTT chép là tháng 5.

4. Ngự nữ: Những người gái hầu vua.

5. Châu Tu Lang: Nay là huyện Thương Lang, Hà Lang tỉnh Cao Bằng.

*hay từ đều xử tội phạt gậy! Thái Tông quá hiền từ, cho nên việc chính sự rộng rãi
cửu thà dai loại là như thế thì làm sao nghiêm được quân luật và để rắn kẽ gian?*

Mùa thu, tháng 7, ban chiếu rằng: những kẻ ăn trộm trâu của công thì xử phạt 100 gậy, trộm một con trâu phải đền thành 2 con.

Tháng 9, ban chiếu rằng những người vắng mặt trong buổi thi đều phạt 50 gậy. Vua sai viên ngoại lang là Đỗ Khánh và Lương Mâu Tài biểu nhà Tống con voi đã thuần (tiếp tục việc thông hiểu cũ).

Đồng đất.

Châu Văn nổi loạn.

Tháng nhuận, vua ban chiếu rằng: Kẻ nào đêm vào nhà người ta, gian dâm vợ cả vơ lè người ta, người chủ đánh chết ngay lúc ấy cũng không phải tội. Vua ban chiếu rằng nhân dân nộp thuế, cho phép ngoài số nộp quan, 10 phần thì người thu được lấy thêm một phần gọi là hoành đầu, nếu lấy quá thì theo tội ăn trộm mà xử; nhân dân ai tố giác thì tha thuế cho nhà ấy 3 năm; người ở Kinh thành cáo giác thì thường <37b> cho số vật đã tố giác ấy. Trải qua hàng mùa hàng tháng mà bị tố giác, thì quản giáp, chủ đô và người thu thuế cùng chịu tội như nhau (Hoành đầu theo như ngày nay, ngoài tiền thuế có thu tiền giấy bút).

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương làm Đô thống Đại nguyên soái di đánh Châu Văn.

Vua ban chiếu đổi niên hiệu làm Minh Đạo năm thứ 1.

Ban sách *Hình thư* Trước kia, trong việc nước kiện tụng phiền nhiễu, quan lại giữ pháp luật, hay làm khắc nghiệt, nhiều người bị oan uổng, vua lấy làm thương xót, bèn sai quan Trung thư sửa định luật lệnh, châm chước cho thích hợp với thời bấy giờ, chia làm môn loại, biên riêng cho một triều đại, để cho người xem dễ hiểu, Sách làm xong, ban chiếu thi hành trong dân cho tiện. Đến khi ấy phép xử kiện rõ ràng dễ hiểu, cho nên có lệnh đổi niên hiệu là Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo.

Tháng 11, ban chiếu rằng: Những người từ 70 tuổi trở lên, 80 tuổi trở xuống; từ 10 tuổi, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua có <38a> tang từ 9 tháng một năm trở lên, phạm tội thì được chuộc tội. Riêng phạm tội thập ác⁽¹⁾ thì không tha.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Trong tám điều bàn ở Chu Lễ thì một điều bàn về người thân, Trong ba loại người được tha tội thì một là người già lão, hai là tha áu. Thái Tông ban chiếu này có thể nói là lấy tấm lòng không nô hại gì để thi hành chính sách không nô hại người ràng buộc lòng người, bồi dắp vận nước, giữ được ngôi lâu dài, thật đúng vậy!

Đối to Ban chiếu cho Nguyễn Châu ở viện Khu Mật hạ lệnh cho những người phạm

1. Thập ác: 10 tội lớn, các tội mưu lam phản; mưu đại nghịch; mưu nổi loạn; mưu giết ông bà cha mẹ; giết 3 người vô tội trong một gia đình hoặc giết người rồi cất xe ra; đại bất kính (không kính vua, ăn trộm đồ thờ của vua, khắc ăn giả, chế thuốc men đồ dùng không đúng phép, nấu cho vua ăn những vật cấm, đóng thuyền vua đi không chắc chắn) bắt hiếu, bắt mục; bắt nghĩa, nổi loạn.

tội trốn ở các lô nhặt các cầu đường ở địa phương mà đắp đất ụ, cát biển gỗ ở trên, để tiên cho việc đi về 4 phương.

Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1093] (Tống Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, Châu Ái nổi loạn.

Tháng 2, vua đến diên Thiên Khánh ban chiếu rằng: các quan chức 3 người cùng bảo đảm cho 1 người, nếu có ai giấu giếm dai man thì 3 người đều phải tội (Xét thấy về triều Lý). Việc kê khai hộ khẩu làm rất kỹ lưỡng nghiêm ngặt, con trai 18 tuổi đều ghi vào sổ bìa vàng, gọi là <38b> hoàng nam; 20 tuổi trở lên gọi là đại nam; quan chức nghĩa là 3 người đều là quan. Quan chủ chưởng quản cầm quản thì chỉ được cùng nuôi một người loại hoàng nam làm gia nô, nếu có ai giấu đại nam thì cả 3 người quan chức đều có tội. Vì lúc đó nuôi tư nô thì chỉ được nuôi người chưa đến tuổi hoàng nam mà thôi).

Châu Văn nổi loạn. Ngày mồng 1, tháng 3, cho Khai Hoàng Vương làm đô thống đại nguyên soái, di đánh Châu Ái, cho Phụng Càn Vương làm Đô thống nguyên soái, di đánh Châu Văn, dẹp yên được (Phụng Càn Vương dâng 4 con ngựa tốt bắt được. Vua cho đặt tên 4 con ngựa đó là: Tài Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong, Nhật Ngựa).

Mùa hạ, tháng 4, giặc sóng gió Chiêm Thành (là nói loài giặc dựa vào sóng gió để di cướp) cướp bóc dân ven biển. Vua sai Dao Xứ Trung trấn giữ ở đó, dia phương lại yên.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu rằng: Kẻ nào đem bán hàng dân hoàng nam làm gia nô cho người ta, đã bán rồi thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 20 chữ; chưa bán nhưng đã cho làm công việc cùng phạt gậy như thế, và thích vào mặt 10 chữ; Người nào biết mà vẫn mua thì cũng xử tội như thế, người không biết mà mua thì giảm tội cho một bậc.

Vua hỏi những người xung quanh rằng: "Tiên đế qua đời, đến nay đã 16 năm rồi, mà Chiêm Thành chưa từng sai một người sứ thần nào sang là có gì? Hay là uy đức của trẫm không đến họ chăng, hay là Chiêm Thành cây thế núi sông hiểm <39a> trở chăng?" Các quan tâu lại rằng: "Bạn thân cho là đức của bệ hạ tuy có đến, nhưng uy thì chưa rộng thôi. Sao lại thế? là vì từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, nó trái mệnh không đến chầu, mà bệ hạ chỉ ban ân bố đức mà vô vể, chưa từng ra oai dũng vô để đánh dẹp, đó không phải là cách làm cho người xa sợ oai. Bạn thân e rằng các chư hầu khác họ ở trong nước, sẽ đều như Chiêm Thành cả, há chỉ riêng người Chiêm mà thôi đâu! Từ đấy vua quyết ý đánh Chiêm Thành.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Bạn giặc sóng gió của Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển nước ta thì không đem quân đánh để hồi tội sao được! Đó là để nêu rõ tội danh của nó đấy. Nếu bảo là người xa không phục cứ lấy văn đức mà cảm hóa cho họ theo vè, thì cần gì phải đem quân di xa.

Ngày mồng 1, tháng 9, sai Nguy Trung đến chầu Quảng Nguyên cho Nùng Tri Cao đô án phong làm Thái bảo.

<39b> Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Tôn Phúc phản nghịch, tiêm hiếu, dung nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã giết đi, mà dùng con nó là Tri Cao, nay Tri Cao lại noi theo việc trái phép của cha nó, thì tội to lắm, giết đi cũng phải, không cho tước lộc, không phong áp, giáng làm dân thường cũng phải. Thái Tông đã tha

tôi cho nó, lại cho thêm mây chàm quan, ban cho ăn tin phong làm Thái bảo, thê là thường phạt không còn có phép tắc gì nữa. Đến khi Tri Cao nổi loạn ở châu Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, viện cớ là viện trợ láng giềng, có khác gì thả con hổ con béo cho nó cắn người, rồi mới từ từ đến cứu người ta. Có lẽ là Thái Tông say đắm lòng nhân nhót nhất của nhà Phật, mà quên mất nghĩa lớn của người tri nước dãy. Vua định sang năm đánh Chiêm Thành, ban chiếu sai đóng các chiến hạm hiệu Long Phương, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh, Vũ, hơn vài trăm chiếc.

Mùa đông, tháng 10, cái thuần của vua dùng để ở điện Trường Xuân tự nhiên động. Vua ban chiếu cho bệ tôi <40a> bàn, đều nói rằng: "Thuần là đồ bình khí, thân nghe nói rằng chim loan liêng trước khi trời giò, đá tảng ướt trước khi trời mưa. Nay bệ hạ muôn đem quân đánh dẹp kẻ không đến chầu mà binh khí tư động cử động, đó là diêm thần và người ngâm ý hiếu nhau, loài vật cảm ứng với nhau. Kinh Thư có câu "Minh động thì mọi việc ứng theo mà dồn trước chí của mình". Nay vật ấy đã động trước để ứng chí mình, còn ngờ gì nữa". Vua cho là phải.

Quy định phép xử tội 'kẻ trốn tránh', vua ban chiếu rằng: Quân sĩ bỏ trốn quá 1 năm thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ, bỏ trốn chưa đến 1 năm, thì trị tội theo mức nhẹ; kẻ nào trốn tránh mà tự trở về thì cho trả về chỗ cũ. Khi vua đi ra mà không đi theo xe vua, thì cũng xử phạt như thế, và thích vào mặt 10 chữ.

Tháng 12, vua ban chiếu cho quân sĩ may áo giáp, sắm binh khí, hẹn đến mùa xuân, tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm Thành.

Vua đến hành dinh Cổ Lãm ⁽¹⁾ ban chiếu rằng: Kẻ nào ăn cướp lúa mạ và tài vật của nhân dân, nếu đã lấy rồi thì xử phạt 100 gậy, nếu chưa lấy được mà làm cho người bị thương thì xử tội di dày.

Lai dức tiên Minh Đạo, ban cho các quan văn quan võ.

<40b> Giáp Thân, năm thứ 3 [1040] (tháng 11 về sau là Thiên Cầm Thành Vũ năm thứ 1, Tông Khánh Lịch năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, phát khí giới trong kho vũ khí cho các quân.

Ngày Quý Mão, vua ban chiếu tự đi đánh Chiêm Thành, cho Khai Hoàng Vương làm lưu thủ kinh sư (ngày ấy quan hữu ty cũng thăn núi bằng lẽ thiếu lao ⁽²⁾ lấy được cái mật to bằng quá bưởi đem dâng lên. Vua nói đưa rằng: "Chữ "đảm" (mật) với chữ "đam" (vui) âm gần giống nhau, con thiếu lao mà có mật to, có lẽ là diêm báo cho ta biết là chỉ chịu khó nhọc một chút mà được vui lớn đó").

Ngày Giáp Thìn, vua xuất phát từ kinh sư, ngày Kỷ Ty đến cửa biển Đại Ác, gặp khí sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ dàng, vua ban chiếu đổi tên Đại Ác làm Đại An ⁽³⁾, đến núi Ma Cô ⁽⁴⁾ có dám mây tia nắng vững mặt trời. Qua vũng Hà Nao có dám mây che trên thuyền vua ngồi, thuyền đi thì mây di, thuyền đứng thì mây đứng. Hôm ấy

1. Cố Lãm: Tức Khả Lãm, Phù Lãm thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

2. Thiếu La: Con he nhỏ. Thường người ta hay thay bằng con đê khi làm lẽ cung.

3. Đại An: Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

4. Núi Ma Cô: ở huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh.

đến cửa biển Trụ Nhai (có sách chép là Trụ Thành) đóng lại. Ngày hôm sau ra đi, nhờ thuận buồm xuôi gió, trong một ngày qua 2 bãi Đại Tiểu Trường Sa⁽¹⁾ đến cửa biển Tư Khách⁽²⁾ (Tư Khách, còn có tên gọi là Ô Long, thuộc huyện Hương Trà, Thuận Hoá, các dòng nước hội tụ lại đó, sóng gió hiểm nghèo, thế núi cài rặng lược, quanh co khúc khuỷu rất hùng vĩ. Trần Nhàn Tông già công chúa Huyền Trần cho vua Chiêm Thành, thuyền đi đến đó, đổi tên là Tư Dung, sau Mạc Đăng Dung cướp ngôi, vì chữ "Dung" đồng thanh nên lại đổi là Tư Khách), có con cá trắng nhảy vào thuyền vua. Vua nghe tin Chiêm Thành đem quân <41a> và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bô, muôn chống lai quan quân, vua cho quân bỏ thuyền lén bô, đem quân sĩ đến bờ sông bên bắc, thay quân địch đã dàn ở bên sông. Vua bèn cát đặt quân sĩ, dựng cờ nổi trống, sang tát ngang sông để đánh, binh khí chưa chạm nhau, quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuối chém được 3 vạn đầu. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sa Đầu tại trận, dâng lên Bát được 30 con voi đã thuần, bắt sống được hơn 5.000 người, còn lai bí quan quân giết chết, xác chất đầy đồng, vua lấy làm thương xót, mới hạ lệnh rằng: "Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành sẽ giết không tha"

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tâm lòng này của vua cũng như tâm lòng của Thái Tổ nhà Tống đấy*⁽³⁾, truyền ngôi được lâu dài là phải làm.

Sứ thần Ngô Thi Sĩ bàn: Xem về phương hướng vị trí và tốc độ của việc di biến về phương nam thì mùa thu mùa đông di vào là thuận, mùa xuân mùa hạ di ra là thuận (41b). Di vaogjutong buồm từ Cửa Lác⁽⁴⁾, thay gió tây bắc nổi lên, đặt ở vị Căn⁽⁵⁾ kim chí tháng phương Khôn⁽⁶⁾ di nửa ngày sẽ đến Biển Sơn. Từ Biển Sơn đặt ở vị Nhâm⁽⁷⁾ kim chí tháng phương Bình⁽⁸⁾ di 1 ngày sẽ đến Cửa Hội Thông⁽⁹⁾, từ cửa Hội Thông đặt ở vị Càn⁽¹⁰⁾ kim chí tháng phương Tốn⁽¹¹⁾ di 1 ngày đến cửa Bồ Chánh, từ cửa Bồ Chánh đặt ở vị trí Tân⁽¹²⁾ kim chí tháng phương Ất⁽¹³⁾ di 1 ngày rưỡi mới đến cửa Tư Khách. Đó là thuận buồm xuôi gió, tinh ngay đường cũng phải 3 ngày rưỡi mới đến. Nay mùa xuân vượt biển là không thuận gió Thé mà ngày Kỷ Ty xuất phát từ Đại An, ngày Canh Ngọ đã đến Tư Khách, thi

1. Đại Tiểu Trường Sa: Bãi cát tự của Nhật Lễ đến Cửa Tùng là Đại Trường Sa; Bãi cát từ Cửa Việt đến cửa Tư Tiêu là Tiểu Trường Sa.

2. Tư Khách: ở phía nam tỉnh Thừa Thiên - Huế

3. Tông Thái Tổ sai Tào Bân đi đánh Giang Nam, khi di rắn Bân rằng: "Khi bay được thành phán cần thân không được giết hai dân".

4. Cửa Lác: Trong địa phận huyện Hải Thịnh, tỉnh Nam Định.

5. Căn: Phương đông bắc.

6. Khôn: Phương tây nam.

7. Nhâm: Phương tây bắc.

8. Bình: Phương đông nam.

9. Hội Thông: Tục Cửa Hội thuộc tỉnh Nghệ An.

10. Càn: Phương tây bắc.

11. Tốn: Phương đông nam.

12. Tân: Phía tây.

13. Ất: Phía đông.

quyết không có cái lý ấy, có lẽ chỉ là sự cheo nhầm dây thoi.

Lại bàn rằng: Chiêm Thành từ trước đến nay khi thì làm loạn, khi thuần phục không thường. Thái Tông nổi giận dùng binh, một lần ra quân là phá tan nước đó dể như bẻ cành khô, nhanh như đuổi gió, thanh thế chấn động Trung Quốc, nên vua Tông sai người dò hỏi. Từ nhà Đường trở về sau, nước ta mở thông đường sa gồm 16 nơi, sai quan chuyên vận sứ là Đỗ Kỷ xem những nơi nào lợi hại trọng yếu, đều thêm lính thủ. Xem thế, có thể thấy được thế mạnh của nước ta lúc đó.

Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thủ⁽¹⁾ bắt vợ cả vợ lẽ của Sá Dầu và các cung nữ giỏi hát múa khúc diệu Tây Thiên. Sai sứ đi khắp các làng xóm, phù du nhân dân, các quan mừng chiến thắng.

Thang 8, vua kéo quân về. Đến Nghệ An gọi Uy Minh hầu là Nhật Quang đến để an ủi và trao tiết viet⁽²⁾ cho trấn thủ châu ấy, tiến phong tước vương. Trước đây, vua ủy nhiệm cho Uy Minh hầu thu thuế hàng năm của châu Nghệ An và sai đặt trại Bà Hoà⁽³⁾ cho có thể giữ vững được. Và đặt điểm canh các nơi, chứa lương thực đầy đủ. Đến khi ấy quân về được vừa ý vua, đặc biệt được phong tước vương, ân huệ có phần hơn các anh em khác. (Nhật Quang là con thứ 8 của Thái Tổ, trấn giữ đất Nghệ An, có chính sách an huệ, đến khen mất, quân dân nhớ ơn, lập đền thờ ở cửa biển Hội Thống, đến nay vẫn còn). Ngày 1 tháng 9, vua phong cho người phụ nữ trinh tiết của Chiêm Thành là My È là Hiệp chính hựu thiện phu nhân. Lúc ấy vừa về đến hành điện Ly Nhân sai người hầu trong cung gọi My È là phi của vua Chiêm Sá Dầu sang hầu thuyền vua. My È vô cùng phấn uất, ngầm lấy chén chiếu quân vào mình nhảy xuống sông chết, vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp chính hựu thiện phu nhân.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Phu nhân vì nghĩa không chịu nhục, chỉ lấy một chồng cho trọng dời để giữ trọn trinh tiết của người phụ nữ. Người bè tôi mà thò hai vua là người có tội với phu nhân đây. Vua khen là trinh tiết, phong làm phu nhân để khuyễn khích người sau, là đáng lâm thay!

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Thái Tông nghe nói My È đẹp, sai người hầu ngầm vào vào hầu. My È từ chối rằng: "Tôi là dàn bà quê mùa, vợ tên Man moi không được bằng con gái thương quốc, nước nhà, chồng chết, tự cam một cái chết nữa thôi, không biết gì khác", rồi nhảy xuống nước mà chết, dàn dia phương ấy thường đêm nghe tiếng khóc ở bên bờ nước, về sau ngày càng linh ứng, bèn lập đền thờ. Ngầm nghĩ lời bà nói <43a> tượng tượng tiết thảo của bà lâm liệt như bà còn sống. Ôi! Phu nhân xứng đáng là một phụ nữ trinh liệt lâm thay!

Vua từ Chiêm Thành trở về, làm lễ báo tin thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong rồi ngự điện Thiên An để nhận chầu, ban yến ăn mừng thắng trận. Bây tôi dâng hơn 5.000 tù binh và các thư vàng bạc châu báu. Vua ban chiếu cho các tù binh nhận bộ thuộc của

1. Thành Phật Thủ: Kinh đô của Chiêm Thành.

2. Tiết viet: Lá vật làm tin vua trao cho quan ái giữ trấn và tướng ra trấn.

3. Trại Bà Hoà: Nay là xã Đồng Hòa, huyện Tịnh Giá, tỉnh Thành Hòa.

mình cho ở từ trấn Vĩnh Khang ⁽¹⁾ thẳng đến Châu Đăng (nay là Quy Hoà) đặt ra làng xóm, phỏng theo tên hiệu cũ của Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 11, thường cho những người đi đánh Chiêm Thành có công, từ Lục phẩm trở lên thường áo bào gấm, từ Thất phẩm trở xuống thường áo the. Các quan xin đổi niên hiệu là: Thiên Cảm Thánh Vũ, tăng tôn hiệu thêm 8 chữ là: "Thánh đức thiên cảm, tuyễn uy thánh vô". Vua nghe theo và ban chiếu rằng: Di đánh dẹp phương xa, có hại đến công việc làm ruộng, có ngờ đâu mùa đông năm nay lại rất được mùa, nếu nhân dân đã đầy đủ, thì ai để cho trâm không đủ. Vậy tha cho một nửa tiền thuế nám nay, để yên ủi sự lận lội khó nhọc. Vua ban chiếu cho ty Quyền khổ ràng ⁽²⁾, "Ai nhận riêng một thước lụa của người ta, thì xử phạt 100 gậy, từ 1 tǎm đến 10 tǎm <43b> thì tính số tǎm mà tăng thêm đến 10 năm khổ sai.

Ngày 1, tháng 12, đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm, để làm nơi sứ nước ngoài đến nghỉ ngơi.

Nùng Trí Cao đến chầu.

Lại định phép xử tội quân trốn tránh, ban chiếu rằng: Các quân bỏ trốn thì xử theo ba hạng tội lưu. Cấm quan coi ngục sai tù làm việc riêng, ai vi phạm thì xử phạt 80 gậy, thích chữ vào mặt đầy đi tù.

Ất Dậu, Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 2 [1045] (Tống Khánh Lịch năm thứ 5), làm xe Thái Bình, lấy vàng trang sức mui xe bác lén cho voi kéo.

(Xét thấy chữ "Thiên Cảm Thánh Vũ" đã lấy làm tôn hiệu, lại lấy làm niên hiệu là không đúng. Lại xét chữ "la ngã" là cái mui đặt trên lưng voi. Thời Anh Tông lấy voi đã thuận để biểu nước Tống, có mui con voi để vua cưới được trang sức bằng vàng bạc. Sứ cũ chú lại cho là cái bành voi của nước Chiêm Thành, là sai).

Bính Tuất, năm thứ 3 [1046] (Tống Khánh Lịch năm thứ 6), dựng cung riêng cho phụ nữ Chiêm Thành ở.

Dinh Hợi, năm thứ 4 [1047] (Tống Khánh Lịch năm thứ 7), mùa xuân, tháng 3, đặt trấn Vọng Quốc và 7 trạm: Quy Đức, Bảo Ninh, Tuyên Hoá, Thanh Bình, Vinh Thông, Cẩm Hoá, An Dân, đều dựng ụ bia để làm chỗ ngủ lại cho người Man Di <44a>.

Mậu Tý, năm thứ 5 [1048] (Tống Khánh Lịch năm thứ 8), Mùa thu, tháng 9, vua sai Phùng Trí Năng đánh Ai Lao, bắt được nhiều người và súc vật đem về (Ai Lao bắt đầu xuất hiện từ đó). Tổ tiên Ai Lao là người dàn bà, tên là Sa Dài, ở trên núi Lào, thường lội xuống nước bắt cá, chạm phải khúc gỗ chìm rồi có thai, 10 tháng sau sinh con trai, sau khúc gỗ chìm đó hoá ra rồng bay lên cạn và liếm vào lưng người con trai ấy, vì vậy giống người đó chạm vẽ vào người như áo vẽ rồng. Họ chia ra làm nhiều vua nhỏ ở rải rác các vùng hang suối rất xa. Thời Hán Quang Vũ, vua nước ấy là Hiên Lật xin phụ thuộc vào Trung Quốc, bấy giờ mới thông với Trung Quốc. Vào năm Vinh Bình đời vua Hiếu Minh, vua nước ấy là Úc Bảo lại xin phụ thuộc vào Trung Quốc. Nước ấy có tên

1. Trấn Vĩnh Khang: Thuộc huyện Vĩnh Hoá, phủ Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. Quyền Khổ: Kho chứa lụa.

70 người xưng là Áp vương, có hơn 5 vạn hộ. Vua Minh đặt nước ấy làm hai huyện Ai Lao và Bắc Nam⁽¹⁾. Nay giông người ấy rất nhiều, ở đâu cũng có, đều gọi là Lào. Tuy có người khoé người yếu, người giàu, người nghèo, nhưng tục lấy vải hoa quần vào người, rồi vào chùa để tranh giặc thì đều giông nhau, sần vát có ngà voi, tê giác, sáp trắng, vải ném, chiêng đồng rất khéo, không có chữ nghĩa, chỉ lấy la để ghi sự việc. Đất nước ấy, gần với nước ta, công tiến liên tục.

Nùng Trí Cao làm phản chiếm cứ động Vật Ác⁽²⁾. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Đát di đánh, không được rồi trở về. (Xét thấy khi Trí Cao đã thua, liền chiếm cứ châu An Đức, tiếm xung là nước Nam Thiên, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Đát di đánh không thắng rồi trở về. Trí Cao bèn cướp phá Châu Ung⁽³⁾ nước Tống, bắt được chỉ huy sứ nước Tống là Khai Mân. Trí Cao hỏi về tình hình hу thực của Trung Quốc. Mân bảo Trí Cao xin phu thuộc vào Trung Quốc, Trí Cao bèn sai Mân về nước, dâng biểu xin hàng nam tiến công các sản vật <44b> địa phương, lại dâng voi đà thuần, vàng bạc và hòm đựng sách bằng vàng để xin, bây giờ Tống đang hoà thuận với nước ta, vì châu Quảng Nguyên là đất thuộc nước ta, nên khước từ không nhận. Trí Cao ngoài thi xin phu thuộc vào nước Tống không được, trong thi bị triều định ta đánh dẹp, nhận chiếm cứ nguồn lợi ở núi dâm cùng với bon Nùng Kiến Hầu, Nùng Trí Ân mưu cướp biên giới nước Tống. Một hôm, y tự dối sào huyệt của mình và nói dối mọi người rằng. Của tích trữ từ bao lâu, nay bị trời dột hết, không còn gì để sống nữa. đã cùng lâm rủi, phải đánh ha Châu Ung, chiếm Châu Quảng để mà làm vua. Mọi người đều nghe theo, bèn đem 5 000 người men theo Sông Uất xuống phía đông, danh trại Hoành Sơn⁽⁴⁾ rồi phá Châu Ung. Trí Cao lúc đầu muôn phu thuộc vào nước Tống để chống lại nước ta, đến khi thấy thế quân bách, lai sinh lòng căm trả để cầu may. Những mưu đồ tập hợp đã từ lâu, dẫu phải một ngày. Há một cánh quân nhỏ của Thịnh Đát có thể hạ được? Sử cũ chép là "Khi đang giao chiến, trời đát tối sầm lại, bỗng chốc sét đánh trong động, các tù trưởng đồng áy thân thể đều bị xé tan, cả đồng sợ hãi. Trí Cao hòng". Đó là nhận lầm lời nói dối của Trí Cao là thật, nên ghi việc không đúng sự thực. Nay dính chính lại). Lập đồn xá tác ở ngoài cửa Trường Quảng, bôn mua cầu đảo cho được mùa thóc.

Mùa đông, tháng 12, ngày Lập xuân, ban chiếu cho các quan làm lễ đón xuân.

Kỷ Sửu, Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1 [1049] (Tông Hoàng Hựu năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu sử cũ ghi chữ to: Kỷ Sửu năm thứ 6, rồi phân chú là tháng 3 trở về sau là Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1, đổi niên hiệu từ tháng 2, nhưng tháng giêng không có việc gì dâng ghi, nên nay đổi ghi là năm thứ 1).

<45a> Canh Dần năm thứ 2 [1050] (Tông Hoàng Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 6, nước to. Mùa thu, tháng 9, đồng Vật Dương⁽⁵⁾ nổi loạn (xét thấy năm Nhâm Dần niên

1. Bắc Nam: Tức Vân Nam Trung Quốc

2. Vật Ác: Tức miền tây bắc tỉnh Cao Bằng

3. Châu Ung: Địa danh Trung Quốc

4. Trại Hoành Sơn: Địa danh Trung Quốc

5. Đồng Vật Dương: Miền tây bắc tỉnh Cao Bằng

hiệu Quảng Hựu năm thứ 2, vua sai sang nước Tống để xin lại đất đông Vật Ác, Vật Dương. Vua Tông không đồng ý. Có lẽ hai động Vật Ác, Vật Dương, từ sau khi Trí Cao làm phản, thì đất đó đều thuộc nước Tống. Lúc đó nếu dẹp được loạn thì động Vật Dương vẫn lệ thuộc nước ta, vậy về sau sao lại phải xin nước Tống? Sử cũ ghi là đánh dẹp yên là sai).

Châu Ung nước Tống du bon Vi Thiêu Tư, Vi Thiêu Khâm và hơn hai ngàn người ở châu Tô Mậu nhập về Trung Quốc. Vua ta sai người đem thư sang nước Tống để xin lại những người bị dụ ấy. Vua Tống ban chiếu trả về hết.

Tân Mão, năm thứ 3 [1051] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, đặt ra đội Tuỳ xa long quân⁽¹⁾ nội và ngoại, sai Tà kiêu vệ tướng quân là Trần Nǎm trông coi.

Quy định lệ cho các quan văn, võ lâu năm không phạm lỗi gì được thăng tước có thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, cho cả nước được ăn uống và cho nhân dân vài lúa tiên bắc có thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, mở Cảng Lãm⁽²⁾.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 [1052] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, phong cho con trai vua tước vương tước hâu; cho con gái vua <45b> làm công chúa.

Tháng 3, đúc chuông lớn đặt ở thềm rồng, cho dân ai có điều gì oan ức không kêu lên, được thì đánh chuông để tâu lên vua nghe.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Triều nhà Lý đúc rất nhiều chuông, chỉ có chuông này là lưu ý đến việc của dân, nên ghi lại để khen.

Lúc đó, Nùng Trí Cao đã phá được Châu Ung nước Tống, tiếm xưng là Nhân Huê Hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, đặt quốc hiệu là Đại Nam. Biên giới nước Tống đã lâu không phòng bị, nên Trí Cao đến đâu cũng được thoả chí, các tướng ngoài biên phản lớn bò thành chạy trốn. Trí Cao liên tiếp hạ các châu Hoành⁽³⁾, Quý⁽⁴⁾, Dàng⁽⁵⁾, Ngô⁽⁶⁾, Khang⁽⁷⁾, Đoan⁽⁸⁾, Củng⁽⁹⁾, Tâm⁽¹⁰⁾ v.v... rồi đến đánh thành Quảng Châu, treo lên thành mà đánh, đánh đến 5 tuần⁽¹¹⁾ không hạ được. Lại phá hai châu Thiên và Tân, lai chiếm cứ Châu Ung, giết tướng tá nhà Tống hơn 3.000 người, bắt nhàn dân kể đến hàng vạn, đi đến đâu đốt cháy trụi hết. Người Tống lo sợ, Khu Mật sứ nhà Tống là Địch Thành dâng biểu xin đánh. Vua Tống cho Thanh làm Tuyên úy sứ đô đại đê cử, cầm tiết viết đi đánh <46a>.

Quý Ty, năm thứ 5 [1053] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, đông đất 3 lần, ngày 20 tháng ấy có mây không mưa; rồng vàng hiện ra ở gác Thuy Minh

1. Đôn tuy và long quân: Quân đi theo vua.

2. Cảng Lãm. Nay không còn.

3, 4, 10: Địa danh Trung Quốc.

11. Tuần là 10 ngày.

Bây tôi chúc mừng, duy có nhà sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay trên trời, nay lại hiện ra ở dưới đất là điềm không lành".

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Các vua thời nhà Lý đều ham thích điềm lành, cho nên thời đó, từ quan đến dân đều tranh nhau mà săn đón, bắt được một con rồng, liền nói đó là con lân, mọi người theo đó mà cho là con lân; có một cây cổ thụ, nói đó là cổ chí, mọi người theo đó mà cho là cổ chí; một bông hoa lá, nói là hoa ưu đàm, mọi người lại theo đó mà cho là hoa ưu đàm. Thì lúc đó, tất nhiên là phải tâu lên triều đình, ghi chép giao cho sứ quán, rồi mọi người khâm num chúc mừng, không ai nói ra sự sai trái. Cho nên, người viết sử cũng theo đó mà chép. Một cuốn sử đời Lý Thái Tông nào là chép: Châu Hoan dâng con kỳ lân; chép hoa ưu đàm nở ở chùa Thích Ca <46a>, chép cổ chí mọc ở trước điện Thiên Khánh, chép: anh sáng loe lén ở chùa Cố Pháp; chép trời mưa ra thóc thành đóng trước thềm chùa Van Tué; chép rồng vàng hiện lên; chép dấu vết người thần hiện lên, kể ra không biết bao nhiêu cho dù. Thậm chí, con sê tráng đậu ở sân nhà vua, việc ấy sao đáng cho là điềm lành, mà trong sử Thái Tông, Thần Tông cũng thấy ghi đến 2 lần. Bề tôi cả một triều đình, không ai nói được một lời như nhà sư Pháp Ngữ. Cái thói hờn hở xiêng nịnh cũng đáng hổ thẹn đấy. Ôi, giá nhà sư Pháp Ngữ mà thường có mặt ở đó, thi những thú như con ngựa rùa, cưa ngựa, hươu xám, chim tráng, một cây rau 9 ngon, 10 ngon, làm sao mà đến tai vua được! Dịch Thanh nhà Tống chỉ huy 3 tướng và binh lính đến phố Quy Nhơn, Châu Ung, Tri Cao đem quân ra chống, bị Dịch Thanh đánh bại, chạy hơn 10 dặm, tướng tin cẩn của Tri Cao là Hoang Sư Mật và đồng bọn 57 người đều chết tại trận. Quán nhà Tống đuổi theo giết hơn 2.200 người. Tri Cao dốt thành, đến bỏ trốn <47a>.

Mùa thu, từ tháng 7 đến tháng 8 nước lũ to.

Mùa đông, tháng 10. Tri Cao sai người của dâng nó là Lương Châu đến xin hàng ta. Vua ban chiếu cho chỉ huy sứ là Vũ Nhị đem quân cứu viện. Dịch Thanh lại đánh tan quân Tri Cao. Tri Cao chạy sang nước Đại Lý¹. Nước Đại Lý chém Tri Cao rồi bỏ đầu vào hòm dâng vua Tống Họ Nùng từ đấy bị diệt.

Trước đây, Tri Cao cướp phá biên giới nước Tống. Vua Tống sai Khu Mật trực học sĩ là Tôn Miện và Nhập nội áp ban là Thạch Toàn Bân, cùng với Kinh lược sứ bắn lộ là Dư Tinh, đánh dẹp giặc cướp. Vua ta xin đưa quân đánh giúp. Vua Tống cho được tuỳ tiện. Vua bèn sai tướng đem 2 vạn quân đi theo đường thuỷ tiến lên, khi sáp vào cáo quan thì vừa đúng lúc Dịch Thanh thay Dư Tinh, Dịch Thanh tâu với vua Tống rằng: "Muốn quân ở ngoài mà trừ giặc ở cửa nhà mình là không có lợi cho mình. Chỉ một thằng Tri Cao mà sức 2 tinh Quảng vẫn không trị nổi, lại phải muộn quân ở ngoài nếu quân đó nhân dấy mà nổi loạn thì làm sao mà chống được?" Vua Tống bèn ban chiếu thôi viễn

¹ Nước Đại Lý: Là nước Nam Chiếu. Nay thuộc Trung Quốc.

binh của ta. Đến khi Trí Cao xin quân, vua lại nghe theo lời xin của nó. Sau khi Trí Cao bị thua, Mẹ của Trí Cao là A Nùng vào giữ Đặc Ma ¹¹ rồi <47b> thu thập những số quân còn lại được 3.000 người, lại muộn vào cướp phá. An Phủ sứ nước Tống là Dư Tinh đón dốc quan lai bộ thuộc đem quân lính các động tiến vào Đặc Ma đánh úp, bắt được A Nùng và em Trí Cao đều giết chết.

Sử thần Ngô Sí bàn: Thái Tông rộng rãi với Trí Cao, sử trước chẽ điện đó, nhưng không biết rằng đó là án ý quý quyết của Thái Tông dấy, vì Quảng Nguyên là châu ràng buộc của nước ta, mà Trí Cao là tay dữ tàn sú phiến man không thể so sánh với bồ nó là Tôn Phát được. Nó bỗng chọc thân phục, lại bỗng chọc nổi loạn [Thái Tông] vốn coi nó là đứa nháy nhăng, lại toan nương sức của nó để làm binh phong che ở mặt biển giới nước Tống. Cho nên khi Thịnh Dật đưa quân về, vua cũng không để ý. Đang khi nó vây Châu Ung, phá Châu Quảng thì ta mừng là nhà Tống không trị được nó và khi Trí Cao bị thua Dịch Thành thi [Thái Tông] lại thương Trí Cao không đạt được mưu đồ, cho nên ta xin giúp Tống là để xem hai bên thắng và bại sẽ thừa cơ thuận tiên khi Tống không thành công; Ta viên Trí Cao, là thử xem sức nó mỏng hay dày và dõi sự báo đên khi Cao không thất bại <48a>. Nhưng, Vũ Nhị không có công trạng, người Tống khước từ viên binh. Trí Cao trốn rồi chết. Thế là không còn sơ hở nào khác, thời cơ khó gấp là như thế dấy! Sau khi cột đồng chia bờ cõi, trời ngăn cách nam bắc đã lâu rồi. Cho nên rõ cuộc không thể lấy cái đuôi của thiên hạ mà đánh lên cột sống Gáp nhà Tống suy nhược mà còn như thế, huống chi là triều đại khác. Xét thấy Trí Cao đã bại, nhà Tống bèn nhân dắt dai đó mà chia nơi lấn thành châu, nơi nhỏ thành huyện, nơi nhỏ nữa thành động, gồm hơn 50 nơi, rồi đến bon hùng trường làm thủ lĩnh, ghi sổ dân ở đó làm dinh tráng để làm phên dậu cho họ và hình thế đất đai của ta lại ngày càng cách xa hai tỉnh Quảng dấy. Cho nên tôi thường tiếc cho nhà Lý vào dịp đó.

Giáp Ngọ, năm thứ 6 [1054] (Từ tháng 9, về sau là Thánh Tông Long Thuy Thái Bình năm thứ 1, Tống Chí Hoà năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, vua ban chiếu cho Hoàng Thái tử là Nhật Tôn coi chầu nghe chính sự.

<48b> **Sử thần Ngô Sí Liên bàn:** Xem như dưới đây tháng 9 chép là vua không khoẻ, thì tháng ấy ban chiếu cho thái tử ra coi chầu nghe chính sự là việc bất đặc dị.

Tháng 9, vua không khoẻ.

Mùa đông, ngày 1, tháng 10, vua băng ở điện Trường Xuân, thái tử lên ngôi trước linh cữu; đổi niên hiệu là Long Thuy Thái Bình năm thứ 1. Truy tôn hiệu tên thuy cho Đại Hành Hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông, mẹ là Mai Thị làm Kim Thiên Hoàng Thái

1. Đặc Ma: Địa danh Trung Quốc.

hậu, đặt quốc hiệu là Đại Việt. Ban quan tước cho các bệ tông cũ ở Đông Cung theo thứ bậc khác nhau. Cho Bùi Huu làm vân minh điện đại học sĩ.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Sử khen vua là người nhân tri thông minh, có ván vở tài lược, trong lục nghệ không gì không tinh thông vì có tài đức ấy cho nên làm nên việc, nhưng cầu né về lễ yết tiệc vua tôi, đương lúc đau thương mà lai vui chơi, có kem về đạo hiếu, lai mè hoặc về thuyết từ ái của nhà Phật tha tôi cho kè loan thân, trở thành cẩu thả. Đó là chỗ thiếu sót của Thái Tông.*

<49a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ xưa, các báu đế vương nổi lên đều có quốc hiệu. Nhà Thương, nhà Chu, nhà Hán, nhà Đường đặt quốc hiệu bằng những đất được phong, sau nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh, lại tìm riêng những chữ đẹp để đặt quốc hiệu; đều là để làm đúng dân hiếu của một thời đại. ở Trung Quốc không có quốc hiệu mà chỉ lấy họ để ghi thì chỉ có họ Trần ở Giang Tả mà thôi. Nước ta ở vùng trại phía nam, tuy đời này nói đời khác, nhưng vẫn ở trong khu vực đất Việt. Há không nên đặt tên hiệu riêng mà chỉ gọi là "Việt", lấy họ mà ghi sao? Như lấy họ chữ Văn Lang, Vạn Xuân làm hiệu, tuy không phải là tên đẹp cung vẫn là hơn. Nho thần các đời không nói lên được điều đó, chỗ thiếu sót của ván hiên, đáng tiếc thay!*

HẾT QUYỂN II BẢN KỶ DẠI VIỆT SỬ KỶ TIỀN BIÊN

DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYỀN III

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên huý là Nhật Tân là con trưởng của Thái Tông, ở ngôi 17 năm, tho 50 tuổi. Vua khéo nối nghiệp xưa, thực lòng yêu dân, coi trọng nghề nông, thương kẻ bị tội, vỗ về người xa, an úi kẻ gần, sửa sang việc văn, chuẩn bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng là bậc vua tốt. Song làm nhoc sức dân để xây tháp Báo Thiên⁽¹⁾, làm phí của dân để dựng cung Dâm Đàm⁽²⁾, đó là chỗ kém).

Ất Mùi [1057], Long Thuy Thái Bình năm thứ 2 (Tông Chí Hoà năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh làm Thừa Thiên tiết⁽³⁾.

Mùa đông, tháng 10, trời rét, vua sai thám hỏi người tù bị giam và bảo các người xung quanh rằng: "Trẫm ở trong cung, nào ngồi lò sưởi, nào mặc áo cừu, còn rét như thế này, nghĩ đến những người tù trong ngục, khổ sở vì bị trói buộc, kẹ gian người ngay chưa phân biệt được, ăn không được no, mặc không dù ấm, lại bị gió rét bức bách, hoặc có kẻ chét mà vô tội, trẫm rất thương xót họ. Vậy hạ lệnh quan hưu ty⁽⁴⁾ cấp chán chiếu và <1b> cấm ngày hai bữa.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Vua Thành Tông ở Đông Cung* ^{đến} 27 năm, nhận nhiệm vụ xử án và đánh dép. Những khó khăn về điều bí án trong dân gian, không điều gì là không biết, lại sẵn tính ôn hoà, đức nghiệp ngày càng tiến. Cho nên ngay khi lên làm vua, nhân khi rét mướt mà thương kẻ tu giam, suy long yêu con mà thương người trong ngục, suy lòng yêu con mà thương người oan ức trong tù. Ban chiếu khuyên dân làm ruộng, hạ lệnh chấn cấp người nghèo. Yêu dân xuất phát từ đà chấn thành, chấn chỉnh việc văn, khuếch trương việc võ, những chính sự tốt đẹp, sù ghi không ngót. Xét rõ những việc vua làm lối rất ít, thật là bậc vua hiền từ thời Lý dãy. Dù là tu thời thuận tuý, nhưng cũng do vua Thái Tông có dương lối dạy con dãy. Các bậc vua doi sau, hoặc vì muộn sinh hoang tử, hoặc vì giữ nước

1. Tháp Báo Thiên: Tục bảo tháp Đại Thắng từ thiền ở chùa Báo Thiên huyện Pho Xưởng thuộc nới thành Hà Nội ngày nay.

2. Cung Dâm Đàm: ở vùng Hà Tây Hà Nội ngày nay.

3. Thừa Thiên thành tiết: Tiết lễ của thành Võng mènh trai.

4. Hưu tư: Quan giúp việc cho triều đình.

5. Đông Cung: Nơi Thái tử ở.

không được lâu, nhưng phép nha do cha ông để lại không thực hiện được. Duy có Nhân Tông bẩm tính cao siêu thông đạt về sự sống chết, sang suối <2a> trong việc phòIALOG, trong nước yên ổn, không sạt với miếu hiệu là nhân. Từ đời Thánh Tông trở xuống, đức nhà vua ngày càng kém, công tri nước ngày càng thấp, cơ dô nha Lý chum đậm rói mắt. Tuy nói là số trời, nhưng công dạy dỗ và những phép dỗ lai cho con cháu thì những người cầm đầu trong nước há có thể không chú ý sao?

Vua sai sứ sang Tống báo tin Thái Tông mất, Tống sai sứ viếng tế và sứ sách phong cung đến (nhà Tống phong cho vua làm Giao Chỉ quân vương như việc cũ).

Bính Thân năm thứ 3 [1056] (Tống Gia Hưu năm thứ I), mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang công (lần thứ nhất)

Mùa hè, tháng 4, ban chiếu khuyến khích việc làm ruộng

Dinh Đau năm thứ 4 [1057] (Tống Gia Hưu năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, xây hào tháp Đại Tháng tư thiêん, cao vài chục trượng, kiểu làm thành mười hai tầng (tức là tháp Bảo Thiên)

Sứ thân Ngõ Thị Sí bùn: Việc dung tháp không chép vào sù, lần này sao lại chép vào sù. Tục truyền Nước An Nam <2b> có bốn vật là: tháp Bảo Thiên, bùn Quynh Lâm¹, vạc Phố Minh², chuông Quy Điện³ không muốn mất sù thực nên ghi lại từ đầu. Đó cũng thấy được việc làm cho dân uất và.

Vua sai sứ sang Tống, đem biếu con thú lợ, nói là con lợn. Tư Mã Quang nói: "Nếu là con lợn thực, mà dân không phải thời, cũng chẳng lấy gì làm điểm tốt; nếu không phải con lợn thực thì bị người phương xa chế cười. Xin hậu thương cho sứ giả rồi bảo đem về."

Mậu Tuất năm thứ 5 [1058] (Tống Gia Hưu năm thứ 3), mùa xuân, sửa chữa cửa Tường Phủ⁴

Kỷ Hợi, Chương Thành Gia Khinh năm thứ 1 [1059] (Tống Gia Hưu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, danh doanh⁵ Tư Lâm ở Khâm Châu⁶ nước Tống, diêu binh rời về (Theo sách cũ: Việc này do ghét nhà Tống phản phúc, nhưng xét lúc đó nhà Tống mới such phong vua ta, bên ta dâng ta ơn, ngoài biên cương cũng không hiềm khích vậy thì có phản phúc gì đáng ghét. Hay là việc đem quân sang Khâm Châu, do Thánh Tông muốn làm theo chỉ của Thái Tông, muốn thử vũ lực của mình mà không được đầy thời).

Mùa thu, tháng 8, vua ngự điện Thuỷ Tinh cho bách quan chầu, truyền các quan đội mu phác đầu⁷ và di hia mới cho vào <3a> chầu, nghỉ thức vào chầu đợi mู, di hia

1. Bùn Quynh Lâm: Bùn đặt tại chùa Quynh Lâm tỉnh Hải Hưng. Nay đã mất

2. Vạc Phố Minh: Tục truyền vạc này do Nguyễn Minh Không lấy đồng đúc đặt ở chùa Phố Minh, Nam Định. Nay đã mất

3. Chuông Quy Điện: Chuông đúc theo Trần Nhân Tông, đúc xong danh không kêu ben bèo xuống ruộng sâu ở trước chùa Điện Hữu Ruộng này có rất nhiều tua nón nên gọi tên như vậy

4. Tường Phủ: chép là mồ của Tường Phủ

5. Nguyên bản chép chữ "quản", CM chép là "doanh" mới có nghĩa

6. Khâm Châu: Địa danh Trung Quốc

7. Mù phác đầu mู: cuối chầu

bắt đầu từ đây.

Vua định quân hiệu gọi là Ngụ Long, Vũ Tháng, Long Đức, Thân Điện, Phung Thành, Bảo Tháng, Hùng Lược, Van Tiệp, đều chia làm tám húu. Theo phép viết chữ vào trán của thời Tiền Lê quân lính đều thích vào trán chữ "Thiên tử quân".

Sử thần Ngữ Sĩ bàn: Chế độ binh bị của buổi đầu nhà Lý, đại lược phòng theo quân phò vè của nhà Đường, quân Cầm sương của nhà Tống. Gọi thân quân là tháng binh. Cũng có khi gọi là cầm quân, Cầm vè có 10 quân. Mỗi quân có 200 người, đều có tài húu, túc trực lâu dài. Ngoài ra lại có chín quân, như Sương quân để phòng khi điều khiển, sai khiển, mỗi tháng một lần đến phiên gọi di canh, hết han canh cho về quê làm ruộng, hoặc làm công nghè, tự túc lương thực, không cấp lương kho. Khi có việc đánh dẹp lại lê thuộc vào các tướng. Nếu không đủ thi bắt dân làm lính, khi việc đã xong lại tha cho về quê làm ruộng. Cầm quân thì chỉ cấp cho mười bò lúa. Hàng năm lấy ngày mồng 7, tháng giêng mớ tiệc ăn mừng, mỗi người được cấp tiền ba trăm, lúa <3b> vài mồi thứ một tấm; ngày mồng 1 tết là ngày triều hội lớn, cho ăn các thứ cơm nếp và mắm cá. Cơm nếp gọi là đại hoà, ngày thường ăn lương, đều cấp gạo mạch gọi là gạo chiêm. Cho nên ngày tết được ăn đại hoà thì cho là quý. Còn như việc tuyển lựa hoàng nam vào sổ hang, tăng quân cầm vè thì các đời đều có khi theo khi bỏ, còn những phương pháp tuyển lựa và thao luyện thì không biết rõ. Tóm lại, khi đánh nước Tống, khi bình nước Chiêm, đánh dẹp tháng lợi, đều nhờ vào số quân ấy. Không có phi tốn nuôi quân, mà có công hiệu dùng quân, cũng là chế độ hay của một thời đại.

Canh Tý năm thứ 2 [1060] (Tống Gia Hựu năm thứ 5), mùa xuân, chầu mục ở Lạng Châu ⁽¹⁾ là Thân Thiệu Thái đem quân vào Ung Châu nước Tống. Thiệu Thái bắt số lính đào ngũ của ta chạy vào bờ cõi nước Tống, bắt được chỉ huy sứ là Dương Bảo Tài và quân lính, trâu ngựa đem về.

Mùa thu, tháng 7, quân nước Tống sang xâm lấn không được. Khi quân Tống đã trở về, lại sai Lại bộ thị lang là Dư Tinh đến hỏi bàn ở Ung Châu, vua sai Phi Gia Hựu <4a> sang, Tinh đưa biểu Gia Hựu rất hậu và gửi thư xin cho Bảo Tài trả về. Vua ta không cho. (Theo ngoại sử thì việc này quân ta xâm phạm Ung Châu. Vua Tống ban chiếu cho bọn Tri Quế Châu ⁽²⁾ là Tiêu Cố, Chuyển vận sứ là Tống Hàm, Đề lính là Lý Sư Trung, cùng nhau bàn đánh úp quân ta. Lại ban chiếu cho An phủ sứ là Dư Thinh đem quân đến xâm lược. Tinh trở về đưa tờ diệp dụ Chiêm Thành cùng quân Lưỡng Quảng ⁽³⁾ để tiến đánh. Vua ta dâng biểu xin nhà Tống rắn cấm quan lại ở biên giới, phải giữ vững bờ cõi, không nên huy động đại binh. Vua Tống đồng ý, việc động binh bèn thôi. So với bài ghi chép trong sử này hơi khác, đều ghi lai để tiện tham khảo).

Tháng 8, truyền bá khúc nhạc và cách đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công

1. Lạng Châu: Nay là tỉnh Lạng Sơn.

2. Quế Châu: Địa danh Trung Quốc.

3. Lưỡng Quảng: Tức Quảng Đông, Quảng Tây.

hai. Lãm hành cung ở hồ Dâm Đàm để xem đánh cá (Dâm Đàm tức Hồ Tây).

Tân Sửu năm thứ 3 [1061] (Tông Gia Hựu năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, chọn 12 người con gái dân thường vào hâu cung¹⁾.

Quý Mão năm thứ 5 [1063] (Tông Gia Hựu năm thứ 8), năm đó, Tông Nhàn Tông mất. Thai tử là Thư nội ngôi tức là Anh Tông

Giáp Thìn năm thứ 6 [1064] (Tông Anh Tông Tri Bình năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sai sứ sang Tông (cố lẽ là mừng vua Tông lên ngôi). Vua Tông <4b> đem những vật của Nhàn Tông để lai ban cho nước ta.

Mùa hè, tháng 4, vua ngự điện Thiên Khánh xứ kiên. Khi ấy công chúa Đông Thiên hâu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa bảo nguc lai rằng: "Ta yêu con ta, cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, nhân dân không biết gì mà mặc vào hình pháp. lòng ta rất thương Từ nay về sau, không cứ gì nang hay nhẹ, đều nhất luật theo sự rộng lượng.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xem đoạn này ta thấy lòng thành của Thánh Tông thương dân, dung hình phạt rộng rãi, vua với thán mắt với nhau, không có sự ngăn cách trên dưới, phong cách trung hậu giản dị chất phác, dâm ấm. Nói theo đạo do thi thói xấu không thể che lấp; tinh khế dưới không thể không thông, thiên hạ không thể không thịnh trị.

Bính Ngọ Long Chương Thiên Tự năm thứ 1 [1066] (Tống Tri Bình năm thứ 2)²⁾, mùa xuân, tháng giêng, sinh hoàng tử Càn Đức, lập hoàng thái tử, đổi niên hiệu, đai xá. Vua vì thấy tuổi đã cao, trong cung chưa có <5a> người con nào, gặp Ý Lan phu nhân³⁾ lấy về. Chi hâu Nội nhân là Nguyễn Bông đến chùa Thánh Chúa dâng hương⁴⁾ cầu tự (việc này xảy ra năm Quý Mão thứ 5 [1063]). Sau vài nam, phu nhân có thai, đến bấy giờ sinh ra Hoàng tử Càn Đức, hôm sau lập làm thái tử, phong phu nhân làm Thành phi. tục truyền rằng: Khi vua 40 tuổi chưa có con trai, cầu chưa hiệu nghiệm, nhân đó đi chơi kháp các chùa chiền. Xe vua đi đến đâu, con trai con gái dỗ xô đến xem không ngớt, khi đến làng Thương Lối, thấy người con gái hái dâu, đứng tựa vào bụi lan, cho vời vào cung, được vua yêu, phong làm Ý Lan phu nhân, nhân đó sai người đến chùa Thánh Chúa cầu đảo. Nhà sư dạy cho Bông thuật "dâu thai thác hoả"⁵⁾, Bông nghe theo, việc bị phát giác, đem chém Bông ở trước cửa chùa, người sau gọi chỗ ấy là đồng Bông. Chùa ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Đông Bông ở phía tây trước cửa chùa, nay vẫn còn).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Thái tử là căn bản của nước, không lập sớm không được. Kinh Xuân Thu chép: "Con là Đông sinh"⁶⁾ ý cũng bởi đó. Vua Thánh Tông tuổi đã cao, may mà sinh hoàng tử, lập ngay làm hoàng thái tử, để yên lòng mong muôn của muôn dân là phải làm.

1) Hầu cung: Nơi ở của các cung tần

2) DVSKT11 chép "Tống Tri Bình năm thứ 3".

3) Ý Lan phu nhân: Người làng Thương Lối, xã Thủ Lỗi, thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

4) Chùa Thánh Chúa ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

5) Dâu thai thác hoả: Lạm phép cho linh hồn mồ hôi vào thai, để sau này đứa trẻ sinh ra sẽ làm vua

6) "Con là Đông sinh": Năm 706 trước Công nguyên, Lỗ Hoan Công sinh con là Đông. Không Tử glu vào kinh Xuân Thu: "Kinh con là Đông" là ý cùi trong việc này.

Dinh Mùi năm thứ 2 [1067] (Tống Tri Bình năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, các nước Ngưu Hồng và Ai Lao ¹⁾ đến dâng sản vật địa phương như <5b> vàng bạc, trâm hương, sừng tê, ngà voi. Phong cho viên ngoại lang là Nguy Trọng Hoà và Đặng Thế Tư làm đô hộ phủ sĩ sứ ⁽²⁾, đổi 10 người thư lai làm án ngục lai ⁽³⁾. Cho Trọng Hoà và Thế Tư mỗi người lương mỗi năm là 50 quan tiền, 100 bó lúa và các thứ mắm muối; ngục lai mỗi người 20 quan tiền, 100 bó lúa để nuôi lòng liêm khiết.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Thời nhà Lý, trâm quan trong ngoài đều không được cấp bóng lộc, quan trong kinh thịnh thoảng được ban thưởng; quan bên ngoài thi giao cho ho tri dân một phương; cho ho được sai khiển và thu thuế ruộng đất, ao chuồng; cho họ dạy dân cày bừa, đánh cá để thu lợi. Đến khi ấy quan xú kiệt mới bắt đầu có lương bổng hàng năm, nhưng người xú kiệt đáng nuôi lòng liêm khiết, còn người tri dân, làm việc, há riêng họ không đáng nuôi lòng liêm khiết hay sao? Kinh thư có câu: "Ký phú phương cốc" ⁽⁴⁾. Cho nên triều đình có làm phải cho các quan, thi các quan mới làm phúc cho nhân dân. Kể ra thì người nhìn thấy cái đáng muốn mà không muốn như Dương Chẩn ⁽⁵⁾ từ chối <6a> vàng, Lưu Ôn Tầu ⁽⁶⁾ từ chối tiền. Đời có mấy người được như thế. Nếu không được như vậy thì năm được mùa mà con kêu dói, trời ấm mà vợ kêu rét. Có sự nghèo túng như thơ Bắc môn⁽⁷⁾, thì phải có lòng tham lam như loài chim cát ⁽⁸⁾. Đó cũng là ý muôn thường tình. Lấy phong thái của thánh hiền mà đòi hỏi ở thế tục, chẳng thà lấy đạo bình thường để cảm hóa lòng người còn hơn. Cho sói chán đè, cho vịt nuôi chum cát, mặc cho họ bóc lột. Nếu không đặt ra bóng lộc thi những tệ hại sẽ lây lan ra, không có thể nói hết được. Tục ngữ có câu: "Giảm bớt quan lại thì dân mới được thanh nhàn". kẻ tri nước phải coi việc nuôi dân làm đau, gộp các châu huyén, giảm bớt quan lại, bàn việc định cấp bóng lộc là then chốt trong việc nuôi dân.

Giáp Thân ¹⁾ Thịên Huống Bảo Tương năm thứ 1 [1068] (Tống Thần Tông Hy Ninh thứ 1), mùa xuân, tháng 2, chầu Chân Đang dâng 2 con voi trắng, vua cho là diêm tốt, ban chiếu đổi niên hiệu.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Năm thứ 4 niên hiệu Thiên Bình, vua Hiếu Tinh nhà Nguyên Nguy bắt được con voi lớn <6b> ở châu Nam Duyên, bèn đổi niên hiệu

1. Ngưu Hồng: Tên một dân tộc Mán, ngôn ngữ giồng ngôn ngữ Ai Lao. Ai Lao: tên một tộc người Lao ngày nay.

2. Đô hộ phủ sĩ sứ: Giữ việc xét các án con nghi ngờ.

3. Án ngục lai: Quan xú kiệt.

4. "Ký phú phương cốc": nghĩa là làm cho người ta giàu rồi mới có thể bắt người ta làm điều lành.

5. Dương Chẩn: Người thời Hậu Hán, Trung Quốc. Khi ông làm quan, có người đem vàng đến hỏi lò và nói rằng: "Bây giờ dân tôi không ai biết". Ông bèn trả lời: "Trời biết, thần biết, anh biết, tôi biết sao lại bảo không ai biết" và không nhận số vàng ấy.

6. Lưu Ôn Tầu: Người thời Tống, Trung Quốc. Ông làm quan rất hèn khiết được nhân dân mến phục.

7. Bắc môn: Tên một bài thơ trong Kinh Thư.

8. Loài chim cát: Loài chim ác hay ăn thịt các loài chim khác.

9. CM chep năm Mậu Thân.

la Nguyễn Tương⁽¹⁾. *Bấy giờ niên hiệu Bảo Tương của Thánh Tông cũng giống như thế, từ xưa tới nay cái bệnh thích điểm tốt thát giống nhau. Kể ra cái mức đợt niên hiệu là để cho rõ nghĩa thống nhất, thế mà đến nỗi dung loài vật mà đợt niên hiệu thì qua càn rờ.*

Nam dính Tông Anh Tông mâu, Thái tử là Chuyên nối ngôi, tức là Thần Tông. Vua Tông sai sứ sang sách phong (Tiến tước Nam Bình Vương, gia Khai phủ Nghi đồng tam ti, sách cũ chép nhầm là năm Long Chương Đại Tư thứ 2, là việc cũ thời vua Tông Anh Tông, cho nên đổi chép ra đây).

Át Dậu⁽²⁾ năm thứ 2 [1069] (từ tháng 7 về sau là Thần Vũ năm thứ 1; Tông Hy Ninh năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, vua tự cầm quân đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua nước ấy là Chế Cù. Chiêm Thành thường dâng voi trắng, rồi lại quay nhiều vùng biên giới, vua giận tự mình đem quân đi đánh, mãi không hạ được, đem quân về đến Châu Cù Liêm, nghe tin Nguyên phi giúp việc tri nội, lòng dân hoà thuận, trong cõi yên lành, vua than rằng "Nguyên phi là một người đàn bà, còn làm được như thế, ta là đàn ông thì được việc gì?" Lại sang đánh được. Bắt Chế Cù, đem về 5 vạn người (Nguyên phi chuông <7a> Phật giáo, tục gọi là Quan Âm nữ).

Mùa hè, tháng 6, vua đem quân về.

Mùa thu, tháng 7, vua từ Chiêm Thành về đến nơi, làm lễ dâng tù binh ở Thái miếu⁽³⁾, đổi niên hiệu là Thần Vũ năm thứ 1. Chế Cù xin dâng ba châu: Địa Lý⁽⁴⁾, Ma Linh⁽⁵⁾, Bồ Chính để chuộc tội, vua bàng lòng cho, tha Chế Cù về nước. (Địa Lý nay là tỉnh Quảng Nam, Ma Linh nay là châu Minh Linh).

Mùa đông, tháng 10, ngày Dinh Sửu, có tân đò liên sát mặt trời. Vua sai sứ sang Tông báo tin tháng trán, vua Tông ban chiếu phong cho sứ chức quan để tỏ ý yêu quý.

Canh Tuất năm thứ 2 [1070] (Tông Hy Ninh năm thứ 3), mùa xuân, làm diệu Tử Thần

Mùa hè, Tháng 4, han, phát thóc và tiên lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 8, sửa Văn Miếu, dắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phổi⁽⁶⁾, vẽ tượng Thát thập nhị hiên⁽⁷⁾ bốn mùa thờ cúng, Hoàng thái tử đến dâng học.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Thời Lý kể từ Lý Thái Tổ được nước đến bấy giờ, trải qua ba triều đại, gồm 60 năm⁽⁸⁾ mới sửa sang nhà học, thờ cúng thánh hiền, làm lễ khi Hoang tử nhập học. Căn làm chùa chiền <7b> mà hoàn làm trường học, trước trong đạo Phật, sau mới đến đạo Nho. Xin Kinh Phật ở nước Tông, không biết

1. Nguyễn tương: Việt sử tiêu án chép là Thiên tương

2. CM chép là năm Kỷ Dậu

3. Thái miếu: Nơi thờ tổ tiên nhà vua

4. Châu Địa Lý: Nay khoảng tỉnh Quảng Bình.

5. Châu Ma Linh: Là huyện Minh Linh và Đô Linh tỉnh Quảng Bình.

6. Tứ phổi: 4 người được phái lui sang Văn Miếu là Nhơn Uyên, Tăng Sâm, Mạnh Kha và Khổng Cáp.

7. Thát thập nhị hiên: Tức 72 người học trò giỏi của Khổng Tử

8. CM: 55 năm.

sai sứ mày lắn, còn như việc tìm mua sách và thi mãi đến đời Nhân Tông mới bắt đầu thấy, tôn chuông chính học, không bức thiết bằng theo né tin dị doan, thế cho nên lập 7 hoàng hậu, buổi yến tiệc làm 5 quả nút tre, chôn cất ở Thọ Lăng lại không đạt biệt hiệu. Lên ngôi trước linh cữu liên đổi niên hiệu. Nhân lời tôn xưng thô bỉ mà không từ, dâng chum sâu không phải điểm tốt mà không xấu hổ. Ban ơn huê cho bọn gian thần, rộng pháp luật với bọn giặc cướp, diễn lê không biết tố điểm, phap lệnh nhiều điều ngang trái, ở vào thời thái bình mà không có nên chính trị văn minh, cái tệ đó đâu phải không biết duyên do. Chỉ là những bài chiêu, lệnh một thời ấy ôn hoà trung hậu, giản dị có kinh hết như văn chương thời Tiên Hán. Những giấy tờ đưa sang Trung Quốc chưa từng làm mất quốc thể, đó là vì sao? Có lẽ những kẻ tài cao học rộng, hoặc đó là con cháu các bậc công thân được tiến lên, hoặc theo vua từ khu còn ở tiềm đế¹¹ mà được dùng. Còn những người làm văn hay, dùng từ <8a> khéo thì không phân biệt đạo Nho hay đạo Phật đều được chọn dùng. Sách cũ chép là đời Thánh Tông đặt ra khoa bắc sĩ, nhưng sử lại không có, hoặc giả người ghi chép có tra cứu được ở đâu thì lúc đó đã đặt khoa thi về nho học rồi, cho nên dù để tố điểm cho nên thịnh trị một thời chẳng?

Tân Hợi năm thứ 3 [1071] (Tống Hy Ninh năm thứ 4). Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Chiêm Thành sang tiến công (triều Thánh Tông sang công 3 lần).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét thấy biên giới nước Chiêm Thành thi phu năm liền với Nghệ An, sợ ta lấn bức cho nên sửa lề công hiến, còn như sự Chiêm Thành giao thông với Trung Quốc thì là theo lệ các nước phiên bang, ở Giang Tá từ thời Lục Triều cho đến thời Đường thời Tông đều không bò thiêu, lại so nước ta biết chuyện đó, xin tránh nước ta, khiến hai bên không gặp nhau. Khi vào châu vua Trung Quốc thì sứ của ta vào điện Thuỷ Cung còn sứ của họ vào điện Tù Thần, để không nghe biết gì nhau. Từ đời Tống Hy Ninh mới bắt đầu cùng sứ nước ta yết kiến vua Trung Quốc. Thời nhà Trần <8b> [Chiêm Thành] thường vào cướp phá nước ta, lại còn luôn luôn sai sứ sang tố cáo với nhà Minh là bị nước An Nam xâm lược. Thời nhà Hồ, đến voi tráng sang công tiến nước ta, lại nói dối với nhà Minh là đem cống voi nhưng bị nhà Hồ cướp mất. Cuối cùng gây nên cái họa nước Nam bị xâm lược. Người Chiêm quỳ quyết đại loại là nhu vậy, há vi nó là man di xấu xí mà không chú ý sao?

Dịnh tiên thuộc tội theo từng bậc khác nhau. Mùa đông, tháng 12, vua không khoẻ.

Nhâm Tý năm thứ 4 [1072] (từ tháng giêng về sau là Nhân Tông Thái Ninh nam thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, vua băng ở điện Hôi Tiên Dảng tôn hiệu là Ứng thiên sùng nhân chí đạo uy khanh long tường minh văn duệ võ hiến đức thánh thần hoàng đế, niên hiệu là Thanh Tông.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Thương xót kẻ bị hình phạt, yêu thương nhân dân là việc đầu tiên của chính sự đời vua. Thánh Tông lo rằng: tù giam trong ngục,

11. Tiềm đế: Nơi vua ở khi chưa lên ngôi.

hoặc có kẻ không có tội, nhân dời ret mà chết, thi cắp cho chôn chiêu, ăn uống để nuôi sống; lo rằng quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì <9a> nhà nghèo mà nhân tiền đút lót, thi cắp thêm cho tiền lương và thức ăn để nhà được no đủ; lo rằng nhân dân thiểu ăn thì ban chiêu khuyển khích làm ruộng, gấp năm dài hạn đói kém thi ban lệnh chấn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là xuất phát từ chỗ rất thành thực. Hướng chí lai tôn sùng dao học, định rõ chế độ, việc văn được mau chóng cử hành. Bên trong phia nam dẹp nước Chiêm; phia bắc đánh nước Tống. Uy danh lừng lẫy vang dội bên ngoài, dù có việc lâm lỗi nhỏ khác, cũng vẫn là bậc vua hiền. Cơ người bảo là vua nhân nhu có thua mà cương đoán không đủ, nhưng tôi chưa thấy như thế.

Thái tử là Càn Đức lên ngôi ở trước linh cữu, đổi niên hiệu là Thái Ninh. Khi ấy vua mới 7 tuổi, tôn mẹ đẻ là Ý Lan nguyên phi Lê thị làm hoàng thái phi, mẹ đích là Thương Dương thái hậu Dương thị làm Hoàng thái hậu, buông rèm cùng nghe chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành ⁽¹⁾ giúp đỡ công việc.

Bát đầu ngự điện Thiên An coi chầu.

Tha các tú ở phủ đô hô

Sai sứ sang Tống báo tang.

<10a>

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huý là Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 56 năm, thọ 63 tuổi. Vua trên cao, mặt rồng, tay dài qua gối, sáng suốt thàn võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn thi sơ, nước nhỏ thi mến, thân giúp, người theo, nhân dân giàu có đồng đúc, tự mình làm nên thái bình, là bậc vua giỏi của triều Lý. Tiếc rằng mộ dao Phật, thích diêm lành, đó là điều làm lụy cho đức tốt).

Quý Sửu Thai Ninh năm thứ 2 [1073] (Tống Hy Ninh năm thứ 6), trời mưa dầm, rước Phật Pháp Văn ⁽²⁾ về kinh để cầu tanh và cúng thần núi Tân Viên ⁽³⁾.

Giam Hoàng thái hậu Dương thị, tôn Hoàng thái phi làm Linh Nhân Hoàng thái hậu Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không dự chính sự, mới kể với vua rằng: "Mẹ già này khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ giàu sang thì người khác hưởng, sẽ đặt mẹ già này vào đâu?" Vua tuổi nhỏ, chưa phân biệt được phải trái, bèn giam Hoàng thái hậu và thi tử 76 người vào cung Thương Dương ⁽⁴⁾, rồi bức phai chết, chôn theo lang Thanh Tông.

Sử thần Ngô Sí Liêm bàn: Nhân Tông là người nhân hiếu, Linh Nhân là người tôn chuông dao Phật, sao dến nỗi giết mẹ đích <10a>, hám hại người vô tội,

1 Lý Đạo Thành: Người huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh, nay là Hà Bắc.

2 Pháp Văn: Một trong tư Pháp (Pháp Văn, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện).

3 Núi Tân Viên: Ở huyện Bát Xát, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Giang) trên đỉnh núi thi thần Tân Viên.

4 Cung Thương Dương: Cung của Hoàng thái hậu Dương thị ở

tàn nhẫn đến thế ư! Có lẽ ghen là thường tình của đàn bà, huống chi là ме đích mà không được du chính sự. Linh Nhán đâu là người hiền cung không thể nhẫn nại được, cho nên phải kêu với vua. Vua lúc ấy còn nhỏ, chỉ biết chiều lòng mẹ là thích, mà không biết là lỗi lầm. Thái sư Lý Dao Thành phải ra trấn bên ngoài, biết đâu chẳng là do can ngăn việc ấy! Nhà Tông phong vua làm Giao Chỉ quân vương. Thái sư Lý Dao Thành do chức Tả gián nghị đại phu¹⁾, ra giữ châu Nghê An. Dao Thành dùng Viên Địa tạng ở trong miếu vương thánh thuộc châu ấy, đặt tượng Phật và vị hiệu của Thánh Tông ở trong viện sớm hôm thờ phung.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Đao Thành là đại thần cùng ho với vua, đương khi đế tang Thánh Tông, nhân vì việc phải ra trấn ở ngoài, lòng cảm nhớ tiễn đe là thành thực. Nhân mượn tiếng thờ Phật để <10b> thờ vua, đó chỉ là việc làm tam thời mà thôi. Đến sau những người trấn thủ Nghê An, lại lấy làm chỗ phung thờ Thánh Tông, suốt cả thời Lý không ai cho việc ấy là trái. Kể ra thì vua không tệ ở nhà bồ tôi, cha không được thờ ở nhà con thứ, huống chi lại là chỗ man dì. Có lẽ là do lỗi của nhà Lý, chuộng dao Phật dày.*

Mùa xuân, nhà Tống dùng Trâm Khởi làm Tri Quế Châu²⁾ mưu xâm lược nước ta nhà Tống từ khi Vương An Thạch cầm quyền, thích cầu mong lập công ngoài biên giới. Tri Ung Châu là Tiêu Chú sán đón ý của Vương An Trạch, dâng sớ nói rằng: "Giao Chỉ tuy dâng lễ triều cống, nhưng thực là giữ hai lòng, nếu nay không lấy, át gày tai họa về sau. Có người lại nói: nước ta bị người Chiêm đánh bại, quân còn lại không dày van người, đánh lấy rất dễ. Nhà Tống liền cho Tiêu Chú giữ Quế Châu chuẩn bị việc đó. Tiêu Chú vào châu vua Tống hỏi kế hoạch đánh lấy, Tiêu Chú lại cho là khó. Đô chỉ phản quan là Trâm Khởi nói nước Nam nhỏ bé, không có lẽ nào không lấy được <11a> vua bèn dùng Khởi thay Chú. Khởi nhận chiếu chỉ ở An Thạch, bèn môt lòng sinh sự quấy nhiễu

Giáp Dần năm thứ 3 [1074] (Tông Hy Ninh năm thứ 7), mùa xuân, có con sê tráng đến đậu ở cẩm định.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: *Sê tráng là con vật nhỏ dại ở cẩm định, cũng chẳng phải là việc lạ, thế thì nó là điểm gì mà nhà viết sử cũng được chép vào. Khi ấy chắc cũng vì có người phò trương việc đó rồi tám tắc khen là la đáy. Tê hại thay sự ham thích của nhà vua không thể khiến cho người ta dò xét được. Từ khi con sê tráng dại ở cẩm định được liệt vào loại điểm tốt, do đó những điểm lợ như rồng vàng, hươu đen, phượng đẹp, rùa ngũ sắc, môt ngon cõi, môt thân cây, đều nhan nhản, chép rồi lại chép, không chỉ một lần là hết, đều bắt đầu từ con sê tráng đó. Từ xưa, những thời đại rất thuận hoà, trời không tiếc dao, đất không tiếc của quý. Từ đời Hoàng kè Đường Nghiêu trô xuồng, chưa từng nghe thấy cái gì xuất hiện trùng điệp, chỉ riêng đời Lý Nhân Tông lại có nhan nhản như thế! <11b> ngay như việc nhà viết sử ghi chép: Năm thứ 6 niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ, vua đến hành cung Ly Nhân, Nội thương thị là Mẫu Du Đô vang chỉ tuyên bố với ba quan rằng: "Con rồng vàng hiện lên ở nhà bí diệu trong hành cung, chỉ có hoan quan và*

1. Giản nghĩ đại phu Xưa là 1 chức quan, sau đó chỉ là hạm.

2. Tri Quế châu: Chứa tri châu ở Châu Quế

"cung nữ nhìn thấy", riêng một việc này cũng thấy được cùng một lời với bức thư của trời trong niên hiệu Tương Phu⁽¹⁾ "Sự ham muốn của nhà vua đã thiên lệch thi những kẻ san don ý vua, xu nịnh như điện, như dai lại có thể nói hết được sao? Thế là mặt trời thi nói là sáng trở lại, mặt trăng thi nói là tròn trở lại, sương thi nói là sương ngọt, tuyết thi nói là tuyết lành. Điểm tốt của trời còn nói được, thi những loài chim sâu cây có la vật nhỏ non có gì chẳng nói được. Hơn nữa xét về dai Nhân Tông nói về điểm lành khi bát đậu là chép con sé tráng đến điểm cuối cũng cũng là chép con sé tráng thế thi việc chép con sé tráng gọi là điểm lành cũng được mà gọi là điểm gờ cũng được.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Cả thời nhà Lý đều thích điểm lành, mà sự ham muốn của Nhân Tông <12a> lại càng tha thiết, đâu là chuộng đạo Phật, mà ý của Nhân Tông là muốn câu khán, thêm vào đó là ý của Linh Nhân nươn sám hối. Cho nên việc xây dựng cang nhiều, trên thi thích điểm tốt thành nghiêm; dưới thi xu mi như điện. Đã thêm vào anh sáng của mặt trời, mặt trăng, lai biểu cả tính chất của loại côn, loại thú. Còn rùa thi ghi nhiều hơn trong thiên Lê vạn⁽²⁾, còn Hươu thi ghi nhiều hơn trong thơ Linh dài⁽³⁾, người trị lâm ra điểm lành, mọi vật đều có thể cho là điểm tốt. Sự ham muốn thiên lệch, dài sau bát chước. Cho rằng có thể nêu rõ điểm lành, phô trương tri lý. Do đó mà có những việc bát được rùa thi nhận tôn hiệu, bát được voi thi dâng biểu mừng. Dâng một con thú, một hạt châu, không ai là không được thang quan, miễn tội. Thế mà Nhân Tông thi không có con, Thân Tông thi mất sớm, chính trị ngày càng rối, trộm cướp ngày càng nhiều, cơ nghiệp nhà Lý dần dần suy yếu rồi mất. Vậy thi điểm lành có ích gì? Còn như cái lối về việc sung Phật, trước đã bàn cái tệ ấy rồi, duy Nhân Tông sung đạo Phật thái quá đến nỗi bát cung nữ tuân tang⁽⁴⁾ ở hoà đàn. Phong cho sự chùa là quốc sự <12b> do lại là những lối rất lớn. Nay xét trong một giai đoạn sứ triều Lý, trước sau gần nam mươi lần chép về điểm lành (Kỳ Nhân Tông) bàn cù mươi lần chép về rồng vàng hiện ở Thiên Phu Due Vũ năm thứ 6, vua đến hành cung Lý Nhân, Trung Thừa là Mâu Du Đô tuyển chỉ cho quan viên trong ngoài rằng: "Rồng vàng hiện ra ở bì điện, trong hành cung, chỉ có cung nữ và hoan quan trông thấy", đây là điều tu lừa dối hết mức. Lại năm Anh Vũ Chiêu tháng thứ 8, ghi: "Rồng vàng bay từ điện Tư Thần đến điện Hội Long. Cũng thế, 6 lần ghi dâng hươu tráng, 1 lần ghi dâng hươu đen. 2 lần ghi dâng mang tráng, 1 lần ghi dâng chim phượng nhỏ, ghi hổ tráng, ngựa tráng, sinh cưa, mỗi thứ một lần, 1 lần ghi dâng ngựa dò, sinh cưa. 4 lần ghi chim sé tráng, 1 lần ghi cá vàng, 4 lần ghi con rùa, 1 lần ghi cây lúa chín bông. 1 lần ghi mưa ra lúa và cây ưu bát đản nở hoa, 2 lần ghi tuyết lành. 1 lần ghi mặt trời sáng trở lại, 1 lần ghi mặt trời 2 quăng tròn, 1 lần ghi mặt trăng

1. Trong niên hiệu Tương Phu, đời vua Cảnh Tông nhà Tống có tấm lụa vàng kén lên nóc của Thừa Thiên, linh giù của bài cao roi tàu lên vua, vua cũng các quan ra đơn rước ở điện Triều Nguyệt, gọi là bức thư của trời (Tống sử).

2. Thiên lê văn. Một thiên trong Kinh Lê.

3. Thủ Linh dài. Một bài trong Kinh Thủ.

4. Tuần tang. Chôn theo. Khi vua Thành Tông chết, Hoàng thái hậu và 70 cung nữ đều bị chôn theo.

2 quăng tròn, 1 lần ghi móc ngọt. Vua tay viết vào bia mây chữ: "Thiên hạ thái bình; thạnh cung van tuế", sau tho khác, 1 lần ghi cây cau 1 gốc 12 ngon, một lần ghi 9 ngon, 1 lần ghi ngọc bích trắng. 1 lần ghi khôi vàng sống. Ngoài ra những thứ như voi trắng, hoa vàng do người Chiêm công thì không du vào số ấy. Người tho, người đàn bà đều được ghi tên, những loài cầm thú nhỏ mọn dem dâng đều được vua nhận, duy sư Vương Ái, dâng cây cau 1 gốc 7 ngon, Thái sư là Trần Đô nói là không dâng coi là diêm tốt, liền bỏ đi, và 2 lần từ khước việc dâng ngọc, cau mà thôi). Chép việc nhà Phật lớn nhỏ gần 30 lần. (Nhân Tông vi muôn con trai, ý muôn cầu khán, cho nên nhiều lần dựng chùa, làm cổ chay. Hoàng thái hậu cũng hối lại việc làm cho Thương Dương Thái hậu và thị nữ phải chết vô tội, muôn dược sám hối rửa oan, dựng nhiều chùa thờ Phật, trước sau hơn 100 ngôi chùa. Hoàng hậu cũng cho là thiên hạ vô sự, di chúc khắp núi sông, muốn <13a> xây dựng chùa tháp. Năm Long Phù Nguyễn Hoá thứ 5, vua xây 2 tháp bạch manh chùa Diên Hưu, xây 3 tháp thạch manh ở chùa Lâm Sơn, lại sửa lại chùa Diên Hưu, đào thêm ao, Liên Hoa dài ở quê cũ đặt tên là Linh Chiếu, bên ngoài ao làm một hành lang bao quanh, bên ngoài hành lang lại đào ao Bích Tri, đều bắc cầu để thông qua, trước sân dựng bảo tháp để đèn ngày rằm, ngày mồng một hàng tháng và ngày mồng 8 tháng 4 xe vua đến, làm lễ cầu phúc. Đặt ra nghi thức tắm bụi, háng nám đặt làm lễ thường, lại đúc chuông lớn ở chùa Diên Hưu, đúc xong đánh không kêu, vứt bỏ ở ruộng Quy Diền cửa chùa, ruộng tháp ướt sinh ra nhiều rùa người bấy giờ gọi là chuông Quy Diền; lại quy định các chùa trong thiên hạ, làm các hang dài danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam, chùa có điện nô, có kho của. Cho quan van quý chức kiêm chức đê cù, thường mở ra hội khánh thành tháp Thát Bảo, dân sứ Chân Lạp đến xem; mở ra hội khánh thành thiền Phật, dân sứ Chiêm Thành đến xem. Việc làm chùa, dựng tháp, mở hội không thể kệ hết được). Đây có lẽ khi ấy ghi vào cuốn lịch hàng ngày, người viết sử bèn theo thứ tự trên dưới tung năm, lần lượt ghi hết vào. Biết đâu Kinh Xuân Thu không ghi diêm lành, thánh nhân không nói việc quý thần quái dân. Huống chi những vật tẩm thường nhỏ mọn, không phải là diêm lành; những thuyết hư vô tịch diệt không phải là giáo hoá, không liên quan đến chính thể; lại có hại đến đạo làm người. Tên của những kẻ vợ già người hen; những việc như nuôi sư tám But, há cũng đáng ghi vào thực lục sao? <13b> Cuốn Việt sử bị lâm của quan Nội các Nguyễn Nghiêm viết về mùa xuân năm đó, có con sé trắng đậu ở cẩm đình, dưới phân chính văn thì chia chú tóm tắt cả những câu chép về diêm lành làm một khoảnh: Năm Anh Vũ Chiêu Tháng thứ 2 chép: "mở hội nhân vương" dưới phân chính văn thi chia chú tóm tắt cả những câu chép thờ Phật làm một khoảnh. Làm như thế cũng dù bô được cái tê ghi chép rườm rà của sứ cũ, tiện cho học giả dễ xem, cũng là một cách chép sù dây.

Chiêm Thành lại quấy rối biên giới.

Cho Lý Đạo Thành làm thái phó, Bình chương quân quốc trọng sự ⁽¹⁾.

Ban chiếu cho các công thần 80 tuổi trở lên đều ban cho ghế ngồi, gây chóng để vào chầu

⁽¹⁾ Bình chương quân quốc trọng sự. Một chức quan tri công giang trại và nông.

Ất Mão năm thứ 4 [1075] (Tống Hy Ninh năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, chọn người thông kinh học rộng vào thi nho học tam trường, Lê Văn Thịnh được dự vào hàng trung tuyển, cho vào hâu vua học (Văn Thịnh người làng Đồng Cứu, huyện Gia Định)⁽¹⁾.

Mùa đông, tháng 11, sai bọn Lý Thường Kiệt⁽²⁾ chia đường sang đánh Tống, đánh ba Châu Khâm, Châu Liêm⁽³⁾. Trước kia, quan Tư Quế Châu nhà Tống <14a> Trâm Khởi ở châu ngâm ngâm khởi binh ở Mạn Đông, đóng thuyền tập thuỷ chiến, làm kế đánh ta, lại dùng nộp Tri Ân sảnh châu là Nông Thiên Mỹ vào nội địa [Trung Quốc]. Vua Tống cho là gãy càn thu hán ở ngoài biển, liền bãi miến Thâm Khởi cho Lưu Di thay. Lưu Di nghe lời tướng hiêu, cho là nước ta có thể lấy được, muôn gây cho sinh biến, mượn cớ mà khởi binh. Cảm các châu huyện không được buôn bán với nước ta. Vua ta lại xin vua Tống trả lại Thiên Mỹ và 700 người thuộc dân ở Tống về. Di giữ biếu lại không dâng lên, vua giận sai Lý Thường Kiệt và Tôn Dân đem hơn 10 vạn binh, chia làm 3 đường tiến đánh: một đường từ phủ Quảng Châu tiến sang, một đường từ Khâm Châu tiến sang; một đường từ cửa ai Côn Lôn (Côn Lôn nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây) tiến sang. Thường Kiệt liên tiếp vây hãm Châu Khâm, Châu Liêm giết 8 nghìn người thế định. Tôn Dân bao vây Châu Ung. Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết bị chém tại trận. Vua Tống nghe được tin này, bắt Khởi đi đày, <14b> an trí tại Châu Sinh⁽⁴⁾ và gạt bỏ tên của Di.

Bính Thìn năm thứ 5 [1070] (từ tháng 4 về sau là Anh Vũ Chiêu Tháng năm thứ 1, Tống Hy Ninh năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, Tôn Dân đánh hạ Châu Ung. Trước kia Dân bao vây Châu Ung. Tri châu Tô Giảm cố sức giữ, quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chõng bao dát trào lên thành mà tiến. Thành bị hạ, lệnh cho thân thuộc trong nhà 36 người chết trước, chôn xác vào hòi, rồi châm lửa tự đốt chết. Người trong thành cảm ân nghĩa của Giảm, không một người nào chịu hàng, thế là quân ta giết sạch quân trong thành tài cả hơn 5 vạn 8 nghìn người, cộng với số quân bị giết ở các Châu Khâm, Châu Liêm có đến hơn 10 vạn người. Bọn Thường Kiệt bắt sống quân 3 châu ấy đem về. Tô Giảm nhà Tống đã chết, vua Tống nghe được việc ấy, ban chiếu truy tặng Giảm làm Phụng quốc Tiết độ sứ đặt tên thụy là Trung Dũng, cho một khu nhà lớn ở kinh thành, mươi khoanh rộng rãi, cho 7 người họ thân làm quan. Cho con là Nguyên làm Các mòn chí hâu (Trước kia đất Quảng Tây nhà Tống có 20 đồn binh, bọn chỉ huy việc binh bị cõi gắng sửa sang. Từ khi Lưu Di tâu xin bãi bỏ chính sách binh, mà dùng <15a> tay giao, gây làm lính thủ thì quân đội đều bắc nhược, không thể địch nổi với ta. Thường Kiệt lại khéo dùng binh, tướng sĩ đều vui vẻ theo mệnh lệnh cho nên đi đến đâu lập công đến đó).

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Nước ta đánh nhau với quân Bắc triều nhiều lần, từ vua Nam Đế trả về trước, khi thắng khi bại không thường. Những việc cũ đã trôi

1. Gia Định: Tức huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc ngày nay.

2. Lý Thường Kiệt: Người lang Thác Hoa thành Thăng Long, tức là Hà Nội ngày nay.

3. Châu Khâm, Châu Liêm: Địa danh Trung Quốc.

4. Châu Sinh: Địa danh Trung Quốc.

qua, về sau Ngò Tiên chủ⁽¹⁾ đánh thắng ở Bach Dang, Lê Đại Hành tháng trận ở Lạng Sơn; Trần Nhân Tông đánh bại Toa Đô, bắt sống Ô Mã Nhi, đánh đuổi Thoát Hoan, đều là bệ gác lùi giặc mạnh, khi nó đang ngang ngược, làm cho thế nước lâm liệt, không ai xâm phạm được, những chiến thắng oanh liệt là câu chuyện tự hào của ta. Nhưng đều là giặc đến dắt nước, bắt đặc dị mà phải ứng chiến, những hình thái nó vất vả ta nhàn rỗi khác nhau, thế ta là chủ, nó là khách cũng khác nhau. Con như đường đường chính chính bày trán gương ca, đem 10 vạn quân tung hoành dì sâu vào đất khách phá tan quân ba châu như bê gác cùi khô, khi ở nước họ không ai dám đương mũi nhọn; khi kéo quân về không ai dám đuổi theo sau. Dụng binh như thế há chẳng phải là việc ít có của nước ta sao? Cho nên tôi cho là chiến dịch ở Châu Ung, Châu Liêm là <15b> võ công bậc nhất từ trước đến nay. Lý Thường Kiệt là một hoạn quan, lập được công trạng thắn kỵ, người Tông phái hổ thẹn với ta nhiều lắm. Có người hỏi: Tại sao không đánh trống tiến lên, dù không đến được đất Biện Lương⁽²⁾ thì cũng khôi phục được đất cũ của Triệu Đà? Ta trả lời rằng: biết người biết mình thì đánh trăm trận cũng không nguy, đó là phép hay trong việc dùng vũ. Xét thấy, chiến dịch này nước ta rõ ràng được binh uy. Người Tông cho là nước ta đang mạnh, muốn lấy án ý mà vỗ về, từ đó những lễ nghi tiến công và hình thức giấy tờ đều không dám trách móc hà khắc, chỉ sợ trái ý ta lại sinh ra thù hận. Đến thời Anh Tông, nhằm giấy tờ qua lại không hỏi với Súy ty Quảng Tây và Ung Châu thì dùng 2 tấm ván sơn đen ghép buộc vân thư, rồi khắc chữ lên, gọi là vân thư ván ghép. Văn thư của Súy ty biên châu báo với ta cũng dùng hình thức này, thư của nước ta chỉ liệt tên vài vị đại thần, chữ trong án thi đe là "Nam Việt quốc án" (án nước Nam Việt) sau lại dùng án "Trung thư môn hạ" <16a> người nhà Tông đều không dám hoạnh hao, chỉ dùng thuyết giàn dị với người xa để tu giải đáp. Về sau lại đặt tên nước cho nước ta, làm cho cõi nam thêm hùng tráng, vây thi nhà Lý được thắng lợi với nhà Tông cũng nhiều rôi.

Sai Lý Thường Kiệt tống lính chư quân đi đánh Chiêm Thành, không được rõ trả về. Thường Kiệt đánh Chiêm Thành không được bèn vẽ dia dồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu mộ nhân dân đến ở đây. Cho Thường Kiệt làm thái úy (xét theo sử cũ: Thường Kiệt đánh Chiêm Thành việc xảy ra sau tháng 8 mùa thu năm Quý Mão thứ 4 [1063] Nay tham khảo sử nhà Tông. Thường Kiệt đánh Châu Khâm, Châu Liêm vào mùa đông năm Ất Mão [1075] đánh Châu Ung vào mùa xuân năm Bính Thìn [1076], vây không có lẽ quãng giữa lai gác sự với Chiêm Thành. Sử Bị lâm cho rằng: quân ở Châu Khâm, Châu Liêm đã về, Thường Kiệt mới bắt đầu mở chiến dịch đánh Chiêm Thành, có thứ tự hơn hấy theo như thế).

Tháng 3, nhà Tông sai Quách Quỳ làm chiếu thảo sứ. Triệu Khế làm phó, hợp với quân ở Chiêm Thành, Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Trước đây Vương An Thạch nhà Tông nghe tin Châu Khâm, Châu Liêm bị công phá đã không vui, lai thấy <16b> bài lô

1. Ngò Tiên chủ: Tức Ngò Quyền.

2. Biện Lương: Kinh đô nhà Tông

bô⁽¹⁾ của nước ta nói rằng: "Nhà Tống thi hành phép thanh miêu⁽²⁾ miễn dịch⁽³⁾ làm cho nhân dân cùng khổ, nay ta xuất quân là muôn để cứu giúp nhân dân". Vương An Thach càng giận, bèn dùng Thiên Chương các thị ché là Triệu Tiết làm chiêu thảo sứ đem quân tiến đánh. Tiết nói: "Quách Quỳ lão luyện về việc ngoài biên, xin cho làm sứ, còn mình làm phó. Vua Tống nghe theo lời đó cho tổng lính tướng quân, hợp với các nước Chiêm Thành, Chân Lạp sang xâm lấn.

Vua sai Lý Thường Kiệt đón đánh quân Tống ở sông Nhu Nguyệt⁽⁴⁾. Quách Quỳ lui quân về lấy châu Quảng Nguyên, Thường Kiệt đón đánh tan quân Tống ở sông Nhu Nguyệt, quân Tống chết đến hơn nghìn người, Quách Quỳ đem quân rút lui lại lấy các châu Quảng Nguyên của ta. Tục truyền rằng Thường Kiệt dập luỹ làm rào ở dọc sông để cõi giữ, một đêm các quân sĩ chợt nghe ở trong đèn Trung tướng quân⁽⁵⁾ có tiếng đọc to rằng:

*Nam quốc sơn hà Nam dế cư
 Tiết nhiên phản định tại thiên thu
 Như hà nghịch lồ lai xâm phạm
 Nhữ dâng hành khan thủ bại hú.
 (Sông núi nước Nam vua Nam ở
 Cõi bờ ngã cách tự sách trời
 Có chi quân giặc sang xâm lấn?
 Thật bại bay xem sẽ tới nơi).*

Rồi sau quả như thế. Trương tướng quân anh em hai người, anh tên là Hồng em tên là Hát, đều là tướng giỏi của Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương bị Lý Nam Dế đánh bại, mất nước, Nam Dế vời cho làm quan, hai người cùng nói:

"Bè tôi trung không làm quan với vua đã làm hại chúa của mình". Rồi ăn náu ở núi Phù Long Nam Dế vời mấy lần không chịu ra, mới hạ lệnh ai chém được đầu hai người thi thường nghìn vàng <17a>. Hai người đều uống thuốc độc chết. Ngô Nam Tấn đánh giặc Lý Huy ở Châu Tây Long. Khi đóng quân ở cửa Phù Lan mộng gặp hai người đều nói rõ họ tên. Và nói rằng: Thiên đế thương là người bày tôi trung không hai lòng, liền bổ chức Lang quân phó tuân vũ lượng nghị giang Chi Man nguyên tuân giang Đô bộ quốc thân vương, lập đền thờ ở sông Nhu Nguyệt; em là Tiểu dương giang Đô bộ quốc thân vương, lập đền thờ ở cửa sông Nam Quân.

1. Hai lô bài: Bài hịch do Lý Thường Kiệt viết, nội dung kể tội ác của Vương An Thach và nhiệm vụ của mọi người phải đánh dẹp để cứu dân.

2. Phép "thanh miêu": Là lối nhà nước cho nhân dân vay lãi, đến mùa sau khi gặt hái xong thì trả. Đây là chính sách do Vương An Thach đặt ra.

3. Phép miễn dịch: Cũng là chính sách do Vương An Thach đặt ra. Chính sách này là không cho 1 đội tướng nào được miễn đóng tiền miễn dịch hàng năm kể cả người ở chua, người con một, người làm quan v.v....

4. Sông Nhu Nguyệt: Tức Sông Chu thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay.

5. Đền Trương tướng quân: Tức đền thờ Trương Hồng Trương Hát ở bờ sông Nhu Nguyệt.

Xét Chích Quái lục và Đật thư chép là: năm thứ 2 niên hiệu Thiên Bảo đời Lê Đại Hành, bọn Hậu Nhân Bảo nhà Tống xâm lược nước Nam, đến sông Đại Hoài, vua cùng với tướng quân Phạm Cự Lạng đem quân đến sông Đà Lô đánh chông nhau với quân Tống, đêm mồng gặp hai người tự xưng họ tên như trước và nói: đã từng theo Tiên Ngõ Vương đi đánh dẹp, lại từng thờ Nam Tân Vương. Kịp khi Dinh Tiên Hoàng khởi binh. Nghe tiếng búa bách triệu vào, vì nghĩa không chịu khuất phục, đều uống thuốc độc chết, thiên đế ghi sự trung tiết, đều cho thông linh quý binh. Nay quân địch đến sát bờ cõi, nguyên báo ơn cho nước. Bỗng một hôm giữa ban ngày mà trời tối mù mịt, mưa to gió lớn nổi lên, trong quân Tống có tiếng hét lớn như trước, bèn không đánh mà tan, quân Tống dã về, vua bèn phong cho hai vị thần, một vị là Khước dịch đại vương, lập đền thờ ở ngã ba sông Long Nhãn¹, một vị là Uy linh đại vương, lập đền thờ ở sông Nhu Nguyệt. So với đoạn này hơi khác, hãy giữ cả hai thuyết.

Lại xét Tống sử và sách khác ghi chép: Quân Quách Quỳ tiến đến đóng ở ái Quyết Lý sai tướng lấy lại Châu Ung, Châu Liêm, còn mình tự cầm quân đi về phương tây, tiến đến sông Phú Lương², quân ta cưỡi thuyền đón đánh, quân Tống không thể qua được. Triệu Tiết sai tướng lại dẫn gỗ làm công cụ, máy bát đá xuống như mưa; thuyền chiến của quân ta đều tan nát. Bọn Tiết nhân đó đặt quân phục kích chém đâu vài nghìn người. Thái tử là Hồng Chí chết tại trận. Lúc đó quân Tống có 8 vạn người, chết đến 6 phần mươi. Quỳ không dám vượt sông Phú Lương, liền dẫn quân rút lui. Chiếm các Châu Quảng Nguyên <17b> Tư Long, Tô Mậu³ và huyện Quang Lang⁴ của ta. Đoạn này so với sử nước ta chép nhà Tống bị thất bại có khác nhau. Trộm nghĩ Hồng Chí không phải là thái tử đã rõ ràng rồi, hoặc là các tước vương có ai bị tử trận mà khi ấy ta giấu việc đó đi, hoặc là bọn Quỳ giấu sự thất bại bày ra công trạng để làm chiêu công. Nếu không phải là như vậy thì 8 vạn quân chết mất quá nửa, sông Nhị Hà chỉ cần thả một chiếc lá lau mà không dám bơi ngang qua, để một mạch thẳng đến kinh sư thì làm gì có chuyện thắng ta được. Bọn Quỳ muốn trốn cái tội không có công trạng, mới đặt ra lời nói lão ấy. Chỉ có bốn châu một huyện gần kề biên giới nhà Tống, bị nó cướp lấy đất, bắt lấy dân thì là có thôi. Sách Quế Hải tri của Phạm Thành Đại nói: Quân của bọn Quách Quỳ đến, quân ta dùng voi cự chiến, bị người Tống lấy dao lớn chém voi, voi chạy quay trở lại tự giẫm vào trận địa, quân ta tan vỡ, quân Tống thừa thắng chiếm huyện Quang Lang, người trông coi huyện ấy là con rể của vua, trốn tránh trong đám cỏ, thấy quân Tống xéo ăn thịt những người bị nó bắt được, cho là thiên thân. Quân Tống đóng ở sông Phú Lương, giết thái tử, bắt đại tướng, vua sợ hãi dâng biểu xin quy thuận nộp tiền công Vua Tống cho là Quỳ không tiến, dân Chiếu được nước ta, truất xuông làm Vũ vê thượng tướng quân. Lời nói đó có lẽ là khoác lác chưa chắc đã thực. Nhưng lại nói: chiến dịch này điều dân phu hơn 87 vạn, tiên và thóc cũng tương xứng, mà rut cuộc không thành

1. Sông Long Nhãn ở tỉnh Hà Bắc ngày nay.

2. Sông Phú Lương: Tức Sông Cầu.

3. Châu Quảng Nguyên, Châu Tô Mậu: Đầu là địa danh thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Châu Tư Long không

4. Huyện Quang Lang: Thuộc tỉnh Cao Bằng.

công, thế thi ho cũng chưa từng giấu việc của nước ho, nhân dân ghi lại cả để thấy việc khi ấy nước ta tướng van tướng vô thuần hoà, đánh giữ đều giỏi, cho nên nhà Tông dù huy động binh lực đến mức tốt cùng, rốt cuộc vẫn thoả chí như thế, có thể thấy được thế nước và sức binh của ta. Lai xét theo sử cũ, năm Dinh ¹ Anh Vũ Thiên Thắng năm thứ 3 [1077], tháng 2, ghi là: đại cử binh đánh Châu Khâm, Châu Liêm nhà Tông, đánh tiếng là nhà Tông thi hành phép "thanh niên" miễn dịch, tàn hại nhân dân Trung Quốc nên ta đem quân đến hỏi tội là muôn cứu nhau dây. mùa đông, tháng 12, Triệu Tiết nhà Tông sang xâm lược, không đánh được phải trở về, nay tham khảo sử nhà Tông thì năm đó chưa từng có việc nam bắc gây binh <18a> trộm nghỉ việc đánh tiểng trong tờ lô bô là σ lúc mới xuất binh, mà Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ đồng thời sang xâm lược. Phải là vào tháng 12 năm Bính Thìn [1076] sử cũ ghi nhầm làm 2 việc, tập lâm bờ di là dung sự thực nay ta theo).

Mùa hè, tháng 4, đại xá. Đổi niên hiệu. Ban chiếu trưng cầu người nói thẳng.

Cát nhắc những người hiện có tài văn võ, chia ra cai quản quân dân. Chọn quan viên van chức người nào biết chữ cho vào Quốc Tử Giám.

Dinh ² Anh Vũ Chiêu Tháng năm thứ 2 [1077] (Tông Hy Ninh năm thứ 10), mùa xuân, tháng 2.³ [tổ chức] thi Lai viên bằng các môn viết chữ tính toán và hình luật.

Mâu Ngọ năm thứ 3 [1078] (Tông Nguyên Phong năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sửa lại thành Dai La

Sai Dao Tông Nguyên đem biểu nhà Tông 5 con voi dã thuận và xin trả lại các châu Quảng Nguyên, Tô Mâu đã mất và những người bị bắt.

Nhà Tông hẹn là ta phải trả lại tất cả những người dân bị bắt ở Châu Ung, Châu Khâm, Châu Liêm, đưa hết sang biên giới, rồi sau họ mới trả lại cho ta.

<18b> Ất Mùi ⁴ năm thứ 4 [1079] (Tông Nguyên Phong năm thứ 3). Mưa bão, được mùa Canh Thân năm thứ 5 [1080] (Tông Nguyên Phong năm thứ 3, mùa thu, tháng 8, vua xem đua thuyền (xét thấy triều Lý hàng năm đến mùa thu, tháng 7, tháng 8 có đua thuyền). Nhân Tông năm đó và năm thứ 1 niên hiệu Đại Khánh vua ra điện Hội Quang xem đua thuyền, đặt ra lễ yến tiệc mùa thu. Từ đó về sau, mỗi năm xem đua thuyền, đặt yến cho là lễ thường. Niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1. Vua ngự ra điện Linh Quang ⁵ xem đua thuyền, đặt lễ tiệc long vàng.

Tân Dậu năm thứ 6 [1081] (Tông Nguyên Phong năm thứ 4), Mùa xuân, trả lại cho nhà Tông những dân binh bị ta bắt được ở ba Châu Ung, Khâm, Liêm. Trước kia ta hẹn sẽ trả lại Tông 1 000 người quan lại bị ta bắt, đến bấy giờ ta mới đưa trả 221 người. Con trai từ 15 tuổi trở lên đều thích vào trán chữ "Thiên tử binh". Từ 20 tuổi trở lên thì thích chữ "Dâu nam triều quy" (dâu hàng nam triều trả về). Con gái thì thích vào tay trái chữ

1. DVS KTT chép là tháng 3 thi Lai viên

2. Thành Dai La. Tên Kinh đô khi Cao Biền sang cai trị nước ta. Sau Lý Thái Tổ đổi là Thăng Long.

3. Ất Mùi. DVS KTT chép năm Kỷ Mùi.

Theo chung tôi năm Kỷ Mùi là dung

4. Điện Linh Quang ở bên sông Nhị Hà.

"quan khách" dùng thuyền chờ, lấy bùn trát kín cửa sổ, trong dốt đuốc, khiến cho họ không phân biệt được ngày và đêm, đưa bằng đường biển tất cả mệt mỏi tháng mới về tới nơi, người Tống rất cảm túc.

<19a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Triều Lý xem rẻ người Tống cũng quá lạm dấy Chia binh làm ba đường, khua chiêng đánh trống, lấn sâu vào đất người, phá thành chém tướng, giết hai nhân dân, bắt lấy con trai con gái, toàn tháng trả về, không người nào dám chống lại. Đến khi người Tống đưa thư xin trả lại những người bị bắt, quân dân 3 châu chỉ trả lại hơn 200 người, lại thích chữ vào tay vào tran để làm nhục, thế mà người Tống trả lại đất 4 châu 1 huyện và những người bị bắt không sai lời ước hẹn. Nếu không phải cây vào sức binh hùng cường, thế nước thịnh vượng mà được như thế sao? Nhưng việc thích chữ thì là ngạo mạn, việc trát đất lên thuyền thì là xảo quyết, sau đó nào là đẽ chữ "sát đất" ¹ dùng kế dùi thuyền ² tuy rằng dù để giải sú phản uất của ba quân, khoái chí một thời, nhưng không khỏi kích động lòng hờn giận của Trung Quốc, khơi lên mối nghi ngờ cho kẻ địch, không phải là đạo sự mệnh trời để giữ nước. Sau khi Thái Tổ triều ta bình định quân Ngô đem những quân quan, dân quan và các quân nhân đã bị bắt sống được <19b> hơn một vạn người, đường thuỷ thì cấp tàu thuyền, đường bộ thì cấp phu ngựa, đưa hết về nước, người Minh cảm lòng tin thuận liền thông hiếu với ta, trong khoảng 100 năm, Nam Bắc hoà thuận. Việc binh dao không xảy ra, tác dung của bậc anh hùng đủ làm phép cho muôn thuở.

Nhà Tống trả lại ta 4 châu 1 huyện. Trước kia khi Quách Quỳ xâm lược nước Nam, các châu huyện bị mất về nước Tống, nhà Tống đổi châu Quảng Nguyên làm Thuận Châu⁽³⁾ cho các môn sứ là Dao Bật trông coi việc châu, ngoài ra đều theo tên cũ, đặt quận thủ trấn giữ, dùng xen người địa phương làm trưởng suy. Bật bị chết, quan quân liên tiếp bị chết vì khí độc núi rừng, người Tống sinh chán, đến khi được nước ta trả lại người bị bắt ở 3 châu Ung, Khâm, Liêm, nhà Tống bèn trả lại đất ấy cho nước ta. (Người Tống có thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" [vì tham voi Giao Chỉ bỏ mất vàng Quảng Nguyên]. Có lẽ chỉ việc biểu voi để xin lại đất này. Theo sử cũ thì: Kỷ Mùi năm thứ 4 [1079] ghi: "Nhà Tống đem Thuận Châu trả cho ta". Tân Dậu năm thứ 6 [1081] ghi "ta trả dân 3 châu Ung, Khâm, Liêm bị ta bắt, được về nước Tống, vì có nhà Tống đem các châu Quảng Nguyên trả lại cho ta". Giáp Tý năm thứ 9 [1084] ghi: "nhà Tống đem 6 huyện 3 động trả cho ta". Người Tống có thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" là sau khi sai Vạn Thịnh đến trại Vĩnh Bình ⁴. <20a> bàn việc biên giới. Xét ra nước ta xin lại các châu Quảng Nguyên thì người Tống hẹn ta trả lại người bị bắt ở ba châu Ung, Khiêm, Liêm. Đến năm Tân Dậu thứ 6 [1081] ta mới trả về, thì người Tống há chịu trả châu Thuận cho ta trước, về việc trả người bị bắt của 3 châu là trước kia ta hen xin Quảng Nguyên, rồi sau ta mới trả người bị bắt đây.

1. Sát đất: Nghĩa là giết giặc Nguyên, thể hiện lòng quyết tâm đánh giặc Nguyên.

2. Kế dùi thuyền: Khi trả Ô Mã Nhị về, ta đã dùng kế này để nó bị chết đuối.

3. Châu Thuận: Tức châu Quảng Nguyên (xem thêm chú thích 2 Bản kỵ q. 3 tr 391).

4. Trại Vĩnh Bình: Địa danh thuộc Trung Quốc (CMch 6)

Lại sau khi Văn Thinh bàn việc biên giới, nhà Tống trả lại cho ta là đất khác chứ không phải là Quảng Nguyên, thế mà lại dẫn câu thơ "tham voi mất vàng" làm chứng? Lại những đất khác do nhà Tống trả là 6 huyện đông chứ không phải là 3 đông, khảo xét không rõ ràng, thứ tự lắn lộn, làm sai sự thực đương thời cho nên đính chính lại.

Mùa đông, tháng 10, Thái sư Lý Đạo Thành mất.

Trước kia bà thái hậu Linh Nhân rủ mành, Lý Thương Cát làm quan "ngự trù" (ngự trù là tên riêng của hoan quan triều Lý) được vua thân yêu cho tham dự chính sự. Đạo Thành không hợp với ý Thương Cát liền bị bô ra làm quan bên ngoài; khi ông lại vào phụ chính, hết lòng giúp đỡ chính sự triều đình, kế hoạch biên giới được nhiều điều bổ ích, đến khi ông mất, ai cũng thương tiếc.

Quý Hợi năm thứ 8 [1083] (Tống Nguyên Phong năm thứ 6), mùa xuân, vua thân duyệt hang hoàng nam⁽¹⁾ định làm 3 bậc.

Danh châu Quy Hoá, trước kia Lưu Kỳ ở châu Quảng Nguyên đem quân đánh lấy châu Ung Quản, tri châu Quy Hoá là Nông Trí Hội đem con là Tiên An đón đánh có công, nhà Tống cho Tiên An làm quan Cung phụng <20b> đến khi ấy mượn tiếng là đuổi bắt Trí Hội, đánh lấn châu ấy.

Giáp Tý năm thứ 9 [1084] (Tống Nguyên Phong năm thứ 7), mùa hạ, tháng 6, sai Thi lang bô Bình là Lê Văn Thịnh sang Tống bàn việc biên giới. Họp với hữu giang Tuần kiểm nhà Tống là Thành Tác ở Quảng Tây bàn về biên giới Thuận An⁽²⁾, Quy Hoá. Văn Thịnh đến nơi, mọi việc đều lựa chiểu uốn nắn, không hề biện bác, chỉ từ từ lấy lý mà giảng giải, có câu rằng: "Bối thân này không dám tranh chấp". Vua Tống nghe tin, ban chiểu cho Văn Thịnh là biết theo ý kinh thuận, ban cho áo dài rồi nhân đó trả cho ta 6 huyện thuộc Bảo Lạc⁽³⁾ 6 đông thuộc Túc Tang ở phía ngoài cửa ái.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Văn Thịnh đáng được gọi là viên sứ giỏi, thung dung chu đáo, không cần nhiều lời, mà làm cho vua Tống phải khen, trả cho 6 huyện đã bị xâm chiếm, tài đó chưa để mà có được. Cuối cùng vì nưu làm phản mà phải chịu tội, làm bại thành danh, để lại tiếng xấu. Có thể gọi là <21a> có chút tai mà chưa được nghe đạo lớn đó chăng? Lại xét Phạm Thành Đại nói rằng: nhà Tống từ năm Đoan Cung đến năm Gia Hựu cho đến nay, các châu đông ở Lưỡng Giang nhập vào đất Giao Chỉ là 62 thôn, đến nay trở thành hùng mạnh. Có lẽ nhà Tống án hán vì đất dai bị mất nhiều, khi ấy ta nhân uy thắng lợi, giữ thế hùng cường, người Tống nhiều lần phải trả lại bô cõi đã xâm lược cho ta, lại đặc biệt cho hợp cho chung. Cuối cùng lại đất tên nước cho ta. Sau này hối về những việc đó, nhưng không thể đổi được. Tiếp sau nhà Lý cho đến ngày nay, nước An Nam ta trở thành nước lớn dũng mãnh. Bàn về thế nước thì không thời nào mạnh hơn thời Lý.

Ất Sửu Quảng Hựu năm thứ 1 [1085] (Tống Nguyên Phong năm thứ 8), cho Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

1. Hoàng nam: Con trai đã đến tuổi di lính.

2. Thuận An: Tức xã Phu Nghĩa huyện Hát Bat, tỉnh Hà Tây ngày nay

3. Bảo Lạc: Tức 2 huyện Bảo Định và Đề Định tỉnh Tuyên Quang. Ngày nay nhập vào tỉnh Cao Bằng.

Năm đó, Tống Thần Tông băng, thái tử là Hù lên ngôi, tức là Triết Tông.

Bình Dần năm thứ 2 [1086] (Tống Triết Tông Nguyên Hựu năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, thi người có văn học trong nước <21b> sang làm quan Hàn lâm viện.

Mạc Hiển Tích ⁽¹⁾ trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Dinh Mão năm thứ 3 [1087] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, xây dựng gác bí thư ⁽²⁾.

Vua Tống phong vua ta tước Nam Bình Vương.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến chùa Lâm Sơn, ban đêm ban yến cho quân thần. Vua thân làm 2 bài thơ "Lâm Sơn dạ yến" [Đêm ăn yến ở chùa Lâm Sơn]. Mậu Thìn năm thứ 4 [1088] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, phong nhà sư Khô Dầu làm quốc sư (có người nói là: "ban cho tiết viet, cùng với Tể tướng đứng trên diện xét, đoán công việc và việc kiện tụng của thiên hạ", chưa chắc có việc như thế. Có lẽ vì bấy giờ Nhân Tông sùng Phật, muốn hỏi về việc nước, cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt mà thôi, sử cũ chưa như thế là đúng).

Đặt 10 người hoà thư gia ⁽³⁾.

Kỷ Ty năm thứ 5 [1089] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, định các chức văn võ và tụng quan tang lưu.

Quân nhà Tống vào châu Thạch Tê ⁽⁴⁾ (xét thấy quân này chắc là đuổi bắt bọn trốn tránh và thỗ quan kinh lược, tình cờ vào bờ cõi nước ta, rồi lại trở về ngay, không gây sự tranh chiếm gì khác, cho nên ta cũng không hạ lệnh đưa quân đi ứng chiến và không chép vào sách).

Đảo sông Lãnh Kinh.

<22a> Canh Ngọ năm thứ 6 [1090] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 5), xây dựng cung Hợp Hoan (xét thấy, đời Nhân Tông, ngoài việc xây dựng chùa chiền, còn xây dựng cung điện lâu dài thì có 5 lầu. Năm đó xây dựng cung Hợp Hoan. Năm Kỷ Sửu, Long Phù thứ 9 [1009], mùa xuân, xây dựng đài Động Linh. Năm Canh Tý, Thiên Phù Duệ Vũ thứ 1 [1120], mùa đông, tháng 10 xây dựng đài Chung Tiên Quý Mão năm thứ 2 [1123], tháng 11, xây dựng đài Tử Tiêu. Giáp Thìn năm thứ 5 [1224], mùa đông, tháng 10, xây dựng đài Uất La. Những việc xây dựng cung điện, không khỏi làm cho dân cùng khổ, lại còn nhiều lần làm hại đến nông nghiệp trong khi thu hoạch. Cho nên ghi lại những việc ấy, và chép ra đây để chê trách).

Tân Mùi năm thứ 7 [1091] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 6), mùa xuân, vua ngự đến Lạng Sơn xem bắt voi (Nhân Tông xem bắt voi đến 30 lần: năm đó là năm Kỷ Hợi, Hội

1. Mạc Hiển Tích: Người làng Long Đông, huyện Chi Linh, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

2. Gác bí thư: Nơi để sách của nhà vua.

3. Hòa thư gia: Tên mật chức quan cũng như "nội hoà thư gia".

4. Châu Thạch Tê: Nay là huyện Thạch Lâm tỉnh Cao Bằng.

Tướng Đại Khánh thư 10, mùa xuân, tháng giêng đi Khoái Trường⁽¹⁾. Quý Mão Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 4 [1123]. Tháng 2, đi Long Thuỷ Hải⁽²⁾.

Mùa đông, tháng 11, cho Hà U làm thiếu úy trước dien tiền chư quân sự.

Nhâm Thân năm thứ 8 [1092] (Từ tháng 8 về sau là Hội Phong năm thứ 1, Tống Nguyên Hựu năm thứ 7), mùa thu, tháng 8, đổi niên hiệu là Hội Phong.

Được mùa to.

Dinh thuế ruộng, thu tô mỗi mẫu 3 tháng, để cấp lương cho quân.

Giáp Tuất năm thứ 3 [1094] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sai Hàn lâm học sĩ là Mạc Hiển Tích sang sứ <22b> Chiêm Thành, dời lễ tiến công hàng năm.

Kỷ Hợi⁽³⁾ năm thứ 4 [1095] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 2), mùa xuân, các vương vào chầu. Tháng 6 đại hạn. Thủ tú, giảm thuế khoá.

Trời mưa

Bính Tý năm thứ 5 [1096] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, Lê Văn Thịnh mưu lâm phản, an tri ở Sông Thao⁽⁴⁾. Trước đây Văn Thịnh có tên đầy tớ riêng người nước Đại Lý⁽⁵⁾, tên này có phép biến hoá kỳ lạ. Khi ấy Thịnh làm chức Tam công, cầm quyền chính trong nước, tự cho là trong quần thần không có người nào dám khinh rẻ mình, bèn mạnh tay lâm phản. Gặp khi vua đi chơi hồ Dâm Dảm, ngự trên thuyền nhỏ xem đánh cá, chợt có mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng thuyền bơi đến, tiếng mái chèo rào rào, từ xa đến gần, vua lấy giáo đâm vào. Chỗ lát mây mù tan, thấy trong thuyền có con hổ, mọi người sợ tái mặt, hốt hồn ròng việc nguy lâm rồi! Người đánh cá là Mục Thân⁽⁶⁾ quăng lưới trùm lên trên con hổ, thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh. Vua thấy Văn Thịnh là đại thần, có công giúp đỡ <23a> không nỡ giết chết, dày lén dấu trại Sông Thao. Thường cho Mục Thân quan chức và của cải, lại cho đất Tây Hồ làm ấp an lộc.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Người làm tội định cướp ngôi, giết vua mà được miễn tội chết, là sai hình pháp đầy. Có lẽ đó là lỗi của vua tin sùng đạo Phật.

Dinh Sửu năm thứ 6 [1097] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu kiểm định các lệ, phỏng theo điển cũ.

Mùa thu, tháng 8, sao mọc ban ngày.

Mậu Dần năm thứ 7 [1098] (Tống Nguyên Phù năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, đông đất

Sao chổi mọc.

1. Khoái Trường: Địa danh huyện Cẩm Thuỷ.

2. Long Thuỷ Hải: CM chép là Long Thuỷ Hiệp.

3. Kỷ Hợi: DVSHTT chép năm Ất Hợi, là dung.

4. Sông Thao: ở phía bắc huyện Tam Nông tỉnh Hưng Hóa tức miền Sơn La, Lai Châu ngày nay.

5. Nước Đại Lý: Địa danh Trung Quốc.

6. Mục Thân: Người huyện Vĩnh Thuận tức Hà Nội ngày nay.

Canh Thìn năm thứ 9 [1100] (Tống Nguyên Phù năm thứ 3), mùa đông, tháng 12, có bệnh dịch lớn.

Năm đó, Tống Triết Tông băng, em là Cát nối ngôi, tức là Huy Tông.

Tân Ty Long Phù năm thứ 1 [1101] (Tống Huy Tông Kiến Trung Tỉnh Quốc năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu. Cho Thái úy là <23b> Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán sảnh dô áp nha, hành điện nội ngoại dô tri sự.¹⁰

Nhâm Ngọ năm thứ 2 [1102] (Tống Sùng Ninh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, nước to.

Quý Mùi năm thứ 3 [1103] (Tống Sùng Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, thái hậu phát tiền trong phủ, để chuộc những con gái nhà nghèo đi bán đợ mình, đem gà cho những người nghèo không có vợ.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Con gái nghèo đến nói phải đợ mình làm nương; con trai nghèo đến nói không có vợ, đó là những người dân bản cùng trong thiên hạ. Thái hậu dung vân mện cho họ, đó là thi hành chính sách nhân nghĩa đấy.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Thương Dương Thái hậu ở đâu? 76 thi nữ chết và tội đều không thể sống lại được, lại nghỉ đến những người con gái nghèo khổ không chồng và những người dân khốn cùng không biết kêu vào đâu. Muốn mượn cái nhân nghĩa nhỏ nhen này để cầu phúc. Phật có linh thiêng nên không cho <24a> hối đáy.

Mùa đông, tháng 10, Lý Giác ở Diên Châu làm phản. Vua sai bọn Lý Thường Kiệt dẹp yên. Trước đây, Giác học được thuật lạ, có thể biến cỏ cây thành người, mới chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu ấy đáp thành làm loạn. Việc đến tai vua, vua sai bọn Lý Thường Kiệt đi đánh, Giác thua trốn sang Chiêm Thành. Dư đảng đều bị dẹp.

Chiêm Thành sang cướp phá biên giới. Trước kia Lý Giác trốn sang Chiêm Thành nỗi hết tình hình hư thực của ta, vua Chiêm là Chế Ma Na nhân thế đem quân vào cướp phá, lấy lai ba châu Địa Lý do Chế Cù đã dâng khi trước.

Giáp Thân năm thứ 4 [1104] (Tống Sùng Ninh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sai Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành thắng lợi. Người Chiêm phải nộp lại đất đã xâm lấn

Tháng 3, định lại binh hiệu của quân cấm vệ.

Ất Dậu năm thứ 5 [1105] (Tống Sùng Ninh năm thứ 4), mùa xuân, tể thân Cao Môi⁽²⁾.

Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt mất. Lý Thường Kiệt nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì có tướng mạo đẹp, tự thiển <24b> sung chức Hoàng môn chi hâu. Ông từng thờ 3 triều vua, đánh Tống, binh Chiêm, công lao danh vong ngày thêm lớn, được vua thân yêu hơn hẳn các quan. Đến khi mất, tang chức Nhập nội điện dô tri kiêm hiệu thái úy, binh chương quân quốc trọng sự, tước Việt quốc công; cho áp an lộc một vạn hộ. Cho em là Lý Thường Hiến kế phong tước hâu (Thường Kiệt người

1. Hành điện nội ngoại dô tri sự: Trong chức của bắc đao thân.

2. Thân Cao Môi: Thân về việc sinh con trai.

phương Thái Hoà thành Thang Long. Khi còn trẻ là Hoàng môn chỉ hâu thờ Thái Tông, dần dần thăng lên đến chức Nội thị vệ hán đô tri, Thành Tông phong làm thái bảo, ban chiếu cho tiết viết, di xét hỏi các lai dân ở Thành Hoá Nghê An. Đến khi vua di đánh Chiêm Thành, được làm Tiền phong tướng quân, bắt được vua Chiêm là Chế Cú, vì có công được phong chức phu quốc thái phó, giao chức tiết độ, đồng trung thư môn hạ, thương tru quốc, thiên tử nghĩa dê phu quốc thương tướng quân, tước khai quốc công. Đến nay vì có công, được phong thái úy rồi mất.

Bình Tuất năm thứ 6 [1106] (Tống Sung Ninh năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương tây, dưới dài khớp trời

Sao Thái bạch mọc ban ngày

Đại xa cho thiên hạ, trừ bon đảng nghịch

Dinh Hợi năm thứ 7 [1107] (Tống Đại Quan năm thứ 1), mùa hạ, động đất.

Mùa Tý năm thứ 8 [1108] (Tống Đại Quan năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, dập dê ở phương Cự Xa⁽¹⁾

Mùa hè, không <25a> mưa

Kỳ Sửu năm thứ 9 [1109] (Tống Đại Quan năm thứ 3), mùa thu, bọn phản nghịch là Tô Hầu và Đỗ Sung mưu lâm phản, bị giết.

Tân Mao Hồi tướng Đại Khánh năm thứ 2 [1111] (Tống Chính Hòa năm thứ 1), mùa thu, được mưa to

Nhâm Thìn năm thứ 3 [1112] (Tống Chính Hòa năm thứ 2), ban chiếu chọn người tôn thất để lập làm con nối dõi

Quý Tỵ năm thứ 4 [1113] (Tống Chính Hòa năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, phu nhân của cháu mực cháu Chân Dang là công chúa ho Lý mất (phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phùng Cần Vương⁽²⁾). Thành Tông nuôi ở trong cung; khi lớn lên được phong công chúa, gả cho cháu mực Châu Dang. Người họ Lê, phu nhân tự thề ở goá, di tu, đến khi ấy mất, thọ 72 tuổi. Thành Tông tôn làm ni sư.

Sử thần Ngõ Thị Sí bàn: Chỉ một lần sau khi ghi về việc Bình Dương gả con gái cho Thiệu Thái, còn tất cả các cháu mực lấy công chúa đều không ghi, ở đây vẫn theo như sách cũ mà ghi là khen sự toàn tiết.

Ất Mùi năm thứ 6 [1116] (Tống Chính Hòa năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, lập 3 hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên, <25b> Chẩn Bảo và 36 cung nhân. Bấy giờ vua không có con trai, nên lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, làm dàn chay để cầu tư.

Bính Thìn năm thứ 7 [1116] (Tống Chính Hòa năm thứ 6), mùa hè, tháng 6, em vua là Sung Hiên hứa sinh con là Dương Hoán (trước đây vua tuổi đã nhiều, mà không có con trai, ban chiếu chọn con nhà tôn thất để nuôi). Em vua là Sung Hiên hứa cũng chưa có con, vua gấp lúc núi Thach Thát là Từ Dao Hạnh đến chơi nhà Sung Hiên

1. Phương Cự Xa: Nay thuộc xã Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội.

2. Phùng Cần Vương: Tên Tỵ Thái Tông.

3. Nữ: Vì số nữ giới.

Hầu nói về việc cầu tư Dao Hanh hen rằng: "Bao giờ phu nhân sắp sinh thì phải báo tôi biết trước". Sau phu nhân là Đô thi có mang, đến khi ấy trở da mài không đẻ được. Hầu nhớ lại lời dân của Dao Hanh, sai vội đến báo. Dao Hanh vội thay áo chạy vào hang núi trút xác mà chết. Phu nhân liền sinh con trai, tức là Dương Hoan. Thach Thát là tên huyền, tức huyện Ninh Sơn ngày nay, sau đổi là An Sơn. Phật Tích là tên núi ở thôn Thiện Phúc, xã Lật Sài ngày nay. Núi cao chót vót sáng đẹp, nổi lên ở giữa đất bằng, trên có hang động, trong động có ngăn dầu và vết chân in vào đá, những đà ở bên cạnh đều hình vẩy rồng. Dao Hanh trú tri ở núi này, vì phù hợp với vết in dầu và chân, tục nhân đó truyền là chỗ Dao Hanh trút xác. Dao Hanh đã chết, người làng cho là việc la, để xác của Dao Hanh vào trong khám mà thờ. Hàng năm ngày mồng 7 tháng 3, con trai con gái hối họp ở chùa ấy là cuộc vui chơi của một vùng. Người đời sau ngoa truyền đây là ngày kỷ của nhà sư Xác của Dao Hanh đến khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh thiêu huỷ. Người làng lai dấp tượng để thờ, cũng được thờ ngang với tượng của Thần Tông. Năm Quang Thuận triều Lê, sai Nguyễn Đức Chính đến cầu tư ở trong động, thi lợ thay cõi phiến đá ở đâu bay đến. Chính mang về dâng vua, thế rồi Trưởng Lạc Thái hâu <26a> nằm mơ có con rồng vàng bay vào hông bên phải, liền sinh ra Hiển Tông. Từ đó ngày càng linh thiêng, đến nay trở thành nơi nổi tiếng.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Dâ sù chép Dao Hanh là con Từ Vinh, nhà ấy nổi tiếng về phép thuật, chứ không phải là cao tăng; các tăng thi trong lòng sáng suốt, thấy rõ chân tinh, dầu lại đưa pháp thuật để mê hoặc người ta; huống chi như việc trút xác dầu thai, thuyết quái gở. Người ta nhận được khi tinh tú thì trở thành thánh nhân; người chiu khi nha bẩn là người phàm tục, làm gì có chuyện kiếp trước kiếp sau. Sử cũ chép về việc Dao Hanh từ trước năm Nhâm Thìn thứ 3 [1112], đến nay là năm thứ 7, Dao Hạnh trút xác. Đặc biệt ghi lên dòng chữ lớn, rồi lấy việc Dương Hoán sinh ghi tiếp phía sau. Đó chẳng phải là ý tôn phù đạo chính, ngăn chặn tà gian. Cho nên đem gộp cả những việc ghi chép trong năm Nhâm Thìn và Bình Thành làm một, mà chia chung ở dưới việc Dương Hoán sinh. Hãy truyền lại tôn nghi.*

<26b> Dinh Dậu năm thứ 8 [1117] (Tông Chính Hoà năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, Diên Thành hầu (tên là Khâm) mất. Ban chiếu bài bỏ trò chơi "tàng cưu"⁽¹⁾ và mở tiệc ăn mừng. Phát vàng, bạc, tiền, lụa ở kho để phúng rát hâu.

Tháng 2, định rõ lệnh cấm giết trâu bò. Hoàng thái hậu nói: "Gần đây, ở kinh thành, hương ấp nhiều người trốn đi làm nghề trộm trâu bò, trộm ho cùng quần, mây nhà cày chung nhau một con trâu bò. Trước đây ta đã từng nói đến việc ấy, nhà nước đã lệnh cấm, nay giết trâu bò lại nhiều hơn trước". Vua bèn ban chiếu rằng: kẻ nào mổ trộm trâu bò thì phạt 80 gậy, đồ làm khao giáp⁽²⁾, vợ người ấy bị phạt 80 gậy, đồ làm tang thất phụ⁽³⁾ và phải đền lại trâu bò. Nhà láng giềng không tố cáo thì phạt 80 gậy.

Tháng 3, vua đến núi Chương Sơn rồi lại đến hành cung ứng Phong xem cày ruộng

1. Tàng cưu: Trò chơi giữa vua với các lieu thân trong cung đình

2. Đồ làm khao giáp: Bị đày đi phục vụ cho quân đội.

3. Đồ làm tang thất phụ: Bị đày làm người phục dịch cho nhà chôn cất

công ưng Phong nay thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng⁽¹⁾

Tháng 6, trời không mưa, vua cầu mưa ở hành cung ưng Phong (nhân khi đi xem cây ruộng)

Mùa thu, tháng 7, Ý Lan hoàng thái hậu băng, hoả tang, đem 3 người thị nữ chôn theo, dâng tên thụy là Phú Thánh Linh <27a> Nhân Hoàng thái hậu.

Sứ thần Ngũ Sí Liên hàn: Hoả tang là giao ly đạo Phật; chôn theo là phong tục nhà Tần, Nhân Tông đều làm cả hai việc ấy. Hoặc giả là theo lời dạy của Thái hậu chàng?

Tháng 8, chôn ở Tho Làng phủ Thiên Đức (chôn Linh Nhân Hoàng thái hậu).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Khái Thụy xem gặt. Nuôi con người lòn thát ở trong cung. Lập Dương Hoán con của Sung Hiên hâu làm hoàng thái tử. Ban chiếu rằng: "Trăm tri muôn dân, mà mãi không có con nối dõi, ngài hau của thiên hạ truyền lại cho ai? Nên nuôi con của các hau Sung Hiên, Thành Khánh, Thành Quang, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào tốt thì lập làm thái tử". Bấy giờ Dương Hoán con của Sung Hiên hâu mới 2 tuổi mà thông minh, lanh lợi, vua rất yêu, bèn lập làm hoàng thái tử.

Mùa Tuất năm thứ 9 [1118] (Tống Tuyên Hoà năm thứ 1), ban chiếu chọn hoàng nam trong dân và bình.

Tháng 2, Chân Lạp sai <27b> sứ sang châu (Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1 lai sang).

Tháng 3, lấy đai hàng hoàng nam, người nào khoẻ mạnh sung vào các đô Ngọc Giai, Hưng Khanh và bình Ngũ Long tài cả là 350 người.

Hộ bộ Tả thị lang là Lý Tú Quyên mất

Mùa hè, tháng 5, giáng Lê bộ Hữu thị lang là Lê Bá Ngọc là Nội hoà thư gia⁽²⁾.

Trời hạn, vua cầu đầu liền được mưa.

Chiêm Thành sang công (Hội Tường Dai Khánh năm thứ 1 dâng voi trắng, năm thứ 8, dâng 3 doá hoa vàng, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1 và năm thứ 5 đều sang).

Mùa đông, tháng 11, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Bá Nghi và Lý Bảo Quan⁽³⁾ đi sứ sang Tống, biểu 2 con tê 1 trắng 1 đen và 3 con voi thuận.

Dinh lệ cầm con ở nhà nô bộc thích mục [vào người]. Các nô bộc các nhà trong ngoài Kinh thành không được thích đầu mục vào ngực và chân như kiểu cầm quan, và thích hính rộng lèn than minh, ai phạm thì mất chức quan.

Kỷ Hợi năm thứ 10, [1119] (Tống Tuyên Hoà năm thứ 2), mùa thu, tháng 7, đóng 2 thuyền chiến Cảnh Hưng và Thành Lan. Ban chiếu cho các quan đóng thuyền chiến, sửa đồ binh giáp, vì vua muốn di đánh động Ma Sa⁽⁴⁾ (đóng thuyền là việc nhỏ không ghi). Đây <28a> vì có chiến dịch Ma Sa, cho nên theo sử cũ ghi lại).

1. Phú Nghĩa Hưng thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay.

2. Nội hoà thư gia: DVS&KTTI chép là "Nội nhân thư gia".

3. DVS&KTTI chép là Nguyễn Bá Đô và Lý Bảo Thần.

4. Đánh Ma Sa: là đất châu Đà Bắc, tỉnh Hưng Hóa (CMB). Nay thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Mùa đông, tháng 10, duyệt binh, duyệt những người khoẻ mạnh trong sáu binh tào thuộc quân Vũ Tiệp, Vũ Lâm làm quân hoả đầu cho các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bồng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô; còn các bắc kém thì cho làm quân Ngự Long ở các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bồng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô.

Hội các quân trong thiên hạ thề ở sân rồng. Vua thân đi đánh đông Ma Sa, ban chiếu rằng: Trẫm nỗi cơ nghiệp của một tổ hai tông, cai trị dân đen; coi dân chúng tráms họ bôn phương đều như con dò, cho nên những nơi khác mến lòng nhân mà nộp cống, phương xa mờ điêu nghĩa mà sang chau. Và lại dân định đông Ma Sa sinh trong lãnh thổ của ta, mà động trường động Ma Sa là kê phiên thân của ta, thế mà từ trường ngu mê, bỗng phu Ước thê của ông cha, quên việc công hiến, bò thiếu điển lệ cũ thông thường. Trẫm vẫn ngầm nghĩ, việc không dừng được. Vậy nên bây giờ trẫm tự cam quân di đánh Hồi các tướng soái sáu quân, các ngươi hãy hết lòng minh, theo lệnh trẫm¹. Vua bèn ban kí giới cho các tướng sĩ <28b>. Vua ngự thuyền Cảnh Hưng xuất phát từ bến Thiên Thu, đánh trống hò reo mà tiến, khí thế của quân sĩ tăng lên gấp trăm lần (sử cũ ghi: ngày hôm ấy rồng vàng lượn bay theo thuyền vua). Quân đóng ở thác Long Thuỷ (thác Long Thuỷ ở núi Long Môn thuộc Vạn Phai).

Vua tự cầm quân đánh đông Ma Sa, phá tan quân địch, bắt được động trường là bọn Nguy Bàng vài trăm người, lấy được vàng lúa, trâu dê không kể xiết. Vua sai viên triết tướng [tỷ tướng] vào các động dọc biên giới, chiêu dụ những người trốn tránh bảo hộ về làm ăn.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua từ động Ma Sa về, dâng tù binh ở Thái Miếu. Khao thưởng tướng sĩ, ban cho tiền lụa theo thứ bậc khác nhau.

Canh Tý, Thiên Phù Duệ năm thứ 1 [1120] (Tổng Tuyên Hoà năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, quần thần dâng biểu, khuyên tăng thêm tôn hiệu và xin đổi niên hiệu, vua nghe theo.

Dược mùa lớn.

Mùa đông, tháng 12, cho Nội hoà thư gia là Phan Cảnh và Mâu Du Đô làm nội thường thị.

Tân Sửu năm thứ 2 [1121] (Tổng Tuyên Hoà năm thứ 3), mùa hạ, tháng 5, nước to, tràn vào bên ngoài cửa Đại Hưng⁽²⁾.

Nhiều <29a> sâu keo.

Mùa đông, tháng 10, lại cho Lê Ba Ngọc làm nội thường thi

Nhâm Dần năm thứ 3 [1122] (Tổng Tuyên Hoà năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, cấm mọi người không được dùng tre gậy, gỗ và đồ nhọn đánh nhau

Mùa hạ, tháng 4, ban Lý Phung 20 người làm quan ngực xét việc kiêm tụng của dân

Bát đầu làm dây bàng bạc treo trên dỗ mỗ bạc⁽³⁾

1. Vạn Phai: Tức tỉnh Hoài Bình

2. Cửa Đại Hưng: Tức là cửa phía nam kinh thành.

3. Mỗ bạc: Nghĩa trang của nhà vua như lăng, cờ, gươm... mõi v.v

Mùa đông, tháng 12, sai viên ngoại lang là Dinh Khánh An và Viên Sí Minh đem voi thuận biếu nhà Tống. Khi ấy Viên Sí Minh vì có tang, không được thăng quan, bèn cho Sung là con trai của Sí Minh làm phung tin lang.

Quy định luật lệnh thu bắt bọn bò trâu hạ chiếu cho mọi người rằng: Thu bắt bọn giac cướp bò trâu, những kẻ mà bị nhà thế gia ⁽¹⁾ cướp mất, thì tội nhà thế gia ấy cùng với tội kẻ trộn như nhau. Bọn lại đi bắt tội nhân mà giữ lại ở nhà mình, không dẫn đến quan thì phải phạt 80 gậy.

Quý Mão năm thứ 4 [1123] (Tống Tuyên Hoà năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, tiết Dần thành ⁽²⁾ bắt đầu làm nhà mùa có bánh xe đây, sai cung nữ múa ở trên nhà ấy để dâng rượu.

Bắt đầu làm long cán cong che mưa.

Mùa hè, tháng 4 <29b> người Chân Lạp đến theo ta (năm này, 5 người nước Chân Lạp đến theo ta. Giáp Thìn năm thứ 5 tháng giêng vua đến hành cung Ứng Phong có người Chiêm là Cụ Hấp và 3 người em họ vào chầu. Tháng 2, Kim Đinh A Phó và 4 tên già đồng ⁽³⁾ đến theo ta. Tháng 5, người Chiêm Thành là bọn Ba Ty Bồ Đà La 30 người đến theo ta. Tất cả đều ghi để tham khảo).

Cấm giết thịt trâu bò, ban chiếu rằng: "Trâu bò là con vật quan trọng cho việc cày cấy, lợi cho người không ít. Từ nay về sau, cứ ba nhà làm một bão ⁽⁴⁾, không được giết mà an thịt nó, ai làm trái thì trị tội theo pháp luật.

Tháng 8, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, ban áo mùa thu cho quần thần.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, vua về kinh sư, các nhà Nho, Đạo, Thích đều dâng thơ mừng.

Nam ấy được mùa lớn.

Giáp Thìn năm thứ 5 [1124] (Tống Tuyên Hoà năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng.

Tháng 2, vua về kinh sư.

Tháng 9, Thành Khanh hầu mất (không rõ tên).

Tháng 12, phu nhân của Thành Khanh hầu là Hà thị uống thuốc độc chết theo chồng.

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: *Dàn bà trộn dời chỉ theo một chồng, không có nghĩa là phải chết theo. Hà thị làm theo tình riêng, đến nơi uống thuốc độc chết, tuy nói là thái quá, nhưng dời với người khác cho là khó mà Hà thị coi là dễ cũng thật hiếm thấy. Hay là Thành Khanh hầu lúc ấy mới chôn cất, Hà thị chết để chôn theo chồng?*

Lại cho Nội thương thi Lê Bá Ngọc làm Lê bộ thi lang. Tiểu thủ lãnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiền và bộ thuộc của hán trốn sang động Cổng thuộc Châu Ung nước Tống.

1. Thế gia: Nhà máy đời có người làm quan.

2. Tiết Dần thành: Tiết ông thành ra đời. Ở đây là ngày sinh của vua.

3. Già đồng: Đây là lứa con trai còn ít tuổi.

4. Tức 1 nhóm 3 nhà phái cung giữ gìn, nếu nhà nào phạm tội thì 2 nhà kia cũng phải chịu chung

Ất Ty năm thứ 6 [1125] (Tống Tuyên Hoà năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, cho Nội thường thị là Mâu Du Đô làm Trung thư thừa. Nhà Tông trả tên thổ tù làm phản là Mạc Hiên ở Quảng Nguyên về cho ta. Châu Ung bắt bon Mạc Hiên hen ta cử người đến Giang Nam để giao trả. Vua sai Trung thư là Lý Hiến giữ phủ Phú Lương đến nhận dem về Kinh. Sau đây Hiên ra châu Nghệ An, vợ con đều sang làm quan nô.

Vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cây ruộng.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, sai Nhập <30b> nội Lê bộ thi lang là Lê Bá Ngọc đi đánh châu Quảng Nguyên. Khi đó bọn Nùng Quỳnh và Mạc Hiên tất cả 7 người ở châu Quảng Nguyên làm phản. Vua ban sai Bá Ngọc đem quân đến đánh. Bá Ngọc sắp di, họp quân thề ở ngoài cửa Đại Hưng, tuyên bố quân lệnh.

Ban chiếu: phàm những kẻ đánh chết người thì phải khao giáp, phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ.

Sử thần Ngõ Thị Sí bàn: Ké giết người thì xử tử hình là phép xưa đãi. Sao danh người đến chết mà chỉ xử nhẹ vào loại phạt gậy, tội khổ sai mà thời ư? Do đây, bọn dân hào cương gian giảo, nó khoái chí gây oán báo thù, coi mang người như cỏ rác, kẻ tiêu nhân dể phạm, người lương thiện ngậm oan. Sai lầm về hình chính không điều gì hơn điều này. Từ Kiều có câu nói về khoan hồng và mạnh mẽ¹; Thời thực có người bàn về rộng rãi và nghiêm ngặt người làm sứ không thể không biết.

Bính Ngọ năm thứ 7 [1126] (Tống Khâm Tông Tịnh Khang năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, tha tội nhân ở Đô hộ phủ (vì bấy giờ đặt ra hòi đèn Quảng Chiếu <31a> cho nên tha tội).

Cấm nhân dân, đương mùa xuân không được chặt cây.

Mùa thu, tháng 7, đai han. Bóng lại mưa dầm làm lẽ cầu tanh.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự đến hành cung ứng Phong xem gặt.

Tháng nhuận sai Lệnh thư gia là Nghiêm Thường Ngự khố thư gia là Từ Diên sang Tống biểu 10 con voi thuận và vàng, bạc, sừng tê, sừng hoẵng để tạ ơn việc bắt Mạc Hiên. Bọn Thường đến Quế Châu thấy ty kinh lược bảo rằng: Bây giờ ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đinh Châu, Lê Châu, đều diều binh mà đánh người Kim, lúc này thì di ngựa tài phu trạm chổ nào cũng hiếm, xin sứ giả trả về cho tiên". Thế là bọn Thường và Diên quay về. Năm ấy người nước Kim là Niêm Hân Cán Ly Bất đem quân vây Biện Kinh, bắt 2 vua nhà Tống (Khâm Tông và Huy Tông) đem về Phương Bắc. Nước Tống đại loạn (lúc ấy vua Kim là Oa Khoát Trai dựng nước ở Mac Bác đổi niên hiệu là Thiên Hồi)

Dinh Mùi, Thiên Phù Khánh Thọ năm thứ 1 [1127] (Tống Tịnh Khang năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Cao Tôn Kiến Viêm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khố thư gia là Phạm Tín di giải quyết công việc ở phủ Thanh Hoá. Tháng 2, quần thần dâng tôn hiệu <31b> thêm bốn chữ "Khoan từ thánh thọ". Mưa dầm từ tháng giêng đến tháng

1. Từ Kiều tức Công Tôn Kiều làm quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu. Ông nổi với con rằng: "Chỉ người có đạo đức thì mới lấy độ lượng khoan dung để người phục; con kẽ dối thì không gì bằng pháp luật gắt gao".

uay không thời Sai quan làm lê cầu tanh

Mùa hè tháng 4, vua ngủ đến hành cung Ứng Phong xem gặt lúa

Lúc đó hai vua Tông đã bị bắt sang Phương Bắc. Con thứ của Huy Tông là Khang Vương Cầu chạy về Giang Nam, lên ngôi ở Phủ Ứng Thiên tức là Cao Tông

Mùa đông tháng 11, người Chau Khâm nước Tống đưa trả 7 người phản nghịch của đang Mai Hiền ở châu Quảng Nguyên. Trước kia khi quân của Ba Ngoc đến Quảng Nguyên, 7 người đó chạy vào bờ cõi nước Tống, vua sai đưa thư cho nhà Tống xin cầm các quan ở biên giới dung chưa bọn nô ta chạy trốn, ăn náp ở đất họ. Vua Tống ban chiếu cho quan Kinh lược Quảng Tây kiểm soát nghiêm ngặt, cho nên bọn phản nghịch chạy trốn ngoài biên giới đều đưa trả về. Tháng 12, sau Thiên Cầu rơi, có tiếng kêu như sấm

Vua không khỏe, vời Thai uy là Lưu Khanh Dám nhân di chiếu rằng: "Trảm nghe, sinh vật phải biến đổi, không loài gì không phải chết, chết là số của trời đất, cũng là lẽ đương nhiên của vạn vật. Thế mà tất cả mọi người trên đời không ai là không thích <32a> sống, sợ chết. Chôn cất cho hồn để bỏ cà làm an, trong tang phục đến tốn hai tinh mènh, trảm rất không muốn như thế. Trảm đã ít đức, không lấy gì làm cho trảm họ được yên, đến khi chết đi, lại để cho nhân dân mình mac sô gai, sớm tối khóc lóc, giãm sự an ủng, bỏ sự cung tế, làm cho lối trảm nang thêm, thi thiên hạ sẽ bảo trảm là người thế nào? Trảm đau xót vì tuổi còn nhỏ đã nỗi nghiệp, nhân ngồi bau ở trên các vương hầu, lúc nào cung nghiêm túc, cung kính sợ hãi. Đã 56 năm, nhờ anh linh của tổ tông, due hoang thiên tin giúp, hòn biển yên lành, biển thuỷ ít biến động. Khi chết được dung hàng sau các tiên quan là may lâm rỗi, có gì mà phải thương? Trảm từ khi di xem gặt lúa đến giờ, bỗng nhiên bị ốm, bệnh đã kéo dài, sợ không kịp nói đến việc nói ngồi, mà thai tử là Dương Hoan nay đã tròn 12 tuổi, là người có độ lương, thông minh, thành thực, trang nghiêm kinh cần, có thể theo lệnh cũ của thân, mà lên ngôi hoàng đế, để cho kế thừa A kinh nhân mènh trời, kế thừa cơ nghiệp, làm lớn thêm công đời trước. Nhưng cũng nhớ ở quan dân các ngươi một lòng <32b> giúp đỡ. Ôi! Bá Ngọc, ngươi thật có tư cách bắc đại trương phu, ngươi nên sửa sang giáo huấn để phòng sự không ngờ, chờ làm sai mệnh trảm, dù trảm có nhầm mất cũng không an hận gì. Việc tang thi sau 3 ngày bỏ áo tang, nên thôi thương khóc; việc chôn cất thi theo vua Hán Văn⁽¹⁾ cốt phải tiết kiệm, không xây lăng mộ riêng, nên chôn ngay bên cạnh tiền đế. Than ôi! Mặt trời đã xé, tắc bong kho dứng, từ giờ cuộc đời, nghìn thu vĩnh biệt. Các ngươi nên thực lòng kính nghe lời trảm, bảo rõ cho các vương công, tuyên bố trong ngoài". Ngày hôm sau vua băng ở điện Vinh Quang. Hoàng thái tử lên ngôi trước linh cữu. Ha lệnh cho Vũ vệ là Lê Bá Ngọc truyền bảo cho vương hầu và bách quan mọi người đều chờ mệnh lệnh ở ngoài cửa Đại Hưng. Sai quan lai đóng các cửa thành, trong ngoài canh giữ cẩn mật. Lại sai cấm quan mac áo giáp cầm binh khí đứng ở dưới điện Thiên An. Lát sau mở cửa nách hòn trái dẫn quân thân vào thêm rộng. Sai Ba Ngọc truyền bảo các vương hầu và các quan văn võ rằng: "Không may tiền đế từ bỏ bầy tôi, ngồi trời không <33a> thế bỏ trông lâu được, trảm còn ít tuổi có gắng nói ngồi, các ngươi nên bên vững lòng minh, giúp đỡ nhà

⁽¹⁾ Hán Văn là vua Văn Đế thời Hán, ông vua rất tiết kiệm

vua không những không phu lòng tiên đế, mà cũng là để con cháu các khanh hường lộc vị lâu dài cung đất nước". Quản thân lay mừng, rồi đều thương khóc Nhân đố sai nói nhân là Đô Thiên, xá nhân là Bồ Sung, đem việc ấy báo với Sung Hiền hầu Ban chiếu cho các lăng mạc trong thiên hạ đều yên nghiệp như cũ, không được chúa giấu bon giac cướp trốn tránh và đánh nhau giết người. Quản ở điện Hồ Thiên Các quan mạc áo tang ở ngoại gác Vĩnh Bình Dâng biểu xin vua ngự chính điện Vua bắt đầu ngự điện Thiên An eni chầu. Quản thân bỏ áo tang liên ngày hôm ấy vua ngự ra Na Ngan¹⁾ xem các cung nư lên dàn thiêu để chết theo Đại Hành Hoàng đế.

Sử thân Lê Văn Hữu bàn: Con sinh được 3 năm, sau đó mới không ôm ám trong lòng mẹ cha. Cho nên từ thiện từ đến thương dân, tuy sang hen khác nhau, nhưng tình thương nhớ ba năm <33b> thi như nhau cả. Thần Tông đối với Nhân Tông được nuôi nồng ấm trong cung, ăn ấy không gì hậu bàng Nay chưa đầy một tháng mà đã vội sai các quan bỏ áo tang: chưa đến lễ tốt khóc²⁾ mà đã đón hai phi hậu vào cung. Không hiểu bấy giờ lấy gì mà làm khuôn phép cho bốn biển, và làm gương cho bách quan? Thần Tông dù còn thơ ấu, nhưng các quan trong triều cũng cho việc để tang ngắn là may, không ai có một lời nói đến việc ấy. Có thể bảo là trong triều không có người.

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: Nhân Tông học thức cao minh, biết rõ cơ sóng chết, như việc ngày tắt phải có đám. Lời di chiếu nói ra rất đúng lý, dù biết cái "không gõ chậu sành mà hat thì lại than thở là già lần quá chung". Day người sau như thế thực là sâu dầy. Tuy nhiên lời Nhân Tông nói ra là lời nói biết rõ dao lý, nhưng Thần Tông làm theo thì lại là việc làm thất hiếu. Văn Hữu bàn là phải làm.

Sử thân Nguyễn Nghiêm bàn: Hán Văn Đế sáp mặt, di chiếu cho quan lại và nhân dân trong thiên hạ sau 3 ngày bỏ áo tang. Có lẽ Văn Đế khéo dùng đạo Hoàng Lão³⁾, việc gì cũng lui một bước. Cảnh Đế tuân theo mệnh lệnh sai làm của người sáp chết, không biết lấy lẽ mà dân do, nên để cho nghìn đời ché cười. Lý Nhân Tông học thức cao minh, mà không biết việc đặt phép để tang ngắn ngày là không thể đặt cho người ta noi theo. Nhưng vì mình nói ngôi đã lâu mà thiêu người thừa kế, nay bệnh đã lâu ngày, phải lấy cháu làm con, đưa ghế nối mày lời. Kè không biết đạo lý thì không có thể nói như vậy được. Nhưng lời lẽ đau buồn chưa xót vô hạn, kè làm tội con há nỡ theo lời di mệnh mà không nghĩ đến sự bao dồn ân đức của tiên đế sao? Thần Tông tuổi nhỏ, chưa biết theo lệ. Dương thời những bê rối trong triều như bọn Mâu Du Đô, Lê Bá Ngọc không một người nào biết lấy lẽ là cho đúng dân là tai làm sao?

1) Na Ngan: Nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

2) Lễ tốt khóc: Lễ thời khóc tổ chức vào sau khi chết 100 ngày

3) Câu này ở quẻ Ly trong Kinh Dịch. Ý nói người già lần thản, khi thi gõ chậu mà hát, khi lai than thở về sự già lão

4) Thông Tin Hoàng Đế và Lão Tử, tr 245 số 100 Dao giáo

Sứ thần Ngõ Thi Sỉ bắn: Nhân Tông có tư chất hiền hoa sáng suốt, lại thêm sự tài luyên của các bậc Sư Bảo <34b> học vấn đã rộng, kiến thức lại cao, ở ngôi hơn 50 năm. Đến khi ấy bắt rò việc đời, nghĩ đến kẻ con người mới, hỏi hán lại sự việc ở cung Thương Dương¹, sam hối cùn khôn không don dược ăn phục, nên đã nuôi con người tàn thot, giao cho ngài vua, mà những tướng van tướng và như bọn Thương Kiết, Dao Thành có thể gửi đưa con cái nhỏ bé, giao sứ mệnh của đất nước thi họ đều đã chết trước mình, nghĩ thầm thia đèn sứ phó thác của tổ tông, sợ người nói ngoài sau không chịu được kho khăn chồng chất. Cho nên di chiếu bắt giặc nói ra nhưng lời đau đớn, lại nói theo phép đê tang ngắn ngay của Hán Văn Đέ. Kế ra thì sóng chém la việc lớn mà xem như bình thường. Người có kiến thức cao minh vẫn là lời lạc, nhưng nghĩ lại việc đê tang 3 năm là thông lệ, từ Nghiêm Thuân trả xuống không bao giờ bỏ. Hán Văn Đέ làm sai di thi cái tội khai dầu ra là lớn làm dày, ha có thể nhân diệu hù lậu mà nói sai lầm, đem diệu ấy mà dạy tranh quan, bảo thiên hạ làm khuôn mẫu cho con cháu được sao? Những việc gọi Dương Hoan <35a> bao Ba Ngọc, chỉ định cho lên ngôi, dan do được người tốt. Dương lúc đưa ghé nguy nan mà nghiêm trang có hiệu lệnh giữa triều đình. Vua cũ mới mất, vua mới nói ngay mà trong ngoại yên tĩnh, không chút dao động. Thiên có mệnh của Thành Vương² cung không hơn thế. Nhân Tông thật là bác vua giỏi làm thay! Còn như cái bài về làm tội, làm con thi các bậc nho già đã bàn rõ.

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Vua tên huy là Dương Hoàn, là cháu vua Thánh Tông, con của Sùng Hiên hầu. Nhân Tông không có con nối dõi, nuôi ở trong cung lập làm Hoàng thái tử. Nhân Tông bang bèn lên ngôi báu, ở ngôi 11 năm tho 23 tuổi. Vua năm mới lên ngôi, còn có tính trẻ thơ. Khi lớn lên, sửa sang chính sự, dùng người hiền tài, đúng đắn từ trước đến sau, cẩn thận chu đáo, không điều gì là không chính đáng, cũng dù thấy có thể làm lén được. Song qua ưa thích diêm lành, tôn sùng dao Phật thi cũng chẳng đáng quý gì).

Mẫu Thân. Thiên Thuân năm thứ 1 (Tống Kiên Viêm năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đai xá, tôn mẹ nuôi là Thân Ánh phu nhân làm Hoàng thái hậu.

Ban chiếu rằng: Phàm dân bị tịch thu ruộng đất vào nhà nước <35b> và những người bị ghi tên làm dien nhi³ đều trả về cá. Các tang dao và những người dân làm lỏng đều tha cá (xét thay: dien nhi và lỏng là người phải đi phu dịch, phép phu dịch ở triều Lý, nay không khảo được).

Cho 6 quân thay phiên nhau về làm ruộng (theo chế độ cũ).

1. Chỉ việc giết hoàng hậu Dương thị và 70 cung nữ

2. Thành Vương nhà Chu. Khi kịp mặt sáu Thiên Công Lai cầm đầu chư hầu giúp Khang Vương làm ra thiên tử mệnh⁴ trong Kinh Thư.

3. Dien nhi: Người nông dân có tội phải ghi vào sổ để đi làm ruộng cho nhà nước

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Thời cổ ngư quân ngũ ở nơi tinh điện, đâu cai rải hiềm trong thời đại thuận⁽¹⁾ phủ đê nha Dương rất hợp với ý xưa. Có tiên lai trong việc dung binh, lại không tồn tại trong việc nuôi binh. Chế độ buối đầu nha Lý làm theo nha Dương là thay phiên nhau về lam ruồng để chia sự vật và va nhan rồi giàm bớt sự cung cấp lúa kho. Về sau thay đổi bất thường, đến khi ấy mới lam theo phép cũ. Đó là một chính sách hay khi Lý Thân Tông mới lên ngôi.

Tôn thụy hiệu cho Hoàng đế mới qua đời, thụy là Hiếu Từ Thành thân vân vũ hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông.

Biém chức⁽²⁾ quan Dai liêu ban là Lý Sùng Phúc. Sùng Phúc đi qua cửa thành Tây Dương, người quan tuân <36a> hỏi, hắn không trả lời, cho nên bị biém chức.

Ban chiếu rằng: Trong nước dương có tang, nhân dân không được cưỡi ngựa và di kiệu màu lam cùng xe che màn (chế độ di kiệu ngồi xe không khảo được).

Vua bát đầu ngự kinh điện⁽³⁾.

Thang tước trật cho các quan vân vố. Cho Nội vú vê là Lê Ba Ngọc làm Thái úy, thằng tước hầu; cho Nội nhân hoả đầu là Lưu Ba và Dương Anh Nhi làm Thai phó tước Dai liêu ban; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị dai phu, thằng trật chư vê; Nội nhân hoả đầu là Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao Y làm Thái bảo, tước Nội thương chế, Nội chí hầu; Quản giáp là Lý Sơn làm diện tiên chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân là Ngõ Toái làm Thượng chế; Ngự khố thư gia là Từ Diên làm viên ngoại lang, lai ban tiên lúa cho Bá Ngọc, Lưu Ba; Du Đô cùng các quan chức theo thứ bậc khác nhau. Đó là đền công phó giáp khi vua lên ngôi.

Sai Hoà Trai sang cáo phó với nhà Tống và báo việc vua lên ngôi.

Ban chiếu cho Phi kỵ Đỗ Lại mang di chiếu của Nhân Tông và chiếu vua lên ngôi sang báo với Chiêm Thành <36b>. Phát vàng bạc và lúa trong kho nhà vua cho các quan theo thứ bậc khác nhau.

Tháng quan cho bọn Đào Thuần, Lý Bảo. Cho Đào Thuần làm thương thư sảnh viên ngoại lang hành tây thương cáp môn sứ; Thương thư sảnh viên ngoại lang là lý Bảo hành đông thương cáp môn sứ; Phạm Thường, Đỗ Lục, Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cat, Lý Khai, Đào Lão; Nguyễn Hoàng làm viên ngoại lang Thương thư sảnh; Lương Cửu, Đào Sám, Quách Thực, Nguyễn Nhân, Nguyễn Khánh, Đào Tương, Quách Cư Tâm, Nguyễn Toái làm Trung thư Hoà; Lý Ngũ, Kiều Nghia, Lý Cá, Nguyễn Biêm, Nguyễn Bộc, Nguyễn Khoan, Đào Lục, Đỗ Ký, Kiều Thiệu làm Chi hâu thư gia.

Ban chiếu cho Gián nghị dai phu là Mâu Du Đô chọn quân Long đực cũ làm các quan ta hữu Ngọc giai, Hưng thành, Quảng thành, Vũ đô.

Hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp pha bén Ba Dâu châu Nghệ An. Vua ban chiếu cho Nhập nội thái phó là Lý Công Bình đem các quan chức đỗ và người chầu Nghệ An ra đánh

1. Đại thuận: Theo *Thiên Lễ* vân trong *Kinh Lễ*, thiên tử có đạo đức, có nhãm, chư hầu có nghi lễ, dai phu pháp đỗ; nhân sĩ có lòng tin, nhân dân thi hoa mực, như thế là thời đại thuận.

2. Biém chức: Giảng chức và đổi đi nơi xa.

3. Kinh điện: Nơi vua và các quan giáng bùn nghĩa kinh.

Điều 22. Ban hành các quy chế những vấn đề nào là phải quy định, và mức cho những bút lục dưới đây là 1000 người.

Đến tháng 10 năm 1945, sau khi giải phóng, xã Phù Lỗ có 1000 hộ, 5000 người, 1000 ha lúa, 1000 ha lô, 1000 ha đồi, 1000 ha rẫy, 1000 ha lâm.

Đến tháng 10 năm 1945, sau khi giải phóng, xã Lai Nhơn, huyện Phù Ninh, tỉnh Thanh Hóa có 100 hộ, 500 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào Mông. Sau năm 1954, xã Lai Nhơn có 150 hộ, 700 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào Mông. Đến tháng 10 năm 1959, xã Lai Nhơn có 170 hộ, 800 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào Mông.

the 19th century, the first major breakthrough in the field was made by the Frenchman Charles Coulomb in 1785.

On the 10th May 1896 Major H. G. St. John, M.C., commanding the 1st Battalion, Royal Fusiliers, and General Sir Charles G. Gordon, G.C.B., G.O.C. of the Egyptian Army, were present at the opening ceremony of the Suez Canal. On the 12th May the 1st Battalion, Royal Fusiliers, marched through the Canal Town to the British Embassy, where they were received by General Sir Charles G. Gordon, G.C.B., G.O.C. of the Egyptian Army, and General Sir Garnet Wolseley, G.C.B., G.O.C. of the Egyptian Army.

So now Nguyen Ngoc Lam, Director of the Hanoi Management Board for Water Resources, has been appointed as Vice Chairman of the People's Committee of the city of Hanoi. He has been given the task of carrying out the work of the former Director of the Management Board for Water Resources, Mr. Pham Van Nhieu, who has been promoted to Vice Chairman of the People's Committee of the city of Hanoi. He has been given the task of carrying out the work of the former Director of the Management Board for Water Resources, Mr. Pham Van Nhieu, who has been promoted to Vice Chairman of the People's Committee of the city of Hanoi.

It's time to start thinking about your
new year's resolutions. Are you going to make it?

Trung & Ly: Công thức làm mứt và đường mứt từ thời cổ đại

Do Ngu the gio⁽¹⁾ la Phu Chung Tin han Phuong nay⁽²⁾. Do the gio la Ngay Kien
Han Do my San lai cho Chung Tin va Kien Giai Ban han Phu dung nay.
Hon ba thang 4 truoc han thi mo giao hong them, do the gio gian den
Tuyet.

Đảng Cộng Sản Việt Nam là Đảng của Toute la Nation et des amis de tout le

Đến cuối cùng, những tên lính này là số精英 nhất, là những tên lính tốt nhất, là những tên lính chiến đấu nhất.

Thang 5, vòi gác này có tên "Nhà Tùng Võ" với tên của bài hát nổi tiếng là "Nhà Tùng Võ".

—*What will we do with this?*

With the time I have left they will not have time

Want to visit the West Bay Walk? Come along!

该书是关于《诗经》的诗学研究，探讨了《诗经》的文学价值、艺术特征以及其对后世的影响。

Now they have only one hunting Bill (the "P"), now they have another one the "T" and another. You have seen the Spanish Sea-Shell Plates? Those fine things!—and so I have seen many like them from you.

2018 IEEE 3rd International Conference on Big Data and Cloud Computing for Internet of Things

Mr. James Ngap Thi Si was Vice Chairman of the People's Committee of the Phuoc Long District, and Mr. Le Van Nhieu was the Chairman of the People's Committee of the Phuoc Long District. They were both members of the People's Committee of the Phuoc Long District.

<39b> mà lại đổi thành họ Trương là ý nghĩa gì? Do cũng là một việc biểu hiện
Thân Tông con mang tinh trẻ con

Người cháu Quảng Nguyên có tội phải dây đến phủ Thanh Hoa

Người cháu Nghé An chạy trạm tàu dâng một phong thư của nước Chân Lạp, xin
sai sứ sang nước ấy. Vua không trả lời

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1129) (Tông Kiến Viêm nam thứ 3, mùa xuân, tháng giêng.
tôn cha sinh là Sung Hiên hâu làm Thái Thương hoàng, và mẹ là Đỗ thị làm Hoàng thái
hầu Ô cung Đông Nhàn

Sứ thân Lê Văn Hưu bàn: Thân Tông là con người tàn thát, Nhân Tông
nuôi làm con để nồi nghiệp lớn. Dang lè phải coi Nhân Tông là cha, mà gọi cha
sinh là Sung Hiên hâu là hoàng thúc (chu vua), mẹ thân sinh là Đỗ thị làm vương
phu nhân như Tông Hiếu tông dõi với Tu An Hy vương và phu nhân Trương thi.
đã thông nhất về một gốc là phải. Nay lại tôn Sung Hiên hâu làm Thái thương
hoàng, Đỗ thị làm Hoàng thái hâu, chàng hóa ra hai gốc ư? <40a> Có lẽ bởi Thân
Tông báy giờ con trέ thơ, mà các công khanh trong triều đình như Lê Bá Ngọc, Mâu
Du Đô lại không có người nào biết lè cho nên thế đấy.

Sứ thân Ngô Thị Sỉ bàn: Thân Tông khi ấy đã 14 tuổi, tuy không có tu chí
như Han Chiêu, nhưng cũng không dén nòi con tha trέ không biết gì. Làm lè tôn
sung cho người sinh ra mình, tự cho là việc dĩ nhiên, chưa từng có một lần triệu
tập quán thân để ban bạc, sao chẳng nghĩ tai khi được nuôi dưỡng ở trong cung,
còn cung bon các con như Thành Khanh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng
cũng đều một bức thời. Nhân Tông chọn mình ra trong những người đó mà giao
cho ngôi báu quan trọng. Công ơn đó như thế nào? thế mà một mai đặc chí, làm tó
àn riêng dõi với người sinh ra mình, còn ơn nuôi nấng, phó thác thì lại làm lè.
Không doái hoài đến. Bạc với tiền để hái lè hâu với thiên hạ được sao? Nhân Tông
cho là người thông minh nhanh nhẹn nên chọn làm Thái tử từ lúc mới 2 tuổi, ôn
hán nè nhiều đây. Ba Ngọc là dai thần nhân lời dì chúc <40b> mà không từng có
một lời can ngăn, để vua sa vào điều lâm lỗi, tội không gì lớn bằng. Còn như Mâu
Du Đô đương mua ngựa có cửa để cung với bọn Dao Nhân. Tương Công tranh nhau
đang điếm tốt lè công, hạng người đó há con dâng lè diệu biệt lè mà trách họ
được sao!

Tháng 2, không mưa, vua ăn chay kiêng khem để cầu mưa.

Ban chiếu xá cho những người có tội trong thiên hạ

Sứ thân Ngô Sỉ Liên bàn: Nhân Tông thương nhân việc mở hội mà xá người
có tội trong thiên hạ là sai, nhưng cũng còn nương tiếng là mở hội Phật để mà tha,
con vua thi không có việc gì mà cũng tha. Xem ra những tội nhân phạm pháp có nhẹ
cơ nang, ném bài hình pháp ⁽¹⁾ cao có thấp, sao có thể tha hồn cả được? Nếu
như nhất loạt tha cả, thì kẻ tiêu nhân gộp may mà được miễn tội, đó không phải

(1) Bắc cao hình phạt: Thích bằng nước vào mắt hoặc trán, cắt mũi, cắt gót, thiến, giết

là phúc của người quân tử. Cho nên người xưa bàn về việc tri nước du rông không thể không có việc áv, nhưng cũng lo về việc an xa, thi được, còn xa tội thì không thể được Kinh Dịch có câu "tha người có lỗi, giàm người có tội". Kinh thư có câu "Lâm <41a> lỗi thì cho tha, không sửa lỗi thì già hình" là như thế đấy.

Thang 3, cho Lý Tử Khắc làm Khu Mật sứ. Khi đó Tử Khắc tâu lên rằng: Rừng ở Đề Giang⁽¹⁾ có hươu trắng. Vua sai Thái úy là Lưu Khánh Đàm đến bắt được. Tháng Tư Tử Khắc làm Khu Mật sứ, lê vào hàng minh tư, đội mũ 7 câu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Xem ra người xưa gọi là điểm lành tục là dùng được người hiền, hoặc là năm được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điểm lành cả, huống chi chim quý thú lạ không nuôi ở trong nước. Đó cũng là lời khuyên răn của tiên vương đế lai. Thân Tông nhân việc Nguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc (Lộc và Tử Khắc vốn là người họ Lý, Văn Hưu kiêng huy triều Trần nên gọi là họ Nguyễn). Lòng hươu trắng cho là điểm lành, phong cho Lộc làm Đại lieu ban, Tử Khắc trật Minh tư (năm đó tháng 2, Thân vương ban là Lý Lộc tâu lên là núi Tân Viên có con hươu trắng, vua sai Thái úy là Dương Anh Nhị đến bắt được, bèn cho tước Đại lieu ban). Thế thi người thường và người nhân thường đều không phát cà. Tại sao vậy? Thân Tông vì dâng thu mà phong chức <41b> quan tước, thế là lạm thưởng; Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng thế là lừa vua. Vua tối đâu sai cả đấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: xéi mót tập sử dài vua Thân Tông, sử cũ chép 29 điểm tốt (1 lân cờ phướn trong chùa không gió tự bay; 8 lân dâng hươu; 3 lân dâng cúc vàng sống; 2 lân dâng ngựa sinh cua; 4 lân dâng rùa; 1 lân dâng cà điếc vàng; 3 lân có chim sẻ trắng; 1 lân tâu thân giáng; 2 lân dâng cà xương còng; 2 lân có rồng vàng hiện; 1 lân dâng ngọc thiền; 1 lân chuông lông cổ hiến lên. Bon dai thân như Thái úy là Dương Anh Nhị dâng hươu trắng; Thiêu sư là Lý Công Tin dâng khói vàng. Cận thần như: Nhập nội điện trung là Lý An Dậu dâng hươu trắng. Nhập nội long dồ là Mẫu Du Đô dâng ngựa mà bốn chân sinh cua; Ngu tiên chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là thân giáng. Ngoài ra như bọn Quản giáp, Hoà dầu, Châu mục, Thủ lĩnh, Dào Nhân, Tương công, Hương thi, Tàng nhân, mỗi người đều có dâng, không lân nào vua không nhận. Còn những cái bị khước từ thì chỉ có Đỗ Khanh dâng cà xương còng màu vàng, và Hoà dầu linh ngự lang là Quach Tu dâng ngọc thiêm thù hình như nát cốc, vua cho rằng vật nhỏ không đáng quý khước từ. Chỉ có hai lân đó mà thôi). Trong đó điểm con hươu có 8 lân, 8 người dâng hươu mà 3 người được chức quan, ba người vi hươu mà được làm quan thì trong đó 2 người vì dì dò xét ở trong rừng mà được thưởng. Thân Tông dâng gọi là người thích <42a> hươu dây. Nhưng nhiều như thế dùng để làm gì mà không chán? Có lẽ còn chưa hết tính trẻ con, mà các bệ tôi lúc đó xu mu như điện như dai. Nhơ vào đó mà được quan cũng không lấy làm xấu hổ. Ghi chép vào sử thật là đang nực cười.

(1) Đề Giang: Tên huyện. Nay là huyện Sơn Dương tỉnh Hòa Bình.

Mùa hè tháng 6, cho Nối thi là Phi Công Tín làm Tà tỳ lang trung. Ngụy Quốc Bao làm Viên ngoại lang.

Mùa thu tháng 8, làm thần chủ của Nhâm Tông ở Linh điện, cắm cây trúc và rắn quấn cỏ ngai thờ.

Thang nhuân, rước thần vi của Nhâm Tông thờ ở Thái Thất

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Tiết vương dát lê, thì người lúc chết cũng như khỉ con sống cho nên làm thần chủ để tượng trưng thần, thế thi thần chủ là chỗ tựa của thần. Té Ngu¹ rời mai làm thần chủ; té Luyện² rời mai đổi thần chủ, đổi thần chủ rời mai thờ phu vào thai miếu³, tiết mực của lê là như vậy. Nhâm Tông đã chôn cất từ tháng 6 năm trước, đến bảy giờ ráo 14 tháng rồi, kỳ té Luyện cũng qua iêu rồi, thế ma man bắt đầu làm thần chủ để thờ phu vào thai miếu thế là khinh nhau và bất kính. <42b> Thái qua lâm!

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Theo lê thi phải có hai thần chủ: 1 là ngu chủ, 1 là thần chủ. Theo sách Lê nghị chí thời Hán thi ngu chủ làm bằng gỗ dầu, cao mót thay 2 tấc, không đẽ tên thụy. Sách Thông điển của Đô Huu nhà Đường cũng không nói đến việc đẽ ngu chủ; đèn trước một ngày tha phu vào thái miếu, lấy nước thơm rửa cho thần chủ làm bằng gỗ đẽ, lau bằng khăn lụa, quan đẽ chủ nâng đặt trên đèn đẽ chủ mực, viết xong đèn quang dầu. Thế ché của nhà Tông. Ngu chủ cũng không đẽ tên thụy, đưa quan tài cua lên hoàng dương, làm lê yếm toàn sáp xong, quan Nối yết rửa cho ngu chủ, lấy lụa lau rồi rước ngu chủ đèn trước quan tài, tâu xin thần linh nhập vào ngu chủ, rồi rước lên xe, đưa lên điện, chờ dậy nap quan tài xong thì làm lê té ngu lần thứ nhất, té ngu lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, đều làm lê ó đeo dương, do các quan làm lê. Lần té ngu thứ sau làm tại kinh đô, do quan Tông chanh khanh làm lê. Lần té ngu thứ bảy. <43a> thứ tam, thứ chín thi tua làm lê, các quan ở ngoài bồi té. Khi chín lần té ngu xong mới đèn làm lê tốt khóc. Tốt khóc xong rồi mới rước vào thờ ở thái miếu. Trước một ngày vào thờ ở Thái miếu thi làm lê hướng ở Thái miếu, còn các miếu khác thi sai một viên quan thi tung đẽ chủ như thế ché té ngu. Ké ra lê chun lần té ngu của thiên tử có tư dời nha Chu, đèn đui nha Tông không ai thay đổi được. Chủ tử chôn cất cho me theo lê của kè si té ngu ba lần. Ngày nay té ngu ba lần làm thành quốc lê, thế mà từ trước đến nay những người ban về việc lê không ai nói việc đó và chính dồn lại, thế thi cái té lân lữa so xuất không gì bằng. Còn như nha Lý làm lê đưa thần chủ vào thờ ở thái miếu, đã lôi tì để châm, ma lôi bàn của Sĩ Liên cho rằng té luyên rời đổi thần chủ, đổi chủ rời cho tha vào Thái miếu, đó là lê của quan si dai phu trả xuống, chủ dân phải là quốc lê, nhân dân tối bẩn thêm.

Ban chia, rằng bộ ti của vương hầu và các quan không được cày thế đánh dập quan

¹ DA NAM THUY CỦA NGUYỄN THỊ

² Té Ngu: Té lều 3 ngày sau khi chết té ngu, đâm lè té thương. Ngu ngày thứ 2 là trong Ngu, ngày thứ 3 là ngoài Ngu.

³ Thái miếu: Miếu thờ tổ của vua

quân và nhân dân. <43b> kẻ nào phạm thi gia chủ phải tội khố sai, kẻ nô ti sang làm quan nó

Mùa đông, tháng 10, tháng quan Tả ty là Phí Công Tin làm Chu vé, cho đổi sang ho Lý Cho Nối thương thi là Đỗ Nguyên Thiên làm Tham tri chinh sự, giữ phủ Thành Hoa. Ngư khố thư gia là Phạm Tin làm Viên nguai lang

Canh Tuất, năm thứ 3 [1130] : Tông Kiến Viêm năm thứ 4, mua xuân, tháng giêng, ban chiêu rango con gái các quan, không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hâu cung, người nào không trung tuyển, sau đó mới được phép lấy chồng

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Troi sinh ra dân, đặt ra vua để chấn nuôi họ, chư không phải để cấp cho vua. Long cha me, ai chẳng muốn con gái có vợ, có chồng, thành nhân thế theo lòng ấy, chỉ sợ người đàn ông đàn bà không được coi no co chon. Cho nên Kinh Thi hình dung điều ấy trong thơ "Đào yêu" ¹ và thơ "Siêu hưu mai" ² để khen ngợi người lấy chồng kịp thời, và chế giáp để nhớ thi ấy. Thần Tông ban chiêu cho con gái các quan phải đợi sau khi tuyển lựa vào cung xong mới được lấy chồng, là phải lỡ đạo làm cha mẹ dân!*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Vua bấy giờ chưa đến tuổi 20, ra lệnh ấy là muốn tuyển con gái các quan sung vào hâu cung thôi. Việc ấy chưa có gì là lầm lẫn. Con các loại như danh được giác mà quý công cho Phát, đáng hưu mà ban cho tuoc trát, đều là do tình trẻ thơ gây nên, mà không ai can ngăn giúp đỡ. Nên có người lấy lòng chí thành mà cầm hoá, lời noi kinh cần nia can ngan, thì tua tón tư châ: thông minh, tất nghe theo đấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Sí Liên ban như vậy là sai đây, sau cung các quan thiên tử thiêu gi cung tần, nếu có ken chon thu cũng chỉ cần người hiền lành, đức hạnh. Là người ở trên dân, hà lại tham sác đẹp mà cứ muốn chọn khap con gái; của bách quan? Xưa kia Ngô Tôn Hao ha lệnh cho con gái các đại thần ăn lương hai nghìn thach hàng năm đều phải báo tên, vua lựa chọn không trung nice được lấy chồng. Vũ Đế nhà Tân ban chiêu chọn con gái công khanh tro móng, khuken chon chưa xong thi tam cảm việc gá chồng lấy vo. <44b> To chiêu này của Thần Tông có sự ham mê sác đẹp, thật không hen mà giống nhau. Ké m không biết xưa nay cho dung dân để mà chinh dân trong nhà, quen thói dâm dăng, thi dù noit cung cảm thâm nghiêm vẫn có riết xâu xa trong bao vách treo áo ³ thế mà có ý tuyển bắc cho thoả lòng ham muốn, há chẳng phải là ngu lâm sao? Sí Liên cho rằng: "Chưa có gì là làm lối quá" lời ấy há có thể làm lối day bảo được sao?*

Cho Ngư khố thư gia là Lương Cài giữ phủ Thành Hoa. Tháng 5, cha sinh của vua là Thái thương hoàng băng, thụy là Cung Hoàng

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Thần Tông nhận nước ở Nhân Tông, Nhân Tông đã băng, thế mà còn có người được gọi là Thái thương hoàng không có người kế*

1. Thơ "Đào yêu": Thơ trong thiên Chu Nam (Kinh Thi) khen ngợi con gái lấy chồng đúng thi

2. Thơ "Siêu hưu mai" là bài trong thiên "Thiếu Nam" (Kinh Thi), là bài trong nguyễn bài cao nay

3. Chỉ việc Lã Hậu và Hán Cao Tổ là những vua lanh Tứ Cát, cần thương giặc luch Tứ Cát là trong bài trước đó

tróng tháy, nghe tháy mà kinh ngạc sao? Thay đổi lệ mà chép là "cha dẻ của vua" là không đồng tình về sự có hai gốc cây.

Thang 6, trời han, lẽ cầu mưa

Mùa thu, tháng 7⁽¹⁾ mưa lâu, làm lẽ cầu tạnh. Vua ngự điện Linh Quang <45a> xem đưa thuyền

Ban chiếu tha tù ở phủ Đô Hô.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Năm thứ 2 tha tội nhân trong thiên hạ, năm đó lại tha tu ở phủ Đô Hô, năm nào cũng xá, thì những kẻ gian ác trong dân gian sợ gi mà không phạm vào luật cấm. Cuối thời Lý, trộm cướp giặc già nỗi lên rất nhiều là do Thần Tông gây ra nơi án náp cho họ từ lâu đây, say đắm về học thuyết kiêng sat sinh của đạo Phật, cho nên tha cho những kẻ phạm tội chết để cầu được sống lâu, có biệt dâu nuôi kẻ ác để hại lương dân, chỉ làm cho ngân số mệnh mà thôi. Ngô Han can díng tha kẻ phạm tội Vũ Hầu⁽²⁾ không tha tội bừa bãi mới thật là biết cách tri dân.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự điện Thiên Linh, duyệt sáu quân, định ra cấp bậc.

Vua sai sứ sang thông hiểu với nhà Tống, nhà Tống sai sứ mang ăn báu và sác vàng sang phong vua làm Giao Chỉ quân vương (sứ cũ ghi năm thứ năm, mùa đông, tháng 12, nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quân vương. Năm đó cách năm Nhâm Tý mới 2 năm, không có lý gì lại hai lần sách phong quận vương, có lẽ là tiến phong Nam Bình vương mà nhà sử <45b> chép nhầm, chưa tra cứu được, nay bỏ đi).

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang công.

Tháng 12, vua đánh cầu ở thêm rồng, cho sứ thần nước Chiêm Thành vào hâu đứng xem (nước Chiêm Thành tuy khi đó thường có sứ sang công, nhưng thực vẫn mang hai lòng, còn thông với Chân Lạp, thường có người phục ở nơi hiểm yếu, bắt người chầu Nghê An, mang đến bán cho Chân Lạp. Năm thứ 5, tháng 8, Lệnh thư gia là Trần Lưu Mậu ở chầu Nghê An phục kích bắt được 3 người đem dâng).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xưa kia Đường Hy Tông giỏi về đá cầu, tự nói: nếu như trăm thi tiến sĩ đá cầu thi sẽ dở trạng nguyên, người hè nói: "Nếu bệ hạ gặp phải vua Nghiêu, vua Thuấn mà làm Lê bộ thị lang thì sợ không tránh khỏi bị đuổi". Lời chê bai ấy thật là sâu sắc. Nay Thần Tông đá cầu mà cho sứ thần nước Chiêm xem, chàng qua chí để khoe mình đá cầu giỏi, mà không nghĩ như vậy là làm hỏng chê dở, làm hỏng lễ nghi, há chàng làm cho người nước ngoài chê cười sao? Kinh Thi có câu: "Uy nghi bất thác, chính thi tú quốc"⁽³⁾ [uy nghi không sai thi sẽ chính đón được các nước]. Lại có câu: "Ức ức uy nghi, duy dân chi tắc"⁽⁴⁾ [uy nghi trang nghiêm, sẽ làm phép tắc cho dân]. Vua có lẽ chưa học đến

1. DVSKTII chép tháng 9

2. Ngô Han: 1 viên tướng giỏi của Han Quang Vũ.

3. Vũ hâu: Tục Gia Cát Lượng thời Tam Quốc.

4. Hay "Thư rú" trong thiên Tam phong (Kinh Thi)

5. Hay "Tâm chí sở diện" trong thiên Tiểu nhã (Kinh Thi)

Sai viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Lệnh thư giả là Bản Anh Khái sang nước Tống để đáp lễ.

<46a> Tân Hợi năm thứ 4 [1131] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2⁽¹⁾, dung hai gác ở trong điện Diên Hoà.

Tháng 4, ban chiếu cấm già nô của vương hâu, công chúa và các quan, không được lấy con gái của các quan chúc đỗ và nhân dân.

Cấm con gái dân gian không được bắt chước kiểu vấn đầu tóc như cung nhân.

Tháng 5, trời hạn, cầu đảo được mưa như trút nước.

Dụng nhà cho Thái sư Minh Không.

Mùa thu, tháng 7, các quan dâng biểu mừng được mùa.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Quá lám thay! cho sự xiêm nịnh của triều thần lúc bấy giờ. Tháng 3, trời hạn, cầu đảo, may mà được mưa, đến tháng 7 thì lúa mùa hạ đã quá vụ, lúa mùa thu thì chưa chín, đã với cho là năm được mùa mà dâng biểu chúc mừng. Nếu đến tháng 9, tháng 10 mà gặp lụt, hạn, hay bì sáu keo thì nói với tờ biểu mừng như thế nào?

Tháng 9, mở vườn Bảo Hoa.

Ban chiếu cho Mâu Du Đô coi chầu Nghê An.

Mưa lâu ngày <46b> làm lẽ cầu tạnh.

Mùa đông, tháng 12, Nguyễn Mãi ở làng Thái Bình dâng con hươu trắng, lính tả vũ tiếp là Đỗ Khánh dâng cá xương công sắc vàng tức là cá hầu). Vua cho là diêm lành, ban chiếu cho các quan chúc mừng. Các môn sứ là Lý Phụng Ân tâu rằng: Đó là vật nhỏ mọn mà bệ hạ cho là diêm lành, nếu có lân phượng đến, thì bệ hạ cho là vật gì?" Vua cho lời nói đó là phải.

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Thái Tông thích diêm lành, nào là vàng sói lên, bạc sinh ra, đến nỗi quần thần lấy làm tôn xung như việc rồng vàng hiện ra. Chỉ riêng tăng pháp cho là không phải diêm lành. Thần Tông thích diêm lành các bậc đại thần như thái úy, thiếu sư hoặc là kè dâng con hươu, hoặc kè dâng khối vàng; việc dâng cá xương rồng, chỉ một mình Lý Phụng Ân cho là không phải diêm lành. Cả triều đình đều xú nịnh thê mà lời nói thẳng lại thoát ra từ một nhà sứ; quần thần đều chúc mừng mà dám can ngăn lại là một viên Cấp môn sứ. Vậy thi những kè ca ngợi công đức những gì gì và những kẻ nhao nhao công hiến diêm lành ở trong cái triều đình ấy, há chẳng phải là kè có tội với hai người <47a> kia sao? Nhưng một việc thi vua không trả lời; một việc thi vua chỉ khen là nói phải, không từng nghe có một lời khen ngợi hoặc một lè biểu dương, thế thì cái thói xiêm nịnh làm sao lại không nhiều thêm; cái khí trung trực làm sao lại không mai một dần di được!

Nhâm Tý, năm thứ 5 [1132] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 2), tháng 5, hàng thứ trưởng tử là Thiên Lộc sinh.

Tháng ấy, gió bão, lụt dám thuyền Diên Chương.

¹ DVSKT chép tháng giêng.

Mùa thu, tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành cướp phá châu Nghệ An. Vua ban chiếu cho Thái úy là Dương Anh Nhí đem người ở châu Thanh Hoá, Nghệ An đi đánh bại quân giặc.

Mùa đông, tháng 10, sai viên ngoại lang là Lý Phung Ân và Phung nghị lang là Đoàn Khai sang Tống đàp lê.

Dựng điện Càn Linh và gác Phụng Thiên.

Tháng 12, vua đón xuân ở dinh Quảng Văn; khánh thành điện Càn Linh, ban yến cho quân thần.

Giết thương thư là Lý Nguyên. Vì con gái của Nguyên là thứ phi Chương Anh có lỗi. Nguyên bị tội chết ở trong ngục.

<47b> Giáp Dần, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 [1134] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, cho viên ngoại lang là Nguy Quốc Bảo tước Đại liêu ban.

Tháng 2, cho Gian nghi đại phu là Mâu Du Đô tước Đại liêu ban.

Lai mưa. Lãm lê cầu tạnh.

Mùa hè, tháng 4, ban chiếu rằng: các viên chi hậu và Nội nhân hoả đầu không được tự tiện ra ngoài, ai trái lệnh thì trị tội nòng, nếu bỏ việc công thì tâu lên trước.

Linh hưu hưng vũ là Vương Cửu dâng con rùa mắt có 6 con ngươi, trên ức có chữ Triện. Vua ban chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo biện rõ ra thành tam chữ: "Thiên thư ha thị thành nhân vạn tuế" [sách trời ban xuống cho biết rằng nhà vua sống lâu muôn tuế].

Sử thân Ngò Sí Liên bằn: Rùa là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước.

Nhưng doi nào cũng có, không phải như rồng, phượng, kỳ lân ít thấy. Thế mà khi ấy lại cho là điềm lành, nhiều người dâng là tại sao? Còn như trên ức có nét chữ, đó chỉ là những nét trắng, nét dan xen lẫn nhau mà thôi, bấy tôi nhận thành ra chữ, đó là don ý vua đặt ra lời xiêm ninh để xu mi vua, **<48a>** há phải thực có chữ đâu, cho nên người làm vua phải cẩn thận về cái mình ham thích.

Sử thân Ngò Thị Sí bằn: Rùa thân ở Lạc Thuỷ¹⁾ trên lưng có số từ 1 đến 9, thành nhân bát chước bảy thành cứu trú (9 loại). Đây là trời mò ra nền thịnh trị, van minh cho muôn đời. Ngoài ra trên ức rùa có đường đen, đường trắng xen kẽ nhau thành net thi con nào cũng thế, có gì là lạ. Vua Lý thích điện lành, bảy tội xuyen tac phu hoạ theo, gò ép thành chữ để xiêm ninh vua. Có con rùa thì 2 chữ: Thiên Phú Duệ Vũ năm thứ 5 đời Nhân Tông có Nội tác giám giáp chữ là Đô Tô, dâng con rùa trên ức có 2 chữ "Thiên dế". Có con rùa thì 4 chữ: Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 4 đời Nhân Tông có Hoá đầu là Tô Vũ dâng con rùa trên ức biện thành 4 chữ "Nhát thiên vinh khanh" [Ông thánh sống mãi trong bầu trời]. Đại Định năm thứ 6 đời Anh Tông. Nguyên Phung dâng con rùa, bě tội biện chữ triện ở trên ức thành 4 chữ "Vương di công pháp" [vua giữ phép công]. Năm thứ 13, Lý Nguyên dâng con rùa ba chân bě tội xem chữ triện trên ức biện thành 4 chữ "Vương di bát

1) Vua Vũ bắt được con rùa ở Lạc Thuỷ, theo vết trên lưng rùa mà làm ra thiên Hồng phạm cứu trú.

phương [vua tri 8 phương]. Chính Long Bảo ứng năm thứ 4, có người dân dâng con rùa trên ức có 4 chữ "Thiên tử vạn niên" [thiên tử muôn tuổi]. Có con rùa thi 8 chữ: Năm ấy vào năm Đại Định thứ 8 đời Anh Tông, Lý Sùng dâng con rùa trên ức có 8 chữ triện). Xét ra thì tội lừa dối vua, quả thực giết đi cũng không hết tội, mà kẻ nhán <48b> có thể bảo là tự lừa dối mình dấy. Xưa kia thời Tiêu Tề¹¹ nhiều lần bắt được rùa có lông, tất cả 8 con. Dời Vinh Minh bát được 3 con rùa, một con dưới bụng có chữ "Vạn hoan". Một con dưới bụng có chữ "Vạn lê"; một con dưới bụng có chữ "Tốn Doái", thế mà bản thân thì bị giết, nước thi bị mất, rùa không thể gọi là diêm lành thật đã rõ ràng. Xét ra cái thời xiển nịnh đến nỗi biến những đường ở bụng con rùa thành chữ, xưa nay cũng có điều không hen mà giống nhau, há phải đâu chi riêng bấy tôi nhà Lý? Đáng khen thay!

Bây tôi dâng thêm tôn hiếu là Thuận Thiên Duệ Vũ Tường Linh cảm ứng Khoan Nhán Quảng Hiến Hoàng đế¹². Đại xá.

Át Mão, năm thứ 3 (Tống Thiệu Hưng năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, cho Ngũ Khô thư gia là Dương Chưởng giữ phủ Thanh Hoá.

Tháng 2, nước Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống.

Mùa hạ, tháng 4, vua ban chiếu cho Tà ty lang trung là Lý Công Tín được ra vào cung cấm để tâu việc, không ai được ngăn cản.

<49a>**Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Trong cung cấm đâu phải là nơi các bê tôi được ra vào? Huống chi lại không ngăn cấm. Giả sử Công Tín có lòng gian là thi bà Lê Hậu đã là Dương phi của Lộc Sơn rồi, há doi đến Anh Vũ mới dám thất lễ hay sao? Nói buồng the của Thần Tông không đúng đắn vì là không biết cần thận từ việc nhỏ dấy. Kinh Dịch có câu: "Lý sương kiến băng trí"¹³ là lời răn rất nghiêm ngặt dấy.

Từ mùa xuân đến tháng ấy không mưa

Tháng 5, ngày mồng 1. Mua

Tháng 6, ban chiếu rằng: những người bán ruộng ao, không được thêm tiền mà chuộc lại, ai trái lệnh phải chịu tội.

Thái sư là Trương Bá Ngọc mất.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Đạo Thành, Bá Ngọc kẻ là người tôn thất giúp việc chính sự; kẻ là bậc đại thần được gửi gắm đứa trẻ mồ côi; họ đều ở ngôi Thái sư, Thái bảo. Khi mất đi đáng lẽ phải có sự phúng viêng yên ủi, tặng tên thụy. Văn Hưu đều bỏ thiếu không ghi, mà 2 lần ghi "Hoàng bà chét". Sí Liên cho là bảo mẫu <49b> nếu dung là bảo mẫu thi phải xưng hô thế nào, theo lẽ xưa thì không có, mà dung bằng quốc âm thì không dung, lời ấy càng nặng hơn. Huống chi bảo mẫu sống hay chết cũng chẳng quan hệ gì lớn, cần gì phải ghi nhầm vào sử sách, cho nên bỏ đi.

1. Tiêu Tề: Tên một triều đại của Trung Quốc do họ Tiêu sáng lập, thuộc Nam Triệu

2. Câu trong que Khôn Kinh Dịch nghĩa là dám lên sương thấy lạnh thì biết là nước sắp đông băng

Bình Thìn năm thứ 4 [1136] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, mờ vương Diên Quang ở làng Lãnh Kinh⁽¹⁾

Thang 2. Thành hầu mất.

Thang 3. Thái úy là Lưu Khánh Đàm mất

Phong sứ Minh Không là quốc sư. Khi ấy vua bị bệnh nặng, thày thuốc chữa không hiệu nghiệm, nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư, cho hưởng vài trăm hộ (sử cũ chép: tục truyền rằng: khi sư Đạo Hạnh sáp trút xác, đem thuốc về thần chú giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không và dặn rằng: "20 năm sau, nếu thấy quốc vương bị bệnh lao thì đến chữa" có lẽ là lươm lát chuyện chép trong sách Chich quái cho Minh Không là học trò của Đạo Hạnh đấy. Lại xét theo ngoại truyện: cha Đạo Hạnh là Từ Vinh vi phép thuật bi sư Đại Diện giết chết, Đạo Hạnh nghĩ cách báo thù cho cha vào tu đạo ở Tịnh Xá chùa Hương Tích, đi đường gấp Nguyễn Minh Không⁽²⁾ kết bạn cùng đi, đến chùa Văn Môn, sư chùa ấy dạy cho quyết thần thông, được 3 năm từ già trở về. Đạo Hạnh muốn thử pháp thuật đưa nấp vào nơi hiểm, hoá làm con Hổ để doạ Minh Không, Minh Không biết, trách là có nết tà và lai có lời thần chú, Đạo Hạnh thẹn <50a> và hối hận xin tạ lỗi và nói: "Nghịệp chướng kiếp khác chưa trừ bỏ hết, dám phiền giải thoát cho". Đạo Hạnh về Sài Am, Minh Không về Giao Thuỷ. Sau nghe Đạo Hạnh trút xác, cười bảo với học trò rằng: "Vị hoà thượng này, còn mộ giàu sang ở cõi đời chẳng?". Đến khi ấy vua Thần Tông bị đau kêu gầm lên muốn biến thành hổ, thày thuốc chữa không hiệu nghiệm, bon trẻ con hát rằng: "Đức y Lý Cửu trùng, tu đắc Nguyễn Minh Không" [Muốn chữa bệnh cho vua nhà Lý, phải tìm ông Nguyễn Minh Không]. Thái hậu nghe thấy, sai sứ dồn về, Minh Không đến trình bày "nhân quả"⁽³⁾ kiếp trước cho vua nghe, vua tinh ngộ bệnh liền khỏi, thường cho vàng lụa, Minh Không từ chối không nhận, nên có câu kệ rằng: "Kỳ lân đồ hâu mặt, nguyệt vọng đáo trung thiên". Người đời bấy giờ không hiểu câu nói đó, sau vua ở ngôi và tuổi tho ngầm dung như lời kệ. Minh Không người làng Đàm Xá, huyện Gia Viễn, đến dời Anh Tông Đại Định năm thứ 2 thì mất, thọ 76 tuổi Nay ở các chùa Phà Lai, Giao Thuỷ đều có tượng thờ).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Triều Lý sùng đạo Phật, từ Vạn Hạnh là vị cao tăng nổi tiếng, sau này nhiều người hâm mộ và bắt chước. Thời Nhân Tông, Thần Tông có Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải đều là người Hải Thanh đều thờ Hả Trach Sa Môn làm thầy, lại có người gọi là Thông Huyền Chân nhân, đều dùng dao pháp để giành hon nhau. Cho nên Nhân Tông có câu tán rằng: "Giác Hải tam như hải; Thông Huyền Dao hưu huyền" [sư Giác Hải lòng rộng như bể; Sư Thông Huyền đạo cảng huyền bí]. Nhưng bát rộng phải hàng, bát hổ phải phục không phải là tài <50b> dẹp loạn cứu nguy; bước nơi hư ảo, bay lên trên không, không phải là kẽ tri dân giữ nước. È ràng của một loại như Cưu La Ma Thập⁽⁴⁾ và Thập Dô

1. Làng Lãnh Kinh: Chưa rõ

2. DVS KTTI chép là Không Minh Không.

3. Nhân quả: Lai thuyết đạo Phật

4. Cưu La Ma Thập: Một vị sư thời Tân Trung Quốc có nhiều phép la

5. Thập Dô Trung: Vì sư thời Tân Trung Quốc cũng có nhiều phép la.

Trung⁽⁵⁾ dó thôi. Học thuyết di doan có ích gì cho cuộc đời đâu. Đời này, qua đời khác đều cho Phật giáo là thản di, ban hô khẩu cho làm định phu ở các chùa, so với nhà Lý không biết gấp bao nhiêu lần, hao tổn của cài, hết cả thuế khoá để thờ phung, thực là mê hoặc quá lầm!

Hoàng thái tử là Thiên Tộ sinh, các quan dâng vàng bạc tiền lúa và dâng biểu mừng.

Tháng 6, cho Tà ty lang trung là Lý Công Tín làm Thiếu sư, trật Minh tự.

Mùa thu, tháng 9, Gián nghị đại phu là Mâu Du Đô bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, Dương Anh Nhì mất.

Tháng 12, ngày Lập xuân, vua ngự điện Sùng Uyên, quần thần dâng biểu mừng.

Vua ngự đến phủ Thanh Hoá xem bắt voi.

Dinh Ty năm thứ 5 [1137] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, chầu Nghệ An chạy trạm tâu tướng nước Chân Lạp là <51a> Phá Tô Lăng cướp phá chầu ấy. Vua ban chiếu cho Thái úy là Lý Công Bình đem quân đi đánh. Tháng 2, chầu Nghệ An đóng đất, nước sông đỏ như máu. Công Bình sai Nội nhân hoà đầu là Đặng Khánh Hương về kinh tâu việc ấy lên.

Công Bình đánh bại người Chân Lạp.

Mùa hạ, tháng 4, hoàng tử thứ ba sinh (khuyết danh).

Tháng 6, trời hạn, ban chiếu cho Nguyễn Công Dao tới dàn Nam Vu làm lễ cầu mưa.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ly Nhân xem gác.

Tháng 12, về kinh sư.

Cho Ngự Khô thư gia giữ phủ Thanh Hoá là Dương Chương làm viên ngoại lang.

Mùa Ngọ năm thứ 6 [1138] (Từ tháng 10 về sau là Anh Tông Thiệu Minh năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 8), mùa hạ, tháng 6, trời han. Sai Nhập nội Tà ty lang trung là Nguyễn Quốc Bảo triệu tập các quan họp bàn. Chư vệ là Phạm Tín Ngôn xin đến Vu dàn làm lễ cầu mưa. Vua nghe theo.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Thần Tông ở ngôi trong khoảng 10 năm; không năm nào là không hạn <51b>. Hạn thì lại lập tức ăn chay lễ cầu đảo. Khi thì đến cung Bảo Thiên; khi thì lễ Phật ở chùa Pháp Vân, để cầu khấn, may mà được mưa thi cho là hiệu nghiệm của việc cầu khấn, chưa thấy ban một tờ chiếu trách mình, hoặc ban một án huệ thương dân. Đến khi ấy quần thần họp bàn về sự thiếu sót của chính sự đương thời; sự đau khổ của dân gian, há không có một việc gì đáng nói sao! Không dám mở miệng, im lặng như ngâm lá. Ngoài việc xin cầu khấn ở Vu dàn không hề ban được việc gì. Có lẽ các bệ tôi khi ấy đều là bọn xiêm ninh hen kém, không một người nào tài giỏi hơn vua, cho nên không giúp được dao đức nhà vua, chỉ biết dâng biểu mừng là hết chức phận, dâng diêm tốt là hết lòng trung Nhán tại thấp kém chưa khi nào bằng khi ấy, dâng than thở làm thay!

Mùa thu, tháng 7, không mưa. Vua sai Hữu ty cầu mưa ở Vu dàn, ban áo mùa đông cho quần thần.

Tháng 9, vua không khoé. Lập hoàng tử là Thiên Tộ làm Hoàng thái tử. Trước kia

vua đã <52a> lập Thiên Lộc làm con nối dõi. Đến khi ấy vua năm bệnh, ba phu nhân là Cẩm Thành, Nhật Phung, Phung Thành muốn đổi lập thái tử khác, bèn sai người đem nhiều của dát lót cho Tham tri chính sự là Từ Văn Thông, nói rõ ý muốn thay đổi Thái tử và nhờ giúp việc do Văn Thông nhận lời. Đến khi vua bệnh nặng, triệu Văn Thông vào di chiếu, Văn Thông không dám xin thay đổi, nhưng đã chốt nhận hối lộ, nên chỉ cầm but mà không viết. Một lát sau, ba phu nhân đến, cùng nhau nghẹn ngào trước vua mà rằng: "Bon thiếp nghe rằng: Từ xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ, Thiên Lộc là con người nòng hậu yêu, nếu cho nối ngôi thì mẹ nó tất lấn át sinh ghen ghét, thế thì mẹ con bon thiếp biết có khôi tai nan được không?" Vua bèn ban chiếu rằng: "Hoàng tử là Thiên Tộ, tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ diều biết cả, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn Thái tử là Thiên Lộc thì phong làm Minh dao vương". Ngày 26, vua băng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm bên tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là Quảng Nhân Sung Hiếu Văn Vũ hoàng đế" <52b> miếu hiệu là Thần Tông.

Mùa đông, tháng 10, Hoàng thái tử là Thiên Tộ lên ngôi vua trước linh cữu, lúc lên 3 tuổi. Đầu niên hiệu là Thiệu Minh nam thứ 1, tôn mẹ là Cẩm Thành phu nhân Lê thi làm Hoàng thái hậu.

Hợp người trong nước thê ở thêm rồng

Sai sứ sang cao phó với nhà Tống.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thần Tông nối nghiệp lớn của tiên vương, làm thiên tử thời thái bình, về việc bò con đích đang còn mảng sưa, muốn lập con thứ đã trưởng thành là lấy việc làm lối khi trước mình còn non dạ làm răn. Nhưng rốt cuộc chỉ ấy không thành, là vì Từ Văn Thông ăn hối lộ đã rõ ràng và lời nói của ba phu nhân thi thắng thắn dây, tiếc rằng khi ấy không triệu loại xá tặc đại thần mà úy thạc con cõi dây thôi. Than ôi! Bé tối gian tà cấu kết với nội đình để làm việc của người ta, từ xưa vẫn có. Song về việc Từ Văn Thông và ba phu nhân này, ha chẳng còn hon việc dạy vè vương xin mệnh⁽¹⁾ dây sao? Tuy nhiên, truyền ngôi cho con đích là nghĩa thông thường từ xưa tới nay <53a> nếu được người hiền giúp như Ý Doãn, Chu Công giúp Thái Giáp và Thành Vương thì cuối cùng cũng có tiếng khen mãi mãi cho đời sau dây.*

Sứ thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhân Tông nuôi Thần Tông làm con mà không cho quan sứ phò tốt để dạy bảo, nên vua Thần Tông đã tròn 12 tuổi mà chưa biết lè nhạc, không ai cứu chữa được. Đại Hành mát dương quàn ở đây mà vội đi rước hậu, lập hậu, làm con nối nghiệp của Nhân Tông mà tôn sùng người sinh ra mình, cùng với việc làm thần chủ tể phu mà không theo lề đó, là những lối làm lỏng. Con như danh được giặc mà ta on Phật; dâng con hươu mà cho làm quan, vỗ cổ mà tha tu tội, kèn gai dẹp mà cắm lây vợ gá chồng, hành vi càn bậy, không một việc gì coi được. Ba Ngọc là bồ vợ được dùng, cũng là bậc hiền tài đầy, nhưng cũng không làm thay được đức tính nhà vua, hoặc vì uỷ nhiệm quyền lực chưa đến nơi đến chốn, không tránh khỏi để lại tai tiếng nên không dám nói những điều phải trái đó chàng! Kinh Dịch có câu: "Lực ngũ âm nhu chí quân, tất đặc <53b> Cửu*

1. Tuy việc Dượng Lâu mâu với Lê Hoan có ý nghĩa của vè vương nhà Đinh

tù dương cương chí thân dí vì chí tro nhen hau nàng huu tê [gặp phải của nhu nhược, tất phải có bẽ tội cứng rắn mà giúp đỡ mới làm nên việc]. Thái Tổ do có thân vú mà nhận mệnh trời, Thái Tông, Thành Tông đều lớn tuổi ở ngôi thái tử, quyền binh đều do mình nắm, không đặt người giúp đỡ là vì ngôi vua trung chính ở trên nên ở dưới đều nghe theo. Nhân Tông 7 tuổi làm vua, được Dao Thành giúp đỡ nên trong thi chính sự được sửa sang, ngoài thì chống giặc nghiêm ngặt Cao Tông 2 tuổi nối ngôi, có sự sáng suốt của Tô Hiến Thành mà đánh tan mưu mờ bó vua này lập vua khác. Còn 2 vua Thân Tông và Anh Tông thì bên canh không có người nào tốt, đến nỗi chính sự thiếu sót, rồi ren, bẽ tội gian tà khuấy rối, kè làm thi không kiêng sợ; kè biết lại không nói ra, cùng nhau chìm đắm cầu thả trong cõi say mê. Giả sử cuối đời Anh Tông không có Hiến Thành mà uỷ nhiệm, thì sẽ không giữ được nước dây. Cho nên người ta nói rằng: dùng người đúng hay sai, quan hệ không phải là nhỏ, mà trách nhiệm của một ông tướng không thể xem nhẹ được. Xét ra có vua như Nghiêu Thuấn thì có bẽ tội như Cao, Quý, Tắc, Tiết¹¹¹ thì sau dạo trị nước mới dây lên được. Huống chi nhà vua hen kém mà bẽ tội lại lười biếng!

HẾT QUYỀN III BẢN KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

111. Cao, Quý, Tắc, Tiết: Các bẽ tội thời Nghiêu Thuấn.

DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYẾN IV

ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huý là Thiên Tô, con trưởng của Thần Tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi. Trong việc bò con nọ lập con kia, vua không mê hoặc về lời nói của dàn bà, ký thác được người phu chính hiền tài, có thể gọi là không thẹn với việc gánh vác. Song không phán biệt được kẻ gian tà, không sáng suốt trong việc hình phạt, cho nên trời sinh tai biến để đe răn, giặc cướp nổi lên, rường mổi nổi loạn, không thể kể xiết).

Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ 2 [1139] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 9), nhà Tống sai sứ sang sách phong (phong vua là Giao Chỉ quận vương).

Canh Thân, Đại Định năm thứ 1 [1140] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 10), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu.

Cho Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh Tri nội ngoại sự. Anh Vũ là con trai của Đỗ Thái hậu, được Lê Thái hậu thân yêu tin dùng cho nên mới trao cho chức này (xét: Đỗ Thái hậu là mẹ của Thần Tông. Thần Tông băng, Anh Tông tôn mẹ là Lê thị làm hoàng thái hậu, không tôn Đỗ thị làm thái hoàng thái hậu mà cùng gọi hai bà là hoàng thái hậu là sai lầm).

Mùa hè, tháng 4, lấy ngày sinh nhật làm tiết Thọ Ninh.

Từ mùa xuân sang mùa hạ không mưa

Tháng 5, có mưa

Mùa đông, tháng 10 được mùa to.

Người thay bối tên là Thần Lợi làm phản. Thần Lợi tự xưng là con của Nhân Tông, đem đồ dâng theo đường thuỷ đến châu Thái Nguyên⁽¹⁾ sang Tây Nông qua Lục Lệnh⁽²⁾ (Tây Nông, Lục Lệnh đều là tên châu) vào chiếm cứ các châu Thượng Nguyên, Hạ Nông⁽³⁾, thu nhặt những kẻ trộn tránh, chiêu mộ thổ binh, bọn chúng có đến hơn 800 người cùng mưu làm loạn.

1. Châu Thái Nguyên: Gồm 2 châu Thạch Lâm và Thạch An tỉnh Cao Bằng.

2. Tây Nông, Lục Lệnh: Nay thuộc tỉnh Bắc Thái.

3. Châu Thượng Nguyên: Nay thuộc tỉnh Bắc Thái. Châu Hạ Nông nay thuộc Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Xét niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 thời Tông, quan suy ty Quảng Tây nói rằng: "Vua Nhân Tông nhà Lý có người con của cung thiếp, không nhận mà lai llop vua Thành Tông, con người cung thiếp đó chạy sang nước Đại Lý đổi làm ho Triệu, tên là Trí Chi, tự xưng làm Nam Bình vương. Thành Tông mất, nước Đại Lý cho Trí Chi về nước, muốn tranh ngôi với vua Anh Tông. Anh Tông cho quân chống lại, Trí Chi nhân thế tiến xin mượn quân của nhà Tống. Quan suy ty nhà Tống an ủi bảo vè, rồi đem việc đó tâu lên cho vua Tống biết, vua Tống ban chiếu khước từ ý chừng Trí Chi và Thành Lợi khi ấy chỉ là một người, ho tu trân trọng với Quảng Tây để xin nhà Tống cho viện binh, lấy tên là Trí Chi, nói dối là con của Nhân Tông để đánh lùa nhà Tống mà thôi". Sử ghi: Tháng giêng, mùa xuân năm sau, Thành Lợi tiếm hiệu Bình vương, bỏ thiểu chủ Nam có lẽ vì có không rõ Thành Lợi đâu cuối ra sao. Lại xét sách Quế Hải chí của Phạm Thanh Đại nói: Anh Tông có người anh từng làm tri châu ở Lạng châu nêu đoạt ngôi, việc bị phát giác dày ở châu Tuyết Hà cao đầu làm sư. Có thể nói người Tống ưu đãi nhà Lý, không muốn gây ra hiềm khích, đã cự tuyệt Trí Chi khiến nó không thể tung hoành được. Còn kẻ cao đầu làm sư tuy không do người nào, hoặc là Thiên Lộc bị phế, bè đảng của nó chạy sang tố cáo với nhà Tống, người Tống bát tội nó, có lẽ có sự cảnh giác như việc Nùng Trí Cao.

Tân Dậu, năm thứ 2 [1141] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 11), mùa xuân, tháng giêng, Thành Lợi tiếm xưng là Nam Bình vương, lập vợ cả vợ lẽ làm hoàng hậu và phu nhân, con làm vương hầu, cho đỗ đảng quan tước theo thứ bậc khác nhau. <2b> Khi ấy đảng của Thành Lợi chỉ có hơn nghìn người, di đến đâu cũng phao tin là Thành Lợi giỏi dùng binh, để uy hiếp người vùng biên giới.

Người các khe động dọc biên giới đều khiếp sợ, không ai dám chống lại.

Tháng 2, quan nơi biên giới dâng thư cáo cấp, vua ban chiếu cho Gián nghị đại phu là Lưu Vũ Xứng đem quân tiến theo đường bộ, Thái phó là Hứa Viêm đem quân tiến theo đường thuỷ để đánh. Vũ Xứng sai tướng tiên phong Thị vệ đô là Tô Tiệm và Chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiêm tiến lên phía trước, đóng ở sông Bác Đà gặp thuỷ quân của Lợi cùng giao chiến. Tiệm thua bị Lợi giết chết. Lợi trả về giữ châu Thương Nguyên, dập dồn ái ở huyện Bác Nhự để chống lại quan quân. Vũ Xứng đánh hạ được ái Bác Nhự tiến đến Bồ Dinh gặp thuỷ quân của Lợi đánh nhau ở đó, Vũ Xứng bị bại tràn tướng sĩ chết quá nửa bèn rút quân về.

Mùa hạ, tháng 4, Vũ Xứng về đến kinh sư. Lợi ra chiếm cứ châu Tây Nông lùa nhân dân ở các châu Thương Nguyên, Tuyên Hoá, Cảm Hoá, Vĩnh Thông⁽¹⁾ đánh hạ phủ Phú Lương⁽²⁾. Lợi chiếm giữ phủ tri ngày đêm họp bè đảng mưu cướp kinh sư. Vua sai Thai <3a> úy là Đỗ Anh Vũ đem quân đi đánh.

Tháng 5, Lợi đem quân cướp phá kinh sư đóng ở Quảng Dịch, gặp quân của Anh

1. Châu Tuyên Hoá: Nay là huyện Định Hoá tỉnh Bắc Thái

2. Châu Cảm Hoá: Ở phía bắc tỉnh Bắc Cạn cũ, nay thuộc tỉnh Bắc Thái.

3. Vĩnh Thông: Nay thuộc tỉnh Bắc Thái.

4. Phù Lương: Nay vẫn là huyện Phù Lương tỉnh Bắc Thái.

Vũ danh nhau to, quân của Lợi bại tràn chết không kể xiết. Anh Vũ sai chém hết đầu bon chung bêu ở bên đường cho moi người thấy, suốt từ cửa Bình Lô đến sông Nam Han Bát được thủ lĩnh châu Van Nhai ¹ là Dương Mục, thủ lĩnh đồng Kim Kê là Chu Ái, đồng cùi giải về kinh sư. Lợi chỉ chạy thoát một mình về châu Lục Lench. Vua ban chiếu cho Anh Vũ chiêu tập tàn quân của Lợi ở cửa quan Bình Lô, giải bon Mục và ao vè giam ở phủ huyễn của chúng, phạt muối trong kho của nhà vua cho bon chúng.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1 sai Anh Vũ đi đánh châu Lục Lench bắt được đồ dâng của Lợi hơn 2 000 người. Lợi chạy sang Châu Lang. Thái phó là Tô Hiến Thành bắt được Lợi giao cho Anh Vũ đóng cùi giải về kinh sư. Sai Lý Nghia Lâm vỗ yên bè đảng còn sót của Lợi. Vua ban chiếu cho bon Dinh Uy xét tội của Lợi. Án xong vua ngự điện Thiên Khánh xử tội Lợi và bọn chửi mưu 20 người đều bị chém, ngoài ra theo thứ tự tội nang nhẹ mà xử, tha cho những kẻ bị ức hiếp đi theo. Các <3b> quan dâng biểu mừng

Lưu Vũ Xứng dâng hươu trắng, rồi lại dâng ngọc cau.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Luc bấy giờ Lưu Vũ Xứng có tội về sai quản luật đẻ bại tràn, lai dâng diêm lành đẻ che lỗi, mà không một người nào dám bàn đến, có thể thấy được hình chính bấy giờ nhiều việc sai trái. Đó Anh Vũ lăng loàn lán at ha phải không có duyên do đâu.*

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Suốt thời nhà Lý, chinh sự phản nhiễu lồng léo. Văn Thịnh làm phản mà không bị giết; Vũ Xứng thua trận mà không bị tội, té hai đó dân đến sự im lìm ² cầu thả, trộm cướp tung hoành, bấy tôi lồng quyền, nước cũng do dày mà mất, có lẽ tại lỗi khoan hẫu quá dang dãy.*

Nhâm Tuất, năm thứ 3 [1142] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 12), mùa đông, tháng 10, sai thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tư Minh ³ đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu Áy.

Tháng 12, định phép chuộc ruộng và nhân ruộng. Vua ban chiếu <4a> rằng: Những người cầm đơ ruộng thực sự ⁴ trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại; ruộng đất tranh nhau trong vòng 5 năm hay 10 năm còn được phép kién; ai có ruộng vườn bỏ hoang bị người khác cày cày trồng trot mà tranh kién để nhân thi không được để quá một năm. Ké nào làm trái thi phạt 80 gậy. Người có ruộng thực hoặc ruộng hoang bán hàn đi dâ có văn khế thi không được chuộc lại, ké nào làm trái cũng phạt tội như trên. Nếu tranh nhau ruộng ao mà lấy dồ khi giới nhọn sác đánh chết hay làm bị thương người thi cũng phạt 80 gậy, xú tội khổ sai, đem ruộng ao ấy trả lại cho người chết hay người bị thương.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Giết người thi xử tử, đó là lẽ phép từ đời xưa. Nay tôi giết người cũng xử như người phạm tội khác thi thực là không phân biệt mức tội, mất sự cân nhắc nồng nhẹ đấy.*

1. Châu Van Nhai: Tức huyện Bắc Cao. Nay thuộc tỉnh Bắc Thái.

2. Nguyễn hàn chép là chữ "Hy" không có nghĩa. Cõi phải là chữ "mắc" nghĩa là thâm lăng.

3. Dương Tư Minh: Người Quan Triều, huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

4. Ruộng thực: Ruộng đã được canh tác nhiều năm.

Ban chiếu tha tội di dãy cho các bê đảng của Thân Lời

Quy Hợi, năm thứ 4 [1143] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, cấm thiên hạ tự tiên mổ thịt trâu bò. Nếu có việc cúng tế phải tâu xin, có lệnh rồi mới được mổ thịt, kẻ nào làm trái thì phải trị tội. Cứ 3 nhà làm một bão <4b> Nhà lang giêng không cao giác cũng bị xử cùng tội.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa. Vua thân chinh làm lễ cầu đảo, tháng 6, trời mưa.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu cho Dương Tư Minh cai quản các khe dòng doc theo biên giới vè đường bộ.

Tháng 9, ban chiếu rằng: Các nhà quyền thế ngoài giới hạn đầm ao của mình, không được ngăn cấm gì bấy ai làm trái thì bị trị tội.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái phó là Hoàng Nghĩa Hiền và Viên ngoại lang là Không Trường đem quân các khe dòng doc biên giới vè đường bộ đi dài vàng ở các xứ Nhu Cá.

Giáp Tý, năm thứ 5 [1144] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 14) mùa hạ, tháng 5, Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng. Vua cho Mâu Du Đô làm thái sư giao lãnh thổ ở các khe dòng doc biên giới đường bộ.

Sử thân Ngõ Thi Sí bàn: Vào năm Thiên Chương Bảo Tri thứ 4 [1136], Mâu Du Đô bị bãi chức, cho đến nay đã 8 năm lại dem sé tráng đảng diêm lành mong rằng lại được tiến quan. Quá nhiên khi chim sẻ được vào dâng vào thi sác lệnh cùng theo đó mà ban ra. Vua Lý thích diem lành, làm con đường tắt cho bọn tiểu nhân cầu công danh như thế. Từ Khắc <5a> dâng hươu được lên chức xu mật, Du Đô dâng chim sẻ được thăng chức thái sư. Trach nhiệm nặng nề của kè chủ binh, chức trách cao lớn của bác luận đạo tri nước, mà không kể đến người lại kể đến loài cầm thú. Thân Tông đem mưu mỗ ấy để lại cho con cháu, cho nên Anh Tông theo đó mà làm có gì là lạ đâu.

Ất Sửu, năm thứ 6 [1145] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 15), mùa hè, tháng 4, mưa đầm, làm lễ cầu tạnh.

Ban chiếu rằng: Những người tranh nhau của cải ruộng ao, không được cày vào nhà quyền thế, ai làm trái thì phạt 80 gậy, xử tội khổ sai.

Mùa thu, tháng 7, làm các đèn thờ thần (đèn núi Tân Viên và các đèn Bô Cai, Ông Nghiêm, Ông Mẫn).

Tháng 8, bắt bê đảng yêu thuật Dâm Hữu Lượng của nhà Tông là bọn Ba Đại đưa về nước Tông. Lúc đầu người yêu thuật nước Tông là Dâm Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang (chữ lang có bản chép là lăng) nói dối là vắng lệnh đi sứ để hiểu dụ cho nước ta, các khe dòng ở doc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng đem đồ dâng cướp phà châu Quảng Nguyên. Khi đó nam bắc thông hữu với nhau đã lâu, bỗng nghe ngoài biên giới báo vè, triều đình không biết tại sao, gấp lục Kinh lược duy ty lô Quảng Tây nhà Tông đưa thư <5b> nhờ đuổi bắt Hữu Lượng. Vua bèn ban chiếu cho phò mà là Dương Tư Minh và văn thân là bọn Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh, rồi lai sai Thai

sứ là Mẫu Du Đô đem quân các khu đóng dọc biên giới và dương bờ biển tiếp. Khi quân của Mẫu Du Đô đến nơi thì Tư Minh đã lấy được Ai Lùng Đô châu Thông Nông⁽¹⁾, bài được bể Đăng của Hữu Lương là binh Ba Đại 21 người, duy có Hữu Lương chạy thoát, trốn vào núi rừng, dâm tránh. Vua ban chiếu cho quân quan xứ là Nghia Vinh áp giải binh Ba Đại giao trả về nước Tống. Quan Ung Châu nước Tống tam cấp giày cáo thân⁽²⁾ đồng thời với Hữu Lương và hơn 20 người thủ lĩnh ở châu Quy Thuận (Quy Thuận xưa cũ chép là Tư Minh, Tư Minh là đất nhà Tống, Tư Thuận là đất của ta). Khi đó Hữu Lương đang trốn tránh ở bờ cõi nước ta thì sau có thể vượt được mà vào Tư Minh, cho nên đổi làm Quy Thuận là phải, mỗi người đều mang theo ăn đóng, địa đồ và vật thổ sản và Tống. Khi đến trại Dương Sơn (có một bản chép là Hoành Sơn), quan Ung Châu nhà Tống là Triệu Nguyên bắt Hữu Lương giải đến Suý ty, chém chết. Trong đám của Hữu Lương có người tên là Dương U, ở ngay có thích vận rồng đen, người Tống biết là người nước ta, nhân đây cung với các thủ lĩnh đều trả lại cho ta, đều bỏ ngực chết <8a>

Xây dựng cung Quảng Từ, rước Hoàng thái hậu đến ở đây

Cầm thủ hach tae⁽³⁾ không được làm đồ dùng theo kiểu nhà quan mà tư tiên bắn cho dân

Bính Dần năm thứ 7 (1146) (Tống Thiếu Hưng năm thứ 16), mùa xuân, tháng 3, Mẫu Du Đô chết.

Mùa hè, tháng 4, trâu và gia súc chết dịch

Trời hạn, cầu đảo được mưa

Sao chổi mọc

Tháng 6 nhuận, vua ban chiếu cho các ty xứ án, kẻ nào tranh báy, không hợp điều chỉ thi phạt 60 gậy

Mùa thu, tháng 7 dựng 6 nhà kho Thiên Tư

Tháng 8, vua ban chiếu các quan quan giáp, chủ đê phạm hung bố làm cầm quan đều nén chon những hộ nhiều người, không được lấy người cô độc, kẻ nào làm trái thi bị triệt

Bính Mùa, năm thứ 8 (1147) (Tống Thiếu Hưng năm thứ 17), mùa đông, tháng 10, dựng hành cung ở trại Yên Hưng⁽⁴⁾

Ban chiếu cho Đô Anh Vũ đôn phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch

Hoàng thái hậu là Đô thị, hàng Dâng tên thuy là Thiên Kiến Hoàng thái hậu⁽⁵⁾.

<8b> Mẫu thin năm thứ 9 (1148) (Tống Thiếu Hưng năm thứ 18, mùa xuân, tháng 2, vua ngự đón hành cung Lý Nhân xem cây ruộng lịch điện, rồi lui đến hành cung ứng Phong

(1) Châu Thông Nông: Huyện Thanh Lân, tỉnh Cao Bằng ngày nay.

(2) Giày cáo thân: Như giày thông hành, dùng để di đường.

(3) Thủ hach tae: Thủ thư công chuyên làm đồ dùng cho vua và triều đình.

(4) Trại Yên Hưng: Phường huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

(5) QUYẾT chấp: Hoàng hậu.

Mùa hè, tháng 6, ban chiếu cấm các thủ lĩnh và quan lang người Man Lý (có bản chép là Man Lai) và Sơn Liên ở hai trấn Dai Thông và Quy Nhơn⁽¹⁾ không có việc gì thi không được về kinh.

Mùa đông, tháng 10, khánh thành cung Quảng Từ (xét ra cung Quảng Từ là chỗ ở của Lê Thái hậu, dung vào mua thu, năm Ất Sửu [1145] đến nay khánh thành, công xây dựng hết cả năm, thế thi phí tốn nhiều lắm Lê hậu đang lập cung riêng để tư thông với Đỗ Anh Vũ. Anh Tông còn nhỏ không biết, nhà sử ghi lại để biết việc đó).

Kỳ Ty, năm thứ 10 [1149] Tống Thiệu Hưng năm thứ 19, mùa xuân, tháng 2, lập trang Văn Đôn⁽²⁾. Khi đó thuyền buôn ở nước Qua Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông⁽³⁾ xin cư trú buôn bán. Vua cho rằng thuyền buôn ngoài biển có nhiều hàng hoá quý và sản vật địa phương, tiện cho việc cùng nhau trao đổi để dâng lên. Sai các nơi ngoài hải đảo lập trang gọi là Văn Đôn cho họ ở (ngày nay ở châu Van Ninh, An Quảng có phò An Lăng đều có người buôn bán Phương Bắc ở là bát đầu từ khi ấy).

Mùa hè, tháng 4, vua ngự ở thăm rộng xem bắt voi (thêm rộng không phải là nơi bắt voi, ghi là vua xem để chép đây).

Mùa đông, tháng 10,⁽⁴⁾ cho trung thư hoà giũ phủ Phú Lương <7a> là Nguyễn Quyện làm trung thư xá nhân đến Na Đàm Diên ở đầu phía nam Châu Văn, hội với Chiêu phụng lang châu Nguyễn là Nòng Ngan Cương để bàn việc biên giới vì người châu Quảng Nguyên bắt Liêu Ngũ ở châu Thất Nguyên, cho nên mới sai bọn Quyện xử lý việc đó.

Xây dựng hành cung Ly Nhân

Canh Ngọ, năm thứ 11 [1150] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 20), mùa xuân, tháng 3, hạn.

Tháng 9, người Chân Lạp cướp phá châu Nghệ An, đến núi Vu Thấp gặp khí trời nắng và ẩm thấp, trong quần người chết vì khí độc núi rừng, nên tự tan vỡ.

Tả hưng thánh hoà đầu⁽⁵⁾ là Nguyễn Dương mưu giết Đỗ Anh Vũ không được, bị chết.

Trước đây, vua mới lên ngôi còn trẻ thơ, chính sự bắt cứ một việc lớn nhỏ, đều ủy cho Đỗ Anh Vũ giải quyết, Anh Vũ ra vào nơi cung cấm thông gian với Lê Thái hậu (Anh Vũ trang mạo đẹp dẽ dãy dà, múa khéo hát hay, 8 tuổi được tuyển lựa vào dời Thương lâm đệ tử⁽⁶⁾, năm 16 tuổi, Thân Tông cho vào hầu nơi màn trường, được yêu hơn cả các quan lục thường⁽⁷⁾). Lê hậu thích tiếng hát và sắc đẹp của Vũ, từ lâu muôn thông gian với Vũ, đến nay xây dựng cung Quảng Từ, ngày đêm cùng ăn ở với nó), tự cậy mình nắm

1. Quy Nhơn: Thời Lý không có trấn Quy Nhơn, có lẽ là trấn Quy Hoa.

2. Trang Văn Đôn: Nay là miền phía tây vịnh Bãi Tủ Long.

3. Hải Đông: Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

4. DVSKTT chép là tháng 11.

5. Tả hưng thánh hoà đầu: Linh cảm quân.

6. Thương lâm đệ tử: Dội ca múa trong vườn của vua.

7. Quan lục thường: Quan hầu hạ các việc trong cung cho vua như: hầu ăn, hầu áo, hầu tắm, hầu chiểu, hầu mi...

quyền trong nước, lại có sự giúp đỡ ngầm, nhân thế càng kiêu càng, thường ở triều đình giơ tay quạt thảo <7b> sai bảo, quan lai ai cũng gườm mà không dám nói. Điện tiền chỉ huy sứ là Vũ Đại. Quảng vũ đô hoả đầu là Lương Thương Cá. Ngọc giai đô hoả đầu là Đồng Lợi. Nội thị là Đỗ Át cùng với bọn Trí Minh vương (khuyết danh). Phò mã lang là Dương Tự Minh mưu giết Anh Vũ. Bản tính xong, bọn Đại đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành, hô lớn rằng: "Anh Vũ ra vào cung cấm, làm bừa tội ác ô uế, tiếng xấu dồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thân xin sớm trừ di, đừng để mối lo về sau". Có chiếu sai cầm quân bắt Anh Vũ giam ở Tả hưng thành lang. Sai Dinh Uý xét việc đó. Thái hậu sai người đem cơm rượu cho Anh Vũ ngâm để vàng vào trong đồ đựng món ăn để hối lộ cho Đại và các người canh giữ. Tả hưng thành hoả đầu là Nguyễn Dương nói: "Các người tham của hối lộ, ta với các người át không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng giết đi, để khỏi tai và về sau. Ben cảm giao định dám. Tả hưng đô là Đàm Di Mông ôm Dương rồi cướp giáo <8a> lấy giao ngàn lai mà nói là quan điện tiền nói "Anh Vũ tội đang chết nhưng phải đợi mệnh lệnh của vua, không nên tư tiên". Dương giận lám, thậm chí lấy từ bẩn thiu mà chửi rằng: "Vũ Đại sao tham của hối lộ của người ta mà không tiếc tinh mang cùn mình!" Nói xong, tự biết mình không tránh khỏi chết, mới nhảy xuống giếng tử tú. Vua xét vụ án của Anh Vũ, dày Anh Vũ làm tảo dien nhi. Thái hậu lo buồn, nghĩ làm thế nào để phục hồi dia vị cho Anh Vũ mới nhiều lần mở hội để xá cho các tội nhân, mong rằng Anh Vũ được dự vào đây. Anh Vũ quả vì qua nhiều lần tha tội, lại được làm thái úy phu chính như cũ, càng được yêu mến tin dùng hơn, do đó chuyên quyền gây họa hàn phúc, cho sống hoặc giết chết không chút sợ kiêng, hàng ngày nghỉ kế báo thù. Số quân lai bát không vừa ý mình, bèn dâng hơn 100 người nó thường sai bảo làm Đô phung quốc vέ, người nào phạm tội đều giao cho bát trị tội. Anh Vũ nhân dấy mệt tâu với vua rằng: "Trước kia bọn Vũ Đại tư tiên đem cầm quân xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không trùng tri sớm di, sơ một ngày kia sinh biến thì không thể mưu tính được". Vua <8b> chẳng biết gì, lập tức nghe theo lời tâu. Anh Vũ liền sai Đô phung quốc vέ bắt bọn Vũ Đại ha nguc trị tội. Ban chiếu giáng Trí Minh vương làm tước hầu, giáng Bảo Minh hầu làm tước Minh tri, giáng Bảo Thắng hầu làm phung chức, nội thị là bọn Đỗ Át 5 người bị cụm chân (chữ mộc mā), viết ngoa từ chữ mā cổ tức là lấy dây buộc hai đầu miếng gỗ rồi khoá lại như loại cụm chân. Hoả đầu Ngọc giai là bọn Đồng Lợi 8 người bị chém ở chợ Tây Giai. Điện tiền đô chỉ huy là bọn Vũ Đại 20 người bị chém bêu đầu ở các bến sông. Phò mã là bọn Dương Tự Minh 30 người dày di những nơi xa xôi hiem dốc. Nhưng kể dù vào mưu đó đều làm khổ sai ở Điện An, Khúc Giáp.

Sứ thần Lê Văn Hưu bàn: *Dù Anh Vũ ra vào cung đình, tư thông với mầu hau, không tội gì to bằng. Bọn Vũ Đại tâu bày tội trang gian dâm đó ở triều đình, bát giam vào ngục mà giết di thi phái. Nay lại đem quân dột nhập cửa Việt Thành, ức hiếp vua nhỏ tuổi, ép xin chiếu <9a> chi. Đến khi bắt được Anh Vũ rồi lại nhận rồng của thái hậu mà không nghe lời nói của Nguyễn Dương. Sau này lại bị Anh Vũ giết chết, liên luy đến mấy mươi người, có thể bảo là nuôi hổ để hoạ vέ sau đây!*

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Anh Vũ là kẻ đại ác, bọn Đại đã cùng với các người tôn thất hợp mưu mà không tuyên bố tội trang ở triều đình, để làm rõ tội của*

no, lại đem quân sĩ bắt hiếp vua nhỏ tuổi. Lúc bấy giờ Anh Vũ mừng vì đã có chỗ để mà nốt dây, biết đâu nó lại không lấp kẽ thông với thái hậu, khuyên phải đưa lot nhiều cho bọn Đại mang tam khôi chét, để thoát lồng bao sau này. May Nguyễn Dương nói rõ cái chỗ gây tai hoạ. Đến khi bọn Đại không nghe, Dương thà phải nhảy xuống giếng để cho họ biết, thê mà cũng không tinh ngòi, chuộc lấy tai ta về sau này thì con trách ai? Vậy thi thái hậu vô tội ư? trả lời rằng: "Tôi nồng lâm chư. Không có tài đức quyền vị như Y Doãn, Chu Công" ¹ <9b> mà muôn ngàn chấn nó thi khó lòng tránh khỏi cai sai lầm.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Anh Vũ là bồ tội lại tư thông với mẫu hậu, tội đó không thể tha được. Vũ Đại cùng với các vương hầu xuất phát từ lòng căm phẫn bất đặc dĩ phải làm chuyện như Đức Quyền ². Anh Tông còn nhỏ không hiểu. Khi dẫu sợ quân vây bức của Việt Thành nên ban chiếu cho bắt Anh Vũ. Sau đó lại nghe theo bản kết án của Đinh Uy mà dày Anh Vũ đi làm ruộng, vốn là không có ý giết nó. Do đó Lê hậu muôn che dây tội ác, dát lời là Vũ Đại vu không mà tố cáo bên trong; Anh Vũ muốn phục thù thì den việc Vũ Đại tự tiện dùng binh doạ nạt bên ngoài, thế thi làm gì mà vua chàng đồng lòng nghe theo. Ké ra vua đã ban chiếu cho cấm quân thu bắt, đã ra lệnh cho Đinh Uy xét xử nếu bọn Đại có giết Anh Vũ cũng có lý rồi đấy. Nếu làm rõ tội của hắn ghép ngay vào hình phạt nặng. Anh Tông đã ban chiếu mệnh rồi thi thái hậu sao có thể lập mưu khác được. Bây giờ lại dùng vũ lực mà bắt, nhận của hối lộ <10a> mà than, khiến cho ông vua nhỏ tuổi ít nghi ngờ, mưu kế của người đàn bà dâm dăng được thực hiện; tính hung ác của dứa nghịch thần được tung hoành, chỉ có Nguyễn Dương biết là không phải, nhưng không được làm theo ý của mình; còn những người khác thì đều ngu muội. Về việc 5 tước vương thời Đường chết vì Vũ Tam Tư ³ cũng như vậy đây. Nguyễn Dương muốn giết Anh Vũ, là người trung đầy; biết là không tranh khôi mà chết là đúng cảm thấy. Cho nên đặc biệt chép vào sử để khen.

Ban chiếu cấm bọn hoạn quan không được tư tiện vào cung, ai phạm thì bị tội chết. Nếu dung túng cho người khác vào cung thì cũng chịu tội như thế.

Cấm các quan trong triều, không được đi lại nhà các vương hầu. Ở trong cung cấm không được hội họp nhau năm ba người bàn luân, chê bai, kẻ nào làm trái thì phải chịu tội. Mảnh đất phía ngoài hành lang để khỉ giới của Đô phung quốc vệ không ai được qua lại, kẻ nào phạm cấm thì phạt 80 gậy; xử tội khổ sai. Kẻ nào vào den trong hành lang thì bị xử tử. Quân phung quốc vệ ở trong hành lang nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện cấm khỉ giới đi qua ra ngoài mảnh đất ấy thì tội cũng như thế.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Quá lâm thay, cái kế của Lê Thái hậu để phòng

1. Y Doãn, Chu Công: Hai bầy tài giúp vua nhỏ tuổi làm nên sự nghiệp lớn.

2. Đức Tuyền: Quản đại phu nước Sở thời Xuân Thu. Lúc đầu Quyền can ngăn Sở Tù, Sở Tù không nghe, liền dung binh lực để doạ. Sở Tù sợ mà nghe theo. Đức Quyền nói: Ta lấy binh lực để doạ vua, tội này không gì lớn hơn bén tu chất chán.

3. Vũ Tam Tư: Chịu Vũ Hầu thời Đường, mưu làm Thái tử, nhưng không được, khi Vũ Hầu chết, thông đồng với một số bon khác lật mưu phế Thái tử, bị Thái tử giết chết.

người ta tuy nói rằng <10b> mưu tính cho nước, nhưng thực ra là mưu tính cho bản thân đây. Có lẽ là nét xấu dã rõ ràng, dồn dại khắp trong ngoài. Dù đã giết Vũ Đái để bit miệng một thời, nhưng vẫn sợ có kẻ giữ lòng trung nghĩa kể rõ tội đó ra kè có trí khôn cao hơn Vũ Đái dương bận tinh ở phía sau. Cho nên mới đặt ra câu đoán gắt gao. Không cho bọn hoan quan vào cũng là sợ tai tiếng không thể che dậy được mài dấy; quan trọng triều không được di lại nhà các vương hầu là sợ bên ngoài có nhiều người mưu tính về mình dấy, trong cung không được bàn luận chê bai là sợ tiếng xấu kín đáo lan ra bên ngoài đấy; phung quốc về không được qua lại, không có chiếu chỉ không được cầm vũ khí là sợ các vệ thần sám hôm lại sinh biến dấy. Anh Tông lúc đó đã trưởng thành, không biết phòng ngừa me, lai bi me làm me hoặc khiến cho đứa giàn thắn là Anh Vũ dâm loạn mà không kiêng né gì. Vua thật là ngu dại lầm thay!

<11a> Tân Mùi, năm thứ 12 [1151] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 21), mùa xuân, tháng 2, vua đến Long Thuỷ bát được voi tráng, các quan dâng biểu mừng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Thần Tông bát được rùa thì các quan dâng tôn hiệu; Anh Tông bát được voi thì các quan dâng biểu mừng, thật xiêm mị lầm thay! Mùa thu, tháng 8, vua đến cung Quảng Trì xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 11, Hoàng trưởng tử là Long Xưởng sinh ở hành cung ứng Phong, liền sách phong làm Hiển Trung vương.

Xây dựng gác Vĩnh Thanh ở phía tây điện và làm 2 chiếc thuyền Vĩnh Diêu, Thanh Lan

Nhâm Thân, năm thứ 13 [1152] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 22), mùa hạ, tháng 4, động đất.

Tháng 5, trời mưa ra cát vàng.

Mùa thu, tháng 7, trời mưa ra cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, thi điện (xét thấy khi ấy phép thi cử chưa có quy định, hoặc là khi ấy có chiếu cho cử học trò trong nước vua tự xem thi ở sân điện, sử ghi không rõ không thể tra cứu được).

Người Chiêm Thành là Ung Minh Tá Diệp, đến cửa <11b> khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy, vua ban chiếu cho Thương chế là Lý Mông đem hơn 5.000 quân đến Thanh Hoá và Nghệ An đưa về nước ấy lập làm vua. Mông đến Chiêm Thành vị vua nước ấy là Chế Bì La Bút chống cự, Ung Minh Tá Diệp và bọn Mông đều chết.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Chiêm Thành khi phản bội khi thắn phục bắt thường, nếu là loại thuộc quốc ràng buộc của ta. Nếu như bể tôi của nó có người làm phản nghịch như Tô Văn⁽¹⁾ vua nước nó có người phải bỏ chạy như Vệ Khoái⁽²⁾ thi cũng phải có lời văn nói rõ ra, chấn chỉnh việc chuẩn bị đẹp yên biên giới, bảo ban hai ba lần cho quân nó thắn phục. Nếu quân nó không theo thì kể rõ tội mà

1. Tô Văn: Túc Cáp Tô Văn người Cao Ly chống nhau với Tiết Nhân Quy nhà Đường.

2. Vệ Khoái: Túc Khoái Hồi con vua Linh Công nước Vệ. Vệ Linh Công mất, Khoái được lập làm vua bị quân Tần giết chết.

dánh, dẹp hết loạn rồi lại nhận nó, thế tức là ngăn chặn kè manh, nâng đỡ kè yếu. Ân và uy đều rõ, tức là làm được cái đạo nuôi dưỡng nước nhỏ, vỗ về người xa dày. Nếu việc ho xin không đúng dân nghĩa không nên đánh thi từ chối. Cây thế chỉ dựa vào lời xin của Ung Minh Tá Diệp mà không xét về ý hướng phải hay trái; sự việc khó hay dễ <12a> mà dâ vội vã sai tướng đem quân đưa nó về nước, lập nó làm vua. Cuối cùng dâ dấn đến việc không thành, làm tan quân nhục nước lại còn nhân đưa con gái Man Di, để thêni xấu hổ. Quê "vô vọng" trong Kinh Dịch có câu: "Hoặc kê chi ngưu, hành nhân chi dắc, áp nhân chi tai" (có kẻ buộc trâu, người di đường thì được, người trong áp bị tai hoa). Câu nói đó có thể bảo là ám chỉ vào Anh Tông chăng? Dương thời Anh Vũ nắm quyền, gây càn hiềm khích ngoài biển, bảy tối trong triều hán là không dụ biết chuyện đó. Nếu không thì sự khinh suất làm càn dù đưa trẻ mới cao ba thước⁽¹⁾ cũng biết là làm thế không được, huống hồ bê tối trung như Tô Hiển Thành lai không có một lời can ngăn nào ư?

Quý Dậu, năm thứ 4 [1153] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 23), xây dựng của Tân Quan.

Giáp Tuất, năm thứ 15 [1154] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 24), mùa xuân, tháng giêng, người Liêu ở núi Chàng Long làm phản, tháng 2, vua ban chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi đánh, nó phải hàng.

Mùa thu, tháng 8, thủ lĩnh của bọn Sơn Liêu ở sông Đại Hoàng (nay là phủ Trường Yên) là Mông Khà Lai làm phản.

Tháng 9, vua ngự ra cửa nam thành Đại La xem dâp dân Viên Khâu⁽²⁾ <12b> Mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La dâng con gái, vua nhận.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: Kể ra thì các bác để vương đối với người Di Dịch nếu nó phục thì lấy đức mà vỗ yên, nếu nó phản thì lấy uy mà trừng trị. Anh Tông sai Lý Mông đem hơn 5 000 quân để giúp lập Ung Minh Tá Diệp làm vua nước Chiêm Thành mà bị Chế Bì La Bát giết chết, dâng lê phải đem quân hồi tội, chọn lập một người khác lên thay làm vua nước ấy thì uy mới vang động đến người khác, phong tục, ân đức mới thấu đến vua sau của nước ấy. Nay lại nhận con gái của họ mà không hồi tội họ, có thể bảo là sai lầm đấy. Về sau Chiêm Thành, Chân Lạp liên tục vào cướp phá một rào Nghê An, tàn tệ không sao kể xiết, thực là do Anh Tông gây ra đó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Nước nhỏ nhò nước lớn là vì có thể giúp cho nước mình được yên tĩnh. Nếu chẳng may có gặp loạn, công tử chạy ra ngoài thì có đường lối đưa họ trở về nước. Nhưng nếu không <13a> dung dán thì chưa bao giờ làm nên việc được, như việc nước Lô đưa Tử Cù về nước vậy. Dưa về nước mà biết là không dung dán như việc nước Tấn đưa công tử Tiệp Tri về nước ấy. Anh Tông đưa Ung Minh Tá Diệp về nước nếu quả là dung dán mà bị bọn kia chống mệnh giết càn, thì không thể đem quân di hồi tội được. Nếu quả là không dung thì sao không

1. Thủc ở đây là đơn vị đo chiều dài xưa (3 thủc = 1 mét).

2. Dân Viên Khâu: Nội vua tê trói.

tự kiểm điểm bản thân mình. Song việc dâng đến thê thì nên sai một viên sứ đến hỏi tội dâng cho họ hối hận tạ lỗi là được. Ấy thế mà say đắm tình riêng về sắc đẹp con gái mà quên mất việc lớn của nhà nước. Thế mà người làm quan ăn lộc bấy giờ không có lời nói là lẽ vì sao?

Tháng 12, vua thần đi đánh Mông Khả Lai, thắng lợi. Từ khi ra quân đến khi về kinh sư tất cả 10 ngày.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Chiến dịch này từ khi ra quân đánh dẹp đến khi về Kinh mới <13b> có 10 ngày, không phí của nước, không nhọc sức dân, dùng binh hành quân có thể bảo là thần tốc dãy. Núi khe ở Trường An không huen: ^{trở} lâm. Khai Quốc vương làm phản khi trước; Mông Khả Lai làm phản khi sau. Ý chừng từ khi không đóng đô ở Hoa Lư mà bỏ nơi ấy làm chốn biên thùy, trong liền với Thiên Quan⁽¹⁾ ngoài thông với Nga Tống⁽²⁾. Sự rậm rạp của núi rừng, sự quanh co của khe ngòi là thê có thể dựa được. Vậy nên bọn phản nghịch còn có chỗ lén lút tụ họp, nhiều lần phải huy động đại quân. Thế xưa nay không giống nhau, điều ấy ta có thể thấy được.

Xây dựng hành cung ứng Phong, hành cung Ly Nhân, và đóng thuyền Vĩnh Chương. Ất Hợi, năm thứ 16 [1155] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 25), mùa thu, tháng 8, đưa thuyền.

Nước to.

Động đất.

Tháng 9, thu tô ruộng chiêm.

Mùa đông, tháng 10, sao Mộc xâm phạm phần dã sao Kim.

Làm phủ đệ ở Phú Lương.

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, động đất.

Làm <14a> cung Lê Thiên và hành lang triều cangen ở hiên Long Khánh.

Bính Tý năm thứ 17 [1156] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 26), mùa xuân, tháng 2, trời mưa ra cát vàng.

Mùa hè, tháng 4, làm phủ đệ ở Châu Quảng.

Mùa đông, tháng 12, ban đêm kho ngư cháy.

Hưng công lớn về việc thờ mộc. Làm hành cung Ngụ Thiên, điện Thuy Quang, gác Ánh Văn, cửa Thanh Hoá, thêm Nghi Phương, gác Diên Phú, đình Trường Hoa, thêm Ngọc Hoa, ao Kim Liên, cầu Minh Nguyệt, và đóng thuyền lớn cho ngự trú⁽³⁾, thuyền lớn cho Nội cung.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Các vua triều Lý ngoài việc xây dựng chùa tháp, dung sít dân nhiều, không vua nào bằng vua Anh Tông. Trong khoảng thời gian

1. Thiên Quan: Tức Nhị Quan, tỉnh Ninh Bình.

2. Nga Tống: Tức huyện Nga Sơn và Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

3. Ngự trú: Bếp của vua.

37 năm, sù ghi 2 lân dụng miếu, 3 lân làm đèn thờ, 6 lân đóng thuyền, còn việc xây chùa, sửa chùa, xây đàn, mở cửa, làm nhà kho, sửa sang câu, mỗi việc đều một lân. Mười lân làm cung điện phủ đệ dài các lộng lẫy, ao sâu <14b> rộng ráo thi không lân nào nhiều bằng. Lúc đó nước lụt, nắng hạn luôn luôn, nan dối bệnh dịch đón đến, thế mà không ra ăn thu thuế hay phát chẩn, công việc xây dựng vẫn liên tục, ơn huệ của một ông vua tổ ba vua tông, đến bấy giờ tiêu tan hết. Cho nên cái mà sù trước ghi về việc sai dân phản lớn đều theo cũ mà ghi dày dù, Xem thế thay được vua không thương dân dãy. Duy có việc lập miếu Khổng Tử và sửa miếu Văn Tuyên Vương là việc tôn sư và xây đàn Viên Khâu, sửa đèn Hậu Thờ là việc kính trời thờ đất, chỉ có mấy việc ấy là hợp nghĩa mà thôi.

Thái phó là Lý Du Đô dâng sớ xin hưu trí, thăng chức Thái sư, ban vàng cho về quê hương.

Dựng miếu Khổng Tử.

Năm ấy đổi to, gạo một thang giá 70 đồng.

Đinh Sửu năm thứ 18 [1157] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 27), ban chiếu định luật lệnh.

<15a> Mậu Dần, năm thứ 19 [1158] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 28), mùa xuân tháng 2, đặt hòm bằng đồng ở sân điện để ai có việc gì muốn nói thì cho phép được viết thư bỏ vào trong ấy. Trước đây Nguyễn Quốc đi sứ nước Tống về nói rằng: Nhìn thấy ở sân điện nước Tống có hòm đồng để nhận sớ tâu của bốn phương, xin được làm theo như vậy, để thấu được tình của kẻ dưới, vua nghe theo. Vừa gặp lúc có kẻ ngầm bỏ thư nặc danh nói là Anh Vũ làm loạn. Tìm bắt người đó không được, Anh Vũ cho là Quốc làm việc ấy đem dâng Quốc ở trại đầu thuộc Thanh Hoá, không bao lâu vua gọi Quốc về. Anh Vũ lại đưa rượu có thuốc độc cho Quốc. Quốc tự xét không thể tránh khỏi, bèn uống thuốc độc chết.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Từ xưa bọn gian thần chuyên quyền ngang ngược vốn là bén trong nhà cagy mẫu hậu, bên ngoài thi áp chế triều đình, đều vì hai vua mới nối ngôi còn nhỏ tuổi mới dám như vậy mà thôi. Vua Thuỷ Hoàng lớn lên, thi Lao Ai bị giết; gian tình của Hồ hậu lộ ra, thi Đàm Hiến phải chết. Chưa có người nào dám nắm quyền binh trong nước <15b> 20 năm quyền sinh, quyền sát, gây hoạ giáng phúc cũng riêng mình nắm và cản trở vua như của Anh Vũ. Vua Anh Tông đã ngoài 20 tuổi, việc tư tình của mẫu hậu, gian trá của quân thần vốn đã tai nghe mót thấy rõ ràng. Từ sau khi binh biến ở Việt Thành ⁽¹⁾ thi vua bén trong phải phòng bị cẩn thận, bên ngoài phải ngăn chặn, để dần dần thu lấy uy quyền của mình mới phải. Nay Anh Vũ vì thư nặc danh nghi cho Nguyễn Quốc, bắt Quốc đi dâng, đến khi Nguyễn Quốc được triều về thì Anh Vũ lại đưa thuốc độc để giết Nguyễn Quốc. Đại Phương ⁽²⁾ vì sao phải dến Kiền Châu? Ông đầu bạc mọi ngày nay ở đâu? Mình ngồi không ở trên mà oai quyền hoa phúc lại cho người khác, dù

1. Chỉ việc xảy ra năm Canh Ngọ (1150), bọn Vũ Dân đem quân đến của Việt Thành kề tội Anh Vũ

2. Đại Phương: La bê tội của nhà Tống, bị tên gian thần là Chương Dân biếm đi Kiền Châu. Vua Tống là Triết Tông không biết gì và hỏi Đại Phương tại sao dến Kiền Châu?

nó là chưa biết gì thì cũng biết con hay mất. Như nhược như vậy thì làm sao không bị tiêu nhau lồng quyền được.

Sau Thiệu bảo là Lý Công Tin tuyển dân định, định các hang và lấy người sung vào việc thợ cung ở Thái miếu và Sơn Lang (Công Tin phục lại họ cũ).

Mùa thu, tháng 8, Đỗ Anh Vũ chết.

<16a> Sứ thần Ngũ Thi Sĩ bàn: Vua Anh Tông lên ngôi mới 3 tuổi, còn nhỏ him Dinh Toan. Lê hầu tư thông với Anh Vũ tiếng xâu đòn vang hơn cả Dương thi, Anh Vũ làm Thái úy, giữ binh quyền, mạnh hơn Thập đạo tướng quân. Bè đảng Đam Di Mông không kém bon Pham Cú Lang, bon Lưu Vũ Xứng, Mẫu Du Đô lại không làm được nhưng việc như Dinh Diên, Nguyễn Bặc. Dánh một hồi trống mà bắt được Thần Lợt, một lần vây bắt ma bon Vũ Đái 5, 6 mươi người kè thì chết, kè bị đày, triều đình phải sợ uy thế lại có thái hậu làm chủ, bên trong vẫn giữ vững khí tiết bê tôi khiêm cho Anh Tông vẫn xứng "quả nhân" giữ việc tết tự, bấy giờ đã 19 năm, cho đến khi chết là vì sao? Vì Lý Thai Tổ lấy diệu nhân hậu mà dựng nước, các vua sau bởi dập thêm, không bạo ngược như Dinh Tiên Hoàng. Mới trỗi dậy như họ Đinh, Anh Vũ là kẻ tiểu nhân dâm tà trộm giữ quyền vị, chí nguyễn dã thoả man, cũng chẳng dam vì với Đại Hành là hực <16b> anh hùng. Cho nên không ra ý nghĩ nhòm ngo ngó vua, mà bè đảng của ông cũng không dám khuyên ông làm việc thay ngôi và nhường ngôi. Nếu không thế thì sao đường đường là vua hoàng hậu tôn quý, lại đưa cơm rượu cho thằng tù bị giam, hối lộ vàng cho kẻ cai ngục, công nhiên không hề kiêng nể gì? Mở hội xá tội bừa bãi mong khôi phục quyền vị của nó. Nếu có sở hữ nào có thể làm được thì nào có doái thương đến đứa con thơ và xá tặc của họ Lý mà không mang cho người mình yêu thích để làm một bà Tháng Minh hoàng hậu của nhà họ Đỗ hay sao? Thế mới biết nhà nước thịnh hay suy, vận mệnh dài hay ngắn đều do mưu mô tốt hay xấu của cha ông để lại. Bé tôi cầm quyền gian tà đời nào chẳng có, nhưng trời chửa chán ghét đứa con của nhà Lý thi ai làm gì để thay đổi được mệnh trời.

Mùa hè, tháng 5, Ngưu Hông và Ai Lao làm phản. Trước đây Ngưu Hông từng dâng voi hươu, đèn bầy giờ lại làm phản, vua sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người ngựa, trâu, voi, vàng bạc, châu báu rất nhiều, vua phong Hiến Thành làm Thái úy.

<17a> Canh Thìn, năm thứ 21 [1160] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 30), mùa xuân, tháng giêng, làm đèn Hai Bà và đèn Xuy Vưu ở phường Bô Cái.

Tháng 2, sai Tô Hiến Thành và Phi Công Tin, tuyển lựa dân định mạnh khoẻ sung vào quân ngũ, chọn các tướng hiếu, người nào thông hiểu binh pháp, thạo võ nghệ chia cho cui quân.

Tân Tỵ, năm thứ 22 [1161] (Tông Thiệu Hưng năm thứ 31), mùa xuân, sai đem voi thuận sang biểu nước Tống.

Xây dựng chùa Pháp Vân ở châu Cổ Pháp.

Mùa đông, tháng 10, Thái phó là Hoàng Nghia Hiển mất, nghỉ chầu 5 ngày. Vì có công giúp vua lên ngôi nên đặc ân là hơn lê thường.

Tháng 11, sai Tô Hiến Thành làm đô tướng. Đỗ An Di là phó, đem 2 vạn quân đi

tuân ở các nơi ven biển miền Tây Nam, để trấn an bờ cõi. Vua thân đưa đến cửa biển Thanh Dầu huyên Đại An mới trở về.

Thái úy là Lưu Khánh Đàm mất.

<17b> Nhâm Ngọ, năm thứ 23 [1162] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 32), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu rằng: kẻ nào tự hoạn thì xử phạt 80 gậy, thích vào cánh tay trái 23 chữ.

Động đất.

Tháng 2, khảo xét các quan văn võ, người nào không phạm lỗi thì thăng trật. Làm lệ thường, cứ 9 năm làm một kỳ khai.

Năm đó, Tống Cao Tông nhường ngôi cho Hoàng thái tử là Vĩ (Vĩ là con của Tú Công người tông thất. Cao Tông không có con nên nuôi làm con thừa tự) tức là Hiến Tông.

Quý Mùi Chính Long Bảo Ứng năm thứ 1 [1163] (Tống Hiến Tông Long Hưng năm thứ 1), cấm thiên hạ không được dùng chén châu già.

Mùa thu, tháng 8, khi đó linh các vệ đảo ngũ tụ họp khắp nơi cướp bóc cư dân trên đường. Vua sai Phí Công Tín đem 10 vạn quân đi đánh, dẹp yên được.

Giáp Thân, năm thứ 2 [1164] (Tống Long Hưng năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 9, nước to, lúa mì bị ngập hết.

Sai Trung vệ đại phu là Doãn Tử Tư đi sứ thăm hỏi nhà Tống

<18a> Ất Dậu, năm thứ 3 [1165] (Tống Càn Đạo năm thứ 1), mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị dịch lớn, trâu bò già súc chết nhiều, giá gạo cao vọt.

Mùa thu, tháng 8, thi học sinh.

Bính Tuất, năm thứ 4 [1166] (Tống Càn Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành di đến miền Ô Lý, dùng quân phong thuỷ (sử cũ chú là bon tang ma) vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về.

Đinh Hợi, năm thứ 5 [1167] (Tống Càn Đạo năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng chân châu và sản vật địa phương để xin hoà. Vua ban chiếu cho Hiến Thành mang quân về. Từ đó nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thân, dâng lễ cống đầy đủ.

Đóng thuyền Nhật Long.

Mậu Tý, năm thứ 6 [1168] (Tống Càn Đạo năm thứ 4), mùa thu, tháng 8, sứ nhà Tống sang, sứ nước Kim cũng sang. Vua sai ngâm tiếp lễ hậu, dừng để họ gặp nhau (xét Càn Đạo là niên hiệu đầu tiên của vua Hiến Tông nhà Tống. Khi ấy nước Kim đang mạnh. Vua Thế Tông nước Kim mới lên ngôi. Nước Mông Cổ mới nổi lên ở man Bắc, đang làm thàn thuộc của nước Kim. Và lại nước Kim đang đóng đô ở đất Biện, nhà Tống đóng đô ở Lâm An. Nhà Tống với nhà Nguyên như con ngựa con trâu động hứng đuổi nhau. Có liên quan gì mà người Nguyên <18b> dám vượt qua đất Biện, qua Lâm An để

gây sự với nước ta? Sử cũ ghi là sứ "Thát Dat" là không tra cứu rõ. Hoàn Nhơn Mông Cổ, danh hiệu khác nhau, người chủ cho là sứ nhà Nguyên là làm, cho nên dính chính lai)

Kỷ Sửu, năm thứ 7 [1169] (Tông Càn Đạo năm thứ 5), mùa xuân, tháng 3, ngày rằm, nguyệt thực, cửa biển có cá chết, vua sai táng ni đạo sĩ ở chùa quán các nơi tụng kinh cầu đảo.

Thái sư tri sì Lý Du Đô mất.

Mua hạ, tháng 4, làm điện Thành Hoà Kinh đặt than vị tiên đế và tiên hậu, theo lễ tiết mà cung tế.

Canh Dần, năm thứ 8 [1170] (Tông Càn Đạo năm thứ 6), vua tập cưỡi ngựa, bắn cung ở phía nam thành Đại La gọi là sân bắn, sai các van võ hàng ngày luyện tập phép đánh giặc pha trộn.

Tân Mão, năm thứ 9 [1171] (Tông Càn Đạo năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cử tư rung động.

Sửa lại miếu Văn Tuyên Vương và đèn thờ Hậu Thổ.

Vua đi tuần các đảo ngoài biển, xem kháp hình thế núi sông <19a> muôn biêt được sự đau khổ của nhân dân và đường đi các nơi xa gần.

Nhâm Thìn, năm thứ 10 [1172] (Tông Càn Đạo năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, vua lại đi tuần ra các đảo ngoài biển, vẽ bản đồ địa giới các phiên bang nam bắc, ghi chép phong cảnh sân vặt rồi về.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Từ khi Anh Vũ chết, Tô Hiến Thành làm Thái úy, nắm binh quyền. Từ đây mới tuyển quân chọn tướng, cho quan võ luyện tập đánh giặc pha trộn. Vua cũng tự cưỡi ngựa bắn cung ở sân bắn và thân đi tuần các đảo ngoài biển. Việc quân cơ, việc phòng biên giới một phen chấn chỉnh, Chính sự năm Bảo Ưng so với cuối năm Đại Định, thời có lúc chán chí; có lúc trẻ nai lúc lúc bô khac hán nhau. Kinh Thi có câu: "võ cạnh duy nhân" [không gì mạnh bằng người]. Kinh Dịch có câu: "sư chính trương nhân cát" [dùng quân theo chính nghĩa mà có người giỏi thì tốt]. Hiến Thành là người như vậy.

Quý Tỵ, năm thứ 11 [1173] (Tông Càn Đạo năm thứ 9), mùa xuân, tu sửa lại cầu Thái Hoà

Mua hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng tử Long Trát sinh.

Mua thu, đóng thuyền ngoan thuỷ

Sai bọn Đoàn Tử Tư <19b> sang nước Tông, biếu 15 con voi thuận Buổi đầu nhà Lý sai sứ sang Phương Bắc dâng voi thuận, sau coi đó là lè thường. Cuối năm Đại Định, sứ nước ta đến, vua Cao Tông nhà Tông cho là đem sức vật đi xa làm nhọc sức người, sai soái thần nói rõ: từ nay về sau định việc công voi. Đến bảy giờ vua Hiến Tông nhà Tông mới lên ngôi, sắp có việc tế Nam Giao, ban chiêu cho kinh lược Quảng Tây, đem thư sang mua 10 con voi thuận của nước ta để làm mồ bạ tế giao. Vua sai viết thư lai cho tinh Quảng Tây xin đem tiễn công. Sai bọn Lý Tử Tư sang đem 10 con voi làm lè chính mừng lên ngôi, 5 con dùng làm lè chính trong kỳ lè lớn, bành voi vua ngồi và các

đỗ buộc ở ngù chân và đầu voi đều trang sức bằng vàng bạc. Ngoài ra còn mang theo vàng, bạc, tiền, hương liệu. Bọn Tử Tư đến Lâm An, vua Tống cho ở quán Hoài An, đai cớm nước rất hậu rồi dẫn sứ nước ta yết kiến vua Tống để được an ủi.

Giáp Ngọ, năm thứ 12 [1174] (từ tháng 2 về sau là Thiên Cầm Chí Bảo năm thứ 1, Tông Thuần Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, động đất.

<20a> Tháng 2, đổi niên hiệu là Thiên Cầm Chí Bảo năm thứ 1.

Mùa thu, tháng 9, Thái tử là Long Xưởng có tội, phế làm thái tử và bắt giam. Trước đây Long Xưởng thông dâm với phi, vua không nỡ bát tội chết cho nên mới phế và giam lại. Một hôm vua gọi quan Tể tướng báo rằng: "Thái tử là căn bản của nước, nay Long Xưởng đã làm trái đạo, trăm muôn cho Long Trát nỗi giữ nghiệp lớn, nhưng vì còn nhỏ tuổi, sợ không đương nổi, nếu đợi cho lớn lên, trăm đã tuổi già sức yếu thì làm thế nào? Vừa lúc ấy người trong cung bế Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho khóc càng dữ hơn. Vua bèn tháo mũ đưa cho thì Long Trát cười vang lên, vua lấy làm lạ bèn quyết ý lập làm thái tử.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam.

Ất Mùi, Thiên Cầm Chí Bảo năm thứ 2 [1175] (Tông Thuần Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, sách lập Long Trát làm hoàng thái tử động cung, phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiêm hiệu thái phó, Bình chương quân quốc **<20b>** trọng sự, tước vương, giúp đỡ động cung.

Vua Tống phong vua ta làm An Nam quốc vương đổi Giao Chỉ, làm nước An Nam. Trước đây nhà Tống dời sang phía nam, mỗi khi sứ thần nước ta đến thi đi theo lộ Quàng Tây đến ty Đề Hình giao sản vật địa phương, quan ở lộ giúp ta dâng lên, vua Tống sai học sĩ ban sắc đáp lại, sứ giả của ta chưa bao giờ đến Kinh đô. Cuối năm Bảo Ứng bọn Tử Tư làm sứ sang thăm hỏi. Vua sai viết thư giao cho họ xin được đến cửa khuyết, vua Tống y theo lời xin. Lệ cũ thì sứ tiến cống chưa bao giờ có đủ ba sứ thần. Đến khi Tử Tư sang, vua cho làm đại sứ và cho Thừa nghị lang là Lý Bang Chính là chánh sứ, Trung Dực lang là Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ, sau ba sứ thần ấy là Thư Trang, Áp Nha, Trương Hành, bồi giới đều đủ cả. Khi đến nơi vua cho là từ xa đến càng khen là trung thành. Hơn nữa đoàn sứ thần đầy đủ, vật công nhiều và đẹp, áo mũ, người vật đều chỉnh tề, sách sê, vua Tống càng vui lòng. Lại nhận thấy vua ta nỗi ngôi đã lâu cho nên đặc biệt đặt lẽ khác thường, ban chiếu cho quan Hữu ty bàn bạc về lệ đặt tên nước cho ta **<21a>** rồi tâu lên, đặc biệt ban tên là nước An Nam, phong vua ta là An Nam quốc vương, ban cho cái ăn bằng vàng, An Nam gọi là nước bát đàu từ đây.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: *Nước non ta gày dựng non sông bờ cõi, dài dai muôn dặm, trời vốn đã trao cho cơ nghiệp để vương. Từ thời Hùng Vương mới một lần thông với Trung Quốc, nhưng vẫn chưa đặt dia vi ở mình đường; không chep vào sách Xuân Thu có lẽ là vì còn cho là nước nhỏ. Đến thời Triệu Đà, làm vua đặt Phiên Ngung kiêm tinh cá dài dai của ta, ở nhà vàng xưng vương. nhà Hán phong là Nam Việt vương, chỉ mới coi như chư hầu trong nội địa, chưa từng được gọi là nước. Về sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường, chia nước ta thành quận, huyện,*

tuy có các bậc hào kiệt nổi lên, nhưng vừa nổi lên rồi lại bị diệt đi. Đến họ Dinh, họ Lê kế tiếp các nơi đất ấy, mới lên ngôi xin mệnh lệnh hoặc gia phong kiêm hiệu thái sư, hoặc Giao Chỉ quận vương, hồi lâu mới tiến phong Nam Bình vương, khi mất mới tặng chức <21b> Thị trung tước Nam Việt vương. Các vua triều Lý kế tiếp nhau đều như vậy. Đến bấy giờ Anh Tông tự nắm chính quyền, việc bang giao, chu toàn cần mẫn. Do có trí khôn phung mệnh trời, hết lòng thà nước lớn, 3 sứ thần đến cửa khuyết, giữ dù 2 món lề. Áo mũ và con người đã thể hiện rõ văn minh trong nước, rất được vua Tống tán thưởng, bèn đặt tên nước, trao cho tước là Chân vương. Về sau các đời kế nhà Tống nổi lên, tuy muốn làm nhỏ đi nhưng không thể thay đổi được. Nghi thức khác thường, diễn lễ long trọng, hang máy ngàn năm về trước chưa từng có. Công gای dựng nước thực bắt đầu từ vua Anh Tông có thể nói là tốt đẹp. Còn như Doãn Tử Tư hai lần vâng mệnh sang Tống, làm tò được y kinh thuận, khiến cho Trung Quốc nể lòng yêu mến, ân huệ ban cho triều đình. Không chỉ vinh quang một thời mà còn để cho các đời sau được nương tựa. Đúng như vậy! thật không hẹn với bậc si phu. Đã ban tên nước nhưng còn đặt chữ An lên trên chữ Nam, là người Tống tò ý ngàn ngừa nước ta <22a> cho đến nay vẫn chưa đổi được. Muốn đặt cho đúng đắn thì chỉ gọi là nước Nam Việt mới phải. Vua tài sứ giỏi của nước ta chưa tíng thiểu, về việc cải chính tên nước còn đợi thời đây thôi.

Mùa hè, tháng 4, vua không khoé, cố gương sai Tô Hiến Thành bế thái tử mà quyền nhiếp chính sự.

Mùa thu, tháng 7, vua hàng ở điện Thuy Quang. Trước đây vua ốm nặng, Hoàng hậu lai xin lập Long Xưởng, vua nói: "Làm con mà bất hiếu, còn trị dân được sao". Dưa di chiêu cho Tô Hiến Thành giúp đỡ Thái tử, công việc nhà nước nhất nhât tuân theo phép cũ. Đến khi vua băng, Thái hậu lại muốn làm việc phế vua này lập vua khác, sợ Hiến Thành không nghe mới đem vàng bạc dứt lót cho vợ Hiến Thành là Lữ thị, Hiến Thành nói: "Ta là đại thần nhận mệnh của tiên để dặn lại, giúp đỡ vua nhỏ tuổi, nay lấy của dứt, mà bỏ vua no lập vua kia thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên để ở dưới suối vàng". Thái hậu lại triệu Hiến Thành dỗ dành trả lời, Hiến Thành <22b> trả lời: "Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang há ké trung thân nghĩa sĩ lại vui vẻ làm như thế, huống chi lời của tiên để còn ở bên tai, trong cung há không nghe việc của Y Doãn, Hoác Quang¹¹ hay sao? Thần không dám vâng lời day". Việc phải thôi (Xét Kỷ Anh Tông, sú cũ không chép việc lập hoàng hậu, nay khi vua băng, bỗng nhiên xuất hiện chữ "hoàng hậu", không biết là hoàng hậu nào? Trên chữ hâu có lẽ là chữ thái viết nhầm, đó là mẹ của Anh Tông Thái hậu Lê thị. Cho nên đoạn văn sau lại có chữ Thái hậu. Cao Tông lên ngôi bà Thái hậu này tất được tên là Chiêu Linh mà sử chí ghi tên mẹ đẻ là Đỗ thị làm Chiêu Thiên Chí Lý Hoàng thái hậu, là không ghi việc Chiêu Linh. Đến kỷ Cao Tông bỗng nhiên xuất hiện Chiêu Linh thái hậu, không biết Thái hậu nào làm Chiêu Linh, có lẽ là ghi sót, theo phép biên niên mà xét thì đến niên hiệu Trinh Phù năm thứ 9 chép là "Chiêu Linh bang" là sau khi Đỗ hâu băng, thế thì Chiêu Linh là bà nội của Cao Tông, giữ nước

¹¹ Hoắc Quang: Người thời Hán, ở trong cung hơn 20 năm mà không hề có lỗi lầm gì

đa lầu, cho nên được dự vào việc phế vua này lập vua kia, thường quen thói dùng vàng bạc hối lộ đại thần, Từ Văn Thông đã trúng mưu hối lộ, Vũ Đái lại bị mua chuộc. Đến Hiến Thành thì kế đó không thực hiện được, đó là cái may của họ Lý đấy. Hơn nữa Cao Tông do thứ phi sinh ra, sinh vào năm Chính Long Bảo Ứng thứ 11 đến năm Thiên Cầm Chí Bảo thứ 2 mới lập làm hoàng thái tử, sử lại chép Hoàng thái tử Long Trát sinh, như thế đều trái với phép chép sử, cho nên đính chính lại.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Anh Tông nổi ngôi tuổi còn thơ ấu, việc làm của Đỗ Anh Vũ không thể biết được, <23a> đến khi hơn 20 tuổi, sai Hiến Thành đi tuần nơi biên giới, lại thân di xem khắp hình thế núi sông, muốn biết được sự đau khổ của nhân dân, đường xá nơi xa nơi gần. Về quy mô giữ dân giữ nước cũng đã thấy được. Lại dắt săn tập bắn, sai quan võ hàng ngày luyện tập đánh trận, về mưu mô luyện quân giang võ cũng đã thấy được. Thái tử là Long Xưởng có tội thi phé di mà lập Long Trát làm Thái tử ở đông cung, để lòng người có nơi trông cậy. Đến khi ôm nặng hoàng hậu lai xin lập Long Xưởng thà lấy lẽ nghĩa mà bác di, không mê hoặc vê lời nói của đàn bà và gắng gương mồi Hiến Thành vào nhận di chiếu, giúp Thái tử, quyền nhiếp chính sự, phó thác được người tốt, để phòng mối lo về sau. Cuối cùng cái mưu mỏ bó vua này lập vua kia của Thái hậu không thực hiện được, trên dưới yên thuận há chẳng phải là công sức của nhà vua sao? Còn như Cao Tông là người bốt hiếu, ngay lúc bấy giờ sao có thể nhìn thấy được?

vua chỉ thuận theo lý mà làm thôi.

<23b> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Buổi đầu thời vua Anh Tông, bọn gian thần lộng quyền, chính sự không do mình truyền ra, thường phạt không đúng, thợ thuyền phu dịch làm việc quá nhiều dấn đến thù oán, can phạm đến khi hoa âm dương, sao biến lạm ở trên, dát động ở dưới, ngập lụt hạn hán, bệnh tật tai họa xảy ra luôn luôn. Đến cuối năm Đại Định, Anh Vũ đã chết, Hiến Thành được dự chính quyền, giúp đỡ bên trong, chạy vay bên ngoài, trung thành lo lắng, có cơ cảm phát, vua cũng động tâm nhân tính, suy việc trước giữ việc sau, trí tuệ ngày càng tăng, đức nghiệp ngày càng tiến, như bùn cát lọc hết thì nước trong chảy ra, mây mù tan hết thì mặt trời sáng tỏ. Luyện kinh giảng võ, chọn tướng sai sứ khiến cho Chiêm Thành phải giữ lề phiên thần, nhà Tông phải phong là nước lớn, triều đình sáng sủa, biên giới yên lành, hầu như đem lại được nền thịnh trị như thời Thái Tông, thời Nhân Tông. Tuổi già gửi đứa trẻ mồ côi, biệt rõ Tô Hiến Thành là người tốt, dù <24a> khác họ cũng phong tước vương, để cho tua binh phong⁽¹⁾ nhiếp chính mà không nghĩ ngờ. Đến khi sáp mặt, tinh thần sáng suốt, dặn bảo rõ ràng nghiêm ngặt, trong cung không thể đưa được lời xin bỏ người no lập người kia, quan đại thần được làm hết chức trách giúp đỡ, bé vua nhỏ chầu mà xá tặc yên lành, nêu không phải là người rất sáng suốt, rất anh dũng thì không được như vậy. Xã thi vi với Thành Vương nhà Chu, có sự rạng rõ trên thì xét với tổ tông nhà mình cũng không hổ thẹn. Nhìn lại buổi đầu thì khác hẳn như hai người đó là vì sao? Co lẽ

1. Dịch từ chữ "Phụ ý": Thời xưa, khi vua mất, thái tử lên nối ngôi nhưng con nhỏ tuổi chưa biết gì, quan đại thần nhiếp chính được ngồi tựa lưng vào bức bình phong ngoài mặt về hướng nam để làm chánh sự thay vua.

vì vua có tư chất rất cao cho nên khi tính trời thư thái ổn định thì đức sáng thiên nhiên phát hiện ra. Nếu khi vua tuổi nhỏ mà được mẹ hiền dạy bảo, được người thầy tốt dìu dắt, sẽ làm nên sự nghiệp chứ không chỉ như thế mà thôi.

Thiên Thái giáp Kinh Thư có câu: "Không cẩn thận được lúc ban đầu, thì phải lo tinh lúc về sau", là nói như Anh Tông đấy.

Hoàng Thái tử Long Trát lên ngôi trước linh cữu, khi ấy mới lên 3 tuổi, tôn mẹ đẻ là Đỗ thị <24b> làm Chiêu Linh Chí Lý Hoàng thái hậu, cho Đỗ An Di làm Thái sư đồng bình chương sự; Tô Hiến Thành làm Thái úy (An Di là em trai Hoàng thái hậu).

Hợp người trong nước thề ở Long Trì.

CAO TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huý là Long Trát, con thứ 6 của Anh Tông ở ngôi 35 năm, thọ 38 tuổi. Vua chơi bời không điều độ, hình chính không rõ ràng, giặc cướp như ong, đối kém liên tiếp, cơ nghiệp nhà Lý từ đây suy kém).

Bính Thân, Trinh Phù năm thứ 1 [1176] (Tống Thuần Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu đại xá cho thiên hạ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến bấy giờ mới đổi niên hiệu, có lẽ vì có Tô Hiến Thành phụ chính nên mới biết trở lại theo lệ cổ.

Dinh Dậu, năm thứ 2 [1177] (Tống Thuần Hy năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành cướp phá châu Nghê An.

Nhà Tống phong vua là An Nam quốc vương (Lời chê đại lược có câu: Đến nơi vui vẻ mà xây dựng bờ cõi, đã theo lệ đời đời nối ngôi, theo tước Chân Vương cao nhất mà ban sắc mệnh, cần gì đợi thắng theo thứ tự". Đó là lời văn của học sĩ Chu Tất Đại).

Buổi đầu đời Anh Tông còn theo lệ cũ trải phong quận vương, rồi Nam Bình vương <25a> sau mới có sắc mệnh phong quốc vương. Đến bấy giờ Cao Tông mới nối ngôi lập tức được phong quốc vương có lẽ là lẽ khác thường đấy (xét năm sau khi Anh Tông băng tucson là Tống Thuần Hy năm thứ 3, nhận được lời báo tang của nước ta, quan Hữu ty nước Tống nói là con An Nam quốc vương chưa phong tước, muốn làm sắc thư ban cho con nối ngôi của quốc vương, vua Tống nghe theo. Năm thứ 4, mới ban sắc thư cho vua ta được nối tước của cha. Năm thứ 5, vua sai sứ mang biểu sản vật dia phương để tạ ơn. Đó là thứ tự năm nhận tước phong rõ ràng, sử cũ chép việc năm Bính Ngọ thứ 11 làm việc Tống Thuần tông năm thứ 13 là lầm, cho nên chép vào đây).

Mậu Tuất, năm thứ 3 [1178] (Tống Thuần Hy năm thứ 5), sai sứ sang Tống tạ ơn về việc sách phong.

Hết quốc tang, Chiêu Linh Hoàng thái hậu ban yến cho các quan ở điện riêng bảo rằng: "Hiện nay tiễn dã vê chầu trời, vua nối ngôi còn thơ ấu, nước Chiêm Thành vô lẽ, người Man quấy rối ngoài biên giới, các ngươi chịu ơn nặng của nước nên lo việc của nhà

nước. Kế hoạch ngày nay không gì bằng lai lập Thái tử để cho nước được lâu dài, lòng người được yên". Các quan đều dập đầu nói rằng: "Thái phó nhận mệnh lệnh sáng suốt của Thiên tử, bệ hạ cũng nhiều lần yên ủi rồi loạn thần không dám trái lệnh", bèn đều lạy tạ rồi lui ra. Hiển Thành lịnh cấm <25b> binh, nghiêm hiếu lệnh, thường phạt công bằng, người trong nước đều quy phục.

Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Càn Hưng.

Kỷ Hợi, năm thứ 4 [1179] (Tống Thuân Hy năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, tuyển các định nam người nào khoé sung vào quân ngũ.

Tháng 2, động đất.

Tháng 3, xét công trạng các quan, người có văn học tài cán làm một loại; người tuổi cao đức hạnh thuần khiết biết rõ xưa nay làm một loại. Không thông chữ nghĩa nhưng siêng năng tài cán làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ để trị dân, cầm quân các quan đều đáng tài không có người lạm nhũng.

Mùa hạ, tháng 6, hai mặt trời cùng mọc.

Thái úy là Tô Hiển Thành mất. Vua bớt cơm 3 ngày, nghỉ chầu 6 ngày. Trước kia khi Tô Hiển Thành ốm, Tham tri chính sự là Vũ Tán Đường ngày đêm chầu bên cạnh; gián nghị đại phu là Trần Trung Tá vì có việc khác không lúc nào rỗi đến tham. Lúc bệnh nặng Thái hậu tới thăm và hỏi rằng: "Nếu như ông không may thì ai là người có thể thay ông?" Hiển Thành trả lời rằng: "Trung Tá có thể thay được". Thái hậu nói: "Tán Đường ngày nào cũng hầu thuốc thang ông lại không nói đến, thế là tại sao? Ông trả lời: "Vì bệ hạ hỏi người nào đáng thay tôi, nên tôi nói là Trung Tá, nếu như bệ hạ hỏi người nào hầu việc ăn uống thì không phải Tán Đường còn ai?". Thái hậu khen là trung, nhưng cũng không dùng lời của ông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Tô Hiển Thành nhân việc ký thác con cái, hết sức trung thành, khéo xử trí khi biến cố. Tuy có lúc bị sóng gió lay动荡 xô đẩy, nhưng vẫn vững như cột đá vững sững giữa dòng, cuối cùng khiến trên yêu dưới phái thuận, không thẹn với phong độ của bậc đại thần ngày xưa. Huống chi đến khi mất còn vì nước tiễn cử người hiền, không vì ơn riêng. Thái hậu không dùng lời của Hiển Thành đó là điều không may cho họ Lý đấy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Từ xưa, các bậc đại thần nhận di mệnh giúp chính sự, có thể gửi gắm vua còn nhỏ tuổi, có thể giao cho nǎm mệnh lệnh, những dia bàn hàng trăm dặm, không phải là ít. Còn như vua nhỏ mới 3 tuổi côi cút phải ôm ấm trong lòng, bà nội thì ngầm kiềm chế ở bên trong, hàng ngày tim cách bờ vua này lập vua khác, phản phúc hàng trăm kế, lần lửa đến 4 năm, xô đẩy ngò vực, chưa thời nào có việc nhu vậy. Thế mà một mình Hiển Thành điều khiển công việc dùng quyền hạn của người nhiếp chính chống lại thế lực của người rủ mành. Cuối cùng làm yên được vua nối ngôi, định được xâ tác mà không thấy có sự vận dụng khó nhọc của ông. Nếu không phải là bậc rất trung rất công, được kháp ké trên người dưới tin cậy, đức vọng tài trí thấu khát cà người thấy người nghe, thi sao được như thế? Thật đáng gọi là bảy tội quan trọng của xâ tác, không thẹn với Y Doãn, Chu Công. Có người hỏi: Đạo Thành và Hiển Thành ai hơn? Trả lời rằng:

Hai người ấy đều có tài mà chưa để ai có được để đảm đang nhiệm vụ phi thường. Duy eo Dao Thành ở vào thế dễ, cho nên công trạng của ông khó nhìn thấy. Hiển Thành gấp phải ván hột khô khát cho nên công của ông được rang rõ. Và lại Thánh Tông tin dung Dao Thành lại không giống Anh Tông tin dung Hiển Thành. Thánh Tông không giao việc náng nè phó thác con cái, cho nên Dao Thành không khỏi phải gìn giữ tiếng tăm; Anh Tông có lòng thành kỵ thác con cái, cho nên Hiển Thành không thể tránh hiềm nghi. Dao Thành <27a> do chức giàn nghị bỏ ra ngoài, có nhiều kẻ níu tay, cho nên ngàn dược công việc ở cung Thương Dương, trong cung trọng phủ là một, cho nên cuối cùng đã thay đổi được tấm lòng của bà Chiêu Linh. Đó là quan hệ do sự ủy nhiệm quyền lực không giống nhau, không thể lấy việc hon kem mà bàn được.

Ban chiếu cầm không được mang mầm muối đồ sát đến đầu nguồn để buôn bán trao đổi

Canh Tý, năm thứ 5 [1180] (Tông Thuần Hy năm thứ 7), mùa xuân, định lệ các vương hậu vào chầu.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

Đông đất ở 2 điện Vĩnh Quang và Hội Tiên.

Tân Sửu, năm thứ 6 [1181] (Tông Thuần Hy năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, Thái tử cũ là Long Xưởng đem bọn gia thuộc, nô lệ làm việc trộm cướp bừa bãi, nhân đó mưu làm loạn.

Mua hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoác vào phần dã sao Nam Đầu.

Đói to, dân nhiêu người chết.

<27b> Nhâm Dần, năm thứ 7 [1182] (Tông Thuần Hy năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu tiến người hiền.

Dụp đàn, phong tướng cho Ngô Lý Tín làm thượng tướng quân, đem quân thuỷ bộ đi tuần bat trộm cướp.

Cho Lý Kinh Tu làm đế sư. Kinh Tu bên trong thì hâu nơi màn trường; bên ngoài thì dạy dân trung hiếu. Từ đây Chiêu Linh thái hậu không dám mạnh tay mưu đồ gì khác.

Cầm thiên ha không được mặc màu vàng.

Nước Tiêm La sang tiến công (Tiêm La vốn là 2 nước Tiêm và La Hộc trong vùng Nam Hải, đất nước Tiêm xấu không cày cấy được, đất nước La Hộc bằng phẳng màu mỡ, trồng cây thu hoạch được nhiều. nước Tiêm nhờ nước La Hộc cày cấy cho. Sau đó nước Tiêm phải hàng nước La Hộc hợp lại gọi là nước Tiêm La, nước này đất dai hơn ngàn dặm, nui non bao bọc xung quanh cao ngất, lởm chởm, khí hậu khi nóng khi gió không đều. Từ Chiêm Thành di thuyền về phía tây nam 7 ngày đêm mới đến nước đó, tục chỉ thích đánh nhau, cướp bóc.

Thổ sản có da quý, hương liệu, lông chim chà, sư tử và voi.

Bỏ việc công voi cho nhà Tông. Khi đó sáp sai sứ sang thăm hỏi; trước khi đến có viết thư gửi sang Quảng Tây, Kinh lược sứ Quảng Tây tàu lên vua Tông rằng: công vật da sần rói. Vua Tông cho rằng công voi đi dọc đường quấy nhiễu nhân dân, bèn bỏ lệ đó,

những cống vật thì mười phần chỉ nhận một phần làm lệ thường.

<28a> Quý Mão, năm thứ 3 [1183] (Tống Thuần Hy năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, cho Ngô Lý Tín làm đốc tướng đi đánh Ai Lao.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Khi đó dân dối, giặc chở nào cũng có, việc tuần bắt chưa đẹp yên được, chính trị bên trong không tu sửa mà lại làm nhọc sức binh ở nơi xa, Kính Tu mưu việc nước cũng sai đấy.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, có nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 9 [1184] (Tống Thuần Hy năm thứ 11), mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa đông, tháng 10, các sách Tư Nông làm phản, đánh lẩn nhau.

Ất Ty, năm thứ 10 [1185] (Tống Thuần Hy năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, thi kể sĩ trong nước, người nào từ 15 tuổi thông thi thư thi vào hầu ngự điện. Lấy bọn Bùi Quốc Khải, Dặng Nghiêm gồm 30 người <28b> ngoài ra đều phải họp lại.

Mùa thu, tháng 7, sai Kiến Khang vương⁽¹⁾ là Long Ích đem quân đánh dẹp được người Man ở sách Viêm.

Bính Ngọ, năm thứ 11 [1186] (Từ tháng 7 về sau là Thiên Tư Gia Thuy năm thứ 1. Tống Thuần Hy năm thứ 13), mùa xuân, tháng 3, sách phong Đàm Thị làm An Toàn nguyên phi (phi là con gái của tướng quân Đàm Thị Phụng).

Mùa thu, tháng 7, bắt được voi trắng cho đặt tên là Thiên Tư. Ban chiếu đổi niên hiệu là Thiên Tư Gia Thuy năm thứ 1.

Sai Lê Hoà Khanh sang nước Tống đáp lễ.

Dinh Mùi, Thiên Tư Gia Thuy năm thứ 2 [1187] (Tống Thuần Hy năm thứ 14), mùa hạ, tháng 4, sét đánh nhà Thái miếu.

Nhà sư Tây Vực⁽²⁾ đến, vua ban chiếu hỏi nhà sư ấy có tài năng gì, trả lời là có tài khuất phục được hổ, cho thử tài thì không nghiêm.

Mậu Thân, năm thứ 3 [1188] (Tống Thuần Hy năm thứ 15), mùa hạ, tháng 5, trời han. Vua thân đến chùa Pháp Vân ở Duền Bà để cầu mưa, nhân đó rước tượng Phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên (theo Ngoại truyện chép: có một người con gái tên là Man Nương ngu cư ở chùa Phúc Nham thuộc Bắc Giang, <29a> sư trong chùa là Ám Lê tình cờ dung phái rôi có thai, dù ngày đẻ tháng sinh ra người con gái, Man Nương đem người con gái ấy cho nhà sư, nhà sư bò người con gái ấy vào lỗ hổng trong gốc cây cổ thụ bên đường rôi về. Sau này cây ấy đổ nổi lên mặt nước trôi đến bờ sông trước cửa chùa, nhân dân trong làng hợp sức kéo lên bờ nhưng không được, Man Nương đùa kéo thử thì theo tay mà lén, người trong làng ấy lấy làm lạ sai thợ dẽo làm 4 pho tượng Phật, rồi cùng nhau tìm đến chỗ dấu người con gái thì thấy đã hóa đá, nhân đó rước về chùa làm tượng thờ cũng gọi là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Chùa Pháp Vân một ngôi ở Gia Định, một ngôi ở Thượng Phúc, đều có linh ứng. Các triều vua mỗi khi gặp han, liền

1. Việt sử lược chép là Kiến Ninh Vương.

2. Tây Vực: thuộc vùng Tân Cương, Trung Quốc

rước tương ây đến kinh đô cầu đảo đều có hiệu nghiệm, đến nay cho là lệ thường. Ở đây
sử chép là: đến chùa rước Phật là chép việc ghi buổi đâu đấy).

Tháng 6, động đất, gió bão.

Mùa thu, tháng 7, có nhật thực.

Thai sư là Đỗ An Di mất, cho thái phó là Ngô Lý Tin làm phụ chính.

Kỷ Dậu, năm thứ 4 [1189] (Tống Thuần Hy năm thứ 16), mùa xuân, tháng 2, ngày
mồng 1, có nhật thực, mặt trời, mặt trăng dò như máu.

Động đất.

Tháng 3, phong hiệu cho các vị thần. Khi đó vua ngự đi khắp núi sông, phàm những
nơi vua đến mà có đèn thờ thần thì đều ban phong hiệu và lập miếu thờ.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Thiên Tế pháp trong Kinh Lễ bàn về chế độ của
thánh vương về phép tế tự <29b>. Người có ơn với dân thì được thờ, người có tài
chóng dờ tai họa cho dân thì được thờ. Đại phàm mặt trăng, mặt trời và các vì sao
là chỗ dân thường trông lên, núi sông gò đòng là nơi dân thu hoạch của cải, ngoài
những loại ấy ra thì không thuộc về lệ thờ cúng. Tục dời sau tôn sùng quỳ thần
càng nhiều hơn, ở đâu cũng đều như vậy mà nước ta lại càng quá. Trong ngoài bốn
cõi những nơi gọi là đèn thờ các vị trung thần, hiếu từ, cao si và tiết phụ thì tràn
nơi thờ không có lấy một, ấy mà những hạng dân uế gian tà như Hoàng hậu Thắng
Minh nhà Lê, Đỗ Anh Vũ nhà Lý, những danh hiệu bách thần ở bộ Lê lại được liệt
vào hàng được tôn sùng, nhận tên thuy đẹp, các loại ấy rất nhiều, dân gian lẩn lùa
đã quen, quen tục cầu khấn, lấy việc thần thiêng để doạ nhau, lấy việc thần bảo hộ
để tự lừa dối mình, dân đến đem hết của cải, sức lực để tu sửa miếu đình cho đẹp,
giết trâu bò lợn gà để làm lễ cho hậu. Các vị được dự phong sắc thì quan thủ quan
lệnh cũng di vái lạy làm nhảm. Những ngày lễ ngày tết dân trong làng xóm đều
như điện nhu cuồng. Ké ra thì đạo tri dân <30a> không gì lớn bằng chính đón lễ
giáo, làm cho lòng người đúng dân. Nhân Kiết ¹ tâu xin phá huỷ các đèn thờ nhảm
nhi là có công về việc mài dưa phong tục lớn lầm dây. Tiếc thay các bệ tội nhà Lý
dân vua di chơi để tế thần chỉ làm điêu mè hoặc, trên làm dưới bắt chước, không
có người nào thay đổi di được, tội của kè khơi dâu ra kẻ sao cho hết.

Canh Tuất, năm thứ 5 [1190] (Tống Quang Tống Thiệu Hy năm thứ 1), mùa xuân,
tháng giêng, Hoàng thái hậu Đỗ thị băng.

Mùa thu, tháng 7, Thái phó là Ngô Lý Tin mất, cho Đàm Dĩ Mông làm Thái phó.

Mùa đông, tháng 10, vua lê yết Sơn Lang⁽²⁾ thờ phụ táng mới tôt của Hoàng thái hậu.

Đóng thuyền ngoạn dao.

Tân Hợi, năm thứ 6 [1191] (Tống Thiệu Hy năm thứ 2), mùa xuân, nước Chân Lạp
sang tiến cống.

Mùa đông, tháng 12, sao Huỳnh Hoắc phạm sao Thái Bạch.

1. Nhân Kiết: Tục Dịch Nhân Kiết tương thời Đường ở Trung Quốc.

2. Sơn Lang: Mồ của vua

Nhâm Tý, năm thứ 7 [1192] (Tống Thiệu Hy năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa thu, tháng 7, sét đánh vào <30b> điện Vĩnh Ninh 2 chỗ.

Người giáp Cổ Hoằng, phủ Thanh Hoá làm phản, sai tướng di đánh, dẹp được. Trước đây người giáp Ấy nhìn thấy dấu tích con trâu ở trên cây muỗm xem ra thì là trâu bạc, hôi lâu lại từ cành khác di xuống. Người ở giáp Ấy là Lê Văn đoán rằng: trâu trắng là vật ở dưới, nay lại ở trên cây thế là điềm kè dưới lại lên trên, nhân dãy rủ nhau làm phản, đến bấy giờ mới dẹp yên được.

Khai sông Tô Lịch.

Quý Sửu, năm thứ 8 [1193] (Tống Thiệu Hy năm thứ 4), khảo sát các quan trong ngoài, phân loại để thăng giáng.

Thi các kẻ sĩ trong nước để vào hầu vua học.

Giáp Dần, năm thứ 9 [1194] (Tống Thiệu Hy năm thứ 5), Hoàng thái tử là Sản ra đời, phong Đàm nguyên phi làm An Toàn hoàng hậu. Đại xá cho thiên hạ. Ban cho người già lão từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa. Mở tiệc lớn ở miếu 2 ngày.

<31a> **Sử thần Ngô Thị Sí bàn:** Cho uống rượu thì được, nhưng thanh miếu⁽¹⁾ không phải là nơi dài yên. Trái lê lám đấy.

Mùa đông, tháng 10 [1195] (Tống Minh Tông Khánh Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, động đất.

Sét đánh gác Lê Minh.

Thi tam giáo, ai đỗ thi cho xuất thân.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Người thi tam giáo tức là phải thông hiểu ba giáo: Nho, Đạo, Thích, ai đỗ thi cho xuất thân. Kể ra các bậc chán Nho xưa, cũng có người xét rộng đến trăm nhà, nghiên cứu về Lão Thích, cuối cùng họ biết được Lão và Thích thì nòi mít mông muội không thể nắm được mới quay lại tìm ở Lục kinh. Lục kinh tức là truyền đạo của Khổng Tử, có đạo nghĩa về vua tôi, cha con; có lời dạy về quy tắc của vạn vật và luân thường của nhân dân, bản linh tôn chỉ của nó chỉ <31b> ở đâu "duy tinh duy nhất" mà thôi, khiến cho người đã theo Nho lại thông cả Đạo và Thích. Đạo có câu rằng: "Thiên biến vạn hóa, có đức không có đức tuỳ cảm mà ứng với vật. Khuyết tích vô thường". Dao Thích có câu: "Không sinh; không mất; không đến; không đi, không gân súc cũng không tương mạo". Học thuyết đó của họ lồ mồ mà không thuận nhất, trong lòng họ pha tạp không chuyên nhất, thế thi đã có kinh của Hiền Viên, Đề Cốc để lại, hiểu được bí quyết kỳ diệu của A Na Ma Kha thi giúp được gì cho đời, ích gì cho người. Vậy cho họ xuất thân để làm cái gì? Người làm vua phải là người làm thầy của ức triệu người, trong lòng không bận một điều gì, chỉ cần giữ dao thật đúng đắn. Do sợ bị đam tà thuyết còn dù để lừa đời dời dân, hưởng chí lại

1. Thanh miếu tức Thái miếu.

2. Hiền Viên, Đề Cốc: Hai vua thời Đường cổ ở Trung Quốc.

mở ra dấu mồi khiến cho thuyết gian tà và đạo dung dán cung được lưu hành thì cái hại đó không thể kể hết được.

Dinh Ty, năm thứ 12 [1197] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, trại han

Xây dựng cung Nghênh Thiêm.

<32a> Mâu Ngọ, năm thứ 13 [1198] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, xuong chiếu sa thải bọn tàng đồ là theo lời đe nghị của Đàm Di Mông dãy.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Điều mà trên đã thích thì dưới càng quá hơn, các vua triều Lý tôn kính bon nhà sư thật quá lạm, như Thái Tổ đối với sư Vạn Hạnh, Nhân Tông, Thân Tông đối với sư Minh Không, sư Giác Hải. Người thì được tôn sùng ban hiệu Quốc sư, người thì được gọi là bậc tôn già, cấp hàng vài trăm hộ, cho hàng nghìn khoanh ruộng. Cho nên thiên hạ rập minh mà chạy theo những bọn du thủ cao đầu vào cửa Phật, có lẽ đến một nửa số dân. Sự vật gì đến nước tốt cùng thi cũng quay trở lại cái ban đầu là lẽ đương nhiên. Nhưng vua Cao Tông không phải thành thực bài trit dị doan. Rước Phật Pháp Văn, thi khoa tam giáo, ý hướng luân quán không ổn định. Đến khi lòng sùng Phật đã thiên về mộ quỷ thần, Đàm Di Mông nhòm thấy ý ấy mới nói về việc ấy, cũng như Đường Vũ Tông <32b> tôn trọng các phuơng si⁽¹⁾ mà bài bác đạo Phật, cũng không cho là đúng đắn.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Chiêm Thành sai sứ sang tiến cống, xin sách phong cho vua nước ấy.

Bon Ngô Công Lý ở Diên Châu làm phản. Công Lý người làng Cao Xá thuộc Diên Châu, chiêu tập những kẻ vô lại cùng với người chau Đại Hoàng⁽²⁾ là Dinh Khả, Bùi Đô làm loạn. Dinh Khả tư xung là giòng giỏi Dinh Tiên Hoàng dụ dỗ nhân dân làm loạn, đều đep yên được.

Kỷ Mui, năm thứ 14 [1199] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, nước to, lúa mạ ngập hết.

Dối to.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thanh Hoá bắt voi và sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành.

Canh Thân, năm thứ 15 [1200] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 6), mùa xuân, tháng Giêng, phát thóc kho chán cấp cho dân nghèo

Mùa thu, tháng 7, Chiêu Linh thái hậu tố (xét Hoàng thái hậu khi chết, theo lệ chép là bang dây lai chép là "tố" là tại sao? vì Chiêu Linh thông dâm với Anh Vũ, nết xấu đeo vang, cuối đời lai còn muôn lấp con nọ bò con kia, xuýt làm nguy cơ cho xã tắc, tội hơn cả La Hậu và Vu Hậu cho nên đổi lệ chép là "tố" là để tri tội dâm loạn đấy).

<33a> Nhâm Tuất, năm thứ 17 [1202] (Từ tháng 8 về sau là Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1, Tống Gia Thái năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, động đất.

1. Phuơng si: Phu thủy

2. Chùa Đại Hoàng, Tục huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình ngày nay

Mùa thu, tháng 8, Hoàng thứ tử Thẩm sinh. Đổi niên hiệu làm Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1.

Sai nhạc công soạn khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng nhạc trong trẻo ai oán buôn sầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tàng phó là Nguyễn Thường nói: "Tôi nghe bài tựa Kinh Thi nói rằng: âm thanh của nước loạn ai oán và bức túc. Nay dân loạn nước nguy, chúa thương thì chơi bời không diệu độ, chính trị của triều đình rối ren, lòng dân chia lìa, đó là diêm mít nước."

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Đường lối của thanh âm thông với chính sự. Thiên nhạc ký ở Kinh Lễ bàn đã dù rồi. Đời xưa khi thành công việc gì đều làm nhạc để hình dung bức ảnh của đạo đức ấy, tâu lên triều đình dâng lên tế giao, tế miếu, âm diệu du dương. Nhạc của nước ta đều dùng thổ âm, đại đế là khác với âm của Trung Hoa. Nhưng âm và thanh có tác dụng của hong và luỗi, âm thì các lưỡi mà ra; thanh thì từ hong mà ra. Như âm của các nước Đột Quyết, Khiết Đan, Hoàn Nhàn, Mông Cổ⁽¹⁾ dịch ra tiếng Trung Hoa về bằng trắc thực không giống nhau. Còn như tiếng của dân ống dân bà người già người trẻ thi nay nọ kia đều như nhau cả. Thanh âm của nước ta cũng như thế đấy, có lẽ vì thanh từ cổ họng ra trong hay đục, cao hay thấp không khác với Trung Hoa dù âm hướng tiết tấu không giống các thể loại ở Nhã tụng nhạc phủ⁽²⁾, nhưng buồn, vui, oán giận nghe mà cảm thấy được thi như nhau cả. Nếu dùng âm của nước ta mà hòa hoà với thanh của Trung Hoa dùng để giữ nét trung chính mà vui được hoà bình thì có khác gì nhau. Thế mà lại dùng âm Chiêm Thành soạn làm khúc nhạc thi âm và thanh của Chiêm Thành luỗi thi đụt, hong thi nhò, xem về những lời đưa đẩy đại khái là theo âm thát, âm ma riu rít như tiếng chim sẻ sao dáng để phổ vào âm luật. Triều Lý làm nhạc không biến theo Trung Hoa mà biến theo mọi rợ, không đợi lời nói của Tàng phó Nguyễn Thường mà cái diêm bại vong đã quyết định từ khi ấy.

Quý Hợi, Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 2 [1203] (Tống Gia Thái năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3⁽³⁾, mở ra nhiều việc thổ mộc, xây dựng các cung điện.

Mùa hè, tháng 4, có chim thước [chim khách] làm tổ trên gác Kinh Thiên. Khi đó gác Kinh Thiên xây dựng sắp xong có chim thước làm tổ lên trên, có chim con, các quan can rằng: xưa kia Minh Đế làm gác Lăng Tiêu có chim thước đến làm tổ. Cao Đường Long can rằng thần nghe nói chim thước có tổ, chim cưu đến ở. Nay chim thước làm tổ nơi cung khuyết, theo ngụ kiến của thần thì gác làm xong át có người họ khác đến ở, mong bệ hạ xét lời của Cao Đường Long, trước hãy tu sửa đạo đức, sau sẽ hưng công mới

1. - Đột Quyết: Xưa may là một giông ngドđi Hung Nô, sau thành quốc gia tộc Thủ Nhĩ Kỳ.

- Khiết Đan: Võn là một dân tộc, sau bị Hung Nô đánh bại, đến thời Lan đời là Liêu rồi sau bị nước Kim tiêu diệt.

Hoàn Nhàn: Tên một bộ lạc thời Tống, sau mạnh tên lập thành nước Kim, cuối cùng bị Mông Cổ diệt. Mông Cổ: Vẫn là nước Mông Cổ ngày nay.

2. Nhã, tụng, nhạc, phủ: Nhã và tụng đều là danh từ chỉ về âm luật, nhạc phủ là một cơ quan sưu tập thơ ca phổ vào âm nhạc, bắt đầu có từ đời Hán Vũ Đế.

3. DVSKTTI chép tháng 2.

phải. Vua nghe lời của hoạn quan là Phạm Bình Di, giục làm càng gấp, nhân dân rất khổ.

Mùa thu, tháng 8, người Chiêm Thành là Bố Trì, đem quân đến Nghệ An giết tri châu là Đỗ Thanh và chúa mục là Phạm Diên ở đất Cơ La. Trước đó Diện tiên chỉ huy sứ coi châu Nghệ An là Đỗ Thanh <34b> và chúa mục là Phạm Diên tâu rằng: "Vua nước Chiêm Thành là Bố Trì bị chủ là Bố Diên đuổi đi, hiện đem vợ con đến ngủ ở cửa biển Cơ La có ý muốn cầu cứu". Vua sai bon Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đến để liệu tình công việc. Khi sắp đến cửa biển Cơ La, Đỗ An nói: "Kê kia đem quân đến đây lòng nô khó tin được, ngan ngữ có câu rằng: "Tổ kiến có thể vỡ đê, tắc khói có thể cháy nhà". Nay Bố Trì há chỉ là tổ kiến, tắc khói mà thôi đâu. Dĩ Mông đem câu ấy bảo cho Thanh và Diên biết, khiến họ phòng bị. Bọn Thanh nói: "Kê kia vì hoạn nạn đến xin cầu cứu, cần gì phải nghi ngờ quá đáng". Dĩ Mông giận đem quân về. Thanh và Diên mưu đánh úp Bố Trì, để làm kế tự bào toàn. Mưu bị tiết lộ, lại bị Bố Trì giết. Quân Nghệ An tan vỡ, chết không kể hết, Bố Trì thả sức cướp bóc rồi về.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Thanh và Diên là bẽ tôi giữ bờ cõi, không xét rõ tình hình địch, bàn càn công việc biên cương, ương bướng càn rã tự chuộc lấy sự chết chóc đáng làm rãnh cho những người sinh sự cầu công <35a> để đến nỗi gây tai họa đến nhân dân, làm cho bọn moi rõ nhò khinh nhòn, làm nỗi nhục cho đất nước thì dù chết đến vạn lần cũng chẳng dù chuộc được tội. Sử đặc biệt chép là: "Chiêm Thành giết" là rất ghét bon Thanh và Diên đây.*

Thang 9, bon Phi Lang ở sông Đại Hoàng làm phản. Trước kia Phi Lang và người làng là Bảo Lương dâng thư bài bác về tội hại nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, bị Dĩ Mông đánh roi làm nhục, vì thế nuôi lòng oán giận. Nhân dân thiến hạ sâu khổ muốn làm loạn, mới tu tập quẫn chúng làm phản. Vua sai Chi hậu là Trần Lệnh Hình làm nguyên soái, đem quân đi đánh. Lại sai Thương thư là Từ Anh Nhị đem quân phủ Thanh Hoá cùng tiến. Bọn Minh đánh nhau với Phi Lang ở sông Lộ Bố bị thua [Lệnh Hình và Anh Nhị] đều chết cả.

Át Sứu, Tri Bình Long Ứng năm thứ 1 [1205] (Tống Khai Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, đổi niên hiệu là Tri Bình Long Ứng năm thứ 1. Khi đó người Tống <35b> quấy rối ở biên giới, dân ta phải khổ nhọc chạy vạy, giặc cướp dân dàn nổi lên, vua cũng chạy theo tiên của, quân thản phân nhiều bán quan buôn ngục, hối lộ công khai.

Bình Dân, nam thứ 2 [1206] (Tống Khai Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, phong Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, đội mũ cung thầm.

Lúc bấy giờ xây dựng cung điện liên tục, rong chơi không chừng mực, hàng ngày cung với cung nữ đạo chơi làm vui, nghe ngoài thành có trộm cướp già cách không biết. Tình lại sợ sấm, nghe sấm là kinh hoàng. Bê tôi yêu của vua là Nguyễn Dư tự nói có thuật cảm sấm, gấp khi sấm động vua sai Dư làm thủ, Dư ngửa mặt lên trời đọc thần chú, nhưng sấm càng to hơn, vua hỏi vẫn. Dư trả lời: "Thần rắn cầm đã lâu rồi, vì trời cao quá, nên nó còn cường bạo như thế".

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Cao Tống thất đức, tai biến nổi lên luon luon, nhật thực, động đất, lụt lội, han hán, đói khát, các ngôi sao di sai vi đỗ, mưa bão khác*

thường, set đánh thái miếu và điện các <36a> 3 lầu, 2 mặt trời cung mọc, mặt trăng, mặt trời sắc đỏ nhu máu, trâu bạc treo lên cây, kè trên người dưới khác nhau, đó đều là những tai biến đang sợ, há chi sợ uy của một lầu sấm động dâu. Đa không biết nhân tai họa mà ran, sợ đế sửa lỗi tu đức, dây lại chơi bài không điêu độ, xây dựng cung điện không ngót, chạy theo tiền của, theo dục vọng của mình, động đến lòng phán nó của trời, khinh nhơn mặt trời chưng giám ở trên cao, mà chỉ sợ sau khi tiếng sấm âm âm. Cái sợ đó không chỉ để làm nên phúc được, lại còn sai bè tôi cầm sấm mà không biết là nó nói dối, thi còn ai ngu hơn. Cuối cung lòng nhân ái cũng không thể keo lại được uy quyền thương phạt của dân ta, giác đã càng tăng thêm. Cuộc binh biến của Quách Bốc ở Lương Thach cũng giông những tiếng sấm bất thình linh dây, Cao Tông còn kịp bịt tai chàng!

Dinh Mão, nam thứ 3 [1207] (Tống Khai Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, giác cướp nổi dậy hàng bầy.

Vua ban chiếu tuyển những dinh nam người nào khoẻ mạnh sung vào quân ngũ

Sai quan các bộ thống quân để bắt giác cướp.

Mùa đông, tháng 10, <36b> người Man ở núi Tân Viên châu Quốc Oai làm giác, cướp bóc hương Thanh Oai, bọn chúng rất nhiều, không thể trị được

Mậu Thìn, năm thứ 4 [1207] (Tống Gia Định năm thứ 1), sách lập Hoàng tử Sám làm Hoàng thái tử, ở Đông cung.

Đối to, xác người chết nằm gối lén nhau.

Cho Pham Du coi việc quân ở châu Nghệ An Du luôn luôn phán, thu nạp những kẻ trộn tránh và trộm cướp gọi là hậu nhân ¹, chia di cướp bóc các nơi. Người châu Quốc Oai cũng đem bè lũ đến đóng đồn ở Tây Kết, đường xá vì thế không thông. Vua sai Thương phẩm phụng ngự là Phạm Bình Di đem quân Dàng Châu ² đi đánh.

Kỷ Ty, nam thứ 5 [1205] (Tống Gia Định năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, Pham Bình Di đem người Dàng Châu và Khoái Châu ³ đánh lại Pham Du. Du chạy sang Hồng Châu ⁴ Bình Di tịch thu nhà cửa của nó rồi đốt hết đi. Du càng oán giận hơn. Vua sai phụng ngự vời Du về kinh.

Mùa thu, tháng 7, giết Thương phẩm là Phạm Bình Di. Tướng của Di là bọn Quách Bốc đem quân xâm phạm cửa khuyết, vua chạy ra sông Quy Hoá ⁵. Bình Di đã đánh bại quân của Du <37a> được triệu về kinh sư, sáp vào tàu có người can rằng: "Lời của Du đến tai vua trước rồi, vua còn chưa nguôi giận. Bình Di nói: "Ta chờ vua hết sức trung, mà lại bị kẻ gian dèm pha ư? và lại có mệnh vua đòi, ta còn tránh vào đâu?" Rồi Bình Di vào, vua sai bắt lại cùng với con là Phụ giam ở Thuỷ Viên. Khi sáp hành hình tướng của Di là bọn Quách Bốc nghe tin đem quân đánh trong hò reo mà vào, đến ngoài

1. Hậu Nhân: Người tuân sáu do thám.

2. Dàng Châu: Thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng ngày nay

3. Khoái Châu: Tên huyện thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay

4. Hồng Châu: Tức Bình Giang và Ninh Giang tỉnh Hải Hưng ngày nay.

5. Sông Quy Hoá: Miền Sông Thao thuộc tỉnh Phú Thọ.

cửa Dai Thành, bị người coi cửa chông cự liêu chém người giữ cửa vào, vua thấy việc gấp quá ¹ sai đưa bọn Bình Di và Phu vào xứ Lương Thạch, thêm Kim Tinh đâm chết. Bọn Bốc xông vào Lương Thạch lật xe của vua chờ xác Bình Di, lấy chiếu của vua bọc xác của Phu từ cửa Việt Thành ra đến bến Đông Bộ Dâu, rồi lại trở vào cung Văn Diên lập Hoang tử Thẩm làm vua. Đàm Di Mông, Nguyễn Chính lại đều chịu nguy chức của Thẩm. Vua chạy đến sông Quy Hoá.

Người ở Dộng Trư là Nguyễn Phà Lân đem bè dâng dang đêm lấy hầu hết của cải trong kho của Đài Sơn ². <37b> Hoàng thái tử đến thôn Lưu Gia ³ miền biển, nghe thày con gái của Trần Lý có sắc đẹp bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý do nghê đánh cá mà làm giàu, người quanh vùng quy phu, nhân dân nhiều người cũng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái của Trần Lý trao cho Lý tước minh tự, trao cho cậu của người con gái ấy là Tô Trung Từ làm dien tiền chỉ suy sụ.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Thái tử di lân này là vì nước có loạn mà di tránh nan, sao lại buông lòng dâm dục ở ngoài, mà tự tiện phong tước cho người? Có lẽ do Cao Tông chơi bài không chừng mực, rường mới bị huỷ hoại dây, nhưng họ Lý nhân thế mà mất nước, họ Trần nhân thế mà dựng nước là do trời cả.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Phạm Du nói lính chức ở châu trấn, đã lập tức mưu đồ làm giặc, bè tôi tất phải giết di và tịch thu gia tài thi có làm sao? thế mà còn dung túng cho vào triều, nghe lời tố cáo của nó. Bình Di không được thường công mà còn bị giết, nê muội đến như thế, tuy có cái nhục phải chạy vay <38a> nhưng còn có thể giữ được thân dã la may rồi. Sứ chép là giết Bình Di, chép là phải chạy ra ngoài để thấy được cái lối vua giết càn. Huệ Tông là Thái tử di theo, mà không doái hoài đến tai nạn của vua cha, lại thông dâm với con gái thường dân, tu tiên trao chức quan cho người, nếu không như thế thì không thể mất nước, con nòi gi nữa.

Xe vua trở lại phủ Thiên Trường. Anh em họ Trần tập hợp hương binh dẹp được mồi loạn ấy rước vua về kinh sư, trùng trị bọn Quách Bốc làm loạn, xử tội theo từng bậc khác nhau.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Cao Tông ở ngôi 24 năm, oai quyền ở tay mình, người phò tá cũng không thiểu. Đến khi phải lán lội nơi sông nước, phải nhờ họ hàng nhà thuyền chài giúp đỡ đưa về kinh, Nhà Trần sáp nối lên, nên trời bày ra việc ấy để làm nén móng. Nhưng bách quan vẫn vô nhà Lý không có ai, không có quân lính phòng bị, lòng người không còn dựa được, thế nước không thể làm nên <38b> dó cũng có thể thấy được.

Canh Tý, ⁴ năm thứ 6 [1210] (Tống Gia Định năm thứ 3), Hoàng Thái tử từ thôn Lưu Gia về kinh, vua sai thương thám phụng ngự là Đỗ Quảng đem quân đón Thái tử ở nhà riêng của Tô Trung Từ. Hoàng Thái tử về kinh sư, con gái Trần thị về nhà cha mẹ. Trần Lý bị bọn giặc khác giết chết, con thứ là Trần Tự Khánh thay cha trông coi bè

1. Đài Sơn ở huyện Duy Tiên tỉnh Nam Hà ngày nay.

2. Lưu Gia: Tức xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhơn, tỉnh Thái Bình ngày nay.

3. DVSKLT chép năm Canh Ngọ. Có lẽ đúng hơn.

dảng, được phong tước Thuận Lưu bá.

Mùa thu, tháng 7, vua đã về kinh sư, những kẻ nhận chức quan của giặc đều tha không hỏi tội. Đỗ Anh Triết kể tội Dĩ Mông tại triều đình rằng: "Người làm đại thần, đã mang lòng không có vua, nhân riêng chức tước của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta tuy bất tài, nhưng mặt mũi nào đối diện với ngươi!" Dĩ Mông vừa xấu hổ vừa sợ rồ lui ra.

Sao Chổi mọc.

Mùa đông, tháng 10, vua không khoẻ, gọi Đỗ Kính Tu vào và nhận cổ mệnh¹. Ngày 28 vua băng ở cung Thánh Thọ.

<39a> Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Cao Tông tuổi nhỏ lớn nổi ngoài. Chiêu Linh Thái hậu mang lòng bô vua này lập vua khác, bàn thân vua cũng sắp bị nguy ngập, nhờ Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận sự ký thác con cái, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lung lay, thiên hạ quy phục, chắc là phải có mưu hay kế tốt vào với vua ta. Đến khi Hiến Thành mất, Đỗ Kính Tu hầu noi mòn trướng, giúp vua nên đức tốt, phải dâu là không có người. Thế mà vua dâm duối chơi bời, ham mê thanh sắc, ham của cải, thích xây dựng cung điện, dạy cho các quan lối vui chơi thoả thích, khiến cho trăm họ phải than vãn oán hờn, phúc nhà Lý ngày một hao mòn, rồi dần đến mất nước. Kinh Thư có câu: "Bên trong thì mè gái đẹp; bên ngoài thì mè săn bắn, ham rượu thích nhạc, nhà cao tường vê, người nào phạm tội trong những điều ấy thì chưa bao giờ không bị diệt vong".² Vua kiêm dù các điều ấy thì còn nói gì nữa.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Lý Kính Tu vào năm thứ 7 niên hiệu Trinh Phu đời Lý Cao Tông làm đế sứ. <39b> Đến bấy giờ trải qua 28 năm không thấy chép ó sú, nay người nhận cổ mệnh là Đỗ Kính Tu, hay là trước đã cho dừng họ nhà vua nay mới phục hồi họ cũ, như lệ chép Phi Công Tín, trước chép là họ Lý, sau lại chép là họ Phi đó chàng? Nhưng Công Tín trước sau còn có thể kê cứu được, còn Kính Tu đúng hay sai không thể tra khảo được. Lời bàn của Sí Liên cho rằng: Đỗ Kính Tu tức là Lý Kính Tu thi không biết ông ta căn cứ vào đâu? Tôi trộm nghĩ nếu Kính Tu hãy còn thi minh giữ trách nhiệm để sứ hàng bao nhiêu năm mà ngồi nhìn Cao Tông hoang dâm đến Huệ Tông lại càng quá thi là người tốt ở chỗ nào? Hay là người đó đã mất rồi, khiến cho nước nhà bị khốn cùng, trời sắp làm mất nhà Lý cho nên một hai vị nguyên lão cũng không chịu để sót lại. Thiên Thành mất buổi trước. Kính Tu mất buổi sau mà nhà làm sứ bô không chép. Còn Đỗ Kính Tu người nhận di mệnh ở cuối đời Cao Tông, chính là người mà vào thời Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 3, đánh Đại Hoàng không được, cùng tên mà khác họ <40a> thi người đó cũng có thể thấy được.

Hoàng Thái tử lên ngôi trước linh cữu, khi đó mới 17 tuổi tôn mẹ là Đàm thị làm hoàng thái hậu, cùng nghe chính sự, lại sai đem thuyền rồng đi dón Trần thi. Anh Trần thi là Trần Tự Khanh cho là đương thời loạn lạc chưa đưa đi ngay.

Sai sứ cáo phó với nhà Tống, nhà Tống sai sứ sang làm lễ vương.

1. Cố mệnh: Những mệnh lệnh dân ta khi vua sắp mất

2. Trong thiền "Ngũ tử thi ca" (Kinh Thư)

HUÈ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Sâm, con trưởng của Cao Tông ở ngôi 14 năm, bị Trần Thủ Độ giết, tho 33 tuổi. Vua tư chất hèn kém, lại gặp thời loạn lạc, nghe người vợ đẹp xúi giục không có con nối dõi mà ký thae, ho Lý mệt.)

Tân Mùi, Kiên Gia năm thứ 1 [1211] (Tống Gia Định năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Tháng 2, vua sai Phung ngự là Phạm Bồ di đón Trần thị. Trần Tư Khanh bèn sai bọn Phung Ta Chu đưa Trần thị đi. Gặp khi Tô Trung Từ⁽¹⁾ đương đánh nhau với Đô Quang ở triền đồng⁽²⁾, Tá Chu bèn dỗ thuyền ở bến Đại Thông. Đến khi Đô <40h> Quang bị thua vua sai Bồ và Trung đón Trần thị vào cung, lập làm nguyên phi, cho Trung Tư làm Thái úy phu chính, phong tước cho Thuân Lưu Bá. Trần Tư Khanh làm Chương Thành hầu⁽³⁾.

Lúc bấy giờ, nhân thai bình lâu ngày, kỳ cương bỏ lỏng, dân không biết đến việc binh, giao cướp khắp nơi lén lút nỗi lớn, không thể ngăn cấm. Vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Đàm Di Mông. Di Mông là người không có học thức, không có phương pháp lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày càng rỗi ren.

Nhâm Thân, năm thứ 2 [1212] (Tống Gia Định năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, sai Đoàn Thương chiêu mộ dân Hồng Châu bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước nhu nhược, triều đình không có chính sách hay, mất mùa đói kém luôn luôn, nhân dân cùng khổ. Đoàn Thương cho rằng mình với vua cùng một vú nuôi, thừa thế loạn lạc tự tiện làm oai làm phúc, không một ai dám nói gì. Về sau tội trạng dân dàn tò rõ, bị các quan tâu hạch, phải giam vào ngục để hỏi tội.

Thương rút kiém, cởi trán chạy ra Hồng Châu, nhóm họp bè đảng, đáp thành ở, tự xưng vương, cướp bóc nhân dân địa phương, triều đình không ngăn cấm được.

<41a> Quý Dậu, năm thứ 3 [1213] (Tống Gia Định năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, Trần Tư Khanh đem quân xâm phạm cửa khuyết xin đón rước xe vua. Vua nghi ngờ ban chiêu lấy quân các Dao bắt Tư Khanh, giáng nguyên phi làm ngự nữ⁽⁴⁾.

Giáp Tuất, năm thứ 4 [1214] (Tống Gia Định năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng. Trần Tư Khanh đem quân đến bên Triệu Đông, đến cửa quân ta tội, lại xin đón xe vua, vua càng ngờ ben cùng với Thái hậu và ngự nữ chạy sang Từ Sơn, Lạng Châu. Tư Khanh nghe tin xe vua phiêu bat mà ngự nữ lâu nay bị Thái hậu làm khổ, lại đem quân đến xin đón xe vua như trước, vua cũng chưa tin, lại cùng với Thái hậu và ngự nữ chạy sang huyện Bình Hợp⁽⁵⁾.

1. Tô Trung Từ: Người Thủ Bình là em của Hoàng hậu Trần thị.

2. Triền đồng: Tức Đồng Bô Dầu phía đông thành Thăng Long.

3. C.M: chép là Chương Tín hầu.

4. Ngự nữ: con gái hầu.

5. Huyện Bình Hợp: Đất huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh bọn Đinh Khả và Bùi Đô ở chùa Đại Hoàng

Bính Tý năm thứ 6 [1216] (Tống Gia Định năm thứ 9), sách phong ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân. Thái hậu cho Trần <41b> Tự Khánh là phản trác, thường chỉ mạt phu nhân là bè đảng của giặc, bảo vua đuổi đi. Lai sai người báo với phu nhân bắt tự tử, vua biết nên ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào món ăn uống của phu nhân, mỗi bữa ăn vua chia cho phu nhân một nửa và không lúc nào rời xa. Thái hậu lại sai người cầm chén thuốc độc bắt phu nhân phải tự tử, vua lại ngăn không cho. Dêm cùng với phu nhân chạy đến quân của Tự Khánh. Đến sáng vua trú lại ở nhà tướng quân là Lê Mich ở huyện Yên Duyên, gặp tướng của Tự Khánh Là Vương Lê đem binh thuyền đến đóng lại ở bãi Cửu Liên⁽¹⁾ truyền cho Tự Khánh vào châu.

Mùa hạ, tháng 6, hoàng trưởng nữ sinh ở bãi Cửu Liên (sau phong làm Thuận Thiên công chúa).

Mùa đông, tháng 12, sách phong phu nhân làm Hoàng hậu, phong Tự Khanh làm Thái úy phụ chính, cho anh trai Tự Khánh là Trần Thừa làm nội thị phán thủ. Tự Khánh cùng với Thương tướng quân là Phan Lan xếp đặt quân ngũ, chế binh khí, tập võ nghệ, thế quân dân dồn mạnh lên.

Vua mắc bệnh phong, chữa thuốc không khỏi, chưa có Thái tử, trong cung <42a> mới chỉ sinh công chúa mà thôi.

Chiêm Thành, Chân Lạp cướp phá châu Nghệ An. Châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh bại bọn giặc.

Dinh Ty⁽²⁾ năm thứ 7 [1217] (Tống Gia Định năm thứ 10), mùa xuân, tháng 3, vua dân dồn phát chứng điên, lúc nói là thiên tướng giáng, tay cầm thuẫn, cầm cây cờ nhỏ vào búi tóc, đưa múa từ sớm đến chiều không thôi, hoặc khi thoi đưa nghịch lai đổ mồ hôi, miệng ráo khát nước, uống rượu ngủ li bì, ngày hôm sau mới tỉnh. Chính sự không giải quyết, giao phó cho Trần Tự Khánh, quyền lớn trong nước dần dần về người khác.

Mậu Dần, năm thứ 8 [1218] (Tống Gia Định năm thứ 11), mùa xuân, tháng 3, đông đất.

Sao Chổi mọc ở phía tây nam.

Tháng 9, hoàng thứ nữ sinh, sau phong làm Chiêu Thánh công chúa.

Mùa đông, tháng 10, Trần Tự Khánh đi đánh người Mán ở Quảng Oai không được.

Chiêm Thành và Chân Lạp lại đến cướp phá châu Nghệ An. Lý Bất Nhiễm đánh bại bọn chúng, được thăng tước hầu, cho thực áp 1500 hộ⁽³⁾.

1. Bãi Cửu Liên: Theo Việt sử lược chí Bãi Cửu Liên có thể là bãi ở phía nam sông Thiên Đức. Sông Thiên Đức lúc này gọi là sông lớn.

2. Nguyên bản chép Dinh Ty là sai, phải là Dinh Sửu mới đúng.

3. DVSKTT chép 7500 hộ.

<42b> Kỷ Mão, năm thứ 9 [1219] (Tống Gia Định năm thứ 12), mùa đông, tháng 10, sai Nguyễn Nôn⁽¹⁾ đem quân đi đánh người Man ở châu Quảng Oai... Trước đây, Nguyễn Nôn là cự sĩ ở chùa Phù Đổng⁽²⁾ được vàng ngọc không đàng, vua bèn xuống chiêu bắt Trần Tự Khanh cho rằng Nguyễn Nôn đang mạnh, muốn dùng sức của Nôn moi tâu xin tha cho Nôn, bắt theo quân đánh giặc để chuộc tội, vua cho, cho nên mới có mệnh lệnh ấy.

Canh Thìn, năm thứ 10 [1220] (Tống Gia Định năm thứ 13), mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Nôn chiếm cứ làng Phù Đổng, tự xưng là Hoài Đạo vương, dâng biểu xưng thần, xin dẹp loạn để chuộc tội. Vua sai người đem sắc thư đến tuyên dụ, cuối cùng vì nhiều khó khăn nên không chế ngự được.

Tân Ty, năm thứ 11 [1221] (Tống Gia Định năm thứ 14), mùa xuân, tháng giêng, vua bị bệnh, thầy thuốc chữa đã lâu không hiệu nghiệm. Ở sâu trong cung, giặc cướp thả sức tung hoành, dân ở ngoài thành phần nhiều lưu lạc mất nơi ăn chè ở đều ngầm muốn nổi loạn

<43a> Nhâm Ngọ, năm thứ 12 [1222] (Tống Gia Định năm thứ 15), nửa xuân, tháng 2, chia trong nước làm 24 lô. Lệ chia cho công chúa ở dùng các hành nô thuộc lệ và quân nhân bắn lô chia nhau làm giúp.

Làm khi giới và thuyền lớn, thuyền nhỏ để đi tuẫn bắt trộm cướp.

Tân Ty, năm thứ 13 [1223] (Tống Gia Định năm thứ 16), Trần Tự Khanh mất, truy phong làm Kiến Quốc đại vương, cho Trần Thừa làm phụ quốc Thái úy⁽³⁾, khi vào chầu lạy không gọi tên.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Năm đầu niên hiệu Kiến Gia, giặc cướp đua nhau nổi dậy, Huệ Tông nhu nhược không dẹp được. Trần Tự Khanh lấy có là Huệ hậu bị Thái hậu làm khổ, dâng quân xâm phạm cửa khuyết xin dón xe vua. Dương lúc bấy giờ, lòng người không thể không ngò vực. Huệ Tông sở dĩ có lệnh bắt Tự Khanh mà không bắt được vì Tự Khanh muốn làm việc ấy cho kỳ được nên luôn luôn làm kinh động, xe vua phải phiêu bạt đến 2 lần, tội đã rõ ràng rồi đấy. Nhưng Huệ Tông <43b>, Huệ hậu cuối cùng lại đưa vào Tự Khanh cho được yên thì tội ấy lai hét, thật là việc thì trái nhưng tình lại thuận, sử không khen nhưng thực là khen đấy. Nếu không phải thế thì Tự Khanh chỉ là đầu sò bọn cướp mà thôi.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Huệ Tông mê gái dẹp ở trong làng giang hồ chài lưới, không thưa với cha mẹ mà được vợ, cam lòng phối hợp cầu thả. Ngay khi trước linh cữu mà sai người dì dón gái, quên rằng cha còn chưa chôn, trong cung dương lúc lo buồn mà bờ mẹ để cùng gái chạy trốn, lòng ân ái thảm thiết như thế. Tự Khanh sao lại xâm phạm cửa khuyết, sau khi xâm phạm cửa khuyết tại sao lại muốn rước xe vua về nhà. Lúc bấy giờ kỷ cương lỏng lẻo, giặc dã tung hoành, triều đình không có người, tôn thất không mạnh. Đó là điều ho Lý bị mất nhưng còn nằm im

1. Nguyễn Nôn: Người Tiên Du này là Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

2. Chùa Phù Đổng: Tại xã Phù Đổng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

3. Phụ quốc thái úy: Chức dung đầu các quan cũng như chức tể tướng.

lìn mà chưa bị mất hồn, còn làm vua chung của thiên hạ. Tự Khanh gáp được món hàng quý ấy, muốn nắm lấy để sai khiến thiên hạ, cho nên nói thác ra là nhó em gái, làm cho Huệ Tông tin chắc mà giao phó thân mình cho nó. Nếu Tự Khanh <44a> không chết thì nó sẽ bóp họng Huệ Tông mà cướp lấy ngôi báu, còn đợi gì đến việc nhường ngôi cho em gái nữa. Đại khái là trời muốn cho nhà Trần nối lên, cho nên đem ngự nữ làm mẹ hoặc tám tri Huệ Tông, lại muốn trao ngôi cho con trai Trần Thừa cho nên lại bắt Tự Khanh chết đi, để cho Nhật Cảnh nhận ngôi vua ở Phật Kim. Đã tâm của Tự Khanh và bản án quyết định nhà Lý mất nước, nhà Trần nối lên, có lẽ là như thế đó. Sí Liên cho rằng Huệ Tông, Huệ hậu cuối cùng nhò vào Tự Khanh mà được yên, sứ không khen mà thực là khen, chẳng phải là che dày tội cho kẻ gian hùng sao?

Giáp Thân, năm thứ 14 [1214] (từ tháng 10 về sau là Chiêu Hoàng Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, (Tống Gia Định năm thứ 17), khi đó bệnh của vua ngày càng tăng, các công chúa đều chia nhau các lô làm ấp thang mộc, ủy nhiệm cho một mình Chỉ huy sứ là Trần Thủ Độ lãnh các quân điện tiên để hộ vệ nơi cấm đình.

Mùa đông, tháng 10, sách phong thứ nữ là Chiêu Thánh công chúa làm Hoàng thái tử. Vua truyền ngôi cho Chiêu Thánh, di tu ở chùa Chân Giáo trong Đại Nội <44b> Chiêu Thánh lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, tên hiệu là Chiêu Hoàng.

Sứ thần Ngõi Sí Liên bàn: *Đạo trời khi thường khi biến, thánh nhân phôi hợp với trời đất, giúp đỡ việc sinh thành thi có đạo lúc biến mà cũng không lỗi đạo thường. Con của vua Nghiêng là Đan Thu là người không tốt, không thể truyền thiên hạ cho được thì vua Nghiêng tiến vua Thuần với trời mà thiên hạ thịnh trị; con của vua Thuần là Thương Quán là người không tốt, không thể truyền thiên hạ cho được thì vua Thuần tiến vua Vũ với trời mà xá tắc được yên đều là ở vào lúc biến mà không lỗi đạo thường đấy. Dời sau, chỉ truyền ngôi cho con mà không truyền ngôi cho người hiền vì là không có người nào được như vua Thuần và vua Vũ đấy. Nếu chẳng may không có con nối thì chọn con người tôn thất nuôi làm con mình, đổi nối giữ cơ đồ cũng là cách sứ tri khi biến đấy. Lý Nhân Tông đã làm như thế rồi, Huệ Tông sao không noi việc cũ mà làm theo, lại để đến khi ôm nồng mới lập con gái làm con nối dõi và truyền ngôi cho, há có phải là hợp lý đâu? Lúc bấy giờ <45a> các quan không nghĩ đến muu kế cho xá tắc để cho Phùng Tá Chu viện dẫn việc Lã Hậu và Vũ Hậu⁽¹⁾ làm có, để thành việc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho họ Trần, đó là người có tội với họ Lý đấy.*

(1) Lã Hậu: Vợ Hán Cao Tổ mẹ Huệ Đế. Khi Huệ Đế chết lập Thiệu Đế, Lã Hậu làm triều coi chính sự, giết Thiệu Đế lập Hảng Sơn Vương Nghĩa làm vua, phong vương cho những người họ Lã. Khi Lã Hậu chết, di chúc cho Lã Sản làm tướng quốc, các người họ Lã muôn làm loạn. Sau Chu Bát, Trần Bình giết hết họ Lã lập Văn Đế.

Võ Hậu: Tục Võ Tắc Thiên, vợ Đường Cao Tông. Trước được Thái Tông tuyển làm Tài nhân, khi Thái Tông chết nàng em đầu đì tu. Đến thời Cao Tông lại để tóc và được lập làm hoàng hậu. Cao Tông mất, Trung Tông lên ngôi, hậu làm triều coi chính sự, bà Trung Tông lập Duệ Tông, rồi lại bỏ Duệ Tông mà tự lên làm vua, vì là người dâm cuồng bạo ngược, triều chính rối ren cuối cùng phải trả ngôi cho Trung Tông.

Cháu tôn thất dần dần suy yếu. Hai con của Anh Tông, một người có tài hiền; hai con của Cao tông thì một người làm giặc nổi tiếng, người thân mà tö ý chừng cũng không eo người nào đáng lập làm vua. Nhưng nếu Huệ Tông còn có một chút ít triết năng, há không tìm rõ ràng ở những người ho xa, chọn người đáng lập, như Tông Cao Tông, Tông Ninh Tông đối với Tông Hiển Tông. Tông Lý Tông chẳng hơn là dòng dõi bị tuyệt diệt ư? Huệ Tông vốn ngu muội, lại bị nguyên phi là Trần thị mê hoặc. Dù là mẫu hậu cũng không tư lập được, huống hồ nó đã không có con há chịu lập người tôn thất làm thừa tự, thà rằng đem ngôi vua cho con gái rồi sau này dần dần làm mưu kế vun bón cho bè lũ thân thuộc của nó. Huệ Tông mê muội không biết gì, bị nó mê hoặc <45b>. Sau khi quyền, dần dần tình ngô, nhưng quyền binh đã mất rồi không làm gì được nữa. Cho nên mới có câu: "Có dày mỏ rẽ mà còn hơn người khác". Cũng đáng thương đấy. Xưa kia Vi Thủ Nhân⁽¹⁾ thời Đường đã đặc chi hâm mộ việc làm của Vũ Hậu, cho con gái của nó là An Lạc công chúa làm hoàng thái nữ thì Trung Tông liền bị uống thuốc độc chết. Huệ Tông diễn ra hất tinh, anh em họ Trần đều ở bên cạnh, hoặc làm những nét xấu như loài cầm thú; hoặc tinh mưu kế cho gia đình. Trong ý của ngự nữ, há lai nghĩ đến việc ngăn chặn thuốc độc, chia cơm chay nó ăn là an huệ ở đâu? Cho nên, khuyên vua đi chùa, khiến cho kẻ nhường ngôi ở bên trong được thành; lại bắt thái cổ khiến cho việc lấy lẫn nhau được ổn định. Cuộc nhường ngôi của họ Trần, án bị giết của Huệ Tông, tất cả đều do ngự nữ và người anh chú bác của nó ngầm ngầm vạch ra. Sự quyết định của mu dàn bà dâm loạn này, từ trước đến nay chưa có người nào phát hiện ra, thán cho là Lý Huệ Tông cũng giống như Đường Trung Tông; Trần ngự nữ cũng giống như Vi Thủ Nhân. Nhưng họ Lý cuối cùng bị diệt, không giống nhà Đường <46a> khôi phục lại được, vì ràng không có ai là người tôn thất làm giàu như Lâm Trung vương⁽²⁾. Người bắn chỉ đỗ lối cho Huệ Tông và các bầy tôi, còn mụ ấy là kẻ lot lưới được không?

LÝ CHIÊU HOÀNG

(Lý Chiêu Hoàng trước húy là Phát Kim, sau đổi là Thiên Hình, con gái thứ của Huệ Tông, ở ngôi 2 năm rồi nhường ngôi cho họ Trần. Bản thân là nữ lại ở vào địa vị dân ông đó là phản lại đạo thường, trái với lẽ phải, khi thi làm vua, lúc lại làm hoàng hậu, con gái trẻ có biết quái gì?)

Át Dầu, Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 2 [1225] (tháng 12 là Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 1, Tông Lý Tông Bảo Khánh năm thứ 1), mùa đông, tháng 10, ban

¹ Vi Thủ Nhân: Tức Vi Hậu người thời Đường, vợ của Trung Tông. Khi Trung Tông bị phế, muôn tụ sát, hầu nghìn lụa, đến khi Trung Tông được lập lại làm vua, hậu tham dự chính sự tư thông với Vũ Tam Tự. Cuối cùng giết Trung Tông.

² Lâm Trung Vượng: Con Đường Huyền Tông là người tài giỏi trực tiếp dẹp loạn, giết Võ thi đấu cha là Huyền Tông lên ngôi, sau được truyền ngôi. Làm vua được 44 năm.

chiếu nhường ngôi cho Thị nội chính thứ⁽¹⁾ Trần Cảnh⁽²⁾. Khi Chiêu Hoàng mới lên ngôi thái hậu là Trần thị cùng với người anh họ chú bác của bà là Trần Thủ Độ nắm chính trị bên trong, bên ngoài, ban chiếu chọn con em của quan viên trong ngoài sung vào Nội sáu dịch⁽³⁾ lục hòa thị cung, ngoại chi hâu, nội nhân thị nội⁽⁴⁾, ngày đêm thay phiên nhau chầu hâu theo Diện tiên chỉ huy sứ là Trần Thủ Độ trông coi việc quân trong thành ngoài nội. Thủ Độ tiến cháu chú bác là Trần Bát Cáp làm Cán thi thư lục cục chi hâu⁽⁵⁾ Trần Thiên làm chỉ ứng <45b>, Trần Cảnh làm chính thứ. Cảnh lúc ấy mới 8 tuổi, trực hâu ở bên ngoài. Một hôm, đến phiên giữ việc bưng nước rửa, nhân thể được vào hâu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy yêu thích, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tội thì chạy đến trêu chọc, hoặc ném lấy tóc, hoặc đứng vào bóng Cảnh lai thường bưng chậu nước đứng hâu. Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vòi nước té vào mặt Cảnh rồi cười trêu, hoặc khi Cảnh bưng khăn trâu, lai lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, và ngầm nói với Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu quả như thế thì ho minh làm vua chẳng? Chết cá họ chẳng?".

Tình cảm giữa Chiêu Hoàng và Cảnh khá thân. Chiêu Hoàng lại cho Trần Cảnh khán trâu. Cảnh cúi lạy nói: "Bệ hạ có tha tội cho thân không? Thân xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười và nói: "Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khen đấy". Từ đó cùng ở với nhau như vợ chồng. Cảnh lại về nói với Thủ Độ. Thủ Độ sợ việc tiết lộ, mới đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm, sai đóng cửa thành và các cửa cung, cất người coi giữ <47a> các quan chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng: "Bệ hạ đã có chồng rồi". Các quan đều nói: "Vâng, xin chọn ngày vào chầu". Ngày 21, các quan vào chầu lạy mừng, liên ban chiếu rằng: "Từ xưa, nước Nam Việt ta đã có các bậc đế vương tri thiên hạ. Duy họ Lý ta vâng mệnh trời, gồm có bốn biển truyền nối hơn 200 năm, nhưng vì Thương hoàng mắc bệnh, không có người nối rồi, thế nước gian nguy, sai trẫm nhân minh chiếu, cố gắng lên ngôi, từ xưa đến nay chưa từng có việc đó. Than ôi! Trẫm là vua đàn bà, tài đức đều thiêú, không có người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, sao có thể giữ được ngôi báu quá nặng nề, trẫm đây sớm thức khuya, chí sự không cảng đáng nói, vẫn thường nghĩ đến tìm các bậc hiền lương quân tử để cùng giúp chinh sự, ngày đêm lo lắng đến thê là cùng. Kinh Thi có câu: "Quân tử hảo cầu, cầu chi bất đặc, ngũ mĩ tư bác, du tai du tai"⁽⁶⁾. Nay trẫm tính di tinh lại chỉ thấy có Trần Cảnh vân chất vẹn toàn, thực là có <47b> thể cách tư chất của bậc hiền nhân quân tử, uy nghi đạo mao, có tư chất thánh thiện vân vỹ, dù đến Hán Cao Tổ. Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ kỹ thể nghiêm túc lâu, có thể nhường ngôi báu, để thuận lòng trời, để thỏa lòng trẫm, may ra có thể đồng tâm giúp sức, cùng giúp việc nước để hưởng phúc thái bình".

1. Thị Nội chính phủ: Quan chúc. Ly Thái Tổ năm Thuận Thiên 16 đổi ta hôi đầu tục là chức hoa đầu trong cung

2. Trần Cảnh: Con thứ của Trần Thủ, cháu họ Trần Thủ Độ

3. Nội sáu dịch: Người hầu các việc vật như lấy nước rửa mặt, cầm khăn tóm trâu

4. Nội nhân thị nội: Người hầu giữ trách nhiệm truyền lệnh và dẫn người ra vào

5. Cán thi thư lục cục chi hâu: Chức chi hâu ở 6 cục của cán thi thư

6. Quân tử um hanh tài, um mĩ không được, khí thuc khí ngu, không huc nam nguoi, lâu thay! lâu thay! (Bài "Quan thư" trong Kinh Thi).

Vậy bồ cáo thiên hạ dế moi người đều biết".

Tháng 12, ngày 11 là ngày Mậu Dần, Chiêu Hoàng đặt hội lớn ở điện Thiên An, ngồi trên bão sàng, các quan mặc triều phục vào chầu lạy ở dưới sân. Chiêu Hoàng trút bỏ áo ngực, khuyên mời Trần Cảnh lên ngồi hoàng đế, đổi niên hiệu làm Kiến Trung năm thứ 1, đại xá cho thiên hạ, xưng là Chiêu Hoàng, sau lại đổi làm Văn Hoàng, các quan dâng tên hiệu là: Khai thiên lập cúc chí nhân chương hiếu hoàng đế, phong Trần Thủ Độ làm Quốc thương phu, coi việc thiên hạ Thủ Độ nói: "Hiên nay giặc cuồng đều nổi lên, họa hoan càng ngày càng nhiều. Đoàn Thương chiếm cứ man đông, Nguyễn Nôn chiếm cứ man bắc, các châu Quang Oai, Dai Viễn cũng chưa dẹp yên. Nhà Lý suy yếu, thì nước nghiêng đổ <48a> nguy ngập, nữ chúa Chiêu Hoàng không gánh vác nổi, mới ủy thác cho nhị lang, là người chưa am hiểu việc nước, chính sự nhiều chỗ thiếu sót, vận nước mồi mê lòng người chưa phục, mồi họa không nhò. Ta tuy là chú, nhưng không biết chữ nghĩa gì, còn phải khi chay về đông, khi chay sang tây để ngăn bọn giặc cuồng, không gì bằng mời thánh phu tam coi việc nước làm Thương hoàng. Dợi vài ba năm, thiên hạ thái bình, sau đó sẽ trả lại quyền hành cho vua sáng suốt, các ông thấy thế nào?" Các quan cho là phải mời Thánh phu là Trần Thủ Nhiếp chính.

Sử thần Ngô Sí Liêm bàn: Đến đời Huệ Tông, cái mồi hú loạn trong thiên hạ đã quá lâm rỗi, mà người làm vua lại không phải là người cứng cáp, bè tôi dám đương việc nước thì nhu nhược hen kén, thế mà lại nuốt chửng mồi tệ hại dã lầu thi làm sao nên việc được. Huống chi vua lại bị bệnh hiếm ác, chưa không công hiếu, lại không có con trai để nối nghiệp lớn, diền nguy loạn trước đã hiện ra rồi. Tục truyền rằng: Lý Thái Tổ khi mới được thiên hạ, xe vua về Cố Pháp, đến nơi chùa làng Phù Đổng, có thần đê thơ ở cột chùa <48b> rằng: "Nhất bát công đức thùy, tuy duyên hoa thế gian, quang quang trung chiêu thác, một ánh nhật dâng san"⁽¹⁾. Sư chùa ấy là Vạn Hạnh đem bài thơ ấy dâng lên, Lý Thái Tổ xem rồi nói: "Việc của thần thi không thể hiểu được". Người đời truyền tụng không ai biết thơ ấy nói gì. Đến khi họ Lý mất, mới cho bài thơ là nghiêm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là tam đời, mà Huệ Tông tên là Sám⁽²⁾ tức là "hết bóng khi mặt trời gác núi" đây. Thế thi nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời thôi.

Sử thần Ngô Sí Liêm bàn: Trần Liêu, và Trần Cảnh đều là con của Trần Thưa. Cảnh cùng sinh một năm với Chiêu Hoàng, còn Thuận Thiên thì lớn hơn hai tuổi, đã hứa gả cho Liêu. Thủ Độ cho rằng: Người mà lấy Chiêu Hoàng để thay nhà Lý tất không ai bằng Cảnh, có lẽ cũng là xét về trí bẩm, xem về phong cách có thể đảm đương được việc ấy, ben ngầm mưu cùng Huệ hậu đưa Cảnh vào trong cung, cho chung cung <49a> chơi với nhau. Chiêu Hoàng thường đưa bảo Cảnh làm voi ngựa, mình cưỡi lên trên, Cảnh lấy hai tay đỡ lấy, sờn gió đêm trăng, liên tiếp yến tiệc riêng tư với nhau như những loại té nước nem khăn, tuy dò là thói thường của con trai con gái, nhưng nó cũng mở ra tình dục khiến cho són hóm quen nhau, tình

1. Câu đó có nghĩa: Một bài nước công đức theo cõi duyên diêm hoa thế gian, vắng vắn hai lần sỏi đợi hết bóng khi mặt trời gác núi...

2. Chữ "Sám" (薩) Theo cách phân tích mà chữ thi ở trên là chữ "nhất" (一) là mặt trời; chữ "son" (孫) là mặt đê dênh và giờ nghĩa là mặt trời gác núi.

át với nhau, khi nǚ chúa có chồng, các quan còn ai dám có lời gì khác. Cái thiên hạ 260 năm của nhà Lý, nǚ chúa chỉ một lần hàng phục mà đã vế nhà chài lười, dắt con rồng làm mất nhà Hạ, mà con én làm dỗ họ Lưu⁽¹⁾ cũng không độc ác như thế. Có lẽ là lúc "được" để cho nên lúc "mất" cũng không khó chăng? Bài địa quyết ở đất Cố Pháp có câu: "Tôi truyền bát diện, diện lạc âm sinh⁽²⁾". Có lẽ từ Thái Tổ đến Huệ Tông tất cả là tám đời, đến Chiêu Hoàng là dan ba là vua cuối cùng. Thế thi sự hưng vong của nhà Lý do số trời và cả dát nữa, có gì đáng cho là lạ đâu.

Trở lên, là nhà Lý, 9 đời vua bắt đầu từ Thái Tổ năm Canh Tuất [1010] cuối cùng là Chiêu Hoàng năm Ất Dậu [1225] cộng 216 năm

<49b> Thông luận của sử thần Ngô Thi Sí bàn: Lý Thái Tổ nhán khi Ngoa triều hỗn loạn, trời chán nết xấu, lòng người mong vua sáng suốt Lý Thái Tổ ung dung thay đổi, không xuống khỏi nhà mà thiên hạ được yên, bèn bò phèp hè khác, thi hành chính sách rộng rãi, đặt định dụng đô mới làm kẽ ngần vạn năm, kinh trời châm dân, giảm nhẹ tô thuế. Lấy lòng trung hậu dụng cẩn bản cho nước; den án trách đé gán bó lòng người, đáng gọi là ông vua tốt xây dựng cơ nghiệp. Tiếc rằng lòng ưa chuộng quá thiên lệch, xây nhiều tháp, đẽ nhiều sú, làm cái đích cho dời sau tôn sùng đị doan, không phải là đạo đẽ lai cho con cháu.

Thái Tông buổi đầu còn cù tang, đep yên được hoan nạn bên trong, ở vào sủ biển cổ như Chu Công⁽³⁾ mà không có diệu hổ then như Tân Vương⁽⁴⁾. Thế rồi tu sửa chính sủ, đặt dù bách quan, đặt ra danh hiệu thập quán, khi cày ruộng tích dien thì cử hành lễ đầy cày ba lán; thương kẽ bị hình phạt thì làm sách dạy cho một thời. Có chuông Đăng Văn⁽⁵⁾ đẽ <50a> hiểu thấu nỗi oan của dân; đặt lề nộp thuế đẽ phòng ngừa quan lại tham nhũng. Đặt ra chính sách tu sửa nội tra và chống đỡ ngoại xâm, quân di đánh đep rất giỏi, đánh hạ Dinh Nguyên⁽⁶⁾ lấy Lâm Tây⁽⁷⁾ giết Tôn Phúc bắt Xạ Đầu. Về vũ lực không thể cạnh tranh, nước khác đều phải

1. Dắt con rồng làm mất nhà Hạ. Khi nhà Hạ suy, có con rồng bay xuống sân nhà vua, nhú dắt ra, vua sai bắc vào rồng bắt đì. Sau đó nhà Hạ mất nhà Ân thay. Nhà Ân mất nhà Chu thay. Đến đời Lê Vượng mà rồng ra xem, dắt rồng chảy ra sân hóa thành con dắt chạy vào hâu cung, đứa con thứ 7 mòn 8 tuổi dắt phao liên eo thai, đến 15 tuổi không chồng sinh ra 1 con gái tức là Bao Tự. Sau đó Bao Tự lấy U Vượng làm mất nhà Chu. Như vậy là dắt con rồng làm mất nhà Chu, không hiểu sao nguyên bản chép là mất nhà Hạ?

2. Mô con en làm dỗ họ Lưu: Điều này chưa rõ.

2. Câu này nghĩa là truyền ngôi 8 đời, là tung xuống âm khi sinh

3. Ở vào biện cõi như Chu Công: Chu Công là em của Chu Vũ Vương, chủ của Chu Thành Vương. Khi Vũ Vương mất, Thành Vương lên ngôi, Chu Công nhiếp chính. Quản Thục là em họ của Chu Công nổi loạn, phao tin là Chu Công sẽ làm hại Thành Vương.

4. Không có diệu hổ then như Tân Vương. Tân Vương là con thứ của Dương Cao Tổ tên là Thế Dân có anh là Kiên Thành Nguyên Cát. Khi Kiên Thành Nguyên Cát chết Dương Cao Tổ lập Thái Tông làm Thái tử. Khi ấy có lời đồn Tân Vương đã giết anh đẽ cướp ngôi.

5. Chuông Đăng Văn: Chuông treo ở sân nhà vua, ai có điều oan u thì vào đánh chuông, vua sẽ sai người xét hỏi

6. Dinh Nguyên: Hiện chưa rõ

7. Lâm Tây: Tên đạo thời Lý là đạo Lâm Tây. Thời Trần là đạo Đà Giang. Thủ thuộc Minh là châu Gia Hưng. Thời Lê đổi là phủ Gia Hưng. Thủ Nguyễn (Túc Đức) vẫn là phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hòa. Nay tương đương 1 số huyện thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình và Sơn La.

thân phục, phong hoa tốt đẹp, gan thòi áy ủt ai sanh kịp. Nhưng khi đang buồn mà lai vui là từ đất mình vào hàng di địch, mè hoặc điềm lành, cho xả lì là của ta mà đổi niết hiếu, và thích xiêm nịnh mà lấy tên dứa phiến Nùng làm hiếu, đều là những điều người thông thái không cho là phải.

Thanh Tông bẩm sinh tư chất thuận túy, lại có chí học chuyên nhất. Yêu dân trong nông, thương kề bì hình, thu nhẹ thuế khóa, chính dân nghi thức triều đình, quy định chế độ quân sự đều là việc đầu tiên khi trị nước, là rường lớn cho việc làm chính sự. Dối với nước Chiêm Thành khi họ phản bội thì đánh khi họ hàng phục thi tha, mở rộng bờ cõi ở Ma Lý, Bồ Chinh, nước Man Di ngày càng thu lại, nước ta ngày càng rộng ra. Còn cấp nhiều bổng lộc cho quan lại để cố lè lòng liêm khiết; sửa văn miếu để trọng hưng phong hóa đạo Nho, lại còn làm dày dù những điện lè đại trước còn thiếu sót <50b>. Xet kỹ việc đã làm lỗi lầm rất ít, miêu hiệu là Thánh há chẳng đáng làm sao.

Nhân Tông khi nhỏ bị mè khống chế, sự việc xảy ra ở cung Thương Dương sa vào tội bắt hiếu. Đến khi lớn lên biết lấy việc đó làm rắn dã cố gắng rèn rũa tinh thần để tri nước. Cho Đạo Thành làm chính sự, cho Thường Kiệt nắm quân đội, tương ván tương vò đều là bậc nhất một thời. Cho nên trong thi tu sửa chính sự, ngoài thi mở rộng bờ cõi, hạ được thành ở Châu Khâm, Châu Liêm, lấy lại đất Bảo Lạc¹ thê nước ngày một mạnh dân. Lại vì phép thi cử chưa day đủ đã tuyển những người biết rõ về kinh điện để hầu hạ chọn những người có học thức vào Quốc Tử, thư van học sung vào Hán lâm. Tuy rằng điều lè về khoa mục chưa được hoàn bì bằng đời sau, nhưng vẻ y tốt trong việc tìm bậc hiền tài hén chọn kẻ sĩ thi cũng dù để khen đáy. Trong khoảng hơn 50 năm, mùa màng bội thu, nhân dân yên ổn, phong tục thuần phục, hình phạt không phải dung đến, chỉ dung lôi trói tráng cuồng cũng biết rõ xử lý cẩn thận từng việc nhỏ. Nếu không phải là bậc tinh anh sáng suốt thì không được như vậy. Dù có việc ham thích <51a> điều lợ, quá sùng đạo Phật, chưa thoát ra được cái hủ lậu theo thời cũ, đó là điều kém thôi.

Thân Tông làm con nối dõi người ta mà phản lại tiên đế, tôn sùng an riêng, riêng việc đón hoàng hậu, lười việc làm vua, thích di săn, mè gái đẹp, phạm vào 2 điều mất nước. Ninh Phàm mà quy cho công dẹp giặc; cầu phúc mà tha tội cho kẻ giết người. Nhà viết sử đã chép: trong vòng 10 năm những điều làm được chỉ có voi việc như dat ra chế độ quân sự và ngũ kinh điện, ngoài ra không có điều gì đáng kể. Đến khi hấp hối việc lập thái tử nối ngôi là việc lớn mà lại để cho bon gian thần, bon cung thiếp chỉ dung một lời nói mà cướp mất ý mình thi biết sự tối tăm mè loan đèn chưng nào.

Anh Tông khi mới lên ngôi, mè thi làm loạn bên trong, bon gian thần thi chuyên quyền bên ngoài, chính sự rời ren, tai biến xảy ra liên tiếp. Cuối niết hiếu Thiệu Minh, ủy nhiệm được người tốt chọn tương súy, hén quân ngũ, nghiêm việc biên phong, do xét về địa lợi. Tu sửa van miếu là biết việc dâng tôn trọng, tập bắn ở sân là không quên làm lớn mạnh quân đội, lợi kinh so mènh trời <51b> cẩn thận việc

¹ Bảo Lạc: Tên chúa xíp thuộc phủ Yên Bình, xứ Tuyên Quang. Nay là đất Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

bang giao, dung nước mò bờ cõi làm về vang dời trước, rạng rõ dời sau. Cho đến việc lắp thái tử ký thác con cõi nãm vũng diêu giải quyết xác đáng, mènh lệnh cuối cùng không ai có thể làm rối loạn được, tình yêu riêng cũng không thể lay chuyển được, dù để đạt muôn hiếu là anh dãy.

Cao Tông lên ngôi không vừa lòng Chiêu Linh thái hậu, nhờ có Hiên Thành giúp đỡ nên ngôi vua được yên, chính sự trước sau niêm hiếu Trinh Phù Gia Thuy, những việc làm có thể chép vào sử được như xét thành tích để dat các quan lại, dập dan dê phong các tướng, nốt lòn tim bác hiền lương, hai lần thi học trò. Nhưng những điều hay không bù được diêu dở, tật xấu nhiều hơn đức tốt, rong chơi hoang dâng, làm mối lo cho chư hầu, xây dựng cung điện làm môi hại cho trâm họ, buôn quan bán ngục, tin lời gièm, nghi người trung. Quách Bốc đuổi ra thi ngôi vua lung lay; Tư Khánh rước về thi quyền binh đảo ngược. Nhà Lý mất nước là bắt đầu từ đây.

Huệ Tông làm vua như giữ cái áu vàng dâ sút mè, như tượng gỗ không ràng buộc bi trói lệnh đèn. Chính sự thi ở tay Di Mông, bình quyền thi về tay Tư Khanh. Minh thi không nghỉ ngơi gì, thiên tướng nhập vào càng thêm diên dài. <52a> người vợ hoang dâm lừa phỉnh diêu khiển trong tay, du cho đi tu thi đi tu, bảo truyền ngôi cho con gái thì truyền ngôi cho con gái. Như vua Huệ Tông thi dung như lời người ta nói: trời đã bỏ thi ai còn có thể nâng lên được. Chiêu Hoàng vừa đem thân gái mà kiêm việc con trai, liền bị xuống ngôi vua mà làm hoàng hậu. Là một người dàn bà còn ấu thơ làm hại nước hại cả bản thân, người con gái nhà thuyền chài ở Thiên Trường mà rốt cuộc đã làm thay đổi xã tắc, mènh trai bát thường như vậy thật đáng sợ thay!

Xét triều Lý hưng nước lâu nhất, bốn triều kế tiếp nhau 218 năm đều không làm điều thất đức, nhiều bậc thánh hiến ra đời, thái bình lâu dài, từ thời thương cổ chưa có triều đại nào hơn được. Đại khái là tri thế của một triều đại chỉ dùng pháp mà không dùng người; chuộng diêu dê dài mà không chuộng diêu nghiêm ngặt. Trong khi vô sự thì chỉ mà sách cũ, giữ lệ cũ, đó là vua thơ ấu ở trên, tri nước vẫn còn thita sức. Đến khi suy yếu phép tắc chê dê bị đổ nát không thể tu sửa lại được, uy thế dâ hỏng thì không thể chấn chỉnh lại được <52b>. Sáu quân mà không có kè địch nổi quân thù; trâm quan mà không có người dám dang công việc. Có lẽ nhân nhu quá dần dần dần dến cẩu thả; sau khi buông lòng thi dần dần dến dâng cay, chất phác thì bị bọn quý quyết liệt dôi; nhu nhược thì bị kè tàn bao ném đá. Tuy nói rằng: Huệ Tông làm mất nước, nhưng nguyên nhân của nó cũng không phải trong một ngày mà nó dồn lại dâ lâu, do cũng là cai thế tất nhiên ấy. Các bê tôi trong triều như Dao Cam Mộc giúp vân nước; Lê Phung Hiếu dẹp yên hoạn nạn; Lý Thường Kiệt mở rộng bờ cõi, Bà Ngọc bảo vệ vua thơ ấu. Dao Thành giúp việc chính sự buổi đầu; Kinh Tu hâu nơi mản trương; Tử Tư mang sứ mệnh Tất cả đều tỏ rõ công trạng, rạng rõ tiếng vang. Nhưng long thanh khẩn, tài vong dù dày; gánh vác công việc khó khăn vẫn ung dung xoay chuyển, làm cho vua nói ngôi được đứng dán từ lúc ban đầu, đặt nha nước vào sự yên ổn thi Tô Hiên Thành

là hon cá. Thế nhưng lẽ vẫn thiếu sót mà không bắt giáng.edu, chính sự đơn sơ mà không biết thêm bớt khiên cho <53a> mảy đòn thái bình có hột có thể luôn được, thế mà thế thống trị nước không thuận tuy, vậy thì những người có chức vị đều không thể từ chối trách nhiệm của mình. Còn như Du Đô dâng chim sẻ để minh đỡ thang quan, Vũ Xung dâng ngọc châu để mong tha tội; Văn Thịnh hóa hổ thi trách nhiệm sứ Bao đã có vết da; Từ Khắc dâng hươu thi kè nám bình quyền không phải người tốt, Vũ Danh tha Anh Vũ thi dộc hại lan ra triều đình; Đỗ Thanh, Phạm Diện mưu bắt Bồ Tri thi tai họa lan ra nơ biến giới. Bát voi mà dâng biểu mừng, phán đoán con rùa mà thành chữ trên ức thi không thể gọi là vẫn được; đưa Ung Minh về nước mà không thành công, Quách Bác vào cướp phá mà không ai chống được thi sao có thể gọi là vẫn được.

Những người được chép tên vào sử sách thường chỉ thấy chép quan chức mà không thấy chép công trạng. Có lẽ không riêng bọn kiêu dâm ngang ngược là bọn người làm bậy mà cả bọn bẩn thỉu hèn nhát làm hỏng việc nước cũng đều như thế. Nhân tài sao mà ít ỏi thế? Có lẽ do sùng chuộng chính học không bằng tin vào di doan và tin dùng <53b> bọn xiêm nịnh mà không có gì để cố vũ si khí. Chính sách về trường day học chỉ thấy chép vào sử hai lần, chép khoa cử không nhất định, kẻ sĩ sinh vào thời ấy không có gì để nài dưa và bồi dưỡng họ, kẻ chưa làm quan thì cho nương dien lành để làm bậc thang cầu tiến, người đã được làm quan thi chỉ a dua để làm kẻ giữ chức vị, thế thì phong thái kẻ sĩ tránh sao cho khỏi bị suy vong, còn những người vũng vàng không bị thế lực lôi cuốn, đứng vững được ở dời như các ông họ Tô, họ Lý⁽¹⁾ thì cũng là ngẫu nhiên mà thôi. Người xưa có câu: ông vua sang suốt dây lên thi các bậc phò tá cũng không phải từ trên trời rơi xuống, bậc dai nhân nhặt mệnh trời thi tim nhân tài cũng không phải từ dưới đất mọc lên, chỉ vì sự suy nghĩ đến thành tựu của mình chưa đến nơi đến chốn, há lại dỗ cho vẫn dài được sao?

HẾT QUYẾN IV. BẢN KÝ DAI VIỆT SỬ KỲ TIỀN BIÊN

DAI VIET SU KÝ TIẾN BIỂN

BẢN KÝ

QUYỀN V

KÝ NHÀ TRẦN

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Trần, huý là Cảnh, trước huý là Bồ, được Chiêu Hoàng nhường ngôi. Ông ngôi 33 năm, nhường ngôi 10 năm, thọ 60 tuổi, chôn ở Chiêu Lăng. Vua là người khoan nhẫn, dũng độ có lương dế vương, diễn chương chế độ rõ ràng, đang được nêu lên. Song sự xếp đặt công việc của đất nước đều do Trần Thủ Độ làm, dạo tam cương không giữ đúng, trong chốn buồng the còn nhiều điều hổ thẹn)

Tổ tiên vua là người dắt Mân, ông tổ thứ tư tên là Kinh đến ở hương Túc Mắc⁽¹⁾, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh Lý, Lý sinh Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ tư của Thừa, mẹ người họ Lê sinh ra vua vào năm Mậu Dần⁽²⁾ năm Kiến Gia thứ 9 [1218] triều Lý. Vua mũi cao, mặt rộng, phong thái thông minh, tuân tú Khi mới 8 tuổi làm chi hậu chính chi ứng cự triều Lý, nhân có chú là Trần Thủ Độ làm Diện tiên Chỉ huy sứ, nên vua được vào hậu trong cung, ban <1b> được Chiêu Hoàng nhường ngôi, lên làm vua.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1226] (Tông Bảo Khánh năm thứ 2), mua xuân, tháng riêng, sách phong Chiêu Hoàng làm hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thành Phong. Trần Thủ Độ làm thái sư thống quốc hành quân vụ chính thảo sứ.

Phế Thương hoàng nhà Lý cũ gọi là Huệ Quang thái sư

Tháng 2, định luật lệnh, diệu lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nôn, Đoàn Thương và Các San. Khi ấy tiếp sau khi nhà Lý suy yếu, giặc cướp ở đâu cũng tụ tập hàng bầy, những người Mân ở núi Tân Viên và Quảng Oai xâm lấn lẫn nhau. Thủ Độ diêu đông các quân đi đánh dẹp được yên. Nhưng Nguyễn Nôn chiếm cứ miền Bắc Giang, Đoàn Thương chiếm cứ vùng Hồng Châu⁽³⁾ binh thế còn mạnh, đánh chưa thể thắng được. Thủ Độ cho rằng Thương

1. Hương Túc Mắc: Sau là xã Túc Mắc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

2. Nguyễn bản chép năm Mậu Thìn. Chung tôi theo DVSKTU hợp lý hơn

3. Hồng Châu: Thuộc tỉnh Hải Hưng ngày nay

1

Nó đương murch chán thi bài hùng phúc dày, bèn xin phong cho Nón lùm Hoài Dao
vương, chia cho các huyện Đông Xuyên Võ, Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ. Càng nữa
nhưng cho Thượng, định ngày đến thi, nhưng Thượng không đến.

Năm ba tháng 5, phong em là Nhật Hào <24> làm Kham Thien đại vương (khoảng 2 tuổi). Trang phục cấp cho các quan vua và theo thi bậc khác nhau.

Thống kê ngày sinh nhất làm việc Cán Ninh

Nửa thu, tháng 8, Trần Thủ Độ giết Lý Thượng hoàng ở chùa Chân Giáo Trúc. Khi Thượng hoàng nhà Lý đã đi ra, thường ngày ra ngồi xóm trước cửa chùa nhỏ xíu, Thủ Độ đã qua nhìn thấy nói rằng: "Nhà có thi nhê bét rể". Thượng hoàng đứng dậy phết tay nói: "Ta hiểu ý của tôi của nhà người già". Thủ Độ đã từ lâu muốn giết hại Lý Huệ Tông, nhưng chưa thực hiện được, sau Hứa Tông thương ra chơi cho Đông, nhân dịp tranh nhau chạy lùn xóm, có người thương khóc. Thủ Độ sợ hãi người nhà vua cù sinh biến loạn, mới bắt đầu phòng ngừa cẩn thận.

Đến khi ấy sáu người đem hương hoa và bão táng: "Thượng phu có lời nói". Thương hoàng nhà Lê cầm gGrün nói: "Ta tung kinh xong sẽ từ từ". Rồi vào буддng ngũ khán vang: "Thần hạ của nhà ta, đã về nhà này rồi, hãy lui con gởi ta, một ngày kia con chầu nhà này cũng lui như thế". Nói xong từ thất có ở vườn sau chùa Thủ Độ sai các quan đưa vua sang khóc. Khoét <đá> thành phun nham lèm của người hagy giờ gọi của ấy là cũn khoét. Sau linh cữu ta phuông Yên Hòa để thiền, chùa xuong vào tháp chùa Bác Quang, tên miếu hiệu là Huệ Tông (xét thấy Lý Thương hoàng khi đã nhường ngôi cho Chân Hoàng liền đi tu ở chùa Chân Gián. Thủ Độ cũng Huệ hậu mới được chuyển quyền lấp mìn, nhường ngôi bên trong, chỉ không phải khi đó Thương hoàng còn ở trong cung, đến sau mới phái truật đuổi ra ngoài, khu sách ghi lùm này cũi chính).

Sứ thần Ngũ Sĩ Liên bức Thủ Tam Đế xin lìy được thien hạ là vì lòng
nhân, cho nên những việc không làm nhiều điều ác quá thi trời chua hối lỗi với
vợ bà. Nhà Bà nay không có Kết, nhà Thương nay không có Tru thi phuc trời
mệnh nỗi cõi là cũng chưa hết. Xem như cũn nhà Chu, các nước chư hầu hàng
vương, tiêm lấn, mìn ngõi chính thống có truyền nối mà không dứt, cũng chính vì
những nỗi ưu hụu của tři třing sẽ lai mìn đứt sau đây. Họ Lý dược nastic, không
thông tin thi Thủ Tam Đế, truyền đến Huân Tông không có con trai, lại mìn bệnh tật cõi
lai lai trước cửa tiền vương, đến đây là hết, chờ nòn họ Trần nasc, lìy dược nastic.
Đó cũng nastic của người ta lai gắt qua của người ta thi, thực bắt nhân <Sa> qua
tun. Đến sau này Phê Dề¹² phải thất cõi chết, nhà con ta gắt, ta mìn làm thế nào
nhà sau ta lai phải chịu như thế. Dạo trước là như vậy. Cho nên ta không có lìy
nguyễn nasc của Huân Tông, thi cũng chất là như thế. Thủ Đế cho rằng làm như vậy
để hối lòng mìn mìn nước nastic, ta biết đâu thien hạ sau này đều vách ta đõ lai giặc gắt
nasc, hating hõi lai mìn làm như chia lém.

2. Huyện Đồng Ngàn: Nơi đây có huyện Tiên Sơn, tỉnh Kien Giang và mèo sét xã của huyện Đồng Ánh ngay thành phố Nha

2. Phu Nhã: Tác giả Nguyễn Huy Nghe Tông phu làm Lĩnh THỦ: lài VĨNG MIỀN phi miệt và là phi Thủ Dưỡng.

<4a> Giang Thái khu của nhà Lý là Trần Thị Lãm. Thành Cát Cung thừa kế bà
Đến năm 1258, Trần Thị Lãm Chinh Lang làm lễ thành hôn.

Dear Sirs, may I say in due form that I trust you will get the car to me by
Mar.

— 2000 — [View page](#) [Download image](#) [Download PDF](#) [Download XML](#)

cung và Thiên Cực còn giữ hiệu Thái hậu, có người nể đưa vào danh hiệu đó làm giờ ra mạt chiếu của Thái hậu để ban hiệu lệnh ra bốn phương, nêu lên tội cướp ngôi, giết vua thi mọi người được cung nhau danh nó, chỉ bằng giáng xuống phong làm công chúa, cho edict giả, ngàn năm móng nổi loạn và lây tình yêu gian dìu làm dác sách đây thời. Đây là ý của hai người kia làm việc câu hợp đây, ha có nhìn lại việc cải giá là việc làm qua nhục, mà việc dâm loạn với hoàng hậu là điều ác ám!

Còn việc loạn luân là việc thường có trong gia đình nhà ấy. Trần Cương Trung đời Nguyễn nay Cung ho lây nhau chí kế tuổi không kế hang cha, hàng con. Cướp nước của nhà Lý rồi dè phòng mà làm như thế đây. Than ôi! Thiên Cực và Thủ Đô đã vì Thái Tông gây dựng nên triều đình mọi ro. Trong khoảng 170 năm hồn nhân không dung dân, nam nữ không phân biệt đều từ việc lấy vợ lấy chồng nay mà ra để vết nhơ trong sù xanh, bị nghìn đời chế cười. Nói ra thì xấu; bỏ đi thì không lấy gì làm rãnh cho kế loạn tặc. Cho nên thay đổi tội vẫn sử cũ chép là: Lấy Trần thi là thái hậu của triều Lý gả cho Thái sư Trần Thủ Độ.

Mười đồng, tháng 10, tôn cha là Thủ là Thủ làm Thương hoàng ở cung Phu Thiên, về bên ta phương Huế Kiều Khi nào nước có việc lớn thì ở trong đó mà quyết đoán; tôn mẹ là Lê thi làm Quốc Thành hoàng thái hậu (cố sách chép là Bảo Thánh quốc mẫu)

Dinh phép dung tiễn Ban chiêu cho dân gian tiêu dung tiễn "tinh bách", mỗi tiễn 60 đồng, nộp vào nhà nước thì mỗi tiễn 70 đồng

Tuyên thuế nư trong thiên hạ súng làm cung nhân .

Sai Phụ quốc Thủ phó <5b> Phùng Tá Chu là quyền tri châu phủ Nghệ An, được phép ban tước phẩm cho người từ là chức Xã nhân trả xuồng, rồi sau và triều tau lên

Sứ thần Ngũ Sí Liên bùn: Trao tước cho người ta là quyền của thiên tử, không phải là việc mà người làm tội được dù. Phùng Tá Chu là bê tội cũ của triều Lý, không phải là việc ra biển giới làm lợi cho nhà nước và giữ nhân dân có thể cho chuyên quyền mà lại cho chuyên quyền, thế thì người cho và người được cho đều là sai cả. Bê tội nhà Trần người mà biết dao ấy phải chàng chi có Hung Dao Vương! Thanh Tông thấy Hung Dao vương là người có công lớn cho phép được tu chuyên phong tước cho người, nhưng Hung Dao chưa từng cho một người nào. Dương lục giác Hồ xâm lấn, người cầm quân chuyên chế, thu thoc của nhà giàu để cấp lương thực trong quân, mà cung chi cho làm già lang tướng, chứ không dam cho làm lang tướng thực

Sứ thần Nguyễn Nghiêm bùn: Ban tước cho người là mệnh lệnh của trên chư không phải người dưới được chuyên quyền. <6a> Hoặc trao tiết viet cho người giữ việc quân để chuyên chế ngoài bo cõi và trao cho người cầm quyền phong hầu bài tướng, cũng tuy tung người, chư không thể xem nhẹ mà trao được. Phùng Tá Chu kia là người tốt hay xấu chưa với biện luận, ngay như việc nhận chức tước của triều Lý mà lại dung trong triều đình nhà Trần, đổi mới thay lời không xấu hổ, xét tự cách làm người thì lại là tên Phung Dao ⁽¹⁾ đổi Ngũ Quy đầy. Kinh Thư nói

(1) Phùng Dao: Người thời Ngũ Quy (Trung Quốc) từng làm tướng thời Tần, Hán. Cho song không chư vĩ đến việc mài mài xưa bị người đối chế edict

Tước không ban đến người Dao đức xâu, huống chi là người làm hại Dao đức, mà có thể cho nó được quyền ban tước cho người hay sao? Có lẽ vì nhà Trần làm điều bất nghĩa mà được nước Đời với 8 quyền ngũ tri¹¹ phân nhiều sai lầm như thế.

Dinh Hợi, [Kiến Trung], năm thứ 3 [1227] (Tông Bảo Khanh năm thứ 3), thi Tam giao tử (những người nổi nghiệp các nhà Nho giáo, Dao giáo, Thánh giáo)

Ban chiếu phàm các giấy tờ, văn khế đều dung phép in ngón tay vào nửa tờ giấy

- Tuyên bố các điều khoản thế, theo việc cũ của triều Lý: Hàng năm vào ngày 4 tháng 4, vào lúc gà gáy, tế tướng và trâm quan đến ngoài cửa thành, mờ <6b> sáng vào triều. Vua ngự ở cửa Tả Lang điện Đại Minh, trâm quan mặc quân phục làm lễ lạy hai lạy rồi lui ra, tất cả đều dem dù dội ngựa xe ngựa đi theo hầu ra Cửu Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đông Cổ, họp nhau thề rồi uống máu. Quan Trung thư kiểm chinh đọc lời thề rằng: "Làm tôi tân trung, làm quan trong sạch. Ai trái thề này, thǎn minh giết chết". Đoc xong, quan tế tướng bắt đầu đóng cửa diểm duyết, trong trâm quan người nào vắng mặt thì phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy con trai con gái đến xem chắt ních, cho đó là việc tốt đẹp.

Mẫu Tý, [Kiến Trung], năm thứ 4 [1228] (Tông Thiếu Định năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, phong Khâm thiên vương Nhật Hiệu làm quân vương

Thang 2, thi lại viên, lấy những người trúng cách làm ba đậu (những hình thức di chuyển công văn gọi là ba đậu, những người trúng cách xung vào thuộc viên các sảnh viên).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liêu làm thái úy Xét định số định ở phủ Thanh Hoa. Theo lệ cũ hàng nam vào đậu mùa xuân, xã quan khai bao nhân khẩu gọi là quan số, đều theo số mà định. Ké rõ các hang tôn thất, ván quan thi là ván già, vũ quan thi là vũ già, quan theo hâu, quan nhân, tạp <7a> lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phu tịnh - phiêu bạt..., người có quan tước, con cháu được thừa âm mới được vào làm quan, những người già có khoẻ mạnh mà không có quan tước thi dời dời làm lính.

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Gia phong giác ở Bắc Giang là Nguyễn Nôn làm Hoài Dao Hiếu Vũ vương. Xưa kia Đoàn Thương chiếm cứ huyện Đường Hán, Châu Hồng, dập luỹ ở An Nhơn, dùng dân binh các ấp xung quanh để giữ, Nguyễn Nôn đem quân đến đánh, đánh nhau ở Đông Dao, Thương bị bại trận rồi chết. Nôn nhân đó chiếm giữ luôn quân của Thương, cướp cả con trai, con gái, của cải, trâu ngựa ở Châu Hồng. Con của Thương là Văn đem gia

11. Tám quyền ngũ tri là: Tước, lộc, dư, tri, kinh, đoạt, phè, giết.

a/ Tước: Ngũ tri người sống

b/ Lộc: Ngũ tri người giàu

c/ Dư: Ngũ tri người may mắn được minh yêu

d/ Tri: Ngũ tri người kiêm nghiệp

e/ Kinh: Ngũ tri kẻ nghen dõi

f/ Đoạt: Phè tri người có tài

g/ Phè: Phè tri người có tài

h/ Giết: Giết để ngũ tri người có tài

thuộc dến hàng, thanh thê của Nôn lừng lẫy. Thủ Độ rất lo, chia quân chống giữ. Lại sai sứ mang thư dến mừng, gia phong làm Hoài Đạo Hiếu Vũ vương, mang công chúa Ngoan Thiêm gả cho Nôn, để dò la tin tức. Nôn chia nhà trường cho công chúa ở riêng, vì thế công chúa không hề biết tin tức gì.

Sứ thần Nguyễn Nghiêm bàn: Quá lầm thay! Trần Thủ Độ không có mưu lược gì cho nước. Trước đây, <7b> Nguyễn Nôn và Đoàn Thương chia nhau chiếm cứ trong huyện, Thủ Độ chịu trách nhiệm chuyên chính mà có thành tích, không khỏi phải cát dát chia cho Nguyễn Nôn và Đoàn Thương để che dấu tội của mình là cầm quân không được công trạng gì. Đến khi Nôn đã giết Thương, thanh thê của Nôn to quá, kinh ngạc, hoang mang không biết làm thế nào được, do vậy sai sứ sách phong, đưa thư chúc mừng, thế nước nhục nhã đến mức phải đem công chúa gả cho nó để dò la tin tức, mà có được việc gì! Người dung bình giỏi, vốn cũng đã có người dung việc dò la để xét tính hình địch, há lại không có người nào có thể sai được, ha tất phải như vậy để tự làm nhục mình, đến nỗi nó phải chia nhà cho ở chỗ khác, tin tức không thông, thì kế hoạch cũng đã cùng rỗi đấy. Ngan ngữ có câu: "Không có người quản tử có thể tri nước được chăng?" Thủ Độ chỉ là một kẻ vú phu không đáng trách lắm. Dương thời những người mưu nước cũng không có một lời nói dến là tại sao?

<8a> **Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn:** Người không có vết thi sau mới có thể công kích người khác. Nhờ Trần bị tai đẻ ăn trộm chuông, lo đau đớn, sợ người ta bàn luân về mình. Lúc bấy giờ nhà nước mới lập căn bản chưa vững, giặc Man ở miền núi tu lập thành bầy, tuy đã lẩn lượt diệt trừ đi, nhưng Nôn, Thương còn mạnh, đến nay Nguyễn Nôn đã thôn tính được quân của Đoàn Thương, có vẻ không thể chống cự được, biết đâu nó không đặt lời là nhà. Trần cướp ngôi nhà Lý để kích động những người hào kiệt, du dở dân trác ho. Thủ Độ dùng số quân chưa một da theo mình mà đánh quân giặc đang mạnh. Biết là thế chưa thể thông được cho nên trước hay làm việc vồ vè để đợi thời cơ. Có lẽ bất đắc dĩ, nhưng đưa thư mừng và phong hiệu đẹp. Công nhuên dài dãi như người ngang hàng thì mất thể thông và tốn hai dến uy danh đây. Còn như đem công chúa gả cho, nhưng không hề biết rằng: nó dường như con hổ mạnh, con diều dường cánh, dường ngang nhiên tu đắc, coi như có vẻ tôn quý, mọi người đều là thân thiết của nó, thi không phải là một người con gái có thể ràng buộc được, huống lại dò xem khi đông, khi tĩnh và thế mạnh yếu của nó hay sao! Chỉ là đem mà vứt bỏ cho bọn địch mà thôi. Sau này lại mang Thiên Tư công chúa gả cho Thoát Hoan để mong được thoát nạn, thế mà quân Mông Cổ vẫn ngày càng keo dzeń, há không bi bọn giặc gian hoạt cười cho sao!

Kỳ Sửu [Kiến Trung], năm thứ 5 [1229] (Tống Thiệu Định năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, có nhật thực.

Nguyễn Nôn chết. Trước kia Nôn đã kiểm tinh được quân của Đoàn Thương, tư xưng là Đại Tháng Vương, ăn chơi không điều độ. Song cũng tự biết thế hai bên không thể cung ứng vững được, định dến thang 10 vào châu, đến khi ấy bệnh nặng, vua sai nội nhàn dến hỏi thăm. Nôn cõi gương ăn cơm, phi ngựa để té ra mình còn khoẻ, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôi ngầm phóng ngựa chạy trốn, không biết

đi đâu Ma Lôi là người Chiêm Thành, sang buôn bán ở Ai Lao. Nón đem vè làm nô lệ Ma Lôi biết tình thế địch đã chiến thắng, giỏi dùng binh. Nón đã chết thiêu hả được thông nhất.

Sai sứ sang thăm nước Tống, Tống phong vua làm An Nam quốc vương

<9a> Cảnh Dần, [Kiến Trung] năm thứ 6 [1230] (Tống Thiệu Đinh nam thứ 3), mùa xuân, tháng 3, san định sách Quốc triều thống chế, khảo định các lệ triều trước mà làm ra. Và sửa đổi hình luật lỗ nghi, gồm 20 quyển.

Quy định phép sai dịch cho người bị tội đồ? Người tội vừa thi đỗ làm cáo điện hoành, thích vào mặt 6 chữ, cho ở xã thu thóc 300 thang; Người đồ làm lao thành ⁽¹⁾ binh thì phải thích vào cổ 4 chữ, phải làm cổ ở Phượng thành, thành Thăng Long, lệ thuộc vào quân Tứ Sương ⁽²⁾.

Định các phường vè hai bên tả hữu kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc ⁽³⁾.

Đổi ty phủ lộ, đặt 1 viên An phủ phó sứ.

Xây dát thêm bốn cửa thành ở phía ngoài thành Đại la, quân Tứ Sương thay phiên nhau canh giữ. Trong thành dựng cung điện lâu các và nhà lang ở phía đông và phía tây, bên tả là cung Thánh Tử (nơi Thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quang Triều (nơi vua ở).

Ban chiếu phép công việc của quốc triều làm bộ sách Quốc triều thường lỗ 10 quyển

Mùa thu, tháng 7, định lệ bắt hỏi người kiện tung ban chiếu rằng: phàm người coi ngục đi đòi người kiện tung cho lấy tiền cước lực ⁽⁴⁾ tùy theo từng quãng đường <9b> gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thành Hoàng thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ Hoàng thái hậu.

Tân Mão [Kiến Trung] năm thứ 7 <1231> (Tống Thiệu Đinh nam thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, sai hoạn quan là Nội minh tư. Nguyễn Bang Cốc trông coi các binh nữ đương phủ (Đương phủ là phủ của người ày trông coi, binh nữ cũng như là binh tướng). Nạo vét các kênh Trâm Hảo ⁽⁵⁾ từ phủ Thanh Hoá đến Châu Diên. Việc xong thang Bang Cốc làm Phụ quốc thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Túc Mắc làm lỗ triều hướng ở tiên miếu, ban yến cho các bô lão trong hương, và cho lụa theo thứ bậc khác nhau.

Ban chiếu các đình trạm đều tò tượng Phật để thờ. Trước kia tục nước ta vì nắng nóng nên phải làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, trát vách bằng vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi thường nghỉ ở đó, một hôm có một nhâ

1. Lao thành: Túc La Thành.

2. Quân Tứ Sương: Quân đội chia đồng ở 4 cửa thành

3. Ty Bình bạc: Chức kinh doanh, xét đoán việc kiện tung ở kinh đô Thăng Long

4. Tiền cước lực: Tiền dù đường.

5. CMCB: 6, chư là tên hai con kênh thuộc huyện Ngọc Sơn Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

sư bảo rằng: "Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý". Nói xong không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay Thương hoàng bão trong nước phàm chỗ nào có đình trạm đều phải tọa tượng Phật để thờ.

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh đời Lý Thái Tổ nho <10a> Lý nhà Trần là mảnh mộng của việc sung Phát dây Ké ra, người có tri thức phàm mọi việc đều biết trước, có gì đang chờ là la dâu.

Nhâm Thìn [Kiến Trung] năm thứ 8, từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1 [1232] (Tông Thiệu Đinh năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu định triều nghi, phong em là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương (xưa kia Thương hoàng còn hàn vi, lây người con gai, quê ở Bà Liệt, huyện Tây Chân, đã có thai mà bị (Thương hoàng) bỎ. Khi sinh ra Bà Liệt, Thương hoàng không nhận, khi lớn lên mặt mũi khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin vào đồi đánh vật thường. Một hôm Bà Liệt cùng người trong đội đánh cầu, bị người kia bóp hông gần ngạt thở, Thương hoàng hét to lên "con ta đây". Tuy không gọi là con mà gọi là Bà Liệt, nhân thế có mènh này).

Tháng 2, thi thái học sinh Cho Trương Hanh, Lưu Diêm dỗ dê nhất giáp, Đặng Diên, Trịnh Pháu dỗ dê nhì giáp, Trần Chu Phổ dỗ dê tam giáp theo từng bậc.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Phép khoa sứ của nước ta chia ra giáp dê bắt đầu từ đây, nhưng số năm chưa định, phép thi chưa rõ ràng, có lẽ khi mới bắt đầu thi như thế. Về sau này mới định ra kỳ hạn 7 năm chọn dù tam khởi¹, điều lệ khoa thi ngày thêm cẩn, mặt lệ ban án ngày càng long trọng <10b>. Các bậc công khanh cũng tư dỗ ma ra, nhân tài nương nautop. So với triều Lý về trước thi đây là thịnh nhất, ha không có căn bản của nó hay sao?

Mùa hè, tháng 5², ban bố tên huy của cả nước và tên huý của các miếu. Vì nguyên tố huý là Lý mới đổi triều Lý làm triều Nguyên và để cát dứt lòng mong nhớ của nhân dân đối với nhà Lý.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Lý sinh ra Thủa, Thủa sinh ra Cảnh túc là vua Thái Tông. Vậy Lý là ông của vua Thái Tông. Đầu tiên làm vua thì tôn cha là thương hoàng ma ông lại không truy tôn làm hoàng đế chỉ gọi là vương, đến bấy giờ đã 8 năm, lệ truy tôn vẫn còn thiếu sót. Đến cuối năm Long Hưng đời Anh Tông đã hơn 80 năm mới làm được cung muộn lâm rồi. Lệ nghi và thường lệ biên dịch ra quả là làm được việc gi cảng thay được vua tối triều nhà Trần không hiểu gì về lệ. Đại khai là như vậy.

<11a> Mùa thu, tháng 7, đổi hiệu là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1.

Tháng 8, gió bão, dân gian bị bệnh dịch, nhiều người chết. Mùa đông, giết hết tàn thây nhà Lý. Khi ấy Trần Thủ Độ chuyên chính đã lâu, sau khi Huệ Tông bị giết, tàn thây nhà Lý nhiều người bùi ngùi thất vọng. Đến khi ấy những người họ Lý làm lệ cùng các vua Lý ở thái đường thuộc xã Hoa Lâm, Thủ Độ ngâm đào hố sâu rồi làm nhà lén

1. Tam khởi: Trang nguyên, Bàng nhân, Thám hoa.

2. DVSKTU chép là tháng 6.

trên đai khi mọi người uống rượu say, giật máy tất cả đều bị chôn sống.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Thủ Độ là người bày mưu cho nhà Trần, không việc gì là không làm. Huệ Tông còn bị giết thi còn nghi gi đến ho Lý nữa. Sí Liên cho là Phu Tiên không chép chưa chắc đã có việc ấy. Lại lấy việc vào thời Anh Tông, còn có tướng người ho Lý làm chứng. Kể ra Phu Tiên không chép có lẽ là nhà viết sử chí chép dai khai dấy thôi. Những người tôn thất nhà Lý không may vùi dưới hố sâu, nòi giống còn sót lại có lẽ chưa hết dấy, còn ngờ gì nữa? Sử cũ chia dòng chú thích <11b> biện luận, là muốn giảm bớt tội ác của Thủ Độ chẳng?

Quý Ty, Thiên Ưng Chính Bình năm thứ 2 [1233] (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn ở phủ Nghệ An.

Hoàng thái tử là Trịnh mất. (Xét chép sử, Hoàng thái tử sinh đều phải chép rõ năm tháng ngày, khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất. Có lẽ là mới sinh bị chết ngay cho nên lược bỏ).

Nước to.

Giáp Ngọ [Thiên Ưng Chính Bình], năm thứ 3 [1234] (Tống Doan Bình năm thứ 1), mùa xuân tháng giêng, Thượng hoàng băng ở cung Phong Thiên⁽¹⁾, thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, tang ở Tho Lãng, phủ Long Hưng (làng ở hương Tinh Cương⁽²⁾ - Chiêu Lãng, Dụ Lãng, Đức Lãng, 3 làng⁽³⁾ đều ở hương ấy), miếu hiêu là Huy Tông, tên thụy là Khai vận lập cực hoàng nhân ứng đạo thân chân chi đức thân vũ thánh văn thùy dụ chi hiếu hoàng đế.

Cho Thái úy Trần Liễu làm phụ chính, sách phong làm hiến hoàng

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: Thái Tông đối với anh là Liễu có ý muốn tôn trọng khác người, cho nên làm việc sai trái ấy. Sách phong làm hiến hoàng thì danh phận không chính đáng, xét ra danh mà không chính thì nói không thuận <12a>, nói không thuận thì việc không thành. Liễu mạnh tâm làm loạn, chưa chắc đã không phải dấy mà ra.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Ngôi tôn thi không có hai người, đó là lẽ của trời đất, Thái Tông trong người anh đến nỗi sách phong là hoàng không biết lẽ nghi khi triều hội; hình thức của biểu dương quả là không có gì trớ ngai cháng? Kỳ cương vua tôi không đúng, đạo đức chóng vơ có nhiều điều hổ then, có lẽ không thể kể hết vết xâu được.

Phong Trần Thủ Độ làm Thông quốc thái sư, trông coi việc ở phủ Thanh Hoá Gia phong Thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân vương, quan nội hâu Phạm Kính Ân làm thái phó, phong tước Bảo Trung quan nội hâu

1. ĐTSKTT chép là cung Phụ Thiên

2. Hương Tinh Cương: Nay là huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Bình.

3. Chiêu Lãng: Làng của Trần Thái Tông.

Dụ Lãng: Làng của Trần Thánh Tông.

Đức Lãng: Làng của Trần Nhân Tông.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Xét sự chep Phung Tá Chu và Phạm Kính Án đều ghi dùi chức quan <12b> cùng hàng với các bậc danh nhân, như thế không phải là khen mà làm cho xấu hổ đây. Hai gã họ Phung, họ Phạm là bè tôi cũ của triều Lý, một mai đổi vua mà không hề áy náy trong lòng. Bản nature tham vinh, can tâm làm chó săn. Như bọn người đó nên phán biệt mà ruồng bỏ di khiếu cho chúng không được dí vào hàng với các quan trong triều mới đúng. Đến nay thì kẻ lớn được phong vương, kẻ nhỏ phong hầu trước sau được hiển vinh dái ngô hết mức. Không biết nhà Trần khen gi ở hai người áy và hai người áy vẫn mặc nhiên mà nhận, sao mà không hổ then? Tất chep dùi quan chức của họ là làm cho nhục đấy.

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: Tá Chu có lẽ là thân thuộc gần của họ ngoại nhà Trần được sự thân tin. Xem buổi đầu đời Huệ Tông, nó được sai đi dòm các ngư nữ. Tư Khanh sai Tá Chu đưa đi, có thể biết họ được nhận quan chức của triều Lý. Có lẽ đây là vì họ là thân đảng của nhà Trần <13a> cùng một phương với Trung Tu, Tư Khanh. Nhà Lý mất, nhà Trần lên vốn là điều mong muốn của bọn họ. Há có thể lấy lẽ nghĩa mà trách thằng Đao Chich¹⁾ được sao? Thái Tông trước sau yêu quý, ái lè hơn người khác. Có lẽ để trả công lao sai khiếu và tôn phò mà thôi. Kinh Án cũng vậy.

Át Mùi, [Thiên Ung Chính Bình] năm thứ 4 [1235] (Tống Đoan Bình năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, sét đánh trong thành 30 chõ.

Đại xá cho thiên hạ

Bình Thân, [Thiên Ung Chính Bình] năm thứ 5 [1236] (Tống Đoan Bình năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, định lê cấp lương bổng cho các quan vân vố trong ngoài và các quan ở trong cung điện lang miêu, chia tiền thuế theo thứ tự cấp bậc.

Sử thần Ngô Thị Sĩ bàn: Đặt quan để trông coi công việc tất là phải có bổng lộc để nuôi, sau đó mới doi hỏi phải liêm khuêt. Ở đây đã định bổng cấp cho trăm quan. Đến năm thứ 13, lại định bổng lộc cho trăm quan và các quan túc vệ. Bàn luận về chế độ bổng lộc, riêng nó rất rõ ràng, chính sự nhà Trần <13b> chỉ có điều này đúng hơn cả, rất đáng khen díy.

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần gồm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là thái sư, thái phó, thái úy hoặc là tư đồ từ huu tướng quốc đều kiêm trao chức kiêm hiệu đặc tiên nghi đồng tam ty, bình chương sự.

Mùa hè, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lê Thiên.

Khi đó Hiển hoàng Liêu trong coi công việc ở cung Thánh Tử, nhân nước to đi thuyền vào hâu, thây bà phi cũ của nhà Lý, liền bức hiếp ở cung Lê Thiên. Định thần tàu hạch, dõi cung ấy là cung Thường Xuân, giáng Hiển hoàng làm Hoài vương (cung Thánh Tử ở bên ta trong Phương Thành).

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Khi hoà thuận dân đến điều tốt; khi ngang trai sẽ dân đến điều xấu. Dao trời không xa, lời khiếu trách không phải là sai. Nhà

1) Đao chich là tên trùm cướp nổi tiếng thời Xuân Thu ở Trung Quốc. Sau từ "đao chich" được dùng để chỉ tên trùm cướp.

Trần vì dám loạn mà được nước cho nên trời lùi để cảnh cáo họ, đến nỗi làm vua cung Lê Thiên, tai họa cũng nặng lắm đây. Vua tôi trong thời ấy không nghe có sự thực sợ hãi mà tự xét lỗi mình để sửa đổi <14a>. Đến nỗi có người nhận khi nước lớn, bức hiếp cung nữ, lại lấy chữ Thương Xuân đặt tên cung, về sự khinh nhòn hả chàng quá lầm sao? Không dãy vài năm sau Thương Xuân cũng bị vỡ, trời chỉ bảo cho người cũng rõ ràng đấy. Nhà Trần lại coi thường mà không tinh ngó là tại sao?

Mùa thu, tháng 7, chọn những nho sinh thi đỗ vào chầu, sau định làm lệ thường.

Mùa đông, tháng 10, cho con em quan văn và quan hầu vua vào học; lấy Phạm Ung Thân làm thương thư tri Quốc tử viễn đê diệu.

Gia phong Hưng Nhân vương Phùng Tá Chu làm đại vương, quan nội hâu Phạm Kinh Ân làm thái úy, ban cho áo mũ dai vương.

Dinh Dậu [Thiên Ưng Chính Bình] năm thứ 6 [1237] (Tổng Gia Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, ban chiếu định phép in tay vào giấy tờ (gồm các chúc thư, văn khế v.v. ruộng đất, hoặc những thư khế vay mượn thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau).

Lấy Thuận Thiên công chúa Lý thi, vợ của anh là Hoài vương Liêu lập làm Thuân Thiên hoàng hậu, giáng Chiêu Thánh làm công chúa. Khi đó Chiêu <14b> Thánh không có con mà Thuân Thiên thì đã có thai 3 tháng (sau sinh ra Quốc Khang) Trần Thủ Độ và Thiên Cực công chúa mệt mưu với vua cho là nên mạo nhận lấy để nhờ sau này, cho nên mới lấy về. Liêu phẫn nộ họp quân ngoài sông lớn làm loạn. Vua trong lòng không yên, đêm ra khỏi thành đến ở nhà Kinh Văn quốc sư (quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử. Ngày hôm sau, Thủ Độ đem các quan đến dón vua về kinh sư. Vua nói: "Trẫm còn ít tuổi, chưa kham nổi công việc nặng nề, vua cha đã vội lia bỏ, sớm mất chỗ nhởnдр, không dám ở ngôi vua để làm nhục xâ tác". Thủ Độ cố nài xin, vua vẫn không nghe. Thủ Độ bèn bảo với moi người rằng: "Nhà vua ở đâu tức là triều đình ở đó". Bèn cắm nêu trong núi, bắt chước các tên như điện Thiên An, các Đoan Minh, sai thợ xây dựng. Quốc sư nghe thấy vội bèn xin vua rằng: "Bệ hạ nên gấp trở về, đừng để làm nát núi rừng của đệ tử", vua mới chịu về kinh. Được 2 tuần Liêu tư biết mình thế cô mới ngâm đi thuyền độc mộc giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng. Lúc đó, vua ở trong thuyền lớn, hai người <15a> nhìn nhau khóc. Thủ Độ nghe tin đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét lớn: "Giết giặc Liêu". Vua vội vàng giấu Liêu trong thuyền rồi bảo Thủ Độ rằng: "Phụng Càn Vương (Phung Càn là hiệu của Liêu ở thời Lý) đến hàng rồi đấy, đoạn lây thân mình che cho Liêu. Thủ Độ tức lắm, quẳng gươm xuống sông nói: Thủ Độ này chỉ là con chó săn thôi, biết đâu được sự thuận nghịch trong anh em nhà vua". Vua giải hoà rồi bảo Thủ Độ mang quân về. Lấy đất các địa phương Yên Phụ, Yên Đường, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang cho Liêu làm đất thang mộc; lấy tên đất phong cho Liêu làm An Sinh vương; giết hết những binh lính theo An Sinh vương làm loạn ở công lớn (theo Ngoại truyện: Giờ Tý ngày rằm, tháng 4 năm Bình Thành, Thái Tông cùng 7 cận thần bơi qua sông Bàn Than đến chùa Hoa Yên núi Yên Tử gặp Trúc Lâm Thiền sư muôn xin được trú trì ở đó, không bao lâu, Thủ Độ cùng quân thân đến tiếp rước nhà vua. Nhà vua hỏi Thiền sư, Thiền sư trả lời rằng: "Kể ra người làm vua thì phải lấy lòng dân làm lòng mình, ý muốn của dân làm ý muốn của mình. Nay dân tình như thế xin xe

vua hãy tam trở về, những việc kê cứu về nội điển thì nên chờ quên tu tâm luyện tính. Sau này hoàng tử khôn lớn, có thể nhường được ngôi thì lúc đó hãy vào núi tu luyện cũng được". Vua cho lời nói đó là phải mới trả về kinh. Sau này khi nhường ngôi cho Thành Tông, vua mới hơn 40 tuổi đã có ý chán trần tục muốn tu luyện. Cho nên các vua triều Trần đều noi theo <15b> việc cũ. Có lẽ đó là hiểu được cái bí quyết của Trúc Lâm⁽¹⁾. Nhà Trần sùng Phật, trong tăng cũng bắt đầu từ đó. Vì vậy chép cả vào "Trúc Lâm" sử lai chép là "phù vân" chưa rõ ni đúng).

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: Dao "tam cương ngũ thường" là luân lý của loài người. Thái Tông là vua mờ co nghiệp, dâng lê phải dung khuôn phép để lại cho đời sau, nhưng lại nghe mitu tà gian của Thủ Đô, cướp vợ anh lập làm hoàng hậu làm bại hoại luân thường đạo lý, chẳng phải dám ra môi đám loạn đó sao? Liêu vi thế mà sinh hiềm khích mới dám làm loạn, đó là do Thái Tông dã nuôi lên tội ác cho Liêu vậy. Chưa giết anh vì lẽ trời chưa diệt hán thời, sao lại gọi là nhân dược? Sau này Trần Du Tông dám loạn⁽¹⁾ vỗ lè chưa hẳn không do Thái Tông khai ra vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Vua Thái Tông mạo nhận con anh làm con mình, sau này Du Tông và Hiền Tú⁽²⁾ đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc vương đến nỗi co nghiệp nhà Trần suýt bị dở, nguyên nhân của nó <16a> há chẳng phải từ đó sao?

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Thái Tông và Chiêu Thánh khi đó mới 20 tuổi, họ chưa có con cũng chưa phải là muộn Thủ Đô và Thiên Cực đã một mục lập muu để nhờ cây vê sau dến nỗi cướp vợ của anh là tại sao vậy? Thiên Cực đã được quyền làm hoàng hậu trong nước để diu dát người thân thuộc của riêng mình, làm dở co nghiệp nhà Lý, gây dựng co nghiệp nhà Trần, đều là việc do mình tu làm. Còn con gọi là Chiêu Thành tuy làm hoàng hậu nhưng chưa có con, nhô ra trong cung, người khác sinh hoang từ Thai Tông một nai mất đi, rồi lại có người noi theo việc làm của mình rủ rem nghe chính sự, lại đem nước trao cho người thân thì sẽ xử trí thế nào? Cho nên phải tam nương cai thai trong bụng Thuận Thiên chưa đoán được là con trai hay con gái để mà dự phòng. Việc xảy ra ngoài ý nghĩ. Thuận Thiên nếu sinh con trai sẽ làm thiên tử tôn quý cũng là cháu của Thái Tông, còn nếu con gái thi gương của Chiêu Hoàng còn dấy há lại không <16h> chọn một người thân thuộc như Thai Tông sao? Khiên lấy rồi nhường ngôi cho có thể nói chuyện này chuyện khác thi ngôi vua đó vẫn là ngôi báu của nhà Trần. Hay hai người ấy bày mưu cho nhà Trần chẳng cũng khổ tâm nhưng cũng là ngu dại. Trời thì khó tin, mệnh lai không thương, có thể lấy óng sảy mà nhòm thấy được sự xoay vần của tạo hoá nhưng tất không thể vượt khỏi mồi lo của mình, làm việc sao lại loạn luân nghịch lý ấy khiên cho không ai dám chỉ như bài thơ "Nhuê đồng"⁽³⁾ không ai dám nói được

1. Chỉ việc Du Tông thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh

2. Thiên Tú CM chép là Huệ Tú

3. Bài thơ "Nhuê đồng" là bài thơ trong thiền "Đông phong" (Kinh Phật) che Võ Văn Công là người dâm, nhưng nghe đọc trong nước không ai thêm dám xia đến.

như bài thơ "Tương hữu tư"⁽¹⁾. Các loại án dân loạn thường thấy ở buổi đầu khi được nước. Không dạy con cháu giữ đức hạnh trong thơ "Hán Quang"⁽²⁾ đưa quốc dân vào phong tục dâm bôn của nước Tề nước Vệ thì do bản không thể rửa được. Tại đó quy về ai? Thái Tông há lại tối tăm, ương ngạnh, đến mức nghe người ta vun vào cho, để tự làm vào tội ác và cả đến cái loạn ở ngoài sông lớn. Việc dung đến thi xấu hổ hối hận, rồi vội vàng thay áo toan án náu nơi rừng thiền. Liệu biết rằng Thuận Thiên cũng cam tâm để người ta cướp, nhưng không muốn để người khác biết mình là người vợ <17a> thất tiết. Liệu di thuyền độc mộc đến hàng cũng là cách giải quyết cuối cùng. Thái Tông dâm loạn với Thuận Thiên, thì Phu Trần cũng dâm loạn với Chiêu Thánh. Minh cướp vợ anh, người khác lại cướp vợ mình. Tuy là tự mình đem đến nhưng cũng là trời làm cho tối tăm thân, khiến cho làm những điều ngông cuồng đến mức ấy mới thôi, kể cũng khéo dãy!

Quần thần dâng tôn hiệu là Thống Thiên ngự cực, long công hậu đức, hiến công hưu thuẫn, thánh văn thần vũ, hiếu nguyên hoàng đế.

Tháng 2, di chuyển dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu gọi là điện Phong Thuỷ (từ đây về sau mỗi khi xe ngựa vua di chơi đều nghỉ ở đó, trăm quan đưa đón đều dâng cau và trà, cho nên tục gọi là Điện Trà).

Mùa hạ, tháng 5, ngày tiết Đoan ngọ, làm lễ viếng Khuất Nguyên và những người giỏi xưa kia như Giới Tử Thôi. Từ đó hàng năm lấy làm lệ thường.

Mậu Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 7 [1238] (Tống Gia Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc thái sư là Trần Thủ Độ duyệt định sổ định phủ Thanh Hoá <17b>.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Kiến Trung năm thứ 4, đã duyệt sổ định ở Thanh Hoá, đến khi dấy lại sai Trần Thủ Độ làm việc này, ngoài ra chỉ sai Phùng Tá Chu một lần duyệt các ấp có tiếng ở phủ Nghệ An. Số dân định ở các lô khác mãi đến năm thứ 20 mới làm, chỉ có riêng phủ Thanh Hoá làm trước và làm kỹ. Lại lấy các bắc trong thần trông coi việc đó. Hoặc già sau khi kế tiếp nhà Lý, sự kinh lý tiết chế của Thanh Hoá, Nghệ An còn sơ lược, đến bấy giờ mới một phen chỉnh đốn lại không thể không làm cẩn thận như thế chăng?

Mùa thu, tháng 7, nước to vỡ vào cung Thường Xuân.

Tháng 8, định ra chế độ thuyền xe của vương hầu, công chúa, vân, võ quần thần và tôn thất.

Kỷ Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 8 [1239] (Tống Gia Hy năm thứ 3).

Mùa xuân, tháng giêng, lại trao cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội thái phó, dân dọc xây dựng cung điện ở làng Túc Mạc.

Tháng 2, thi Thái học sinh

1. Bài thơ "Tương hữu tư" trong Kinh Thi chế vua Vệ Tuyên Khương dâm loạn.

2. Thơ "Hán Quang" trong Kinh Thi nói về đức hoà của Văn Vương, khắp vùng Giang Hán con gái dù rong chơi không phạm lỗi nghĩa.

Cho Lưu Miên, Vương <18a> Giáp dô đê nhất giap, cho Ngõ Khắc dô đê nhì giap.
cho Vương Thế Lộc dô đê tam giap

Thang 3, chọn dân định người khoẻ mạnh làm lính, định ra 3 bắc thương, trung, hạ
Mùa thu, thang 8, người nổi loạn là Kiều Hiền giết.

Canh Ty, [Thiên Uyng Chính Bình] năm thứ 9 [1240] (Tống Gia Hy năm thứ 4), mùa
xuân, thang giêng, sai Phung Tả Chu xây dựng hành cung ở phủ Thanh Hoá, gồm 5 nơi.

Mùa thu, thang 7, gió bão, mưa to, động đất.

Tháng 9, sinh hoàng tử là Hoàng, lập làm Đông Cung Hoàng thái tử. Dai xá cho
thiên hạ

Mùa đông, thang 10, sai Thi thân là Bùi Khâm đi xử lý công việc ở biên giới. Khi
do thủ thân ở Lang Giang chạy trạm tàu về việc trong hat ấy bị người Phương Bắc đến
cướp bóc của cải của dân cho nên mới sai Khâm đi xử lý.

Tân Sửu, [Thiên Uyng Chính Bình], năm thứ 10 [1241] (Tống Thuần Hưu năm thứ
11), mùa xuân, thang 2, chọn những người có võ nghệ và sức khoẻ sang làm quản thương
đô túc vệ.

Mùa hè, thang 4, han, núi cao nơi bị bị lở, đất ở chợ Dừa⁽¹⁾ nứt toác ra.

Mùa thu, <18b> thang 8, nước to.

Thang 9, ban chiếu cho các ty xứ kiêm được lấy tiền bình bạc (bình tức là xét xử, là
cho lấy tiền để xử kiêm)

Mùa đông, thang 10, giặc Man ở phía bắc cướp phá biên giới, và sai đốc tướng Phạm
Kinh Ân di đánh, lây lai được các Man đồng rồi trả về.

Hoàng tử thứ 3 là Quang Khai sinh (Quang Khai và Thái tử Hoàng đều do Thuần
Thiên sinh ra, Thuần Thiên lấy Hoài Vương Liêu sinh được An Thành Vương. Khi có thai
Quốc Khang 3 tháng, Thái Tông lấy về, sau cùng với Quốc Khang đều được phong dai
vương, rồi đến Nhật Vinh, Ich Tac, Nhật Duật, đều được phong vương; các con thứ nữa
thì phong thường vi hâu, con trưởng của các vương thì phong vương; các con thứ thi
phong thường vi hâu, mài mai làm chẽ dô nhất định)

Vua thân di tuân ở biên giới vào đất Tống. Di qua các trại Vinh An, Vĩnh Bình rồi
di qua các Châu Khâm, Châu Liêm, đều tự xưng là Trai lang, bỏ thuyền lớn ở trong cối,
chỉ di bằng những thuyền nhỏ như loại kim phương, nhật quang, nguyệt quang. Người
châu ấy không biết đó là vua, đều kinh ngạc bỏ chạy, khi phát hiện ra thì lấy dây sắt
khoa ở giữa dòng sông để chặn đường thuỷ. Vua trả về, phải sai nhổ mây chúc neo sáat
đem về.

Sứ thân Ngõ Thị Sí bàn: Thái Tông di lán này thật quá cõng bãy, có lẽ
tuổi con tré <18a>, khi huyết chưa ổn định, đã sinh cái nhuệ tri của mình, muốn
lèm nui sóng của nỗi dia Tống, cho là người Tống không lán gi được ta, rót cuộc

⁽¹⁾ CMCH chép là "đất ở phương Chính Quang ngoài kinh thành bị rạn tách ra". Phương Chính Quang là có Ô
Chợ Dừa. Nay có tên là Ô Chợ Dừa thuộc quận Đồng Da nội thành Hà Nội.

mặc quần áo thường dân di chơi xuyt bị Dư Thủ làm khôn,¹¹ vua thoát được mieng hùm là may dãy, Thủ Độ giữ việc nước lo phòng cho Thái Tông, không việc gì la không đến nơi đến chốn, thê mà lại không ngăn được chuyên di này, còn trách gì được người khác.

Phùng Tá Chu mất (Phùng Tá Chu là bệ tôte cũ của nhà Lý), vua dài rất có ơn có lè. Sau khi chết lại trao cho cha của Tá Chu là Tá Thang chức tá nhai tước Tân Lang. Tá nhai là phẩm cao nhất của tang đạo, ban cho Tá Thang, có lè là ưu dài ấy.

Nhâm Dần, [Thiên Ưng Chính Bình], năm thứ 11 [1242] (Tống Thuần Hưu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, quy định trong nước thành 12 lộ, đặt chức an phủ, chức trấn phủ, 2 viên chánh và phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức dai, tiểu tư xã, từ ngũ phẩm trở lên là dai tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã, hoặc có người kiêm 2, 3, 4 xã, cùng với xã chính, xã sứ, xã giám, làm xã quan, làm số hộ khẩu. Con trai lớn, <19b> gọi là đại hoàng nam, nhó gọi là tiểu hoàng nam; 60 tuổi gọi là lão; già lám thì gọi là long lão. Những nhân đinh có ruộng có đất thì nộp tiền thóc. Có 1.2 mẫu thì nộp một quan tiền, có 3,4 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng thì 1 mẫu 100 thăng thóc, người không có ruộng thì miễn cả xét theo Trần Cương Trung nhà Nguyên có tập "Trần cõi sú sao" nói rằng: thời nhà Trần thuế cau là nang nhất. Gỗ an tức thân dùng lấy nhựa và lá của nó mềm về thành viên nhỏ to vài tấc, hàng năm thu tôte đó, còn vàng bạc trong dân gian thì dù từng phân từng lang cũng phải nộp hết cho quan, có ai riêng taye thì bị tôte chết. Ở huyên đặt ra chức quan lớn, những thứ như cá, tôm, rau, quả đều phải nộp thuế, đều do viên quan lớn thu. Khi nhà Trần và nhà Nguyên đánh nhau, nhà Nguyên lại đặt chức đặt lõ hoa xích. Sau khi bái binh sứ già và thư thường đến, cho nên pháp chế nước ta hơi viết được dài lược. nhân đây tuỳ việc mà chép phụ vào để đề phòng khi tham khảo. Đạt lõ hoa xích là chức quan nhà Nguyên, theo tiếng Trung Hoa là giám quốc.

Sử thân Ngõ Thi Sì bàn: Có người hỏi triều nhà Trần đặt ra chức tư xã tất phải dùng quan trọng triều làm chức ấy, đời sau có thể phòng theo đó mà làm được không? Trả lời rằng: Chức cai mực của triều ta cũng giống như thế, nhưng thực chất của nó lại không giống nhau, người lấy tư quan về làm việc thi gọi là ché lộc dân; người lấy tư binh về làm việc thi <20a> gọi là khẩu phân dân cũng chỉ thu thuế ruộng thuế thân mà thôi, còn công việc sai dịch thi có quan phung sai; thuế lật vật thi có quan trưng phủ; việc kiện tung thi có quan cai khám, chức cai mực không du vào đó. Những dân đó nếu có người bị khổ vì sợ quấy nhiễu của quan tư khác, có đến ché cai mực khiếu tố thi cũng chẳng qua mắc họ than thở ngán chả làm gì được. Công việc của một làng, ông xã trưởng cũng không làm chủ được, cũng mặc cho dân tự chống đỡ mà thôi. Thời Thành Chu, ha si làm chức ly té: trung si làm chức lu té hoặc làm tán trưởng, thương si thi làm tộc bi sứ. Các chính sự trong làng đều do ménh quan làm chủ. Thời Han, các chức hương tam lão

11 Dư Thủ làm khôn. Bài phú của Trương Sung có câu: "Bach long ngi phục kiên khôn Dư Thủ". Xưa kia con bạch long sống nâu mình dưới vực trong, hoá thành con cá, bị người đánh cá bắt trúng mắt. Bạch long kiên trôi Khi xú kiên Dư Thủ cũng không bị tội. Đây ý nói xưa mặc áo giáp làm người thường dân di chui, nếu ai người làm gì thi họ cũng không có lỗi.

và định sắc phu còn có y cổ, dài sau xem thường chức xã quan, đều lấy bọn hèn hạ trong làng giữ chức ấy, ra khỏi làng thì bị nhục vê roi vót của quan phủ; vê nhà riêng thi bị khổ vê sự làng nhục của bọn hào cường.

Những người làm chức này cũng tự coi rẻ thân mình. Nếu có thể dựa vào dỗ làm kẻ gian, để mưu kiêm muêng ăn, là họ lừa dối bóc lột không cái gì là không làm, coi dân như kẻ thù không chỉ bọn tham quan ô lại mà từ tên xã trưởng cũng như vậy. Đó là chỗ khuyên cho dân ngày càng khôn cùng dãy. Trong năm Cảnh Trị triều ta, có đặt ra chức xã trưởng, quan huyện xét su trạng của họ mà dâng lên. Những người làm nổi trach nhiệm thì chọn giao cho họ chức quan, coi trong trách nhiệm của họ để khuyên khích họ, để họ làm chính sự một làng. Đó là phép tốt vì dân dãy. Vẽ sau lâu ngày bỏ cách nó, đến giữa năm Bảo Thái mới làm lại, cũng không làm được. Tôi trộm nghĩ: xã quan nên chọn những cử nhân liêm khiết, làm việc trong địa phương hoặc những quan viên đã nân hạn không nhân chức ra làm. Phản những việc kiện tung, giáo hoả, phong tục đều giao cho năm giữ, rồi cho lý chính tự lé thuộc vào để đề phòng khi giao thiệp sai khiến những điều xét công bố nhiệm, lẽ nêu khen dàn hặc thi nên thanh khảo lập ý pháp của triều Trần mà tuy <21a> thời đặt chức quan để người ta vui vẻ với công việc, rồi sau đó mới đòi hỏi cái công làm cho dân giàu, tục tốt. Đại khái dân có chỗ dựa thì kẻ làm phiền nhiễu cũng không dám tung hoành, kẻ diệu hoạt không được bao dung; nghề cày ruộng trồng đậu mới được yên ổn; tục kiện tung mới được thay đổi, sự đau khổ của dân mới ngõ hâu có thể hết được, ha cứ phải quan trọng triều mới lên nổi chức ấy hay sao?

Mùa hè, tháng 4, sai thân vệ tướng quân là Trần Khuê Kinh mang quân trấn giữ biển giới phía bắc. Khi đó người Nguyên xúong Văn Nam, du binh đến Ung Châu, Quảng Châu, cát đứt đường quan ái. Nước ta tuy thông hảo với Tống, nhưng sứ giả mà ta sai đi qua biển giới phải lén lút không quá 4 người. Lẽ công vật hàng năm chỉ đưa đến đầu biển giới giao cho thổ quan đưa lên nộp mà thôi, những công vật đó cũng không đến nơi được cả. Vua sai Khê Kinh đem quân chống giữ ở các địa phương Chính Lược, Tự Tường để thông đường với Tống.

Tháng 5, tháng 6, soát lại tù. Đại xá cho thiên ha.

Mùa Thu, tháng 7, mưa, miễn một nửa số tó ruộng. <21b> Tháng 9, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, rồng vàng hiện ra.

Quý Mão, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 12 [1243] (Tống Thuần Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, sai các lô tu sửa sổ định.

Tháng 2, xây dựng thành Long Phương ở trong thành và sửa lại Quốc Tử Giám.

Mùa hè, tháng 6, sai viên ngoại lang là Trương Thát xét xử các việc kiện cáo ở Đô vệ phủ⁽¹⁾.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ vào thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ làm diệu dịch ở các quân bộ.

⁽¹⁾ Đô vệ phủ: Cũng như Đô hộ phủ thời Lý.

Giáp Thìn, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 13 [1244], (Tống Thuân Hựu thứ năm 4), mùa xuân, tháng giêng, chia sai các quan văn di nhân chức ở các phủ lỵ, gồm 12 nơi; phủ có tri phủ, lỵ ⁽¹⁾ có thông phán, châu có tảo vật sứ, chủ việc vận tải đường thuỷ.

Dịnh ra các hình luật (theo lời trong Khà lao cổ sự sao thi hình phép của triều Trần vó cung tàn khốc, bọn cướp, bọn trốn tránh thì chặt ngón chân của họ, giao cho người áy giết hoặc giao cho voi dày chết. Ghi lại để tham khảo).

Mùa đông, tháng 10, định lương bổng cho trâm quan trong ngoài và quan túc vệ.

<22a> Ất Ty, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 14 [1245], (Tống Thuần Hựu thứ năm 5), mùa xuân, tháng giêng, vua ngự hành cung Ưng Phong.

Mùa thu, tháng 8, nước lớn vỡ đê Thanh Đàm ⁽²⁾

Mùa đông, tháng 12, gió bão mưa lớn 3 ngày liên, nước sông lên to, rắn và cá chết rất nhiều.

Bính Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 15, [1246], (Tống Thuần Hựu thứ năm 6), mùa xuân, tháng 2, định các quan, chọn những người khoẻ mạnh xung vào quân tử thiên, tử thánh, tử thân ⁽³⁾. Các lỵ Thiên Trường ⁽⁴⁾, Long Hưng ⁽⁵⁾ sung làm quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh, Cửng thân; người hai lỵ Hồng ⁽⁶⁾, Khoai ⁽⁷⁾ sung làm quân tá hữu Thánh dục; các lỵ Trường Yên ⁽⁸⁾, Kiến Xương ⁽⁹⁾ sung làm quân Thánh dục, Thành sách. Ngoài ra quân ở các lỵ khác sung làm cẩm vệ, cẩm quân, Tam dảng sung làm đội Trạo nhi đoàn ⁽¹⁰⁾ (có sách chép là phong đội).

Tháng 3, khảo duyệt các quan vân vố trong ngoài. Cứ 15 năm một lần duyệt, định 10 năm tháng tước cấp, 15 năm tháng chúc một bậc. Chức quan nào khuyết thi cho chức chánh kiêm chức phó, nếu cả chánh cả phó đều khuyết thì lấy quan hụt khác, đợi đủ bạn khảo duyệt mới bổ cho chức này. Khi đó nhà nước vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan làm chức ấy, người ở quán các 10 năm mới được xuất thân. Chức tể tướng cũng phải chọn trong tôn thất, người nào hiền năng có đạo đức, tài nghệ, thông thi thư thì cho làm.

Mùa hạ, tháng 5, tháp ở núi Long Đại đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi Đại ty ⁽¹¹⁾ để chọn kẻ sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

1. Bản chữ Hán chép chữ (tri), không có nghĩa.

2. Đê Thanh Đàm: Túc đê huyện Thành Trì thuộc Hà Nội ngày nay.

3. Tử thiên, tử thánh, tử thân đều là tên quân túc vệ, lực lượng quân Thiên thuộc, Thành dục và Thành sách.

4. Lỵ Thiên Trường: Túc tinh Nam Định.

5. Long Hưng: Tên phủ, nay gồm phần lớn đất tỉnh Thái Bình.

6. Lỵ Hồng: Túc Lỵ Hồng Châu, nay gồm một phần đất tỉnh Hải Hưng.

7. Lỵ Khoai: Túc Lỵ Khoai Châu. Nay gồm phần đất các huyện: Khoai Châu (cũ), Kim Thư, Phú Tiễn, thuộc tỉnh Hải Hưng.

8. Lỵ Trường Yên: Túc tinh Ninh Bình ngày nay.

9. Lỵ Kiến Xương: Nay là một phần đất tỉnh Thái Bình.

10. Túc đội cheo thuyền.

11. Thi Đại Ty: Túc thi tiến sĩ.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm ngự sử đại phu (Mông người phù Thanh Hoá)

Dinh Mùi, [Thiên Ung Chính Bình], năm thứ 16 [1247], (Tống Thuân Hựu thứ năm 7), mùa xuân, tháng 2, thi Đại ty để chọn kẻ sĩ cho Nguyễn Hiền đỗ trang nguyên. Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn, Đặng La Ma đỗ thám hoa lang, đỗ thái học sinh 48 người, cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau. Trước kia 2 khoa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chỉ gọi là giáp, át. Đến nay mới bắt đầu chon tam khôi⁽¹⁾

Mùa hè, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa Thông tam giác, Ngũ Tân đỗ giáp khoa, Đảo Diện, Hoàng Hoan, Vũ Vi phu trúng át khoa <23a> (Tân người Trà Lộ, Hoan người Thanh Hoá, Vi người Hồng Châu).

Sử thân Ngũ Thi Sỉ bàn: *Dạo chỉ có một mà thôi, ngoài tu, tè, tri bình không còn gì gọi là dạo nữa. Giáo lý của dao Lão, đạo Thích tuy nói có khác nhưng chỗ tốt của nó không thoát khỏi đạo Nho. Trương Dung nói ví dụ việc xem chim hồng rằng: người Việt gọi là chim phù; người Sở gọi là chim át. Về người thì có người Sở, người Việt, chứ chim hồng thì chỉ có một mà thôi. Nhà Phật tự tôn đạo của mình mới có thuyết 3 người bạn là Mao Đầu, Na Ân, Côn Sài cho là Mao Đầu chứng già diện Bồ tát giáng sinh là Lão Tử; Na Ân chứng tinh quang Bồ tát giáng sinh là Khổng Phu Tử; Côn Sài chứng hộ minh Bồ tát giáng sinh là Thích Ca. Thế là người đời tin tưởng mê hoặc tu đặt ra cách may mặc ăn uống mong được thanh tiên; đặt ra nghiệp ăn chay tung kinh muôn được thành Phật. Đến khi hỏi đến những việc họ làm thi tông chi của họ ấy chẳng có gì. Chính như Cố Hoan bảo là: bọn Khác Dân sa mòn thủ chầu đạo sĩ có thông gì mà thi, mà đặt ra khoa giáp khoa át để ban cho họ.*

Mùa thân, [Thiên Ung Chính Bình], năm thứ 17 [1248] (Tống Thuần Hựu năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, đổi miếu hiệu của Huy Tông gọi là miếu Thái Tổ, Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, đập đê quai vạc⁽²⁾. Sai các lò đập đê phòng nước đập suốt từ đầu nguồn đến bờ biển để ngăn nước to tràn lén, đặt chức hà đê chánh phó sứ để đòn đốc việc đó. Những nơi đập đê, phải do xem đập vào bao nhiêu ruộng đất của dân, tính giá trả tiền cho dân và đặt tên là đê quai vạc. Đập đê quai vạc bắt đầu từ đó.

Mùa hè, tháng 4, xây dựng cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo bắc qua ao Ngoan Thiêm, cho đến quán Thái Thanh, cung Cảnh Linh rất là lồng lẫy.

Tháng 6, Thuận Thiên hoàng hậu băng, truy tôn là Hiển từ Thuận Thiên hoàng thái hậu.

Sử thân Nguyễn Nghiêm bàn: Xét Thuận Thiên hoàng hậu Lý thị là vợ của An Sinh vương Liêu <24a>, Thái Tông nhân lúc à đang có mang cướp lấy lập làm

1 Tam Khôi: Tức ba bắc đỗ đầu: Trang nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

2 Đê quai vạc: Còn gọi là đê quai, tức ngoài đê, chính ra người ta đập thêm đê phu để ngăn không cho nước

hoàng hậu, việc đó làm tổn hại luân thường trái dao lý cũng quá lâm dãy. Đến khi chết lại được tôn là thái hậu, quả là nghĩa gì? Hoặc giả sau khi Thánh Tông nổi ngôi mới truy tôn mẹ đẻ mà nhà sử chép nhầm như vậy, cũng chưa thể biết được. Nếu không phải thế thì đã cướp chi dâu làm vợ, lại tôn vợ hơn mẹ, trước sau đều sai trái cả, há còn dạo làm người ư?

Sử thần Ngô Sí bàn: Hoàng hậu mất thi chép là băng, nay đổi lệ mà chép lồ thì vì có gì? Không coi là mẫu hậu của nhà Trần dãy. Suốt một đời Trần vốn gọi là nước vô lỗ, truy tôn Thuận Thiên làm hoàng thái hậu việc có như vậy, hành động của họ sai lầm như thế đáng cười lắm thay!

Sai những nhà thuật sĩ đi yểm trấn các núi sông. Trần Thủ Độ xin sai những nhà phong thuỷ đi xem kháp núi sông trong nước, xem nơi nào có vượng khí thì dùng phương thuật mà yểm trấn đi như núi Chiêu Bạc, Bà Mā, sông Bà Lê ở Thanh Hoá đều sai thợ lắp các khe ngòi, mở đường ngang, đường dọc không thể kể xiết.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Từ khi có trời đất dã có núi sông này, mà khi trời vận hành, thánh nhân sinh ra đều có số cả. Khi trời từ bắc sang nam hết ở nam rồi lại quay sang bắc, bắc thánh nhân trăm năm thì lại sinh ra, dù số lại trở lại. Thời vận có lúc chậm lúc nhanh, khi thua, khi nhát không đều, đại khái là như thế dãy, có can gi với núi sông. Nếu nói là núi sông có thuật yểm trấn thi khi trời chuyển vận thánh nhân sinh ra, có thuật gi yểm trấn được? Như Tân Thuỷ Hoàng biết phía đông nam có khỉ thiến tú thường đến chơi để yểm trấn. Thế mà Hán Cao Tổ vẫn nổi dậy, cuối cùng vẫn không thể thắng nổi.

Sử thần Ngô Sí bàn: Dời truyền rằng: Lời di cảo của Cao Vương (Biển) bình luận về sa thuỷ trong nước, đất sinh ra để vương, khanh tướng, đều làm thành những bài ca. Những nơi kết phát lớn, huyết mạch lớn, hoặc nói rằng nơi đất nào đó dã dụng chùa hoặc đập đường hoặc đào giếng, hoặc chôn sát để yểm dì rồi. Có lẽ là khi đó làm ra, lại mượn tiếng là Cao Vương (Biển) để phép thuật được thần thánh hoá dãy, yểm trấn có nghiệm hay không, không cần chứng minh những việc xảy ra. Cứ như đời Nhuận Hö từ đất Bào Giang dãy lên cướp ngôi, giết gán hết tôn thất, sau thuật ấy lại không thi thô được? Cứ bo bo di dào sông phá núi, phá hại biệt bao nhiêu khỉ thiêng liêng, Thủ Độ thật là người có tội với nghìn đời.

Kỳ Dậu, [Thiên Úng Chính Bình], năm thứ 18 [1249], (Tông Thuần Hựu năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, sửa lại chùa Diên Hưu, ban chiếu văn dựng chùa ở nền cũ.

Dai xá cho thiên ha.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá to.

Canh Tuất, [Thiên Úng Chính Bình], năm thứ 19 [1250] (Tông Thuần Hựu năm thứ 10), mùa xuân, tháng 3, động đất. Ban chiếu cho thiên hạ gọi vua là quốc gia,⁽¹⁾ đổi phủ đô về làm viện tam ty, gọi là các viện Phụng tuyển, Thanh túc, Hiên chính.

⁽¹⁾ Cố lẽ là quan già mà nguyên bản chép lầm. Vì các vua đời Trần sau này đều thấy gọi quan già, không thấy gọi quốc gia.

Mùa hè, tháng 5, ban chiếu rằng: các việc kiêng tung đã xét xong, phải cùng với quan viên thẩm hình xem xét định tội.

Cho Lê Phu Trần làm ngự sử trung tướng, trông coi công việc ở viên Tam ty.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự là Lưu Miễn làm an phủ sứ lô Thanh Hoá.

Tân Hợi, Nguyên Phong năm thứ 1 [1251] (Tống Thuần Hựu năm thứ 11, Hiến Tông Móng Kha năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu Vua tự viết bài minh cho các hoàng tử, lấy những điều trung hiếu, hoà tốn, ôn lương, cung kiệm để dạy các hoàng tử.

Đêm trường công chúa Thiên Thành già cho Trung Thành vương (không rõ tên). Con trai của An Sinh vương là Quốc Tuấn cướp lấy, công chúa về với Quốc Tuấn. (Theo sử cũ, công chúa đã hứa già cho Trung Thành vương định đến ngày 15 tháng ấy làm lễ hợp cẩn, vua cho mở hội lớn 7 ngày đêm, bày những đồ dùng dưa đậu và những trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem. Trước tiên cho công chúa đến ở nhà Nhàn Dao vương là cha của Trung Thành Quốc Tuấn muốn cướp lấy, đêm lén vào nơi ở của công chúa thông dâm. Thuy Bà công chúa là cô của Quốc Tuấn nuôi Quốc Tuấn làm con, nghe việc đó, sợ xảy ra tai họa, vội đến gõ cửa nhà vua để tâu lên. Vua hỏi nguyên do, Thuy Bà tâu rằng: Quốc Tuấn diên cuồng càn rã, đêm vào chỗ Thiên Thành ở, Nhàn Dao đã bắt giữ lại rồi, sợ bị hai xin bê ha thương cho. Vua lập tức sai hội nhân đến nhà Nhàn Dao vương, không thấy động tĩnh gì, liền vào nơi Thiên Thành công chúa ở thì thấy Quốc Tuấn ở đó, lúc ấy Nhàn Dao mới biết. Sớm hôm sau Thuy Bà dâng 10 mâm vàng sòng làm lễ cưới. Vua bắt đặc dí phải mang Thiên Thành già cho Quốc Tuấn và lấy 2 nghìn khoảnh ruộng ở Ứng Thiên ¹ trả lại lễ cưới cho Trung Thành vương. Quốc Tuấn tuổi trẻ liền lú, mè sác đẹp của Thiên Thành cam làm việc trêu tưởngh khoét vách theo nhau, có lẽ thói nhà không đúng đắn thường ngày tai nghe mắt thấy đã quen những việc đó. Thánh nhân không tước bỏ bài Thuận bôn ² này cũng ghi lại để làm răn, cho nên phải chia dòng chú thích xuống dưới).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Con gái vua di lấy chồng tất phải nhờ các vương trong họ đứng ra làm lễ cưới. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa già cho Trung Thành vương mà công chúa lại về với Hưng Đạo vương, thì việc hôn nhân không đúng quá làm thay! Vậy thi lễ cưới đó không có người chủ trì chẳng? Giữ việc lễ sao lại không có người chủ trì được. Có lẽ vua dời với dạo vợ chồng không đúng đắn cho nên những người làm tội làm con cũng bắt trước đây. Hơn nữa việc cưới xin lại không lấy người ho khác mà cứ phải lấy người trong họ duy chỉ có nhà Trần là thế. Trong việc trai lễ lại càng trái道理.

<26b> Vua ban yến cho quân thân ở nội điện. Vua ban yến quân thân đều đến dự. Khi rượu say, những người hầu đều đứng dậy dang tay mà hát. Ngự sử trung tướng (sau đổi trung úy) là Trần Chu Phổ cũng theo mọi người mà dang tay hát nhưng không hát câu nào khác, chỉ nói: "Sử quan hát thế thôi! Sử quan hát thế thôi". Sau này mỗi khi có

1. Ứng Thiên: Sau là phủ Ứng Thiên. Nay gồm phần đất các huyện: Ứng Hoá, Mỹ Đức, Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

2. Thuận bôn: Tên một bài thơ trong Kinh Thi. Bài này chế nang Tuyên Khương nước Vệ thông dâm cùng Nguan Phi.

yếu tiếc có người đội mồ nang cầm cái dùi làm túu lệnh như vậy càng thô bl.

Sứ thần Ngõ Sí Liên bàn: Xem như thế biết được khi bấy giờ vua tôi cùng vui, không cầu nệ vào lề phép, cũng là sự giản dị chất phác của phong tục đó, nhưng không có chừng mức đấy. Thầy Hữu Tử nói rằng: "Chỉ biết nhu hoà để vui nhung không biết lấy lề mà han chế thì cũng không thể làm được". Quan ngự sử là bồ tôi giữ việc can ngăn, theo chức phận của mình là phải uốn nắn nhà vua, không nói thì thôi lại còn vào hùa, vậy kỷ cương của triều đình ở đâu?

Mùa hạ, tháng 4, An Sinh vương Liễu mất, gia phong tước đại vương.

Phạm Kính Ân mất <27a> (Kính Ân là thái úy tước quan nội hầu của triều Lý trước).

Nhâm Tý, [Nguyên Phong năm thứ 2] [1252] (Tống Thuần Hựu năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, vua thân di đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 12, tháng lớn, rồi trở về. Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường di thuyền nhẹ đến cướp phá dân ven biển. Vua lên ngôi, sai sứ sang dụ bảo, tuy thường sang tiến công, nhưng lại đòi đất cũ, lại còn có ý nhòm ngó nước ta. Vua giận, bèn thân di đánh, sai Khâm Thiên đại vương Nhật Hạo ở lại giữ nước. Đến khi ấy bắt được vương phi Chiêm là Bồ Đà La và thần thiếp dân chúng của họ rồi về.

Quý Sửu, [Nguyên Phong năm thứ 3] [1253] (Tống Bảo Hựu năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên đại vương Nhật Hạo làm thái úy.

Tháng 6, lập quốc học viện, tôn tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử, v.v. tượng 72 người hiền để thờ.

Mùa thu, tháng 8, lập giảng võ đường.

Tháng 9, ban chiếu cho các kẻ sĩ trong nước đến quốc học viện giảng học ngũ kinh tú thư.

<27b> **Sứ thần Ngõ Thị Sí bàn:** Dụng nhà quốc học, tôn thờ thánh hiền là chuông văn giáo, dụng nhà võ là chú ý việc võ. Dao văn võ nhà Trần từ đây rang rõ. Rốt cuộc các ông Hán Siêu, Trung Ngạn, Nhật Duật, Ngũ Lão đều có tài văn chương, tướng suy nổi nhau mà xuất hiện. Văn Trinh, Hưng Đạo là những danh nho, danh tướng lỗi lạc của nghìn đời. Cái ơn trạch làm cho người có vũ có lè bắt đầu từ đây chăng!

Giáp Dần, [Nguyên Phong năm thứ 4] [1254] (Tống Bảo Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, định ra chế độ xe kiệu mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau (quy chế: từ tôn thất đến quan ngũ phẩm đều được di kiệu, ngựa, thả diều giấy; người tôn thất thì kiệu đầu phượng sơn son; tướng quốc thì kiệu chim anh vũ sơn đen, lọng tia hoặc xanh; tam phẩm trở xuống thì đầu kiệu chim mày, lọng vàng xanh; tư phẩm trở xuống thì kiệu bằng đầu; lục thất phẩm thì lọng giày đen; theo hầu thì nhiều là 1000 người, ít thì 100 người. Xét tập "cố sự sao ngôn" của Trần Cương Trung thời Nguyên có nói: quan phẩm của chế độ nhà Trần cao, thấp cứ nhìn tán thì phân biệt được; các bậc khanh tướng thì dùng 3 tán màu xanh, thứ nữa thì 2 tán, thứ nữa thì 1 tán màu tía. Có lẽ chỉ người trong họ được dùng, người ngoài không được

dùng. Có thể thấy được ở đây.

Thang 6, bán ruộng công cho dân mua làm của riêng cứ mỗi dâu 5 quan tiền. <28a> Mùa đông, tháng 10, sai Phạm Ưng Mộng tư hoạn để vào hầu. Trước đây vua mộng khi đi chơi có một thân nhân chỉ một người mà bảo rằng: "Người này có thể làm chức hành khiển, khi tinh đáy thì ghi nhớ đến bấy giờ di ra ngoài thành chơi thấy có một người con trai đang theo học ở cửa nam kinh thành, hình dáng giống hệt người trong mộng. Theo lệ cũ, chức hành khiển chỉ dùng những người hầu gần, vua muốn trao cho chức ấy nhưng mà khó nghĩ, mới ban cho 400 quan tiền, bảo tự hoan và đặt tên là Ưng Mộng. Sau tháng dân làm đến chức hành khiển. Đó có lẽ bắt trước triều Lý dùng Lý Thường Kiệt và Thường Hiến đấy.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Dùng người không phải chỉ có một đường lối, không thể cản nệ vào lề thường. Vua Thái Tông được Ưng Mộng không phải ngẫu nhiên. Nếu vì cho giấc mộng trong một đêm là chưa đúng, thì sao không tham khảo ý của quần thần, và xét khi anh ta ở một mình, nếu biết là người hiền tài có thể dùng được thì dù họ là người áo vải <28b> muốn dùng làm khanh tướng cũng được còn chức hành khiển thì có ngại gì? Hơn nữa vua Cao Tông cho Phó Duyệt làm tướng là vì mộng; Chu Văn Vương coi Lã Vọng là thầy vì mộng, đó là việc cũ. Còn việc Thường Kiệt, Thường Hiến lại há dú làm bài học, huống chi người xưa vì bọn hoạn quan mà bị chém dám, xá tặc đến tám chín phần mười. Ưng Mộng nếu quả là người như vậy thì cũng nên ruộng dưới di huống chi muốn dùng người mà lại tổn hại thân thể người ấy. Há phải là hợp lý đâu! Ưng Mộng hàng hái tiền thân cam tâm tự thiến mình thì cách làm người cũng có thể thấy được.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Vua Cao Tông là người cung kính lảng lẻ suy nghĩ về đạo, tinh thần thông được với trời. Vua Văn Vương là người thuần nhất đức hợp với trời. Cho nên trời cho những bậc thánh hiền phò giúp để đầy lên cơ nghiệp trung hưng, mở ra nền móng 800 năm. Người như Thái Tông, cái cảm cách tinh thành <29a> quả đà dung hợp với trời chăng? Nếu như vậy há không lấy những bậc có tài tướng văn, tướng võ mà ban cho, sao cứ phải bo bo cho người hoạn quan?

Giấc mộng của Thái Tông đáng ngạc nhiên đấy. Xưa kia Thúc Tôn Mục Tử⁽¹⁾ mộng có người giúp mình gọi là Ngưu, sau đó gặp một người giống như trong mộng ben cho làm người hầu, rút cuộc trong nhà bị loạn, còn Mục Tử bị chết vì bất lương thế thi mộng há dú để làm chỗ dựa đâu! Trần Thái Tông đối với Ưng Mộng thực cũng vậy, nhà vua thoát được loạn như Mục Tử có người hầu tên là Ngưu cũng là may mắn.

Àt Mão, [Nguyên Phong năm thứ 5] [1255] (Tổng Bảo Hưu năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, chọn tân quan⁽²⁾ làm hà đê chánh phó sứ ở các lô. Hàng năm khi nào nhà nồng rỗi việc thì đốc quân đắp đê, đào mương để phòng hạn lụt.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Dùng chức tân quan đòn đốc việc đê sông, tuy

1. Thúc Tôn Mục Tử: Túc Tôn Bao làm quan đại phu thời Xuân Thu.

2. Tân quan: Những quan nhàn rỗi, ít việc.

không phải chế độ xưa, nhưng công việc của họ được chuyên, ý của họ được thông nhất, không còn lo họ làm cầu thả sơ sài. Đó chẳng hơn là việc đèn nai <29b> mới sai khiển, rồi họ làm qua loa xong việc, khi việc xong rồi không còn ai dính trách nhiệm cho mình nữa. Như vậy có thể nghiêm khắc với việc thăng giáng, khiển những người siêng năng hay lười biếng có khuyết khích hay trừng phạt, đây là phép hay không thể thay đổi được đây.

Hoàng tử Nhật Duật sinh (Nhật Duật là con thứ 6 của vua. Sử cũ ghi: Dao si ở cung Thái Thanh làm lễ cầu tự cho vua, khi dâng sớ xong tâu rằng: thương đế dâ y lời sớ tâu liên sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh ở trần thế bốn kỷ đấy. Thế rồi hậu cung có thai quả nhiên sinh con trai, trên má có chữ "Chiêu Văn đồng tử", nét chữ khá rõ ràng vì thế đạt hiệu là Chiêu Văn. Khi lớn lên những nét chữ mới mất đi. Đến năm 48 tuổi năm bệnh hơn một tháng các con lập đàn lễ cầu xin bớt tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thơ của cha. Dao si khăn xong đứng dậy nói: Thương đế xem lời tâu cười mà nói rằng: "Quyết luyến trần tục mà ở lâu chẳng? Nhưng các con có lòng thành hiếu đáng tin có thể cho thêm kỷ nữa". Sau này Nhật Duật thọ 77 tuổi được dù 6 kỷ lê 5 năm. Việc đó thật hoang đường tạm để truyền nghi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Việc đạo si cầu tu cho là đúng thê chảng? Dao trùi ở xa, không thể biết được; cho là đúng thê chảng? lòng thành cảm đồng <30a> xa mấy cũng được. Nhưng khi người đạo si rạp lạy dối mệnh trời, thì trời hoặc hiện ra giác mộng để đám bảo cho đây. Xét ra thì lý và số nương tua lẫn nhau, lý sinh ra trong số, số cũng chưa từng không sinh ra trong lý. Tinh mệnh dài, ngắn là số đây, lòng hiếu thành là lý đây. Có người nói rằng: đạo si có thể nắm giữ chân tinh mà bay lên, tôi thì chưa tin.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Trong vòng luân quẩn, những việc kỳ quái, có việc gì là không có, nhưng phải là người có đạo đức rất cao mới dù để cảm thông đến trời, khi tinh thần đã gây nên, hoặc trong khoảng hình như có hình như không, cũng chỉ có người kỳ diệu hiếm có ở đời, rồi sau đó mới có việc kỳ diệu trên đời hiếm có. Nhật Duật tuy là bậc thân vương tài giỏi nhưng vẫn chưa phải là bậc kỳ tài hiếm có ở đời. Dao si vừa cùi dọc sớ thì lập tức được Thiên đế ban cho Chiêu Văn đồng tử, trời có nói gì đâu mà năm sinh tuổi thọ của Nhật Duật trời đều ti mi đáp lời nói của đạo si, việc cần rõ đây <30b>. Văn Vương nhà Chu bảo Vũ Vương rằng: Ta năm nay thấy Thương đế cho ta 9 tuổi, thế thì ta thọ 100, mày thọ 90. Ta cho mày 3 tuổi. Sau Văn Vương thọ 97 tuổi, Vũ Vương thọ 93 tuổi, đúng như lời nói trước. Các nhà Nho trong đời còn cho rằng: Thiên Văn Vương thế tử do thé từ ghi chép chưa chắc đã có việc ấy. Hơn nữa các con của Nhật Duật nếu biết thành hiếu có thể trông được hiệu quả như vua Văn Vương cảm cách đến trời chảng? Có lẽ nước ta phần nhiều chuộng thuật mê tín, lấy phong thư để vào tay áo người đồng rồi đọc thần chú để cho người đó hôn mê, khi tỉnh dậy lần nói những việc ma quỷ, cũng có câu ngẫu nhiên đúng. Nhà Trần tôn trọng quỷ thần cho nên đưa vào lời nói hoảng hốt rồi sau khi việc xong thì gò ghẹp vào cho là thần dì mà thôi.

Thang 5, trồng cây muỗm ở bờ đê (trồng từ bến Hồng Tân đến đê quai vạc Cầu Thần, dài 500 trượng).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngủ chơi Hồ Tây

<31a> Sứ thần Nguyễn Nghiêm bàn: Nước và đất đều là chất thuộc khí âm, nước hệt, đất lở đều do khí âm suy đây. Suốt đời Trần Thái Tông, 6 lần nước lớn, 3 lần đóng đất, 1 lần đất nứt ra. Có lẽ do cái lồi trên dưới dâm loạn khi dương sai quy luật, khi âm thì buông thả. Khi đó, không chút lo sợ tự sửa mình tai di hiên ra luôn luôn như chuyên bình thường. Vua thì nhân nước lớn mà đi chơi Hồ Tây; bể tối thì nhân nước lớn mà bức hiếp cung nữ, cho tai hoa là may, lấy tai biến làm vui, dâm dục bừa bãi chưa có khi nào quá đáng như vậy. Nhà chép sứ ghi dù vào sách thì tội ác tự hiện rõ đây.

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Nhà Trần vì dâm loạn mà được nước, giết vua, diệt cả họ nhà vua. Trên dưới dâm loạn đều như loài cầm thú mọi ro, đến nỗi động đèn lồng trời tuc khiên trời giận. Từ năm Thiên Ứng Chinh Bình về sau, gió bão, nước lớn, nus lở, đất động, mưa da, dịch bệnh, set đánh 1 lần sập 10 nơi, đã đánh cung Thiên An lại đánh cung Thái Thanh, đến nỗi làm đổ tượng Thiên Tân. Trời ra oai cung rất mức dây. Trong vua tối mờ màng, không biết cảnh tĩnh, chơi bài hương lạc từ cho là bình thường, chẳng bao lâu thì Mông Cổ đánh sang nước Nam, cung điện bị tàn pha, xe vua phải chạy ra ngoài, nhân dân mất nước gan óc vui vào bun đất, cơ nghiệp họ Trần cũng nguy ngập. Kinh Dịch có câu: "Liên tục sét đánh người quân tử phải lo sợ mà tu chính". Kinh Thi có câu: "Kinh sợ sự thay đổi của trời, không dom rong ruổi; kinh sợ sự tức giận của trời không dám vui chơi". Người làm rusa ha có thể sao nhặng điều trời de rận mà không sợ hay sao?

Bình Thuận, [Nguyễn Phong năm thứ 6] [1256] (Tông Bảo Hưu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò, cho Trần Quốc Lạc đỗ kinh trạng nguyên, Trương Xan đỗ trai trang nguyên, Chu Hình đỗ bảng nhãn, Trần Uyên đỗ thám hoa lang, đỗ thái học sinh thi ở kinh 42 người, trai 1 người, đều chó xuất thân. Buổi đầu dựng nước số người thi đỗ chưa phân <32a> biệt kinh trai, người đứng đầu bảng thi cho đỗ trang nguyên. Đến nay chia ra Thanh Hoa, Nghệ An, gọi là trai, mới có sự phân biệt kinh trai.

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Triều Trần chọn học trò có sự phân biệt kinh và trai, cũng như triều Thanh ở Trung Quốc ngày nay có phân biệt Mân và Hán dây. Nhưng dùng người hiền không kể nòi giống há có thể phân biệt để tỏ cho người ta thấy là không rõ ràng. Thời nhà Lý có Châu Hoan, Châu Ái là chau biên giới, thanh giáo chưa được thâm nhuần, nhân tài không nhiều bằng kinh trấn. Cho nên mỗi khoa thi tất rút ra người học trò rất giỏi của trai cho đỗ trạng nguyên, cho ngang hàng với kinh cũng là ngu ý khuyên khích dây.

Tháng 6 nhuận, đúc 330 chiếc chuông.

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Triều Lý sung Phát đúc chuông dung nhà chùa phân nhiều không chép việc này tại sao lại chép? <32b> Một lần đúc đến 330 chiếc, tên đồng tôn của đế cung cấp vào việc vô dụng, lại còn hơn cả triều Lý dây, cho nên cần theo sách cũ mà chép.

Mùa hè, tháng 5, set đánh điện Thiên An lại đánh cung Thái Thanh, pho tượng Thiên Tân đỗ xuống đất gây mỏi ngón tay

Vết sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn chạy sang Tống, thỉ quan ở phủ Tư Minh là Hoàng Bình bắt đưa về trả cho ta. Vì thế quan ái ngày thêm cẩn mật (Doãn là con của An Sinh vương, do Hiển Từ sinh ra. An Sinh vương có hiềm khích với nước, đến khi Hiển Từ băng, vì mất chỗ dựa, bèn mang gia thuộc chạy sang Tống, thỉ quan phủ Tư Minh là Hoàng Bình bắt đưa trả lại cho ta, vua thường vàng lúa cho Bình)

Dinh Ty, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257] (Tống Bảo Hựu năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, Hoàng Bình ở phủ Tư Minh đem cả nhà đến cửa khuyết để dâng người con gái, vua nhận rồi sách phong làm Huệ Túc phu nhân

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Khi đó nước Mông Cổ ngày càng mạnh. Trong khoảng 7 năm dời Hiển Tông Mông Kha <33a> nhà Tống không năm nào là không bị nạn binh dao. Bình biết Tống sắp mất cho nên đem gia thuộc chạy sang ta để làm bầy tôi yên phản giữ đất như vậy có thể gọi là không trung thành với chức phản của mình đây. Ý của Bình để tránh nạn giặc Hồ lại xâm lược phía Nam. Bình rót cuộc ván không tránh được. Bọn Ich Tác, Lê Trác cho là Trần át bị mất, bèn đem gia thuộc dẫu hàng nhà Nguyên, mong chiếm được nước cùng giữ được giàu sang. Nhưng nhà Trần thì chưa từng mất. Bọn ấy uống chuốc lấy cái nhục hang giặc, phản nước phản vua qua có ích gì? Bình thi thực chẳng đáng nói chi chép lại việc đó để răn những kẻ làm tối mà hại lòng.

Mùa thu, tháng 7, ban chiếu phát binh ra chống cư ở biên giới phía bắc, trại chủ Quy Hoá⁽¹⁾ là Hà Khuất vào hồi tháng 8, sai người chạy tram tàu có sú Mông Cổ sang. Đến khi đó, ban chiếu cho tả hữu tướng quân đem quân thuỷ bộ ra ngăn giữ biên giới chịu sự chỉ huy của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 10, lại hạ lệnh cho trong nước tu sửa kinh giới

<33b> Tháng 12, Mông Cổ đến xâm lược, vua tự đem quân ra chống, quân đóng ở sông Lô, tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai xâm phạm Bình Lê Nguyên, sai người đến dụ vua đầu hàng, 3 lần sứ giả đến vua đều sai giam lại, giặc đến Sông Thao, sai con là A Thuật đến dò xem hư thực. Vua sai chư tướng dẫn nhiều quân để đợi. Hợp Thai đi gấp đường mà tiến. Vua tự cầm quân đốc chiến, đi trước, xông pha vào tên dan, quan quân hơi lui. Vua trông hai bên chỉ có Lê Phu Trần (vốn tên là Lê Thái người Ai Châu, một mình cưỡi ngựa ra vào trấn dia của giặc sắc mặt như thường Khi đó có người khuyên vua dừng lại để cự chiến, Phu Trần cố sức can rằng: " Nay nán lại chỉ là đánh liều một ván cuối cùng, nên lánh đi, chờ tin lời người khác". Bấy giờ vua mới lui quân đóng ở Sông Lô. Phu Trần che đỡ ở sau, quân giặc bắn tới tấp. Phu Trần lấy ván thuyền che mới thoát nan. Thế giặc rất mạnh, lai phải lui về đóng ở sông Thiên Mac⁽²⁾. Phu Trần theo vua, bàn việc cơ mật, ít có người biết. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Nhật Hạo để hỏi kế <34a>, Nhật Hạo đương ngồi tua mạn thuyền không đứng dậy được chỉ lấy tay châm nước viết hai chữ "nhập Tống" lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tình cương ở đâu (Tình

1. Trại Quy Hoá: Gồm một phần đất tỉnh Hoang Liêu Sơn (cũ) và một số huyện tỉnh Vĩnh Phù (cũ)

2. Sông Thiên Mac: Khúc Sông Hồng chảy qua Nai Man Trù thuộc địa phận xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng (cũ)

cương là quân của Nhật Hạo trông coi), Nhật Hạo trả lời "gọi không đến rồi!" Vua hỏi Thái sư Thủ Đô. Thủ Đô trả lời: "Đầu thắn chưa rơi xuống đất thì bệ hạ đừng lo" (Hợp Giải có sách chép là Họp Thai).

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Nhật Hạo là bậc dai thắn cùng họ nhà vua, khi giác đến thì khep sá hen nhất, không có phương kế để chống giữ, lại còn dẫn vua đi ra ở nhò nơi khác, thì dùng nó làm tướng làm gì?*

Vua cùng quân Mông Cổ đánh nhau ở Đông Bộ Đầu, phá tan quân giặc. Khi đó vua cùng thái tử ngự thuyền lâu tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đánh nhau với quân Mông Cổ. Tháng lớn, quân Mông Cổ trốn về đến trại Qua Hoá, chủ trại là Hà Bống chiêu tập người Man đánh úp, lại đánh tan được. Khi đó Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân du binh⁽¹⁾ đến không có ý đánh nhau, khi đó người ta gọi là giặc Phật. Khi giặc <34b> dã lui, ban cho Bống tước hầu.

Tha tôi cho tiểu hiệu là Hoàng Cự Đà. Trước đây vua cho các quan ăn quả xoài, riêng Cự Đà không được ăn, đến khi quân Nguyên đến Đông Bộ Đầu, Cự Đà di thuyền bỏ trốn. Đến Hoàng Giang⁽²⁾ gặp hoàng thái tử đi ngược lên. Cự Đà tránh sang bờ bên kia, thuyền di rất vôi, quan quân hô to hỏi: "quân Nguyên ở đâu?" Cự Đà trả lời: "Không biết. Các người nên di hỏi những người ăn quả xoài ấy". Đến khi ấy thái tử xin khép Cự Đà vào tội cực hình để răn những kẻ bất trung. Vua nói: "Tôi của Cự Đà đáng giết cả họ, nhưng đời xưa có anh Dương Châm không được ăn thịt để đến nỗi quân Trịnh⁽³⁾ bị thua, tội của Cự Đà là do lỗi của ta đây, tha tội chết và cho hắn di đánh giặc chuộc tội".

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] năm thứ 8, từ tháng 3 về sau là Thánh Tông, Thiệu Long năm thứ 1 [1258] (Tông Hữu Bảo năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, đem hoàng thái hâu cũ là công chúa Chiêu Thánh gả cho Ngự sử đại phu Lê Phụ Trần. Sáng ngày mồng 1, vua ngự thượng điện cho trăm quan vào chầu, trăm họ yên ổn như cũ. Định công, phong tước, trao cho Phụ Trần làm ngự sử đại phu <35a> và đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói rằng: "Trẫm nếu không có khanh, há lại có được ngày nay, khanh nên cố gắng để cùng hưởng phúc đến cùng".

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Lời can đánh liều một ván cuối cùng của Phụ Trần là trung, di sau che chở cho vua khi rút quân ở Sông Lô là có công dâng. Thái Tông muốn báo ơn cho hậu thì lấy quan tước, ruộng đất, vàng lúa để đến ơn cũng không tiếc, sao lại làm nhục bà hoàng hâu cũ mà đem gả cho Phụ Trần. Thái Tông như vậy là vô đạo quá đât, vậy thì người gả cho và người được cho cùng đều có tội. Xưa kia Hầu Cảnh cướp ngôi nhà Lương đem bà phi của thái tử nhà Lương gả cho tướng của mình là Quách Nguyên Kiến, Nguyên Kiến từ chối rằng: "Đầu có việc phi của hoàng thái tử lại giáng xuống làm vợ người thường", cuối cùng không chịu gả bà*

1. Quân du binh: đội quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra, truy kích.

2. Hoàng giang: Khúc sông Hồng ở ngã ba uân thuộc tỉnh Nam Hà.

3. Phải là "quân Tông bị thua" mới đúng. Vì đây muốn dằn lại chuyện. Thời Xuân Thu ở Trung Quốc, nước Trịnh đánh nước Tông. Khi sắp đánh nhau, Hoa Nguyên nước Tông làm thịt để chi quân sĩ ăn; người đánh xe tên là Dương Châm không được ăn. Khi vào trận, Dương Châm nói: "Con dê hôm trước quyền ở anh, việc đánh nhau hôm nay là quyền ở tôi". Nói đoạn ông cho xe chạy sang với quân Trịnh, vì vậy quân Tông bị thua.

phi áy. Phu Trần cúi đầu mà nhận thì lại không bằng đứa làm giặc có lương tâm. Ông Ngô Trung có người thua cờ bạc phải gạt vơ cho người ta, người vơ giận ma tú tú, cuối cùng không cam chịu nhục <35b>, bà Chiêu Thánh một đời đã từng làm vua, làm hoàng hậu, rồi lại làm vợ của một thường dân, vui thích với sự gả bán đó, thật không bằng một người đàn bà thường dân có liêm sỉ. Giả sử phu Trần biết từ chối, Chiêu Thánh biết giữ chí của mình, thì dù Thái Tông có ngông cuồng sai trái cũng không dến nỗi quá lầm như thế. Tuy nhiên, thói dâm loạn của nhà Trần đã tập nhiễm từ lâu, cả trên lẫn dưới, cả trong lẫn ngoài cho là chuyện bình thường, bà Thiên Cục là thái hậu mà gả cho bê tông; Thái Tông là em mà cướp vợ của anh; Thuần Thiên là chị dâu mà lấy em chồng. Cho nên Chiêu Thánh cũng là hoàng hậu lại lấy bê tông làm chồng; Phụ Trần là bê tông mà lấy hoàng hậu làm vợ. Có mẹ áy cho nên có con áy, có chị áy cho nên có em áy, có chồng áy cho nên có vợ áy, có vua áy cho nên có tôi áy. Những bài tha biến phong, dâm loạn thì một bộ sứ buổi đầu nhà Trần đã ghi có dù cả, là một điều đáng than thở cho đạo đức phong tục trên đời.

Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang Mông Cổ. Khi đó sứ Mông Cổ sang đòi lễ vật tiền cống hàng năm. Lối thói không ổn định <36a>, vua sai Lê Phụ Trần sang sứ, Chu Bá Lãm làm phó, cuối cùng định ra 3 năm một lần cống, lấy làm lệ thường.

Tháng 2, vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử Hoảng, vua đã nhường ngôi lui về ở cung phía bắc. Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiệu Long, đại xá cho thiên hạ, tôn thương hoàng làm Hiền nghiêу thánh thoái thượng hoàng đế.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Từ sau khi Ha Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em nối, mãi mãi được xem là lệ thường. Phép nhà của họ Trần lại khác thế, con đã lớn thì cho nối ngôi chính, còn cha thì lui về ở cung Thánh Tử, xưng là thương hoàng, cũng trông coi chính sự. Thực chí truyền ngôi để ổn định việc sau này, dể phòng việc bất trắc xảy ra, còn mọi việc đều do thương hoàng quyết định, vua nối ngôi cũng không khác gì hoàng thái tử, như thế thì đối với đạo có đúng chăng? Có lẽ đó là lấy ý qué Càn lui về ở phương tây bắc còn qué Chấn tiến ra phương đông. Nhưng <36b> chưa đến lúc già mòi mệt thì không nên. Sao bằng cứ nối tiếp nhau như thời tam vương cho trước sau được đúng đắn là hơn. Mạnh Tử nói: "Những người theo phép của tiên vương mà bị lạm lỗi thì chưa bao giờ có".

Sứ thần Ngô Thi Sí bàn: Vua Thái Tông lên ngôi, khi tuổi áu thơ, tất cả công việc chưa tự chủ được, cho nên mọi hành động tà gian cứ chỉ cuồng vọng đều do Thủ Độ dẫn dắt. Xong từ tròn vôn cao, khi nhiều tuổi thì chủ ý về học vấn, tiến tới cũng sâu, nghiên cứu nhiều sách Phật, làm sách Khoa hú lục, yên cảnh rung nụt, coi sông chết như nhau, tuy ý gần giống "hu không tịch diệt", nhưng chỉ thi khoáng đạt, sâu xa. Cho nên bỏ ngôi báu như trút đôi giày. Còn việc thừa kế của nhà Lý không ổn định, đến nỗi mất nước, Thái Tông thực lấy đó làm rán. Như Sí Liên bảo đúng là: ổn định việc sau này, phòng khi bất trắc là dung ý áy. Chỉ có một việc theo đạo Phật không phải là đạo thuần tuý dung đán, khiến cho đời sau truyền cho nhau thành già phép, người quản tử không cho là dung.

Các quan dâng tôn hiệu: Hiển thiên thế dao đại minh quang hiếu hoàng đế
Mùa thu, tháng 8, gió bão, đình tháp Báo Thiên gãy rơi xuống đất
Lập con gái thứ 5 của An Sinh vương tên là Thiều làm Thiên Cẩm phu nhân, rồi
sách phong làm hoàng hậu.
Mùa đông, tháng 11, hoàng trưởng tử Khâm sinh
Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh đại vương.

THÀNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên là Hoàng con trưởng của Thái Tông, mẹ là Thuận Thiên hoàng hậu Lý thị, ở ngôi 21 năm, tho 51 tuổi, chôn ở Dụ Làng, vua là người trung hiếu nhân thứ, tôn người hiền, trọng đạo, cha làm ra trước, con nối nghiệp sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững. Song lưu tâm vào đạo Tam muội ¹, kê cửu dao Nhất thừa ⁽²⁾, không phải là đức tốt của đế vương)

Kỳ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259] (Tống Khai Khánh năm thứ 1), Thái hậu cũ của nhà Lý là phu nhân của Trần Thủ Độ Trần thi mất. Buổi đầu niên hiệu kiến trùng Trần thi bị giáng làm Thiên Cực công chúa, già cho Trần Thủ Độ. Vì đã từng làm hoàng hậu của nhà Lý không nỡ gọi là công chúa, cho nhân dân phong là quốc mẫu, Linh Từ quốc mẫu là phỏng theo hiệu của Tiên Ngô phu nhân, cũng là tên gọi riêng của hoàng hậu. Xe kiệu, áo mũ, người hầu đều ngang với hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông không phải là dung dán, sau lại lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Nhưng vì con gái là Chiêu Hoàng thường ngài cho nhà Trần, Thuận Thiên lại làm hoàng hậu của Thái Tông sinh ra Thành Tông. Yên Sinh vương có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ điều đình khuyên họ lai hoà hợp làm anh em như xưa. Đến khi người Nguyên di dời tát sang cướp pha, khi thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang giữ gìn Hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con của các tướng thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền của các nhà có dâu dỗ quân khí, tịch thu đưa hết đến quân. Về công giúp việc nội tri cho nhà Trần thi nhiều; nhưng báo đáp cho nhà Lý thì không có gì. Thê mới biết trời sinh ra Linh Từ để mở cơ nghiệp nhà Trần, việc làm thi giống họ Dồ Sơn ⁽³⁾ dâng nhà Ha, nhưng đức thi không có. Đạo thay đổi của trời như thế, huyền vi lắm thay!

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Linh Từ học theo chi của Võ Chiêu ⁴ nhưng không có cai tai của Võ Chiêu, cho nên rót cuộc lấy được ngôi cho Thái Tông mà mình lại về với Thủ Độ; trước sau đều mưu tính cho nhà Trần việc nội tri, với nhà Lý có gì

1. Tam Muội: Chủ nhà Phật có nghĩa là phép giải thoát.

2. Nhất thừa: Chỉ Phật pháp, Phật giáo.

3. Họ Dồ Sơn: Võ vua Vũ nhà Hạ sinh ra Khải

4. Võ Chiêu: Túc Võ Tắc Thiên.

mà phải bàn luận việc bão táp có hay không. Sí Liễn lại lấy việc ho Đô Sơn dấy nha Hả để so sánh há chàng là sai lầm sao? Sử cũ chép là: Linh Tu quốc mẫu Trần thi mất, nay đổi câu văn viết: "Thái hậu nhà Lý cũ, tức là phu nhân của Trần Thủ Đô chết" là rất ghét dây.

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyễn Giới Huân làm dai hành khiển thương thư tả phu; Lê Phụ Trần làm thuỷ quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bái yết Sơn Lăng, đặt quan Sơn Lăng, phong cho các cung tần của tiên đế để thờ cúng.

Tháng 9, lấy ngày sinh nhật làm tiết Hưng Thiên (theo ngày sinh nhật của nhà Trần <18b> từ khi Thánh Tông xưng là Hưng Thiên, sau đó đều lấy chữ Thiên làm hiệu, Nhân Tông là Thọ, anh Tông là Sùng, Minh Tông là Ninh, Hiến Tông là Hợi, Du Tông là Khánh, Nghệ Tông là Kiến, Duệ Tông là Tế, Phế Đế là Quang).

Mùa đông, tháng 10, Thượng hoàng ngự Bắc cung (tức cung Thánh Tử) trám quan vào chầu mừng.

Canh Thân, [Thiệu Long] năm thứ 3 [1260] (Tông Cảnh Định năm thứ 1, Nguyên Thế Tổ, Hốt Tất Liệt năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Mậu Thìn có nhật thực. Ngày Nhâm Thìn mặt trời có hai vầng sắc vàng

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261] (Tông Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Thống năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, chọn dân định khoé mạnh ở các lô, cho làm binh, người còn lại thì sung vào sắc dịch các sảnh, viên, cục và đội tuyển phong ở các huyện, lô, phủ.

Thi lại viên bằng viết chữ và làm tính, những người thi đỗ được sung vào làm huyễn lại ở nội lệnh sử. Các ty thái y, thái chúc khi khảo thí ai tinh thông nghề nào thi bổ vào chức ấy.

Mùa hạ, tháng 6, Mông Cổ sai Lê bộ lang trung là Mạnh Giáp, viên ngoại lang Lý Văn Tuấn mang du thư đến (Dụ thư đại lược viết: Tất cả quan liêu, sĩ thủ nước An Nam, gồm áo, mũ, lễ, nhạc, phong tục đều theo như lệ cũ ở trong nước không phải thay đổi. Phải bảo các tướng ở biên giới không được tự tiện dấy binh cướp bóc xâm lấn biên cương, quấy nhiễu nhân dân, nhân dân nước ấy đều nên yên ổn như cũ). Bọn Giáp đến dự yến ở cung Thánh Tử. Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diễn, sang Mông Cổ để thông hiếu. Mông Cổ phong vua làm An Nam vương, ban cho 3 tấm tây cầm, 6 tấm gấm kim thực và trao cho hổ phù, lại du kỳ tiến cống 3 năm nên chọn nho sĩ, thầy thuốc và người thông âm dương bói toán, các hạng thợ thuyền mỗi loại 3 người, cùng là trầm hương, tê giác, chán chau, dồi môi, vàng bạc, ngà voi, chén sứ. Vua lại sai Viên ngoại lang là Dương An Dưỡng đến ta ơn và xin đính cống vật, xin miễn đòn các hạng người. Vua Mông Cổ đồng ý, ban cho dai ngọc, vải lụa thuốc men, yếm xe, theo thứ bậc khác nhau.

Cho Chiêu Minh đại vương Quang Khải là thái úy. Khi đó, anh của vua là Quốc Khang tuổi đã lớn vì tài tăm thường cho nên không dùng mà cho Quang Khải làm tướng.

<39b> Sứ thần Ngõ Sí Liễn bàn: Ché dộ nhà Trần, các vương hầu đều ở

phù dê thuộc các hương, đến kỳ triều kiến thì mời vào kinh, xong việc lại về phủ đê như Quốc Tuấn ở Van kiếp, Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Chân ở Chí Linh, đến khi vào làm tướng mới năm giờ công việc trong thiên hạ, nhưng cũng chỉ nhường net dài cương thái, còn quyền lực thuộc về quan hành khiển. Kế khinh lợi thành trong, người trọng lại thành khinh. Không phải phiền đến công việc, cũng là ý bảo toàn đây. Hơn nữa như năm Cảnh Ty đời Nguyên Phong giặc Hô sang cướp phá, các vương hầu cũng mang người nhà cùng những hương binh thổ hào ra làm lính giúp cho vua. Trong cuộc biến loạn thời Đại Định¹ lại đem người thon trang di dời vua ở Long Đại, đó cũng là làm mạnh cái thế bảo vệ đấy.

Nhâm Tuất, [Thiệu Long] năm thứ 5 [1262] (Tổng Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thông năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến hành cung Túc Mạc ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên mỗi người được ban tước nhị tư, đàn bà ban cho 2 tám lúa. Dời (40a) hương Túc Mạc thành phủ Thiên Trường, cung gọi là cung Trung Quang, dựng cung riêng cho vua nối ngôi vào chầu ở, gọi là cung Trung Hoa, lại dựng chùa thờ Phật ở phía tây cung Trung Quang gọi là chùa Phổ Minh².

Từ đây về sau các vua nhường ngôi đều ở cung đó. Vì thế đặt chức sác dịch sứ ở 2 cung để hầu hạ cho dày dì, lại đặt quan lưu thủ để nắm giữ.

Tháng 3, ban chiếu cho các quân làm chiến khí chiến thuyền, tập trận ở 9 bãi trên sông Bach Hac.

Mùa hè, tháng 6, sứ nhà Tống sang phong. Trước đó khi quân Mông Cổ đã về, ta liền sai sứ sang báo cho nhà Tống biết và công 2 thớt voi, nhà Tống phong vua ta làm An Nam quốc vương, tháng Thái thương hoàng làm An Nam đại vương.

Mùa thu, tháng 7, soát tù, kẻ nào khi giác Phương Bắc sang mà đầu hàng giặc thì không tha.

Nước Chiêm Thành sang công (đến cuối đời Thánh Tông tất cả 6 lần).

Mùa đông, tháng 10, Mông Cổ sai bọn Mã Hợp Bộ 12 người sang (hỏi lễ chúc mừng).

Tháng 12, mưa to, gió lớn.

<40b> Quý Hợi, [Thiệu Long] năm thứ 6 [1263] (Tổng Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thông năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, sai bọn Diện tiền chỉ huy sứ Phạm Cư Địa và Trần Kiêu sang Mông Cổ. Khi đến nơi, vua Mông Cổ ưu đãi ban chiếu đón lại, mới đặt ra lé 3 năm một lần công.

Tháng 2, mưa da

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An.

Mùa hè, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hoá

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ di tuần nguồn sông ở Lạng Sơn

Tháng 9, bệnh dịch phat.

¹ Đại Định Nguyên hán chủ Hán chép là "Thuận". Sai Niên hiệu của Dương Nhật Lễ là Đại Định, không phải là Thiếu Định.

² Chùa Phổ Minh ở xã Túc Mạc gần Nam Định thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà cũ.

Mùa đông, tháng 11, mưa to, gió bão.

Thổ quan phủ Tư Minh nước Tông là Hoàng Bình sang quy phụ, dâng sản vật địa phương và đem theo bộ thuộc 2100 người.

Giáp Tý, [Thiệu Long] năm thứ 7 [1264] (Tống Cảnh Đinh năm thứ 5, Nguyên Chi Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, Trần Thủ Độ mất, thọ 71 tuổi, truy tặng Thượng thư thái sư trung vũ đại vương. Thủ Độ là người không có học vấn, nhưng tài lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người tôn trọng. Thái Tông lấy được thiên hạ đều do công sức của Thủ Độ, cho nên là chỗ dựa cho nhà nước. Khi đó có người dàn hặc vào khóc nói với Thái Tông rằng: "Bệ hạ thơ ấu mà <41a> Thủ Độ quyền hơn cả vua, như vậy xã tác sẽ ra sao?" Thái Tông lập tức hạ lệnh xa giá đến nhà Thủ Độ mang theo cả người dàn hặc. Đến nơi vua đem hết lời của người hặc ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời: "Quá đúng như lời người ấy nói", rồi lấy tiền lụa thường cho người hặc. Thái Tông từng muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tướng. Thủ Độ từ chối nói rằng: "An Quốc là anh của thần nếu là người tốt, tài thì thần xin thôi chức nhường cho An Quốc. Còn như cho là thân tài hơn An Quốc thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tướng thì việc trong triều sẽ ra sao?" Vua bèn thôi Thủ Độ tuy làm đến tể tướng mà tất cả mọi việc không việc gì không để ý, vì thế mà giúp nên nghiệp vương giữ được công danh cho đến trọn đời. Thái Tông có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ ý quý mến khác người.

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Thủ Độ mất không chep chúc quan là kết tội nô đây. Có người nói: Thủ Độ là thân thích nhà vua, giúp van nước khi mới mồ mang, huân nghiệp quý trọng không ai so sánh được, thế mà không nhận sự phong tước vương, thật là thân không thể vui với Bà Liệt; so không thể vui với Tà Chu. Đến khi chết mới tặng. Đó át là vì Thủ Độ giữ trọng trách đảm đương việc nước, thường su yên mến của vua mà không nhận, cũng là có chỗ đáng khen dấy. Có người lại nói: giết vua, thông dâm với hoàng hậu, tội ác không gì lớn bằng. Tuy có công mờ ra nhà Trần, biết giữ gìn khiêm tốn lui về, giữ được yên lành mà mất cũng không thể chuộc được cái tội đó, sao lại được chep chúc quan để khen.

Tháng 2, sao Chổi mọc ở đông bắc.

Tháng 3, cho Khâm Thiên đại vương Nhật Hao làm tướng quốc thái úy, nắm giữ việc nước. Vua muôn cho Nhật Hao làm thái sư, nhưng Nhật Hao vì việc viết chữ vào mạn thuyền khi trước lấy làm xấu hổ có từ chối không nhận mới phong làm tướng quốc thái úy.

Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở hướng đông bắc đuôi dài suốt trời, khi đó Thương hoàng đang ban yến cho quần thần ở điện Diên Hiền, tiệc chưa tan, thấy sao Chổi mọc ở địa phận sao Liếu, sáng rực trời, dài vài chục trượng. Thương hoàng ra trông <42a> thấy nói rằng: "Ta xem ánh sáng rất lớn và đuôi rất dài, không phải là tai hoa của nước ta. Doan lai truyền cho án xong tiệc yến. Tháng 10 năm đó, vua nhà Tống băng (sao Liếu thuộc địa phận Lâm An)

Át Sửu, [Thiệu Long] năm thứ 8 (Tống Độ Tông Hâm Thuân năm thứ 1, Mông Cổ⁽¹⁾ Chi Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, đội Ty Bình bạc ở kinh sư làm Đại phủ sứ. Theo chế độ xưa An phủ sứ phải qua tri nhám ở các lô, dù lệ khảo duyệt thì cho vào làm An phủ sứ Thiên Trường, người còn thừa thì khảo bổ là Đại hình viện sự, rồi mới cho làm An phủ sứ kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ vào phường Cơ Xá, người và súc vật chết đuối nhiều. Dai xá cho thiên hạ.

Hoàng tử Đức Việp sinh.

Bính Dần, [Thiệu Long] năm thứ 9 [1266] (Tống Hâm Thuân năm thứ 2, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sứ Mông Cổ là Nậu Thích Đinh đến. Ta sai sứ sang Mông Cổ, Mông Cổ sai Nậu Thích Đinh sang báo ta: "Ta trước sai sứ sang thông hiểu. Vì người làm việc mè muội không biết nghỉ lại, vì thế ta có việc dụng binh năm trước. Vua sai Dương An Dương và Vũ Hoàn sang để đáp lễ. Trước đây Ngột Lương Hợp Thai người Mông Cổ bình định nước Đại Lý rồi đem quân xâm lược phía nam, 3 lần sai sứ mang chỉ dụ đến, đều bị ta bắt giữ, họ liên đánh Bình Lệ. Thương hoàng phải chạy ra ngoài để lánh nạn. Quân Mông Cổ vào kinh sư, gặp 3 người sứ trước, đưa ra khỏi ngực, thấy lạt tre trói thắt hàn sâu vào tân da đến khi cởi trói thì 1 người sứ bị chết, bèn thoả ý chém giết, ở được 9 ngày, vì không chịu được nóng, bèn kéo quân về, thương hoàng sai quân đón đánh. Mông Cổ, lại sai 2 người sứ trước dụ Thương hoàng vào châu, Thương hoàng không nghe. Khi ta đã lấy lại được kinh thành, thấy cung khuyết bị tàn phá rất cẩm phẫn sự tàn bạo của Mông Cổ liền trói 2 người sứ rồi thả cho về. Cho nên Thích Đinh đến bảo và nói việc 2 người sứ bị trói, cơ lẽ là trách ta đây ("nâu" có bản chép là "nap").

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò, cho Trần Cố đỗ kinh trạng nguyên, Bạch Liêu đỗ trai trạng nguyên, đỗ bảng nhãn (khuyết danh). Hạ Nghị đỗ thám hoa, 47 người đỗ thái học sĩ, cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau (Liêu người Nghệ An, trí thông minh, nhớ lâu, đọc sách liếc mắt là được 10 dòng. Khi đó Thương tướng Quang Khải quản châu Nghệ An, <43a> Liêu chỉ làm khách, không ra làm quan.

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu cho các vương hầu đều đạt điện trang. Các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi đều cho phép được chiêu tập những người phiêu tán không có sản nghiệp làm nô ti để khai khẩn ruộng hoang lập làm điện trang. Các vương hầu có điện trang bắt đầu từ đây. (Xét sử cũ ghi chép: tháng 2 năm đó, thuỷ quân lô Đồng Hải đi tuần biển, đến núi Ô Lôi mới biết được thời gian người Nguyên sang xâm lược. Nay xét: Từ năm đó là năm Bính Dần, đến năm Ất Hợi niên hiệu Bảo Phù gồm 10 năm mới thấy người Nguyên đi tuần biển giới xem địa thế. Lại từ năm Ất Hợi đến năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thiệu Long gồm 8 năm, quân Nguyên mới xâm lược phía nam, há lại có thể biết được thời kỳ hành quân trước mười mấy năm, hoặc là khi đó trên biển giới có sự xâm lược nhỡ nhà viết sử bỏ không chép, cho nên đều cắt bỏ đi).

Dinh Mão, [Thiệu Long] năm thứ 10 [1267] (Tống Hâm Thuận năm thứ 3, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, định lệ phong ấp cho tôn thất, chính phái

¹ Từ đây đến năm Tân Mùi Thiệu Long năm thứ 14 [1271] (Tống Hâm Thuận năm thứ 7, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 18) đều ghi Mông Cổ. Trước và sau do đều ghi là Nguyên Chi Nguyên.

ngọc diệp⁽¹⁾ của hoàng tông; vương hầu, công chúa phong ấm gọi là Kim chi Ngọc diệp⁽²⁾, cháu ba đời được phong là quân vương, cháu bốn đời được ban tước minh tư, cháu năm đời được ban tước thượng phẩm, tước dựa theo ngũ phục dō⁽³⁾.

Mùa hạ, tháng 4, chọn dùng các nho sinh hay chữ sung vào quán, các sảnh, viện. Khi đó, Đặng Kế <43b> làm học sĩ viện Hàn lâm, Dỗ Quốc Tá làm trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là những người có văn học. Theo chế độ cũ, nếu không phải là hoạn quan thì không được làm hành khiển, chưa từng dùng những người có văn học. Người có văn học được giữ quyền binh bắt đầu từ đó.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc vương (Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng là người thông minh, hiếu học, thông kính sử, lục nghệ, giỏi văn chương và những kỹ năng nhỏ không gì là không tinh xảo. Từng dựng nhà học ngay cạnh nhà để tập hợp văn sĩ bốn phương đến giảng tập, cung cấp cho họ cà cơm áo, học trò như bọn Mạc Dĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phong ở Hồng Châu tất cả 20 người đều được dùng ở đời).

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu quy định quân ngũ, mỗi quân 30 dō, mỗi dō 80 người, chọn những người thông võ nghệ, tinh binh pháp trong tôn thất để cai quản.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn vương.

Mậu Thìn, [Thiệu Khanh] năm thứ 11 [1268] (Tống Hành Thuận năm thứ 4, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu cho các vương hầu tôn thất khi lui cháu thì vào nội cung hầu, vua thường bảo các tôn thất rằng: "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, nối nghiệp tổ tông thì nên cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Bên ngoài tuy lấy thiên hạ <44a>, được thiên hạ thờ phụng một người, bên trong cùng các khanh là anh em ruột thịt, buồn lo có nhau. Các khanh nên lấy câu nói ấy mà truyền cho con cháu để nhớ lâu, chờ quên, đó là cái phúc muôn đời cho tôn miếu xá tắc". Đến khi ấy ban chiếu cho các vương hầu tôn thất, xong buổi chiều thì vào nội điện và lan đình, cùng nhau ăn uống. Có khi trời tối không về, thi đặt gối dài chan rông liền giường cùng ngủ với nhau để tỏ lòng hữu ái. Còn những ngày lễ lớn cháu mừng yến tiệc, tất phải dùng ngôi thứ phẩm cấp. Vì thế bây giờ các vương hầu không ai là không hoà thuận kính sợ, cũng không ai có lỗi về sự khinh nhường kiêu căng ngạo man.

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Nhà Trần đối với họ hàng thân thuộc thật hoa vui thân mật, tin yêu không hề có sự hiềm nghi. Vua tôi sống với nhau như người trong nhà, khi vô sự thì cùng nhau thù tac xương họa vui vẻ thân mật; khi hữu sự thi

1. Ngọc diệp: Già phả của nhà vua.

2. Kim chi ngọc diệp: Cành vàng lá ngọc.

3. Ngũ phục dō: 5 thứ tang phục có hình vẽ ở trong luật. Những người cùng 1 dòng tộc để tang nhau theo thứ tự ở trong họ.

Tang phục chia làm 5 hàng:

a/ Trâm thời: Mặc áo sô gáu để tang 3 năm

b/ Tư thời hay Cơ mien: Mặc áo vén gáu để tang 1 năm

c/ Đại công: Để tang 9 tháng

d/ Tiểu công: Để tang 5 tháng

d/ Ty ma: Để tang 3 tháng.

giúp sức cùng chống kẻ thù như chắn tay cung bảo vệ thân thể. Đó là chỗ tốt của phong tục, chưa có triều đại nào theo kịp <44b>. Vua Thành Tông có tư chất nhân hậu lại có học vấn nuôi dưỡng tâm tính, thường xem những lời nói trong "cơ cùu lục" vì như những bài tung Đá mây. Toàn quy, nghĩa lý tinh vi nhập thần, ngoài ra câu nào câu ấy huyền diệu, chữ nào chữ ấy thiết thực. Nếu không phải là người hiểu sâu dao lý thì không thể có sự nắm vững được như thế. Cho nên tuy việc mà suy róng ra thì không làm gì là không do lẽ trời. Những lời dụ "cùng lo cái lo cùng vui cái vui", những sự thán mỉm như "cùng gói gói dài, dấp chấn rộng" cũng dù thấy lòng yêu quý rất chân thành, việc vui vẻ trong đạo lý làm người, hàng nghìn năm sau đó còn có thể tưởng tượng thấy được. Hiệu quả chóng ngoại xâm đã thấy được ở đương thời; lời dạy thân mật với người thân thì truyền cho con cháu. Thành Tông thật giỏi thay! Nhưng chú bác đồng đường mà dâu gia với nhau lại để yên thói hú lầu không thay đổi được? thay đổi cái tệ hại lưu truyền đến nỗi chung chạ cùng người ruột thịt, như vua Du Tông thì thật là điều không hay đổi với luân lý. Thiết nghĩ vì bậc hiền tài mà như vậy thật đáng trách lắm thay.

Tháng 6, đại han.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Nhật Hạo mất, thọ 44 tuổi được tặng tướng quốc thái sư.

Mùa đông, tháng 10, vua vào chầu Thượng hoàng. Vua cùng với anh là Quốc Khang đùa nhau trước mặt Thượng hoàng. Quốc Khanh múa kiếm người Hồ, Thượng hoàng cởi áo bông dương mặc ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa kiếm người Hồ để xin áo. Quốc Khang nói: "Cai quỷ nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần không dám tranh với chú hai. Nay đức chí tôn cho thân vật nhỏ này mà chú hai lại muốn cướp lấy chăng?". Thượng hoàng cả cười nói: "Mày coi ngôi vua với áo thường này không hơn kém nhau, rồi cho Quốc Khang cài áo ấy, ho thoả chí vui đùa rồi về.

Đối to.

Sứ Mông Cổ là Hốt Läng Häi Nha đến dự về việc biên giới, Trương Đình Trần làm sứ phó. Khi đến nơi vua ta nhận chiếu nhưng không lay, thế rồi Trung thư sảnh của Mông Cổ đưa tờ diệp đến nói về việc ấy và dẫn nghĩa *Kinh Xuân Thu* để trách vua ta. Vua sai người viết thư trả lời rằng: "Vua nước chúng tôi không thể có lẽ ngang hàng với sứ thần, hơn nữa tục của nước khi nhận chiếu thì để ở điện chính, sau đó lui vào nhà riêng đó là lẽ cũ. Tờ diệp thư sau của Mông Cổ cho rằng người của vua tuy nhỏ, nhưng <45b> mènh của vua trọng, chiếu trước cho rằng mọi nước đều có tục lệ riêng, không muốn bỗng chốc thay đổi, cho nên cho phép dùng tục của nước mình, há cho là không lay chiếu là theo tục dâu. Cuối cùng vua không nghe.

Sứ thần Ngô Thi Sí bàn: *Du thư năm trước* của Mông Cổ có nói: áo, mũ, lê, nhạc phong tục trăm việc đều theo lẽ cũ của nước mình, vua ta cố ý không lay chiếu cũ giữ lời ta phải theo lẽ tục lại không chịu cùng lẽ ngang hàng với sứ thần để nếu rõ sự nghiêm trọng. Dương lúc nước Mông Cổ mạnh dữ hung ác, luôn có trí muốn nước Nam. Vua ta vì quốc thể không chịu khuất phục chút nào, có thể gọi là anh hùng dãy, cuối cùng 2 lần đánh bại được bọn giặc giảo hoạt để thành sự nghiệp trung hưng là đáng lắm thay!. Vậy nên ghi cả lại.

Kỷ Ty, [Thiệu Long] năm thứ 12 [1269] (Tống Hâm Thuân năm thứ 5, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 6), mùa hạ, tháng 5, đất nứt sao sa.

Tháng 6, hạn, soát tú, trời mưa. Đến mùa thu, tháng 7 dân mới cày cấy được.

Tháng 8, mưa to.

Tháng 9, phong Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô thương tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mưa nhỏ.

Tháng 12, sứ Mông Cổ đến báo vua ta phải thân vào châu gửi con làm tin, nộp số dân số, đóng góp quân dịch, nộp phú thuế, dat người cai trị, gồm 6 việc, vua đều không theo, mà sai Lê Đà, Dinh Củng Viên sang Mông Cổ.

Canh Ngọ, [Thiệu Long] năm thứ 13 [1270] (Tống Hâm Thuân năm thứ 6, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 7). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tháng 9, vua ngự đền hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi, [Thiệu Long] năm thứ 14 [1271] (Tống Hâm Thuân năm thứ 7, Mông Cổ Chi Nguyên năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, soát tú

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Quang Khải làm tướng quốc thái úy, nắm giữ công việc trong thiên hạ.

Mùa đông, tháng 11, Mông Cổ sai sứ đến. Khi đó Mông Cổ đổi quốc hiệu là nước Nguyên, sai sứ đến báo vua sang châu, vua từ chối vì có bệnh không đi.

<46b> Nhâm Thân, [Thiệu Long] năm thứ 15 [1272] (Tống Hâm Thuân năm thứ 8, Nguyên Chi Nguyên năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng. Hâm lâm viên học sĩ kiêm Quốc tử viễn giám tư Lê Văn Hưu dâng sách *Đại Việt sử ký*. Văn Hưu phung sác biên chép sứ từ Triều Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng gồm 30 quyển, đến lúc đó thì sách làm xong dâng lên, vua ban chiếu khen ngợi

Mùa hè, tháng 4, nhà Nguyên sai sứ là Ngót Lương sang hỏi về địa giới cột đồng cũ. Vua sai viên ngoại lang là Lê Kinh Phu hồi kham, nói rằng: Nơi Mã Viện dựng cột đồng qua nhiều năm đã mai mít không còn tung tích gì

Tháng 6, mặt trời lạy đồng (ngày 23 giờ Mui).

Sai Đồng tử Đô Da Mộc sang nước Nguyên (xét khi đó nhà Nguyên đòi nước ta phải nộp các hạng người. Đô Da Mộc có lẽ là trung khoa thân đồng cho nên được tuyển lựa).

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu tìm người hiền tài hiếu rõ kinh nghĩa làm quan tử tư nghiệp, người có thể giảng ý nghĩa từ thư, ngũ kinh vào hau noi vua hoc.

Quý Dậu, Bảo Phù năm thứ 1 [1273] (Tống Hâm Thuân năm thứ 9, Nguyên Chi Nguyên năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 đổi niên hiệu.

(47b) Tháng 3, sét đánh ngoài cửa Đại Hưng 7 chỗ.

Mùa đông, tháng 10, cho Nhân Túc vương Toản làm nháp nội phản dai, tông chính phủ dai tông chính

Giáp Tuất, [Bảo Phù] năm thứ 2 [1274] (Tống Hâm Thuân năm thứ 10, Nguyên Chi Nguyên năm thứ 11), mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang theo ta. Khi đó nước Tống ở riêng về phía Lam An, người Nguyên luôn luôn đến xâm lấn, đến bấy giờ người Tống đem 30 chiếc thuyền chờ vợ con và của cải vượt biển đến Cát La Nguyên, đến tháng 12 dẫn về kinh, an trí ở phường Giai Tuân, gọi là Hồi Kê (Người Tống thường lấy vóc đoạn, thuốc men, mỏ chở buôn bán, người nước ta thường gọi nước Tống là Kê quốc cho nên mới gọi là: Hồi Kê)..

Tháng 12, sách phong Hoàng trưởng tử Khâm làm hoàng thái tử. Cưới con gái lớn của Hưng Đạo vương lập làm phi của thái tử.

Chọn nho sì trong nước, những người có đức hanh vào hầu đông cung, cho Lê Phụ Trần làm thiếu sứ kiêm chức sứ cung giáo thụ. Lấy bọn Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Si Cố sung chức nhập thị học sĩ. Vua thân <47b> viết thư để dạy hoàng tử và làm 2 quyển *Dị hậu lục* để ban cho.

Át Hợi, [Bảo Phù] năm thứ 3 [1275] (Tống Cung Đế Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, mở khoa thi chọn học trò, cho Đào Tiêu dỗ trang nguyên, Quách Nhẫn dỗ thám hoa, 27 người dỗ thái học sinh. Trước đây 2 khoa Bính Thìn và Bính Dần phân ra kinh trại đến khi ấy lại hợp làm một (dỗ bằng nhau không rõ tên).

Người Nguyên hạ được thành đô nước Tống, kéo quân tràn xuống biên giới phía bắc nước ta.

Mùa hè, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 11, sai Lê Khắc Phục và Lê Tuý Kim sang nước Nguyên. Trước đó người Nguyên cho Diệp Thúc Niết làm chức đạt lỗ hoa đến giám sát nước ta, liên lại thay Nạp Thích Định làm chức ấy. Khi vua mới lên ngôi, sai Dương An Đường dâng 3 tờ biểu, 1 là định vật tiến công; 2 là miễn đòn các hạng người, 3 là xin cho nhận Thích Bình Trường làm chức đạt lỗ hoa xích, vua Nguyên đồng ý. Sau lo Nạp Thích Định thông tình với ta, không biết được động tĩnh của ta, <48a> lại sai đặt lại. Vua sai đưa tờ biểu sang nước Nguyên nói: "Nước chúng tôi nay đã được phong mà lại đạt chức đạt lỗ hoa xích để giám sát, hành động bị gò bó và bị chèn ép. Hơn nữa chức đạt lỗ hoa xích có thể đạt ở những nước moi rơ nhô bé, xin thay quan khác đổi làm dân tiến sử, cho khỏi bị đạt lỗ hoa xích quấy nhiễu. Vua Nguyên không cho và lấy 6 việc trách ta. Vua sai bọn Lê Đà sang Nguyên xin miễn. Đến khi ấy vua Nguyên có ý muốn xâm lược Phương Nam lại trách hỏi về 6 việc trước, muốn làm đầu mối gây binh dao, lại cho quân tuần tra xem xét địa thế. Các tướng thần ở biên giới phía bắc chạy tramped tình hình cho nên mới sai bọn Khắc Phục sang giải quyết việc đó.

Bính Tý, Bảo Phù năm thứ 4 [1276] (Tống Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 trở về sau là Tống Đoan Tông, Cảnh Viêm năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long Châu, mượn tiếng đi mua thuốc để thăm dò tình hình người Nguyên.

Tháng 3, trong mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, nó lay động hồi lâu.

Có sao đấu nhau ở giữa <48b> trời, một ngôi sa xuống

Mùa hè, tháng 4, sứ nước Nguyên là Hợp Tân Nhị Mâu sang, lại du về 6 việc, vua

đều không nghe, mới sai bọn Trung thị đại phu Chu Trọng Ngạn và Trung lượng đại phu Ngô Đức Thiệu sang nước Nguyên, (sử cũ chép: Nguyên Thế Tổ đánh được Giang Nam, sai sứ sang du ta phái diêu dân giúp quân gồm 6 việc. Xét ra người Nguyên đòi ta 6 việc đều chép vào năm Thiệu Long thứ 13, chứ không phải là bình định Giang Nam đòi hỏi ta phái diêu dân, giúp quân cũng không phải đến khi đó mới dự; cho nên dính chính lai).

Mùa thu, tháng 9, Hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm hoàng thái tôn. (Sử cũ chép: không bao lâu lập hoàng thái tử. Xét năm đó là năm Bình Tý, đến năm Bình Dân Nhán Tông mới được nhường ngôi, gồm 3 năm, thi việc lập thái tử phải vào sau việc Nhán Tông được nhường ngôi. Nay Nhán Tông còn đang là thái tử mà Hoàng trưởng tôn không bao lâu lại lập làm thái tử.

Nói về lý thi đáng ngờ, vây dính chính lai).

Dinh Sứu, [Bảo Phù] năm thứ 5 [1277] (Tống Cảnh Viêm năm thứ 2 Nguyên Chi Nguyên năm thứ 14), mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh người Man Liêu ở động Nam Bà La, bắt sống bè đảng của họ hơn nghìn người đem về.

Mùa hè, tháng 4, Thượng hoàng băng, ở cung Van Tho. Theo chuyện cũ: Buổi sáng Thượng hoàng băng thì đánh chuông. Con gái của Thượng hoàng là công chúa Thiều Dương đã <49a> gả cho Thượng Vị Văn Hương hầu, nhiều lần sai người đến thăm hỏi, những người hầu gần đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục. Ngày Thượng hoàng băng, công chúa đang ở cũ, nghe tiếng chuông đánh liên hồi kinh hãi nói: "Thượng hoàng mất chăng?" Những người hầu bên cạnh nói dối, công chúa vẫn không nghe, cứ thương khóc kêu gào rồi chết, người trong nước ai cũng thương. Trước kia, khi vua Thái Tông đã đi tu thì việc thờ Phật càng chu đáo. Tất cả những chùa ở kinh sư và các chùa Quỳnh Lâm, Hoa Yên đều mở đàn làm chay, các nhà sư thường có tới 500 người). Quốc sứ nước Tống là Tống Đức Thành thường đi thuyền vượt bể mà đến. Vua đạo chơi chùa Chân Giáo, mời vào nói chuyện, Đức Thành hỏi về lễ Phật Thích Ca tết độ người, vua xem câu kè ràng:

"Thiên giang hữu thuỷ thiên giang nguyệt,
Vạn lý uô vân vạn lý thiên"

(Nghìn sông có nước thì nghìn sông có trảng; Vạn dặm không có mây thì vạn dặm thấy trời). Đức Thành lại đem việc Thế Tôn đắc đạo và tu hành chứng lý có hay không, cùng nhau biện luận, vua liền trả lời nhanh như tiếng vang đều thành vần thơ như những câu:

"Xuân vū uô cao ha,
Hoa chi tư đoán trường".

(Mùa xuân không kể chỗ cao chỗ thấp, Cảnh hoa tự nhiên có cảnh dài cảnh ngắn) và câu:

"Mạc vị uô tâm vân thị đạo, uô tâm do cách nhất trùng quan"

(Đừng bảo vô tâm tức là đạo, vô tâm còn cách một lần cửa nữa mới tới đạo). Đức Thành lại bảo: "Các bậc đế vương khi đã giác ngộ đạo thì được nhân duyên gì?". Vua nói: "Ta và người như đậu mộc cùng có tính hoà, hơn nữa đạo chỉ có một mà thôi, phóng ra thì như trời đất vô cùng, thu lại thì dầu cái lông có thể chứa được. Người ta ai cũng có

chất sang suốt trong mình, như mua xuân đèn thi hoa tư nhiên nò". Đức Thành phục vua là người giac ngô, bài ta rồi xin về.

Xem sách cũ: Thái Tông thường đèn ngư đường, hóng thây con rết bò trên áo ngũ. Thái Tông kinh ngạc lấy tay phủi đi, con rết rơi xuống đất có tiếng kêu, nhìn ra thì đó là cai dinh sat, nhân bối xem thi nói rằng: Đó là diêm vê nam Định Vua lai thường đưa sai Minh Tư Nguyên Mae Lão dung phép quan sát bên trong để nghiêm xem đó là diêm lành hay dữ. Mae Lão lấy những điều hiết đượctau rằng: "Thấy một cái hòm vuông bốn mặt đều có chữ nguyệt, trên hòm có một cái kim và một cái lược. Thái Tông lập tức lý giải ra rằng: hòm tức là hòm quan tài, bốn bên có chữ nguyệt tức là tháng 4, cái kim có thể cảm vào vật, đó là diêm nhập quan tài, chữ "sơ" là cái lược đồng âm với chữ "sơ" là thuận có lẽ là xa rời eae người đây". Khi đó trời mưa rào, thường có câu hời hores: chóng đèn ngay mồng 1 thay phiến. Thái Tông lai đoán: "Đó là diêm ngày mồng 1 ta chết". Đến khi bang thi ngày, tháng, năm đều phù hợp. Hoac già vua Thái Tông đèn cuối đời Phật học tiến tới, tinh vi, cho nên khi mất ngẫu nhiên có sự biêt trước được, chỉ mượn việc chiêm nghiêm mà nói ra thôi. Còn về tư chất cao hoe thức sáng qua đó cung có thể thấy được.

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: Diêm lành hay diêm gớ chí có người thành tâm
mời có thể biêt trước được. Cho nên Đại truyền Kinh Dịch có nói: "Tương sú tri khí,
chiêm sú tri lai hứ" (hình dung được sự vật thi biêt chế tạo khí cu, chiêm đoán được
sự việc thi biêt tương lai), nhưng tất cả phải sau khi suy nghĩ nghiên ngâm trong
long minh. Thái Tông đoán biêt những ngay sau là chiêm nghiêm được sự việc đây.
Nếu không phải là người biêt rõ lẽ, lòng thành kinh, chỉ nhân sự việc mà đoán mà
để khảng định, thi chưa có ai không chuộc tai hoa về sau. Đó là sự khác nhau giữa
cái học về sám, ký, thuật số với cái học của thánh hiền dãy chằng?

<50a> Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Công chúa mót theo lệ thi không chep,
nhưng nét hiếu thảo của Thiệu Dương công chúa là đáng chep. Cho nên vẫn theo
tập sách cũ ma chep ngay ở dưới phần Thương hoàng bàng là để khen công chúa
đây.

Thang 9, nước to, đất nứt 7 trương, súc vật và cá sáu bọ chết nhiều.

Mua đông, thang 10, chôn cát ở Chiêu Làng đất men hiếu là Thái Tông, thuy là
Thông Thiên ngư cực long công mâu đức hiền hoà hưu thuần thản van thành võ nguyên
hiếu hoàng đế.

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: Du Tông có thơ khen Thái Tông rằng:

"*Dương Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,
Bì xưng Trinh Quan ngã Nguyễn Phong.
Kiến Thành tru tú, An Sinh tài.
Miêu hiếu tuy đồng đức bất đồng*".

1. Kiến Thành là anh của vua Thái Tông nhà Dương. Sau khi vua cha là Lý Cao Tổ mất, Kiến Thành bị em là Lý Thế Dân giết để đoạt ngôi.

2. An Sinh là thực ấp của Trần Liệu. Sau khi Trần Liệu chết được phong tước vương. Nham đất phong mà gọi là An Sinh vương.

Dịch nghĩa:

Gày nghiệp Việt, Đường, hai Thái Tông.

Ho xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong

Kiên Thành bị giết, An Sinh sống.

Mẫu hiếu như nhau, đức chẳng đồng.

Đạo đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tâm lòng hiếu hữu bắt nguồn từ tinh trời. Nhưng cũng do Linh Từ quật màu điều hoà. Còn việc cướp vợ của anh <50b> cũng do Linh Từ và Thủ Độ. Vậy Thái Tông mắc vào tội lỗi là do có người dẫn dắt. Đó là vì Thái Tông tuy có tư chất tốt đẹp trời phú nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, hiểu rõ lẽ phải, đức ngày một tiến là đã hiểu được đạo học của thanh hiền đây.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Sử thần Phan Phu Tiên bàn: Thái Tông cướp vợ của anh nhưng không giết chết anh; Có lẽ là bản án cố định không thay đổi được. Sí Liên đã biết Linh Từ gày nên tội ác, không thể không điều giải khiên cho hoà thuận, mà nhiều lần đem việc đó quy công cho Linh Từ và dẫn tha của Du Tông làm chung, mà rất tán dương đạo đức của Thái Tông. Ké ra Du Tông ca tung phiêm tố tông của mình há dù làm bằng cứ? Trần Thái Tông cướp vợ của anh; Dương Thái Tông lấy vợ của em. Vậy đạo đức tội ác đều như nhau cả; còn có hơn kém gì mà đang nói đâu!*

<51a> Mậu Dần, [Bào Phù] nam thứ 6 (1278) (Tông Cảnh Viêm nam thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bình Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chi Nguyên năm thứ 15), mua xuân, tháng 2, có bệnh dịch lớn, kinh thành bị cháy

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên đại vương

Tháng 3, Hoàng hậu cũ của Thái Tông là phu nhân của Lê Phu Trần Ly thi mất (Ly thi đã già và làm công chúa già cho Phu Trần hơn 20 năm, sinh con trai trước Thương Vị hầu Tông; con gái là Ưng Thuy công chúa Khuê, đến khi ấy thi mất, thọ 61 tuổi. Nay ở đầm Minh Châu thuộc Bắc Giang có một hòn đá lớn ở giữa. Dài truyền rằng Chiêu Hoàng đội đà nhảy xuống đầm mà chết, trên bờ có miếu Chiêu Hoàng, có lẽ người bán sứ ngoa truyền ra thuyết ấy, cũng chép cả vào.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Vận nhà Lý không thịnh, con trai ngông cuồng, con gái dâm dục. Chiêu Hoàng sống cẩu thả nhẫn nhục, sành dối không vita lita, khai quát cách làm người tất không phải là người đời đã nhảy xuống đầm như lời người đời truyền lại. Sứ cũ chép là hoang, ở đây đổi lại lời văn, mà chép Hoang hậu cũ của Thái Tông, là phu nhân của Lê Phu Trần, Ly thi mất khinh Chiêu Hoàng là để chế Thái Tông đây.*

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phía nam rơi xuống biển, hơn nghìn sao nhỏ rơi theo có tiếng vang như sấm <51b> vài khắc mới thôi.

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, trâu bò già súc chết

Mùa đông, tháng 10, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử. Thái tử lên ngôi, xưng là Hiếu Hoàng, tôn hiệu Thương hoàng là Quang nghiệp từ hiếu thái thương hoàng đế, tôn Thiên Càn hoàng hậu làm Nguyên Thanh Thiên Càn hoàng thái hậu. Quản thân dâng

tên hiệu vua là Pháp thiên ngư cực anh liệt vú thánh nhân minh hoàng đế.

Sú Nguyên là Sài Thung sang, vua nghe tin Thái Tông băng có ý muốn lấy lại nước ta, bèn sai Lẽ bộ thương thư Sài Thung sang sứ, lấy cớ là vua ta không xin mệnh lệnh mà tự lên ngôi và bảo phải sang chầu. Khi đó sứ nước ta là Lê Khắc Phuc từ nước Nguyên về, gặp quân Nguyên đánh nhà Tống, nên phải đi theo đường Hồ Quảng về nước Thung cùng đi với Khắc Phuc, sang nước ta. Khi đến, vua ta sai bày yến tiệc dưới hành lang để xem ý tứ của Thung. Thung không vào dự tiệc, bèn sai Phạm Minh Tự đắn về quán, ngày hôm sau mới đổi nơi đặt yến tiệc ở điện Tập Hiên, nhân nói rằng: "Ta sinh trưởng trong cung không quen phong thổ, nên chưa vào yến kiến được". Xuân bèn về. Vua sai Phạm Minh Tu, Trịnh Dinh Toàn, Đỗ Quốc Kế sang nước Nguyên và dâng nhà Nguyên 2 thớt voi thuận. Các bày tôi nhà Nguyên xin đưa quân xuống phía nam vua Nguyên chưa quyết định bèn giữ Đinh Toàn không cho về Thung tức Sài Trang).

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huý là Khâm con trưởng của Thánh Tông. Mẹ là Thiên Cẩm hoàng hậu. Ông 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở nam Ngọc Vân, núi Yên Tử, mang vě táng ở Đức Lăng. Vua là người nhân từ, hoà nhã, cố kết lòng dân, phục hưng sự nghiệp, làm vě vang dời trước, thực là bắc vua giỏi của nhà Trần. Song để lòng vào kinh Phật, tuy nói là siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của bắc thánh nhân).

Kỷ Mão, Thiệu Bảo năm thứ 1 [1279] (Tống Tường Hưng năm thứ 2, năm đó nhà Tống mất tức Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16), mùa xuân, tháng giêng ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá cho thiên hạ.

Nước Chiêm Thành sai Chế Nàng và Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Nàng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận. Lập phi là Trần thị làm hoàng hậu.

Người Nguyên đánh quân Tống ở Nhai Sơn⁽²⁾, đánh bại được quân Tống. Tá thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu công vua Tống nhảy xuống biển chết, cung tần và các bồ tát chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày xác nổi lén lên mặt biển đến hơn 10 vạn người <52a>. Xác vua Tống cũng ở đấy, ứng với diềm sao sa xuống biển đấy. Năm đó nhà Tống mất.

Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm và dương mà thôi. Người làm vua gây được khí trung hòa thì trời đất sẽ yên ổn, vạn vật phát dục và khí tiết điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà can phạm đến khí dương thì trời đất tất vi thể mà báo rõ việc biến. Cho nên đất có tai biến xuất hiện trước, thì diêm ưng nghiêm theo sau. Dương lúc bấy giờ, nào nhiệt thực, nào mát trời lay động, đất

⁽¹⁾ Nhai Sơn: Thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

nứt, mưa dâ, sao sa đều do khí ôm thịnh can phạm khi dương, đó là điểm nếu không phải tôi con mưu hại vua cha thì là *Di Dịch xâm lấn Trung Quốc*. Phạm những người làm vua kính cẩn sự rắn de của trời, hết lòng vì việc của người, đó là cái đạo văn hối tai biến của trời đây. Nhà Tống dâ không thể văn hối được tai biến của trời, mà nước Việt ta liền cũng bị *rơi Hô xâm lược*, may mà vua tôi hiệp mưu, quân dân hết sức; cuối cùng trùi được giặc Phương Bắc và thành vô công đại định. Cho nên nói kính cẩn sự rắn bảo của trời, làm hết phận sự của người là đạo văn hối tai biến của trời đây.

<53a> Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh nhật làm tiết Thọ thiên.

Canh Thìn, [Thiệu Bảo] năm thứ 2 [1280] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 17), mùa xuân, tháng giêng, ban hành thước công cộng (thước do gỗ và thước do lúa cũng một kiểu).

Tháng 2, xét duyệt và định ra sổ định và các sác dịch trong thiên hạ.

Mùa đông, tháng 10, được mùa lớn, lúa ruộng ở Trà Kiệu thuộc Khoái Lộ 1 giờ bông.

Ha mệnh cho hoạn quan là Trần Hùng Thao kiêm chức quan kiểm pháp. Khi đó em của Đỗ Khắc Chung là Thiên Thư kiện nhau với người ta, tình lý đều trái, người đó đón xe vua để kêu bày. Vua hỏi quan cai ngục, quan trả lời: "An xử đã xong nhưng hình quan còn thoái thác chưa chuẩn định đó thôi". Vua nói: "Đó là vì sợ Khắc Chung dâ". Lập tức ngay giữa đường đi sai quan nội thư hoả chánh chưởng là Trần Hùng Thao kiêm chức kiểm pháp quan, để xét xử thì Thiên Thư quả nhiên là trái. Quan áo xanh được chức kiểm pháp, bắt đầu từ Hùng Thao (áo xanh gọi là hoạn quan).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Người kiện có điều oan ướng mà được dễ dàng kêu bày; hình quan để chậm án kiện **<53b>** không thấy có lời hối trách, hoạn quan nội thần lại cứ làm chức pháp quan, vua làm việc này có 3 điều sai theo nó, nhưng tình dân được thấu lên trên. Việc trị dân thà sai vì rộng rãi để cho việc kiện động lại được giải quyết, cũng thấy được lòng trung hậu của nhà vua.

Sử thần Nguyễn Nghiêm bàn: Quá lâm thay! Việc nhỏ cũng không thể không cẩn thận đây. Nếu những việc cẩn giải quyết trước mắt mà không cẩn thận ở những chỗ rất nhỏ thì cuối cùng nó sẽ truyền tệ hại đó đến mức nào. Nhân Tông cho rằng: Thiên Thư cậy thế, pháp quan xử kiện chậm trễ, dân phải ngậm oan lâu ngày không được xét rõ, ngay lúc ấy mà sai giải quyết thực là đúng đắn. Nhưng muốn giải quyết thì các quan khanh tướng trong triều hà không có người nào dâng làm việc đó hà tất phải sai Trần Hùng Thao? Một vụ kiện mà chưa được xử lý, một người dân chưa được có nơi ăn chốn ở, nhưng không dâng làm cho nang nhẹ, thì quyền binh dân dần di chuyển, quan lại gian tà dần dần nổi lên, một khi nguôn dâ khai ra thì dòng nước chảy sẽ không thể ngăn lại được. Ôi! cũng dâng so dây. Kinh Dịch **<54a>** có nói: Dâng quân từ khi làm việc phải mưu tính từ ban đầu. Sử chép, hoạn quan làm chức kiểm pháp bắt đầu từ Hùng Thao đó là chế Nhân Tông dây.

Tuần Giac Mát cát Đa Giang làm phản. Vua sai Chiêu Văn vương Nhật Duật du
 hành Kinh. Khi Nhật Duật cát giáp Đa Giang, đem quân của mình đến nơi Trịnh Giac
 Mát và người dân quàn doanh thành khán nói rằng: 'Mát không dám trai ménh nêu ăn
 rau mồi mìn, nuôi ngựa đèn. Mát lập tức xin hàng'. Nhật Duật nhận lời dem theo nam.
 Ngày đông đít tháng trại Quân cát ngan la. Nhật Duật nói: 'Nếu nô phản bội ta, thi
 ta sẽ đánh tan cát vương khae đến, đừng lo'. Khi đến nơi người Man dàn vây mây chục
 km. Cảnh khai gác hổng vào. Nhật Duật điểm nhiên vào tháng. Mát mồi ngồi. Nhật
 Duật thay đổi tiếng nói và mèo phong túc của người Man, cùng với Mát an bóc bàng
 rau, uống nước hàng mũi, người Man rất thịnh. Khi Nhật Duật trở về, Mát đem ca già
 thuyết đến quàn doanh đầu hàng, mọi người đều mừng và kinh phục, không mất một mũi
 tên. **<54b>** đẹp được Đa Giang. Khi về kinh sư, đem Mát cung vú con của nó vào yết
 kiến vua. Vua rất khen, rồi cho Mát trở về, giữ con của Mát ở lại kinh sư. Nhật Duật rất
 yêu quý, để nó xin triều đình phong tước cho. Vua ban cho tước thương phẩm, vào hầu
 làng nước ta, rồi sau cùng cho về.

Sư thần Ngô Thị Sí ban: Nhật Duật cung với tiểu đồng đến chở Giac Mát.

phong thái của Tư Nghị nhà Dương mởi minh cưới ngựa đèn Hồi Ngót, có lẽ Nhật
 Duật danh vọng lớn được trọng so long tin nghĩa vốn được tin, nên kế địch bắt giác
 phu khuất phục. Sư xảo tra không dam dat ra, sự hung bao không dam thi thò. Sở dĩ
 thang đưa ke phản minh si nho cao phong thai và cách nói nang. Nếu không canh
 gác, không phong bị cẩn thận ma cầu may là kế địch không lừa dối minh. Việc làm
 như thế mà không hỏng hoặc không chuộc lấy điểm xấu về minh thì ít làm. Việc
 làm của Nhật Duật không phải là phép dung dàn của người làm tướng.

<55a> Tân Ty. [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18),
 mùa xuân, tháng giêng, Hoang tử Quốc Chân sinh. Sai Trần Di Ai, Lê Mục, Lê Tuân
 sang nước Nguyên. Nha Nguyên trao quan tước cho họ Di Ai, sai Sài Xuân đem quân
 đưa về. Trước đây trong niên hiệu Thiệu Long vua Nguyên nhiều lần sai sứ dụ Thương
 hoang tự minh vào triều kiến. Thương hoang sai quan thảo biểu nói: đợi ban đức chỉ rồi
 lập tức sai con em sang làm con tin. Đến khi ấy lại du vua vào châu. Vua chọn Di Ai là
 người tôn thất sai đi, Di Ai sang đến nước Nguyên, vua Nguyên giận là sai chú sang yết
 kiến thay, bèn lập Di Ai làm vương, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ, Tuân làm thượng thư,
 sai Sài Xuân đem hàng nghìn quân bảo vệ đưa về nước. Xuân kiêu ngạo vô lễ, cưỡi ngựa
 đi thang vào cửa Dương Minh, quân sĩ ở Thiên Trường ngan lai, Xuân lấy roi ngựa đánh
 họ bị thương ở đâu. Khi đến điện Táp Hiền thấy chàng bày màn trường mới xuống ngựa.
 Vua sai Quang Khải đến quan tiếp dài, Xuân nám không chịu ra, Quang Khải di thẳng
 vào trong phong, Xuân vẫn không dậy. **<55b>** Hưng Dao vương Quốc Tuân nghe thấy
 việc đó, xin được đến quan xem Xuân làm gì. Khi ấy Quốc Tuân đã cao dâu, mặc áo vải
 lam thêu hình dáng vị hoa thượng ở Phương Bắc, Xuân bất giác đứng dậy, vái chào, mồi
 ngồi, mọi người đều kinh ngạc. Khi da ngồi yên rót chè cùng ngồi uống, người theo hầu
 Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuân, chọc vào đầu Quốc Tuân chảy máu ra, sác mặt
 Quốc Tuân vẫn không thay đổi. Khi về Xuân tiến ra đến cửa (Di Ai là chú họ của vua
 Theo) sứ Phương Bắc trước đây, vua Nguyên nhiều lần sai sứ dụ vua vào châu, vua ta
 đều không nghe. Vua Nguyên lại sai sứ sang du rằng: Nếu như quá thực không tự minh

dén, thi nên đem vàng bạc châu báu sang thay và đem những bắc hiến sĩ, nhưng thế giới mỗi loại 2 người kèm theo, vua sau ban Di Ai sang châu. Vua Nguyễn lập tv Tuyên phủ cho Bắc Nhan Thiếp Mộc Nhì làm sứ rồi đặt riêng quan giúp việc, vua vẫn chê là không nhẫn, vua Nguyễn ban lập Di Ai làm An Nam quốc vương, đem hàng nghìn quân mới theo đưa về nước, vua ta giết di. Việc này khao mệt thui so với quốc sự cung chớp vào để phong khi tham khảo!

Sứ thần Ngò Thi Sỉ bàn: Người Nguyễn chỉt 40 nước rồi đến Tây Hạ dẹp nước Kim, lấy nước Tống, né như phèu bụi, dùng binh uy hét mức mõng mót chưng được nước Nam Giao của ta <56a> moi sương Bon sú no sa; sang kẽ trược, người sau nỗi tiếp lẩn nhau, bon chung đều kiêu căng ngạo mạn, xem thường nước ta. Nếu như có mót chut tu hạ thấp minh sê khiên bon no biêt rao to; cả nước không ai có thể lam gi; dược, thi du bat sông Ô Ma Nhì, danh bài Thoot Hoan, giết chết Hoi Te; Liết cuối cùng quân nó tản không ngờ; kéo xuồng phia nam. Sư nước Nguyễn và Lý Tu Diện thường sang sú nước ta, du tua ta vào châu. Khi đến, Tu Diện nói: "Be tôi nước lớn không lạy vua nước nhỏ, là lẻ dây", các ngotor ta hữu đều thất sác, ta ta tần thung dung cười mà nói rằng: "Kinh vua nước ấy mà kinh ian den ngotor sú nước ấy do cũng là lẻ dây" rồi lam lẻ ngang nhau, do đó có thể biết dươ trước đây sứ Phương Bắc đến nước ta cung với vua ta có nghi thức doi dap và loi vua ta doi dap với Lý Tu Diện khi cương khi nhu rất hàm súc, càng làm mạnh thể thống của nước. Lại có Hoàng Thương cũng vì menh di sứ mà đến, đến cửa Thưa Thiên mà không xuông ngua, khi quân ta quat dung lai, nó chạy thẳng vào cửa Thưa Thiên moi chịu xuòng, vua ta vai dài mà nhân chiêu <56b>. Thường nói: "Vua 10 nam không sang cống, sở dí nước chúng tôi chưa muôn dung binh vi cho la nước eo lè nghĩa, cho nên mới ban chiêu này, cũng có ý như nhà Han ban cho Ngò vương cái ghê và cái gậy dây. Nay nhà vua nhán chiêu lại không voi, vậy long vua có yên chẳng?". Qua đó có thể thấy được sứ nhà Nguyễn kiêu căng ngạo mạn không chỉ mót minh Sai Xuân, thể mà vua tôi trong thời ấy ứng đối giao tiếp, mỗi cử chỉ hành động đều có thể thấy được cái thể lâm liết không ai dam xem thường ta. Cuối cùng phả tan được bọn giặc cường bạo, khiến cho chi nhóm ngo nước Nam cũng tan như tro bụi, có phải chỉ dùng sức bình mà thôi đâu!.

Lập trường học ở phủ Thiên Trường, cảm những người ở hương Thiên Thuộc không được vào học (theo chế độ của nhà Trần, quân sĩ ở hương Thiên Thuộc không được học văn chương nghệ thuật vì sợ khi lực kém đi).

Nhàm Ngo. [Thiệu Bảo] năm thứ 4 [1282] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 19), nước Chiêm Thành sai Thường Bà Ma Cae ⁽¹⁾ hàng trăm người sang dâng voi trang

Mùa hè, tháng 6, tri tội bon phan thủ Trần Ai ⁽²⁾. Ai phải dô làm binh khao giáp. <57a> Lê Tuân phải dô làm Tông binh ⁽³⁾.

1. DVSKTU chép là Bo Ba La.

2. Trần Ai tức Trần Di Ai, chú họ của vua.

3. DVSKTU chép Tông binh là đạo quân người Tông lưu vong ở nước ta (DVSKTU Tập II, trang 291, NXBKHVN, 1971).

Nhà Nguyên sai Trần Nam vương Thoát Hoan di đánh nước Chiêm Thành. Khi đó người Chiêm tuy phải phu thuộc vào nhà Nguyên, nhưng con của vua Chiêm là Bố Dích đưa vào nước mình núi sông bền vững nên không chịu theo. Phàm các sứ thần nhà Nguyên đi qua nước Chiêm đều bị bắt, vua Nguyên giận, sai Thoát Hoan mang quân di đánh, lại sai người đốt kinh Hô là Hành Sanh, Tả thừa là Đường Ngột Đới và Hữu thừa là Toa Đô đem quân đến hội chiến. Lại sợ nước ta thông mưu với Chiêm Thành, nên bắt nước ta phải cung cấp lương thực cho quân của họ.

Mùa thu, tháng 8, thủ thân ở Lạng Giang là Lương Uất chạy trạm tâu: "Toa Đô nhà Nguyên đem 50 van quân nói dối là mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nhưng thật là đến xâm lấn nước ta."

Có con cá sấu đến Sông Lô, vua sai Hình bộ Thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn tế ném xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi, vua cho việc này giống việc của Hàn Dũ⁽¹⁾ cho đổi họ là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi về làm thơ phú bằng quốc ngữ, nhiều người bất chước (nay những người làm thơ quốc âm gọi là Hán luật có lẽ cũng bắt đầu từ đây).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than, ban cho Trần Khánh Dư làm phó đô tướng quân. Trước đây khi người Nguyên sang cướp phá nước ta, Nhân Huệ <57b> vương Khánh Dư thường thừa lúc bắt ngò tập kích, Thượng hoàng khen Khánh Dư là người có trí lược lập làm Thiên tử nghĩa nam⁽²⁾, sau đánh sơn Man thắng lớn, phong phiêu ky đại tướng quân. Chức phiêu ky nếu không phải Hoàng tử thì không được phong, nhưng vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam nên mới phong cho chức ấy. Lai từ tước hầu thàng dân lên Tử phục Thượng vị hầu, quyền làm phán thù, rồi sau thông dâm với Thiên Thuy công chúa. Khi đó đã gả công chúa cho Hưng Vũ vương Nghiễn, Nghiễn là con trai của Quốc Tuấn, lại có công đánh giặc, vua sơ phật ý Quốc Tuấn mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Tây Hồ, nhưng lại ngầm dụ đừng đánh đến nỗi chết, rồi ban chiếu cách hết quan tước, tịch thu hết tài sản của Khánh Dư. Khánh Dư lui về ở Chí Linh bảo vệ sản nghiệp cũ của Thượng tướng Trần Phó Duyệt để làm nghề bán than. Khi đó nhà vua đến trú chân ở vùng bến Trần Xá, nhóm họp vương hầu bách quan bàn về kế sách đánh và chia giữ các nơi xung yếu. Bỗng nhiên có thuyền lớn chở than cùi xuôi dòng. Nhân lúc nước thuỷ triều xuống và gió to, đi qua bến Bình Than, người lái thuyền ấy đội nón lá mặc áo lụa ngắn, vua chỉ vào người ấy và <58a> bảo với quan thi thần rằng: "Người kia có phải là Nhân Huệ vương không?" Lập tức sai người di thuyền nhỏ đuổi theo, đến cửa Dai Than thì kịp Quán hiệu gọi rằng: "Ông lái kia nhà vua có lệnh gọi ngươi". Khánh Dư nói: "Lão già này là người buôn bán, có việc gì mà gọi đến?". Quán hiệu vã tàu dày dù như thế, vua nói: "Đúng là Nhân Huệ vương đấy, nếu là người thường tất không dám nói như vậy". Lập tức vua sai nội thị di gọi, khi Khánh Dư đến nơi mặc áo ngắn, đội nón lá. Vua nói: "Nam nhi phiêu bạc đến thế", ban chiếu tha tội. Khánh Dư lén thuyền lạy ta. Vua ban cho áo ngư, ngồi ở dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc binh, nhiều câu hợp ý, vua lại trao cho chức phó đô tướng quân. Khi đó có Hoài Văn hầu Quốc Toản và Hoài Nhân vương Kiên theo hầu vì tuổi còn nhỏ, không cho dự bàn. Quốc Toản tự

1. Hàn Dũ là một danh sĩ thời Đường. Có bài văn tế cá sấu nổi tiếng.

2. Thiên tử nghĩa nam: con nuôi của thiên tử.

xấu hổ và tức giận, tay cầm quả cam, bất giác bóp nát lúc nào không biết. Đến khi lui về, đem thân thuộc và gia nô tất cả hơn nghìn người, sám khí giới chiến thuyền, giương cờ to dề 6 chữ "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Khi đối trận với giặc ông thường tiến trước quân sĩ <58b>, giặc nhìn thấy đều phái rút lui ẩn nấp, không ai dám đương đầu với ông. Sau này khi Quốc Toản mất, vua rất thương tiếc, tự làm bài văn tế, gia thăng tước vương.

Cho Thái úy Quang Khải làm thượng tướng, Thái sư là Dinh Củng Viên làm hàn lâm học sĩ phụng chỉ.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 20), mùa xuân, tháng 2, Trần Lão bị tội, đày làm binh. Thượng Vị hầu Trần Lão bị tội viết thư nặc danh phi báng sự việc trong nước, ban chiếu trị tội Trần Lão, cho hán chuộc tội 1000 quan tiền, đày làm binh. Xử lăng trì tên Khoáng là gia nô của Trần Lão ở Chợ Đông.

Mùa dá to

Mùa đông, tháng 10, tập trận cả quân thuỷ lấn quân bộ.

Tiến phong Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân. Trước đó Trung sứ là Hoàng U Lệnh, Nội thư gia Nguyễn Chương sang sứ nước Nguyên trả về có nói: sang năm là thời kỳ dụng binh do vậy vua thân đem các vương hầu điều động quân thuỷ bộ tập đánh trận, phong Quốc Tuấn làm quốc công tiết chế thống lĩnh thiên hạ chư quân, sai chọn trong các quân hiệu người nào có tướng tài <59a> chia lãnh các bộ ngũ.

Giáp Thân, [Thiệu Bảo] năm thứ 6 [1284] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 21), mùa xuân, tháng giêng, vét sông Tô Lịch.

Tháng 2, đất ở dàn thờ xã tác nứt ra (dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể đo được).

Mùa thu, tháng 8, duyệt binh lớn ở đầu bến Đông. Hưng Đạo vương diều động các quân của vương hầu để lại duyệt binh lớn ở đầu bến Đông, chia quân đến các xứ Bình Than, đóng giữ những nơi xung yếu.

Tháng 9, Mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương tây nam, cách nhau hơn một thước.

Mùa đông, tháng 11, sai Trung đại phu là Trần Phủ sang kinh hồ hành sảnh nước Nguyên xin hoãn binh (Trần Phủ có sách chép là Trần Khiêm Phủ).

Tháng 12, Trần Phủ từ nước Nguyên trả về nói: vua Nguyên sai thái tử là Trần Nam vương Thoát Hoan, Bình chương là A Thích và bọn A Lý Hài Nha đem quân lây cờ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường xâm chiếm nước ta. Thượng hoàng triều phu lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, cho ăn và hỏi kế phu lão đều nói là nên đánh, vạn người cùng hô như phát ra từ một miệng

<59b> **Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Giặc Hồ xâm lấn là tai nạn lớn của đất nước. Hai vua hợp mưu, quần thần họp bàn, há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi ban yết hỏi kế các phu lão hay sao? Có lẽ vì Thánh Tông muôn xét lòng yêu nước của dân và để cho họ nghe lời du hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Như thế là giữ được ý người xưa nuôi người già để xin lời hay đây.

Quân của Thoát Hoan nha Nguyễn đến biên giới, vua ban chiếu chia quân chia phòng cù, quân Nguyễn xâm phạm Nời Ai, quan quân lui về đóng ở bến Van Kiếp, vua ngự sang Hải Đông, quân của Thoát Hoan đến huyện Hoành Sơn, nhiều lần đưa thư giả cờ xin mượn đường, vua sai người viết thư trả lời nói rằng từ trước ta đến Chiêm Thành đường thủy và đường bộ đều không tiến. Lại sai Hưng Dao vương phai binh, chia đường chia phòng cù Quân Nguyễn đến Thuỷ Châu, tiến vào Lộc Châu, quan quân chặn lại ở núi Khâu Ôn, Khâu Cây nay là Ôn Châu, Kỳ Lừa; Thoát Hoan sai Tông ba là A Lý du là duyên cờ hưng binh thực vi Chiêm Thành chứ không phải vi An Nam <60a>. Tiến gấp đến, bị quân ta chặn lại, giặc không tiến lên được, bèn tiến theo ái Kha Ly Quán ta phải lui một bước, đến ái Đồng Bản, lại bị đánh bại. Giặc vào Nời Bàng¹, xâm lược các ái Chi Lang², quan quân lui về đóng ở bến Van Kiếp³. Khi đó vua ngự thuyền nhẹ sang lờ Hải Đông⁴, trời đã về chiều mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hầm dâng vua, vua khen là trung, ban cho tước thương phẩm kiêm chức tiểu tư xã của xã Triều Môn ở bến phái sông Bach Dâng.

Hưng Dao vương Quốc Tuân điều quân các lò đến hồi Quốc Tuân vâng mệnh điều quân dàn các xã Văn Trà, Bà Diêm lò Hai Đông, chọn những người khoẻ mạnh làm quân tiền phong vượt biển vào nam. Thế quân kha mạnh, quân ở các dao nghe tin không quân nào là không đến tập họp. Vua làm thơ đê ở cuối thuyền rằng

"Cố Ké cứu sự quán tu kỵ,

Hoan Diên do tôn tháp van binh".

Dịch nghĩa:

(Cố Ké việc cù người nén nhó,

Hoan Diên còn kia mười van quân)

Các vương dung binh ở Van Kiếp theo sự điều khiển của Tiết độ Hưng Dao vương để chống quân Nguyễn. Khi đó Hưng Vũ vương Nghiêm, Minh Hiền vương Uất, Hưng Nhượng vương Tàng, Hưng Trí vương Hiền, đốc xuất quân các xứ Bàng Hà <60b>, Na Sam, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhẫn, tất cả 20 van quân đến họp đều theo sự điều khiển của Hưng Dao vương.

Trước đây Hưng Dao vương có già nò là Đà Tương, Yết Kiêu, Hưng Dao vương dời đất rất hau Kup khi quân Nguyễn đến, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân, chỉ có Đà Tương đi theo. Khi quan quân thua trận, thuyền quân đều chay tan, Hưng Dao muốn di theo đường chèn núi đê tiến. Đà Tương nói: Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương tắt không dời thuyền di chỗ khác. Lập tức vương đến Bãi Tân, quả thật riêng thuyền của Yết Kiêu vẫn còn dây, vương mừng và nói rằng: "Chim hồng hót bay được cao là nhờ ở sáu cái lông cánh, nếu không có sáu lông cánh ấy thì cũng như các loài chim khác thôi". Vương nói xong thì thuyền dời di, quân kỵ cùa giặc đuổi theo không kịp. Vương đến Van Kiếp chia quân đóng giữ ở Bắc Giang.

1. Nời Bàng: Thuộc tỉnh Hà Bắc cũ

2. Ái Chi Lang: Huyện huyện Chi Lang, tỉnh Lang Sơn

3. Bến Van Kiếp: Huyện huyện Chi Linh, tỉnh Hải Phòng

4. Lờ Hải Đông: Nay gồm phần đất nay Hải Dương cũ và thành phố Hải Phòng

Sứ Hán làm phung chí là Dinh Cung Viên coi việc Bác cung nói sát viễn

At Dâu [Thiệu Bảo], năm thứ 7 [1285] . Từ tháng 9 trở đi là Trung Hưng năm thứ 1. Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 22, mua xuân, tháng giêng, quân Nguyên đánh vào núi Phù Lai ở Van Kiếp, quân quân chay tan loạn, giết viên sứ, và phái các huyện nha Kie Giang, Đến, Đông Bộ Dâu <61a>, sai Đô Khắc Chung đến gặp quân Nguyên xin giang hòa. Trước đây quân của Hưng Đạo đóng ở ai Nai Bàng, quân Nguyên tiến đến thôn Biển Tru để sai thu binh don đường. Hưng Đạo không nghe. Quân Nguyên bèn chia làm 6 đường đánh. Đến sông Van Kiếp thì các ai đều bị giặc đánh vỡ. Hưng Đạo mang hơn nghìn chiến thuyền đóng ở cách Van Kiếp 10 dặm mà dân trấn gọi là thuỷ quân, hàng hau đánh, liên tiếp tháng giac. Thoát Hoan sai quân đến đánh, quan quân rút lui, 20 van chiến thuyền bị giặc cướp mất, giặc bèn xâm phạm Gia Lâm, Vũ Ninh.¹ Đông Ngàn² bắt được quân của ta người nào cũng thích hai chữ "sát thất"³ vào cánh tay, chúng tue làm giết hại rất nhiều, tiến đến Đông Bộ Dâu, dựng cờ lớn. Vua muốn cho người do tinh binh quân giặc mà khó chọn được người. Chỉ hau euc thư là Đô Khắc Chung xin đi, vua khen và nói rằng: "Biết đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ ngựa lỳ". Liên sáu Chung đem thư đến quân Nguyên xin hoà. Khi đến nơi, Ô Mã Nhi van hỏi 2 chữ "Sát thất", cho là vô lè nói rằng: "Nước người khinh nhơn quân thiện triều <61b> tội áy lên đây". Khắc Chung trả lời: "Chó nhà người ta cắn người ta không phải tội của chủ no, quốc vương tội không biết chuyện đó." "Tôi là cắn thân tai sao tôi không có". Rồi giờ cánh tay cho bọn chúng xem. Ô Mã Nhi nói: "Dai quân từ xa đến, sao nước người không quay giao tôi gặp nhau, lai đam chống mệnh lệnh như thế?" Khắc Chung nói: "Vì hiến tướng không theo kế sách của Hàn Tin bình định nước Yên, đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư báo tin trước, nếu không thông hiểu thì có lỗi. Nay lai cưỡng bức nhau, như người ta nói: "Giông thủ cùng thì chống lai, chim cùng thi phải mổ lai, huống chi là người". Ô Mã Nhi nói: "Dai quân ta muốn đương để di danh Chiêm Thành, nếu vua nước người đến gặp nhau thì bờ cõi yên ổn không may may bị xâm phạm, nếu không thì chỉ trong khoảng giây phút, nùi sông sẽ thành đất bằng, dù muôn hồi hân cũng không được". Khi Khắc Chung vể rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng: "Người ấy đang lúc bị uy hiếp mà lời nói sắc mặt vẫn tự nhiên không ha thấp chử là Dao Chich, không nâng cao ta lên là vua Nghiêu <62a> mà lai nói "Chó nhà cắn người ngoài" thà khéo ứng đối, có thể nói là không làm nhục mense vua, nước nó có người giỏi chưa dễ đánh được". Ben sáu người đuổi theo nhưng không kịp. Khắc Chung về, quân Nguyên cũng theo đến chống nhau với quân ta.

Thoát Hoan nhà Nguyên xâm lược kinh thành. Vua sai Nguyễn Hiếu Nhuê sang su quân Nguyên. Thoát Hoan đã đánh vỡ Đông Ngàn, sai huộc bê lai làm cầu ở sông Nhị Hà để quân qua. Quân ta lập trại ở ven sông, bờ súng lớn, đánh trống reo ho để chống lai chung, nhưng không được. Trời vê chiều, quân giặc qua sông tiến vào sát kinh sư. Ngày hôm sau, Thoát Hoan vào thành, rồi lai quay vê đóng trên bờ phía bắc sông. Vua sai Nguyễn Hiếu Nhuê đến xin đưa quân về. Sai Thương tướng Quang Khải chống Toa Đô

¹ Vũ Ninh: Nay là huyện Quốc Võ, tỉnh Hà Bắc

² Đông Ngàn: Nay thuộc địa phận Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc, và một số xã thuộc huyện Đức Anh, Hà N

³ Sát Thủ: Nghĩa là giết giặc Nguyên

nha Nguyễn ở Nghệ An, đó là theo lời bàn của Hưng Đạo vương.

Thang 2. Chương Hiến hầu Kiên đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyễn. Bon Nguyễn Thé Lộc, Nguyễn Địa Lô đón Kiên giết đì. Kiên là con thứ của Quốc Khang, cùng với liêu thuộc là bon Lê Trác đem cả gia đình đầu hàng quân Nguyễn. Toa Đô sai người đưa bọn Kiên về Yên Kinh. Thủ hào ở Lang Giang là các ông Nguyễn Thế Lộc <62b>, Nguyễn Linh danh chán ở trại Ma Lục. Gia nò của Hưng Đao là Nguyễn Địa Lô bán chết Kiên. Trác đem xác của Kiên để lén mình ngựa mà chạy, ban đêm chạy được mấy chục dặm, đến Khâu Ôn ⁽¹⁾ thi chôn ở đấy. Trác giỏi làm thơ. Sau khi hàng nhà Nguyễn cảm thấy rất hổ thẹn, lui về không nhân bổng lộc, lấy sống núi làm vui, nhưng vẫn a dua xu mị người Nguyễn, thường làm bài ca "bản quốc chí lược" hết mức chê bai chủ của mình, người quản tử coi khinh. Sai người đem công chúa An Tư gả cho Thoát Hoan, là muốn thư tai nan cho nước dây (công chúa là em gái út của vua Thánh Tông).

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Thánh Tông gả công chúa cho Thoát Hoan thật là không có kế sách, thế mà Hưng Đạo vương không can là tại sao?

Bảo Nghia vương là Trần Bình Trọng đánh nhau với quân Nguyễn ở bãi Đà Mạc, thua trận chết. Trước đó Hưng Đạo Vương xuất quân, chọn Bình Trọng làm tiên phong, sai Dã Tương đem chiến thuyền đến sông Lục Đầu, qua Cù Công, huyện Vinh Lai, liền với Nông Kỳ (nay là sông Tam Kỳ, huyện Canh Nông). Yết Kiêu đem hơn trăm chiến thuyền đóng ở Sông Bộc <63a> từ xa gài thanh thế hỗ trợ nhau. Bình Trọng từ Bồng Châu được diệp báo quân Nguyễn đóng ở sông Thiên Mạc (tức Đà Mạc nay là bãi Man Trù), vội chèo thuyền tiến nhanh tới đó. Giác thấy quân ta ít, đem hết quân ra đánh, quân ta thua lớn. Bình Trọng bị giặc bắt, ông nhịn ăn, giặc hỏi việc nước, ông không trả lời. Giặc hỏi: "Có muốn làm vương đất Bác không?" Bình Trọng thét to rằng: "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bác", bèn bị giết hại. Vua nghe tin, vô cùng thương tiếc. Vua triệu Quốc Tuấn hỏi kế sách. Lúc bấy giờ quân Nguyễn dàn thuyền từ sông Dai Hoàng trở lên dày đặc hai bên sông. Hưng Đạo xin từ trên thượng lưu sông, buộc tre gỗ làm thành bè mảng, lấy đá sỏi để dày lên, sai các quân ở ven bờ nhân lúc gió tây bắc thuận dòng thả xuống dày sông rồi chiến thuyền theo sau. Thuyền của quân Nguyễn gặp bè vướng dâm vào, không thể chống cự được, quan quân ta trên đường đánh kẹp lại. quân giặc thua to (Bình Trọng là dòng dõi vua Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thuy Bảo. Cha ông làm quan dưới triều Thái Tông được ban quốc tính họ Trần).

Vua rước Thái thương hoàng đến nguồn Tam Trí ⁽²⁾. Thoát Hoan nhà Nguyễn khi đã vào kinh thành, thì trong thành không còn gì. Biết nhà vua đã ra <63b> ngoài, chúng liền đuổi theo càng gấp hơn. Vua ngâm ngồi thuyền nhỏ đến nguồn Tam Trí sai người chờ thuyền ngư đến Ngọc Sơn để làm nghi binh. Khi ấy vua siêu giật, thấy Quốc Tuấn vốn tự phu là bậc kỳ tài, mà mình lại có hiềm khích cũ với An Sinh vương, đến khi ấy Quốc Tuấn đi theo vua, tay cầm gậy gỗ đâu có bị sát, mọi người đều để mắt nhìn, Quốc Tuấn liên bối cái bị sát, chỉ cầm gậy không để đi, nhân tình lại yên.

¹ Khâu Ôn: Thuộc tỉnh Lang Sơn.

² Nguồn Tam Trí: Tức sông Ba Chẽ, thuộc huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Bắc đại thân ở vào địa vị nguy ngập ngờ vực tất phải đem lòng thành thực mà tin nhau. Đó là người trí tuệ sáng suốt khéo xú, như hào cừu tú của quê tuỳ⁽¹⁾, sau mới có thể giữ được danh dư, làm nên công trạng, không thể tất sẽ chuốc lấy tai họa đấy. Quách Tử Nghi nhà Đường⁽²⁾. Quốc Tuấn nhà Trần được như thế đấy.*

Tháng 3, vua rước Thái thương hoàng vào Thanh Hoá, vua cùng Thái thương hoàng đậu lại ở nguồn Tam Trì. Quân Nguyên dò biết được, lại gặp bon tướng nhà Nguyên là Toa Đô, Đường Ngột Ý kéo quân từ Chiêm Thành về, hợp với <64a> quân của Thoát Hoan. Thoát Hoan chia sai Hữu thừa là Khoan Triệt đem Vạn hộ Mang Cố Ý Bột La, Cáp Dáp Nhi di dường bộ; Hữu thừa là Lý Hằng dẫn Ô Mã Nhi di dường thuỷ cùng tiến. Vua cùng Thái thương hoàng phải bỏ thuyền dẫn quân bộ về phía đông, chiến thuyền đều bị quân Nguyên lấy mất, chúng chọn chiếc còn tốt để đi, số còn lại thì đốt bỏ. Xe vua đến Thuỷ Trú lại lấy thuyền ra sông Nam Triệu, qua biển Đại Bàng đến Thanh Hoá.

Trần Ích Tắc đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên. Khi ấy Thương vی Văn Chiêu hầu là Lộng dã đầu hàng Thoát Hoan, Chiêu Quốc vương Ích Tắc và bon Pham Cư Dia, Lê Diển, Trịnh Long đều đem gia thuộc đầu hàng nhà Nguyên. Ích Tắc 15 tuổi, thông hiểu kinh sử và các kỹ nghệ khác, tư phụ là thông minh, ngầm có ý tranh ngôi con trưởng, từng gửi thư riêng nhờ bon lái buôn ở Văn Đồn xin nhà Nguyên đem quân xuông nước Nam. Đến khi đó quân Nguyên sang xâm lấn nước ta, Ích Tắc đầu hàng, mong được làm vua cả nước. (Khi Ích Tắc chưa sinh, vua Thái Tông nǎm mồng thấy một vị thần có 3 con mắt từ trên trời xuống nói rằng: "Thần bị thượng đế trách phạt, xin ký thác vào vua, sau này lại về Phương Bắc" <64b>. Khi Ích Tắc sinh, giữa trán có vết giống như con mắt, hình giáng cũng giống như người trong mộng).

Mùa hè, tháng 4, Chiêu Văn vương là Nhật Duật đánh bại quân Nguyên ở Hàm Tử Quan⁽³⁾. Trước đó Toa Đô từ Chiêm Thành ra họp quân ở châu Ô, châu Lý, dần dần cướp phá Châu Hoan, Châu Ái. Đến đâu nó cũng đốt phá cướp bóc, tiến lên đóng ở Tây Kết⁽⁴⁾, định trong 3 năm thi dẹp xong. Vua bận với quân thần rằng: "Quân giặc đã lâu nǎm đi qua xa hàng vạn dặm, mang theo quân trang quân dụng, hẳn mỏi mệt. Ta đem quân nhàn rỗi chống lại quân đã mỏi mệt, trước tiên đánh mất nhuệ khí của giặc, thì tất pha tan quân giặc đấy. Đến khi ấy sai các ông Chiêu Thành vương (không rõ tên), Hoài Văn hầu Quốc Toản, tướng quân là Nguyễn Khoái đem quân di dường tất đón đánh ở bến Tây Kết. Quan quân đánh nhau với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan. Các quân đều ở đó, chỉ có quân của Nhật Duật có người Tống, mặc áo theo kiểu người Tống, cầm cung tên để đánh. Thương hoàng cho rằng người nước Tống và người Thát Đát tiếng nói và ăn mặc giống nhau, sợ trong quân có người không phân biệt được, bèn sai người ra du rẳng: đó

1. Hào cừu tú què tuỳ trong *Kinh Dịch* có câu: "Hữu phu tạiẠn dí minh hà cùu" Nghĩa là có lòng tu túak sụ, làm cho dung đạo, lấy sự sáng suốt khôn ngoan mà xù sụ, tất không có lỗi làm gì.

2. Quách Tử Nghi: Người thời Đường, làm tiết độ sứ đời vua Huyền Tông (Trung Quốc): Ông đã gắn bó mình với sự nghiệp an nguy của đất nước hơn 20 năm. Được phong den chức quận vương ở đất Phàn Dương.

3. Hàm Tử Quan: Ở ven Sông Hồng thuộc địa phận xã Hàm Tử, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng cũ.

4. Tây Kết: Dọc theo dãy Sông Hồng thuộc địa phận xã Đông Kinh huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng cũ có thôn Đông Kết. Không rõ Tây Kết có thuộc vùng này không.

là quân Thát Đai của Chiêu Văn dày, nên nhân cho kỵ. Quân Nguyên thay bến ta có người ăn mae theo kiểu người Tông, đều sợ hãi cho là có người Tông sang đánh giúp, từ bỏ tan rã.

<65a> Trước kia, khi nhà Tông mất, nhiều người của họ chạy về nước ta, Nhật Duật thu nhận, trong đó có Triệu Trung rất khoẻ mạnh. Nhật Duật dùng làm gia tướng. Cho nên công đánh bại giặc Nguyên. Nhật Duật đóng góp nhiều.

Tháng 5, vua rước Thái thương hoàng thân chính đánh cho quân Nguyên đại bại ở phủ Trường Yên, chém đầu giặc không kể xiết (xét thấy bản sách cũ dưới bài này có chép lâm là Toa Đô từ Thành Hoá đến. Toa Đô đã từ Chiêm Thành, qua Châu Hoan, Châu Ai tiến ra Tây Kết hợp với đại quân nhà Nguyên, thì sao lúc đó còn ở Thành Hoá, bài đó đang phải ở dưới bàileh Tae hàng Nguyên, nhả chép sứ chép nham vào đây, cho nên không chép vào).

Vua rước Thái thương hoàng và lai tiến quân đến bến Đại Mang, đánh cho Toa Đô nhà Nguyên bị đại bại ở bên Tây Kết, chém được nổ. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đuổi theo đánh up Thoát Hoan ở Van Kiếp. Quân Nguyên tan vỡ chạy về phía Bắc. Trước đây, Thương tướng là Quang Khải, Hoài Văn hau là Quốc Toản, cùng với bọn Trần Thông và em Nguyên Khả Lạp là Nguyên Truyền đem dân binh các lộ đánh bại giặc ở các xứ kinh thành, Chương Dương, Bon Thoát Hoan và A Thích nhà Nguyên chạy qua Sông Lô. Khi đó có người từ trong quân giặc chạy trốn vào Ngự doanh bao tinh hình quân giặc. Vua và Thái thương hoàng lùi bái yết các lang ở Long Hưng **<65b>**. Khi đó quân của Toa Đô và Thoát Hoan đóng cách nhau hơn 200 dặm. Quân Thoát Hoan tháo lui mà Toa Đô vẫn chưa biết, cung với Ô Ma Nhi từ đường biển lai đến xâm phạm sông Thiền Mạc muôn họp binh ở kinh sư để cứu viện cho nhau. Bon du binh đến Phù Ninh, viên phu đạo của huyền ây là Hà Đặc lên Trì Sơn cõi giữ. Quân Nguyên đóng đồn ở động Cự Đà. Đặc lây tre đan thành hình người to lớn, cho mae quân áo, cứ đẽm thì dán ra, dán vào, lai đục thủng cây to, cắm mũi tên lớn vào giữa hai lỗ thủng ây, khiến giặc tướng là sức bân thầu được. Quả nhiên giặc sơ không dam đánh nhau. Quân ta liên đánh tan được. Đặc đuổi đánh đến A Lap, làm cầu phao vượt qua sông mãi đánh rồi bị chết. Em của Đặc là Chương bị giặc bắt được, an trộm được cõi và quân áo của giặc trốn về, dâng vua, xin dùng hiệu của cõi ây già làm quân giặc, đến phà quân doanh của giặc, giặc không ngờ là quân của ta nên bị thua to. Vua cung Thái thương hoàng tiến quân đóng ở bến Đại Mang. Tông quan của nhà Nguyên là Trương Hiền dâu hàng, ta đánh bại quân Nguyên ở Tây Kết, quan chết và bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên **<66a>** soái là Toa Đô. Nửa đêm, Ô Ma Nhi chạy trốn, qua cửa sông Thành Hoá, quan quân đuổi theo nhưng không kịp, bắt được dư đảng hơn 5 vạn người đem về. Ô Ma Nhi chỉ dùng một chiếc thuyền nhỏ vượt biển trốn thoát. Quân Nguyên vì nhiều lần thất bại, quân tướng hao tổn rất nhiều, lại xòng pha mưa nắng, chết női tiếp nhau vì bệnh dịch. Nghe tin quân ta tăng nhiều, mà đương đến Chiêm Thành lại không có, bèn quyết kẽ lui về. Quân của bọn Thoát Hoan kéo về. Ly Hàng đi sau bảo vệ đến sông Như Nguyệt, vua sai đại quân đuổi gấp phía sau. Quân Nguyên chạy đến Sách Giang chưa kịp qua sông, Hưng Đạo vương cho quân mai phục sẵn trong rừng Van Kiếp, bon Thoát Hoan đến, quân mai phục nổi lên đánh bại chung. Giặc chết đuối vô kể. Ly Hàng bị trúng tên thuốc darts vào đầu gối bên trái bị chết.

Tỷ tướng là Lý Quán dẫu Thoát Hoan vào trong ống đồng, thu nhặt bọn tàn quân chạy về châu Tư Minh, Hưng Vũ vương đuổi theo, Lý Quán bị trúng tên thuốc độc chết. Quản Nguyên chết đến quá nửa, tướng sĩ của chúng phải liêu chết mới hộ vệ được Thoát Hoan vượt qua <66b> biên giới về Bắc. Vua trọng thấy đâu của Toa Đô ngâm ngùi nói: "Người làm tôi phải nén như thế đấy", rồi cởi áo ngự sai quan khâm liệm đem mai táng, nhưng vì khi Toa Đô vào nước ta đã đốt phá cung điện giết hai nhân dân, nên lại sai tẩm dầu cái lầu ấy mà đốt để làm gương.

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: Ôi! Câu noi ấy của nhà vua, quả là lời nói của bắc đế vương đấy! nói rõ nghĩa lớn khiến cho người bê tôi muôn đời biết được sự vinh quang của kè trung với vua chết vì nước. Tuy đã chết nhưng tiếng thơm còn mãi, nó có quan hệ rất lớn đấy. Huống chi lại cởi áo sai khâm liệm mà chôn làm cho khí thế quân sĩ hăng hái để quét sạch bọn giặc mạnh là đáng lầm thay!

Sử thân Nguyễn Nghiêm bàn: Về quân sự, bên lý chính nghĩa là bên mạnh, bên lý gian tà là bên yếu. Phân biệt được chính nghĩa gian tà là phân biệt được thắng bại đấy. Còn số binh nhiêu hay ít thì không kể. Người Nguyên là mọi rợ mà làm loạn Trung Hoa còn chưa biết thoả mãn, lại muôn lấy thanh thế doa nạt, cầu may là nước ta không dám chống cự, dù ta <67a> vào chầu, muốn ta thân phục rõ cuộc ta không thân phục. Mưu kế của nhà Nguyên cũng thất bại. Còn đánh tiếng mượn đường để làm cái lối đánh cướp, đến nỗi Toa Đô bị giết, Thoát Hoan phải chạy, Lý Hằng, Lý Quán đều bị chết bởi tên thuốc độc: nhiều lần đây binh chi làm tổn uy danh của nước. Chiến tranh phi nghĩa quả có ích gì đâu! Vua tài triều Trần dương lúc giặc mạnh vào bờ cõi, mà trên dưới hòa hợp, xử trí thung dung, nuôi sức dinh mưu, xem sờ hở của giặc mà hành động, dù trăm vạn quân mạnh như hùm béo, cũng chỉ cắn bẽ roi mà đánh. Thực có thể nói là biết tự cường đấy. Cố ngữ có câu: "Người biết tri nhà nước thì ai dám khinh" há chẳng đúng vậy sao?

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Triều nhà Trần từ năm Nguyên Phong đời Thái Tông đến khi ấy trải qua ba đời vua. Trong khoảng vài chục năm, quân Nguyên nhiều lần sang cướp phá. Mỗi lần có tin báo ngoài biên giới thi át tư ra ngoài trông coi việc quân <67b> chọn người uỷ thác coi giữ kinh thành, vợ con của cái đều cất đặt trước khi sự việc xảy ra, không để cho giặc lợi dụng. Đường vua di thi phía đông khi phía tây, không nhất định; dinh vua ở thì khi dưới nước khi trên bờ không nhất định ở đâu. Đó không phải là khiếp sợ. Có lẽ nhà vua ở ngoài sẽ để kêu gọi mọi người, có vũ tướng sĩ. Thanh niên trai tráng đều là lính, của nhà giàu đều là lương. Thời cơ có thể năm thì có vũ cho tiến lên; thời lục chưa dù, thì tùy tiện mà lui, giữ. Khi tiến lên thì như sấm sét kinh động, khi im lặng thì như rồng rắn ẩn mình không ai lường được, không ai hơn được, mà kẻ địch cũng không thể thua cờ được. Hơn nữa bắn thân ra trận thì mưu cờ được quyết định ngay, thường phạt được thi hành ngay. Các tướng tuân theo mệnh lệnh ba quân vui vẻ hy sinh. Nếu cứ bo bo làm kẽ giữ thành, kẻ địch có thể xem đó là sào huyệt, nó sẽ chặn bên trong khiên cho đường vận chuyển không thông; chặn bên ngoài khiên cho quân tiếp viện không đến. Như vậy lương hết, lực cùng thì điều bại vong có thể ngồi mà đợi. Đó chính là điều <68a> mà nhà Trần có thể thắng được giặc Nguyên, cũng là đường lối hay

trong việc đánh địch và thăng địch. Hơn nữa ba lần dùng binh các chức Tiết chế thông linh, Tổng đốc tất cả binh quyền đều thuộc Trần Hưng Đạo, giao trọng trách để đòi hỏi sự thành công. Vậy còn lo gì tướng sĩ không tuân lệnh, sự thành công lại không nhanh chóng. Muôn biết công nhà Trần thắng giặc nên tìm ở hai điểm đó.

Tháng 6, vua rước Thái thương hoàng về Kinh sư (Thương tướng Quang Khải làm thơ ghi lại những chiến công như sau:

"Doạt sáo Chương Dương Đô,
Cầm Hồ Hàm Tử Quan.
Thái Bình tu tri lực,
Vạn cổ cựu giang san".

Dịch nghĩa:

(Tước gươm giặc ở bến Chương Dương,
Bát rạ Hồ ở cửa Hàm Tử.
Được thái bình ta càng gắng sức,
Sông núi ngàn năm mãi vẹn toàn).

Nước to.

Dưa từ binh của Chiêm Thành về nước. Tướng nước Chiêm Thành là bọn Bà Lậu Kê Na Liên tất cả 30 người vì đi theo Toa Đô nên bị bắt. Vua sai Trung phẩm phụng ngự là Dặng Du Chi đưa họ về nước.

Mùa thu, tháng 8, phong công cho các bê tôi. "Sai Tả bộ sá Lưu Cương Giới phong công cho các bê tôi theo thứ bậc khác nhau và trị tội những người hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trung Hưng năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ.

Cao Sơn lở (bia ở chùa Bảo Thiên bị gãy làm đôi).

Tôn thêm hiếu đẹp cho các tiên đế và tiên hậu.

<68b> Mùa đông, tháng 10, ban chiếu định số hộ khẩu trong nước. Triều thần can ngan, cho rằng dân đương lao khổ, định hộ khẩu quá chia phai là việc gấp. Vua nói: "Chỉ đúng lúc này mới nên định lại hộ khẩu, không nên để cho kẻ địch thấy sự tiêu hao của ta". Quán thần đều khen phục.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quân giặc mới rút lui, nhân dân người thương tật chưa khôi, người lưu lạc chưa trở về, thôn xóm như gò hoang; đồng ruộng tiêu diệt, chiếu tập an ủi họ còn chưa xong mà đã vội vàng tu sửa sổ hộ khẩu như vây quan chức thì phải tra xét, người dân thì phải hỏi họp, khi một con gà, khi nửa con lợn không thể không phí tổn. Đổi sổ cũ thay sổ mới không thể không sai lệch. Người còn sống sót đã phải bỏ nghe riêng để làm việc quan. Như vậy há chẳng phải quấy nhiễu dân quá lạm u? Khi đó bê tôi cho rằng không phải là việc gấp đã can ngăn, Nhân Tông bác lại lời can, tố về lời nói dối mà chống lại. Thế mà lại than phục

¹ DVSKT1 chép là "thứ".

ngay, việc đánh Ai Lao cũng thế. Ngô Sĩ Liên cho rằng quân thắn gân nhu xiém nịnh là <69a> dung dầy.

Binh Tuất, Trùng Hưng năm thứ 2 [1286] (Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 23), mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ nhà Nguyên là Hợp Tân Nhi Hải Nha sang nước ta.

Tháng 3, vua Nguyên ban chiếu cử đại quân sang xâm lược (nước ta) nhưng không thực hiện. Thoát Hoan nhà Nguyên bại trận trở về, vua Nguyên giận lám, bèn hạ lệnh bỏ việc đi đánh Nhật Bản, đưa hết quân sang nước Nam. Hạ lệnh cho vùng Hồ Quảng làm 300 chiến thuyền, hẹn đến tháng 8 họp ở Châu Khâm, Châu Liêm. Lại hạ lệnh cho 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây họp binh xâm lược nước Nam; phong Trần Ích Tắc làm An Nam quốc vương, Tú Viên làm phụ nghĩa công, đem binh đưa Ích Tắc về nước. Thương thư Lưu Tuyên can, cho là: dụng binh ở nước Nam không thành công, người thương tật chưa khỏi; nay lại bàn cử đại quân, hẹn đến tháng 7 tập hợp quân đội ở miền đất nắng nóng, người chết vì bệnh tật át sê nhiều". Một bê tói ở tỉnh Hồ Nam là Tuyển Ca cũng dâng sớ nói rằng: "Dung binh mấy năm liền, quân sĩ phân nhiều chết và bị thương, sĩ, nông, <69b> công, thương đều phải bỏ nghề nghiệp. Nay lại huy động hàng trăm vạn người, đó không phải là điều thương si dân. Vua Nguyên ha lệnh cho quân tinh nào về tinh ấy. Cho Ích Tắc ở Ngạc Châu. Chỉ đánh tiếng là trao cho tước vương, cho 500 khoanh ruộng ở Hán Dương để tự túc.

Mùa hè, tháng 6, hạ lệnh cho các vương hầu tôn thất tất cả đều chiêu mô binh và thống lĩnh thuộc hạ của mình. Vua hỏi Hưng Dao vương Quốc Tuấn rằng: "Năm nay thế của giặc ra sao?" Quốc Tuấn trả lời: "Nước ta thái bình đã lâu ngày, dân chúng không biết đến việc binh, vì thế nám trước quân Nguyên vào xâm lược, có kẻ đầu hàng trốn tránh. May nhờ uy linh của tổ tông và thân vũ của bệ hạ, nên đã quét sạch bụi Hồ. Nếu chúng nó lại sang, quân ta đã quen việc đánh giặc, quân chúng sợ phải di xa, hơn nữa nó đã sợ cuộc thất bại của Lý Hàng và Lý Quán, sẽ không có lòng chiến đấu. Theo ý thần thi tất sẽ đánh tan được giặc". Vua liền hạ lệnh cho Hưng Đạo vương làm tổng đốc các vương hầu tôn thất, điều động quân lính làm khí giới và thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, điểm tập các quân đã điều động.

Ban cho Đinh Củng Viên tước Minh Tự. Củng Viên xin thôi quyền nhiếp nội mạt viện <70a>. Vua y cho.

Dinh Hợi, [Trùng Hưng] năm thứ 3 [1287] (Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 24), mùa xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảnh Hoàng thái hậu băng.

Nhà Nguyên lai sai Trần Nam vương Thoát Hoan đem các quân sang xâm lược nước ta. Nhà Nguyên phát quân thuộc 3 hành tinh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng, 7 vạn quân và 500 thuyền của quân Mông Cổ, Hán Khoán người 6 nghìn quân của Văn Nam, 1 vạn 5 nghìn quân người Lê ở 4 châu ngoài biển, (1) chia đường vào xâm lược nước ta. Hạ lệnh cho bọn Vạn hộ hầu Trương Văn Hổ đi đường biển chuyển 17 vạn thạch lương thực đi theo. Lai đặt chức Chinh Giao chỉ hành thương thư sành; Cho Ao Lỗ Xích làm

1. Tức bốn châu: Nhau, Quynh, Dam, Van trên đảo Hải Nam.

binh chương sự: Ô Mã Nhi. Phàn Tiếp làm tham tri chinh sự nám giữ các mát. Tất cả đều chịu sự chỉ huy của Trần Nam vương. Khi ấy bỗng có tin báo nơi biên giới đưa đến các quan chấp chính xin tuyển người khỏe mạnh sung vào quân ngũ cho số quân đông thêm. Hưng Dao vương nói: "Quân cần tinh, không cần nhiều. Như Bồ Kiên¹ có bằng trăm vạn, cũng có làm gì được?" (Hán Khoán sử cũ chép là Mạc Nam) 17 vạn thạch, sử cũ chép 70 vạn thạch) (70b) Vua sai Trung dai phu Nguyễn Văn Thông sang nước Nguyên.

Thang 3. xa tôi

Mùa hè, tháng 4, lấy Đức Việp làm quyền tướng quốc sự Duyệt binh, xử kién, định lại các danh sắc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1 có nhát thực

Tháng 11, ngày mặt trời lạy đông, ngày 11, giờ Mùi mặt trời lạy đông thành 4 gốc.

Quân của nhà Nguyên là bọn Thoát Hoan đến ái Nam Quan; quân Nguyên đến châu Tú Minh. Thoát Hoan để lại 2 nghìn quân, cho Vạn hộ là Hạ Chi và Trương Ngọc thống lãnh giữ khu giới xe có lương thực. Sai Hữu thừa Trịnh Bằng Phi đem vạn quân Hán Khoan theo đường phía tây vào Vĩnh Bình. Ao Lô Xích cũng đem 1 vạn quân sang theo cửa Núi Nhì đường phía đông huyễn Ngọc Sơn. Phàn Tiếp và Ô Mã Nhi đem quân thuỷ theo đường biển và An Bang. Quan lai ở biên giới là Trịnh Xiển tâu lên Vua hỏi Hưng Dao vương: "Giác đến thế nào?" Hưng Dao vương đáp rằng: "Năm nay thế giác dễ đánh". Vua liền hạ lệnh cho cấm quân giữ ái Lanh Kinh Bằng Phi nhà Nguyên đem quân vây hãm 3 ái Sa, Tri, Trúc, rồi tiến đóng ở La Cảng, lại đánh tan được trại Phù Sơn. Hưng Đức hầu là Quản đem quân đón đánh <71a> bán bảng tên thuộc dock. Quản Nguyên chết và bị thương rất nhiều phải lui về đóng ở cửa Vũ Cao. Chiến thuyền của giặc Nguyên đổ ở cửa An Bang. Quân ta hoảng hốt không kịp đánh bỏ thuyền mà chạy. chiến thuyền bị giặc lây mất. Phản thủ Thương vị Nhân Đức hầu là Toàn đem chiến thuyền đánh nhau với giặc ở Đa Mô. Giặc Nguyên chết đuối rất nhiều, 40 tên bị bắt, thu được thuyền ngựa và kỵ giới đem về dâng vua (xét sứ nhà Nguyên tháng đó, quan Hữu thừa ở tỉnh Vân Nam nhà Nguyên là Ai Lỗ đem quân đóng ở cửa Mộc Phàm đất Giao Chỉ. Tướng của ta là Chiêu Van vương đem 4 vạn người chống giữ ở đó. Ai Lỗ đánh được quân ta, bắt được các tướng của ta là Lê Thach, Hà Anh. Nay quốc sứ không ghi, có lẽ là lược bỏ đi đây)

Thang 12, sai Nô Minh tự Nguyễn Thúc đem quân Thánh đức dũng nghĩa đến cùng với Hưng Dao vương giữ cửa Đại Than. Thúc gặp giặc, hai bên đánh nhau. Giặc bị thua.

Quân Nguyên đánh vào kinh thành, vua ruoc Thái thương hoàng về phía nam. Thoát Hoan nhà Nguyên sai Trịnh Bằng Phi đem 2 vạn quân đánh vào Van Kiếp, dựng 2 trại trên núi ở Phù Lai và Chi Linh, chia quân chiếm giữ. Rồi lai thuân dòng xuống. Ba Điểm² ở phía đông. Dân ở bên sông đều đầu hàng Sai <71b> Ô Mã Nhi. A Bát Xích hợp thuỷ lực quân tiến thẳng đến kinh sư, qua sông Phú Luong, đóng quân ở dưới thành. quân ta đánh nhau với giặc không có lợi, vua cùng thương hoàng sang dòn Cầm Nam lai dùng chiến thuyền di về phía nam (Xét năm đó người Nguyên xâm lược nước Nam, Thoát Hoan

1. B. Kien Vua thời Tần. Cơ mật trăm vạn quân mà vẫn thua.

2. Danh từ. Danh từ mới về giáo lý như Phật

làm chủ tướng còn bon Bàng Phi, Ao Lô Xích, Ô Mã Nhi. Phản Tiệp đều phải lê thuộc vào Thoát Hoan, chứ không có ai gọi là A Thai. Hơn nữa số quân tập hợp của các tinh đều ở đây không có chỗ nào gọi là 50 vạn, hay 30 vạn. Sứ cũ chép ngày 30 tháng ấy, Thái tử nhà Nguyên là A Thai cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh Van Kiếp, tên tướng và số quân đều sai sự thực, cũng như năm Thiệu Bảo thứ 5 chép: bon Trung phẩm là Hoàng Cơ Lệnh sang Nguyên, gặp Thái tử là A Thai tập hợp 50 vạn quân hen năm sau sang xâm lược. Năm thứ 6, Trần Phò di sứ về, nói rằng: Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan, Bình Chung là A Thich mượn tiếng dì đánh Chiêm Thành, nhưng thực là chia đường vào xâm lược nước ta. Thế rồi kể đến lại là Thoát Hoan không phải A Thai. Có lẽ là Sứ thần nghe những lời truyền miệng ở ngoài đường không thể không có sự sai lệch, có cái đúng cũng có cái sai. Lai năm Thiệu Bảo thứ 7, Nguyên sai Toa Đô nhà Nguyên đem 50 vạn quân đến thằng Chiêm Thành, cùng hợp với quân Nguyên. Xét ra quân dì đánh Chiêm Thành cũng do Thoát Hoan làm chủ tướng. Vua nhà Nguyên sai Đường Ngột Ý cùng với Toa Đô đem quân đến tập hợp mà thôi. Một nhánh của Toa Đô sao có được quân số nhiều như vậy? Có lẽ khi đó kẻ địch đánh tiếng để doa nạt khoe số quân nhiều, ta cũng tin mà cho là thực. Xét Bắc sứ và những truyền ký, Nguyên Thủ Tô xâm lược các nước, số quân chưa từng có 10 vạn, chỉ khi đánh Nhật Bản là có tới 10 vạn. Xâm lược nước ta thường điều động non 10 vạn người, ngoài ra như đánh Chiêm Thành cũng không quá 1 vạn 5 nghìn người, đánh Miến Điện chỉ 1 vạn <72a> 2 nghìn người. Người đọc sách nên suy xét việc rõi tập hợp lại mà hiểu, ha có thể tin vào lời truyền sai ngoa mà không suy xét hay sao. Cho nên đều bỏ không chép.

Mẫu Tý, [Trung Hưng] năm thứ 4 [1288] (Nguyên Chi Nguyên năm thứ 25), mùa xuân, tháng giêng. Ô Mã Nhi xâm phạm phủ Long Hưng. Ô Mã Nhi đem thuyền chiến kéo ra cửa bể Đại Bàng. Phó tướng là Nhân Huệ vương Khánh Dư đánh nhau với giặc bị thua, lai đón đánh bại được tướng chuyển lương của giặc là Trương Văn Hổ ở Văn Đôn. Khi đó Hưng Dao vương đem hết công việc biên phòng giao cho phó tướng ở Văn Đôn là Khánh Dư đến lúc ấy Ô Mã Nhi kéo ra Dai Bàng để đón thuyền lương của Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Khánh Dư đánh nhau với giặc không thắng. Thương Hoàng nghe tin đó, sai Trung sứ khoa tay Khánh Dư đem về hành tại. Khánh Dư nói với Trung sứ rằng: "Theo quân luật thì tôi cam chịu, nhưng tôi xin hoàn hai, ba ngày để lập công lần sau sẽ trả về chịu rủi búa cũng chưa muộn". Trung sứ đồng ý theo lời xin. Khanh Dư đoán chiến thuyền của giặc đã qua, át thuyền lương phải theo sau, bèn tập trung số quân còn lại để đợi. Quả nhiên, không bao lâu tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ chờ thuyền lương tới. Khánh Dư đón đánh, quân giặc dai bại <72b>. Đến biển Lục Thuỷ lai đánh bại quân giặc. Thuyền lương đều bị chìm xuống biển, bắt được giặc và lương thực khi giới rất nhiều. Văn Hổ chỉ chạy thoát một mình, trốn đến Quỳnh Châu. Khanh Dư đưa thư chạy tramped về báo vua, vua tha cho tôi trước không hỏi đến và nói rằng: "Cái mà quân Nguyên trông nhờ vào là lương thực, khi giới, nay những thứ đó đã bị ta bắt được, có lẽ không còn 'mưu may được nữa'. Bên sai thà người bị ta bắt trả về trại quân Nguyên để báo cho chúng biết. Quân Nguyên thiếu lương thực, chia nhau vào núi tìm thức ăn, ngày càng khốn khổ, đều muôn trả về không còn ý chí chiến đấu nữa. Cho nên năm đó nhân dân không bị tàn hại thảm khốc như những năm trước. Khanh Dư cũng có công đây".

Trước đây Khanh Dư trấn thủ ở Văn Đồn, phong tục ở đây chỉ buôn bán để kiếm sống. An uống, quần áo đều trông vào khách Phương Bắc. Cho nên cách ăn mặc, đồ dùng đều chuộng tục Phương Bắc. Khanh Dư điểm duyệt quân các trang rồi hạ lệnh: "Quân trấn giữ Văn Đồn là để phòng ngừa giặc Hồ, không được dối nón của Tân vì sợ rằng trong lúc thắng thòi khó phân biệt quân hiệu, nên phải đội nón Ma Lôi để phân biệt (Ma Lôi là tên một làng ở Lộ Hồng <73a>, ở đó khéo nghề dán tre làm nón cho nên có tên gọi ấy), ai làm trai lénh sẽ bị phạt". Khanh Dư trước đó đã sai người ngầm mua thứ nón ấy chờ đây thuyền đem về đậu ở trong cảng trước vụng. Dã hạ lệnh lại sai người ngầm báo với người trong làng là chỗ thuyền nón đậu ở đâu vì thế nhân dân tranh nhau đến mua. Trước đây giá mỗi cái nón không quá 60 tiền, sau giá cao lên một cái nón trị giá một tam vải, thu được hàng nghìn tam vải. Khách Phương Bắc làm thơ mừng Khanh Dư có câu "Văn Đồn kê khuyến diệc giải kinh" (gà chọi Văn Đồn đều phải sợ). Nói thac là để than phục uy danh, nhưng thực ra ngầm ý chê bai đấy. Khanh Dư tính người tham lam, tất cả người trong làng ai cũng ghét. Vua tiếc là ông có tài làm tướng, cho nên không nỡ bỏ (xét sử cũ có chép nam đó quan quân hối đánh ở ngay cửa hẻ Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền tuân tiễu của giặc và 10 cái đầu giặc. Người Nguyên chết đuối rất nhiều. Chiến dịch đó có lẽ là Khanh Dư dồn đánh thuyền lương của nhà Nguyên. Nhà viết sử không khảo cứu sự thực chỉ nói suông là quan quân, còn chiến thắng của Khanh Dư lại chép vào mùa đông năm Đinh Hợi. Cho nên cái chính lai mà chia dòng chủ thích việc đó xuống dưới để giữ lại việc cũ đây).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Việc đánh lui giặc Hồ ở dời Trùng Hưng, ai cũng khen nhiều về chiến thắng <73b> trên sông Bach Đăng của Trần Hưng Đạo, mà không biết dời trận thắng ở Văn Đồn của Khanh Dư. Trận thắng đó rất kỳ diệu và là cản bản cho trận thắng sau đây. Ba đường tiến quân băng thuỷ bộ của giặc Nguyên đều trông vào thuyền lương vận tải đường biển. Đại quân dã đến mà thuyền lương chưa đến, trèo lên núi Thủ Dương mà hổ canh quỷ⁽¹⁾ ngóng ngóng chờ lương thực, một sấm, một chiêu phải đến lâu rồi. Cho nên từ khi Thoát Hoan xâm phạm Kinh sư lập tức sai Ô Mã Nhi ra cửa biển Đại Bàng dồn thuyền lương của Trương Văn Hồ, nhưng không gấp, phải quay về. Không bao lâu lại ra Đại Bàng đến Tháp Sơn rồi lại đến An Bang tất cả đều vì dồn Trương Văn Hồ. Chúng có ngòi đâm só lương 17 van thach đá chìm hết ở Văn Đồn và Văn Hồ cũng chìm dã lâu rồi. Đến dồn dã lâu rồi cuộc lương không đến. Vì thế ba quân đói khát, lương thực dã không có, đồng nồi cũng không cướp được gì. Tướng sĩ đều mang lòng căm phẫn. Ép họ chiến đấu thì họ trả lời: "Ốm đau không chiến đấu được". Dù họ ở lại thì họ trả lời: "Lương hết không thể ở lại được". Họ đã quyết kế về <74a> thì không cần ta phải đuổi, tin chiến thắng ở Bach Đăng chỉ làm tăng thêm binh uy mà thôi. Còn trận dồn đánh ở Văn Đồn là chết con hổ mà cướp lấy mồi, lòng tham hau háu mà không được thoả vốn dã bị bẽ gãy móng và đập gãy răng rồi. Mưu tính liệu và công thắng

(1) Núi Thủ Dương: Lá núi Bà Đì, thuộc Tề nhà Chu lên ở ăn rải chèo đổi. - hổ Canh quy: Canh là phươngWAY chí thức gạo, Quy là phương bắc chí nước. Trên lên núi Thủ Dương mà hổ canh quy ý nói là hết binh thường.

dịch của Khánh Dư cũng vì đai thay. Nếu không phải thế thì Thoát Hoan lần trước đã không đến. Nay đương muốn làm cho hả giận há lai chiu "mùa đông kéo đến, mùa thu đã về", cup đuôi mà chạy ra khỏi Nam Quan không dám ngoảnh lại hay sao! Cho nên nói: Trần tháng ở Vân Đồn là cản bản của việc đánh lui giặc Hồ đây. Sứ cũ cho công của Khánh Dư là nhỏ, chỉ so với những trấn thăng nhô của Trần Toàn, Nguyễn Thực, không có liên quan gì. Việc tính toán để chế ngự địch cùng những cơ mưu đánh lui giặc khi bấy giờ cộng với tinh hình binh lính và thế của giặc nòi do không tra cứu được. Cho nên tôi nêu lên và nói ra.

Tháng 2, Ô Mã Nhi nhà Nguyên lại kéo ra Đại Bàng. Quan quân chiến đấu với giặc ở Tháp Sơn <74b> bị giặc đánh bại. Giặc đánh vào trại Yên Hưng.

Thang 3, Hưng Đạo vương Quốc Tuân đại phá thuỷ quân của giặc Nguyên trên sông Bạch Đằng, bắt được tướng của nó là bọn Ô Mã Nhi. Thoát Hoan đem bộ binh trốn về. Từ khi Thoát Hoan xâm lược nước Nam, tuy nói là chiếm được thành Thăng Long nhưng thực ra vẫn lấy Vạn Kiếp để đóng đòn chính và lấy Phà Lại, Chí Linh làm nơi tựa. Lúc đó, lương đã hết từ lâu, quân sĩ đói khát mêt mỏi, Thoát Hoan liền dẫn quân từ Kinh sư về Vạn Kiếp, sai Bát Xích đem quân tiến phong đánh Tam Giang, phá hơn 30 đòn luỷ cướp gạo để tự túc. Lại sai Ô Mã Nhi ra cửa biển An Bang đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Không thấy thuyền lương đến, Ô Mã Nhi lại trở về Vạn Kiếp cướp lương thực của xóm làng lân cận được hơn 4 vạn thach gạo, mưu tính chia quân đánh đòn ở Phà Lại, Chí Linh, thừa cơ cướp bóc để làm kế cố thủ. Các tướng của nó đều kêu lên là không còn thành trì nào có thể giữ được, không còn kho tàng nào có thể làm lương ăn được, không gì bằng kéo quân về". Thoát Hoan nghe theo. Quân Nguyên lương thực thi hết tướng sĩ lại bị ốm đau nhiều <75a> những nơi xung yếu đã bị ta lấy lại, bèn quyết ý rút về. Sai Ô Mã Nhi cùng bọn Phàn Tiếp đem chiến thuyền đi đường thuỷ về trước. Trước đó Hưng Đạo vương cho rằng cửa biển An Bang là con đường mà quân Nguyên kéo về tất phải đi qua, nên đã cho người đóng cọc ở sông Bạch Đằng trước rồi phủ cỏ lên trên để che đi, chờ quân giặc đến. Khi bọn Ô Mã Nhi kéo về, Hưng Đạo thừa lúc nước thuỷ triều lên đem thuyền ra khiêu chiến rồi vờ chạy, quân giặc Phương Bắc kéo hết quân đuổi theo. Khi nước xuống, thuyền của giặc bị vướng hết vào cọc. Nguyễn Khoái đem quân Thánh Đức dùng nghĩa đánh nhau với giặc. Vua cùng Thái thương hoàng lai mang đại quân tiếp đến, tung quân vào đánh, quân giặc đại bại. Ô Mã Nhi phải thu thập những chiếc thuyền còn lại mà chạy. Khi ấy nước thuỷ triều rút nhanh, thuyền của giặc gác lên cọc, đều nghiêng dám, quân Nguyên chết đuối nhiều vô kể, nước sông đỗ ngập. Bắt được bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp và hơn 400 chiếc thuyền. Nội minh tư là Dỗ Hoành đem Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ vương dâng thượng hoàng. Thượng hoàng sai dân lên thuyền của mình cùng cho ngôi <75b> nói chuyện và uống rượu. Hữu thừa của nhà Nguyên là Trình Bàng Phi chọn quân tinh nhuệ hộ vệ Thoát Hoan đi đường bộ trốn về nước, đến ài Nôi Bàng, quan quân ta đã tập hợp rất đông chặn đánh. Tướng giặc là Lai Van hộ Trương Quân đem 3 nghìn người liều chết đánh mới qua được biên giới. Tin báo quân ta có hơn 30 vạn giữ từ Nữ Nhi đến ngọn núi Khâu Cáp kéo dài hơn trăm dặm. Người Nguyên tự liệu không thể thoát được nên vừa đánh vừa chạy. Quân ta đứng trên cao dùng tên thuốc đốt bắn xuống, bọn Trương Ngọc, Bát Xích đều chết. Tướng sĩ nhà Nguyên băng bó vết thương

rồi chóng lại Giac chét thay gỏi len nhau. Thoát Hoan từ huyện Đan Ký (có bản chép là Dan Ba, thuộc Làng Sơn) theo đường tắt Lai Châu trốn về. Đến châu Tư Minh sai Ao Lô Xích đem các quân về Bắc (Xét sử cũ chép, quân Nguyên họp nhau ở sông Bach Đằng để đón thuyền lương của Trương Van Hồ nhưng không gặp lại bị Hung Dao đánh bại. Đến khi thuyền của Van Hồ đến lại bị đánh bại. Thuyền lương gác lên cọc, lương thực đã gần hết. Nay xét thuyền lương của Van Hồ vào tháng giêng đến Văn Đồn bị Khánh Dư đánh bại. Thoát Hoan chờ lâu không thấy đến, sai Ô Mã Nhi đi đón, vẫn không thấy đến bèn tính kế trả về Bắc. Tham khảo các sách ý đều giống nhau. Hơn nữa lấy ngày tháng mà tính thì: Tháng 11 đại quân của Thoát Hoan <76a> kéo đến cửa ải, thuyền lương của Van Hồ tiếp tục xuất phát. Đường biển sóng gió bất thường, lê ra tháng giêng đến nơi mới đúng, há lại có lý tháng 3 mới đến nơi. Xét Khánh Dư tính toán rằng: thuyền giac đã qua, thuyền lương tắt phải tiếp sau, cùng với việc báo tin tháng trận lên Thương hoàng rằng: lương thực của giac đã bị ta bắt được. Lại cũng năm đó, tờ biểu của nước ta có nói: "Thái tử Mông Cổ thương sói đem đại quân trở về". Ô Mã Nhi và Tham chính lính quân tuy ra ở ngoài biển vẫn bắt dân vùng biển. Trăm họ bị bức bách mà chết liền đầy lèn cát tai hoa "chim cúng thi mổ lại, thú cúng thi phết cát lại".

Xem đó càng thấy rõ cuộc thất bại của Van Hồ phải ở chiến dịch Văn Đồn, mà chiến dịch đó có lẽ vào lúc đến đánh Ô Mã Nhi kéo quân về. Không còn ngờ nữa cho nên cải chính lại dễ thấy được việc dùng binh, trước sau như thế mới khỏi sai sự thực. Lại theo sử cũ chép: Nguyên Khoái đánh nhau với giac bát được Bình chương Ao Lô Xích. Nay tra Ao Lô Xích là tướng dường bộ của nhà Nguyên, người đã cùng Thoát Hoan kéo quân dường bộ trở về. Tham khảo sử Phương Bắc và các sách đều nói "Ao Lô Xích vâng mệnh của Thoát Hoan đem quân kéo về Bắc". Nó chưa từng đến Bach Đằng một lần nào mà lại bị Nguyên Khoái bắt được hay sao? Người mà bị Nguyên Khoái bắt chỉ là viên tướng nhỏ thôi. Lại sử cũ chép: "Thoát Hoan cùng với A Thai đem quân trốn về phủ Tử Minh, thủ quan là Hoàng Nghê bắt được đem dâng lên. Những năm đó tướng suy nhà Nguyên không có ai tên là A Thai. Thoát Hoan đã về Tư Minh, vua Nguyên vì thấy nó không có công trạng gì, bèn cho ra trấn ở Dương Châu không cho vào châu, thì còn ai bắt được? Những loại như thế, khảo xét không rõ, do dán không kỹ với chép vào sách làm cho người đọc nghi ngờ. Cho nên lược bỏ đi)

Sử thân Ngô Thì Sĩ bàn: *Ngô Tiên chù phá tan quân của Lưu Hoàng Thảo; Trần Hưng Đao bắt sống Ô Mã Nhi đều trên <76b> sông Bach Đằng, đều là những võ công lớn của nước ta. Tiếng tăm của các vị hào kiệt cùng với cảnh đẹp của núi sông nghìn dặm vẫn còn như thế. Trương Hán Siêu làm bài phú trên sông Bach Đằng có câu:*

"Triết chiến trăm sa, khô cốt doanh khâu".

Nghia là

Giao gày chim trong cát, xương khô chất dày gò. Lại có câu:

"Duy thử giang chí đại tiếp, do đại vương chí tộc nhàn" (Chỉ có thắng lớn ở sông này, là do Đại Vương liệu tình giac đã quên).

Ngắn kỵ ý của lời văn đã mô tả được sự lụn bại của quân Hán, quân Hồ, thật là thảm thiết Dương khi Hoàng Thảo đem hàng trăm vạn lâu thuyền xuống Phương

Nam, cha là Nghiêm ở gần làm thanh thế viễn tro bảo là chỉ đánh mót hời trống có thể được vừa ý. Ô Mã Nhi là tên dâu só trong đám chờ đẻ, gióng trống ra biến tự cho là không ai làm gì được mình. Rốt cuộc đều bị chết trên những chiếc cọc. Dâu vết tanh hời của Hán và Hồ chảy cùng dòng nước. Còn sông núi nước ta, sách trời đã định cho dù người Bác cậy vào chỉ lục mà lấy được cũng không thể có mài được. Chỉ tự chuốc lấy sự chết mà thôi, tham lam dùng binh có làm gì được đâu! Xem rộng các triều đại chỉ có vua Nguyễn Đế nhà Hán bỏ quận Châu Nhại và vua Tuyên Tông nhà Minh bái binh ở Giao Châu, có thể là có ý kiến sáng suốt đấy.

(Vua rước Thái thượng hoàng về phủ Long Hưng, dâng <77a> tù binh ở Chiêu Lang¹¹). Vua và Thái thượng hoàng về phủ Long Hưng, đem bon tướng nhà Nguyễn là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái là Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoan, Phan Tiếp, Diên Nguyên, cùng các bọn vạn hộ, thiên hộ đến Chiêu Làng để làm lễ dâng tin thắng trận. Trước kia, người Nguyên đã muốn phá Chiêu Làng đi, nhưng có quan tài của vua nên chưa động đến. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá ở đấy đều lâm bùn. Khi vua làm lễ yết lăng, có câu thơ rằng:

"Xã tắc lưỡng hời lao thạch mā,
Sơn hà thiên cổ điện kim áu"
Dịch nghĩa: (Xã tắc hai phen làm mệt ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Có lẽ vì cảm thấy thần linh ngầm giúp mà làm ra đấy.
Xe giá trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, đại xá cho thiên hạ. Khi đó cung điện bị giặc đốt phá, khi xe vua đã trở về, Thượng hoàng ngự ở nhà thị vệ, đại xá cho thiên hạ. Phàm nơi nào từng bị đốt phá thì được tha tột thuế sai dịch hoàn toàn, còn những nơi khác có miễn giảm theo từng bậc khác nhau.

Vua ban du cho ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm. Theo lệ cũ: Phàm những chiếu thư thì Viện Hàn lâm nghĩ <77b> soạn, quan Hành khiển tuyên đọc. Chức Hành khiển trước đây chỉ dùng hoạn quan làm. Viện Hàn lâm phải đưa trước bàn thảo tờ chiếu, cho quan Hành khiển tập đọc để khi đọc thì giảng cà âm lẩn nghĩa cho tất cả mọi người dễ hiểu. Bấy giờ Lê Tòng Giáo làm tả phụ vốn không hợp với Hàn lâm phung chí là Dinh Củng Viên. Gặp khi có lệnh đại xá, Củng Viên cố ý không đưa tờ chiếu, Tòng Giáo nhiều lần đòi mà không được. Đến ngày làm lễ, xe nhà vua đã ra cung, Củng Viên mới đưa bản thảo cho Tòng Giáo. Tòng Giáo tuyên đọc không thông âm nghĩa chỉ lặng yên, vua bảo Củng Viên đứng dằng sau chỉ bảo, Củng Viên đứng ở sân đọc thật to khiến Tòng Giáo có vẻ xấu hổ. Khi vua trở về, triệu Tòng Giáo du rằng: "Củng Viên là văn sĩ, người là hoạn quan sao lại bất hòa với nhau đến thế? Người làm quan Lưu thủ ở Thiên Trường có thể lấy sản vật như tôm biển cam ngọt qua lại tang nhau thì có hại gì?" Từ đó Tòng Giáo và Củng Viên giao hảo càng thân.

11. Chiêu Làng: Làng Trập Thái Tông.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Vua dạy cho báy tôi giao hảo tâng nhau há cháng phải là mồi ra mồi té <78a> người làm tôi tư giao với nhau sao? Tôi cho là giao hảo và tư giao, hình tích tuy giống nhau nhưng thực là khác đây. Xét ra những người mang lòng riêng ngầm két cẩu với nhau, là tư giao. Như kinh Xuân Thu ché việc Thái Bá đến nước Lỗ ¹ là thế, lây tình tốt vui vẻ với nhau, thì không phải là tư giao, như người trong Kinh Thi vịnh bài tâng quả đưa quả mân ² vậy. Vua bảo báy tôi giao hảo với nhau để cùng hoàn thành công việc nhà vua. Có thể thấy được nhà Trần trung hậu như thế đây. Nhưng lại dùng hoạn quan không biết chữ làm chức Hành khiển cũng là không phải.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Nhà Trần trung hậu giàn di, vua tôi thân nhau như cha con, quan ở trong hay quan ở ngoài đều dâng ngoю như nhau. Quan ở ngoài không hiềm xa xôi mà có thai độ kiêng ky, quan ở trong không cậy gần vua mà đưa lời khen chê riêng tay. Vua lại biết kính trọng các bậc sĩ phu, cho nên các bậc nho học cũng nhờ có văn học mà được kính trọng. Có lẽ đó là phong tục tốt của người xưa. Cùng Viên, không đưa trước bát thảo tờ chiếu là trái với lệ cũ, khiến <78b> moi người cùng xem cùng nghe, tiếng nhục. Lúc nên im lặng thì lại to tiếng để làm nhục quan hành khiển và khinh nhòn nghi lễ triều đình, Nhân Tông cũng không chút khiến trách. Thấy Tông Giáo không thông ám nghĩa thì sai Cùng Viên chỉ bảo cho xong công việc. Đến khi thấy Cùng Viên to tiếng chỉ bảo thì lại bảo Tông Giáo giao hảo để vui long Cùng Viên, mà Tông Giáo và bè đảng của ông cũng không ai làm hại được. Lại còn thò vua như cha mẹ, công nghiệp to lớn được bê trên kinh nề, được dương thời coi trọng, có chỗ đưa mà như vậy chăng? Già sử không gặp được vua sáng suốt thi tài không thể yên thân một ngày trong triều đình được. Còn như dùng quan Hành khiển tuyên đọc tờ chiếu, có lẽ là câu nệ vào nghĩa truyền đạt mệnh vua đây. Đặc biệt lại không biết rằng cái gọi là truyền đạt mệnh vua phải là lời truyền đạt ra vào trong cung cảm, chứ không phải truyền đạt là tuyên đọc ở nơi triều đình. Thế nhưng vẫn có thể thấy được cái ý trung hậu giàn di.

<79a> Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hự di sứ sang nhà Nguyễn. Thiên Hự là em Khác Chung. Khác Chung đi sứ sang nhà Nguyễn lập được công, nay tiến cử em (xét tờ biếu của nước ta có nói: "Đại quân vừa di mà thiên sứ chưa đến, tôi sai bọn Trung đại phu là Trần Khắc Dung, Tòng nghĩa lang là Nguyễn Mạnh Thông, kinh dâng lễ mon, trước cửa khuyết" có lẽ là biếu van của Thiên Hự di kỳ này, nhưng họ tên lại khác không thể tra cứu được).

Ký Sửu, [Trung Hưng] nam thứ 5 [1289] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 26), đưa tù binh nhà Nguyễn là bọn Ô Mã Nhi về nước. Sai Nội thư gia là Hoàng Tá Thốn đưa về. Dung kê của Hưng Dao vương lấy người giỏi bơi lội làm phu thuyền, đêm dùi thuyền cho chim. bọn Ô Mã Nhi chết đuối hết (xét: chiến dịch Bach Dang bắt sống bọn Ô Mã Nhi, Tịch Lê Cơ vương, Phàn Tiếp, Thương hoàng cho dân đến cùng ngôi để biểu thị lòng kinh trong cùn minh, liên sai Tòng nghĩa lang Nguyễn Thịnh đưa Tịch Lê Cơ vương về nước

1. Chỉ việc Thái Bá đến nước Lỗ không có lệnh của vua nhà Chu. Tú truyện cho do là tư giao.

2. Túc bài "dâu dỗ bao lý" trong Kinh Thi.

cùng khởi trình với Đường Ngột Phàn, Phàn Tiếp ôm chết dã hoả tang và cắp ngựa cho vợ con nó về. Tích Lê Cơ vương có bản chép là "Tích Lê Cơ" không có chữ "vương", có lẽ là thân thích của vua nước Nguyên, khi đó đều gọi là dai vương đấy. Duy có Ô Ma Nhi là người gian ác, giết chóc rất thảm khốc. Khi quân Nguyên đến, Mã Nhi từng nói với người nước ta rằng: "Mày chạy lên trời ta cũng đuổi lên trời, mày chạy xuống đất ta cũng đuổi xuống đất, mày trốn vào trong núi ta cũng vào trong núi, mày chạy xuống biển ta cũng đuổi xuống biển". Triều đình rất cảm giận, cho nên không cho nó về, làm kế cho nó chết đuối để hả giận. Nhưng trả lời với nước Nguyên lại nói rằng: Tham chính Ô Ma Nhi đương <79b> thời kỳ tiếp tục về nước. Vì đường về đi qua Vạn Kiếp. Nhân xin trước với Hung Đạo giúp cho dung cụ đi đường, đêm nâm trong thuyền, nước dò vào, thuyền bị chìm, quan Tham chính người to lớn không vớt lên được nên bị chết đuối. Người Nguyên cũng biết ta nói dối nhưng cũng không hỏi vẫn)

Sứ thần Ngò Sí Liên bàn: Chữ tin là vật báu của nước, khiến người ta khám phục sâu sắc, cũng là cái gốc của vương chính vậy. Hung Đạo vương dùng bá thuật⁽¹⁾, muốn cho thành công trong một thời, mà không biết làm thế sẽ mất lòng tin với muôn dân. Đã nói đưa về nước lại dùng mưu giết di. Thật là quý quyết dãy! Vua Thái Tổ cao hoàng dã triều Lê ta khi dẹp xong loạn muôn thà người Minh về nước, bọn nguy quan có kẻ dã vùi người Minh mà dân việc Hung Đao vương dùi thuyền để ngăn trở lòng người muôn về. Nhưng lòng tin thực của nhà vua đã thấu dẽ cá con lợn con cá, người Minh vẫn tin theo không nghi ngờ gì. Đó mới là làm cho người ta khám phục sâu sắc là gốc của chính sự. Há lại là bổ ích nhõ hay sao?

Nhà Nguyên sai bọn đê hình Lưu Định Trực, Lễ bộ <80a> thi lang Lý Tư Diện sang đưa dụ chỉ và đưa sứ nước ta là bọn Thông thị dai phu Nguyễn Nghia Toàn tất cả 24 người về nước. Vào đầu năm Trung Hưng khi Thoát Hoan trở về nước, vua liền sai Nghia Toàn cùng với bọn Hiệp trung dai phu Nguyễn Đức Vinh, Hữu Vũ dai phu Đoàn Hải Khung, Trung dai phu Nguyễn Văn Ngan mang theo lề vật địa phương sang Vua Nguyên tức giận muôn lai đem quân sang nên đều giữ lại. Đến khi ấy vừa lúc ta đưa tù binh là bọn Tích Lê Cơ về nên mới cho sứ thần ta về nước. Vua sai Hung Dao vương đón bọn Định Trực ở cửa kinh thành. Khi đã vào thành, đến cửa điện thì xuống ngựa rồi mới vào điện Tập Hiền tuy nhiên đọc dụ chỉ và yêu cầu vua ta vào châu. Khi sứ thần về quan, mới sai từ thần đến nói nguyên nhân Ô Ma Nhi bị chết dám và nói ý vua ta tuổi già không thể vào châu được, từ đấy có nơi nào xin mời, thì không có nơi nào sứ thần không đến. Bọn Định Trực ở hơn 10 ngày thì từ biệt ra về. Hung Dao kinh thuận như trong tờ biểu đã nói. Vua lại sai bọn Bồi thần Đám Minh, Thông thi dai phu Chu Anh Chung mang sẵn vật địa phương theo đi, từ đó hai bên Nam Bắc lại thông hiểu với nhau <80b>

Tháng 3, ngày mồng 1 có nhật thực

Mùa hè, tháng 4 xét công dẹp giặc Nguyên, tiên phong Hung Dao làm dai vương, Hung Vũ vương làm khai quốc công, Hung Nhượng vương làm tiết độ sứ. Khắc Chung vẫn làm dai hành khiếu, ban cho họ nhà vua. Đô Hành bắt được Ô Ma Nhi không đem dâng vua chỉ được phong quan nội hầu. Bọn Man trưởng ở Lang Giang là Lương

(1) Bá thuật: Những thu đoạn cáo tra để dài mục đích nhất thời, bài chấp nhận ngay.

Uất, Hà Tát Nang vì biết đem người Man ra đánh giặc cho Uất làm chủ trai Quy Hoá; cho Tát Nang tước quan phục hâu. Riêng Hưng Tri vương vì làm trái lời chiếu, đem quân dồn đánh khi quân Nguyên trở về không cho thàng tước trại. Khi ban thường ban tước da thi hành, nếu còn có người nào chưa thoả mãn thì Thương hoàng dụ rằng: "Nếu các người biết được giặc Hồ nhất định không đến nữa, thì dù thàng lên cực phẩm trăm cũng không tiếc. Lỡ ra giặc Hồ lại đến các ngươi lại lập công thì trăm lây gì để thưởng và để khuyên khích thiên hạ". Mọi người đều vui vẻ thán phục. Lai quy định những bảy tội có công trước sau. Ai có kỹ công xông lên trước phá được trấn của giặc đều ghi họ tên vào "Trung hưng thực lục" và được vinh danh.

<81a> Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Hưng Tri vì dồn đánh giặc Nguyên khi rút lui nên không được tiến trật. Thế thi chiến dịch trên sông Bạch Đằng không phải là dồn đánh hay sao? Mưu của giặc Nguyên kèo quân trở về Bắc không phải chung ta đã du biết được. Ô Mã Nhi đem thuỷ quân về trước, há có thể tha giặc mà không đánh chăng! Đến khi Thoát Hoan đem bộ binh của hai đường nhỏ trại mà về thi tinh hinh bó vê đá rõ ràng rồi. Tờ chiếu "chó dồn đánh khi quân giặc rút lui về" có lẽ ý là "giặc đến dương cung thi không đuổi nữa" để phòng sinh ra những việc không hay đây. Thế mà Tri Hưng trái lệnh nên không được ghi công. Nhưng giặc Hồ 3 lần đến đây giày xéo lên biên giới nước ta, đốt phá cung điện của ta, giết hại nhân dân ta, khiến cho thôn xóm tiêu diêu, đồng nòi không còn dám cỏ xanh. Nô tan hai nước ta thật khốc liệt. Bóng vi dời mà bỏ về, ta đuổi theo mà đánh, làm cho nó lốn tương hao binh, tước đoạt hồn phách của nó, khiến cho nó không dám lai nhom ngo nước Nam nữa. Đó cũng là việc báo thù rửa hận, thế mà không châm chước. Cu cho là làm trai chiếu chỉ mà át đi có thể báo là ban thường công bằng chăng! <81b> Đến như Đỗ Hanh dâng tú binh lên Thương hoàng lại bị Nhân Tông giám bớt phong thưởng. Như thế ha không làm tổn thương đến lòng Thương hoàng hay sao? Hai vua Thái Tông và Nhân Tông họp mưu đánh bại kẻ thù mà trong khoảng cha con lại vì xem công mà nghi kỵ nhau thế là lấy sự tranh chấp dạy người dưới đây. Thán nay rất không hai lòng với vua Nhân Tông.

Thang 5, tri tội những người đầu hàng giặc. Quân dân được miễn tội chết phải chuyển gót da làm cung điện để chuộc tội. Còn các quan, viên thì tùy tội nặng nhẹ xét xử có khác nhau. Trước đây khi quân Nguyên sang xâm lược, trong các vương hầu thản liêu có nhiều kẻ ra vào biếu xén ở trại giặc. Khi giặc tan quân ta bắt được một tráp đựng những tờ biếu xin hàng Thương hoàng sai đem dột di để làm yên lòng kẻ phản trác. Duy những kẻ da đầu hàng giặc từ trước thi du nó dã ở trong hàng ngũ của giặc vẫn tuyên bố từ tôi lưu đày, tử hình hoặc tịch thu di sản. Những người thuộc hàng tôn thất như Minh Hiến hâu là Trần Kiên, Van Chiêu hâu và Trần Lộng đều bị tước bỏ họ nhà vua đổi thành họ Mai. Riêng Ich Tác chỉ gọi là A Trần, ý là nhu nhược như đàn bà. Cho nên khi ấy ghi chép có tên gọi là <82a> A Trần, Mai Kiện. Có người tên là Dang Long cận thân của nhà vua là người giỏi văn học nhưng trước ở bậc thấp, vua từng muôn cho làm Hàn lâm học sĩ nhưng Thương hoàng không bằng lòng. Long bất bình mới hàng giặc. Đến lúc đó bắt được rồi chém di. Hai hương Bà Diếm, Bàng Hà khi giặc đến đã đầu hàng trước nên bắt quân dân hai hương ấy chỉ làm binh thang mộc, không được vào làm quan. Ngoài ra cấp cho các tể thản để làm gia nòi sai khiến

Sứ thần Ngò Thi Sì bàn: Vua Thành Tông đốt những tờ biểu xin hàng, cũng giống vua Quang Vũ đốt sách vở. Cái gọi là chúa dựng cái nhà bẩn dơ, hai che dày cai vét bụi, hai vua đều có những diệu áy. Lương của bậc đế vương bao la như vậy, đều có thể giữ được dòng dõi ngời báu để truyền lại cho con cháu, đâu có phải chuyên ngẫu nhiên. Ich Tắc không bị xoá tên trong sổ của dòng họ, diệu đó càng nghiêm thấy được lòng thành thực yêu mến anh em dày.

<82b> Cho Phùng Sí Chu làm hành khiển Trước đây khi quân Nguyên sang xâm lược vua sai Sí Chu bồi, Sí Chu đoán rằng: "Tất tháng lớn" Vua mừng và nói: "Nếu dung như lời nói ấy sẽ có trong thưởng". Khi dẹp xong giặc, vua nói: "Vua thiên tử không nói dưa". Cho nên có mệnh lệnh đó. (Sí Chu người ở Cố Liêu thuộc Trà Hương, là người trung hiếu, có văn học, dân dã làm quan đến thiếu phó, hiệu là Thiên Trai tiên sinh ⁽¹⁾)

Phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, ban cho một quân làm ấp thang mộc, gọi là Khoái Lộ  (Khoái Lộ  nay là phủ Khoái Châu).

Thương hoàng đến hành cung Thiên Trường. Khi đó giặc Nguyên đã rút lui, Thương hoàng ngự xe về phủ Thiên Trường, thấy cung khuyết không bị xâm phạm có làm bài thơ rằng,

"Cành thanh u vật diệc Thanh u,
Thập nhất tiên châu thủ nhất châu.
Bách bộ sênh ca cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự.
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu
Tứ hải dì thanh trần dì tĩnh,
Kim niên du tháng tích niên du".

Dịch nghĩa:

(Cành thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một tiên châu, đây một châu.
Trăm giọng chim ca, trăm bô sáo,
Nghìn hàng cây quất, nghìn tên nô.
Tráng vô sự soi người vô sự.
Nước có thu in trời có thu.
Bốn biển dã yên, nhơ dã sach,
Chuyển di này hơn chuyển di xưa)

Từ nam Thiệu Bảo về sau, phải dung bình qua 2 lần để đánh giặc, cho nên có cảm xúc mà làm thơ vậy.

<83a> **Sứ thần Ngò Thi Sì bàn:** Từ Trần Thái Tông đến Nhân Tông, người Nguyên 3 lần sang xâm lược nước ta. Lần thứ nhất vào năm Đinh Ty (1257) nưn

1. DVS&KT chép là Tôn Trai tiên sinh

hiệu Nguyên phong; lần thứ 2 vào năm Giáp Thán [1284] niên hiệu Thiệu Bảo; lần thứ 3 vào năm Đinh Hợi [1287] niên hiệu Trùng Hưng. Chiến dịch Bình Lệ năm Đinh Ty [1257] trở dù trả lại gần đây 1 tuần, khi đó gọi là phật tặc. Có lẽ vào thời vua Hiển Tông nhà Nguyên chưa dẹp được giặc Tống giặc Kim cho nên chí thốn tinh nước ta cũng chưa hăng hái. Sau khi Hợp Thai rút quân về trong vòng 29 năm không dám đến Phương Nam. Đến khoảng năm Thiệu Bảo, Trùng Hưng, Thế Tổ nhà Nguyên đã chiếm được cả vùng Trung Nguyên thi cái lòng ham dùng binh dao vũ lực đến mức lột cùng muối dập bằng nước ta mỏi thời. Lúc đầu thì tham làm sau thi tức tối. Cho nên trong vòng 4 năm, quân Phương Bắc 2 lần qua cửa ai nước ta. Sau khi tập hợp chống lại quân giặc, cha con vua Thành Tông và Nhân Tông mưu tính tin dùng anh em Hưng Đạo, Chiêu Văn chống kẻ khinh rẻ, cuối cùng đãchem được Toa Đô, bắt được Ô Mã Nhi, 2 lần Thoát Hoan bỏ chạy khiên cho xá tác 2 hồi loạn lai yên, non sông muôn thuở như mới. Dù là phúc lộc chưa hết, do lòng trời phù giúp nhưng công việc của người cũng rất khó khăn đấy. Như việc hội vương chư hầu ở Bình Than: dãi tiệc các phu lão ở Diên Hồng, không việc gì là vua không hỏi đến người. Khi vượt Đại Bang vào Thanh Hoá, ra Hải Đông, về Thiên Trường, không nơi nào là vua không đến. Ngựa đá phải lầm bùn, nỗi đau đớn thấm sâu ở Sơn Lang. Thiên An. Thừa Thiên đều thành tro tàn, nỗi thù hận triền miên (giặc Nguyên dến Kinh sư theo cửa Đại Hưng di vào, qua cửa nách tả hữu 9 gian ngự điện Thiên An và những cung khuyết, gác Triều Thiên đều bị đốt sạch), Trường Hiển hầu xin hàng buổi trước, Văn Chiêu Chiêu Quốc xin hàng buổi sau, bận lòng đến bậc tông thần, một mai quết sạch bụi Hồ, áu vàng lai vũng. Về thâm quê cũ, có ngày nay nhớ lại ngày qua, bát giác thốt lên lời thở than ngâm vịnh, cũng một giọng như khi tương của Hán Cao Tổ, hát bài đại phong ca và ngâm kỵ từ ấy thì bài thơ của Thánh Tông trong lòng thanh thản như đối với bóng cây râm mát, nghe tiếng chim ca lúi lo, rót chén rượu dưới ánh trăng trong, gẩy tiếng đàn trên dòng sông yên tĩnh, tưởng lại khi khói lửa ở Chí Linh, Vạn Kiếp, con sóng gió ở Đại Thành, Bạch Đăng, những buổi con thuyền cõi quạnh bị nước rót vào. Và ngày bày ra những bát cơm hẩm. Thế mà vẫn hợp sức vua tôi, cha con một lòng, vượt qua được lúc gian nan. Đến bày giờ loan lạc đáy yên, cung hưởng tôn vinh, lần rong chơi năm này so với lần rong chơi năm trước thong dong biết đường nào! Đó là Thương hoàng cảm động trong lòng mà tỏ ra lời nói. Không phải giống như Hán Cao Tổ gó cái gậy trúc hát bài nhớ người mảnh sì có thể theo kịp được. Bảo là tinh tinh dung dán thi cũng dung.

Mùa hè, tháng 6, dài hạn kéo dài đến mùa đông tháng 10.

Canh Dần, [Trung Hưng] năm thứ 6 [1290] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, tuyển chọn quan văn chia đi trông coi các lộ.

Vua thán đi đánh Ai Lao Khi sắp đi, triều thần can rằng: "Nay giặc Hồ mới lui, vết thương của dân chưa khỏi, sao dã vội dấy binh". Vua nói: "Chỉ nên ra quân vào lúc này thôi. Vì sau khi giặc lui, lấn bang hàn sẽ cho quân sĩ, xe ngựa của ta chết nhiều, thế không thể dấy quân được, sẽ có sự khinh nhơn, cho nên đem đại quân đi đánh để thị uy". Quân thần đều nói: "Hà lại không biết làm nhút sức dân là điều đáng

lo, điều đáng lo của nhà vua là điều lớn hơn thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thân không ai theo kịp".

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Khi đó triều thần can ngăn việc dâng binh của nhà vua chưa phải là sai lầm. Đến khi nghe lời nói của Nhân Tông lại với khen là "thánh nhân lo xa" thì gần như là xiểm nịnh đấy.

Tháng 3, gia phong cho Tá Thiên đại vương Đức Việp làm nháp nội kiểm hiệu thái úy.

Mùa hè, tháng 4, nước sông Tô Lịch chảy ngược (sử cũ chép sông có mưa to nhiều nước thì mới dênh trở lại mà chảy ngược. Xét thấy nguồn sông Tô Lịch phát từ sông Nhị Hà từ phường Hà Khẩu thông với Hồ Tây. Những nơi Thụy Chương, Yên Hoà, Yên Quyết nước cạn đi thuyền không được, dân ở hai bên bờ ném gạch đá xuống. Khi nước dày lại bị hạ lưu chặn lại không chảy được cho nên phải chảy ngược, không phải là tai dù).

<85a> Tháng 5, Thương hoàng băng ở cung Nhân Thọ, tang Thương hoàng mới được hơn 3 tháng. Ngự sử đại phu là Đô Quốc Kế tâu: thân được biết khi có tang không nên làm người khác bị đau, nay các bậc thiền tử đều dùng kiêu làm người khác bị đau, xin vua nên cưỡi ngựa, vua nghe theo nhưng chỉ dùng yên mộc (xét sử cũ chép ba chữ "thiên tử giai" (thiên tử đều) thì đáng ngờ. Có người nói: chữ thiền tử, là sai dãy, cần cù vào chữ dưới: chỉ dùng yên mộc thi chữ "kiên dư" (kiêu) thì lai hinh như nói chỉ vào vua, thì rất cản rỡ).

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Xem lời nói của Quốc Kế thi không chỉ học vấn nồng cạn mà kiến thức cũng hẹp hòi. Xét ra theo tang chế thi không nên cưỡi ngựa. Làm người bị đau tức là người ta gầy mòn hại đến tính mệnh, thế mà lại bảo đeo kiêu làm cho người ta bị đau. Học vấn của hắn như thế thi những việc sửa diều sai can diều lẩn sẽ ra sao? Nhân Tông đang lúc có tang, không phân biệt được diều trái mà gương, nghe theo cũng là sai dãy.

Lấy Hạ phẩm phung ngự Phạm Ngũ Lão quản quân Hữu vệ thánh dực.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang Nguyên báo tang và xin phong (có bản chép là: Nghiêm La Trần Tử Lương chưa biết bản nào đúng).

Đời to, 3 tháng gạo trị giá 1 quan tiền. Nhân dân nhiều người phải bán ruộng đất, con cái làm nô tỳ cho người khác, mỗi người trị giá 1 quan tiền. Ban chiếu lây thóc trong kho chẩn cấp cho dân nghèo và miễn thuế nhân định.

Mùa đông, tháng 12, táng Thương hoàng ở Dụ Làng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền công thịnh đức nhân minh văn vũ tuyên hiếu hoàng đế.

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Vua Thánh Tông nói cơ nghiệp của Thái Tông, giữa chúng gặp giặc cướp loạn lạc, uỷ thác cho các tướng thần cùng với Nhân Tông gop sức làm nên sự nghiệp. Khiến cho thiên hạ dâng tan mà lại hợp, xả tặc dâng nguy mà lại yên, cho đến hết đời Trần không còn nạn xâm lấn của giặc Hồi nữa, công đó thật to lớn dãy.

Tân Mão, [Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291] (Nguyên Chi Nguyên năm thứ 28), đời to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Sứ nhà Nguyên là Trương Lập Dao sang <86a>. Thoát Hoan nhà Nguyên kéo quân

về vua Nguyễn giàn chưa nguời, muôn lai đem quân sang xâm lược. Bôt Hốt Truật xin sai sứ sang ban dụ thì có lẽ ta không điều gì là không theo mệnh

Sai Lê bờ thương thư Trương Lập Dao là người thường sang sứ nước ta lập được nhiều công, bèn lai sai sang du vua ta vào châu

Nham Thin, [Trung Hưng] năm thứ 8 [1292] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 29), mua xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 có nhát thực.

Cho Phí Mạnh làm an phủ ở Diên Châu. Mạnh nhân chức chưa được bao lâu đã có tiếng là tham ô. Vua cho gọi về phạt truất, rồi lại cho về ly sở, lại được tiếng là công bang, liêm khiết. Người Diên Châu có câu rằng: "Diên Châu An phủ thanh như thuỷ (An phủ ở Diên Châu trong như nước).

Cho Trần Thị Kiến¹ làm an phủ ở lộ Yên Khang². Trước đây người Nguyễn 2 lần sang cướp phá, nhà vua đều sai Thị Kiến bồi. Đến khi giặc bị thất bại chạy tan rã như lời bói (khi quân Nguyễn vào xâm lược, lần đầu bói được quẻ "dự" biến sang quẻ "trần" đoán là tốt). Mua ha nam sau, quân Nguyễn thua. Niên hiệu Trung Hưng năm thứ 6, mua thu, giặc Nguyễn lai vào cướp phá; vua lại sai bói: Bói quẻ "quan" biến sang quẻ "hoan" đoán rằng: Hoan túc là tan, đó là diêm quân giặc tan vỡ. Quân Nguyễn kéo đến sông Bach Đang quá nhiên tan rã như lời dự đoán! Vua khen tài năng của Thị Kiến, cho nên cai nhát lên mà dùng.

<86b> Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Bói để quyết sự nghi ngờ vốn là việc bậc thanh nhân không bỏ. Sỉ Chu, Thôi Kiến nếu giỏi về thuật áy, mà bói có hiệu nghiêm, thi sau khi công việc xong, thường cho vàng bạc ruộng đất là được. Nhưng một người cho làm hanh khiển, một người cho làm an phủ sứ. Ôi! kẻ đêm cỏ si phòng doan dung mà trả công bằng chức quan cao. Vậy những người vung mài cheo ở bên Bình Than, bắn tên vào tên Hàng tên Quán đã lập được những công phá địch diệt thù, ha lại lấy được hết những chức quan đó mà trao cho họ được sao? So với những kẻ đưa hết thiên hạ vào môn học thuật số và làm tan rã lòng tướng sĩ khác nhau là bao nhiêu?

Thang 2, lập đồng cung thái tử là Thuyên làm hoàng thái tử, lấy con gái cả của Hưng Nhuông đại vương Quốc Tảng làm phi của thái tử.

Cho Dinh Cung Viên làm thiếu bảo, thăng tước quan nội hâu.

Thang 2 nhuân, sai bon Nguyễn Đại Pháp, Hà Thuỷ Nham sang Nguyễn. Sứ nhà Nguyễn là Trương Lập Dao đã sang nói với vua rằng: Trước đây Trần Nam vương mang đại quân vào sâu chua danh dã tan, thiên tử đã biết chuyên đó <87a>. Hơn nữa quân nam trước sang không phải chú ý của nhà vua, mà vì biên thần gièm pha, vua nhân đó mời vua ta vào châu. Vua từ chối vì đang có tang, bèn sai bon Đại Pháp theo Lập Dao dâng biểu tâu bày cảm ta và làm lễ tiến công hàng nam. Đại Pháp sang đến nước Nguyễn, người Nguyễn gọi Đại Pháp là Lão lénh công. Đại Pháp đến Ngọc Châu tiếp kiến các quan binh chương ở hành tinh. Khi đó Ich Tác cũng ngồi ở đó. Đại Pháp không chào, Ich Tác

1. Trần Thị Kiến người Đông Triều tỉnh Quảng Ninh ngày nay

2. Yên Khang, Túc Yên Khánh tỉnh Ninh Bình ngày nay

nói: "Người không phải là người ghi chép ở nhà Chiêu Dao vương chẳng?" (Chiêu Dao tên trước là Quang Xưởng, con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tác) Đại Phap trả lời: "Thế sự đổi thay, Đại Phap này vốn là người ghi chép cho Chiêu Dao vương, nay là sứ giả cũng như Bình Chương trước là con vua nay lại là kè đầu hàng giặc đây. Ích Tác có vẻ thiện. Từ đây khi sứ nước ta đến, không dám ngồi ở sảnh đường nữa (Xét Ích Tác từ sau khi đầu hàng nhà Nguyên, người Nguyên nhiều lần cho quân dân về nước nhưng không được bèn cho ở Ngọc Châu trao chức Hô Quàng binh chương chinh sứ Thé Tổ nhà Nguyên cấp cho ruộng ở Hán Dương, Thành Tông lai tước doat đi. Khi Vũ Tông lên ngôi vì thương tuổi già lai ban mènh lệnh gia ân, trong bài chế có câu: "như vót kè chết đuối; cứu kè bị cháy". Theo vua đã một hai lần cất quân, cho ăn cơm ở công quán hầu 30 năm, lưu ở Hô Quàng, trải thờ 4 triều vua chi tiết ban đầu vẫn không đổi, cấp ruộng như cũ, 76 tuổi thì chết. Vua Nguyên cho tiền 50 quan, thuy là Trung Ý Ích Tác biết làm thơ).

Ban chiếu rằng: những người mua kè lương thiên về làm nô tỳ cho chuộc lai, còn ruộng đất thì không theo luật đó (Hai năm Canh Dần và Tân Mão đổi lớn, nhiều người phải bán rẻ con trai con gái và ruộng đất, nên mới có tờ chiếu ấy. Đến đời vua Anh Tông vào năm Kỷ Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 7 lai ban chiếu từ những năm Canh Dần, Tân Mão đến nay tất cả những ai đã bán ruộng đất và người nhà làm nô tỳ thì cho phép chuộc lại, nếu để qua năm thì không được chuộc nữa).

Vua thường đi chơi, giữa đường nếu gặp gia đình của các vương hầu thì gọi tên của họ và hỏi chủ nhà người ở đâu, và răn các vệ sĩ không được trách máng họ. Đến khi về cung thì bảo các quan tả hữu rằng: "Khi bình thường thì có tả hữu thi vệ, nhưng khi quốc gia hoan nan thì chỉ có bon ấy ở lại". Có lẽ vì nhà vua cảm được công lao của họ đi theo vua trong lúc loạn ly cho nên nói đến họ.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Yêu người yêu lây cả con qua đầu trên nóc nhà. Gọi tên gia đình mà hỏi là rất yêu chủ của nó đây. Vua Nhân Tông hét lòng thân với những người thân có lẽ là được khuôn phép của Thành Tông để lại. Đó là phải là dốt cây đầu nấu hạt đậu, bê cành làm tổn thương đến cây. <88a> như các người đồng dội nhà Trần đem gia thuộc sang triều đình của giặc. Như thế chẳng phải đã phụ lòng hữu ái đó sao? Còn những người gia đình kia là hạng thấp hèn nhất mà còn được trọng nét mặt của vua, nghe tiếng nói của vua, trình trọng đậm âm thường tinh như chủ tá nhà người ta thì lại giàn dị biệt đường nào! Khi nước rút thi bờ bến mới hiện ra; gấp thời "cùng" thi lòng tiết nghĩa mới rõ rệt. Lúc bình thường nhiều hoạn nạn, hoàn cảnh khác nhau thì tình nghĩa thay đổi. Mới biết kè nghêu ngao bếp xếp không bằng kè thực thà mộc mạc. Những người giữ Bãi Tân và di theo đánh sứ ở Vạn Kiếp là bọn áy đáy. Những người mặc áo Tống cầm cung tên chiến đấu ở cửa Hầm Tử là bọn áy đáy. Những người săm sửa vũ khí đóng chiến thuyền dong duối dưới ngọn cờ "phá cường địch báo hoàng án" (phá giặc mạnh báo ơn vua) cũng là bọn áy đáy. Những nam Thiệu Bảo, Trung Hưng, 2 lần đánh lui quân giặc đều là công của các vương hầu: Hưng Dao, Chiêu Văn, Hoài Văn, Hưng Vũ, khi treo nui vượt biển, khi gói giáo nằm sương, theo vua rong ruổi nơi cát bụi, công lao của

các bậc già thần cung không phải ít, há có thể việc dâng yên thì quên đi sao? Đại khai tình của người thương cũng mày tao trong lúc hoan nạn và thân yêu như con trong khi sắp được yên vui. Phù Sai¹⁾ chết thi Văn Chung cũng²⁾ bị giết. Hạng Vũ³⁾ bị giết thi Hoài Âm cũng⁴⁾ bị diệt cả họ, lời ví dụ về cái cung con chim⁵⁾ tit xưa đến nay đều thương xót! Quan hệ giữa các tướng ván vồ, giữa vua tôi còn như vậy, huống chi là bọn gia đồng tâm thường. Quen mắt, nhớ tên, thầm hỏi họ khi ở ngoài đường, khen ngợi họ khi về trong cung eo ý nghĩa vua tôi thân với nhau đây. Như vua Nhân Tông thật đáng gọi là bậc vua khoan hậu. Nhưng người giải vây cho Tân Mục Công lại là kẻ ăn trộm ngựa, người giải nan cho Tuyên Tử lại là người bị đổi dưới nương đâu. Nếu giữ được lòng người thì có kẻ chỉ người sang kê hèn. Người xưa có câu: "Còn một người phải than thở thì đạo vua cũng vì thế mà sụp đổ". Cho nên người dân bình thường cũng đang hỏi, bọn cát có cũng đáng bàn. Vậy thì an ủi bọn gia đồng cũng có <89a> khác gì? Việc gì đó tuy nhỏ, nhưng lấy những loại như vậy mà suy ra thì làm rõ được cái nghĩa thân mật gây nên được phong tục trung với vua, thân với người trên, làm cho vương đạo được sáng tỏ trong thiên hạ đây.

Mùa thu, tháng 9, nhà Nguyên sai Lai bộ thương thư là bọn Lương Tăng sang. Trước đây Đại Pháp sang sứ nhà Nguyên, vua sai Từ thân làm tờ biểu, dẫn ra các lời nói và có hẹn rằng năm sau tôi cửa khuyết, rút cuộc không thực hiện. Vua Nguyên lại sai Tăng và bọn Lê bô lang trung Trần Phu sang trách là lời văn xảo quyết và dụ vua ta vào chầu.

Quý Ty, [Trung Hưng] năm thứ 9 [1293] (từ tháng 3 trở về sau là Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30), mùa xuân, tháng 3 (có bản chép là mùa ha, tháng 4), vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử. Thái tử là Thuyên lên ngôi hoàng đế, xưng là Anh Hoàng, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ. Tôn thương hoàng là Hiển nghiêng quang thanh thái thượng hoàng đế. Tôn Bảo Thánh hoàng hâu làm Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hâu. Quân thần dâng tôn hiệu là: Ưng thiên quang vận nhân minh thánh hiếu hoàng đế, <89b> phong cho phi làm Văn Đức phu nhân, sau đó phế bỏ đi lấy em gái của Văn Đức phong làm Thánh Tư phu nhân (trước đây khi vua Nhân Tông 16 tuổi làm Thái tử đã có chí muôn di tu, xin nhường ngôi thái tử cho em, nhưng vua Thành Tông không nghe. Dêm Nhân Tông nhảy qua thành đi tìm

1) Phù Sai: Con của Hap Lu vua nước Ngũ, thời Xuân Thu. Hap Lu bị Việt Vương Câu Tiễn giết. Phù Sai đánh được nước Việt trong tầm ngay cẳng lưng lầy. Sau đó họp các chư hầu ở Hoành Địa. Câu Tiễn thừa lúc sơ hở giết được Phù Sai.

2) Văn Chung: Là mưu thần của nước Việt. Khi Câu Tiễn diệt Ngũ, đã bay được nhiều mưu kế. Khi thành công Phạm Lai khuyên nên bắc đài không nghe cuối cùng bị giết.

3) Hạng Vũ: Tức Hạng Tích người Hà Tương cuối thời Tần, từ là Hạng Vũ có sức khoẻ phi thường và tài ba hơn người, cùng chư là Hạng Lang đầy quân ở nước Ngũ; Hạng Lang mất, Hạng Vũ cầm quân 9 lần đánh đều thắng từ lấp lâm Tây Sơn Ba vương. Sau bị quân Hán và chư hầu bao vây bị thua rồi chết.

4) Hoài Âm: Tức Hán Tin người Hoài Âm thời đầu Hán giúp Hán Cao Tổ đánh Hạng Vũ, sau bị Lữ Hậu và Hán Cao Tổ giết.

5) Túc Câu: "Cao diều lán lường cung tảng, địch quốc phả mưu thần vong". Nghĩa là: Con chim bay cao đã chết thì cũng tốt cung cái di. Nước này địch đã tan thì mưu thần cũng chết.

núi Yên Tử. Di đến núi Đông Viên, trời sáng ẩn ở trong tháp, nhà sư trong chùa tâu lên vua phải trở về. Khi đã nhận Thánh Tông nhường ngôi, ban ngày làm chinh sự, ban đêm vẫn châm tung kinh. Có vị Huệ trung thượng sĩ nói sự mâu nhiệm về thuyết tâm học cho vua nghe, vua rất mừng. Đến bây giờ nhập thiền cùng các vị tăng Pháp Loa, Đông Kiên Cương, tăng Huyền Quang, Lý Dao Tái, rồi di chuyển núi An Tử ở Hải Dương và các núi Lối Ám ở An Quảng để giảng cứu nối điển. Việc này ghi rõ ở sách cơ cầu)

Mùa thu, tháng 8, sai Đào Tử Kỳ sang nhà Nguyên. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ lại, rồi bàn cử đại quân sang xâm lược nước ta nhưng không thực hiện được. Bọn Lương Tang nhà Nguyên đến, khẽ ngỏ ý hảo vua ta vào châu, Thượng hoàng từ chối vì bị ốm, sai Tử Kỳ mang tờ biểu bằng vàng để chúc vạn tho vua Nguyên. Bấy kali nhà Nguyên đều bắn xin dãy quan, rồi giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, sai Lưu Quốc Kiệt cùng với các vương là bọn Diệc Lý Cát Ý cùng đi đánh nước Nam, chia lập các hành tinh ở An Nam. Hồ Quảng cấp cho 2 ăn Mua hàng nghìn chiếc thuyền, mỗi chiếc chứa hàng trăm hộc, dùng quân có tới 56.570 người <90a>, lương thực 35 vạn thạch, lương cho ngựa 2 vạn thạch, muối 20 vạn cân. Dư cấp lương bổng cho các quan. Thường cho quân nhân thuỷ thủ mỗi người đều 2 đinh tiền. Chia 2 đường bộ và thuỷ cùng xuất phát. Lệnh cho Ich Tác theo quân đến Trường Sa (An Nam hành tinh lấy bọn Lưu Nhi. Đề Đô nám quân đóng ở Tỉnh Khẩu), gặp lúc vua Thế Tổ nhà Nguyên mất, vua Thánh Tông lên nối ngôi, ban chiếu bãi binh và cho Tử Kỳ về nước.

Sứ thần Ngô Thì Sĩ bàn: Người Nguyên nổi lên ở sa mạc lầy tunc cướp bóc làm nghê của mình. Những nước chịu tham phục công hiến nó đều đặt các quan giám sát qua lại nước đó, gọi là dat lô hoa xích. Trong năm Thiệu Long đời Trần Thánh Tông tức vào niên hiệu Trung Thông năm thứ 3 vua Thế Tổ nhà Nguyên lấy Nạp Thích Dinh làm chức đó. Đến niên hiệu Chi Nguyên năm thứ 5 lại lấy Phu Lung Hải Nha thay chức ấy. Cho nên Quốc sử chép Nạp Thích Dinh sang và Long Hải Nha sang đều là thế cả. Đến Chi Nguyên năm thứ 9, nhà Nguyên lại cho Diệp Thủ Niết sang thay. Vua Thánh Tông sai làm tờ biểu nói về sự cay thè lán ot <90b> Xin đổi gọi là Dẫn tiên sứ. Dân dân cũng bỏ đi không dặt lại nữa. Xet thấy nhà Trần dung nước gặp vua Thế Tổ nhà Nguyên cương bạo, vua chẳng ra vua nước thần phục đã không bỏ việc tiến công, còn muốn đặt quan cai trị dò xét, lại du vua nước đó vào châu. Đến bây giờ việc không thể làm được; dù không xong thì lại cho quân áp sát biên giới muốn đặt quân, huyễn trên đất nước đó, thu tờ thuế của người dân nước đó, như thè mai thoả lòng. Sự tàn bạo của nhà Trần nhà Tùy cũng không đến nỗi như vậy. Thè nhưng nhà Trần giải quyết mọi việc thật nhẹ nhàng. Ngoài thi lơi lõi khiêm tốn biểu nhiều lõi vật, sự mến qua lại luôn luôn, trong thi chọn tướng luyện quân, phòng bị nghiêm ngặt khi đánh khi giữ, khiêm cho bọn Sai Thung, Lý Tư Diển không thể trổ tài biện luận, bọn Toa Đô, Ô Mã Nhi đưa bi chém dần, đưa bị bắt làm tù binh. Thoát Hoan sơ hải bỏ chạy mai được ra khỏi biên giới. Nên không có sự vua tài đồng tâm, tướng sĩ vui theo, mưu kế được quyết định, việc phòng ngự được chuẩn bị sẵn, lòng người có thể nhờ cậy được, có thể tự cường được, thì sao có được như vậy? <91a> Người Nguyên da tự biết dày. Nhưng sau 3 lần thất bại còn điều quan tích lưỡng, lại có mưu đồ cùi đại binh là nghĩa làm sao? Như

Khâu Toàn bảo vì ham cái lợi có cháu ngọc mà muốn được dấy thõi. Nhưng nhoc quân tên của rút cuộc không thu được may mắn gì. 2 lần không thõi lai đến 3 lần. Trời còn giúp nhà Trần. Cuối cùng vì lỗ tang của Thế Tổ mới chịu bái chiến dịch đó. Nếu không như thế thì chuyen di của Quốc Kiết, Cát Ngại cuối cùng cũng công không mà làm cho nước ta mệt sức, nhân dân làm than không có thời kỳ được nghỉ ngơi. Trời sinh ra người dân há lại chịu nuôi bọn lang sói, cho chúng thoả ý muốn không bao giờ chán hay sao? Đó là đại lược.

Mùa thu, tháng 9, Khâm Từ hoàng thái hậu băng. Thái hậu là người thuỷ mị, thông minh, sáng suốt, có nhân đức với kẻ dưới, Thượng hoàng thường làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lầu rồi sai quân sĩ đánh nhau với hổ. Có lần Thượng hoàng ngồi xem, thái hậu cùng các phi tần cùng theo lên hầu. Vì thềm lầu thấp con hổ bỗng sống ra khỏi chuồng nhảy lên lầu, mọi người đều sợ chạy chỉ còn có thái hậu và bốn, năm người thị nữ vẫn ở đấy, lấy chiếu che cho Thượng hoàng và tự che cho mình, con hổ vội vàng nhảy xuống, không ai bị hổ vồ cào cấu gì cả. Thượng hoàng lại thường ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì, con voi bỗng xông vào sập lên trên điện, người hầu hai bên đều chạy tan chỉ còn mình thái hậu ở đấy. Đến khi ấy thái hậu băng ở Lô Giang phủ Long Hưng, tạm quàn ở cung Long Hưng.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Con hổ hay vồ, con voi hay quật, há lại không đáng sợ thế mà trong khi con hổ con voi xông xáo nhốt thái hậu vẫn bình tĩnh, xử trí thản nhiên, có lẽ là chí ổn định và tinh lý sáng suốt đấy. Xét ra với tư chất nhu mì của người phụ nữ mà được như thế so với Tiệp Dư đứng chắn con gấu cũng không hổ thẹn. Các bậc si đại phu sao không bình tĩnh sáng suốt để xử lý khi có sự cố chuyen biến hay sao. Có người cho rằng: Nhân Tông xem đánh hổ đấu voi, nếu thái hậu quả là người tốt thì nên can ngăn. Nếu can ngăn không được thì trách hoa mà ta tội là đúng. Đằng này lai theo di xem, đến khi gặp nguy cấp thì được thoát là may sao đáng gọi là người tốt? Xin thưa: đó chẳng qua chỉ là lời trách hơi quá, không phải là lời bàn thường tình.*

Nước Chiêm Thành sang tiến cống

Sao Chổi mọc ở khu vực Tử Vi Viên sát đến sao Đầu sao Khôi, tia sáng dài hơn 1 thước, trăm ngày mới lặn.

Phong cho em là Quốc Chẩn làm Huệ Vũ đại vương.

HẾT QUYẾN V BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KỶ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYỂN VI

ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên là Thuyên, con trưởng của Nhân Tông, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, táng ở Thái Lăng. Vua khéo kế nghiệp, cho nên thời bấy giờ đất nước yên ổn, chính trị tốt đẹp, điển chương chế độ dần dần lớn mạnh, cũng là bậc vua giỏi của triều nhà Trần. Nhưng tụ họp các nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân để xây gác Anh Văn, há chẳng phải có cái vết nhò trong đức tốt đó sao?)

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294] (Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 31), mùa xuân, tháng 2, ban bố các huý trong nước.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ, Chiêu Hoài hầu là Hiên làm đô áp nha, trông giữ các sác mục trong ngoài cung Thánh Tử. Lấy con Văn Túc vương là Văn Bích thương vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, Thượng tướng thái sư Chiêu Minh đại vương là Quang Khải mất. Quang Khải là người có học thức, thông hiểu ngôn ngữ các phiên bang. Mỗi lần có sứ Phương Bắc đến ông đều được lựa chọn sung vào ban đón tiếp. Trước kia, khi vua Thành Tông thân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghế thủ tướng để trông <1b> gấp lúc sứ Phương Bắc sang, vua Thái Tông triệu Hưng Đạo vương Quốc Tuấn ý muốn cho làm Tư đồ để ứng tiếp sứ thần. Quốc Tuấn trả lời: "Việc ứng tiếp sứ thần Phương Bắc thân không dám chối, còn việc phong Tư đồ thân không dám vâng mệnh. Hơn nữa quan gia di danh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bệ hạ lại tự phong chức, thì tình trên nghĩa dưới sợ có điều chưa ổn đợi khi xa giá trở về lúc ấy vâng mệnh cũng chưa muôn. Vừa khi đó Thành Tông trở về, việc ấy ben thôi. Quang Khải và Quốc Tuấn vốn không hợp nhau. Sau Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp đến, Quang Khải xuống thuyền đánh cờ chơi suốt ngày. Quang Khải không thích tắm gội. Quốc Tuấn cởi áo tắm gội cho, rồi dùa cười với nhau. Từ đó tình nghĩa mới thân. Người làm tướng vẫn, người làm tướng vô, cùng phò giúp nhà vua, hai ông vẫn là người đứng đầu. Quang Khải mất, thọ 54 tuổi. Ông là người ham học hay thơ, có tập *Lạc đạo lưu hành* ở đời. Con là Vương Túc vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời bấy giờ. Thương hoàng rất yêu khác với các em thúc bá khác. Cháu là Uy túc Văn Bích <2a> từng ở ngôi thái bảo. Chất là Chương túc Nguyễn Dan cũng là người nổi tiếng. Ông đức sâu nặng cùng hưởng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

Thương hoàng thân di đánh Ai Lao, đánh tan quân địch. Trung Thành vương làm tướng tiền phong tiến lên bị giặc bao vây. Phạm Ngũ Lão đem quân yểm hộ, ben giải vây

được. Nhận đó tung quân đón đánh bài quân địch, ban cho Kim phủ Ngũ Lão.

Thang 9, Thiếu bảo là Dinh Củng Viên mẫn được tàng chức thiếu phó.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295] (Nguyễn Thành Tông Thiếu Mộc Nhĩ Nguyễn Trinh năm thứ 1), mùa xuân, thang 2, ngày mồng 1, sứ nhà Nguyên là Thị lang Lý Khản, Lang trung Tiêu Thái Dâng sang han chiếu vỗ về. Vua sai Nội viên ngoại lang là Trần Khắc Dung, Phạm Thảo sang nhà Nguyên (chiếu nhà Nguyên dài lược nói: "Trẫm buổi đầu lên ngôi, rõ lòng xá tội đã ban sác cho quan lại bái bở việc đem quân đi đánh nước Nam. Từ nay về sau dôi với những điều sơ mệnh trời thờ nước lớn nên nghỉ cho kỹ").

Mùa hè, tháng 6, Thượng hoàng từ Ai Lao về đến kinh sư. Thượng hoàng đánh Ai Lao vê di tu ở hành cung Vũ Lâm⁽¹⁾, rồi lại về kinh sư. Từ sau khi Khâm Từ thái hậu mất, <2b> Tuyên Từ thái hậu làm chủ trong cung cấm, tính tình nóng nảy, dạy dỗ nghiêm ngắt, mà vua tuân theo cũng rất kính cẩn, Thượng hoàng khen rằng: Trẫm tự thẹn xưng là Hiếu hoàng, nay nên lấy hiệu đồ mà gọi quan gia. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa họ Lê. Bà họ Lê là người phường Tây Nhai, phía hữu kinh thành có chồng là Phạm Mưu đi sứ nhà Nguyên bị ôm chết, Lê thị nghe tin thương nhớ 3 ngày không ăn rồi chết, tin đó dến tai vua, vua cho lấy vàng bạc lụa an ủi.

Sứ thân Ngô Sí Liên bàn: Thiếu Dương công chúa nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết; Lê thị nghe tin chồng chết nhặt ăn rồi chết. My È phu nhán giữ nghĩa không lấy 2 chồng nhảy xuống sông mà chết. Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thị không phụ nghĩa chồng cũng nhảy xuống sông theo chồng. May người ấy về đức hạnh "Thuần hiếu, trinh tiết" ở đời không thường thấy, được vua thời ấy nêu khen để khuyễn khích đời sau thực phải làm. Nhưng Thiếu Dương và Nguyễn thị chưa thấy nêu khen. Cho nên bàn cả vào đây.

<3a> **Sứ thân Ngô Thị Sí bàn:** Nếu khen những người tiết nghĩa, gây dựng đạo cương thường là việc đầu tiên của chính sách đài vương. Tiết nghĩa của các liệt nữ cũng như sự kháng khai thung dung của các bậc trung thần là một, đều là việc nhà nước phải nêu khen. Chỉ lo những người có chức trách không chịu tìm tội, nên sự việc bị che lấp người trên không nghe được đầy thời. Trước đây tôi nhậm chức ở Hoan Châu tìm hỏi những người tiết nghĩa trong quận, có biết Chân thi người Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, là vợ lẽ của quan Bình bộ Thượng thư Hồ Phi Tích. Bà là người có nhan sắc tuyệt vời vẫn ở goà giữ chí của mình. Bọn "giặc phản nghịch" là Nguyễn Hữu Cầu cướp phá làng xóm cướp ép Chân thi, Chân thi nói lừa giặc xin được vào vái áo dến thờ chồng một vái rồi cùng di ngay. Giặc dẩn đến dến, bà khóc vái xong rồi lây con dao nhó ngâm dấu trong mình tu dâm vào cổ mà chết. Bè tôi triệu tập dân làng ấy hỏi việc đó toan tâu lên nhưng rồi vì họ nghĩ việc quan không tâu lên được. Than ôi! Chân thi là người con gái khán yêm mà dùng cảm chết để bảo toàn tiết nghĩa. Làm tôi con mà quên vua phản nước <3b> chỉ sống len lút muôn được trọn vẹn là một viên ngói thi như thế nào? Nhưng linh hồn của người trinh nữ mờ mờ trong diện lè biểu dương, không đến được nơi âm u sâu kín. Cho nên tôi cố chép phụ vào đây, may chăng khiếu cho tiếng lầm của người đàn bà trinh tiết không đến nổi mai một với đời sau.

¹ Hành cung Vũ Lâm ở xã Vũ Lâm, huyện Yên Khánh Nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Mùa thu, tháng 8, thi quan ván từ loại mũ miện áo sam¹⁾ trả xuồng ở nhà An Hoa, sung bồ làm thuộc viên nhà ấy.

Bính Thân, [Hưng Long] năm thứ 4 [1296] (Nguyễn Nguyên Trinh năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, thượng phẩm là Nguyễn Hưng phạm luật đánh bạc bị đánh chết.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Phép nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc như vậy mà đến đời Dụ Tông còn công nhiên buông thả, chiêu nạp những người nhà giàu vào cung đánh bạc. Về sau người trong nước bắt chước không thể cấm được, rút cuộc vì tệ đánh bạc mà dẫn đến mất nước.*

<4a> Nhân Huệ vương Khánh Dư vào châu. Khánh Dư từ Bài Ang vào châu. Có người trong trấn kiện việc Khánh Dư tham lam thô bỉ, quan hành khiển mang việc đó tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu rằng: "Người làm tướng cũng như con chim ưng, quân dân cũng như con vịt, đem vịt mà nuôi chim ưng thì có gì là la" Vua không bằng lòng. Khánh Dư bèn trở về, Khánh Dư mỗi lần vào chầu sợ bị khiển trách không dám ở lâu, ở vài ngày lại về trấn.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự đến sông Đông Bờ Đâu xem đua thuyền.

Dược mùa lớn.

Dinh Dậu, [Hưng Long] năm thứ 5 [1297] (Nguyễn Đại Đức năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, duyệt sổ dân binh trong thiên hạ, khiến họ đời đời làm binh không được làm quan, theo quy chế cũ.

Đổi giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn vương Nhật Duật đi đánh A Lộc; Hưng Nhượng vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

Nước Ai Lao xâm lấn sông Chàng Long. Phạm Ngũ Lão đem quân đánh tan giặc, lấy lại được đất cũ. Vua ban vân phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thị Kiến làm quan kiểm pháp nhân chức đại an phủ kinh sư. Thị Kiến tính người cương trực <4b>. Trước kia ông là môn khách của Hưng Đạo vương do Hưng Đạo vương tiến cử. Tháng làm an phủ sứ ở Thiên Trường, người trong hương mang mâm cỗ đến biếu. Thị Kiến hỏi nguyên do, người ấy trả lời là vì ở gần tri sở nên đem biếu chứ không cầu xin việc gì". Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin. Thị Kiến bèn móc cổ họng nôn ra. Đến bấy giờ lại tháng lên làm quan kiểm pháp, mỗi khi có việc gì đến thi dùng phép mà ứng phó. Người đời đều cho rằng Thị Kiến giỏi xét đoán kiện tụng. (Thị Kiến người Cụ Sá, huyện Đông Triều)

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thị Kiến làm ra đức hạnh khác người để uốn nắn cải tệ cầu xin của người thời bấy giờ, cũng giống như Án Anh tiết kiệm quá mức để uốn nắn thói xì tiêm lè của Quản Trọng vậy.*

Mùa đông, tháng 10, sai phủ Tông chính xét lai thế hệ gia phả của thân thuộc nhà vua

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người xưng thần với các nhà đại thần tôn thất.

Tháng 9, gió bão mưa to.

1) Mũ miện áo sam: Chỉ những người quan ván ở địa vị cao

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng ta Trương Hiển chiến đấu chết tại trận, táng tước Minh tư, thờ ở nhà Thái thường

<5a> Lãy Phạm Ngũ Lão làm Hữu kiêm ngô vệ đại tướng quân, đại quân hiêu thượng đồ, thuỷ da nghệ đồ, chấn kim đồ, thích các chữ "Kim Chân" vào trận.

Thang 12, sao Chổi mọc ở phương đông Vua lánh không ngự ở chính điện, giám mòn ăn.

Cho Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm chức đại an phủ ở kinh sư. Cho Trần Thị Kiến làm nháp nội hành khiền hữu gián nghị đại phu và ban cho cái hốt cổ khác bài minh ngự chế.

Thái Sơn trình cao,

Tương hốt trình liệt.

Linh trại tiên giác,

Vì hốt nan chiết.

Dịch nghĩa

(Thái Sơn thát cao,

Hốt ngà thát sáng.

Linh trại ⁽¹⁾ đăng sừng,

Làm hốt khó gãy).

Kỳ Hợi, [Hung Long] năm thứ 7 [1299] (Nguyễn Đại Đức năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cấm dùng chữ huý của Khâm Minh đại vương Thiên Dao quốc mẫu, khi viết văn không được dung, ngoài ra đều giảm nét. Nhà Trần kiêng huý họ ngoại bắt đầu từ đó.

Cho Phạm Ngũ Lão làm thân vệ tướng quân kiêm quản quân thiên thuộc phủ Long Hưng

Thang 5, cho Đoàn Nhữ Hài làm ngự sử trung tán. Khi đó Thương hoàng từ Thiên Trường về kinh sư <5b> mọi người trong ngoài đều không biết. Vua uống rượu xương bò quá say Thương hoàng dao xem kháp cung điện, khi đồng hồ xuống 2 khắc. Người trong cung dâng cơm, nhìn kháp không thấy vua, Thương hoàng tức giận lầm bèn hỏi. Cung nhân vội vào danh thức vua vẫn không tỉnh Thương hoàng cà giận lập tức xa giá trả lại Thiên Trường xuống chiếu cho trăm quan hôm sau phải đến để điểm danh. Trời về chiều vua mới tỉnh Cung nhân mang việc đó tâu lên, vua sợ lắm, di bộ ra khỏi cung, người hầu cũng không kịp theo, qua chùa Tư Phúc gấp học sinh là Đoàn Nhữ Hài, vua bèn hỏi, Nhữ Hài vội vàng phủ phục xuống đất thưa: "Thần vì mải học vào làm đây thôi". Vua mang Nhữ Hài vào phòng nghỉ và bảo rằng: "Ta vừa rồi vì say rượu mang tội với Thương hoàng Nay ta muốn dâng biểu lén tạ lỗi, người hãy thảo giúp ta". Nhữ Hài vâng chỉ thảo xong ngay. Vua lập tức dung thuyền nhẹ ra đi cho Nhữ Hài theo. Ngay đêm ấy sang Thiên Trường sang sớm thì đến phủ, sai Nhữ Hài vào dâng biểu. Thương hoàng hỏi "Đó là người nào", người trong cung thưa. "Đó là người của nhà vua <6a> dâng biểu". Thương hoàng không trả lời. Trời đã chiều mưa to gió lớn kéo đến, Nhữ Hài vẫn quỳ

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc. Trại là loài thu không chân, chỉ có một sừng, hổ gắp người không chinh trực thi huỷ. Sau trại được dung làm hiêu tượng cho quan ngự sử giữ việc dan hặc hoặc gián quan giữ việc khuyên can vua.

không đứng dậy. Thương hoàng hỏi: "Người ở trong sân có còn đó không?" rồi sai nhân biểu để xem, thấy từng từ, tưng ý đều rất cầu khẩn, bèn triệu vua vào dụ rằng: "Trẫm còn có con khác cũng có thể nối ngôi, trẫm còn sống mà đã như thế sau này sẽ thế nào". Vua cúi đầu lạy tạ. Thương hoàng hỏi "Người soạn biểu là ai", vua đáp: "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hài đây. Lai triệu Đoàn Nhữ Hài vào nói: "Tôi biểu người soạn rất hợp với ý trẫm". Bèn ban chiếu cho quan gia trở lại ngôi vua, trẫm quan lại được về triều như cũ". Ông Thiên Trường trả về, vua phong Nhữ Hài làm Ngự sử Trung tán. Khi đó Nhữ Hài tuổi mới 20. Có người ghen ghét vì tuổi trẻ đã được tin dùng, bèn làm thơ chế giễu rằng:

Phong hiến luận đậm truyền cổ ngữ,

Khẩu tồn nhũ sứ Đoàn Trung tán"

Dịch nghĩa: (Luận đậm phong hiến truyền lời cổ,

Miêng còn hơi sửa: Trung tán Đoàn).

Nhữ Hài là cận thần của vua, một lời nói, một cử chỉ của nhà vua Nhữ Hài đều biết. Đến khi làm quan Ngự sử xem "thực lục" có chỗ nào sai sót đều sửa lại, dốt bẩn cũ (Nhữ Hài người Trường Tân, huyện Gia Phúc).

<6b> Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Anh Tông ngẫu nhiên một lần bị lối vì uống rượu, Nhân Tông đã muốn phế bỏ, phép nhà nghiêm như thế, cho nên con cháu có nhiều bậc vua giỏi. Nhưng đã có lối dây mà vẫn đặt xưng hiệu là Hiếu hoàng. Đầu có phải không biết vua là người có thể gánh vác được? Há lại có ý phế bỏ? Chỉ muốn cái đó để răn dạy Anh Tông dấy thôi. Còn nhiều truyện đặt ra ở nơi triều đình, khiến cho bậc tôn quý vua nối ngôi và thần hạ phải với vàng chạy vay là điều mất thể thống. Sao bằng trong cung đình, dạy bằng cách không nói ra mà ngầm cảm hóa có hơn không. Nhữ Hài là một thư sinh bỗng chốc gặp được vua biết và hỏi đến liền được vào hầu trong cung điện; hầu trên thuyền, đến Thiên Trường lai vê kinh sư, một mình bên vua. Có lẽ là cái duyên tiên định vua tôi gặp nhau hàng nghìn năm mới có không phải ngẫu nhiên mà nén. Còn như đặt tờ ché, thảo tờ biểu nói hết được ý của Anh Tông. <7a> suốt ngày đợi mện vân hòi được lòng Thương hoàng, trong vòng hai ngày được thấy hai vua. Vốn là người áo vải. Khi gặp mặt rồng mà không kinh hoàng. Trong chỗ cha con là điều người ta rất khó xử. Cái công của Nhữ Hài kéo lại co tròn để dàng như thế mà bảo không phải là bậc kỳ tài trong một đời được sao! Lời ché "miêng còn hơi sửa" có lẽ do miêng lưỡi của bon đàn bà ghen tuông không thể dùng ché Nhữ Hài được.

Vua bái yết các sơn lăng.

Tháng 6, tế kháp các thán núi thân sông.

Mùa thu, tháng 7, tu sửa am Ngự Dược ở núi Yên Tử. Thương hoàng lai xuất gia tu hành ở núi Yên Tử. Xưa kia khi Thương hoàng từ Vũ Lâm trở về thường qua lai kinh sư và phủ Thiên Trường, đến khi ấy lại xuất gia di tu ở núi Yên Tử. Đến Long Động từ biệt các cung tần mỹ nữ, cho họ được tự do. Người nào không muốn về quê thì cấp ruộng làm nhà ở dưới chân núi cho họ ở. Thương hoàng thường về Thiên Trường ngự ở cung Trung Quang. <7b> khi vua vào triều có quốc công Quốc Tuấn theo hầu. Thương hoàng nói: "Nhà ta vốn thuộc bậc hạ lưu, đời đời chuộng sức hùng dũng, thường xâm hình con

rồng vào đui. Đui dài theo nghiệp vỡ, cho nên xám hình vào đui để tỏ mình không quên gốc cu. Khi đó, thợ thích đã chờ mènh lệnh ở ngoài cửa cung. Vua nhận lúc Thương hoàng ngoanh di chỗ khác, liền về cung Trung Hoa để tránh. Thương hoàng biết ý của vua nên không ép nữa ben sai xám cho Huệ Vũ Quốc Chẩn. Cho nên quốc phu có xám hình rồng vào đui. Vua nói ngồi không xám hình vào đui bắt đầu từ đây. (Khi mới dựng nước quân sĩ đều xám vẫn rồng vào bụng, vào lưng và hai đùi. Khách buôn nhà Tống thấy trong minh người nước Việt có xám hình rồng, cho rằng con thường luồng ở biển sợ rồng, nếu gặp gió thuyền dám thường luồng không dám phạm tới cho nên gọi là "thái long".

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Vua Nhán Tông tinh thông kinh điển, vốn có giác ngộ, trong thiên hạ không vật gì đáng bận tâm. Nhưng đường đường là đảng thiên tử mà ẩn nau nơi hang cung núi hèm sơn hòn cùng một hai nhà sư trên núi <8a>, không có ham của cải, sống trong cảnh thái bình cho đến hết đời, công nhiên dùng Phật học mà dẫn dắt con cháu, đưa cả thiên hạ vào giáo lý của đạo Phật, lỗi ấy không gì lớn hơn. Lại nói: tục vua trong nước xám hình vào đui, các vua nhà Trần cứ theo nhau không đổi, cam coi mình ngang hàng với bon mọi rợ về mình là rất hù lúu dáy. Xet ra xám về mình hình loài vật há phải bậc tôn quý nên làm? Vua Cao Tổ nhà Chu nói: "Từ xưa há có bao nhiêu vua thiên tử lại về vào người? Tuy đó chỉ là lời tư lừa dối để cho người ta khỏi ngờ vực mình, nhưng cũng nói rõ bậc thiên tử không làm việc ấy. Anh Tông thà làm trái ý Thương hoàng, để bỏ di lê thói hù lúu từ lâu, là phải làm!"*

Vua thích vi hành, cứ ban đêm ngồi kiệu cho mười hai người Thị vệ theo, đi khắp trong kinh kỳ đến gà gáy mới về cung. Đã từng có đêm ra đến quán phường bọn vô lai ném gạch trúng vào đầu vua, nhưng người theo hầu kêu rằng: "Vua ở đây", chúng mới sợ và bỏ chạy. Sau Thương hoàng thay vết thương hói <8b> nguyên nhân, vua cũng tâu hết sự thực. Thương hoàng trác lưỡi hỏi lâu.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Anh Tông chỉ một lần say rượu mà còn bị tội với Thương hoàng, thế mà lại dám làm như vậy là lỗi gì? Ôi! cũng nguy đây tiếc rằng không có ai lấy chuyện vua Han Vũ Đế ở Bách Cốc, nói cho vua biết.*

Ban chiêu cho kẻ sĩ trong thiên hạ học tập đợi thi.

Cho Nỗi quan là Trần Hùng Thao làm tham tri chính sự đồng tri thánh từ cung tâty sứ. Sau Hùng Thao can tội phê án thả người nên bị bãi chức.

Sai Nhữ Lâm di sứ sang Nguyên.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Xet Nhữ Lâm di sứ sang Nguyên, đến kinh đô bị bắt về bán dỗ cung điện, ngầm đem bán dỗ các sách bị cấm nặc ghi tình hình quân sự ở biên giới phía bắc và những việc ở sơn lâm, bị Thủ tướng nhà Nguyên là Hoan Trach tâu lên. Vua Nguyên sai bon Thương thư <9a> Mô Hop, Thị lang Kiều Tông Lương du rông. Nhữ Lâm làm việc trái phép, về lý nên trị đến cùng. Trảm vi long dỗ lương bao dung thiên hạ, ban chỉ cho quan có chức trách tha về. Từ nay về sau người di sứ phải nên ken chon. Qua đây có thể thấy được vua Thành Tông nhà Nguyên đối với nước ta, sự ưu ái rất mực dày. Nhữ Lâm vâng mệnh di sứ mà không cẩn thận, nguy cơ làm hỏng việc nước, có thể làm bài học cho người di sứ. Sứ cũ chep thiếu cho nên ghi lại.*

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300] (Nguyễn Dai Đức năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, đông đất 3 lần (từ giờ Thân đến giờ Tý)

Tháng 3 nhuần, Trần Quốc Khang mất. Tục nhà Trần lấy vợ lấy chồng đều lấy người cùng họ Quốc Khang từng trông coi Diên Châu, nhân đó lấy con gai Diên Châu làm nàng hầu vợ lẽ cho nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do những người con gái Diên Châu sinh ra. Từ đó nhậm chức tri châu ở Diên Châu đều để cho con cháu Quốc Khang làm. Về sau vì thiếu người nối dõi mới dùng người bản chau giữ chức ấy.

Tháng 5, ban chiếu: tất cả các quan văn quan võ trong triều <9b> có chứ phê mà không có ăn Trưởng hả⁽¹⁾ đều phải giảm một bậc nếu có công đánh giặc thì không phải giảm (Có lẽ là thiếp ban cho trong thời gian mất ăn).

Người phụ nữ ở Lộ Hồng sinh con trai hai đầu.

Tháng 6, sao sa.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn mất tại phủ đê nhà ở Van Kiếp. Trước đó, khi Quốc Tuấn ốm vua đến nhà Quốc Tuấn hỏi rằng: "Nếu không may ông mất, giặc Phương Bắc đến xâm lấn, thì kế sách như thế nào?" Hưng Đạo đáp rằng: "Xưa kia khi Triệu Vũ Đế dựng nước, vua Han sai quân sang đánh, nhân dân làm vườn không nhà trống, đại quân kéo sang Châu Khâm, Châu Liêm đánh vào Trường Sa, quân du kích đánh úp sau. Đó là một thời đấy. Thời Dinh, Lê chọn được bắc hiên tài, đặt Phương Nam vừa mạnh, người Phương Bắc đã mỏi mệt suy yếu, trên dưới mệt da, lòng người không ly tán, đáp thành Bình Lỗ⁽²⁾ mà phá được giặc Tống. Đó là một thời. Nhà Lý mở cơ nghiệp, người Tống xâm phạm dồn dài, vua dùng Lý Thường Kiết đánh Châu Khâm, Châu Liêm rồi tiến đến Mai Linh⁽³⁾ là vì nhà Lý có cái thế. Trước đây Toa Đô, Ô Mã Nhi bao vây bốn mặt, nhưng vua tôi đồng lòng, anh em hoà thuận, nhà nước hợp sức, bọn chúng tự đến cho ta bắt. Đó là trời xui nên đấy. Đại khái chúng cậy vào trưởng trân ta dựa vào đoàn binh. Dẹm đoán binh mà tri trưởng trân là lẽ thường của phép dụng binh. Nếu thấy quân giặc ào tới như gió như lửa, đó là thế dễ trị; nếu chúng dùng lối lẩn dẩn như tằm ăn lá, không cần thắng nhanh, thì ta phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét mưu cơ biến hoá như người đánh cờ vậy. Tùy thời mà hành động cho hợp, phải xây dựng được đội quân thân với nhau như cha với con, sau đó mới dùng được. Hơn nữa phải nới rộng sức dân, để làm kế rẽ sâu cội chắc. Đó là thương sách của việc giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con An Sinh vương, lúc mới sinh người xem tướng trong thây nôi. "Người này ngày sau có thể cứu nước giúp đời". Đến khi lớn lên dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ.

Trước đây An Sinh vương có hiềm khích với Chiêu Lang⁽⁴⁾ vẫn đem lòng thu oan An Sinh đã tìm khắp những bậc tài giỏi để dạy Quốc Tuấn. Khi sắp mất cầm tay Quốc

1. Ăn Trưởng hả: Con dấu đóng khi hành quân đánh dẹp

2. Thành Bình Lỗ: Cố lě nằm trong vùng hương Bình Lỗ. Tức khu vực giữa sông Cầu và sông Cà Lồ gần Phu Lỗ. Nay thuộc huyện Sóc Sơn ngoại thành Hà Nội.

3. Mai Linh: Tục dẹp Đại Dû phía nam huyện Đại Dû, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

4. Chiêu Lang: Tục Trần Thái Tông.

Tuân ma dan rắng: "Nếu con không vì cha mà lây được thiên hạ thì dù có chết cha cũng không nhảm mát được". Quốc Tuân nói: "Vàng", nhưng trong lòng vẫn không cho là phải. Khi trong nước rồi rền <10b>, quyền cấm quân tri nước do mình nắm giữ. Quốc Tuân liền đem lời cha dan nói với ban gia nô là Đà Tương và Yết Kiêu. Hai gia nô can rắng: "Làm như vậy tuy được phu quý một thời, nhưng tiếng xấu còn lưu muôn thuở. Nay dai vương hạ chàng da giàu và sang rỗi sao? Ban thân thê suốt đời làm gia nô, chứ không muôn làm quan bất trung, bất hiếu, xin hãy người làm thịt đé là Duyệt⁽¹⁾ làm thầy mà thôi". Quốc Tuân cảm động phát khóc khen ngợi và thán phục. Quốc Tuân lại ướm hỏi con của mình là Hưng Vũ vương: "Người xưa giàu sang, có thiên hạ truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?" Hưng Vũ trả lời: "Nếu như khác họ da không nén, huống chi người cùng họ". Tuân cho là rất đúng. Quốc Tuân lại đem ý ấy hỏi con thứ là Hưng Nhương vương Quốc Tảng. Quốc Tảng với tiên đến thưa: "Tống Thái Tổ vốn là ông lão làm ruộng, thừa thời mò vân có được thiên hạ". Quốc Tuân rút gươm kể tội: "Kê loan thắn từ dứa con bài hiếu mà ra", định giết chết Quốc Tảng. Hưng Vũ vương khóc lóc xin nhận tội hối lau Quốc Tuân mới tha. Khi sáp mặt <11a> dan Hưng Vũ vương rắng: "Sau khi ta chết phải dày nắp quan xong mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Trước đây, vào cuối nam Thiên Bảo, quân Nguyên sang xâm lược, thế giắc rất hung hăn, vua Thành Tông thử hỏi để xem ý của Quốc Tuân: "Thế giắc như vậy ta nên đâu hàng". Quốc Tuân trả lời: "Trước hết hãy đem chém đầu thân rồi sau sẽ đầu hàng". Vì vậy trong khoảng năm Trung Hưng lập được những công danh hiếm có ở đời. Từng nghe giặc Phương Bắc mỗi khi nói đến Trần Quốc Tuân thì chỉ gọi An Nam Hưng Dao vương mà không gọi tên. Vua Thành Tông từng làm van bia ở sinh từ Quốc Tuân để ví ông với Thương phu⁽²⁾. Lai vì Hưng Dao vương có công lao lớn, ban thêm tước Thương quốc công. Lai cho được phép quyên phong tước từ tước minh tư trở xuống, duy tước hầu được phong trước rồi sau tau len. Tuy vậy Quốc Tuân cũng chưa từng phong tước cho một người nào. Ông từng sai nhà giầu đem thóc gạo để cấp phát cho quân, mà chỉ phong cho họ là lang tướng già chứ không dam phong là lang tướng thật. Ông kính cẩn giữ tiết làm tôi, như thế Quốc Tuân lại khen tiên cử người hiến cho nước như Đà Tương, Yết Kiêu đều là gia thần dư việc danh đẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Các ông Pham Ngũ Lão, Trần Thị Kiến, Trương Hán Siêu, Pham Lan, Trịnh Dú, Ngô Sí Thường, Nguyễn Thế Trực đều là môn khách của Quốc Tuân, họ đều có van chương chính sự nổi tiếng ở đời. Đến khi ấy mất, tang Thái sư Thương phu, Thương quốc công, Nhân Vũ Hưng Dao đại vương. Quốc Tuân lanh trân Lang Giang, quân Nguyên hai lần sang xâm lược, ông nhiều lần đánh bại quân giặc, sở chí nay có chuyện xảy ra với mình, còn dì chúc lai rắng: "Ta chết phải đem hoả táng, lạy ông tron dung hài cốt, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi lại san đất trồng cây như cũ khiến cho người ta không biết chôn ở chỗ nào". Sau khi ông mất, người ở các châu huyện Lang Giang gặp tai biến ôm đau, nhiều người đến cầu khấn. Hoặc mỗi khi có giặc, đến cầu đảo ở den Hưng Dao, thấy hổ đứng kiềm kêu lên thì thắng lợi (Quốc Tuân thường so sánh Binh gia diệu lý yếu lược để dạy các tì tướng, du họ bằng bài hịch rắng:

⁽¹⁾ Duyệt là người nước Sở chuyên làm nghề thịt đé. Đà từng theo Sở Chiêu vương chạy ra nước ngoài. Sau vương trả về nước, ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối không nhận tiếp tục làm nghề thịt đé.

⁽²⁾ Thương phu là danh hiệu tôn xưng Thái Tông công, một hiền nhân thời nhà Chu, có nhiều mưu lược

Từng nghe Kỳ Tin ⁽¹⁾ lấy thân mình chết thay để Cao Đế thoát chết. Do Vu ⁽²⁾ chia lưng chiu đậm che cho Chiêu Vương. Dự Nhương ⁽³⁾ nuốt than phục thù cho chủ. Thành Khoai chát tay cứu nan cho nước, Kinh Đức ⁽⁴⁾ còn trẻ mòt mình giúp Đường Thái Tông thoát khỏi vòng vây của Thé Sung. Cảo Khanh ⁽⁵⁾ một bè tôi đậm chửi An Lộc Sơn không theo kế sách phản nghịch của chúng. Từ xưa các bắc trung thân nghĩa sĩ quên minh chết vì nước đời nào cũng có. Thiết nghĩ, già sú ho cứ khư khư theo thói dàn bà trẻ con, chi chét dưới xó cửa thì tên tuổi làm sao được ghi vào sử sách, mãi mãi cùng trời đất không bao giờ mất? Các người đời đời vốn nòi võ tướng, không hiểu chữ nghĩa, nghe nói như vậy nửa tin nửa ngờ <12a>. Thời việc thời xưa hảy để dây không bàn. Nay ta chỉ lấy việc thời Tông Nguyên mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào? Tỷ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào, mà đậm lấy thành Diệu Ngự ⁽⁶⁾ nhỏ bằng cái dấu, đương đầu với trăm vạn quân Mông Kha ⁽⁷⁾ khiến cho nhân dân nước Tông nay còn dõi ơn. Cốt Dái Ngột Lang ⁽⁸⁾ là người thế nào? Tỷ tướng của ông là Cân Tu Tư lai là người thế nào, mà xông pha nơi sơn lâm chướng khi trên đường van đậm, đánh bại nước Nam Chiếu trong vòng mấy tuần, khiến cho quân vương người That tên tuổi còn đến ngày nay? Huống chi ta cùng các người sinh ra trong thời loạn lạc, lớn lên giữa lúc gian nan, nhìn thấy sứ giặc di lai nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cù diệu mà lảng nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà ngao man với quan tể phu. Thác mènh lệnh vua Mông Cổ đòi ngọc lúa để thỏa lòng tham không cùng; giả danh là Vân Nam vương ⁽⁹⁾ đòi vàng bạc để vét hết của có hạn ở trong kho. Ta vẫn từng: tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đậm dia, muôn xà thịt, lột da, nhai gan, uống máu quản thù cho hà giận. Cho dù thân này có phải phơi ngoài đồng nội, xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyên xin làm. Các người ở dưới trường ta đã lâu, cho nám binh quyên, cho ăn cho mặc, ban tước lộc, di thuỷ thì ta cho thuyền, di bộ thì ta cho ngựa, khi giao cầm quản thi cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đối với tì tướng; Ngột Lang đối với người phụ tá cũng chẳng kém gì. Các người ngồi nhìn chủ nhục không lấy làm lo, nếm mùi nhục của nước mà không lấy làm then. Có kẻ lấy việc chơi gà làm thú, kẻ thì lấy việc đánh bạc làm vui, có kẻ chộp ruộng vườn để nuôi dưỡng già

1. Kỳ Tin: Bè tôi của Hán Cao Tổ. Hạng Vũ vây Hán Cao Tổ ở Huynh Đường. Kỳ Tin đóng gù Hán Cao Tổ ra hang. Hạng Vũ đe Hán Cao Tổ trốn thoát, Kỳ Tin bị Hạng Vũ giết.

2. Do Vu: Tức Vương tôn Do Vu, người thời Xuân Thu hảy tôi nước Sở. Khi Chiêu Vương nước Sở năm ngũ bị thích khách của nước Ngô cầm giáo vào đậm. Lực ấy Do Vu ở bên cạnh phải lấy thân chịu đậm mũi giáo trúng vai. Chiêu Vương thoát nạn.

3. Dự Nhương: Người nước Tần thời Tri Bá làm chủ, rái được Chi Bá tóm trong. Sau Tri Bá bị Triệu Tường Tú giết chết. Dự Nhương nuốt than giả cảm để tìm cách giết Triệu Tường. Tú tra thu chủ Tri Bá.

4. Kinh Đức: Tức là Uất Trí Kinh, người thời Tùy Đường đã cứu Đường Thế Dân, một tướng mãnh của Đường Thái Tông thoát khỏi vòng vây.

5. Cảo Khanh: Tức Nhan Cảo Khanh người thời Đường làm Thái thú ở Thương Sơn khởi binh đánh An Lộc Sơn bị thua. Lộc Sơn dụ Cảo Khanh hàng. Cảo Khanh chửi An Lộc Sơn cát lưỡi.

6. Thành Diệu Ngự: Thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

7. Mông Kha: Tức là vua Hiển Tông nhà Nguyễn.

8. Cốt Dái Ngột Lang: Tướng Mông Cồ.

9. Vân Nam vương: Tức là Hồi Kha Xích con của Thé Tổ.

định, có kẻ si quyền luyến vợ con mà sinh ra ích kỷ, ham chủ sản nghiệp mà quên việc nước, ham mê sâm bản mà lười việc lập lanh, có kẻ lại thích rượu ngon mê hát nhảm Nhờ ra giặc Thát Đạt nhà Mông đến xâm lấn thì cưa gà sao đậm thủng được áo giáp của giặc, thuật đánh bắc không thể bắn mưu kẽ việc quân, sự giàu có của ruộng vườn không thể chinh phục được tám thán ngàn vàng, sự rỗng huoc của vợ con không thể dung vào việc quân, việc nước. Của cải có nhiều cũng không đủ để mua được đầu giặc, sức của chó san cũng không thể đuổi được kẻ thù, rượu ngon cung không thể dập dốc cho quân giặc, lời hứa nhảm không thể làm diệt tư quân giặc. Đến lúc đó thấy trò ta bị trói, thì dù muôn nghe thoa long vui thú liệu có được chàng? Nay ta nói rõ với các ngươi: nên biết "đạt mồi hời bén đồng cùi lì nguy"¹⁾, phải lấy việc "sơ cảnh nóng mà thổi rau nguội"²⁾ làm răn, phải huân luyện quân sĩ, rèn tập cung đao làm cho người người phải như Phung Mông³⁾ nhà nhà phải như Hầu Nghé⁴⁾, hêu đầu gác dưới cửa khuyết, phơi thịt Văn Nam vương ở Cao Nhại⁵⁾ thì áp an lộc của ta được lưu truyền mãi mai, bống lộc của các người cũng suốt đời được hưởng, không những tông miếu của ta được muôn đời tế tự, mà ông cha các người cũng bón mòn thi cung. Lục hày giờ du cỏ không muôn vui thú liệu có được không? Nay ta tuyển soạn binh pháp các nhà viết thành một tập sách này, không được vứt bỏ. Vì sao vậy? Giặc Thát Đạt nhà Mông là kẻ thù không đội trời chung. Nếu các ngươi cứ diêm nhiên, không nghĩ đến việc rủi nhục, không để tâm đến việc diệt thù mà lại không rèn tập quân sĩ thế là quay giao đấu hàng, tay không chịu bát. Sau khi đep gue, để nhục muôn đời cõi mặt mũi nào mà đứng trong khoảng trời che đật chờ này nãy, vì thế ta viết bài hịch này". Hưng Đạo lại tập hợp binh pháp các nhà làm thành Bát quái cựu cung đồ đạt tên là "Vạn Kiếp tông truyền thư". Nhân Hué vương Khánh Dư làm bài tựa rằng: "Phẩm người giỏi cầm quân thì không cần bày trán, người giỏi bày trán thì không cần danh, người giỏi danh, thì không bài, người giỏi xử lý thì không chết. Xưa kia Cao Dao làm sứ⁶⁾ mà không người nào dám trái mệnh; đến Vũ Vương Thành Vương thời Chu ban việc quản thời Văn Vương, Vũ Vương⁷⁾ ngâm ngâm tu đức <13a> để lát do chính quyền nhà Thương mà dày nghiệp Vương. Cai gọi là giỏi cầm quân không phải bày trán là như thế đây! Vua Thuần múa mộc và lồng chim tri mà họ Hữu Miêu⁸⁾ từ dến châu Tôn Vu⁹⁾ nước Ngô đem mỹ nhân thử tập trán mà phá tan nước Sở hùng mạnh ở phía tây; uy hiếp nước Tân, nước Tân ở phía bắc, nổi tiếng với các nước chư hầu.

1. Câu trong sách Hán thư: Ông mài lòi đất dưới đồng cỏ rải nằm lên trên.

2. Câu chay đèn nến vẫn cho lì yên.

3. Ví Phung Mông, Hầu Nghé: Hai nhún vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

4. Cao Nhại: Một địa danh của Trung Quốc.

6. Theo truyền thuyết Trung Quốc: Cao Dao làm sứ thời Ngu Thuần. Sứ sứ là chức đứng đầu về việc binh ngũ, thuế, etc.

7. Vũ Vương làm tướng cho Văn Vượng, Thành Vương làm tướng cho Vũ Vượng. Đầu là người có công khai sang nhà Chu.

8. Theo truyền thuyết: Hữu Miêu là một tộc ở phía nam, nổi lên chống lại Thuần Thuần vú về thu phục đất

9. Theo truyền thuyết: Vũ nguyễn nước Lê, làm tướng cho Ngô vương Hap Lai, đã lấy cung phản của Hap Lai, tập bay trán đánh. Sau giúp Ngô Khởi phục chí làm mờ trong đất dài.

Đó gọi là người khéo tát trán không phải đánh vây. Đến Mã Ngáp nước Tấn lai đưa vào dò bat trán chuyển đánh ngàn dam, phá được Thu Cơ Năng lấy lai được Lương Châu. Đó gọi là khéo đánh thi không thua vây. Cho nên "trán" nghĩa là bày ra, là khéo léo dấy Xưa kia Hiển Hoàng đế đưa ra phép tinh diên để dát binh chế; Gia Cát ⁽¹⁾ xếp đá giả sông để làm đê bát trán, Võ Công ⁽²⁾ sửa lại thành Lục hoá trán, Hoàn Ôn ⁽³⁾ dát "Xà thê trán"; có liệt kê thứ tư tên các trán hay, thành phép rành rành, người thời ấy ít ai làm được, muôn dâu ngàn mồi, chỉ thấy rối loạn, chưa từng biến đổi. Như Lý Dáp thi dung phép suy, người đời sau không ai hiểu được nghĩa ấy. Vì thế Quốc công ta soan dò pháp các nhà tát hợp thành một cuốn đều lüyü ngũ hành ứng cửu cung so sánh, cương nhu phôi hợp, chấn lẻ tuân hoàn, không lẩn lén ám với dương, thân với sát, phương với lợi, sao lanh, hung thân, ác tướng, tam cát ngũ hung đều được rõ ràng, châm chước với thời tam đại trám trán đánh, trám trán thắng. Cho nên, ngay thời bấy giờ, phía bắc trán ngũ Hung Nô; phía tây uy hiếp Lâm Ấp Bên lầy sách này truyền day trong gia đình, không tiết lộ cho người ngoài. Lại có lời dặn: "Sau này con cháu và các quan hau, ai học được bí thuật này thì phải lấy diệu sáng suốt mà thi hành, không được ngu dốt mà trao chử truyền lời. Trái thế thi phải chịu tai họa". Lại có tin truyền ngoài rằng: "Có người tên là Nguyễn Sĩ Thành chết rồi sống lại, tự nói việc ở trên trời rằng: Ở Đông Triệu thuộc Hải Dương có con gái họ Nguyễn là vợ người khách buôn ở Phúc Kiến, mông thấy giao hợp với con rồng yêu tinh sau đẻ con sẽ làm loạn nước Nam; Có người đem việc ấy lâu với thiên đế, thiên đế lập tức sai Thanh Sơn dòng tử giáng thế để trị. Lúc bấy giờ vợ của Trần Liêu nằm mộng thấy một đồng tử mặc áo xanh gieo mình vào lòng xin làm con, khi tỉnh dậy thì có thai sinh ra Quốc Tuấn. Đến khi giặc Nguyễn xâm lược nước Nam, có Nguyễn Bá Linh làm tướng là con Nguyễn thi ở Đông Triệu. Quốc Tuấn sai quân chông cư lai ở An Bang, bắt được Bá Linh giết đi. Bá Linh chết, thành yêu quái, dân bà con gái trong nước gặp nó liên sinh bệnh, nên gọi là ma Phạm Nhan, bùa phép không chữa được, chỉ có xin được đồ dùng và chiếu tế thân ở đền Trần Hưng Đạo đem về cho người bệnh nằm, thì nó mới bỏ đi không dám xâm phạm nữa. Đời truyền rằng: những việc mà Sĩ Thành trông thấy cho là linh nghiêm, nhưng việc ấy thuộc loại quái đản Nay đến thờ Hưng Đạo vương ở Vạn Kiếp và đền thờ Phạm Nhan ở sông Nam Sách đều còn Xét phép tế tự nón tôn chính, bỏ tà thi đền Phạm Nhan nên phả đi. Nhưng chép cả để khảo cứu

Sử thần Ngò Thi Sí bàn: *Hưng Đạo vương trung nghĩa tri dũng ngang hàng với Phan Dương vương nhà Đường mà địa vị ông xù và cao thê ông gấp lại có điều khó hơn. Hưng Đạo vương là già thần nằm trong binh. Dương lúc gian nguy ngo vực mang lời gièm pha. Tai ván vỡ có thể làm phép cho muôn nước mà riêng không nhận sự tốt đẹp ấy; anh hùng có thể lừng danh hai nước, mà cũng không coi mình là có công nghiệp ấy. Thê lực có thể lát nui lấp sông xua tan sấm gió, mà vẫn nam*

1. Gia Cát Lượng. Tên là Khổng Minh, người thời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục.

2. Võ Công: Túc Lý Tịnh đời Đường Thái Tông đã mô phỏng bài trán đê của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoá trán.

3. Hoàn Ôn. Tên từ Nguyễn Tú, một danh tướng thời Tấn làm đến đại tư mã.

4. Cố sách chép là Lý Thuyên người thời Đường soạn *Thập bách âm kinh*, nói về mưu lược dùng binh.

5. Tam cát ngũ hung: là các khai mềm được dùng trong việc lập trán đê thời xưa.

nợp so oai trời gang tặc. Xem việc làm của ông là theo nghĩa lớn chứ không theo lời cha; biệt có nược <14a> mà không biết co nhả, bỏ cai sát nhọn ở đâu gây đe theo hậu hại vua; tuột gươm mà kẽ tội Hưng Nhương. Về lòng trung thành thâu đèn mặt trời, mặt trăng; khi tiết đông đèn quý thần. So với việc phục trung tín, an nghĩa miến của Phản Dương vương còn cao hơn. Kinh Dịch nói: "Biết điều nhỏ biết điều lớn, biết điều mềm, biết điều rắn thì muôn người trọng vào". Hưng Dao vương là người như thế đây. Cuối cùng hương sự tốt lành tron đời, giữ được danh dự trọn đời, thát đang làm gương hàng trăm đời cho những người làm bệ tôi.

Hoàng tử Manh sinh. Khi bấy giờ ở hâu cung sinh con phần nhiều không nuôi được. Đến khi Ay Hoàng tử Manh sinh, vua nhờ công chúa Thuy Bảo nuôi hộ (tức cô của Nhân Tông). Công chúa lai nhờ Nhật Duật nuôi hộ (Nhật Duật là anh của Thuy Bảo). Nhật Duật hết lòng nuôi dưỡng, lai vì tên con trai con gái của mình đều có chữ thánh nên đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh để giông con mình. Nhật Duật nuôi từ bé đến khi lên ngôi vua phần công lao chăm sóc của ông rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định chế độ mũ áo các quan văn võ. Quan võ đội khăn áo kiểu mới <14b>, quan văn đội khăn đèn hình chữ định; quan theo hầu đội khăn sác xanh có hoa như cũ. Vật áo trước của các quan văn võ lấy 1 thước làm chuẩn. Quan văn võ không được mặc áo ngắn tay, quan theo hầu không được mặc xiêm.

Tân Sửu [Hưng Long], năm thứ 9 [1301] (Nguyên Dai Đức năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu cho toàn thể các quan văn võ đội khăn chữ định thêm tua mầu tia xen màu biến (tua ở đầu tăm lụa dùng để buộc chân tóc và bỏ đầu thừa về phía sau).

Sử thân Ngô Thi Sí bàn: Chế độ khăn thời nhà Trần phần nhiều không khảo cứu được. Chỉ có khăn hình chữ định đến nay vẫn còn, kiểu làm sơ sài, quan lại, quan nhân đều cùng đội. Khi bấy giờ thông dụng làm khăn của các văn võ không phải là để nhìn xem mà phán biệt tết, buộc. Vào những năm Bảo Thái thuộc triều ta mới đặt lệ quan võ đội khăn lá dan, quan văn đội khăn lá kép. Mùa thu, mùa đông dùng doan, mùa xuân, mùa hè dùng sa, bạc dưới thì chiếu theo phẩm cấp, có hạng dùng toàn nam sa, có hạng dùng vải thanh cát. Quan Tể tướng Nguyễn Công Hằng triết hình chữ văn vũ, đặt ra chế độ loại khăn này. Tuy rằng không bắt chước lối cổ nhưng cũng có theo hình tượng. Tóm lại khăn buộc đầu, kết tóc bắt đầu vua Vũ Văn Cao tố, thực là chế độ cổ định không thể thay đổi được.

Lãy Trần Thị Kiến làm tham tri chính sự. Trước đây Thị Kiến làm gián nghị vì dẫu dàn định bị bãi chức. Vua cho rằng không phải ông cố ý đến khi ấy lại vời dùng.

Thang 2, Chiêm Thành sang triều cống.

Thang 3, Thương hoàng đi chơi các địa phương, sang Chiêm Thành.

Ai Lao cướp phá Long Giang. Phạm Ngũ Lão đánh bại quân giặc. Ngũ Lão đánh nhau với giặc ở Mường Mai⁽¹⁾, bát sông rất nhiều, phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phủ

Mùa hè, tháng 4, trời hạn. Soát tù, trời mưa.

⁽¹⁾ Mường Mai: là dãy huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Phong con trưởng của Hưng Nhương vương là Quang Triều làm Văn Huê vương
Mùa đông, tháng 11, Thương hoàng từ Chiêm Thành trở về. Trần Hưng Thao lại
làm tham tri chính sự, liên được thăng tá bộc xa <15b>

Dời to.

Nhâm Dần, [Hung Long] năm thứ 10 [1302] (Nguyễn Đại Đức năm thứ 6), mua
xuân, tháng giêng, lấy Thái úy Đức Viết làm thái sư. Huệ Vũ đai vương Quốc Chân làm
nhập nội binh chương, Chiêu Văn vương Nhật Duật làm thái úy quốc công. Theo quy chế
cũ thân vương vào làm tướng lai được xưng là quốc công thương hầu. Vào nội dinh thi
thang quan nội hầu. Đến khi ấy Nhật Duật là thái úy vào giúp đỡ nên có lệnh phong
quốc công.

Bé tôi ngỗ nghịch là Biếm làm loạn Phan Ngũ Lão đánh giết Biếm, phong Ngũ Lão
làm điện suý, ban hổ phù.

Cho đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo ở An Tân (Tông Đạo từ phương Bắc theo
thuyền buôn đến ở bến sông An Hoa¹¹, phép phù thuỷ, dân chay đãy lên bát đầu từ dày)

Quý Mão, năm thứ 11 [1303] (Nguyễn Đại Đức năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng.
Thượng hoàng ở phủ Thiên Trường.

Tháng 2, cho Đô áp thượng vị Chiêu Hoài hầu là Hiện làm nhập nội phu quốc thái
bảo.

<16a> Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu khăn cho các vương hầu (người có tóc
dài đội khăn triều thiên, người có tóc ngắn đội khăn bao).

Lấy Trần Khắc Chung làm nhập nội hành khiển (chức Hành khiển mà thêm hai chữ
"nhập nội" có lẽ do triều Lý chuyên dùng hoạn quan làm chức này. Thời Thánh Tông
(Quang Khải ban đầu được phong thái úy kiêm hàm hành khiển có chữ "nhập nội" liền
tái: "Thân từ bên ngoài vào cho nên thêm chữ "nhập nội". còn các hành khiển khác đều
là hoạn quan xin bờ chữ "nhập" di Thánh Tông nghe theo. Đến khi ấy mới lấy Khắc
Chung làm hành khiển lại thêm chữ "nhập nội" như trước và dùng cà sì phu làm hành
khien).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm tham tri chính sự. Trước kia Đoàn Nhữ Hài phung mện di
sứ Chiêm Thành đến yết kiến Thương hoàng ở chùa Sùng Nghiêm núi Chi Linh, suốt ngày
không được gặp. Một lúc sau xe của Thương hoàng ra chơi, Nhữ Hài yết kiến Thương
Hoàng nói chuyện với Nhữ Hài không biết bao lâu, khi xa giá trở về, Thương hoàng nói
với tâ hưu: "Nhữ Hài đúng là người giỏi, đang được nhà vua sai khiến đây". Theo tục cũ
của Chiêm Thành sứ nước ta đến phải vái quốc vương trước sau mới mở chiếu thư, các
người đi sứ noi theo nhau, không ai đổi khác. Khi Nhữ Hài đến, nghỉ kế để dàn dàn thay
đổi, bèn đến thảng án kính đặt chiếu thư và nói với vua Chiêm: "Từ khi sứ thần của triều
định, đem chiếu thư của thiên tử đến, phải xa cách thiên tử lâu ngày, nay mở chiếu thư
như thấy thiên tử, thân lạy chiếu thư rồi sau mới kính đọc". Dù đang ở trước mặt vua
Chiêm nhưng vẫn lây tiếng là lạy chiếu thư để tỏ tiết thao bất khuất của sứ thần. Ngày
hôm sau ở Tì Ni (nơi thuyền buôn tu tập trong bến thông thương của Chiêm Thành) treo

bịn cảm buồn. Nhữ Hài đoán biết người Chiêm phản phúc, bằng ván cuối cùng tát bì bỏ đi, bèn triệu quan coi bến báo: "Nơi đây buôn bán phức tạp, lại là nơi sung yếu của bến kho mà giữ nổi. Khi sứ về thì thu hồi bằng đó, không được làm hư hỏng. Có lẽ là khiến cho lệnh phế bỏ không phải từ bên ho dat ra đây. Về sau những người di sứ Chiêm Thành không hay vua Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Đến khi về vua rất khen ngợi bèn quyết ý dùng vào việc lớn, vì thế mới có mệnh lệnh ấy.

Giáp Thìn, [Hung Long] năm thứ 12 [1304] (Nguyên Đại Đức năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, người dân bà phường Các Đài ở cầu bến hữu kinh thành sinh con gái hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Sử thần Ngõ Thị Sỉ bàn: Một âm một dương gọi là dao. Dao nhà Chu lấy voi lây chồng không lấy người cùng họ là để phân biệt âm dương rõ ràng dối lừa. Vì do rất tinh vi đây. Nhà Trần cũng họ lấy nhau quen cho là thường nhưng không lấy người trong họ <17a> dời thư nám trở xuống, mà cứ lấy người thân phải để tang từ một năm trở lên. Cả một thời con trai con gái của anh em lấy lẫn nhau, mất dao liêm sỉ không bao giờ quá hơn thế. Lần trước chép sinh con trai hai đầu, lần này chép con gái hai đầu, thực là chuyện la không thường thấy. Nhà Trần phá bỏ luân thường, âm dương không hợp lửa dối, trời tò sự rắn như vậy đã rõ ràng. Đang so lám thay!

Tháng 2, lây Bùi Mộc Dao làm chi hậu bà thư chánh trưởng trông coi cung. Thánh Tử (Mộc Đặc) tự là Minh Đạo người Hoàng Giang, có tài năng. Trước đây họ Phí tên là Mộc Lạc. Thương hoài vì thay họ Phí không phải họ có tiếng tam. Tên Mộc Lạc là diêm không lành. Nhân đó đổi thành họ Bùi và ban tên này, cho ngày đêm theo hẫu, đến khi ày nhân chức này. Sau người họ Phí vì hâm mộ danh tiếng của Mộc Đặc nhiều người đổi thành họ Bùi)

Tháng 3, thi học trò trong nước. Cho Mac Dinh Chi đỗ trang nguyên, Bùi Mô đỗ bảng nhãn. Trương Phóng đỗ tham hoa, Nguyễn Trung Ngan đỗ hoàng giáp và đỗ thái học sinh tất cả 44 người <17b>. Về phép thi đầu tiên viết ám tá, thiên "y quốc" và truyện "Mục thiên tử" ⁽¹⁾ để loại bớt (tập cũ chép là Mục thái tử) thứ đến Kinh nghi ⁽²⁾ kinh nghĩa ⁽³⁾. Về thơ thi dùng "Cố thi ngũ ngôn trường thiêng" theo luật "tài nan xạ tri" ⁽⁴⁾. Phú thi dùng đê 8 vần. Kỳ thứ 3 thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ 4 thi văn sách. Cho dân ba vị đỗ đầu ra Long Môn của Phương Thành du ngoạn đường phô ba ngày. Trang nguyên bổ làm thái học sinh hoà dung thủ, sung nội thư gia, bảng nhãn bổ làm chi hậu ba thư, mao sam sung nội lệnh thư gia, tham hoa bổ làm thiếu thư quyển sung nhị tư, ngoài ra còn 330 người đều giữ lại học thêm (Dinh Chi là người huyện Chi Linh. Ông tổ là Mạc Hiến Tích đỗ thái học sinh khoa Bình Dân thời Lý Nhân Tông. Dinh Chi thông minh

¹: Thiên y quốc: Lấy ở Quốc ngữ, nói đúng nói về địa chỉ nước "Mục thiên tử truyện" bài tiểu thuyết cổ của Trung Quốc. Dù Quách Phác thời Trần chủ giải

²: Kinh nghi: Những điều nghị văn trong kinh điển Nho giá.

³: Kinh nghĩa: Bản vự nghĩa lý trong kinh điển Nho giá

⁴: Cố thi khai bát thi

tuyệt vời nhưng dáng người vừa thấp vừa xấu. Đã thi đỗ nhưng vua hiềm vì nét mặt xấu. Ông bèn làm bài "Ngọc tinh liên phủ" (Hoa sen giếng ngọc) để tự ví mình. Bài phú như sau:

"Khách có kẽ, nai nhà cao tựa ghế, trưa mùa hè nắng nồng;
 Ao trong ngầm lặn nước biếc, nhạc phủ vịnh khúc phù dung.
 Chợt có người mặc áo què đội mũ vàng,
 Tiên phong dạo cốt khác xa trần gian.
 Hỏi: "Ở đâu lại? ". Rằng: "Từ Hoa Sơn" ⁽¹⁾
 Bên bắc ghế, bên mõi ngồi.
 Dưa Đông Lăng ⁽²⁾ dem cắt, quả Dao tri ⁽³⁾ dem mời.
 Bên sang sàng nói, bên ha hả cười.

<18a> Đoạn rồi trong khách mà rằng: "Anh cũng là người quân tử
 ua hoa sen dò chặng" ⁽⁴⁾

Ta có giống ta trong ống áo này
 Chẳng phải như dào trân lý tục ⁽⁵⁾ chẳng phải như trúc còi mai gầy.
 Câu kỳ phỏng tăng khó sánh, mẫu đơn đất Lạc nào bì ⁽⁶⁾
 Giàu Dao Lệnh ⁽⁷⁾ cúc sao vì được, vườn Lịch Quân ⁽⁸⁾ lan sá kê gi:
 Ấy là giống sen giống ngọc ở dẫu núi Thái Hoa".
 Khách rằng: "Lạ thay! có phải người xưa bảo rằng:
 "Ngó như thuyền mà hoa nương trọng, lạnh như sương mà ngọt như mật" dò ư?
 Trước đây vẫn nghe tiếng, nay mới thấy thật,
 Dao si lòng vui hồn hở, lấy trong ống áo trưng bày

1. Hoa sơn: Thường đọc làm là Hoa Sơn, Hoa Sơn là 1 trong 5 núi lớn ở huyện Hoa Âm, Trung Quốc.

2. 3. Dưa Đông Lăng, quả Dao Trí: Thiếu Bình thời Tân được phong Đông Lăng hầu, sau mất quan về trồng dưa. Dưa ông ngọt có tiếng. Nơi Dao Trí của ba Tây Vương mẫu có cây ban đầu. 3 nghìn năm mới có hoa. 3 nghìn năm mới kết quả.

4. Ua hoa sen: Chu Đông Di hiêu Liêm Khê người thời Tống rất thích sen, có phong cách quân tử cõi lam bài "Ai liên thuyết". Người đời gọi ông là quân tử ua sen.

5. Dao trân lý tục: Đo câu cổ thi "Đào lý mân sơn tông thô tục", nghĩa là hoa đào hoa lý dãy nụ, đều là thu Trần tục quê nhà.

6. Câu kỳ phỏng tăng, mẫu đơn đất Lạc:

- Câu ký: một thứ cây có hoa dùng làm thuốc. Lưu Vũ Tích thời Đường vinh cây câu kỳ, có câu "Tăng phong được thu y hanh", nghĩa là cây thuốc của nhà chùa tựa nón giếng bình

- Mẫu đơn: Đất Lạc Đường ở Trung Quốc là nơi hoa mẫu đơn đẹp hơn cả. Người đời thường gọi là "Lạc Đường hoa".

7. Giàu Dao Lệnh: Dao Lệnh tức là Dao Tiêm, người thời Tân làm quan lệnh ở Lĩnh Trạch. Thủ Dao Tiêm có câu: "Thái cục đồng lý học" nghĩa là hái hoa cúc ở nơi giàu phồn đồng.

8. Vườn Lịch Quân: Khuất Nguyên tên chữ là Lịch Quân viết thiền "Ly tau" trong có câu "Dù ký tú lan chí cùu uyên hè, hữu thụ huệ chí bách mẫu", nghĩa là ta tưới lan quyền lai trồng huệ trăm mẫu (1 uyên là 30 mẫu xưa của Trung Quốc).

Khách vừa trông thấy, lòng ngâm ngút thay.
 Giấy mực thức xép sẵn ⁽¹⁾ bút nám sắc thâm ngay ⁽²⁾,
 Làm bài ca rằng
 "Thủy tinh gác để làm cung,
 Cửa ngoài lóng lánh bao vòng lưu li ⁽³⁾.
 Bàn thờ tân bột pha lê,
 Hạt trai lam móc đâm để tuối cây,
 Mui thơm ngào ngạt lên mây,
 Ngọc hoàng nghe cũng rù đầy tình thương.
 Lanh lùng hạt quế không hương.
 Tô Nga lại nổi ghen tuông bồi bời.
 Bơi sóng hãi có đạo chơi,
 Bên Tương luồng những trông vội Tương Phi ⁽⁴⁾.
 Giữa dòng là lùng làm chi,
 Nhà xưa sao chẳng về dì cho rồi.
 Há rằng rồng rồng bắt tài ⁽⁵⁾,
 Thuyền quyền lầm kè lờ thời thương thay.
 Nếu ta giữ mực thẳng ngay ⁽⁶⁾,
 Mưa sa, gió tấp xem hay cũng thường.
 Sở khai lạt thâm phai hương,
 Mỹ nhân đèn lắc muộn màng kết xuân".
 Đạo sĩ nghe mà than rằng: "Sao anh lại ai oán như thế?
 Anh không thấy! "Hoa từ vi trên ao phương hoàng ⁽⁷⁾.
 Hoa hồng được trút thêm ngọc đường dò sao?

1. ⁽¹⁾ mực thay: Đo câu thơ của Hán Phố, "Thập dặm lùm tiến xuất Ich Châu" (Ich Châu thuộc Tứ Xuyên, Trung Quốc).

2. ⁽²⁾ Bút nám sắc: Họa tiết Giang Yên đậm mộng thấy có người cho cây bút 5 màu, từ đó vẫn thường nói tiếng

3. ⁽³⁾ Cung thủy tinh, cửa lưu ly: Trong bài thơ "Hoa sen định ngọc tinh" của Dương Thành Trí có câu: "Cử tiên sú xuất mèo, chiếu nhật trĩ do khiên, quản chỉ thủy tinh cung, hoan di lưu ly điện", nghĩa là ông tiên trong ao (chỉ hoa sen) mèo lấp ló tên con non, nên cát sá hóng mèt trời chiếu đèn, cho khu ở cung thủy tinh có tượng thành bằng lưu ly bao bog.

4. ⁽⁴⁾ Tương Phi: Võ vua Thuần

5. ⁽⁵⁾ Trống rồng bắt tài: Sách Trang Tú viết: "Quái báu 5 thạch, bỏ ra mìn làm cái báu, thì trống rồng không dùng được gì".

6. ⁽⁶⁾ Thẳng ngay: Chỉ cung cây sen bao giờ cũng thẳng

7. ⁽⁷⁾ Hoa từ vi ao phương hoàng: Thơ Lân thời Đường của Trung thư ở trong cung châm, gần vua. Bên cạnh có ai, cho nên người ta gọi là hoa trung thư là ao Phương hoàng (Vì nơi địa vị cao quý). Lại vì trong hoa có hoa từ vi cho nên thời Đường còn có tên gọi là hoa Tứ Vi.

Địa vị cao cả, danh tiếng vê vang.

Triệu minh thánh chúa đều là được quý, cõi tao nhân anh di mãi sao dang?"

Khách bấy giờ:

Nghe lọt mĩ lời, đem lòng kính mộ.

Ngâm thơ "dinh thương" của Thành Trai ⁽¹⁾,

Hoạ câu "phong dấu" của Hàn Dũ ⁽²⁾.

Gõ cửa thiên môn giải tắc lòng,

Kinh dâng bài "Ngọc tinh liên phủ".

Vua Anh Tông xem bài phú xong khen Mạc Đinh Chi. Phong cho ông chức thái học sinh hoá dung thủ, sung làm nội thư gia. Mô người Thanh Oai. Phóng người Thanh Hoá Trung Ngạn người Thiên Thi đỗ năm 16 tuổi, được gọi là thân đồng

Thi thủ phân bằng những lời xứ kiện <18b> (thủ phân tức người làm lại ngũ hình, chuẩn từ là lời phê chuẩn).

Mùa thu, tháng 8, cẩm 8 chữ huý ⁽³⁾ ở triều Lý, phải viết bút nét.

Tháng 9, ban chiếu định cách thức điểm chỉ vào văn tự (gồm văn tự cầm cổ và bán đất, khi điểm chỉ vào văn tự đều dùng đốt thứ nhất, ngón deo nhẫn tay trái).

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu thi các sĩ nhân trong thiên hạ hỏi về 7 khoa ⁽⁴⁾.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam

Trần Hùng Thao từ chối chức tá bộc xạ, vua bằng lòng

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm tri khu mật viên sự. Từ niên hiệu Kiến Trung đến nay, năm việc chính sự đều là người tôn thất. Riêng vua không phân biệt kẻ thân người sơ Nam Bảo Hưng dù người tôn thất thân yêu rất mực không có tài năng cũng không dùng vào chính sự. Nhữ Hài là một học trò vì có tài nên cất nhắc lên mau chóng

Ban chiếu cho phù Tông chính soan ngọc phá của tôn thất nhà vua.

Át Ty [Hưng Long] năm thứ 13 [1305] (Nguyên Đại Đức năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, sách phong hoàng tử thứ tư là Manh làm đông cung thái tử và làm bài "Dược thanh châm" ban cho.

Tháng 3, nước La Hồi sai sứ sang cống <19a> dâng vài Liễn La và sần vật).

Lấy Trần Thị Kiến làm tá bộc xạ (năm ấy sử cũ chép có viên độc ba là Trần Cụ, tinh người khoan hậu, cẩn thận, giỏi đánh dân bản nò và trò chơi đá cầu. Vua sai dạy Thái tử các nghề ấy. Lại chép nhà của Trần Cụ ở, thuyền của Trần Cụ đi đều có hai cửa

1. Thành Trai: Tức là Dương Văn Lý, người thời Tống, có tập thơ Thành Trai gồm 130 quyển (do con là Trương Nhự chép), lời thơ hùng tráng.

2. Hàn Dũ: Tức Hàn Xương Lê, thời Dương Thờ ông có câu: "Thái Hòa phong dấu ngọc tinh liên, hoa khai thập trượng ngẫu như thuyền, lanh tỷ tuyết sương cam tỷ mít, nhất phiên nhúp khẩu trăm kha thuyền". Nghĩa là: cây sen ở trong giếng ngọc trên núi Thái Hòa, hoa cao 10 trượng ngò như thuyền mai lanh như tuyết sương, ngọt như mật, ăn vào ngọt miệng, bệnh nang cũng khỏi.

3. Nhà Lý có 8 chữ huý: Uẩn, Mã, Tồn, Đức, Hoan, Tồ, Cán, Sản.

4. Thi 7 khoa: Chưa rõ cách thức thi như thế nào.

dêu dôi nhau, xếp đặt bày biện cung dêu bằng phẳng ngay ngắn. Bản tâm như vậy cho nên thể hiện ra việc làm cũng như vậy. Lai chép Trần Cụ là người xâ Cứu Liên, đã từng có điều bất bình với xâ mà thề rằng: "Chân không đặt lên đất Cứu Liên". Sau này khi về Cứu Liên hoặc di thuyền hoặc di kiệu, khi dậy, khi nghỉ đều ở trên giường. Khi di chơi ở vườn ao thì sai khenh giường đi theo, hết đời không đặt chân lên đất Cứu Liên nữa. Do lòng kiên quyết như thế, cho nên người xưa cho là người giàn. Theo những việc Trần Cụ làm thì thật không đúng. Phàm phép viết sử không nên viết chữ to Cho nên chia dòng ghi chu đại lược để bảo tồn chuyện cũ.

Bình Ngo [Hưng Long] năm thứ 14 [1306] (Nguyên Đại Đức năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Thông Chính thái sư, Tá Thiên đại vương Đức Việt mất (tho 42 tuổi).

Mùa hè, tháng 6, gà Công chúa Huyền Trần cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Trước đây Thượng hoàng vẫn du sang Chiêm Thành có hứa gà con gái cho vua Chiêm. Vì lời hẹn cũ, Chế Mân sai bày tôi là bon Chế Bồ Dài mang tờ biếu, vàng, bạc, hương liệu la, các sản vật quý sang xin định lê cưới. Bày tôi trong triều cho là không nên, chỉ riêng Van Túc vương là Dao Tái chủ trì, bàn cãi, Trần Khắc Chung tán thành. Ý vua lúc ấy mới quyết <19b> định gà. Đến khi ấy công chúa về Chiêm Thành. Các vân sỉ trong triều ngoài nói nhiều người muốn việc vua Hán gà Chiêu Quân cho Hung Nô làm thơ quốc ngữ để chê trách.

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Xưa kia Hán Cao Hoàng vì nước Hung Nô luôn luôn làm khổ biến giới nên đem con gái người nhà là công chúa gà cho Thiên vu⁽¹⁾ là kết hôn với người không cùng giống nòi. Các bậc tiên nho đã từng chê trách. Nhưng là ý định muốn hoà bình cho dân được nghỉ còn có thể được. Vua Hán thì nhận việc Hộ Hán⁽²⁾ đến chầu xin làm rể nhà Hán mà gả Vương Tường⁽³⁾ cho, đó cũng có nguyên cớ. Còn Nhán Tông đem con gái gả cho vua Chiêm vì nghĩa gì? Nói là nhận chuyện di chơi chót hứa gà sợ bị mất lòng tin, thế thì sao không đổi mệnh lệnh. Vua đương tri vì còn Thượng hoàng đã di tu, vua đổi mệnh lệnh là việc không khó mà lại đem gà cho người xa không cùng nòi giống để giữ lời nói trước, rồi sau dùng mưu giàn trả cướp về thì còn gì là tín nữa?

<20a> Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Nhà Trần chí cốt được lợi trước mắt luôn luôn muốn son phấn để thay bức trường thành. Đem Nguyên Thuyền gà cho Nguyên Nôn, Thiên Tư gả cho Thoát Hoan, Huyền Trần gả cho Chế Mân, đều là con gái vua chư không phải nương dung con gái trong họ như đời trước. Khi bình thường quý trọng con gái của mình đến mức không phải là người trong năm thứ tang phục thì không kết hôn; nay đổi với bọn giặc mạt rợ khác nòi, thì giao cho không chút doái tiếc, như thế là thế nào? Tuy vậy nhưng Chế Mân cũng là vua một nước dấy, lấy công chúa Huyền Trần về thì cắt đứt báu binh, rồi cuộc mờ mang bờ cõi Thuận Hoa lam lũ cho đời sau chẳng hơn là Nguyên Nôn không chịu vào châu; Thoát

1. Thiên Vu. Hung Nô gọi vua là Thiên vu.

2. Hộ Hán. Tên của vua Hung Nô.

3. Vương Tường. Tức là Vương Chiêu Quân, một cung nhân bị vua Hán gả cho Hung Nô.

Hoan không chịu rút quân mà Ngoan Thiên, Thiên Tu thì uống chuốc lấy cai nhục thát tiết hay sao? Vua Anh Tông làm việc này chưa phải là sai lầm quá. Còn như việc cướp Huyền Trân về, có lẽ vì Chế Mân đã chết, để lại để chôn theo cũng vô ích, cho nên phải làm việc bất đắc dĩ, còn có thể thông cảm một chút <20b>. Con việc ta đánh trên đường biển thi Khác Chung đang phải chịu tội, còn công chúa bị nha đều không đáng nói.

Mùa thu, tháng 9, ngày rằm, nguyệt thực.

Sai Thiên Chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố giảng Ngũ kinh. Sĩ Cố hay nói khôi hài, người bấy giờ ví ông với Đông Phương Sóc ⁽¹⁾. Ông hay làm thơ, phú bằng tiếng nước ta. Người sau bát chước, làm nhiều thơ phú bằng tiếng quốc ngữ bát đầu từ ông.

Hành khiển hưu chí Nguyễn Kiên Ngô vào châu. Kiên Ngô tính thực thà, vua quý trọng không gọi tên, để khuyến khích những người già còn cố giữ chức vị (Kiên Ngô tự xưng là Liêu Nhiêu).

Lấy Trần Hùng Thao làm thiếu bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thi đại phu là Bùi Mộc Đac di sứ sang nhà Nguyên.

Dinh Mùi, [Hưng Long] năm thứ 15 [1307] (Nguyên Dai Đức năm thứ 11), mùa xuân, tháng giêng, đổi tên hai Châu Ô, Lý làm Thuận Châu và Hoá Châu, sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài vỗ yên nhân dân ở đây. Trước đây vua Chiêm Thành là Chế Mân đem đất đó làm <21a> lễ vật dâng cưới, dâng các thôn La Thuỷ, Tác Hồng, Đà Bông không phục, vua bèn sai Nhữ Hài đến đó để tuyên thị đức ý của triều đình, chọn dân ở đây ban cho chức quan, cấp cho ruộng vườn, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, mặt trời có hai quầng (hình như hai cầu vòng giao nhau).

Mùa hè, tháng 5, vua Chiêm Thành là Chế Mân mất.

Mùa thu, tháng 9, nước to vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa Da sai bể tôi là Bảo Lộc dâng voi trắng

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội Hành khiển Thượng thư tả bộ xạ Trần Khắc Chung An phủ Dạng Văn sang Chiêm Thành dón công chúa Huyền Trân và thế tử Da Da về. Tục lệ nước Chiêm khi vua chết hoàng hậu phải vào hoả dàn để chết theo. Vua biết như vậy, sai bon Khắc Chung đi, mượn cớ sang viếng rồi nói: "Công chúa hoả tang thì việc làm chay không có ai làm chủ, chẳng bằng ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ngoài trời, dọn linh hồn cùng về, rồi sẽ vào hoả dàn cho tiện". Người Chiêm Thành tin lời nói của Chung. Khi đã ra bờ biển, <21b> Khắc Chung lây thuyền nhẹ cướp công chúa đem về rồi tư thông với công chúa, lân lữa ngoài biển lâu ngày mới về đến kinh sư Hưng Nhương đại vương ghét Khắc Chung, mỗi khi gặp thi mắng:

"Người này đối với nước là điềm không lành, tên họ là Trần Khắc Chung là vận nhà Trần rồi sẽ mất vì người này chàng". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh

1. Đông phương Sóc, tên tự là Man Thiên người thời Hán, giỏi khôi hài, làm kim mã mòn thi trung cho Hán Vũ Đế.

2. Túc Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chẩn.

Sứ thần Ngõ Sí Liên hàn: Thời gian ta của Trần Khác Chung thật quá lạm thay. Nô khong chỉ làm tro đế cho nay mà sau lại kết đảng với bọn Văn Hiến ham hận quốc phu thường tể để về tội làm phản làm chết oan đến hơn một trăm người. Thế mà vẫn hưởng phu quý trọn đời. Không Tư nói: "Kẻ gian tà sống được là do may thoát tai. Nhưng sau khi chết, giờ nở của Thiếu Vũ⁽¹⁾ khai quật báu vật xác nô ra. Thế thi lối nói của thanh nhân lại càng đáng tin."

Doi.

<22a> Mẫu Thân, (Hung Long) nam thứ 16 [1308] (Nguyễn Vũ Tông Hải Sơn Chí Đại năm thứ 1), mua xuân, tháng giêng, lây Trương Hán Siêu làm hàn lâm học sĩ.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có 2 quầng. Thương hoàng băng ở am Ngoa Vân trên núi Yên Tử. Khi đó Thương hoàng xuất gia tu ở ngọn Tú Tiêu núi Yên Tử, tư hiệu là Trúc Lâm đại sỹ. Chỉ là công chúa Thiên Thụy ôm sấp chết. Thương hoàng xuống núi thăm và nói: "Đêm giờ chi cứ đi, nếu dưới Am có hỏi việc gì thì chỉ cứ nói: Xin đợi một lát em tôi là Trúc Lâm đại sỹ sẽ đến". Nói xong trở về núi, dặn người hầu là Pháp Loa những việc sau này rồi ngồi yên mà hóa. Thiên Thụy cũng mệt vào ngày đó. Pháp Loa rước lên thiêu ở hoa dân, được hơn ba nghìn viên xà ly⁽²⁾ (có bản chép được hơn một nghìn viên, lại có bản chép xà ly 15 nghìn, loại lớn hơn 500 viên, còn loại nhỏ như hạt cát, hạt thoe thì không kể) rước về đền Quảng Phúc ở kinh sư. Vua ngỡ vực, bèn sai nhiều người xin tri tôi Pháp Loa. Hoàng thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chờ thấy trước ngực có mây viền xà ly đưa cho vua xem, vua sai <22b> kiểm lại những viên xà ly trong hộp thấy da dù vua cảm động rơi nước mắt, trong lòng mới hết ngờ. Thương hoàng học thực uyên bác, cung hiếu sâu về tôn chỉ đạo thiền. Những tác phẩm của ông có: *Thiền lâm thiết chuyết ngữ lục*, *Đại hương hải án thi tập*, *Tang gia toai sự*, *Thach thất my ngư*, đều lưu truyền ở đời. (Xét vua Nhân Tông khi đã di tu, tư hiệu là Trúc Lâm đầu da. Diện ngực gai hoàng, đì khắp các lỗ, trừ bỏ đèn thờ nhảm, bộ thí thuộc phép, thích núi Yên Tử, đỉnh núi cao vút, cùng với bảy tam người hầu lên đỉnh Ngoa Vân làm am Tú Tiêu rồi ở đây. Thương qua lại chùa Sung Nghiêm thuyết pháp. Sau khi di tham công chúa Thiên Thụy rồi về núi, đến chùa thôn Cố Châu, dê bài kệ có câu: "Thế số nhất Túc Mạc, thời tình lương hải ngắn, ma quan hồn quán thâm Phật quốc bất thang xuán". Số ở đời chí như một hơi thở, còn tình đời như hai biến bạc. Bọn quan ma quý qua làm nước Phật tươi vui khôn xiết). Đến đỉnh Ngoa Vân triệu Bảo Sát đến. Bảo Sát đến Doanh Tuyên thấy hai con rồng vàng, trong lòng lây làm lá. Khi đến đỉnh Ngoa Vân, Nhân Tông nín cười nói: "Ta sắp di dãy sao ngươi dám muộn thế?". Từ ngày 21 tháng 10 về sau, trời đất u ám, mưa to gió lớn, khi vượn gào khoe quanh am, chim núi bay, kêu ai oán. Ngày mồng 1 tháng 11, đúng nửa đêm, sao sáng vàng vắt, Nhân Tông hỏi giờ gì. Bảo Sát trả lời: "Gio Tý". Nhân Tông nói: "Đó là giờ ta di, hình hài này giao phó cho ngươi". Triều Pháp Loa trao tâm an cho làm đê nhí tố, rồi hoa theo kiểu Sư Tử nằm Bảo Sát và Pháp Loa rước hình hài vào thiêu. Nhân Tông kiến thức siêu Việt, ý tứ khoát đạt, coi thần minh như hình thể của trời đất, sống chết không hề lưu luyến doái tiếc. Sau

⁽¹⁾ Huân Vũ vương là con của Quốc Chân.

⁽²⁾ Xà ly là phần của lát sau khi thiêu xà.

khi ngồi hòn, mọi sự phó thác cho các nhà sư, không báo cho vua nói giờ mới lui. Bài tựa ngự lạp của vua Minh Tông có câu dài lược như sau: "Thế Tông bỏ ngói hår vàng son, nửa đêm vượt thành, cởi áo <23a> rỗng, cất tóc lên núi xanh để chim làm tổ trên đỉnh đđau, để mang nhén đang lười ở lồng may. Tu tinh mich mà chứng minh đạo Phật, dứt bỏ bụi trần mà thànhh chính giác. Tổ ta diệu ngư Nhàn Tông hoàng đế ra khỏi cõi trần tục, bỏ vương cung, trần giữ cùn núi nghiêm nhiên như người thương trú "tiếng thơm không mất" nòi thánh nòi nên thịnh vượng, có lẽ hiểu sâu tòng chí ấy. Cho nên so với hình dung vua Thế Tông như vậy là đúng lắm. Lai xét trong niên hiệu Trung Hưng đời Nhàn Tông sai Th hành khiến Trần Xương Ngô dung bia ở Yên Sinh ghi là còn lưu lại ở các chùa Hoa Yên, Thái Đường, Long Động núi Yên Tử. Nhưng già nô hoà đầu, thuê dịch, kho tàng, đồng ruộng lương thực hàng tháng đều có quy ước sẵn. Đó là vun đà dat ra quy củ di tu. Xếp đặt được ổn định chứ không phải người trù trì khổ hạnh. Còn đối với việc nước hán không phải bỏ qua không nghe biết gì. Lai bia "Yên Sinh thân dao bi" có ghi: Đầu trước nhà Trần vẫn là người đặt Yên Sinh. Đông Triều, sau đó mới di cư đến làng Túc Mạc. Cho nên các vua Trần đều mang về chôn cất ở đất Yên Sinh mà khi nhường ngôi di tu cũng lấy Yên Tử, Yên Sinh làm nơi ở ẩn di tu. Đó là tâm pháp truyền thụ của nhà Trần vậy.

Sử thần Ngô Sì Liên bản: Vua Nhàn Tông trên tho tư cung lam rang ro dạo hiệu; dưới dung tương giới lạp được vồ công. Nếu không phải là bậc vua có tu chất nhân hậu thông minh, anh vú thi sao có được như thế. Duy có một việc di tu là không hợp với đạo "Trung dung", đó là lỗi của người hiền.

Sử thần Ngô Thị Sì bản: Nhàn Tông làm thiên tử lại làm thái thượng hoàng <23b> di tu lên núi, ở am rồi mất. Việc trong thiên hạ có gì lớn hơn việc ấy. Pháp Loa chỉ là một nhà sư mà cảng đáng mọi việc. Kể từ khi bệnh nặng đến khi mất, không hề báo với triều đình, đưa lên thiêu ở hoả dan rồi mang hat xa ly về. Thế mà Anh Tông vẫn không cho là la, là vì có gì? Nhàn Tông ở ngồi vua mà quên hình hài; Pháp Loa được chân tinh mà quên quyền thế, như là nhân duyên kiếp trước thân mật, cho nên sự giao kết trong cung một đời cang sáu. Từ khi gặp ở Nam Sach, đạt tên cho là Thiện Lai, rồi di theo thu giới tại nhà lêu ở Kỳ Lân, theo thuyết pháp tại tu viện ở My Ngũ, tham thiền vắng cảnh, theo di các nơi Linh Sơn, Long Động, Sung Nghiêm, Văn Mộng. Coi lục can ¹¹ đều là hu ảo, xem mọi sắc đều như là hu không. Bó phiên nào ma chứng nghiệm cái vô sinh, tẩy dơ bẩn mà trở về thanh tịnh. Nhàn Tông át lấy những diệu do lam loi di chue, Pháp Loa cũng vi diệu do mà mừng vui vè lời dan của Nhàn Tông. Cho nên không hám mồ gi cung không khiếp sô <24a>. Già sử vua nổi ngôi mà không lương thư thi Pháp Loa cũng xe bỏ thân ma theo là diệu tự nguyện trong long.

Pháp Loa trong khoảng niên hiệu Hung Long thường tâu xin giám sở đó thấy tu, từ chối sự ban cấp cho phu chèo thuyền, khước bo những của bô thi như ruộng đất, vang, bạc của các vương công quý chủ, giữ luật rắn minh rất nghiêm, giữ đức

1. Lục can: Từ nhà Phật Kinh Phât lấy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (tức là thị can, thính can, su can, vị can, xác can, miên lu can làm lục can).

hanh rất cao, giac ngô chán ly rất nhanh, hết thảy những vinh hoa, lợi dục, chung dinh, thiết viet không mới vát gì có thể lay chuyển được. Cho nên xử những việc lớn tân dien nhiên, phép luật trong đời không ràng buộc được, vậy mà người đời không ai không tôn trọng đạo của ông, tin tam long của ông. Nhà vua cũng phải kính trọng, rồi cuộc không nòi vì thế mà bát tài Phap Loa Xem tho viêng của Anh Tông eo râu "Tư tông Phap Loa khai thế hâu, thiên hạ thich từ không vô nhân" (Tư sau khi Phap Loa qua đời, ke theo đạo Phật trong thiên hạ như không có người thi biết qua đá tin ông Vị Chân nguyên thương nhân sáp xếp thư tu tam tổ: Vua Nhân Tông là tại thế Thích Gia Phap Loa là Gia Diệp, Huyền Quang là A Nan. Vậy thi Phap Loa là bậc cao nhất trong các nhà sư cũng là bậc khac thương trong mọi người dây chằng) Tuy nhiên nhà Trần quá sùng đạo Phật; Anh Tông cũng đơn giản trong việc thờ cha. Những lời lâm do đều không thể che dày được. Con số xá ly bị thiếu lại thay ở trong minh thai từ có lẽ là thuyết của đạo Phật đặt ra chuyện kỳ quái, sự cù theo mà tin chư chưa chắc đã có việc đó.

Su nhà Nguyên là Thương thư An Lô Uy sang báo tin vua mới lên ngôi (báo tin vua Vũ Tông lên ngôi. Có bản chép là A Lý Khôi)

Vua sai Mac Dinh Chi sang nhà Nguyên (Dinh Chi đang người thấp bé, người Nguyên khinh bỉ. Tể tướng nhà Nguyên mời ông vào trong phủ cung ngói. Trong phủ tướng có treo bức trướng mòng thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc. Dinh Chi đến xem, người Nguyên đều cười cho là hù lâu Dinh Chi liên kéo hình chim sẻ xé đi, moi người lấy làm là hói duyên cờ tai sao? Ông trả lời: "Tôi chỉ nghe người xưa vẽ chim sẻ đậu cành mai, chưa từng thấy ai vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Trúc tượng trưng cho bậc quân tử, chim sẻ tượng trưng cho bon tiêu nhân. Nay tể tướng lấy cành ấy mà thêu vào trướng là đem tiêu nhân đặt lên trên quân tử, sợ rằng dao của bon tiêu nhân lớn lên, dao của người quân tử tiêu di, cho nên tôi vì thành triều mà bỏ đi". Mọi người đều phục Dinh Chi nhanh trí. Đến khi vào triều gặp lúc nước ngoài dâng quạt, Dinh Chi phung mêm làm bụi mìn, cầm bui làm xong ngay. Bài minh rằng:

"Lưu kim thuộc thạch, thiên địa vi lõ, nhì ư Tư thi hê, Y, Chu cự nho; Bác phong ky thê, vu tuyêt tài dô như ư tư thi hê Di, Tê ngã phu. Y! dụng chí tắc hành, xà chí tắc tàng, duy ngã dũ nhì, hữu nhu thi phủ"

(Khi chảy vàng tan da; trời đất nóng như lõ, người trong lúc đó được trong như Y Doan, Chu Công¹¹, nhưng bắc dai Nho; Gió bắc lạnh lung, mưa tuyêt dày dương, người trong lúc đó như ông Ba Di. Thủ Tê¹² là người chết dối. Ôi! dùng thi lam, bò thi nghỉ, chí <25a> ta và người dược như vậy)

Người Nguyên càng thêm thán phục. Tương truyền sứ nước ta và sứ nước Triệu Tiên

¹¹ Y Doan: Lam tướng thời nhà Thương (Trung Quốc), giúp vua Thành tiêu diệt vua bao ngược nhà Hù lập nên nhà Thương.

Chu Công: Người họ Cù tên là Dan lam tướng nhà Chu giúp vua Thành Vương nhà Chu dẹp yên nổi loạn làm nên đại thù hận.

¹² Ba Di: Thủ Tê là hai người con của nước Cố Trú (Trung Quốc) thời Chu. Hai ông thày nhà Chu lài đãi phu. Thủ Tê là bài trùng không thêm àu theo nhà Chu họ lên núi Thủ Dung hai sau vì ăn rỗi đều chết doi

cung yết kiên vua Nguyễn và cung phung chỉ làm bài minh cái quạt Sư Triệu Tiên làm xong trước, minh rang:

*"Uẩn long trùng trùng Y Doán, Chu Công
Đặng hàn thê thê, Bá Di Thục Tê".*

(Khi hơi nóng hừng hực, thì được dùng như ông Y Doán, Chu Công; khi mùa đông rét căm căm thì bi bô như ông Bá Di, Thục Tê)

(Bài minh có 4 câu 16 chữ, Dinh Chi chỉ liếc nhìn thê bút mà viết, ben phỏng theo ý thay chủ khac lại dán thêm 3 câu trong sách truyện làm câu kết. Rõt cuộc được khen thưởng, càng thấy được tài nhanh trí của Dinh Chi).

Kỷ Dậu, [Hung Long] năm thứ 17 [1309] (Nguyễn Chí Đại năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, đại xá cho các tội phạm trong thiên hạ.

Sách phong Đông cung thái tử Mạnh làm hoàng thái tử, truy tôn Khâm Từ Bảo Thành thái hậu làm thái hoàng thái hậu. Sách phong Thành Từ phu nhân làm Thuần Thành hoàng hậu.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: *Thái Hoàng thái hậu là tôn xưng của bà lúc sinh thời. Khâm Từ là vợ Nhân Tông và là mẹ của Anh Tông. Nhân Tông đã mất và đã cho Khâm Từ được thê phu trong lăng lai phổi hương ở miếu mà lai truy tôn thái hoàng thái hậu, danh hiệu không đúng đắn không việc gì hơn việc này. Anh Tông làm việc này là sai lầm. Đai để nhà Trần trị nước: đặt pháp chế rõ ràng nhưng lầm vẫn thi so lược <25b>. Trên dưới học nhau mà làm thành quen không biết là sai, dai loại phản nhiều như thế.*

Mùa đông, tháng 10, trị tội bôn phản nghịch. Tất cả những kẻ có tội đều tước bỏ ho, chỉ gọi tên. Khi đó án phản nghịch xử tội chết có bốn người, trong đó có một người tên là Hân vì trước đây có công lớn nên được tha, chỉ tịch thu toàn bộ gia sản, còn sáu người xử tội đầy ở châu Ác Thuỷ (ở huyện An Bang¹¹), nhưng người bị đầy đến nơi này không ai có thể về được). Người tên là Lê là dòng dõi xa của nhà vua, tha không thích chử vào mặt. Bốn người đầy ở các châu xa. Người tên Ma Linh cùng vợ ra thủ tội trước nên được tha.

Lấy Bùi Mộc Dac làm trung thư thị lang (theo sử cũ năm đó phu nhân của Uy Túc công là Công chúa Thiên Trần hoàng¹², vua đến viếng tang Công chúa không phải là người có tài đức tuyệt vời thì không nên chép là "hoàng". Chế độ nhà Trần nếu công chúa mất hay bỏ nhau thì người chồng không được lấy vợ khác nhưng Uy Túc, Văn Huệ thương khóc nhiều hay ít có lấy vợ kế hay không, đều là việc thường, không cần chép đủ cho nên đã bỏ đi).

Canh Tuất, [Hung Long] năm thứ 18 [1310] (Nguyễn Chí Đại năm thứ 3), mùa thu, tháng 9, chôn cất Thương hoàng ở lăng Quy Đức, đặt niên hiệu là Nhân Tông đặt tên thụy là Pháp <26a> thiền sùng dao ứng thế hoa dân long từ, hiển huệ thanh van thân võ nguyên minh due hiếu hoàng đế. Dem Khâm Từ Bảo Thành thái hoàng thái hậu hợp

11 Huyện Yên Bang thuộc tỉnh Quảng Ninh

12 Hoàng Cử nghĩa là chết

tang ở huyên cung. Khi do linh cữu của Nhân Tông sắp đưa rước, người đứng xem đứng dây cung điện, quân tể tướng cầm roi xua đuổi mà cũng không thể giàn được. Vua triều quan Chi hâu chính chưởng Trinh Trong Tử đến dán được người. Trọng Tử đến thêm Thiên Tri gọi quân Hải và quân Khẩu Hồ Dực (quân do Trọng Tử thống lĩnh) đến ngồi bày hàng trong thêm, bảo họ hát vài câu khúc Long ngâm. Mọi người nghe kéo nhau đến xem, cung điện vĩ thế rồng ra, mới rước linh cữu đi được. Trọng Tử lại lấy những câu nói về cách đi, khi nghỉ, đi ngang, đi dọc phố vào khúc Long ngâm để mọi người hát lên cùng nghe, không phải truyền bao giờ mà khi đi, khi hạ xuống, khi xoay chuyển không nghiêng lệch. Người đời bấy giờ khen ông có ý tứ khéo léo. Trọng Tử là người hiểu rộng các nghệ, các việc lớn nhỏ, không việc gì không biết. Vua thường gọi là con nhà trời. "Con nhà trời" có lẽ là từ ca ngợi đây <26b> (Xét thấy sử cũ chia dòng ghi chú: Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ mà không cần người giỏi chỉ bảo, chỉ nghĩ cách không chê con ngựa; còn thuật cưỡi ngựa thì không thuật gì là không biết. Lại học làm thuốc thi chi theo phương thuốc và bát mạch, đứng vị xuyên khung vào túi vải, cho gia đồng deo đeo trừ sâu mọt. Học đánh cờ thi chỉ vẽ bàn cờ ở trên trần nhà, ngồi nhìn mà nghĩ kỹ là cũng được khen là cờ sao; những nghề vặt cũng có cái đáng khen. Cho nên ghi lại những điều đại lược còn những điều vụn vặt đều bỏ.

Sử thần Ngò Sí Liên bàn: *Triều đình cốt phải nghiên. Khi linh cữu phát dân thi sao phải cần đến tể tướng di dẹp người, các quan phải dùng mưu kế rồi sau mới di được? Có lẽ vì có nhà Trần khoan hậu thì nhiều, mà nghiêm khắc lại thiếu tẩy.*

Rước xá ly của Nhân Tông cắt vào bảo tháp của am Ngoạ Vân (xá ly chia làm hai phần, một phần cắt vào Đức Long ở Long Hưng, một phần cắt ở tháp Yên Tử).

Vua cho rằng am này là nơi ở cũ của Tiên hoàng nên xe vua thường đến đó khấn vái quét tước như nghi thức lên lăng. (Trước đây khi vua Nhân Tông đi tu, sư chùa Siêu Loai là Trí Thông đốt cánh tay từ bàn tay đến khuỷu tay mà vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông đến xem, Trí Thông xếp cho vua ngồi mà lạy nói: "Thần tăng đốt đèn đây! Lửa tắt thì về viên ngù kỵ khi tĩnh dậy chờ phồng lên liền khôi". Đến khi ấy xá ly của Nhân Tông cắt ở bảo tháp, nhà sư bèn vào núi ở đế hâu bảo tháp. Thời Minh Tông, nhà sư tự thiêu mình chết.

<27a> Nước to, dân dối.

Tân Hợi, [Hung Long] năm thứ 19 [1311] (Nguyễn Chí Đại năm thứ 4), đặt đô Toàn kim cương Thích 3 chữ Áy vào trán theo lệ như Chân thương đồ. Quán lục thuộc có đô Phu đô thương và Phu đô ha (binh gọi là đồ, có lẽ theo lệ cũ triều Lý, lại học theo quy chế của thời Ngũ Đại làm ra).

Lấy con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung (vào thời Nhân Tông nhà sư người Hồ này đã từng đến nước ta, về người già nua, tư nói là 300 tuổi, có thể ngồi khoanh chân nổi lên mặt nước, lại có thể thu ngụ tang vào ngực, để bụng chỉ con da săt vào xương sống, chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa. Ở nước ta được vài năm rồi về, đến nay lai sang). Vua lấy con gái của nhà sư ấy là Da La Thanh vào cung. Cuối cùng nhà sư Áy mất ở kinh sư. Xét thấy nhà Trần sùng Phật lễ, tang, cho nên những nhà sư

co tên tuổi có phép thuật gần xa theo chân nhau đến. Dời Minh Tông lại có một nhà sư tên là Bô Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể nằm ngửa trên mặt nước Tóm lại đều lấy thuật tà áo để mê hoặc tai mắt nhất thời tin chuông và cho là thân thông. Anh Tông thu nhận con gái của nhà sư làm cung tàn thì bị lừa quá lầm!

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành vì vua Chiêm là Chế Chí phản trác cho nên quyết chí đánh.

Nhà Nguyên sai Trương thư là Nại Mã Thai sang báo tin vua Nguyên lên ngôi Ban du sang năm đổi niên hiệu là Hoàng Khánh và ban lịch mới <27b> (Sách cũ chép việc này vào năm Nhâm Tý Hưng Long năm thứ 20 [1312]. Có lẽ không rõ sự việc, cho nên đổi chép xuống dưới năm này, còn gọi là "Nại Mã" là làm cho nên định chính lai).

Nhâm Tý, [Hưng Long] năm thứ 20 [1312] (Nguyên Nhân Tông Ai Dục Lê Bạt Lực Nhân Đạt, Hoàng Khánh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, mặt trời lay động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được vua Chiêm Thành là Chế Chí mang về. Phong cho con của Chế Chí là Chế Da A Bà Niêm làm A hầu trấn giữ đất ấy. Trước đó Chế Chí sai người sang công. Người đó là trai chủ đất Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật hẹn với người đó. Đến khi vua thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm 3 đường: Nhân Huệ vương Khánh Dư di theo đường biển, vua thân đem lục quân di đường bộ. Các quân thuỷ bộ cùng tiến. Cho Nhữ Hài làm chức thiền tử chiêu du sứ di trước. Vua đến Câu Chiêm trú chân. Nhữ Hài sai người đến nói rõ lời ước hẹn trước với trai chủ, báo trai chủ dụ quốc vương ra hàng. Trại chủ đem ý đó nói với Chế Chí. Chế Chí nghe theo đem cả gia thuộc di đường biển ra hàng. Nhân Huệ vương bèn di sát theo sau. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu lên rằng Khánh Dư <28a> muốn cướp công đó. Vua cá giận, ban chiếu thu lại chức giám quân của Khánh Dư, Nguyễn Ngôi thì bị chặt chân. Nhân Huệ vương đến ngự doanh tạ tội và nói "thần sợ họ ra đến giữa biển sẽ đổi mưu đồ cho nên mới chân đằng sau". Vua hết giận ban chiếu chia quân di tuân các bộ lạc. Người Chiêm tụ tập muôn đánh vào ngự doanh. Tiếng chán voi đến gan, quân sĩ có vẻ lo sợ thê rôi quân của Huệ Vũ vương tự tìm đường đến, người Chiêm mới tan. Trận này không mất một mũi tên mà dẹp được Chiêm Thành, đó là công sức của Nhữ Hài. Khi vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến vương Uất (con út của Thái Tông) ở quân doanh bàn luận biện bác làm mè hoặc lòng quân. Vua giận đuổi ra khỏi quân doanh, ban chiếu cho các quân không được chứa. Minh Hiến bèn cùng vài chục gia đồng ngũ ngoài đồng nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin bèn vào trong quân và nói với mọi người: "Thánh thương đang quở trách ân chúa và đuổi ra ngoài đồng nội, nếu không may bị giặc bắt được nó sẽ nói là bắt được thần vương, có biết đâu là bị vua quở trách... Ngũ Lão này thà chịu tội tráy <28b> lệnh vua chứ không nỡ để bị giặc lợi dụng". Vua nghe chuyên cũng không quở trách (Minh Hiến và Ngũ Lão tình nghĩa rất thân, nhưng lẽ ý thì đơn giản). Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão chơi thường ngồi cùng một chiếu khi về Ngũ Lão còn tàng vàng bạc. Phàm Minh Hiến cần gì Ngũ Lão đều không tiếc, cho nên Minh Hiến thích chơi với ông. Vua thường quở trách Ngũ Lão là khinh suất, sau Minh Hiến lại đến nhà Ngũ Lão cùng ngồi một chiếu như trước nhưng Ngũ Lão nói rằng: "Ân chúa dừng đến nhà tôi nữa mà thành thương trách tôi. Nhưng Minh Hiến vẫn cứ đến không chan; Ngũ Lão vẫn giữ nết cũ. Một người thì cậy cửa mà che lấp mặt khi tiết giàn dị, một người thì tham của mà quên

phản trên dưới. Người ban chè và bài

Xe vua từ Chiêm Thành trả về, đang là bão tin thang trán ở các hang thuộc phủ Long Hưng. Đến sông Sầm Thị¹ bỗng gặp sấm sét, mực to, gió lùn ban ngày tối đèn, cách nhau gang tấc mà không nhận rõ, dây thuyền đều đứt, thuyền vua chìm giữa dòng, vua leo lên mui phía đầu thuyền đưa chân xuống cho my nữ, nữ quan bám vào cung leo lên mui, các thuyền khác đều giật vào bài vỡ. Vua truyền cho các quân chinh dồn lại nghỉ trung về kinh sư.

Thang 6, vua từ Chiêm Thành trả về, các quan vi ao quân đều bị ướt nên khi bài yết đều mặc áo ngắn. Khi đó Hoàng thái tử trông coi việc nước tuổi con nhỏ, Chiêu Văn đại vương Nhật Dụt và Nghị Vũ hầu Quốc Tu chỉ <29a> huy đổi quân Tà hưu thành due ở lại giữ nước. Vua cho là ở lại giữ nước khác với việc ngày thường nên có chiếu rông: "Tất cả người ở lại giữ nước và người theo hầu, công đều ngang nhau, còn các tướng đi theo, có công thì thưởng cung không giống nhau".

Phong Chè Chỉ làm Hiếu Trung vương lại đổi là Hiếu Thuân vương. Tôn thêm hiệu đẹp cho tiền đế, tiền hầu và già phong cho các danh thần.

Lắp đèn thờ thần ở cửa biển Càn Hải. Trước đây vua di danh giặc đền đóng doanh ở cửa Càn Hải (trước con là Càn Hải, sau vì kiêng huý đổi là Càn). Dêm mồng thây thần nú khóc và nói: "Thiếp là cung phi nhà Triều Tông, bị giặc bức bách gắp nan sóng gió trôi dạt đến đây. Thương để phong thiếp làm thần biển dù lâu nay, hé ha mang quân đi, thiếp xin giúp để lập công". Khi tỉnh dậy, triều các cô lao đến hỏi sự thực, cho té lẻ rồi sau mới xuất phát vì the biển không nổi sóng, quân tiên thàng đèn thành Đô Bàn⁽²⁾, bắt được vua Chiêm đem về thành Đô Bàn ở huyện Tuy Viên, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Quảng Nam, đưa vào núi Long Cốt làm thê vứng. Nay có 12 toà tháp gọi là tháp Nữ Nhị. Đến khi ấy sứ quan lắp đèn thờ, bốn mùa cung tế.

<29a> Sứ thần Ngô Thi Sỉ bàn: Trần Anh Tông danh được Chiêm Thành các thần đều được phong hiệu mà việc thương người đi theo hầu lại không thi hành; Lý Thần Tông danh bài nước Chân Lạp, lại ta on dao Phật ngâm giúp, mà không ghi nhớ công người đẹp giặc. Như thế thi lấy gì mà khuyên khích sự dùng cảm của tướng sĩ cung diệt kê thu để cố vũ cho sự có gắng diệt địch ngày sau.

Truy Tôn Chiêu vương làm Nguyên tổ hoàng đế, cung vương làm Ninh tổ hoàng đế, Y Vương làm Mục tổ hoàng đế⁽³⁾.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn tước vương cho hai tổ Thái Tổ nhà Tống trị nước, truy tôn hiệu đế cho bốn đời có lè vi tổ tông tích luy công đức mới có thiên hạ thi việc tôn hiệu tho cùng cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ lên ngôi xưa, lấy tước vương truy phong cho ba tổ đã là việc không

1. Sông Sầm Thị: Khuôn Sông Hổng chảy qua xã Sầm thị huyện Thanh Trì, thành Hà Nội.

2. Đô Bàn: Kinh đô của Chiêm Thành. Nay thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

3. Cung: Vua đồng Túc Trân Võ.

Đại Việt Sử ký Toàn Tập

Y Vương: Túc Trân Kinh

thoát long người Thé mà khi ấy mới truy tôn hiệu đế <30a> thi lại bị lôi đế châm đáy

Sứ thần Ngó Thị Sí hàn: Nhà Trần tri nước trải qua bốn đời mới truy tôn hiệu đế cho tiên tổ vẫn đã sai làm vương châm trê Vua Anh Tông con làm được Điều đó khiến cho việc thất lễ hàng ngày đời nay mới không ôn hàn Nhu thế chẳng han là bỏ thiêu mai hay sao? Việc làm đó là được đây!

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 21 [1313] (Nguyên Hoàng Khanh năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, tôn Ninh tổ phu nhân làm Ninh Từ hoàng hậu, Mục tổ phu nhân làm Mục Từ hoàng hậu (Hoàng hậu của Nguyên tổ không ghi tên hiệu, sử cũ bỏ sót đây)

Tháng 2, Hiếu Thuân vương là Ché Chi đến hành cung Gia Lâm thi chết Dem hỏa tang

Tháng 3, sao Chổi mọc ở phương tây.

Hưng Nhương vương Quốc Tàng mất

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh viên Tam Ty bị cháy (thủ phủ là Lương Lang chết, sai quan ty ấy xuất tiên làm cháy lě ta

Theo lệ cũ khi cung điện đường vũ bị cháy, làm lễ cầu đảo thi do nhà nước cấp tiền, quan hữu ty bày biện. Ngoài ra các xứ <30a> làm cháy lě ta thì ty ấy phải bỏ tiền ra)

Mua đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiếp làm quân Thiết ngạch Lai Dai liêu ban là Trần Thành Lý làm Vũ vệ đai tướng quán đế quản linh

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hự làm kinh lược sứ. Khi đó nước Chiêm Thành bị người Xiêm⁽¹⁾ xâm lược, vua sai Thiên Hự di làm kinh lược Nghê An, Lãm Bình để di cứu Chiêm Thành. Về sau tất cả những việc phải trú tinh lo liệu ở biên giới phía tây, Minh Tông đều giao cho Thiên Hự.

Tháng 12, Chiêu Hoài hâu Hiện mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm ta phu, tước quan phục hâu (xét năm ấy sứ nhà Nguyên chép là quân ta dem hơn ba vạn dốt nhập châu Trần An, rồi lại chia quân xâm lược châu Quy Thuận. Vua lại thân cầm quân vây hãm châu Đường Lợi, rồi danh tiếng là quan tri châu Triệu Giác bát người buôn ở châu Tư Lang của ta, lấy một nón vàng, lần chiếm hơn một nghìn khoanh ruộng, cho nên đến báo thù Khu mật viên nhà Nguyên sai Thiên hò Lưu Nguyên Hanh đến Hồ Quảng hỏi xét việc đó. Nguyên Hanh thân đến thôn Do Thương, Do Trung, Do Ha xem xét đất nơi ấy, đưa thông điệp du nước ta dài lược nói Xưa kia nhà Han dat chín quân, nhà Đường dat năm quân. An Nam thực là nơi thanh danh giáo hóa của triều đình thâm đến. Hướng chi dâng bán dô, đưa lê công phân trên dưới vốn đã rõ ràng. Dưa đi nhiều, đưa về ít, cái ơn vô vàn rất mục, thành triều quâ coi phu gi quý quốc. Nay sao tự làm ra điều quý quyết đế mở bờ cõi. Tuy rằng đất ở Do thôn là việc rất nhỏ, nhưng liên quan đến bản đồ nước ta rất lớn. Hơn nữa bị chém giết cướp bóc <31a> đều là hổ khẩu thuộc sổ sách triều đình, tinh viễn chưa dam tàu lên vua, nhưng thực chưa biết ai chủ làm mưu ấy. Nước ta đưa thông điệp lai trả lời 'Bon tróm

⁽¹⁾ Xiêm: Tức nước Xiêm La sau này. A phim tộc Thái Lan

cấp nhỏ mon ở ngoài biên giới tự làm ra việc không yên, nước tôi sao mà biết được". Nguyễn Hành lai đưa thông điệp xin xét kỹ sự tình, chỉ báo cho rõ, nhưng rút cuộc vẫn không nắm được then chốt. Nhẫn dây nói với nhà Nguyên nước ta từng xâm phạm biên giới Vĩnh Bình Nay lai bắt chước thói quen ném sai quan truyền du: trả ruộng đất cho ta, trả dân cho ta và sai người có trách nhiệm sửa bờ cõi cho dùng dán. Xét những người gây ra hiềm khích nên giết trên biên giới, sức cho quan lai ở biên giới không được xâm lấn Lai đặt trại mỗ binh ở Vĩnh Bình, đặt quan thông linh cấp cho ruộng đất trâu bò và nông cù để tự cày cấy mà ăn, hiện chế lập thành bô ngũ, thường phạt rõ ràng, để khi cần moi người tiếp ứng được Như vậy bờ cõi mãi mãi yên lành không lo ngai. Việc ấy được tâu lên vua Nguyên ban chỉ: "Đời kinh sứ An Nam đến sẽ nói cho họ biết". Đây là việc lớn ở bờ cõi mà không thấy trong sách vở. Có lẽ nhà viết sử bỏ sót, cho nên chia dòng ghi chép ở dưới sử biên niên, để thấy được sự thực người Nguyên mềm dẻo, hoà mực với nước ta không gây ra đầu mõi binh dao)

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [1314] (từ tháng 3 về sau là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyễn Diên Hựu năm thứ 1).

Mùa xuân, tháng 3, ban chiêu nhường ngôi cho Hoàng thái tử Mạnh. Thái tử lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ, xưng là Ninh hoàng, tôn Thương hoàng làm Quang nghiêу due vú thái thương hoàng đế; Thuân Thánh hoàng hậu làm Thuân Thành Bảo Tứ thái thương hoàng hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Thế thiên sùng hoà khâm minh <31b> duey hiếu hoàng đế.

Tang cho Hưng Nhượng vương Quốc Tảng làm thái úy (Thái thượng hoàng hậu là mẹ đích của vua và là con gái của Quốc Tảng).

Mùa đông, tháng 10, thi thai học sinh, ban tước bạ thư lệnh sai Cục chính Nguyễn Bình giảng dạy để sau này bổ dùng

Đat đó phu liên làm long vê tướng Chon các con của cầm quân và thiết ngạch quân người nào có thích chử kim cương thì sung vào.

Vua đã được nhường ngôi Sư thân nhà Nguyên sang làm lễ đón chiêu thư. Ngày hôm sau ban yến, vua mặc áo giao lĩnh bằng lụa màu vàng, đội khăn thao, sứ già khen: "phơi phơi như người trong xu thân tiên". Sứ già vê nước rất khen vẻ đẹp của nhà vua. Sau này khi sứ già của ta sang Nguyên có người hỏi: "Tôi nghe thế tử vê người thanh tú phơi phơi như người trong xu thân tiên. Có đúng không". Sứ nước ta trả lời rằng: "Đúng như thế nhưng cũng là tiêu biểu phong thái cả nước".

Sau Nguyễn Trung Ngan, Phạm Mai sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<32a> (Vua huy là Mạnh, con thứ tư của Anh Tông. Ông ngồi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, tho 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, chôn ở Mục Lạng. Vua lấy vân minh sửa sang chính trị làm rạng rỡ công lao người trước, giữ lòng trung hậu, để diệu yêu kính cho con cháu noi theo, giữ yên bền trong, vỗ vén bên ngoài, kỳ cương dù dày. Tiếc rằng

không nhận biết mưu gian của Khắc Chung, đến nỗi Quốc Chẩn phải chết đó là chỗ kém thông minh vậy).

Át Mão, Dai Khánh năm thứ 2 [1315] (Nguyễn Diên Hưu năm thứ 2), mùa hè, tháng 4, đưa thuyền

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Chính sự ban đầu của Minh Tông làm đổi mới tai nghe mắt thấy trong thiên hạ. Chả lẽ không có việc gì mà đã riêng vui tro chơi đưa thuyền hạy sao? Có thể nói đó là điều không đúng道理.

Tháng 5, ban chiếu "Phàm tất cả cha con, vợ chồng và gia nô không được kiện cáo lán nhau"

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Vua vốn là người hâu với thân tộc mà đối với người thuộc về bậc tôn quý lại càng kính trọng. Nhưng bây tôi người nào trùng tên với người trong họ vua thì tất phải đổi tên khác như tên Đô đổi thành Sư Manh <32b> vì cùng tên với Thương Phụ⁽¹⁾. Tên Tung đổi thành Thục Cao vì cùng tên với Hưng Ninh (Hưng Ninh là con trưởng của An Ninh vương) lại tên của bác, chú, cô, cậu mồi lân nói đều phải tránh. Vua có quyền số nhò ghi những chữ huỷ mutenberg không được nói, đưa cho Hoàng tử và cung phi. Vì có lòng như thế cho nên chinh sự được như vậy.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Xưa kia vua Tuyên Dê nhà Hán có điều luật: người trong 5 báu để tang được giấu tội lán cho nhau; vua Thái Tông nhà Đường có lệnh cấm các gia nô cáo giác chủ nhà làm phản. Người Nguyễn có lệnh trong bốn cõi nếu có tên gia nô nào tố giác chủ nhà mình thì đem bêu xấu, có lẽ là luân thường của thiên hạ, là lẽ trời của người đời cái lớn là để giáo hoá phong tục thuận hậu. Tờ chiếu đó của Minh Tông ngõ hâu có được ý thời xưa. Nhưng Trần Kim là gia nô của Quốc Chẩn, Quốc Chẩn lại là con của Nhán Tông, là bè trên của vua. Ngày sau Trần Kim tố cáo mà Quốc Chẩn bị bỏ ngục. Lệnh ban ra thì như thế mà việc làm lại như <33a> vậy thì sao dù dân dâm làm điều hiếu, khuyên dân giữ điều tín nghĩa được.

Tháng 6, han.

Khi đó Trần Khắc Chung làm hành khiển. Quan Ngự sử dâng sớ nói: "Chức vụ của quan tể tướng, việc đầu tiên là phải điều hoà ám dương. Nay Khắc Chung ở ngôi thủ tướng, không biết phối hợp cùng trời đất, cho khí tiết thuận hoà, để đến nỗi mưa nắng trái thi. Thế là làm quan không có công trang". Khắc Chung nói: "Khắc Chung này làm dư vào chức tể tướng; chỉ biết làm những việc mà chức vụ mình nên làm, còn han hán thì hỏi Long Vương. Khắc Chung đâu phải Long Vương mà dỗ lối". Sau này nước sòng lên to, nhà vua thân di xem đáp đè. Quan Ngự sử nói: "Bệ hạ nên châm sửa đức chính xem làm gì việc đáp đè nhỏ nhặt". Khắc Chung nói: "Phàm khi dân gặp nạn han hán lut lội người làm vua nên cứu việc nguy cấp. Sửa đức chính không gì lớn hơn việc ấy. Hà cứ phải ngồi yên tĩnh trầm lắng mới gọi là sửa đức chính?" Có người bàn rằng: "Khắc Chung dỗ lối cho Long Vương <33b> dài quan chê (đáp đè) là việc nhỏ, đều sai cả

Sứ thần Ngõ Thi Sì bàn: Cháu Quan Đóng làm cho dung dán chức quan tri nước diều hoa âm dương, giúp đỡ trời đất, làm chức quan lè loi. Ôi chi có thiên tử dung dao trung hoa ở trên, quan đại thần giúp đỡ và dum bọc, khiên cho khí âm dương diều hoà, đạo trời đất sáng tỏ, nắng lạnh theo tiết, mưa gió theo thời, vạn vật đều đúng thứ tự, ha chỉ bo bo về hình hài mà cho lý khí là mօ tối sao? Cho nên Bình Cat¹⁾ thấy con trâu thô mà lo, hình tích vu vơ, nhưng vẫn là hình trong chức sự của minh, không mất thể diện làm tể tướng, mà con giữ được cái ý người xưa đặt ra chuc quan. Còn như Khắc Chung dố lỗi cho long vương thi là sai lầm đây. Xet ra không có một trận mưa thấm nhuần thì nhân dân sẽ đói. Tim xem diêm dù, diêm lành át có sự dập lại. Thế mà lại bảo là hời Long Vương. Thế thì nhặt thực, đóng đất, nùi lò, nước lụt, thần linh trên dưới <34a> có thể chia nhau chịu lòn phi báng. Oan hán trời rét, dố tội mất mùa; tai biến không đáng sợ, diều kinh cẩn không dang lam. Cả đèn vắt nhỏ như cây cỏ chim muông, cũng ở không yên. Dời sông không thoả cũng dố cho là lỗi của các quan. Còn đổi với chức quan diều hoà âm dương thì không du! Vậy còn dùng ông tướng kia ngồi im lặng trông triều đình làm gì? Khắc Chung từ lừa đổi minh để lừa đổi người khác có thể nói là coi thương chức trách và khinh nhơn thời tiết. Nhà Trần đặt người làm tướng như thế là lừa chọn sai lầm đây! Đại quan biết chát ván việc diều hoà âm dương không có công trang, mà lai cho dập dề là việc nhỏ khiến cho Khắc Chung che đây được diều sai. Kinh Thi có câu: "Không cho nói là dề". Người có trách nhiệm nói mà lại nói như thế, người bàn bảo đều là sai cả chẳng đúng sao!

Tháng 9, có sáu keo.

Mua đông, tháng 10, có sáu keo.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á quan nội hầu.

Bình Thin, [Dai Khánh] năm thứ 3 [1316] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, duyệt định lại quan văn võ, cấp cho số hộ khẩu theo thứ bậc khác nhau <34b>. Khi có quan duyệt định thấy người có thiếp đóng ấn gỗ cho là già bèn bỏ đi. Thương hoàng nghe tin ây nói: "Đó là cái thiếp cũ năm Nguyên Phong là thiếp của nhà nước đây. Nhân đó nói với quan chấp chính ràng". Tất cả những người ở trong chính phủ mà không am hiểu diến cũ, thì phản nhiều hỏng việc".

Mua đông, tháng 11, sai quan tể tướng, người tôn thất và bách quan thu hoạch ruộng tịch diện

Sai Nhân Huệ dai vương Trần Khánh Dư duyệt định số dân Nghệ An, lấy Nôi thư hoá chính Chuồng phung ngự Nguyễn Bình làm phó. Khi Bình trở về cung khuyết, đem tiền hỏng thu được dâng nộp, vua sai Hữu ty thu lấy. Có người hỏi nguyên nhân vì sao lai nhân, vua trả lời: Bình nộp tiền bổng là lòng thành thực, cho nên trăm nhân để tờ ra Bình không phải là người dối trả*. Bình là bê tôi hầu cận của thương hoàng, tính liêm khiết, thường đứng đầu hành nhân đi sứ nhà Nguyên. Khi về không mua một thứ gì, Thương hoàng khen ngợi đặc biệt ban thưởng cho hai tư, theo lệ ban tước các sứ thần

1) Bình Cat là người nước Lỗ thời Hán, làm quan đến chức thừa tướng. Người đời khen ông là bắc hiền quan

Cho Trần Hùng Thao làm thiếu phó

<35a> Dinh Ty [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317] (Nguyễn Diên Hưu năm thứ 4). Thương hoàng ngự cung Trung Quang. Hình bộ lang trung Phi Trực theo hầu. cho kiêm chức an phủ sứ phủ Thiên Trường. Bấy giờ giặc cướp bắt đầu nỗi lên. có người tên là Văn Khánh đứng đầu bọn cướp. Có người nói: bắt được Văn Khánh đem nộp cho quan. khi tra hỏi người đó. người đó liền nhận càn minh là Văn Khánh. Mọi người đều cho là dung. chỉ có một mình Trực còn ngờ. án để lâu vẫn chưa giải quyết. Thương hoàng hỏi thì Trực trả lời: "Sinh mạng của con người rất quý. lòng thân còn có chỗ ngờ. không dám xét xử càn bậy". Không bao lâu Thương hoàng lai hỏi. Trực lai trả lời như trước. Thương hoàng giận nói rằng: "Nó đã nhận như vậy. còn có gì ngờ?". Trực tâu rằng: "Nó không bị đánh dập khổ sở mà diêm nhiên tự nhận thân trộm lấy làm ngờ". Dài một năm sau quâ bắt được Văn Khánh. Từ đây Thương hoàng khen Trực là giỏi"

Mậu Ngọ. [Đại Khánh] năm thứ 5 [1318] (Nguyễn Diên Hưu năm thứ 5). mùa thu. tháng 8. Tuyên tử Thái hoàng thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành. Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến, chết tại trận <35b>. Quản thiên vũ quân Phạm Ngũ Lão cho quân đánh sau lưng giặc. giặc thua chạy. ta bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước quan nội hầu. ban cho phủ hiệu có hình con cá bay và con của Ngũ Lão làm quan. Tất Kiến là tướng thuộc họ nhà Lý.

Phu táng Tuyên Tử thái hậu ở Đức Lăng. Trước đây Nhân Tông thường dân lai Anh Tông sau này nên đem dì chôn ở cạnh lăng (dì tức là thái hậu) và vẽ bàn đờ chôn cất. làm huyệt hình thước thợ trao cho Thương hoàng. Đến khi ấy Thương hoàng theo di mệnh của Nhân Tông. trảm quan tâu rằng: "Lăng tẩm không được đóng vào". Thương hoàng nói: "Tiên đế đã có mệnh không dám làm trái. nếu như có gì bất lợi ta sẽ chịu cả". Cuối cùng vẫn phụ táng Thái hậu vào lăng.

Kỷ Mùi. [Đại Khánh] năm thứ 6 [1319] (Nguyễn Diên Hưu năm thứ 6). mùa hạ. tháng 4. bến Đông Thiên Vương ở Đông Lâm lờ 10 trượng.

Tháng 5. Hoàng trưởng tử Vượng sinh. hiêu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông. tháng 11. Hoàng thứ tử Nguyễn Trác sinh.

<36a> Canh Thân. [Đại Khánh] năm thứ 7 [1320] (Nguyễn Diên Hưu năm thứ 7). mùa xuân. tháng 3. Thương hoàng băng ở cung Trung Quang. phủ Thiên Trường. Thương hoàng tính khiêm tốn. hoà nhã. yêu mến người trong họ. thờ phụng vua Nhân Tông rất kính cẩn.

Năm trước ham uống rượu. vua Nhân Tông rắn báo thì tuyệt nhiên không uống nữa. Thương cho quan tước khá nhiều. Vua Nhân Tông biết điều đó sai đem sổ ghi vào xem. nói: "Sao có một nước nhỏ bằng bàn tay mà quan ban hầu lai nhiều đến thế". Từ đó càng thận trọng khi ban tước phẩm. Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bô đều là người hầu gần ở đông cung đều vì không có đức hạnh nên chỉ trao cho tân chức⁽¹⁾. Sĩ Cố làm quan đến thiền chương các học sĩ bộ nhưng chỉ coi máy bộ cầm binh mà thôi. Trong cung đình phẩm cấp

1. Tân chức: Chức quan đặt ra để làm vi

cùng có phép tắc. Hoàng phi Huy Tu đi xe của Hoàng hậu Bảo Từ ban cho, Thương hoàng thấy không dung ché dò dứt khoát không cho. Đến tuổi già lai càng cẩn thận việc hình phai. Có tên quan nô tên là Hoàng Hộc bị người trong hương kién. Hộc đã dùng mưu kế sáo tra đánh lừa hình quan được thoát tội, cuối cùng người trong hương phái chịu tội. Thương hoàng biết chuyên do <36b> báo binh quan rằng: "Người xử kiện giỏi là phái biết dùng cả tinh lý không trai với nhau. Tình ngay mà lý gian thì không được lấy lý mà bỏ tình. Nếu như biết tình không gian thì nên cứ lý mà làm, nếu đã biết là gian thì phải suy lè phái hay trai, kẻ gian tự biến ra".

Tên Hộc gian giảo như thế mà quan xử kiện không biết suy xét tinh lý, đó là không làm nổi chức phân của mình đây". Sau khi nhương ngôi, các chính sự trong triều đình vẫn tư giải quyết cẩn thận giữ phép thường, không khinh suất thay đổi. Khi nhân rời thi lưu tâm đến việc but nghiên. Có tài viết về. Tác phẩm có *Thuỷ Văn tuy bút ngu tập*. Khi sắp mất sai dốt hết đi. Bảo từ thái hậu triều sự Phổ Tuệ đặt hôi quán định¹¹ để kéo dài tuổi thọ cho Thương hoàng Phổ Tuệ xin ra mắt nhà vua để trình bày về sự sống chết. Thương hoàng khước từ rằng: "Nhà sư chưa chết thi sao nói về sự chết được".

Tháng 12, chôn cất ở Thái lăng dâng miếu hiệu là Anh Tông, đặt tên thụy là Hiển Văn due vũ khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

<37a> **Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Gốc của thiên hạ là nước; gốc của nước là nhà, gốc của nhà là minh. Day được người trong nhà thi sau đó mới có thể day được người trong nước, dù là thời Đường, thời Ngu thịnh tri cũng chẳng bờ được. Kinh Thư khen vua Nghiêu thịnh tri tất lấy việc thân yêu chính họ làm đầu là bảo rằng: giáo hóa được thi hành từ trong nhà dày. Tôi đọc tập sách của Anh Tông, thấy nhà vua không ngại sửa đổi lỗi lầm, thà vua cha rất kinh cần, hoà thuận với họ hàng, tôn ông bà làm hoàng đế, hoàng hậu, việc chôn cất thờ cũng đều đúng đạo lý. Nhà minh dù làm khuôn phép thi người ngoài mới bắt chước. Cho nên trên thi Nhán Tông khen là người có hiếu; dưới thi Minh Tông nói theo khuôn phép mà làm. Dưa việc tri nước đến chỗ vân minh, dưa phong tục đến chỗ giàu có đồng dúc. Đó chẳng phải là gốc của việc thân tu dưỡng thi nhà té chính đó sao? Những lời khen trong Kinh Thi. Kinh Thư cũng có hơn gì! Lại nói việc thiên tử mất 7 tháng thi chôn cất, nay qua 9 tháng mới chôn cất là chậm dày, có lẽ ui theo thuyết âm dương chẳng?

<37b> Trước đây quan tài vua Anh Tông đưa về ở Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ thái hậu buộc 8 dây kéo, thuyền của Huy Tư hoàng phi 2 dây kéo. Trong cấm quán có người có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của hoàng phi. Tướng quân là Trần Huu nói: "Thuyền của Thái hậu có 8 dây kéo là đúng quy chế nhà Trần, làm thế để rõ danh phận kẻ trên người dưới" rồi lập tức rút kiếm cát bớt dây đi. Việc đến tai vua, vua khen Trần Huu là người trung

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Huy Tư hoàng phi tuy chưa được ở ngôi chính như ở cung Trường Lac nhưng đã sinh ra vua, làm mẹ của thiên hạ. Thế mà trong khi làm nghi thức di chôn cất Trần Huu dám rút gươm cát dây keo thuyền làm rõ danh

11. Hồi quán định: Là phép nhà Phật lấy nước đổi lõi định đầu để mong kéo dài tuổi thọ

nghĩa và dịch, và lè, có thể nói người trung liết đây. *Hoàng phi không giận*, *Mùa Minh Tông* cũng khen là người trung. Khuyên khích người có khiết như thế, còn lo gì không có bấy tôi trung thực.

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu rằng: các người tranh chấp ruộng đất, quan đã xét không phái của mình mà cứ cố tranh thì người đó phải chịu tội phản toa¹, tinh số tiền ruộng đất nhà cửa ấy bồi thường lai gấp hai lần.

Nếu làm ván khế giá mạo thi chát một ngón tay bên trái

Tháng 11, <38a> Điện suy Thương tướng quân Phạm Ngũ Lão mất. Vua nghĩ chau 5 ngày. Ngũ Lão khi ngoài 20 tuổi, Hưng Đạo vương nhìn thấy cho là bậc kỳ tài bén gá con gái nuôi cho, nhân dãy làm gia thân của vương lai được vương dạy bảo, tài khi tuyệt vời, rồi được vương tiến cử lên. Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, cũng ham đọc sách, là người phóng khoáng, có tri lớn nhưng không để tâm vào việc võ. Thế nhưng cai quản quân có kỷ luật, đối đãi với các tướng hiệu như người nhà, đồng cam cộng khổ với quân sĩ. Các quân do ông quản lính đều thân nhau như cha con. Cho nên quân đến đâu không ai dam chống lại, khi đánh dẹp lấy được vật gì đều đem sung vào kho quân. Xem của cải như không. Ông thích ngâm thơ, thường có thơ rằng:

"*Hoành sáo giang sơn cap kỳ thu,*
Tam quân tỳ hổ khi thôn ngưu,
Nam nhí vị liễu công danh trai,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu".

Dịch nghĩa:

(Vung giáo non sông trai mấy thu,
Ba quân tựa cọp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả được công danh nợ.
Át hẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu⁽²⁾)

Ông là một vị đại danh tướng, khi mất 66 tuổi (Ngũ Lão là người Phù Ủng thuộc Đường Hào⁽³⁾, đất ông ở đến nay có tên là tê tư cũng nổi tiếng thiêng liêng)

<38a> **Sử thân Ngò Sí Liên bàn:** Từng thấy các danh tướng thời Trần, như học vấn của Hưng Đạo vương tỏ ra ở bài hịch; học vấn của Phạm Điện suy thi hiện ra ở những câu thơ, chứ đâu phải chỉ chuyên vào việc võ. Thế mà dùng binh rất tinh diệu, đánh là thắng, đánh là công là hạ được, từ xưa chưa có người nào hơn. Lê Phụ Trần sít khoé hơn cả ba quân, một mình một ngựa ra vào trên địa của giặc, tuy cơ ứng biến chẳng đỡ cho vua trong lúc gian nguy, thế mà ván học của ông cũng đủ dạy bảo thái tử. Nhà Trần dùng người tuy tài uỷ nhiệm là thế này. Còn đối với quân thiện thuộc (tức quân thiện vũ thi lại cảm không cho vào học, nếu như có kẻ ván vở toàn tài sinh ra trong ấy thì chàng bị hạn chế làm sao?)

1. Phản toa: 1 điều trọng pháp luật. Tức là nếu vu oan cho ai thì khi tìm ra phải chịu tội thay người bị oan.

2. Vũ Hầu: Túc Gia Cát Lượng, một danh tướng nước Thục thời Tam Quốc.

3. Huyện Dương Hào: Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Dương cũ.

Ban ruong cho Thieu hoc sinh Dang Tao trước đây khi Anh Tong om. Dang Tao thường mang bao traeo giuong ngai de viet di chieu. Dien khu Anh Tong bang, vua thanh va khien binh, chi co quoc phu la Quoc Chien va Tao cung voi gia nai chu do Le Chung banh dc. Dien khi ruoc hanh cuu ve Son Lang. Tao va Chung dua hau vua Anh Tong o Lang nam. Moi khi vua den doi ye Son Lang. Tao dieu hanh mai vi chi huong cua ong chi muon o lai phuong tho lang tam chi khong co y chia xin gi khac. Vua thuong Tao ngheo, nap cho 20 mua ruong mi Tran The Hung mang thiếp den cho So ruong nay xua kia da hanh dan thi phu cua vua la Thuyen Xuan roi, khi do Thuyen Xuan con giu <39a> thiếp cuoi cung day. Tao cung khong gian lai. The Hung biet vay dem su thuc do tau voi vua, tuu long tac het bo thiếp cua Thuyen Xuan, dem so ruong do tra ve cho Tao. Con Chung sau ban ruong vua mang gia dinh den lam nha o Yen Sinh. Mo tien nhien cung doi den day chien cai. Hai nguai den o Yen Sinh tron doi. Noi Tao va Chung o co chua. Sau Nghé Tong den Yen Sinh, nhai lai hai vi he tot bien sai Tran An sua lai chua ky va cap cho ruong them tang, ban ten cho chua la Trung Thi. Xet việc Dang Tao được ban ruong can
và sau cu cũ ghi chép có lẽ ở vào sau năm ấy, nhưng không rõ năm nào cho nên chép

Su than Ngoc Si han: Bôt lô tho cua cung giuong nhu con tho cho. Nghia
luu loi khong the len tranh trong khoang troi day. Cho nen ngay dem châm chí tho
phung moi nguai, do la trung voi tua day. Co the giat dua con coi con be nhó, giat
menh ra tram dam do la trung voi dong doi tua day. Co the vao phuong nam, co
thi ra phuong bắc chi lam theo menh lenh day la long trung cua nguai giu chuc uu
day. Cung con, cung mat co the chet theo voi nuc day. Nguai lam be tot hét long
trung khong phai chi co mot cach, dau phai la som hom o lang tam moi la tan tam
<39b>. Cai tri kí con sâu nang hon tuc loc, tinh tri kí con sâu nang ca
khi cung au vai. Dang Tao Le Chung nguai thi bung cai bo o trong cung cam, nguai
thi sach cai tu o trong doanh trai, khong duoc sang nhu chuc Tam cong, khong
duoc giao hang van chung thor, cai sinh du tri kí riêng minh tu biết. Cho nen trong
nguai hien nhó vua Thuoen, xem cây tung cây bách o noi tuyen dai, nang áo mũ o
nơi den tho cho den het doi minh, ha khong phai mot boc nguai như Ta Triết day
sai! Bé quán từ đối với hai nguai bê tài ấy có lẽ chỉ khen về khi tiết là được dây.

Đại 40 Phu Lien làm quân khẩu mà

Đại

Lay Ban Moc Dac lam tri tham hinh vien su kiem chuc chuyen van su la Hoang
Giang Ha

Tin Dau [Đại Khanh] nam thu 8 [1321] (Nguyễn Anh Tông Thać Đức Bát Lát Chí
Tn nam thu 1), mua xuân, tên Thuoen Thành Bảo Từ thái thương hoàng hậu là Hoàng
thai hậu, tên mẹ là Huy Tư hoàng phi làm Hoàng thái Phi tức Chiêu Từ Hoàng thái
hậu.

<40a> Tháng 2, dài 1 tháng nhỏ giao tri gia 1 quan tiên

Mua hè, lúa chiem được mua lán

Mua đông, tháng 12, Hoàng tử thứ 3 là Phú sinh, lạy kính Kim Cương để làm đê

thì chỉ các nhà sư sai sứ sang Nguyên mung vua Nguyên lén ngỏ Cho Nguyên Trung Ngan làm ngự sứ đầu thi ngự sứ

Nhâm Tuất [Dai Khanh] năm thứ 9 [1322] - Nguyên Chi Tri năm thứ 2, mùa xuân tháng 3, set đánh vào tháp Bảo Thiên làm sập 2 tầng 3 gác phía đông.

Mùa hè, người Nguyên tranh giành bờ cõi, sai ty Hành Khiến Huân bờ Thương thu là Đoàn Bang Hiển sang Nguyên tranh luận. Bang Hiển mất ở dọc đường, vua rất thương tiếc.

Quy Hợi [Dai Khanh] năm thứ 10 [1323] (Nguyên Chi Tri năm thứ 3) Vua ngự đến nhà thái học thi thái học sinh, khi đó có người tên là Mạc trong quân thiền thuộc ở Hoàng Giang trung khoa thi thái học sinh, vua ban chiếu bát trà lai quân ngũ làm quân quan lai quân Thiền định.

Khi đó lựa chọn trong các quân lấy những người béo trắng làm hàng trên, cho nên quân sĩ không về và thach vào người bát tràu từ đó.

Ban chiếu định lê cho những người tranh ruộng chia thóc (chia thóc trong ruộng hai phần thường cho người làm ruộng một phần, còn lưu lại một phần đợi giao quyết). Do là theo lời tâu của Dai an phủ kiêm kiểm pháp quan ở kinh sư là Nguyễn Dũ Dũ và Thiên Hu cùng nổi tiếng ngang nhau. Khi Thiên Hu thời chức kinh lược sứ ở Lãm Bình Nghé An, vua sai Dũ thay làm chức ấy, người Chiêm cũng sơ phục.

Bấy giờ, các quan ở trong triều như các ông Trần Thị Kiên, Đoàn Nhữ Hải, Đỗ Thiên Hu, Mạc Dinh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngũ, Nguyễn Trung Ngan, Lê Quat, Phạm Sư Manh, Lê Duy, Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhàn kế tiếp nhau vào triều định, nhân tài nườm nướp (Ngô và Mai vốn họ Chúc, khi Nhàn Tông di tu hai ông làm kinh sinh, theo hau, vua cho rằng họ Chúc không phải là dòng họ lớn có danh vọng bao ban cho họ Phạm Ngũ là người có phong độ, tinh cương trực, dam nói thẳng, có phong thái của báy tôi xưa, biết can ngăn. Sau vào chính phủ không đầy vài năm thì bị bãi chức Trung Ngan tên cũ là Cột, khi Anh Tông ngự cung Trung Quang có ý muốn di tu làm bài thơ Chiêu án¹¹¹ ban cho tên là Trung Ngan. Dinh Chi là người liêm khiết, tu nuô dường bần thần đơn bạc, vua biết được sai người đem 10 quan tiền ban đêm đến để trong cửa nhà Dinh Chi. Sang hôm sau Dinh Chi vào chầu liên dem việc ấy lầu vua, vua nói: "Nếu không có ai đến nhận thì khanh cứ lấy mà dùng". Đến thời Hiển Tông, Dinh Chi làm nhập nội hành khiển hữu ty lang trung, lai thàng tả ty lang trung. Lê Duy người Cố Định huyễn Nông Công Hán Siêu là người Phúc Thành huyễn Yên Khang nay là Phuc An).

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm

Tháng 12, sách phong con gái cả của Huệ Vũ đại vương Quốc Chân là Huy Thành công chúa làm Lê Thành hoàng hậu (tức Hiển Từ thái hậu <41a> cho Uy Giản hầu (không rõ tên) làm tham thi triều chính trị quân quốc sự. Khi đó trong những người thân thuộc có người cho là chức ấy thấp. Uy Giản nói: "Cac người rất khờ tát cả nhưng báy tôi được vua doai thương đều từ lòng vua khen chọn chứ không phải do sức người mà tôi được, sao còn có ý khác. Ta nay được vua yêu mến thực là qua lòng mong muốn, ha còn

111 Chiêu án là một bắc án si ra làm quan

bản đền chúc cao hay thấp". Vua biết chuyện đó cho là người biết nói

Giáp Tý, [Khai Thái] năm thứ 1 (1324) (Nguyễn Thái Định năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu

Duyệt định các bậc nói thi tập lưu

Mùa hè, tháng 4, lạy Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn làm Nhập nội quốc phu thương tá, Kiêm hiệu Thái úy Nhập Duật làm tá thành thái sư Uy Túc công Văn Bích làm nhập nội phu quốc thái bảo Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội kiêm hiệu Tư đồ.

Nhà Nguyễn sai ban Thương thư là Mã Hợp Mưu và Dương Thụy sang báo việc **<41b>** lên ngôi và ban cho một quyền lich lai để rạn quân sĩ không được xâm lược nước Chiêm Thành. Ban Hợp Mưu cưỡi ngựa đi đến tân đường cầu An Tây thấy không xuống ngựa, nhưng người biết nói tiếng Hán vắng chỉ đến tiếp chuyện từ giờ Thìn đến giờ Ngọ mà vẫn không tranh cãi được. Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra tiếp đón. Trung Ngạn lấy lè hé lại, Hợp Mưu đuổi lý phải xuống ngựa, bưng tờ chiếu di bộ vào, vua rất mừng Ban Hợp Mưu trả về vua sai Mae Dinh Chi vào chúc mừng.

Ban cho Trần Bang Cẩn một bức họa và thơ. Khi đó Bang Cẩn làm đại hành khiển Thương thư là bộc xa. Bang Cẩn là người tin cẩn có ý giữ gìn, giàn dị điểm tĩnh không ưa lòe loẹt. Họa hoa vua ban có bài thơ rằng:

*"Hình dung cột cách nai đồng hàn,
Tương mao dính dính diệc khà khan.
Phong lưu nhất doan hòn miêu tận,
Tâm ly nam miêu cánh cảnh dan".*

Dịch nghĩa:

(Đang hình cột cách quen rết đồng,
Tướng mao hiện ngang thắt dέ trông.
Một doan phong lưu đều vē hết,
Vé sao hét được tấm lòng trung).

Mùa đông, tháng 12, cầm dung tiễn kém

Nam Ấy đại hán, có sáu kỵ, trâu bò già sức chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 (1325) (Nguyễn Thái Định năm thứ 2), mùa xuân, đại ty Liêm phòng ở các lô Cho Dang Lộ làm liêm phòng sứ hai **<42a>** lô Đại Hoàng, An Tiêm

Mùa thu, tháng 8, ban các lô mới định. Theo quy chế cũ hành khiển ở cung Quan Triều và Thành Tử ty cùng với Nội thư hoà cục vẫn gọi là Nội mật viện.

Tu đô Văn Huệ công là Quang Triều mất (tho 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 (1326) (Nguyễn Thái Định năm thứ 3), mùa xuân, từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa

Tháng 3, Trung thư thi lang tri Thẩm hinh viện sứ Bùi Mộc Đắc mất. Trước đây, khi Anh Tông sắp băng bảo vua "Mộc Đắc trải thờ ba triều vua, là người khiêm tôn kính

cẩn, giữ gìn, học thức khả quan, nên dài cho tốt, đừng bị người ta ngăn trở". Vua nhân đây sai vẽ chán dung cất vào kho sách có ý dùng vào việc lớn, chưa kịp thăng thi mất (tho 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, duyệt định lai các quan văn võ, lấy Nôi thư hoà chính chưởng phung ngự Tạ, Bắt Cảng làm nhập nội hành khiến hành tà ty lang trung, Trần Khắc Chung làm <42b> thiếu bảo, hành Thánh Từ cung tà ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, gia phong Đông trung thư môn hạ bình chương sự. Thời nhà Trần mới dựng nước, theo lê cũ thời Lý, hàm hành khiến gia thêm hàm trung thư môn hạ bình chương sự, từ khi thượng tướng là Quang Khải ở ngôi tể tướng. Hiêm vi hàm hành khiến và tể tướng ngang nhau, nhân thế mới tâu lên đổi làm trung thư môn hạ công sự để phân biệt. Đến khi ấy vua cho Khắc Chung thăng hàm thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc hành khiến để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ trung thư môn hạ bình chương sự là theo chế độ cũ đây.

Giàng Nguyễn Trung Ngan làm an phủ sứ Thanh Hoá. Trước đây Trung Ngan ở chức ngự sử, bàn công việc trái với ý vua, cho ra làm chức phán ở châu Viên Lãng, làm chính sự nổi tiếng được thăng thiêm tri Thánh Từ cung sự. Trung Ngan tinh tinh hay sờ suất, khi Bảo Vũ vương được tháng tạo y thượng vị hâu¹. Trung Ngan lại ghi làm vào hàng tử y². Thượng hoàng thương là người có tài, hơn nữa lại do việc làm lắn, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngan thường có thơ tự phụ rằng:

"Giới Hién tiên sinh lang miếu khí.

Diện linh di <43a> hữu thôn ngưu chí.

Niên phương thập nhị thái học sinh,

Tài năng thập lục sung đình thi.

Nhị thập hữu tứ nhập giàn quan.

Nhị thập hữu lục Yên Kinh sứ"

Dịch nghĩa:

(Giới hiên tiên sinh khí tiết cao,

Tuổi trẻ có chí nuốt sao ngưu.

Đỗ thái học sinh mươi hai tuổi,

Đến năm mươi sáu đã thi đình.

Giữ chức giàn quan năm hai bốn,

Hai mươi sáu tuổi di sứ Yên Kinh³).

Người ta thường cho ông là người kiêu căng. Sau làm quan ở các sảnh, rồi được vào chính phủ, giữ tiếng tốt đến trọn đời.

Cho Phạm Ngộ làm tham tri chính sự, đồng tri thương thư tà ty sự. Khi bấy giờ, Trương Hán Siêu làm hành khiến nói ở triều đình: "Hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy an

1. Tao y thượng vị hâu: Tước thượng vị hâu mặc áo đen

2. Tử y thượng vị hâu: Tước thượng vị hâu mặc áo lụa

3. Yên Kinh: Kinh đô nhà Nguyễn. Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc

~~nhà~~ vua liên với người kham Han Siêu nói với người ta rằng "Siêu này làm trong chính phủ được chúa thương tin dung, cho nên nói thế, biết đâu lại có chuyện kham ~~sát~~". Vua nghe được nói "Hanh khiếu là chức quan ở sảnh, thẩm hình là chức quan ở viên, trăm đều tin dung, sao có thể khiến ta tin quan sảnh mà nghi quan viên?" Khi kham hỏi ra thì Han Siêu dưới lý bị phạt 300 quan tiền, liền tháng Ngô lên chức tham tri ~~ngang~~ bang với Han Siêu nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận được thời bấy giờ khen ngợi.

1 Hué Túc vương di danh Chiêm Thành <43b> không tháng rồi trở về. Vua nói: "Tiên đế tam giờ gởi mưa mai bão được vua nước ấy, quốc phu là bắc trong thân vắng mènh mà dể cho vua nước ấy là Ché Nang chạy thoát (Ché Nang chạy sang nước Trào Oa xin cứu viện) chỉ lập từ trường là A Nan làm hiệu thành a vương Nay Hué Túc chỉ là một tước vương, danh vong không thể sanh với quốc phu được, thế mà trăm ở yên trong cung, giao phó cho việc danh dẹp, muôn báu vua nước ho thi có thể dat được chàng?"

Dinh Mão (Khai Thái) năm thứ 4 [1327] (Nguyễn Thái Đinh năm thứ 4), mùa hè, tháng 5, set danh lăng tẩm quân thân ban về việc ấy. Vua ban chiếu phạt bọn Thiếu bảo Trần Khắc Chung, Hanh khiếu Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau. Ngay sau ngày set danh quân thân họp ban ở Nội nhân vẫn cuc. Trong lúc các vương hầu cùng với Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài nghỉ giải lao. Khắc Chung nói có ý khôi hài, Nhữ Hài vội bỏ đi. Khắc Chung nói xong, tất cả đều cười, bị quan ngự sử hạch tội. Vua ban chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài nói: "Trong lúc cười đua, thân <44a> đã đi rồi". Vua nói: "Nhữ Hài nghe biết đua cợt đã không ngan, lại bỏ đi vây là có ý đẩy moi người vào tội lỗi, con minh tìm cách tranh". Cuối cùng vẫn phạt Nhữ Hài.

Mùa Thìn, (Khai Thái) năm thứ 5 [1328] (Nguyễn Trí Hoà năm thứ 1, từ tháng 9 về sau là Văn Tồn Đô Thiết Mục Nhị Đại Lịch năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, giết quốc phu thương tổ Quốc Chẩn. Trước đây vua Anh Tông đã tin cây Quốc Chẩn, toan ký thác vua cho Quốc Chẩn. Khi ốm, vua ngày đêm tham hỏi ở ngoài cung, mỗi khi vào yết kiến thì cho cung vào với Quốc Chẩn, muôn để cho không có sự hiềm nghi, đến khi đó vua ở nghỉ đã lâu, tuổi đã cao mà người nói ngồi vẫn chưa định được. Quốc Chẩn tư cho mình là bắc đại (bản nhân) lợi di chuc, hòn nứa lai là cha sinh ra hoàng hậu nên cứ giữ ý mình cho là phải đợi hoàng hậu sinh con đích rồi mới lập thái tử. Cương đồng Vạn Hiến hâu (không rõ tên) là con của Thái sư Nhật Duật muôn lát đổ hoàng hậu mà lập hoàng tử Vương, mới đem 100 lạng vàng đến hỏi lộ cho gia thân của Quốc Chẩn là Trần Phẫu, báo no vu cao Quốc Chẩn và việc mưu lam phản. Vua tin theo, đem giam Quốc Chẩn ở chùa Từ Phu, rồi đem việc do hỏi <44b>. Thiếu bảo là Trần Khắc Chung. Khắc Chung cung bê dang với Vạn Hiến và mẹ hoàng tử Vương cung là người Giáp Sơn, đã từng day hoàng tử Vương học, bèn trả lời: "Bắt hổ thi dể, nhưng thả hổ thi khó". Vì thế vua cảm không cho Quốc Chẩn ăn uống, bắt phải từ từ. Hoàng hậu phải lấy áo tắm nước cho Quốc Chẩn uống, uống xong thì mất, truy bắt đông dang cũn Quốc Chẩn hơn 100 người, mỗi lần xét hỏi thì người bị xét phản nhiều kêu oan. Mấy năm sau vợ cả vợ lẽ của Trần Phẫu ghen nhau đem việc Vạn Hiến hỏi lộ vàng tấu lên vua. Vua giao xưởng cho ngục quan là Lê Duy, xét hỏi Lê Duy là người cương trực. Ngày ngay hôm ấy đem việc xét xử Trần

Phẫu phai tài lảng trai¹ Chưa kịp hành hình thi già nô của Thiệu Vũ (không rõ tên) là con của Quốc Chẩn đã nhai sống ngay thịt của Trần Phẫu Văn Hiến được miễn tội chết giang làm dân thương, xoá tên trong số.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Ngôi thai từ la gai của nước không thể không lập sớm. Phản chính dịch thi chí thư không thể can dự can. Vua ở ngôi đã lâu, con thư đã lớn rồi <45a> mà con cả chưa sinh thi làm thế nào? Tông quyền là dược Đời con cả la dao thương, lập con thư là tòng quyền. Khi nào con đích sinh ra lớn lên thi già phong con thư tước vương, còn ngôi thai từ trả lại cho con đích, ai bảo là không nên? Có người nói: "Nhờ không may, vua cha mất trước thi nguy đấy". Tra lời rằng: Cán thân những lời dạy thương ngày, nhân rõ những lời trong di chúc chọn người bê tôi trung thành với xá tắc, để gửi dứa con cõi thi không còn lo lắng gì. Hướng chỉ vua Minh Tông ban thân đã ô vào cảnh ấy rồi, tất nhiên sẽ giải quyết được thoả đáng. Quốc Chẩn là người cầu nể, không linh hoạt để cho bon gian thân thua cơ gieo va. Thát đang thương thay! Kinh Dịch có câu: "Quan kỳ hối thông di hanh diện lẽ" (xet co hối hợp biến thông, để thi hanh diện lẽ). Có lẽ Quốc Chẩn chưa từng được nghe. Nỗi oan ấy không thể không làm sảng tỏ. Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua đặt lên chức sứ bảo để hỏi việc nước, lè ra phái hết lòng trung thành, nhân lời dạy bảo để cho vua minh được như vua Nghiêu của Thuần mơi đúng, thế mà lại phu hoa với bon quyền quý hai người trung chính, <45b> be dáng với bon gian ta, đầy người lương thiện tội nỗi oan khiên, hami hai vua minh vào việc sai lầm. Việc ấy con nhân tâm lam được thi con việc gì mà không nhân tâm làm. Sau này lại xin vua di danh Chiêm Thành, để tống công, thi thói nịnh bô lại hiện ra đây. Cho nên người làm vua muôn dung người giỏi, hẳn phải xét cho kỹ, vì sợ rằng có kẻ tiểu nhân như bon Khắc Chung có thể lọt vào trong ấy đây.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Những việc làm thông thương thi gọi là "Kinh". Đến khi gặp việc làm không dùng lời thông thương được, thi phải dùng phép tòng quyền. Nhưng tòng quyền mà hợp với dao lý thi cũng không trai với "Kinh". Việc lập thái tử dùng người con đích là "Kinh", dùng người con lớn hoặc dùng người con hiền tử là tòng quyền. Vua cha tuổi cao, con đích chưa sinh ra, mà con thư đã lớn thi không thể bỏ trống ngôi thái tử để chờ đợi được. Hoàng hậu sớm muộn có sinh con hay không? Chưa dám chắc được. Xá tac là trọng, kể gì con đích rọi con thư Ngôi thai từ nên ổn định không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu sau khi đã lập thái tử con đích mới sinh <46a> ra tiếng tốt đẹp về 3 điều thiên – đã rõ ràng, tiếng ca tung bốn bề đã tràn ngập, lè nao mới thoát thai còn ở trong nôi bồng chót thay gửi quyền tri nước, tri dân, làm thay đổi ngưỡng vọng của thần dân hay sao? Thái si nhà Thương nói: "Có con của vua cá, không lập con của vua lê, vua Đέ Át không biết gì, bị niê hoặc nên dong dòi nhà Thương bị mất; vua An Công nước Lô vì xung la nghiệp vi mà bị Hoàn Công giết, làm cho nước Lô suýt bị loạn. Tu sửa đến nay, thi

1. Lảng trai là hình phạt nặng, người chịu hình phạt này bị chặt chân tay, mài gân ruột cho tan nát có thể

2. Ba điều thiên: Theo thuyết đạo Phật, Bộ thi, tư tâm, tin tuệ là ba điều thiên

khoảng con địch, con thứ người thì vì danh phán không dùng dàn, người cho vì xử tri sai trai dàn nỗi bị bại vong không sao kể hết. Sí Lién lại bảo rằng: khi con địch sinh ra lớn lên, thi con thứ được phong rồi trả lại ngôi thái tử cho con đích. Lại cho rằng không may vua cha mất, lấy lời trong di chiếu, dàn di mệnh phó thác đưa con cõi để thay đổi. Nói về nhân tình đã không hợp, về lý cũng không đúng. Vì như người đưa binh khí cho đánh nhau mở ra sự rối loạn dàn đèn chở diệt vong. Khổng Tử nói: "Một lời nói làm cho mất nước". Người bán bắc không nên cầu thả là như thế đây. Con như Quốc Chân thi chết mò tối. Khác Chung thi sống vu vơ, chẳng dang truyền miệng làm gì.

Sach lập hoàng tử Vương làm đồng cung thái tử. Phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tinh đại vương

Kỷ Ty [Khai Thái] năm thứ 6 [1329] (từ tháng 2 trở về sau là Hiến Tông Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, sách phong đồng cung thái tử Vương làm hoàng thái tử, truyền ngôi. Vương lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu Đại xa cho thiên hạ. Tôn thương hoàng là Chương nghiêу văn triết thái thương hoàng đế. Lê Thanh hoàng hậu là Hiến Từ thái thương hoàng hậu (Hiến Từ có bản chép là Huệ Từ). Quản thân đáng tôn hiệu là Thể nguyên ngự cực đức thánh chí hiếu hoàng đế.

Rước thương hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các hoàng tử ngồi hầu, Thượng hoàng thương bàn đến các nhân vật trong triều đình. Thái bảo Uy Túc vương Văn Bích nói: "Phàm bàn đến những nhân vật để dạy hoàng tử chỉ nên bàn đến người thiện còn người ác thì bỏ đi, sợ hoàng tử nghe được <47a> rồi có thể có người bát chược!" Thượng hoàng nói: "Người thiện người ác đều phải để so sánh, không thể bỏ bên nào. Nếu con ta quá là người hiền thì nghe thấy điều thiện tất sẽ theo mà học, nghe thấy điều ác hàn phai ghét mà tránh xa. Thiện hay ác đều có thể học được cả. Nếu con ta không phải người hiền, thi dơi gi gắp kẻ ác rồi sau mới làm điều ác, như vua Thái Khang⁽¹⁾ thất đức là vì các vua trước chơi bời mà Thái Khang bát chược hay sao? Tuỳ Dương Đế mòn thi nói dao đức như Nghiêу, Thuân, nhưng việc làm lại bao ngược như Kiệt, Trụ. Vậy là ông ta thày điều thiện mà bát chược dở cháng? "Uy Túc giáp đầu khen là phải. Lại một ngày khác mời Huệ Túc vương vào tẩm điện. Thượng hoàng đang ăn chay, Huệ Túc vốn ghét Phật lão, nhân đó mới nói: "Thần không biết ăn chay có lợi ích gì?" Thượng hoàng đoán biết ý của Huệ Túc vương bèn nói: "Cha ông ta thường ăn chay cho nên ta bát chược mà thôi. Con lợi ích thì ta không biết". Huệ Túc im lặng rồi lui ra. Có bồ tát tên là Hiệu Khả khen Thượng hoàng giỏi hơn vua Anh Tông. Thượng hoàng đổi sắc mặt mà nói: "Cái người khen người ta mà bảo <47b> người ta hơn cha thì người đó vốn là bát hiếu với cha", vì Hiệu Khả không biết làm cho cha mẹ vui lòng cho nên Thượng hoàng nhân đấy mà đe ran

Sử thân Ngõ Sí Lién bàn: Câu nói đó của Minh Tông, tuy lúc đó vì Hiệu Khả mà nói ra, nhưng trong lòng giữ trung hậu, đó cũng có thể thấy được,

¹ Thái Khang: Vua nhà Hán, chơi bài vô độ. Sau bị Hầu Nghê đuổi

² Tuỳ Dương Đế là tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, sau bị giết

Phong Tả thánh Thái sư Nhật Duật làm đai thương⁽¹⁾

Mùa đông, Thương hoàng đi tuân thủ dao Đà Giang, thân đi đánh Man Ngưu Hồng cùng với Mật Dao vào châu, nhà vua cho về, đến lúc ấy làm phản, cướp bóc đất Đà Giang, lai mưu cướp nhà Hoài Trung. Thương hoàng bèn thân đi đánh, Trần Khắc Chung can rằng: "Đà Giang là miên đất nhiều khi độc lại thêm ghènh thác chảy xiết không lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có khe độc, và lai các bắc dẽ vương đời trước thân đi đánh, phản nhiều bắt được vua nước ấy, nên không gì bằng đem quân đi đánh Chiêm Thành" <48a>. Thương hoàng nói: "Trẫm là cha mẹ của dân, nếu thấy dân rơi vào cảnh làm than thì phải cứu nguy, há còn phải đán do khó dẽ, thiệt hơn hay sao?". Khắc Chung lạy ta nói: "Lòng độ lượng của bậc thánh vương bao la rộng lớn, kẻ ha thân này không theo kịp được".

Thương hoàng sắp đi đánh Ngưu Hồng, người trai Chiêm Chiêu đến cửa khuyết xin dâng thư, hứa đem cả trại ra hàng thì khắc phù⁽²⁾ làm tin. Thương hoàng đang muôn trèo lên thành của trai ấy, bắt chước việc trước đây Hán Vũ Đế lên đài của vua Hung Nô. Đến khi đi đánh, cho Chiêu Nghĩa hầu Phụ Minh lính quân theo đường Thanh Hoá để tiếp ứng cho quan quân ban du rằng: "Người trai Chiêm Chiêu đã có ước hẹn đầu hàng, phải đợi quan quân đến nơi không được hành động liêu". Thương hoàng đến Mường Việt⁽³⁾ đóng quân lại, ban cho tên đất ấy là phủ Thái Bình. Ở đây có suối Bác Tử cho đổi tên là suối Thanh Thuỷ. Khi Chiêu Nghĩa hầu đến Chiêm Chiêu, muôn lập công ben ra đánh, bị thua. Tuyên Uy tướng quân Vũ Tư Hoành cố sức đánh, bị chết tại trận. Thương hoàng nghe tin nói: "Đã làm rồi". Nhưng cuộc hành quân ấy Thương hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, tiếng tăm vang dội. Ai <48b> Lao nghe tin, tư tan vỡ, Thương hoàng kéo quân trở về (Thương hoàng về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng nước. Thuyền phần nhiều bị húc vào hoặc châm phái Nghe nói thân sông ấy là Phụ Vũ đại vương. Thương hoàng ngầm khán rằng: "Thuyền ngự đi được yên ổn thì sẽ khen thưởng". Sau Hưng Hiếu vương đi đánh người Man ở Đà Giang, đỗ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần đến báo mộng: "Chưa được gia phong" Thương hoàng bèn phong thêm cho hai chữ đê tờ sự linh ứng).

Cho Vũ Nghiêu Tá làm nhập nội hành khiển môn hạ hữu ty lang trung. Nghiêu Tá cùng với em là Nông, khi Thương hoàng còn ở ngôi vua, anh em cùng thi đậu một khoa, cùng nổi tiếng về văn học. Nghiêu Tá làm hành khiển đồng tri nội mật viện sứ. Đến nay trao cho chức ấy.

HẾT QUYỀN VI BẢN KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIỂN

1. Đại thương: ĐVSKITT chép: Đại vương.

2. Phù: Vật để làm tin, thường bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên giữ một nửa. Khi cần ghép lại.

3. Mường Việt: Nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYẾN VII

HIẾN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huy là Vương, con thứ của Minh Tông, mẹ đẻ là Hiển Từ Tuyên Thanh hoàng thái hậu, mẹ dέ là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị, ở ngôi 13 năm, tho 23 tuổi, chôn ở lăng Xương An. Vua từ trời thông minh sáng suốt, gặp ván thái bình, nhưng ở ngoài không được lâu chúa thay làm được gì, đang tiếc thay!).

Canh Ngo, [Khai Hưu] năm thứ 2 [1330] (Nguyên Chi Thuân năm thứ 1), mùa thu, tháng 7 Thuân Thanh Bảo Từ hoàng thái hậu băng¹ ở am Mộc Cáo áp Yên Sinh. Thái hậu tinh người nhân từ, yêu quý các con vở thứ như con mình sinh ra (công chúa Thiên Chân là thái hậu sinh ra, công chúa Huệ Chân là thứ phi sinh ra mà thái hậu vẫn rất yêu quý). Mỗi khi cho thứ gì thì đều cho Huệ Chân trước rồi sau mới cho Thiên Chân, dãi ngó các cung tần càng có ân hué (trong cung có nữ quan là Vương thi được vua yêu có thai). Thái hậu cho Vương thi đέ ở nhà Song Hương² (trong chính tấm) Thái hậu không vì ơn riêng mà lam cho chức tước (me của thái hậu là Bảo Huệ quốc mẫu thường xin cho cháu gái Nguyên Huy vào cung làm cung phi, tàu lên thái hậu không đồng ý). Người đương thời <lb> khen là đứng đầu các báu mẫu đức. Từ khi rước linh cữu của Anh Tông về tang ở Yên Sinh, thái hậu ăn chay tư giữ gìn, không chịu thu giới của nhà sư, bà nói rằng "Tú khi tiên đế băng, ta không thể nhìn thấy mặt nhà sư hoặc nói chuyện với nhà sư, chỉ an chay, an chao sòng khô hanh đế báo đáp ơn đức lớn như trời của tiên đế mà thôi, sao cù phái theo đạo Phật làm gi". Thái hậu ở núi 10 năm rồi băng.

Tả Thánh thái sư Chiêu Văn vương Nhật Duật mất. Nhật Duật là người biết về sử sách, thông hiểu điển lễ, hiếu ám luật, người đương thời khen ông là người học rộng nhưng chế tác trong triều đình phân nhiều do tay ông làm (vua Anh Tông có hai cái mũ vỗ dung đổi khi duyệt quân và khi giảng võ, nhưng chưa biết đặt tên là gì, sai Nhật Duật đặt tên cho Nhật Duật ben đặt một cái là Vũ uy một cái là Vũ đức. Nhà học của dòng cung thái tử gọi là Nhật Toát trai, nhà học của hoàng thái tử gọi là Tu Thiện dương, đều do ông đặt tên cả). Nhật Duật rất thông hiểu ngôn ngữ các phiên bang. Đối với khách nước Tống, ông có thể ngồi đàm luận suốt ngày. Người Chiêm hay người các xứ Man và

1. Hiển Thành Hưu Tú là vú của Anh Tông, mẹ đẻ của Minh Tông

2. Song Hương Phong ngự của thái hậu

sứ của nước Sach Ma Tich đến. Ông đều theo quốc tục của họ mà tiếp đãi và nói chuyện với họ. Vua Nhân Tông thường khen Nhật Duật là kiệt sau của các bô lục người Phien.

Khi tiếp sứ nhà Nguyên thì Nhật Duật không cần người phiên dịch, đặt tay nhau vào quán cùng ngồi uống rượu vui vẻ như bình thường. Sứ nhà Nguyên nói: "Ngươi là <2a> người Chân Định ⁽¹⁾ đến làm quan nơi đây chứ gì?" Nhật Duật bắc lạy, nhưng họ vẫn không tin. Ông càng giỏi về nhân định tinh thê địch. Cuối đời Thiệu Bảo ⁽²⁾, ông coi giữ Tuyên Quang, giặc Nguyên xâm phạm trại Thu Vật. Nhật Duật men theo dòng nước đi xuống, nhìn thấy quân giặc đuổi theo ở hai bên bờ sông, di từ từ, ông biết ở hạ lưu tất có quân giặc chán ngang với sai người dò xem, quả đúng như vậy, ông liền dẫn quân lên bờ. Mưu của giặc cuối cùng bị bóc. Chiến dịch ở Chương Dương là chiến công hàng đầu năm Trung Hưng ⁽³⁾. Ông là người độ lượng rộng rãi, mừng gián không ló ra net mắt, không làm theo những người thịnh thác. Ông mất năm 77 tuổi. Ông là bậc thân vương cao quý trải thờ bốn triều vua, ba lần coi giữ trấn lớn, ở nhà không ngày nào là không mở cuộc đàm hàn bảy trò chơi, có người ví ông như Quách Tử Nghi ⁽⁴⁾ thời Đường.

Trần Khắc Chung mất tăng hàm thiếu sứ. Khắc Chung là người kiêu cách nhò nhen mà làm ra vẻ càn mẫn cẩn thận. Mỗi buổi sáng vào châu thường nghỉ tam ở cục Thương Liễn, cửa Vĩnh Xương, xem kỹ số tâu để chuẩn bị tâu báy. Khi tan châu thì đến đông cung (khi đó Minh Tông còn ở đông cung) để dạy học vì thê mà giữ vững được chức quyền <2b> và được vua yêu. Về duc hanh thì cuối cùng vẫn không che dấu được. Khắc Chung thường cùng với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố danh cầm, hàng mày ngày liên, đến nói ngồi ngay ở bàn cờ mà ăn cháo, không nghỉ chút nào, được thua một vài quan tiền cũng có làm bạn bè có việc mờ tiệc đầy năm cho con hoắc mừng nhà hoàn thành hễ mới là đến. Nhà thày thuốc có nhiều món ăn cũng mờ đến, quân lính thết dài ăn uống thì khen và họ để nịnh Cha me nàng Bảo Hoàn vợ của Khắc Chung vào khoảng năm Trung Hưng đầu hàng giặc ruồng dát tài sản đều bị sung công. Khi vua lên ngôi ban chiếu trả lại cho, nhưng Khắc Chung vẫn không dùng vào việc thờ cúng, càng bi bắc thức giả xem khinh. Duy chỉ có một việc cầu hoà với nhà Nguyên là làm được, cho nên người ta khen là người giỏi. Dưa về chôn ở Giap Sơn. Gia nô của Thiệu Võ bẩm nát xác của y ra.

Sử thân Ngõ Thi Sí bàn: Khắc Chung có lẽ đã làm nhục Huyền Trần công chúa, gian ác như con chồn trên xà nhà, mưu đồ giết hại Quốc Chân và lôi tan ác như con cáo ngầm cát phun người. Cuối dùa voi thiên tai là không biết so trời, để lôi cho Long Vương làm đại hạn là khinh nhơn cả quỷ thần. Net tâm thuật <3a> không dung đán. Hỏi về điều hoà ám dương thì không công trùng, chỉ làm hau ha nhanh nhẹn. Về tài thì như có thể đang yêu. Tàu bay can kè, tai nai ra để nghe. Cho nên vua khi ấy rõ cuộc không biết được cái gian của nó, thân voi no trong nai.

1. Chân Định: Một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

2. Thiệu Bảo: Niên hiệu đầu Trần Nhân Tông (1279 - 1293).

3. Trung Hưng: Niên hiệu đầu Trần Nhân Tông (1285 - 1293).

4. Quách Tử Nghi: Người thời Đường. Ông từng làm quan đến Thúy uy trung thư lệnh dưới phong Trần Dương quân vương.

man truong cho no o ngoi te tung trai tho 4 trieu vua duoc giao sang tron doi. Dung nhu cau "Lai noi khao leo ve mat hon hon thi it co nguoi nhien". Tinh co xao khong biet xau hoi ma nguoi doi con khen la boc hiem tai, hon nua vi the ma dia vi duoc vinh hiem thi nguoi ta khao ma biet. Nhung sau khi chet thi bi hinh nhuc lamtoi an cua ngan xua, nua doi nguoi cau nay cung khong du de chuoc loi, cung nhu Ly Lam Phu ¹ bi bo quan tai bi danh vao thay deu la dieu ran cho ke dam ac. Kinh Dich noi khong chua dieu ac thi khong du de diet than. Ke tieu nhien lam dieu ac qua co ich gi?

Tan Mui. [Khai Huu] nam thu 3 [1331] (Nguyen Chi Thuuan nam thu 2), nhà Nguyen sai Lai bo thuong thu Tan Chi Ngoa sang hao vien Van Ton len ngoi

Sai su than la Doan Tu sang Nguyen tien cong va mung vua Nguyen len ngoi. <3b>

Nham Than. [Khai Huu] nam thu 4 [1332] (Nguyen Chi Thuuan nam thu 3), mua Xuan, thang gieng, phu tang Thuuan Thanh Bao Tu hoang thai hau o Thai Lang. Truoc day thuong hoang sai quan chon ngay chon cat, co nguoi bac di rang: "Nam nay chon cat han phuong hai den te chua". Thuong hoang sai hoi nguoi ay rang: "Nguoi biет sang nam ta chet hay sao?" Ho tra loi: "Khong biет". Thuong hoang noi: "Nếu nhu sang nam chac chan ta chua chet thi co the hoan vien chon cat nau hau. Nếu nhu sang nam ta chet mà vien chon cat nau hau da xong, chang hon la chet mà khong lam duoc vien do hay sao? Xet vien tot vien xau theo le, phai chon ngay la vi coi trong vien ay day, ha phai nhu cac nha am duong cua phai cau ne vao hoa hay phuc dau?" Cuoi cung van lam le an tang

Su than Ngo Si Lien ban: Xua kia dua tang vua Dai Tong thai Duong, vua Duc Tong thay xe tang khong di theo duong chinh mà lại di tranh khoang giữa huong Dinh ² va huong Mui ³ vua hoi duyên co tai sao? Cac quan tau rang: "Be ho ban menh o huong Ngo". Vua noi: "Sao lai de xe tang di trai huong de mieu loi cho nunh?" Lien truyen menh <4a> cho xe tang theo thang huong Ngo mà di. Nay vua Minh Tong bac bo loi noi cua nhung nguoi ban luon, de lam xong vien chon cat Bao Tu hoang thai hau tat ca deu do long hiu thao ma suy ra, khong me hoac vao hu tuoc, co the goi la boc vua gioi day. Xua kia, thien tu bang 7 thang thi chon cat. Trong nua deu den vieng. Tu vua chur hau tro xuong thi gianh dan tung boc, khiem ho phai lam du moi vien, chuan bi du thi lam duoc hoan thanh, hoan thanh thi de co van suc, van suc du thi lam duoc hoan bi. Hoan bi cac vat va tan le tuc la chon duoc ngay tot, chur dau co cau ne ve ngay thang gio. Vua nua chur hau thai Xuan Thu, cong vien va suc nguoi la cua ca nua thi lam gi chang xong. Nhung ngay Ky Suu mua khong chon cat duoc thi giua ngay Canh Dan se chon cat, ngay Dinh Ty mua khong chon cat duoc thi xem chieu ngay Mau Ngo se chon cat. Xet ra, sai mot ngay thi cuc tu tru da bien chuyen roi. Nua thinh hay suy, ngoi vua dai hay ngan khong quan he gi den vien do. Tu thai Tan thai Duong ve sau, nhà phuong thuat

1. Ly Lam Phu: Tieu thiet thet Duong, cau ket voi hoan quan, phi, tan, à trieu 19 nam.

2. Huong Dinh: Huong dong nam

3. Huong Mui: Huong tuy nam

đặt ra thuyết khen chon, xuyên tac lung tung đến hơn vài chục nha, một ngú hanh mà người no người kia nói không giống nhau. Cùng một hương nái <4b> mà xâu tốt đều khác nhau, đến nỗi có những thuyết diệt mòn thích huyệt, khác san già áp té chù, để doa nát người doi. Kè mào tối bị mê hoác. Có người định việc chôn cất bồ me đến hang nám, bỏ dát tốt để theo hương, chia ra phòng bị nhiều mà kiêng kỹ cũng nhiều, quên bồ me mà cầu lợi cho mình, bỏ lẽ để cầu phúc, nhưng mà hợp khieu hợp mā, tam kỳ tam bach, từ vi loan giá, bác thân hành nha. Bao nhiêu khoa tốt cũng chưa từng làm phúc cho người bất hiếu. Thời cầu nê vê ám dương. Minh Tông bài bác đều không dừng và quyết thi hành. Vai cầu hỏi vẫn thực dù để dập tan sự mê hoác của bọn làm nghè mè tin. Bác đe vương còn như thế huống chi là dân thường? Sau khi chôn cất Bảo Tư hoàng thái hậu, Minh Tông vẫn được vô sự. Thế có thể biết được việc chọn ngày nghiệm hay không đấy. Bảo Tư hoàng thái hậu băng, đến khi ấy đã ba năm mới chôn cất. Kỳ han xáy lăng mộ của nhà Trần phân nhiêu không nơi theo lẽ, đó vốn là một sai lầm đấy.

Thang 3. cho Nguyễn Trung Ngan làm Nội mât viên phó sứ, nắm sổ sách nội sảnh cung Quang Triều

<5a> Mùa thu, tháng 7, cho Nguyễn Trung Ngan làm tri thẩm hình viên kiêm an phủ sứ Thanh Hoá. Nguyễn Trung Ngan lập ra Bình Doân đường để xét xử việc kién tung không ai bị oan.

Quý Dậu, [Khai Hựu] năm thứ 5 [1333] (Nguyễn Thuận Đế Thoa Hoan Thiên Mục Nhi Nguyễn Thống năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đối to.

Giáp Tuất, [Khai Hựu] năm thứ 6 [1334] (Nguyễn Nguyễn Thống năm thứ 2), mua xuân, đặt thêm chức tả hữu chinh ngôn tham nghị ở Trung thư.

Thương hoàng thân di đánh Ai Lao, Ai Lao chạy chôn xa, bèn rút quân Thương hoàng di tuân thủ đạo Nghệ An rồi thân di đánh Ai Lao. Cho Nguyễn Trung Ngan làm Thanh Hoá phát vân sứ chuyển lương di trước. Khi xe vua đến Kiêm Châu¹¹, thanh thê quân lùng lẫy, quân Ai Lao nghe phong thanh bỏ chạy. Thương hoàng ban chiếu cho Nguyễn Trung Ngan mài vách núi ghi chiến công rồi về

Át Hợi, [Khai Hưu] năm thứ 7 [1335] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 1), nhà Nguyễn sai Thương thư là Thiếp Trụ sang báo việc vua Nguyễn lên ngôi và ban cho quyền lich (sách cũ chép Thương thư Thiết Trụ là sai)

Mùa thu, tháng 9, Thương hoàng thân di đánh Ai Lao bị thua. <5b> Đoàn Như Hải bị chết đuối. Trước đó từ Kiêm Châu keo quân trở về. Thương hoàng lai bàn di đánh Ai lao nhưng không thực hiện. Đến khi ấy lai bàn, thân di đánh Ai Lao nhưng Thương hoàng bị đau mắt, có người xin hoán việc tiến quân, Thương hoàng nói: "Nam ngoai đã định di đánh nhưng không thực hiện, năm nay lai vì đau mà hoán việc tiến quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhát, nếu giặc Phương Bắc đến xâm lược thì ta nhờ cây vào đâu?" Ben quyết

¹¹ Kiêm Châu là đất huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An

chi thân di đánh, bệnh đau mắt cũng khởi. Đến Nghệ An, mắt lại đau. Thương hoàng ngồi thuyền gắng sức mà đi, khi lên bờ bệnh mới khỏi. Khi đó Nhữ Hải quân lính quan Thân Vũ và Thân sáu, kiêm chức kinh lược đại sứ ở Nghệ An. Vì Ai Lao xâm lược Nam Nhung¹¹ là áp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hải làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy. Nhữ Hải chỉ đem quân thám vũ và quân Nghệ An đi, vì Nhữ Hải nghi quân Ai Lao chiếm cứ Nam Nhung ít lại yêu, đánh tất sẽ được, và trai của họ đóng ở gần sông lớn Tiết Lai¹², sau khi đã đánh được, bắt tù binh của họ theo dòng nước xuôi xuống. Đi qua Chân Lạp và các phiên bang đều phô trương uy thế của quân đội, nhân đó du báo con em các nước ấy. «**6a**» sang triều công. Nhữ Hải muốn lập công lớn để lấn át các người ngang hàng với mình. Đến khi đánh nhau, mây mù che kín, trời đất tối đen, giặc đã phục sán, voi hổ bốn đánh kẹp lại, quan quân ta bị thua lớn, ngã xuống nước chết đến quá nửa, Nhữ Hải cũng chết trong đó. Thương hoàng nghe tin nói: "Nhữ Hải dùng mưu tất thắng, thua theo tất thắng gần thành công cuối cùng bị gục như mồi. Nhữ Hải không phải người không biết liêu tinh thủ quân địch, nhưng vì muốn làm to quá nên bị như thế đây thôi. Thê mệt hiết sự kỵ vong của con người không nên làm quá giới hạn của mình".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: trận đánh nhau ở Thành Bộc¹³, Từ Ngọc có mưu quyết thắng mà cuối cùng lại bị thua là vì bị Võ Công nhử mồi dây. Trận đánh nhau ở Nam Nhung, Nhữ Hải có mưu quyết thắng mà cũng bị thua là vì bị Ai Lao nhử mồi dây. Hai vị tướng ấy ha phải là không có tài lược mà đến nỗi như thế đâu, chỉ vì kiêu căng mà chuộc lấy sự thất bại đó thôi. Không Từ nói: "Lâm sú nhí cù, hiếu mưu nhí thành" (gộp việc thì lo nghĩ, khéo mưu tính thì thành công). Điều then chót của việc chiến tranh không điều gì lớn hơn điều ấy. Hả có người làm tướng mà «**6b**» kiêu ngạo lại thành công được sao.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Nước Ai Lao khi đó không hiềm khích về biên giới, Minh Tông muốn phô trương uy thế để cướp thành. Một lần đánh Ngưu Hồng, rồi lại ra Kiếm Châu mà không thành công, đến khi ấy lại bắn thân di đánh dẹp thi mệt bì đau, có thể thôi được, thế mà lại không theo lời can ngăn trung thực, cứ quay đầu mà đi. Người xưa có câu: lấy tay mà giắt ắt được thiên hạ, nhưng tay bị lòn phết thi không giắt được, là vì cánh tay nặng hơn thiên hạ đây, huống chi người có tài ba tốt đẹp mà lồng pha gio bụi ngoài muôn dặm, để mưu cầu lấy nơi đất không cây cỏ được và bắt gióng người khoai quản làm bệ tội. Suy tính phân được phân mất, bên nào nhẹ bên nào nặng. Nếu có sự tinh toán trọn vẹn muôn phân cung con không nên, huống chi là chỉ cầu may mà khó nắm chắc được. Rốt cuộc khuyên cho quân nanh vuốt của mình bị giết, người tâm phúc của mình bị chết, dai hại rỗi rò, bi hon mợ ro nhô mòn khinh nhòn, còn không biết hối hận, lại cho là việc quá lớn mà đã lời cho bệ tội của mình, như thế ha chẳng phải là sai lầm hay sao? «7a**» Lời răn của sách Lào Tứ là "chỉ dung bình", lời dạy của sách Quắc Ngù**

11. Nam Nhung: tên áp theo huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An ngày nay

12. Sông Tiết Lai: Dãy núi Trường Sơn, có tên là một khúc đường lưu cùi Sông Lam ở khoảng cửa Rào Cát, giáp với đèo đầm Trung Quốc. Trận đánh ở thành Bộc là trận đánh giữa quân Tần và quân Sở

là "giáu kín việc vồ" người làm chủ nhà nước không chăm việc can qua là tốt đây

Khoái hộ tướng quân Đỗ Thiên Hu mắt. Khi Thương hoàng đi đánh dẹp thi Thiên Hu cai quản quân Khoái hộ (tức quân Thành sách) đang bị ôm nang. Thương hoàng bao ở lại phía sau, Thiên Hu sai người nhà khiêng đèn ngoài cửa Vinh An, cố xin theo hầu vua và nói: "Thần thà chết ở ngoài cửa đình chứ không chịu chết nơi giường đêm. Thương hoàng khen ngợi ý chí bền cho theo. Vào đến đất của giặc thì mất. Thương hoàng than thở thương tiếc ban sắc cho dùng nhạc thái thường để cúng tế (khi đó dung nhạc thái thường) trong việc cúng tế chỉ có quan hành khiến được dùng, còn quan thẩm hình chỉ dùng lê tế chay nói. Thiên Hu được dùng nhạc thái thường có lẽ là ân đặc biệt đây. Sau Nguyên Dũ mất cũng cho như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Ké tiểu nhân nhán thấy lời thi đến, thấy hai thi lui, chỉ cầu mong vita y minh là được. Cho nên có kẻ gắp việc thi tu chối vì kinh, có kẻ dương là <7b> quan mà thac có này có khác, ít có người khoai quản làm bẽ tội. Suy tính phân được phân mất, bén nào nhẹ bén nào nặng. Nếu có sự tinh toan tron vẹn muôn phân cũng còn không nên, huống chi là chỉ cầu may mà khó nắm chắc được. Rốt cuộc khiên cho quân nanh vuốt của mình bị giết, người tam phuc của mình bị chết, đại bại rôi về, người sot sắng đến việc của nhà vua. Thiên Hu đang bệnh nặng, Minh Tông sai dế lai phía sau, theo thương tình người ta thi chàng qua vang mènh là xong, lại cố xin dì hầu vua, không muốn chết ở nơi giường đêm. thế thì suy nghĩ của Thiên Hu chỉ sot sắng đến công việc của nhà vua, ha chàng làm cho những kẻ sơ khó phải hổ then hay sao?

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Thiên tử thi gương đau mà xuất quân, tướng quân cũng gặng đau mà theo hầu, đáng gọi là người bê tôi tận trung không nghi dến minh đây. Nhưng quân sĩ một phen bị diệu tan ở chiến trường, thảm viêng không thể hết được. Như thế cũng ngang với chết, sao không liêu chết mà can ngăn để đến nỗi vua khó nhọc mà ba quân tốn hơi. Nếu như vì ngắn trót việc quân mà bị giết chết, thi chết vì lỗi can trung nghĩa chẳng hơn là chết mà hai đến sự dùng cảm hay sao? Tuy vậy, nhưng Thiên Hu chỉ là một gã học trò. O đời vẫn có người đem chôn vào túc trực, vắng nhà chỉ 1 đêm, là cứ nhìn và nói chuyện mãi không thôi được. <8a> Huống chi một sớm một chiều nhâm mát cảm tám di hàng van dâni, xem cai xác này không đáng luyến tiếc. Nếu không phải người siêu viet, khác với thương tình, và sự sống thác không bén vào lòng thi sao được như thế. Ôi! Chết nơi giường đêm thi ngại ngùng, mà lấy da ngựa bọc thây thi lai hàng hai. Thiên Hu thực đang là hiếp sĩ vậy!

Khi đó Thương tướng Phạm Thương Cối tình người hoà nhã, chưa từng tranh cãi với ai. Trần Ngõ Long từng xem thường. Thương Cối cũng không để ý. Đến khi danh dẹp lập nhiều chiến công, cũng không vì có công mà xem mình hơn người. Thương hoàng thường nói: "Thương Cối khép mình gần giống như Quách Tử Nghi ¹¹ đây".

1 Quách Tử Nghi: Người đất Trinh thời Đường là người giỏi về vũ thể gần 30 năm làm thương Tướng trai 4 triều vua từ Đường Hiển Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, công to nhất thời đãi giữ nhà vua không có ai cao nhât triều mà mọi người không ghét

Mùa đông, tháng 10⁽¹⁾ đông đất.

Bình Tý, [Khai Hưu] năm thứ 8 [1336] (Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Thương hoàng từ Ai Lao trở về

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, con của Thương hoàng là Hạo sinh (tức Dụ Tông).

<8b> Dinh Sửu, [Khai Hưu] năm thứ 9 [1337] (Nguyễn Chí Nguyên năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, con của Thương hoàng là Kinh sinh (tức Duệ Tông).

Sát danh đinh Át Văn, điện Thuy Chương.

Sao Chổi mọc ở phương đông bắc.

Duyệt định lại các quan văn võ và đặt ra thuộc viên ở các sảnh viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy con gái trưởng của Huệ Túc vương là Hiền Trinh công chúa làm thân phi

Tháng 9, ban chiếu cho các quan trong ngoài khảo xét lại các thuộc viên của mình, người nào có giấy cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi ra

Cho Nguyễn Trung Ngan làm an phủ sứ ở Nghệ An, kiêm Quốc Sứ viện giám tu quốc sử, làm tào vận sứ lộ Khoái Châu. Trung Ngan kiến nghị lập kho vận chuyển đường thuỷ, chứa thóc tơ ruộng để chẩn cấp cho dân nghèo. Ban chiếu cho các lộ phòng theo thể mà làm.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: *Dày là cái ý của người xưa lập ra kho thường bình, Trung Ngạn suy ra phòng theo mà kiến nghị lên, Minh Tông cũng làm theo. Có thể nói là chính sự hay dày. Nếu khi bình thường không tích trữ sẵn, một khi gặp năm mất mùa dân đói. Về sau mới hạ lệnh cho nộp thóc, lấy <9a> tiền của dân giàu, đóng thóc của dân giàu; đến khi phát chán thu người đã kế tiếp nhau mà chết; quan thi có sự chi phí uống, mà dân thì không được đợi ăn thực. Người cho việc thu thuế của dân là cẩn kíp, há không để ý đến việc ấy sao? Vậy thì làm thế nào? Trả lời: nỗi huyền dát l kho, năm được mùa thì phát vàng trong kho ra mua thóc mà chưa lai. Khi thóc dát thi bán ra. Tuỳ thời mà mua vào bán ra, đặt kế hoạch cho kho tàng được dầy, để chuẩn bị cho khi cấp phát không đến nỗi hoang mang và dân không bị cái khổ bỗng bé dát điu nhau di xa, quan cũng không bị phiền phúc là phải triệu tập lại một nơi, phát ra nhanh, chia cho được khắp, dân được hưởng đều, ngõ hầu có sự thành công dày.*

Sai Hưng Hiếu vương đi đánh Man Ngưu Hồng, dẹp yên được. Hưng Hiếu vương đi đánh Man Ngưu Hồng vào trại Trịnh Kỳ phá tan rợ man, chém được tù trưởng của nó là Xa Phân. Kéo quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng quan tước. Hưng Hiếu vươngvin vào việc Nhàn Huệ vương đánh dẹp Nam Nhung, xin ban thưởng cho người giữ thuyền. Thương hoàng nói: "Khánh Dư <9b> di đánh Nam Nhung. Từ Nghệ An di bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung, rồi đục gỗ làm thuyền, đó là giữ thuyền trên bờ cõi của giặc chứ

không phải giữ thuyền ở Nghệ An. Người giữ thuyền lần này thi khác thế, và lại có thường phải có phat. Thế của nó thường đưa vào nhau, như người giữ thuyền muôn nhớ vào người đánh thắng để lấy thường. Giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chăng?" Hưng Hiếu đáp rằng: "Nếu không có người giữ thuyền, hoặc trong quân nghe tin thuyền bị giặc lấy mất, thì quân sĩ có thể vững được không?" Thượng hoàng nói: "Nếu như thế thi trước hết phải thường cho những người ở triều đình mới phải. Nếu kinh sư không yên thì quân sĩ có đi đánh giặc được không?" Hưng Hiếu vương không trả lời được. Khi ấy gia đồng của Hưng Hiếu vương có chiến công, thượng hoàng nói: "Bạn gia nô dù có chút công lao, cũng không được dư vào quan tước của triều đình". Ban chiếu cấp cho ruộng mỗi suất năm phân. Lại có người tên là Bảo Vũ được Thượng hoàng yêu, nhưng không đạt vào nơi quan trọng vì không có tài dãy, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo vậy.

<10a> Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Chiến thắng ở trại Trịnh Kỳ, Hưng Hiếu vương xin ban thường cho người giữ thuyền, chưa phải là không có lý. Thế mà Minh Tông lại tài biện bác miễn cưỡng để ngăn cản, thậm chí nói những lời công kích là trước hết hãy thường cho những người ở trong triều, không biết rằng dãy là lê dương nhiên, mà biện luận cho đến cùng dãy. Xét ra, người lên yên cương người giữ xã tắc, người ở, người đi, người xưa chưa từng xem khinh, xem trọng bến nào. Xem lời nói của¹ Minh Tông thì biết chế độ của nhà Trần, công người giữ nước chưa từng được thường. Đó là lê khuyển khích không công bằng dãy. Còn như gia đồng có công chỉ được cấp ruộng, thi quá khát khe, nhưng trong danh nghĩa, thanh lọc nhân phẩm, là chính sự tốt đẹp của một triều đại. Dã Tượng, Yết Kiêu không được làm quan, thiết tướng cũng là ý đó.

Mâu Dần, [Khai Hựu] năm thứ 10 [1338] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 4), mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió lớn, nhà cửa, cây cối đổ nhiều.

Lấy Cung Tình vương Nguyên Trác tham dự triều chính, Cung **<10b>** Định vương là Trần làm phiêu ky thượng tướng quân, quân lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, [Khai Hựu] năm thứ 11 [1339] (Nguyễn Chí Nguyễn năm thứ 5), mùa xuân, đổi lịch "Thụ thi" thành lịch "Hiệp kỳ". Khi đó Hậu nghị lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là Thụ thi, xin đổi lại gọi là Hiệp kỳ, vua nghe theo. Lộ lại làm ngọc linh long⁽¹⁾ để khảo xét thiên văn, tất cả đều đúng (Lộ người huyện Sơn Minh).

Lấy Trương Hán Siêu làm mòn hạ hữu ty lang trung
Nhân Huệ vương Khánh Dư chết.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét Khánh Dư làm tướng, có công đánh tan giặc Nguyên, trải thờ bốn triều vua, là bệ tội tôn thất của một đời. Ngoài Hung Dao

1. Ngọc linh là thư ngọc quý, cứ giờ thời thi ngọc vàng thành tiếng

vương ra có thể tránh với Chiêu Văn (Trần Nhật Duật). Đến khi ấy mất, mà không nghe có lè phong tang đặc biệt, cho nên sứ không thấy ghi, sứ dài ngô của Minh Tông cũng bắc dây.

Năm đó sao Huỳnh Hoặc mọc vào giới hạn của sao Nam Dấu, ở đó một tháng mới ra (chưa rõ tháng nào).

<11a> Tân Tỵ, năm thứ 13⁽¹⁾ [1341] (từ tháng 8 về sau là Du Tông Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyễn Chí Chính năm thứ 1), mùa xuân, lấy Nguyễn Trung Ngan làm đại doãn⁽²⁾ ở kinh sư.

Mùa hè, tháng 6, vua băng ở chính tẩm, quân ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiển Tông.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Vua tuy có thiên tư tốt, nhưng vì tuổi trẻ nỗi ngô, chính sự trong nước đều ở thương hoàng, hầu như vua chưa làm đến chính sự. Dung nhu câu nói: "Cha còn sống con không được chuyên quyền". Còn biết bàn vào đâu được!

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Hiển Tông nỗi ngô khi tuổi còn nhỏ, trên có Minh Tông nắm quyền binh, dưới có Trung Ngan, Hán Siêu là những bè tôi giỏi giúp rập. Người Nguyễn từ lâu đã hoa muc với nước ta. Nhưng quan lại địa phương ở biên giao cứ xâm lấn. Nhà Nguyễn đưa thư bảo ta rắn đe. Nước ta gửi thư trả lời, đều được ưu đãi. Vạn Hộ Diệp ở Long Châu nói rằng: "Đoàn Bé ở Quảng Nguyên nước ta xâm lược đồng La Hối thuộc Long Châu, triều đình viết thư biện luận <11b> là không phải, vua Nguyễn ben ra lệnh cho Vạn Hộ ở Long Châu phải hoàn lại những cái đã cướp đoạt. Hai nước giao hảo với nhau trong cõi yên ổn, thanh bình được hơn mươi năm. Với tư chất có thể làm được, lại gấp thời. Nếu như trời cho nhà vua thêm tuổi, để đợi đến khi tự mình nắm chính quyền thì sự thi thoả đạt at eo diệu khả quan. Nhưng vì hương nước không được lâu. Du Tông nỗi ngô theo thời hoang dâm ben lam suy yếu eo nghịch nhà Trần. Từ Nghệ Tông, Duê Tông về sau ngày càng chìm đắm, rồi cuộc đên nỗi mất nước. Đó cũng là cái cơ sinh ra thời trị, thời loạn nỗi lên hoặc bị mất nước đấy."

Mùa thu, tháng 8, Hoàng tử Hao lên ngôi hoàng đế. Thương hoàng cho rằng con trưởng là Cung Túc vương Đức là người phóng đáng cho nên lập con là Hao, khi đó mới 6 tuổi.

Đại niêm hiệu là Thiệu Phong. Đại xa cho thiên hạ. Vua xưng là Du Hoàng, các quan dâng tôn hiệu là Thông thiên thế đạo nhân minh quang hiếu hoàng đế.

Sai Trương Han Siêu, Nguyễn Trung Ngan biên soạn bộ *Hoàng triều đại diện* và Khảo định bộ *Hình thư* để ban hành.

1 Nguyễn hán chép nhằm năm thứ 14

2 Đại Doãn: Chức quan ở kinh sư. Trước gọi là Đại an phủ sứ

DỰ TỔNG HOÀNG ĐẾ

<12a> (Vua tên huý là Hao, con thứ 10 của vua Minh Tông do Hiến Từ hoàng hậu sinh ra, ở ngôi 28 năm, tho 34 tuổi, tang ở Phu Láng. Vua tinh thông minh, học văn sang suýt, phòng bị việc vở, sửa sang việc văn, tử di đều phục. Thời Thiệu Phong chính sự đều tốt. Thời Đại Trị về sau hoang dâm vô độ. Cơ nghiệp nhà Trần từ đó suy)

Phu Hôn Đức công Dương Nhật Lễ.

Nhâm Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 2 [1242] (Nguyễn Chi Chính năm thứ 2), mua xuân, tháng 3, xét định các quan văn vở tạp lưu

Mùa hè, tháng 4, cho Cung Tình vương Trác làm thái úy

Tháng 5, chúa nước Chiêm Thành là Chế A Nan mất, con rể là Trà Hoà Bồ Đề tu lên làm vua, sai sứ sang cửa khuyết báo tin buồn

Mùa thu, tháng 7, suy tôn Hiến Từ Hoàng hậu làm hoàng thái hậu Cho Trương Han Siêu làm tá ty lang trung, kiêm kinh lược sứ Lang Giang; Nguyễn Trung Ngan làm hành khiếu Tri Khu mật viên sứ. Theo chế độ cũ thì Cấm quân thuộc Thương thư sảnh, đến khi ấy đặt Khu mật viện để thông lãnh Trung Ngan <12b> chọn định trang các lò sung vào ngạch thiếu của Cấm quân. Định ra sổ sách Khu mật viên quản lãnh Cấm quân bắt đầu từ Trung Ngan.

Thượng hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sat ngự sử là Đoàn Định và Nguyễn Nhữ Vi bị mất chức. Khi đó việc sửa lại Ngự sử đài đã xong, sáng sớm Thương hoàng ngự đến chỉ có một mình Ngự sử trung tán là Lê Duy theo hầu. Thương hoàng về cung thi Đoàn Định và Nguyễn Nhữ Vi mới đến, ben dâng sớ nói. Thương hoàng không nên vào Ngự sử đài và hạch Lê Duy không biết can ngăn, lời rất gay gắt. Thương hoàng dèn du rằng "Ngự sử đài là một trong những cung điện, há có cung điện mà thiên tử không được vào? Hơn nữa trong đài trước đây có nơi thiền tử giảng học, các ba thư chi hầu đều but nghiên ở đó, đó là việc cũ thiền tử vào Ngự sử đài. Xưa kia vua Thái Tông nhà Đường còn xem thực lục huống chi vào đài". Bọn Định vẫn ra sức tranh cãi mấy ngày, vua dù hai, ba lần không thôi, nên mất chức

<13a> Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Thiên tử vào Ngự sử đài thi bốn Định năm ở nhà đã là thiếu cái nghĩa ở công đường rồi, thiên tử không hỏi đến, người hầu cùng hàng với mình cũng không hạch đã là rỗng luồng làm rồi, huống lại cho là không nên vào đài mà can thiền tử và hạch các ban cung hàng là không biết can vua hay sao. Xét ra đài, sảnh, viên, cục đều là cung phủ cả. Bác vương già co thi đèn bát thản để xem xét quan lại làm việc không theo với việc đi chơi nói khai. Vậy có gì là không nên mà đèn nỗi phải dâng sớ nói gay gắt. Dù trước mặt mà vẫn tranh cãi, dù nhiều lần mà vẫn không thôi. Như thế cũng biết được vua Minh Tông là người biết bao dung đây. Trên có vua biết bao dung mà dưới không có bê tai trung trực đáp ứng để bày điều tốt, ngăn điều xấu, tru bê điều ta gian, giúp đỡ và dae duc. Chỉ co bọn Định diễn cuồng càn rõ nói những lời không đang nói. Có thể nói là các bê tai thời bấy giờ phu long vua đây!

<13b> Quý Mùi, [Thieu Phong] năm thứ 3 [1343] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Thương hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hè, tháng 4, ngày mồng 1 có nhát thực

Tháng 5, tháng 6 han, ban chiếu cho giảm một nửa thuế nhân đinh của năm này

Mùa đông, tháng 11, Khâm Từ Hoàng hâu băng

Nam ấy mất mùa, dân nhiều người làm trộm cướp, gia nô của vương hâu lai càng qua đáng

Giáp Thân, [Thieu Phong] năm thứ 4 [1344] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương ¹ là Ngô Bé tu tập đóng bon ở núi Yên Phụ ² làm trộm cướp

Dời Thành từ hành khiển ty làm Thương thư sảnh Hành khiển ty vẫn để là Môn ha sảnh như cũ

Đại đại sứ và phó sứ của Viên Tuyên huy

Dời quan kiêm phap ở Viên Dang vẫn làm dinh uý, tư khanh, thiếu khanh

Đại đòn điện sứ, phó sứ ở Ty Khuyển nóng

Lô lớn đat an phủ sứ, phó sứ Thuộc châu thì dat thông phản. Lai dat chức đê hình, tao ty chuyển vận ở lô nhỏ. Phú Thiên Trường thi dat thai phú và thiếu phú

Khôi phục quan tước của quốc phủ thương tế là quốc trân. <14a>.

Mùa thu tháng 8, dat 20 dô phong đoàn ở các lô để đuổi bắt trộm cướp

Mai tang Hiên Tông ở An Lang thuộc Kiên Xương ³

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Thiên tử băng 7 tháng mới mai táng: xưa kia Chu Hoan Vương 7 năm mới mai tang là vì nhà Chu có loạn Tử Nghi, Hắc Kiến dậy⁽⁴⁾. Hiên Tông đến khi ấy mới mai tang là để được 4 năm rồi, chưa nghe nói vì có gì. Có lẽ thương hoàng còn, nên phải theo mệnh lệnh của thương hoang đấy chăng?

Nhưng khi đó cũng chưa thấy ai dùng lê mà can ngăn

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Nhà Trần để việc son lăng chậm trễ, quen cho là thương không biết cái trái của nó, cho nên không có người can ngăn. Nhưng vua Minh Tông còn vua cha ở trên, khiến cho việc mai tang Hiên Tông không được theo lê. Cơ lê không cho đó là việc lớn, chẳng cũng bạc lâm sao!

Nam ấy mất mùa, dân nhiều người làm sứ và gia nô cho các nhà thế gia.

<14b> Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Du Tông lên ngôi đến khi ấy là 4 năm, nan dài hem luôn luôn chep vào sứ sách. Dân cùng cùng cúc lâm dấy mà không nghe co lệnh mién thuế, cấp chán cho người nghèo. Ké tiêu nhân bị dái rach thúc

1 Trà Hương Là đất huyện Kim Thành cũ. Nay là một phần đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Phòng.

2 Núi Yên Phụ Thuộc huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Phòng.

3 Kiên Xương Nay là huyện Kiên Xương tỉnh Thái Bình

4 Lô Tả Nghi, Hắc Kiến là chỉ việc Hắc Kiến muốn giết Trang Vương để lập Tả Nghi lên thay Chu Hoan

bách, còn nghĩ gì đến liêm si tha rằng câu may có thể nhảy ra ngoài vong pháp luân
chàng hơn là sớm chênh có thể chết hay sao? Con như việc Trâu Cảnh vung tróm
voi gai, Bui Khoan uống trộm rượu, vua lại quỳ trong. Bè trên thương cho kẻ ăn
trộm mà dân làm theo. Vốn là như thế thi muôn mươi sút của phong doan để danh
giác có trọng dam lau sây liêu hét được chàng?

At Dầu, [Thiệu phong] năm thứ 5 [1345] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 5), mua xuân,
tháng 3, thi Thai học sinh. Cách thi là viết ám tà, cổ văn, kinh nghĩa, thơ phú

Tháng 4, tháng 5, mùa hạ, han, ban chiếu soát tu, giám tội cho ban phạm tội vat

Mùa thu, tháng 8, sứ nhà Nguyễn là Vương Sí Hành sang hỏi về việc cột đồng. Vua
sai Phạm Sư Mạnh đi để biện bách

<15a> Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xét khi ấy, chính sự nhà Nguyễn tuy đã
suy dối nhưng chưa đến nỗi bỏ việc bờ cõi không hồi đến; và lại Sư Mạnh sang biện
bách có thể chỉ đến suy lý ở Lưỡng Quảng, chưa chắc đã đến kinh đô. Sử cũ vì thấy
Sư Mạnh vào tháng 9 năm sau được thăng chức cho là di về nhanh chóng nên nghĩ
chưa chắc đã có việc này là sai đây.

Mùa đông, tháng 11, cho Trương Hán Siêu làm tá gian nghi đai phu

Sai quân nhân di bát Ngô Bé ở núi Yên Phu. Quân của Bé chạy trốn tan hết

Bính Tuất, [Thiệu Phong] năm thứ 6 [1346] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 6), mua
xuân, tháng 2, ngày 1, có nhật thực. Sai Phạm Nguyễn Háng di sứ sang Chiêm Thành ~
khiến trách về việc thiếu lễ triều cống hàng năm

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao cướp phá biên giới, vua sai Bảo Uy vương Hiển đánh tan,
bắt được người và súc vật rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, cho Phạm Sư Mạnh làm Chuồng ba thư kiêm Khu mật tham
chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang <15b> công lễ vật rất bac

Dinh Hơi, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1347] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 7), mua
xuân, tháng giêng, ngày 1, có nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6, Bảo Uy vương Hiển có tội đuổi ra làm Phiêu ky tướng quân Trần
Vọng Giang ⁽¹⁾ liên giết chết. Đầu thời Trần, thuyền buôn của nước Tống đến tiên người
nước tiểu nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như tiếng ruồi nhặng không hiểu ngôn ngữ, lai tiễn
1 tấc vài hoà can ⁽²⁾, giá mỗi thước 500 quan tiền, lưu lam bau vật. Sau đem may áo
vua hơi ngắn, cắt ở női phủ. Bảo Uy tư thông với cung nhân, lấy cắp chiếc áo ấy. Một
hôm Bảo Uy mặc áo ấy ở trong vào chầu trước mặt Thương hoàng tàu bay việc, để hở
đông tay áo ra, Thương hoàng nhìn thấy rất nghi, sai người kiểm lại, quả bị mất chiếc áo
đó. Cung nhân ngầm đi tìm ở nhà Bảo Uy vương rồi ngầm đem áo ấy vào cung dâng lên
Thương hoàng vì thấy Hiển mới lập được công nên không nỡ giết, đuổi ra làm quan ở

1. Trần Vọng Giang: CM chép là Châu Diện

2. Vải hoà can: Vải giặt hàng lùa chẽ ra áo ngũ ở női phủ cho vua dùng

Trong An và vòi di thuyền nhẹ đuổi theo giặc
nhà nước. Trong An Võ Văn Hồi là Trung An, và vòi di thuyền nhẹ đuổi theo giặc
nhà nước là Ông Cao Thắng bắt đầu khởi nghĩa Giang Lam Bảo Uy hau.

Trung thu thang 8 - Đón Tứ hõng thật hào hả thi bang

Tam Ma - Chung Nguyen Huu mat

Mùa Trì (Phèn Phong) năm thứ 8 (1848) (Nguyễn Chí Chính năm thứ 8), mua xuân
chàng khung lợp Ngũ Lộn học sinh là Đỗ Tú Bình (đã) làm thi giảng

Núi thần Ngũ Hành Sơn Nước đến lúc sấp mặt, thi trời đất sẽ sinh ra một ngọn đê phản hoang. Từ Bình được tiên thần, hùm khích ở biển giới Nhật Nam ngâm mõm ra. Tự huy của Đức Tông ngâm phục, tự hùm cắn nhà Trần cũng dần dần gãy lên. Một lúc sinh làm thi giáng mìn chèp ván rách là nứ trước ghi, bắt đầu thời loạn đầy.

Much to thank to him

Mua thu tháng 7, năm 1961

Ký Biro, Phân Phóng) năm thứ 9 (1940) (Nguyễn Chí Chính năm thứ 9), mìn hả, tháng 6, năm Qua Ông ⁽¹⁾ sang công nhinton càn vát dọc phương và <16b> chìm ảnh và do bão mìn.

Mùa đông, tháng 10, sinh lập con gái thứ tư của Bình Chương Huệ Túc vương⁽¹⁾ là
Xứ Tu, con trai chúa làm Nghị Thành hoàng hậu.

Tháng 11, ngày 1, có một chiếc

Đại quan bài hạm sứ ở trấn lô Văn Đồn, lui đại quân Bình Hải để trấn giữ Xứ kia, vào thời nhà Lý, thuyền buôn đêm phải đi theo con cùm biển Thủ, Viễn⁽⁵⁾ ở Diên Châu để vào nghỉ đêm và buôn bán hàng hoá. Đến khi Lý đường biển đổi dời, cùm biển nồng ớt không những bị tập ở Văn Đồn. Cho nên có mệnh lệnh này.

Canh Đan, Thủ Phong lâm thi 10 [1960] (Nguyễn Chí Chính lâm thi 10) Cung
titan Vương Nguyễn Thành mứt

Tan Mao (Thieu Phong) năm thứ 11 (1361) (Nguyễn Chi Chính năm thứ 11) Mùa
xuan, tháng gieng, người Thái Nguyễn và Làng Sơn tự hợp làm trộm cướp, đánh lén nhau
tại quán đì đánh, dẹp xó.

Nhà báo, tháng 6, ngày 1, có một thư

Mua thu tháng 7 mua lén vé

Lesson 8: Our New House with Name Plate

Thị trấn Mộ Đức - Thị trấn Mộ Đức không có người ở đây. Nơi đây Nam Lào của Campuchia Trung úy Minh
Võ Văn Cát là tên của thị trấn Mộ Đức. Trong vịnh có một rìa khía xuôi litoria là một chi cá trong họ
Trichoptera. Nếu như tên là Thị trấn Mộ Đức là người huyện Cát Lan Huyện Cát Lan là Đông Quan thuộc tỉnh Nam Định
và là tên của xã

Còn Ông Vua Lê là một nhà khinh miệt và ở phía tây nam nước Chuẩn Thành, còn Ông Lê là một nhà khinh miệt. Tranh nghe khen khen là bê ngựa khen dê chon lợn he trai xanh chon là khinh giỗ

• The Many Tea's Do Not

• 1998-1999-2000-2001-2002-2003-2004

Lý Trung Hán Siêu làm tham tri chính sự

Người con gái ở Thiên Cương trấn Nghê An biến thành con trai

Trâu Canh có tội đang chết lại được tha. Trước đây khi vua mới 4 tuổi, đêm Trung thu ngồi chơi trên thuyền <17a> ở Hồ Tây, bị ngã xuống nước, vớt được trong bụi kẽ mác, đã gần tắt thở. Thương hoàng gọi thày thuốc là Trâu Canh đến cứu chữa. Canh nói Châm cứu thì sẽ sống lại, chỉ sợ bệnh liệt dương thôi. Châm cứu thì quả nhiên như vậy. Khi vua đã lớn, Canh dâng phương thuốc: lấy mắt của con trai chưa thành niên hoà với vị dương khởi thạch mà uống, rồi thông đàm với chi em ruột thì khỏi. Vua bèn thông đàm với chi ruột là công chúa Thiên Ninh quả nhiên hiếu nghiêm. Canh từ đây càng được yêu quý và được ngày đêm ở trong hậu cung để hầu hạ thuốc thang. Canh bên thông đàm với cung nhân, việc bị phát giác. Thương hoàng muốn giết chết, nhưng vì có công chữa thuốc cho vua sống nên được tha tội (Trâu Canh là con của Trâu Tôn người Phương Bắc). Khoảng năm Thiệu Phong¹⁾ người Nguyên sang xâm lược nước ta. Tôn là thày thuốc đi theo quân, khi quân Nguyên thua thì Tôn bị bắt, nhân đó dùng thuốc chữa cho các vương hâu trong nước đa số là hiếu nghiêm. Nước ta nhiều lần cho ruộng và nô trù nên giàu có. Canh nổi nghiệp cha vì làm thuốc mà nổi tiếng. Niên hiếu Khai Hưu [1329] vì châm cứu chữa bệnh cho vua hiếu nghiêm, người đời gọi là "Trâu thân y" (thày thuốc thân ái). Trâu dân dân được thăng lên chức quan Phục hâu Tuyên Huy viên đại sứ kiêm đại sứ. Nhưng vì không có đức hạnh, cuối cùng vì thói tà dâm mà bị tội. Sau được phục chức. Dong dõi của Canh có người tên là Trâu Bảo được của mà Canh cắt đầu trong nhà, trở thành giàu có và cũng vì thế mà hư hỏng. Tục truyền rằng: Canh làm nhà cao nui Long Châu, nhân khi bắt cá, bát được loại cây leo ở núi bèn lấy làm thuốc chữa bệnh cho vun, được yêu quý không ai bằng. Nhưng vì bị thế đá núi yểm cho nên phủ quy chàng được lâu dài. Không bao lâu thì <17b> lui bại nên chép phụ vào đây.

Sử thân Ngô Thì Sĩ bàn: Nhà Trần lấy lẫn nhau đã thành thói quen. Cho đến anh em chú bác lấy nhau, vua lấy con gái nhà chú bác lập làm hoàng hậu, cho nên thày thuốc dùng anh em ruột làm thuốc chữa bệnh thì không đáng cho là quái gở. Nhưng làm rối loạn đạo trời không khác gì loài cầm thú, khiến cho Du Tông tinh còn mà than mắt, người khoé mà tám đã chết. Tôi tám cản rờ vào tận mao thịt. Dù cho Chu Văn Trinh muốn lấy nghĩa lý mà chữa, cuối cùng cũng không chữa nổi. Minh Tông còn cho đó là công, đến nỗi Trâu Canh làm nhục cả người minh yêu cũng không hỏi đến thì làm sao được. Vận nước nhà Trần đã suy, mà già thế Trâu Canh cũng bại. Người giữ nhà nước há không xem đây là gương sao!

Lý Nguyên Trung Ngạn làm nhập nội hành khiển vẫn trọng coi công việc của Khu mài viên

Mùa đông <18a> tháng 11, vua ngự điện Thiên An duyệt cấm quân ở Long Trì. Cho Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, deo thé bài gỗ và nghiên vàng, duyệt các cấm quân, định hàng hòn kẽm.

Nhàm Thịn, [Thiệu Phong] năm thứ 12 [1352] (Nguyên Chí Chính năm thứ 12), mua

1) Có lẽ là niên hiệu Thiệu Bảo [1239 - 1285] mà nguyên bản chép nhầm

xuân, tháng 3, Chế Mô nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng voi trắng, ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các vật tiến cống. Xin đánh Trà Hoa, Bố Đề và lập Chế Mô làm vua. Trước đây, khi vua Chiêm là Chế A Nan còn sống, thi con của Chế A Nan là Chế Mô làm bộ dien (tức đại vương), con rể là Trà Hoa Bố Đề làm bộ đê (tức tể tướng) nói gì cũng nghe, kể sách gì cũng theo, nhân dân cùng với Chế Mô lập thành bê dâng, có khi Chế Mô bị vua quở trách, Bố Đề liền giải hòa cho. Bé ngoài Bố Đề tỏ vẻ thân với Chế Mô, nhưng hận trong thực muốn nám quyền trong nước. Chế Mô không biết sa vào thuật của nó. Người trong nước vì thế mà sinh lòng khác không chuyên theo Chế Mô. Đến khi vua A Nan mất, Bố Đề bèn đuổi Chế Mô rời tư lập làm vua, khi ấy Chế Mô chạy sang ta.

Mùa thu, tháng 7, nước ta cháy tràn lan, lúa mạ (18b) bị ngập ở Khoái Châu⁽¹⁾ Hồng Châu⁽²⁾ và Thuận An⁽³⁾ rất thiệt hại.

Quý Ty, [Thiệu Phong] năm thứ 13 [1353] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 13), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến chế tạo khi giới, luyện tập quân sự.

Phong cho Cung Định vương là Phủ làm hữu tướng quốc (Phủ khi mới 11 tuổi, hầu Thương hoàng ở cung Trung Quang, gặp hôm mưa to gió lớn, đã làm thơ theo đầu bài của vua ra có câu: "An đặc trắng sì lực cái thế, khả ngư dai ốc chi dõi phong" (Làm sao cho được người trang sì có sức khoẻ hơn đời, có thể chống được trận gió to làm đổ ngôi nhà lớn). Thương hoàng cho là la, ban cho 10 lang vàng).

2. Mùa hè, tháng 6, dem dai quân sang đánh Chiêm Thành

Quân bộ đến Cố Luỹ (nay là phủ Hoà Nghĩa)⁽⁴⁾ quân thuỷ vận chuyển lương thực gấp trả ngai phải quay về. Trước đây Hưng Hiếu vương quân lính Hoá Châu, Chế Mô nói với Tước Tê (gia nhí của Minh Tông người thường đi lại với Chế Mô): "về chuyện cổ của nước Chiêm Thành xưa kia có nhà vua nuôi con khỉ lớn, vua rất yêu quý, tìm trong nước có người nắn day con khỉ nói được bê thường van lạng vàng. Một người nhận lời, vua mừng lắm, sai người ấy nuôi. Người ấy xin mỗi tháng dùng thuốc phi hàng trăm lang vàng thi mới hiêu nghiêm vua nghe theo. Cố lẽ họ nghĩ quốc vương, mình và con khỉ trong 3 năm tài phái có mồi kẻ chết, chỉ cần lấy được vàng của vương <19a> mà không cần thanh công đấy. Chế Mô hướng về chúa thương thực do Hưng Hiếu chủ trương việc ấy. Trải qua bao năm tháng mà chưa biết kỳ hạn đưa về nước. Việc của tôi cũng giống như việc ấy". Triều đình nghe lời nói ấy liền cho quân đưa Chế Mô về nước, nhưng không thành công. Chế Mô ở lại không bao lâu thì mất.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Nước nhỏ thờ nước lớn là vì nước lớn cứu được hoạn nạn của nước nhỏ và giữ cho nước nhỏ khỏi bị diệt vong. Chế Mô là thế tử của

1. Khoái Châu: Gồm đất các huyện: Khoái Châu (cũ), Kim Thủ, Phú Tiên, tỉnh Hải Hưng.

2. Hồng Châu: Gồm đất các huyện: Mỹ Văn, Cẩm Bình, Ninh Thành, Lư Lộc, tỉnh Hải Hưng.

3. Thuận An: Gồm đất các huyện: Thuận Thành, Gia Lương của tỉnh Hà Bắc, huyện Văn Giang (cũ) tỉnh Hải Hưng và huyện Cửa Lộm ngoại thành Hà Nội.

4. Phù Hoá Nghĩa thuộc tỉnh Quang Ngãi.

một nước bị kè gian thân xưa đuổi chạy sang cầu cứu, nhưng ta để châm hàng tháng, hàng năm đến nỗi Chế Mô phải thót ra lời oán thân mới cù bình đưa về Khi dương vân lương mới bị ngăn cản thì liền không cù bình nữa Ta dung nó sai thé mà không đưa Chế Mô về nước được phải trả về. Kỳ han xuất quân im lặng làm nhút lòng thành của Chế Mô hướng về ta. Bố Dé được thoả lòng gây tội ác, cướp ngôi, tỏ sự yêu duối của mình chuộc lấy sự khinh nhilon. Cuối cùng sinh ra lòng gây nan binh dao, không bao lâu người Chiêm vào cướp phá Hoá Châu, quan quân bị thiệt. Lại đến đời Nghệ Tông, quan Chiêm đến sát kinh sư; đến đời Duệ Tông thì xâm phạm xe vua, người Chiêm Thành làm hại. Đến khi <19b> nhà Trần mất nước chưa chắc đã không phải do việc này gây ra thế bên nang, bên nhẹ vậy. Hán Siêu là người mưu việc nước, Trung Ngạn là người chủ việc binh. Cả hai người đó đều không thể chối cãi được trách nhiệm của mình.

Tháng Thái uý Nguyên Trác làm tể tướng quốc.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành sang cướp phá Hoá Châu, ta đánh lui quân giặc, quan quân cũng bị bắt lợi; sai Trương Hán Siêu lĩnh các quân thần sách trấn giữ Hoá Châu (sử cũ chép: vì quan quân bị bắt lợi, vua triều Hán Siêu để bàn Hán Siêu trả lời "vì không nghe lời nói của thần cho nên đến nỗi như vậy". Có lẽ về việc Chiêm Thành hoặc nên mềm dẻo, hoặc nên đánh Hán Siêu át có lời tâu bày can ngăn, nhà viết sử không được biết rõ, đến khi ấy bỗng chép là Hán Siêu trả lời vua thế là không có doan đầu mà có đoạn cuối không phải là phép đặt câu nói Cho nên chia dòng ghi chủ để giữ lấy sự thật).

Giáp Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 14 [1354] (Nguyên Chi Chính năm thứ 14), mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía bắc chạy trạm tâu: Trần Hữu Lạng nước Nguyên dấy quân, sai sứ sang ta xin hoà thân (Hữu Lạng là con Trần Ich Tác).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Hữu Lạng thực là con Ich Tác hay không, không thể biết được. Giả sử gặp Lý Thái Tông thì cho hoà thân, giúp cho quân lương để xem việc làm của Hữu Lạng dây. <20a> Lại nói: Giả sử Hữu Lang dùng là con của Ich Tác, cùng Minh Thái Tổ đều nổi lên ở Phương Nam, mà Minh Thái Tổ thì hưng thịnh; Hữu Lạng thì bại vong. Có lẽ vì Minh Thái Tổ chiếm cứ được Kim Lạng, mặc dù ở Phương Nam có cảnh đẹp rồng lượn hổ châu không phải như Hữu Lạng dùng cái đuôi mà đánh vào xương sống. Mệnh trời thê đất thường liên quan đến nhau như thế dây.

Tháng 3, ngày 1, cõi nhật thực.

Bấy giờ vào năm đó, nhân dân lai khổ vì trộm cướp, có người xưng là cháu ngoai của Hưng Đạo vương tên là Tè, tụ họp các già nô bò trôn của các vương hầu làm trộm cướp ở các xứ Lạng Sơn, Nam Sách.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Khi nhà Trần thịnh vượng đánh đuổi giặc Hồ, giữ gìn thế nước, nhờ sức gia nô của vương hầu rất nhiều. Đến khi nhà Trần suy tàn làm trộm cướp, tụ tập thì làm giặc, tai hại do già nô của vương hầu càng làm.

Các vương hầu nhà Trần đều được cho mò dê dê ¹ <20b> nuôi gia đình. Cho nên mỗi té lùn lại đến đời sau, có ~~2~~ bát nguồn từ đây chẳng? Nếu không phải thế, ngay mèo dung nước có nhiều người giỏi, tòn thát đều là bắc cản và toàn tài. Như Trần Hưng Đạo là người hồn cá. Còn các ông Nhật Duật, Quang Khải, Hoài Văn, Hưng Vũ, Nhân Huệ cũng không ai là không sòng suốt trong việc biết người, khéo chế ngự người dại. Người lớn, người nhỏ không ai là không tò hét tài năng; người sang, người hèn không ai là không hét lồng, như dây xe tiền lén không bò bé. Tiền thi như Phan Ngũ Lão, thoái thi như Đà Tương, Yết Kiêu. Lam gia thần thì đều muôn mai giữa dê biển hiện tài năng, thiên tử cũng coi như người nhà mà đổi dải gọi tên hai chí, ôn cản khen ngợi. Vua tương đối: xì như thế thì du có duối cũng không bò đi. Ha không được ho hết sức giúp đỡ hay sao? Cho đến đời sau có Văn Túc nổi tiếng về văn học. Uy Giản thi quen cả thế lực cao thấp. Trong dòng họ nhà vua cũng gọi là bắc trội hơn. Còn như Huệ Vũ thi hay cố chấp. Bảo Uy thi đậm tà. Huệ Túc không thành công ở Chiêm Thành. <21a> Hưng Hiếu thi cũng không có công trạng với Chế Mô, đều là bạn nhò mọn tám thương, chỉ biết chạy ngựa mà chơi đạn vàng mang chum ưng mong ăn chà ga. Vui đón hát trong nhà lộng lẫy, khoe cung tên với bon theo hau không nghe người khách có lời "muốn ăn cá". Bon giá nó có ước nguyện được miễn danh dáp họ, coi họ như có rác, nuôi họ như súc vật. Những người tài năng không được biểu dương trong triều mà để mặc họ bị de nén. Kẻ hèn kém thi không thương gia đình họ mà để mặc họ đòi rét. Cho nên bon phỏng dâng thích hò hét trong đời gió bụi, bon hèn hạ thi chỉ nghĩ đến sự ăn uống được no nê. Vì thế cho nên làm ho không khỏi đi khắp bốn phương mà làm trộm cướp. Ôi! vì như Phan Nhược Thuý được molt chức quan thi nai hiếm trả ở Thái Thạch ² không ai có thể qua được. Vương Định Tâu được thuộc vào molt dao quan thi nạn Lư Long chưa xảy ra. Người nắm việc nước không bỏ sót nhân tài, người ta không sinh trộm cắp thi thiên hạ sẽ đến dài dòng đấy.

<21b> Mùa thu, tháng 9, có sâu keo, vua ban chiếu giảm một nửa thuế ruộng
Mùa đông, tháng 10, có hổ den hiên ra ở trong thành

Tà tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hoá Châu biên giới trở lại yên ổn Ông xin vê triều vua y cho. Ông vê chua đến kinh sư thi mất, truy tặng thái bảo Hán Siêu ở Hoá Châu, ám ức không tha chi thường có thơ rằng:

"Ngọc kinh hồi thủ ngũ văn thám,
Linh lạc tan hồn nhược bát khâm."

¹ Dê dê: Ngu dê vương hầu ở tạm, khi đến triều kiến

² Lai ca minh ẩn cá: Thủ Chiến Quốc cũ Mạnh Thường Quân ham nết khách. Một hôm nghe molt người tham giay, tên giám sát bài rằng "Trưởng giàp quý lui hè, thực vỗ ngứ" (Den giám sai theo vỗ mà ăn không en)

³ Một hôm trả ở Thái Thạch: tức xung đài ngầm trên khía sòng chấn núi Ngu Chử Trung Quốc.

*Đi biển hoang giao mai bệnh cát.
Hải thiên thảo mộc công sâu ngầm**

Dịch nghĩa:

(Quay đầu về kinh đô mây nám màu thâm thẳm.
Hòn phách tàn tạ như không chịu nổi.
Tim noi hoang tàn chôn bù xương bệnh tật.
Bé trời cây cỏ cùng ngâm diệu sâu!)

Dến khi ấy, vì ôm xin vè, mắt ở dọc đường

Hán Siêu là người cương trực, luôn bài xích di doan, có tài văn chương chinh sự
Vua chỉ gọi bằng thầy mà không gọi tên. Riêng Tông chinh thái khanh là Lê Cư Nhân
thường gọi là "chán đà cầu nhà quê". Vì người trong làng có đá cầu phần nhiều không
trúng, ví như Hán Siêu tinh toán công việc phần nhiều không đúng dây. Ông ta khinh
bi những người cung hàng, không chơi bời với họ, chơi thân với bọn trung quan là Phạm
Nghiêm Tư, gấp thầy thuốc thi cưới đưa giêu cốt. Đối với tù trưởng Lang Giang và tư đồ
chùa Quỳnh Lâm chỉ mộ ho giàu mà già con gái cho đều là bọn không cùng nòi giống với
mình. Người bàn khi ấy thường chê trách Hán Siêu từng soan ván bia ở chùa Quang
Nghiêm thuộc Bắc Giang dai luctose như sau:

<22a> "Chùa đâ tàn phế mà dựng lên đã chẳng phải ý ta; dựng bia mà khắc thi
cần gì lời nói của ta. Nay thánh triều muốn truyền phong hoa nhà vua, để chấn chỉnh
phong tục đồi bại, di doan đáng bò di. Chinh đạo nên trở lại. Là một sĩ大夫, không
phải Dao Nghiêm Thuán thì không bày tỏ trước vua; không phải Dao Khổng Tử thì không
trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhài về dao Phật thì ta toan lừa ai? "Phúc Âm nơi ông
ở cách An Đăng một dòng sông. Vì yêu tháng cảnh núi sông Đức Thuy, ông bèn dung
nhà ở đó. Nay chữ khắc ở đá vẫn còn, người trông thấy đều rất mến chuộng"

Lê Cư Nhân mất. Cư Nhân thời Minh Tông làm nội mật quan kiêm thẩm hình sự,
xử kiện ở nhà bị Trung úy Quách Lao tâu hặc. Minh Tông hỏi: "Sao không che dày ne
tránh", ông trả lời: "Thần thà chịu quả trách cứ không dám lừa dối, làm quan mà lừa
dối thi lấy gì mà xương xuất cho liêu thuộc". Đến khi ấy mất, được táng chúc Nhập nǎi
hành khiến Hữu ty lang trung đồng tri Tả ty sứ

Át Mùi [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355] (Nguyên Chi Chính năm thứ 15), mùa
xuân, tháng 2, núi Thánh Chúa⁽¹⁾ ở Trà Hương lờ.

Đóng đất.

Tháng 3 đến tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, mưa to, nước to.

Tháng 9, sét đánh cửa Triều Nguyên và cửa nách bên tâ. bên hữu

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Theo thời tiết, vào tháng 8 mới hết tiếng sấm. Tháng
9 vẫn còn sét đánh. Sét đánh chẳng phải ở mỗi nơi là tai di nhiều lắm đây! Du

1. Núi Thánh Chúa ở Kinh Châu, tỉnh Hải Hưng

Tông lên ngôi 15 năm, sù chep 6 lần nhất thực, han hán đến 3 lần. Một lần sâu keo, mất mua hàng năm. Đến khi ấy từ mùa xuân đến mua thu, núi lở, động đất, lụt han, set đánh, không thang nào là không có. Trời phạt tội dám ác đến cực độ, ron de này ra chính sự lười biếng, thế mà cha con vua tôi trong một thời vẫn bình thản như thường. Kè trên không có lòng thành khẩn xét minh, kè dưới không có lời tâu cung giúp thời cuộc, coi thường diêm trời rắn không biết sợ, khinh bỏ việc người không biết lo. Sang năm sau, Minh Tông qua đời. Du Tông thoả lòng xa xí giác già nỗi lên tung bầy, việc thờ cung không tốt đẹp, ngồi bau nhà Trần xuýt di chuyển về ho Dương đây. Dao trời nào có xa đáo!

Chu Đức Du nhà Nguyễn xưng đế (Đức Du người hương Thái Bình, sau đổi tên là Nguyễn Chương, tức là Minh Thái Tổ). <23a> Cho Nguyễn Trung Ngạn làm Lang Giang trấn kinh lược sứ nhập nội đại hành khiếu, thương thư hữu bát, kiêm tri Khu mật viện sự thi Kinh diện đại học sĩ, tru quốc khai huyện bá.

Sử thân Ngô Thị Sỉ bàn: Du Tông đối với Trung Ngạn, có thể nói là uỷ nhiệm chuyên chức trách nặng. Nho thần cả thời nhà Trần chưa dễ ai được tin dùng như Trung Ngạn. Nhưng dao đức nhà vua thì như thế, chính sự đương thời như thế, vua bị mắc bệnh, người nói ngôi chưa định, thế nước lại như vậy, Trung Ngạn đang ra không điều gì là không biết. Minh làm đại thần, cùng vui với nước. Có thể nói mà không nói thì giống như lấp lò; có thể lo mà không lo thì giống như cõi tha; dao học không thi hành được, có thể bỏ đi mà không bỏ đi, thì giống như than lani luyện tiếc. Vì thế mà riêng Chu Văn Trinh cao siêu không ai có thể bì kịp được đây. Có người nói: Thương thay tập văn thơ của Trung Ngạn có nhiều tác phẩm ở biến thành nhỏ tại cung khuyết nói mản trường và quê hương. Như thế dù tiếng là ở nơi mản trường <23b> then chốt, nhưng thực ra chưa một ngày được yên ở triều đình, at là bị nhiều người làm trả ngai đây. Làm sao mà có thể phát triển tài năng được? Thế nhưng lại lấy dao đức nhà vua, chính sự đương thời và thế nước mà dỗ lôi trách người hiền tài đây thôi. Có người lại nói: "Hán Siêu và Trung Ngạn là bê tôi nổi tiếng một thời, nhưng Trung Ngạn thì đúng đắn, Hán Siêu thì thông thái. Trung Ngạn ít lỗi mà Hán Siêu thì nhò mọn, nhiều điều có thể chê trách. Nói về tính trung thực thì Trung Ngạn vẫn là hơn."

Thương hoàng đến hương Phù Ủng (thứ phi của Anh Tông hiệu là Tịnh Huệ là con gái của Diên suý Phạm Ngũ Lão. Sau khi di tu, Anh Tông băng, bà về Phù Ủng, một hôm bà lên chùa Bảo Sơn cầu hương dó than rằng: "Chùa là do tiên quân sáng lập, ta tuổi đã nhiêu, ở đây làm nhà có thể hầu vua, có thể thờ gia tiên, trung hiếu ven cả hai bờ. Ay là nguyên vọng của ta". Thế rồi cho sửa lại chùa, dựng nhà thờ phía đông chùa và làm nhà ở phía sau để làm nơi thờ phung. Làm xong, thương hoàng tới thăm cho dẽ biếng để tỏ lòng hiếu kính).

Bình Thành [Thiệu Phong] năm thứ 16 [1356] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 16), mùa xuân, tháng 3, hai mặt trời rập rờn nhau. <24a> Hai vua đi tuần đến Nghệ An.

Mùa hè, tháng 5, xe vua về kinh

Mua thu, tháng 8, vua ngự đến đền thờ Quốc phu thương tể Huệ Vũ đai vương ở núi Kiết Đặc¹¹, khi ra về vua ngự trên thuyền có con ong vàng đốt vào má bén trái, thương hoàng liền bị bệnh. (Chuyện chép rằng: Con ong vàng là hồn của Quốc Chẩn hiện ra. Xét thấy Quốc Chẩn tuy đã chết vì lời gièm pha, nhưng há lại có lý bê tội thù ghét vua cha? Con ong đốt có nọc độc có lẽ là việc ngẫu nhiên thôi). Gặp khi Hiến từ thái hậu may áo để tang mẹ, Thương hoàng nhân đó bảo rằng: "Ta không mặc áo này" vì lúc đó Chiêu Từ thái hậu mở dàn chay ở chùa Chiêu Quang, phát tiền cho dân nghèo là để cầu đảo cho thương hoàng đấy.

Dinh Dâu, [Thiệu Phong] năm thứ 17 [1357] (Nguyên Chí Chính năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, Thương hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, thuy là Chương nghiêu vân triết hoàng đế. Trước kia, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Ngày đầu năm, Anh Tông đi tuân thú ở ngoài biển, việc ở nhà do Minh Tông giải quyết. Có người xin làm lễ theo nghi thức thái tử. Quan ngũ ty ngàn ngai. Minh Tông nói: "Còn ngân ngại gì nữa? Trước đây vì con <24b> đích chưa sinh cho nên ta tạm thời ở ngôi này, nay đã sinh rồi, đợi khi lớn sẽ trả lại ngôi có gì đáng ngại?". Người ấy đáp rằng: "Việc ấy từ xưa phần nhiều nguy hiểm, xin hãy suy nghĩ cẩn thận". Minh Tông hỏi: "Theo nghĩa mà làm, sự yên hay nguy có gì đáng lo". Cuối cùng làm lễ theo nghi thức thái tử. Được 1 năm thì người con đích mất, Minh Tông rất thương sót và từng dạy hoàng tử rằng: "Đứa nào hết sức mưu tính sản nghiệp keo kiệt bún xin để làm giàu thì không phải là con ta. Thà phản tán của cải cho người nghèo đi như vậy không tránh khỏi túng thiếu, nhưng còn là hành động của bậc quý nhân". Khi Minh Tông ốm, triều đình muốn dựng đàn chay cầu đảo. Minh Tông biết, bèn triệu Hữu tướng quốc Phủ vào chỗ mình nằm. Vua sợ liền nói với Phủ là "Phạm Ưng Mông xướng nghị xin lấy mình chết thay". Phủ đem lời nói ấy tâu lên. Minh Tông nói: "Ưng Mông tự vào địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình chết thay cho hắn còn việc làm thay thì không nên làm". Khi ấy Hiến từ hoàng hậu thả các con súc vật để cầu Minh Tông bình phục. Minh Tông nói: "Thần ta không thể lấy con dê, con lợn mà thay được". Quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh <25a> xem mạch nói là vua phiền muộn, Minh Tông ứng khẩu đọc bài thơ ngắn cho bọn Canh nghe:

*"Chán mạch hưu luân phiền muộn da,
Trâu Công lương tể yêu điều hoà.
Nhược ngôn phiền muộn vớ hưu yết,
Chỉ khùng trung chiêu phiền muộn già".*

Dịch nghĩa:

(Bát mạch không nên nói muộn phiền,
Trâu Công dùng thuốc hay cốt phải điều hoà.
Nếu còn cứ nói phiền muộn mãi,
Chỉ sợ thuốc thêm nhưng muộn phiền).

11. Núi Kiết Đặc: Ở huyện Chi Linh, thuộc tỉnh Hải Hưng.

Có lẽ vì Cảnh ra vào nơi cung cấm, hay nói câu kỵ là, nghĩ nhưng kỵ xào quyết để nêu hoang vua nỗi ngài Cho nên mới mượn bài thơ để ngu ý châm biếm. Đến khi đang thuộc tên thi Thương hoàng không uồng. Khi đã nguy kịch, sai thi thần là Nguyễn Dân Vong đem những bản thảo thơ vua làm đốt đi. Dân Vong chán chờ muốn để lại Thương hoàng du rằng: "Vật đáng tiếc còn không tiếc, tiếc làm gì cái thứ này?" Các hoang tử đứng hầu bên cạnh, nhân do báo rằng: "Các con nên xem việc làm của những người xưa, tôi thi theo, không thi tránh xa, cần gì phải cha day". Lại thường nói: "Người làm vua dùng người không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó tốt thôi. Vì người ấy theo lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu khổ nhọc cho ta. Cho nên ta cho là người tốt mà dung họ. Nếu ta thục là người tốt, thì những người ta dung cung tôi. Như Nghiêu, Thuấn đối với Tác, Tiết, Quý. Long vậy. Nếu ta không tôi thi người ta dung cũng không <25b> tốt như Kiết, Tru đối với Phi Liêm. Ac Lai vậy. Do chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cung loại thi hợp nhau. Kiết, Tru ba có tình riêng với bê tôi của hán, nếu báo hán là tôi tám thi đúng, còn báo là có tình riêng thi không đúng". Lại dặn Hiển từ hoàng hậu rằng: "Sau khi ta mất, người ở cung Thành Tử, dung về nui". Đến khi vua băng, thái hậu theo lời đó, không theo đạo Phật.

Sứ thần Phan Phu Tiên bàn: Minh Tông có tư chất nhân hậu, thừa hưởng có nghiệp thai bình, phép tắc của tổ tông, không sửa đổi điều gì. Khi ấy có người học trò dâng sớ nói, dân phản nhiều là do dâng, đèn già cũng không có tên trong sổ không đóng thuế, không chịu sai dịch". Vua nói: "Nếu như không thế, ha dù thanh có nghiệp thai bình? Người muôn ta trách họ thi được việc gì". Bé tôi trong triều đình là Lê Ba Quát, Phạm Sư Mạnh muôn thay đổi chế độ, vua nói: "Nhà nước tư có phép tắc. Nam Bắc đều khác. Nếu như nghe kể câu tiên thần của ban học tro tuổi trẻ thi <26a> sinh loạn đây. Chỉ đang tiếc là nghe lời Trần Khắc Chung mà giết Quốc phu thương tá. Do là điều thiếu thông minh".

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Minh Tông được nên người Dao đức vốn là do trời tốt đẹp, nhưng cũng do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua con nhỏ ở đồng cung, tung nghịch lom cây đèn ngán bằng tre. Anh Tông dời xem, so không dám dâng. Hôm sau vào hâu ở lâm điện, Anh Tông rửa mặt, nhân đáy liên hồi. Anh Tông nói giàn liên quang chau rửa mặt, vua tránh vào cánh cửa, chau trúng cửa vò tan. Được sự dạy dỗ nghiêm ngặt như thế cho nên Dao đức của vua mới đều có tài nghệ.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Minh Tông là con thứ được nhường ngôi, ở ngôi đã lâu mà <26b> con địch mới sinh. Ngay đầu năm theo nghi thức thế tử mà làm lễ và nói: "Đời lớn lên sẽ trả lại ngôi vua". Giả sử con địch nuôi được thi Minh Tông có thể giữ được lời nói ấy chăng? Thưa rằng: các vua triều nhà Trần tuổi trung niên nhường nước, không đợi đến khi mệt mỏi, vốn chưa từng tham tiếc ngôi trời. Sau khi đã nhường ngôi, không đồng lu dao Phật. Xem việc bỏ ngôi vua như từ bỏ bát canh đâu. Đây là sự dạy dỗ của tổ tiên. Trong nhà đã như thế, hướng chỉ Minh Tông, tư trời vốn cao ha chịu giữ ngôi vua cho riêng con mình mà không trả lại cho con địch hay sao? Nghé Tông có thể cho em, Minh Tông hà không thể trả lại cho anh sao? Tuy như thế nhưng không thể dung lạm bài học Xưa kia An Công

nước Lô có chí tuổi già ở ấp Thủ Cửu, mà Lô Hoan Công cuối cùng phải chịu tiếng đứng đầu tội ác. Nơi là nghiệp chính, nói là thương ngời, danh từ tốt đẹp làm hại cũng ghê gớm đây. Ông Đô nhận nước ở vun cha đã làm chủ trong nom thân dân, lại nói "Ta sẽ trả lại ngôi vua" rồi lại ngoanh mắt về Phương Bắc mà ở địa vị làm bệ tội, há chẳng phải là trai con lè dung dàn ta trai với lè thương tình do sao?" <27a> Già sú Minh Tông dung la có long thanh như Quỷ Trát, Từ Tang, mà con đích của Anh Tông như con thú của Lữ Quang muốn thương ngời mà không dược mong loan ven mà không xong, mò ra cái cơ cướp ngôi vua, gây ra cái diêm bị chết chóc, há phải đợi Nhật Lê mà sau mới ngâm ngâm di chuyển đến Quỳ Lỵ, rồi tiến tới mảnh xá tác hay sao? Ké hao danh có thể thương nước có nghìn cổ xe Mạnh Tu không cho là đúng, chưa tung nói kỹ về tai hoa ấy, cho nên phải ban lời nói của Minh Tông.

Mùa hè, tháng 4, ban chiếu cho các lò Nghệ An, Thanh Hoá khởi càng cũ

Phong cho anh là Thiên Trạch làm Cung Tin vương

Mùa thu, tháng 9, tôn Hiển tử thái hậu là Thái hoàng thái hậu

Mùa đông, tháng 11, táng Minh Tông ở Mục Lạng¹¹ vì cầu né ngày giờ cho đến để châm

Sử thân Ngô Thị Sỉ bàn: Hiển tử là mẹ Du Tông. Tôn mẹ là Thái hoàng là <27b> theo điện lè nao? Không biết kê cùu thời cổ, thật quá lầm. Dương thời Nhã thân đây kháp triều đình mà không một người nào nói về việc ấy là tại sao? Lại nói, kỳ han sơn láng của nhà Trần phần nhiều không theo lè, hoặc vì việc khác, hoặc vì cảm kỹ, cầu né vào ngày giờ mà để châm việc mai táng. Co lẽ không chỉ riêng việc này.

Từ nam Ất Mùi [1355] đến năm ấy Dinh Đầu (1357) gồm 3 năm giá 1 tháng giao là 1 mạch tiên

Mâu Tuất, [Đại Trị] thứ 1 [1358] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 18), mua xuân, tháng giêng, ngày 1, đổi niên hiệu

Dai xá.

Truy tặng Quốc phụ thương tể là Quốc Chẩn làm Đại vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 han, sâu cắn lúa, ca chết nhiều

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu khuyên nhà giàu ở các lò bỏ thóc phat chán cho người nghèo. Các quan ty sở tai liệu gia trà tiên

Cho Phạm Sư Mạnh làm nhập nội hành khiển Tri Khu mạt viễn sứ

Ngo Bè lại đem quân tu họp bon ở núi Yên Phụ dựng cờ lớn, tiếm ngời <28a>, yết bảng, rằng: "Phát chấn cứu dân nghèo". Từ Thiên Liêu đến Chí Linh, Bè đều chiếm giữ

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu cho An phủ sứ lò đem quân dội phong đoàn bắt bọn trộm cướp

Kỷ Hợi ⁽¹⁾, [Đại Trị] năm thứ 2 [1359] (Nguyên Chí Chính năm thứ 19), nhà Minh sáp nhập đến thông hiệu. Khi ấy chúa nhà Minh chống nhau với Trần Hữu Lang chưa phân thắng bại. Vua sultan Lê Kinh Phụ di sứ sang Bắc để xem hưng thê.

Mùa hè, tháng 4, Chiêu từ hoàng thái phi bang

Truy tôn là Chiêu từ hoàng thái hậu (mẹ của Minh Tông)

Sư thân Ngõ Thị Sỉ bùn: Chiêu từ sinh ra Minh Tông, được hưởng nước đá lâu mà mẹ vẫn gọi là thái phi vì mẹ đích Bảo Tư con sông còn có thể nói là được. Bảo tư bang vào nam Khai Hữu thứ 2, thời Hiến Tông đến khi đã 30 năm rồi. Chiêu từ được thấy 1 con 2 cháu là thiên tử chưa được chính ngôi ở cung Trường Thủ, thay được sự phân biệt vợ đích, vợ thiếp của thời nhà Trần nghiêm ngặt như thế. Nhưng bà lại không nghe biết cái nghĩa mẹ vì con mà được quý hiển hay sao? <28b> Minh Tông coi thương việc phung dương mẹ cũng quá lạm dâng. Hiến Tông việc gì cung chưa được tự chủ. Đến khi Minh Tông băng, Du Tông đã trưởng thành, được tự quyền, cũng không biết lấy chữ thái hoàng tôn cho bà nội mà vẫn gọi là thái phi là tại sao? La do hàng ngày tai nghe mắt thấy đã quen mà các bè tôi đương thời không ai biết lấy lè nghĩa mà nói. Cả đến việc truy tôn thái hậu thì lại là sai qua.

Mùa thu, tháng 7, cho Đô Tú Bình làm Tri Khu mật viện sự. Cuối tháng 8, đầu tháng 9, mưa to, nước trôi mát nhà ở của dân, lúa ngập hết.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển tà ty lang trung; Lê Quát kiêm Hán lâm viên phụng chí

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360] (Nguyên Chí Chính năm thứ 20), mùa xuân, tháng 2, due tiên Đại Trị thông báo.

Tháng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương chính sự khôi phục tước vương. Trước kia, các tước vương đều xưng là công <29a>. Đến đây Huệ Túc truy phục tước vương, không dung lê.

Tháng 3, Ngõ Bé bị giết. Lúc bấy giờ quân các lô bắt được Bé ở Yên Phu, Bé chạy trốn, muôn về kinh để tự thú. Quan quân bắt được cả bè đảng là 30 người đem về tống giam ở kinh sư rồi giết chết.

Mùa hè, tháng 5, ngày 1, nhật thực.

Tháng 6, nước Nguyên loạn, Trần Hữu Lang tiếm xưng để đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Hai Nghìn, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan trấn thủ ở biên giới phía bắc là Hoàng Thao cho trạm làm tờ tàu ràng: "Minh và Hán đánh nhau ở Bàng Tường thuộc Long Châu. Bon Thao nhân chuyên họ tranh nhau giành nước, thu về hơn 300 người".

Mùa thu, tháng 7, nước to

Mùa đông, tháng 12, ban chiêu cảm quân tuân phủ bát giác cướp ở các lô. Ban chiêu cho các già nô của vương hầu công chúa phải thích vào trán hàm mình được phong, không

chú thích, không khai sổ bị coi là trộm cướp. Nặng thì tri tội, nhẹ thì mất chức (xem chú đó nhà Trần, phàm là gia nô đều ghi lên trán chữ "Quan trung khach" gọi là quan nô. Chữ "Toa thương nô" tức là người hầu cận vua, còn lai đều không thích chữ gì Thời Minh Dụ gia nô của vương hầu công chúa phản nhiều bỏ trốn làm trộm cướp cho nên bắt phải thích chữ).

<29b> Tân Sửu, [Đại Trị] năm thứ 4 [1361] (Nguyên Chi Chính năm thứ 21) Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở hướng đông bắc, vua tránh không ngự chính điện

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu - Trần Hữu Lang lui về giữ Vũ Xương, sai người (sang ta) xin quân, vua không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đánh cướp cửa biển Di Lý¹, quân của ~~✓~~ bắn phủ đánh tan được.

Mùa hè, tháng 5, cho Phạm A Song làm tri phủ phủ Lâm Bình (tức Di Lý).

Mùa thu, tháng 7, Ta Lai phạm tội bị giết chết. Lúc bấy giờ vua ngủ ngày ở nhà Lương Phong, chỉ có mình Ngự thư hoả Ta Lai đứng hầu chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem, vua chợt tỉnh, sai đem chém ngay.

Nhâm Dần [Đại Trị] năm thứ 5 [1362] (Nguyên Chi Chính năm thứ 22), mùa xuân, tháng giêng, ra lệnh cho các nhà Vương hầu, công chúa hiến các trò chơi Vua duyệt trò nào hay nhất sẽ được thưởng. Trước đây khi đánh Toa Đô, bắt được người hát hay là Lý Nguyên Cát. Bon trẻ tuổi con các nhà thế gia theo tập hát diệu Phương Bắc. Lý Nguyên Cát <30a> sáng tác các vở tuồng truyện cổ như Tây Vương Mẫu dâng bàn dàò. Trong tuồng đó có nhân vật là Quan Nhân, Chu Tử, Dán Nương, Câu Nô công tật cà là 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, đánh dàn, gõ phim dàn, thay đổi nhau diễn, cảm động lòng người, lúc vui, lúc buồn, tùy cảnh theo truyện. Nước ta có tuồng bắt đầu từ đó.

Vua lại tập hợp sô người nhà giàu có trong thiên hạ như ở Định Bảng thuộc Bắc Giang, làng Nga Định thuộc Quốc Oai² vào cung danh bạc làm vui. Một lần đại là 300 quan ba lân dâ gân nghìn quan rỗi. Lại ban lệnh cho tư nô cày 1 mẫu ở bờ bắc sông Tô Lịch trồng hành tỏi rau dưa, đem bán, phường đó gọi là "Toán viên" (vườn Tỏi). Làm quạt cũng đem bán như vậy. (Xét chế độ nhạc vũ nhà Trần xướng xuất là vài chục người con trai đều cởi trần đóng khổ, lượn vòng rồi hát, lúc đi một người giơ tay thì hơn chục người cùng giơ tay, buông tay cũng như vậy. Hát có Trang Chu mông diệp, Bạch Nhạc thiên mẫu biệt tử, Vi Sinh Ngọc Túc, than thở về thời thế thực đau thương. Khi yên hối ở điện Tập Hiền, trai tài <30b> gái sắc mỗi bên mươi người đều dưới đất. Lại có các loại dàn sáo, mỗi lần có tiệc lớn, trên điện có nhạc nổi lên, nhạc khí và người ở dưới giải vũ, đều không thể thấy. Mỗi lần chuốc rượu thi lai hô lớn, nhạc cử lên, ở dưới lai giơ theo. Những khúc nhạc đó là Giáng hoàng long, Nhập hoàng đà. An giao trì, Nhã thanh phong. Âm diệu đều gần với cổ, nhưng lại êm ái. Nhà Trần cho như thế là van

1. Cửa biển Di Lý. Ở xã Lý Hòa, huyện Bộ Trạch, tỉnh Quảng Bình

2. Quốc Oai. Thuộc tỉnh Hà Tây

minh Khúc ca nhạc đó truyền đi, điệu nào điệu ấy đều có thể chè chử chàng phải từ nước Nguyên đem lại, sau đó có truyền kinh).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Minh Tông lấy việc làm giàu từ sự keo kiệt để rắn con Còn Du Tông lại công nhiên gọi sòng bạc để mưu kiếm tiền, bán rau để kiếm lời những lời cỏ rách còn chàng nề hà vẫn coi là hành động của quý nhân, huống là sự chi bảo tinh vi. Như thế có thể nói nghiệp đế giữ ~~nết~~ tri bình chàng? Dụ Tông bị bệnh liệt dương không có con lai giữ ngôi báu của tổ tông mà không sớm lo người hiền kế cận để giữ cho mình vẫn cứ lao vào cái lối nhỏ mọn, đem giang son cẩm tú, kim thành thang trì bóng chúc đổ vào <31a> những đứa con phuơng trò họ Dương: những đồng tiền đánh bạc ở Nga Định, Đình Bàng, vườn tài, chiếc quat với giá rất hau, két cuc cũng chàng làm gì. Xem thi tây viên của Hán Linh Đê ¹¹¹ cũng chưa qua đáng!

Tháng 2, sao Chổi mọc ở Phương Bắc

Tháng 3, Chiêm Thành cướp phá Hoá Châu

Mùa hè, tháng 4, sai Đô Tử Bình định bố quân ở Lâm Bình, Thuận Hoá và sửa xong thành Hoá Châu

Thang 5, sét đánh điện Thiên An

Từ tháng 5 đến mùa thu tháng 7 han Soát lại tù nhân. Được mưa to, ban chiếu mién một nửa tờ thuế nám đó cho thiên ha.

Tháng 8, cho Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm Tri Khu mật viện sự.

Đối to. Ban chiếu cho các nhà giàu dâng thóc phát chẩn cho dân nghèo. Ban tước theo những thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua đến phủ Thiên Trường. Dân có ai đau ốm, cho thuốc công và tiễn gạo nhiều ít khác nhau (thuốc có tên gọi là "Hồng ngọc sương hoàn" có thể trị được bách bệnh Người nghèo đến cho 2 viên thuốc, 1 mạch tiên, 2 thằng gạo).

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Hạn hán thi mién một nửa tờ, đối thi khuyên nhà giàu <31a> bỏ gạo ra để phát chẩn; người nghèo ốm đau thi cho thuốc, cho tiền, cho gạo. Như thế không thể là không để ý đến dân. Du Tông có thể coi là thiện dày. Nhưng dân càng ngày càng cung khổ, mà không cứu nổi sự loạn lạc diệt vong là tai sao? Trong khoảng 8 năm han lụt liên tiếp, ruộng tháp thi nước đọng, ruộng cao thi có mọc. Người giàu thi không thể cày bừa, người nghèo thi không ai thuê mướn, chính sách cứu đói thi mờ mịt, chỉ trông vào thóc thừa của nhà giàu thi được là bao. Huống hồ Du Tông tuy có long lò cho dân nhưng vừa hé ra lại khép lại ngay. Nào là cung điện vươn ao, vì cái vui làm mất cái lo, tim bát chim quý, thù lợ ở khắp nơi, chuyên chó cá tôm nước mặn nắng nát, dập núi đào sông ngày đêm không nghỉ. Chuyển đá, chở que ngoại dương liên miên, người dân sống sót dến tăm cám cũng chàng chè, thế mà lam kiết sức người sức của đế phụng sự thói xa xỉ của một người. Như thế mà muốn dân không cung, nước không loạn thì có được

¹¹¹ Y chí vươn Thương Lãm nai nuôi thú của Hán Linh Đê

không? Người khéo nuôi dân là phải ít phu dịch cho sức dân được thư thái. <32a> nhe thuế khoa cho của dân được dồi dào, tích trữ nhiều để phòng khi đói kém, thế thi dân mới "vui vẻ yên ổn". Chẳng may gặp thiên tai cũng không đến nỗi keo da chét dồi. Thời vua Nghiêng, vua Thang thi đái hơn rồi, còn kho Thương binh kho Nghiêng thương của thời Hán Đường cũng đều như thế đấy. Du Tông thi sao dù nói là lạm những việc như thế được.

Mùa đông, tháng 10, núi Thiên Kiên¹ là

Tháng 12, cho Đỗ Tử Bình làm đồng tri môn hạ.

Quý Mão, [Đại Trị] năm thứ 6 [1363] (Nguyễn Chí Chính năm thứ 23), mua xuân tháng 2, ban chiếu tuyển dân binh để bổ sung vào quân của các lô.

Tháng 3, thi học trò bằng văn học, để lấy người bổ sung vào quán các². Thi lai viên bằng viết chũ để bổ sung làm thuộc viên các sảnh viện.

Truy tặng Thiếu bảo Hán Siêu làm thái phó

Mùa hè, tháng 5, trả lại chức tước cũ cho Trâu Cảnh

Tháng 6, tịch thu gia sản của chủ trai Dai Lai là Ngô Dần (trước kia thời Minh Tông cha Dần <32b> lấy được viên ngọc rất lớn đem đến Văn Đôn, các thuyền buôn xó nhau mua. Một chủ thuyền buôn muôn được của la đó, bèn dốc hết tài sản để mua Dần nhờ đó giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gá cho Dần cày minh giàu có lấy vợ lẽ và ở với vợ lẽ, lại có lời nói khinh công chúa. Công chúa tâu lên, vua tha tội chém Dần, nhưng tịch thu gia sản)

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Minh Tông dạy các con rằng kinh doanh để làm giàu không bằng tàn tài cho nghèo đói. Bóng chớp hám mồ sư giàu có của một gian thương mà gả con gái yêu của mình cho kẻ khác loài, cái gọi là: dạy bằng lời nói thì phải biến luận phải trái là như thế chăng?

Du Tông đặt sòng bạc để du kẻ giàu, tư minh tưới vườn để cầu già dát, tản lo minh chưa giàu cho nên nhân việc Ngô Dần mắc tội nhỏ mà tịch thu gia sản, chỉ ham của được thoả mãn đấy nhưng không biết dùng để làm gì? Như thế cũng dù để răn kẻ quý vật la và chất chưa nhiều của cái lam giầu.

Mùa đông, tháng 10, khởi công làm nhiều công việc thợ mộc đào ao ở vườn Ngu uyển trong hậu cung, chất đá làm núi ở giữa ao. 4 mặt đều mở đường sòng chảy thông với nhau. Trên bờ ao trồng tùng, trúc và các loại cây cùng hoa quý cỏ la <33a>. Lại nuôi nhiều chim quý, thú la ở trong vườn. Phía tây ao trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế đặt tên điện là điện Lạc Thanh, đặt tên hồ là hồ Lac Thanh Lai làm một

1. Núi Thiên Kiên. Nay thuộc địa phận tỉnh Nam Định.

2. Quán các: CM ché: "Theo quân chức chế" trong Lịch triều hiến chương... và các quy chế của triều... quân trọng yếu của nhà nước phong kiến như hố Lai, hố Bình, hố Lê, hố Hạnh, Sở Cảng, Sở Đầu, xã Đầu Chính phủ trước kia. Nhân phủ trống coi cũng việc thuộc về hoàng tộc; CM, Tập VI, NXB Văn học Hà Nội, năm 1958, tr 55.

bò nhỏ khao, sai người ở Hải Đông chờ nước mặn chua vào đó, rồi lấy các con vật cừu biển như dê, mồi cá, bò bò để nuôi ở trong hồ, lại sai người Hoa Châu chờ cá săn bắt, so đây. Lại đào hồ Thành Ngự để thả cá điếc. Đặt chức khách do để trông

Sư thần Ngô Thị Sí ban: Hoa da cảm thư think nhu thơ: Tông Huy Tông.
 ... chưa nuôc mặn để nuôi cá săn cảng la tư tưởng la lung. Tuy Dang
 Đô ro nết cảng không có cái thư thất sú đây. Có thể nói là tui mà quên chết.
 Giá từ chối, cát tri tué khôn khôn áy để tri nuôc thi làm gi phải lo đến sự bài
 rong?

Gặp Thần, [Đại Trị] năm thứ 7¹¹ (1364) (Nguyễn Chí Chính năm thứ 24), mua xuân, tháng 2, dùng thách lang¹² lạy diện tháng đèn <33b> của Quảng Phục

Mua hè, tháng 4, thường cho Bùi Khoa¹³ tước nhì tư Khoaan là quan chinh trưởng phong ngự ở cung Vinh Yên, vua với cho uống rượu. Khoaan làm kế giá uống hết 100 thang cho nên thường nhì tư.

Tháng 5, vua có bệnh kinh kỳ nhân vua hóng gió xem trang uống rượu quá say tự uống, lòng tam thê là bị bệnh, sai các quan thầy thuốc là bọn Trâu Cảnh ngày đêm trực ban, trước tháng Mua thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Sư thần Ngô Thị Sí ban: Hoang 16 dâ day: 'Nỗi tóc xác hoang, ngoại tác
 cảm horizon Cam lầu thi âm tuấn vũ diệu tượng. Hữu nhất vú thử, vi hode bất
 cương.'

Nghĩa là

Trong thi mè gai đep, ngoại thi mè oán bẩn Thích rượu, ham ăn nhac Lam
 nha cao, dấp tượng đep Phạm mồi diêu trong 4 diêu nay. Chưa tung ai không bị
 đết rong. Tuy may mà được chết yên lành, nhưng mình làm những việc làm đáng
 mè nưa, để lại sự ron đe cho nghìn đời. Dương thời thần tượng tối như Trang
 Định Cung Tuyệt, triều thần giới <34a> như Sư Mạnh, Ba Quát không biết thoát
 ra lời đe ngán lai, ngồi mà nhìn vua thất đức, không cứu vớt cái tai hoạ theo sau
 là tai sao vậy? Đó chàng phải là chi ngán chọn những mâm móng chứ không muốn
 phạm vào cái nhục can ngăn rõ ràng, nên như thế chàng? Mạnh Tử ban về cái khó
 khăn của người cung họ và người khác họ, hai bậc ấy không thể tu chí về trách
 nhiệm của mình đây

Tháng 8, tuyển binh nam trong nước, định ra 3 hang quân ngũ, sám sửa chiến thuyền, và khi để phòng việc biên giới.

Mua đông, tháng 10, Cung Túc vương là Nguyễn Đức mất

Ái Tỵ, [Đại Trị] năm thứ 8 (1365) (Nguyễn Chí Chính năm thứ 25), mua xuân, tháng

¹¹ Hoa thi Nam là là năm thứ 4 Phúc là năm thứ 7 mộc动荡

¹² Khách lang: nhà hành lang

giêng Chiêm Thanh cướp pha ở biên giới Hoa Châu. Trước kia theo tục của Hoa Châu hàng năm cứ đến mua xuân, tháng giêng, con trai con gái họp lại đánh du ở Bà Dương. Người Chiêm Thanh đã ngâm phục từ tháng chạp năm trước ở đầu nguồn của Châu để ngay bồi áp đến cướp người chơi xuân đem về.

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu cho các quân sơn lâm¹ ở Lang Giang trấn thủ bến phong, vì đất phía bắc loạn Minh Hán tranh giành nhau². Đại đồn ở Nam Ninh, Long Châu Cho nên phải phòng bị nghiêm ngặt.

Khi đó người Thanh Hoá là Thiệu Thốn làm phòng ngự sú Lang Giang, tháng linh quân Lang Giang, đóng đồn ở Đông Bình Giang khéo vỗ về quân sĩ, quân nhân vui vẻ. Sau vì em trai kiêu ngạo bị truất bỏ, ông bị liên lụy mất chức. Trong quân đón ra câu rằng: 'Trời biết nỗi oan, ông Thiệu được làm quan'. Không được bao lâu thì mất.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Thiệu Thốn là một viên tướng ở biên trấn. Ông mất quan, mất chức cho đến khi được quan trong quân ban đầu thi tiêu, tiếp do thi nhó rồi lại mừng. Được long người sao mà lâm thế³. Chung khi ông ở trong quân, một da vỗ vẻ, gồm việc gì cũng dể dái, có an huệ như người che khu rặng ủ khí lạnh, không kiêu ngạo, lúc khó nhọc che chở, kheo vỗ tè quân sĩ <35a> như nha viết sứ đã khen. Trong quân vui vẻ vẻ sự róng ráng của ông đã làm eo thắt không tiếc lục ông đi, mà buồn lục ông về chàng. Một lối nhó không che nát dao đức lớn! có cái mừng là cung chung trong hang ngũ, không có cái khổ bao ta phải lo buồn. Có lè là mừng được ý nguyên cõi ta mà quy cho trời, đây là điều đang chu trong ó 3 bài ca đây. Ôi! là viên tướng nhỏ mà con như thế, nếu thông linh ba quân mà làm doi tương thi như thế nào! Nếu được trác giữ các thanh mà chán đất dân thi sẽ ra sao? Thế mới biết không gì mạnh hơn long người, có thể lấy long thành thục mà cầm hoa, không có co làm nhòm ago con chim muông. Trong long đức tin có thể thâu đến con lớn con ca. Chỉ so ta không có lòng thành nhất mục dây thời. Người quân tử xem việc của Thiệu Thốn thi biết được cái đạo nuôi dân

Minh từ hoàng thái phi Lê thi mất. Minh từ là mẹ đẻ của Nghệ Tông. Minh từ và Hiển từ cùng mẹ, là con gái của Nguyễn Thành Huân già cho người họ Lê rải sinh ra.

<35b> Bình Ngo, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366] 'Nguyễn Chí Chính năm thứ 26' mùa xuân, tháng giêng, sai Tà bộc sa là Tàng Khoan, Hữu bộc sa là Lê Quát, duyệt định số định của Thanh Hoá (Quát là người Thanh Hoá, lúc it tuổi đi học ở kinh sư Ban của ông di sang sứ Yên Kinh. Quát tiền ban có làm thơ rằng

1. Sơn lâm: Chỉ các dân tộc miền núi

2. Minh Hán tranh giành nhau. Tức Trần Hầu Lang và Minh Thuỷ Lô

"*Dịch lô tam thiên quân cự an.
Hai mươi tháp nhì ngó hoan san
Trung triều sứ giả yên ba khách.
Quân dâng công danh ngó dác nhàn*"

Định nghĩa

Bà ngàn dặm đường trám anh lén ngựa.
Mười hai cửa biển tối vô ngàn
Kết sang sứ ở Trung triều, người làm khách nơi mây nước.
Anh được công danh tối được nhàn

Người hiểu biết cho rằng Quát sáp được quý hiến Quả nhiên sau ông đó làm quan
còn hơn cả ban ông

Tháng 3, giac Chiêm Thành sang cướp phu phủ Lâm Bình, quan phủ Phạm A
Song được danh hiệu giac Song được nhän chức Đại tri phủ phủ Lâm Bình, hành quân thủ
ngự sứ

Mùa hè, tháng 4, ban chiếu cho An phủ sứ eae lô phải thu bắt bon giac cướp

Tháng 6, vua đến chơi hương Mê Sở Mê Sở là nơi ở của Thiếu úy Trần Ngõ Lang
Vua đi thuyền nhỏ đến nhà ông, đến cạnh bờ mới về kinh Thuyền đi đến sông Chử Gia¹⁾
bị mất tron An hau và kiêm hau Vua tu biết mình không sông lâu, lại càng thả sức chơi
lại <36a> Năm ấy nhà Hán mất

Dinh Mùi [Đại Tri] nam thư 10 [1367] (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương Hồng
Vũ nam thư 1)²⁾, mua xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở khoảng sao Mão

Thang 2, Chiêm Thành sai Mue Ba Ma sang xin trả lại biên giới Hoa Châu. Tháng
3, làm hành lang dài từ gác Nguyễn Huyễn kéo thẳng đến Đại Triều phía tây (làm chỗ
che mưa nắng cho quan tiền triều)

Mùa hè, tháng 1 quân của bon Trần Thủ Hưng kéo đến Chiêm Đông³⁾, quân mai
phục của người Chiêm nổi lên, quân ta tan vỡ Thủ Hưng bị giac bắt được. Từ Bình đem
quân về

Minh Thái Tổ lên ngôi vua ở Kim Lang, đặt niên hiệu là Hồng Vũ. Sai Dịch Tề Dân
sang tham nước ta

Mùa thu, tháng 8, sai Lữ bộ thi lang Đào Văn Dịch sang nước Minh đáp lễ

1) Sông Chử Gia: Tên khía sông ở xã Chử Xá thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Dương

2) Năm ấy nhà Nguyễn mới mới phò

3) DA NẴNG: Chép là Nguyễn Chí Chính năm thứ

4) Chiêm Đông: Thanh địa phồn vinh (Hưng Nam - Đà Nẵng)

Mùa đông tháng 10, triều đại sì Chi Linh là Huyền Văn vào cửa khuyaết để hỏi về phép tu luyện. Gọi tên đồng ông ở là đồng Huyền Thiên

Kỷ Dậu [Dai Tri] năm thứ 12 [1369] (từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lê Đại Định năm thứ 1 Minh Hồng Vũ năm thứ 2), mua ha, tháng 4, ngày 1, nhật thực

<36h> Ngày 25 vua băng ở tẩm điện, miếu hiêu là Du Tông

Ngày 10, tháng 6, mưa to gió lớn

Hiên từ Hoàng thái hậu cho con thư Cung Túc dai vương Đức là Nhật Lê lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Định

Nhật Lê là con người phuơng cheo tên là Dương Khương.

Mẹ Nhật Lê gọi là Vương Mẫu, lúc dien trò (có truyền "Vương Mẫu hiến bàn đao", mẹ Nhật Lê đóng là Vương Mẫu, do đó lấy làm hiêu), đang có thai, Đức thích sác đẹp của nàng nên lấy về, đến khi sinh cho là con của mình. Đến khi ấy vua băng, không có con nối ngôi, thái hậu bảo quân thần rằng: "Đức là con đích trưởng không được làm vua lai mốt sớm, Nhật Lê không phải là con của Đức hay sao? Thế là sai người đón về lập làm vua, truy tôn Đức làm Hoàng thái ba.

Sử thân Ngô Sí Liên hàn: *Du Tông vì dâm thuyên mắc bệnh, ha lai chẳng biết mình không có con nối ngôi sao? Nhật Lê là con của người phuơng cheo ho Dương há lai không biết không phải là con của Đức sao? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ. Nếu nghĩ rằng xá tác là quan trọng thi chọn người có tài đức để lập làm con nối ngôi <37a> để yên lòng trong mong của thiên hạ, gốc của nước vững vàng dây. Du Tông đã không làm được như vậy, đến khi mắc bệnh lai không mưu tính cùng Thái hoàng đặt kế cho xa tác lai ban chiêu cho Nhật Lê nối dòng để làm tuyệt dòng dõi của mình. Sau khi mình đã mất thi tai hoa lây đến Thái hoàng và Thái tổ. Nếu không có Nghê Tông và các tôn thất thi nhà nước đã chẳng phải của nhà Trần nữa. Vua biết tôn trọng thầy dạy mà không biết bàn việc nước với thầy. Cho nên người hiền không nên chỉ để làm vì. Chu An bỏ đi, không có ai nói cho đạo tốt đẹp, như câu người ta thường nói: "Không tin bậc nhân hiền thi nước trông rỗng như không có người vây"*

Sử thân Ngô Sí Liên hàn: *Du Tông tuổi trẻ bị bệnh liệt dương, lúc già lại bị tám sông mà mang bệnh, vốn là cai diêm không có con. Đến ngôi 20 năm, hơn 30 tuổi, chỉ biết có yên tiệc, chơi bài, và vét, không lo đến cản bần của nước. Có con nối dõi hay không <37b> người đồng họ có ai đang lập hay không? cũng mơ mang không biết. Bàn cù chep: Đến ngay sắp mất, vì không có con nối dõi ban chiêu rước Nhật Lê nối ngôi chỉ là lời phỏng đoán dav thời! Không nghe Nhật Lê lên ngôi là do mệnh của Hiền tử, chư làm gì có di chiêu của Du Tông? Nghê Tông và bọn Nguyễn Trac đều là bậc tướng quốc thân vương giữa lúc lúa mót, con nối ngôi chưa định, miếu hậu không biết chọn lập, người giỏi trong các thân vương chỉ bo bo tranh sự hiền khinh, không nghe có sự đem việc có nên chọn người lập lên hay không.*

túu lên Thái hậu. Hiển từ là dan bà mới minh giải quyết việc ấy. Thủ hồi rằng: theo lẽ Cung Tục là đích trưởng mà không được lập, không biết rằng vì Cung Tục là người diện cuồng. Cho nên Minh Tông không trao ngoài cho, thế mà cứ muốn danh riêng cho con Cung Tục, khiến cho kẻ phương cheo không phải nói giống, giả mạo mà được có nước thì con gì tài lanh lẹch lạc hơn nữa. Chẳng bao lâu Hiển từ bị giết. Nguyễn Trac bị hại. Nghệ Tông đơn thân bỏ nước, chỉ lo giữ mình. Nhà Trần chưa mất <38a> có lẽ là do trời đây Nhà làm sứ khen Hiển từ vì là Nghiêm Thuần thà cõi trong giới nữ. Còn Nghệ Tông và các tôn thất khác thì không trách đến, họ phải là lời ban dịch đúng sao!

Mùa thu tháng 8. Nhật Lễ tôn Hiển từ hoàng thái hậu là Hiển từ Tuyên Thành thái hoàng thái hậu. Nghị Thành hoàng hậu là Huy từ Tá thành hoàng thái hậu.

Lấy con gái Cung Định vương Trần làm hoàng hậu

Mùa đông tháng 11. mai tang Du Tông ở Phu Lang

Vua Minh sai Ngưu Lang. Trương Dí Ninh đem ăn sắc sang, chưa có mệnh phong sach, đến khi ấy mới đưa đến thì Du Tông đã mất dành trả về. Dí Ninh bị ôm mặt ở đoc dương. (Lang có thơ viếng Du Tông rằng

"Nam phục thương sinh diện châm an,
Long Biên khai quốc không chư man.
Bao mao sa hỷ thông vương công,
Gói lô Ninh kỵ biệt thư quan.
Dan chiêu viên ban kim án trọng,
Hoàng trường tân bê ngọc y hàn.
Thương tâm tài thi thiên triều sù,
Đức kiến vô do lè mán an".

Dịch nghĩa

Dân cõi An Nam được trị an.
Long Biên mở nước giữ người Man
Vừa mừng lê vát sang dâng công.
Bí ca đầu nô bỏ các quan
Chiêu báu An vàng xa ban xuống.
Chén vang áo ngọc da lila trân
Sự thắn là kẻ thương tâm nhất.
Không thấy dung nhan huống lè trân

Cung Định vương Phu tiên bon Lang có thơ rằng:

*An Nam tết tương bát nồng thi.
Không bá tra ôu tống khách quy.
Viên Tân Sơn thanh Lô thuỷ bích.
Tuy phong trục nhập ngù vân phi.*

Dịch nghĩa:

*An Nam té tương thơ kém hay.
Tiến khách bình trà lè mon này
Non Tân xanh, Sông Lô nước biếc.
Gửi qua làn gió, bay theo mây*

Làng bão ràng Phú tất có nước (lam vua). Quả đúng như lời nói.

Nhát Lê phong Hữu tướng quốc Nguyễn Trác làm thương <38b> tướng quốc thái té.

Tháng 12, Nhát Lê giết Hiền từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu ở trong cung Thái hậu bản tính nhân hậu. Trước kia Minh Tông ngủ ở bắc cung, có người canh cửa bắt được ở giếng Nghiêu Quang 1 con cá bống, trong miệng ngâm 1 vật, moi ra có các chữ tên huý của "Dụ Tông, Cung Túc, Thiên Ninh" đều là lời bùa yểm, Thái hậu ngâm hỏi biết được người mua cá là thứ phi Triệu Mộng, do thứ phi của Cung Tình vương Nguyễn Trác sinh ra. Minh Tông muôn tri đến cùng, thái hậu xin thôi không hỏi đến Đến khi Minh Tông băng, tướng quân Trần Tông Hoác đem việc này tố cáo với Du Tông. Thái úy suýt bị hại (Thái úy tức Cung Tình vương, được phong năm Thiệu Phong thứ 2), thái hậu hết sức cứu mới thoát được. Dương thời khen thái hậu là tròn đáo làm mẹ Tuy phạt con đích, con thứ không giống nhau, nhưng lòng nhân từ không khác nhau, để cho An nghĩa của anh em, cha con, vua tôi không thiếu sót chút nào, thật là từ xưa tới nay chưa hé có. Thái hậu thường hỏi hán về việc lập Nhát Lê. Nhát Lê ngầm bỏ thuốc độc giết chết bà

DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYẾN VIII

<1a>

NGHÈ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huy là Phù, con thứ 3 của Minh Tông, mẹ đích là Hiến từ Tuyên Thành (thai hoang thai hậu, mẹ đẻ là Minh từ Hoàng thái phi, ở ngôi 3 năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua dẹp yên nội loạn, khôi phục cơ dở, trung hưng cơ nghiệp, rang rỡ đất trời, tinh tinh diêm đam, không coi việc được lên ngôi vua làm vui. Cũng là bậc vua hiền cuối thời nhà Trần. Chỉ tiếc là lòng nhân từ có thừa, mà tinh cương quyết không đủ. Giac bên ngoài xám lán kinh kỳ, gian thần bén trong nhòm ngó ngôi báu, cơ nghiệp nhà Trần ngày một mòn mỏi cho đến lúc mất)

PHU HỘN DỨC CÔNG DƯƠNG NHẤT LỄ 1 NĂM

Canh Tuất, [Thiệu Khánh] năm thứ 1 [1370], tháng giêng trở về trước là Dương Nhât Lễ năm Dai Dinh thứ 2 (Minh Tông Vũ năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, vua nhà Minh sai đạo sĩ là Diên Nguyên Phuc đến tế thần ở núi Tân Viên và các thuỷ thần ở Sông Lô. Vua thần làm bài văn tế Nguyên Phuc vào đờ thành làm lễ, khắc đá để ghi việc này. Sau đó từ biệt <1b> ra về.

Nhật Lễ đã tiêm ngôi, rượu che đậm đà, hàng ngày chơi bài, thích chơi các trò, muôn đời lại họ Dương tôn thất và trăm quan đều thất vong.

Mùa thu, tháng 9, Thai té Nguyên Trác và con là bon Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết chết. Cha con Nguyên Trác và hai con của công chúa Thiên Ninh đang đêm đưa những người tôn thất vào thành giết Nhật Lễ. Nhật Lễ vượt tường nấp ở dưới cầu mơi, mọi người tìm không được ben tản ra về. Trời gần sáng, Nhật Lễ vào cung, cho người đi bắt nhưng người chủ mưu, công 18 người. Bon Nguyên Trác đều bị giết hai

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Nhật Lễ tiêm ngôi trại, là người tôn thất, há lại có thể ngồi trong đế cho xá tác chuyển sang họ khác được ư? Giữa lúc đó Nhật Lễ có tội giết Thái hậu, tiếc rằng những dai thần, tôn thất không biết vạch tội của nó ra mà giết đi <2a>, mưu kế vung vẻ so hó lại bị nó giết hại. Đang thương thay.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Nguyên Trác và Nghê Tông đều là con của Minh Tông. Du Tông không có con. Hiến từ đều không có ý chọn người lập lên mà cứ bo bo muôn canh đáp cho Nhật Lễ làm con đích. Nguyên Trác và Nghê Tông ở vào thế

hiếm nghĩ, mà mâu hâu làm chủ kế hoạch và tác, dám nói ra điều khác thi Nguyên Trác và Nghè Tông ngâm miêng không dám nói, cung bị níu tay mà không hành động được. Đến khi ấy, Hiên tư đã mất, tội ác của Nhật Lé đã rõ ràng rồi, mới lập hợp đồng minh trong tôn thất níu giết Nhật Lé ở trong cung cấm, rồi sau mới kể rõ tội ác của nó. Có lẽ chưa lương được long người, theo họ Lưu hay theo họ Lữ, cho nên chưa dám hành động dang hoang, trong lòng cũng thắt đau khổ đầy. Tên hung thủ lột lót ma người trung nghĩa bị tội chí vì sự bao ứng về thiên ác đến hơi chemento, nhưng cũng không vì thế mà che lấp đại nghĩa.

<2b> Mùa đông, tháng 10, Cung Định vương Phú chạy đến Đà Giang Vương có con gái là hoàng hậu của Nhật Lé sơ tai hoa đến mình tranh ra ở trấn Đà Giang (tức là Gia Hưng) lánh nạn, ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên vương Kinh Chương, Túc Quốc thương hầu Nguyên Dan, và Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha họp nhau ở sông Đại Lai¹¹, phủ Thanh Hoá để dâng binh. Khi ấy Nhật Lé dùng Thiếu úy Trần Ngõ Lang làm việc Ngõ Lang cùng mưu với Cung Định vương, mãi khi sai quân tướng đi đánh bắt, thì ngầm bão di theo Cung Định vương chờ về. Nhiều lần sai các quân Nam Bắc không một người nào trả về Ngõ Lang xin di, [Nhật Lé] không cho. Trước kia Cung Định vương vốn không có ý lấy nước, công chúa Thiên Ninh bảo rằng: "Thiên ha là thiên ha của tổ tông sao lại bỏ nước cho người khác, ông nên di, tôi sẽ đem bon gia nô dẹp yên được". Chỉ hâu nội nhân phó Nguyễn Nhiên biết là Nhật Lé muốn hại Cung Định vương, cung khuyên Vương nên sớm thay cơ mà tránh. Ý Cung Định vương mới quyết (khi Phú di, làm bài thơ gửi cho em là Kinh. Thơ rằng:

Vì cục sám thảm tiên khú quan.
Trác thân, độ linh, nhập sơn man.
Thát lang hối thù thiên hang lè.
Van lý lương tâm <3a> lương man ban
Khứ Vô dỗ tôn Dương xu tác,
An Lưu phuc dỗ Hán y quan
Minh Tông su nghiệp quân tu kỵ.
Khôi phục Thần kinh chí nhật hoàn"

Dịch nghĩa.

Ngôi lòn gièm nhiều ở làm chi?
Lánh thân vượt nui, đến man di
Bảy lang¹² ngoảnh lai chầu tuôn ưa.
Muốn dám đau lòng tóc bạc di

1. Sông Đại Lai: Úc chỉ lưu Sông Mã thuộc địa phận Thanh Hoá

2. Bảy lang: Tức 7 lang của 7 vua nhà Trần là Thái Tông, Thành Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông, Thiên Tông và Dụ Tông

Trù Vô ⁽¹⁾ cho yên Đường xã tác.

An Lưu ⁽²⁾ phục lai Hán quan y

Minh Tông sư nghiệp em nén nhở.

Thu phục Thần kinh nhất định về

Người báy giờ cho bài thơ Ấy là lời sám Đến khi lên ngôi, vua muôn trả ơn cho Nguyễn Nhiên nén cho Nhiên làm hành khiển, tháng tá tham tri chinh sự. Nhiên biết chữ không nhiều, khi phê giấy tờ, Nghè Tông thường viết chữ bão cho.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Noi cho vua biết để tránh nạn là ơn riêng, ban tước ở triều đình là việc công. Vua nghĩ đến ơn của Nguyễn Nhiên thì cho vang lúa là được. Chức hành khiển khi ấy cũng như chức Khanh dời Chu. Để giúp đỡ chinh sự trong nước mà cho người không biết chữ làm, là không phải sự ken chọn công bằng dáy.*

Tháng 11, Cung Dinh vương đem quân tiến về kinh thành phê truất Nhật Lễ, giết chết rồi lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu Đại xá cho thiên hạ. Trước đây vua vì thay Nhật Lễ vô đạo, tranh nan mà chạy ra Trần Ngõ Lang ngầm xin làm nội ứng. Tôn thất bách quan lần lượt ra khỏi thành theo vua, khuyên vua sớm trở về nước để thanh trừ loạn trong nước, vua ngheen ngào cảm ta. Mọi người đều náo nức cầu xin định ngày lên đường <3a>. Khi quân tiến, tiếng hoan hô xa gần vang trời.

Ngày 13, đến phủ Kiên Hưng ha lệnh phê Nhật Lễ làm Hòn Đức công. Ngày 15, sám lê vật sai quan tể cao các miếu nói: "Sự việc ngày hôm nay không phải ý của tôi nghĩ tới. vì việc của xã tác không thể tránh được, trong lòng lo then. Xin nhận ngôi tôn vinh để đến dập chút chi nguyên sẵn có. Hôm Ấy lên ngôi vua, đổi niên hiệu, đại xá, xưng là Nghia Hoàng Quân thân dâng tôn hiệu là Thế thiên kiến cực thuận hiếu Hoàng đế. Ban chiếu từ nay đó dùng và xe đều dùng son đen, không được trang sức bằng vàng son châu báu.

Huệ Ý phu nhân mất ở Sông Hồ thuộc châu Trương An (ở phủ Kiên Hưng) truy phong là Thục Đức hoàng hậu (vợ cả của vua).

Xe vua đi đến bến Thủ Gia, quân thân dồn mừng tung hô van tuế. Ngày 21, quân đóng ở Đông Bộ Đầu. Ngõ Lang xin Nhật Lễ viết thư nhận tội, nhường ngôi rồi kéo nhau ra đón vua. Vua ôm lấy khóc lóc và an ủi rằng: <4a> "Không ngờ ngày nay sư thế như thế". Các tướng đều phẫn nộ vung kiếm thét lớn rằng: "Trời sai đánh kẻ có tội. Tên phản tội kia -ao còn được nói nhiều! Bé ba há nên vì lòng nhân từ bịnрин mà bỏ nghĩa lớn sao?" Quai quân si lôi (Nhật Lễ) ra, sai giam ở phường Giang Khẩu. Nhật Lễ triều Ngõ Lang vào trong màn rồi nói dối: "Ta có hú vàng dấu ở trong cung, người hãy vào mà lấy". Ngõ Lang quy xuống nghe lệnh. Nhật Lễ bóp cổ giết chết. Chú Ngõ Lang là Trần Thế

1) Trù Vô: Túc la trù họ Vũ (Vũ Tắc Thiên) bắt Vũ Hầu phải trả lại ngôi cho Trang Tông và đổi lại quốc hiệu là Đường.

2) Lưu Túc la Lưu Lữ Hầu (sát Hán Cao Tổ) chiếm ngôi làm vua, sau Lữ Hầu chết, Chu Hầu đem quân đánh him vày canh họ Lữ, khôi phục nhà Hán tức họ Lưu.

Dù đem chuyên áy tâu lên vua. Vua sai danh chêt Nhật Lé và con nó là Liếu. truy tang cho Ngô Lang chức nháp nội tư mã, đặt tên thụy là Trung Mẫn á vương. Vua đã về nước. thường phạt phân minh, dùng người hiền tài. chọn những tré con trai gái mồ côi của người tôn thất đưa hết về nuôi ở trong cung. Việc cưới xin, ma chay, cúng tế đều lấy của công cấp, quy định thành chế độ. Còn các việc như lê cũ. Vua thường nói: "Tiên triều dựng nước, từ có chế độ phép tắc, không theo chế độ nhà Tống, bởi lê Phương Nam Phương Bắc đều có vua của nước mình, không phải theo nhau. Khoảng năm Đại Trị, kế học trò maitráng được dùng làm việc không thấu đạt được ý <4b> của sư lập pháp đem phép cũ của tổ tông bày đặt theo tục của Phương Bắc. Như các loại quần áo nhạc chương không kể hết được. Cho nên chính sư buổi ban đầu việc gì cũng theo lê cũ của đời Khai Thái.

Tri tội Trần Nhật Hach làm nguy đến xã tắc. Nhật Hach và Nhật Lé đồng mưu khuyến khích việc giết người tôn thất, cho nên giết di.

Quốc tử giám Tu nghiệp Chu An maitráng, tăng Văn Trinh công, cho được thờ phu ở Văn Miếu. An tính cương trực trong sach giữ tiết thảo, không cầu danh lợi hiển đạt. Ở nhà đọc sách, học văn tinh thông thuần thực gần xa ai cũng biết tiếng, nhiều người đến học. Thường thường có người được vào chính phủ như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm đến chức hành khiển cũng đều giữ lê học trò, khi đến thăm hỏi vẫn lay dưới giường, được chuyên trò vài câu là mừng lám. Có điều gì không phải thi quở trách, thậm chí quát mang không cho vào. Ông nghiêm nghị đang sơ như thế. Minh Tông mới vào phong làm Tu nghiệp, day thái tử học kinh. Du Tông ham chơi bời, lười làm chính sự, quyền thần nhiều người làm điều phi pháp. An can ngăn không được <5a> bèn dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần, đều là những người có quyền được vua yêu. Lúc bấy giờ người ta gọi là "Thất trảm sớ". Sớ dâng lên không được trả lời, ông bèn treo mũ về quê. Ông yêu cảnh núi Chi Linh, đến ở đây. Khi nào có triều hội lớn mời đến cửa khuyết. Du Tông muôn uy thac chính sự cho ông, ông từ chối không nhận. Hiển từ Thai hoàng thai hâu noi. Ông ta là kẻ si sửa mình trong tráng, thiên tử còn không bát làm bê tôi thi sao có thể đem chính sự mà giao cho được? "Vua sai nội thần đem áo ban cho, ông lay tạ rồi lui cho người khác. Thiên hạ khen ông là có khí tiết cao thương. Đến khi ấy, Du Tông bang, quốc thông gần như bị đứt, nghe tin quân thần rước vua về lập, ông mừng lám bèn chóng gài đèn bài yết, rồi lại xin về quê. Ông từ chối không nhận chức tước. Vua ban cho hâu lê rồi đưa về. Không được bao lâu thì ông mất ở nhà. Vua sai quan du tê ban tên thụy, rồi có mệnh lệnh cho thờ phu (Van Miêu). Lê Bá Quát vốn tên là Lê Quát, hiệu Mai Phong là học trò giỏi của Chu An, nhiều lần làm quan đến chức Thương thư hữu bat. Ông muốn làm sáng tỏ đạo thánh, bài trừ di đoan nhưng cuối cung không làm được. Ông từng làm van bia ở chùa Thiệu Phúc, Bắc Giang. Bài van như sau: "Nhà Phật dùng họa phúc làm lay động lòng người, sao được người ta tin theo sâu sắc và bền vững đến thế". Trên từ vương công, dưới đến thú dân hể bố thí vào việc nhà Phật thi du có hết tiền của cũng không doi tiếc <5b>. Nếu ngày nay phó thác vào chùa tháp, thi cũng vui mừng sung sướng như giùi được bàn khoan Ước để lấy được sự bao dap ngày sau. Cho nên trong tu kinh thành, ngoài đền chùa phu, cho đến thôn cung ngõ hèm không có lệnh mà vẫn theo, không

nhà thờ mồ vẫn tan. Đầu có người ở thi đáy có chùa Phật, bỏ rồi lại lấp, hong thi lại chữa, làm, đúc chuông trong chươn gần phần nua dân cư đáy lên rất dễ dàng, tôn sùng rất mực. Ta kia con rồng như rùa chui y khoai cùa xưa nay, cũng tam hưu được đào cùa thành nhau, để giao ban cho dân, nhưng rồi cuộc cung chúa có nói một long túi theo. Ta thường đào xem nòng nua, đầu chôn tại cửa tháp, bờ chùa tím được hòn cung, vân miếu ở đâu. Vì thế ta rất lấy làm xấu hổ với tin đồn của nhà Phật. Bên viết ra đây để tỏ lòng ta.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Người hiền tài được dùng ở đời thường lo người làm vua không theo điều mảnh học được, người làm vua dùng người hiền tài thường so người hiền tài không theo i mảnh. Cho nên cùa tài hợp nhau, từ xưa là điều khó. Nhưng người Nho học nước Việt ta được dùng ở đời không phải là không nhiều. Nhưng có kẻ để chí ở công danh, có kẻ để chí ở giàu sang, kẻ hoa chưng anh sang trọng bùi dinh, có kẻ hướng lộc già mình. Nhưng chưa có người để chí đến dao đức may nghi giúp: xưa có đức tài cho dân được nho an. Tô Hiến Thành thời Lý, Chu Văn Trinh thời Trần <6a> gần được như thế này. Nhưng Hiến Thành gấp được vua tài nên công nghiệp xanh hiển dương thời. Văn Trinh không gấp được vua tài nên chính học được thấy ở đời sau. Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thời xưa thì nổi tiếng trước mặt. Khi ra làm quan, khi lui về thu giữ điều dung dân Dao tạo nhân tài thi công thành đều từ cùa ông mà ra, khi iết cao thương, thuận từ không bắt làm bê tài. Hướng chí nơi mạt nghe ngâm ngữ mà dao làm thày được nghiêm, lời nói làm liết làm bê nách phải so. Sáu hàng nghìn năm nghe noi phong thái của ông ha kẻ diệu ngao không trả thành liêu chính. Ké nha nhược không thể tự lập được sao? Nếu không tìm hiểu duyên cùa thi sĩ mà biết được tên thuy ấy là xứng đáng với thực tinh. Thực đang là bắc tông nho của nước Việt ta và được thọ phu ở Văn Miếu. Còn như Trần Nguyên Đán là bắc quan khanh hiền tài cung hoa tuy có khai phách trung thành không khai, nhưng bù mạt thế nước cho là không làm thày nào được, trốn tránh quyền làm trong quốc để hòng bảo toàn gia thuộc của mình khi nước bị sup đỗ <6b>. Trương Hán Siêu là bê tài cùa học bắc giáp, tuy có tinh thông thán nhưng lai kết bạn với người không dâng bê bát, gả con em: cho người không dâng gả con, so với Văn Trinh sao được, hướng hò cùa những người hem nái.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Không Tú không sinh vào thời Văn, Vũ, Thành. Khang¹¹ mà sinh vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chu, Trinh, Trương, Chu¹² không từng một ai lên dia vì tướng thán, mà nhiều lần bị bọn tiêu nhân cùi dập. Trời không phai không để vùi dân dài, có lẽ không chyun vì lợi ích nhất thời, mà thực vì đánh giặc cho muôn đời, sự run trống iết lâu dài. Chu Văn Trinh đào học thuận tự, khi iết cao thương, ngày tháng không nghỉ đèn thán, lòng trung không quên cha, thong dong nai triều hội, coi thường tước lộc, khi đi khi tới, khi tiến, khi lui, từ hay nhàn, lèo hay cho, rất chính đáng. Nước Việt, người được tôn là bắc tông Nho, từ xưa đến nay mai chi có mới. Tuy không được <7a> đem hết tài năng để

1. Tú: Văn Vương, Vũ Vương, Thành Vương, Khang Vương, nhà Chu ở Trung Quốc

2. Tú: Chu Dân Di, Thành Hán, Trinh Di, Trương Tín, Chu Hý, đều là người thời Tống ở Trung Quốc

chỗ thi thử thi gian nan mà không đồng lòng với làm thi nghĩa dù
nhưng vẫn thi kinh tin quan thi tôn trọng Ban quan gian du giàn cũng rất thà
chóng dam làm gì. Có lẽ làm cho quân lâm binh bớt tự lập, bê tròng nganh tra
thanh liêm chính, quan hệ rất lớn. Trước sinh ra người tài giỏi có nhiên là muốn để
cố ích cho đất và cung muôn cho họ con mài tài đất. Người đời sau tiếc hùn
về nết Chi Linh có tráng đồng sông Cung Hoàng họ không tôn trọng khai tết của
tiền sinh mà ngưỡng mộ hay sao? Chu An người xã Thành Lết huyện Thành Dụm
Nơi ông ở gọi là thôn Văn, giáp địa giới với Cung Hoàng để dạy học trò, từ đó
hiếu là Thời An người đến học rất đông. Trước nhà học có mái cau dầm. Sau khi
ông mất, người trong huyện lập đền thờ ông ở nơi này, nay vẫn còn.

Tân Hợi, [Thiệu Khanh] năm thứ 2 [1371] (Minh Hồng Vũ năm thứ 4), mua xuân
thang giêng, truy tôn Anh Tư nguyên phi làm Minh từ Hoàng thái phi (mẹ sinh của vua)

Thang 2, ban yến cho các quan ở điện Thiên An, thường có thư bác khắc nhau

Phong Thiên Ninh công chúa làm Lương Quốc Thái trưởng công chúa, đổi tên là
Quốc Hinh. Xét Thiên Ninh công chúa <7b> là chi cá của Du Tông. Du Tông thông cảm,
thực không bằng loài cầm thú moi rõ, nay tuy vì có công phong làm Thái trưởng và làm
đổi tên nhưng về cái xấu ấy, đến chết cũng không che dấu được.

Phong tôn thất Su Hiền làm Cung Chanh vương. Nguyễn Dan làm tu đồ. Nguyễn
Uyên làm phủ quân tướng quân

Bỏ phép xán chán bài cat bài, bỏ lệnh kiểm duyệt tài sản

Trước đây các nhà vương hầu công chúa có diền trang ở ven sông, nhưng bài cat
moi bài đều là quyền sở hữu của chủ nhà. Chiêu từ thai bài đặt ra phép xán chán bài
cat bài (tức là xán lấy chó cat moi bài). Người quyền quy chết đi, thì tài sản tất cả thuộc
về con cháu của họ. Du Tông bắt đầu có lệnh kiểm duyệt tài sản những của quý phải
nộp cho nhà nước, đều do bon bê tôi và vét khói moi cá. Đến khi ấy đều bài bỏ bài.

Thang 3 nhuận, vua Chiêm Thành là A Đáp A Già vào cướp phá kinh sư từ cửa bể
Dai An tiến sang, xâm phạm thẳng vào kinh sư, quân đến bên Thai Tổ (nay là Phúc Cát),
vua phải di thuyền lanh sang sông Đông Ngàn. Lúc bấy giờ hướng thái bình đã lâu, bến
thành không phòng bị, giặc đến không có quân chống cự. Giặc vào thành làm loạn, bắt
con gái, cướp ngọc lúa, đốt phá cung điện <8a> sổ sách sach không nhu quét. Trước đây
mẹ Dương Nhật Lé trốn sang Chiêm Thành, xui bon giặc vào cướp phá để phục thù cho
Nhật Lé. Người Chiêm Thành đã thoát chí. Từ đó hàng năm thêm mới lo về nơi biên giới
nhà nước bắt đầu thêm việc

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: Không lo eo nước dài dịch bắc cống, thương eo
niết nước. Do là diều rắn day từ xưa đến nay Chiêm Thành eo nước ta eo thu từ
bao đời, nhà Trần há không biết mà để phòng sao! Chỉ biết ăn nhân biến biến, phép
tác bỏ lồng, pháp độ buồng lá, nami thang đá lầu, tuc giữ bờ cát bờ lồng quen. Giặc
tao bờ cát thì biến thành thái thủ, giặc đến kinh đô thì không có canh binh bảo vệ.

¹ Nay là huyện Thành Trại, ngoại thành Hà Nội.

và con giữ nước sao được! Du Tông quen yên vui yên tiếc, vốn chẳng dang ban. Nghé Tông thi bắn thân da trai nhiều biến cõi, mà cũng không lo đến điều ấy. Ha chẳng phải là chí học tập văn chương mà không chia chương việc ưu bi đó sao!

<8b> Sứ thần Ngò Si hàn: Nhà Trần đây lên ở Thiên Trường thuộc lô Sơn Nam Hà, rất gần cửa biển. Nhưng nơi trong yên như cửa ải, bến đò dáng le đều phải có sự phong thủ, nay việc phong thủ bỏ trống khiến cho kẻ địch vào thẳng sot kinh sư như vào nơi không có người. Khi nó đến không chống được, khi nó đi cũng chẳng dam đuổi theo, một lần cũng đã qua lâm rồi. Năm Đinh Ty, năm Mậu Ngọ, Bàng Nga 2 lần râm phạm cửa khuỷt, tiền thoái tự do, không ai dám làm gì, thế mà từ năm Thiệu Khanh có việc này về sau, dân phòng thủ dương biển cũng không từng dại ra. Việc biển phòng sơ hở, việc vò bị buồng lối, té đèn nước như thế, bị giặc nhan khinh rẻ co dang cho la quai gó đầu! Xem thấy nam áy Chiêm Thành cướp pha nước ta, tiền tháng vào kinh sư, mà lai sai sứ là Dap Ban A Boc Nong đem vang la ra biểu dâng cho nhà Minh, nói là: "An Nam nhiều lần xâm lấn bờ cõi, xin vua cho bình khí và nhạc công để cho An Nam biết rằng chúng tôi được đổi thành danh giao hoa không dam coi khinh. Minh Thái Tổ không cho. Như thế dù <9a> thấy được cái rào trù của người Chiêm Thành Người Chiêm Thành từ khi Dương Mai, Phan Chi nắm quyền tối nay, nhiều lần là mối lo của nước. Vào thời Lý Trần tuy nhiều lần bị đánh rất đau nhưng cũng khôn khai phục không thương, đến cuối thời Trần thì lại ngang ngạnh qua lâm

Mùa hè, tháng 4, lập em là Cung Tuyên Đại vương Kinh làm Hoàng thái tử, làm tạp "Hoàng huân" gồm 14 chương ban cho Sách phong cho vợ cả của Hoàng thái tử là Lê Thị làm Hoàng Thai tử phi

Tháng 5, cho người ho ngoại là Lê Quý Ly làm Khu mít viên đại sứ. Hai chi em người con của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một người sinh ra vua tức là Minh từ, một người sinh ra Duệ Tông tức là Dân từ. Cho nên lúc vua mới nắm chính quyền rất tin nhiệm Quý Ly. Lại già em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh cho Quý Ly (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhàn Vinh. Nhàn Vinh bị Nhật Lê giết)

Sứ thần Ngò Si Liên hàn: Nhàn Vinh chết vì mối thù của nước, Huy Ninh đe tang chồng mới được 6 tháng. <9b> mà vua lại đem gá cho Quý Ly. Thế thi việc pha hoai nhân luôn bài dusk tư vua, kẻ lấy làm vò và kẻ làm vò đều là không phải long người. Pha luôn thường chồng vò, làm rồi loan daon tam cương. Như vậy thi làm sao mà không sinh loạn.

Ban chiếu cho xây dựng cung thất cột phai mộc mạc, chỉ lấy người tôn thất nhàn rồi phục dịch, không làm phiền nhiêu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sau Quý Ly di Nghé An chiếu tập nhân dân, vô yến chôn biên giới

Tháng 9, già phong cho Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thương hầu

Mùa đông, tháng 10, cho sứ quan Phan Nghia làm Lang trung bộ LÃ, định ra thông chế của quốc triều và các lề nghị. Ra lệnh cho những người có tước mệnh phải khai báo làm sổ sách, dân nhiều người già dối, lấy không làm có rất nhiều

Thang 12 truy phong me sinh của Hoàng thái tử là Lê Thị Khắc Viễn làm Quang Hiển thân phi

<10a> Nhâm Ty, [Thiệu Khanh] năm thứ 3 [1872] (Minh Hồng Vũ năm thứ 5), mua xuân, tháng giêng, xét công tích của các quan van vố

Mua hè, tháng 4, cho Đỗ Tử Bình làm hanh khiển tham mưu quân sự

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm chức chánh trưởng Tri Khu mật viên, Hồ Tông Thúc làm Hàn làm viên học sĩ. Cho người Hoá Châu là Hồ Long làm tri châu Hoá Châu.

Mua thu, tháng 7, ban tước Minh tự cho quan phủ Lãm Bình là Phạm A Song

Tháng 8, ban chiếu cho các lò phải làm đơn số (sổ hố tịch).

Mua đông, tháng 10, vua đến phủ Thiên Trường tu sửa miếu thờ ở các làng

Tháng 11, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Kinh. Kinh lên ngôi hoàng đế. Đại xá Xung là Khâm hoàng, quân thân dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vân nhân minh khâm ninh hoàng đế

Sử thân Ngô Thi Sí bàn: Người Minh khen Nghệ Tông là "hiếu hẫu cung kiêm, bác học minh mẫn. Dẹp được loạn Nhật Lễ mà không có lòng tham ngút tua cho đến việc bỏ con mà lập em <10b> rồi lại lập cháu" chep vào Bác sù, phó trương làm câu chuyện tốt đẹp. Bản thân làm thiên tư mà không danh riêng cho con mình, thật là người hết lòng vì thiên hạ như vua Nghịlu, vua Thuần. Tông Thái Tổ trao ngôi vua cho Thái Tông còn vì mệnh lệnh của Đô Hậu. Con vua tri nước, chưa được bao lâu liền nhường cho Duệ Tông. Xem thương nhu cõi chiếc giấy. Duệ Tông chết vì nan nước, lại lập con của Duệ Tông, nếu chàng phải là người có thiên tư cao hào được như thế. Năm tuổi già tin cây Quý Ly mà gửi con, gửi nước tuy có lời nói bong là gửi con cho con qua giá⁽¹⁾ nhưng cuối cùng vẫn không tinh ngó ha lai cho long người ta cũng như long minh, cho nên thanh thân không ngờ gì chàng! Sao lại lán thân đến như vậy!

Truy tôn me đẻ là Quang Hiển thân phi làm Đôn từ Hoàng thái phi

Phong phi là Cung thi làm Hiển Trinh thân phi

Khi vua mới lên ngôi, Thương hoàng làm bài "Đế Châm" 150 câu ban cho

Ban tang Thiệu bảo Trương Han Siêu được thợ phu ở sân miếu Khổng Tử

<11a> **Sử thân Ngô Sí Liên bàn:** Nghệ Hoàng cho Trương Han Siêu được thợ phu ở Văn Miếu là vì Han Siêu viết bài trứ di đoạn dày chàng! Hình như vậy. Nhưng xét ra Han Siêu là người cõi tai, kiêu căng. Thời Nhân Tông, Han Siêu làm hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng đến nỗi vu cho Phạm Ngô, Lê Duy nhân của dùt lót, khi dưới lý phải chịu phạt, lại nói với người khác rằng: "Cử tướng chưa thương tin tướng, nào ngờ có chuyện xet hỏi lai". Đó thực là thói kiêu ngạo kén bắn. Khổng Tử đã nói: "Tuy có tài như Chu Công mà kiêu ngạo và bùn xin thì những điều khác cũng chẳng ra gì", thiệt tướng ràng bậc hiền tài như Trương Han Siêu.

⁽¹⁾ Nghệ Tông chiếm báo thấy có người đọc câu thơ rằng: "Nhân ngôn ký tú dù lão nhà, bài thết liễn ơi hắc Nghĩa là người ta nói, gửi con cho con qua giá, chàng biết qua giá có thương yêu chàng?"

nêu nhu thực co thiêng liêng thi tài không dam du hương ở sân nẫu Khóng Tử

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Được thờ phu ở Văn Miếu tài là người đó đã được Khóng Tử của chúng ta khen ngợi, mà không có thể viết, có thể nói được thi ngoại 4 vị phái hương, 10 vị tiên triết cho đến 72 vị hiền tài đó là rộng rãi, hương lai là bắc nha Nho dời sau nữa cháng? Chỉ chọn lấy người viết ra sách, đặt ra lời noi hay, để lại dời sau dung nên giao <16h> hoa, co công lam vây canh cho dao thanh, được vua thời ấy cho phép, được dư luận thời ấy thỏa mãn, dời sau cũng tôn kính tin tưởng. Nếu chỉ vì van chương tại nghệ và công nghiệp nhất thời, liền đưa lên thờ phu thi sẽ nám dỗ thờ không kẽ xiết dây. Nhà Trần cho 3 người là Chu Văn An, Hán Siêu, Tú Bình được thờ phu ở Văn Miếu Chu Văn An là hơn rõ, Hán Siêu không làm nổi chức vụ, Tú Bình dù chem cũng chưa hết tội, mà lại chen vào nơi cung đình lỗ nhac, thi con sai lầm gì hàn. Nay ở giải vù phía tây vẫn thờ Chu Văn Trinh, con Hán Siêu, Tú Bình đã bỏ đi, không biết từ thời đại nào. Cũng thấy được lè trai long người công bằng, ha nhất thời có thể nâng lên de xuống được sao!

ĐUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên huy là Kinh, con thứ 11 của Minh Tông và là em Nghệ Tông, mẹ là Dân từ hoàng thái phi. Khi Nghệ Tông di tránh loạn, quân lính, khi giới đều do sức vua tập hợp cho nên Nghệ Tông nhường ngôi cho Lãm vua 4 năm, tho 41 tuổi. Vua là người ngang bướng, tư theo ý mình, không nghe lời can, coi thường giặc, nên tai và đến mình, chứ không phải là không may)

<12a> Quý Sửu, Long Khanh năm thứ 1 [1373] (Minh Hồng Vũ năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, đổi niên hiệu

Tôn Thương hoàng làm Quang hoa anh triết thai thương hoàng đế, tôn Thục Từ hoàng hậu làm Thuần Từ hoàng thái hậu

Sứ thần Ngô Sỉ Liên bàn: Mẹ Trần Thái Tổ hiệu là Thuần Từ. Vợ Nghệ Tông cùng hiệu là Thuần Từ. Người ban đặt tên thuy khi ấy không thấy đó là sai hay sao? Hay cho là dâ lâu rồi mà đặt như thế cháng? Đối với ý nghĩa nhỏ về cõi nguồn thi như thế nào? Tiên vương theo long người mà dát ra lê. Bàn đặt tên thuy cho Thái hậu cùng chung với tên thuy của cụ tổ bà, thì long người có thể yên được sao?

Thang 2, định số các quan văn võ

Sach phong cho Nguyên phi Lê thi làm Gia Từ hoàng hậu

Thang 3, phong cho con trưởng là Vị làm Chương Vũ đại vương (14 tuổi), muôn lập làm hoàng thái tử <12h>, sau bị bệnh ung thư mất

Mua hè, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Té thiền

Mua thu, tháng 8, định việc sung bổ quân ngũ, đóng các hang thuyền để chuẩn bị đánh Chiêm Thành

Ban lệnh cho quân dân nộp thuế vào kho công, ban tước theo từng thứ bậc khác nhau

Thi lai viên đê sung vào nói lệnh sứ

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu nhà vua thân đi đánh Chiêm Thành

Nam Áy, tróm cướp đua nhau nối dài

Giáp Dần, [Long Khanh] nam thứ 2 [1374] (Minh Hồng Vũ năm thứ 7), mua xuân, tháng 2, Thương hoàng ở cung Trung Hoa, phủ Thiên Trường

Thi định lấy các tiên sỹ Cho Dao Sư Tích đồ trang nguyên. Lê Hiển Phú đồ bang nhân, Trần Định Thám đồ tham hoa. Cho bọn La Tu đồ hoàng giáp cấp đê và đồng cấp đê đều cho ăn yến và áo mặc ngoài. Cho làm quan theo thứ bậc khác nhau. Dân 3 người đồ dâu đi chơi phô 3 ngày. Theo lệ cũ, Thái học sinh 7 nam thi 1 lần, chỉ lấy 30 người thôi. Thi trang nguyên thì không có lẻ cõi định, nhưng thuộc quan của ba quản thái học sinh, thi thân học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước đều được vào thi.

Tháng 3, ban chiếu cho Thanh Hoá <13a>, Nghê An dào cảng đến cửa biển Hà Hoá⁽¹⁾

Mùa hè, tháng 5, tháng 6, hanh

Mùa thu, tháng 8, tuyển dân định sung vào quân ngũ. Loại một sung vào Lan đồ, tiếp đến loại hai, loại ba. Người nhỏ nhưng tinh nhanh khoẻ mạnh cũng được sung lên loại trên. Trước kia quân túc vệ chỉ có quân Tử Thiên, Tử Thành, Tử Thành. Sau dai thêm các quân Uy Tiếp, Bảo Tiếp, Long Đức, Thành Đức, Diển Hầu, Long Tiếp, Tà Ban, Hữu Ban. Quân thị vệ thi xâm trấn, đặt thêm quân Trich Huyền ngạch. Các sứ Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghê An, Hoá Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều đặt 4 quân hiêu. Có đại đội trưởng, đại đội phó là tướng hiêu

Mùa đông, tháng 10, quy định loại tung quan, đặt 6 cung càn thi chi hâu, cho vương hâu tôn thất làm chánh trưởng Chi hâu, trong đây 800 người làm thi vệ trong các chi hâu đó. Phan thủ trọng coi đều đội khan bón hoa

Ban chiếu cho các quản dân không được mặc kiểu áo người Phương Bắc và không được bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào

<13b> Ất Mão, [Long Khanh] nam thứ 3 [1375] (Minh Hồng Vũ năm thứ 8), mua xuân, tháng giêng, cho Khu mật đại sứ là Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự. Ban chiếu chọn các quan viên có ai biết luyện tập võ nghệ, thông thạo lược, không kể là người tôn thất đều bổ làm tướng coi quản

Đổi Châu Diển làm lô Diển Châu, Châu Hoan làm các lô Nhật Nam, Nghê An Nam Bắc, Trung, đổi Lâm Bình làm phủ Tân Bình. Sai Dao Lục Định và Hà Tử Công dồn đặc nhân dân Thanh Hoá, Nghê An, Tân Bình sửa đắp đường sa từ Cửu Chân đến Hà Hoá. 3 tháng thì xong.

Mùa hè, tháng 6, sao Kim mọc ban ngày

⁽¹⁾ Thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Mùa thu, tháng 5, định lui số quân, thải những người già yếu, lấy người khỏe mạnh bổ sung vào. Tất cả những người cao hố, cao xa¹ ở Nghệ An, Thanh Hoá di làm thuê lấy tiền công đều súng vào quân ngũ (Ta công cũng như người làm thuê ngày nay, bởi người cao xú làm một phương, phương có người trưởng phương, có người thuê mướn thì lấy tiền công, không ghi vào hộ tịch)

Ban chiếu cho những người già ở các lò dâng thóc, (người dâng thóc) được ban tước có thể khác nhau

Tháng 9, già công chúa Trang Huy cho con trai Cung Định vương là Nguyễn Dan Sach phong cho con gái của Thái bảo Trần Liêu làm phi

<14a> Mùa đông, tháng 10, cho con của Thương hoàng là Thục Ngac làm tư đồ trong cõi trần Thái Nguyên. Từ đó Nguyễn Dan trọng coi việc quản ở trấn Quảng Oai

Bình Thìn, (Long Khanh) năm thứ 4 (1376) (Minh Hồng Vũ năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, già công chúa Tuyên Huy cho Quan Phuc đại vương Húc (con của Thương hoàng). Thương hoàng thân di đón đầu (Xét thấy Quan Phuc không phải là hiếu để phong có lẽ là khi ấy Húc được ban mũ áo đại vương cũng như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương đầy Thudu đón chờ nhà Lê con có danh hiệu Quan Phuc hầu. Có lẽ là theo lệ cũ của nhà Trần đây.)

Sứ thần Ngô Sí Liên ban: Vua tôi, cha con, vợ chồng là ba rường mới luân lý của loại người có gì lớn hơn điều ấy đâu. Lẽ của tiên vương xưa thương cẩn thận những việc nhỏ, hướng là những việc lớn. Di đón đầu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Dứt Tông già Tuyên Huy cho Quan Phuc hầu thì người di đón đầu phải là chu rể. Nghệ Tông lại thân di đón, thi đao tam cương rồi loạn rồi dây. Quan Phuc sau không được tron ven², cai điểm gò đá hiện ra tư do. Người làm vua làm cha ha không nên cẩn thận sao?

<14b> Mùa hè, tháng 4, định rõ chế độ thuyền, xe, kiệu, tan, nghi truong và y phục, vì sắp làm lễ hội thi

Tháng 5, Chiêm Thành cướp phá Hoa Châu

Tháng 6, ban chiếu cho các quân sú sang vũ khí, thuyền chiến để đợi nhà vua thân di danh giặc

Mùa thu, tháng 7, Ngự sứ trung tan là Lê Tich dâng sớ rằng: "Xét ra binh khí là dụng cụ hung ác, không nên từ minh khởi ra. Huống hồ ngay nay mới dẹp yên giặc trong nước, thế như cái nhốt đau lâu chưa khai. Chùa thương không nên vì sự tức giận riêng mà dấy binh. Tướng không nên vì tham công mà đánh càn. Chiêm Thành tuy không có lòng làm tội tá thi nên sai tướng di danh để đợi trời diệt. Nếu nhà vua thân di danh thì ba thân cho là không nên". Vua không nghe

Tháng 8, ban chiếu cho quân dân Thanh Hoá, Nghệ An, Diên Châu, chở 5 vạn thach lương thực đến Hoa Châu

1. Các xã: Những người không có tên trong sổ bô khẩu, di làm thuê lấy tiền công, hợp thành các hố các xã.

2. Chỉ việc Hữu hý Phế Đế gởi sau này

Mùa đông tháng 10, dai duyệt quân thuỷ bộ ở bờ cát ^{vùng} Bạch Hạc Hai vua thân tới làm tướng

<15a> Tháng 12, vua thân di danh Chiêm Thành, dán 12 vạn quân, xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát Tràng, có người làng lâm lế tang ^{vua} truyền phat 30 quan tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoà chờ lương báng đường thuyền cấp cho quân

Trước đây, chùa Chiêm Thành là Ché Bông Nga sang quấy rối biên giới, vua sau Hành khiển Đô Tử Bình đem quân trấn giữ Hoa Châu. Bông Nga đem 10 mâm vàng dâng lên. Tử Bình đâu di làm của mình, rồi nói dối là Bông Nga ngao man vô lễ, nên đem quân đánh. Vua nổi giận nên quyết ý thân di danh. Khi ấy quân đến cửa biển Di Luân ⁽¹⁾, các quân vượt biển mà đi, vua cưỡi ngựa linh quân bộ di ven bờ biển. Đến cửa biển Nhái Lè ⁽²⁾ thì đóng đinh luyễn tắp 1 tháng. Người Tân Bình, Thuận Hoà bắt được ^{*} người Chiêm Thành di trốn đem dén dâng

Dinh Ty. [Long Khanh] năm thứ 5 [1377] (từ tháng 5 về sau là nam Xương Phu thứ 1) thuộc Phế Dế Minh Hồng Vũ năm thứ 10, mua xuân, tháng giêng, ngày 23 dai quân đến Chiêm Thành, quân đóng ở đồng Ý Mang

Ngày 24, tiến đánh, quan quân tan rã <15b> vua bị hám trấn hàng. Lúc bấy giờ dai quân dến cầu đá cửa biển Thị Nại ⁽³⁾, quan quân đóng quân ở đồng Ý Mang. Bông Nga dựng trại ở ngoài thành Đô Bàn sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma già hàng, nói là Bông Nga đã trốn chỉ còn thành không, nên tiến binh nhanh vào chờ bỏ mồi cơ hội

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa Nê thông⁽⁴⁾, sai Ngũ Cầu vương Hué, mặc áo trắng cưỡi ngựa trắng với truyền lệnh tiến quân. Đại tướng là Đô Lê can rằng chung đã xin hàng là muôn cho ven toàn đất nước. Quan quân vào sâu đánh thành là bắt đầu di. Hết sai một người biên giới cầm thư đến hỏi tội, để xét tình hình địch hư thực thế nào như kế hoạch của Hán Tin phá nước Yên, không khó nhọc mà thành công. Người xưa có câu: "Lòng giặc khó lường", thà xin bê hạ xét kỹ. Vua nói: "Ta mình mặc áo giáp, tay cầm gươm sắc, dài gió đậm mưa, trên non lối suối vào sâu trong đất của giặc, không một ai dám chống lại. Thế là trời đã giúp ta, huống nay chưa giặc nghe tin bỏ trốn. <16a> không có lòng chiên đấu. Người xưa có câu: "Dùng binh quy ở thân tộc", nay dùng dâng không tiến, tức là trời cho mà không lấy, để chung có ý đồ khác thi hỏi sao kịp. Người chí là hang dàn bà". Sai lây áo dàn bà mặc cho Lê Quán bèn nói nhau như xâu cá mà đi, cánh quân đi trước và cánh quân đi sau cách xa nhau, giặc thừa thế xông ra chen đánh dến giờ Ty quan quân tan rã, vua băng ở trán. Đại tướng Đô Lê, Nguyễn Napoli, Hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết. Giặc bắt sống Ngũ Cầu vương rồi gả con gái cho Đô Tử Bình lãnh hậu quân, không dến cứu, nên thoát chết. Lê Quý Ly dẫn quân

1. Cửa biển Di Luân. Thuộc Quảng Bình

2. Cửa biển Nhái Lè. Thuộc Quảng Bình

3. Cửa biển Thị Nại. Tức cửa Quy Nhơn ngày nay

4. Ngựa Nê thông. Ngựa lông màu trắng đen lẫn lông trắng giống hổ

lương nghe tin vua bang, bỏ chạy về trước. Hôm ấy kinh sư ban ngày trời tối sầm lại, các chờ phải dắt duêc để mua bán với nhau, xe cùi chờ Từ Bình về qua Thiên Truong. Người ta đua nhau ném gạch ngoi vào thuyền và chửi mắng. Quản vê, tri tôi Từ Bình, tha cho tôi chết, bị đô làm quân. Trước đây, Ngự sử đại phu Trương Đô có bản chép là Xai can rằng: "Chiêm Thành trai mènh, tôi chết cũng chưa xứng, nhưng no ở cõi phía tây xa xôi, núi sông hiểm trở, nay bê hai <16b> mới lên ngồi, chính hoa chun thâm dến nơi xa, nên sửa sang vẫn đec để ho tư dến. Nếu ho không theo thi sai tướng di đánh cung chưa muôn". Ba lần dâng sớ can vua đều không nghe, ben treo mũ bỏ đi (Xét thấy đà sù chep, vua đang quản ở đồng Ý Mang, đường núi nhỏ hẹp, 4 phía đều là rừng rậm. Người Chiêm đưa thư giá hàng rồi mai phục quản và voi ở trong rừng, quan quản không biết, đến canh nam, quản mai phục nói dây đánh up vào dinh vua, vua không kịp mac áo giáp, quản bị tan vỡ, vua bang. Trong đám quản rối loạn, các quản có sức chiến đấu, giac rút lui mỗi nhân thấy xác vua, người Chiêm Thành liền sai sứ tới kinh ta lối vi phạm vào xe vua đều là ngoài ý nghĩ. Thương hoàng yên úi rồi cho về. Doan này hơi khác với văn chép trong sử, cung cư chép lại cho dù mục tôn nghi. Trương Đô là người Phù Đại, Đông Lai, ngụ ở phương Nghi Tàm, kinh sư, ông là người trong sách khac thường, kháng khai có chí lớn khi tuổi trẻ thương chơi ở Hồ Tây, xem tướng quản tập bắn nói dưa rằng: "Nghê này có gì la khố". Tướng quản lấy làm lạ hỏi: "Mày có ban trung được không?". Trả lời: "Xin cho thử", 3 phai trung cả 3, tướng quản kinh ngạc muôn nuối làm con. Đô không theo, rời bỏ nhà đi du học, đô tiên si có danh vong lớn. Ông làm quan trong sách ngheo túng, không tâu ruong nương tài sản. Ông làm dến ngư sù dài tư gian dinh uý thi lang trung đô phủ tổng quản, rồi mất, con cháu kế tục làm quan vẫn giữ được tiếng trong sách).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Trương Đô nói không giấu lai nói thẳng là làm nói chức vu dây. Nói dến 3 lần <17a>, là đam phạm dến vua, không được vua nghe, là tam tri của vua mé loan dây. Người có trách nhiệm phải nói, nói không được thi bô chức ma di. Sư tiên lut của Đô là họp nghĩa dây. Tuy nhiên lời nói trung thành thương trai tại vua, nhưng lời cho báu thân vua. Việc này có thể làm gương được.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Xet thấy ngoại kỳ chép: trước dây Duệ Tông khởi nghĩa giết Nhật Lễ, có quan von là Tron Thám tính kế hoạch. Có quan vô là Đô Lê diêu quản. Khi dâ vào thành, Nhật Lễ vẫn cầm quản đánh lai, trách Duệ Tông là làm trái chiêu chỉ của Thái hậu, Duệ Tông tức giận chỉ huy các quản. Hoài phao đều ban ra. Kinh thành lửa sáng rực trời. Nhật Lễ từ cửa Thanh Dương trốn ra. Duệ Tông bắt được, sai quản sỉ vào trong điện cứu hoả, rồi sám xe pháp già ra dón. Nghệ Tông ở Thiên Truong, xet ra dương sau khi hỏng việc, Nhật Lễ mai nanh toan can, ta đang đặc chỉ, tông phiền không có quyền. Cai thế thời gian hit vào thô ra nhanh hơn sám giờ, cơ thang bài không xén sợi tóc mây lồng <17b>. Duệ Tông nói niêm mưu toan giu nước ngâm mưu khơi nghĩa ô thù đô nia không tiết lộ công việc, vào nước mà không ai ngăn trở quan quản, rót cuộc quết sạch duor hoạn nan bên trong, khôi phục thân kinh để kế tục sự nghiệp của Minh Tông, xoay chuyển mới

trai như trả bàn tay, không phát anh hùng thì không làm được đây

Riêng việc thách dùng binh, coi thương địch, chống lại lời can, làm theo điều sai trai nhân sự đều hàng nhưng không xét tình hình vào nơi hiểm mà không phong bì tham do nghiêm ngặt, thực ngựa nơi hiểm trả gáp ghênh, quân đi liên tiếp như xâu cá, cuối cùng sa vào mưu lừa dối của địch, không ai ra cứu khi bị đánh cát ngang, ba quân sup đỗ, xe vua phải chờ xác vỡ, đỗ lại sứ ché cười ô ro man, không nói được gì với Trung Quốc, sứ thất bại ở Ý Mang há chàng phải là tư minh chuộc lấy đó sao? Thế nhưng Nghệ Tông không ngàn chôn chuyên di ấy là tại sao vậy? Vì cảm gián Chiêm Thành vô lẽ, như điều hổ nhục phải cưỡi thuyền di tranh ở Đông Ngạn, mong được có một lần rửa di, cho nên khi duyệt quân ở Bach Hac thi hai vua cùng cảm quân. Duệ Tông thận di đánh, Nghệ Tông tất cho là <18a> làm được việc ấy mà không ngo là đến nỗi phải vấp ngã đây.

Lại nói: Tử Bình dấu vàng của Bông Nga tiến công, mà nói là Bông Nga ngao man xin danh; kích động sự tức giận của Duệ Tông thi cái chết của Duệ Tông nếu theo phép Kinh Xuân Thu mà kết luân thi thực Tử Bình giết vua đây. Còn việc Tử Bình lánh hậu quân mà không tiến, lại nên theo quân pháp nra xử tội riêng. Thế mà khi đem quân về lại được miễn tội chết, sau đó lại tin yêu. Luật pháp kỳ cương của nhà Trần đến khi ấy hư hỏng cực đỗ! Làm sao mà không mất nước được!

Mùa hạ, tháng 5, Thương hoàng cho rằng vua vì nan nước mà băng, lập con cả của vua là Kiến Đức dai vương Hiền làm con nối nghiệp, lên ngôi hoàng đế, xưng là Giản hoàng đổi niên hiệu là Xương Phù Dai xá. Quân thân dâng tôn hiệu là Khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Tháng 6, Chiêm Thành lai đánh phá kinh sư, ban đầu Thương hoàng nghe tin giặc đến sai Trần Quốc tướng quân Cung Chính vương là Sư Hiên giữ cửa biển <18b> Đại An⁽¹⁾. Giặc biết là có chuẩn bị, lai theo cửa biển Thiên Phu⁽²⁾ danh thắng vào kinh sư, thả súc cướp bóc vơ vét, ở 1 ngày rồi lai dẫn quân về, ra cửa biển Đại An, gáp gió to chết đuối rất nhiều.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Khi nhà Trần cường thịnh, giặc Hồ Nguyên mới lấn đến xâm lấn liên bị đánh tan rã vè, đến khi suy thi giặc Chiêm Thành mới lẩn rùi quân sang cướp phá là đánh thắng vào kinh áp, luôn luôn được thoát man sự ham muốn rồi vè. Xet thấy Hồ Nguyên là bọn giặc mạnh làm chủ Trung Quốc. Chiêm Thành có nhiên không thể mạnh hơn giặc Nguyên mà nhà Trần ha lai riêng yêu với nước Chiêm sao? Nghệ Tông khiếp nhược, đã không được sang suốt như Thái Tông, Nhân Tông, Thánh Tông mà nhân tài sút kém, vô bi không lợi, trên miêu dương không co bê tội biệt mưu tính, ngoại biến thanh không co tương tài, co the giao phó được, không tuân phòng ngoại biến, chàng co dồn cửa sống. Kinh sư không

1. Cửa biển Đại An thuộc huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định

2. CM chép là Thiên Phu

nhà lụy kiêm cả báu linh báo và kinh dò thi giac đến là hót hoang chay. giac lui thi lán lửa tan rã để chung được thải sức hoanh hành. mà hàng ngày cứ lo mưu nạp Đến nỗi phải lanh thanh tương ở Yên Sinh. giàu của nước ở Thiên Kiến cung quân không có kẻ để giữ. chỉ cầu may là kẻ địch không sang. Giả sử Bàng Nga chưa chết thi không hiểu vua tài Nghé Tông xu tri ra sao Cho nên có câu rằng: "Quân thi không có quân mạnh. quân yếu mà tương thi có tướng giỏi. tướng hen. Giả sử đương thời có một Trần Hưng Đao thi nó sẽ dâng công cầu phong không rời. huống chi con dam nỗi lên hay sao. Tư Bình giỏi ăn trộm cang mà không biết tinh việc quân. Quy Lỵ giỏi cướp nước mà không biết làm tướng. Chỉ có một Nguyễn Dan thi chẳng qua là khỉ chim khi nỗi. cui xuống ngựa lên chí là mưu tính cho bản thân được tron ven Bon Man có lẽ khinh nước ta không có người giỏi dài lâu rời đây. Ôi! người như Hưng Đao có nhiên không thể có được dể dàng. con các ông cướp giáo giác ở Chương Dương. triết lương giác ở Văn Đôn. bắn tên độc ở Quan Thương. Nhưng nhân tài như hang đá cũng không nghe có ai nữa thát đang thò dài về khi vẫn nhân tài cuối thời Trần."

<19b> Mùa thu, tháng 9, sách phong cho con gái Thương hoàng là Thiên Huy công chúa làm hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Việc loan luân thất lễ của nhà Trần chẳng chep xiết ta cũng chẳng biện luận xiết. Nhưng việc này càng qua đây. Tháng giêng vua cha bang. tháng 9 đã sách lập hoàng hậu. Công nhiên làm lễ cưới nơi tống miếu tritu dinh. Nghé Tông đòi vui chau ra vé yêu quy ma vẫn cho là việc thát lè. khiến cho Xương Phu là người không cha buổi đâu không cần thận được thi sau con tron ten được chang? Khi diễn ra việc này thực là do Nghé Tông dày.

Chiêu hồn Duệ Tông chôn cất ở Hy Lang, miếu hiệu là Duệ Tông Sai Trần Dinh Thàm sang cao phó với nước Minh và nói là Duệ Tông tuân hanh ở biên giới bị chết đuối và bao tin lập vua nỗi ngôi. Người Minh từ chối rằng. có ba loại chết không có lè viếng là sơ mà chết. bị đe nang mà chết và chết đuối. Dinh Thàm tranh luân là người Chiêm Thành quay rối vung biên giới. Duệ Tông có công chống nan cứu dân tộc tai sao lại không viếng. Nhà Minh mới sai sứ sang viếng <20a>. Khi ấy vua Minh đang muôn sang chiêm nước ta. muôn nhâm lúc sơ hở này. Thái sư nhà Minh là Ly Thiên Trường can rằng: "Em chết vì nan của nước mà anh lại lập con của em làm vua. Việc người như thế có thể biết được mènh trời". Thế là bỏ việc ấy (Dinh Thàm làm quan các chức trung thư, thi lang kiêm tri thảm hình viên sứ, an phủ sứ Thanh Hoá, lên ngũ sứ trung tán, quyền giam tu quốc sứ bị thư giám).

Sứ thần Ngô Sỉ Liên bàn: Phạm kè si lục be di hoc là vì muôn biết để làm việc. lòn lén thi làm cái mà mình học dược. Học ba trăm bài thơ trong Kinh Thi. di su bón phương không làm nhục mènh vua. Dinh Thàm là thê dày. Huống chi gấp buổi cướp ngôi lại biết tu giàu minh để tranh quyền vị. Có thể nói là không phu điều minh học dày.

PHÈ ĐỀ

Vua tên húy là Hiền, con trưởng của Dưê Tông. Dưê Tông di danh Phương Nam rồi bang được Nghệ Tông lập làm vua. Sau bị giang làm Lanh Đức vương rồi bị phái thắt cổ chết. Làm vua 12 năm, tho 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua ngu tối hen nhat, không làm nên được việc gì, uy quyền ngày càng thuộc về bà dưới Xà tặc lung lay, không thể bảo vệ được báu thản. Thương thay!

<20b> Mùa Ngo. Xương Phu nam thứ 2 [1378] (Minh Hồng Vũ năm thứ 11), mùng xuân, tháng giêng tuyển vđ sì là Trần Tông Ngoan cai quản quân Thiên Định¹. Trần Trung Hiếu trống coi quan Bảo Tiệp. Trần Thế Dảng² trống coi quan Thành Đức. Bui Ba Ngang trống coi quan Thành Sach. Bui Hấp trống coi quan Thiên Uy. Hoàng Phung Thủ trống coi quan Thành Đức. Lê Mát Ôn trống coi quan Hoa Ngach. Đô Dã Kha trống coi quan Thị Vé. Nguyễn Tiểu Luật trống coi quan Thiên Trương. Trần Na trống coi quan Long Tiệp. Nguyễn Kim Ngao trống coi quan Thành Vũ.

Ban chiếu cho các quan sám khí giới và thuyền chiến

x Mùa hè, tháng 8, người Chiêm Thành dẫn người giữ Ngu Cầu vương Huc dâng hàng vào cướp pha phủ Nghệ An, tiêm xung hiệu vua để chiêu tập nhân dân, có nhiều người nhân sắc mệnh của giặc.

Tháng 6, giặc xâm phạm vào sông Đại Hoàng. Vua sai Hành khiển Đô Tử Bình chống cự, quan quân tự tan vỡ, giặc bèn đánh vào kinh sư, cướp bóc rồi về An phủ sứ Lê Giác bị giặc bắt được. Giặc bắt Giác phải lạy. Giac nói: "Ta là quan nước lớn <21a> sao lu phải lạy mày?" Giặc tức giận giết chết Giac chửi giặc luôn mòn. Việc đến tai vua. Giac được truy phong là "Xà tặc Trung Vũ hâu", cho con là Nhuế làm Chánh trưởng bón cúc Cân thi chí hâu. Giac là con của quan Hành khiển thương thư hữu bài Lê Quat cũ.

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: Bó su sống mà giữ nghĩa con hon sông cầu sông mà chịu nhục thì người quan tu không làm. Kinh Dịch nói rằng: "Người quan tu thà hy sinh tinh mang để thoát chí hương của mình" thì Giac là người như vậy.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn

Đô Tử Bình³ kién nghi thu các dinh nam nói hò 3 quan tiền, vua nghe theo. Bấy giờ việc quân lũ dương dày lên mà kho tàng trống rỗng. Tử Bình nhanh thè mới kién nghi như vậy. Theo như lé cú thì khi các trấn có việc quân ngu, sai dịch, thi dùng số ruộng tuy theo ngạch ruộng mà bỏ ra tiền, lúa, vàng, bạc, người có ruộng lúa bát dâu ao cá thì nộp thuế, người không có thì miễn thu. Nhân dân di lính có thành ngạch. Người sinh ra không kể, người chết di không trừ. Các lô lai có đơn bình⁴. <21b> phủ chư sú dịch

1. Quản Thiên Định. Nguyễn Nán chép là "quản Thiên Linh", may theo DVSNTT sửa là "quản Thiên Định".

2. Nguyễn hàn chép là "Dảng". Nay bổ sung theo DVSNTT.

3. Lê Giac. Người huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguyễn hàn chép là Đô Tử, thiêu chử Bình.

5. Ông trước thời giờ trong số

Most often, during 30 years, quite one in ten patients who had much longer or longer than

Chia Samedan Binh Segak, nguyen chung va tuoi van tu van cua quan quan Thanh Song
Ngoai von Nha can quan quan Thanh Camp. Nguoi Hiep He Lao can quan quan Thanh
Luan. Samson Dang can quan quan Heo Quoc Phung co quan quan O Da.

Ký Mùi, (Móng Phố), năm thứ 3 (1379) Minh Helsing Vũ năm thứ 12, mươi xuân, tháng 2, chúa Lê Quý Ly làm Tiết tư không canh kha mệt đói như cũ. Quý Ly tiến cùi Nguyễn Du Phương làm cung quấn. Nguyễn Du Phương là con của Sư Trí. Quý Ly khi trai học

Đài Phương tiện là Cơ quan Thanh tra, sau trên và, đến khi bị Quý Ly tiến cùi Lai
nhiều thời gian sẽ là Phan Cử Luhn gửi về hay manh tình kế, Quý Ly tiến cùi <22a>
lần cuối cùng đùi nó. Người huy giờ bắc Quý Ly cùi phương viên ra kỵ

Nhiều năm, tháng 3, tháng 4 là thời Gia Long là Nguyễn Bỉnh Khiêm tu trung lại - "Đoàn giao long" là yết định pháp luật,ним trong vương làm báu, chúa trị chúa.
Tháng 3, sau quando đầu cho vua, đồng dâng & với Phan Văn

Nhiều tháng tháng 10, chín tết ở thăm Khi Lồng Lang Sơn, vì sao ngồi Chùm
Nhà già hàn lâm đón cung điện

much about Shenyang lies in China. Think of Shenyang being like a big camp here with lots of Chinese who have come along with all sorts of things. The air is very good there.

Cửu Tần (Kêng Phai) năm thứ 4 (1286) Minh Hạng Vũ năm thứ 13, mìn tròn
tám lăm tuổi Chiem Thành xin giao again Thị Sách. Thanh Hoá vào çarp phi Nghe
n, Đèn Qua, cướp bài thân kinh.

Trong số những nhà thơ Việt Nam, Lê Quý Ly là một trong những nhà thơ có phong cách riêng và đậm chất trữ tình.

Mùa hè tháng 5, Quý Ly đem vương quan Talm Vô là Nguyễn Kim Ngạn, tướng quân Thị Vệ là Đô Đủ Khoa ra đánh Kim Ngưu quay thuyền trở lại để tránh giặc. Quý Ly cầm đầu trong quân. Cát quân đánh trống mèo họ mà tiến lên, chưa trúng Chu Lai là Chế Bông Ngà như pháo tròn và Tu Sinh ra đỗ cao bến để trả lại binh thuyền. Chỉ riêng Quý Ly chuyển lanh chát nguyên đường hối Hồi Tây do thương chế Mùa đông tháng 11, cho Đô Tu Sinh làm chấp bài binh khiển, ta them tên chánh sứ <@Ra> Hành chát Kinh lone số trại Long Giang được vua năm thi mìn, tòng him thien binh, cho thái phủ ở Văn Mẫu.

Sứ thần Phan Phu Tiên hàn: Bác Nhò học tài tiếng ở các đồn, có con hàn trù
đi down, thuyền đảo thường chỉ mìn đánh chia phán ở Vịnh Molt. Bi đợt làm sao là đòn
học có người gốc đây. Nghé Tông cho Chù A, Trương Hán Sơn, Đỗ Tử Bình cầm
đè rào Hòn Sỏi là ngay, cõng mìn, bay rìu dập phết. Anh Nghé còn mìn trong

Số thành Ngõ Sát Liêm hàn: Từ Sát Kế đền riêng cũn công cát: Song Ngõ
sách, có gác bài bút, không cần kiêng đau cứng nam dame. Còn như Tử Sát là ngõ
học nhâm, chửi ngóm, them làm con pet, là hé giam thím, hụt nước họ lão xem
điểm nào?

Lâm can thi cùm, đèn nến khuya cho Dại Tông bùn hầm Phòng Nam không trôi
đuôi, Nước này là đây hòn, hòn có mực in, Giải Châm Thành Camp phái <23>
Té ấy gút chát cung châm hét, Cùm rắc hòe nhám, chàm nganh thi đồng hét g.

Tháng 2: thi thử học sinh.
Tháng 3: sai Đài Thành quốc sự đón đốc các người tu hành trong nước và người tu hành không có đồ đạc ở trong nhà, người tu không tu hành làm quan đỗ đinh Châm Thanh.

Thiền Sư Tịnh Không là một thiền sư có gốc Cửu Trại, và là người đã cống hiến, việc phát huy tinh thần thiền chất.

Trang 6, mộc trắc tinh & cát lăng Quốc Huyễn Thủ Dung và Long Huyễn Kinh
Xương và lăng lâm Yến Sinh & trinh epic Châm Thành
Mùa thu, tháng 10, Gia Hợi hổng bìn hổng ô am sky chúa Chiêu Khách hổng
Long Đam (2)

Vua đã gởi quân phục đại vương Hán.

卷之三

卷之三

THE USE OF SCAFFOLDING

卷之三

卷之三

giữ con ở cửa biển Thân Dau. Giác Chiêm Thành cho quân thuỷ, quân bộ đều tiến, quân ta ở trên núi lèo đà nem xuống, thuyền quân của giặc bị hỏng nhiều. Da Phương không đợi Quý Ly ra lệnh tư nhão cọc ra đánh, giành phần thắng. Các quân thừa thắng tiến đánh. Chiêm Thành đại bại chạy tàn vào rung núi. Quân ta vây núi 3 ngày, giặc phần nhiều bị chết doi. Ta đốt hết thuyền, quân con lai chạy về Bắc. Tháng 3, đuổi đến thành Nghê An rồi về.

Mùa hè, tháng 4, báo tin chiến thắng, phong Da Phương làm Kim Đô vệ đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu cho quân dân ở Diên Châu. Nghê An đào các cảng ở Hải Tây.

Quy Hợi (Xương Phu) nam thứ 7 [1383] (Minh Hồng Vũ năm thứ 16), mùa xuân, tháng giêng, sai Lã Quý Ly lãnh thuỷ quân đi đánh Chiêm Thành. Khi ấy mới đóng thuyền lớn, có các tên như Diêm Dá, Ngọc Đót, Nha Tiệp <24b> di đến vùng biển Lai Bộ Nương⁽¹⁾ và Ô Tôn⁽²⁾ bị sóng gió đánh hỏng phải đem quân về.

Mùa hè, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bông Nga cùng với chủ tướng của nó là La Ngai đem quân di bộ theo chân núi ra trấn Quảng Oai tìm đường đóng đồn ở sách Khổng Mục. Kinh sư rất sợ hãi. Thương hoàng sai tướng quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân di chóng giữ. Mật Ôn đến bái Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai)⁽³⁾ định bảy trấn chóng cư, giặc cho quân voi mai phục từ trước, quân voi đều xông vào quan quân thù chạy. Mật Ôn bị giặc bắt được. Chiêm Thành từ thời Lê, thời Lý trở về trước, quân lính hàn nhat, quân ta đến thì đất cả nhà chạy trốn, hoặc khóc lóc xin hàng Bông Nga. La Ngai xum họp day dỗ dân dân bỏ được thời cũ, mạnh bạo chịu khó, cho nên thường đến cướp phá, trả thành mồi lò cho nước ta.

Nguyễn Da Phương đốc quân dung rào kỵ ở kinh thành, ngày đêm phòng bị. Thương hoàng đến sông Đồng Ngan để tranh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mông Hoa để cá mu áo xuống nước keo niu thuyền vua xin ở lại danh giặc. Vua không nghe.

<25a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Nghê hoàng không có dùng khí, giặc chưa đến đã trốn, thế thi người trong nước sẽ ra sao? Mông Hoa là người học trò, còn dám giữ Thương hoàng lại. Nhưng kẻ làm quan ăn lộc đang khinh bỉ làm thay.

Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành đem quân về. Thương hoàng ở cung Bảo Hoa⁽⁴⁾ sai Thiêm Tri nói mặt viên sứ Nguyễn Mau Tiên. Lê bộ lang trung Phan Nghia và già nhân (khuyết danh) cùn Vu Hiền hầu ở Tiên Du thay phiên nhau chầu chúc. Thương hoàng cho an bài han việc cũ ghi chep từng ngày, biên thành 8 quyển để là Bảo Hoa dư bộ tại Đào Sư Tích để tuân ở đâu sach để dạy bảo.

1. Tức cửa biển Nương Lagoon thuộc địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tức vùng Vinh Sơn thuộc địa phận huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Phía thương chay, giáp đất huyện Lương Sơn, một phần đất huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

4. Cung Bảo Hoa (làng Lai Khe) tức nay Phát Lộ, huyện Tiên Du, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

Giáp Tỵ, [Xương Phù] năm thứ 8 [1384] (Minh Hồng Vũ năm thứ 17), mua xuân, tháng 2, Thương hoàng thi thai học sinh ở chùa Văn Phúc núi Tiên Du, lấy dỗ bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hồi Khanh 30 người.

Mua hè, tháng 5, chon những thai học sinh còn lại cho làm thư sứ ở cung Bảo Hoà.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bài đầu đánh Văn Nam, <25b> sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên đem tờ tư văn của bộ Hồ đến đòi cấp lương cho quân giữ ở Lâm An. Sai Hành khiển ty là Trần Nghiêу Du đốc thúc vận sứ của các lô, vận chuyển lương đến đầu huyện Thuỷ Vĩ⁽¹⁾ để đưa cho. Các quan bị sai đi, nhiễm khí độc, chết rất nhiều.

Át Sửu, [Xương Phù] năm thứ 9 [1385] (Minh Hồng Vũ năm thứ 18), mua xuân, tháng giêng, duyệt định số các tung quan vận vō.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang xin 20 vị sứ. Trước đây nước ta đưa hoan quan là Nguyễn Tông Dao và Nguyễn Toán đến Kim Lang, vua Minh cho làm cán thân, dài ngô rất hâu Tông Dao nói: "Sư Phương Nam dung dao tràng giỏi hơn sư Phương Bắc". Đến khi ấy mới xin sứ.

Mua thu, tháng 7, Tư đồ Chương Túc quốc thương hâu là Nguyễn Dân về hưu, Nguyễn Dân tư hiệu là Bang Hồ, là bậc đại thân người tôn thất. Thầy quyền binh trong nước chuyên xuống những kẽ dưới nêu không để tri vào việc tri nước giúp dân, bèn xin cáo tuổi già về Côn Sơn⁽²⁾ vui với nui đá rặng tre. Thương hoàng thường đến chơi nhà hỏi những việc cũ làm bài minh ban cho. Nguyễn Dân biết Quý Ly tất sẽ cướp nước mưu tính tránh tai họa về sau, ông bèn gửi con là Mông Dũ cho Quý Ly xin làm thông gia. Quý Ly đem con gái của Nhân Vinh người tôn thất là Hoàng Trung công chúa gả cho Mông Dũ. Sau đó cho làm Đông Cung phán thú. Em Mông Dũ là Thúc Dao, Thúc Quynh đều làm tướng. Về sau Quý Ly giết gần hết người tôn thất nhà Trần, chỉ riêng có con cháu của Nguyễn Dân là còn. Nguyễn Dân hay làm thơ, có tập thơ Bang Hồ lưu hành ở đời. Thơ gửi cho ban hữu có câu:

"Kim cổ hưng vong chán khà giam."

"Chư công ha phản gian thư hy"

Dịch nghĩa:

(Xưa nay việc dung nước, mất nước gương đã rõ,

Các ông sao nở không can ngăn).

Trang Định vương là Ngạc làm thơ nôm yết hâu để ngầm bảo Nguyễn Dân. Nhưng khi việc đổi đà hỏng, cũng không làm gì được. (Nguyễn Dân ở Côn Sơn thường gửi thơ cho Trang Định rằng

"Ngã thi cầu trung⁽³⁾ khi vặt,

Công phi đại ha ky tai."

1. Thuỷ Vĩ: Tên châu thuộc tỉnh Lào Cai.

2. Côn Sơn: Núi ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay.

3. "Ngã thi cầu trung khi vặt": DYSKTT chép là "Ngã thi đường mòn khi

He said what was in his
book was not true.

200

(Trí thức là để bô ra ngoài rinh rỏi
Bao không có tài lèn chung chưa nỗi kh
Nay cũng già non một hòn
Rưng rưng mao liệt xanh rờ)

Đến đây Ông ta đã quyết định không đánh đòn con kỵ thạc cho
tuy là Lai đã là con ngòi giàn Trang Định có chí 'Đêm nay con cao vào id gá
khang' và thật sự cũng là như con'. Ngày nhanh dứt cũng chỉ thanh thô mà thôi (bản cũ
còn là Thanh giàn Nguyễn Dân là sau).

2002: Kinh Dharma Xávy Phai năm thứ 10 (1388) Minh Hổng Vũ năm thứ 19
mùa xuân tháng 2, nhà Mạc sai Lãm Sát sang ta cung các lão già cao, vải mứt, nhẫn
Vì năm xưa là Nguyễn Trung Dao sai ở Phượng Nam có thừa sang hoa quả cho nên
nhà song Vua sai học trò ngon hàng là Phạm Đình Sơn sang cho nhưng các cây do
Nhà vua đặt tên gọi là gác giái bát Nhài Minh lại sai Cẩm y vệ xá nhân là
Lý Nhị sang mua hoa từ Lãnh Chân Thành Khi 50 thớt với từ phủ Nghệ An, sau
này cây hoa này có tên là hoa Vàng Việt Nam

"We are still here to help," says CEO John G. "Johnnie" Johnson. "We are still here to help."

thông suốt đất nước. Nước chưa bì phủ thi nhà đà mờ. Kè biển nhấp nhô nước
quanh rìa. Cái gọi là 'đèn may làm ra thí nó quay lờ lơ mai' lượn tròn chua têng
để lót đáy và chẳng dang tên thân xác.

Cho H^u Tông Thốc làm hàn làm học sĩ phung chí. Tông Thốc vì văn hoc được thời
đã trọng. Trước làm an phủ có xâm phạm của dân. Nghệ Tông gác bài ông bay ra rằng
'Một người con dâu ôn vua thi cả nhà ăn lộc trời'. Vua tha tội. Nhập làm được thăng đến
chức quan Áv. kiêm thêm binh viên sứ. Hora 50 tuổi thi mất. Tông Thốc người huyện
Thổ Thành phủ Điện Chùa. Có tài hoc. Tuổi trẻ thi đỗ. Ban đầu chưa nổi tiếng lâm Gia
nhết Nguyễn tiêu ¹ có đạo nhân là Lê Pháp Quan mà bài treo den. nói ván khách dù
tắc vui. Tông Thốc được giây mới. ngay trên bùn tặc làm ra một trăm bài thơ. mọi
người đều xem lại xem và thần phục. Từ đó tiếng tăm lừng lẫy ở kinh. Khi Nghiêm binh ông
lâm và bài phú Dto là ch: zom. từ và nghĩa đều rất hay. Quý Ly năm 947 bắt đầu
ông biết thời thế không thể làm được. Mỵ Sát an nhàn pacas khoảng 100 bài. xưa
không nghe các không làm thơ ưng taon. Cố tập thơ Thốc như sau: *“...Quý Ly là tên
thứ thơ <28> mà làm ra”*

Dinh Mão. [Xương Phé] năm 947 II (1367). Minh Hỏa Vũ năm thứ 21. mua ruồi
thangs 2. Trường hoàng từ cung Bảo Hòa về kinh.

Tháng 3. cho Lê Quý Ly làm đồng triều chánh sứ. chia thành giang và là có để viết
'tín và toàn tài quân thần đồng đức'. Quý Ly làm thi trưởng quốc sự. Lính sa cơ.

Sứ thần Ngo Sí Liên binh. Kế hoach chiếm Sic. là trước năm được mua. là cho
công. sáp nhập Sic là một năm nay chinh. mà nó đến đây. dài có kha nỗi. Cho nên
chính nhân phải chờ đợi được 10 năm. mà tên nước phong và tên kinh. Ông
nhưng chỉ chờ 6 năm đồng ². Ho Ho tiếp nghe của Trần. không rõ là Nghiêm hóng
kathy còn thấy trước kia như thế là có có gian ác. đến năm này.

Mùa Thu. [Xương Phé] năm 947 12 (1368) từ tháng 11 về sau là Thanh. Tống 100
Quang Phé thứ 1. Minh Hỏa Vũ năm thứ 21. mua he tháng 5. cho Trần Đế làm công
sự. Đó là con Trường. là kinh. Ông Mại cái già là Quý Ly tên x³ <296> mua he
nay. Sau là Sát là họ H^u.

Tháng 6. cho Lê Quý Ly làm phản. tên voi là kinh. tên voi. Nói chia là Nguyễn Vi
lâm và tên voi. Trần Ninh làm tên kinh tên voi. Nhập với hành kinh. tên voi là Võng
Hết Cát và kinh voi cho Lê Đế Nam thay.

Xin thư. tháng 6. mua Cảnh mua t⁴ phong voi

Mua đồng tháng 10. ngày mua. mua voi. tên voi là voi trọng

Tháng 11. Quý Ly. tên chiếc voi của Trường. không phải voi kinh. Lanh Đế. tên voi
rồi đổi ⁵.

Trong đây voi là kinh voi. Thời mua kinh. cũng làm voi với Trần. và Nguyễn vi
Trường. mua voi voi. mua voi. mua voi. Ông Ly. tên voi là voi trọng. tên voi không rõ

¹ Ông Nguyễn Văn H^u là tên của Nguyễn Phé.

² Ông Nguyễn Văn H^u là tên của Nguyễn Phé. Ông là tên của Nguyễn Phé. Ông là tên của Nguyễn Phé.

trước thì sau át sẽ khó tri đây". Còn Vương Nhữ Chu là Nhữ Mai hâu vua học tiết lộ mưu áy Quý Ly biết được. Da Phương khuyên Quý Ly ra núi Đại La⁽¹⁾ để chờ biến động. Phạm Cự Luân nói "Không nên, một khi đã ra ngoài thì khó mà mưu tính sinh tồn được. Quý Ly nói "Nếu không có phương kế gì thì ta nên từ từ chờ không lọt vào tay người khác". Cự Luân nói "Thượng hoàng rất cảm vua vì cái chết của <29a> Quan Phục dai vương, vua không hài lòng, nay quyền binh ở trong tay dai nhân mà vua lai mưu tính thi thương hoàng càng ngỡ lầm. Dai nhân hãy tiến vào phản tràn lối hai Thượng hoàng tất sẽ nghe theo. Thương hoàng có nhiều con chính đích mà lai lập cháu chũ báu. Ngạn ngữ có câu "Chưa thấy ai ban con nuôi cháu, mà chỉ thấy bán cháu nuôi con". Dùng lời nói đó để cảm động Thương hoàng, may ra Thương hoàng tỉnh ngộ, đổi lập Chiêu Định thi chuyển hoa thành phúc để như trả bàn tay. Nếu Thương hoàng không nghe theo thì chết cũng chưa muộn". Quý Ly nghe theo kè dò, ngầm tâu như lời Cự Luân, Thương hoàng cho là phải lầm. Đến mờ sang ngày hôm đó, Thương hoàng nói là đến Yên Sinh, sai quân điện hâu theo bảo vệ, rồi sai cho chi hâu nội nhân gọi vua đến để bàn việc nước. Vua chưa an sàng với di ngay, chỉ có hai người theo hầu. Vua đến, Thương hoàng nói: "Đại vương lai đây" rồi sai người đưa ra giam ở chùa Tư Phúc, ban tờ nội chiếu rằng: "Trước đây Duệ Tông không trả về, dùng con địch để nôi ngôi là đạo từ xưa. Nhưng từ khi nhà vua lên ngôi <29h> tới nay, càng nhiều tâm tính trẻ con, đức hạnh không thường, thản thiện với bọn tiểu nhân, nghe bon Lê A Phu, Lê Dữ Nghị vu oan cho công thân làm lung lay xã tác, nên giáng làm Linh Đức dai vương. Nhưng nhà nước không thể không co chủ, ngôi vua không thể để trông lâu ngày, nên đón rước Chiêu Định vào nối giữ nghiệp lớn. Bô cao cho thiên hạ đều được nghe biết". Ben giáng con vua làm Thuận Đức vương. Các tướng của quân phủ cũ là Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, quân Thiết Giáp quân là Nguyễn Kha, Lê Lạc, quân Thiết Sang quân là Nguyễn Bát Sách muôn dem quân cướp vua ra, vua viết hai chữ "giải giáp"⁽²⁾ và dán ho dùng trái ý của phu hoàng. Bon họ lai thôi. Lúc sau đưa vua xuống phủ Thái Dương thất cổ cho chết.

Trước đây hoàng hậu của Duệ Tông tức là mẹ của Linh Đức, là em họ của Quý Ly. Duệ Tông đi đánh Phương Nam không trả về, bà bèn cắt tóc làm sū. Đến khi Nghệ Tông cho Linh Đức nôi ngôi, bà từ chối không bắt vào cung. Gặp thai úy Ngạc nói chuyện có vẻ lo thì lại khóc bao thanh nhản rằng <30a> "Con ta phúc mỏng, khó đảm nhiệm được việc lớn. Tiên hoàng qua đời. Ké chưa chết này chỉ muốn chết, không muốn thấy việc đời, huống chi là trông thấy con sắp nguy hay sao?" Bà mất được hai năm thì Linh Đức vương bị hai

Sứ thân Ngạc Sĩ Liên bàn: Việc lập Linh Đức cũng là do Nghệ hoàng, mà phe bö cũng do Nghệ hoàng. Trước kia Nghệ hoàng không nghe lời của Lê hau là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì lòng riêng. Nhưng trước kia lập lên sao mờ sang suốt thế, mà sau bö di sao lại tội tam vây. Lai thất cổ giết di là qua dang dây! Lai nói thế của họ Hò, lúc đó nỗi người đều biết là sẽ cướp ngôi. Trang Định vương Ngạc làm thái úy và là con của Nghệ hoàng thấy xã tác sáp dổ, nếu biết lây lè phải làm cho vua cha sáng tỏ hiểu lệnh, khuyên cho quần chúng theo như

1. Núi Đại La: Ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

2. Tức giải tán quân lính

bạn bè, thi nếu Nghê Tông già lớn lại trả vé. Giản hoàng nhu nhược lại lập <30b> lên, thi quyền binh có chủ, lệnh do trên ban ra thi gian tinh của họ Hồ tư phái xếp dì dầy. Trang Định không tinh dến kẽ áy. A Phu không lưỡng được vua là người không có tài cương đoán, lại khuyên giết Quý Ly, mà mưu kế không cẩn mật, khiên cho nó biết trước. Trang Định lại không quyết đoán sớm, để lỡ cơ hội đến nỗi việc hòng bắn thân bị chết, và lấy cả đến những quân tướng giỏi. Đáng than thay! Có người nói: họ Hồ trên được lòng vua, dưới làm chủ việc quân, cho dù Nguyên Dán có kiến thức lại già dặn với công việc còn không làm gì được, huống là Trang Định vương sao! Xin nói rằng: Xem trong lòng Quý Ly không tu yên mà muốn tu tú, thi biết Quý Ly cũng dễ tri thời. Trước hết hãy trừ khử Da Phương, Cụ Luận để chát vây cánh của nó thì thế nó tự bị cô lập dầy.

Sử thân Ngô Thị Sí bàn: Trời muốn làm cho người ta mất nước, tất làm cho tối tam cái trí của những kẻ làm việc, như là có vật gì che lấp người xem chung quanh, dù thấy nhưng cũng rõi ren, khiến cho không làm gì được.

Nghê Tông mê hoặc về Quý Ly, tự cho Quý Ly là toàn tài, có thể giao cho việc vân, việc vô mà người thường không thể đảm đương được, lại tự cho là cùng một đức tính có thể gửi gắm lòng da được, còn con em thi không đủ tin. Linh Đức, đứa cháu mồ côi vì mưu giết Quý Ly bị phế rót chết. Trang Định, người con hiền tài vì trái ý Quý Ly chạy trốn rót chết. Nguyên Dán gửi gám vào lời nói bóng mà không được. Nhật Chương vì mang lòng khác mà bị giết. Bùi Mông Hoa lấy lời hát của trẻ con mà thảng thán cản ngăn đến nỗi lấy bắn tàu của mình đưa cho xem. Người ta nhiệt tình mà mình thì lơ đãng do dại mà quỷ báo cho sự hung vong, nhưng Xích Chuỷ hâu bị mê hoặc ở lầu Bạch Kê đã sâu, không sao giải thoát được. Nghê Tông mời kẻ trộm đến nhà, nuôi hổ chờ nó cắn, tích luỹ tội ác, nhòm ngó ngôi vua, đã thành cướp đoạt. Trang Định gấp phải người cha tối tam, cũng chẳng làm gì được. A Phu bày mưu cho vị vua nhu nhược tầm thường cũng là rất bất đắc di, việc tuy không thành chí cũng đáng thương. <31b> Có lẽ lấy nhà Hồ làm mất nhà Trần ý của trời không thể xoay chuyển được và cũng không thể lấy lẽ thường mà trách được dấy.

Phong Thái úy Ngạc làm đại vương Trước đây Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngac làm con nối ngôi; Ngạc từ chối không được. Quý Ly nhận sơ hở nói với Thượng hoàng rằng: "Thái úy biết những ngôi báu là có đức lớn dầy". Thượng hoàng cho lời nói đó là đúng, cho nên có mệnh lệnh này. Trước đây ở sảnh dài từ đồng bình chương sự trở lên được ngồi ghế tựa sơn den. Ngạc lúc ấy làm thái úy, Quý Ly làm đồng bình chương sự Tri thẩm hình viện Lê A Phu xin bỏ ghế của Quý Ly không cho ngồi cùng với Ngac, lại ngầm tâu Linh Đức giết Quý Ly. Mưu bi tiết lộ. Đến khi ấy A Phu, Khoái, Văn Nhì, Kha, Bát Sach, Lạc và học sinh yêu của Linh Đức là Lưu Thường đều bị giết (khi Thường bị hành hình làm thơ rằng:

Tàn niên tử thập hưu dư tam,

Trung ái phùng chu tử chính cam

Bảo nghĩa sinh tiền ưng bát ngô,
Bộc thi nguyên thương cánh hổ tam.

Dịch nghĩa:

(Năm tàn tuổi mới bón mươi ba,
Bị chết vì trung cung đằng mà.
Không then bình sinh giữ điều nghĩa,
Thây phơi đồng nội có xấu gì).

Riêng có Dữ Nghị phải tôi dày đến Trai Đầu. Dữ Nghị là anh họ của A Phu. Bát Sach tròn, bát giam mè của Bát Sách, Bát Sách mới ra chịu hành hình <32a>.

Thương hoàng lập con út là Chiêu Định vương Ngung làm hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là Quang Thái năm thứ 1. Đại xá, xưng là Nguyên hoàng.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Quá lâm thay cái già lẩn của Trần Nghệ Tông đây. Đầu tiên nhường ngôi cho em, em chết lại nhường ngôi cho cháu, không mấy may coi ngôi báu là của riêng mình. Tâm lòng ông sao mà trong sáng thế! Đến khi tuổi già, bị Quý Ly mê hoặc. Nghe lời nịnh "bán cháu nuôi con", như thế tức là giữa con và cháu có ý canh nhắc nặng nhẹ và lợi hại. Nhưng cũng chưa phải là quá. Xã tắc là trong người hiền đức thì nên lập có kế gì con hay cháu. Các con của Nghệ Tông chỉ có Trang Định là lớn mà giỏi có lẽ là người mà Quý Ly kiêng sợ phải nói phao là sẽ lập làm con nối ngôi để cho Trang Định từ chối. Một khi từ chối liên tôn là người có đức lớn dẽ ngần cái ý muốn lập Trang Định của Nghệ Tông. Nghệ Tông trong lòng không có định kiến <32b> nhận cái già làm cái thật. Ông già 60 tuổi nhường ngôi cho đứa trẻ hơn 10 tuổi, gửi con cho con qua già mà vẫn cứ cố khuyên rằng chó ăn thịt con mới nò của ta. Không biết con qua già có thể tin được chàng? do đó ban bức tranh "tú phu" mong Quý Ly được như Chu Công, Võ Hầu. Còn lo là lòng thành chưa thoả, lại du là: Có thể giúp được thì giúp, thực tối tăm quá. Mong cho con chìm yêu quái thay đổi tiếng kêu, không biết rằng nó đã gác mò trực ở bên rồi. Ôi! Sao mà già lẩn đến thế!

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ô Lân, Hình Văn Bác mang sắc sang phong, khi tới nơi thi Linh Đức đã bị giết hai. Trước kia sứ Phương Bác sang thì dẫn vào cửa Tường Phù, riêng bon Lân sang thì dẫn vào cửa Cảnh Dương.

DAI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYỀN IX

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên huý là Ngung, con út của Nghệ Tông làm vua hơn 9 năm đi tu hơn 1 năm rồi bị Quý Ly giết, thọ 21 tuổi. Làm vua chỉ giữ ngôi suông, sống nhở. năm nào sống, ngày nào chết đều do bọn gian thần nắm giữ, đáng thương thay!).

Kỳ Ty Quang Thái năm thứ 2 [1389], (Minh Hông Vũ năm thứ 22), mùa xuân, tháng giêng, lập con gái đầu của Quý Ly làm hoàng hậu, gọi nơi ở của bố là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, mai táng Linh Đức đại vương ở núi An Bài.

Tháng 3, cho Đỗ Tử Trung làm ngự sử đại phu.

Mùa hạ, tháng 4, cho Phạm Cự Luận làm thiên thư Khu mật viên sự. Quý Ly hỏi ai làm được thuộc Khu mật viện, Cự Luận bèn tiến cử em là Phạm Phiếm và Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Cảnh Chân đều là những người có danh tiếng, nhất là Đỗ Tử Mẫn.

Tháng 5, cho <1b> Vương Khả Tuân giám sát quân Thân Dực ở Ý Yên, Dương Chương giám sát quân Thân Dũng.

Mùa thu, tháng 8, có người tên là Nguyễn Thanh xưng là Linh Đức lánh nạn ở Sông Lương⁽¹⁾ dân đều hưởng ứng.

Tháng 9, người ở Nông Cống⁽²⁾ là Nguyễn Kỳ tu tập dân chúng cướp bóc tư xung là Lỗ Vương Diền Kỳ⁽³⁾.

* Mùa đông, tháng 10, người Chiêm Thành đánh cướp Thanh Hoá, xâm phạm vùng Cố Võ. Vua sai Quý Ly đem quân chống cự bị thua to, Quý Ly trốn về. Lúc đó bon giặc đập dập ở vùng thượng lưu, quan quân đóng cọc ở vùng Bàn Nha để chống lại. Giặc cho quân và voi mai phục, già bỏ trại không trở về. Quý Ly chọn những người giỏi khoé làm đội quân cầm từ truy kích giặc. Thuỷ quân nhỏ cọc ra đánh. Giặc bèn phá đập, cho voi xông ra. Lúc đó quân tinh nhuệ đã di xa, quân thuỷ khó ngược dòng, bời thế bị thua

1 Sông Lương: Tức Sông Chu ngày nay.

2 Nông Cống: Xưa là huyện Tư Nông, nay là huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

3 Diền Kỳ: Tướng nước Tề, Trung Quốc.

Tướng Thành Đức là Nguyễn Chí (co ban chép là Trần Định Quý) bị giặc bắt. Quân và tướng còn lại 70 người đều bị chết. Quý Ly trốn về, để ty tướng là Phạm Khả Vinh ở lại chống nhau với giặc. Nguyễn Da Phương tam giữ quân Thành Đức. Da Phương bàn với Khả Vinh rằng: <2a> "Thế giặc như vậy, quân ta đơn độc, kho mà không chơi được lâu. Nếu rút quân giặc tất sẽ thừa cơ đuổi sau". Bên hạ lệnh cho các quân giương cờ xí, huân thuyền lùn vào cọc, sai người trông giù, lấy thuyền nhẹ chạy trốn từ ban đêm. Quý Ly đến triều đình xin Mỹ thuyền chiến Châu Kiêu đưa thêm ra. Thương hoàng không cho nhân dân. Quý Ly xin trả binh quyền không dì danh nữa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Quý Ly thêm làm doi tướng, co quan hé đến sự yên nguy của nước, nia đến nỗi mất kỷ luật, tan ra quân đội. Tôi thực lớn thay, đã không biết lo tinh dốc sức trán sau, để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân lính về trước. Lòng khinh vua lớn lầm dây. Theo phép quân ma làm việc thi thiên từ phải nên trừng phạt dây. Trong trán danh ở Thành Bố, Từ Ngọc làm quân tan rã. Sở Từ giết đi. Như vậy tuy hơi qua đáng, nhưng nước Sở cang ngay cang mạnh là uy lệnh được thi hành. Nghệ Tông không bát tội. Quý Ly là sai chính sự hình phạt. Còn như <2b> Da Phương, Khả Vinh thề quân có đơn mà đương đầu với giặc mạnh phải trốn đi ban đêm thì không đang trách lầm. Vì dung binh thi danh lui giặc là có công, khi bát bại rút lui là không có lỗi, dung mưu lừa giặc mà lui quân là thuật của nhà binh, có hại gì đâu? Nghệ Tông chẳng biết dung Da Phương dây thôi.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly nắm binh quyền, giữ nước, bỏ vua, lập vua, diều khiển vua Nghệ Tông như con rết, sai sang trái thi sang trái, sai sang phải thi sang phải, lòng khinh vua dâu phai đến khi ấy mới có. Trong chiến dịch Ban Nho bỏ quân mà về, tiến lui tu do, không kiêng so ai, bởi vì Nghệ Tông đã mê nuối tư lâu, hả dam hỏi cái tội làm tan quân nia ra lệnh trừng phạt của thiên tử dược dâu. Còn như bon giặc Man chiếm nai trong yêu ma đại tướng, tỳ tướng lần lượt trốn về, phó thạc dân cả một quán vào móm giặc dái, không may may doái hoài cả tên việc trừng phạt, tội quân mất kỷ luật cũng không hé nghe thấy. Quân chinh cuối thời Trần bài hoài đến như vậy! Nghệ Tông cũng chẳng đáng trách. <3a> Quý Ly toàn cướp nước của người ta, mà chỉ lai tội tệ như vậy thi bị bát làm tù binh là đang lầm thay!

Tháng 11 Thương Hoàng sai Trần Khai Chân đem quân Long Tiệp di chông quân Chiêm Thành. Khai Chân vang lệnh kháng khai ứa nước mắt ta từ rôi ra đi. Thương hoàng cũng khóc, đưa mắt tiễn nhau. Quân xuất phát từ Sông Lô đến Sông Hoàng thi gáp giặc. Khai Chân thấy không có địa thế có thể đánh được, lui về phòng thủ ở sông Hải Triều. Em Linh Đức là Nguyễn Diêu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân dâu hàng giặc.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly chuyên quyền, làm bấy, tư lâu nuôi dưỡng long không muốn làm bệ tội, nhưng từ khi Linh Đức bị phê bị giết và sau khi bon A Phu Nguyễn Khoa bị giết. Quý Ly vẫn con im lặng không dam hành động, cai đó chẳng phải vì sợ Nghệ Tông và người trong nước, mà chỉ sợ giặc Chiêm Thành

thời. Sứ nết muối của Nghệ Tông đã nuôi thành tội ác của nó, không sao gỡ ra được. Dương khí ôn trung thân nghĩa si đã hàng hai lần nhưng chỉ là muôn bón giác Chiêm Thành **a** quét sạch bốn giác bên cạnh nhà vua. Cố kỵ Quý Ly từ khi <3b> ở Ban Nha rút lui trốn về xin giải binh quyền, chỉ ngang ngược đã tan rã. Khat Chân được người trong dời khen là người khoẻ mạnh trong một thời, quân tình nhué nắm giữ trong tay, cầu xin không gì là không được, nứt hé không gì là không xuôi, lại không nhân khi ấy xin với Nghệ Tông vạch tội Quý Ly mà giết đi, giết tên quyền gian dé ta thiên hạ, rồi sau giương ca, gõ trống tiến nhanh lên mà đón danh giác, hả được long cảm phán của thần dân. thi khi thế của quân sĩ cũng nhân lên gấp bội, bốn giác Man lo gì không dù sức đẹp được hay sao.

Muôn keo lạt mạt trại khi sáp lán, muôn chóng lai ngôi nhà lớn sáp đổ dập, ha chàng phải la có hỏi tốt sao! Mát thời cơ ôy không lo tình, khiến cho dừa giàn ta im hơi doi tin chiến thắng, được thêm mưu đồ cướp ngôi, dung dâng mươi năm, cang ngay người theo nó cang đông, dé thành be dâng, rồi sau mới lam việc cầu may, vẫn không biết tu quyết cả mồi người chết uống, xá tác cũng mót theo, ha chàng phải la có sức mà không có mưu, long trung có thua ma <4a> mưu tri không dù dây chằng! Tuy vậy Khat Chân sao dù canh nhắc việc ấy, bởi vì giám lén dưới hố mà hổ không cần người, thi những kẻ bát học vô thuát làm sao có thể làm được

Cho con của Thái tử Nguyên Trác là Nhàn Tình vương Nguyên Dinh làm tu đỗ, cứu hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm thiếu bảo

Giết tướng quân Thành Đức là Nguyễn Da Phương. Da Phương từ khi ở Lô Giang về, cho mình là có công cao lên mệt nhiều khi ché Quý Ly là không có tài. Quý Ly bèn giem pha ràng: vì Da Phương mà bị thua trận, bèn thu quân của Da Phương. Da Phương vẫn có vẻ kiêu ngạo. Thương hoàng nói: "Nên xử tôi nhẹ để rắn". Quý Ly nói: "Da Phương là người khoẻ mạnh, nó có thể sang nước Minh ở phía Bắc xuống Chiêm Thành ở phía Nam, thả hổ để mỗi lo về sau, chỉ bằng giết đi". Vua bèn cho xử tội chết. Da Phương than rằng: "Ta vì có tài mà được sang, cũng vì tài mà bị chết, nhưng chỉ ăn hận là không được chết ở nơi trán dia mà thôi".

<4b> Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Da Phương be dâng với nhà Hồ, trời hoac xui ra việc ấy để giết đi đấy. Khả Vĩnh sau vì giúp nhà Hồ mà giết Thuận Tông cũng vì be dâng mà chết kẻ theo hùa. Bọn bè tôi làm giác hay lây da mà làm gương

Sứ thần Ngô Thị Si bàn: Giác Chiêm Thành ngang ngược, hung hăng thì Quý Ly trốn trước, Da Phương cũng trốn theo, lại cho mình có công cao mà kiêu ngạo, ha phải lấy việc tranh né giác báo toàn quân làm công, sao không biết xấu hổ với người lính giữ cọc neo thuyền? Còn ché Quý Ly để chuộc lấy sự giem pha, đã bị thu quân còn vì tu kiêu mà chuộc lấy cái chết. Lại từ khoe tài của mình mà không biết hối. Ôi! Con chim nhạn biết kêu thì không bị mổ, cây gỗ cứng thì bị bó. Giá sứ Da Phương không sai làm vì kiêu ngạo, thi có bao giờ vì tai mà chết đâu! Cái chết của Da Phương có thể làm rắn cho kè có chút tài mà kiêu ngạo với người

<3a> Tháng 12, nhà sư là Phạm Sư Ôn làm phản, xâm phạm kinh sư. Hai vua chạy đến Bắc Giang. Sư Ôn tu tập quân ở trên đường Quốc Oai, tiêm xung đai hiếu. Cho

Nguyễn Tông Mai người Lư Mô, Cố Sở⁽¹⁾ và Nguyễn Khả Hành người La Xã⁽²⁾ làm chức hành khiển, lập họp ban không quê quan làm các đội quân Thành Kỵ, Dũng Dầu, Võ Han kéo đến nơi cung khuỷt. Hai vua chạy đến châu Bắc Giang để tranh Sư Ôn ở kinh 3 ngày ra đóng đồn ở Nôn Châu⁽³⁾. Thương hoàng sai Hoàng Phung Thủ tướng quân ta thanh đục đi đánh đep yên. Lục Ấy Phung Thủ và tướng Chiêm là La Ngài chống nhau ở Sông Hoàng Nhàn được mènh lệnh, đường đi phải qua Sông Miết⁽⁴⁾ mùa đông nước sông bì can. Phung Thủ cho khai dong sông để đưa thuyền chiến đi ra đánh một trận đánh được Sư Ôn. Tông Mai, Khả Hành đều bị giết. Nhưng người con lai bị cưỡng bức theo không hời đến mới ai (Phung Thủ người Hoàng Hoa)

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Cuối đời Trần vô bờ bến, kinh thành trống rỗng
<5b> giặc đến là chạy trốn, trai, gái, lúa, ngọc đều bỏ không doi hoài. Ban giặc Chiêm Thành hung hán kho chống cu đá đánh, đến cả ban giặc ở nơi thôn dã cũng đánh mìn trận đá chay tháng đến kinh thành. Lần lượt 3 ngày không ai dám chống cự. Sao mà hen nhát đến như thế! Nghé Tông ván kem vô lược, rặng rung đom đóm. Quý Ly dam dương việc nước, là chủ việc quân, chỉ biết xiểm nịnh để dược sự yêu quý, ngâm mưu cướp ngôi, cho đến việc tuyển lựa quân cầm vệ tu sửa thành quách không tung lưu ý đến việc đặt quân canh gác, ban yêu tàng xuống lên một tiếng thi kinh thành đã thất thủ, xe vua đá bỏ chạy, thế còn gọi là trong nước có người nữa hay sao? Ma còn nuốt được trăm vạn quân để chống giặc Phương Bắc. Thực là ngu và biến vong qua lầm dây. Có người ban rằng: Nhà Trần từ khu mới dung nước nếu có sự khẩn cấp thì nhà vua chạy ra ngoài, kèu gọi ban phuong giết giặc để giành phần thắng, không phải cần giữ thành, ta dẹp rằng: giặc Nguyễn vào cướp pha, quân giặc đã rẩy trong bờ cõi mà cư khu khu giữ thành <6a> thi ít khi không bị quân giặc bắt. Vua Thái Tông, vua Nhân Tông cho việc ra ngoài để đánh là giữ chủ không cho việc ở lại mà giữ là gửi dây. Còn như bọn nhỏ mòn tröm cáp ngoài biển giới, ban gian dân múa may giap binh, thi sao không bê rối ma đánh? Đặng hoàng vua thiên tú mà hoàng hối bỏ chạy chep vào trong sách, thất đang xấu hổ làm thay!

Canh Ngọ (Quang Thái) năm thứ 3 [1390] (Minh Hồng Vũ năm thứ 23), mùa xuân, tháng giêng, Đô tướng Trần Khát Chân đánh bại quân Chiêm Thành ở Hải Triều. Chúa Chiêm Thành là Chế Bông Nga chết. Khi đó Chế Bông Nga và hàng tướng là Nguyễn Diêu lanh bơn 100 chiến thuyền đến xem hình thể quan quân. Nhiều thuyền chưa tu tập được. 1 quan nhỏ của Bông Nga là Ba Lâu Kê bị Bông Nga trách phạt, chạy đến quân doanh chỉ vào thuyền sơn xanh mà nói rằng: "Đó là thành của quốc vương". Khat Chân ra lệnh cho sung lửa cung bắn. bắn xuyên Bông Nga vào van thuyền mà chết. Người trong thuyền kèu khóc làm i. Nguyễn Diêu chạy lai lấy đầu của Bông Nga chạy về với quan quân. Đại đội phò thương <6b> đó quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lạc, đầu ngũ là Dương

1. CÁ NHÂN: Nay là xã Văn Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

2. LA XÃ: Nay là xã Xuân La, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

3. NÔN CHÂU: CM chep là là Quốc Oai. Nay chưa rõ.

4. SÔNG MIẾT: Tên sông Châu Chu ngày nay.

Ngang bên giết Nguyễn Diệu, lạy dâu của Bồng Nga. Quán giác tan rã, Khat Chân ra lệnh cho quân giám Lê Khắc Khiêm bỏ dâu Bồng Nga vào hòm, dùng thuyền con chờ gấp về hành tại Bình Than, báo tin tháng trán. Lúc đó mới trống canh ba, Thương hoàng ngủ say, chợt tỉnh dậy tưởng giác đến định, đến khi nghe tin tháng trán mừng lâm triều quân thân, lạy dâu Bồng Nga ra xem kỹ Trâm quan mặc áo triều phục hô van tuế. Thương hoàng nói: "Ta với Bồng Nga chông cù nhau đã lâu rồi, nay mới được thấy nhau, khác nào Han Cao Tổ gặp đầu Hang Vũ, thiên ha yên rồi đấy"

La Ngái dẫn quân còn lại đến bờ Sông Lô hoà táng hai cốt Bồng Nga, rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, làm đường sàn, nấu cơm ở trên vua vừa ăn giữ trong ven số quân trở về. Khi có quan quân truy kích thì dừng voi vắt của cài ra để ngăn lại. Lúc ấy người Nghê An ăn ở hai lồng. Người Tân Bình¹ và Thuận Hoá phân nhiều làm phản, theo người Chiêm Thành cho nên người địa phương <7a> danh du kích kháp nơi, không ai chông cù được. Tuy triều đình cho Lê Khắc Chu làm an phủ sứ ở hai lò ấy, nhưng chỉ ở Kinh chỉ đạo, từ xưa chưa hề đến quân Riêng có thể hào là Phan Mạnh và Phạm Cang đem dân quy thuận. Mạnh can đảm mưu lược, dù xét tình hình địch có công dồn đánh quân bò chạy. Vua thường rất hảu, khi về thang làm chức Uy Minh tướng quân cai quản quân Thánh Đức ở vùng Tân Bình và Thuận Hoá đeo ván phu vàng.

Thang 2, vua ngự đến Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh bài yết các lăng. Ban chiếu bắt đảng giác là Nguyễn Dinh, Nguyễn Đông, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang. Người bị cưỡng bức theo thi không trị tội Nguyễn Dinh. Trần Tôn nhảy xuống nước chết. Khang chạy về phía bắc, nước Minh sang nối dõi là con cháu nhà Trần và đổi tên là Thiêm Bình.

Cho Trần Khat Chân làm Long Tiệp, phung thần nội vệ thương tướng quân, phong tước vú tiết quan nội hầu; Phạm Khắc Vinh làm xa kỵ vệ thương tướng quân, phong tước Quan Phục hầu; Phạm Lạc, Dương Ngang thường tước ngũ tú. Cho Lạc làm giám cầm vệ đỗ, cho Ngang 30 mầu ruộng <7b>. Còn những người khác thang chức tước thủ bắc khác nhau.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và thuy hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, bão to, mưa lụt lớn.

Cho em Nguyễn Diệu là Chương Tình vương Nguyễn Hy làm nháp nội kiêm hiệu hứu tướng quốc bình chương sự, cái chết của Nguyễn Diệu làm cho Nguyễn Hy không yên tâm cho nên có lệnh này.

Tướng Chiêm Thành là La Ngái chiếm giữ nước tư làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, bèn chạy về với ta. Phong Ma Nô Đà Nan là Hiệu Chính hầu, Sơn Nô làm Á hầu.

Mùa đông, thang 10, khơi sông Thiên Đức. Sai thợ đẽo cửa đóng ở núi Thiên Kiên và động J núi Lan Mai để lấy tiền của chôn trước kia. Khi ấy hai núi đều bị lở, cửa đóng bị lấp, không đẽo được đành bỏ.

Thang 11, Tu đờ Chương Túc quốc thương hầu là Nguyễn Dan mất. Nguyễn Dan là người nhân từ, nho nhã, có phong cách của người quân tử. Thương hoàng thương đến

¹ Tân Bình xưa là Địa Lý, Nay thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình.

chơi nhà hỏi thăm bệnh và việc về sau Ông đều không trả lời chi nói. "Xin bê ba hãy kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như con, thi nước nhà sẽ vô sự. Thân tuy chết cũng không mục nát. Thương hoàng làm thơ để trên mộ Nguyễn Dan. Nguyễn Dan thương làm thơ "Tháp cõm". Có câu rằng

Nhân ngôn kỵ từ dù lão nha.

Bát thức lão nha liên ái bát

Dịch nghĩa

(Dem con mà gửi cho con qua

Dẫu biết qua già chàng doái thương)

Có lẽ là ngâm bao Thương hoàng về việc phó thạc Thuần Tông cho Quy Ly đây: Nguyễn Dan có hai con gái lớn là Thai, bé là Hợp, sai Nho sinh là Nguyễn Ứng Long và Nguyễn Hán Anh dạy học. Ứng Long đi lại với Thai có mang. Nguyễn Dan phải gả cho Ứng Long, sau đổi tên là Phi Khanh, sinh con trai là Trãi, là Khai quốc công thần triều Lê. Nguyễn Dan ở dòng Thanh Hü nui Côn Sơn. Châu ngoại là Trãi làm bài ca rằng:

Dịch nghĩa

"Côn Sơn có suối tiếng nước chảy lạnh lành, ta coi như tiếng đàn

Côn Sơn có đà, mưa rửa rêu phô biếc, ta lấy làm đêm chiếu,

Trong nui có thông, muôn chiếc long biếc um tùm, ta nằm nghỉ ngơi ở trong đó,

Trong rừng có trúc nghìn mâu in mâu xanh mát lành, ta ngâm nga ở bên cạnh đây,

Hai người, sao chàng về đi, nửa đời người còn trói buộc mãi trong đám cát bụi

Muôn chung, chín định⁽¹⁾, có cần chí, uống nước là ăn cơm rau tuy phần mình cũng đủ

Anh chàng thấy như Đống Trác vòng chất đầy một ống. Nguyễn Tài hò tiêu táram hót⁽²⁾,

Lại chàng thấy như Ba Di cùng Thúc Tề, chết dỗi⁽³⁾

Hiền ngu hại dảng khong ngang nhau nhưng mỗi dảng đều tư tim cái thích của mình

Đời người ta trong vòng trăm năm rốt cuộc rồi cũng nat với cỏ cây

Vui buồn, lo, sướng đổi thay nhau, tốt tươi rồi khó hót cùng nối tiếp nhau

Ở nhà đẹp hoặc ở gó nui cũng là ngẫu nhiên⁽⁴⁾ khi chết rồi thì còn ai vinh và ai nhuê?

Trên thế gian này <8b> nếu có hang Sào Phù, Hứa Do⁽⁵⁾ xin khuyên ba hãy nghe

1. Muôn chung chín định: Chung là đơn vị đo lường dung để dùng thuế thời cổ, định là cái vạc có 3 chén ở đáy và muôn hột đánh giòn sang.

2. Đóng ống: Nguyễn Tài là người giòn sang phu quý, thời Hán thời Đường

3. Chỉ việc Ba Di và Thúc Tề, 2 con vua nước Cửu Trục chư hầu của nhà Thương. Khi Vũ Vương diệt súa Tru nhà Thương lập ra nhà Chu. Ba Di và Tề cho do là việc bất nghĩa của vua nhà Chu nên không them ăn thọc của nhà Chu. Ẩn trên núi Thu Đường ăn rau và rùi chết đau ốm.

4. Cầu may muốn ý cầu thủ của Tào Tháo: "Nhịn lòn hòn ắc sú, linh lực quý són khau" nghĩa là khi con sông thi đấu bị đập tung bẩy, đến khi chết về nơi gó núi (Thư văn Nguyễn Trãi tuyển tr 161 NXB Văn học 1980)

5. Sào Phù: Hứa Do. Hứa Do là một cao si, vua Nghiêu sai người mời đến để nhường ngôi. Hứa Do cho rằng do ba tôi mìn danh lợi làm hão tai mình bèn đi rùa tại Lục Áy. Sào Phù đang cho trâu uống nước biết chuyện bèn dắt trâu ra chỗ khác và sai tên uống súp nấu súng rết.

ta hát khúc ca trong núi

Dịch thơ

Còn Sơn suối chảy rì rầm.
 Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
 Còn Sơn có da rêu phơi,
 Ta ngồi trên da như ngồi chiếu êm
 Trông lên thông mọc như nêm.
 Tha hồ muôn long ta xem chốn nằm
 Trong rừng có trúc bóng râm.
 Giữa màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn
 Vẽ đi sao chàng sớm toan.
 Nửa đời vướng bụi trán làm chi
 Muôn chung chín vac cắn gi.
 Cơm rau nước lá dù tùy phản thời
 Đồng Trác, Nguyễn Tài kia coi,
 Hô tiêu ám áp, vàng mươi chan chan
 Lại kia trên ngọn Thủ Sơn.
 Di. Tê nhìn dời chàng màng thóc Chu
 Hai dâng khó sánh hiền ngu.
 Mỗi dâng sở thích làm như ý mình
 Trăm năm trong cuộc nhàn sinh.
 Đều như cây cổ thân hình nát tan
 Đổi thay mấy cuộc bỉ hoạn,
 Dây lẩn tươi tốt, đó lân héo khô
 Khi lâu dài, lúc nui gò,
 Chết rồi lại kế cái trò nhục vinh.
 Sào, Do hàng có tài sinh,
 Còn Sơn một khúc nghe mình ngâm nga⁽¹⁾

Đều là khen Nguyễn Dan lui về ở đây. Còn Hợp lấy Hán Anh, làm quan đến chúc
chuyển văn sứ

Sử thân Ngô Sí Liên bàn: *Làm điều chỉnh đang mà không mưu lợi, làm rõ
đạo lý mà không kề công, do là tâm lòng người quân tử. Nguyễn Dan là bác sĩ
thân cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, có nghiệp nhà Trần sáp mặt, không
chiu gian nan cùng đất nước mà phó thác đứa con cho họ Hồ để lo kè kè sau, như*

⁽¹⁾ Bản dịch: Thủ văn Nguyễn Trãi, NXB Văn học (Hà Nội), tr. 161

thì là tinh toan dồn lợi ích mà không nghĩ đến điều nghĩa, đạo lý mà nghĩ đến công, sao có thể coi là người hiền. Và lại khuyên yêu Chiêm Thành, phung sự nhà Minh thì tha nước lớn, yêu nước nhỏ là câu nói tâng thương eo bối ích gì trong lúc đó đau. Tiếc rằng kiến thức học vấn của ông biết trước được việc nà diệu nhân lại không giữ được.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Nguyễn Dân là bầy tôi họ nhà vua, lúc bấy giờ dung hưng phục với nước. Gặp khi nhà nước không yên, Thương hoàng già yêu, vua sáp nỗi con non nót, giặc lớn ở bên ngâm cướp <9a> ngôi vua. Vấn của trai và việc của người như vậy. Những người có tri thức đều thấy đau lòng trước rắc rối này, con người Nguyễn Dân chỉ coi việc vỗ nghỉ giữ thân là đặc sách. Ông nhìn cảnh đẹp của khe suối động Thanh Hü, sao lại không nghĩ đến sự yên nguy của xã tắc ở Thiên Trisang? Nỗi lo lắng cho anh em về sau, mà không đoán nhìn cái lối hai trước mắt của cha con Nghê Tông. Người ta thường nói: ngôi trên đá bàn thạch thi muôn thế nước được yên, cứ xuống dòng nước trong mà muôn bàn sâu thuyền nước, ha không phu những điều hứa hẹn hay sao? Còn như Nghê Tông hỏi tội việc sau này, chính là lúc tờ niêm thương zót nói những điều hay, cũng nên có một lời đe bao dặn cho nước. Ma cứ khư khư nói câu tâm thương: "Kính nước Minh, vỗ về nước Chiêm. Co lẽ là so Quý Ly nghe thấy đây. Họ Hô cướp ngôi chưa được bao lâu, Quý Ly cũng không tự che chở được cho mình. Quân Phương Bắc tôi, con cháu Nguyễn Dân vì nhân chúc quan của giặc mà bị giết cùng kết thúc cùng với họ Trần Dương Thái Tông tung nói vua đá mắt <9b> nước bê tôi há tồn tại được. Nguyễn Dân vốn không được là bậc trung, cũng há được gọi là bức tri sao!"

Tháng 12, cho Phạm Thành làm tri phủ phủ Nghê An.

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 (1391) (Minh Hồng Vũ năm thứ 24), tháng 12,
1 Lx Quý Ly đem quân di tuân ở Châu Hoá, duyệt quân ngũ, sửa sang thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai tướng quân Tà Thánh Đức Hoàng Phung Thế dẫn quân đi dò xét Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt quân mai phục đón đánh, quân của Phung Thế tư tan rã và bị giặc bắt. Quý Ly bắt 30 người dài đội phó của Phung Thế đem giết hết. Phung Thế dùng mưu trốn thoát, được phục chức như cũ.

Tháng 4, mùa hè, quân của Quý Ly trở về.

Tháng 5, Quý Ly giết thái úy Trang Định vương Ngạc ở Van Ninh⁽¹⁾. Trước kia Thương hoàng đã phế Linh Đức muôn lập Ngạc nối ngôi. Quý Ly lập kế lừa, <10a> Ngạc và Quý Ly có mâu thuẫn, nhiều điều bị gièm pha, trong lòng hoài nghi lo sợ. Ngạc bèn trốn ra trang Nam Định, người ở trang lấy thuyền đưa đến trại Van Ninh, người ở trại là Dương Đô không nhận. Thương hoàng sai tướng coi quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liết đuổi bắt về. Quý Ly ngâm sai giết đi. Nhân Liết bèn đánh Ngạc chết vě lâu là Ngạc bắt thàn đánh trả nên bị giết chết. Bên giang làm Mân vương; sau Thương hoàng tinh ngô hối hận hối người đuổi bắt Mân vương là ai? Nhân Liết sợ tu thái cổ chết (sau Quý Ly cướp ngôi giang Ngạc làm Liết hiệu A hâu).

1. Van Ninh: Nay thuộc tỉnh Quang Ninh

Sứ thần Ngõ Thi Sí bàn: Quá lâm thay! cái chết của Trang Định dang gián và cũng dang tiếc, nhưng cái mè muội lán thẩn của Nghê Tông thật đáng gián đây. Trang Định và Linh Đức mưu giết quyền thần, việc bại lộ bị Quý Ly oan, ban đầu không được ngồi vua, cuối cùng không được yên thân, đương dương là con vua phải vội vã trốn đi, gấp phải lòng lang sói của người ở trại, lai gấp tay độc ác của tên thiên tướng, vua cha ở trên không xét đến nguyên nhân chạy trốn bỏ đi, không biết nguyên do cái chết. Nơi ngồi ránh cung đau thương, bắc trung lương làm quỳ dù Nhàn Liệt dù có trăm thán lam sao mà chuộc tội được Trang Định chết thi hién thân vương cũng hết. Quý Ly mới được nambi yên không đợi Thuân Tông bị giết Thiên Đế nhưng ngồi mà ngồi báu của nhà Trần đã nát từ thời Nghê Tông đây Nghê Tông có quyền ra oai làm phúc, bị người ta án cáp mạt mà không biết, dâ khóng che chở được cho con, cuối cùng không giữ được nước của mình, tội tam mè muội dền thế! Chẳng cũng dang cảm gián lầm sao!

Mùa thu, tháng 8, cho Dâng Tát⁽¹⁾ làm Hoa Châu hưu châu phan. Hoàng Hồi Khanh⁽²⁾ làm chính hình viện đại phu. Lúc ấy các tướng ở Hoa Châu bàn về thế lợi hại Phan Mạnh nói: Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua, Chu Bình Khuê nói: "Dương liêu nói nhiều, moi người đều ngâm miéng" (sử cũ nói rằng lời của Bình Khuê ý chưa rõ). Đại khái là lời của Phan Mạnh có lẽ chỉ vào Quý Ly chuyên quyền tiếm ngôi. Lời của Bình Khuê cũng có ý chỉ Quý Ly nói nhiều kiêm chế moi người bàn luân. Cảnh cây dương cứng mà dựng lên cảnh liêu mềm mà rủ xuống Lưu Nhâ có thơ rằng: Dương liêu còn đó, âm của nó là 1 trong 5 cung thuộc cung vũ) Bon Tát, Hồi Khanh ngâm gửi thư cho Quý Ly <11a>, Quý Ly cho là ngâm mưu làm loạn ben giết Bình, Khuê, Mạnh và trao cho bọn Tát chức quan. Ngư sử là Đô Tử Trừng cũng không nói, Quý Ly làm thơ đưa cho Tử Trừng:

Tả văn Tử Trừng noa trung uý,
Thư sinh hà nhán phu bình sinh.

Dịch nghĩa:

(Thử hỏi Tử Trừng viên trung uý,
Thư sinh sao nỡ phụ bình sinh).

Mùa đông, tháng 10, cho La Tu làm tri phủ phủ Thanh Hoa

Dưng diên Thuy Chương

Nhâm Thân, Quang Thái năm thứ 5 [1392] (Minh Hồng Vũ năm thứ 25), mùa xuân, tháng 2, giết người tôn thất là Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly. Thương hoàng cho là mang lòng da khác bèn giết đi

Mùa hạ, tháng 4, han. Thương hoàng ban chiếu cầu lỗi nói thẳng Bui Mông Hoa tâu lên đai khai là: Thân nghe bon tré hat rằng: "Thâm tai, Lè sú" (Thâm độc thay thai

1. Dâng Tát: CM chủ là người ở Thiên Lộc, Nghê An, có thuyết cho Dâng Tát là người Hoa Châu, chúng tôi chưa tra được.

2. Hoàng Hồi Khanh: Người Yên Định (tức Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hoa)

ai ho Lãnh đây mà xem thi Quy Ly tài eo y nhom ngo ngói bau. Thương hoàng xem tă
túu ròi đưa cho Quy Ly xem. Về sau Quy Ly chuyên chinh. Hồi di trốn ở An không ra

Sứ thần Ngõ Sí Liên bàn: Kinh Dịch nói: "Nhà cửa không giữ kín thi mất
bé tài" sao dâ câu <11b> lời noi thảng lai cho ngum bi noi biết. Vua Nghệ Tông
rồi tam lán thân đến thế là cùng. Mong Hoa không gáp cửa tắt lá do tron dây! Cùng
là điều không may của nhà Trần này.

Sứ thần Ngõ Thị Sí bàn: Bui Mong Hoa sú không chep rõ thân thể của người
đó. Nếu là ở nơi giang hồ mà lo cho vua cang la kẽ có khi tiết. Lúc đó Quy Ly
näm quyền binh trong nước, công khanh phải cui đầu, người trong nước phải nín
thở, thế ma giữa triều đình ông dam dâng sở nói y Quy Ly nhom ngo ngói bau thực
là ngum lòi nước mà không biết bơi. Khi Quy Ly tiêm đoat ngôi vua thi ô ăn tròn
tranh như chim hồng chím hót bay ở ngoại trời. Quy Ly cũng không thể bắn được,
dang là bắc hao kiết lâm thay! Thế mới biết cuối đời Trần chưa từng không có nhân
tài chí kỵ là vua lục ấy không biết cát nhác, thu dung, để nho cai súc phù trì giúp
đến khi đỗ nốt nguy khôn dây thời. Khi vẫn nha Trần đã hết cho nên Mong Hoa
phai là dài khách trong thơ Khảo Ban¹¹ không gáp thời thi có lo gì.

<12a> Tháng 6, cho Phạm Cự Luân làm Tri khu môt viên sứ

Mùa thu, tháng 7, cho Lê Nhàn Thông làm hành khiển, vào chính phủ, đổi tên là
Cánh Ky

Tháng 9, cho Hà Đức Lân làm hành khiển tá ty

Mùa đông, tháng 10, đặt các cua sông và chức tuần thủ để bắt bon giác cướp hoặc
3 dô, 4 dô, 5 dô¹², tuy theo nỗi sung yếu mà đặt

Sứ thần Phun Phu Tiên bàn: Nha Trần từ sau khi Du Tông hoang dâm
phong tung, thêm cao do giác Chiêm Thành quay nhiều, giác dà cang nhiều. Ban
ngay cướp bóc, luật pháp không ngăn cấm được. Quy Ly nắm chính quyền mới đặt
pháp luật tuân tra bài bô mới hơi dô dây.

Sứ thần Ngõ Thị Sí bàn: Mông Trang¹³ bén ràng kè an trón lưỡi câu thi
bi giết, kè an tròn nước thi cho làm chu hâu. Quy Ly là tên kè tròn, lớn. Tru bô
bon mọc túi cây hom để giữ thân thảng tròn lớn. <12b> Người ta không phải lo
về bị khoet nha này cửa mà nước thì phải cái lo thay định đổi ngồi đây.

Tháng 12, ban chiếu ràng phàm quân dân, bê tròn việc công thi bị phạt tiền 10
quan, thích 4 chư vào gay, kè đầu mục thi xù tài chém, ruồng đất sung công. Quy Ly
lâm 14 thiên minh dao dâng lên, dai khai lấy Chu Công làm tiên thánh. Khổng Tử làm
tiên sư, ở Văn Miếu dài Chu Công ngồi chính giữa, nhìn về hướng nam. Khổng Tử ngồi
bên cạnh nhìn hướng tây. Sách Luận Ngữ có 4 điều nghi như. Khổng Tử ra mắt Nam
Tú, ở nước Trần bết lương thực, Công Sơn, phát Hốt triều. Khổng Tử muôn đến cho

1. Thủ Khoa Ban: tên một bài trong thư án Về Phong Kinh Thư

2. Dô: Chỉ đơn vị quân đội. 3 dô cũng như 3 dặm

3. Mông Trang: tức Trang Chu người nước Tống, tên thật Chiêu Quốc, tác giả của sách Trang Tú.

Hàn Dú là bậc Nho trâm cáp, cho ban Chu Mâu Thúc, Trịnh Hao, Trịnh Di, Dương Thị La Trọng Tô, Lý Điện Bình, Chu Tú học rộng nhưng tài kém, không quan thiết sat đến sự tình mà chuyên cáp nhất. Thương hoang ban chiêu khen ngợi Quốc Tử tro giao Đoàn Xuân Lôi dâng thơ nói là không dung, bị dâng di chau gần đó. <13a> (Xuân Lôi người huyền Tân Phúc, là người minh mẫn nhanh trí, sau làm quan đến chức trung thư hoàng môn thi lang kiêm thông phan Châu Ái, mất khi đương làm quan. Lôi thư liên quan đến quan hành khiển Đào Sư Tích từng xem thư ấy, bị giáng làm trung thư thi lang đồng tri thẩm hình viên sứ)

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Dao của tiên thanh trước nếu không có Khóng Tử thì không thể rõ được, dao của bắc thanh sau nếu không có Khóng Tử thì không thể làm khuôn phép được. Từ khi có sinh dân đến nay chưa có ai hơn Khóng Tử mà dam kính suất ban đến, cũng là chẳng biết lương mịnh đây.

Sứ thần Ngô Thi Sí bàn: Nhạn Uyên nói dao của Khóng Tử rất lớn, thiên hạ không thể hình dung được, cho nên ở Lô bị trục xuất, ở Tề bị cung khén, ở Vệ phải giấu hình tích, ở Trần Thái bị bao vây, Yên Anh gièm pha, Vũ Thúc huy động. Liệu Chích làm nhục dây còn là người đồng thời. Nay sau hàng nghìn năm lại có kẻ ché là bậc trung hiền, giang làm tiên sư như người mù chè mắt trắng, mắt tròn không có ánh sáng, sao dù làm vết xâu cho cả vung trời. Còn như bậc tiên sinh ở nhà Quốc Tử mà có người coi là bậc Nho trâm cáp. Các bậc hiền triết ở Liêm Mán cũng có người ché là trâm cáp. Dao ở Phương Bắc đã không được sang tỏ với đương thời, dao vào Phương Nam cũng bị dời sau bài bạc, ván rủi của các nha Nho đến như thế thực đáng than thở lâm thay! còn như cái ngu của Quý Ly thì tôi không kể xiết.

Quý Dậu, [Quang Thái] năm thứ 6 [1393] (Minh Hồng Vũ năm thứ 26), mùa xuân tháng giêng, cho Hồ Cương làm giám quân tá thành dục (Cương người Châu Khê). Quý Ly ngâm tim được dòng dõi họ Hồ, muốn trả lại họ cũ, cho Cương làm người tám phúc.

Tháng 2, thi Thái học sinh, cho đỗ bốn Hoàng Quận Chi, Lê Vi Tấu, Mai Tú Phù, Đồng Thức gồm 30 người

Mùa hè, tháng 4, thi Lai viên

Tháng 6, han hán

Mùa thu, tháng 7, gió bão, mưa to

Tháng 8, đông dài, nước to

Tháng 9, có sâu keo

Mùa đông, tháng 10, đem hoàng hậu cũ của Linh Đức là công chúa Thái Dương già cho Thái bảo Nguyễn, Linh Đức bị hại, Thương hoang muôn tìm người để cải giá cho hoàng hậu cũ. Thái Dương nhận di chơi Hồ Tây, chạy về với Phú quân ty là Nguyễn Uyên <14a> (con của Cung Tin vương Thiên Trạch). Thương hoang giàn lai già cho em Nguyễn Uyên là Nguyễn đế cho nhục

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Dem hoang hau cu ga cho be tot; ve voi anh ma bat lai em, phep hon nhon nam nu cua nha Tran bat dau tu thoi Thai Tong cham dat vao thoi Nguo Tong, chep vao sach de lai heng sau ngan doi

Giáp Tuất, [Quang Thai] năm thứ 7 [1394] (Minh Hồng Vũ năm thứ 27), tháng 2, Thương hoàng sai thơ về tranh Chu Công giúp Thành Vương, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát Lương giúp Thục Hán Hầu chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông, gọi là tranh tư phu ⁽¹⁾ ban cho Quý Ly, để khiến giúp nhà vua nên như thế đấy

Mùa hè, tháng 4, hời thế xong, Thương hoàng gọi Quý Ly vào cung ưng dung nói rằng: "Binh chương là người thân tộc, công việc nhà nước đều ủy thác cho ông. Nay thế nước suy yếu, trăm già nua, sau khi trăm qua đời, quan gia có thể giúp thì giúp, nếu ngu tối thi khanh giữ lấy ngôi vua. Quý <14b> Ly bỗ mủ giáp dầu khóc và lạy ta, chí trời đất mà thế rằng: "Thần không hết lòng dốc sức giúp nhà vua để truyền đến con cháu đời sau, thi trời ghét bỏ thần". Lại nói: "Linh Đức vương không có đức nếu không nhớ uy linh của bệ hạ, thi thần đã ngâm miêng dưới đất đâu được đến ngày nay. Dù cho tan xương nát thịt cũng chưa thể bao dap được trong muôn mốt, dám đâu có mưu đồ khác". Trước đây Thương hoàng năm mươi thay Duệ Tông đem quân đến và ngầm bài thơ rằng

*Trung gian duy hữu xích chuỷ hâu,
Ân cản tiễn thương bạch kê lâu.
Khẩu vương di định hưng vong sự,
Bất tài tiễn dâu tai hậu dâu*

Dịch nghĩa

(Trung gian chỉ có hâu mỏ dò,
Một mực ngâm lên lâu gà trống
"Khẩu vương" đã định việc còn hay mất,
Không ở trước mà ở sau).

Thương hoàng tư chiết đoán là sinh năm "Tân Dậu" là bạch kê; "xích chuỷ" là Quý Ly, "khẩu vương" là chủ "quốc" việc còn hay mất sau này sẽ rõ. Thế là thương hoàng cứ suy nghĩ, nhưng do thế của mình mà không làm sao được

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Nguo Tong lúc đầu ngầm tướng Quy Ly là người thi thao được nên đã giao <15a> nước và con cho Khi sắp mất quyền mới tinh ngó thi đã rai vào tay Quy Ly. Thương hoàng cho bức họa "tư phu" là mong cứu vãn lấy mót trong muôn phân dây. Đến khi tuổi già sáp chia, lòng sáng suối bồng tinh ngò. Xem bên trong thi lòng cảnh dong dòi trong ho da hép. Xet bên ngoài thi be dảng bon cuong thon ở công dinh ngay càng vững. Sự việc không thể xoay chuyển được, hỏi không kịp. Cha nén câu nói: "Con của mình có thể lấy thi lây, có thể giúp thi giúp muôn làm gì thi làm" có lẽ là lời của con chim đã bay đi câu mong sự thương

⁽¹⁾ Tư Phu: Cửu Mẫu viễn đại thần giúp vua khi binh lén ngài

hai, không còn dám mong Quý Ly được như Chu Công đưa lưng vào cái ý⁽¹⁾ và Gia Cát Lượng ra quân nữa. Quý Ly đặt ra lời thề dập lại thì đã ngâm phục ý giết Thuận Tông rồi, chẳng nghi rằng khi chỉ trời vạch đất ma thề, Quý Ly đã 60 tuổi ha chịu cùi mình làm hết sức, không phản lối lời thề trước. Hoàng thiên chứng giám, lời hai du chưa thề giải quyết được nhưng là một ông già được trời để xót lại ha không có điều gì trả lời được cho đời sau. Nay đặt ở Yên Sinh chưa khó, nghiệp của nước đã ban <15b> kéo dài hai tần một kỳ, làm kè tu binh di xa muôn dặm, để tiếng xấu lan cả hai nước, vết nhơ để lại nghìn năm. La bê tội ma bất trung, là người mà không có lương tâm, trời chưa từng không ghet bỏ. Ai bảo lời thề có thể đưa được. Con như thời đại nhà Trần, cùng họ lấy nhau là tranh cái gương + ngoại lấy mất nước nhà Lý. Con gái họ Hồ làm đầu họ Trần sinh ra hai vị thiên tú là mảnh đất trước tiên cho Quý Ly nắm quyền. Con gái họ Trần gả cho họ Hồ sinh một chau ngoại làm cho Hán Thương muôn lời xin tam giữ việc nước. Minh Tông lấy hai cô của Quý Ly. Nghệ Tông gả cho Quý Ly một người em gai, sự việc xảy ra ngẫu nhiên, đều ngoài ý nghĩ của moi người nhưng lại là ý trời muôn việc đó để làm mất nhà Trần, báo thù cho Lý Huệ Tông. Tao hoá khéo xoay vần đến thế, ha chẳng đồng sơ lẩn sao!

Mùa thu, tháng 7, cho Phùng Cu làm kinh sư doãn, đổi làm trung đô doãn

Tháng 8, <16a> cho Hoàng Hồi Khanh làm Tam Đại an phủ sứ

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ viện Dâng Văn kiểm pháp đạt Thượng Lâm tư. Cho con trưởng của Lê Quý Ly là Lê Nguyên Trừng làm phán tư sứ

Ngày 15 tháng 12, Thượng hoàng băng, chôn ở Nguyên Làng, Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, thụy là Quang Nghị anh triết hoàng đế

Sứ thân Ngõ Si Liên hàn: Nghệ Tông thiên tính hoa nhã, giữ lòng kinh so nhưng uy vũ không dù để danh lui bon giặc bên ngoài, lòng cung rắn tri thông minh không dù để phán biệt được lời gièm pha. Cơ mật Nguyên Dan mà không biết dùng, lại giao quyền chính sự cho người họ ngoại, để xá tác nhà Trần dần dần đến chỗ nguy vong, thế gọi là trước mặt người gièm pha mà không thấy, sau lưng có giặc mà không biết đấy

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395] (Minh Hồng Vũ năm thứ 28), mua xuân, tháng 2, Quý Ly mưu giết hết tôn thất, là phủ quân ty Nguyên Uyên, Cung Chính vương là Sư Hiền và con thứ của ông là Nguyên Dân. Vì khi để tang Nghệ hoàng <16b> thường bàn đến việc Nhật Chương⁽³⁾, lại giết cả người học trò là Nguyên Phu, thế rôi Sư Hiền

1. Dưa lưng vào cái ý Chu Công người thời Chu là cùi xưa Vũ Vương và là chủ của Thành Vương. Khi Vũ Vương mời Thành Vương con nhỏ, Chu Công để Thành Vương ngồi đưa lưng vào cái ý cho chủ hầu triều Tiên, hết lòng giúp đỡ Thành Vương. Đây ý nói Quý Ly không thể giúp gì cho Thuận Tông được.

2. Gia Cát Lượng ra quân. Gia Cát Lượng nhiều lần ra quân giúp Lưu Thiện là con Lưu Bị để đứng lên cát nghiệp nhà İllin

3. Việc Nhật Chương mưu giết Quý Ly bị Nghệ Tông giết

già dìo đưa tha giờ. Bon Nguyễn Uyên lai tước bồ họ cũ đổi là họ Mai⁽¹⁾ cho Quý Ly làm nhập nội phu chính thái sư binh chương quân quốc trong sự. Nghi Trung Vệ Quốc đại vương đeo kim lân phu

Mùa hè, tháng 4, ban chiếu cho Quý Ly được vào ở bên Hữu sảnh dài⁽²⁾ gọi là Hoa Lư. Quý Ly nhận do biện soan thiên Võ đài⁽³⁾ rồi giải hàng quốc ngữ để dạy nhà vua, có lệnh thi xung là Phu chính cai giao hoàng đế

Sứ thần Ngò Thị Sỉ hàn: *Lương Hầu Cán tu xung là Vũ Tru tướng quân.*

Nguyễn Đê nghe nói rằng tướng quân lai có hiệu Vũ Tru ư? Nay phu chính lai có hiệu là Cai giáo hoàng đế càng là việc ít có của bon giàn thán xưa không con kiêng so ai. Có thể nói là nước không con có người đây!

<17a> Tháng 6, cấm bách quan không được dùng áo rộng tay chỉ cho dùng áo hẹp tay. Dân gián ngày té ngày gối đồ dung không được sơn son thiếp vàng.

Nhà Minh sai bon Nhâm Hanh Thái đổi 5 vạn quân, 50 con voi, 50 vạn thach lương thuế để cấp cho quân đi đánh người Man. Lúc bấy giờ người Minh đánh người Man làm phản ở châu Phung Nghĩa và Châu Long, ben ngầm đạt kế đó, luôn đổ cho gạo lương không dù rót bát cốc người ta. Bon Hanh Thái bí mật báo cho ta diêu đó. Do đó không cấp quân và voi mà chỉ cấp cho ít lương thực, sai quân đưa đèn Đông Đang rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi sự dàn bà xoa bóp, người đã hoan ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, cho Lương Nguyễn Bưu làm hành khiển Chi đại tông chinh Ha Đức Lân làm nhập nội hành khiển, môn hạ tá ty, Hoàng Hồi Khanh làm phát vận ty, Phạm Cú Luân làm tham mưu quân sự kiêm Khu mật viên sự.

Bình Ty, [Quang Thái], năm thứ 9 [1396], (Minh Hồng Vũ năm thứ 29), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu sa thải tăng dao (những tăng nhân chưa đến 50 tuổi trở lên <17b> thi bài vở). Lại thi người thông kinh giáo thi cho làm chức đương đầu thủ, tri cung, tri quan, tri tư. Số còn lại thi làm kẻ hầu cho người tu.

Tháng 3, xét định quân ngũ

Mùa hè, tháng 4, bát đầu phát hành tiền giấy thông bảo hối sao (Cách làm, giấy 10 đồng vẽ rau táo, giấy 30 đồng vẽ lân long, giấy 1 mạch vẽ mây, giấy 2 mạch vẽ con rùa, 3 mạch vẽ con lân, giấy 5 mạch vẽ chim phượng; giấy 1 quan vẽ rồng. Ai làm tiền giả thi bị tội chết, tịch thu ruộng vườn gia sản. Khi in xong ra lệnh cho mọi người đến đổi tiền, mỗi quan tiền đồng lấy 1 quan 2 mạch tiền giấy. Cấm ngặt tiền đồng, không được ai và dung riêng, thu chúa và kinh thành Ngao Tri và nơi đúc ở các xứ. Người thu nham nếu bắt đầu riêng tiền đồng và làm tiền giấy giả cũng bị tội như trên).

Ban chiếu định lệ thi Cử nhân, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội; người đỗ thi vua cho thi 1 bài văn sach để xếp cao thấp. Đầu thời Trần thi Thái học sinh và thương

(1) Họ Mai: Theo lịch sử người Việt có tên nàng phiến tướng họ họ Trần đổi làm họ Mai

(2) Sảnh dài: Trung thư sảnh và Ngũ sảnh

(3) Võ đài: Tên một thiên trong Kinh Thư, dài ý khuyên người ta không nên để thi gian nan rồi

trai, ba trai và nhà vua cho thi phán ra kinh trai, có tuyển lựa tam khôi. Thế van không nhất định đến khi ấy đưa theo phép nhà Nguyễn (Đại lê thi cử nhân, dung thể van từ bốn ký bài bỏ phép am tâc cổ van). Nhất trường dùng 1 bài kinh nghĩa có pha đề, tiếp ngữ, tiêu giải nguyên dê, dài giảng, kết luận, 500 chữ trả lên; Nhì trường thi 1 bài thơ Đường luật, 1 bài phú dung có thể hoắc ly tao hoắc van tuyển cũng từ 500 chữ trả lên. Tam trường thi 1 bài dùng thể thời Hán chế, biểu đều 1 bài dùng thể tú lục thời Đường; Tứ trường thi 1 bài văn sách lấy kinh sử hay thời vu <18a> mà ra dê, 1 000 chữ trả lên.

Sử thân Ngô Sĩ bàn: *Phép khoa cử của thời Trần đến đây mới hoàn bì. Thể văn tú tư trương đến nay phải theo dung, kết cục không thể thay đổi. Dung văn để chọn kẻ si cách ấy không gì tốt hơn. Cử xem kẻ si vì đặt khoa thi ken được vào cuối thời Trần như Nguyễn Liêu Trai là giỏi nhất, về văn học, mưu trí được dùng từ ban đầu thuở dựng nước của báu triều. Lại đến những người như Lý Tú Tân, Vũ Mông Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Tung cũng siêu Việt là những nhà văn chương lớn của một thời. Tư thời Tam Dai về sau phép tim kẻ si ở khoa mục văn chương há có thể bỏ thiểu được đâu! Riêng khoa thi kinh nghĩa quyết định thi Bắc triều từ thời Minh tới nay vẫn dùng cách ấy. Suy cùng lẽ để sử dụng thi không phép nào then chốt bằng phép này. Nay cũng nên suy ra theo do ma làm*

<18b> Tháng 6, quy định mũ áo cho quan vân, quan võ (nhất phẩm màu tua, nhì phẩm màu đỏ sẫm; tam phẩm màu hoa đào; tú phẩm màu lục, ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu biếc; cửu phẩm màu xanh, riêng nói thi mặc quân không dùng xiêm. Không có phẩm hàm và hoành nô dung màu trắng. Lại chức tước tung quan, tú lục phẩm trả lên dung khăn cao sơn; chánh lục phẩm được thái dai dài mũ rộng chính phẩm thi màu đen, tòng phẩm thi màu xanh, người tôn thất dài mũ phương tháng màu đen; quan võ tước lục phẩm thi dùng mũ chiết xung; tước cao không có chức thi được thắt dai dài mũ giắc đinh; thất phẩm trả xuông thi dùng mũ thái cổ; tòng thất phẩm thi dài mũ toan hoa, tước vương. Tước hâu thi dài mũ viễn du; ngự sứ dài thi dài mũ khước phi. Các quy định chế độ về tiền giây áo mũ đều là kiến nghị của Thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả

* Mùa thu, tháng 8, sai tướng quân Long Tiết là Trần Tùng danh Chiêm Thành, bắt được tướng của Chiêm là Bố Đông rồi trả về, được ban họ, tên là Kim Trung Liệt, giữ quân Hồ Bôn

Mùa đông, tháng 10, cho Hồ Tế làm dai chi châu lô Diên Châu, Dang Tu Thành làm phan châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách quốc ngữ thi nghĩa và bài tua, sai nữ sư dạy hâu phi và cung nhân học tập. Ý trong bài tua phân lớn theo ý mình không theo tập truyền của Chu Tử

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: *Từ khi Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chuyên theo môn của mình, trả đều theo riêng môn học của mình <19a> Nguồn chia, dòng tách ra, sai một lý đi nghìn dặm, hoặc chia ra làm ngả khác; hoặc quay giao danh nhau, không thông nhau được. Những kẻ đang khen tuy gọi là dai thân cùng chưa khói có vết nhó, chưa có ai là rất thuận trong bắc người thuận dày Chu Tử sinh ở*

cuối thời Tống, nói theo sau khi các triều Nho thời Hán thời Đường chủ giải 6 kinh, mới ngược dòng tìm nguồn, hiểu được tâm ý của thánh nhân trong lời giải. Còn lại nghiên ngâm tinh thần ý tú, lý dung hợp với tâm. Lời nói rõ ràng ý nghĩa sâu xa, cái gọi là tập hợp thành tựu lớn của các nhà Nho mà làm khuôn mẫu cho người học về sau đây. Huống chi lại có Trình Tử xương lên vài buổi trước Chu Tử bồi bổ những chỗ chưa tròn vẹn vào buổi sau thì nghĩa đã tinh rồi. Người sau có dãy lên thì mở mang cho rộng lớn ra, chau chuốt cho bông bảy thêm. Chỉ có thể thôi làm sao mà chế bài được!

<19b> Sử thần Ngô Thi Sí bàn: Quý Ly từ trẻ biết sớm, nhớ lâu, khéo làm văn đã thi hương lại dỗ cả khoa hoành tú, được chọn bổ làm thái học sinh, cho nên sau khi nắm quyền nhà nước cũng dùng Nho thanh, hàn mộc cổ điển và sinh tài thông minh khoe khoang biện bác, không tự biết rằng: cái lối học chép hói từng bài tung cầu sao dù biết được điều sâu kín của thánh hiền. Nghiên cứu ý nghĩa của bắc hiến triết diệu ngò trong Luân Ngữ cùng với nghĩa Kinh Thi dùng lân lợn với ý mình. Như thế gọi là ếch ngồi đáy giếng, không thể nói về chuyện biến cá và con rùa, con khi nghiên rắng xe áo của Chu Công đấy.

Dinh Sứu [Quang Thái] năm thứ 10 [1397] (Minh Hồng Vũ năm thứ 30), mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sử lệnh là Đỗ Tỉnh (có sách chép là Mẫn) đi xem do đạc đồng Yên Tôn phủ Thanh Hoá. Xây thành, đào hầm, lập miếu xã, mở đường phố, muôn dời đô đến đó. Tháng ba thì xong. Ban đầu triều đình bàn quyết định. Hành khiên là Pham Cư Luân can ngăn Quý Ly nói chí của ta đã định từ trước, người còn nói vây. Đến khi ấy thì tiến hành <20a>. Khu mật chủ sự thị sứ là Nhữ Thuỵết dâng thư can ngăn dai lược nói rằng: xưa kia nhà Nguy, nhà Chu dời đô đều thấy không lành. Nay dát Long Đô, có núi Tân Viên, có sông cầu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa các bắc đế vương mờ có nghiệp dựng nước, không ai là không lấy đất ấy làm nơi gốc sào ré bên. Giác Nguyên bị chết, giặc Chiêm Thành phải nộp đầu, việc trước đã nghiêm. Xin hãy suy nghĩ để thê nước được vững như bàn thạch. Yên Tôn là nơi chật hẹp héo lánh, cuối nước dâu non chỉ tốt với thời loạn mà không tốt với thời trị, chỉ cậy vào hiểm trở mà thôi. Cứ theo nhu thời xưa nói thi "cốt ở đức, không cốt ở hiểm". Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét các quan lại, thấy tên Nhữ Thuỵết liền nói: "Người này thường nói cốt ở đức không cốt ở hiểm". Liên bộ không dùng. (Xét thấy đồ cũ của Quý Ly gọi là Tây Đô thành ở huyện Vinh Phúc, các ấp Tây Nhai, Hoa Nhai, Phương Nhai đều thuộc thành. Thành có cửa là nơi ra vào và có lề là đường phố thời xưa cho nên đặt tên như thế. Nay đường lớn, đường nhỏ xây đá vẫn còn. Từ Đồn Sơn vào qua Hoa Nhai đến Cửa Nam thành ước vài dam. Chỉ có một con đường thẳng đều xây đá vẫn làm đường, cho nên có tên gọi là Nhai Cửa Nam thành xây 3 cửa đá như cửa Chu Tước, cửa thành Thăng Long, còn các cửa đồng, tây, bắc thì chỉ xây có một cửa. Chung quanh dưới đều xây đá xanh làm móng, xây thành bằng gạch nung rất rắn, dưới thành có hào kéo dài khắp thành,

trong thành ước rộng hơn 300 mẫu đều để ruộng; nơi nào hơi có bùn lầy thì làm ao. Bên ta bên hữu thành có núi đá, sát là một con sông phát nguồn từ Ai Lao tức Sông Mã, một con sông phát nguồn từ Quảng Bình tức Sông Lương (nay gọi là Sông Chu) hai sông chảy hợp với nhau ở phía trước. Cái gọi là địa giới chật hẹp, đầu núi cuối sông đúng như lời nói của Nhữ Duyệt không phải là nơi đế vương đóng đô, hai vua nhà Hồ ở đấy chưa được bao lâu thì bị bắt, mất nước. Lấy nước bàng điệu bất nghĩa, chính sự hà khắc, làm mất lòng dân là chuốc lấy sự bại vong và cũng là do hình thế xui khiến ra như thế).

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Tào Tháo dài đô nám quyền thiên tử để sai
khiến chư hầu. Nhà Hán mất nước thực là nguyên do từ đó. Quý Ly dài đô đến An
Tôn giết vua diệt họ vua, nhà Trần sup dở há chẳng phải tự dò sao? Tuy nhiên
logn thàn tặc từ dài nào chẳng có. Duy có người làm vua phải cương quyết mà xú
đoán, sáng suốt mà suy xét, để không có mối lo về sau.*

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hoá làm trấn Thanh Đô; trấn Quốc Oai làm trấn Quảng Oai, trấn Đà Giang <21a> làm trấn Thiên Hưng; trấn Nghê An làm trấn Lâm An; trấn Trường An làm trấn Thiên Quan; trấn Lạng Giang làm trấn Lang Sơn; trấn Diên Châu làm trấn Vọng Giang; trấn Tân Bình làm trấn Tây Bình; bãi bỏ chức dai tiểu tư xã, riêng chức dai toát quản giáp vẫn để như cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài; lộ đặt chức an phủ sứ và phó sứ, phủ đặt chức trấn phủ sứ và phó sứ; châu đặt chức thông phán thiêm phán; huyện đặt chức lệnh úy chủ bạ để cai quản. Lộ thì nám phủ, phủ thì thống lĩnh châu, châu thống lĩnh huyện. Phàm những việc hô titch, tiền, thóc, kiện tụng gộp làm một số của lộ, cuối năm báo lên sảnh để làm bằng chứng mà tra xét. Lại đặt đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản phủ, thái thú ty, để cai quản. Cho Phó trưởng là Lê Hán Thương lãnh Đông Đô lộ đô hộ phủ, Thái bảo Trần Hăng lãnh Bắc Giang đô thống phủ; Thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiện Trường phủ lộ quản dân sự, Hành khiển Hà Đức Lân làm thái thú phủ <21b> Tân An; ở châu và trấn đặt chức giáo thụ và giám thư khố.

Tháng 5, ban chiếu ràng: xưa kia nước có nhà học, đảng có nhà tự, toai có nhà tương⁽¹⁾ là để cho giáo hoá được sáng tỏ, phong tục được đôn hậu ý trâm rất mọ. Nay chế độ kinh đô đã dù mà châu huyện còn thiếu thì làm sao mở rộng giáo hoá cho dân được? Nên ra lệnh cho các lộ phủ Sơn Nam. Kinh Bắc, Hải Dương mỗi nơi đều đặt một học quan, cho ruộng theo từng thứ bậc khác nhau, phủ châu lớn cho 15 mẫu, phủ châu vừa cho 12 mẫu, phủ châu nhỏ cho 10 mẫu để chi phí cho nhà học (một phần cho lễ cúng ngày mồng một, một phần cho học phí, một phần cho đèn sách). Quan lộ, quan đốc học dạy bảo học trò cho thành tài nghệ, cứ cuối năm chọn người ưu tú tiến cống lên triều đình, trâm sẽ tự coi thi để chọn dùng.

⁽¹⁾ Đảng và toai: là đơn vị hành chính; iự, tương là trường học.

Sứ thần Ngô Si Liên ban: Lúc bấy giờ có chiếu lệnh nay có điều gì dẹp bằng. Thế nhưng không thấy thi hành thì chẳng phải là ý của nhà vua mà là Quý Ly muốn cướp ngôi, nên mưu việc ấy để thu phục lòng người mà <22a> thời.

Sứ thần Ngô Thị Sí ban: Quý Ly cun vua gióng Vương Mãng mà sinh học thuật thi lại hơn, ham bát chúa đời cố gióng Vũ Văn Thái, mà tài kinh tế lại không bằng. Từ khi dân dương việc nước, sửa đổi hết chế độ cũ mà đặt chế độ mới, đặt thương làm tự mà bỏ đóng con, phát hành tiền giấy thông bảo mà cấm tiền thực định là khoa cử, ban rõ lệnh lập trường học; phân biệt cấp bậc nùn áo, đổi tên chau trấn, han định ruộng công, bay đợt lung tung, toan để làm công cù tó về thái bình. Nhưng kỳ cương lạm đã sai, cũng như câu nói: "không có ý nghĩa của thơ "quan thư" thơ 'lán chí' mà muôn làm theo phương pháp chế độ như thiên "chu quan" thi sao mà làm được". Huống chi thời ấy người Minh đang cẩn ý xâm chiếm nước ta, hàng ngày tìn sự so hở, công việc nhà nước con có việc gì gấp hơn việc chọn tướng luyên quân? Chuẩn bị lương thực, sửa sang vũ bị, du nǎm cơ hội đầu tiên để ứng phó với quân <22b> địch, thế mà không cẩn thận việc đóng cửa cai then, lại dì dỏi ngồi thay đổi chỗ chưa hư hỏng. Sớm thay chiếu đổi, chính lệnh phiên phúc chỉ sớm đến chỗ mất nước mà thôi. Người nǎm quyền không nên khinh thường phép trị nước là được.

Tháng 6, ban chiếu hạn chế ruộng dung lén. Khi ấy các nhà tôn thất thường sai nô ty đập đê ngăn nước漫 ở hai biển, hai, ba nǎm sau khôi khẩn thành ruộng, rồi ở đó lập nhiều ruộng đất trại riêng, đến khi Ấy đạt phép hạn chế ruộng. Riêng đại vương, trưởng công chúa thi ruộng không hạn định, dân thường ruộng không quá 10 mẫu, còn thừa nộp vào nhà nước. Nhưng người có tội được phép chuộc hàng ruộng. Kẻ bị biếm trại cũng được chuộc như thế. Hữu Thiêm tri chính sự hành Khu mật viện sự là Phạm Cử Luân, lính quân thân sách đi danh bon giặc cờ áo đà ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị bắt, được tang tá hộc án (Cử Luân người huyện Đường An) Lẩy Hành khiển Đỗ Thế Mẫn thay lãnh chục kinh lược <23a> sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 10, Quý Ly bức vua dời đô về phủ Thanh Hoá, giết hai cung nữ cùa vua. Khi Ấy vua đến An Sinh bài yết các lang tẩm. Quý Ly bắt ép vua cùng đến hành tại Đại Lai. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiếm mặt nói với vua là: "Dời đô rất có sự cướp ngôi". Quý Ly nghe được cho rằng: Lê Hợp ở Miếu Hợp, Phụ Dao Lương Ông ở Hữu Lũng đồng mưu liên đem giết cả.

Sai Hành Khiến đồng tri dui tông chính sự là Lương Nguyên Bưu đỡ các cung điện Thuy Chương, Đại An, tài cả gạch ngói gỗ to giao cho các chau Từ Liêm, Nam Sách chuyên về đồ mới, gấp giò to chilmington qua nữa.

Nước Minh đưa hai người họ nhà Nguyễn là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí, đặt cho Đại Hồ là Địa Phúc Cơ, Tiểu Hồ là Địa Bảo Lang (năm Ấy bọn trẻ con hát rằng: "thảm tai Lê sú" mà nhà Minh lại đưa hai tên Hồ sang an trí, đó là diêm cha con

Quý Ly Hán Thương phải bỏ nước mà di và là lời sấm của vua Lê Thái Tổ khởi quân).

Tướng Chiêm Thành là Chế Da Biệt cùng em là Mộ Hoa Tử Gia Diệp đưa cả nhà sang hàng ta <23b>; đặt tên cho Da Biệt là Đại Trung, chúc kim ngô vê tướng quân. Gia Diệp làm eăm vé đỗ, đều ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Châu Hoá để chống Chiêm Thành.

Mẫu Dân [Quang Thái] năm thứ 11, (từ tháng 3 về sau là Thiếu Dế Kiến Tân nam thứ 1 [1398] (Minh Hồng Vũ năm thứ 31), mùa xuân, ngày 15, tháng 3, Quý Ly bức vua phái nhường ngôi cho Hoàng thái tử An. Thái tử lên ngôi đổi niên hiệu, đại xá. Quý Ly có ý cướp ngôi từ lâu, nhưng chót đã có lời thề với Nghê Tông, nguyên giúp đỡ con vua, nhưng khó trái lời thề của mình ngâm sai đạo sỉ là Nguyễn Khánh ra vào trong cung nói với vua rằng: "Cảnh đẹp thanh u khác hẳn trần gian. Các tiên thánh triều ta chỉ thờ dao Phật chưa từng theo đạo Chân Tiên. Bé ba ở ngôi vua, tôn quý khó nhọc với muôn việc, chỉ bằng nhường ngôi cho Thái tử để giữ khí thanh hoả". Vua nghe theo lời Khánh, bèn tần lục văn⁽¹⁾ phung linh đạo giáo ghi tên vào sổ tu tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, rồi mời vua ở đó. Vua bèn truyền ngôi cho Hoàng thái tử <24a>. Từ chiếu truyền ngôi đại lược nói: "Trẫm sớm đã mộ dao, không để tâm tới việc làm vua. Đức kém, tạm giữ ngôi, thực khó bê làm nối, huống chi bệnh tật thường nổi dậy. Việc thờ cúng, việc chính sự đều có trời ngai. Lời thề xưa trời đất quỷ thần đều đã nghe cả. Nay nên truyền ngôi để kéo dài cơ nghiệp lớn. Hoàng thái tử An lên ngôi vua, phụ chính Thái sư Lê Quý Ly nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái thượng nguyên quân hoàng đế, nuôi dạy sạch ở cung Bảo Thanh để thỏa chí xưa".

Hoàng thái tử An lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm thánh hoàng hậu làm Hoàng thái hậu. Lúc ấy thái tử mới được 3 tuổi, nhàn lẽ truyền ngôi không biết lay, Quý Ly bảo Hoàng thái hậu lạy ở trước cho Thái tử lay theo. Quý Ly tự xưng là Khâm thánh hưng liệt đại vương. Chữ đê biến là: "Trung thư thương thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chí". Ngày ấy lên ngự điện ở kinh đô mới làm lễ khánh thành, ban yến từ quan ngũ phẩm trở lên, cho dân ông dân bà chơi xem ở cửa <24b> nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho các người có ruộng phải khai báo số mẫu Hành khiển là Hán Đức Lân ngâm nói với người nhà rằng: đạt phép ấy là để đoạt ruộng của dân dãy thôi. Quý Ly nghe được giáng làm Thượng thư bộ Hộ. Lai ra lệnh cho dân đê rõ họ tên ở trên ruộng, các quan lỵ, phủ, huyện, châu cùng kiểm do làm sổ 5 năm mới xong. Ruộng không cung khai cam kết thì lấy làm ruộng công.

1. Nguyễn văn là "tần lục"

TÌM HIỂU ĐỀ

(Vua tên huý là An, con cả của Thuân Tông, làm vua 2 năm, Quý Ly cướp ngôi phế làm Bảo Ninh đại vương).

Phu: Hồ Quý Ly, Hán Thương.

(Quý Ly tự là Ly Nguyên, tư suy tôn cụ tổ của mình là Hồ Hưng Đạt gốc người Chiết Giang. Thời Hậu Hán đến làm thai thú dát Diên Châu về sau nhà ở hương Bảo Đài thuộc bán châu, rồi làm trai chủ. Đến thời Lý, lấy công chúa Nguyệt Dích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến cháu đời thứ 12 là Hồ Liêm rồi đến hương Đại Lai thuộc Thanh Hoa làm con nuôi của Tuyên úy là Lê Huấn bèn đổi sang họ Lê. Quý Ly là cháu 4 đời của Liêm. Thời Trần Nghệ Tông từ chức chi hậu tú cục chánh chưởng, thăng lên khu mật đại sứ thiền, tiểu tư không tiến phong đồng bình chương sự, dần dần lên phụ chính thái sư nhiếp chính khâm đức⁽¹⁾. Hưng liệt đại vương, quốc tổ <25a> chương hoàng, rồi cướp ngôi nhà Trần, đài quốc hiệu là Dai Ngu. Trở lại họ Hồ chưa được 4 năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hoà, tiếm ngôi hơn 6 năm. Về sau cả hai người họ Hồ đều bị nhà Minh bắt).

Kỷ Mão, Kiến Tân năm thứ 2 [1399] (Minh Kiến Văn năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, Quý Ly bức vua phái xuất gia theo Dao giáo ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thuỷ⁽²⁾. Ngambi sai nội tẩm học sinh là Nguyễn Cẩn đi theo để trông nom, vua hỏi rằng: "Người theo hâu ta muôn làm gì chang?" Cẩn không nói. Quý Ly làm thơ cho Cẩn rằng: Nguyễn quân⁽³⁾ không chết thì người phải chết". Lai làm thơ dâng lên Nguyễn quân rằng:

*Tien hữu dung ám quán,
Hôn Đức cắp Linh Đức,
Hà tất tảo an bài,
Đỗ sử lao nhàn lục.*

Dịch nghĩa:

(Trước có vua ngu hèn,
Hôn Đức và Linh Đức,
Sao không sớm an bài,
Để bận cho người khác.)

Cẩn dâng thuốc độc, vua không chết, lai dâng nước dừa, không cho ăn cũng không chết. Đến khi ấy sai Kỵ vệ thương tướng quân là Phạm Khả Vinh thất cổ giết chết, chôn ở làng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuân Tông. Thái bảo là Trần Hăng, Thương tướng quân là Trần Khải Chân mưu giết Quý Ly <25h> không thành liền bị giết chết. Hôm ấy Quý

¹ Ký trên ghi: Quý Ly tự xưng Khâm thành hưng liệt đại vương. Sang kí này lại ghi: đức hưng liệt đại vương

² thôn Đạm Thuỷ: thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

³ Nguyễn quân: tức Thuân Tông

Ly ăn thè ở Đôn Sơn¹. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân để xem, cũng như lệ thiền tử đến miếu đến chùa. Phạm Tổ Thu là cháu Khà Vinh cùng thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm kiếm ở bên cạnh, Khát Chân trừng mắt ngăn lại. Quý Ly chột da đứng dậy. Vé sỉ đưa xuống lầu. Ngưu Tất vất kiếm xuống đất nói rằng: "Cà lú chết uống thôi". Việc bị phát giác. Thái bảo là Háng, tôn thất là Nhật Đông, tướng quân là Khat Chân, Khà Vinh, Hành khiển là Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm Công Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc thân thích tất cả hơn 370 người đều bị giết chết, tịch thu gia sản, con gái bắt làm nô tì, con trai từ 1 tuổi trở lên chôn sống, sơ sinh thì đùm xuống nước cho chết. Lùng bát dư đảng hàng mấy năm không thôi. Trên đường chỉ nhìn nhau không dám nói, người quen biết nhau không dám đứng nói chuyện với nhau, người đi đường muốn ngủ đỡ thì phải có láng giêng, cùng hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua mới dễ cho ở. Các xã đều đặt các điểm, tuần tra canh phòng ngày đêm. Lẽ ăn thè từ đây <26a> không làm nữa (Khát Chân là người làng Hà Láng, huyện Vĩnh Ninh, nay đổi là làng Hà Lương, huyện Vĩnh Phúc. Ba đời làm thương tướng quân. Dời truyền rằng: Khat Chân lúc sáu bị chém, lên núi Đôn Sơn hét lên ba tiếng. Sau khi chết ba ngày xác mặt vẫn như còn sống, ruồi nhặng không dám bâu. Nay còn dền thờ. Khi bị han câu rất linh ứng. Nguyên Bưu là người Tuyên Quang, tổ tiên làm quan với nhà Lý, làm phu dao, thời Trần con cháu đều được phong hầu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Quý Ly đến bấy giờ thi tội ác chất đầy rồi. Trần Háng trước đã hẹn ước với tướng vua tướng vồ rồi. Nếu biết năm lấy thời cơ mà quyết đoán, nói rõ tội giết vua của Quý Ly ra rồi cùng Khà Vinh giết đi thi "danh chính ngôn thuận" mà lại được việc. Đáng tiếc là lại do du so hái để chuộc lấy bài vong.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly nắm việc nước, cầm quân, bỏ vua, lập vua để như đổi quân cờ, không một người nào dám dị nghị. Nếu kêu gọi thì ai là người hưởng ứng, tất muốn như việc cũ đời trước. Vâng lệnh Thái hậu để đánh giặc, thi Thái hậu là con gái của Quý Ly <26b>, chỉ có kẻ là: liên hợp các ban đồng minh, đều den số quân của mình, dẫn quân mà tuyên thệ với mọi người, kể rõ tội giết vua, rồi người ta có theo hay không, việc có thành hay không thì không kể [làm như thế] dù có thất bại cũng thoả được lòng cảm phẫn của nhà vua ở dưới chín suối. Nay không làm như thế, lại dùng cái mưu một người đánh lén để cầu may, sự cơ á trong chọc lát mà còn trú trú để chuộc lấy cái chết. Nhân tài cuối thời Trần suy thoái dai loại là như thế. Khát Chân phải chịu trách nhiệm chính, rồi đến Trần Háng. Cái chết của Khà Vinh là muộn đấy.

Thang 6, Quý Ly tự xưng là Quốc tổ Chương hoang, mặc áo màu bô hoàng² ở cung Nhân Thọ, theo lệ thiền tử³ ra vào dùng 12 cây long vàng. Con là Han Thương xung

1. Đôn Sơn: Núi thuộc xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá

2. Mau bô hoàng: Mau vàng như nhí hoa cây xưởng bô.

3. Bản chữ Hán in là thái tử, chúng tôi sửa theo CMCB.

Nhưng thất phò, ở phía bắc phải đưa Hoàng Nguyễn Nguyễn Tráng làm tư lệnh. Văn đỗ biến là "Phong nhã lão chính quốc tử Chuong hống". Chỉ xưng là "vua" mà chưa đam xưng là "võ vua".

<27> Sở tham Ngõ Si Liên bẩm: Công tử Ngõ nước Sở, trước kia chưa có con người đẻ ra quân phò vua, bây giờ bà có con. Trước đó không có phò không có vua, sau đó mới có con, bà là "võ vua".

Nhưng việc họ Hồ làm cũng theo mực lối ấy.

Mùa thu tháng 7, người Cố Dâng (1), Thành Hào là Nguyễn Dung Phai đang thư thi bài hùng ca: Chuong hống là hiệu gđ¹ BS hống là sác gđ²? Để vội tốn đỡ thi sao? Quý Ly giam mày ngày rồi tha.

Sở tham Ngõ Thi Sĩ bẩm: Quý Ly khi còn Nguê Tông, Bùi Mông Hào đã chỉ tham vào sứ đàm Nguê (Ngõ) vua. Nhưng vì còn có vua, Bùi Mông Hào giờ Quý Ly đã nghiêm minh xưng là Chuong hống để hướng chí Dung Phai đang thi chí không còn lỗi cùn Quý Ly khi chỉ riêng nhiệm vụ với Bùi Mông Hào cũng làm hết hem.

Mệnh Thị Xu mâu doanh dường khéo có lẽ cũng không hem được, để là người nói thon dài, cho nên sai công chí chép chấn mâu thon. <27b> Quý Ly thấy số mâu của Bùi Mông Hào mâu không tinh túc hơn, haji mâu được chí của Dung Phai chỉ cung chấn cho khéo là có lẽ khéo hơn mâu tinh túc từ trong long thấy sa cho nên không dám givet haji hao ngay ấy thi việc sống chết là sa không khác trong long, too hao cũng giúp cho được an toàn đây.

Tháng 8, tên uyên cung là Nguyễn Nhâ Cai trốn vào núi Thủ Sơn làm triền già để dung. Gặp kha Phạm Tông bị bắt, Khat Chân bị bắt, bèn chiết chia hương dàn bìn mốt van ngọt, qua hai cát vắng như Lạp Thach, Đề Giang, Tân Viễn, Lịch Sơn, Đa Giang, cùp hòn bờ biển Châu huyện không thể ngăn được. Tháng 8, dập thành bao quanh đó mồi, Chung quanh thành trồng tre gai. Người an trú màng thi bì tài chết. Lại từ cửa Đại Tứa đến bờ Đà Damar Xá khai phò đất rồng, đất nai, lâm hàng quan, nhà cửa, đặt sô tuân kiểm & sống Đại Lai, chẳng day tháng lâu, ô giặc sống, phạm những thuyền ngư còng phai koo dày mả dì <28a> liên đài người bị tội di đây cho làm quân đào kẽm, cho dàn cát kẽm Trâm. Hào đền tên của bể Hà Hoa.

Tháng 12, sai Đồng là An phò sứ là Nguyễn Bằng Cố đánh Nguyễn Nhâ Cai. Đến

Tháng 3/2, Lê Quý Ly ép vua phải nhường ngôi, bắt quan thần và người tôn thất ba lần đăng biểu khuyên lén làm vua, lại già vở cõi tử, chỉ rằng: "Khi ta chết còn mất mồi nào trong thay tiền để ở dưới đất nữa". Thế rồi tự làm vua, đặt niên hiệu là Thành Nguyễn, quốc hiệu là Đại Ngu, đổi họ là Hồ.

<28b> Sở tham Phan Phu Tiên bẩm: Khổng Tử nói rằng: "Không phải là quý nhân mến tể là sớm nhanh đây" cho nên Dịch Thành (1) chỉ chối không nhận làm con cháu của Lương Huệ Công. Lưu Việt từ chối không nhận làm họ hàng của Lưu Thái Hào, nhà Đường là Đế Nguyễn mâu trên Nho che, Chửu Liệt (2) mâu là mâu dòng dõi của Trung Sơn Tinh Vương mâu Ông Công (3) cho là không phải. Ô, việc nhận hay bỏ đều có phải là theo ý riêng: Cố là từ họ hàng xu, đổi thay đổi khéo mà tan dace. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xu của Hồ Công Man (4) là vua Ngu Thuận cho là từ đây mà ru thi di dâu để tìn, ngồi không gí iên hông.

Quý Ly phế đế làm Bao Ninh đại vương. Vì vua là dòng dõi cháu ngoại nên Quý Ly không giết.

Quý Ly sai thuộc quan ở Tam Quần, chỉ hào mài nhan, nai tam học sá, chia di các lò đồ hôi quan lợt bay đk, dàn gian lợt hoi đế từ đồ mả thang giang rời lỵ làm lè malle định, từ đó để thay đổi các quan thủ lịnh.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly cho thi Thái học sinh cho hòn Lưu Thủ Kiem <29a> 200 người, Nguyễn Trãi (5), Lý Tử Tân, Vũ Mông Nguyễn (6), Hoàng Hiển (7), Nguyễn Thành (8), đều đc đỗ. Đầu bài phú là "Linh Kim tảng" (9). Các bài trắc xin giảng nghĩa đều bài quan trường bài: Cố việc cũ như thế không? Chỉ có Bùi Ung Dafa trả lời rằng: Thái Tông đã có Tôn Hả Khoa bài nghĩa bài phú: "Chi ngôn nhât xuất" (10) cho nên quan trường giảng cho (Ung Dafa) người San Vi, ở triều Trần làm giám thí khéo đến khi ấy bị giải chức, vẫn thi đk 50 tuổi, được làm chúc gián quan. Sau mỗi việc trai y vua bi giáng làm thái tử thuyết thư, rồi lại bi giáng làm thái tử tan khach.

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm hối giao phó nói họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm gọi là họ Hoa thi.

Quý Ly cho Hành Khoản ĐS Mạn làm thư quay quan đe tướng, tướng ta thành đe quan Trần Văn (đuoc ban ho Hồ) làm đe quan đe tướng, tướng ta thành đe quan là ĐS Nguyễn Thac làm

1. Dịch Thành: Tộc Dịch Nguê Kieu người thời Tống

2. Cảnh Lao: Tộc Lao Bù con him Cảnh ĐC

3. Ôn Công: Tộc Ôn Mùi Quang người thời Tống

4. HÀ CÔNG MINH: Dòng dõi của Ngõ Tranh

5. Nguyễn Trãi: Nguyễn huyen Truong Phuc tac "Thuyng Yeu cam" là tên

6. Vũ Mông Nguyễn: Nguyễn huyen Dong Son, tên tranh thi.

7. Hàng Holic: Nguyễn huyen Tieu Du, tên Tieu Son, tên là Séc

8. Nguyễn Tranh: Nguyễn huyen Tranh Séc tên Tieu Trang, tên Thanh Tranh

9. Lanh kim tang: Khu chôn gieton của Lanh Quy (tên Hana Cao Tô) chôn rắn khô mồi mồi tên là

đang là tướng lĩnh 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly cướp nước rồi chính không tu sửa, còn
tên chiêu rằng mìn cát bù bù rẽ cống trung và biển giặc <29b>. Người Chiêm bức
bách và bị đánh sang Phương Bắc xin cứu viện. Chưa mưa tinh lũy được nước Chiêm
cầu sống và naze Chiêm rất mìn phải chia xau binh doa, họ Hồ mất nước bắt đầu
tại đây. Lão Tử nói rằng "Giai: bức bùi tương" ¹¹ họ lại chẳng đang tự lâm sao?

Quý Ly truyền ngôi cho con là Hán Thương rồi từ xung là Thái thương hoàng cùng
cõi sinh ra Hán Thương phong che vò là Hiển Gia hoàng hậu ở cung Phù Cục

Quý Ly sai sứ sang nước Minh trước đây mẹ Hán Thương là Huy Ninh công chúa
truy tên làm Thủ Tu hoàng hậu là con gái Trần Minh Tông tình già cho Trần Nhàn
Vĩnh. Nghé Tông bắt về già cho Quý Ly sinh ra Khâm Thanh hoàng hậu và Hán Thương.
Đến khi ấy sau sứ sang với nhà Minh rằng họ Trần đã tuvat, Hán Thương là cháu
người của Minh Tông tam cõi giữ việc nước

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly không lập Nguyễn Trung chinh vì Hán
Thương là cháu ngoại của Minh Tông làm cuộc cướp ngôi nhà Trần. Nguyễn Trung
rằng từ biết thân nhân mình không được lập, cho nên <30a> đã thắc ý vào câu
đáp hồn da là ta cõi tang khô đê nai rõ mình thiền làm người giúp đỡ thời. Quý
Ly, dùng thư từ đón với con, cho nên Nguyễn Trung cũng dùng thuật để đáp lại cha
mìn gian giật mìn trong cõi tang chia con như thế thì những việc khác cũng có thể bùi
dược. Cứ sau Quý Ly cướp ngôi chưa được một năm đã truyền ngay cho Hán Thương.
để nản dại lại nai rõ nhà Minh không biết rằng nhà Minh đã nuôi ý muốn nuốt
nhưng. Tuy có con sẽ đến trả cõi tang không bùi ích gì. Về sau, Mạc Đăng Dung nhẫn
nhác phong mìn mìn lén, để tranh Bắc Triều sang đánh, cũng nhường ngôi cho con
là Đăng Dung, hết quá đà có mìn. Có lẽ là có sự e ngại như nhà Hồ đấy, tâm tư
của họ tên cướp ngôi thì họ Mạc lại gian hùng hơn.

Hán Thương đánh thuê thuyền buôn, định ba bắc thương, ba trung, bắc thương mỗi
chiếc 5 quan, bắc trung mỗi chiếc 4 quan, bắc hạ mỗi chiếc 3 quan

Năm ấy chúa Chiêm Thành là La Ngao chết, con là Ba Dịch Lai lên ngôi

Tết Tỵ (1401) Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, Minh Kiến Văn năm thứ 31,
mùa xuân tháng 2, sát đánh ở đô thành

Hán Thương đổi <30b> lịch Hiệp kỵ của nhà Trần, dung lịch Thuần Thiên
Tháng 2, sát đánh ở Đông cung, ba người chết

Mùa hè tháng 4, Hán Thương cho làm số hộ khẩu khắp trong nước, ghi hết nhân
khẩu từ 2 tuổi trở lên. Ngoài kinh thành trú ngụ ở phiên trấn, đều yết bằng bài về nguyên
quận, không cho lưu lạc tan man, ghi cho họ Hồ hai phái ở Diên Châu và Thành Hoá
Trước kia Quý Ly thường nói với quan thần rằng: "Làm thế nào để có được trăm vạn
quân để đánh địch với giặc Phương Bắc?" Đông tri khu mắt sẽ là Hoàng Hồi Khanh dâng

¹¹ Cứu hoài mìn mìn: tháo mìn mìn để tăng phái đánh địch. Đây mìn mìn giải chí gửi hành khinh mìn mìn
khi mìn mìn giải gián. Nhìn thế không ra điều mìn.

kết sách đó. Khi số làm xong, điểm số người từ 15 tuổi trở lên, từ 60 tuổi trở xuống, được gấp bội số so với trước, cho nên năm Thiệu Thành thứ 3, điểm bình càng nhiều.

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Quý Lý không lương minh mà muốn điểm bình
đến từng nhà để khoe nhiều với Trung Quốc. Không nghĩ rằng già nua yếu đuối là
con số sướng thì có ích gì cho việc thăng bài, chỉ là xưa duỗi ra chỗ diệt long ma
thôi. Kết sách của Hồi Khanh là như thế này. Duyệt định hò khéo, khác bao thau
qua còn sợ hai dán, hướng chí lai đưa vào đây mà tăng ngạch linh sao?

<32a> Hán Thương lập pháp ban chế gia nò, chiếu theo phẩm cấp khác nhau. Các nò tỳ đều có hình ghi vào tran làm dấu nò của công hoặc sung điện tiền quân thi thao
kiểu hoà châu, của công chúa thi thích kiểu bài dương, của dai vương thi thích 1 khuyển
đò của quan nhất nhị phẩm thi thích 1 khuyển đòn, của quan tam phẩm trở xuống thi
thích 2 khuyển đòn. Ngoài ra người tiến vào nhà nước, mỗi người được trả 5 quan tiền.
Người đang được có gia nò phải trình chúc thư ba đời. Gia nò người nước ngoài thi không
có lé. Lúc đó có si dai phu theo ý của họ Hồ tranh nhau dâng thư khuyển giết con cháu
ho Trần và giặc bớt điện nò để nén thế lực như bon Hoàng Hồi Khanh, Nguyễn Hy Chu,
Đông Thức, tham vọng phú quý, nhiều không kể xiết. Hồ Tùng đi đánh Cát Tiên Thành
không có công trang phái trả về. Tùng nghe lời Đinh Dai Trung, cho quân bộ đi theo
sườn núi, cách xa quân thùy. Nước lũ ập tới, tướng sĩ hết lương, ba ngày phải nương áo
giáp bằng da làm thức ăn khi quân trở về. Vì Tùng cho quân đi đường hiểm trở làm là
quân cơ đàng chém, nhưng xét công ở Tiêm Dé¹, nên miễn tội chết <31b> đã làm xá
binh.

Hán Thương đặt kho Thường binh² cấp tiền giấy cho các lò theo thời giá đóng thóc
chứa vào kho. Lúc đó các quan lò, phủ, châu, huyện thay đổi luôn nên không làm được
Hán Thương đặt quan hương định, có chánh phó³ và sau chỉ dùng một viên.

Hán Thương ra lệnh cho các lò phải nung gạch xây đô thành mới

Hán Thương đặt hình luật quan chế cho nước Dai Ngu

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương cho Nguyễn Phi Khanh làm hàn lâm học sĩ

Nhâm Ngọ, Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 2 [1402] Minh Hiển Văn năm thứ
4, mùa xuân, tháng 2, Hán Thương duyệt định quân ngũ

Tháng 3, Hán Thương sửa sang đường xá từ thành Tây Đô đến Châu Hoa, dọc đường
đất phố xá tram chay giấy, gọi là đường Thiên Lý

Mùa hè, tháng 6, Hán Thương cho Đông Thức⁴ làm trung tán, ban cho bà Nguyễn
(vì với Nguyễn Trung) nhà Đường

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương cử dai quân đi đánh Chiêm Thành, cho Đỗ Mẫn làm
đô tướng, điện nội phản thủ Nguyễn Vĩ làm chiêu du sứ. Đông Đô là an phủ sứ <32a>

1. Tiêm Dé: Sở vua ở đây có lẽ là thời Lê

2. Kho Thường binh: Kho chứa thời gian với bao nhiêu lò, bao nhiêu chảo, gác, lò

3. Đinh Phủ: Nguyễn huyện Chí Linh, tỉnh Hải Phòng

4. Nguyễn Trung: Tổ trưởng nhà Đường, sống trong thành nhà canh ngự và Núi Voi Công phu Lê

là Nguyễn Bang Cù làm đồng chiêu du sứ Khi dai quân sắp đến bờ cõi giặc, Dinh Dai Trung đem kỵ binh đi trước, gặp tướng giặc là Ché Tra Nan đánh nhau, đều bị chết cả Ché Chiêm Thành là Ba Dịch Lai số, sau sau là Bô Diển dâng một voi trắng và một voi cung cao sáu vòi dia phương, lại dâng đất Chiêm Đông xin rút quân Bô Diển đến. Quý Ly bắt ép phải đổi tờ biếu là dâng nộp cả đêng Cố Luỹ, rồi chia đất do làm bón chòn Thang Hoa Tư, Nghia dai an phủ su và pho sứ lô Thang Hoa để cai trị miền đầu nguồn đất ấy thi dát trấn Tân Ninh. Chiêm Thành thu dàn gần đây dem về nước. Còn người ở lại thi bô làm quản - Xét thấy dia giới Thuân Hoa thi đường bộ qua núi Ai Văn đã đến Thang Hoa, từ thời Trần về trước là Hoa Châu, chỉ có dát từ Thuân Hoa trở ra Bắc. Đến khi ấy Ba Dịch Lai mới biến Chiêm Đông tức ranh giới Dai Chiêm, đường bộ từ Toàn Tram phương qua Cầu Đề Cầm Sa đến doanh Quảng Nam, tức là dông Dai Chiêm quản đi 2 ngày rưỡi đường thuỷ qua 4 cửa Hài Văn, Cầu Đề, Đà Nẵng, Dai Chiêm Quý Ly lại ép nạp thêm dông Cố Luỹ Di từ doanh Quảng Nam qua sông qua Bình An, Hà Lam, Chiên Dân, Trà Lý đến Chi Giang mất 2 ngày rưỡi, từ Chi Giang qua Châu Trảng khoảng ba canh, lại từ Châu Ô đến Trà Khúc qua sông, ba lưu sóng ấy là cửa luỷ Dai Chiêm <32b>. Đường thuỷ qua Tiên Yém, Hiệp Hoà, Thai Tịnh, Sa Cơ dến Chiêm Luỷ gồm 5 cửa biển là nhà Nhuân Hồ dâ thu được môt nửa đất Quảng Nam; hai vua Hồ đánh bại người Chiêm lai chiếm cứ Thang Hoa, đất dai chiêm được trả lại người Chiêm Năm Hồng Đức thời Lê, chúa Chiêm Thành là Trà Toản cướp phả Hoá Châu, Thành Tông phải di danh phá thành Đà Bán, bắt Trà Toản mới thu phục được bờ cõi cũ. Lại mờ đến núi Thach Bi. Đường thuỷ là cửa biển Phan Rang Từ cửa Cố Luỹ về Cửa Tiến, Tây Sa, Hoàng Tân Quan, Thời Phú, Hà La, Lành Thuý, Thị Nai, Xuân Dài, Đà Diên, Trà Nông, Tiểu Môn, Nhà Dư, Cù Huân, Phan Rang gồm 14 cửa biển, dát ra phu Hoài Nhân, có 3 thưởn huyện Về 4 phu thuộc Phan Rang, Dinh Tương, phía nam là dia giới Chiêm Thành, họ Nguyễn ở Tống Sơn chiếm cứ Nam Hà lai xâm lược Chiêm Thành, lấy đất ấy dát làm 4 phu Bình Khang, Diêu Khánh, Bình Thuận, Gia Định. Chiêm Thành ở riêng vào ven biển Ô dinh Bình Thuận tức là phu tây dinh Phan Ly họ Nguyễn phong làm Thuân Thành vương, từ Bình Khang về phía nam đều dát chúc thù ngự ở dinh và các dinh Trần Biên, Dinh Viết, Dinh Viết tức là dinh Long Hồ, từ Long Hồ đến phía nam dinh giáp với dia giới nước Cao Miên, Hán Thương diêu bố An phủ sứ lô Thuân Hoa là Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lô Thang Hoa Cảnh Chân dâng sớ nói xin theo việc cũ của nhà Hán nhà Dương, mà người nạp thóc chừa vào kho ở biên giới hoặc ban tước, hoặc miễn tội, đều co tang thi bác khác nhau. Quý Ly phê rằng "Biết được mấy chữ mà biết nói việc Hán Đường thật là người cầm biếu nói, chỉ thuốc láy sự chê cười mà thôi".

Sứ thần Ngõ Thi Sí bàn: Lời bê tài noi biên giới xin chưa kho thóc ở biên giới, đã không được chấp nhận, lại còn si nhục. Kêu công ương bướng như tay, không bi điều trọng còn dài gì nữa!

1. Chiêm Đông, thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

2. Cố Luỹ: Gồm phần đất các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tú Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

3. Hòn Núi: Vùng phu tần tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Hán Thương cho Hiếu Chính hầu là Chế Ma Nô Đà Nan làm thương hào huyện Cố Luv trấn giữ châu Tu Nghia, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Dát nhã nhạc, lấy con quan vạn làm kinh vĩ lang, lấy con quan vỗ làm chinh đốc lang, tập diệu múa vân, vỗ

Thang 8 Hán Thương xây dựng dàn tế Giac ở Đôn Sơn, làm lễ tế giao, dại xá Ngày ấy, Hán Thương ngồi kiệu chạm mây rồng, đi từ cửa nam ra, các cung tần bách quan mện phu ¹¹ thủ tư theo hầu Mù áo của dàn bà kém chống mít bác, bàn thân là tôn quý thi không phải giảm. Theo lê cũ, lễ tế giao bách quan linh cưỡi ngựa theo hầu rất nhiều. Cứ ba năm một lần dại lễ. Thiên tử ngồi xe Thái Bình, khác gỗ làm 40 binh người tiên mặc áo vóc cầm cỏ đi trước, hoặc đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Trì. Mấy dây giàm để kéo thuyền. Hai năm làm trung kế, thiên tử ngồi ngai bách cầm. Hàng năm là tiểu lễ thiên tử ngồi ngai nhỏ. Thời Trần chưa từng làm lễ tế giao. <33b> Hán Thương bắt đầu làm Khi dâng chén rượu, tay run run đổ ruộng đất rồi thôi.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Từ thời Trần trở về trước, lễ giao tế trời không thể cử hành được, có lẽ là lẽ nhạc ché đó còn thiếu thốn nhiều đây. Cái gian tà xưa ngời của Hán Thương sao có thể thờ được. Thương đế hưởng chỉ lai dùng lễ hoàng hầu nuôi làm ở cõi phía bắc mà làm ở cõi phía nam, sai mện phu của bách quan đem mũ áo đi theo. Thế là ăn cắp cái cán bộ của lễ, không tra cứu vào đâu được thật là bỉ ổi. Từ xưa bon loan thần cướp nước, lấy lễ ion tế giao ra nhiều, sinh động ám thanh màu sắc để khoe cái đẹp thì thường thường gấp phải tư biện bài ngo liền bài bò không làm xong được như Hán Thương là nhiều đây. Kinh Thi có câu: "Hoàng hỷ thương đế làm ha hữu hach" ¹² lại có câu "Thương đế làm nhả, nô tài nhữ tài" ¹³ trời hả có xa dẫu.

Hán Thương định lễ mới về tổ thuế định điện triều trước mỗi mầu ruộng thu 3 tháng thóc, nay thu 5 tháng, bấy lâu mỗi mầu thu 9 quan <34a> hoặc 7 quan, nay loại thương dâng thu mỗi mầu 5 quan tiền giấy, loại trung dâng 4 quan tiền giấy, loại ba dâng 3 quan tiền giấy. Tiền hàng năm của dinh nam là 3 quan, nay theo số ruộng làm ngạch thu. Cứ 5 sào thu 5 tiền giấy, 6 sào đến 1 mầu thu 1 quan, một mầu 1 sào đến 1 mầu 5 sào thu 1 quan rưỡi tiền giấy, 1 mầu 6 sào đến 2 mầu thu 2 quan 6 tiền giấy, 2 mầu 6 sào trở lên thu 3 quan tiền giấy. Dinh nam không có ruộng và trẻ mồ côi dàn bà goá có ruộng cũng không phải đóng.

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Dinh nam không có ruộng mà cói, dàn bà goá có ruộng đều được miễn thu cũng là chính sách rộng rãi với dân, nhưng phép có thân thi có dung, có ruộng thi có tờ, không thể tha đổi được, đến bây giờ thương 1 mầu thu 1 sào 1 mach thi như vậy là quá nặng mà bên kia thi qua nhẹ đều không được của phải.

Sí nhán là Nguyễn Bẩm dâng thư nói rằng Tiền Hồ, Hồ Quý Ly nên nhượng ngai

11. Mện phu: Võ các quan lì dewan phu

12. & 13. Cảnh Thủ thư: "Hoàng hỷ" trong thi Ông Nhã, là thái thao sự đế giâm sét bể nước rì ràng. Thời ta để giâm sét nước, nước chảy bết không.

rut vé ở Kim Âu⁽¹⁾, Hậu Hồ (Hô Han Thương) tôn làm Thương hoàng, thái tử chính vị quan gia. Quý Ly giàn lâm, cho là Bẩm chỉ trich nhà vua, sự việc nguy hại bèn chém đi **<34b>**

Quý Mùi, Hán Thương Khai Đại năm thứ 1 [1403] (Minh Thành Tổ Vinh Lạc năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đưa những người không có ruộng nhưng có của về Thăng Hoa ở biên chế thành quân ngũ. Các quan lộ, phủ, châu, huyện, chọn đất cho họ ở, ở đâu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để nhớ. Năm sau đưa vợ con họ theo sau, giữa đường gặp bão chêt đuôi, dân chung nhiều người oán ghét. Hán Thương mò dân nấp trâu ban tước để cấp cho dân mới dời ở Thăng Hoa.

Sử thắn Ngô Thị Sí bàn: Người Chiêm Thành trước kia không ghi họ. Nay tu Thăng Điện về phía nam có người ghi họ đều là sau khi di dân đây. Lúc bấy giờ người Chiêm Thành dâng đất mà không có dân, cho nên Hán Thương mới làm kế di dân cho kín nơi biên giới. Không biết rằng chính sách di dân xưa đã có nhiều. Có lẽ là chiêu mộ những kẻ vô lại tình nguyện di chuyển cấp cho trâu bò cày, khi cu làm ruộng và thóc <35a> giống cho ó đất tốt, khiến cùng nhau ở thành thôn xóm, khai khẩn ruộng hoang chư chưa từng cưỡng ép dân giàu có khiên họ phải xa quê hương chuyển vợ con mà bắt phải đến đây xum họp, hướng đất Thăng Hoa là nơi mới được, phải dắt dồn canh giữ, sao không đem cái mưu kế dời dân làm nuu kế đóng quân, phát lương hưu và cấp giấy chứng nhận, khiến cho diu dắt cả vợ con di theo làm việc thì ai không muốn di, cần gì phải thúc ép. Sinh sản xum họp 10 năm, đều trở thành người bản xứ là dân mà nằm trong số quân, thì có chỗ nào sợ hờ mà đáng lo? Tiếc thay vua tôi Hán Thương không đủ kiến thức nói được như thế. Nhưng dùng mệnh lệnh bạo lực trong nhất thời, lâu rồi cũng yên. Đến nay cùng một chỗ xe, cùng một ván ту, cùng một luân lý, thế là như bức trường thành của thời Tân thời Tuỳ và cái lợi của sông ngòi đấy.

Hán Thương lấy phủ lỵ Thanh Hoá làm Tam phu⁽²⁾ của kinh kỳ. Đổi phủ Thanh Hoá làm phủ Thiên <35b>. Xương, gồm với Cửu Chân, Ái Châu gọi là tam phu, lại đổi Diên Châu làm phủ Linh Nguyên, cộng là tứ phu, đổi phủ Kiến Xương làm phủ Kiến Ninh, núi Đại Lai làm núi Kim Âu. Đặt chức thị giám⁽³⁾ ban bố cản, thước, tháng, dấu, định giá tiền giấy để trao đổi với nhau. Người buôn bán thời ấy phân lớn không ưa tiền giấy, lại lập ra điều luật xú tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng bao che cho nhau.

Người phương thuật là Trần Đức Huy chịu tội chét (Đức Huy mồm rộng cho lợt nấm tay, tay dài quá gối). Có người nói sau này tất quý. Khi lớn lên học phương thuật. Ban đêm thường đánh mồi làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người đánh nhau. Lại đi khắp các xã thôn lầy trộm tên những người di tuẫn, biến làm số quân. Việc bị phát giác, bị bắt, thu được 1 sách phương thuật, 1 ăn già, 1 kiếm nhỏ, 1 mõ đồng, xử tội lăng trì, quân tịch bị ném xuống nước và vứt vào lửa không hồi đền. Xét ra Đức Huy có tướng lợ

1 Kim Âu: Vùng đất thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

2 Tam phu: Đất thuộc phạm vi kinh đô.

3 Thị giám: Quản cơ chđ.

nám thuật yêu quái tư can tội chết, cho nên thay đổi cách chép của sử cũ, mà chép là chịu tội chết, là cho đúng tội của nó để răn cho bọn giặc yêu quái, không phải là Hán Thương chuyên chém đầy, chỉ giết một người có tội còn những người khác thì không hỏi dèn. Hán Thương làm điều ấy cũng tam được. Hán Thương dựng miếu Thiên Xương ở các lăng tẩm để tế tổ khao của mình, sám chiêu cúng tế. Lại xây dựng các miếu Linh Nguyên, Bảo Đô, để thờ tổ tiên, xây dựng Đông Thái Miếu để thờ tổ tiên họ mình <36a>, xây dựng Tây Thái Miếu để thờ tổ tiên họ ngoại là Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông.

Nước Minh sai Ô Tu sang báo việc vua nhà Minh lên ngôi. Trước đây Thái tử của Thái Tổ là Ý Văn mất sớm, Thái Tông là Doãn Văn nối ngôi, đặt niên hiệu là Kiến Văn. Yên Vương Lê là con thứ của Thái Tổ, ngầm nuôi chí khác, đến bấy giờ dấy binh làm phản. Đến đâu cũng đều đánh hàng, bèn vào Kim lăng, Kiến Văn chạy trốn, Lê tự lập làm vua đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc, tức là Thành Tổ.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh xin phong. Vua nhà Minh sai sứ đem sắc dụ cho kỳ mục trong nước hỏi họ Trần có người thừa kế hay không? Việc người trong nước tôn lập Hán Thương là thực hay giả? Hán Thương liền sai sứ đem đồ tiến cống và xin phong. Sứ nhà Minh về tâu bèn ban chiếu phong cho Hán Thương làm Nam quốc vương. Hán Thương sai tướng là Phạm Nguyên Khôi đi đánh Chiêm Thành không được, quay về Hán Thương cho đóng thuyền định thành đồi quân thuyền đi đánh Chiêm Thành. Dự chia các đất Bản Đan Lang, Hắc Bạch, và Sa Li Nha từ phủ Tư Nghĩa về phía nam đến dia giới Tiên La <36b> làm châu huyện. Gia phong Nguyên Khôi làm đại tướng quân hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thủ, linh quân Long Tiệp, hành thuỷ quân đô tướng Hồ Văn làm phó. Đô Mẫn linh quân Thiên Cương, Chương Thành, Cung Thủ hành bộ quân đô tướng. Đô Nguyên Thác làm phó. Quân thuỷ quân bộ cộng 20 vạn, đều theo sự tiết chế của Nguyên Khôi. Người nào ra trận mà sợ giặc thì chém, vợ con tài sản sung công. Các quân vào đất Chiêm Thành sửa nhiều chiến cụ; vây thành Đô Bàn sáp lầy được, nhưng vì quân đi dã 9 tháng, hết lương thực không thắng đánh rút về. Đô Nguyên Thác vì trái lệnh đô tướng, tha tội chết, dày làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu nhà Minh. Người Minh cho 9 thuyền vượt biển đến cứu. Các quân ta trở về, gặp quân Minh ở ngoài biển, người Minh bảo Nguyên Khôi rằng: Phải cấp tốc đem quân về, không được ở lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành về. Quý Ly trách rằng: có sao không giết hết được quân nhà Minh?

<37a> **Sứ thần Phan Phu Tiên bàn:** Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo. Chỉ vì ân nghĩa là họ ngoại mà được đặc cách gia phong tước hầu. Thế mà, việc này mong được thành công thì có khác gì Hán Vũ Đế sai nhí sứ Lý Quang Lợi đi đánh nước Đại Uyển?

Hán Thương cho phương sĩ là Nguyễn Dai Nàng làm quang tế tự thừa, đặt quan thuộc thư Quang tế ⁽¹⁾ bát đầu từ đây (Đại Nàng người Giáp Sơn có thể lấy lửa thiêng hoac lấy kim châm để chữa bệnh cho người, lại xảo trá, có sức khoẻ có thể bán được nò cứng sau làm Quang tế lệnh kiêm chỉ huy binh rồi được điều chỉ huy quân Sùng Uy <37b>).

1. Thụ Quang tế: Cơ quan y tế.

Bấy giờ sứ Minh đi lại nước ta liên tiếp, có lần thì yêu sách, có lần thì trách hỏi, Hán Thương sai tuỳ tình hình giải quyết. Vật và vì việc ứng tiếp

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở phía bắc. Trước kia Minh Thái Tổ thường đòi những người bi thiến, tặng nhân, dàn bà xoa bóp, ta thường vì tình cảm mà cho. Được vài năm cho tăng nhân, con gái về, để người bi thiến lai sung làm quan thuộc. Đến khi Thành Tổ lên ngôi, có ý xâm lược Phương Nam. Sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Dao, Ngô Tín, sang sứ thám hỏi bọn thân thuộc, bí mật báo người thân rằng: Có quân Phương Bắc đến thì dùng cờ vàng đẽ nội quan thân thuộc họ tên thì không bị giết. Việc tiết lô, bi bát hết giết đi.

Giáp Thân, Hán Thương Khai Dai năm thứ 2 [1404] (Minh Vinh Lạc năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Hán Thương thường cho An phủ sứ lô Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trân Quốc Việt tước một tư vi biết đáp đẽ ngăn nước mặn cho dân cày cấy.

<38a> Hán Thương sai Phan Hoà Phù đem hai con voi đen và trắng sang biểu nước Minh. Trước đây Chiêm Thành công voi và dâng đất đế cầu viên quân, nhưng lại nói điều với nước Minh rằng: Họ Hồ lấn đất và bắt công voi. Đến bấy giờ nhà Minh sai sứ sang trách hỏi cho nên đưa biểu voi. Hán Thương định cách thức thi cử nhân. Cứ tháng 8 năm nay thi hương, người dỗ miễn sai dịch. Tháng 8 năm sau, thi ở bộ Lễ, người dỗ thì được tuyển bổ. Lại tháng 8 năm sau, thi hối, người dỗ thì được sung làm thái học sinh. Đầu 3 năm một lần thi. Lúc bấy giờ học trò chuyên nghiệp có chí tiến thủ, nhưng chỉ được thi ở bộ Lễ rồi gấp loạn phải ngừng. Cách thi bát chước thời nhà Nguyên Thi tam trường lai chia văn sách thành tử trường lai có thêm trường thi toán. Những quân nhân và người phuơng hát phạm tội, đều không được dư bổ. Hán Thương lập quân tả hữu. Trước đây, nam Nhâm Ngo, chọn tráng dinh. Người nghèo làm quân tro dịch, rồi lại đổi làm quân bồi vệ. Đến khi ấy cho làm hàng tá hữu lấy tên cầm thủ đặt danh hiệu ví dụ như phuơng hoàng, ky lân... **<38b>** cho các quan văn võ người tôn thất kiêm quản.

Hán Thương cho đào cảng vân chuyển từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hoá bị bùn cát ẩn lén nên không thành công; Cửa biển Eo⁽¹⁾ ở Hoá Châu bị lở, Hán Thương sai quân ở kinh đến đắp.

Hán Thương cho làm thuyền định, có tên là "trung tào tài lương", tài lương là kiểu thuyền lâu cổ trên có đường sàn đi thông để tiện việc chiến đấu; dưới thì hai người chèo một mái chèo, già dat tên là thuyền tài lương, thực ra là để phòng giặc Phương Bắc.

Quý Ly giết tướng quân cũ là Hồ Tùng. Trước đây Tùng đã giải chức, xin bán đồ quân khí. Quý Ly muốn dùng nên không cho. Tùng lại ngầm thông dâm với vợ Nguyễn Bưu là con gái Trần Quý. Quý Ly giận nói: "Như ngọc khuê như ngọc chuông ra từ cửa nhà Tùng" (không rõ nghĩa câu nói). Đến bấy giờ Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô mưu lạm phản. Ngầm kết với người Chiêm, trao đổi tin tức. Việc tiết lô, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

(1) Cửa biển Thuận An, tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay.

Nhà Minh sai hành nhân là Lý Kỳ sang. Kỳ tự tiên làm oai làm phúc <39a> danh dấp các người ban tông và đốc biện, thúc phải di nhanh không kể ngày đường. Trước kia sứ giả đi từ Đông Đô đến Tây Kinh mất 12 ngày, Kỳ đi 8 ngày. Khi đến công quán, xem hết hình thế, Kỳ về, Quý Ly sơ su tình bị tiết lò sai Pham Luc Tài đuổi theo để giết. Đến Lang Sơn thì Kỳ đã ra khỏi cửa ài rồi, Kỳ về tâu hach họ Hồ xưng đế và làm thơ có những câu khinh man.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Quý Ly đã muốn diệt quân nhà Minh, lại muốn giết sứ nhà Minh. Việc nội trị không tu sửa, việc chống giặc không có chiến cu mà cứ khu khu khiêu khích nước lớn để chuốc lấy sự giàn dũ Ngu muối dến như vậy sao!

Hán Thương ra lệnh quan viên không được di hia, chỉ cho phép di giày gai sống (Lê cũ dời trước, quan từ chánh lục phẩm trở lên mới được di hia) cấm nhân dân không được dùng lúa mịn tơ chín làm áo mặc, chỉ cho nên qua. Lại ra lệnh cho các lộ xếp những người không có ruộng làm đội cùng nhau.

<39b> **Sứ thần Ngô Thị Sí bàn:** Hán Thương cai trị cả nước, không thể làm cho dân có thưa áo mặc mà lại phân biệt lúa sống hay chín; không thể làm cho người nghèo không bị thất sờ mà lại gọi rõ là đội cùng định, để làm nhục những người không có ruộng. Chính sách phiền toát là việc làm của người mất nước, không một việc gì có thể coi được, đại loại như thế.

Hán Thương ra lệnh các lộ phải đồ chín gạo cấp cho các châu Thăng Hoa, theo lời của Hoàng Hối Khanh

Ất Dậu, Hán Thương Khai Đại năm thứ 3 [1405], (Minh Vinh Lạc năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Quý Ly giết kè sĩ là Nguyễn Ông Kiêu và Lê Dịch. Trước kia Quý Ly thường làm thơ rân Hán Thương và Trùng. Thơ đại khái nói rằng:

Thiên dã phú,
Địa dã tái,
Huynh đệ nhị nhân như hà bất tương ái?
Ô hó ai tai hè ca kháng khái!

Dịch nghĩa:

(Trời thì che,
Đất thì chở,
Hai anh em người, sao nỡ ghét nhau?
Than ôi! thương thay! lời ca buồn thảm).

Vợ Ông Kiêu ra vào trong cung nói với Ông Kiêu Ông Kiêu truyền tung ở cầu Hoa Cái Học trò trong phủ của Trùng là Nguyễn Miên, Nguyễn Nhữ Minh đem nói với Trùng <40a>, Trùng lai nói với Quý Ly. Quý Ly bí mật ra lệnh cho Trung úy Doãn là Dỗ Tử Triết bát bò nguc. Ông Kiêu thất thố làm liên luy đến cả bon Lê Dịch, Dỗ Loát. Loát trốn thoát được, Ông Kiêu và Dịch đều bị giết, người cùng bị tội là Hà Nhật Tuyên bị dâng ra châu xa; bọn Nguyễn Nhữ Minh ngồi nghe bị tội sai ra châu Cửu Chân (sau vài tháng Tứ Triết bỗng đột ngột ốm, đòi lấy bút viết rằng: "Ta cùng với Nhữ Minh kiêng nhau")

Lại sau thi chém. Sau Nhật Tuyên lại can tội be đang bị chém)

Nhà Minh sai sứ sang doi cat dat chau Lộc thuộc Lang Sơn (châu Lộc tức chau Lộc Bình Bay giờ thổ quan ở Tư Minh tỉnh Quảng Tây là Hoàng Quang Thành nói rằng: Châu Lộc nguyên là đất cũ của phủ ấy) Quy Ly cho hành khiến là Hoàng Hồi Khanh làm cat dia su⁽¹⁾ Hồi Khanh đem dat Cổ Lầu gồm 59 thôn trả cho nhà Minh Quy Ly trách mắng Hồi Khanh là đem trả qua nhiều. Phàm là thổ quan do người Minh dat [Quy Ly] đều ngầm sai người Thổ danh thuộc đốc chém (nay các ài phía bắc Lộc Bình các thổ quan nói dia đều họ Vi Nhũng thôn áp phản nhiều còn chép theo tên xã ở Lộc Châu, phong tục dân không khác gì Lang Sơn dat bị mất ước tính phải di mất vài ngày đường: Cái tội ban dat của Quy Ly giết di cùng không hết tội được)

Hán Thương ra lệnh các trấn dâu nguồn phái nạp gó làm coc Châu Vũ Ninh nạp gó Ô Mè lầy ở <40b> lạng Cổ Pháp đưa vào đem quân đóng ở cửa biển, và chở sung yếu ở sông lớn để phòng giặc Phương Bắc

Nan doi

Hán Thương ra lệnh cho các quan ở các huyện, châu, là, phủ xem xét số thóc các nhà giàu nhiều ít để ban theo giá phải chăng cho dân theo thứ bậc

Mùa hè, tháng 6, sét đánh vào Đông Cung. Hán Thương ra lệnh cầu lời nói thằng Xa tội

Hán Thương bàn sửa cung điện ở Đông Đô. Lúc ấy giặc Phương Bắc sắp nổi lên, dân từ lâu vẫn sợ làm việc ở nơi xa, cho nên dat ra việc đó để thu hút nhân tâm. Cuối cùng cũng không làm được

Mùa thu, tháng 7, Quy Ly, Hán Thương tuần hành thăm các núi sông ở kinh, lộ, và các cửa biển là muôn biển nơi hiểm nơi đê đáy. Tháng 8, trở về

Hán Thương dat 4 kho quân khí, bắt kể là quân bay dàn, gồm người có nghề khéo đều sung vào làm việc. Hán Thương sai bộ Lê thi cử nhân, 170 người trung tuyển. Cho Hồ Ngan Thành, Lê Cung Thành sung làm lý hành thái học sinh cho ban Cồ Xương Triều 6 người sung làm tư thiên đường học sinh

Nhà Minh sai ban nội quan là Nguyễn Tông Đao sang <41a> (nhom ngũ dat nước ta đây)

Tháng 9, Hán Thương ra lệnh thi lai viên. Hán Thương định quân nam ban, bắc ban, chia làm 12 vế. Quân điện hâu đông tây, chia làm 8 vế, mỗi vế 18 đội, mỗi đội 18 người, đại quân có 30 đội, trung quân có 20 đội; mỗi binh 15 đoàn, mỗi đoàn 10 đội, cảm vế đô 5 đội, đại tướng quân cai quản cả tổng kỵ nam bắc 12 vế binh 4320 người, đóng tây 8 vế binh 2820 người, Số đại quân, trung quân, đoàn, binh chưa rõ. Số quân kiểm lâm trước muôn có được trăm vạn, cùng là khuếch trương số ma mà thôi.

Hán Thương sai Tà tu lang trung là Phạm Cảnh sang nước Minh cầu hòa. Thông phan là Lưu Quang Định làm phò. Nước Minh giữ một mình Cảnh, còn Quang Định cho về

1. Các dia số: Số giờ phò trách việc cát

Quy Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm an phủ sứ lô Thắng Hoa lấy Phong quốc giám quản can Nguyễn Ngan Quang làm tuyên phủ sứ kiêm chế tri sứ trấn Tân Ninh [Quy Ly] làm thơ cho Ngan Quang rằng:

*Biên quân thừa tuyên tư trang chí.
Hung phiền tiết chế hữu huy du.
Thanh tùng bão nỗi tuế han tiết.
Bach phát khoan dư tây cổ ưu.
Huân sức bình nông gai ưu tư.
Giải định trán thù thi ha thu.
Cần lao rái lị vó tri già.

<41b> Từ mục nguyên phi tề miên lưu.

Dịch nghĩa

Trần tri biên cương giúp mệt tay.
Hung phiền tiết chế sẵn mưu hay
Thông xanh người giữ bên khi rét.
Tóc bạc ta không ngại phua tay
Đav bon binh nông giữ nghiệp tôi.
Rút quân dồn thù chàng bao ngày
Chớ lo khó nhọc không ai biết.
Tua mũ đầu che nỗi mát nãy)

Quý Ly cho cả kinh thành ăn uống Quý Ly từ thấy mình 70 tuổi ban cho phu lão các lô từ 70 tuổi trở lên tước nhất tư; các cụ bà cho tiền giấy, kinh thành ban tước và cho ăn uống.

Hán Thương sai Đông lô thái thú là Hoàng Hồi Khanh đốc dân phu xây thành Đà Bang¹ để chống giặc lúc ấy có đèn thờ thần bị pha. Hồi Khanh năm mươi thấy vị thần đến nói, bèn sửa lại. Nhận đó làm thơ rằng:

Mao thiêm mènh đá cung tiều thoan.
Lão dai² thi hồ ạch phèo cát.

Dịch nghĩa

Nhà tranh dành phản nỡi dun nấu.
Cây cối thường luôn bị búa riu.

Người đời biết rằng ông sẽ không chết yên lành.

Hán Thương sai vé Đông Đô đóng cọc chấn cửa sòng Bach Hac để ngăn giặc từ phái Tuyên Quang đến.

¹ Thành Đà Bang thuộc Hà Đông, tỉnh Hà Tây

² Lão dai: DVSHTT chép là "lão nãi" một từ nghe

Hàn Thương ban chiếu cho an phủ sứ các lò vò kinh đô để họp với các quan ở kinh
ban kinh nén hoa hay nén đánh. Có người ban nén đánh, chó đẻ lai mồi lo vè sau. Trần
phu Bắc Giang là Nguyễn Quản cho rằng: hãy hoài di theo ý muốn của họ để hoàn quân
cung tôi. Tả tướng Quốc Trung nói: "Thần không sợ đánh mà chỉ sợ lòng dân theo hay
không theo". Quy Lý liên cho chiếc cờ trâu bàng vàng

<42a> Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Mệnh trời là ở lòng dân. Lời noi của Trung
là nắm được then chốt, không nên vì có la người họ Hồ mà bỏ rơi noi của Trung.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Long người theo hay không là lẽ thường dãy, người
ta đều biết mà cung đều noi được. Lục Áy quân Phương Bắc sáp đến, thê nước nguy
nan như nhiều quả trứng đẻ chong lên nhau. Hồ Trung là người chí thân cứu nước,
không cung các công khanh lo kê sách đánh hay giữ mà còn nói những lời sáo để
khoa với vua cha. Chẳng bao lâu giặc đến, vì coi thương giặc nên chuộc lấy thất bại,
rồi vào chỗ chết. Cái gọi là "người cảm cung có thể noi được" chính là loại ấy đấy!

Hàn Thương cảm nêu rượu (vì cho là tôn guo). Hàn Thương bỏ chức quan thương định.

Bình Tuất, Hàn Thương Khai Đại năm thứ 4 (1406) (Minh Vinh Lạc năm thứ 4),
mùa hè, tháng 4, nhà Minh sai Chính nam tướng quân, Hữu quân đô đốc đóng tri Hán
Quân, Tham tướng đô đốc đóng tri Hoàng Trung, đem quân ở Quảng Tây sang xâm lược.
<42b> nơi là 10 vạn, muốn cờ đầu Nguyễn vương Trần Thiêm Bình về nước: quan ở lại
đầu biển giờ không đi. Tháng 8, quân Hoàng Trung xâm phạm vào cửa ái Lãnh Kinh,
quân Hồ bị thua. Hộ Áy mồ sang, các quân thuỷ bộ đánh nhau. Nhị vệ đại tướng Phạm
Nguyễn Khôi, Chân cương tướng quân Chu Bình Trung, Tam phu quân tướng Trần
Nguyễn Huyền, Tả thân Đức quân Trần Đại Bác đều bị thua chết. Tả tướng Quốc Trung
thầy quân giặc ít coi thường, muôn quyết chiến, bỏ thuyền lên bờ, suýt bị hăm, đưa gắp
xuồng thuyền chạy thoát được. Riêng Tả Thành Đức quân Hồ Văn đem quân từ Vũ Cao
đến yểm hộ đánh bại quân địch, Hoàng Trung liêu không địch nổi, ban đêm cảnh hai bờ
trên và Hữu Thành Đức quân tướng Hồ Xa, Bắc Giang Thành Đức quân tướng Trần
Đinh Dinh từ trước theo lệnh chấn giữ của Chi Lang. Người Minh sai quân y Cao Cảnh
Chiêu đưa thư xin giải đưa Thiêm Bình và cho quân Phương Bắc ra khỏi ái Hồ Sa băng
lòng (dai y thư như sau: Quan tổng binh họ Hoàng sai tiểu nhân tái sang báo cho quan
nhân binh xu tinh này. Trước hết vì Trần Thiêm Bình chạy đến triều đình tàu nó chính
lại con của An Nam quốc vương, vì vậy sai đại binh sang với, không ngờ dân ở nơi <43a>
đây đều không phục, rõ ràng là chuyên không dung, nay quan quân lui về lầu tàng. Gặp
các của ái chở nào cung cảnh giù, đường bị tắc không thông nay đem Thiêm Bình tới
đảng, cho đi thì may làm. Vì thế từ binh tuy nhiều mà vẫn có người Minh chạy trên
Thiêm Bình đã tới, tra hỏi ở tông phai nào, nó không nói, bèn ra lệnh ai biết được sẽ
thưởng tước nhất tu, không ai dam nhận. Thiêm Bình tức Nguyễn Khang, là gia nô của
Trần Nguyễn Huy. Trong năm Quang Thái, ngam theo giặc Chiêm, đến khi giặc yên bị
hết tri tội bèn trốn vào Bắc quốc, nơi đó là con Nghệ Tông, đổi tên là Thiêm Bình, xin
quân để trả thù, cho nên sai binh quan đem quân đưa về. Đến bây giờ xứ Thiêm Bình tới
làng tri, từ binh Phương Bắc thì phản tai Nghệ An cậy ruộng của bọn quan lại Nghệ An,
quan lại làm ruộng thi giù ở kinh sư giao cho nhà quý nhân nuôi.

Nói Cấm y về người Minh là Phạm Chật nói với Hán Thương rằng: Lưu Quang Định vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh lạy Thiêm Bình, lập tức bắt Quang Định chém đi. Hán Thương thường chiến công mỗi người tước tam tư. Hồ Sa vì nghe được kể người Minh hát <43b> đưa Thiêm Bình, đến nỗi bon Hoàng Trung chạy mất mà không được ven toàn, cung với bon dưới chỉ được thưởng nhất tư.

Vẫn vô trong ngoài dâng biểu mừng từ chối không nhận.

Sứ thần Ngô Thì Sĩ bàn: Khổng Tử nói: danh không chính thì nói không xuôi, nói không xuôi thi việc không thành. cuối thời Trần, người hầu trong cung là bọn Tống Dao lây tình hình trong nước đưa cho người Minh. Vua Minh bị mê hoặc. Vốn nuôi chí thôn tính Phương Nam, nhân lây danh nghĩa là đưa Thiêm Bình để thử xem trong nước thực hay giả đấy thôi. Thiêm Bình thất hay giả thi không cần hỏi dèn. Cha con Quý Ly đã tự mình phạm tội giết vua, thê là danh không chính. cho nên về việc Thiêm Bình, trước không dám nói rõ là giả mà sai sứ sang đón. đến khi nhà Minh đem quân nộp Thiêm Bình, Hoàng Trung sang lại chống cự nơi biên giới, có lẽ là việc lộ kẽ cung mà làm cách bức đọc rót ren ấy. Há chàng phải là tu xét minh mà nhưt đó sao? Ôi, mình xin đón mà người ta đưa về. Đó đưa về <44a> lại chống lại, thi người ta gọi quân ấy là danh nghĩa gì? Dùng là bại quân tốn tướng không được thành công. Tuy may bát được Thiêm Bình mà giết đi. Nhưng không biết rằng: Minh đã roi vào thuật của người Minh dấy rốt mới sai sứ cầu hoà mà biện luận việc Thiêm Bình giả, cũng có ích gì đâu! Từ đó về sau người Minh nhân sờ hờ luôn luôn đến quấy rối khiến cho việc can qua làm tan nát đến hơn vai chục năm trời. Tôi của cha con Quý Ly thâu lên đến trời đây.

Trước đây người Minh vào biên giới, sai dân nhổ hết lúa ma Lang Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái đồng ruộng hoang vắng tiêu diêu. Quân Minh về, ai nấy mới đều trở về theo nghề nghiệp. Hán Thương sai Tam Giang an phủ sứ Trần Thiêm Túc sang Minh cầu hoà và giải thích việc Thiêm Bình. Ái Châu thông phán là Mai Tu Phu làm phó, thiêm phán là Trường Tư làm tòng sự. Người Minh <44b> giữ lại (về sau, bát được hai cha con họ Hồ mới thả về).

Hán Thương chiếu cho Thăng Hoa tuyên phủ sứ là Nguyễn Ngan Quang làm đại lý chính, cho Nghia Châu trấn phủ sứ là Lê Quang Tổ làm Thăng Hoa tuyên phủ sứ, Hồ Khanh lo chức hành khiển ta tư thị lang kiêm lãnh Thang Hoa thái thú, Tân Ninh tiết chế chuyên trị một vùng; Đỗ Mân giữ chức thượng thư lệnh, hữu tham tri chính sứ; lạy hành khiển Bình bộ thượng thư kiêm Thiên Ngưu vệ đại tướng quân là Đỗ Nhàn Giam giám sát thay Thiên Cương quân, nội nhân Ngô Miễn hành thượng thư lệnh hữu tham chính sứ kiêm tri thiên xuong phủ chư Lạng.

Tháng 6, định tháp Bao Thiên bị lò. Đông Đô an phủ sứ là Lê Khải không báo, bị phạt nhất tư. Hành khiển môn hạ hữu tư lang trung là Trần Ngan Chiêu bị bãi làm Hồ bộ thượng thư, lạy Thiêm tri nội mật viện kiêm tri thẩm hình viên sự Nguyễn Cảnh làm hành khiển môn hạ hữu tư lang trung.

Hán Thương bổ sung thêm hương quân, lạy những người <45a> có chức tước được quyền chiếu mội những người trốn tránh làm đối quân dung hàn, đặt chức thiêm bách bộ để cai quản

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lô dựng hàng rào ở bờ phía nam

sông lớn từ thành Da Bang đến Lô Giang. Lang Châu đến Tru Giang làm kẽ phòng thủ.

Trước đây Quý Ly năm mươi thán nhân ngâm thơ rằng:

*Nhi nguyệt tai già.
Tư nguyệt loan hoa.
Ngù nguyệt phong ba,
Bat nguyệt sơn ha.
Tháp nguyệt long xa*

Dịch nghĩa

(Tháng 2 ở nhà.
Thang 4 có loan.
Thang 5 sóng gió
Thang 8 non sông
Thang 10 xe rồng)

Đến khi nghe tin người Minh lai cù binh. Quý Ly mới có ý lo sợ.

Sử thán Ngô Thì Sĩ bàn: Sách truyền nói rằng, nhà nước sắp thịnh tắt có điểm lạnh, sắp nhất tắt có yêu nghiệt, lạnh hay không lạnh đều biết trước được. Nghệ Tông mờ thấy "thú gà trống mà đỗ" thì nhà Nhuân Hồ cướp ngôi; Quý Ly mờ thấy thơ "sóng gió nui sông" thì bị làm từ binh ở Kim Lăng, tức là điều không lạnh tắt cung biệt trước. Quý Ly năm mồng chàng bao lâu thi quân Minh xâm lược Phương Nam rồi đến tháng 2 năm sau, Hồ Trung bị thua ở Lô Giang, tháng 4, hai người họ Hồ phải di dương biển về <45b> Thanh Hoá, rồi đến cái thua của Điện Canh, tháng 5 bị bắt ở bãi Chí Chu và nui Cao Vọng. Ba tháng ấy đều ứng nghiệm. Còn đáng lẽ tháng 8, đưa từ binh, tháng 10, bị giết chết hoặc là chử trong sứ bị thiếu đầy. Quý Ly lam trai dao trại nén chàng lạnh, tích điều ác nén gáp tai ương. Con bọ ngựa chưa bị bắt, con bướm bướm đã ở trong giấc mộng, lời đồn hả lại không có thực.

Hán Thương ra lệnh cho dân ở Tam Đái, Bắc Giang phải dời qua sông, xây dựng nhà cửa ở nơi hoang dã, để đưa dân đến ở

Tháng 9, quân Minh sang xâm lược. Trước đây vua Minh đã phong cho Hán Thương. Bé tài cù của nhà Trần là Bùi Bá Kỳ sang nhà Minh cáo nan. Nguyễn Khang lại già xưng là con cháu nhà Trần, xin quân để khôi phục nước. Vua Minh mới hối hận là làm, sai sứ sang hỏi tội cướp ngôi. Hán Thương sai sứ sang ta tội, xin dồn Thiêm Bình về nước. Đến khi bon Hoàng Trung đưa Thiêm Bình <46a> đến thì không nộp được. Vua Minh càng giận. Từ trước được nghe bon Tông Dao nói trong nước giàu có, đã có ý muốn đánh nước Nam nhưng không có cá gáy hán. Bon Hoàng Trung vê ben quyết trí sang đánh. Trước tiên sai Thái tử thái phó Thành quốc công là Chu Năng deo An "Chinh di tướng quân", đem quân di đánh Phương Nam. Năng đến Quảng Tây lai lấy tên Tân Thành hầu là Trương Phu làm chinh di hứu phó tướng quân. Người deo theo An Chinh di phó tướng quân trước Vinh Dương ba là Trần Húc làm tham quân, sáp xâm phạm vào cửa Pha Luỹ⁽¹⁾.

Người no nghỉ người kia đi thay phiên giúp đỡ nhau. Tây Bình hâu là Mộc Thach làm chính di tản phó tướng quân, Phong Thành hâu Lý Bân làm tham tướng xâm phạm cửa ái Phú Lệnh⁽¹⁾ hai đạo quân là 80 vạn xé núi, dẵn cây mờ đường tiến quân.

Tháng 11, gặp nhau ở sông Bạch Hạc, rồi đóng doanh trại bên bờ sông lớn đến tháng Sông Chu Hán Thương ra lệnh cho đôi quân ở sông lớn phải theo sự điều khiển của Tá tướng Quốc Trừng; quân ở Sông Chu phải theo sự điều khiển của Thiêm vận triều chính Hồ Đỗ, bên ngoài thi liên lạc với thuyền chiến của thủy quân. <46b> trên bờ quân voi thành luỹ đối diện với nhau nhưng chưa từng đánh nhau trận nào. Trước kia quân Chu Nâng chưa vào biên giới, dã ra bàng kê tối nhà Hồ, lại nói phao lén là sẽ khôi phục tước vương của nhà Trần. Bon Trương Phụ, Mộc Thành lấy bài gỗ viết thành bảng rồi thả xuôi dòng. Các quân trông thấy cho là đúng, hơn nữa lại chan ghét chê dò hả khắc của nhà Hồ, nên không có lòng chiến đấu. Lúc đó quân Minh đã đến, từ Sông Lô trở về phía bắc lại vườn không nhà trống như xưa.

Tháng 12, quân Minh đánh bắt được thành Da Bang, trước đây Quý Ly, Hán Thương cho là quân Phương Bắc sẽ đến, ra lệnh cho các lò từ Sông Thao trả xuồng đến sông Nhị Hà hai bên bờ trống hàng rào cho kiên cố, xây dap thành Da Bang rất rộng lớn. Khi bon Phu đã đến, đem quân cướp bờ sông Mộc Hoàn ở Việt Trì và nơi đóng cọc của sông Bạch Hạc. Tướng của quân Tá thánh đức là Hồ Sạ không giữ được, chuyển trận địa tới bờ nam sông cái.

Đêm mồng 7, người Minh khiêng thuyền ra bờ bắc sông Thiên Mac. Bi tướng là Trần Dĩnh đánh bại, tướng Minh lấy những người rút lui để thi hành quân lệnh. Mọi người đều liêu chết chống lại <47a>.

Đêm mồng 9, quân Minh đánh úp quân Hồ ở châu Mộc Hoàn, tướng của quân Tá thần đức là Nguyễn Công Khôi đang vui với rượu, gái, không phòng bị, thuyền bị đốt cháy gần hết, toàn quân sụp đổ, tuyệt nhiên không có tiếng giao chiến. Thuỷ quân ở trên và ở dưới không có ai đến cứu, chỉ từ xa hỏi Tá tướng là Quốc Trừng ai có thể giữ thay? Người Minh bèn qua sông làm cầu phao cho quân sang. Sáng sớm ngày ⁽²⁾ 12, Trương Phụ nhà Minh đem Đô đốc là Hoàng Trung, Đô chỉ huy sứ là Thái Phúc đánh phía tây bắc thành. Mộc Thành đem Đô đốc Trần Tuấn đánh phía Đông Nam. Xác chết chất cao ngang với thành mà vẫn tiến đánh không ai dám lên. Đêm, canh tư, Phụ ra lệnh cho quân sĩ vào cắm đuốc thổi còi, vượt hào, bắc thang trèo vào thành. Thái Phúc leo trước, quân sĩ nối nhau như dàn kiển bò lên, tiếng trống tiếng còi huyên náo cả một vùng trời. hàng vạn bồ đuốc, bon Nguyễn Tông Đỗ là tướng quân Thiên Trường phái đào thành cho voi ra. Phụ vê sư tử trùm lên ngựa xông ra, Sáng bắn hoa tiêu, voi phải lui lại <47b>. Giặc Minh liền ủa theo voi vào thành. Quân ở ven sông tan vỡ, rút về giữ Hoàng Giang, Giặc Minh vào Đông Đô, cướp đoạt con gái, của cải, lúa, là, lương thực, chia quân làm việc, chiêu tập dân phiêu bạt làm kẽ ở lâu dài. Con trai ít tuổi phần lớn bị thiến, của cải ở các lò bị thu lại rồi chở về Kim Lăng.

HẾT QUYỀN IX BẢN KÝ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

1. Ái Phú Lệnh: thuộc tỉnh Hà Tuyễn.

2. Nguyễn bản chép ta nguyệt (tháng), chung tôi sửa lại là nhài (ngày) hợp lý hơn.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KÝ

QUYẾN X

<1a>

KÝ HẬU TRẦN

GIẢN ĐỊNH ĐẾ

(Vua tên huý là Ngõi, con thứ của Nghê Tông, tên cũ gọi là Giản Định họ Hồ đổi phong là Nam quân vương, cuối thời Hồ dấy binh khôi phục nhà Trần, ở ngôi 2 năm, bị quân nhà Minh bắt. Vua gấp khi trời bỗng lai không có tài dẹp loạn, bỗng chốc nổi lên, bỗng chốc bị tiêu diệt. Tuy nói là ý trời, nhưng cũng là việc người có nhiều sai trái dại).

Đinh Hợi, Hưng Khanh năm thứ 1 [1407] (tháng 10 trở về trước là Hán Thương Khai Đại năm thứ 5; Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, Tả tướng nhà Hồ là Quốc Trừng tiến quân đến Sông Lô, giặc Minh chiếm cứ hai bờ đánh kẹp lại. Quân của Trừng thua rút về Cửa Muôn⁽¹⁾ Quy Ly, Hán Thương đều về Thanh Hoá. Ở kinh lô phản lớn theo giặc làm phản. Hồ Đỗ, Hồ Xa bỏ Bình Than sang Thái Bình. Đại Toàn đến Cửa Muôn góp sức dập luỹ, đúc súng, đóng tàu chiến để chống nhau với giặc, mà những người hiền của, hàn thân được cho tước, con trai cho lấy con gái họ nhà vua <1b> cấp cho mươi mẫu ruộng. Thị trung của họ Hồ là Trần Nguyên Chi và công chúa Thiên Huy đưa dân lành loan ra Đô Sơn. Trung thư lệnh Trần Thủ Hiền cùng công chúa Thiên Gia đi ngược dòng sông lớn dâu hàng giặc Minh. Thành định tướng quân nhà Hồ là Ngô Thành nhân thuận gió nước triều tiến đánh, xông đến Giao Thuỷ⁽²⁾. Phụ và Thạnh chia quân ra hai bờ chặn lại. Thành thế cõi, hầm trân bị chết, được phong tặng làm kiêu vệ tướng quân.

Người Kiến Hưng là Nguyễn Nhật Kiên, tu tập đồng bọn giết trấn phủ sứ là Phan Hoà Phù, dâu hàng Trương Phu (về sau Kiên kiêu căng không lễ phép bị Phu giết).

Giac Minh và quân nhà Hồ đóng luỹ đối diện nhau, ngày đêm đánh nhau, nắng mưa bênh tất, lạy lối ẩm thấp khó ở ben chuyển về đóng ở cửa Hàm Tú, lập trại canh phòng nghiêm ngặt. Tả tướng Quốc Trừng và Hồ Đỗ cùng chuyển quân về Hoàng Giang lai đơn Quy Ly, Hán Thương từ Thanh Hoá đến. Lúc đó người mang lòng oan hận, các quân

1. Cửa Muôn: thuộc tỉnh Nam Hà, nay đã bị lấp

2. Giao Thuỷ: thuộc tỉnh Nam Hà

nhàn và con trai tranh nhau đến cửa quân xin tư cỗ súc để lập công

Tháng 3, ngày 30, <2a> Tà tướng là Quốc Trừng nhà Hồ, Hồ Đồ, Đồ Mân, tiến quân đến Hàm Tử Quan; Hồ Xa, Trần Đinh lãnh quân ở bờ bắc; Nguyễn Công Chứng lãnh 100 thuyền chiến làm quân tiên phong Trừng, Đồ ở trong doanh trại; bọn Đồ Mân, Hồ Văn lãnh thuỷ quân; quân thuỷ bộ hợp lại được 7 vạn nêu là 21 vạn cung tiến đánh Quân Minh bèn chia làm hai mặt thuỷ bộ xông ra. Bộ binh của quân Hồ ở hai bên bờ đều quay giáo nháy xuống nước chết, riêng thuỷ quân được thoát, thuyền chiến và thuyền chở lương bị chìm gần hết. Lúc ấy Hồ Xa sợ quân Minh có mai phục không chịu tiến. Hồ Đồ sai người đến trách rằng: tướng quân sao không đánh giặc? Xa bèn tiến, bị thua. An phủ sứ Bắc Giang là Nguyễn Hy Chu bị Phu bắt được. Hy Chu mang Phu là giặc tàn ác, Phụ giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 1, nhà Minh ban chiếu tìm lấp con cháu của nhà Trần. Các quan lại bô lão nhiều lần nói là đã bị nhà Lê giết hết, không thể tìm được con cháu nối dõi nhà Trần được. Nước An Nam vốn là Giao Châu <2b> xin trả lại làm quân huyễn như xưa cho dân được đổi mới, rồi đặt Giao Chỉ quân đô chi huy sứ ty, thừa tuyên bô chánh sứ ty, đê hình án sát sứ ty và nha môn các vệ, sở, phủ huyễn. Lấy Đô chi huy là Lữ Nghị năm đô ty. Bắc Kinh Hình bộ Thương thư là Hoàng Phúc nắm giữ ba ty ⁽¹⁾ bô chính và án sát, (hành hoặc hành bộ gì đó cho nên sau chữ hành thiếu một chữ) nhưng cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế trong 3 năm.

Sứ thần Ngô Thị Sí bàn: Minh Thành Tổ đã tư lâu nuôi chí nuốt nước Nam, há lại có lòng giữ nhà Trần? Ban chiếu tìm khắp người nói dõi nhà Trần chỉ là để che tai mắt dân trong nước. Người trong nước cũng biết điều đó chẳng thà một nục tuân theo dòng nước xoáy dây thời, chứ dân tình thi vui thu gì mà muốn dát quân huyễn.

Quý Ly, Hán Thương đem tướng tá quen thuộc đi đường về Thanh Hoá. Giặc Minh xâm phạm vùng Lối Giang, quân nhà Hồ <3a> không đánh mà tan vỡ. Giặc Minh xâm phạm cửa biển Diển Cảnh ⁽²⁾, quân nhà Hồ bỏ thuyền tu tan vỡ. Hai cha con họ Hồ muôn đánh vào Thâm Giang ⁽³⁾ không thành. Ngụy Thức bảo hai cha con họ Hồ hãy từ thiêu, nói: "Nước đã sáp mêt, bắc vương già không chết vào tay người khác". Quý Ly tức giận chém đi.

Sứ thần Ngô Thị Sí nói: Quý Ly lấy trộm ngôi vua để dát mình vào dây rói muôn truyền cho con cháu, nhưng chưa hết đời mình thì người khác đã đánh, mong làm bạch ác ⁽⁴⁾ mà cũng không được; vào sông không được, lai ra biển; vượt biển không xong, lai leo núi, long dong trong giò bụi, lán dân nơi núi gò vẫn muôn kéo dài hơi tàn để trộm sông mệt sớm mệt chiều. Không biết rằng lưới trời rộng lớn, nước non tươi đẹp ha làm nơi vực sâu bụi rậm cho bọn dâu sò trộm cướp chui vào

1. DVSKIT chép là 2 ty

2. Cửa biển Diển Cảnh. Nay thuộc tỉnh Thanh Hoá

3. Thâm Giang. Tên sông Ngàn Sâu thuộc tỉnh Nghệ An

4. Bạch ác. Nhịp bằng có gánh. Đây ý nói một người thường dân nghèo

Nguy Thức xin thiếu minh là trung thanh bày nưu cho hai cha con họ Hồ đây Hai cha con họ Hồ không biết rõ được điều ấy. Nhưng kẻ loạn thân tộc từ xa lại có cái lý được chết trong sách hay sao?

<3b> Tháng 5, quân Minh xâm phạm cửa biển Kỳ La⁽¹⁾ châu Nhật Nam Nguyễn Đại (Đại trước làm quan với nhà Hồ, sau phản nhà Hồ hàng quân Minh, đến khi ấy dâng đường cho quân Minh bắt được Hữu tướng quốc Quý Ly và con của Quý Ly là Phan trung đỗ Nguyễn Cửu. Quân Minh xâm phạm Vinh Ninh (nay là huyện Vinh Phúc). Bon vẹ quan là Vượng Sái Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bài Chi Chi. Về quân Giao Châu là bon Ly Bảo 10 người bắt được Tả tướng là Quốc Trung ở cửa biển Kỳ La. Bon Mac Toai, Nguyễn Như Khanh bắt được Han Thương và Thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng, Hồ Đỗ, Phạm Lục Tai, Nguyễn Ngan Quang, Đoàn Bông đều bị bắt còn bon Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cần, Đỗ Mẫn đều đã hàng từ trước Riêng có Hành khiến hưu tham tri chính sứ Ngô Miễn. Trục trưởng là Kiều Biểu nhảy xuống nước chết. Miễn chết, và là Nguyễn thi ngửa mặt lên trời mà than rằng: "Chồng ta thờ chúa, cả đời ăn lộc, nay chết vì tiết nghĩa như thế là dung chô, còn oan hận gì? Thiếp nếu như muôn sòng nào biết đi đâu? Phu với ơn vua dan chông thì ta không nỡ, <4a> thả theo nhau thôi". Nói xong nàng cũng nhảy xuống nước chết.

Sử thân Ngô Sí Liền baten: Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thi chẳng những chỉ chết vì nghĩa mà lời nói của ba con là lời khuyên nhủ cho đời. Cho nên nêu ra.

Sử thân Ngô Thị Sí baten: Người bê tôi trung thanh, người phu nǚ tiết nghĩa, có thể gọi là "song tuyệt". Lai xuất thân từ nhà Hanh khiến người ta há có thể xem thương ma bàn được sao!

Trước kia hai cha con họ Hồ đến Kỳ La, muốn chạy vào Tân Bình có người phu lao bài yết và nói: nơi ấy tên là Kỳ Lê, là điểm không lành xin chờ ở đó. Quý Ly chém đi. Đến bây giờ quả nhiên bị bắt ở đây (xét hai âm Kỳ La và Kỳ Lê gần nhau. Cụ già không muôn hai cha con họ Hồ ở đó. Cho nên đã phiên âm như vậy. Rồi bị giết hai Khi hai cha con họ Hồ bị bắt thì núi này chưa có tên là Thiên Cầm. Sử cũ chép: trên co Thiên Cầm là lâm Chu Cầm (朱沉) nên viết là Cầm (沉). Lê triều Tu mǎ tham dù triều chính là Lê Khôi thương dến dây chổi, nghe có tiếng tự nhiên trên trời cho nên đặt tên là Thiên Cầm). Khoảng niên hiệu Hồng Đức, Thành Tông di đánh Chiêm Thành di qua đây.

Có bài thơ rằng:

*Pha hiếu thừa phong đáo hải môn.
Ham trao hung hung nô dao bôn.
Trach vien thuỷ thi hoàng hà tú.
Tương nghi giang hồ vông cổ thôn
Phúc địa linh chiêu tham du phôi.*

1. Cửa biển Kỳ La. Tức Cửa Lộ ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

*Không san móng doan Quý Ly hồn
Bát thang không khai trung lưu niêm
Kích tiếp trung thân cổ nhà ngón*

Dịch nghĩa:

(Sám theo chiều gió ra cửa biển.
Triệu dâng cuôn cuôn sóng châm dù dài
Chợ sóng hàng lôm ca nhiêu vỗ kẽ.
Thuyền bé san sát giữa sóng có làng chài
Nơi phúc địa linh thiêng có vơ quan được phổi, thở
Nui vàng dư giặc mông của Quý Ly
Kẽ sao cho xiết long kháng khai nơi sông nước.
Khua mai cheo bày tò nỗi người xưa)

Giác Minh tinh đã lấy được: 48 châu, phủ, 168 huyện; 3 169 500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa; 35 700 con trâu bò 8865 chiếc thuyền.

Trước kia Hoàng Hối Khanh nhán ménh di nhâm chục ở Thăng Hoa. Đến quan lỵ thổ quan dai tri châu Dâng Tất và Phạm Thế Cảng là người tin cậy. Tất và Ta châu phản là Nguyễn Lô vốn ghét nhau vì tranh công. Gặp lúc hai cha con họ Hồ di về phía tây bị giặc Minh đuổi gấp đưa thư cho Hối Khanh lấy một phần ba di dân và quân địa phương cho Lô cai quản làm quận Cần Vương. Iai sác phong thương hâu huyện Cổ Luỷ là Chế Ma Nô Đà Nan làm quận vương xứ Thăng Hoa để vỗ về quân Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu di không cho moi người xem. Đến khi Chiêm Thành đem quân muôn thu lại dắt cũ, sơ dân biên giới chạy tan. bọn Hối Khanh <5a> về Hoá Châu riêng Ma Nô Đà Nan chống cư với Chiêm Thành. Thế có lực kém cuối cùng bị giết chết. Hối Khanh trước đã thù bối với người Nghia Châu. Lô biết Tất và Hối Khanh có mưu đồ khác. Lô không dư thè. Hối Khanh về Hoá Châu. Lô đem di dân di đường bộ đến châm. Tất di đường thuỷ đến trước. Trần phủ sứ lô Thuân Hoá là Nguyễn Phong chống cư không nhân vào. Tất có sức đánh giết Phong vào thành rồi danh nhau với Lô hơn một tháng. Lô không có quân cứu viện, chạy sang Chiêm Thành. Hối Khanh giết chết mẹ và gia thuộc của Lô (<Lô chạy sang Chiêm Thành, Chiêm Thành cho lô làm quan to>). Sau giác Minh đòi Lô đưa về Kim Lang, vờ cho làm Hô Quảng chỉ huy sứ rồi giết đi. Hai cha con họ Hồ đã thất bại. Thế Cảng về Tân Bình đón hàng giặc Minh ở Nghệ An, Trương Phu cấp thiếp tri phủ. Thế Cảng cướp bóc nhân dân rồi về. Chiêm Thành lai chiêm cư Thăng Hoa. Nhàn dày cướp phá Hoá Châu. Tất xin Phu cho quan thuộc để cai quản Chiêm Thành dân quân về. Đến bấy giờ Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Chu Thai. Hối Khanh tự vẫn chết <5b>. Phu đem đầu bêu lên ở chợ Đông Đô.

Sử thần Ngô Thị Si bàn: Hối Khanh do chức hành khiến ra làm tiết chế Thăng Hoa, có quyền chuyển tri một phương. Sư ý nhiệm như vậy chẳng phải là không trọng. Giác Minh xâm lược Phương Nam, các lô chịu nan binh dao, riêng <5> Thuân Quang còn vô sự. Hai cha con họ Hồ khôn dồn ở tây nam, binh tan tattered

hết Hồi Khanh bay bảng ở Châu Ô Châu Lv. hết bê đảng mưu lối riêng không thấy
dạng như kẻ danh giặc, sai toan quân cứu nạn. Đến khi được thư báo nhân dân di
cù làm quân cát xưng phong Ma Nô để có thể quân Chiêm Thành thi lai dâu không
nhu ra Lam hông nay nước lam lô su có nơi biển giặc có luong lâm nhiều làm dày
Còn chém ở Châu Thai cũng chẳng phải là muôn do sao'

Trương Phu Mộc Thành sai Đô đốc thiem sứ Liêu Thang Hoàn bài tướng quân Lô
Lan. Than cơ tướng quân Trương Thang. Đô chỉ huy Du Nhương. chỉ huy Đông tri Lương
Đinh. chỉ huy <6a> Thiêm sứ Than Chi. giải Quý Ly các con là Han Thương. Trung.
Triết. Uông. cháu là Nhué. Lô. Phạm và cháu nhỏ là Ngũ Lang. em là Quý Tỷ. cháu gọi
bằng bác là Nguyễn Cửu. Từ Tuynh. Thủ Hoa. Ba Tuân. Dinh Việp. Dinh Quang. tướng
thân Đông Sơn Hương hâu Hồ Đô. Hành khiển là Nguyễn Ngan Quang. Lê Cảnh Kỳ.
Tướng quân Huyền bá Đoàn Bông. Dinh bá Trần Thanh Mông. Trung lang tướng Phạm
Lực Thành và Án tin chạy trạm dâng về Kim Lang

Ho Hô đến Kim Lang. vua Minh hỏi: 'Trung Quốc như vậy tại sao không sơ phục
ma dam lao xucc chóng lai?' Chỉ trả lời là 'không biết'. Vua Minh nói: 'Vẫn thường bảo
cho các sứ giả sang đây. sao lại không biết?' Người Minh bèn cho Vương Nhữ Tương.
Đông Ngao Hú. Nguyễn Quản. Lê Sư Khai già trao cho chức Thi lang ở Kinh Bắc. Tham
chính ở Sơn Tây. Thiêm Tây. Sơn Đông. sai người đưa đi đến giữa đường giết chết. Xét
thấy hai cha con họ Hồ bị bắt. Trương Phu nhà Minh chép dia du của nước ta là đông
tay 1700 dặm. có 50 phủ. 41 châu. 108 huyện. 312 vạn hộ. vua Minh ngự cửa Phung
Thien nhán Quý Ly và con là Thương cùng bon Hồ Đô đều đưa vào ngục giết chết và tha
cho con cháu. Riêng các con Quý Ly là Trung dâng phép làm súng thần. ban chiếu cho
lâm quan. Su thúc so với Sứ thần nhà Minh là Trần Kiến biến chép. có hơi khác với sử
nuoc ta. Lai Ngoại sử chép: 'Hai cha con họ Hồ đến Kim Lang. vua Minh cho Quý Ly ho
tên là Hồ Nhất Nguyễn. Han Thương là Hồ Hợi. đưa đến trạm Bắc Nga thi giết đi. dập
hai mó ấy. để làm gương cho bon giết vua cuộp ngôi'; lai theo Toan Việt thi chép: 'Quý
Ly ở ngục tu. con là Trung dâng cách làm súng thần được giao chức Lê bộ thượng thư
Trung xin ban ơn tha tội. Quý Ly được tha ra. cuối cùng được hưởng thọ rồi mất. chép
cả vào 46 phong khi tham khảo.'

Mùa thu tháng 7. gió bão. nước lớn. Người Minh chọn tìm những người ẩn dật trong
núi rừng. có tài. có đức. thông minh. chính trực vuơn minh tự trời đất. thông kinh giỏi
văn. học rộng tài cao. thông thạo việc lâm quan. biết viết. biết tinh. nói năng hoạt bát.
hữu đế có sức làm ruộng. tướng mạo khôi ngô. tài lực dung cầm. quen thuộc dương biển.
thơ nung gạch lầm hương. thu thập nhưng người ấy lúc tục đưa về Kim Lang. để trao
cho chức quan về nham chúc ở phủ. châu. huyện. Những người hơi có tiếng lâm dâu
hương ứng riêng có Bui Uông Đầu vĩ mất có tài từ chối. và ba trai học sinh là bọn Quý
Tu Cầu vài người ẩn náu không ra mà thôi. Lúc bấy giờ có câu ngon ngữ rằng: 'Muôn
sóng hay vào ẩn ở núi rừng. muôn chết thi làm quan cho Bắc Triều'

<7a> Sứ thần Ngô Thị Sỉ ban: Sau khi người Minh thôn tính nước ta. khu
khu muôn voi voi nhân tại trong nước. ha phải là thát long mèn hé si. chưởng người
hiển dâu. Chia đất làm quận huyện ma bat lè thuộc vao. có lè hon nam trami nam.

người trong nước thấy mà sợ hãi, tướng không với sé làm thân thuộc, eo ràng anh hung ác nau nau không bao giờ hết, cho nên dung lối nói ngọt, làm mồi, dung túng cao ma trời bước, khuyên cho nghe phong thanh dã hướng ứng lối họ triều Sáp, để họ ra khuyên, cuộc nói thuộc dã thành sẽ không có ai phá hoại được. Như tu biến ham mì thịt, như con sâu lén vào đóng lửa, chí nhom ngó áo xiêm, không dè phong móm móng, cho họ được thu mồi mè lưới, set lá dược thi tim cách mà giết đi, nếu không được thi bộ chảng nhìn đèn. Chết là ma ở đất Bắc, sống là người đất Nam d.
Nguyễn Đại có công bắt giặc Hồ mà bị giết. <8b> Ba Kỳ có chi giúp nhà Trần mà bát vè, thi tâm của người Minh có thể biết được đây. Ứng Đầu tu chén là có bệnh bon Từ Câu phải ăn náp trốn tránh, có lẽ là cảm thấy sự nguy nan của số quốc. Thấy rõ sự quý quyết của hé thu, lưới búa tay cũng không lüyü dở, hình phạt nặng cũng không eo, thái đảng là bắc bào kiết làm thay. Bon thố quan lục khue thời bấy giờ thực không dang ban. Cảnh Tuân phải xáu hổ làm đây!

Trương Phu vì cho rằng Nguyễn Đại có công bắt hai cha con họ Hồ đưa giấy cho làm chúc Giao Chỉ dò chi buý sú. Đại kiêu căng lén mặt, làm nhiều điều trái phép, ~~hỗn~~ mê túc sác lai ngâm có ý làm phản. Phu giết đi.

* Tháng 8, Trương Phu, Mộc Thành lui quân, để lại Dô ty là Lữ Nghị, và Thương thư là Hoàng Phúc coi giữ. Phúc là người Xương Áp, Sơn Đông. Trước đây Hoàng Phúc đốc thổ binh Quảng Tây, chuyển vận lương thực, theo quân tiến đánh, đến bấy giờ lưu lạc Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài tri dân, mọi người <8a> phục tài năng

Sứ thần Phan Phu Tiên bàn: Họ Hồ mài nước, Nguyễn Hỷ Chu chết giặc, Hồ Xa, Đỗ Nhân Giản (Nhân Giản là con Đỗ Mán) chết trán. Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng tuyệt thực, những số người ấy có thể khen là chết vì tiết nghĩa. Nhưng Hỷ Chu thường khuyên họ Hồ giết họ Trần, cha con Nhân Giản là bồ tài cũ của nhà Trần có thể gọi là bon ác giúp nhau nên việc đây. Anh của Xa là Ông Thiên bị giết vì bê đảng. Xa không hề bẩn lòng mà lừa dối địch vì vua cảm tử. Thế là chỉ biết chết vì người cho mình ăn lộc là nghĩa, mà không biết người cho mình ăn lộc là kẻ bê nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo bản thân mình kiềm chặc lộc vì không chịu chết trong lúc 'Quý Ly' cướp ngôi, mà chết giữa lúc 'Quý Ly' bài vong thì chẳng đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là hoan quan, chết là đang làm dây. Ôi! Dương Hùng¹ lao từ trên gác xuống chẳng phải <8b> là không trung nghĩa, mà khó tranh khai cát tội làm bể tài cho Vương Mãng. Cái chết của Thiệu Hối² dù không đủ làm cho đạo của thanh hiền tốt lên nhưng kẻ phản trác hả chẳng phải vì dây mà run sợ đó sao?

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Xua kia, Ha Trung Thu giết Trần Linh Công, Trung Quốc không đánh được. Sở Từ vào nước Trần giết Trung Thu rồi cho xe m thấy ở Cửa Lật, Kinh Xuân Thu khen việc đánh ấy đây. Họ Hồ giết chết Trần Thuần

1. Dương Hùng làm quan cho Vương Mãng. Sau vì có tội, khi sứ giả đến hỏi, ông nhảy từ trên gác xuống trúng chết dưới Vương Mãng tha tội.

2. Thiệu Hối làm quan đại phu nước Tề đã chết theo công tử Cù

Từng rời cung lạy n主公. Hán Trần Hạng, Trần Khat Chan mưu giết không được rồi mình bị giết. Sau khi họ chết khoảng 28 năm cũng không ai làm lại được việc ấy. Họ Hồi tự cho là không ai dám làm gì. Nhưng bỗn loạn thân tộc từ, ai ai cũng có thể giết chung dược và có trời không có ngày nào tha trung phạt chung dược gầm trời này. Người trong nước không giết được, thì người nước lang giang giết đi cung được. Người nước lang giang không giết được, thì người Di Dic giết đi cung được, cho nên người Minh giết đi đây. Còn như người Minh già danh <Bu> nhân nghĩa giết hại nhân dân, thi là bạo giặc tàn ác thời. Cho nên Lê Thái Tổ ta lại được giết bao chung. Vì cái tội ác lớn làm sao có thể tránh được don trung phạt của trời' Dao của trời rõ ràng như vậy, đang so thay'

Mùa đông tháng 10, Giản Định Vương lên ngôi ở Mô Đô ⁽¹⁾ châu Trường An, đại hiệu là Hưng Khênh. Trước đây Trường Phu yết hàng thư bài người tôn thất nhà Trần, và bờ bờ cù quan đầu mực dem về. Giản Định vương phải nau mình di lên đến Mô Đô. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ dem quân chung lập lên, theo hiệu cù xung đó. Tháng 4, giao Minh xâm phạm hành doanh, quân mới lập nên không danh mà tan, bén vào phia tây, dồn Nghệ An làm tru. Người Đại tri châu ở Hoa Châu là Đặng Tài nghe tin giải quan nhà Minh đem quân đón hợp lực, tiến con gái của mình sung vào harem Giản Định để phong Tài làm Quốc công cung lo việc khôi phục.

Người Minh nghĩ thô quan Tham ngự là Bùi Ba Kỳ mang lòng dạ khac bát dun về <Bu> Kim Lang. Ba Kỳ (người Phú Nhai, Hà Hồng) vốn là đảng của Trần Khat Chan xưng là bệ tài trung nghĩa của Nam Triều lưu vong ở nước Minh, từng thấy Trần vương già là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi Kỳ có biết người ấy không?. Ba Kỳ trả lời là không biết. Đến khi đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần dung bao nhiêu người Thiêm Bình nói 'Chỉ cần vài nghìn thôi, rồi đến do người ta sẽ tu phục'. Ba Kỳ nói là không được. Vua Minh tức giận, bỏ Ba Kỳ an tri ở Thiêm Tây, Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình thua, với Ba Kỳ về, ban xác án cẩn nioi về việc lập lại nhà Trần. Ba Kỳ là bệ tài nên giúp đỡ, sai theo và xâm lược Phương Nam nên trao cho chức Ay. Ba Kỳ không du với đồng liêu ở nhà mìn, mà ở nhà trạm phản nhiễu thu nhát những người làm quan cũ mài mòi an chôn ở Lục Ay thổ hào Đông Triều là Phạm Chân, lập Trần Nguyên Hò làm vua ở Bình Thành, để có 'Chiêu An' gọi là quan trung nghĩa. Vì thế người Minh nghĩ Nguyễn Hò bị người Minh bắt. Phạm Chân bỏ trốn.

Tháng 12, vua an Trần Nguyên Tông, Trần Dương Định, cựu Hành khiển là Trần Ngan Chiêu <10a> và Phạm Chân thu quân ở Bình Thành chẳng bao lâu thì tan rã, chạy về hành tại Nghệ An. Giải binh nguy quan là Chu Thuc Dao, Trần Nhật Chiêu dùng thuốc bắc hoa 600 người. Trước người Minh cho tôn thất nhà Trần là Trần Thuc Dao (con Trần Nguyên Danh) giữ Điện Châu, cựu tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ Nghệ An. Đến đây Giản Định Đế lên ngôi, vì cả bọn không chịu ra don trước nên bị giết.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên hàn: Thích họ đại loạn, dồn ở Nghệ An. Điện Châu chưa bao giờ tao thư sự. Thuc Dao là con nhà tôn thất. Nhật Chiêu là cựu tướng

⁽¹⁾ Mô Đô: thuộc tỉnh Nam Hồ

quân nhân túc của quan nhà Minh, giữ đất coi dân thi dân làm gì mà không theo? Giết Thục Dao, Nhật Chiêu thi được nhưng còn quân của chúng phải vô vẹt mà dùng thi không cảm ơn sao? Nhưng lại giết nhiều như vậy sao gọi là đội quân nhân nghĩa được. Lê Tiết, Lê Nguyễn Dinh phục binh ở Hát Giang mưu đánh up Trung Quang Đế, Trung Quang Đế chỉ giết Tiết và Dinh còn lại đều ta tội. Gián Định Đề sau lui như vậy?

<10b> Năm ấy đói và bệnh dịch, dân không cày cấy được, người chết gối lên nhau.

Mùa Ty, [Hưng Khanh] năm thứ 2 [1408] (Minh Vinh Lạc năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, ngày 30 ban người Minh là Trương Phu cung thủ quan là Mạc Thủy⁽¹⁾ xâm phạm Điện Châu. Vua và Dảng Tất vì quân ít không đánh nổi phải chạy vào Hoa Châu ở phía nam/ Giao Minh đuổi theo, xâm phạm cửa biển Bồ Chanh. Phạm Thủ Cang đơn hàng Phu cho làm Tri phủ Tân Bình và cho đặt lưu quan⁽²⁾ chia nhau cai trị, Phu trở về Đông Đô.

Mùa hè, tháng 4, Dảng Tất rước vua trở lại Nghệ An. Nhà Minh ban chiếu dài xã (Đại lộc tờ chiếu nói) nghĩ rằng quân còn lại vì vôn ngu muội, hoặc búc bách vì doi nghèo, hoặc bị cưỡng ép xua đuổi, hoặc bị kẻ gian dụ dỗ, việc bắt đắc dĩ, về tinh đang thương, nếu bắt tội cả, thì trấn thục không nỡ. Khi chiếu thư đến thi đều tha cả, quân dân quan lại như mòn thuộc Giao Chỉ, thế theo lòng chí nhân của Trâm, cốt rông lòng khoan hồng, thương xót dừng làm nghiêm ngặt, không chiếm đoạt hùa bài, tất cả những việc không cắp bách thì hãy ngừng bỏ).

Tháng 6, Dảng Tất đánh phá được Tri phủ nguy là Phạm Thủ Cang ở cửa biển Nhài Lê và bắt chau chư bắc của nó là Phạm Đông Cao đưa về hành tai giết đi. Trước đây Thủ Cang nhận chức của nhà Minh, tu tiên làm cai làm phục, tiêm xung là Duệ Vũ đại vương.

<11a> Đến bây giờ tập hợp quân chiếm cứ núi An Đại⁽³⁾, Tất đánh đep yên

Mùa thu, tháng 9, đông đất, nhà cửa cây cối nhu đố

Mùa đông, tháng 10, Quốc công là Dảng Tất diêu quân cọc lô Thuận Hoa, Tân Bình, Nghệ An, Điện Châu, Thành Hoa tiến đánh Đông Đô. Quân đi qua Trường An, Phúc Thành⁽⁴⁾ (nay là Phúc An), quen thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn tài năng của họ đều bố trí làm các chức quan.

Tháng 12, Dảng Tất đại pha quân Minh ở Bồ Cát⁽⁵⁾. Khi ấy nhà Minh sai Tống binh là Mạc Thành tước Kiêm quốc công mang An chính di tướng quân, lĩnh 5 vạn quân lu từ Vân Nam sang xâm lược dân Bồ Cát, gặp vua Giản Định cùng từ Nghệ An ra, quân ngũ nghiêm chỉnh, gấp dung lục nước triều mạnh, giao to, ben ra lệnh cho quân đông cọc để giữ rồi dập lụy hai bên bờ. Thành cũng chia quân thủy và bộ cùng nhau cầm cự. Vua Giản Định cầm đầu đánh trống, các quân thùa cai tiên đánh, từ giờ Ty đến giờ Thành, quân

1. Nguyên bản chép là Mạc Toại. Chung tôi là PVSKET có lẽ dung hơn

2. Lưu quan: Quan đùi triều định nhằm dùng

3. Núi An Đại: thuộc địa phận huyện Lê Thanh, tỉnh Quang Bình

4. An Phúc: tên xã thuộc huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

5. Bồ Cát: tên đổi là xã Hòn Cát, huyện Y Tý, tỉnh Ninh Bình

Minh phai thuoc chay: Chem duoc Binh bo Thuong thu Luu Tuon, Do ty Lu Nghi, Tham chinh Luu Duc¹⁾ va <11h> quan moi, cu hon 10 van nguo chet, tan gan het, Moc Thanh chay duoc thoat, den thanh Cao Long²⁾. Vua Gi'an Dinh bao cac quan rang "Hay thuoc the che tre, cuon chiue duoi dai nhu net danh khong kip bit tai, tan cong thanh Dong Quan³⁾ tai la danh ten duoc". Tat noi "Hay danh giac con soi loi, khai lo ve mai", do du hoi lau khong quyet dinh, quan giu thanh Dong Quan den cuu vien, den Moc Thanh va Tat chia quan di vay cac thanh, truyen hiep ve cac lo dem quan danh giac.

Su than Phan Phu Tien ban: Dong Tat chi biет hanh quan la vien gap ma khong biет vien cuu Dong Do lai cang gap. Dong Do la hanh the cua nua, chiem cu Dong Do thi cac lo khong dau khong huong ưng, ma hao kiem u trong chau đều đay ca. Bo vien ay khong loi, lai chia quan di cac noi, cho nen hieu lenh khong thang nhat. Cuoi cung den sup do la dang day.

Su than Ngoc Si Lien ban: Duong Thai Tong dung binh phan lon la thua the che tre ma gioi phan thang <12h> la vi co tu chat anh hung ma luong va quan da luyen tap san. Vua tinh vien quyet thang nhung Tat khong theo, co nhiên la dang tiec. Co le Tat cho rang vua khong anh hung nhu Thai Tong ma quan tu xa den, luong thuc co khu khong tiep te duoc, quan cua kinh la chua tap hop. Tha theo phap hon dich gap muc lan thi bao vay, hon dich gap nam lan thi danh⁴⁾, neu khong nhu the, thanh Cao Long cach Bo Co khong qua nua ngay duong, ma con khong thua the che tre tien duoc, huong thanh Dong Quan? Ke cung chua phai la sai lam. Chi tai vua tin loi giam ma voi giiet Tat di thoai Than o! Dong Tat sau khi danh duoc quan giac manh, sua sang moi duoc nua thang, cong chua lam duoc mot nua ma chet khong dung roi, cat hoa sup do ha phai la loi cua Tat diau.

Su than Ngoc Thi Si han: Thanh Bo Co d song Thanh Quyet, tu song Thanh Quyet di thuyen nhe nhien luc thuuy trieu len 3 trong canh thi den Lac Truong, bo binh tien den Dong Do khong qua mot ngay, nhien tron <12h> thang lon ay, si khi hang hai gap tram lan ma do du khong quyet, ai ma khong tiec la mat co hoi. Nhung Tat phai len loi o chau Bo Chanh Truong Phu ep phia sau, The Cang chon phia truoc, phai danh lan The Cang de thu lai Tan Binh, moi dieu duoc quan o Thuon Quang, Huan Ai de tien danh Dong Do, gian nan hang tuan, hang thang moi den Bo Co. May ma be gay duoc nui nhon o Dien Kiem, guong cao duoc thanh the cua Thanh Nghie thi Thang Long co sa gi ma phai dung dong? Co le Tat tinh toan ky roi day Moc Thanh tu phia tay den, cach xa hang nghin dam, doi khiet met moi, chua ro hu thuc, hanh the chua khach khac nhau, tran Bo Co thang duoc la may day. Truong Phu la tay gia nhu con ho nhin vao Dong Do, tuong kho, quan manh

1) Tham chinh Luu Duc: Vien luong nay sach DVSKTT khong chep

2) Thanh Cao Long: Day con goi la Thanh Cach, thuộc xã Bình Cảnh, huyện Y Tý, tỉnh Nam Định

3) Dong Quan: Uu thanh Dong Do nay la thu do Ha Noi

4) Y noi: Cach danh can thien chiec thang

dều tập trung ở đó. Quân ta đơn độc từ xa đến, quân các lò chưa tập hợp được, quân nó hoặc thu bọn tan tác mà tập hợp lại, hoặc dan súc nhanh mà đợi quân nhoc mệt, trót mất sau lưng dều phải đối địch, lương thực quân cứu viện đều hết thì được bao lâu mà không phải xe rác trả về. Cho nên tha nghĩ ngợi điều đó tính kế ven toan <13a> mà không chịu đánh nhanh, nếu không phải là bắc tướng mưu trí thi không làm được đây. Già sú Đặng Tất được làm tron ven mưu đồ của mình, thi dù ý trời muốn làm mất nhà Trần, không thể kéo lại được, thi người Minh cung phải tốn quân chiết tướng, giặc dù hung ac cũng phải de chung, quyết không dam cờ ta như không có người, và vẹt vang ngọc, làm thịt lam cá nhân dân, hơn 20 năm rồi moi biêt hối, vua Giản Định không biết vỗ về một viên tướng thi còn mong liêu quyết thắng được sao!

Quan quân đến phủ Kiến Xương, thố quan là Đông tri Trần Quốc Kiết trốn vào rừng chét đói. Hoàng Phúc nghe tin bèn lập đèn thò

Sứ thần Ngô Sí Liên bàn: Việc Quốc Kiết chết doi cháng phải là ai giữ tiết nghĩa với nhà Minh mà là xáu hổ vì da nhợn chục quan của nhà Minh do thời Như thế dù thấy rằng sự hổ thẹn là dầu mới của diệu nghĩa, chí tiếc là Quốc Kiết không biết nhục ngay từ lúc ban đầu.

<13b> **Sứ thần Ngô Thị Sí bàn:** Quốc Kiết biết học dia ly phong thuỷ, lập sách để lại còn lưu hành trong đời. Những điều nói về hoa phúc thương thương co nghiêm, nhưng không thể giữ cho bản thân được tốt lành, nồng ruột về giàu sang, cuối cùng chết doi với chức nguy quan. Biết co dia ly mà không biết co thiên lý, nhân lý. Do là nhà phương thuật không đang quy là nhu thế, về việc trón trong rừng chét đói, co lẽ là sợ quan quân không dam ra, trong rừng núi không ai dem biếu mâm cơm cho nên đói, ha phải vì xáu hổ mà không an đâu!

Kỳ Sửu, [Hung Khanh] năm thứ 3, từ tháng 3 trở đi là Trung Quang Đế năm thứ 1 [1409] (Minh Vinh Lạc năm thứ 7), mua xuân, tháng 2, giết Quốc công Đặng Tất và Đông tri khu mật Viên sự tham mưu quan sứ Nguyễn Cảnh Chân. Khi ấy, Hung Khanh đế (vua Giản Định) đóng ở Hoàng Giang, nói nhàn là Nguyễn Quý (hoặc Trach) và học trò là Nguyễn Trang bị mật tâu rằng Cảnh Chân và Tất chuyên quyền cho làm quan và tước đoạt, nếu như không sớm tính toán, thi e rằng về sau khó trị. Vua cho gọi Cảnh Chân và Tất đến, rồi sai người chém giết. Cảnh Chân và Tất nhảy lên bờ, lục sì đuổi chém chét.

<14a> **Sứ thần Ngô Sí Liên bàn:** Vua may thoát được sự nguy hiểm, tìm người giúp nan nước, được cha con Đặng Tất là tương tài, cha con Cảnh Chân co mưu lược, dù đã lập được công khôi phục, nên nghiệp trung hưng. Chiến thắng ở Bồ Cát nước lại mạnh. Thế mà nghe lời gièm pha của quan hoan giời buổi som giết hai bê tài giúp đỡ. Như thế là tự cát chán tuy của mình, thi việc làm sao mà nên được. Cho nên đức của người làm vua là phải cương quyết song suýt. Cương quyết thi mới có thể quyết đoán được, song suýt thi mới có thể yet rõ được. Nếu khi

Đây vua triều hai người bê tôi đến, rồi dân hai tên quan hoan ra, kể rõ tội gièm pha
đại thần, rồi chém ngay đi, thi uy lệnh vẫn được thi hành mà bon Tát sức mạnh
càng hăng, sự căm kích càng sáu sắc Già sú có mạnh tám chuyên quyền, hả chàng
so uy ma tu kìm lại, chử lo gì kho kiêm ché. Đã không làm được như vậy thì cứ
chum đậm đến chết mà thôi

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Trời muốn làm cho nước của người ta bị mất, tật
sinh ra người con <14b> không hiểu rõ công việc, lai vun đập quân gian nịnh để
lạm cho mèo loạn tâm thần, để nên người trung lương để bè gãy lồng cánh. Vạn lý
trường thành ⁽¹⁾ đã đổ nát, thi sau do nghiệp nước cũng đổ theo. Cho dù sự đổ nát
đây là vô tâm nhưng khi làm việc như có người xui khiến, nhưng đó là chưa nhiều
diệu bát thiền bi! Trời ghét mà như thế đây. Giản Định, là con thứ của Nghê Tông.
lai sa, trốn tránh được mọi người ủng hộ lập lên, nước mới dựng chưa vững vàng
May mà Dạng Tát là hào kiệt miền Nam Hà, xưởng xuất toàn quân Hoa Châu đến
hỏi Khi ấy quân Minh giải kháp bốn phương đâu đâu cũng có quân của giặc. Không
ai nghĩ đến nha Trần lại có đất dung vồ. Dạng Tát vừa nghe tiếng khói nghĩa, là
người đầu tiên đem toàn quân ở Hoa Châu đến hỏi xây dựng, tiền đánh, hò vè, khi
đó, khi đó, giết kẻ phản bội ở Tân Bình, thu dung hào kiệt ở Trường An, chiến dịch
Bồ Cát đánh một hồi trong mà pha được 10 vạn tên giặc mạnh, để như bê cành khô,
như thế ha chàng phải là bê trung dung một thời đó sao? <15a> Chưa được ghi
công bao nước da nay sinh hiên khích chuyên quyền. Vua tối tăm đến như vậy thi
sự đổ nát diệt vong là tự chuộc lấy dây. Ôi! Đức Thân còn thi Trung Nhi chưa hết
lo. Phạm Lái bơi ra biển thi Cầu Tiên mới được năm yên. Trời chán ghét nhà
Trần hoang dâm cho nên mới muộn tay Giản Định để giết Dạng Tát, mà không
phiền đến Trường Phu, Mộc Thành. Trời đã phê bô thi ai có thể nâng lên được? hả
chàng đang so làm sao!

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị và con của Dạng Tát là Dạng Dũng đều cảm
phản vì cha không có tội mà bị giết đem quân ở Thuận Hoá về phủ Thanh Hoá, đón nhập
nội thi trung là Trần Quý Khoang đến Nghê An, rồi lập làm vua

Tháng 3, Trần Quý Khoang lên ngôi ở Chi La⁽¹⁾ đổi niên hiệu là Trung Quang
dung Nguyễn Suy làm thái phó Nguyễn Cảnh Dị làm thái bảo, Dạng Dũng làm đồng
binh chương sự. Nguyễn Chương làm tu mà Giản Định Đế giữ thành Ngũ Thiên⁽⁴⁾
chống nhau với quân Minh, bọn Suy ngâm lập hợp quân đánh up bắt được vua Giản
Định <15b>

1. Vạn lý trường thành: Ô đây ý chỉ là chỗ dựa vững chắc

2. Đức Thân con thi Trung Nhi chưa hết lín. Đức Thân làm quan đại phu ở nước Sở, luôn hâm huchen, luôn muốn
gọi Trung Nhi vì Trung Nhi được vua Sở trọng dùng

3. Phạm Lái bơi ra biển thi Cầu Tiên được năm yên. Cầu Tiên như được Phạm Lái giúp, lại diệt được nước
Nhưng Cầu Tiên ý sốt Phạm Lái nên Phạm Lái bỏ đi chử du ngoài biển

4. Chi La: Sau là huyện Lai Chi, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

5. Ngũ Thiên: Tức huyện Hùng Nhàn, tỉnh Thái Bình

Mùa hè, tháng 4, Hưng Khanh thái hậu và Hành khiến là Lê Tiết, Lê Nguyên Định ngâm dãy binh ở Hát Giang, mưu đánh úp vua Trung Quang. Người Nghệ An là Nguyễn Trao tiết lộ việc ấy, Trung Quang Đế giết bọn Nguyễn Tiết, Nguyễn Định, còn người khác đều tha. Bọn Súy liên dán vua Hưng Khanh đến sông Tam Chê ở Nghệ An, vua Trung Quang hăng phục, xuống thuyền ra đón. Khi ấy trời đất tối sầm bóng có đám mây màu vàng xuất hiện mọi người đều kinh ngạc ben tốn vua Hưng Khanh làm Thương hoang cung gắng sức danh giặc.

Tháng 5, phi của Trung Quang mất

Tháng 6, Hưng Khanh thái hậu băng

Mùa thu, tháng 7, mưa dầm mây tuôn không tanh

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thanh sai Hoàng La đến, vua Trung Quang sai người tiếp ở Nô Giang, Thanh Hoá. Vua Hưng Khanh và vua Trung Quang đem quân đi đánh giặc. Vua Hưng Khanh tiên quân đến Hà Hồng, vua Trung Quang tiến quân đến Bình Than, đóng đinh ở đây. Giác Minh đóng cửa thành tư giữ. Vua Trung Quang ra lệnh cứ 4, 5 ngày một lần ra thám dò, hào kiệt các lô <16a> đều hưởng ứng. Riêng cái tri phủ Tam Giang là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào của Thao Giang) hào dutherford quân Minh không theo mà thôi. Gặp khi Tổng binh là Trương Phu tước Anh quốc công deo An Chính di tướng quân đến cứu viện. Giác Minh lai mạnh lên. Vua Hưng Khanh ben bô thuyền lên bờ đến Trần Thiên Quan⁽¹⁾ vua Trung Quang nghi vua Hưng Khanh có ý khác, ra lệnh cho Nguyễn Súy đuổi theo không kịp. Trương Phu chia quân theo đến, bắt được vua Hưng Khanh và Thái bảo là Trần Hy Cat, cung là ân quý đưa về Kim Lăng và bị giết hại.

Tháng 8, vua Trung Quang và Trương Phu chống nhau ở Bình Than, sai Bình chương là Đặng Dũng giữ Hàm Tử Quan. Lương thực hai thiếu. Dũng phải chia quân di thu hoạch lúa sớm làm lương ăn. Quân Minh dò biết, cho thuỷ quân xâm phạm cửa Hàm Tử, quân của Dũng tan vỡ. Vua nghe tin mất Hàm Tử Quan, tư liệu không chống được, đem quân về Nghệ An để lại mưu tiền thủ. Phu di đến nơi nào cũng làm nhiều việc giết hại, hoặc chặt xác thành núi, hoặc lôi ruột quân vào cây, hoặc cắt thịt lấy mỡ, hoặc dùng cực hình bào lạc⁽²⁾ làm trò đùa, thảm chí còn mổ người có thai lấy 2 cái đầu để làm hiệu lệnh. Kinh lộ lẩn lượt chịu đau hàng, những dân còn sót lại bị bắt làm nô tỳ và chuyển ban di tan tác bôn phương. Thương thư Hoàng Phúc lai dat quan chia nhầm tư Thanh Hoá trả ra bắc, người thổ nào có thể chiêu an, hoặc có công chem giết cướp bóc thì Trương Phụ đều cho làm quan. Hoàng Phúc xin thảng hai châu Thái Nguyên, Tuyên Quang làm phủ.

Năm Ấy có bệnh dịch và đói to

1. Trần Thiên Quan: Giống vùng đất hai huyện: Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) và Lạc Sơn (tỉnh Hòa Bình).

2. Hình bào lạc: Lede hình thép xưa. Đầu lede thanh đùi dày với đồng bồi mủ rồi đặt lên trên. Khi tên nhún lên rồi rơi xuống lõi.

Đoàn Nhạc Thị Mô làm Nữ tu tu thân Hùng Hưng và sau, chinh tranh gắt
trong chốn bao giờ tham khâm như lục bay qua. Từ khi Hán Quan đưa tên nguy Thodem
Hanh, mực gay ra sau mỗi binh đoàn, đến khi ấy, trung hưng 4 năm. Trong trung
hưng mực gắt cả binh đoàn, ngay từ già trai chí non béo ngon, mày con ngon. Trung
Thu với uy hạm hào, bắt đem quân sang mai nhanh vay nay dời, như gừng thu an
thết ngon, nhân dân là lợn gi mìn gấp sáu lần khôn ấy. Mai hật thát tham bài của
Võ Lực hàn và Nguyễn Tô, « 17 » là tuân tu của Trung Phụ rong lè him Tái Đô,
O Mô Nhị. Tròn mướn như Trần mồi cho nhà là đây lên. Cha nén quân Phượng
Nhà, dồn ở lầu để mà mài oai, điện cung không như tim Nguyễn Phong trung
hung bằng chén, tên lật hàng chén, làt làt cao cao của lật họng lật dồn tu hòn Nguyễn
Tông. Hòn hòn chí hình hình, hép đòn Nguyễn Khang già man. Kết quả là cái hoa
Hà Quy, lài xap ngay. Vua nhà Minh tham lam là nai giao ch, uân da có chí muôn
thần hinh, dưa mầm là Ay mì, dại non lùi ưa ted thành cái nực sau hòn râm cho
Là Thái Tô là rùa dùi mồi phom. Đây cũng là rùa en hòn trên đất kinh tri, kinh loan,
khi thính, khi say, khi nhieu, khi ít, khi hau, khi hoi đây.

Thượng thư nhà Minh là Trần Hlap là hùng quân chí chay ngựa lầu vùi vua Minh
rồng, con mèo Chiêm Thành là Chiêm Ba Dịch là vũng mènh đậm quân di đánh An
Nam, trai han không tên. Đến khi lài Hué Châu xap hòn hòn hót, lài lây vũng lùa vùi
chết giáp chí Quý Khuêng. Quý Khuêng cũng đậm con gai của là Thượng « 17 »» đưa
chiết hòn vòi hòn chí chí Quý Khuêng là Trần Công Định hòn 3 vạn người zâm phom
nhé Thượng Hué. Chiêm dài 11 huyện 4 châu, sun duối xap hòn nhân dân. Tôi chỉ kèm
Quý Khuêng một bài thơ, gìn ra quản di đánh. Vua Minh vì thấy nức ta mồi đẹp yên,
chi hòn du lát tên đất đậm lòn thời.

TRUNG QUANG ĐẾ

Vào năm thứ 14, Khang vua ban cho Mai Võng Cảnh, tên là Ngũ Tông, chức quan Cố vấn Dinh Vàng cho trại cát ngựa 5 năm. Trại kỵ binh gấp của Taksin đã bị phong thành, làm khanh nhà chúa Thượng thư.

Canh Dần, Trung Quang năm thứ 2 [1410] (Minh Vinh Lạc năm thứ 5), mua xuân tháng giêng, Trương Phu ra lệnh cho thuộc hạ đặt thảm đón điện ở nơi gần thành và thu thuế lụn ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để tích trữ nuôi quân.

Mùa hè, tháng 5, vua Trung Quang đem bốn Nguyễn Cảnh Di tiến quân đến bến La Chân, Hà Hồng, đánh tan quân của Đô đốc Giang Hán nhà Minh, thua thắng liên tiếp tại Bình Thành, rồi phà gần bờ thuyền trại của quân Minh.

Khi ấy hào hả hùng hổ ưng mạnh mẽ, Nguyễn Thành Hán là Đồng Mắc, trước kia nhận mệnh lệnh của <Thú> vua Hung Khanh làm quân phu quân, đến khi ấy gọi là Lỗ Lực tướng quân, danh giá hơn giặc không kể xiết. Chỉ huy của giặc Minh là Tà Dịch bị bắt Vương Tuyền (còn cách gọi là Vương Dao) bị bắt cùng phải tự đâm cổ chết. Lại có Nguyễn Ngàn Hà tuy không bằng mặt, nhưng cũng là bậc hồn hán trong các vị hào kiệt. Ngoài Thành Oai tên là Lê Nhị, giết cha con Đô ty Lưu Vương ở cầu Ngọc Tân, đem quân đến chiếm Tư Liêm, quân Minh thiếp sợ. Lê Khang ngay Thành Dam, Đô Cát, Nguyễn Hữu người Trương Yên cũng đem quân chống giặc. Nhưng về chỉ huy không thông nhât, quân không có chỉ huy chung, nên sau đầu bị tan vỡ. Gặp khi Trương Phu đến Diêm Châu, vua Trung Quang lại đem quân về Nghệ An.

Huang Phuc xin cấp ruộng cho thổ quan theo phẩm trật để họ gọi người cây trồng thu tôm thay lác, Lưu quan thì cho lính đến cây để thu thóc rải nhà nước chỉ cho gạo ăn.

Tân Mao, [Trung Quang] năm thứ 3 [1411] (Minh Vinh Lạc năm thứ 9), mua xuân tháng giêng, Trương Phu cấp bằng cho thổ quan các phủ có công di đánh giặc (18b) có thổ quan ở phủ châu cai quản, có người đạt chức thiên trưởng, bách trưởng lè để làm chỉ huy thiên bộ.

Tháng 2, nhà Minh ban chiếu An Xá - dài lục nói: "Giao Chỉ đã thuộc vào quan chúa phuong⁽¹⁾ liken mày nam chưa được nghỉ ngơi, xét nỗi sầu con khốn khổ, đặc biệt, ban ơn khôn hông, thương xót khiến cho triều dân đều thầm nhuần đức trách". Lại du cho mọi quan dân quan viên rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã được vỗ vè, đều là con của Trời. Chung nhât thái theo giặc, Trảm nghe bị gởi thực thương xót trung lòng, bà nò đố cho như thế. Nhưng kẻ làm điều ác chỉ có vài người, nhân dân miền bắc biến hàng nòi, bị nò bức hiếp hoặc giúp lương thực hoặc đem cung di làm giặc ở khắp nơi cũng đau lìn hắt dái dí, bị chúng lừa dối, không phải bản tâm, nếu biết tu hối, thì đều cho đổi mới. Làm điều ác chỉ có vài người, còn trảm họ không có tội. Trong đây nếu có người dung cảm, có kiến thức có thể bắt được vài người dân dâng thi tài cho làm quan to, ban tước trong. Nếu những người ấy biết gởi rửa tâm trí, sửa lỗi làm thi không nhưng

(1) Quan chúa phuong: Ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bàn đồ nhà Minh

dùng xa tội lai cho làm quan vinh hiển"

Thang 3, nhà Minh sai quan đem sắc ban ruộng lương cho thổ quan (Đại lược rằng "Người là người có tài hào kiệt tu chất dôn hậu, sang suốt hiếu trước sự việc, xưa kia đã hết lòng hết sức tận trung với triều đình, nghỉ về công lao của người, đặc biệt ban chức vinh hiển. Nay nghe các người biết sủa sang chức phân của mình, hết sức lập công, danh giết bon giắc làm phản, giữ vững bờ cõi, nghỉ đến lòng trung thành ấy khôn xiết mừng vui. Nay bon giắc còn sót lại chưa đẹp yên hả, các người hãy làm tốt thêm công trạng của mình gắng sức danh đẹp để noi tiếp công lao trước. Đặc biệt sai người uy lao và ban thưởng, người hãy kính cẩn nhân sắc mệnh yêu quý này")

<19a> Mùa thu, tháng 7, nước Sông Day lên to, vỡ đê quai trói nhà cửa dân

Thang 9, vua Trung Quang và bọn Nguyễn Suý chia quân tiến vào cửa biển, bắt được chỉ huy là Nguyễn Chính người Thổ ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về. Sai Hành khiển là Hồ Ngan Thành làm sứ cầu phong, Thẩm bình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu săn vật địa phương và hai tượng người bằng vàng bạc thay minh sang nước Minh

Trước đây, sai Hành khiển là Nguyễn Nhật Tý và Thẩm bình là Lê Ngân cầu phong. Vua Minh giận bỏ tù rồi giết đi. Đến khi Ấy lai sai bon Ngan Thành sang, đến Yên Kinh. Vua Minh sai Hồ Trung già ý ân nghĩa hỏi thăm vua nước ta mạnh yếu, tình hình hư thực Ngan Thành nói hết. Nột Ngôn không chịu nói. Nhà Minh vờ cho vua Trung Quang làm Giao Chỉ bô chánh sứ. Ngan Thành làm Nghê An tri phủ, khi về, Nột Ngôn nói rõ Ngan Thành tiết lộ sự việc trong nước và được trao sắc mệnh của giặc, vua bắt giam rồi giết đi. Gó Quốc tý trưởng công chúa là chỉ vua cho Hồ Bôi ở Hoá Châu, cho làm tư đồ, rồi sai ra Thanh Hoá chống giặc <19b>. Nhà Minh bắt Tham nghị Giải Tân bỏ ngục. Tân là Han lâm học sĩ, nói việc trái ý vua, bị ra làm Tham nghị, khi đến ty lại nói: "Giao Chỉ chia đất quân huyễn không bằng để nguyên như cũ để ho cai quản lẫn nhau. Chia đất quân huyễn nếu có được cũng không bù lại được cái mất, cái lợi không bù được cái hại". Vua Minh xem tờ tâu giận lắm, cho là có ý riêng với nhà Trần, không lợi cho nước, ban chiếu bắt giao xuồng Cầm y vệ bỏ tù rồi ôm chết. (Đến khi Minh Nhân Tông lên ngôi mới được dem về quê chôn cất, cho gia thuộc về làng) (Tân là người Cát An, Giang Tây).

Sử thân Ngô Sĩ Liên bàn: Lai nói của bệ tôi ngay tháng không có lợi cho bản thân nhưng có lợi cho nước. Các vua chưa tam thường không cho là lợi mà muôn giết hại, cũng là do sự tối tăm qua lầm. Minh Thái Tông một khi mạnh tám muôn lập công, ham thích cái lớn, tham dược nước ta. Giải Tân há không biết nói thế thi xuc phạm long túc giận hay sao? Do chính là vì nước mà không nghĩ đến mình đây <20a>. Thái Tông không theo, cung bình độc vỗ cho rằng át chiếm được, lai nói của Tân lúc bấy giờ hình như chưa nghiêm. Đến khi Thái Tổ ta ⁽¹⁾ dẹp loạn trù quân tan bao, lấy được thu boc sáp của Vương Thông nói rằng: "Quán đê dung phải được như số quân lực đầu di đánh phải được 6.7 dai tương quân như Trương Phu nui có thể đánh được, mà già lấy được cũng không giữ được". Bấy giờ lai nói của Tân mới nghiêm. Lai nói của người bệ tôi ngay tháng hà cháng lợi cho nước do

sao? Người làm vua phải suy xét mới được

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Cuối đời Hô nước thuộc về nhà Minh. Nhũng tướng tá của giặc Minh sang nước ta dựng đài vè vòi có Trương Phu, vè ván có Hoàng Phục Phu giết chóc búa báu, lốn hao nhân dân. Phục thi thu thuế nặng nề đưa don phiền nhiễu, chẳng qua là lấy công ngoại biên giới để giữ vững long vua yêu. A đưa điệu vua ham muốn để được dung thân, bon ho không phải không biết là lấy để, giữ kho, dat lam quan huyen thi át không được lâu, nhưng không dam vì nước mà quên thân <20b> như lòng trung trực của Tân dấy thời. Giáo sứ lời của Tân được thi hành, thi sao có chuyện Tuyên Đức mất quân. Vè ván vòi tướng sĩ của nó trước sau hàng mấy nghìn trăm vạn, mà chỉ còn bị bắt được đưa về hơn một vạn người, đến sinh mệnh cho trăm họ của nước Nam ta, đến nay vẫn con tiếng xấu. Ôi! Lời bàn luận hay nhất thời đối với lợi hại, được mất, hình như không quan hệ gì làm. Nhưng nghe hay không nghe, hoa hay phúc nó nằm trong khoảng mây may thi tai rất lớn. Si Liên bảo rằng: lời nói của bê tài ngay tháng, người làm vua cần phải soi xét là đúng đắn

Người Minh bắt Giáo thu Lê Cảnh Tuân đưa đến Kim Lang. Trước đây, Cảnh Tuân là ha trai học sinh ⁽¹⁾ của nhà Hô. Đầu nam Hung Khanh làm Van ngôn thu dâng cho Tham nghị là Bùi Bá Kỳ có ba phương sách thương, trung và ha, đại lược nói: 'Nhà Minh đã có sác ban cho ông đi theo quân danh dẹp, khi bắt được họ Hô chọn con cháu nhà Trần lập làm vua ban tước cho ông ở nước để giúp đỡ <21a>. Nay thiết lập ty bô chính ban cho ông tước cao, mà chỉ cấp cho người quét don miếu họ Trần thôi. Nếu ông lai tâu lên biên rõ lời nói của các quan lai, kỳ lão nói rõ con cháu nhà Trần chưa hết, để xin lai ban chiếu sác phong cho họ Trần, đó là thương sách. Không như vậy thì xin bài chúc và nguyên làm quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ông còn ưng làm quan ta, tham lộc nhiều, đó là ha sách. Nếu theo thương sách thi tôi sẽ là nhán sâm, cam thảo, chí sác, trân bi để sung vào ngàn thuốc của ông và tuỳ ông sử dụng, nếu theo trung sách thi tôi nguyên cầm cái khay, cái chén trong nhà thờ, ra vào trong ấy và cùng tuỳ ông sai khiếu, còn nếu ông theo ha sách thi tôi sẽ là người di cày, di cày nhàn hạ cho hết năm hết tháng mà thôi' Đến khi tịch thu nhà Ba Kỳ, thấy thư ấy của ông, tâu lên. Vua lệnh bắt, hỏi thì gần đây loạn lạc ông đã trốn đi, không biết ông đi đâu. Đến khi ấy mới dat Giao Châu học hiệu tìm được bắt ông đưa về Kim Lang, giam xuống ngục Cẩm Y, ở đó 5 năm cùng với con là Thái Diên <21b> đều ôm chết

Sử thần Ngô Sỉ Liên bàn: Ba phương sách của Cảnh Tuân có chí khí của bắc trương phu; ông nhận chức Giáo thu của nhà Minh là xuất phát từ ý muốn ổn định mà không được đó chàng?

Sử thần Ngô Thị Sỉ bàn: Ba Kỳ di xa nghìn dặm tới nhà Minh bao cao tai nạn, là có lòng trung như Thành Bảo Tư khóc đ桑 nhà Tân⁽²⁾. Ba kế sách của Cảnh

1. Thời Trần, Học sinh chia làm ba bậc: Thủ đồng trại, trung trại và ha trại

2. Thành Bảo Tư là đại phu nước Sở thời Xuân Thu. Khi nước Sở bị quân Ngô đánh, ông van xin triều đình nước Tần khóc 7 ngày, cuối cùng nhà Tần phải cho tướng đi dẹp nạn giúp nước ông.

Tuần khu khu bảo tồn nhà Trần, có chí như ông Dao Uyên Minh để theo Giáp Tỵ
 niên hiệu Nghia Hy. Nhưng một lần không thể thac co la bệnh tật để từ quan làm
 thô ty rồi thay đổi tiết thao, hai lần không thể suốt đời ở án vì chức day học mà làm
 mất khi tiết của bản thân, giữ gìn khí tiết, kho dến thế chang? Xet Bá Ký hình tích
 rõ ràng Nhà Minh đã phong sắc ban cho bê tài giúp đỡ nhà Trần, lại có mệnh lệnh
 tăng quân, một mai thay đổi mưu đồ trao cho chức tham nghị. Nếu như với tư bô
 tước lộc, địa vị, thi chí gây cho no túc giận mà không có lợi gì cho công việc. Cho
 nên tha miến cường <22a> nhận chức để đợi khi cơ thời cơ may ra làm một don
 như Tu Phong cũng chưa thể biết được. Nhà ở ngang nhà trạm, để thu nhận các
 quan cù bị mất chức thì tam sự của ông vẫn chưa thể lương được dây. Người như
 Cảnh Tuân án hình tích trong dam nhà tranh đá an phận tư bô nơi ô trọc, đưa
 mình vào nhà quốc học, không so cai thảm hoa chôn người dao Nho, lời nói việc
 làm trái ngược nhau, tri và nghĩa đều không phải; và nhân phẩm so với Bá Ký thì
 kém dây. Tuy nhiên lời nói trong ba kè sach, đến nay đọc đến như thơ "Thứ ly"
 thương cảm cung điện nhà Án Thơ "Phi phong" thương sót dao đức thời Chu. Tâm
 long thương lo cho thời thế, cái chí nguyên làm cho nước đã diệt được nổi lại, nước
 đã mất được giữ lại. Sư hung tráng làm liết làm lời vẫn kháng khai ta còn cõi thế
 tượng tương được người ấy Bắc quân từ binh luân người ta, cũng nên chọn lây danh
 tiết Lời nói ấy vốn không thể mai một được.

Nham Thin, (Trung Quang) năm thứ 4 [1412] (Minh Vinh Lạc năm thứ 10), mua
 xuân, tháng giêng. Phu dao là Nguyễn Nhuê ở Đại Từ, Thái Nguyên khởi binh <22b>
 thường đi qua lại núi Tam Đảo bị Trương Phu nhà Minh bắt

Thời bấy giờ kinh lô đều phu thuộc nhà Minh, dân phải làm sai dịch nộp lương, theo
 sự sai bảo của quan thu nhâm, thố quân phải đóng thuyền làm đòn dien để giúp việc cho
 Tông Bình Tu Diện Châu trả vào phía nam không được trông cậy

Mua hè, tháng 6, Trương Phu, Mộc Thành nhà Minh đem quân xâm phạm hành tại
 Nghệ An, gấp bon Nguyễn Suy, Nguyễn Cảnh Di, Dặng Dũng ở Mô Đô. Dặng Dũng cùng
 Trương Phu liêu chêt đánh nhau, chưa phân thắng bại. Đường Mô Đô hiểm trở kỵ binh
 không tiến được; bon Phu ngâm tiến vào rừng xanh, nửa đêm ra đánh úp quân ta. Bon
 Suy, Cảnh Di đánh không địch nổi nhảy xuống biển mà chạy, Hồ Bối bỏ thuyền nhảy lên
 bờ. Dung thế có không có tiếp viên ben đi thuyền nhẹ vượt ra biển trốn

Sứ thần Ngô Sĩ Liên bàn: Cái đạo cầm quân giành phần thắng là ở chỗ
 đồng tâm hiệp lực. Giá sứ bon Suy và Dung đồng lòng ra sức đánh thì Dung, Phu
 chưa biết ai là thắng ai. Có lẽ là trời không giúp cho nhà Trần đó thôi.

<23a> Mua thu, tháng 7, nhà Minh sai Tông binh Hàn Quan với chức hữu quân đỗ
 đốc đóng trại mang án chinh nam tướng quân dến trấn giữ

Bon Trương Phu nhà Minh ra lệnh cho Tam Giang, Tuyên Hoá đóng thuyền để cấp
 cho quân

Bon Trương Phu nhà Minh tiến sát hành tại Nghệ An, Thanh Hoá, Diên Châu đều
 bị chiếm

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh ban sắc dụ các quan lại và các người già ở châu phủ ở huyện thuộc ty hổ chánh rằng: "Trẫm vâng mệnh trời, thống tri thiên hạ, chỉ muốn khiên cho dân trong thiên hạ đều được yên. Giao Chỉ ở xa tân bờ biển, là đất cũ của Trung Quốc, nay đã trở lại như cũ. Quân dân theo giáo hoà đến nay đã nhiều năm, đã đạt các chức mục bá, thủ lênh và ty quản về, đã chọn dùng người trung lương hiền tài để vỗ về cai trị. Trẫm ngày đêm suy nghĩ còn lo rất xa dân đông, giáo hoà có chỗ không thâm, không được dối ơn yêu thương nuôi dưỡng của nhà nước. Nay các người đều là bệ tôi trung thành hiền tài, cần thể theo cái ý kinh trời yêu dân của trẫm làm lợi cho dân, trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân, trừ bỏ sự gian tế cho dân, dạy cho dân việc trồng dâu, cày ruộng, khiến cho không trái thời vụ, thi ăn mặc được đầy đủ, dạy dân diệu hiếu dẽ, trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ thì sẽ thành phong tục tốt, khi chết, khi hoạn nạn thì thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, kho khăn cùng cực thì nâng đỡ lẫn nhau, người già thì dạy người trẻ, người trẻ thì nghe người già, ai này đều noi theo tình tốt <23b>, không trái với lễ, chờ làm việc trộm cướp, chờ làm việc lừa dối, chờ múa may chủ nghĩa để làm sai pháp luật, chờ theo lòng riêng làm mất lẽ công bằng. Làm cho dân được an cư lạc nghiệp, vĩnh viễn làm dân vô sự, vui vẻ sự thịnh trị trong thời thái bình. Vậy các ngươi phải giữ cẩn thận chức phân của mình, làm tròn công việc của mình, theo đức v của trẫm, thay trời nuôi dân như con có thể so sánh với các vị quan lương thiện thời xưa, danh tiếng lưu trong sử xanh, hà chẳng tốt đẹp sao?"

Sứ thần Ngô Thị Sỉ bàn: Người Minh đặt nước ta làm quân huyện, từ cho rằng uy lực có thể áp chế được, sẽ không có người domi ngự đông. Nhưng từ tháng 5 năm Dinh Hợi, bắt được họ Hòi tháng 8, Trương Phu, Mộc Thành đến quản ut, tháng 10 vua Giản Định lên ngôi, tiếp đến vua Trung Quang. Đầu tiên các hào kiệt cùng keo nhau hưởng ứng, xé quần áo làm cờ, vác cước làm binh khí. Người già thì cù ngá, người dây thì cù dây, suốt 5, 6 năm chiến tranh không ngưng, mới biết là khó bình định, do đây ban chiếu sắc cầm quyền hoặc ủy du quân dân, hoặc khen thưởng an úi thố quan. Đến bấy giờ lại ban du cho các quan bờ chánh phủ, huyện và bắc kỳ lão quan lại nhân dân những lòng nhân tha lỗi, những chính sách <24a> biểu dương bậc trung lương những điều khoản giao hoà cho dân trở thành tục iết tranh dây sổ sách. Nhưng Trương Phu đến đầu cũng tàn nhẫn như loài hổ nuôi con, lệnh của Hoàng Phúc nhiều như lồng bò. Vua Minh ở nơi thâm cung, ngồi chắp tay xà xôi hàng van dám không biết rằng, những bang nói thuộc, khó sờ với tay iết viên chục như vậy. Họ không thương cảm cho nước của tổ tông mong báo thù cho cha anh con em sao? Tuy bại vong thảm hại mà không hỏi han hai sao? Kinh thư nói "Người đó vở vè ta thi người do la vua của ta, ai ngược đời ta thi người do la thù của ta". Mạnh Tử nói "Lời nói vở diệu nhân, không bằng tiếng targ của diệu nhân vào sâu lòng người vậy". Thế mà lại muốn trách vẫn bon thố quan vở cai thực hiến an dân. Nhưng đây là bon công lai, chi của họ ở giàu sang, dương bị bon Trương Phu, Hoàng Phúc nô dịch. Nếu có người cho là phải nghỉ đến nước của cha mẹ, thi cũng đâu dam eo su trình bày thi thố, mà bo bo trông cho họ thành người quan lại lương thiện được sao!"

«24h» Nông Văn Lich người Lang Sơn tu tập quân chiếm cư nơi ấy, chán lắp dương dí bù của người Minh, giết được vua số Tham chính là Mac Thuý thương dân quân vào tần trong đại do trung lâm độc chết, và sau Văn Lich thông đâm với vợ của kẻ dưới, moi người từ giàn giết chết. Nguyễn Liêu người Lý Nhân chiêu tập người các huyện Lục Ngạn¹⁾. Vua Lê đánh pha người Minh vày nam. Vua Trung Quang ở Nghệ An, đường xa bị ngăn trở không thông quân của Liêu dần dần bị tan vỡ. Tham nghị Nguyễn Huân già két làm thông giao du Liêu dần rồi giết chết.

Quy Tỵ (Trung Quang) năm thứ 5 [1413] (Minh Vinh Lạc năm thứ 11), mùa xuân, tháng giêng, vua Trung Quang dẫn binh Nguyễn Suy, Nguyễn Cảnh Dị lại đem quân vượt qua biển đến Văn Đồn, Hải Đông và các hải biển thăm dò lấy lương thực, đánh vào các đồn của người Minh.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lấy thơ và vợ con của họ đưa về Yên Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho quân nhân đem muối đổi lấy lúa ở Tam Giang, Tuyên Hoa, Quy Hóa để làm lương cho quân. Lại môt khách buôn nộp thóc chờ thuyền về cho xứ Quảng Đông. «25a» Phúc Kiến, Triết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để ban.

Tháng 3, Vua Trung Quang lui về Nghệ An. Quân mười phân chỉ còn bốn phân.

Tổng binh là Trương Quan²⁾ nhà Minh ôm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hè, tháng 4, binh Trương Phụ nhà Minh cướp pha Nghệ An. Vua Trung Quang đến Hoá Châu, sai Đài quan Nguyễn Biểu³⁾ làm sứ cầu phong, đem sản vật địa phương đến Nghệ An. Trương Phụ giữ lại, Biểu mang Phu rằng: "Bên trong thì mưu cướp nước, bên ngoài thì phao lèn là quân nhân nghĩa, đã hứa lập con cháu nhà Trần lại còn dat quân huyện, không nhung cướp lấy của bau, mà còn tàn hại nhân dân. Thật là bon giặc hao ngược đây!" Phu giận quay giết chết.

Tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thành nhà Minh họp bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói: "Hoá Châu núi cao, biển rộng chưa dễ da lấy được". Phụ nói: "Ta sống ở Hoá Châu thì ta còn mặt mũi nào trông thấy chua thương nưa". Thê là đem thuỷ quân đi **<25b>** 21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hoa.

Mùa thu, tháng 9, binh Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Suy ở kênh Thái Giả. Quân Nam bắc chống nhau. Đặng Dung phục binh voi đêm ra đánh úp vào binh của Phụ. Dung nhảy vào thuyền của Phụ, muôn bắt sống Phụ nhưng không nhận được m(&:). Phụ với vang lèn thuyền nhỏ trốn. Quân Minh tan vỡ đến một nửa. Thuyền bে khi giờ bị đốt pha gần hết. Bon Suy không cung góp sức. Phụ thấy quân của Dung ít, lại trả lui đánh, quân của Dung tan vỡ, từ đấy chỉ ăn nắp ở trong hang núi.

1) Liêu: Lạc Ngu. Nay là huyện Lạc Ngan tỉnh Hà Bắc

2) Đông Quan: DÂN KHẨU chép là Hán quan

3) Nguyễn Biểu: Người huyện Lai Sơn tỉnh Nghệ An

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Trần đánh ở Thái Già, Dang Dung, Nguyễn Suy
đem toán quân có đơn sau khi thất bại, để dịch với quân giặc hung hán. Ban đêm
Dung ra đánh úp dinh của giặc, tướng giặc kinh sợ phải chạy, đốt hết thuyền bе
khi giới, nếu không có tài làm tướng thì sao được như thế? Nhưng cuối cung phải
bại vong là do trời dây; tuy bại nhưng vẫn vê vang. Vì sao? Vì bon Dung giữ nghĩa
khi không cung sống với bon giặc, phải giết cho kỳ được bon giặc. Cho nên phải hết
lòng hết sức giúp đỡ vua Trung Quang để muu đỡ khôi phục <26a>. Trong khoảng
5 năm đánh nhau với giặc, dù có khi bát bại, nhưng chí vẫn không nao núng, mà
càng hăng hái đến kiệt sức mà thôi. Lòng trung của người bê tôi vì nước, hàng trăm
đời sau vẫn còn tướng tương được. Trước kia nước Lô đánh nhau với nước Tề ở Càn
Thị, [Lô] bị thua, thành nhân (Khóng Tử) không vì thua mà đầu, đặc biệt chep ra
để tỏ sự vinh quang là khen đánh kè thù dây, chứ không ban đến tháng hay bài
Thể thi trận đánh ở Thái Già quân Minh tan mờ nữa, quân ta kiệt sức rồi mới
thua, vê vang lâm thay!

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc là Hoàng Trung làm quân
đi trước thám dò, ngăn vùng thượng lưu. Nguyễn Suy sai ba thích khách dòi cò theo dòng
nước đến bên thuyền của Phụ. Một người trèo phía mũi thuyền, hai người trèo lên phía
cuối thuyền, Phụ biết tìm bắt được hai người, giết chết một thả ra một và còn cho tiên
bạc. Hôm sau, họp các tướng. Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ bức tức bèn kể
tội phòng bị không cẩn thận để đến nỗi xảy ra việc thích khách rồi chém Hoàng Trung,
các tướng đều sợ tái mặt.

Tháng 11, <26b> Nguyễn Cảnh Di, Dang Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt
được. Cảnh Di chửi thẳng vào mặt Trương Phụ rằng: "Ta muôn giết mày, lai bị mày bắt".
Chửi liên hồi không ngớt, Phụ tức quá giết chết lấy gan ăn.

Sử thần Ngô Thị Sí bàn: Chính khi ở trong trời đất không phân biệt xưa
hay nay, nam hay bắc, ở trên trời là mặt trời ngồi sao, ở dưới đất là sông núi. Cai
linh khí chung đức vào người là bậc thánh hiền, hào kiệt, trung thắn, nghĩa si, liết
nữ tiết phu. Thánh nhân là hơn rồi còn hiền nhân trơ xuồng thi phú, quý, loi, due
không thể làm cho đồng tâm, gió mưa sấm sét không dù làm cho sơ hãi, quý thân
không dám gân, coi sự sống chết là tám thương can qua tiết viết ha có thể huỷ diệt
được sương giá và tiêu huỷ được vàng dà hay sao? Cứ xem lời Nguyễn Biểu, Cảnh
Di mang giặc, chửi giặc lầm liết như sấm sét đánh vào các vật, như sương giá giết
chết cỏ cây. Tướng tương cái khí tiết hùng hục sanh cùng với mặt trời ngồi sao sông
núi quanh quất với nhau, hai ông có lẽ là như chưa tung chét <30a> dây. Giặc
Trương Phụ như thế có thể lấy lẽ mà bảo toàn ông, thi ông cũng không nhận cái
việc để cho mình sống. Thể mà đã giết đi, lai con ăn gan. Than ôi! thật là tên giặc
tàn nhẫn.

Vua Trung Quang chạy sang Lào Qua, phải tướng chỉ huy là Sư Hưu đánh pha 3
cửa ái của vua, bắt được, đưa đến cửa quân, người Thuận Hoa đều hàng, nhà Trần mất

Ông sinh năm là Giáp Thìn (tức là năm Kỷ Dậu) Dung Đỗng
đến quê nhà Tỉnh Phù Thoại làm quan cho Tống Giảm. Sau này người Minh bắt rinh
Trung Quốc vào thành rồi bắt làm nô lệ. Ông Nguyễn Văn Nghĩa tên là Lê Văn
Thành, quê nhà là xã Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Nai. Năm Nhâm Tuất
nhập trại, sau đó bị bắt vào làm nô lệ. Ông Nguyễn Văn Nghĩa tên là Lê Văn
Thành, quê nhà là xã Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Nai. Năm Nhâm Tuất
nhập trại, sau đó bị bắt vào làm nô lệ. Ông Nguyễn Văn Nghĩa tên là Lê Văn
Thành, quê nhà là xã Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Nai.

Hai Giang bay bờ biển giáp đất dồn nhau gần kín như bao ván. Hai Giang bay bờ biển giáp đất dồn nhau gần kín như bao ván. Hai Giang bay bờ biển giáp đất dồn nhau gần kín như bao ván. Hai Giang bay bờ biển giáp đất dồn nhau gần kín như bao ván.

Lenn may be far from most people's view, now more so than ever. (Lenn Lenn) and now, as I am writing this, it is 174 miles via bus, due west of my little town, Tidbin. 7 miles.

nhau, mèo lợn, lợn, lợn lợn (càng nhớ, càng nhớ) và gõ sẽ chống còi mèo lợn và
điếc không đít. Bé bỏ khung hoa rông, thi không thi còn đâu, đừng hay nay! Không
hết lợn, hết mèo, không mèo mèo nữa lợn, mèo mèo có thi không lợn, đây mèo lợn
đây? Còn nhớ bị gõi lợn đòn, rồi, gõi nghe không chán, như đánh nhảy mèo mèo
không, cũng như mèo mèo. Dùng như câu sau: "Quốc quật chết vì xã tắc". Vực thắc là
người như thế. Còn nhớ là từ năm **1786** nhà Cảnh Di chinh gác mìn, chia
chung hòn gai, Nguyễn Phúc Khoái là chúa gác mìn chốt; lối ra đều rúng rợ dang khom.
Hồi Năm Thành công mìn chốt số lợn, như mìn mìn đã bị gõ nát. Phan Líu nói
cho gác hòn gai kinh hồn mìn mìn yêu cầu đất nước, tuy tranh daytime ỏi chết hòn hòn gai,
nhưng năm sau hòn Lô Thủ Tú bị gãy. Ông Mông Kế Kế Kế trung ương mìn đĩa chốt vì
nghe rong khêng và ron gai, mà tưng bừng của nước, không hót hót trong phản quật
cũng chẳng tránh được cái chết mìn đĩa lợn rồng ròn đến nghìn năm. Dùng như
như đây!

Số thời Ngũ Sát bắn: Vua Gia Dinh, vua Trung Quang đều là con cháu của Ngũ Tông, vua Gia Định như nhau, mà mâu thuẫn, thù mệt, thi nhau bêuoso. Cứ như thế là đã nỗi hận oán của ngay cả những đại thần, binh Đặng Tú, Nguyễn Cảnh Chân đều phải đối chọi với lão mày; Long Trìng, Lương Mạnh, chiếm thành ở Bồ Đề đã han gãy thanh kiếm, rồi, nhưng dù sao ngay sau đó, ngày kế tiếp, họ vẫn Mạnh cỏi múa rìu để thi nhau khoe, ta nhắc kỹ họ trong «280» chẳng dung nói nôm. Vua Trung Quang trỗi dậy trong hắc ám, dùng cõi quỷ khinh. Người ta mang tên khen, đó đơn sơ cũng chỉ ra hai huy động của Nguyễn Huệ Phổ, người ra đời là người sớm diệt mìnhsao hổ Nhĩ Kỳ đánh, khi nào giết chí là mìnhsao hổ Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ không có đại dũng và gìn giữ non hàn hùng, làm lão giàn non. Châm thòng ở Bình La, Bình Thuận không đủ tư cách, thật hổ à! Lãnh Thanh, Nguyễn Trương, Vua Trung Quang đánh

Quân sau nghìn lần gác giáp hàn khát khao. Trong số những Người Thanh
Nhà Nguyễn Sắc Đèo không ai là không nhớ về Ông bà của Ông
nhất nhì. Nhìn bùn mìn ở Thành Phố không ai là không nhớ về Ông bà của Ông
nhì. Nhìn pháo đài cũn kinh thành xưa giờ. Nhìn rôn gác đồn cũn kinh Thành Kinh
đó Nhị Phu Lang vui mừng với tên gọi là: Ông bà của Ông. Trái ngược với Lão Ông bà có pháo
đài này là người làm ra đòn! Giai đoạn nầy không sao chán là nó ngắn không
đến nỗi. Vốn chất ti mèo, lòi xác chết ra ngoài. Trong Bình, có con rết là tên của
vua Trần Lúu mồi mồi dace ruồi ngay họ hàng với Mèo Phu, cuối thời Minh Mạng năm
Thánh nòng pháo bay, tung thổi. ~~Điều~~ nay cũng chỉ là việc may rủi non mèo
lông pháo là việc của hắn.

KÝ THUỘC MINH

Giáp Ngọ [1414] [Minh Vinh Lạc năm thứ 12], mùa xuân, tháng giêng, Trương Phu, Mộc Thành nhà Minh chiêu vời vò về dân chung phủ Tân Bình, Thuận Hoa, chia đất quan cai trị cung làm việc với thô quan. Thủ khâm nhan khấu làm sở hò khâu phủ Thanh Hoa, tuy có đất quan nhưng Chiêm Thành vẫn co trường lô chiêm giữ, người Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Lúc bấy giờ, quan chức ở Kinh lô có người trốn giặc theo Trùng Quang để di Hoa Châu, có người mang theo cá nhà sang Lào Qua, sang Chiêm Thành. Còn lại những người ở trong nước đều làm thần thiếp cho giặc Minh.

Mùa hè, tháng 4, vua Trần là Trùng Quang băng ở dưới nước Đồng bình chương sứ Đặng Dung. Thái phu Nguyễn Suy đều chết theo vua. Mới đầu Trùng Quang để bị bắt, từ Lào Qua đưa về Đông Quan, cùng cá Nguyễn Suy, Đặng Dung. Các quan phủ, châu, huyện mang <29b> lè vát cõi thương đèn mừng; bon Phu sai người đưa về Yên Kinh. Trùng Quang để giữa đường nhảy xuống nước chết; Dung nhảy xuống nước chết theo. Suy trong thấy Trùng Quang để đã nhảy xuống nước chết, hàng ngày cùng người coi giữ minh danh cõi, dần dần quên. Suy lấy bàn cõi danh người ấy ngồi xuống nước chết, rồi nhảy theo. Quốc thông thé là thuộc nhà Minh.

Sử thần Ngũ Thi Sì bàn: Tôi đọc Bác sử thường than rằng: *Gia Cát Vũ Hầu*⁽¹⁾ không sinh vào hai thời Han mà lại sinh vào cuối thời Linh Đế, Hiến Đế; Văn Sơn thừa tướng không sinh vào thời Bắc Tống mà lại sinh vào cuối thời Doan Bình. Mạnh Tử nói: 500 năm thi có bậc tu giả nổi lên, thời gian đó tất có bậc nổi tiếng ở đời, bậc nổi tiếng ở đời sinh ra thì làm sao họ lại không gặp thời? Y là tri loạn, còn mai, iết lý số thường có sự cho đời lẫn nhau. Kinh Thi có câu: "Duy Nhạc giang thần, sinh Phù cắp Thần" *Núi Ngũ Nhạc giang sinh bậc thần, sinh ra ông Phù và ông Thần*. Người giỏi ở đời lại lui gáp được lục eo bắc vương già nổi lên là lẽ thường đời, còn sinh ra gáp <30a> hời dương cừu ², vẫn dao đều đế tộc, thi dù tài lực ai nhân cũng không làm gì được, là số biến đổi đầy Trời vốn không bao giờ khiến cho bậc hiền tài phải sinh vào thời loạn. Vì một cây gỗ mà chống đỡ một tòa nhà sập đổ thi dù không làm cho ngay ngắn lại được, nhưng cũng không đến nổi đổ hàn, một cây da mà ngàn dòng nước mạnh, dù không thể keo cho quay lại, nhưng cũng chưa đến nổi tan rã, con cháu nhà Han nhà Tống còn có hai vua nên không được Vũ Hầu và Văn Sơn nổi lên cai tên nước chí còn như sợi chỉ, thi trời cũng bất làm thế nào! Cho nên thời suy loạn thường có bậc hiền tài sinh ra, như vậy

1. Tác Giả: Minh, t匡明, Thục đời Tam Quốc.

2. Hời dương cừu: Thời Lê Thái Tổ từ 450 năm là 1 dương cừu. Giáp năm dương cừu sẽ có nhiều tia lửa

cũng không thể nói là không phải ý trời. Nhà Nhuân Hô cướp nước, ngôi vua đã không thuộc nhà Trần. Sau thời hai vua Hô, nhà Trần lại chưa mất được 7 năm trời đã phải sinh ra cha con Đặng Tất, Đặng Dung, Cảnh Chân, Cảnh Di và Nguyễn Suy làm người phu ta cho Hưng Khánh, Trung Quang. Năm người ấy không sinh ra thì nhà Trần không tam hối phục; năm người ấy không chết thì nhà Trần cũng chưa mất. Ý trời ha phải là ngẫu nhiên đâu! Cứ xem Đặng Tất, Cảnh Chân bị hai vι Hưng Khánh, Đặng Dung, Cảnh Di lại lập một vua, có sức với nhà Trần, lán lội vát vở, sống chết cũng liều, chỉ biết có nước mà chẳng biết có nhà, biết có vua mà không biết có thân, Đặng Dung tu minh nhảy lên thuyền giác muôn bát sóng giác mà không nhận được mặt; Nguyễn Suy sai thích khách giết giác Phu, một người treo lên mũi thuyền, một người treo lên đuôi thuyền, gươm giao chát dát, sức cung lực kuết mà chỉ khi vẫn hàng; đưa vào róng rắn, hé với hổ lang, coi thương như vật trong nắm tay, thê không sống cung bon giác ấy, dũng cảm oanh liệt biết nhường nào! Bậc anh hùng cái thế không dung được công nghiệp phi thương mà đều ôm hận với cái chết, hàng trăm đời sau ai không phục chí các ông là manh, tiết các ông là cao. Vẫn đời đến như thế thi bắc nhân tài không chuyên lấy công nghiệp mà bàn được đấy.

<31a> Mùa thu, tháng 7. Trương Phụ nhà Minh sức cho các phủ chầu huyên ràng. Phàm quân dân bắt được các loại người như đầy tá, dàn bà, con gái trốn tránh ở các xú đều bắt đem về cửa quân. Các quan sở tại sán đón ý của thương ty bát: nhiều dân lưu tán giải đến

Tháng 8. Trương Phụ. Mộc Thạnh. Trần Hợp nhà Minh về Bắc chia quân trấn giữ

Thang 9. Hoàng Phúc nhà Minh yết bảng nói rõ cho các phủ, chầu, huyên, phái lập văn miếu và dàn thờ xã tác, gió mây, sông núi và các thân không ai thờ để theo thời tiết làm lễ tế.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc, phu nữ mặc áo ngắn, dài tay đều giống trang phục Phương Bắc (xét việc cắt tóc về mình nước ta từ thời Trần về trước vốn có tục đó, từ thời Trần về sau, bắc hạ lưu vẫn tôn chuông dò vật khoẻ manh, linh có người thích vào tran và cắt tóc). Nay các dò vật ở Giao Thuỷ đều cắt tóc. Tục cũ vẫn chưa thay đổi là vì khoẻ manh đấy!

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở đất trường học và đưa giấy cho tim những nhà Nho học, thầy thuốc, nhà âm dương và tăng dao, ha lệnh cho phủ, chầu, huyên lấy lέ mà mời là theo lời nói của Hữu tham nghị Bành Dao Tường đấy'

<31b> Nhà Minh khai khẩn ruộng để lấy lương, trồng dâu để lấy tơ, mồi bò mót mảu khai là 3 mảu. Từ đây về sau khuyến khích hô khẩu thêm ruộng mồi bộ 10 mảu. 3 sào gọi là 1 mảu, kỳ thực 10 mảu chỉ là 3 mảu. Mỗi mảu thu 5 tháng lúa, đất bồi mồi hô thu 2 lang tơ, mồi cần tơ đết 1 tấm lúa.

Ài Mùi [1415] (Minh Vinh Lạc năm thứ 13), mùa thu, tháng 8, nhà Minh mở công trường lấy mò vàng, bạc, bát phu dài lấy và bát voi trắng, lán mò tràn chau, thuế khoa rất nặng, dân không biết lấy gì để sống. Ruộng muối ở biển cát dân ban riêng, đều sai

nhi quan con gái. Con lập ra các sứ, các phò ở mỗi trung chúa nhau can quan. Ông phò, chúa huyện đặt tên theo khóm. Ông vua bèn sang đặt chính sứ, phò sứ.

Nhà Minh từ hành phèn lấy mực trước hết ra kẽm cho chánh phò sứ đón đốc người binh mực mỗi tháng được bao nhiêu đưa nộp ty đế cù thu chưa lui. Nói quan mờ người binh bé trên hành giấy kham họp¹ cùm ty bộ chánh. Kham họp lớn thi lấy 10 cùn mực. Kham họp nhỏ <32b> khai lify 1 cùn mực. Người không có giấy kham họp mà ban mực thì xé lì giáng như phép ban mực lòn, lui cầm cù người đi đường chỉ được phép đem 3 tay mực và 1 lò nấm mà thôi.

Thang 9. Hưởng Phúc nhà Minh sai quan pháp áp giải các tang dace, nhà nho, thầy thuốc, nhà binh đương học ở phủ chúa huyện về Yên Kinh, trao cho quan chức rồi đưa về nhà mìn của mình làm việc. Lai ra lệnh cho quan ty sở tại cấp lè phu và người đưa đường. Nếu không có thư bi trống trả. Trên đường đi phải cấp lương ăn và phương tiện.

Mùa đông, tháng 10. Tống binh nhà Minh là Trương Phụ, với chức chính lô phó tướng quan sang trấn giữ.

Nhà Minh mở đường thuy Vinh Yên, Văn Ninh, dài trăm dòn đưa thủy quân tháng 10 Khâm Chân, lui dài trăm ngày tháng đến Hoành Chân.

Sát Thán [14.6] Minh Vinh Lạc năm thứ 14, mua xuân, tháng gieng, người Minh bắt đầu định các thủ quan van vò và kỵ binh vùng Yên Kinh đổi giàn của Tống binh, dùng giấy tháp rong cùm ty để thuế trao quan chức. Tháng cho quan Tham ngự Nguyễn Huân làm <32b> tá bộ chánh sứ, Tri phò Lương Nhữ Hốt. Đô Duy Trung làm tham chánh. Còn những người khác thi thắng làm các chức tri phủ, đồng tri phủ, tri châu, đồng tri châu, tri huyện. Nhờ đó ban xác thư cho họ. Đại hoor xác thư rằng: "Trước đây bình định Giao Chỉ, các người hối tò lòng thành giang làm việc nghĩa, tường về triều đình. Trăm khen long thành của các người trao cho quan chức. Từ khi các người nhận mệnh lệnh đến nay, đã hết lòng hết sức, đem lòng trung tiết kế phản nghịch, giữ yên bờ cõi, cố làm tròn chức phò, dù nhiều lần thất thương để biểu dương công trạng của các người. Nay các người đều cùn khuyên triều cống, triều yêu quý long thành này, đang được khen thưởng. Nay đặc biệt thăng one người làm quan chức. Các người còn gắng lòng trung thành, giữ gìn tề ngưu bờ biển, vỗ về khuyến khích cho dân yêu tinh-đô làm an, cung hưởng phúc thai linh, ta trai cũng giúp đỡ. Lại hưởng nhiều tước lộc,また đến đời con cháu, mà tiếng thơm của các người cũng mãi mãi còn trong sử sách".

Thang 2. Trương Phụ nhà Minh đưa công văn dạy kinh số thô quân, lấy một phần in nó trong dân, chia lè thuộc vào các vò sô. Mỗi hộ định mức 3 dinh. Từ Thành Hoa trở về sau, dân định thừa thớt, nên mỗi hộ định mức 2 dinh. Không phải vò sô là nơi quan trọng, thì cũng lập dân hộ lấy kinh dân binh của giặc.

Thang 9. quan ở huyện Tân Yên nói lên Trương Phụ dẹp yên được

¹ Cảnh Hán hay Cảnh chứng nhận: là đồng dân được cải lùn 2 mồi, người được phép cầm mồi nái, quan nhà giữ mồi nái.

² Hành Chân: Thành phố Nha Trang, tỉnh Quang Tín, Trung Quốc.

Nhà Minh chiếu du các quan cũ của triều trước, già cách bổ đi các nhà môn quan <33a> làm việc, rồi đưa về Yên Kinh giữ lại. Ban đầu chưa có không phải là quan cũ chưa được thực giao quan chức cung hàng hai ra, trong nước trở nên trống rỗng. O sai nam thay gian khó thịnh thường ho lai tròn vè.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thủ lôi đi, ai đây 9 năm thi gửi lui nhà môn ở Kinh làm việc, ai chưa dù thi cho về.

Dinh Đầu [1417] (Minh Vinh Lạc năm thứ 15) Nối quan nhà Minh là Mã Kỳ sau rằng: "Tổng binh là Trương Phu ở Giao Chỉ chọn những người thể khoe mạnh iam Vị tử thư" vua Minh nghĩ ben gọi Phu về, cho Phong Thành hàn là Lý Bản với chức Tổng binh chính di đại tướng quân sang giữ thay

Nhà Minh sai giám sát ngũ sú chia nhau giữ việc với tuần sát bài đầu từ đây

Binh bộ thương thư nhà Minh là Trần Hợp lại giúp việc tổng binh qua thành

Nhà Minh định là hàng năm tiến công các sinh viên, nho học xung vào Quốc Tử Giام Phù học mỗi năm 2 người, châu học mỗi năm 3 người, huyện học mỗi năm 1 người. Sau khi quy định phù học <33b> mỗi năm 1 người, châu học 3 năm 2 người, huyện học 2 năm 1 người

Bố lai kham họp lệnh cho hai ty bộ chánh và an sát cùng các quan huyện, chín, phủ ở Giao Chỉ ben đều mồng 1 tháng giêng sang năm đền kinh châu hàn không kể là chánh hay ta. Những ai làm việc nhiệm năm thi đem cả quan lai the hinh cung di. Lai kham các hang hó khẩu ruộng đất, lương thực, trong 3 năm từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến tháng 6 năm Ất, lập sổ tu tri¹ tiến trình để khảo cứu

Hoàng Phúc sai cho hào phủ thố quan là bon Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hợp, Đô Hy Vọng, Lương Sĩ Vinh, Dương Cư Giac đều đem người nhà tới Yên Kinh phục dịch dung cung đình. Vua Minh nói là người phương xa đến giàn khổ, ua dài cho về.

Máu Tuất [1418] (Minh Vinh Lạc năm thứ 16), mùa xuân, tháng Giêng, Lê Lợi người Thanh Hoa dấy binh ở Lam Sơn² xung là Bình Định Vương Võng bài đền làm chức phu dao, tên quan thố từ đời đời là bắc hào trưởng ở Lam Sơn, trước đây theo vua Trung Quang <34a> được giao chức Kim ngô vệ tướng quân, khi vua Trung Quang thua, vương lui về Lam Sơn. Hoàng Phúc với vương đền trao cho chức thố quan tuần kiêm, vương thấy quân Minh hà khắc, bao người. Vương ben này chỉ dẹp loạn, tống bao moi người rang: "Bắc trưởng phu sinh ra ở đời, phải cứu nan km lập công to, để lại tiếng thơm muôn thuở, chí đâu bài ca ben nhất cho người ta sái khrien". Ben xuong xuất các bắc hào kiết, giương cờ nghĩa ở Lam Sơn, tự lập làm vua. Cho chau chub của vua là Thach³ tướng quốc chia đất các tên quan văn võ, truyền hịch di khắp nơi xa gần hòn đảo gác Minh. Nhà Minh sai bon nồi thán là Mã Kỳ đem quân vây Lam Sơn, van hoi quân đóng ở Lạc Thuỷ⁴ cho quân mai phục để đợi Ký đến vua tung quân rồng ra đánh. Lê Thach

¹ Võ Giả: Người làm việc nhà quan nhà

² Núi ta mì: Số già và bò khỉ, ruộng đik, lưỡng thuộc của phản biến Lê Lợi, tên là mì

³ Lam Sơn: Tên hòn: Núi khỉ, tên là Chợ Ngang, tỉnh Thanh Hóa

⁴ Lạc Thuỷ: Núi là Cửu Thủ, tỉnh Thanh Hóa

và các tướng là họa Danh BÀ, Lê Ngân, Lê Lý tranh nhau tiến lên trước hầm trấn, quân Minh thì được quân kỵ không thể kế nổi. Thế nhưng vua có tên tướng phản bội đổi nước Minh đánh tan pháo sau, quân của vua bị tan rã, về giữ Lam Sơn.

Tống binh là Lý Bân là dân quân đeo tim quan mai phục của vua ở Mạng Vạn, quân của vua đang tên thuộc đặc binh ra chung chết và bị thương quá nửa. Bán thua phải rời về theo vua cũ, vua Lê khởi binh năm Mậu Tuất, không chep việc xưng vương đặt quan, đã ní chep. Khi Lê Thái Tổ khởi binh xung là Bình Định Vương, sách *Thư tuc chua* có lục cảng chep như thế. Nay chọn dung cho dù sẽ thục của sú biến nứa. Nhà Minh làm cuộc trong tên hò tiêu rất lớn. Trước đây nhà Minh ra lệnh cho phủ, châu, huyện phai trồng hồ tiêu, đều bấy giờ cót nỗi quan là Lý Lương thu nộp cho quan, đặc thuc nút kim ngà, mỗi cây trại giá 5 quan tiền, dân cheng rất khổ. Nhà Minh sai Hành nhân Hồ Thành Tiễn và Hồ Thủ sang tìm lỵ các sách kỵ chi của nước ta còn sót. Nhà Minh thuật lỵ trưởng và hai châm, tên hương liệu, bắt các loài vật như chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, con 9 đầu, chim dáo quái¹, vượn trắng mía, trán để dâng. Nỗi quan Sơn Tây bắt dân bắt voi trắng ở Tam Trí Tinh An². Bầu được đóng yên bằng bạc đưa về Võ Khoa³, là quan nỗi ngoài đồng biển vượng.

Kí Hán (1419) Minh Vinh Lạc năm thứ 17, mua xuân, tháng 2, nhà Minh sai Giảm
anh là Dương Nghĩa ban cho các sách <35n> từ thời ngũ kinh, sách lý đại toàn, vi thiên
đàn chí, lưu thần và thực cho các nhà Nho học ở các phủ chư huyện. Lại lập tang
học, truyền kinh Phết ở ty tang đao

Năm Mậu tuân cấp hộ thiếp¹. Lý Bàn tâu xin bộ Hộ lập sổ ràng quy định việc thuế
thuế và mua dịch. Ban hành lý trưởng gấp thái ô chầu, huyện quanh năm lo việc hành
phép. Đầu tháng Mùi 110 hộ hàn một hộ, mỗi năm đặt 1 người lý trưởng, 10 người gấp
trưởng để làm việc, hết hạn lui về tư dân. Người hàn lý trưởng gấp trưởng thường bị
còn vặt không bù xát.

Mùa hè tháng 4, Bình Định Vương đánh đồn Nga Lạc^[4], bắt được chỉ huy là Nguyễn Văn Chánh chết.

Mùa thu, tháng 7, Tri phủ Nghệ An của nhà Minh là Phan Lát làm phản. Lát bị bắt và quay lật, hổng lồ vang tace. Khi đòn quát bắt giết lưu quan, nhà Minh đặt lưu quan ở lối vào khe Lèo, sau tuyển bổ nhặt, thó quan đang thó hào làm, thó lội cảng dùng gậy thó đòn đánh vỡ thành Nghệ An. Thành sập bờ biển, Lý Bàn chờ đòn đánh

1. Chia nhỏ quân Lào sau chiến lược đánh chia cắt, là chiến lược vây cánh, trốn thoát, mồi.

2. Tỉnh An Giang, một thành phố tỉnh Quảng Ninh.

Is It Possible to Win Your Next

In this study, the role of the human body in the transmission of hepatitis B virus was studied using the method of the indirect fluorescent antibody test.

© The McGraw-Hill Companies, Inc. All Rights Reserved.

© French Digital Texts. French Digital Texts are available online. See details at [FrenchDigitalTexts.com](http://www.frenchdigitaltexts.com).

dến Laiu chạy sang Ai Lao. Bản dưới đến Ngọc Ma¹ không kịp rút quay về. Đồng tin chau chau Tam Dao la Phan Phi. Đồng tin chau phu Trat. Ma la Phan Kiet là môt hòn của Laiu nghe tin Laiu chạy trốn. đem già thuộc chạy theo, chui ra kẽm bờ cõi đều có thật có chết.

Mùa đông tháng 11, quân cắc xứ Ha Hong², Tân Minh³, Khoai Châu, Hoàng Giang nổi dậy. Khi đó giú thành Đồng Quan chỉ còn những người già yếu. Các thủ hòn ở Ha Hong là Trịnh Công Chứng, Lê Hạnh, người ở Tân Mua là Phạm Thủ, người ở Khoai Châu là Nguyễn Tri⁴, người Hoàng Giang là Nguyễn Da Cầu. Trat Nhué đều dày binh ngược dòng Lô Giang, đánh phá cửa pháo, bị Lý Bân đánh bại, nhưng khập nát nồi lò như ống, chau huyện rìu bời, chỉ còn các xã Tam Giang, Tuyết Quang, Hưng Hoa hời yên mà thôi.

Canh Ty [1420] : Minh Vinh Lạc năm thứ 18, mua hè, tháng 4, chỉ huy nhà Minh là Lô Văn Luật⁵ làm phản, khởi binh ở Thach Thất. Trước kia Lý Bân đã đánh Phan Laiu, sai Luật làm quân tiên phong. Khi đó kia, là lưu la đế ban bạc, Luật từ ago trên về Thach Thất khởi binh làm phản. Lý Bân về Đồng Quan đánh tan daze. Luật chạy sang Ai Lao, nhân dân trốn tránh vào các hang núi Phan Tich, Yên Sơn, Giai Minh và xã <36a> người trong đồng bị ban chết, người ra hang cũng bị giết hết, và con ta hờ hững nó ty.

Tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá la Trát Tri sang trấn phủ, cho Hưng Tông Lô làm hiệu tham nghị. Tông Lô là đưa báu tiên đã từng gửi chúc Tham nghị Giang Tát nhận do đổi chức ấy.

Thổ hào ở Dô Sơn Phung Họa la Trần Thủ Xung, Phạm Ngọc khởi binh la Lý Bân đánh bại.

Lê Ngà người Thủy Dương⁶ làm loạn. Ngà già xưng là cháu 5 đời của Đạt Tông từ Lão Qua về Phu dạo Dau Ba⁷ là Bố Thuần già con gáu cho rồi lập lên, trong khoảng một tháng mà được vài vạn người, tiềm xưng là Thiên Thượng hoàng đế, đặt miếu hiệu là Vĩnh Thiên, đặt quan chức đúc tiền, đúc pha Xương Giang⁸ cướp bóc tại Bình Thành⁹ để dâng của Trịnh Công Chứng. Phạm Ngọc đều theo, thế là Lê Ngà đổi họ tên là Dung Cung, có người biết Ngà là gáu số của Trần Thủ Lai, tên thật là Trần Thủ Lai, đến trông thấy thi dung như vậy, bèn truyền hịch đến huyện chung quanh tự xưng là Hưng Văn quốc thương hầu đem quân đánh Ngà <36b> bị Ngà giết chết.

1. Chân Ngọc Ma. Sau thuộc nhà Nghệ Tĩnh.

2. Ha Hong. Xứ la Hong chiếm đất Phan và Laiu Giang.

3. Tân Minh. Nay thuộc ngày nay là Hòa Phong.

4. Nguyễn Tri. VNAC T. là Nguyễn Tri.

5. Lô Văn Luật. Thanh Phan Sơn làng Rập Phan, nay là xã Lô.

6. Trần Đặng. Tên khuyển, sau thuộc huyện Phan Ngop, nay là xã Phong.

7. Dau Ba. Thực ra Cao Bằng ngày nay.

8. Phung Xương Giang. Ông người Minh dẹp thành, do phản nghịch là tên ông ta.

9. Trần Thủ Lai. Thực ra là pháo tên là Bắc ngày nay.

Lý Bán đem đại quân theo đường biển. Nga và Phan đều trốn, quân của họ tan rã.

Nguyễn Trãi nghe Kinh Xưng khởi binh đánh Hoàng Công Đạt Tả Thành thành nhà Minh là Hòn Đầu giết nó.

Mùa đông tháng 10 Đông triều Quy chế nhà Minh là Cảnh Lao đón họa Lý Bán. Phương Chinh đưa 10 vạn quân đánh Bến Định Vương ở Mường Thủ. Vua đánh bại chúng. Trước đó vua chiếm cát Lai Sơn, người Minh do là mồi. Vua tự biết thân có thể có, chúa tài dũng mồi bắn với các tướng ta rằng: 'Ai có thể đem thân thay ta để giặc Minh bắn, không cho ta được ái tinh tam ngi: quân sẽ theo thấp quân sĩ lo cù binh đợi mồi' Lê Lai tên đậm nhất, mồi bắn với trời khát rằng: 'Lê Lai đem thân thay chủ, sau này nêu không ghi đến công thi xin nguyên do là có hồn thành rung xanh, ăn bao hoa thành đồng, hồn thân hoa thành đào, nết'. Lê Lai đem quân đến thành Tây Đô khiêu chiến, từ trong là Bến Định Vương Giác Minh đốc quân ra bao vây bài về <37a> và các binh Từ đây các binh thuộc thành Đông Quan đều truyền tin là Bình Định Vương đã chết. Nhờ đó Vua Sát nghĩ rằng vì năm giặc Minh không để ý nết. Đến bấy giờ vua lại chuyển đóng ở Mường Thủ. Bon Bàn. Chính đến tháng bao vây chặt. Vua cho quân mai phục đánh ở Thủ Lang¹¹. 2 người chí chay thoát được thân. Vua tiến đóng ở sách Ba Lãm thuộc Lai Giang¹². Bon tướng nhà Minh là Tả Phương và Hoàng Thành bỏ đơn Nga Lạc và đóng ở trại Quan Du để giữ thành Tây Đô, có thể không dám ra. Vương chia sai binh Lê Lai, Lê Hồn tiến đánh phá tan do đây các huyện bên cạnh cùng hướng ứng, thế quân rất mạnh.

Nhà Minh xả tội bắt vật và thi chém cho quân dân quan lại ở các châu, huyện cho nộp lương để tách trữ lương thực ở biên giới.

Nhà Minh mưu quan lại về châm. Hoàng Phúc tàn xin định lại vì địa phương chưa

Tân Sửu (1421) Minh Vinh Lạc năm thứ 19, mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phùng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện <37b> để các quan vào chầu, ban chiếu cho các quan phủ, châu, huyện đến mừng. Sau vì điện bị cháy nên thôi.

Nhà Minh bắt đầu lấy người già hoan sung làm việc ở nồi phu 'chế độ nhà Trần nói thư họa thuộc khu đất viễn, chúa yếu nắm việc văn thư, bút thiếp. Đến bấy giờ bắt đầu lấy để mang vào các thuộc viễn.'

Mùa hè tháng 6, ở Tam Giang lụt lớn

Tổng binh nhà Minh là Lý Bán, nội quan là Lý Lương bá sinh viên huyện Giáp Sơn là Phạm Luân đưa về Yên Kinh tổng vào ngực. Trước đây Lê Ngà chạy trốn, vua Minh ban chiếu trách quan địa phương để mất giặc Bon Bàn bắt Phạm Luân, cho rằng Phạm

1. Tân Lang: Mùa hè điểm giờ của cự nghĩa quân Lai Sơn

2. Lai Giang: thuộc địa phận huyện Vinh Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

Đó là mùng 10 Ngu di để lập thành mìn. Tự trước huyện Giáp Sơn¹³ là Đại Khuôn là tên cũ là trung gian Nga Sát không tên. Khuôn là trung lỵ nhiều vùng, bao gồm các xã: Lai Lai, Lai Lai, Bán Mai, Ngũ Phù, Dương Sơn và Hùng Phúc huyện Khoa Sát тоa. Khoa Sát không tên. Bán Mai bao gồm Phạm Luân và Khuôn đều là Vua Minh gửi cho quan sang ty nết bắn. Lai Lai phải khấn tội của Khuôn già chết, mà còn Khuôn đánh trọng đồng van¹⁴ dược thua. Cứu công Lai Lai chết ở trong nước.

Tháng 11 Tham tướng nhà Minh Trí Tri đem quân đánh Bình Định Vương ở Lai Kinh Lồng <38a>. Bấy giờ vua đóng ở Ba Lãm. Trí Tri đánh 10 vạn quân về bình ở Giac Chau bao bọc với quân, với ở Ai Lao để đón đánh. Vua không hề biết, cho là quân của Trí từ xa đến phải đánh gấp, báo các tướng rằng: 'Chung đồng ta là, chúng mệt ta nhảy, hoặc pháp báo thắng bại là tai tướng chí không phải tại quân chiêm hay ta. Nay quân của chúng tuy nhiều, nhưng ta lấy thân nhả mà đổi địch với quân mệt nhèo ta thì đánh tan được'. Rồi chia quân ban đêm đánh up vào doanh trại của Trí. Trí kinh hãi của Vua ta, lui mà đương nài tiến đánh vua cho quân mau phục đánh kín lại quân của Trí lui một chút. Từ trường Ai Lao là Mã Sát đem quân đánh up vua. Vua phải tu ra đặc chiến. Ai Lao thua chạy, chém chết và bắt được rất nhiều. Vua sai Lê Thanh đuổi đánh, trung tan thuộc đặc chết tại trận.

Trước kia vua thường kết nghĩa giao hảo với Ai Lao, cùi viên hàn nhau. Đến khi Lê Văn Luật làm phản, giặc Minh trốn vào Ai Lao, so bì vua thỏa tình giao mến hiềm khích từ đây Ai Lao cắt đứt sự giao hảo với vua.

Vương Chinh và Hoàng Phúc nhà Minh dù thô quan van vố về Yên Kinh để an ninh Bấy giờ tho quan thương cầu xin thăng bổ Bon Phương Chinh vì thấy trong nước giặc đã nổi lên hàng bầy, sợ chung thông đồng làm loạn, theo có là đợi khi mìn han công, sau tới cửa khuyết để chọn bổ. Rồi tan xin vua nhà Minh giữ lại.

Nhâm Dần (1422) Minh Vinh Lạc năm thứ 20, mùa xuân, tháng giêng, ngày 1, có nhật thực.

Tháng 2. Tổng binh nhà Minh là Phùng Thành hầu Lý Bán chết.

Mùa đông tháng 12. Tham tướng nhà Minh là Phùng Quý. Mã Kỵ. Trần Tri từ Ai Lao đánh Bình Định Vương ở Da Quan¹⁵, bấy giờ quân của vua đánh nhau luôn nhau người chết và bị thương lui về sách khôi, không đánh nhau với giặc Minh. Nhà Minh đưa đại quân bao vây. Vua khóc bão tướng rằng: 'Nay bón mặt đều có quân địch binh pháp gọi đó là chổ chết, đánh mau thì sống không đánh mau thì chết'. Tướng sĩ đều cảm kích liều chết đánh, bắt được Phùng Quý chém chết. Kỵ. Tri chí chay thoát được thân, từ Ai Lao trốn về. Vua về chiếm cứ núi Chi Linh¹⁶ quân sĩ hết lương, hàng ngày phải lấy rau mắng tre. <39a> Vua phải giết voi, ngựa để nuôi quân sĩ. Nhân dân sai tướng thân

1. Giáp Sơn: Nay thuộc địa phận tỉnh Hải Hưng

2. Trung đồng van: Thời phong kiến vua cho treo 1 cái trống ở ngoài nhà châm. Dùn bị quan vùi tên nên tên gọi không biết tên ai thi đến do đánh trống vua từ far.

3. Da Quan: Con gọi là Quan Da, Nay thuộc địa phận Cẩm Thanh, tỉnh Thanh Hoá

4. Núi Chi Linh: nay thuộc huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá

can là Lê Văn, là Trần đến gặp Kỵ và Trí nhà Minh để xin hoà, bọn Kỵ, Trí thay đánh nhau nhiều cung không có lợi nên hàng long

Nhà Minh sai An Bình ba Lý An và Trần Trí đều với chức tham tướng trấn giữ Lai thay tiền, lương ở kho chi dụng nhiều, nên sai nội quan và hộ bộ chủ sự về các châu, phủ, huyện để kiểm điểm tàu lèn

Qui Mao [1423] (Minh Vinh Lạc năm thứ 21), mua hạ, tháng 4, Bình Định Vương về chiếm cứ Lam Sơn. Sai tướng là bọn Lê Trần già hoà với quân Minh, Trần Trí nhà Minh giữ bọn Trần không cho trở về. Vua túc giận, thôi không hoà nữa và cảng phong bị. Nhà Minh ban chiếu cho các quan lại ở phủ, châu, huyện lại làm lễ chầu hầu và dâng sớ tu tri (số định điện). Các lưu quan ở nhà mòn chỉ có một mình, thố quan thì sai lưu quan đến cửa khuyết cho quan khác cai quản thay. Lưu quan chờ đợi hỏi việc phạt vẫn xong mới được về nhận chức, duy có thố quan thì cho về.

Mùa đông, tháng 11, con trưởng Bình Định Vương là Nguyễn Long sinh (sau là Lê Thái Tông)

Giáp Thìn [1424] (Minh Vinh Lạc năm thứ 22), mua xuân, tháng giêng, nhà Minh ra lệnh tìm mò bạc, nhưng chưa làm thi bộ

Mùa thu, tháng 7, vua Minh tư đi đánh Mông Cổ, băng ở sông Du Mộc, di mệnh truyền ngôi cho Hoàng thái tử về đến Yên Kinh thì phát tang, miếu hiệu là Thái Tông, sau đổi là Thành Tổ.

Tháng 8, Thái tử nhà Minh là Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, dài xá, ban chiếu nói rằng: "Trăm nghìn trại sinh dân, lập ra vua chúa, nhân từ nuôi ức triều thứ dân, đều được thai hóa, thông tri Trung Hoa, Di Dịch đều lên nơi thịnh trị. Tiên hoàng là vầng mâm trời giữ vân nước tri hoa cao hơn trăm vua, vân đức vô công, thanh danh giao hoa ban khắp bốn biển. Gần đây vì biên giới có tin khẩn cấp, cưới xe rồng để tú di đánh dẹp đến khi chiến thắng trả về thì lại lên nơi Đinh Hò⁽¹⁾. Di mệnh truyền lại giao ngôi báu cho kẻ hen này nhưng đương khi đau buôn sâu sắc dâu dám vắng mệnh ngay. Các tôn thần, công hầu ba, pho mã, các quan ván vô, bậc kỵ lão quân dân và các sứ giả triều công bôn phương, đã phủ phục dưới cửa khuyết dâng biểu khuyên lên ngôi, để khỏi bỏ trống ngôi trời, sinh dân không thể không có người làm chủ. Con trưởng nội ngôi là phép thương của nhà nước. Lại bấy tờ hai ba lần, lòng thành khẩn rất mực, cho nên kinh tuân mệnh để lui, dưới theo ý dân, ngày 15 tháng 8 da <40a> kính cáo trời đất tôn miếu, xá tài lên ngôi hoàng đế, đón phúc lớn của tôn miếu, nhờ mưu xa của Thành thân. Nay nhân khí mới lên ngôi, phải ban bố mệnh lệnh đổi mới, lấy nam sau làm nom Hồng Hy thứ 1. Các việc như tìm vang, bạc, lấy hương liệu ở Giao Chỉ đều định chỉ. Các quan viên giám đốc nội ngoại sai đi, hạn trong 10 ngày đều phải lên đường về Kinh, không được kiểm tra ở lui để làm hại quân dân. Ôi vua tôi cung long yêu dân thì tất phải khôn hóng, thường phạt eo phép thương, tri nước trước tiên phải sang suốt tin cẩn, còn nhà cát các quan hiện tài ván vô, các bè tài lương thiện, khắp trong ngoài, hết long trung

⁽¹⁾ Đinh Hò: Theo truyền thuyết Trung Quốc, Hoàng đế đầu đúc định ở Kinh Sơn. Đúc đúc xong, liền cưỡi rồng bay lên trời. Từ đó chử "đinh hò" được dùng chỉ vua chém

trinh giúp đỡ điều trâm không làm nổi đẽ nổi theo nghiệp lớn, cho nên móng nước được dài lâu, ban ăn hué cho nhân dân, để đất nước tri bình được mở rộng, cho moi người trông coi"

Tháng 9, nhà Minh triều Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc vê, cho Bình bộ Thượng thư là Trần Hiệu sang trấn giữ, kiêm nám việc hai ty bộ chánh và án sát. Bấy giờ vua Minh mới lên ngôi, bèn tới trong triều nói nhiều về lợi hại của việc lấy hay bỏ đất An Nam. Vua Minh không quyết định được phải triều Hoàng Phúc vê để hỏi việc biên cương. Sắc thư nói: "Khanh là bắc lão thân trong nước đã lâu vất và ở ngoài, trâm luôn nghĩ tới chàng quên, muôn được gặp khanh ngay. Khi sác đến thi khanh chạy ngựa trạm về kinh để thoả lòng mong chờ của trâm". Phúc vê đến nơi nói An Nam được người giỏi võ về ngự tri thi có thể giữ được vô sự, bèn tâu bảo cứ cho thố hào làm quan <40b> như Hoàng Ngan Phong, Đỗ Uy Vong, Đỗ Cử, Thành Bá Tuân bôn người. Lai tâu rằng các thố lai còn quyền luyến đất quê hương để cù về kinh, phan nhiều bô trốn, đến khi lùng bắt lai chuyển thành giặc cướp. Xin bổ sung cho tỉnh Văn Nam để rồi chuyển dân về các nha môn làm việc. Vua Minh nghe theo.

Quân của Bình Định Vương đi vào thành Nghệ An, đánh bắt phủ Trà Lân⁽¹⁾. Lúc bấy giờ tướng nhà Minh là bọn Trần Trí, Phương Chính, Thái Phúc, Sư Hưu đem quân vào tiếp viện Nghệ An gấp quân vua ở Trà Lân. Quân và voi của vua mai phục ở khoảng giữa rừng, nhử Trần Trí, rồi dồn đánh quân Minh tan vỡ chết nằm gối lén nhau. bọn Tri cấp tốc phải chạy về thành Nghệ An cố thủ. Vua sai người chiếu du thổ quan ở Trà Lân là Cầm Bành. Bành cự tuyệt, cõi thù chờ tiếp viện, vua đem quân bao vây. Bọn Tri sợ dừng lại không dám ra nhưng sai người đưa thư cho vua, trả Lê Trần vê để giải vây. Vua bảo các tướng tá rằng: "Cầm Bành khốn quân, bọn Tri đóng lai không cứu tất là có ý sơ Chi bằng ta già cho hoà để <41a> xem tình thế Tuân này qua tuân khác. Cầm Bành tất bắt đáy. Thế rồi Trần Trí, Phương Chính gửi thư cho Cầm Bành xin hoà với vua. Bành biết là quân tiếp viện không đến bên mờ cửa xin hàng. Vua vào thành an ủi, vỗ về tù trưởng các bô lạc. Thu được quân của giặc tới hơn 5.000 người. Nhà Minh thấy Trà Lân bị mất lại đem quân đi đánh vua. Vua cho quân mai phục xông ra đánh cho dai bại, chém đầu không biết bao nhiêu mà kể, bắt được tướng Minh là Dô ty Chu Kiết, chém được tướng tiên phong là Dô ty Hoàng Thành. Bọn Trần Trí thu quân còn sót chạy về, nghe được việc ấy vua Minh ban chiếu bắt bọn Phương Chính, Sư Hưu về Kinh để hỏi tội. Hựu di đến nửa đường uống thuốc độc chết. Phương Chính dâu việc thất bại vẫn được làm đô đốc đồng tri thang chức tham tướng. Vua Minh ban sắc cho bọn Mã Kỳ lại đến khai thác vàng, bạc, châubáu và hương liệu.

Át Tị [1425] (Minh Nhân Tông Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng. Bình Định, Vương đem quân bao vây thành Nghệ An.

Tham tướng nhà Minh An Bình bá là Lý An đem thủy binh từ thành Đông Quan đến cứu viện bị vua đánh bại. Lúc bấy giờ dân Nghệ An bị khổ về chính sách tàn ngược

⁽¹⁾ Trà Lân: Thị trấn lỵ đặt Mạc Châu. Sau là phủ Tương Dương. Nay là đất huyện Cao Cường, Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

của nhà Minh, thày vua đem quân đến, tranh nhau mang bò mang rượu ra đón và nói rằng: "Không ngờ hôm nay lại được thấy cái uy nghi của cả quốc. Tri phủ châu Ngọc Ma¹⁾ là Cảm Quy cũng đem quân và voi theo về, vua xép đặt các tướng rut về đóng đồn ở huyện Đô Gia²⁾. Bon Trần Tri chờ bon Lý An đến, hợp quân ra đánh. Vua dào cửa sông, cho quân mai phục ở bờ sông có sức đánh, pha tan quân giặc, quân Minh chết rất nhiều. Trần Tri chạy về Đồng Quan. Bon Lý An vào thành Nghê An liêu chết để giữ. Vua kéo quân đến sát thành, sai Tư không là Lê Lê di tuân Diên Châu (Lê là chau gọi vun bang cầu, vốn ho Dinh, được vua cho đổi là ho Lê). Lê đến thành Diên Châu gặp Đô Ty nhà Minh là Trương Hung dẫn hơn 300 thuyền lương từ Đồng Quan đến, Lê cho quân mai phục đánh cướp lấy Thừa thang đuổi Hung đến thành Tây Đô. Người Minh đóng cửa thành chống cự. Lê bao vây thành, vỗ vè dân ở ngoại thành, từ đấy người <42a> Thành Hoa đua nhau đến theo. Vua và tướng nhà Minh chống cự với nhau ở thành Nghê An lâu ngay chưa hạ được, mới báo các tướng rằng: "Người xưa khéo diệu khiến tướng là biết bồ chó kiên cỏi mà đánh chó sơ hờ, tranh chó thực mà đánh chó hư, thì chỉ phải dùng một nửa sức mà công sẽ gấp đôi. Nay quân Minh liêu chết giữ hai thành Nghê An và Diên Châu; tin tức với Đồng Đô đã mất từ lâu, các xứ Tân Bình³⁾, Thuận Hoá⁴⁾ xa xôi, thé cung không thông với giặc, ta đem một toán quân đến đánh thì không trận nào là khống thang. Ben sai Tư đồ Trần Hán, Thương tướng Lê Nô đem quân tiến thẳng đến Tân Bình. Thuận Hoá Lai các tướng Lê Ngán, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến tiếp ứng, tướng nhà Minh là Nhậm Nang Phương đem hết quân đồn chấn ở Hà Khương, bon Ngán đón đánh tan hết, quân dân Tân Bình, Thuận Hoá đều quy thuận Nhậm. Nang vào thành cõi thủ. Trong ngoài đều ngàn trở từ thành Tây Đô đến các xứ Tân Bình, Thuận Hoá. Hiệu lệnh của quân Minh không thi hành được. Bình Định Vương có cả vùng này. Chư tướng suy tôn vua là "Dai thiên hành hoá"⁵⁾ <42b>. Từ đó về sau yết hàng ban du đều dùng bốn chữ đó.

Vua Minh bang. Thái tử là Chiêm Cơ lén ngồi, dõi niên hiếu là Tuyên Đức.

Các quan phương diện⁶⁾ và các châu phủ huyện đến chầu mừng

Bình Ngo [1426] (Minh Tuyên Tông Tuyên Đức nam thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, bô Lê nhà Minh ra lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò. Tổng binh và hai ty bù chính, án sat, tâu xin định lai vì dia phương con rỗi loạn. Lai xin miễn lê chầu hầu nam sau.

Nhà Minh ban chiếu đại xá (Chíếu ràng: "Đạo lý thông tri thì trọng diệu yên dân; lòng nhân thương sót nên giữ diệu tha lối. Giao Chỉ từ khi thuộc vào quan chức phương trời nay đã 20 năm. Nhiều lần gây việc phản nghịch, nhiều lần huy động đến quân nhà

1. Chân Ngọc Ma. Nay thuộc tỉnh Nghê An

2. Huyện Đô Gia. Tức huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

3. Tân Bình. Nay thuộc tỉnh Quảng Bình

4. Thuận Hoá. Nay thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và 1 phần thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng

5. Dai thiên hành hoá. Thay trại ban hành giao hoá.

6. Quan phương diện. Quan chuyên đảm nhiệm một việc

vua, thi ghet cai chet, ua cai song, ai cung nhu ai Lao xuông vuc, nhảy vào lửa, đâu phải là bản tâm. Xem kỹ nguyên do đều tai các quan không biết vỗ vè, cướp đoạt không chán. Tình không thông được lên trên, ơn không thâm được xuống dưới. Đến mức khôn khổ thi sinh nghi ngờ, trốn vào núi rừng tu tập làm loạn; xét tình là bất đắc dĩ; luân tội thực cung dang thương. Vậy ban ơn sâu dều cho gõi rửa tất cả. Quan lai quân dân Giao Chỉ phạm tội phản nghịch đã phải giác hoạc chưa phạt giác, đã tri tội hoạc chưa trị tội, đến ngày có chiếu thư ban ra thì không kể tội lớn hay nhỏ đều được xá hết. Các quân dân ở Giao Chỉ ngoài việc nộp thuế, nộp lương ra, còn việc lây các thứ vàng, bạc, tiền đồng, muối sả, hương liệu, thuế cá, đều định chỉ bài miễn. Trong vung với nhau cho được trao đổi, quân phủ không cảm để xứng lòng thương dân của Tràm".

Mua thu, tháng 8, Bình Định Vương <43a> chia sai các tướng đi lấy thành Đông Quan. Lúc bấy giờ trong thành Đông Quan, sứ phòng thủ đơn độc yêu duối Tướng Minh là Trần Trí từ Nghệ An trốn về đáp thêm luỹ, đào thêm hào để làm kẽ cõi thủ. Các tướng tại quân mạnh còn ở Nghệ An. Vua cho là đóng quân nơi thanh vững cung chưa đánh bắt ngay được, bèn sai Khu mât dai dù là Phạm Văn Xảo, Thái úy là Lê Triết, Thái giám là Lê Khả. A hầu là Lê Bí đem quân di tuân ở Thiên Quan⁽¹⁾, Quảng Oai⁽²⁾, Quốc Oai⁽³⁾, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Đái, Tuyên Quang chán quân tiếp viễn của địch ở Vân Nam. Thiếu úy là Lê Bí, Thái giám là Lê Khuyên đem quân di tuân ở Khoai Châu⁽⁴⁾, Bắc Giang, Lang Giang cát đứt viễn binh của Quảng Đông, Quảng Tây. Tư không là bon Lê Lễ, Lê Xí đem quân tinh nhuệ tiến sát đến các thành của lô Đông Đô, thanh tho râm rô. Trần Trí đem thư bọc sáp chay ngựa báo cho Lý An, Phương Chính ở thành Nghệ An phải vẽ để cứu cản bắn. Lý An, Phương Chính bèn bỏ Nghệ An vượt biển chay về Đông Quan, chỉ để lại Thái Phúc giữ thành. Vương đáp vòng vây dài sai bon Lê Ngân, Lê Văn An vây thành <43b> mà tự đem dai quân thuỷ bộ di gấp đường theo sau chân Lý An, Phương Chính. Quân di đến Thanh Hoá các quân huyện đều nghe phong thanh đã đầu hàng. Dô ty Vân Nam là Vương An Lão lành viễn binh đến cầu Xa Lộc ở Tam Giang bị bon Phạm Văn Xảo, Lê Khả đánh bại. Lê Triết lai bắt sông Dô ty nhà Minh là Vi Lương ở cầu Nhân Mục. Vua Minh nghe tin thành Đông Quan bị nguy cấp bèn sai bon Tống binh Thành Sơn hầu là Vương Thông, Tham tướng là Mã Anh đem 5 vạn quân ra tiếp viễn, cho 1 vạn quân Vân Nam tiến lên phía trước đến thẳng Tam Giang rồi xuôi dòng đi xuống. Bon Lê Khả lai dồn đánh tan ở Xa Lộc. Bon Vương Thông, Phương Chính, Mã Kỳ, Sơn Tho chia nhau thành ba đường dồn đánh bon Lê Triết. Lê Bí Bon Triết cho voi phuc kích ở Cổ Lâm⁽⁵⁾ (thuộc huyện Thanh Oai), cho du binh giả vờ chay qua cầu Ba La (thuộc huyện Từ Liêm), giặc Minh đuổi theo sa vào bãi hun lầy, phuc binh nổi lên dần

1. Thiên Quan: tên phủ Nho Quan, Nay là huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

2. Quảng Oai: thuộc tỉnh Hà Tây.

3. Quốc Oai: Nay là huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

4. Khoai Châu: Nguyên bản chép là Khoai Giang.

5. Cổ Lâm: Nay thuộc tỉnh Hà Tây

ngang tràn mà đánh bắt và giết không thể kế hết được. Phương Chính dẫn quân rút lui rồi cung Vương Thông phục binh ở Cố Sở¹⁾ (thuộc huyện Thạch Thành), dẫn trẻ già làm lì chèn bên trong gác phòng sắt rồi vò hò la chèn chạy. Quân của Triệu đuổi theo trúng pháo chém không tiến được. Lê Lé, Lê Chiến, Lê Xí ban đêm đem quân tinh nhuệ ưng cứu gấp bon Triệu ở Cao Bô²⁾ (thuộc huyện Thanh Oai). Võ người Minh khi bấy giờ qua Gian điệp là biết là Vương Thông đặt súng ở dương tất, bèn ra lệnh cho quân mai phục ở sông An Duyệt bắn súng để dụ quân Minh. Bon Vương Thông nghe súng dồn toàn quân vào sau, chưa được vùi đậm bồng quân mai phục xông ra đánh ở các xú Tốt Đồng³⁾. Chúc Đồng⁴⁾, quân Minh đại bại. Ta chém được Thương thư là Trần Hiệp (Trần Hiệp chết trên việc đến tau vua Minh, được tang làm thiêu bảo, cho tên thuy là Tiết Mân. Con là Khu cho làm quan cấp sự trung), nội quan là Lý Lương và quân lính hơn 5 vạn, người chết đuổi rất nhiều, nước sông Ninh Giang không chảy được. Bon Phương Chính, Vương Thông, Mã Kỳ chỉ chạy thoát lấy thân, về thành Đông Quan. Bon Lê thưa tháng đuổi theo đến sát Đông Đô. Lúc bấy giờ Bình Định Vương đóng quân ở Lôi Giang⁵⁾, nghe tin chiến thắng bèn cấp tốc về Lôi Giang⁶⁾, hợp lực với quân của Lê Triệu tiến đánh, sai bon Tân Thuận đưa thuyền quân <44b> ngược dòng Lôi Giang ra Sông Hát xuôi dòng hợp với bộ binh ở Đông Bộ Đầu.

Lê Lé đến cầu Tây Dương. Cương tu đâm dài quân đâm thẳng vào phía nam thành Đại La, quân thuỷ bộ bốn mặt đánh áp lại. Phương Chính với vào thành cố thủ do đấy các lô ở Đông Đô tranh nhau đến cửa quân xin theo Bon Vương Thông nhà Minh ở trong thành quân khí hơi cả bên huỷ chuồng Quy Diên⁷⁾, vac Phổ Minh⁸⁾ làm súng dan, thế ngay một cung quân bén dấp thầm tương luy đói quân tiếp viên. Hữu Bố chính sứ là Dác Khiêm thay Trần Hiệp giữ ăn Bố Chính ty, Đô đốc thiêm sứ là Trần Tuấn thay Vi Lương tạm giữ ăn đồ ty. Ăn sát sứ là Dương Thị Tập giữ ăn ty ấy như cũ. Các viên giữ ăn ba ty tuy dày đủ nhưng hiệu lệnh không thi hành được đến ngoài thành. Các phủ huyện lô Đông Đô không theo lịch của nhà Minh nữa.

Tri châu phủ Chính Bình nhà Minh là Hà Trung bị bắt không chịu khuất phục bị giết chết. Trung là người Hình Châu đồ tiến sĩ năm Vinh Lạc. Lúc bấy giờ ở trong thành Vương Thông thấy Trung là người có mưu lược sai ngầm mang biểu tàu về xin quân Trung ban đêm di bộ chạy ra khỏi thành <45a> 200 dặm, bị quân mai phục bắt được. Các tướng muốn thả Trung nói những điều lão xược bị giết chết đến khi chết có thể rằng

1) Cố Sở Nay thuộc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

2) Cao Bô Nay thuộc tỉnh Hà Tây

3) Lôi Giang, Chùa Giang, thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

4) Lôi Giang, thuộc địa phận Vinh Lạc, tỉnh Thanh Hóa

5) Lôi Giang, Tứ Xuyên

6) Cường Quy Diên, Cường đúc là thời Lý, đặt ở huyện Vĩnh Thuận, tức Hà Nội

7) Phổ Minh, Minh kỵ đội năm làm chúa Phổ Minh thời Trần, Thanh Thống

Vạn lý có thành cầu khôn thư.
 Phúc trùng hoai tấu thịnh vượng sự
 Hồng tràn thất lô phong sương khói.
 Bách nhật huyền tâm thiên địa mĩ.

Dịch nghĩa

Khôn khổ lâu nỗi thành đơn độc
 Trong lòng mang bao lau xin quản
 Hồng tràn bị lạc vì sương gió.
 Mong trời đất thaum tấm lòng con.

Việc đến tai vua Minh Vua Minh ban sắc biểu dương về gia đình ban cho tên thụy là Trung Tiết

Binh Định Vương chia các lô trấn ở Dòng Đô làm bốn đạo đất liêu thuộc ván vú nói ngoại và đặt quan tuân kiêm ở các xứ cửa biển khám xét người qua lại và bắt các quan nhà Minh đưa thư về Phương Bắc Lúc bấy giờ thành Đông Quan cũng cùc vua muốn nhân khi quân giặc khốn quản, bắt phải thông hoa giải binh mà về Vương Thông bét kế hoạch bét viên binh cũng sai người đem thư thông hiếu Nhưng còn số vua Minh bét tội lại đặt lời là năm Vinh Lạc có chiếu thư lập con cháu họ Trần khuyên Bình Định Vương tìm con cháu họ Trần để lập lên Gặp khi có con người ăn mày tên là Hồ Ông nay thân ở Cầm Quý già xung tên là Dịch là cháu 3 đời của An Nam quốc vương là Trần Tu (Theo sử nhà Trần không thấy có tên Tu) Vua muốn mượn lời để đáp ứng với người Minh bèn sai người dồn về lập làm chúa, đổi tên là Cao, đặt niên hiệu là Thiệu Khanh; sai Tà bộc <45b> sa là Lê Quốc Hưng làm quan phó, đóng đinh ở núi Không Lô¹ Từ đây gửi thư cho người Minh đều lấy Trần Cao làm thống quốc Vương Thông cũng muốn mượn cơ áy để chống thành hoà nghị, mà người trong nước là Trần Phong, Lương Nhữ Hốt, Trần An Vinh đều đã nhận quan tước của nhà Minh Trần Phong làm đô ty, Lương Nhữ Hốt làm tham chính, Trần An Vinh làm đô chỉ huy; so ràng hoà ước thành, thì thân bị chết, buông lời phản gián, dẫn việc Hưng Đạo Vương nhà Trần duc châm thuyền giết người Nguyên để doa Vương Thông Thông tin lời ngầm sai người đem thư học sáp về Bắc xin tiếp viện Tuy già giàng hoá với Bình Định Vương, nhưng lại đáp thêm luý hai tầng, đào hào, đặt ch่อง Vua giàn tuyệt giao với Thông, chia sai các tướng danh huy các thanh Diêu Diêu², Thị Cầu³, Tam Giang⁴, Xương Giang⁵, Khâu Ôn⁶ Chỉ huy sứ

1. Núi Không Lô: Ở huyện Thạch Thất tỉnh Hà Tây Tục truyền dân là arò hoa thiêng Lô nên gọi là núi Không Lô

2. Thành Diêu Diêu: Ở huyện Giá Lảm ngoài thành Hà Nội

3. Thành Thị Cầu: Ở thị xã Bắc Giang tỉnh Hà Bắc

4. Thành Tam Giang: Ở huyện Phùng Châu, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Thành Xương Giang: Nay là thị trấn Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc

6. Thành Khâu Ôn: Nay thuộc thị trấn Long Sơn

thanh Tam Giang là Lưu Thanh ra hàng. Thanh là quan nhà Minh diêu quân Tam Giang. Trước kia danh vua ở Thanh Hoa bị thua, thô quan có người nói diêu khinh man. Thanh liền mang ròng "Thang Man vồ lề, ông ấy là hoàng đế của lù mày dày" đến khi ấy hàng. Các thành cung lần lượt xin hàng. Vua chia đất an phủ sú các lò Cho bon Dào Công Soan, Nguyễn Đức 24 người làm chức này. Lai đặt viên ngoại lang 6 bộ cho bon Nguyễn Tông Vi 6 người làm chức này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Khi Thái Tổ nới lớn, những nơi nghĩa binh đến, người Minh đều phải thua chạy. Đầu có phải quân nhiều hay ít, mạnh hay yếu mà không địch nổi. Cơ lê vĩ dao đục hợp với trại, thi trại hưởng ứng, đep long người nên người theo về. Không chỉ người nước ta vui phục mà cả đến kẻ làm phản cũng tôn kính như vậy. Cho nên chúng không có chí chiến đấu mà đều đến đầu hàng dày. Vậy thì việc khởi quân nhân nghĩa so với Văn Vương, Vũ Vương có sự sáng suốt, do đó càng rang rõ đây.

Dinh Mui, [1427] (Minh Tuyên Đức năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng. Bình Định Vương tiến đóng ở dinh Bô Đề (bảy giờ ở bờ bắc sông Nhị Hà có hai cây bô đề nên quân lũy dung để đặt tên) lệnh cho tướng chia đóng ở bốn cửa thành Đông Quan vây danh cảng gáp Bon Vương Thông nhà Minh ở trong thành không biết làm thế nào, lại sai người đưa tin xin hoà. Vua ở trên bờ sông xây lầu mấy tầng cao như tháp Báo Thiên, hàng ngày lên lầu xem xét đông tĩnh của quân Minh, sai Hán lâm thừa chỉ là Nguyễn Trãi hầu ở trên lầu, thảo các thư trát qua lại. Quân Minh già vở bàn giáng hoả để hoán binh có ý đợi quân tiếp viện. Hào kiệt các lò ghét quân Minh tàn bạo, tranh nhau đến cửa quân hiên kẽ, khuyên vua đánh gấp. Người Đường An là Vũ Cư Luyện, người Cố Phí là Đoàn Ló dâng sách danh thành và kiêu sán chiến đấu, xe bôn ôn và xe phi mã. Vua ra lệnh theo mâu đó mà làm, lại đóng thuyền chiến ở trấn Tuyên Quang để phòng bị giặc Minh lại sang. Bon Vương Thông nhà Minh thấy vua tăng cường làm chiến cụ, âm mưu qua sông lập kinh doanh trại của vua. Vua ra lệnh cho các miện Tam Giang, Tam Đại, Quy Hoa phải nập tre nứa, làm thành dưới nước đưa vào bờ bắc sông Nhị Hà, cao bằng thành Đông Quan.

<47a> Phương Chinh nhà Minh phục quân đánh úp Lê Triết, Lê Bi ở Cao Đồng (thuộc huyện Từ Liêm). Triết có sức đánh bi chét; Bi bi bát. Vua sai Tư không Lê Lễ. Thương tướng quân Lê Xí đem quân Thiết đốt tinh nhuệ đánh vào quân Minh ở Mỹ Đồng (nay là phường Hoàng Mai). Vương Thông thấy quân của Lê ít, đem hết quân tinh nhuệ trong thành ra đánh kẹp lại. Voi của Lê và Xí bị sa lầy, bị giặc Minh bắt được. Lê không khuất phục bị giết hai. Xí trốn thoát ra yết kiến vua ở dinh Bô Đề thét lớn 3 lần "sóng lai" - Lê có tướng lược nhưng coi khinh kẻ địch; trân thảng ở Tốt Đồng ai cũng cho là giỏi. Vua nói: "Trâm trán danh trâm trán thảng, chàng phải đã là hay". Lê coi thường vì thảng được vài lần thi thất bại có thể đúng mà đợi Đến bảy giờ Triết, Lê đều thua. Các tướng ở thành Đông Quan đều khuyên Vương Thông thừa thảng qua sông đánh vào dinh của vua. Thông không theo, do dự 3 ngày không ra. Vua biết là Thông sợ càng cho quân bao vây sát cửa thành. Thông lai sai người du vua bài binh thông hoà cầu phong cho Trần

Cảo, <47b> vương ưng cho Thông yêu cầu vua sai sứ sang Yên Kinh cống sản vật địa phương

Sử thần Ngô Sí Liên bàn: *Khuất Hà quen mùi chiến thắng Bồ Tao, rồi chuộc lấy bài vong. Đó là quân tàn bao xâm lấn nước nhỏ. Lê Lê quen mùi chiến thắng ở Tốt Động rồi chuộc lấy bài vong, đó là đối quân phục thu cảm giàn quân giặc. Cái thất bại giống nhau nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Cho nên tương giải đương thời thi Lê, Triệu là hàng đồng dâu.*

Mùa hè, tháng 4, vua Minh sai An Viễn hầu là Liễu Thảng đem quân sang cứu viện thành Đông Quan. Lấy Bình bộ Thương thư là Lý Khánh làm Tham tán quân vụ. Trước kia Trần Hiệp thua chết, việc đến tai dinh thần nhà Minh giành nhau nói. Từ khi Hoàng Phúc được triêu vé, Trung quan Mã Kỳ gây ra biến loạn ở Giao Chỉ, xin trả nhiệm vụ cũ cho Hoàng Phúc thì việc loạn ở Giao Chỉ tự yên. Vua Minh nghe theo, lại sai Phúc theo quân đến nhậm chức. Thế rồi chia quân làm hai đạo. Cho Liễu Thảng làm Tổng binh sứ, deo ấn chính lỗ phó tướng quân cùng với <48a> Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh. Đô đốc Thôi Tụ Bình bộ Thương thư Lý Khánh, Công bộ Thương thư Hoàng Phúc. Thủ quan Hữu bộ chánh sứ Nguyễn Đức Huân lĩnh 10 vạn quân đánh vào cửa ái Pha Luỹ (thuộc Lạng Sơn). Thái phó Kiêm quốc công Mộc Thành deo ấn chính Nam tướng quân, cùng với Tham tướng Hưng Yên bá Từ Hạnh, Tân Ninh bá Đàm Trung, lĩnh 5 vạn quân đánh vào cửa ái Lê Hoa (thuộc Tuyên Quang) hỗ trợ cho quân Liễu Thảng. Bấy giờ Bình Định Vương sai các tướng chiếm đe Van Xuân đáp luỹ. Đến khi nghe tin quân tiếp viện đến, tướng sĩ phần lớn khuyên vua đánh gấp thành Đông Quan để tuyệt đường nồi ưng. Vua nói: "Đánh thành là hạ sách". Ta đánh thành kiên cố hàng năm, hàng tháng không hạ được. Quân ta sức mệt, khí nhụt, nếu quân tiếp viện của giặc lai đến thì trước mai sau lưng đều có giặc, như vậy là nguy hiểm dày. Chỉ bằng ta dưỡng sức nuôi dưỡng nhuê khí, để đợi quân tiếp viện của chúng. Quân cứu viện bị đánh tan thì thành tất phải hàng. Vậy là đánh một mất mà được cả hai đó là kế ven toàn đây, bèn phòng thủ nghiêm ngặt chuẩn bị ứng phó với quân địch.

Mùa thu, tháng 9, Bình Định Vương <48b> sai Thái úy Trần Hân, Tư mã Lê Sát đánh bắt được thành Xương Giang. Chỉ huy người Minh là Kim Dân cho là thành ở giữa đường về bèn cùng với quan mới nhậm chức là Lý Nhâm liều chết giữ được hơn 6 tháng. Các quân ở Khoai Châu, Lạng Giang chống cự với quân Minh. Quân Minh vừa đánh vừa phỏng ngư, các quân không lên thành được. Vua sai bọn Hân đáp đia dao đánh nhau với giặc câu liềm, nò cứng tên đạn bón mặt cùng đánh thành bì hầm. Dận tư sát Vương Thông làm ván tế. Qua 10 ngày, viên binh tới thì thành đã bị hầm.

Bình Định Vương ra lệnh cho các đạo Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đai, Tuyên Quang, Quy Hoá làm vườn không nhà trống để tránh quân tiếp viện. Khi quân Minh đến đầu biên giới, vua họp các tướng bàn rằng: "Giặc vốn khinh thường ta, cho rằng người nước ta từ lâu sơ uy thế giặc, nghe tin đại quân đến thì tất sợ hãi. Họ chỉ lấy mạnh danh yếu, lấy nhiêu đánh ít là sự bình thường. Bọn chúng không kịp nghĩ đến hình thế

1 Ái Pha Luỹ, Tục cửa ái Nam Quan

Tuân Hanning Phu đã thành Công Quan, Ông thời điểm nhường ngôi bá hộ cho
? là ai và sao có chính là phu nhân của ông là Tống thị. Bà Tống là ai

Vua Minh Đạo chia sẻ bài ca và bài Phong Nhã

Mùa đông tháng 12 Vương Thành nhà Minh giao tranh với Bắc Quốc bộ qua sông Lô tràn, quân thuyền di tản. Người trong nước rất sỉ nhục người Minh giết hại riba con thuyền

thanh của họ, dài nhất là 600 lạng. Bình Dinh Vương gửi đi và dặn rằng: "Trả thù báo oán là thương hận của mọi người nhưng không trước đây trước là bao giờ của người nhân và hi người ta đã hating mà mắng gift là là Sát xíc không gian hating. Nếu chỉ thỏa lòng của mìn trong chốc lát mà làm cái tiếng gift người là hating đến muôn đời sau không có chí tình hating của nó vẫn sẽ được sống để biết cái đầu mồi chiến tranh cho dù sau sẽ xâm giàn cho để tăng thêm nguy đó là chẳng vì dae him sao?" Bên ra lệnh thường thủy của chi 500 lính tinh tú Phượng Cảnh Mã Kỵ nhân binh <52b>, đương bộ cấp các lương và cát Sơn Thanh Hưởng Phác phản binh, số hàn được và ra hàng binh 2 vua người ngựa 1 ván cưa cho Mã Anh nhanh lẹ, từ đó đến tối định Bồ Đề lạy từ biết Bồ Đề Phu Ông Chân khé cửa đóng ta nước mắt Bấy giờ người Minh dài ra các ty văn và là thành các thành lũy nào 470 sáu Trời nghe phong thành đã đầu hàng, chỉ có 3 thành Tây Đô, Cố Long, Ôn Lanh chưa ba. Đến khi Vương Thông về Bắc, truyền hịch cho quân thủy quay bộ tiến tục rút tiếp. La Nhã Kinh tên thi người và ngựa của Vương Thông đã về đến Long Chất. Người Minh thất số lớn thương được sống trả về chỉ còn 2 gian nhà. Số kia tại hating và cảng con rái đục người Bon Vượng Thông đã về vua Minh và tài ba đất rút quân về, giam xuống ngục Cửu Y và tha cho tài chết, bị xoa tên và hứa em cho mặc ta phai triều công theo như là cũ năm Hồng Vũ.

Sử thần Phan Phu Tiên binh: Nhờ Trần đổi tên 100 năm Kiến Trung, lui mất nước và năm Kỷ Tỵ Ngưu <53a>. Minh sang qua sông vào ngày 12 tháng 12, lui về nước vào ngày 12 tháng 12 năm Dinh Mùi dù nói là mưu eo của người không có nhưng cũng là có số của tên trai đây. Xem ra Thái Tông huy là Cảnh Thanh Đế huy là An đều là không chì gióng nhau. Người Minh sang qua sông và nước 200 ngày 12 tháng 12, mà gặp nhau ba không phải là số trời ngẫu nhiên đây sao?

Sử thần Ngô Sĩ Liêm binh: Thời loạn có đô thi thời tri anh ra, là vận trời ban hành đấy. Sở loạn lạc trong họ các nước Việt ta qua các thời đại thi chúa có thời nào cũng cát như thời ta. Sở nghiệp đế vương đây là chúa có thời nào không thua như thời ấy. Trần Vũ Đế nhân khu nhà Doanh Tân loạn lạc, Trung Quốc không có người thống trị, bao hating trường tranh giành nhau mà thôn tính đất ấy thi chúa chúa là khó. Dinh Tiên Hoàng nhân khu họ Ngô mất nước, 12 sứ quân tàn man không có kí cương mà <53b> ghen dụng có nghiệp ở đất nước ấy thi cùng chúa mà, là khó đó. Nhà Lê thay nhà Dinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý đều là thời nô theo hukh Thanh bình, nhân có sự tuy loạn thi cảng đế. Năm đầu nhà chúa mà nô thi chúa khai là cắp người đây. Không phải là có cùi chú nhân nghĩa phản bội, rõ thưa họ, cho thoả con mồi của mọi người trong vào như vua Thang của Vũ thay đổi lệnh trời này. Họ Hồ cướp ngôi từ chúa Lý và chúa đất này vây cánh của mình. Người Minh thi gian giảo bạo ngược, muốn thay đổi bò cai, già nhân nghĩa để đổi nước người ta, thi tuy chém giết dân ta con thoả chau nhỏ mắc vào nhầm hao dae mào ngang thép. Người khai mork thi chạy sang Chiêm Thành ở

phía nam chạy sang Đèo Lò ở phía tây, từ đây xuôi hướng tây, có sườn đồi dốc, lùm khe rìu ở bên và hẻm suối lùm cát đồng cho chim trú, lùm rêu xanh mướt bao phủ. Giờ thời đây mà chèo chèo, dài hớt hớt, đây nèo nèo, dài quay quay, thì sang ô hoa 20 năm, để thấy đây phong tục thua nèo! Phương Bắc tên Ô mực loan làc sót cũng đến như thế nèo! Thái Tổ <54a> sinh ra trong thời ấy, tên thụ tử chí: v.v. và của bắc thành tháp, đường bắc long trai doa nhìn đến phong tủy không rõ nhưn cảnh khôn đến lầm than, bon giặc bao nguy hiểm dập. Ngày nay nhân nghĩa thay trời đánh giặc chẳng ở ta thu con ai! Lao la rồng trai di trú mà chưa thông tiết kho khăn to ion ma khó thành, do đây <55> - những bờ thi canh chung đúc lạy cát lâm ý thiên ẩn nay ở Lam Sơn, dài thời eo, tên eo eo. Gặp việc thi tuy nghĩ không thể làm thành giữ non nài mìn ma tu bờn, thương đồng it mà dịch dược nhau, tuy có ứng biến. Thương dược yêu ma mìn, dược manh Khi giao luong thục phẩm nhiều lợt cát giác, xây dựng hòn. 10 năm père hết tên mìn. Nho dược mìn sưu tinh kỹ cho nén đánh trả thi thắng dược, dược thành thi họ dược, đánh bài trắng thi nhái thi bình định Hồn Châu. Hồn Châu, định hòn rồng thi hòn thi bình định Diết Châu. Ai Châu. Vượt biển tên quân thi quân địch ở Đông Quan, Tam Giang bờ hòn. Vương Thông, Phương Chính bê công phu da <54b> gặt rệp tiên, dù là Liêu Thắng từ Phương Bắc. Mộc Thành từ Phương Tây tài để gấp gáp làm điều bạo ngược. Nhưng mà hai coát, quân cát mìn dù như bò ngựa giao chiến để chống bách xé, quả nhiên mang thảy đều trai, ha chàng phai là ngựсад! Đến khu như con thi cùng quân ném trong cùi, vây dưới mìn thương thi Thái Tổ tên cát lười mìn long nhán tha cho vò, mìn vò quân dài hàng dược toàn trinh mìn là người chí nhán đánh bê bát nhán mìn long "bát nhán" lài dược như thi Dương khu áy nhán dài trong thien ba theo long mìn da. Cà đèn phương xa dài iai không dâu là chàng nho on so uy, chậm lo tên alone. Ô! Tôi dẹp lầm thi! Để đây biết được rằng: thời xưa loạn thi: dài mìn cũng thôk, long nhán sưu thi nyoia the tái xa, ian trời lưu hành, vận dài hành thường là cuối dài cát vua hời đây.

Sử thần Ngô Thị Sĩ hàn: Khi người Minh vào Phương Nam, thi cho Làng Sơn là nơi cổ họng, ở đây dập nhiều thành lũy, xếp đất da mìn, rất cao rồng kiện <55a> có. Pho Lụy này là Mai Pha, và Chu Làng có thành xây bằng gạch Thành Chu Làng dưa lưng vào núi da, qua 1 cái khe thi mới đến được, cửa nam của thành có hòn đá nằm, thấy khắc 5 chữ: "Hoàng trang thi tháp dài" trong nhà mới Bên cạnh hòn đá thi gạch rung chất đứng như gò da ao thi non rào cung eo. Đây chỉ là người Minh sá, thành đào hào làm bê có thi. Suy 1, 2 điều ấy thi thành khác đều như thế. Xem ra việc dát nát hiềm tró có nhiên là không thể nháng quát. Nhưng dia lài không bằng nhán hoà, người Minh muốn dát đất của ta mà ta không lo dát việc vò về dân. Dân bị chính sách bạo ngược của họ Hồ dà lèu rồi thêm vào đây là thời doi khai tài bệnh binh da, bị chết hại chi con không được một phần trăm. Bày giờ Nho thần nhà Minh chiếc bô chính sang ta, chi có Hoàng Phúc là tiêu biểu của bột ván lai cũng chi săn dán cho hợp: cũ i qua không có may may long thương với nhán dân, mệnh lệnh thi dày đặc như lồng bà. Chanh xe thi

hà khác như hùm mọc cánh, làm rộng thêm sô mâu ruộng, đặt lệnh cấm <55b> muối nồng dân, thương nhân khốn khổ, thô quan, thô lai, Nho học, thầy thuốc, thầy bói lần lượt bị đuổi, như vậy là kẻ si, thử dân khổ về việc xây dựng, đương thuỷ đương bộ sang Yên Kinh, chia ra từng trại, thi dân the thuyền ở dọc đường bị khốn khổ, dài dài vùng bắc, san tím trán châu thi tài sán ở núi, ở biển bị kiệt, kiêm hương hiến quy, bắt voi trắng thi có cây chum muống đều không được sống yên ổn. Thế mà lai mưu toan cùng có thành luv, chia quan ty, đặt thủ bì, đê mài mài có quận huyện đất lạnh, có thể bao là không tim đến điều cần bẩn dày. Nhận khi bắc vua chánh chính chưa dày lên, thà hết mức dục vọng nhất thời. Chẳng bao lâu Lê Thái Tổ ta ứng i an ở Lam Sơn, nghĩa quân ta đến đâu thi người Minh quản không đánh được, thành không gác được. Quan lại vẫn vô của người Minh mà độc ác với người nước ta hoặc bỏ chạy, hoặc bị giết chết, Hoang Phuc cũng bó tay chịu làm tù binh. Hà được lòng oan hận của quỳ thần, nhận dân rusa được điều hổ then cho non sông. Cho nên tai nay di tích của người Minh cũ chỉ còn luỹ hoang thành đố, mọc đầy chóng rai. Những <56a> quan quân sang nước Nam không trả về vẫn còn vài chục vạn người, đời đời làm dân nước ta. Người Phuong Bác cho là điều án hán lâu dài. Tham công lớn quá có ích gì đâu!

Thời thuộc Minh trên đây, bắt đầu từ năm Giáp Ngọ hết vào năm Dinh Mùi, gồm 14 năm, thông kê từ thời ngoại thuộc nhà Triệu là năm Giáp Ngọ, đến năm người Minh về nước là năm Dinh Mùi cộng 1634 năm, cùng với Ngoại kỷ cộng 2672 năm.

HẾT QUYỀN X BẢN KÝ DAI VIỆT SỬ KỲ TIỀN BIÊN

SÁCH DẪN

HƯỚNG DẪN TRA CỨU

- Tên người (bao gồm cả tên tự, tên hiệu, niên hiệu, miếu hiệu...): chữ in hoa tất cả.
- Tên địa (bao gồm tên nước, tỉnh, huyện, châub, xã, chùa, miếu, sông, núi...): chữ thường, in hoa các chữ đầu.
- Tên sách: in nghiêng, chữ đâu in chữ hoa nghiêng.

A

- A BAT XÍCH, 272
 A DẠP A GIÁ, 467
 A Lộc, 391
 A LY HÁI NHA, 363
 A NA MA KHA, 301
 A NAN, 426
 A NÜNG, 221
 A THAI, 373, 376
 A THICH, 363, 373
 A THUẬT, 343
 Á TRÂN (xem thêm TRÂN ÍCH TÁC), 380
 Ac Thủ, 411
 Ai Lao, 228, 290, 382, 390, 400, 441
 Ai VƯƠNG (HƯNG), 30, 61, 62, 63, 64, 65
 Ai (cháu), 19, 99, 198
 Âm Châu, 177
 An Cư, 28
 AN DUONG (xem AN DƯƠNG VƯƠNG)
 AN DƯƠNG VƯƠNG, 8, 16, 17, 18, 23, 24, 25,
 27, 31, 45, 46, 47, 49, 50, 52
 AN HOA CÔNG CHÚA, 133
 AN LỒ UY, 410
 AN LỘC SƠN, 158
 An Nam, 19, 99
 An Nam Đô hò phủ, 116
 AN NAM TƯƠNG QUÂN, 88
 AN QUỐC CÔNG CHÚA, 189
 AN QUỐC THIỆU QUÝ, 62
 AN QUỐC THƯỢNG TƯƠNG, 209
 AN SINH VƯƠNG, 338, 339
 AN TOÀN NGUYỄN PHI, 299
 AN TỬ CÔNG CHUA, 366
 ANH TÔNG HOÀNG DÉ (xem LY ANH
 TÔNG)
 ANH TÔNG HOÀNG DÉ (xem TRÂN ANH
 TÔNG).
 ANH TÈ, 61, 64, 65
 ANH VŨ, 26, 62, 63

- Anh Văn (gác), 35
 AO LỒ XÍCH, 371
 AP NHA, 293
 Àn Dô, 96
 ÁU CÓ, 41
 ÁU DƯƠNG THỊNH, 103
 Âu Lạc, 29, 49, 55
 Âu Việt, 39, 55

B

- Ba Dầu, 263
 BA DỊCH LAI, 510
 BA LÀU KÉ, 490
 BA MỸ THUẾ DƯƠNG BỎ ĂN TRA, 161
 Ba Thục, 29, 41, 45
 BA TY BỎ DA LA, 258
 Ba Hòa (sông), 168
 BÀ LÀU, 371
 Ba Lê, 337
 BÀ LIỆT, 326
 Ba Mã, 337
 BA DI, 374
 BA HỮU, 49
 Bac Bach, 132
 BAC ĐỨC (xem LỘ BAC ĐỨC)
Bác vật chí, 47
 Bách Bảo Thiên Tuế (cung), 168
 Bách Việt, 29, 39, 48
 Bach Châu, 132
 Bach Dâng, 36, 148, 375, 376, 378
 BACH LIỀU, 350
 Bach Long Thần Mã, 200
Bach vân chiêu xuân hải (bai phú), 121
 BAI CÔNG, 76
 Ban Dương, 17, 52
 Ban Hải (núi), 170
 BẢN ANH KHAI, 271
Bản quốc chí học, 366
 Bang giao hảo thoại, 5
 BAO TƯ (xem THAN BAO TƯ).
 Bao Thiên, 33, 233, 346
 BÁO DO, 104

- Bảo Hoa, 271
 Bảo Hòa, 35
Bảo Hòa dù bùi, 480
BẢO NGHĨA VƯƠNG, 366
BẢO NINH ĐẠI VƯƠNG, 509
BẢO PHỦ, 26
 Bảo Thai, 19
BAO ỦY HAU, 441
BAO ỦY VƯƠNG, 441
BANH TỎ, 45
 Bạc Ban, 63
 Bạc Giang, 49
 Bạc Nam, 228
BANG VƯƠNG LA DUÈ, 172
BAT NHUE BAT MA, 102
BI KÝ, 120
 Biển Kinh, 178
 Biển Lương, 245
Biết học, 77
Binh gia dien ly yeu hok, 396
BINH CHƯƠNG HUE TUC VƯƠNG, 442
BINH DƯƠNG CONG CHUA, 212
BINH DINH VƯƠNG, 549, 550, 551, 552, 553,
 554, 555, 556, 557
 Bình Giang, 48
 Bình Kiều, 147
 Bình Lê Nguyên, 343
 Bình Than, 362
 Bình Văn, 42
BINH VƯƠNG, 141
 Bò Cồ, 37
BO KIEN, 372
BO KIEN, 47
BO LA AT, 170
BO PHA LÁC, 31
BO PHA LÁC, 122
BO CAI ĐAI VƯƠNG, 122
BO DONG, 501
 Bò Hải, 218
 Bò Hải Khẩu, 147
BO KHA, 221
BO LINH, 203, 221
BO TRI, 104
BO DICH, 362
BO CHAT, 18, 84
 Bóng Bì Thế, 124
BỘT HỘT TRUẬT, 384
 Bột Né, 120
BÙI BA KÝ, 522
BÙI BA NGANG, 477
BÙI CÚ, 115
BÙI ĐŨ, 19
BÙI ĐỎ, 309
BÙI HANH, 124
BÙI HẮP, 477
BÙI KHẨM, 332
BÙI KHOAN, 456
BÙI MỎ, 402
BÙI MỘC ĐẠC, 411, 422, 424
BÙI MỘC DAO, 402
BÙI MỘNG HOA, 495
BÙI NGUYỄN DỰ, 126
BÙI NGUYỄN HỮU, 126
BÙI PHONG, 351
BÙI QUỐC KHÁI, 299
BÙI THAI, 123
BÙI UNG ĐẦU, 528
- C**
- CA ÔNG**, 153
CAC SAN, 319
CAM LỀ, 86
CẨM THÀNH HOÀNG HẬU, 182
CÀN HANH, 137
CÀN HÓA, 137
CÀN NGUYỄN, 137
CÀN PHỦ, 133
CÀN PHỦ HỮU DAO, 26, 218
 Càng Lầm, 229
CÁNH CHÂN (xem **NGUYỄN CÁNH CHÂN**).
CÁNH HƯNG, 28
CÁNH NGUYỄN, 94
CÁNH THỊNH, 5, 7, 8
CÁNH THỦY, 26
CAO BÁO, 92, 155
CAO BIỀN, 46, 47, 124, 126, 130, 132, 133, 136

- Cao Biền truyện, 132
 CAO CHÍNH BINH, 120, 122
 CAO DÉ, 55
 CAO DƯƠNG LONG, 303
 CAO HÀU, 54, 55
 CAO MỎI, 253
 CAO SĨ LIÊM, 115
 CAO SUNG VĂN, 130
 CAO LỒ, 46
 CAO TÂM, 133
 CAO THẬN, 55
 CAO THONG, 47
 CAO TÔNG, 19
 CAO TÔNG HOÀNG DÉ (xem LÝ CAO TÔNG), 296
 CAO TUẤT LUẬT THÌ LA BAT MA, 102
 CAO TUẤT THANG KHAI TRUNG, 102
 Cao Yêu, 105
 CÁO NUÔNG, 107
 CÁP DẠP NHI, 367
 CÁT DUY, 126
 Cat La Nguyễn, 354
 CÁM LAN, 552
 Cám Khê, 74
 Cám Điện, 126
 CÁU LA MA, 62
 CÁU THI LY HÀ THẬN BÀI MA LA, 172
 Chàng Long, 287
 Chân Dâng, 214, 237
 Chân Định, 50, 54
 Chân Giáo, 204
 Chân Lạp, 127, 199, 266, 270, 272, 273
 CHÂN BẢO HOÀNG HÀU, 254
 CHÂN LONG, 124
 Châu Ai, 223
 Châu Văn, 222, 223
 CHÉ A NAN, 439, 444
 CHÉ BI LA, 287
 CHÉ BỘ DÀI, 406
 CHÉ BÓNG NGA, 473, 480, 490
 CHÉ CAI, 174
 CHÉ CHÍ, 413, 414
 CHÉ CỦ, 238, 253
 CHÉ DA BIỆT, 505
 CHÉ DA DA, 407
 CHÉ MA NA, 253
 CHÉ MA NÓ ĐÀ NAN, 513
 CHÉ MÂN, 406, 407
 CHÉ MỎ, 444
 CHÉ NẮNG, 358, 426
 CHI HÀU DIỀU NỮ, 179
 Chi Lăng, 364
 Chi ngôn nhất xuất, 509
 Chi Linh (núi), 36
 Chích quái hắc, 247
 CHIÈM BA DỊCH, 536
 Chiêm Bà (nước), 124
 Chiêm Bát Lao (nước), 124
 CHIÈM CÓ, 556
 Chiêm Chiêu, 429
 Chiêm Thành, 32, 33, 35, 36, 41, 43, 127, 161,
 168, 199, 203, 235, 243, 270, 272, 273, 286,
 287, 304, 323, 339, 362, 370, 400, 426, 441,
 510
 Chiêu Bạc, 337
 CHIỀU ĐỊNH VƯƠNG NGUNG, 486
 CHIỀU LINH HOANG THAI HÀU, 296
 CHIỀU MINH DAI VƯƠNG, 346, 347, 389
 CHIEU QUÂN, 406
 CHIỀU QUỐC VƯƠNG, 351, 367
 CHIỀU THANH CONG CHÚA, 344
 CHIỀU THÁNG, 26
 CHIỀU TÚ HOÀNG THAI HÀU, 452
 CHIỀU TÚ HOANG THAI PHI, 452
 CHIỀU VÂN VƯƠNG, 351
 CHINH NAM CHU LANG TƯƠNG, 84
 CHINH BINH, 31
 CHINH HOA, 5
 CHÍNH LONG BÁO LUNG, 26
 Cho Dưa, 332
 CHU AN, 465
 CHU BA, 120
 CHU BAC LÂM, 345
 CHU BAT KHUẾ, 185
 CHU BAT VÂN, 185
 CHU BỘ, 419
 CHU BỘT, 311
 CHU CHƯƠNG, 70, 71
 CHU CÔNG, 34
 CHU CÚ KINH, 37
 Chu Duy, 29
 Chu Điện, 41, 72, 102

- CHU DU, 76
 CHU DUC DU, 448
 CHU HINH, 342
 CHU HY, 12, 105
 CHU KHAO DINH, 40
 CHU KINH, 87
Chu Xuan, 269
 CHU NGUNG, 29, 80
 Chu Nhau, 19, 55, 70, 72
 CHUNHAI, 126
 CHU NOAN VƯƠNG, 25, 44
 CHU ON, 140
 Chu Phap, 96
 CHU PHIEN, 93
 CHU PHU, 80
 CHU TAO, 55
 CHU THAI, 145, 146
 CHU THAI VƯƠNG, 58
 CHU THIEN NGUYỄN, 184
 CHU THUC MINH, 130
 CHU THỦ, 120
 CHU TOAN DUC, 134
 CHU TOAN TRUNG, 135, 140
 CHU TRONG NGAN, 355
 CHU TUAN, 79
Chu Tuân truyện, 80
 CHU VAN TRINH, 443
 CHU XUONG, 78
Chau Quan, 87
 CHUC LUONG, 79
 Chuc Ly, 28
 CHUNG QUAN, 62
 CHUYEN HUC, 60
 CHU CUU, 143
 CHU DONG TU, 103, 105
 Chương Dương, 32, 144
 CHUONG DUONG CONG, 32, 144
 Chương Đức, 27
 CHUONG HIEN HAU, 366
 CHUONG THANH HAU, 308
 CHUONG THANH GIA KHANH, 26
 CHUONG TINH VƯƠNG NGUYEN HY, 491
 CHUONG VU DAI VƯƠNG, 470
 CO VIET, 153
 CO BI, 91
Coi mi sao ngắn, 339
 Cổ Dung, 119
 Cổ La, 120
 Cổ Lam, 224
 Cổ Loa, 17, 46
 Cổ Pháp, 187, 202
 Cổ Sở, 202
 Cổ Xám (đồng), 77
 Cồn Lòn (nước), 120
 Cồn Lòn (thành), 46
Còn Sơn ca, 492-493
 CÔNG TÔN KIỀU, 259
 CÔ DAN, 145
 CÔ TÚ, 58, 59, 60
 CÙ HÀU, 30, 62, 63, 64, 65
 CÙ LAC, 63
 CÙ THỊ, 61, 62, 63
 CÙ HẮP, 258
 CUNG CHANH VƯƠNG, 467
 CUNG DINH VƯƠNG PHỦ, 463
 CUNG GIÁN VƯƠNG NGUYỄN THANH,
 442
 CUNG MÂN VƯƠNG NGUYỄN HÙ, 442
 CUNG TÍN VƯƠNG, 451
 CUNG TỈNH (DAI) VƯƠNG, 428, 437
 CUNG TÚC VƯƠNG, 438, 456
 CUNG TUYỀN ĐẠI VƯƠNG KÍNH, 468
 CUNG TUYỀN VƯƠNG KÍNH CHƯƠNG,
 463
 Cung Giang, 177
 Cử Trang lục, 122
 Cử Long, 177, 198
 CÙ LANG, 33
 CƯU MA LA THÁP, 274
 Cửu Chân, 17, 18, 19, 30, 42, 79, 88
 Cửu Đức, 42, 101
 CỬU PHẠM, 37
Cai Đường thư, 116
- D
- Đà Nẵng (đồng), 105
 Đà Nẵng (nước), 107
 Đà sét biệt lục, 122

- DA TƯƠNG, 364
 Da Lang, 63, 66
 Da Trach, 32, 103, 105
DA TRẠCH VƯƠNG, 103
 Dam Đam, 33, 233
DAT THỦ, 247
 Di Hac, 6
Di hâu lục, 354
 Di Liêu, 129
 Dien Hồ, 194
 Dien Hồng, 363
Diên Hưu truyện, 119
DIÊN THANH HÀU, 255
 Dien Uẩn, 185
 Dien Châu, 205
 Diệu Đức, 194
DOÀN BANG HIỀN, 423
DOÀN TÚ TƯ, 291, 292
DOANH, 54
DOANH TÀN, 107
DU CHI BA LAM, 412
DU TỔNG HOÀNG ĐỀ (xem TRẦN DU TỔNG).
 Dực Thúy, 447
DỨC TUYỀN, 285
DUỆ TỔNG HOÀNG ĐỀ (xem TRAN DUÉ TÖNG).
 Duênh Bà, 299
 Dung Châu (cảng), 132
DUNG HOA, 215, 220
Dư hử (tập), 35
DƯ TÌNH, 235
DƯ TỘN CÓ, 132
DƯ NƯƯƠNG, 37
DƯ THÁ, 333
DƯ THIỆN, 61
DỨC THANH VƯƠNG, 201, 204
DƯƠNG AN DƯỜNG, 347
DƯƠNG BANG BẢN, 28
DƯƠNG BINH, 93
DƯƠNG BỘC, 63, 65
DƯƠNG CÁNH THÔNG, 34
 Dương Chau, 34
DƯƠNG CHINH CONG, 31
DƯƠNG CHƯƠNG, 275
DƯƠNG DIEN NGHÈ, 151
DƯƠNG DA BAI, 172
DƯƠNG ĐÌNH NGHE, 31, 137, 138, 139, 151
DƯƠNG HÀNH, 134
DƯƠNG HÀU, 142
DƯƠNG HOAN, 254, 255, 256, 262
DƯƠNG HUNG, 47
DƯƠNG HUY, 146
DƯƠNG KHƯƠNG, 459
DƯƠNG KÝ HÒN, 133
DƯƠNG NHẤT LỄ, 24, 27, 439, 459, 460, 461, 462, 463
DƯƠNG Ô, 265
DƯƠNG PHIỀU, 102, 103
DƯƠNG PHÓ CÀU TY TRÀ XA LỊ, 172
DƯƠNG QUẢNG, 184
 Dương Sơn, 53
DƯƠNG TAM KHA, 16, 24, 25, 26, 31, 32, 141, 142, 144, 148
DƯƠNG TÁC, 89
DƯƠNG THANH, 19, 124, 125, 126
DƯƠNG THI, 240
DƯƠNG THI (DƯƠNG VAN NGA), 167
DƯƠNG THI THẾ, 6, 20
DƯƠNG THỦY, 424
 Dương Thủ Dương (thanh), 132
 Dương Thủ Mỹ (thanh), 132
DƯƠNG TIỀN LỘC, 172
DƯƠNG TÓ, 109, 110
DƯƠNG TRÁP TƯ, 130
DƯƠNG TRƯỜNG HUẾ, 201
DƯƠNG TỰ TÀN, 128, 129
DƯƠNG TỰ MINH, 280, 281
 Dương Tuyên, 41
DƯƠNG TỰ HUC, 31, 119
Dương Tự Hưu truyện, 119
DƯƠNG VAN KIỆT, 175
 Dương Xa, 141
 Dương Chuyết thi van, 8

D

- Da Cai, 177
 Da Cuong, 101
DA LA THANH, 412

- Dai Mỹ, 207
Dai Ác (cửa biển), 108, 224
Dai An, 108, 224
DAI BÁO, 28
Dai Cò Việt, 152
Dai Côn Lôn, 120
Dai Dú (deo), 63
DAI DINH, 26, 27
DAI ĐÔNG, 25
DAI HANH HOANG ĐE (xem LÈ DAH HANH)
Dai Hoàng, 151, 178, 304
Dai hoc, 29
Dai Hưng, 194
Dai hường hải án thi tập, 408
DAI KHANH, 27, 416
Dai La, 124, 131, 248, 354
Dai Ngu, 506
Dai Neuyen Lịch, 204
Dai Nha (cửa biển), 108
DAI PHƯƠNG, 289
Dai Thanh nhất thông chí, 77
DAI THÁNG MINH HOANG HẬU, 167, 177.
Dai Thang Tu Thiên, 234
DAI THÁNG VƯƠNG, 324
Dai Thuần, 59
Dai Tieu Truong Sa, 225
Dai Ty (ký thi tiền sỹ), 335
Dai Văn (núi), 168
Dai Việt, 137
Dai Việt sử ký, 8, 23, 27, 353
Dai Việt sử ký tiền biên, 5, 7, 8, 12, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 23
Dai Việt sử ký toàn thư, 5, 7, 21, 125, 129
Dai vương HÀNG, 55
Dam Dam (đè), 407
DAM CHAU, 170
DAM DI MÓNG, 34, 300, 302, 304, 307
DAM DAO TE, 38
DAM GIA NUONG, 152
DAM HỮU LƯƠNG, 281
DAM SI TẮC, 126
DAM THI PHUNG, 299
DAM THI, 299
Dam Nhì, 55, 70, 77
DAN GIA, 153
DAN HOA CHI, 96, 97
DÀNG *Dò*, 204
DÀNG *Hàng*, 130
DÀO *Ao*, 152
DAO CAM MOC, 34, 186, 189, 201
DÀO CÀN, 173
DÀO DIỄN, 336
Dào Giang, 18, 105
DÀO HOÀNG, 18, 81, 89, 90, 91
DÀO KHẨN, 92
DAO KHANH VÂN, 198
DAO KHIẾT, 37
DAO LANG VƯƠNG, 18, 24, 25, 105, 107, 112
DÀO MY, 81
DÀO SỰ TÍCH, 471, 480
DAO TÈ LUÔNG, 120
DÀO THAC PHU, 34, 199, 203
DÀO THÈ QUANG, 354
DAO THUẨN, 263
DÀO THỤC, 81
DÀO TIỀU, 354
DAO TỔNG NGUYEN, 248
DAO TUY, 81
DAO TỬ KÝ, 387
DAO VĂN DỊCH, 458
DAO XÚ TRUNG, 223
DAO XҮ TRUNG, 34, 209
DAO CHÍCH, 365
Dac Ma, 231
Dàng Cư, 47
Dàng Văn (chuông), 315
Dàng Châu, 32
DÀNG DÒN CHI, 94
DÀNG TUẦN, 93
DÀNG DIỄN, 326
DÀNG DUNG, 37, 534, 543
DÀNG HUYỀN QUANG, 154
DÀNG KÉ, 351
DÀNG KHANH HƯƠNG, 275
DÀNG LA MA, 336
DÀNG LONG, 380
DÀNG MINH KHIÊM, 60
DÀNG NGHIÊM, 299
DÀNG NHUỘNG, 71
DÀNG NHƯƠNG, 70
DÀNG TÁO, 422
DÀNG TẤT, 37, 38, 495, 527, 531, 532, 533, 534

- DÂNG THÊ TƯ, 237
 Dâng Thiểm, 131
DÂNG TUẦN, 88
DÂNG VĂN, 407
DÂNG VŨ, 113
DAU LÉ, 124
DAU DUNG, 82
Đè châm, 469
DE CÓC, 301
DE MINH, 25, 39
DE NGHĨ, 44
Đé Giang, 267
Địa lý chí nam, 483
Địa lý di cảo, 134
Địa lý Hoàng Phù cảo, 134
ĐỊCH NHÂN KIẾT, 300
ĐỊCH THANH, 230
ĐIỀN NGUYỄN, 377
ĐIỀN NGỤ GIAC HOÀNG, 408
ĐINH BỘ LĨNH (xem **ĐINH TIỀN HOÀNG**)
ĐINH CÔNG TRỨ, 151
ĐINH CÚNG VIÊN, 37, 353, 363, 365, 371,
 384, 390
ĐINH DIỀN, 32, 159, 160
ĐINH KHẨ, 309
ĐINH KHANH AN, 258
ĐINH KIÊN, 119
ĐINH LIỀN, 145, 146, 147, 153, 156, 157
ĐINH LỘC, 221
ĐINH NGỎ THƯỜNG, 209
ĐINH THỦA CHÍNH, 173
ĐINH TIỀN HOÀNG, 8, 12, 23, 24, 154, 32,
 33, 145, 146, 147, 148, 151, 154, 156, 157
ĐINH TOÀN, 155, 156
 Đinh Nguyên, 214
ĐINH PHIÊN VƯƠNG, 174
DOAN KINH CHI, 201
DOAN NGHIA TONG, 133
DOÀN NHÚ HAI, 36, 392, 393, 401, 405, 413,
 426, 433, 434
DOAN THƯỜNG, 308, 314, 319, 323
DOÀN TÙ THIỀN, 129, 130
DOÀN TÚ, 432
DOÀN XUÂN LÓI, 481
Đoát sau Chưởng Dương đòn, 370
 Đo ho phu si sú, 154
Dô Long (núi), 110
DÔ BÀ, 120
DÔ BẢN, 415, 473
DÔ KHOAN, 215
DÔ THỦ, 48
DÔ AN ĐÌ, 290, 296, 300
DÔ ANH HÀN, 31, 122
DÔ ANH TRIỆT, 307
DÔ ANH VŨ, 34, 59, 278, 279, 280, 282, 283,
 284, 285, 290
DÔ CÁNH CÔNG, 147
DÔ CÁNH THẠC, 32, 146, 147
DÔ CHÍNH LUÂN, 116
DÔ DÃ KHA, 477
DÔ DÃ MỘC, 353
Dô Đông, 32, 147
Dô Đông Giang, 147, 176
Dô Gia, 265
DÔ HANH, 175
DÔ HOÀNH VÂN, 81
DÔ HOÁNG VÂN, 95
DÔ HOÀNG, 92
DÔ HƯNG, 220
DÔ KHANH, 222, 271
DÔ KHẮC CHUNG, 359, 365, 378
DÔ KÍNH TU, 307
DÔ LỄ, 473
DÔ MÃN, 509
DÔ MÃN, 502
DÔ NGUYỄN THIỀN, 269
DÔ QUÁNG, 306
DÔ QUỐC KẾ, 383
DÔ QUỐC TA, 351
DÔ SÂM, 210
DÔ SUNG, 254
DÔ TAN, 92
DÔ THÈ MÃN, 504
DÔ THỊCH, 33, 151, 157
DÔ THIỀN HU, 378, 415, 435
DÔ THIỀN THỦ, 359
DÔ THỦ DÀNG, 128
DÔ TÌNH, 502
DÔ TÒN THANH, 127
DÔ TUỆ ĐÔ, 81, 94, 95
DÔ TÙNG CHI, 115
DÔ TÚ BÌNH, 442, 452, 454, 469, 477, 478, 479

ĐÔ TÙ HIẾN, 486
 ĐÔ TÙ MÂN, 487
 ĐÔ TÙ TRUNG, 487
 ĐÔ VIÊN, 18, 81, 94
 ĐỘC TANG DAT, 96
 Đời Sơn, 170
 ĐОН HOA BA, 28
 ĐОН TÙ HOÀNG THAI HAU, 442
 ĐОН TÙ HOÀNG THAI PHI, 469
 Đồng Áu, 55
 Đồng Bộ Đầu, 331, 344
 ĐỒNG CHINH VƯƠNG, 203, 205, 218
 Đồng Cửu, 130
 Đồng Di, 59
 ĐỒNG HẠN, 23, 25, 76
 Đồng Hồ, 48
 ĐỒNG HƠN HAU, 184
 Đồng Lai, 129
 Đồng Ngạc, 27
 Đồng Ngan, 46, 48
 Đồng Phu, 147
 ĐỒNG PHƯƠNG SƠC, 407
 Đồng Sơn, 27
 ĐỒNG THANH VƯƠNG, 172
 Đồng Việt, 65
 Đồng Cố (núi), 168
 ĐỒNG DỊNH, 213
 ĐỒNG HỒ, 12
 ĐỒNG PHUNG, 85
 ĐỒNG ĐỊNH, 29, 39
 Đồng Mùn, 182
 Đồng Định (hồ), 41
 ĐỒNG THIỀN CÔNG CHUA, 236
 Đời Quyết, 303
 Đức Châu, 102
 Đức Hòa, 119
 ĐƯỜNG AI TỔNG, 25
 ĐƯỜNG AN CÔNG CHUA, 121
 Đường Lâm, 31, 32, 141, 147
 ĐƯỜNG MÓNG, 65, 66
 ĐƯỜNG NGOT ĐOI, 362
 ĐƯỜNG NGOT PHẢN, 379
 ĐƯỜNG NGOT Y, 367, 373
 ĐƯỜNG THAI TỔNG, 34
 Đường Tham, 50
 Đường thê kỵ, 126

Dương thư, 119, 121, 125, 126, 128, 129
Dương thư địa lý chí, 130

G

GIA CAT ÁN, 134
 GIA CAT LUONG, 52
 GIA LONG, 7
Gia ngũ, 91
 Gia Ninh, 102
 GIÁ MANH KIÊN, 80
 GIÁ QUYÊN CHI, 72
 GIÁ THỰC, 161
 GIÁ TÔNG, 80
 GIÁ XƯƠNG, 78
 GIÁN DINH DÉ, 24, 27, 37, 524
 GIÁN DINH VƯƠNG, 530
 GIÁN HOANG, 36
 GIANG CÚ VONG, 164
 GIANG DU, 95
Giao Châu, 17, 20, 95, 96, 99
Giao Châu ký, 133
Giao Chi, 17, 19, 39, 41, 52, 99
Giao Chi chí, 88
 GIAO CHỈ QUÂN VƯƠNG, 155, 174
Giao Chi Quận Vương (án), 182
 Giao Nam, 17
Giao Quang Xuân Thu, 70
 GIANG HAO, 537
 Giải Trưởng, 196
 GIỚI TỬ THỜI, 331

H

HA BÓNG, 344
 Ha Đông, 177
 HA DỨC LÀN, 37, 496
 HA KHUẬT, 343
 HA TẤT NÀNG, 380
 Hà Tây, 15
 HA THỤ, 215

- HA THUY NHAM, 384
 HA TRAC TUAN, 200, 201
 HA U, 282
 HA VAN TRINH, 218
 HA VIEN, 210
 HA XUONG, 71
 HA DUC, 96
 Ha Dương, 66
 HA HAU KHAO, 130
 HA HAU LAM, 93
 HA LAI TUONG QUAN, 63
 HA NGHI, 350
 HA NGU, 40
 HA PHUONG, 79
 HACH THU TUAN, 161
 HAI BA TRUNG, 5, 17, 19, 20, 69
 Hai Linh, 31
 Hai Mon, 129
 Hai Nam, 39, 115
 Ham Dương, 47, 54, 138
 Ham Nguyen, 199
 Ham Quang, 199
 Ham Tân, 138
 Ham Tú, 37
 Ham Từ Quan, 367
 HAN AN QUOC, 61
Hàn các anh hùng, 5
 HAN DU, 362
 HAN THIEN THU, 63
 HAN THUYEN, 362
 HAN TIN, 54
 HAN UOC, 126
 HAN CAO TO, 29, 53, 113, 145
 Han chí, 19
 HAN KIEN VU, 25
 HAN NGUYEN DINH, 25
 HAN QUANG VU, 25, 74, 113
Hán Quảng, 321
 HAN THUONG (xem HO HAN THUONG).
 HAN VAN DE, 56, 57
 HAN VU DE, 25
 HAN VUONG, 180
 HANG LANG, 145, 156, 157
 HANG VU, 145
 HANH LAP, 19
 HANH QUAN VUONG, 174, 181
 HANH SANH, 362
 HAO NAM VUONG, 106
 HAU CANH, 106
 HAU NHAN BAO, 161, 166, 552
Hàu Hán thư, 75, 80
 HAU NAM DE, 18, 24, 25, 31, 107
 HAU NGO VUONG, 24, 25, 141
 HAU TRAN, 24
 HIEN HIEU, 188
 HIEN VIEN, 188, 301
 HIEN NGHIEU THANH THO THAI
 THƯƠNG HOANG DE, 345
 HIEN TRINH CÔNG CHUA, 436
 HIEN DE, 18, 25
 HIEN TONG HOANG DE (xem TRAN HIEN
 TONG).
 HIEN TONG MONG KHA, 343
 HIEN KHANH VUONG, 188
 HIEN TRINH THAN PHI, 469
 HIEN TU THUAN THIEN HOANG THAI
 HÀU, 336
 HIET, 40
 HIEU CANH DE, 57
 HIEU HUE DE, 54
 HIEU TU THANH THAN VAN VU HOANG
 DE, 263
 HIEU VU DE, 57
Hinh thư, 224
 HINH VAN BAC, 486
 Hoa Cat, 177
 Hoa Lu, 145, 151, 153, 193
 HOA CHI, 92
 HOA TRONG, 67
 Hoai An, 123
 HOAI DAO VUONG, 310
 Hoai Hoan, 42
 HOAI NAM VUONG AN, 61
 HOAI NHAN VUONG, 362
 HOAI PHUC, 123
 HOAI VAN HAU, 362
 Hoan Chau, 31, 101, 183, 198
 Hoan Dương, 183
 HOAN HUYEN, 162
 HOAN ON, 93
 HOAN TRI, 86
Hoan tu kỵ, 55

HOA VĂNG 109, 124
HOANG BINH 54, 548
HOANG CUC DAU 544
HOANG DIEU KIEN SAU CHI
HOANG HIEP 59
HOANG HOAN 78
HOANG HOANG KHANG 80, 806, 808, 817
HOANG LAM 10, 100
HOANG LANH TAT 17, 170, 171
HOANG LINH 10
HOANG LUONG 20
HOANG MAI 10
HOANG LEHNG DUC 10
HOANG LUONG HUU 10, 100
HOANG PHAP KIEN 10
HOANG PHUC 10, 100, 101, 102, 103, 104
HOANG PHUNG THE 10, 100
HOANG QUANG THANG 10
HOANG TA THOM 10
HOANG TRANH NHUA 10, 100
HOANG TRIEN DAY DEN 10
HOANG TRUNG 10
HOANG TU YNH 10
Hoang Tu HOANG 50
Hoang Tu SAM 10
Hoang Vu VIENG 10
HOANG VI LENH 10
HOANG VIU 10
Hoang Vu 10
Hoang Vu Dzung 10
HOANG GIAO 10, 100
HOANG QUANG 10, 20
HOANG THANH DAY TUONG 20
HOANG THAO 10, 100, 101, 102, 103
HOANG VAN 10
HO CUCON 10
HO DINH 10
HO HANH THI LONG 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317
HOI SINH 10, 100, 101, 102, 103, 104, 105
HO HOAI NGHIA 100
HO HUA 10
HO HUNG DAT 50
HO MAI KINH 10
HO NGUYEN TITUNG 50, 521

HUNG BINH. 27
 HUNG DAI. 27
 HUNG DAO DAU VUONG. 100, TRAN
 QUOC TAN.
 HUNG DAO VUONG. 100, TRAN QUOC
 TAN.
 HUNG HIEU VUONG. 20
 HUNG KHANG. 27
 HUNG KHONG DAI VUONG. 20
 HUNG KHONG VUONG. 20
 HUNG QUOC QUANG TRANH HOANG
 THAI HIEU. 18
 HUNG TRU QUOC. 10
 HUNG VI VUONG. 20
 HUA DO. 20
 HUA TRONG TUEN. 20
 HUNG LONG. 27
 HUNG THONG. 20 >
 HU SAI. 27
 HY. 20
 HY BIAO. 20 > 20
 HY SAI. 27
 HY THE. 20
 HY THUC. 27

I

KHAI BINH. 25
 KHAI DAL. 27
 KHAI HOANG VUONG. 215, 217
 KHAI HUU. 27
 KHAI MINH DAI VUONG. 10
 KHAI MINH VUONG. 24, 30, 134, 136, 138
 KHAI NGUYEN. 10
 KHAI PHONG VUONG. 10
 KHAI QUOC VUONG. 20

K

Khitong Công Phu truyện, 121
KHƯƠNG CÔNG PHÚC, 19, 120
KHƯƠNG QUỐC THƯƠNG TƯƠNG, 209
KHƯƠNG TRANG, 93
KHƯƠNG TRANG, 93
Kiem Ky, 134
Kiem Nam, 119
KIEN AN, 25
KIEN DUC, 65
KIEN DUC DAI VUONG HIEN, 475
KIEN GIA, 26
Kien Khang, 98
KIEN KHANG VUONG, 299
KIEN QUOC DAI VUONG, 310
Kien So, 43
KIEN TAN, 27
KIEN TRUNG, 26
KIEN VU, 25
Kien Giang (thanh), 77
Kiet Dao, 449
KIET HIET, 114
KIEU CONG TIEN, 31, 32, 139
KIEU HUYEN, 76
KIEU THUAN, 32
KIEU CONG HAN, 147
KIEU HIEN, 332
KIEU LЕНH CONG, 147
KIEU QUOC, 153
KIEU THUAN, 147
KIEU TAM CHE, 147
KIEU TRI HUU, 146
Kieu Nam, 115
KIM ANH KIET, 34
Kim Au, 36
KIM DINH A PHO, 258
Kim Khe, 74
Kim Nguc, 109
Kim Ninh, 116
Kun nien (hai viết), 8, 12, 15
KIM TRUNG LIET, 50
Kinh Dich, 59, 90, 100, 133, 155, 168
Kinh Dai Tang, 181, 216
Kinh Ho, 181
Kinh Kim cương, 422
Kinh Lé, 300
Kinh Tam Tang, 196

Kinh Tang, 196
Kinh Thu, 149, 210, 299
Kinh Thu, 67, 224
Kinh Xuân Thu, 18, 32, 37, 40, 81, 219, 293, 352
KINH DUONG, 39
KINH DUONG VUONG, 15, 23, 24, 25, 29, 39,
 40, 41, 44
Kinh Man, 60
KINH THIEN DAI VUONG, 172, 177

L

LA HANH CUNG, 127
La Hoc (nước), 298
LA NGAI, 491
LA NGAI, 510
LA NHU KINH, 564
La Thành, 31, 125, 126, 131, 134
LA TU, 471
LÀ DUONG, 147
LÀ HÀU, 269, 311
LÀ HOÀNG, 71
LÀ TA CONG, 147
LÀ THAI HÀU, 54
LÀ TRÌ, 75
LA XU BINH, 146
Lac (sông), 132
Lac duu, 389
LAC DIEU THI NGU, 130
LAC LONG QUAN, 15, 23, 24, 25, 29, 39, 40,
 41
LAC VIET, 39
Lai Lao, 94
LAI CUNG, 82
Lam Son, 549
Lam Son, 34, 251
Lam Son da yến, 251
lon anh hoàng hau, 254
LAN DA TINH, 221
Lang Mang, 119
Lang Bac, 6
LÀNG CONG, 32

- Làng Khung, 131
 Làng Tia, 214
 Làng Sô, 28
 Lành Kinh (Mạc), 251
 Lão Qua, 43
LAO TÚ, 260
LÀNG SÁCH, 180
 Lam Ấp, 20, 30, 95, 101, 102, 114
 Lam Ba (cầu), 336
 Lam Bình, 245
LAM ĐÔ PHÙ SINH NAM, 119
LAM LƯ'HÀU, 55
LAM PHÙNG, 132
LAM SĨ HOÀNG, 17, 52, 115
LAM THAO, 47
LAP GIAO HOANG HAU, 189, 202
LAP NGUYEN HOANG HAU, 202
LAU THUYEN TUONG QUAN, 63
LE A PHU, 37, 484, 485
LE BA NGOC, 256, 257, 258, 259, 263, 265
LE BA QUAT, 36
LE CÀNH, 37
LE CÀNH HƯNG, 15
LE CÀNH TUẤN, 539
LE CHI TRUNG, 180
LE CÚ, 348
LE CÚ NHAN, 447
LE DUY, 425
LE DŨ NGHI, 483, 486
LE DA, 353
LE DAI HANH, 19, 24, 26, 33, 158, 159, 160, 161, 162, 163
LE DINH, 174
LE GIAC, 17
LE HAN THƯƠNG, 503
LE HẮP NI, 180
LE HIỀN PHỦ, 471
LE HOÀN (xem **LE DAI HÀNH**)
LE HY TONG, 5
LE KHAC KHIÈM, 491
LE KHAC PHUC, 354, 358
LE KINH PHU, 353
Le kỳ tue bien, 16, 23
LE LÀC, 37
LE LÉ, 558
LE LONG ĐÌNH, 175, 177, 178, 180, 181
LE LONG TICH, 177
LE LONG VIET, 177, 178
LE LỐI, 549
LE LY, 550
LE MÀT ÔN, 477, 480
LE MICH, 166, 309
LE MUC, 360
LE NGÂN, 550
LE NGOA TRIỀU, 33
LE NGUYỄN BƯỚU, 37
LE NHÂN THUNG, 496
LE ỐC THUYỀN, 182, 213
LE PHU TRAN, 338, 343, 344, 345, 347
LE PHUNG HIẾU, 199, 206, 207
LE QUAT, 452, 457, 458
LE QUY LY, 468, 473, 480, 482, 483
LE SAT, 561
LE TAI NGHIEM, 193
LE THAI, 343
LE THI KHẮC VIEN, 469
LE THIEU DÌNH, 563
LE THU, 562
LE THÚC HIỀN, 168
LE TÍCH, 35
LE TONG GIAO, 377
LE TÔNG NGUYỄN, 407
LE TRÁC, 366
LE TRẦN, 554
LE TRUNG TÔNG, 24, 33
LE TUẤN, 360
LE TUNG, 5, 15, 16, 28, 29
LE TUY KIM, 354
LE VĂN, 301
LE VĂN BÁY, 6
LE VĂN HỮU, 5, 15, 16, 27, 58, 59, 60, 66, 74, 84, 96, 104, 132, 141, 144, 146, 153, 167, 179, 188, 194, 207, 211, 215, 219, 223, 260, 264, 266, 267, 284, 287, 336, 353
LE VĂN THỊNH, 244, 250, 252
LE VĂN, 554
Lê Thiên, 328
Lịch sử văn học Việt Nam, 122
LICH TU CO, 269
Liêm Châu, 183
Lịt nữ truyện, 120
Lieu Dong, 58

- LIEU GIA TRINH, 34, 210
 LIEU NGU, 283
 LIEU THU TAM, 183
 LIEU SÓ HIEN, 116
 LIEU THANG, 38, 528, 561, 562
 LIEU TONG NGUYEN, 124
 LINH BAO, 158
 LINH DUC DAI VUONG, 483
 LINH HIEN THAI HAU, 208, 250
Linh Kim tang, 509
 LINH NHAN HOANG THAI HAU, 240
 Linh Quang (nô thần), 46
 LINH TU, 36
 LINH TU QUOC MAU, 346
 Linh Biêu, 29, 30
 Linh Kieu, 115
 Linh Nam, 18, 59, 115
Linh nam chich quan, 40, 46, 103, 105
 Linh Ngoai, 30
Linh dai, 242
 Loa Thanh, 29, 46, 50
 Long An, 194
 LONG BANG, 184
 Long Bien, 18, 70, 100, 101
 LONG BIEN HAU, 95
 Long Chau, 48
 LONG CHUONG THIEN TU, 26
 LONG DO DINH HAU, 83
 Long Doi, 33, 335
 Long Hung, 101
 LONG KHANH, 27
 LONG MAN, 131
 LONG PHU, 26
 Long Phuong, 334
 Long Thuy Han, 252
 Long Thuy Hop, 252
 Long Thuy, 194
 LONG THUY THAI BINH, 26
 Long Tri, 296
 Long Ty, 212
 Long Xuyen, 17, 52
 LONG XIUONG, 286
 LO TUAN, 94
 LO TU HUNG, 102
 LO QUANG CONG, 179
 LO VUONG DIEN KY, 487
 LO BAC DUC, 63, 65
 Lo Lac, 283
 LOC TUC, 39
Luân ngũ, 211, 496
 Luc Chan Lap, 120, 199
 LUC DAN, 88
 LUC GIA, 53, 54, 55, 56, 59
 Luc Hai, 41-42
 Luc Lanh, 280
 Luc Luong, 48
 Luc To, 192
 LUC TU PHU, 358
 Luy Lau, 70
 Luy Dung, 93
 LU DA TON, 161, 162
 Lu Lang, 97
 LU TO THUONG, 116
 LU DUNG CHI, 134
 LU DAI, 30, 85, 86, 87
 LU GIA, 30, 61, 62, 63, 64, 65, 87
 LU HUNG, 88
 LU NGUYEN KHANH, 122
 LUONG CAI, 269
 LUONG KHAC TRINH, 137
 LUONG LONG, 79
 LUONG MUA TAI, 222
 LUONG MINH, 38, 561, 562
 LUONG NGAN PHU, 155
 LUONG NGUYEN BUU, 500, 504
 LUONG NHAM VAN, 193, 209
 LUONG NHAN VAN, 34
 LUONG NHU HOT, 549
 LUONG TANG, 387
 LUONG THAC, 91, 92
 LUONG THAI TO, 25
 LUONG UAT, 362, 380
 LUONG VU DE, 35
 Luong Ha, 130
 Luong Ho, 130
 Luong Quang, 59, 130
 LUONG QUOC THAI TRUONG CONG
 CHUA, 467
 LUU AN, 137
 LUU BANG, 53
 LUU BI, 52
 LUU BIEN, 82

- LƯU BOT, 97
 LƯU CÔ, 32, 154
 LƯU DIỆM, 326
 LƯU DIEN HUU, 119
 LƯU DU, 94
 LƯU DUC, 532
 LƯU DINH TRUC, 379
 LƯU HAU, 184
 LƯU HOANG, 65
 LƯU HOANG THAO, 141
 LƯU HUNG, 93
 LƯU HUNG NGUY, 93
 LƯU KE TONG, 172
 LƯU KHAI, 97
 LƯU KHANH DAM, 260, 265, 267, 274, 291
 LƯU MIEN, 322
 LƯU MUC, 97
 LƯU NGAN, 87
 LƯU NGHIEM, 137, 140
 LƯU NGUYEN HANH, 415
 LƯU NHAM, 17, 52
 LƯU PHIEN, 94
 LƯU PHUONG, 110, 114
 LƯU TÁO, 79
 LƯU THIỀN, 17, 52
 LƯU THÚC KIËM, 509
 LƯU THƯƠNG, 37
 LƯU TRÀM, 92
 LƯU TRÜNG, 161
 LƯU TUÂN, 88, 532
 LƯU VĂN, 6
 LƯU VAN THUC, 75
 LƯU VŨ NHỊ, 34
 LƯU VŨ XUNG, 279
 Lý (châu), 33
 LY AN, 554
 LY ANH TONG, 20, 24, 26, 34, 278
 LY BANG CHINH, 293
 LY BAO, 263
 LY BÁO QUAN, 256
 LY BAT NHIEM, 309
 LY BÓN, 19, 20, 101, 104
 LY CANH CHI, 96
 LY CAO TONG, 2, 24, 26, 34, 296
 LY CAM, 81, 82, 83
 LY CHIEU HOANG, 24, 26, 34, 311, 312, 314, 315
 LY CONG BINH, 34, 263, 264, 265
 LY CONG UÂN, 179, 185, 192
 LY CÔNG TÍN, 290
 LY CƯ GIÁN, 174
 LY DI, 94
 LY DICH, 94
 LY DO ĐỘC, 127
 LY DU ĐÓ, 289, 292
 LY DUY CHU, 130
 LY DU, 145
 LY DAI QUYEN, 110
 LY DAO DU, 115
 LY DAO HUNG, 116
 LY DAO KY, 34, 210
 LY DAO NGAN, 116
 LY DAO THANH, 34, 240, 243, 250
 LY DAO TONG, 116
 LY ĐÓ, 172
 LY GIAC, 169, 253
 LY HÃNG, 368
 LY HIẾU ỦY, 47
 LY HOA THUÂN, 137
 LY HO, 127, 128
 LY HUC, 89
 LY HUẾ TÔNG, 24, 26, 34, 308, 320
 LY KHÁN, 390
 LY KHANH, 561, 562
 LY KHANH THÂN, 264
 LY KHANH VÂN, 192
 LY KHẮC CHINH, 137
 LY KHUẾ, 147
 LY KIỀN TRUNG, 175
 LY KINH TU, 34, 298
 LY KY, 517
 LY LÂNG CÔNG, 147
 LY LONG ICH, 299
 LY LONG TRAT, 292, 293,
 LY LONG XƯỜNG, 293, 298
 LY MANH THU, 120
 LY MAT, 210
 LY NAM DÉ, 18, 19, 24, 30, 101, 104, 105, 108,
 109, 110, 111, 112, 113
 LY NGHĨA VĨNH, 281
 LY NGUYEN GIA, 125
 LY NGUYEN KHAI, 98
 LY NGUYEN TÔ, 125, 126

1

NAM THIEN	24, 29	NAM BI LU	25
NAM VIET HUONG SONG	46	NAM BIEN	25
NGAU DOI DAU	227, 228, 229, 226, 225, 224, 223	NAM BINH VIONG	174, 181, 274
NGU LAM	28	NAM CHUA	46, 47, 76, 124
NGUY CHAI CONG CHUA	154	NAM DANG	26
NGUY DIEN	29	NAM DIA	26
NGUY DUC THAI HAC	34	NAM DINH	24
NGUY KEN VAN	2	NAM GIAO	26, 28
NGUY LINH	26	NAM HAI	17, 48
NGUY THANH TAN	2	NAM HUU VIENG	127
NGUY ANH	27	NAM HUU	27
NGHE TONG HOANG DE	124, 125	NAM KHANG	47
NGHINH TONG		NAM KHANH	129
NGHIEP TUYEN TONG	2, 23, 24, 25	NAM PHAO	62
NGHINH TU NGUYEN NHAC LAU	16	NAM PHONG VUNG	125
NGHINH TUE LAC	2	NAM QUAN	21
NGHINH VUONG	26, 27	NAM QUYEN	26
NGHINH XUONG	24	NAM SAN	124
NGHIEP HOA TU GIA DIEP	26	NAM SAN HUONG	12
NGOC THANH	22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30,	NAM SAN HUA	26
31, 32		NAM SANH	26
NGONG KHA LAI	29	NAM SANH	26
NGONG CA	22, 23, 24, 25, 26, 27, 28	NAM SANH DE	26
NGONG TUA	127	NAM VIET NAM	12, 13, 14
NGONG MA	29	NAM THACH DINH	25
NGOC DAY	196	NGHIEP	124, 125
NGOC BA MA	25, 27	NGHIEP TONG	124
NGOC DI	24	NGHE TONG HOANG DE	124, 125
NGOC HUY	124	NGHE TONG	
NGOC THAN	27	Ngheo Thien	302
NGOAT MAU	40	NGOM	24
NGU LONG	127	NGU PHUNG	124, 125
NGU TUA	127	NGU TUA	29
NGU CHAI	24, 26	NGHEM BAO TINH	25
NGU E	25	NGHEM CONG TO	125
NGU NONG	2, 41, 45	NGHEM LA TRAN TU LIONG	25
		Ngheom Quoc	47
		NGHEM THUONG	25
		NGHEM TUYEN HOANG HAC	25
		NGHET TAU	125
		NGO PHONG CONG	12, 25
		NGO PHONG CUU	12, 25
		NGOA TRE	129
		NGO VAN	124, 125
		NGO VI	24

NGOC DUYEN, 249, 329
NGOAN THIEM CONG CHUA, 324
NGOC KIEU CONG CHUA, 254
NGOC THA CONG CHUA, 463
 Ngoc Thanh (quan), 36
 Ngoc tinh lan phu, 418
NGO BE, 440, 441, 451, 452
NGO CHAN LUU, 154, 172
 Ngo Coi, 58, 60
NGO CONG LY, 302
NGO CU, 82, 84
NGO DAN, 455
NGO DINH GIOI, 383
NGO DUC THIEU, 355
NGO GIA VAN PHAI, 8
NGO KHAC, 332
NGO LAM CONG, 147
NGO LANG, 464
NGO LY TIN, 298, 299, 300
NGO NAM DE, 32
NGO NGAN, 90, 91
NGO NHAT HOAN, 172
NGO NHAT KHANH, 32, 123, 147, 161
NGO NHUONG, 198
NGO QUOC AN, 170
NGO QUYEN, 17, 24, 25, 139, 141, 148, 151
NGO SIELIEN, 5, 15, 16, 18, 27, 49, 51, 59, 60,
 63, 66, 77, 82, 85, 86, 90, 96, 98, 102, 104,
 107, 108, 110, 115, 132, 138, 140, 141, 144,
 146, 148, 157, 159, 160, 167, 168, 174, 179,
 184, 200, 205, 207, 209, 210, 211, 215, 216,
 218, 220, 223, 225, 226, 231, 232, 236, 239,
 240, 241, 252, 253, 261, 266, 271, 272, 273,
 276, 280, 284, 287, 295, 296, 306, 307, 310,
 311, 314, 320, 322, 326, 327, 330, 336, 338,
 339, 344, 345, 346, 347, 356, 359, 363, 367,
 369, 378, 379, 383, 388, 390, 391, 406, 408,
 409, 412, 414, 417, 420, 421, 427, 428, 432,
 434, 435, 438, 440, 450, 459, 462, 464, 466,
 467, 468, 469, 472, 474, 476, 477, 478, 479,
 481, 484, 488, 489, 493, 496, 497, 501, 504,
 507, 520, 526, 529, 530, 532, 533, 538, 539,
 543, 544, 560, 561, 564
NGO Su quan, 23, 24, 25
NGO TAN, 316
NGO THAI BA, 58

NGO THI DIEN, 8
NGO THI NHAM, 5, 7, 8, 15
NGO THI SI, 5, 7, 8, 15, 28, 39, 40, 41, 42, 43,
 44, 47, 50, 51, 52, 56, 57, 59, 61, 64, 67, 68,
 72, 73, 75, 80, 81, 83, 84, 86, 90, 91, 98, 99,
 104, 105, 106, 109, 111, 114, 117, 119, 123,
 125, 133, 135, 138, 139, 140, 144, 145, 148,
 153, 154, 155, 156, 158, 159, 160, 162, 164,
 165, 168, 170, 172, 174, 178, 179, 180, 182,
 184, 188, 189, 194, 195, 197, 198, 201, 203,
 204, 205, 208, 210, 211, 212, 214, 215, 217,
 218, 220, 221, 222, 225, 226, 229, 230, 231,
 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 242,
 244, 248, 250, 253, 255, 259, 262, 263, 265,
 266, 267, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276,
 279, 281, 284, 285, 286, 288, 289, 290, 292,
 293, 295, 296, 300, 301, 302, 303, 304, 306,
 307, 310, 315, 320, 324, 326, 327, 328, 330,
 331, 332, 333, 336, 337, 339, 340, 341, 342,
 343, 344, 345, 346, 349, 351, 352, 357, 358,
 360, 361, 366, 369, 370, 374, 376, 378, 380,
 381, 384, 385, 387, 390, 393, 394, 400, 406,
 409, 414, 415, 417, 418, 420, 427, 431, 434,
 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443,
 444, 445, 447, 448, 450, 451, 452, 454, 455,
 456, 457, 459, 462, 466, 468, 469, 470, 474,
 475, 476, 482, 485, 486, 488, 489, 490, 494,
 495, 496, 497, 498, 500, 501, 502, 504, 507,
 510, 511, 512, 513, 514, 520, 521, 525, 526,
 527, 528, 532, 533, 534, 539, 543, 544, 565
NGO TON QUYEN, 25, 84
NGO TU AN, 177
NGO TU CANH, 168
NGO UNG BINH, 146
NGO VUONG (xem NGO QUYEN)
NGO XU BINH, 146
NGO XUONG NGAP, 31, 32, 142, 144
NGO XUONG VAN, 142, 144, 146
NGO XUONG XI, 146, 147
NGO KHONG, 46
NGOT LUONG HOP THAI, 343
NGU BAO, 87
NGU TY, 89
 Ngu Huyen Giang, 174
 Ngu Linh, 20, 39, 48, 55
 Ngu tu thi ca, 307

- NGU VIEN, 37
 NGUY LAM, 71
 NGUY QUOC BAO, 268, 275
 NGUY TRONG HOA, 237
 NGUY TRUNG HOANG, 34
 NGUY TRUNG, 223
 NGUY TUONG, 172
 NGUYEN DAN, 472
 NGUYEN DINH, 74
 NGUYEN GIA, 19
 NGUYEN GIOT HUAN, 347
 NGUYEN HOA, 19
 NGUYEN PHONG, 25, 26
 NGUYEN SO KHACH, 119
NGUYEN THANH THIEN CAM HOANG THAI HAU, 357
 NGUYEN TO, 19
 NGUYEN TRAC, 445
 NGUYEN BA LINH, 399
 NGUYEN BA NGHI, 256
 NGUYEN BANG COC, 325
 NGUYEN BAC, 32, 154, 159, 160
 NGUYEN BANG CUC, 508
 NGUYEN BIEN, 542
 NGUYEN BO, 478
 NGUYEN CAN, 37
 NGUYEN CANG CHAN, 37, 38, 519, 533, 534
 NGUYEN CANG DI, 534, 537, 543, 544
 NGUYEN CHI, 488
 NGUYEN CHUONG, 363
 NGUYEN CONG DAO, 275
 NGUYEN CONG KHOI, 523
 NGUYEN DI CHI, 95
 NGUYEN DIEM, 347
 NGUYEN DOAN, 491
 NGUYEN DU, 64
 NGUYEN DU, 423
 NGUYEN DUNG PHU, 508
 NGUYEN DUY DUC, 129
 NGUYEN DU, 304
 NGUYEN DA PHUONG, 478, 488, 489
 NGUYEN DAI HO, 504
 NGUYEN DAI NANG, 515
 NGUYEN DAI PHAP, 384
 NGUYEN DAO THANH, 196
 NGUYEN DANG BINH, 62
 NGUYEN DIA LO, 366
 NGUYEN DINH, 491
 NGUYEN DONG, 491
 NGUYEN DONG CHI, 122
 NGUYEN DUC CHINH, 255
 NGUYEN GIA LOAN, 147
 NGUYEN HA VIEM, 265
 NGUYEN HAN, 37
 NGUYEN HAN ANH, 492
 NGUYEN HIEN, 336
 NGUYEN HIEU NHUE, 365
 NGUYEN HUE, 5
 NGUYEN HUU CONG, 147
 NGUYEN KHA, 37
 NGUYEN KHA HANH, 490
 NGUYEN KHANG, 491
 NGUYEN KHANG, 37
 NGUYEN KHANH, 210
 NGUYEN KHOAI, 367, 376, 381
 NGUYEN KHOAN, 147
 NGUYEN KHOAN BIEN, 196
 NGUYEN KIEN NGO, 407
 NGUYEN KIM NGAO, 479
 NGUYEN KY, 487
 NGUYEN LEH CONG, 147
 NGUYEN MAI, 271
 NGUYEN MINH KHONG, 271, 274
 NGUYEN NAP HOA, 473
 NGUYEN NGAN QUANG, 519
 NGUYEN NGHIEM, 15, 27, 49, 74, 99, 108,
 110, 156, 157, 162, 164, 173, 181, 184, 188,
 241, 260, 264, 322, 324, 328, 336, 340, 342,
 359, 369
 NGUYEN NHAT KIEN, 524
 NGUYEN NHIEN, 464
 NGUYEN NHU MAI, 281
 NGUYEN NHU CAI, 508
 NGUYEN NHU VI, 439
 NGUYEN NON, 310, 315, 320, 323
 NGUYEN ONG KIEU, 517
 NGUYEN PHA LAN, 306
 NGUYEN PHI KHANH, 492
 NGUYEN PHI, 94
 NGUYEN PHONG, 92, 93
 NGUYEN PHU, 93
 NGUYEN QUOC, 289

- N**
 NGUYỄN QUYỀN, 283
 NGUYỄN QUYẾT, 37
 NGUYỄN SĨ CÔ, 354, 407, 419
 NGUYỄN SIÊU, 32, 147
 NGUYỄN SỰ, 37, 538
 NGUYỄN SỰ, 37
 NGUYỄN THÁI, 32
 NGUYỄN THÁI BÌNH, 147
 NGUYỄN THAM, 347
 NGUYỄN THANH, 487
 NGUYỄN THANH, 509
 NGUYỄN THANH HUÂN, 354
 NGUYỄN THẾ LỘC, 366
 NGUYỄN THỊ THAO, 6
 NGUYỄN THỦ TIẾP, 32, 147
 NGUYỄN THUYỀN, 362
 NGUYỄN THỦ BÁT, 196
 NGUYỄN THÚC, 372
 NGUYỄN THƯƠNG, 303
 NGUYỄN TIẾU HO, 504
 NGUYỄN TIẾU LUẬT, 477
 NGUYỄN TOÀN, 516
 NGUYỄN TỔNG ĐÀO, 482
 NGUYỄN TỔNG ĐÔ, 523
 NGUYỄN TỔNG MAI, 490
 NGUYỄN TỔNG HIEU, 98
 NGUYỄN TRAI, 492, 509, 563
 NGUYỄN TRUNG NGÂN, 36, 339, 416, 424,
 425, 433, 436, 438, 439, 443
 NGUYỄN ỦNG LONG, 492
 NGUYỄN VĂN HIỆN, 293
 NGUYỄN VĂN NGHÈ, 370
 NGUYỄN VĂN THÔNG, 372
 NGUYỄN VIỆT THAN, 213
 NGUYỄN SƠN CÔNG CHUA, 455
 NGƯ BẮC VƯƠNG, 173, 180
 NGƯ CAU VƯƠNG HỤC, 473, 477
 Ngưu Được (am), 393
 NGƯ MÃN VƯƠNG, 173
 NGƯ NAM VƯƠNG, 180
 Ngưu Hồng, 290, 429, 436
 Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 20
 NHA LANG, 31, 107
 NHẠC PHI, 38
 NHẠC VŨ MỤC, 38
 NHẠM DIỆN, 18, 71, 81
 NHẠM HẠNH THÁI, 500
 NHẠM HIỀU, 48, 50, 53
 NHẠN HOANG, 39
 NHẠN HUẾ VƯƠNG, 362
 NHẠN KIỆT, 37
 NHẠN THO, 25
 NHẠN TỈNH VƯƠNG NGUYỄN ĐÌNH, 489
 NHẠN TỔNG HOÀNG ĐỀ (xem LY NHẠN
 TỔNG).
 NHẠN TỔNG HOÀNG ĐỀ (xem TRAN
 NHẠN TỔNG).
 NHẠN UYÊN HÀU, 27
 Nhát Da, 50, 103
 Nhát Bán, 371
 Nhát Nam, 17, 18, 19, 77, 78, 94, 102
 NHAT TÂN, 233
 NHAT TON, 231
 NHÌ THẾ HOÀNG ĐỀ, 48
 NHÌ THÈ, 76
 Nhu Viễn, 123
 NHU TỬ ANH, 142
 Nhục đồng, 330
 Như Hồng, 175, 183
 Như Nguyệt, 246
 NHƯ THUẬN, 48
 Ni Kien (đao), 96
 Ninh Hải, 41
 NINH TRƯỜNG CHÂN, 114, 115
 Nói Bang, 364
 NÓNG NGÂN CƯỜNG, 283
 NONG VĂN LỊCH, 542
 NUNG KIỀN HÀU, 228
 NUNG TÔN PHÚC, 218, 219
 NUNG TRI ÁN, 228
 NUNG TRI CAO, 219, 221, 223, 227, 228, 229
 NÚ OA, 76
- O - Ô**
- Oán Tuyên (viên), 193
 O (chau), 33
 O Diện, 107, 109
 O Hú Man, 79

O LAN, 486
 O LÔ, 197, 213
 O MÃU, 79, 131
 O TU, 515
 O MA NHI, 249, 365, 372, 373, 375, 378
 ON PHONG CHI, 94
 ÔNG TRỌNG (xem LY ÔNG TRỌNG).

P

Pari, 7
 Pha Lũy, 562
 PHA LẮC, 31
 PHA TỐ LÁNG, 275
 PHẠM A SONG, 453, 458
 PHẠM BẠCH HỒ, 147
 PHẠM BÒ, 308
 PHẠM BÌNH ĐÌ, 304, 305
 PHẠM CАНH, 518
 PHẠM CHÚ NÓNG, 95
 PHẠM CÔN SA DAT, 96
 PHẠM CỰ ĐỊA, 348, 367
 PHẠM CỰ LANG, 162, 169
 PHẠM CỰ LUÂN, 487, 496, 502, 504
 PHẠM DÍCH CHÂN, 95
 PHẠM DỊCH KHÁI, 95
 PHẠM DÀT, 93
 PHẠM DU, 305
 PHẠM DƯƠNG MAI, 95, 114
 PHẠM HẠC, 196
 PHẠM HANG, 196
 PHẠM HẠP, 159, 160
 PHẠM HOÀNG HẬU, 168
 PHẠM HO DAT, 94, 115
 PHẠM HUNG, 91, 93
 PHẠM HUYỀN LINH, 37, 473
 PHẠM KHA VINH, 506
 PHẠM KHA VINH, 488
 PHẠM KIÊN, 94
 PHẠM KINH ÁN, 328, 329, 339
 PHẠM LENH CÔNG, 142, 143
 PHẠM MAI, 416

PHẠM MINH TÂN, 215
 PHẠM MINH TÙ, 358
 PHẠM NGO, 423, 425
 PHẠM NGŨ LÀO, 36, 339, 383, 389, 391, 392,
 400, 401, 419, 421
 PHẠM NGUYỄN HÀNG, 441
 PHẠM NHAN, 399
 pham nhữ lắc, 490
 PHẠM NI TA, 130
 PHẠM PHẠM CHI, 102
 PHẠM PHÁT, 93
 PHẠM PHONG AT, 32, 147
 PHẠM PHÚ LONG, 96
 PHẠM SƯ MẠNH, 36, 441, 451, 452, 454
 PHẠM SƯ ÔN, 489
 PHẠM THAN, 494
 PHẠM THANH DAI, 247
 PHẠM THÁO, 390
 PHẠM THÀN THANH, 102
 PHẠM THI THOA, 6
 PHẠM THƯƠNG COL, 435
 PHẠM TIN, 259, 269
 PHẠM TIN NGON, 275
 PHẠM TRÌ, 93
 PHẠM TRUNG HÀNG, 37
 PHẠM TU, 102
 PHẠM TU DAT, 94
 PHẠM ỦNG MỘNG, 340
 PHẠM ỦNG THẦN, 329
 PHẠM VĂN, 93
 PHẠM VĂN TÂN, 102
 PHẠM CÁNH, 257
 PHẠM DƯƠNG LIỆT, 210
 PHẠM HOA PHỦ, 516
 PHẠM HUY LÊ, 20
 PHẠM PHU TIEN, 5, 15, 16, 27, 327, 330, 391,
 450, 479, 496, 503, 509, 515, 529, 564
 PHẠM VĂN CAC, 6, 20
 PHẠM ỦY, 153
 PHẠM CHI, 102
 PHẠM CHI, 104
 PHẠM DIEN, 78
 PHẠM TIẾP, 372, 376
 PHẠM XUỐC, 129
 PHẠM, 45
 Pháp, 7

- PHAP LOA, 408
 PHAP NGU, 230
PHAP THIEN NGU CUC ANH LIET VU
 THANH NHAN MINH HOANG DE, 358
 Phap Van, 294
 Phat minh, 189
 Phan Mao (nhu), 77
 Phan Thuy, 84
PHAT KIM (xem LY CHIEU HOANG)
 Phat Thanh, 172
 Phat Thie, 172, 226
PHE DE (nhu Dinh), 24, 26, 158
PHE DE (nhu Trau), 24, 27, 477
PHI LIEM, 48
PHI CONG TIN, 265, 268, 269, 290, 291
PHI LANG, 304
PHI MANH, 384
PHI MOI LAC, 402
PHI SUNG DU'C, 174
PHI TRI, 196
PHI YEM, 97
 Phien Duong, 84
PHIEN HAM, 87
 Phien Ngung, 17, 29, 52, 70
PHIEN NGUNG HAU, 87
 Phien Chau, 41
PHONG HIEU, 128
 Phong Khe, 10, 45, 46
 Phong Thien, 127
PHONG PHAP THUA, 98
PHONG HUAN, 187
 Phu Minh (chua), 348
 Phu Minh (dinh), 35
PHU TUE, 420
 Phu Da, 130
PHU DAI VUONG, 174
 Phu Dong, 41
PHU DONG THIEN VUONG, 43
 Phu Linh, 173
 Phu Loc, 32
PHU THANH LINH NHAN HOANG THAI
 HAU, 256
 Phu Lang, 44x
 Phu Ly, 27
PHU LUONG GIAO, 130
PHU QUOC THUONG TUONG, 209
 Phuc Loc, 41
PHUC BA TUONG QUAN (LO BAC DU'C), 61
PHUC BA TUONG QUAN (MA VIEN), 74, 75
PHUNG AN, 123
PHUNG ANG, 115
PHUNG BO CAL, 31
PHUNG CHAN, 201
PHUNG CU, 499
PHUNG HAI, 121
PHUNG HUNG, 19, 31, 122
PHUNG LUAT, 221
PHUNG PHI, 89
PHUNG SI CHU, 381
PHUNG TA CHU, 36, 308, 322, 327, 328, 329,
 331, 332, 333
PHUNG TRI NANG, 227
PHUNG CAN CHI LY HOANG HAU, 167
PHUNG CAN VUONG, 216
 Phung Cong, 147
PHUONG CHINH, 558, 560, 561

Q

 Qua Oa, 283
QUA THUYEN TUONG QUAN, 63
QUACH BOC, 306
QUACH CONG, 40
QUACH MA, 90
QUACH NGANG, 183
QUACH NHAN, 354
QUACH PHAN DUONG, 36
QUACH QUAN BIEN, 166, 169
QUACH QUY, 245
QUACH TU NGHI, 162, 435
 Quan Lang, 42
QUAN PHUC DAI VUONG HUC, 472
 Quan Trung, 54
QUAN PHONG, 72
QUAN TOAI, 93
QUAN THUC, 174
QUANG HIEN THAN PHI, 469

- QUANG HOA ANH TRIET THAI THUONG
HOANG DE, 470
QUANG LOAN, 476
QUANG NGHIA, 156
QUANG THAI, 27
QUANG TOAN, 7
QUANG TRUNG, 5
QUANG VU DE, 25
Quang Chau, 17, 48, 52, 101
QUANG HUU, 26
Quang Nam (Quang Dong, Quang Tay thuong Linh Nam), 181
QUANG NHAN SUNG HIEU VAN VU HOANG DE, 276
Quang Oai, 43
Quang Phuc, 194
Quang Tin, 70
Quang Tu, 282
Quang Vu, 220
Quê hải tri, 247
Que Lam, 17, 48
Quoc hoc vien, 339
Quoc sử bien luc, 28
QUOC THANH HOANG THAI HAU, 325
Quoc trieu thong che, 325
Quoc tu giam, 248, 334
Quy Dien (chuong), 34
Quy Nghia, 119
Quy Khau, 156
QUY HUU, 174
QUY LICH, 58
QUY TRAT, 149
SAI TAP, 128
SAI TON, 101
Sao Choi, 57
Sao Dai Giac, 57
Sao Thai Vi, 57
SANG DINH, 122
Sam Thi (song), 414
SAM DOAN, 377
Sam Tu, 391
SI HUY, 30, 85
SI KHUONG, 30
SI NGAM, 86
SI NHIEP, 5, 17, 18, 30, 80, 81, 84, 85, 169
SI VUONG (xem SI NHIEP).
Sieu Loai, 32, 147
SIEU MAMH TUONG QUAN, 106
Sieu hieu mat, 269
SOM KHACH, 31
SOM VUONG, 180
Son Nam, 15, 28
Son Tay, 27
SON TINH, 43, 44, 50
Sung chan uy nghi, 154
SUNG HIEN HAU, 254, 262
SUNG HUNG DAI BAO, 26
SUNG LAM, 41
SU HIEN, 467, 475
SU HUU, 543
SU LY, 116
SU TE, 478
SU THUAN, 170
SU HOANG, 82
Su ky, 143
SU LOC, 48

S

- Sa Khau, 48
SA DAU, 226
Sac Giang (chua), 170
Sac Ma Tich, 431
SAI THUNG, 358
SAI XUAN, 360
SAI KINH, 128

T

- TA QUOC HOANG HAU**, 302
TA THIEN DAI VUONG, 357, 381
Ta Thanh Oai, 15, 28
TA BAT CANG, 425
TA LAI, 453

- TÀ TRẠC, 93
 TÀ TRI, 93
 Tam A, 85
 Tam Đai, 32, 147
 Tam Lang, 6
 Tam Phai Tè, 120
TAM TUNG, 29
TAN CHÌ NGÓA, 432
 Tân Viễn, 43, 44, 240
TAO HUYỀN TÍNH, 119
TAO LƯƠNG HẠN, 34
TAO PHI, 149
TAO THAM, 54
TAO THAO, 76, 149
TAO THÚC 149
TANG CON, 131, 133
Tang giả loài sét, 408
TANG HIEP, 93
TANG KHOAN, 457
Tan chỉ sơ điện, 270
 Tân Cường, 299
TAN DU HAU, 102
Tan Đường thư, 119, 120, 123, 127, 131, 132
TAN COI, 38
TAN NHI THE, 25
TAN THUÝ HOANG, 47, 48
TAN CAO TÓ, 25
TAN HIEN CONG, 190
TAN THIEN PHUC, 26
 Tay Au, 55, 59
 Tay Di, 79
 Tay Do, 160
TAY HAN, 23, 25, 70
TAY HƯNG VƯƠNG, 122
TAY SON, 5, 12
Tay thiên (diêu khắc), 33
 Tay Vu, 299
TE HOAN CONG, 190
 Te Quốc, 124
 Thủ Lãm, 63
THACH DAI, 70
THACH DUC, 71
 Thach Môn, 65
 Thach Thành, 36
Thach thát mì ngò, 408
THACH THU TIN, 162

 THAI BA, 58, 59, 60
THAI BINH, 26
Thai binh hoàn vũ ký, 130
 Thai Đà, 37
THAI DƯƠNG CÔNG CHÚA, 497
Thái giáp, 296
THAI GIAP, 66
THAI HÒA, 19
THAI NINH, 26
THAI THANH VƯƠNG (KHỎI), 65
THAI TỐ CAO HOÀNG DÉ, 38
THAI TỔNG HOÀNG DÉ (xem LÝ THAI TỔNG).
THAI TỔNG HOÀNG DÉ (xem TRẦN THAI TỔNG).
 Tham Lang, 75
THANH GIANG SƯ, 46
 Thành Hóa, 27
 Thành Liêm, 19, 28
Thanh nhất thống chí, 130
 Thành Oai (huyện), 15, 28
 Thành Đô, 133
 Thành Hòa Kinh, 292
THÀNH KHANH HÀU, 258
THÀNH THANG, 38
THÀNH NGUYỄN, 27
THÀNH TỔNG HOÀNG DÉ (xem LÝ THÀNH TỔNG).
THÀNH TỔNG HOÀNG DÉ (xem TRẦN THÀNH TỔNG).
Thần nhân hiếu tần, 483
 Thái Dai, 202
 Thang Long, 194, 201
THAM KHAC, 104
 Thái Nguyên, 205
THAN BAO TU, 37
THÀN LỘI, 278, 279
THÀN THIỆU THAI, 212, 235
THÀN ANH PHU NHÂN, 262
 Thần Đầu (cửa biển), 180
THÀN NÓNG, 29, 39, 218
THÀN SACH TƯƠNG QUÂN, 128
THÀN TỔNG HOÀNG DÉ (xem LÝ THÀNH TỔNG).
THÀN VŨ, 26
THÀN VŨ HOÀNG DÉ, 211

- THÔNG THIỀN THẾ ĐÀO NHÂN MINH
QUANG HIỆU HOÀNG ĐẾ, 438
- Thư Dương, 374
- Thuần bén*, 336
- THUẬN LƯU BA, 308
- THUẬN THANH MINH ĐÀO HOÀNH HẦU, 167
- THUẬN THIỀN, 26, 27, 28
- THUẬN THIỀN CÔNG CHUA, 309, 329
- THUẬN THIỀN DƯỜNG VŨ TIỀN LINH CAM
UNG KHOAN NHÂN QUÁNG HIỆN
HOÀNG ĐẾ, 273
- THUẬN THIỀN QUANG VĂN KHAM MINH
NHÂN HIỆU HOÀNG ĐẾ, 264
- THUẬN TỔNG HOÀNG ĐẾ
(xem TRAN THUẬN TỔNG).
- THUẬN TRÌNH PHỦ NHÂN, 309
- THUẬT ĐƯỜNG HAU (KIEN DUC), 63
- THUẬT ĐƯỜNG VƯƠNG, 25, 30, 63, 68
- THỰC DOAN, 190
- THỰC NHA, 179
- THỰC TẾ, 374
- THỰC VƯƠNG, 47
- Thúy Chân Lạp, 199
- Thúy Hoa, 197
- Thúy Hưng, 97
- Thúy kinh chư, 48, 114
- THỦY TINH, 43, 44, 49
- Thúy văn tuy bút ngũ lấp, 420
- THỦY BA CÔNG CHUA, 338
- THỦY BÁO CÔNG CHUA, 400
- Thuy Hương, 47
- Thư cátu, 270
- THỦ TRANG, 293
- THỦ CÔNG, 61
- Thường Ngò, 70
- THƯỜNG BA MÀ CÁC, 361
- Thường Dương, 240
- THƯỜNG ĐƯỜNG THAI HẦU, 240
- Thường thư, 18, 81
- TỊCH LỄ CÓ, 379
- TỊCH LỄ CÓ NGỌC, 377
- TỊCH LỄ CÓ VƯƠNG, 375, 378, 379
- TỊCH QUANG, 18, 70, 71, 81, 87
- Tiệm Lu, 298
- Tiệm Du, 32, 33, 35, 147
- TIỀN DUNG MỸ NƯỚNG, 103
- Tiền Diên, 28
- Tiền Linh, 6, 75
- TIỀN KHANH, 45
- TIỀN LỄ, 26
- TIỀN LY, 23
- TIỀN LY NAM ĐẾ (xem LY NAM ĐẾ)
- TIỀN NAM ĐẾ, 18, 107
- TIỀN NGO VƯƠNG (xem NGÔ QUYỀN).
- TIẾT HÙ, 89
- TIẾT KINH VÂN, 87
- TIẾT TÔNG, 87
- TIỀU ANH, 102, 104
- TIỀU BỘT, 102
- TIỀU CÁNH HIỀN, 97
- TIỀU CHÚ, 241
- TIỀU HA, 54
- Tiêu Lương (nước), 195
- tiêu thái đáng, 390
- TIEU TIỀN, 115
- TIEU TÚ, 20, 30, 101
- Tiêu Côn Lôn, 120
- Tiêu Giang, 48
- Tiêu Nha (cửa biển), 110
- Tiêu nha, 211
- Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, 12.
- Tinh Ký (sao), 39
- TÌNH THIỀU, 101, 102
- TÌNH HÁI TIẾT ĐÔ SƯ, 145
- TÌNH TRAI CÔNG, 8
- TOA ĐO, 362, 365, 369
- TOAI NHAN THI, 44
- TÓ DINH, 30, 71, 72, 73, 74, 75
- TÓ HÀU, 254
- TO HIÉN THÀNH, 34, 290, 291, 293, 294, 295,
297, 498
- Tô Lịch, 102, 343, 383
- Tô Mậu, 175
- TÔ TIỆM, 279
- TO TRUNG TÚ, 306, 308
- TO TRUNG TÚ, 34
- TÓN DÁN, 244
- TÒN HAO, 17, 184
- TÒN QUYEN, 18
- TÒN QUYNH, 102
- TÒN-SACH, 76
- Tòn thất truyện, 126

TÔN TOAN HƯNG, 161, 167, 174
 TÔN TÙ, 88
 TÔNG MIỆT, 82
 TÔNG XẠC, 96
 TÔNG BAO KHANH, 27
 Tông Bình, 126
 TÔNG CAO TÔNG, 260
 TÔNG CÁO, 173
 TÔNG CHAN TÔNG, 19, 176
 TÔNG CHI ĐẾ, 119
 TÔNG CHI VĂN, 119
 TÔNG DAI TRUNG TƯƠNG PHU, 26
 TÔNG HUY TÔNG, 253
 TÔNG KHAI BAO, 26
 TÔNG KHANH BÁO, 26
 TÔNG KIEN DỨC, 26
 TÔNG NHUNG, 129
Tổng sứ, 242, 247
 TÔNG THAI BINH HƯNG QUỐC, 26
 TÔNG THAI TRUNG, 26
 TÔNG TRIỆT TÔNG, 251
Tổng luận, 29
 TRÀ DIÉP, 358
 TRÀ HÒA BỘ ĐẾ, 439
 TRAI LANG, 332
 TRANG ĐINH VƯƠNG NGAC, 481, 495
 TRANG HUY CÔNG CHÚA, 472
 TRANG SAM, 63
 TRANG TRỌ, 61
 Trào Ôa, 426
 TRÂM KHỒI, 141
 TRẦN ÁI (xem TRÂN ĐÌ AI).
 TRÂN ANH TÔNG, 24, 27, 35, 389
 TRÂN BA TIỀN, 20, 101, 102, 104, 106, 107
 TRÂN BAN THẠCH, 129
 TRÂN BẮNG CẨN, 424
 TRÂN BÌNH, 55, 311
 TRÂN BÌNH TRỌNG, 37, 366
 TRÂN CÁNH, 313, 319
 TRÂN CÁO, 563
 TRÂN CHỦ PHÓ, 326, 338
 TRÂN CO, 350
 TRÂN CÔNG ĐÌNH, 536
 TRÂN CU, 405
 TRÂN CƯỜNG TRUNG, 339
 TRÂN ĐÌ AI, 360, 361

TRÂN DU TÔNG, 24, 27, 34, 439
 TRÂN DUẾ TÔNG, 24, 27, 35, 471
 TRÂN DƯƠNG ĐÌNH, 530
 TRÂN ĐÌNH QUY, 488
 TRÂN ĐÌNH THÀM, 471, 476
 TRÂN DỨC HUY, 514
 TRÂN DỨC VIỆP, 350, 357
 TRÂN HÀN, 561
 TRÂN HIÊN TÔNG, 24, 27, 35, 430
 TRÂN HIỆP, 65, 536
 TRÂN HOANG, 346
 TRÂN HUẾ TÔNG, 36
 TRÂN HUNG THAO, 359, 394, 401, 405, 407,
 419
 TRÂN HỮU LẠNG, 445, 452, 453
 TRÂN İCH TÁC, 351, 367, 371, 380, 384, 385,
 445
 TRÂN KHANH DƯ, 34, 36, 362, 373, 374, 381,
 413, 418, 437
 TRÂN KHAT CHAN, 37, 488, 490, 491, 506
 TRÂN KHẮC CHUNG, 35, 36, 392, 401, 406,
 407, 415, 417, 418, 426, 431
 TRÂN KHẮC DUNG, 390
 TRÂN KHẨM, 346, 354, 358
 TRÂN KHẨM TO, 161, 166, 167
 TRÂN KHIÊM PHÚ, 363
 TRÂN KHUẾ KINH, 334
 TRÂN KIÉN, 362, 366
 TRÂN KIỀU, 348
 TRÂN LÂM, 147
 TRÂN LÀO, 363
 TRÂN LỆ ĐAN, 177
 TRÂN LÊN HINH, 304
 TRÂN LIỀU, 314, 327, 329, 339, 399
 TRÂN MINH CÔNG, 147
 TRÂN MINH TÔNG, 24, 27, 35, 36, 416
 TRÂN NA, 477
 TRÂN NGAN CHIỀU, 530
 TRÂN NGHE TÔNG, 34, 27, 35, 36, 402
 TRÂN NGHIEU TÀU, 175
 TRÂN NGỌC CỎ, 504
 TRÂN NGỌC KIËM, 504
 TRÂN NGÔ LANG, 458
 TRÂN NGO LONG, 435
 TRÂN NGÔI, 524
 TRÂN NGUYỄN CHỈ, 524

- TRẦN NGUYỄN ĐẠT, 36, 481, 491
 TRẦN NGUYỄN HẠN, 561
 TRẦN NGUYỄN THÁI, 156
 TRẦN NGUYỄN TỐN, 530
 TRẦN NGUYỄN HỒ, 530
 TRẦN NHÂN TÔNG, 24, 26, 34, 35, 36, 358
 TRẦN NHẤT CHƯƠNG, 495
 TRẦN NHẤT ĐUẬT, 37, 339, 341, 351, 360,
 391, 429, 430
 TRẦN NHẤT HẠCH, 465
 TRẦN NHẤT HAO, 343, 349, 352
 TRẦN PHÁU, 426
 TRẦN PHÓ DUYỆT, 362
 TRẦN PHÙ, 363
 TRẦN PHÙNG CÔNG, 347
 TRẦN QUANG KHAI, 36, 346, 347, 353, 363,
 365, 370, 389
 TRẦN QUANG TRIỀU, 401, 424
 TRẦN QUANG XƯƠNG, 385
 TRẦN QUỐC CHÂN, 35, 360, 388, 419, 422,
 426, 451
 TRẦN QUỐC KHANG, 352, 353, 366, 395
 TRẦN QUỐC KIẾT, 533
 TRẦN QUỐC LẠC, 342
 TRẦN QUỐC TĂNG, 384, 391, 415, 416
 TRẦN QUỐC TOẢN, 362, 367
 TRẦN QUỐC TUẤN, 36, 338, 343, 360, 363,
 364, 365, 371, 375, 389, 395, 396, 397, 398,
 399
 TRẦN QUÝ KHOANG, 536, 537
 TRẦN SĨ LONG, 175
 TRẦN THẠC TRINH, 76
 TRẦN THÁI TÔNG, 24, 26, 36, 319
 TRẦN THANH LY, 415
 TRẦN THANH TÔNG, 24, 26, 34, 36, 346
 TRẦN THẮNG, 154
 TRẦN THẾ ĐÀNG, 477
 TRẦN THẾ ĐÔ, 464-465
 TRẦN THỊ KIEN, 384, 391, 392, 405
 TRẦN THIẾU ĐE, 24, 27, 36
 TRẦN THIẾU, 37
 TRẦN THỦ ĐO, 36, 313, 314, 319,
 326, 327, 331, 337, 344, 349
 TRẦN THUẬN TÔNG, 24, 27, 36, 478, 487
 TRẦN THUYỀN, 355, 384, 386, 389
 TRẦN THỦ HIỀN, 524
 TRẦN THỦ A, 310, 314
 TRẦN THÚC, 37
 TRẦN TỊCH, 37
 TRẦN TỘN, 491
 TRẦN TÔNG NGOAN, 477
 TRẦN TRÍ, 551
 TRẦN TRIỀU CÔ, 530
 TRẦN TRUNG HIẾU, 477
 TRẦN TỰ KHANH, 34, 306, 307, 308, 309, 310
 TRẦN UYÊN, 342
 TRẦN ỦNG CÔ, 215
 TRẦN VĂN GIAP, 12
 TRẦN VĂN TÙ, 202
 TRẦN VĂN UYÊN, 196
 Trần Nam Do hù phú, 119
 TRẦN NAM VƯƠNG, 362
 TRẦU BAO, 443
 TRẦU CANH, 35, 443, 449, 450, 455, 456
 TRẦU THÁN Y, 443
 TRẦU TỘN, 443
 Tré Nguyễn, 215
 TRI NGHĨA HẦU, 63, 65
 TRI BA, 37
 Tri Châu, 116
 TRI, 54
 TRI BINH LONG ỦNG, 26
 Triều Dương, 175, 204
 TRIỀU ẤU, 30, 76, 88
 TRIỀU CAO, 76
 TRIỀU CHÌ, 91
 TRIỀU DA, 5, 17, 27, 48, 50, 52, 53, 54, 55, 56
 TRIỀU KHÉ, 245
 TRIỀU LONG MY, 133
 TRIỀU MINH VƯƠNG, 81
 TRIỀU NẮC, 130
 TRIỀU PHÙNG HUÂN, 167, 169
 TRIỀU QUANG PHỤC, 19, 103, 105, 108,
 109, 110, 111
 TRIỀU SỐC, 143
 TRIỀU TỔNG, 33
 TRIỀU TRUNG, 368
 TRIỀU TÚC, 101, 102, 105
 TRIỀU TƯƠNG TỨ, 37
 TRIỀU VĂN VƯƠNG, 61
 TRIỀU VIỆT VƯƠNG, 18, 24, 25, 31, 105, 106,
 107, 108, 109, 110, 111

- TRIỀU VŨ, 143
 TRIỀU VŨ ĐỀ, 5, 17, 23, 24, 25, 29, 31, 54, 59
 TRIỀU VƯƠNG HÙNG, 63
 TRIỀU XƯƠNG, 31, 47, 123
Triều Xương truyền, 123
 TRỊNH DƯ, 60
 TRỊNH MINH, 153
 TRỊNH PHÚ, 26
 TRỊNH ANH, 142, 143
 TRỊNH BĂNG PHI, 372, 375
 TRỊNH THI, 50
 TRỊNH GIAC MÁT, 360
 TRỊNH HẠNG, 177
 TRỊNH NGU, 129
 TRỊNH PHẨU, 326
 TRỊNH QUỐC HOANG HÀU, 168
 TRỊNH TRANG CÔNG, 190
 TRỊNH TRI KHÔNG, 214
 TRỊNH TÚ, 32, 154, 155
 TRỊNH VÂN TÚ, 201
 TRỊNH XIÊN, 372
 TRỌNG THỦY, 31, 49, 50
 TRỌNG THỦY (vua), 58
 TRỌNG UNG, 58
 TRỌNG VŨ, 19
 Trúc Lâm, 36
 TRÚC LÂM ĐẠI SĨ, 408
 TRÚC LÂM ĐẦU DÀ, 408
 TRÚC LÂM THIỀN SƯ, 329
Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh, 5
 TRUNG HÀNG (xem PHẠM TRUNG HẠNG).
 TRUNG MÂN A VƯƠNG, 465
 TRUNG QUOC VƯƠNG, 174
 TRUNG THANH VƯƠNG, 338, 389
 TRUNG TỔNG HOANG ĐE, 178
 TRUNG HÙNG, 26
 TRUNG QUANG, 27
 Trung Quang (chùa), 216
 TRUNG QUANG ĐE, 24, 27, 37, 535, 537
Thuyền Kiều, 64
 TRUNG NHI, 75, 76
 TRUNG NỮ VƯƠNG, 16, 20, 23, 24, 25, 30,
 66, 71, 73, 74, 75, 76, 77
 TRUNG TRÁC (xem TRUNG NỮ VƯƠNG).
 TRUNG VƯƠNG (xem TRUNG NỮ VƯƠNG).
 TRƯỜNG BA NGHĨ, 120, 122
 TRƯỜNG BA NGỌC, 265, 273
 TRƯỜNG BẢN, 79
 TRƯỜNG CHU, 124
 TRƯỜNG DINH TRÂN, 352
 TRƯỜNG HAN SIÊU, 36, 339, 408, 425, 437,
 438, 439, 441, 443, 445, 446, 447, 455, 469
 TRƯỜNG HẠNH, 326
 TRƯỜNG HANH, 293
 TRƯỜNG HẠT, 246
 TRƯỜNG HIÊN, 368
 TRƯỜNG HIÊN, 392
 TRƯỜNG HỒNG, 246
 TRƯỜNG HÙNG VƯƠNG, 162
 TRƯỜNG KIỀU, 79
 TRƯỜNG LẠP DAO, 383
 TRƯỜNG LIÊN, 93
 TRƯỜNG MÀ NI, 154
 TRƯỜNG MÀN, 82
 TRƯỜNG MONG, 336
 TRƯỜNG NGHI, 47
 TRƯỜNG NHÂN, 130
 TRƯỜNG PHU, 527, 528, 529, 535, 537, 540,
 541, 546, 547, 548
 TRƯỜNG QUAN, 175, 542
 TRƯỜNG QUÂN, 375
 TRƯỜNG TÂN, 18
 TRƯỜNG THỦ TIẾT, 244
 TRƯỜNG THUYEN, 131
 TRƯỜNG TỔNG QUYỀN, 164
 TRƯỜNG TRẬP, 130
 TRƯỜNG TUAN, 162
 Trường tướng quân (đen thô), 246
 TRƯỜNG UNG KE, 122
 TRƯỜNG VÂN HÓ, 373
 TRƯỜNG XAN, 342
 Trường An, 48
 Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 7, 8, 20
 TRƯỜNG KHANH BẢO LỊCH, 125
 TRƯỜNG LẠC THAI HÀU, 255
 Trường Sa, 54, 55, 395
 TRƯỜNG SA VƯƠNG, 54, 55, 56
 Trường Yên, 151
 TÙ DOÀN, 90
 Tu Nữ (sao), 39
 TÙ TÁC, 88
 TÙ LONG, 128

TUAN HUC, 82
 TUAN DAO PHUC, 96
 TUY DANG DE, 185
 TUY NHAN THO, 25
 TUYEN DUC, 8, 23, 27, 556
 TUYEN HUY CONG CHUA, 472
 TUYEN TONG (xem MINH TUYEN TONG).
 TUYEN TU HOANG THAI HAU, 325
 TUYEN CHAU BIET GIA, 121
 Tu Lam, 234
 Tu Long, 46
 TU LOI BAC, 120
 TU MA, 12
 Tu Ma (cửa), 47
 TU MA QUANG, 12, 234
 TU MA THIEN, 12, 143
 TU MA VIEM, 88
 Tu Nong, 299
 TU PHU, 28
 Tu Phuc (chua), 36
 TU ANH NHI, 304
 TU DIEN, 259
 TU DAO HANH, 254, 255
 TU KIM CHI, 97
 Tu Liem, 27, 43, 47
 TU MUC, 33, 169, 177
 TU TON, 89
 TU VAN THONG, 276
 TU VINH, 255
 Tu (sóng), 12
 TU AN, 33
 TU ANH, 76
 TU BINH, 36
 TU DU, 58
 TU DUONG, 12, 18, 105
 TU KIEU, 259
 Tu Phi Dinh, 120
 TU TRUONG, 187
 TU MUC, 168
 Tu Nhien, 103
 TUC GIAO LONG, 94
 Tuc Mac, 319
 TUC NA NANG, 94
 Tuong Kha (quan), 63, 66
 Tuong Kha (song), 66
 TUONG PHU, 26

Tuong Phu (cửa), 194, 234
 TUONG DAO SINH, 95
 Tuong Lam, 78
 Tuong Pho, 96
 Tuong Quan, 29
 Ty Anh, 114
 TY CAN, 184

U - U
 Uai Lam, 48, 55, 97
 Ung Chau, 183
 UNG KHAI, 84
 UNG MINH TA DIEP, 286
 Ung Quan, 128
 UY MINH TUONG QUAN, 106
 UY NAM TUONG QUAN, 89
 UY DA, 169
 UYEN LANG HAU, 90
 UNG THIEN, 19, 26
 Ung Thien (phu), 12, 201
 Ung Thien (ruong), 214
 UNG THIEN SUNG NHAN CHI DAO UY
 KHANH LONG TUONG UYVAN DU
 VO HIEN DUC THANH THAN HOANG
 DE, 239
 UNG THUY CONG CHUA KHUE, 357
 UNG XUNG, 123

V

VAN HANH, 185, 186, 187, 204, 205
 Van Kiép, 364, 379
 Van Kiép tông hi truyền thư, 398
 Van Pha (tinh), 257
 VAN THANG VUONG, 152, 165
 Van Tho, 102

- Van Thọ Nam Sơn, 203
 Van Xuân (quốc hiệu), 102, 109
 Van Châu, 205
 Van Cõe, 116
VAN DÉ, 55
VAN GIAI HOANG DÉ, 76
VÂN HIỀN HAU, 426
VÂN HUẾ VƯƠNG, 401
 Van Lang, 41, 42, 45, 46
VÂN TÔNG, 19
VÂN TRINH CÔNG, 465
VÂN TỤC VƯƠNG, 406
VÂN VƯƠNG, 30, 58
 Van Đồn, 283
 Vat Ac, 228, 229
 Vật Dương, 228, 229
VỆ CHIỀU MỸ, 175
VỆ VƯƠNG, 33, 156
VỊ THIỀU KHẨM, 229
VỊ THIỀU TỰ, 229
VỊ TRỌNG TẾ, 130
VỊ TRÙ, 128
 Vị Long, 200
VIÊM DÉ, 29, 39
VIÊN DAM HOÀN, 103
VIÊN HUY, 18, 82
 Viên Khâu, 287
VIEN SĨ MINH, 258
 Viên Nghiên cứu Hán Nôm, 7, 8
 Viện Sử học, 7, 20
 Việt Châu, 101
 Việt chí, 67
VIỆT CÓ, 30
 Việt diên u tinh, 40, 46
 Việt giám vịnh sử thi tập, 60
 Việt sử bì tám, 28
 Việt sử lược, 21, 309
 Việt sử thông giám cương mục (xem *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*),
 Việt sử tiêu án, 5, 15, 28, 238
 Việt sử tổng luận, 28
 Việt Thường, 41, 43, 46, 104, 116
 Việt Thường thi (xem Việt Thường),
 Việt Tích, 131
 Vĩnh Gia, 55
 Vĩnh Hưng, 213
VĨNH KHANH, 28
VĨNH LẠC, 27
 Vĩnh Yên, 204
VÕ CHIỀU, 75
VÕ HẦU, 311
VÕ TÁC THIỀN, 75, 311
VÕ VƯƠNG, 30
 Vong Hải, 19
 Vọng Quốc, 227
Võ dật, 500
VŨ BA TƯ, 210
Vũ công, 39
VŨ ĐÌNH, 42
VŨ ĐỨC VƯƠNG, 201
 Vũ Lũng (sông), 183
VŨ HỒN, 126
VŨ LÂM HÀU, 101
VŨ MỘNG NGUYỄN, 509
VŨ NGHIÉU TA, 429
 Vũ Ninh, 41, 43, 46, 48
VŨ TAM TƯ, 285
VŨ THANH VƯƠNG DOÀN, 343
VŨ TU HOÀNH, 429
VŨ VI, 336
VŨ VƯƠNG, 38
 Vu Tháp, 283
VŨ TIỀN, 39
 Vùng Biển, 199
VƯƠNG AN THẠCH, 241, 245
VƯƠNG AN TRẠCH, 241
Vương Bá truyền, 127
VƯƠNG CHÍ VIỄN, 116
VƯƠNG CHÍNH, 553
VƯƠNG CÓ, 92
VƯƠNG CỦU, 272
VƯƠNG DÓN, 89
VƯƠNG GIAP, 332
VƯƠNG HỮU CHU, 483
VƯƠNG KHÁ TUẤN, 487
VƯƠNG KHOAN, 128
VƯƠNG KHÔI, 61
VƯƠNG KHÔI DỰ CHƯƠNG, 60-61
VƯƠNG LƯƠNG, 92
VƯƠNG LƯƠNG 92
VƯƠNG MĂNG, 70, 143
VƯƠNG NGHIỆP, 88

VƯƠNG NHAN TRÍ, 94
 VƯƠNG NHŨ CHU, 501
 VƯƠNG PHẠM, 70
 VƯƠNG QUÝ NGUYỄN, 123
 VƯƠNG SĨ HÀNH, 441
 VƯƠNG SOAN, 161
 VƯƠNG THÁNG CHIỀU, 126
 VƯƠNG THẨM TRỊ, 133
 VƯƠNG THÈ LỘC, 332
 VƯƠNG THẾ TÁC, 173, 174
 VƯƠNG THIỀU TỘ, 164
 VƯƠNG THÔNG, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564
 VƯƠNG THỰC, 126
Vương Thúc truyện, 127
 VƯƠNG TIỀN, 71
 VƯƠNG TỘ, 88
 VƯƠNG TUẾ, 131
 VƯƠNG VĂN KHANH, 215
 VƯƠNG VŨ ĐỆ, 25
 VƯƠNG VŨ XỨNG, 163
 VƯƠNG YÊN QUYỀN, 130, 131

X

XA LY DA BAN NGO NHAT HOAN, 168
 XỊCH CHỦY, 36

Xích Dâng, 147
 Xích Quý, 40
 Xiêm La, 283
 Xuân Lôi, 46
 XUÂN QUẬN CÓNG, 28
Xuân Thu,
Xuân Thu nguyên mènh bao, 8, 23
Xuân Thu quán kiển, 5
Xuân Thu Tả thi truyện, 47
 XUNG TAN, 210
 XUNG THIỀN THẦN VƯƠNG, 43
 XUNG THIỀN VƯƠNG, 44
 Xuyen Thuc, 134
 XƯƠNG ẤP VƯƠNG, 66
 XƯƠNG PHÙ, 27

Y

Y DOÂN, 34, 294
 Y TỬ CÔNG CHÚA, 442
 Y LAN HOÀNG THAI HÀU, 256
 Y LAN NGUYỄN PHI, 240
 Y Mạng (đóng), 36, 473
 Yên Khang, 46
 Yên Phong, 46
 Yên Tử (núi), 35, 387, 393, 408
 YẾT KIỀU, 364, 366

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm	5
Tình trạng văn bản, đặc điểm nội dung, giá trị tác phẩm <i>Dai Việt sử ký tiền biên</i>	7
Ký hiệu chữ viết tắt	21
 ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN	
Sơ đồ quốc thông các đời	23
Sơ đồ đế vương các đời	24
Nien biểu, thế thư các đời	25
Họ tên sứ thần các triều đại	27
Tổng luận của sứ thần Lê Tung	29
 NGOẠI KÝ	
<i>Quyển I:</i> Ký họ Hồng Bang (2879 – 208 tr. CN)	30
<i>Quyển II:</i> Ký Ngoại thuộc Triệu (207 – 111 tr. CN)	52
<i>Quyển III:</i> Ký Nội thuộc Tây Hán (110 tr. CN – 39 sau CN)	70
Ký Trung Nữ Vương (40 – 42)	72
Ký Nội thuộc Đông Hán (43 – 209)	76
<i>Quyển IV:</i> Ký Nội thuộc Ngô, Tống, Tân, Tề Lương (210 – 540)	84
<i>Quyển V:</i> Ký Tiền Lý (541 – 602)	101
<i>Quyển VI:</i> Ký Nội thuộc Tùy Đường (603 – 906)	114
<i>Quyển VII:</i> Ký Nam Bắc phản tranh (907 – 938)	137
Ký nhà Ngô (939– 967)	141
 BẢN KÝ	
<i>Quyển I:</i> Ký nhà Đinh (968 – 980)	151
Ký nhà Lê (981 – 1009)	166
<i>Quyển II:</i> Ký nhà Lý (chép từ năm 1010 đến 1054)	192
<i>Quyển III:</i> Ký nhà Lý (chép tiếp, từ năm 1054 đến 1138)	233
<i>Quyển IV:</i> Ký nhà Lý (chép tiếp, từ năm 1139 đến 1225)	278
<i>Quyển V:</i> Ký nhà Trần (chép từ năm 1226 đến 1293)	319
<i>Quyển VI:</i> Ký nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1294 đến 1329)	389
<i>Quyển VII:</i> Ký nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1330 đến 1369)	430
<i>Quyển VIII:</i> Ký nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1370 đến 1388)	462
Phu: Hồn Đức Công Dương Nhật Lê	462
<i>Quyển IX:</i> Ký nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1389 đến 1406)	487
Phu: Hồ Quý Ly, Hán Thương	506
<i>Quyển X:</i> Ký Hậu Trần (1407 – 1413)	524
Ký thuộc Minh (1414 – 1427)	540
 SÁCH DÂN (Hướng dẫn tra cứu tên người, tên đất, tên sách)	
	567

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

Chủ trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Bìa tập nội dung:
NGUYỄN DUY CHIẾM

Bìa tập kỹ thuật:
HOÀNG TRƯỜNG

Sửa bàn in :
DUY CHIẾM

Bìa :
NGÔ ĐỨC HẢI

In 500 cuốn tại Xí nghiệp in Khoa học và Công nghệ
Giấy phép xuất bản số: 145/CXB cấp ngày 19/2/1997
In xong và nộp lưu chiểu 8/1997.